LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 186

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

SỐ 2061
(QUYỂN 11 →30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2061

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

Tả Nhai Đại Sư Thông Tuệ trụ chùa Thiên Thọ, đời Tống,
Tứ Tử Sa-môn Tán Ninh v.v... vâng chiếu kính soạn.

QUYỂN 11

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 4 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có hai mươi mốt vị, phụ có bốn vị).

1. Truyện ngài Tự Tại trụ núi Phục Ngưu ở kinh đô Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Tự Tại, họ Lý, người ở xứ Ngô Hưng. Lúc sanh Sư có điềm kỳ lạ, khi vừa khôn lớn, mỗi lúc ngồi thì Sư bắt chân kiết già, người thân lấy làm lạ. Sư giã từ cha mẹ, đến xin xuất gia ở Kính Sơn, thọ giới cụ túc tại Tân Định. Đến lúc du phương tham học, Sư theo pháp tich của Thiền Sư Đạo Nhất ở Nam Khương, mở giải chân tông, vượt hẳn đồng bạn, Đạo dự Khổng Chiêu, đi đứng ưu du, thường ẩn trong hang núi. Thiền lữ bốn phương tìm đến rất đông.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), Sư ở tại Hương Sơn thuộc Lạc Kinh, cùng với Thiền sư Thiên Nhiên kết bạn không trái nghịch. Sư thường thích đến các cảnh xưa, nghĩ có được vết tích của các bậc Tiền Hiền để ưa thích quan sát, như tại núi Long Môn thấy được chỗ Tam Tạng Pháp sư dịch kinh vào thời Hậu Ngụy, tại núi Vương Ốc thấy được

nơi Hổ đấu của Thiền sư Trù, ở núi đó uống nước suối ngọt nên đổi tên thành chùa Cam Tuyền. Tại Tung Sơn là suối Ngựa quỳ của Pháp sư Phạm, Sư ở mà không đắm luyến, Sư có soạn "Tam thương ca", từ ý đều hay đẹp. Cảnh tỉnh khai mở kẻ mê mờ, có lợi ích ở đời trước.

Khoảng đầu niên hiệu Càn Đức (963..., thời Bắc Tống), tại đất Thục, dòng họ Vương, có Tiểu Quân Sứ Trần Công lấy vợ và các cháu gái của Cao Trung Lệnh Biền. Như người giữ giới bất sát hơn hai mươi năm, sau ở tại đất Thục làm Nam hôn thú, lễ phải giết hại. Ban đầu Cao không muốn. Thân thích bà con nói: "Tự mình giữ giới, hành lễ đãi rượu, thì lấy gì làm vui khách". Cao trái phạm trong chốc lát bèn có nhiều nguy hại, bỗng nhiên chưa tới mười ngày mà mắc bệnh rất lạ, miệng chỉ nói hoảng, như thế qua ba đêm rồi sống lại, kể lại việc ở minh giới rằng: "Ban đầu bị kẻ sứ mặc áo đen đuổi bắt đem vào miếu Thành Hoàng ở Kỳ Phủ. Thần miếu mặc áo tay rộng, đội mũ cao cùng với một võ sĩ mặc áo giáp vàng ngồi đối mặt nhau, kẻ sứ dẫn Cao đến gặp Thần. Võ sĩ nói năng lăng xăng, khiển trách Cao phá giới. Bèn chèn giữ lấy cổ tay quát mắng: "Ta là thần tướng hộ giới, vì ngươi hai mươi năm ăn ngủ không rảnh, đâu ngờ bỗng dưng ngươi chợt khởi tâm giết hại, chóng khuyết giới kiểm. Mạng sống ngươi tuy chưa hết mà tội cũng rất sâu nặng, phải đưa đến minh ty để trừng phạt tội cố phạm ấy". Thần Thành Hoàng hỏi Cao rằng: "Ngươi còn tu pháp lành gì để chuộc lại lỗi lầm chăng?" Cao tuy thường tụng Kinh "Thượng Sanh" rất nhiều biến, đến lúc hoảng hốt đó đều không nhớ biết. Trong khoảng khắc lo sợ, Cao thưa rằng: "Tụng được Tam Thương tụng, Nhất Bát Hòa-thượng ca", bèn chấp tay hướng về Thần, gắng tiếng mà niệm. Thần và võ sĩ đều rung tai chống tay đứng nghe, nhan sắc dần dần vui vẻ, đến hết chương thần đều rơi lệ. Mới nói với Cao rằng: "Tha ngươi trở về nhân gian, nhưng phải tha thiết tu đạo pháp lành". Cao vái từ chưa xong, bỗng nhiên ngồi dậy trình bày sự việc như thế. Từ đó, hai bài ca tụng "Tam thương" và "Nhất bát", mọi người đều truyền viết đọc tụng. Bài Nhất Bát Hòa-thượng, ca từ hợp với lý, khuyên nhủ suy nghĩ rất sâu sắc, nhưng văn thể quá vắn tắt, không bằng điển nhã của bài Tam Thương.

Trở lại, Sư sai đệ tử đến Giang Nam chọn lựa nơi núi non đẹp nhất, bảo: "Ta nguyện sang đó ở tới già!" Đệ tử đến huyện Đô Xương; thuộc Giang Châu, thấy có rừng suối tốt đẹp nên trở về báo lại. Trên đường đi trải qua huyện Diệp, kẻ tăng người tục thỉnh Sư ở lại, đến chùa Khai Nguyên ở Tùng Châu Sư thị tịch, thọ tám mươi mốt tuổi. Nhằm niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821).

Liên hệ thử bàn:

Xét theo các luật tạng, người xuất gia phạm giới thì vời lấy hai tội: 1. là trái với Phật chế, và 2. là thẳng vào nghiệp đạo. Ông Cao là người cư sĩ vốn không thọ giới, không trái phạm lỗi lầm với Phật chế, chỉ có tội nghiệp đạo, đâu được có thần hộ giới? Huống gì ông Cao đã giữ giới bất sát thì thầm cảm quả sanh thiện của chỉ trì vô tác. Nhân tốt đẹp hay có đến cuối cùng gặp phải u trách. Xin báo cùng các vị trong năm chúng đệ tử Phật phải sợ thần Hộ giới là vậy đó. Ngay thế giới sáng tỏ thì có giới pháp, trong thế giới âm thầm thì có quỷ thần.

Kế nữa có ngài Thích Nam Ấn trụ chùa Nguyên Hòa Thánh Thọ, ở phủ Thành Đô. Sư họ Trương. Tánh thức sáng suốt, thọ học ích lợi không thỏa mãn. Sư được ý chỉ sâu mầu của Tổ Tào Khê mà không lấy làm sở chứng. Sư đến gặp thầy ở chùa Tịnh Chúng, chỗ gọi là “Gấm rơi máy rửa để mài thêm, Rồng ngậm đuốc đi mà phá tối”. Sư từ Giang Lăng đi đến đất Thục, ở phía Nam Giang Thục, Sư cắt cỏ kết am, Tăng chúng đều quy ngưỡng dần thành chùa Phật.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Cao Tư Không Sùng Văn Bình sau khi cởi mở, đổi tên chùa là Nguyên Hòa Thánh Thọ, ban đầu tên là Bảo Ứng. Sư hóa duyên sắp mãn, đến đầu niên hiệu Trường Khánh (821), Sư thị tịch, xây tháp an táng trong chùa. Trong thời Pháp nạn Hội Xương, tháp bị phá hủy. Đến niên hiệu Đại Trung (847-860), Sư phục hồi lại trên nền cũ chùa Bảo Ứng ở Giang Bắc, xây dựng chùa nầy và lấy lại tên Thánh Thọ. Sư có đệ tử nối dõi là Ngài Nghĩa Phục, phục hưng thiền pháp.

2. Truyện ngài Vô Nghiệp trụ chùa Khai Nguyên ở Phần Châu, thời Tiền Đường:

Thích Vô Nghiệp, họ Đỗ, người ở xứ Thượng Lạc, thuộc Thương Châu. Mẹ của Sư họ Lý, bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Xin ở nhờ được chăng?” thế rồi mang thai, đêm sanh ra Sư có ánh sáng khác lạ soi chiếu khắp phòng. Đến tuổi nhi đồng, Sư chẳng ham thích vui đùa, đi thì nhìn thẳng, ngồi thì kiết già. Sư đến chỗ chúng tăng, mọi người thấy đều ngợi khen “đây là bậc pháp khí vô thượng, nên mau cho xuất gia để tiếp nối làm ngời sáng Tam bảo”.

Năm chín tuổi, Sư thưa với cha mẹ: “Xin được nương tựa Thiền sư Chí Bổn ở chùa Khai Nguyên trong bổn quận”. Và Sư được ngài trao cho các Bộ kinh Kim Cương, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, Hoa Nghiêm v.v... Cứ năm hàng trở xuống, Sư tụng một lần không sót. Năm mười hai

tuổi, Sư được xuống tóc xuất gia. Hễ tham dự ở các trường giảng tịch, hễ Sư nghe liền hiểu. Những bạn đồng học có điều chưa hiểu, Sư tùy theo đó mà mổ xẻ khiến đều đến được cửa huyền. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc với Luật Sư U ở Tương Châu. Đối với bộ Tứ Phần Luật sớ, chỉ qua một mùa hạ tập học, Sư có thể diễn giảng lại. Sư kiêm giảng kinh Niết-bàn cho chúng tăng nghe, pháp hội mở hoài, đông hạ chẳng mỏi mệt. Có thể gọi Sư là: "Đạo Sanh Tăng Triệu chẳng mất, Tuệ Lâm Tuệ Viễn phục hưng".

Sau, Sư nghe (vị đệ tử) Thượng Thủ của Thiền sư Đại Tịch ở Hồng Châu đặc biệt đến chiêm lễ. Thân vị nầy cao hơn sáu thước, đứng như ngọn núi, mắt nhìn thẳng ngưng tròng hé mắt, tiếng nói như hồng Chung. Ngài Đại Tịch mới một lần gặp, lấy làm lạ, cười mà nói rằng: "Điện Phật cao ngất trong đó không có Phật". Khi đó, Sư đảnh lễ, quỳ thưa rằng: "Đến như văn học Tam thừa, ý chỉ từ thô đến tế, thường nghe ở cửa thiền nói "tức tâm là Phật", thật sự con chưa thể hiểu". Ngài Đại Tịch bảo: "Chỉ chưa rõ đáy tâm chính là. Vật khác thì không, khi chưa hiểu tức là mê, nếu hiểu được tức là Ngộ. Mê tức là chúng sanh, ngộ tức là Phật. Chẳng lìa chúng sanh có Phật đâu riêng. Cũng như tay nắm lại thành quyền, quyền hoàn toàn là tay: "Ngay lời nói đó, Sư hoát nhiên khai ngộ, tuôn lệ buồn khóc, hướng nhìn ngài Đại Tịch mà thưa rằng: "Vốn là Phật đạo lâu dài, phải trải qua nhiều kiếp mới được thành. Ngày nay con mới biết pháp thân thật tướng vốn tự đầy đủ. Tất cả muôn pháp từ tâm sanh khởi, chỉ có tên gọi mà không thật có". Ngài Đại Tịch bảo: "Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả pháp tánh, bất sanh bất diệt, tất cả các pháp vốn tự vắng lặng. Trong kinh nói rằng: "Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng". Hay là: "Rốt ráo đều là nhà vắng lặng". Hay là: "Các pháp không làm tòa". Đó tức là các Đức Phật Như Lai trụ ở chỗ Vô sở trú. Nếu biết được như thế tức là đang ngồi tòa pháp; ở nhà vắng lặng. Giở chân lên, đặt chân xuống chẳng lìa đạo tràng. Ngay lời nói đó liền rõ, không còn thứ lớp. Đó gọi là chẳng động chân mà lên núi Niết-bàn".

Sư đã được truyền Tâm Ấn, liền đến Tào Khê, đảnh lễ Tháp Tổ, trở về vân du tới Lư Nhạc, Thiên Thai, cho đến các danh sơn, Sư tìm khắp các Thánh tích. Từ Lạc kinh đến Ung Châu, Sư dừng nghỉ tại chùa Tây Minh. Tăng chúng đều muốn đề cử thỉnh Sư sung nhậm "Lưỡng Nhai Đại Đức". Sự im lặng, than rằng: "Gần gũi các bậc Quốc Vương Đại Thần, chẳng phải chí ý của tôi!". Từ đó, Sư đến Thượng Đang, Tiết Độ Sứ Tướng Quốc Lý Bảo Chân cùng Mã Toại đã có nhiều chiến

công, lại khởi phát Vương Võ Tuấn đồng phá chu thao, công nhiều thế lớn, nhưng thích nghe đến những bậc Hiền thiện. Tuy ngoài ngàn dặm mà thường mang lễ vật đến cúng dường. Rất kính trọng danh hạnh của Sư, nên sớm tối chiêm lễ, cờ phướn tới lui. Sư thường tỏ vẻ mỏi mệt, nói với môn nhân rằng: "Ta vốn lánh Thượng Quốc, đông đúc danh lợi. Nay đây lại phiền tiếp quân hầu, làm vui lòng được ư!" Nói xong, Sư tự tại đi lên chốn cao xa, ôm lấy bụng núi. Sư lại sang núi Thanh Lương, trụ chùa Kim Các, đọc xem Đại Tạng kinh. Tám sao đầy trời, nguyện ấy mới xong. Sư lại chấn tích xuống phương Nam, đến Tây Hà, lúc đầu, Ngài dừng ở chùa Chúng Hương. Đổng thúc ở Châu Mục thỉnh Sư trụ tinh xá Khai Nguyên, Sư nói với đệ tử rằng: "Từ khi ta đến đây, không còn có ý Du phương nữa, há là ta có duyên ở đây ư?"

Từ đó, Sư gióng chuông cáo chúng, làm sư tử hống, tuôn pháp mưa lớn, suốt hai mươi năm, tinh phần dân chúng đều được ảnh hưởng sự giáo hóa của Sư. Vua Hiển Tông lên ngôi đến năm thứ 14 (820), vốn cảm hưởng ân đức của Sư, mới ban chiếu thỉnh mời vào nội cung. Sư lấy cớ bệnh mà khước từ chẳng đi. Năm sau, nhà vua lại ban sắc luân chỉ, Sư cũng nói bệnh như trước. Năm vua Mục Tông mới lên ngôi (821) tâm vua kính trọng, nghĩ muốn được một lần chiêm lễ, mới bảo Lưỡng Nhai Tăng Lục Linh Chuẩn Công, từ xa mang sắc chỉ đến đón rước, Linh Chuẩn đến đảnh lễ, thưa với Sư rằng: "Biết Sư tuyệt trần ngoài vật, việc tục là trấu lép. Pháp Giao Quốc Vương đã lo chín muồi, cầu thỉnh Sư. Ân chỉ này mang trở về, chẳng sánh lúc thường, xin Sư hãy thuận theo lòng trời, không nên lấy cớ bệnh mà khước từ, hợp thời mà động, chẳng hệ lụy người sau!" Sư cười, bảo: "Bần đạo có đức gì mà phiền lụy đến Thánh chúa, đi thì đi vậy, nhưng đường đi có khác".

Khi đó, Sư cạo tóc, tắm gội. Đến nửa đêm, Sư bảo các đệ tử Tuệ Âm v.v... rằng: "Tánh thấy nghe hay biết của các ông cùng với thái hư đồng thọ mạng bất sanh bất diệt. Tất cả cảnh giới vốn tự vắng lặng, không một pháp nào thật có. Người mê chẳng rõ tức là bị cảnh mê hoặc, một lúc bị cảnh làm mê thì trôi lăn không cùng. Các ông thường biết tâm tánh vốn tự có, chẳng do Nhân duyên tạo tác mà thành, Nó như kim cương không thể phá hoại. Tất cả các pháp như hình bóng như tiếng vang, hoàn toàn không thật có. Nên trong kinh nói: "Chỉ có một sự thật, ngoài ra có hai thì chẳng phải chân. Thường rõ tất cả là không, không có một vật. Ngay nơi hữu tình là chỗ các Đức Phật dụng tâm. Các ông phải siêng năng thực hành!" Nói xong, Sư ngồi kiết già, an nhiên thị tịch. Than ôi! Có thể nói "Đây là sanh tử được tự tại". Sư thọ sáu mươi

hai tuổi, bốn mươi hai Hạ lạp.

Kẻ tăng người tục gào khóc kính mến như chịu tang cha mẹ, bèn sắm đủ hương hoa phan phướn, đón rước toàn thân Sư đến Luyện-nhã ở phía Tây thành, chất củi thơm mà cử hành lễ trà-tỳ. Có vầng mây từ trời, năm mầu ngưng tụ giữa hư không, mùi hương lạ từ phía Tây bay đến xông ngát khắp nơi, các hàng sĩ thứ ở miền quê thảy đều nghe thấy. Đến lúc củi tàn lửa tắt, hiển bày xá-lợi như châu ngọc. Các đệ tử Tuệ Âm, Hạnh Cần, Kiền Túng, Nghĩa U, Nguyên Độ, Hằng Thái v.v... khóc than, liệm vào kim quan, bảo thợ đất Dĩnh chạm đá làm tháp. Đến ngày 21 tháng 12 niên hiệu Trường Khánh thứ 3 (823), an táng tại sân Luyện-nhã.

Năm Sư thị tịch, Châu Mục Dương Tiềm được Tăng Lục Linh Chuẩn kể lại việc đó, bèn làm bia soạn văn khen ngợi. Vua Mục Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Đại Đạt Quốc Sư", tháp hiệu là "Trừng Nguyên".

3. Truyện ngài Như Hội chùa Đông, ở Trường Sa, thời Tiền Đường:

Thích Như Hội, người xứ Thỉ Hưng, thuộc Thiều Châu. vào niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Sư nương tựa dưới Pháp tịch của Thiền sư Quốc Nhất, sau trở về pháp tòa của Thiền sư Đại Tịch. Bấy giờ, Thiền khách ngưỡng mộ, quyết cầu tâm yếu, nên trong tăng đường giường chõng vì thế mà thiếu gãy. Bấy giờ gọi là "Hội gãy giường", còn gọi là "giường tạc Phật".

Sau, Sư theo lời mời đến trụ chùa Đông ở Trường Sa. Từ lúc Thiền sư Đại Tịch thị tịch, là lúc đảnh cao hưng thạnh pháp môn của Sư không ai hơn được. Nên ngạn ngữ có câu: "Chùa Đông là Hang Thiền", suy đoán có thể biết. Bấy giờ, Tướng Quốc Thôi Công Quần kính mến đạo phong của Sư, nên đến tham yết tận chùa. Ngài đối đáp rành rẽ, từ hợp thấu lý. Từ đó mà kết bạn thầy trò. Ban đầu Thôi Công Quần cùng với Hoàng Phụ Bác bàn nhau tấu trình tôn xưng hiệu Sư lên vua Hiến Tông. Vì bị Hoàng Phụ Bác dắt ra làm quán sát ở Hồ Nam. Nhàn dự quy tâm về Sư.

Đến năm Quý mão (823) thuộc niên hiệu Trường Khánh (821-825) thời vua Mục Tông, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi tuổi. Khi ấy, suối giếng cạn khô, có mùi hương lạ xông lên thơm ngát, nhập tháp ở phía Nam thành. Liêm Sứ Lý Cao đập phá hết các tháp mộ gần thành, chỉ để lại Bảo tháp Sư mà thôi. Và lấy bút đề rằng: "Chỉ để lại ngôi

này để phân biệt hiền ngu". Lưu Thiện Bộ Kha soạn văn bia. Vua Mục Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Truyền Minh Đại Sư", tháp đề là Vĩnh Tế, cũng gọi chỗ Sư ở là "Giáp Sơn Hòa-thượng".

4. Truyện ngài Thiên Nhiên trụ ở núi Đan Hà ở Nam Dương, thời Tiền Đường:

Thích Thiên Nhiên, không biết Sư là người xứ nào. Thuở thiếu thời, Sư vào pháp môn mà tính bướng bỉnh. Sư đến tham kiến Thiền sư Thạch Đầu, Thiền sư lặng thinh chấp nhận, nghĩ với tự thể Sư được thật nên đặt tên là Thiên Nhiên. Sư đích thân làm việc bếp núc suốt ba mươi năm mới cạo tóc, mặc pháp phục. Sau, Sư đến luật sư Hy ở chùa Nhạc thọ giới cụ túc, Sư đến pháp hội của ngài Đại Tịch ở Giang Tây, ngài Đại Tịch dùng ngôn từ mà khuyến dụ, Sư ứng đáp nhã chánh. Ngài Đại Tịch rất lấy làm lạ. Kế đó, Sư lại đến trụ Hoa đảnh, thuộc Thiên Thai ba năm. Sư lại tham lễ Đại sư Quốc Nhất.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), Sư lên Hương Sơn, thuộc Long Môn, cùng với Thiền sư Phục Ngưu kết bạn vật ngoại. Sau, Sư ở tại chùa Tuệ Lâm, gặp lúc rét lạnh, Sư bèn đốt tượng Phật bằng gỗ để sưởi ấm. Có người chê trách việc đó, Ngài bảo: "Tôi trà-tỳ tìm xá-lợi!" vị ấy nói: "Ở trong gỗ làm gì có xá-lợi?" Sư lại bảo: "Nếu vậy, sao lại trách tôi ư?"

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 3 (808), vào một buổi sáng, Sư đến nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Gặp Lưu Thú Trịnh công đi ra, quở trách Sư chẳng đi. Từ từ, Sư mới ngửa mặt, bảo: "Tôi là Tăng vô sự". Lưu Thú thấy làm lạ, bèn dâng hai chiếc áo trắng; hằng tháng cung cấp gạo bún, khắp ở Lạc Kinh, mọi người đều quy ngưỡng kính tin. Đến mùa xuân niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 (820), Sư nói: "Ta nhớ tưởng đến suối rừng!" Rồi bèn vào Nam Dương cất am ở núi Đan Hà.

Đến tháng 6 niên hiệu Trường Khánh thư 4 (824), Sư bảo môn nhân rằng: "Hãy chuẩn bị tắm gội, ta sắp đi xa!" Nói xong, Sư đội nón, sách gậy và giày cỏ, thòng một chân xuống chưa tới đất thì thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Thiên Bộ Viên Ngoại Lang soan văn bia, ghi lại đức hạnh Sư. Vua Mục Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Trí Thông Thiền Sư", tháp hiệu là "Diệu Giác".

5. Truyện ngài Thái Dục ở núi Phù Dung thuộc Thường Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thái Dục, họ Phạm, người ở xứ Kim Lăng. Mới mười tuổi

Sư đã phát chí xuất gia, bèn đến lễ bái Thiền sư Trung ở núi Ngưu Đầu và thờ làm thầy. Từ đó, Sư tinh tấn mạnh mẽ, cầu được huyền chỉ. Pháp khí sáng rỡ bên ngoài, thần dung bền chặt ở trong. Thấu suốt Nhất thừa, đầy đủ muôn hạnh, Sư sang chùa An Quốc ở Ung Kinh cầu thọ giới cụ túc, vẻ vang xuất chúng. Lại thêm oai nghi khoan thai, tướng đẹp lạ thường, như biển cả đâu thể đo đạt, tợ hư không khá chẳng so lường. Sư đến tham lễ khắp các đạo tràng, nhưng nhiếp tâm ở cảnh tịnh. Tuy trí năng thông đạt, nhưng không nương nhờ thầy, mà ấn khả chứng minh hẳn do Tiên giác. Sư bèn đến tham yết Thiền sư Đại Tịch ở Hồng Tỉnh. Vừa thấy tướng Ngài, Sư đã liễu đạt pháp thân, chỉ khoảnh khắc mà chóng thành Đại giác.

Bấy giờ, Phật pháp thạnh hành trong nước, chẳng đâu bằng ở Hồng Phủ. Dưới tòa các bậc Hiền Thánh kề vai nhau đắc đạo, số đó rất nhiều. Ngài cùng Thiền sư Thiên Triệt, Thiền sư Đại Tuyên giáo, Thiền sư Đại Trí đều là những vị quan trọng. Sư vân du khắp Nam Bắc, không hề lo sợ, khiến thêm rộng thấy nghe, tập quen nuôi dưỡng mầm Thánh.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (819), Sư tới dừng trụ tại núi Phù Dung, ở Nghĩa Hưng, thuộc Tỳ Lăng, nên được trụ ở núi, Sư gây duyên tạo nhân, có ứng mà không mê đắm, nên chỗ Sư ở thì có cảm hóa và nơi Sư đến thì có người ưa thích tu theo. Tăng tục cùng nhau kính ngưỡng, cảm động đến hàng muôn người. Từ đó, mọi người ở Giang Nam ngộ được lý thiền có đông nhiều. Bấy giờ, Tướng Quốc Thôi Công Quần bị thất thủ ra phân ty. Sau vì Hoa Châu, từ Tam Phong mà ra trấn giữ Tuyên thành. Chỗ đất ấy tuy gần mà người thì xa. Thôi Công rất ưa thích lễ yết, dốc lòng thành thật cầu thỉnh, Sư vì lòng cảm niệm mà hiện tâm đại bi, không đâu chẳng muốn thành quả, nên tùy duyên du phương.

Niên hiệu Bảo Lịch thứ nhất (825), Sư thuận mạng đến trụ chùa Thiền Định tại Uyển Lăng. Tùy thuận mà mở mang giáo pháp. Năm sau, Sư cáo lui về núi Tề Vân. Đến ngày mồng một tháng 9, sắc tướng Sư chẳng đổi thay mà bỗng nhiên thị tịch tại viện ở núi ấy, thọ tám mươi tuổi, năm mươi tám hạ lạp.

Ngày đó, đất trời như thảm sầu, cỏ cây như đổ ngã, chim thú buồn kêu, mây suối sờ sửng, từ tăng chúng cho đến sĩ thứ dường như trẻ thơ mến tiếc khắp cùng. Qua tháng 10 dừng thần tại sân viện, theo chỗ nên làm. Các đệ tử Chí Phu, Khế Chân, Thanh Cán v.v... bùi ngùi khóc than: "Thầy ta thị tịch, mà đàn hậu học đang còn!" Đến niên hiệu Thái Hòa thứ 2 (828) Tướng Quốc Vi Xử Hậu vốn kính chuộng huyền phong, đạo

tâm thuần thục, đem sự việc tấu trình, vua kính Tông ban giáng đức âm, dùng thù lễ khen thưởng, truy tặng thụy hiệu và tên tháp. Việt Châu Thứ Sử Lục Tuyên cầm bút soạn luận.

6. Truyện ngài Đàm Tạng ở Lan-nhã Tây Viên thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Tạng, không biết Sư là người xứ nào. Sư đắc thiền quyết với Thiền sư Đại Tịch. Sau, lại tham kiến Thiền sư Hy Thiên Thạch Đầu. “Cái gọi là tái nhiễm là mầu đỏ”.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), Sư lánh đến Xung Nhạc, dừng ẩn trên chóp núi. Cuối năm đó, Sư bị đau ở chân nên dời xuống cất am ở Tây Viên. Mọi người đến tham cầu, lễ thỉnh rất đông. Đến niên hiệu Thái Hòa thứ nhất (827), Sư thị tịch tại núi, thọ bảy mươi tuổi.

Trước đây, Sư có nuôi một con chó rất linh. Một đêm, Sư kinh hành ngồi nghỉ ở tòa thì nó ngậm y Sư về phòng và nằm ở ngạch cửa và sủa mãi không dứt tiếng, thân mình luôn phấn phát với thế dữ dằn. Đến sáng ra trông xem thì tại Đông trù có con trăn rất lớn, thân dài mấy trượng, cuộn quanh nhà nhỏ, vì vậy rất cao lớn. Nó há miệng thẳng tiếng gầm gừ tỏa khí độc mịt mờ. Vị thị giả vào thưa Sư nên gấp lánh đi. Ngài bảo: “Chết mà có thể trốn đi xa được sao? Nó nhả độc ra thì ta dùng lòng từ mà nhận lấy. Độc không tự tánh, kích động thì cương. Lòng từ nếu là vô duyên thì oán thân một đường. Không người không ta, pháp tánh đều không”. Ngài nói xong, con trăn đó nép đầu, từ từ lánh đi, tự nhiên không thấy nữa. Lại, có một đêm, bọn cướp đến, con chó cũng ngậm y của Sư. Ngài nói với bọn cướp rằng: “Các ông, Lão già này ở nhà tranh trong núi. Các ông có ý lấy vật gì cứ lấy đi, để khởi có chút tiếc rẻ”. Bọn cướp cảm kích lời nói đó, bèn phân tán xuống núi.

Kế nữa, có ngài Thích Linh Thoán trụ chùa Vĩnh Thái ở Kinh Châu. Sư họ Tiêu, người ở xứ Lan Lăng. Con cháu đời sau của Sư vào thời Hậu Lương (907-923) bị nhà Chu tận diệt, chi thuộc tinh phần. Cha của Sư lúc ở Trường Sa, làm Biên Độ. Khi sanh ra thì Sư đã có chí xuất trần. Với các Thiền hội, ít nơi nào chẳng đến, sống đơn sơ đạm bạc, ưu du tự tại.

Niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821), Sư trụ tại chùa Bách Gia. Sau đó không lâu, Sư đi bộ đến Giang Lăng, Thái Thú Vương Tiềm thỉnh Sư đến trụ chùa Vĩnh Thái. Đến ngày 23 tháng 6 niên hiệu Thái Hòa thứ 3 (829), Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Xây tháp tại Bắc Châu, hiện nay vẫn còn.

Lại có ngài Thích Siêu Ngạn, người ở xứ Đan Dương. Trước tiên, Sư gặp Thiền sư Tố ở Hạc Lâm. Sư ở trong chúng, chỉ cung kính im lặng mà thôi. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 2 (743) Sư đến Lan-nhã ở Phủ Châu, được Thiền sư Đại Tịch khai phát. Người học khắp bốn phương cùng nhau đến nương tựa.

7. Truyện ngài Vô Đẳng trụ viện Đại Tịch, ở Ngạc Châu, thời Tiền Đường:

Thích Vô Đẳng, họ Lý, nay là họ uất; ở Đông Kinh. Sư mang chí siêu việt, từ khí trinh chánh. Thuở thiếu thời, Sư theo cha làm quan ở Nam Khương. Sư luôn đến thăm viếng các chùa, kính mến chư tăng, chiêm lễ tượng Phật. Hễ Sư sang chùa thì quên về. Sau khi xuất gia, Sư gặp được Thiền sư Đạo Nhất ở núi Cung Công; nơi có học chúng rất đông. Sư cầu pháp ở đó chỉ một thời gian, đã vượt trội hơn cả.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (812), Sư đến Hán Thượng. Sau, đến Võ Xương, thấy núi Hoàng Hộc ở quận Tây đẹp đẽ khác lạ, bèn dựng am đi khất thực. Từ đó, những người kính chuộng huyền lý ở các xứ Ba Thục, Kinh, Tương, không nơi xa nào chẳng tìm đến. Niên hiệu Thái Hòa thứ nhất (827), Thuộc Tướng Quốc Ngưu Công Tăng Nhụ ra trấn giữ vùng Tam Giang, nghe hương đạo của Sư xông khắp xa gần, bèn mạng xa giá uốn mình tới hỏi. Phong Hổ cùng phải vì pháp mà trọng người. Ngưu Công lo ngại Lan-nhã ấy chẳng thuộc danh tịch nên đặc biệt vì Tần đề là "Đại Tịch", tấp nập qua lại, đường pháp không có hư vị. Đến tháng 10 niên hiệu Thái Hòa thứ 4 (830), Sư thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Đệ tử Thệ Thông đón rước toàn thân Sư nhập tháp.

8. Truyện ngài Minh Giác ở viện Thiên Khoản, núi Thiên Mục, thời Tiền Đường:

Thích Minh Giác, họ Du, người ở xứ Hà Nội. Ông nội của Sư làm quan ở Lãnh Nam, sau dời đến làm người Kiến Dương. Sư là con nhà Nho, phong lưu chứa nhóm, thích thưa hỏi, mong cầu hiểu biết, không hề mệt mỏi, sớm mang tánh đạo.

Nghe Thiền sư Đạo Nhất đang lãnh chúng hành trì thiền pháp tại Phật Tích, Sư bèn tìm đến đó và được nương tựa, xuống tóc xuất gia. Từ đó, Sư phát nguyện du phương. Các nơi như Hành nhạc, Thiên Thai, Tứ Minh, Sư đều đến thưởng thức pháp vị. Sư lại đến Kính Sơn, lưu tâm thỉnh cầu quyết trạch, qua vài năm vác củi mà mặt nám tay chai. Sư xuống núi, đến chùa Đại Vân ở Hàng Châu, cấm túc trong viện. Rồi

tiếp tục dời đến bờ hồ trên đảnh Thanh Sơn, cất am mà ở. Chúc Phạm Dương Lư Trung thừa nghe đạo phong của Sư mà đích thân đến tham yết mời Sư về trụ trì chùa Đại Vân ở Châu Trị.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 (821), Ngài lánh hiềm, xa ồn náo, nên đến ẩn cư tại núi Thiên Mục, núi đó Kỳ lạ khác thường, gò nền cao dài vượt qua trên bốn Quận, dưới có đầm rồng sâu chẳng lường được, quái vật thường hay xuất hiện, trong đó có con nai trắng, chất lông lạ thường, người dân ở đó gọi là thần núi. Sư trốn ở trong đó, các Đàn Việt vì Sư mà dựng lập Thiền Vũ.

Từ mùa xuân đến mùa đông niên hiệu Trường Khánh thứ 3 (821) cho mãi sang tháng 2 năm sau, trời nắng hạn, lửa đồng bốc cháy cuồn cuộn như muốn thiêu đốt am viện, tăng chúng sợ hãi, Sư bảo: "Ta có duyên với núi này, lửa sẽ mau tắt thôi". Chỉ chốc lát, sấm sét nổi đùng, chợt có mưa khiến lửa tắt hết, khắp nơi xa gần đều kinh ngạc khen ngợi.

Đến ngày 19 tháng 7 niên hiệu Thái Hòa thứ 5 (832), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch.

9. Truyện Viên Tu núi Tần Vọng, Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Viên Tu, họ Phan, người ở đất Mân, thuộc Phước Châu, khi mới sanh ra Sư đã có tánh khác thường, đến lúc trưởng thành càng tuấn tú hơn, bỗng nhiên Sư nghĩ muốn dứt tục, tìm thờ danh sư, cắt tóc đổi y. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Hội thiện ở Tung Dương. Thế rồi, oai nghi phô bày, hình dung ngày một đời mới, quyết đức nghiên cùng kinh luận, tự nhiên Sư ước muốn du phương, gặp được Thiền sư Hoài Hải ở núi Bạch Trượng, căn giáo phù hợp, bèn rõ tâm yếu. Sư ôm bát chống tích mà đến Hàng Châu, thấy núi Tần Vọng với thế cao vời, có cây tùng già cánh nhành sầm uất, Sư bèn dừng ở trên ngọn thông. Bấy giờ, cảm kích loài chim thước lại làm ổ ở cành ngang. Người vật đều quên, loài lông cánh quen dần. Từ đó, Sư chẳng xuống núi, gần bốn mươi năm. Mỗi một Thái thú đến trấn nhậm thì bèn đến chiêm ngưỡng, xưng gọi Sư là "Điểu sào Thiền Sư".

Mãi đến đầu niên hiệu Nguyên Hòa (806), Bang Bá Bùi Thường Lệ kính trọng đạo phong của Sư, nên đến ba bốn lượt thỉnh Sư xuống cất am. Sư hoặc vì người tới tham thỉnh mà nói pháp. Bùi Hầu sai tám vị thuộc Tể Quan chung sức xây dựng Già-lam, phế bỏ biển ngạch, đề là "Chiêu hiền, dựng ở đó. Đến ngày 22 tháng 9 năm Quý sửu, tức niên hiệu Thái Hòa thứ 7 (833), Ngài ngồi thẳng an nhiên thị tịch, thọ

chín mươi chín tuổi, tám mươi hạ lạp. Nhiều Quan Chính Lương Thú ở Hoàng Châu đều hết lòng kính trọng, thuế giá dựng che, thỉnh đàm luận Huyền Cực, bất chợt đổi chức thay giờ. Nay tháp thờ Sư hiện còn ở dưới núi Thạch Tằng. Sa-môn Duy Trinh ở Nam Nhạc làm bài minh cho tháp. Gần đây có bọn cướp phát hiện tháp đó còn nhiều thứ quái lạ, chỉ thâu nhặt được bài bia ký mà thôi.

10. Truyện ngài Phổ Nguyện ở viện Nam Tuyền thuộc Trì Châu, thời Tiền Đường:

Thích Phổ Nguyện, họ Vương, người ở xứ Tân Trịnh, thuộc Trịnh Châu. Tổ tông của ngài Đại Tịch là ngài Hoài Nhượng ở viện Quán Âm, thuộc Nam Nhạc, ngài Hoài Nhượng lại là đệ tử của ngài Tuệ Năng ở Tào Khê. Đối với Sư (Phổ Nguyện) là Thái Phụ, nên cao tằng của Sư có thể biết được. Và thiền của Nam Tuyền có bắt đầu từ đó.

Lúc mang thai Sư, mẹ của Sư không thích ăn các thứ máu thịt tanh nồng. Đến niên hiệu Chí Đức thứ 2 (757), Sư quỳ cầu xin cha mẹ cho phép được xuất gia, thoát nhiên Sư có vẻ cởi bỏ sự ràng buộc. Sư bèn đến thọ nghiệp với Thiền sư Đại Tuệ ở núi Đại Ổi, Sư gắng sức khổ nhọc tiết chế, đến nỗi tay chân chai phồng nứt nẻ, mà chẳng dám làm chủ thân, thầy Sư thấy vậy lấy làm lạ.

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767), lúc đó, Sư ba mươi tuổi, bèn đến Luật Sư Hạo ở chùa Hội Thiện ở Tung Sơn thọ giới cụ túc. Học tập tướng bộ cựu Chương, nghiên cứu luật tạng; học các thiên tụ. Sau, Sư đến các trường giảng, lên đảnh Lăng-già, vào hội lớn Hoa Nghiêm, cởi mở then chốt của bách môn quán, lãnh hội huyền cơ ngoài sớ luận. Bấy giờ, những bậc tài giỏi đều nêu cao chạy theo vết loạn. Học chúng của ngài Đại Tịch có hơn tám trăm vị, mỗi lúc sau khi tham thính, Sư tìm hiểu điều thầy giảng, phân tích đúng sai. Sư hoặc nói bằng cách im lặng, các sự bàn luận đều thôi, bảo nhau rằng: “Người chẳng nói mới là nói”. Từ đó về sau, Sư che cảnh, ẩn sáng, dường như người không nói được. Có người cho rằng Sư không có pháp để nói, hoặc có người đến gõ cửa, Sư vẫn kiên quyết không tiết lộ. Bấy giờ, có người thầm trách có phong của Sư, hơi bày đầu sừng, mới biết chẳng phải Sư không có pháp mà vì lúc nói chưa đến.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (795), Sư chống tích trượng đến núi Nam tuyền, thuộc Trì dương. Lấp hang chặt cây để xây dựng thiền vũ, tơi nón cơm nước như mục đồng nơi chuồng bò, phá núi khai khẩn ruộng đất làm hoa mầu để sống chẳng dưới ba mươi năm ở tại Nam Tuyền.

Hồng Chương chẳng phải vì dây cỏ khua phát ra tiếng, mà vì tiếng nên có chờ đợi. Đầu niên hiệu Thái Hòa (827), Tuyên Sứ Lục Công Hằng Tiền là Thái Thú Trì Dương, đều biết đó là chối bỏ ngoài trần tục, làm pháp nhãn cho bốn phương, nên cùng Hộ Quân Bành Thành Lưu Công đồng đón rước Sư xuống phía bắc núi để đích thân lễ bái. Không sang đến năm sau, mà người đến học rong ruổi trên đường đạo chẳng dưới mấy trăm người.

Đến ngày 21 tháng 10 năm Giáp Dần (834) thuộc niên hiệu Thái Hòa, Sư thị hiện bị bệnh. Qua ngày 23 tháng 12 năm đó, có cầu vồng xuyên suốt từ thiền thất của Sư đến đỉnh núi phía sau. Những người đoán tướng cho đó là ngài Nam Tuyền tạ thế? Ngày đó, ở đỉnh núi phía Tây, có tảng đá lớn lăn đổ, vang tiếng động đến vài mươi dặm. Cũng ngay ngày đó có con hổ dữ đi nhiễu quanh thiền lâm mà kêu gào. Tăng chúng đều lấy làm lạ. Tới ngày 25, lúc mặt trời mới mọc, Sư bảo tăng chúng rằng: "Sao che đèn huyễn cũng lâu, chớ cho rằng ta có đến đi!" Nói xong, Sư thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Các vị Khế Nguyên, Văn Sướng v.v... gồm chín trăm người đều mặc áo vải chít khăng đen, buồn khóc ở cửa núi. Người đến dự lễ thọ tang nối nhau cúng dường. Tiếng buồn khóc rung chuyển cả sườn núi hang cốc. Qua đến năm Ất Mão (835), môn nhân đón rước toàn thân Sư nhập linh tháp, thể theo sự chỉ giáo của Sư. Thiện Bộ viên ngoại Lang Quán tu soạn. Lưu Kha Khâm Nhã Tiền Liệt, truy niệm khen ngợi đức tốt của Sư.

11. Truyện ngài Đàm Thịnh chùa Linh Nham, ở lễ Dương, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Thịnh, họ Vương, người ở xứ Kiến Xương, thuộc Chung Lăng. Lúc mới sanh, tự thân Sư đã có tấm y từ trong bào thai để bày vai cánh phải như y phục người xuất gia. Bèn xin xuất gia ở Thạch Môn. Năm đủ hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc rồi đến tham kiến Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng. Suốt hai mươi năm, Sư làm thị giả. Chức đồng như ngài Khánh Hỷ, pháp hẳn tôi nghe, thân như dòng nước trong, tâm ở Tán vị. Sư tiếp tục thọ học Dược Sơn cử phát hoàn toàn rõ suốt không nghi. Sư dạy dỗ đồ chúng rất ân cần, người thọ nhận ích lợi rất nhiều.

Đến ngày 27 tháng 10 năm Kỷ Dậu (829), thuộc niên hiệu Thái Hòa năm thứ 3, Sư thị tịch. Vua kính Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Vô tướng Đại Sư", tháp hiệu là "Tịnh Thắng".

Liên quan thử bàn:

"Thương-Na-Hòa-tu", Hán dịch là "Thai y". Vì lúc mới sanh, Sư đã mang y che thịt mà ra. Và chẳng phải chỉ bảo bọc thân thuở ấu thơ mà đến lúc trưởng thành cũng xứng thân. Lúc xuất gia, trở thành pháp phục, đến khi thị tịch, trà-tỳ mới cháy tiêu. Ngài Đàm Thịnh cũng có thai y, chỉ không bằng là chỉ mặc lúc còn nhỏ mà thôi. Đây gần giống như Tôn giả Thúc-Ly-Ni-Thương-Na. Tư duy quá nửa. Vì sao ngài Đàm Thịnh cách đời Phật quá xa, ngài Thương-Hòa-tu thì cách Phật diệt độ chừng một trăm năm, mà mang thai y là để nói lên hạng người có hạnh quả? Nay, ngài Đàm Thịnh dùng thai bào lộ bày vai phải quấn quanh mà hoằng hóa giáo lý ấy ở đời, thế đó chẳng khó ư? Nên bảo rằng tư duy quá nửa.

12. Truyện ngài Chân Công trụ chùa Phước Thọ, ở Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chân Công, họ Lỗ, người ở xứ Giang Lăng. Thuở thiếu thời mà Sư đã cảnh tỉnh phát tuệ, năm bảy tuổi, tụng thông thi nhã, bèn đến ứng châu thi cử, ba lần trúng tuyển, còn chưa mở áo thô, bàn luận huyền lý với các Sa-môn, mới phát nguyện xuất gia, đến chùa Phước Thọ, Thiền sư Biện Sơ cho là khuôn mẫu. Sau, Sư đến chùa Chiêu Thành ở kinh đô Lạc Dương, giảng pháp vài tòa. Nhân đó, Sư lại đến tham lễ Thiền sư Tung Sơn mà thông suốt tâm quyết, rồi Sư mới đến Mao Sơn ở Đan Dương. Bỗng dưng Sư lại chống tích trượng đến núi Lăng-già ở Tô Châu. Những người tham cầu Huyền Đạo ở bốn phương xa xôi chen chân kề vai tìm đến. Bấy giờ, Bạch Lạc Thiên đang trấn giữ tại quận đó, tiếp Sư đàm đạo, bất chợt khoác áo mở đai, tâm vân du ở ngoài vật, được then chốt của Sư, bèn cố thỉnh Sư ra ở chùa Thủy Lưu, nhưng Sư chẳng thích dừng ở, chỉ lấy nước non làm thú vui tình.

Niên hiệu Thái Hòa thứ 3 (829), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ chín mươi tuổi. Đến ngày 17 tháng 4 năm đó, đón rước nhập tháp.

13. Truyện ngài Tùng Thẩm ở Đông Viện thuộc Triệu Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tùng Nẫm, Thẩm người xứ Lâm Truy, thuộc Thanh Châu. Mới ở tuổi nhi đồng mà Sư có tính cách khác biệt mọi người, vượt cả sự ràng buộc của cha mẹ. Siêu nhiên lìa tục. Sư đến chùa Long Hưng thuộc Bổn Châu, theo thầy xuống tóc xuất gia. Sư đến giới đàn lưu ly ở Tung Sơn thọ giới cụ túc. Thầy Sư khuyên gắng tập học kinh luật, Sư chỉ nhiễm được điều chỉ bảo mà thôi.

Nghe Thiền sư Phổ Nguyện ở Trì Dương hóa đạo hợp như, Sư giữ tâm định chí dùi mài quên mệt nhọc. Nên được ngài Nam Tuyền (Phổ Nguyện) thầm truyền thọ cho. Sư dứt bặt dấu vết, thảng nhiên an vui. Sau, Sư đến Triệu Quận, khai hóa vật mê, thực hành thiền đạo. Do Chân Định Soái họ Vương cậy binh phong cương thường ngang bướng. Triều đình lo ngại. Họ Vương kháng cự quá chế mà quy tâm nghiêng về Sư. Sư thường gởi trên cây phất tử cho họ Vương và bảo: “Nếu họ Vương hỏi từ đâu mà có được cây phất tử này, thì xin đáp đạo của Lão Tăng nửa đời dùng chưa hết”.

Phàm những gì Sư nêu lên, thiên hạ đều truyền nhau, gọi là “Triệu Châu Khứ Đạo”. Ngữ lục của Sư lưu hành rộng khắp, được đời rất quý trọng.

14. Truyện ngài Trí Tạng chùa Hoa Nghiêm ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Trí Tạng, họ Hoàng, người ở xứ Thượng Cao, thuộc Dự Chương. Cha của Sư làm nhân viên của Hồng Châu. Sư theo cha vào chùa Báo Quốc, thấy cúng phụng ngài Hạo Nguyệt, giảng Kinh Niết-bàn, hơi thể hội được ý kinh, Sư thích vào cửa Phật.

Năm mười ba tuổi, Sư cắt đứt ân ái, giã từ cha mẹ, đến thọ học với Pháp sư Tông ở chùa Khai Nguyên. Sau, Sư tu thiền pháp và chứng ngộ tông yếu của Thiền sư Đại Tịch. Niên hiệu Kiến Trung năm đầu (780), Sư đến Trường An. Lư Nguyên Cảnh vốn rất kính phụng đạo của Sư, nên đề cử tấu trình thỉnh mời Sư vào nội cung để cúng dường. Vua Đức Tông ban sắc Sư trụ chùa Hoa Nghiêm. Trong thời gian Sư dẫn dắt, các vị ưa thích huyền học bừng dậy tìm đến dưới pháp tòa của Sư như nước sông quy tụ về biển, tợ như hang hóc có gãy Đàn cầm.

Đến niên hiệu Thái Hòa thứ 9 (835), Sư thị tịch tại chùa và nhập tháp vào ngày 12 tháng 3.

15. Truyện ngài Trí ở núi Đạo Ngô, thuộc Đàm Châu, thời Tiền Đường:

Thích Viên Trí, họ Trương, người ở xứ Hải Hôn, thuộc Dự Chương. Năm mới độ tuổi tết tóc, Sư chóng cầu lìa tục, đến lễ bái Hòa-thượng Niết-bàn, tự thân lo giữ việc giữ giày gậy. Tới lúc đã thọ giới cụ túc Sư liền phát nguyện tham yết thiền môn, được ngài Dược Sơn chỉ bày tâm yếu. Sau, Sư đến trụ núi Đạo Ngô ở Trường Sa, đồ chúng theo Sư như ong kiến phụ chúa. Sư thị tịch ngày 11 tháng 9 năm Ất mão, nhằm niên

hiệu Thái Hòa năm thứ 9 (835), thọ sáu mươi bảy tuổi.

Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt được vài mảnh xương không cháy. Hộp não đặc biệt khác lạ và trong sáng, mầu sắc như vàng, tiếng vang như đồng, bèn xây dựng tháp ở núi Thạch Sương, vua Kính Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Tu Nhất Đại Sư", tháp hiệu là "Bảo tướng". Chứng đắc đạo Sư thì có Phổ Hội. Trước kia, lúc Sư lãnh ngộ tông chỉ ở ngài Dược Sơn, ngài Dương Sơn chỉ dạy Sư rằng: "Ta không có ngọc báu, cung lớn để làm phần khí, nay thưởng cho ông một yêu Độc Tỷ, tuy là nhỏ nhoi vụn vặt mà biểu lộ sự thân tiết". Sa-môn Huyền Thái ở Nam Nhạc soạn văn bia khen ngợi.

16. Truyện ngài Pháp Thường trụ núi Đại Mai ở Minh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Thường, họ Trịnh, người ở xứ Tương Dương. Từ thuở bé, Sư đã theo thầy trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu. Cả trăm quyển kinh sách chỉ một lần xem qua thì Sư thuộc lòng không quên sót. Đến lúc đủ hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Long Hưng. Sư có dung mạo thanh cao, tánh tình độ lượng, nhưng thẳng thắn thông minh, thân mặc áo nạp, mang bình bát, giữ chí ngày ăn một bữa vào giờ mão.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 12 (896), Sư từ Thiên Thai đi đến phía Nam Dư Dao, thuộc Tứ Minh, suốt bảy mươi dặm, và ngụ lại nơi ẩn cư xưa kia của Tiên úy Mai Tử Chân. Ngày xưa, Mai Phước lúc ban đầu mới vào núi thấy có nhiều hang rồng, thần rắn thường nhả khí thành lầu các, mây mưa mịt mờ tăm tối. Bên cạnh có cái kho bằng đá, phía trong cất chứa thuốc tiên và kinh sách của thần tiên. Sư dừng nghỉ qua đêm tại phòng (kho) đó, mới mộng thấy vị thần nói với Sư rằng: "Sư không phải là phàm phu". Nhân đó cùng nói chuyện, đề cập đến sách thánh trong kho huyền ký việc đã qua và việc ở tương lai. Người thọ nhận đó hẳn làm chủ đất này, chẳng vậy mà còn làm thầy truyền dạy cho cả Đế Vương. Sư nói với vị thần rằng: "sách trong kho chẳng phải thứ tôi ưa thích. Xưa kia, ngài Tăng Trù chẳng để ý đến kinh tiên, rồi kinh ấy tự mất. Tôi chỉ lấy Niết-bàn làm vui, quyết thọ nhận sao chỉ cùng các vị trời già thôi ư?" Vị thần nói: "Linh Phủ ở đất này, người tục khí khó mà ở đây lập chí biến quái". Sư bảo: "Tôi ngụ nhờ ẩn vết tại làng Mai Úy, chẳng y cứ lâu". Do đó mà gọi là Mai Sơn. Từ đó, Sư bện cỏ chặt cây làm chòi che thân mình. Sư ở đó chỉ bốn mươi năm, nghiệm xét thật là người phi thường.

Những năm đầu niên hiệu Khai Thành, viện hoàn thành, đồ chúng

nhóm họp đông đúc thưa hỏi quyết nghi, chư tăng có đến bảy, tám trăm vị. Tới niên hiệu Khai Thành thứ 4 (839), Sư thị hiện bị bệnh, qua ngày 19 tháng 9, núi rừng rung chuyển, chim thú kêu buồn. Ngài từ biệt tăng chúng mà thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi, sáu mươi chín hạ lạp. Đến ngày 19 tháng 10, cử hành lễ Trà-tỳ tại Nam giản, thâu nhặt xá-lợi năm mầu sáng trong tròn đẹp. Trước kia, Sư ẩn cư ở Mai lãnh có vị tăng đến cầu, thưa cùng Thiền sư An ở Diệm Quan rằng: "Quả mài đã chín. Các ông hãy đi tìm, có thể trị khát". Tiến sĩ Giang Tích soạn văn bia khen ngợi Sư.

17. Truyện ngài Sùng Diễn chùa Tuệ Chiếu, ở Dương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Sùng Diễn, họ Đoàn, người xứ Đông Bình, Ngài xin xuất gia với Pháp sư Tuệ Siêu tại chùa Long Hưng, thuộc bổn quận. Sư du phương học đạo, được Thiền sư Thiện Tịch ở Tung Dương chỉ bày tâm pháp. Sau, Sư về trú tại núi Đô Lương. Bấy giờ tại Hoài Phố, người tham học ở khắp nơi đến nương ở. Tướng Quốc Lý Công Thân trấn phủ Quảng Lăng mà tánh cứng rắn nghiêm khắc, ít có giao tiếp, lại riêng xem thường Thích Tử. Hoặc đáng việc cùng gặp thì hẳn hỏi vặn khó khăn, chỉ đáp lại mà chẳng cung kính, phần nhiều quát rồi bỏ đi. Thân sai Nha Lại Chương, từ lúc nhỏ đã thành truyện ý, mời Sư vào phủ, Sư dạy đáp ý chỉ diệu lý, đàm luận chan chác. Thân mịt mờ chẳng thể đo lường ngăn mé, nên đặc biệt quy kính tin tưởng, thỉnh Sư ở chùa Tuệ Chiếu. Sư hóa đạo, đồng thanh tương ứng, chúng có đến ngàn người.

Đến niên hiệu Khai Thành thứ 2 (837), Sư thị tịch tại Bổn viện, thọ tám mươi bốn tuổi. Ngày 23 tháng 10 năm đó, đón rước toàn thân Sư nhập tháp.

18. Truyện ngài Tề An trụ viện Hải Xương, ở Diêm Quan, thuộc Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tề An, trụ họ Lý, thật là người tài giỏi của dòng họ vua Đường. Cha của Sư đến đất Việt nên sanh Ngài tại quận Hải Môn. Lánh xa vinh hoa ở đời, giấu kín dòng họ. Lúc Sư còn trong bào thai, mẹ Sư mộng thấy mặt trời điềm lành, đến lúc sanh Sư thì ánh sáng thần chiếu xuống. Khi Sư mới vài tuổi, có vị tăng lạ đến gõ cửa. Sư mời vào và được xoa đầu bảo: "Hang phụng chấn nghi, cung rồng cất của báu. Tiếp nối sự nghiệp đến cùng là ở đây!" Vừa đến tuổi tết tóc, Sư cầu xin xuất gia, cha mẹ Sư quở trách không cho. Sư thưa: "Nuôi dưỡng lợi lộc

thì dừng ở gần, lợi về minh báo thì chẳng xa ư? Sư vinh hạnh của Khuê Tổ chỉ ở trong nhà, lợi ích cứu giúp chẳng rộng thay". Cha mẹ Sư cảm kích lời nói đó mà cho phép. Sư bèn đến nương tựa Thiền sư Vân Tông trong bổn quận.

Sư tuy cần lao khiêm mặc hòa quang đồng trần mà đom đóm và mặt trăng khác nhau, hình thái gà và hạc khác nhau. Năm đủ hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc, bèn đến luật sư Trí Nghiêm ở Nam Nhạc. Bên ngoài thúc liễm, trong chiều soi thật tướng. Sau, nghe Thiền sư Đại Tịch ở núi Cung Công, thuộc Nam Khương tùy duyên hóa độ, người có lắm thần cảm, Sư bèn bó chân chống tích, một ngày tìm đến, ngài Đại Tịch mừng vui thấy Sư y cứ nương luật hành trì chẳng tỏ nhọc mệt. Đến lúc ngài Đại Tịch thị, tịch, Sư hết lòng lo việc lễ tang.

Đến cuối niên hiệu Nguyên Hòa (821), Sư đã ngoài bảy mươi tuổi, mà đi đến đất Việt trụ chùa Pháp Lạc ở Tiêu Sơn. Vì chùa nầy xây dựng từ xưa nên tường nhà không hoàn bị, chắp vá tu bổ nơi hư hoại, đâu thể ngồi được. Bấy giờ, tại Hải Xương, có Sa-môn Pháp Hân, là bậc trội vượt trong hàng Thích Tử, bỏ đất bên ao phóng sanh, để triệu tập thiền cư. Pháp Hân nhún nhường mà chẳng tự có. Mời thỉnh Sư làm chủ ở đó. Các vị tham học từ bốn phương xa đến, Sư hóa đạo rất hưng thạnh, tự nhiên mà hàng phục. Sư không hề nói nóng lạnh, chẳng xuống Đường Vũ, không trông nhìn, chẳng lắng nghe. Sở dĩ như thế là vì Sư đã già, thân hình Sư lại cao lớn, tướng tốt trang nghiêm, lông my xanh biếc rũ xuống, cốt đảnh tròn cao. Ai trông thấy Sư như kính ngưỡng Tung Hoa mà vái chào Thương minh. Sư không hề suy lường sự cao sâu ấy.

Đến ngày 22 tháng 12 năm Nhâm Tuất, nhằm niên hiệu Hội Xương thứ 2 (842), Sư thản nhiên an tọa, bỗng chốc thị tịch. Trước lúc đó, tùng bách đều chết hết, tới khi ấy, tinh thần thể sắc Sư càng phấn chấn, nên có âm hưởng trong lành gõ cửa, ánh sáng tốt đẹp khắp phòng, như tiếng va chạm của vòng ngọc bội, như kiếm kích giao bấn. Điềm lành rất nhiều, sự việc ghi riêng.

Thêm nữa, Sư từng dự biết Hoàng Đế Tuyên Tông vi truy hành sắp đến pháp hội. Sư dự răn vị tăng Tri sự rằng: "Sẽ có dị nhân đến đây. Cấm nói tạp, dừng làm mọi việc, sợ hệ lụy đến Phật pháp". Ngày hôm sau, có vài vị tăng hành cước vào tham lễ. Sư im lặng mà biết đó là nhà vua, bèn bảo vị tăng Duy Na mời vào nơi cao quý, lễ trọng đối với các vị ấy v.v... Sư tiếp mời trò chuyện càng biết rõ là hám của hàng quý phái, bèn bảo: "Bần đạo vì tăng chúng vây quanh đông nhiều, sợ cúng trai chẳng cung kính!" Bèn đến bên cạnh tòa trên xin một sớ cúng.

Vua Tuyên Tông liền vì cầm bút phê vào. Sư xem kinh sợ, biết cúng dường chư tăng mang đi, có được phong nhiêu nồng hậu, cho nên khác với thường độ. Sư bèn tâu với nhà vua rằng: “Thời khắc đã đến, không thể ngưng trệ nằm cuộn với bùn!” Sư bèn phó chúc hậu sự Phật pháp rồi đi.

Vua Tuyên Tông (847-860) vốn là con thứ tư của vua Hiến Tông (806-821), và là em cùng cha khác mẹ với vua Mục Tông (821-825). Vua Võ Tông (841-847) rất lo sợ chống kỵ với Tuyên Tông, nên thầm ở nhà xí trong cung, có quan Cừu Công Võ, ngầm phóng thả cứu giúp Tuyên Tông và khuyên nên cạo tóc làm tăng. Do sự phóng thả đó mà Tuyên Tông ẩn dật, phiêu du khắp thiên hạ, nếm đủ mọi gian nan nguy hiểm. Nhân duyên ra trao Giang Lăng ít người, thật ghét khi ở tại triệu. Đến lúc Võ Tông băng hà (847), Tả Thần Sách Quân, Trung Úy Dương Công nói cùng Tể tướng các quan đón rước Tuyên Tông mà lập ngôi. Vua Tuyên Tông nghe Sư thị tịch, nên buồn thương rất lâu, bèn ban tặng Sư thụy hiệu là “Ngộ Không Đại Sư”, và tự soạn ngự thi mà kính viếng. Sau, Hữu Điêu Lư Giản xin xây tháp thờ Sư.

19. Truyện ngài Hằng Chính chùa Thánh Thọ ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Hằng Chính, họ Chu, người ở xứ Bình Nguyên. Trước khi chưa vào pháp, Sư theo vào trường làng. Nhưng rất khác lạ; chẳng ham thích sách vở, mà hễ thấy được kinh sách Phật thì đam mê pháp vị chẳng bỏ được. Sau đó, Sư bỏ tục theo thầy, đến xin thọ học kinh pháp dưới pháp tòa của Pháp sư Thuyên Trừng ở chùa Diên Hòa. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến tham hỏi đạo ở Tung Thiếu, quyết liễu không khuất lấp. Sư ẩn tích với ngài Tam Phong, ung dung tự tại. Sau đó không lâu, Ngài vào núi Thái Nhất, phủ hành phong giáo, người học rất kính mến.

Vào niên hiệu Thái Hòa (827-836), Hoàng Đế Văn Tông rất ưa thích ăn thịt loài nghêu sò, các quan lại ở ven biển thời bấy giờ luôn dâng hiến. Người cũng nhọc công. Một hôm, trong lúc ngự soạn đầy mâm bàn mà dâng, có con chẳng há miệng ra, Vua Văn Tông xem xét lấy làm lạ, bèn đốt hương chúc nguyện. Bỗng chốc biến thành hình tướng Bồ-tát, phạm tướng hoàn toàn, nghi dung đáng kính, vua bèn đặt ở trong hộp đàn hương Kim Túc, che phủ gấm ngọc lên trên. Rồi ban tặng cho chùa Hưng Thiện, bảo tôn thờ mà kính lễ. Ban đầu, Vua hỏi các quan đó là điều gì? Tướng Quốc Lý Công Đức dụ tấu rằng: “Thần chẳng thể biết, chỉ biết Thánh đức chiêu ứng, đó là lý của các Đức Phật.

Nghe nói ở núi Chung Nam có Thiền Sư Hằng Chính thông hiểu Phật pháp, thấy rộng hiểu nhiều...” Nhà vua bèn ban chiếu mời vào cung, Vua hỏi. Sư đáp: “Bần đạo nghe vật không đối ứng, nên đây là khơi mở lòng tin của Bệ hạ vậy. Nên trong khế kinh chép: “Với người đáng dùng thân này để được độ thì liền dùng thân này mà nói pháp cho họ nghe.” Vua Văn Tông nói: “Thân Bồ-tát thì đã thấy nhưng chưa nghe nói pháp”. Sư hỏi: ‘Bệ hạ thấy đó là thường hay phi thường? Tin hay chẳng tin ư? Vua bảo: “Sự việc ít có kỳ lạ, trẫm rất kính tin!” Sư nói: “Bệ hạ đã nghe nói pháp rồi vậy!” Vua Văn Tông tỏ vẻ vui mừng, được điều chưa từng có. Bèn ban sắc các chùa viện trong nước, mỗi nơi đều thiết lập tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm để báo đáp phúc lành đặc biệt. Tôn tượng đó đến pháp nạn Hội Xương, chùa Phật bị phá hủy mới mất. Và cũng nhân đó mà vua Văn Tông lưu giữ Sư ở trong nội đạo tràng. Sư nhiều lần khước từ muốn trở về núi, triều đình bèn tuyên ban Sư trụ tại chùa Thánh Thọ. Đến lúc vua Võ Tông lên ngôi (841), bỗng nhiên Sư bỏ vào Chung Nam. Có người hỏi Sư về nguyên nhân. Sư bảo: “Ta lánh oán cừu quạ đen có thể được ư!” Sau, Sư thị tịch tại núi, thọ tám mươi bảy tuổi. Sau khi trà-tỳ thâu nhặt được bốn mươi chín viên xá-lợi. Nhập tháp ngày mồng 4 tháng 9 niên hiệu Hội Xương thứ 3 (843). Sau có sắc chiếu phá hủy Phật giáo (dưới thời vua Võ Tông). Sư dự biết trước hợp với lời đoán.

Liên quan thử bàn:

Vì sao trong loài nghêu sò mà có được tôn tượng Bồ-tát? Thông đáp: Hễ lúc nào có sự kính phát thì hiện ra. Gần đây nghe - dòng họ Lý dưới thời Hậu Đường, khắp cả nước đói kém suốt 3 năm, ở ven bờ hồ tự nhiên sanh ra nhiều trai sò, trăm họ đua nhau bắt lấy mà ăn. Năm đó cứ mười người thì có đến bảy, tám người khỏi chết đói. Qua năm sau, lúa thóc được mùa, dân chúng vẫn còn đi lượm bắt loại đó, bỗng nhiên bắt được con trai hơn hai thước, mang về đập ra nhưng không một chút sứt mẻ. Người ấy bèn chú nguyện mà đem thả, chốc lát nó tự hé mở, nhả ra tượng Phật cao chỉ một thước, đầy đủ tướng tốt như mầu ngọc thật, gọi đó là “Châu Phật”. Đem hiến dâng triều đình. Sau đó đưa tặng cho một vị Phạm tăng, Ý này có chỗ không hợp lý. Hiện hình là như trong kinh nói hóa hiện ra núi thịt, cá gạo để cứu giúp đói khát, đến năm trúng mùa, vì sao chẳng nhàm chán, nên hiện tướng dừng đủ.

20. Truyện ngài Linh Hựu ở núi Đại Quy, thời Tiền Đường:

Thích Linh Hựu, họ Triệu, ông nội Sư Ngài đều là người xứ Trường

Khê, thuộc Phước Châu. Ở tuổi tết tóc, Sư đang vui đùa giữa sân, ngước lên nhìn thấy điềm khí mây lành ùn ùn cuộn tụ. Lại như có nhạc trời tấu lên, chân thân ban giáng linh thiêng, quan sát kỹ các vị già lão ở trong hang cùng ngõ hẻm chẳng lường biết được là gì. Bỗng chốc có ông lão ở núi Hoa, dung mạo như người nước Kế-tân, nói với ông lão trong nhà rằng: "Đây là các vị Linh Thánh nêu bày điều lạ, đứa bé (Linh Hậu) là con thật của Phật, hẳn sẽ làm cho Phật pháp ngời sáng, giây lát sau, vị đó búng ngón tay vài lần rồi đi.

Sư lúc còn trẻ để chơn, mặc áo ngắn, tìm đến nương tựa luật sư Pháp Tuyên trong bổn quận, chấp lao phục dịch thường rất nặng nhọc. Đến hai mươi tuổi Sư xuống tóc, ba năm sau đó, Sư thọ giới cụ túc, bấy giờ, thượng sĩ Nghĩa Tân ở Tiền Đường trao truyền cho khoa luật. Đến lúc, Sư vào Thiên Thai, đi giữa đường gặp Hàn Sơn Tử, Hàn Sơn nói với Sư rằng: "Ngàn non muôn nước, gặp sông thì ở, có được vật váu vô giá, cứu giúp mọi người". Sư khi thuận đường thì nhớ, lúc nguy ách thì nghĩ, vụt chốc đến chùa Quốc Thanh, gặp được dị nhân Thập Đắc và cũng bày tỏ ý trước, như có sự phù hợp. Sư bèn đến Lặc Đàm, tham yết ngài Đại Trí, sớm chứng ngộ ý Tổ.

Vào cuối niên hiện Nguyên Hòa Sư tùy duyên đến Trường Sa. Nhân đi ngang qua núi Đại Quy, bèn muốn dừng ở đó, núi ấy cách quận chừng mười xá, xa tít không có khói nhà người, ví đó như là hang thú, sống xen tạp cùng khỉ vượn, ăn hạt giẻ để sống. Chỉ có mười ngày, có người ở núi trông thấy Sư rồi cùng nhau nhóm họp xây dựng chùa viện. Bấy giờ, Tương Dương Liên suất Lý Cảnh Nhượng thống nhiếp Tương Đàm, nguyện dự Lương duyên, mới tấu xin đặt hiệu sơn môn là chùa Đồng Khánh. Sau, Tướng Quốc Bùi Công tương thân hợp đạo. Sư gặp phải pháp nạn Hội Xương thanh trừng đào thải, thì lại gặp được Tướng Quốc Thôi Công Thuận kính phụng sùng lễ.

Đến ngày mồng 9 tháng giêng năm Quý Dậu (853), thuộc niên hiệu Đại Trung (847-860), Sư tắm gội xong, ngồi kiết già, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, năm mươi chín hạ lạp, đón rước nhục thân an táng tại vườn Thạch Chi ở trong núi. Tứ Trấn Bắc Đình hành quân Kinh Nguyên, Tiết Độ Sứ là Kính châu là Hữu Tán Kỵ Thường Thị Lư Giản, xin được làm bia, Lý Thương Ẩn đề chữ trên biển ngạch.

21. Truyện ngài Huyền Sách ở Cửu Tỉnh, thuộc Hoàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Sách, họ Lỗ, người ở xứ Cối Kê. Thuở nhỏ Sư theo

cha buôn bán. Đến hội Quang Minh ở núi Thiên Thai là chỗ Thiền sư Trí Khải lập giáo vào đời Tùy. Cách 9 tháng sau, Tăng tục ở các châu ấp xa gần nhóm họp, Sư thấy đặc thù khác lạ, bèn đến cầu xin xuất gia với ngài Quảng Trí tại chùa Thiền Lâm. Đến lúc du phương, được gặp ngài Đại Tịch tại Giang Tây nên Sư sớm bỏ được sự ngăn chướng. Sư Tham vấn khắp nơi, thấy núi Cửu Tỉnh thuộc vùng ven Hoàng Châu đẹp lạ, bèn kết cỏ làm nhà, học chúng đến đông như ve. Có người an ủi hỏi Sư rằng: "Sao Ngài nhẫn nại ở chỗ tối tăm như thế này?" Sư bảo: "Chí đạo là quên tâm. Tôi rất thích như thế". Đến niên hiệu Đại Trung thứ 8 (854), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, tục ban sắc cho Sư thụy hiệu là "Viên tịch Đại Sư", tháp tên là "Trí Giác".

TRUYỆN CÁC VỊ CAO TĂNG ĐỜI NHÀ TỐNG
(Quyển 11 hết).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 12

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 5 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có hai mươi vị, phụ có bốn vị).

1. Truyện ngài Hoàn Trung ở núi Đại Từ thuộc Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hoàn Trung, họ Lư, người ở xứ Bồ Phản, thuộc Hà Đông. Sư bẩm tánh đặc dị, hình vượt khác thường. Thân thể cao lớn. Đỉnh cốt tròn cao, âm thanh như chuông vang, hình sắc tợ phấn sáp. Sư học thông điển cổ, từ thật dồi dào. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư theo kế trúng tuyển khoa giáp mà chưa lấp kín nỗi đau buồn! Sư lại nghĩ phải nhanh hơn nữa, không gì buồn bằng chịu tang mẹ, bèn đến dựng chòi tranh ở bên cạnh mộ, cho đến lúc mãn tang, Sư tới cầu xin xuất gia tại chùa Đồng Tử. Chưa tròn hai năm, mà các kinh Sư đều đã xem đọc. Năm sau, Sư đến Tung Nhạc thọ giới cụ túc, rồi tập học luật bộ, từ đó, Sư thông rành, bỗng nhiên kính mến thượng thừa, kế nữa, Ngài tìm đến núi Bách Trượng và chứng được huyền chỉ sâu mầu.

Sau, Sư đến ẩn cư tại chùa Thường Lạc ở Nam Nhạc, dựng lập am tranh ở Sơn Tiêu. Giản Nghị Đại Phu Nhai Công rất kính trọng tiết tháo của Sư, nhân đó mà lập riêng phương trượng. Sư vui sâu với cảnh mặt trời ló dạng chỉ ăn một bữa là trọn ngày. Nhưng ở đó thiếu nước để bình phải đi tìm ở xa. Bỗng nhiên, vào một đêm khuya có tiếng hổ gào thét bên cạnh am. Đến sáng ra xem thì thấy suối nước đầy tràn từ đất nức nẻ tuôn trào, đủ để cấp dùng. Sau, ở phía Bắc Chiết Giang; Hàng Châu, có một ngọn núi tên là Đại từ, Sư đến ở đó chưa bao lâu, Đàn tín bèn tìm đến và tạo thành viện lớn. Học tăng bốn phương đến tham lễ như mây nhóm. Gặp lúc vua Võ Tông phả hủy Phật giáo, Sư mặc áo ngắn, có người thỉnh Sư về ở tại biệt thự nhà họ Đới.

Đến năm Nhâm Thân (852) thuộc niên hiệu Đại Trung, Thái Thú Lưu Công Thủ mạng thế nhiễm, trùng hưng thành thiền lâm. Đến ngày 15 tháng 2 năm Nhâm ngọ (862), Sư di chúc vừa dứt lời thì thị tịch. Bấy giờ, trời dầu nắng nóng mà xem xét nhục thân Sư không hề biến đổi, và trên đỉnh đầu nóng ấm, tới mùa đông thì nhập tháp, Sư thọ tám mươi ba tuổi, năm mươi bốn hạ lạp.

Có thuyết nói: Tại chùa Thường Lạc có hổ quỳ ở bờ suối. Trong ngày Sư thị tịch, bỗng nhiên khô cạn. Thật kỳ lạ thay! Chỉ giúp Sư thọ dụng. Đến năm Đinh Dậu (877) thuộc niên hiệu Càn Phù, vua Hy Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Tánh không Đại Sư", tháp hiệu là "Định Tuệ". Tấn Vân Thái Thú Đoàn Thành Thức soạn bài tán.

2. Truyện ngài Hoàn Phổ ở Thiều Sơn, thuộc Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Hoàn Phổ, không biết Sư là người xứ nào. Sư vốn bẩm chất thuần túy, giữ tánh khiêm hòa. Sư ở dưới phong hóa xấu xa mọi rợ mà thỉnh nghiệp. Vời vọi thay sự nhận biết suy lường, thật khó suy nghĩ, phỏng bàn. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư ôn tầm kinh luận. Sau đó, Sư chống tích vân du đến Lễ Dương ở phương nam, gặp Giáp Sơn khế hợp tâm ý, có người tham học nên hỏi, Sư rũ tay đắt dẫn về, chẳng để một căn cơ nào mất thiếu sự chỉ dạy của Sư. Nếu người nào có sự không thăng tiến, thì Sư khuyên xem đọc kinh pháp, cũng gần như Di Phong của ngài Thần Tú, Đại Tịch.

3. Truyện ngài Nhật Chiếu ở núi Ngang Đầu, thuộc Hành Sơn, thời Tiền Đường:

Thích Nhật Chiếu, họ Lưu, người ở xứ Kỳ Hạ, thuộc gia đình giàu sang. Sư vâng lời chỉ dạy của cha mẹ, xem đọc khắp các kinh sách, lại đối với Trang Lão mà Túc Tuệ phát huy, nghĩ theo Thích Tử. Sư đến Pháp Sư Đàm Quang chùa Đại Hưng Thiện ở Trường An, xin xuất gia cầu học thọ giới. Truyền nhận kinh pháp, không gì Sư chẳng hiểu rành. Nhân đó, Sư đến Tung Nhạc hỏi về bí quyết Viên Thông, Sư vui mừng thú nhập. Sau, Sư đến Nam Nhạc, lên núi Ngang Đầu, thẳng tới non xanh, bèn có ý ở đó trọn đời. Sư cất am tranh ở được hai mươi năm, gặp phải pháp nạn Hội Xương; vua Võ Tông phá hủy Phật giáo, Sư vào hang núi sâu, ăn hạt dẻ uống nước suối mà kéo dài sự sống. Đến niên hiệu Đại Trung (847-860) vua Tuyên Tông phục hưng Phật giáo, Ngài dẫn đồ chúng chừng sáu mươi vị trở về lại nền cũ ở núi Ngang Đầu, bện

tranh cỏ, cất am viện, lại ở đây thêm mười lăm năm nữa, học chúng đua nhau tìm đến như sóng gợn. Sư thị tịch vào niên hiệu Hàm Thông (860-874), thọ một trăm lẻ tám tuổi, ngày mồng 3 tháng 2 niên hiệu Hàm Thông thứ 3 (862) nhập tháp, tạo lập bia văn, hiện nay vẫn còn. Trong nước gọi Thiền học của Sư là "Ngang Đầu Chiếu".

4. Truyện ngài Tuyên Giám ở viện Đức Sơn, thuộc Lăng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuyên Giám, họ Chu, người xứ ở Kiếm Nam. Khi sanh ra Sư đã không thích các chất tanh nồng, đến thuở thiếu thời, Sư khôi ngô thông minh. Sớm mang tiết tháo khác thường, khẩn cầu xuất trần. Rồng lớn chẳng chịu ở sân nhỏ, Ngạc (chim thư cưu) xinh phải bay nơi khoảng trời rộng. Đã bỏ mọi trang sức xinh đẹp, sẽ dự vào hàng chúng tăng. Sư theo thọ giới cụ túc, nghiên cứu rõ luật tạng. Đối với các pháp tánh tướng, Sư tập học thông suốt.

Nghe ở Trọng Hồ, Thiền đạo hưng thạnh, Sư bèn dốc chí vân du tìm đến Thiền Sư Tín ở Long đàm, thì tông Thạch Đầu chia làm hai nhánh. Ban đầu chỉ cùng ở một thất, Sư mạnh dạn cung kính theo hầu. Một đêm, ngài Long Đàm (Tín), trao một ngọn lửa cho Sư, Sư nhận lấy mà đi. Chỉ bước vài bước, Sư lại nói: "Từ lâu nghe nói Long Đàm (Đầm Rồng), mà đến đây thì Long lẫn Đàm đều chẳng thấy!" Thiền Sư Tín bảo: "Ông lại gần đây!" Cơ giáo hợp nhau, hằng ngày gần gũi bên trượng thất hơn ba mươi năm. Sau Sư đến dừng ở tại Lễ Dương. Tự nhiên vua Võ Tông nổi loạn dấy khởi, đến niệu Đại Trung (847-860), phục hồi Nghi pháp. Đầu niên hiệu Hàm Thông, Võ Lăng Thái Thú Tiết Diên Vọng cố thỉnh Sư đến ở Đức Sơn, Đạo Sư lạn xa phỏng phất, thiền chúng bốn phương tụ về rất đông. Trong Phục Lạp Đường thường có năm trăm người. Sư trao dạy như trời biển sâu khó đo lường ngăn mé, Tuyết Phong tham kiến xét sâu đáng trọng.

Đến ngày mồng 3 tháng 12 năm Ất Dậu, tức niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865), bỗng nhiên, Sư bảo với đồ chúng rằng: "giữa hư không mà truy tìm âm hưởng, thật nhọc tinh thần các ông. Tỉnh mộng, rồi thì chẳng có vật gì!" Nói xong, Sư an tọa mà thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp. Nhục thân Sư để ngồi yên trên giường, bảy ngày sau vẫn ngồi thẳng bình thường như lúc còn sống. Trong thiên hạ nói người có Thiền đạo mạnh mẽ thì có môn Phong của Đức Sơn, hiện nay có pháp Tôn Đặng Hán Đông ở Tương Châu rất thạnh.

5. Truyện ngài Tạng Hoán chùa Thệ Tâm, ở Minh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tạng Hoán, họ Chu, người ở xứ Hoa Đình, thuộc Tô Châu. Từ khi mang thai đến lúc sanh, mẹ của Sư mẫu Ngài thường nghe có mùi thơm khác lạ. Tuổi còn bé, Sư từng bị rơi xuống giếng mà có vị thần hộ trì đưa lên. Sư xuất gia ở độ tuổi tết tóc, với Thiền Sư Đạo Khoáng. Lúc đủ hai mươi tuổi, Sư đến Tung Nhạc cầu thọ giới cụ túc. Mẹ của Sư thường nhớ thương Sư mà buồn khóc đến nỗi mờ hết một mắt. Đến ngày Sư trở về tỉnh thì mắt sáng lại. Mẹ mất rất buồn thương, Sư dựng chòi ở bên cạnh mộ, và có nhiều điềm tốt lành, tâm hiếu của Sư cảm kích đến thế, và cũng do đó mà Sư nổi tiếng.

Lúc Sư du phương hỏi Đạo, thì lại đến núi Ngũ Tiết gặp được Đại Sư Linh Mặc. Một lời phân biệt, phù hợp chỉ thú, đạo lý hiển mật như trời trăng sáng tỏ. Từ niên hiệu Hội Xương (841-847) đến niên hiệu Đại Trung (847-860), trở lại huông thạnh, chỗ Sư ở bị thiêu hủy, mà chẳng thể mê hoặc, đốt không thể nóng, nhận chìm chẳng thể ướt. Đến lúc Chu Lạc xây dựng lại chùa Trường Thọ, vua ban sắc Sư ở đó. Bấy giờ, nội điển đều đã bị thiêu hủy, kinh sách thảy thành tro bụi, Sư góp nhặt rơi rớt qua lại thành Đại Tạng. nhiên Nam Hải Dương Công thâu điển cô tô thỉnh Sư trở về Cố lâm để xây dựng tinh xá.

Niên hiệu Đại Trung thứ 12 (858) Ngân thủy Đàn Việt Nhậm Cảnh xin xả cúng nhà mình tạo lập viện và thỉnh Sư ở đó. Diệm khấu cầu phụ dẫn hai ngàn học trò cầm nắm binh khí giữa ban ngày đi vào, Sư nhắm mắt ngồi yên, sắc mặt không đổi khác. Bọn trộm cướp đều sợ hãi nép mình cúi đầu tạ lỗi. Khấu Bình Châu tấu trình xin đổi biển ngạch, đề là chùa “Thê Tâm”, để biểu dương đức hạnh của Sư. Phàm nỗi một tác cử chỉ, thiền giả phải huân tập, quanh nhà giường chõng đứng như mây nhóm, học thức của Sư như suối tuôn, chỉ tay soi thấy nhiều đường rẽ, bắt bẽ những người thao túng. Công Kiên Sách là kẻ sĩ ẩn cư đều đứng dưới sương lạnh, ngồi trên băng cứng. Một lời đã nhập thần thì phá trừ hẳn trầm hoặc.

Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), ngày mồng 3 tháng 8, Sư thị hiện bị bệnh mà qua đời, thọ bảy mươi bảy tuổi, năm mươi bảy hạ lạp. Sư bảo mang nước thơm đến, cạo tóc tắm gội xong, bảo với đệ tử rằng: “Ta còn trụ thế bảy ngày, đến ngày đó thì thị tịch”. Môn nhân khóc thương kính mến, bàn phương tiện an táng nhục thân Sư trên đỉnh núi Thiên Đồng. Đến khi tròn ba năm, một ngày nọ, có mùi thơm khác lạ ngưng tụ giữa hư không, xa gần đều phảng phất, các đệ tử Sư nói với

nhau rằng: "Ngày xưa, thầy có chúc lụy sau ba năm phải thiêu đốt thân thầy. Nên nay có mùi hương thơm khác lạ như thế". Bèn cùng nhau đào mở miệng tháp để xem thì nhục thân Sư vẫn nghiễm nhiên như lúc còn sống. Đến ngày mồng 3 tháng 8 năm đó, y theo pháp trà-tỳ của Tây Vức, thâu nhặt được mấy ngàn viên xá-lợi, sắc mầu hồng xanh. Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 13 (872), Đệ tử Sư là Giới Hưu mang xá-lợi Sư, thuật lại hành trạng, đến cung thỉnh ích, Vua Tuyên Tông ban sắc khen ngợi kính viếng đổi lại tên Sư là "Tâm Giám", tháp hiệu là "Thọ Tưởng".

Lúc Sư trụ tại chùa Trường Thọ, ở Lạc Hạ nói với chúng Tăng rằng: "Xưa kia, Sa-môn Đàm Túy ở núi Thiên Đồng thuộc Tứ Minh là thân trước của ta". Nay phần tháp hiện còn nhưng vì cách quá lâu năm nên có người nghi ngờ không tín. Đến lúc truy tìm xét nghiệm sự thật đều như lời Sư nói. Kế nữa, lúc ban đầu nhậm sanh sắp đón rước Sư, thì có người hỏi khó, Sư đáp rằng: "Khi bắt đầu sửa nhà, có vị tăng lạ bảo làm lớn cửa ấy, hai mươi năm sau sẽ có bậc thánh đến ở đây". So tính lại tới lúc Sư đến ở quả đúng hai mươi năm. Kế nữa, lúc Sư sắp rời Cô Tô, bị đồ chúng giữ lại, Sư bèn trao cây phất trần cho đó, bảo: "Ta ở đây, sao các ông nghi ngờ!" Đến lúc Sư trốn đi mọi người mới hiểu được ý chỉ sâu xa của Sư. Sư lại bảo "ở góc đông bắc của chùa nên đắp năm trăm ụ đất để trấn giữ". Có người nói: "Sức đâu làm đến thế?" Sư bảo: "không vậy, thì đắp một ụ rồi trồng năm trăm gốc thông cũng được!" Tất cả những lời tinh yếu, ý chỉ sâu xa của Sư, đại loại đều như thế. Thứ Sử Thôi Kỳ soạn văn bia ở tháp thờ Sư, Uất Thiệu Lãng ở huyện Kim Hoa đề biển ngạch.

6. Truyện ngài Nghĩa Huyền trụ viện Lâm Tế, ở phủ Chân Định, thời Tiền Đường:

Thích Nghĩa Huyền, họ Hình, người ở xứ Nam Hoa, thuộc Tào Châu. Sư đến các nơi tham học chẳng sợ gian khổ. Nhân gặp được Thiền Sư Linh Vận ở núi Hoàng Nghiệt, mổ kêu đồng thời, rõ ràng thấu suốt. Sư bèn trở về quê cũ ở phương bắc, thuận theo Triệu Nhân đến thỉnh trụ viện Lâm Tế thuộc phía nam thành. Đồ chúng đề xướng kinh luận đều đến gần gũi đường thất, Sư chỉ bày tâm yếu cho người tương tự như ngài Đức Sơn (Tuyên Giám).

Sư thị tịch ngày 10 tháng 4 năm Bính Tuất (866) tức niên hiệu Hàm Thông thứ 7. Vua Tuyên Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Tuệ Chiếu Đại Sư", tháp hiệu là "Trừng Hư". Ngôn giáo của Sư lưu hành ở

đời rất thạnh. Nên nay, Hằng Dương gọi là “Lâm Tế Thiền Tông”.

7. Truyện ngài Tung Gián trụ chùa Quảng Ái ở kinh đô Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Tung Gián, họ Trương, vốn người xứ Nam Dương, dời đến ở Quảng Lăng và sanh Sư tại Hoài Điện. Tánh Sư thẳng thắng, khí mạo cao vời, ở trong xóm Sư được người nể phục, kính sợ. Gặp Tướng Công bảo Sư rằng: “Ông thân cao tám thước, mặt mày sáng đẹp, ngày sau chắc chắn được Vinh hoa”. Sư nói: “Trong tâm không muốn làm quan, đối với vinh hoa sao có được?” Tướng Công bảo: “Sự vinh hoa chẳng thể lường được!”

Qua khỏi độ tuổi có gia đình, bỗng nhiên Sư tin sâu Lý Phật, bèn bỏ vợ con, xin cạo tóc làm tăng. Vừa mới lên giới địa mà rất giữ gìn tâm châu. Nhân tỏ ngộ thiền-na, sớm thấu đạt huyền lý, chỉ mới vài mươi năm mà những người đồng hảo từ xa tìm đến thưa hỏi. Ngài chỉ dạy từng điều khiến cho mở giác. Sau đó Sư đến ở chùa Quảng Ái ở Lạc Hạ, khi ấy thiền khách nhanh họp như con hiếu phụng thờ cha mẹ. Ở trong kinh đô có thiết trai thỉnh Sư thì bày vị trí đối diện với tôn giả Tân-Đầu-Lô, Sư được mọi người khâm phục kính trọng đều như thế. Gặp niên hiệu Hội Xương thứ 4 (844) vua Võ Tông ban chiếu phá hủy tháp miếu Phật giáo, ra lệnh các Sa-môn phải trở về cuộc sống ruộng vườn, Sư cũng bị trong hang thanh lọc đào thải đó. Sư bèn chít khăn quạ, mặc áo gai, lẩn trốn vào nơi suối nước nóng của dòng họ Hoàng Phủ, lập nghiệp riêng ở, phía trên sau sườn núi. Tại đó, cây cao nương nhau sùm uất, có tảng đá lớn bằng phẳng. Giữa mùa hạ, Sư thường đến đó nhập định, hoặc bổ sung các việc nhỏ. Bỗng nhiên mây đổ mưa nhanh, sấm sét đánh vào đá, gió dữ kéo đến, mọi người ở đó kinh hãi bỏ chạy sợ nép. Sư vẫn vui vẻ ngồi kiết già an nhiên như người không nghe thấy gì. Có người hỏi Sư: “Sao ghét súc sanh, như thế?”

Đến đầu niên hiệu Đại Trung (847), vua Tuyên Tông ban chiếu phục hưng Phật giáo, Sư trở về chỗ cũ tại Lạc ấp. Một hôm, con của Sư từ Quảng Lăng đến hầu thăm. Vừa gặp Sư tại cửa viện, vì dáng mạo oai nghi trang nghiêm của Sư nên không nhận biết được, bèn hỏi rằng: “Xin hỏi chỗ ở của Đại Đức Tùng Giám?” Sư chỉ người đó đi về hướng Đông nam thì sẽ tìm thấy. Người con đó đã đi rồi, Sư bèn đóng cửa không ra ngoài, Sư cắt đứt dây lưới ân ái như thế đó!

Đến tháng 5 năm Bính Tuất (866) tức niên hiệu Hàm Thông thứ 7, bỗng nhiên Sư ra và đến nhà đoàn việt từ biệt rằng: “Hãy khéo tạo

phước nghiệp, bần đạo vào đầu mùa thu sẽ đi xa, nên nay đến thăm!" Đến ngày mồng 1 tháng 7, vào lúc sáng sớm, Sư rửa tay, đốt hương, xưng niệm danh hiệu Đức Từ Thị Như Lai rồi, rồi nghiêng hông bên phải, gọi đệ tử Huyền Chương đến răn dạy rằng: "Thân người khó được mà dễ mất, mau mau đối với mọi vật mà vô tâm vô vi lưu chuyển, pháp vô sanh diệt, tất cả hiện còn. Nay ta đời sống này đã có bến bờ, tạm từ biệt ông!" Ngày đó, Sư không bệnh, an nhiên thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

Các đệ tử như Huyền Chương v.v... vâng theo di chỉ của Sư, đón rước nhục thân ra ngoài cửa Kiến Xuân bỏ vào rừng Thi-Đà thí cho các loài chim thú. Ba hôm sau trở lại xem thì da thịt, sắc mặt Sư vẫn như lúc sống, không ai dám lại gần, bèn đem bánh bột rải phủ lên, qua một đêm thì thấy có vết chân của loài chồn sói, chỉ ăn chỗ phủ bột bánh, mà thân vẫn nghiễm nhiên. Mọi người mới bàn với nhau thể theo pháp nước ngoài mà trà-tỳ thân, nhặt hài cốt còn lại, xây tháp trắng bên cạnh đường đi, mọi người rất qui kính tin tưởng, dâng cúng hương đèn không ngớt.

Kế nữa, có ngài Thích Giám Tông, người ở xứ Trường Thành, thuộc Hồ Châu, Sư vốn họ Tiền, là cháu của Lễ Bộ Thị Lang Huy. Cha của Sư húy là Thịnh, bị bệnh, Sư cắt thịt ở bắp đùi đem dâng cho cha ăn, mà nói dối thịt của loài vật, sau đó không lâu bệnh được khỏi. Tiếng tốt hiếu hạnh của Sư nghe khắp bà con làng xóm. Sư bèn xin xuất gia.

Bấy giờ, tại Chùa Khai Nguyên, trong bổn châu có Ngài Cao Nhàn, làm chức Lâm Đàn Thập Vọng Đại Đức nội cung phụng, ở Thượng đô, rất giỏi chữ thảo chữ lệ, từng viết chữ trước chỗ vua Ỷ Tông ngự, hoa vọng rất cao. Sư bèn đến lễ làm thầy. Sau Sư xuất gia học thông các Kinh Tịnh Danh, Tư Ích, nên thường giảng tập. Ngài Cao Nhàn cũng chỉ dạy Sư về bút pháp, dần được tài giỏi. Bỗng nhiên, Sư đến tham yết Đại sư Ngộ Không ở Diêm Quan, theo chúng tham thỉnh mà thấu triệt được nguồn tâm. Rồi Sư từ giã trở về quê cũ khuyên mọi người tạo phước.

Đến niên hiệu Hàm Thông thứ ba (862) tức năm Tân Tỵ (? Phải là năm Nhâm Ngọ mới đúng), Ngài đến khắp các Danh sơn, bèn dừng ở Kính Sơn, là ngọn núi phía đông Thiên Mục, người xuất gia tại gia thảy đều quy tâm, khôi phục mở mang giáo pháp, xuất ra các đệ tử, nhất là các vị tài giỏi, đều khai mở khắp núi Thiên Đồng. Vua Ỷ Tông ban tặng y tía. Sau lưng núi Hành mãn đều phân cảnh hóa vật. Đến ngày mồng 5 tháng 3 nhuần năm Bính Tuất (866), tức niên hiệu Hàm Thông thứ bảy, Sư thị tịch, nhập tháp tại dưới đỉnh núi Đại Tịch.

Đến thời Hậu Lương, niên hiệu Càn Hóa thứ năm, Ngô Việt Quốc Vương thượng phụ dòng họ Tiền, dâng biểu xin truy tặng Sư thụy hiệu là "Vô Thượng Đại sư", Tổ môn truyền pháp hiệu là "Kính sơn đệ nhị Tổ". Bấy, giờ Ngô Hưng trầm tu tự lấy hiệu là "Bạch Nha Tiên Sinh" thuật lại đức hạnh của Sư, làm bài ký khen ngợi.

8. Truyện ngài Lương Giới ở Động Sơn, thuộc Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Lương Giới, họ Du, người ở xứ Gia Kỵ, thuộc Cối Kê. Thuở nhỏ, Sư theo thầy ở chùa Ngũ Tiết. Năm 21 tuổi, Sư mới đến Tung Sơn thọ giới cụ túc. Vừa thọ giới xong, Sư liền du phương, gặp được thiền sư Nam Tuyền, lãnh hội Huyền khế sâu xa. Sư tiếp tục đi đến Linh Nham, mọi nghi ngờ vướng mắc chóng dứt.

Cuối niên hiệu Đại Trung (860), Sư trụ tại núi Tư Phong, mở mang truyền bá thiền pháp rất mạnh, sau lại thạnh hành giáo hóa ở Dự Chương, Cao An, Động Sơn. Nay đều thuộc Quân Châu. Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 10 (869) sáng sớm ngày mồng 1 tháng 3 năm Kỷ Sửu, Sư bảo cạo tóc tắm gội, khoác mặc y phục rồi bảo đánh chuông, chợt Sư thâu thần. Bấy giờ, các đệ tử buồn khóc. Bỗng dưng, Sư mở mắt ngồi dậy, bảo rằng: "Hễ là người xuất gia, thì tâm chớ nương vào vật, đó mới thật tu hành, nhọc sanh dứt tử, có gì phải buồn, đắm chìm bởi tình, quá thô trước vậy!" Rồi gọi vị Tăng chủ sự; bảo thiết trai diên: "Trai nghi xong ta sẽ tịch". Nhưng nỗi lòng luyến mến của tăng chúng từ ngày đó kéo dài đến bảy ngày, trai diên mới hoàn bị. Sư cũng thuận theo, bảo chúng rằng: "Trai hội này đặt tên là "Ngu si". Bởi trách mọi người thiếu trí tuệ Bát-nhã. Đến lúc, vị tăng Xướng "tùy ý". Sư bảo: "Người xuất gia chớ vướng sự gì, ngay lúc cần kíp sắp đi như vầy mà huyên giáo như thế". Qua ngày mồng 8, tắm gội xong, Sư an tọa thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, bốn mươi hai hạ lạp. Vua Tuyên Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Ngộ Bổn Thiền Sư", tháp hiệu là "Tuệ Giác".

Liên quan thử bàn:

Đã đi rồi mà lưu lại nhiều ngày, thuở xưa cũng có việc như thế. Như ngài Lương Giới đây là bậc đến đi tự tại. Ở đời gần đây chỉ có một người là Sư mà thôi.

9. Truyện ngài Tạng Dị ở Tô Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tạng Dị, họ Trình, người ở xứ Tín An, thuộc Cù Châu. Thuở bé, thần khí Sư xán lạn, dáng mạo khôi ngô. Vào niên hiệu Nguyên

Hòa (806-821), Sư xin cha mẹ cho phép xuất gia, chí không thể bỏ. Sư thẳng đến nhạc Lộc ở Trường Sa, tới chỗ luật sư Linh Trí xin xuống tóc xuất gia. Ngài Linh Trí thấy Sư có chí nguyện mạnh mẽ khác thường bèn tiếp nhận Sư. Sau khi đã được đắp mặc pháp phục, Sư tìm đến Luật sư Trí Tổng chùa Khai Nguyên ở Võ Lăng cầu thọ giới cụ túc. Bấy giờ là niên hiệu Trường Khánh thứ 3 (823).

Nhân nghe khuôn phép Luật tạng, thấu rõ thiên tụ, Sư nói với bạn đồng học rằng: "Giáo môn nhiều rộng, nhưng có một cửa chung, điểm cần kíp của cửa chung là chưa qua chớ bỏ bè!" Sư bèn du tham học khắp thiền tông, gặp được đệ tử tài giỏi của ngài Mã Tố ở núi Long Nha, biết Sư là bậc pháp khí, một hôm ngài Long Nha hỏi Sư rằng: "Uẩn giới chẳng phải chân, Phật chúng sanh chẳng phải ta. Gốc chính của ông phải từ đâu mà có tên gọi, và do từ ai mà được?" Ngay lời nói đó Sư lãnh hội được ngàn vết đồng quy. Ngài Long Nha bảo: "Pháp nhãn, của ta chẳng bị mờ che". Đã toại nguyện mong cầu, được đại an tĩnh, Sư bèn từ giã trở về Kha Sơn, để tránh pháp nạn Hội Xương.

Đến niên hiệu Đại Trung thứ 6 (852), quận Thâu Thôi Công Thọ rất kính trọng Sư, nên dựng lập một thiền thất riêng tại chùa Long Hưng thuộc trong bổn châu và thỉnh Sư ở đó. Được vài năm, Sư đi đến Gia Hòa ở phương Bắc. Các hàng tín sĩ quay về nương tựa thỉnh Sư lưu lại tại chùa Chí Đức. Sư lại đến Cô Tô. Bấy giờ, Thôi Công Quân làm Thái thú tại quận đó, nghe danh tiếng Sư đã từ lâu, bèn thỉnh Sư đến trụ tại viện Nam Thiền. Mùa thu năm đó, Sư từ giã về lại Gia Hòa. Có Tín Sĩ Lã Kinh xả thí biệt thự tạo lập viện Vĩnh An. Bấy giờ, khoảng niên hiệu Càn Phù (874-880), có bọn giặc cướp khuấy phá, thiền khách phân tán, Sư bảo: "Bọn trộm cướp không bao giờ đến đây". Mãi đến lúc bọn giặc cướp đi theo đường khác, quả thật không tổn hại gì, Sư thấy biết trước đến như thế.

Đến ngày 12 tháng 10 niên hiệu Càn Phù thứ 3 (878), mây phủ khắp cả viện, có tiếng gà gáy chim kêu, Sư an tọa mà thị tịch. Chúng đệ tử gào khóc, Sư sống lại. Đến trước rằm tháng 3 năm sau (879), Sư từ biệt chúng mà thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, năm mươi sau hạ lạp. Bấy giờ, Đạm Giao vì Sư mà làm Chân Tán. Đến khoảng niên hiệu Càn Ninh (894-898), Sa-môn Thần Tán tấu dâng hành trạng của Sư, xin truy tặng thụy hiệu và tên tháp của Sư. Danh sĩ Ngô Trọng Du viết văn bia.

10. Truyện ngài Khánh Gia trụ núi Thạch Sương ở Trường Sa, thời Tiền Đường:

Thích Khánh Gia, họ Trần, người làng Ngọc Tứ, thuộc Tân Cam, ở Lư Lăng. Từ ông nội đến cha Sư đều chẳng làm quan, Sư là người có lời nói thanh bạch, phóng khoáng.

Năm mươi ba tuổi, Sư đến lễ bái Thiền Ông Thiệu Loan, thờ Ngài làm thầy, và được xuống tóc xuất gia tại phía Tây núi Hồng Tỉnh. Năm hai mươi ba tuổi, Sư sang Tung Sơn thọ giới cụ túc. Rồi tiếp đến học luật tại Đông Lạc. Đã biết thính chế, trọn gọi là Tiệm Tông. Sư trở về núi Nam Nhạc, đến núi Đại Quy, kế là đến Vân Nham, gặp được Đạo Ngô, hỏi rõ biết ý mới là vị tăng hai hạ. Sư đến được núi Thạch Sương, bèn có ý nghĩ trọn đời ở đó. Ngài Đạo Ngô đích thân đến núi Thạch Sương, thường ngày siêng năng hầu hạ qua lại hỏi đáp. Ngữ lục có chép trong Biệt Lục.

Sư có dung mạo cổ khí, thật ở đời không ai biết được. Bấy giờ, Ngài Động Sơn (Lương Giới) vừa mới viên tịch. Bỗng nhiên tại chỗ Ngài trở thành nơi mà Thiền khách phương xa đến vây quanh. Nhân đó, Sư vào núi sâu nơi cảnh không người, dựng am yên ở. Khi đó, chúng tăng truy tìm, bỗng có người thấy được, mọi người đều khóc gào, cùng nhau thỉnh Sư ra làm bạn với họ. Sư sắp an vãng nên sớm tối đều bị các vị du học thưa hỏi, nhưng Sư không lời khiếp sợ ứng đáp với họ. Và cứ thế, suốt hai mươi năm, ở trong Pháp đường, các bậc Lão Túc đều ngồi thẳng chẳng nằm, cao vợi như gốc cây khô. Trong thiên hạ gọi đó là “chúng cây khô ở Thạch Sương”. Ở phương Nam gọi đó là Tòng lâm, dịch Thiền-na là Tòng lâm công đức. Các bậc làm khuôn phép thanh tịnh cho bốn phương không ngoài đó.

Đến ngày Kỷ Hợi tháng 2 năm Mậu Thân (888) tức niên hiệu Quang Khải thứ 4, Sư thị hiện bị bệnh và thị tịch tại Sơn Viện, thọ tám mươi hai tuổi, năm mươi chín hạ lạp. Qua ngày rằm tháng 3, an táng ở góc phía Tây Bắc cách chùa vài trăm bước. Môn nhân đệ tử xây tháp thờ theo hình búi tóc. Đến ngày mồng 1 tháng 4 có ngài Thích Xử Nột kính mến đức hạnh của Sư, lo để lại danh thơm tiếng tốt, nên bảo Sa-môn Huyền Thái ở Nam Nhạc, ghi lục ngôn hạnh của Sư. Đệ tử ở các phương phân nhau hành hóa đạo của Sư. Vua Hy Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Phổ Hội Đại Sư”, tháp hiệu là “Pháp tướng”.

Kế nữa, có ngài Thích Hồng Nhân ở viện Kính Sơn, thuộc Hàng Châu. Sư họ Ngô, người xứ Ngô Hưng. Năm mười chín tuổi, Sư đến đảnh lễ Đại sư Vô Thượng ở chùa Khai Nguyên, xin xuống tóc xuất gia, Sư tinh chuyên trong mọi Phật sự mà không trễ nãi việc hậu hạ khăn bình. Năm hai mươi hai tuổi Sư được đưa sang chùa Hội Thiện ở Tung

Nhạc thọ giới cụ túc. Sư được bảo tụng giới bổn Tỳ-khưu, đến bảy ngày thì nhớ trọn bộ, bèn tập học Tỳ-ni, tầm truyền kinh giảng. Sư tự bảo: “Hễ làm tăng, thì phải có sự nghiệp trội vượt mọi người”. Ngài trở về lễ bái Bổn sư. Thầy Sư hỏi: “Ông, trong suốt một ngày đêm lấy cái gì để báo đáp bốn ân trong ba cõi?” Sư nghe lời hỏi vặn đó mà kinh sợ, mất hết bình tĩnh, ba ngày quên cả ăn uống. Thầy Sư gọi lại dẫn dụ chỉ dạy, Sư mới rõ được bổn sự. Như vậy, Sư gài trở về Vân Nhạc, rồi đến núi Đại Quy, mỗi mỗi đều là thiết tha, chứa thành tài giỏi. Thế rồi gặp phải pháp nạn Hội Xương, Sư cũng đồng bị trục xuất đuổi về, trong chúng tăng, có người thì buồn khóc, có người tức hận thán oán v.v..., Sư vẫn điềm nhiên bảo: “Là đại trượng phu cùng gặp phải ách nạn này, há chẳng do mạng hay sao? Vì sao lệ tình Nhi nữ như thế ư!” Lúc đó, Sư đến Trường Sa, gặp Tín nữ La Yến mời Sư về ở tại nhà mà cúng thí. Bởi Sư giữ pháp Bạch Y và Tỳ-kheo nên như lúc đầu không sai sót, nên trải qua hai năm mà như khách mới tới nhà.

Đến niên hiệu Đại Trung (847), mới bỏ luật phá hủy Phật pháp, Sư mới quyết định trở về viện Tây Phong ở quê nhà. Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865), Sư lên Kính Sơn thăm hầu Bổn sư. Qua năm sau, Đại sư Vô Thượng viên tịch, Tăng chúng thỉnh Sư tiếp nối ngôi pháp. Ban đầu chỉ có khoảng một trăm vị tăng, sau đông đến số ngàn. Bấy giờ, chúng tăng cùng chung sống nghiêm túc, không trái phạm gì. Vua Hy Tông ban tặng viện với biển ngạch đề là “Càn Phù Trấn Quốc”. Đến niên hiệu Trung Hòa thứ 3 (883), nhà vua ban tặng Sư y tía. Tới niên hiệu Cảnh Phước thứ 2 (893), Ngô Việt Quốc Vương Thượng Phụ họ Tiền đề cử tấu trình ban thưởng Pháp Tế Đại sư.

Đến ngày 28 tháng 9 niên hiệu Quang Hóa thứ 4 (901), Sư từ biệt chúng tăng mà thị tịch v.v... Thích Trường Sử ở Tráp Khê đắp họa tôn tượng Sư. Võ Túc Vương soạn chân tán. Đệ tử được truyền pháp của Sư có các vị như Tịch Công ở chùa Thê Hiền, thuộc Lô Sơn, ngài Nghĩa Trực ở Lâm Xuyên, ngài Linh Đạt ở viện Công Cự, Ngài Linh Đạt hoằng hóa thạnh hành ở cả Lưỡng Chiết. Cuối cùng thụy hiệu Sư là “Quy Tịch Đại Sư”.

Lúc còn sống, Sư có sự biết trước rõ ràng. Võ Túc Vương nhà ở tại núi Thạch Giám, đến lúc ứng mộ vào lính làm quân. Sư vừa trông thấy, cầm tay, cùng nói với những người đứng chung quanh rằng: hãy tự thương mình, ngày sau rất giàu sang, cùng các Đức Phật làm chủ”. Sau nhiều lần lập chiến công, Võ Túc Vương làm Hàng Châu mục. Nên tấu đặt hiệu cho Sư, ai thấy phải quỳ lạy, đàn thí nồng hậu, khác với

người thường. Lúc Sư thị tịch, giữ lấy lễ tang bởi nhớ lại lời Sư nói lúc còn bé.

11. Truyện ngài Đại An ở viện Di Sơn thuộc Phước Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đại An, họ Trần, người ở xứ Mân Thành. Ngài vào đạo từ thuở nhỏ, sớm phải bỏ bụi.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (818), vua Hiến Tông ban sắc thiết đàn Đâu-suất tại chùa Càn Nguyên ở huyện Bồ Thành, thuộc Kiến Châu, mới toàn bị giới phẩp. Bấy giờ, trời mưa mùi quế và đất mọc cỏ son. Thứ Sử Nguyên Tích viết sớ tay về điềm đó tấu trình lên đến Miện lưu, bèn trở về ngự lễ, ban chiếu đổi chùa Phụng Thê hiệu là đàn Linh Cảm. Sư nhân đó mà sang Hồng tỉnh, trên đường ra thượng nguyên, bỗng gặp một ông Lão bảo rằng: "Ông đến Nam Xương, chắc chắn sẽ được việc". Đến lúc Sư tham vấn luật học, ban đêm nghe hai vị tăng đàm luận, chợt tỏ ngộ ý chỉ của ba thừa, Sư bèn đem sự tu tập trao cho đồng bạn, rồi đi đến Lâm Xuyên, gặp được Thiền sư Tuệ Tạng ở núi Thạch Củng. Ngài Tuệ Tạng đề xướng, phải dùng cung nỏ mà dò xét người học. Trong lúc Sư đang lạy chưa ngẩng đầu lên, thì ngài Tuệ Tạng xướng: "Xem mũi tên bắn". Sư với thần sắc chẳng đổi thay, đối đáp không sai lầm. Ngài Tuệ Tạng bèn ném nỏ, bảo rằng: "Đã mấy năm mới bắn trúng có nửa người!"

Sư đi đến Ngũ Đài, xuống tắm rửa dưới ao rồng, tuy ngâm lâu sóng lăn tăn, nhưng hoàn toàn không có sự quái lạ mưa đá. Người thấy Sư tắm rất kinh sợ. Sau, Sư dừng tại núi Đại Quy, tham lễ Thiền sư Đại Viên. Lại chứng được điều đã nghe trước kia mà làm lương quả. Bấy giờ, Dư Chương Liên Sứ khen tặng Thái Úy Thôi Trinh Hiếu Công là chú út của Ngụy Công, rất khế hội Huyền Cơ, dốc tin đạo của Sư, bèn viết sớ đưa đi nhanh để thỉnh Sư, lời khen ngợi càng xán lạn.

Niên hiệu Hàm Thông thứ 14 (874), vua Tuyên Tông ban chiếu tặng Sư danh hiệu là "Diên Thánh Đại Sư" và tặng một bo pháp ý ca sa tía. Đến niên hiệu Trung Hòa thứ 2 (882) Sư thị hiện bị bệnh, cây đèn dong lớn trong pháp đường nơi chỗ Sư thị hiện ở bị cong gãy. Đến ngày 22 tháng 10 năm Quý Mão, tức niên hiệu Trung Hòa thứ 3 (883), Sư an tọa mà thị tịch ở trượng thất Di Sơn, thọ chín mươi mốt tuổi, sáu mươi bảy hạ lạp. Tục ban chiếu tặng Sư thụy hiệu là "Viên Trí Đại Sư". Tháp hiệu là "Chứng Chân".

Lúc bình thường, Sư không hề khạt nhổ dưới đất, chẳng ở trong

phòng ấm, tùy hóa mà mặc áo, trời mưa mới tắm. Sư có đệ tử hỏi pháp là Ngài Tuệ Trường, nhập quan tán dương đức hạnh của Sư, nên có truy tặng thụy hiệu cho Sư. Bát Lăng Tư Không Tướng Quốc kính mến những bậc đi trước, bèn soạn thuật văn khen ngợi công đức. Thi nhân Chu Phát dốc lòng kính trọng Sư, lúc bấy giờ vào núi thành kính đảnh lễ.

12. Thích Đạo Ưng ở núi Vân Cư, thuộc Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ưng, dòng họ Vương, người ở xứ Ngọc Điền, thuộc Tô Môn. Sư lúc mới sanh tinh thần đã đặc dị, hình thể sáng ngời. Lúc còn bé, bẩm khí đã không đồng, túc tâm vượt tục, tránh lìa cửa nhà lửa, lau mắt tìm thầy, nên thuộc về con của người luyện vàng. Thầy trao cho kinh pháp, tụng thông hết lại xin nữa. Năm tháng dần qua đến hai mươi lăm tuổi, Sư mới tới chùa Diên Thọ ở Phạm Dương cầu thọ giới cụ túc, thầy bèn bảo Sư tập học luật nghi Thanh Văn. Sư than rằng: “Với Đại Trượng Phu có thể dùng gông cùm mà trói buộc được ư?” Từ đó, bèn ôm tuyến nạp, chống tích hoàn vào núi Thúy Vi hỏi đạo. Suốt ba năm an cư tại đó, bỗng thấy có hai sứ giả áo mão khác thường, khuyên Sư rằng: “sao không đến phương nam tham vấn thiện trí thức ư?”

Sau đó không lâu, có vị tăng từ Dự Chương đến, thạnh xưng ngôn yếu của Thiền sư Động Thượng, Sư cảm động thần cơ, bèn chuyên đến đó. Như vậy, Thiền Sư Động Thượng rũ lòng tiếp nhận, Sư lại lãnh hội. Có lần hỏi Sư rằng: “Ta nghe Thiền sư Tư Đại đến Oa Quốc làm vua, việc ấy có thật hay không?” Sư đáp: “Nếu thật là Thiền Sư Tư Đại thì Phật còn chẳng làm, huống gì là Quốc Vương!” Từ đó, Thiền sư Động Thượng ấn chứng hứa khả. Ban đầu, Sư trụ tại Tam Phong, sau đến Vân Cư đề xướng. Bấy giờ, dòng họ Quý Chung đời Đường, nương cậy có Hồng tỉnh khuynh uy tín thành, mỗi lần thỉnh Sư vào châu thì dự bày thanh khiết tại Cam tử Đường để kính lễ Sư. Và dâng biểu trình tấu lên vua Chiêu tông ban tặng một bộ pháp y ca sa và phong hiệu cho Sư. Song, Sư đều chẳng lưu tâm để ý. Đồ chúng nơi Ngài dạy dỗ, mặc dù nóng lạnh xen nhau mà thường có hơn ngàn vị. Những thứ vây quanh cây hương ngưu đầu chiên đàn đều là Chiên-đàn, loài bay liệng cao quanh chim đại bàng chúa chẳng loài nào bằng chim yến. Bốn phương dâng cúng ngàn dặm cùng theo gió, như Kinh Nam Soái thành Nhuế sai mang đàn thí, động doanh đến hằng muôn.

Đến mùa thu năm Tân Dậu (901) tức niên hiệu Thiên Phục thứ nhất, Sư hiện bị bệnh, qua ngày mồng 3 tháng 1 năm sau (902), Sư thị

tịch, Dự Chương Nam Bình Vương họ Chung cúng dường chu cấp mọi sự trong tang lễ. Bấy giờ các đạo Thiền Tử cứ theo điều kính chuộng của xứ sở, tùy theo kinh khám đưa rước đến đâu thì đều liệt bày cây hoa, màn chướng thiết, soạn thức ăn đến đó, gọi là Trác tế. Một thời hung lễ hưng thạnh không đâu hơn. Thật tốt lành thay! Sư ra đời độ người suốt ba mươi năm, thì để lại sự kính ái như thế nào có thể biết.

13. Truyện ngài Hữu Duyên ở viện Liên Vân, thuộc Tấn Vân, thời Tiền Đường:

Thích Hữu Duyên, họ Phùng, người ở xứ Tử Đồng; thuộc Đông Xuyên. Ở độ tuổi tiểu học, Sư đến chùa Phước Cảm ở Thành Đô, phụng thờ ngài Định Lan Khai Sĩ, tức là thầy của vua Tuyên Tông. Sư theo hầu, ra vào thường ở trong cung. Một hôm, vua Tuyên Tông mời Sư đến và cầm nắm bút viết lên lưng Sư rằng: "Đồng tử này có duyên với trẫm! Do đó mà mời đến lễ".

Niên hiệu Đại Trung thứ 9 (855) bạch Công Mẫn Trung ra trấn giữ Ích bộ, mở giới đàn, Sư liền thọ giới cụ túc tại chùa Tịnh Chúng, rồi tiếp tục tập học kinh luật ở trong cung vua. Qua sau năm hạ, thân Sư mặc áo vải thô, tay cầm sắc mực, vân du khắp trong nước, tham kiến Tiểu mã thần chiếu, Phàm các tòng lâm thiền tổ ở đương thời, nơi nào Sư cũng chẳng đến lễ yết. Sư dừng trụ tại Hoa Sơn, thuộc Trừ Châu. Đến lúc Sư tới núi Võ Di ở phương Nam. Bấy giờ, Liêm Sứ Lý Hối xây dựng Thiền Thất cho Sư ở. Đến niên hiệu Càn Phù thứ 3 (876), Sư đến lập viện tại núi Đại Trại, ở Long Tuyền, thuộc Tấn Vân. Nhân đó tấu trình Tư Bộ cấp biển ngạch đề hiệu là Long An, ban sắc độ bảy vị tăng. Sư ở đó mười tám năm. Tuy an mà hay dời đổi đến ở viện Liên Vân. Thái Thú Lư ước, với tâm thành tin thực thỉnh Sư đến trụ biệt viện ở chùa Khai Nguyên, thuộc bổn châu, cúng dường tứ sự.

Đến ngày mồng 8 tháng 4 năm Đinh mão (907) thuộc niên hiệu Thiên Hậu, Sư thị hiện bị bệnh, qua ngày rằm tháng 6, Sư thị tịch tại Giải Thự, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Sư để lại di chúc Chế Trí Dương Tập Tư không lo làm chủ Tang Lễ, trà-tỳ ở phía Nam vườn chùa, sau khi lửa tắt phân chia xá-lợi khoảng mấy trăm viên. Sau, thâu nhặt bốn mươi chín viên và một bình di cốt, an táng trong tháp đá. Đến thời Hậu Tấn, niên hiệu Khai Vận thứ 2, tức năm Ất Tỵ (945), Luật Sư Văn Thái soạn văn bia tháp Sư.

14. Truyện ngài Nghĩa Tồn trụ viện Quảng Phước ở Vân Phong,

thuộc Phước Châu, thời Tiền Đường:

Thích Nghĩa Tồn, họ Tằng, sanh năm Nhâm Dần (822) tức niên hiệu Trường Khánh thứ 2 ở huyện Nam An, thuộc Tuyền Châu. Từ Vương Phụ trở xuống đều làm bạn với chư tăng gần gũi Phật pháp, thanh tịnh kính nguyện. Vừa mới sanh mà mũi Sư đã không ưa ngửi mùi máu thịt tanh nồng, đang ôm bầu sữa, mà nghe tiếng chuông khánh, hoặc thấy hình bóng vị tăng thì sắc mặt Sư liền tươi tắn lên. Do đó mà được mọi người mến thương từ khi còn ở dưới gối.

Năm chín tuổi, Sư cầu xin xuất gia, tức giận vì chưa được chấp thuận, năm mười hai tuổi, Sư theo gia quân đến chùa Ngọc Nhuận ở Bồ Điền. Tại đó có Luật sư Khánh Huyền trì hành cao khiết, Sư vội đến lễ bái và nói: "Đây là thầy tôi!" Ngài Khánh Huyền bèn giữ Sư lại làm thị giả. Năm mười bảy tuổi, Sư xuống tóc, đến tham yết Đại sư Hằng Chiếu ở núi Phù Dung, thấy lạ, nên Sư dừng ở tại chỗ đó. Đến thời vua Tuyên Tông phục hưng Phật giáo, đạo đó nhuộm mà chẳng đen, thân đó bóng nhoáng lộ bày ra, Sư vân du đến phương Bắc, tới các xứ Ngô, Sở, Lương, Tống, Yên, Tần. Và thọ giới cụ túc tại chùa Bảo Sát ở U Châu. Xong, Sư đến tham kiến các Danh sơn, khấu lễ các Thiền Sư, tự tại phiêu diêu, mây liệng chim qua. Bèn đến Võ Lăng, một mặt ở Đức Sơn, chỉ ở trân trọng mà ra. Đồ chúng tại đó khoản vài trăm vị đều chẳng thể lường biết. Ngài Đức Sơn bảo: "Đây là không thềm bậc mà ta được nó!"

Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865), Sư trở về núi cũ Phù Dung. Năm đó Đại sư Viên Tịch cũng dẫn dắt đồ chúng từ núi Đại Quy đến Di Sơn; chỗ đất Vương Chân Quân thượng thăng. Trong đồ chúng đó, ai đến Sư đã tiếp nối Đức Sơn, nhiều lớp ở trong cửa nghi. Sư cầm cự lâu ở đó thì có hành thật mới đầu cùng bàn luận rằng: "Đạo của ta cao vời vợi, chỗ vây quanh pháp môn không thể vội vàng. Tại đất nầy nếu như hình trải vàng có thể biết xinh đẹp ngần nào. Ở phía tây cách phủ hai trăm dặm có quả núi vây quanh kéo dài bốn ấp cao vợi vượt cả muôn nhận, nơi chót vót dùng viên ngọc tròn, lầu cao để trông thấy các núi xanh, đá quái tùng xưa nương nép rùa hạc, ao linh hang thẳm ẩn thấy rồng sấm. Trên đỉnh núi trước đây mùa đông tuyết đóng, giữa hè lạnh băng, cây cối ở đó đều có dây leo lòng thòng, phong rêu xanh rờn dùng làm áo mặc, giao thố mà chẳng phô bày hình thể. Dáng kỳ cảnh lạ chẳng thể nói hết tướng trạng. Tuy Hoắc Đồng Võ Di cũng chẳng thể thêm. Thật là thần tú của đất Việt Mân mà các tiên xưa kia không hề đến ở. Thật là hữu đãi đối với ta". Cầu nguyện đồng đi, mùa thu tháng

bảy, xuyên mây nhẹ bước, rêu leo hiểm trở lên điểm u huyền, sắp đến nơi đó. Sư bảo: "Thật là ta ở đây!" Đêm đó, quả thật thần núi hiểu linh, ngày mai hang núi sáng lãng, ráng khói bay động mây che đã đứng, trăng dựng sáng cùng. Xoay bánh xe pháp ở vô vi, dựng không môn nơi Hữu địa. Hành thật mới xin đặt tên núi đó là "Tuyết Phong". Bởi vì ở đó mùa đông tuyết đóng, mùa hè lạnh băng, lấy ý nghĩa của sông Hầu núi Thứu.

Như vậy, từ năm Canh dần đến năm Ất mùi (870-875), Sư lấy núi làm nơi mở mang đạo. Núi nhờ Sư mà hiển bày danh tiếng. Thích Tử trong nước chẳng chấp Hoa Hạ, kéo đến đó như mời gọi. Vào niên hiệu Càn Phù, có quán sát Sứ Kinh Triệu Vi Công, vào niên hiệu Trung Hòa, có Tư Không Dĩnh Xuyên Trần Công, thường khát Đề Hồ mà chẳng chịu đến uống, sai sứ đến khẩn gấp, Sư vì thế mà vào phủ, theo ước nguyện của người. Khi đó, trong nội quan có người chống lại lệnh ban vào kinh để nói về đạo Sư, trong chúng đó lại có người vượt tục tỏ ngộ Lý không, xin xác Phù hoa mà lại cởi giày cỏ. Vua Hy Tông nghe như thế. Hàn Lâm Học Sĩ phỏng hỏi Trần Diên Hiệu - người đất Mân, và được tấu trình về sự thật. Khi đó, vua mới ban tặng Sư danh hiệu là "Chân Giác Đại Sư". Và lấy một bộ y tía bảo Trần Diên Hiệu đến trao dâng Sư. Sưthọ nhận đó mà như không thọ nhận, đắp mặc đó mà dường không đắp mặc. Sư trụ ở đó thêm nhiều mùa hạ, đến đầu năm Tân Hợi (891), bỗng nhiên, Sư chống gậy mang giày, đồ chúng thưa hỏi mà Sư chẳng đáp, nhóm họp theo Sư về phương Đông đến Đan Khâu Tứ Minh. Năm sau (892) thuộc Vương Thị Trung bắt đầu chiếm cứ Mân Việt, bèn tắm gội binh lính dưới mưa pháp, dốc lòng kính lễ chốn thiền lâm, phảng phất đạo của Sư, thường trông về phía Đông. Hai năm sau đó (894) từ xứ Ngô trở về đất Mân, càng thêm lễ khác. Đến lúc Mân Dương, họ Vương phát thệ, ngoài việc chăm dưỡng muôn dân còn tôn sùng hưng thạnh đạo của Sư. Phàm mỗi lúc trai tăng xây chùa thảy đều thưa hỏi Sư. Vì thế, mà thêm nhiều chùa viện, thiết trí tôn tượng, đúc chuông để trang nghiêm núi đó. Vui mừng cúng thí để sung túc cho tăng chúng. Bấy giờ, từ Quan đến Phủ khắp đông tây đều là quý tộc, thường cùng trang nghiêm, cờ xí, lãnh hội pháp luận chẳng hề đổi thời. Chỉ suốt mười năm khẩn thiết ân cần, các Tăng sĩ xán lán đều theo vết Đàn-Na, những người săn bắn, chài lưới vội bỏ, tâm bắt cá bẫy chim.

Đến tháng 3 năm Mậu thìn (908), Sư thị hiện bị bệnh, Mân Vương vội chạy thuốc. Đến lúc trao thuốc, Sư bảo: "Ta chẳng tật bệnh gì, không thể công không". Cuối cùng chẳng uống dùng. Sau đó, Sư viết kệ

phó chúc pháp tử, viết thư từ biệt Vương Đình. Tới ngày mồng 2 tháng 5, chim thú buồn kêu, mây trôi ảm đạm. Đêm đó, lúc 18 giờ, Sư thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi, năm mươi chín hạ lạp. Tới ngày 15 tháng đó (05) xây tháp an táng. Ngày đó, Tăng Ni Sĩ thứ ở đất Mân vội vã tìm đến, nơi các đường hẻm không người ở. Mân Vương rơi lệ, nói rằng: “Thầy bỏ chúng ta sao vội thế!” Sai con là Trần Diên Bẩm đích thân đến cúng tế, lại làm lễ trai tăng vậy.

Sư hành hóa hơn bốn mươi năm, Tăng chúng bốn phương đua nhau tìm đến chỗ Sư giảng tông không thể kể xiết, bất luận mùa đông hay mùa hạ đều chẳng dưới ngàn rưỡi người, đồ chúng vây quanh chân Sư là hàng đi rảo, vội mà càng lìa xa, biện luận mà càng mê mờ. Trong đó hy vọng có các vị: 1. Ngài Sư Bị, dẫn dắt Đồ chúng ngài Huyền Sa (nay là nước An Quốc). 2. Ngài Khả Hưu, dẫn dắt chúng ở Động Nham, thuộc Việt Châu. 3. Ngài Trí Phu, dẫn dắt đồ chúng ở Nga Hồ, thuộc Tín Châu. 4. Ngài Tuệ Lăng, dẫn dắt đồ chúng ở Chiêu Khánh, thuộc Tuyền Châu. 5. Là ngài Thần Yến trú tại Cổ Sơn; Phước Châu, phân đèn hóa vật đều đáng thánh thưởng, ban tặng ca sa tía. Mà Huyền Sa cấp cho Đại Sư Tông Nhất.

Liên quan thử bàn:

Đạo của Tuyết Phong rộng lớn, người học tài giỏi trải khắp bốn biển. Song, môn sinh lưu xuất hình sắc chẳng đồng loại là tại sao? Huyền Sa nương Lăng-nghiêm mà vào đạo, sự thấy biết khác xa. Còn như ngạn ngữ nói: “mầu xanh thành mầu lam; mầu lam rời mầu xanh, thầy sao thường tại Minh kinh, cho nên có thuyết hơn thầy. Một là do Tuyết Phong tự soạn bài minh ở tháp, đã đến chỗ cùng tận. Và một là do Huyền Sa an lập ba câu quyết trạch mọi sở kiến, cực thành thấu suốt. Nay, giang biểu phần nhiều ưa chuộng phép học đó. Học đó hư thông không phiền toái, liễu đạt tiêu diêu chẳng bó buộc. Biết là gấp. Tuyết Phong hóa chúng thiết thực ở im lặng ngồi thiền, biết là giới gấp. Đó là bỏ một hoãn để thành một toàn, thì có thể biết vậy.

15. Truyện ngài Nguyên An ở Tô Khê, thuộc Lễ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Nguyên An, họ Đạm, người ở xứ Du Lân, thuộc Phụng Tường. Vừa độ tuổi tết tóc, Sư đến chùa Hoài Ân ở Kỳ Dương, xuất gia với anh là Luật Sư Hựu. Chỉ có kinh và luận, không gì chẳng thông suốt. Sư mới đến hỏi đạo Thúy Vi, kế tiếp Lâm Tế. Mỗi nơi hưởng thọ pháp vị no nê, chứa nhóm mùi thơm đầy bát. Đẽo gọt chạm trổ, lại phác tiêu

diêu tự như. Nghe ở Giáp Sơn Đạo Thạnh Chí Đức, Sư đến Lễ Dương thưa hỏi nhiều việc, lại thêm sáng tỏ. Sau, Sư mở núi Lạc Phổ, rồi trụ ở Tô Khê. Sư đáp dạy cho những người đến thưa hỏi tham học, phần nhiều lời văn hay đẹp, lưu truyền khắp bốn phương.

Sư thị tịch vào tháng 12 năm Mậu ngọ (898) tức niên hiệu Quang Hóa thứ nhất, thời vua Chiêu tông, thọ sáu mươi lăm tuổi, bốn mươi sáu hạ lạp. Trước lúc thị tịch, Sư dạy chúng rất nhiều từ cú Cảnh sách.

16. Truyện ngài Hằng Thông ở viện Tuyết Đậu, Minh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hằng Thông, họ Lý, người xứ Bình Ân, thuộc Hình Châu. Gia đình nhiều đời làm quan, Sư từ thuở ấu thơ đã biết học. Tô Tần hiển đạt vẫn còn ôm hoài hai khoảnh ruộng, Nguyên Lượng cao vợi chẳng tham năm đấu lộc, dù cho vượt trời ném đất, kéo tía yêu vàng, nháy mắt phù hoa đâu bổ ích, cuối cùng lễ cha mẹ!

Năm mười ba tuổi, Sư trốn vào Thước Sơn, hỏi đạo nương thầy, đã bỏ sách Nho, chỉ thích kinh Phật, Sư tinh cần sám tụng, khẩn thiết tham hầu khăn bình chẳng thôi, lúc đầu như cuối, được ân thế độ. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Khai Nguyên trong Bổn châu. Sau đó, Sư đến chùa Thuần Phước ở kinh Triệu nghe đọc kinh luật, suốt thời gian bảy, tám năm nghiên cứu tận cùng tạng giáo. Ngài mới tự bảo rằng: “Tôn giả Ma-Đằng vào Trung Hoa ở thời Hậu Hán dịch soạn văn kinh này. Thánh Trụ đến đời Lương lại làm sáng tỏ việc gì?” Nhân đó, Ngài khước từ Bắc Quyết, trải qua tham thỉnh ở phương Nam, gặp được Đại sư Chiêu Hiền Cảnh Sầm. Đại sư hỏi: “Ông người xứ nào?” Sư đáp: “Người ở Hình Châu”. Ngài Chiêu Hiền bảo: “Đạo ta chẳng từ kia lại!” Ngài nói: “Hòa-thượng còn trú tại đây chăng?” Từ đó, có chỗ vướng mắc đều bày tỏ, không nghi ngờ nào chẳng quyết trạch. Sau, Sư đến động Sơn, Thạch Sương, Sư đều đến tham lễ. Khi Ngài Chiêu Hiền thị tịch thì Sư giữ lễ đệ tử mà kính thờ.

Cuối niên hiệu Hàm Thông (874), Sư đến Tuyên thành: Thượng Thư Thôi Ngụ vốn kính phụng thiền môn, đón rước cung kính, thấy Sư nghi mạo thoát tục, hỏi đáp qua lại, ông rất vui mừng kính phục, bèn tấu đặt thiền viện ở núi Tạ Tiên hiệu là “Thụy Thánh” và thỉnh Sư ở đó. Học chúng đạo Phật ở bốn phương chẳng khơi mà tự nhóm họp. Bát Lăng phương bèn tấu dâng tặng hiệu cho Sư. Sư cương quyết từ chối bèn thôi. Cuối niên hiệu Trung Hòa; đầu niên hiệu Văn Đức (885-888), bọn giặc cướp đua nhau dấy động, Sư lãnh đạo đồ chúng đến Tứ Minh.

Tới niên hiệu Đại Thuận thứ hai (891), Quận mục Hoàng Quân Thịnh thỉnh Sư dừng ở tại Tuyết Đậu, giáo hóa hưng thạnh.

Tháng 7 năm Thiên Hựu thứ 2 (905), Ngài thị hiện bị bệnh, qua ba ngày, Sư tự vào phòng tắm gội, xong an tọa trên dường dây, nhóm chúng đốt hương, ân cần phó chúc, sau đó Sư chắp tay thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Đến ngày mồng 7 tháng 8 năm đó, dựng tháp đá an táng tại phía Tây nam cách viện hơn hai trăm bước.

Có thuyết nói rằng: lúc sắp thị tịch Sư nói "Ta là Bàng Huân". Đó là không đúng. Cao Tăng vô tác vì hành lục nên không nói thế. Nếu xem xét về niên lạp thì Bàng Huân đâu chính lúc tuổi hai mươi lại trốn nạn ư?

17. Truyện ngài Tuệ Tịch ở Ngưỡng Sơn, thuộc Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Tịch, họ Diệp, người xứ Tu Xương, thuộc Thiều Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư khẩn thiết cầu xin xuất gia mà cha mẹ không chấp thuận, đành thôi. Đến năm mười bảy tuổi, Sư lại cầu xin nữa, cha mẹ Sư vẫn còn do dự chưa quyết định. Đêm đó, có hai luồng ánh sáng trắng từ Tào Khê phát ra chiếu thẳng đến nhà Sư. Lúc ấy, cha mẹ Sư mới tỏ ngộ con mình chí thành mà cảm cách như thế! Sư chặt đứt ngón út và ngón vô danh ở cánh tay trái để trong bát đặt trên chiếu, quỳ thẳng trước thềm nhà, nói: "Đáp tạ công ơn cù lao như thế". Cha mẹ Sư biết không thể giữ Sư được nữa nên đành chấp thuận. Sư đến nương tựa Thiền sư Thông ở chùa Nam Hoa, cầu xin xuất gia. Năm mười tám tuổi, Sư còn là Sa-di, mà mang đạo cụ đi tìm tri thức. Trước tiên gặp ngài Đam Nguyên, vài năm sau, đã có sở đắc. Sau, Sư đến tham yết thiền sư Linh Hựu ở núi Đại Quy, Sư nương ở đó mười bốn, mười lăm năm chân bị khập khiễng, nên người thời bấy giờ gọi Sư là "Chân khập khiễng đuổi quạ". Phàm ở Thương Hoắc thường hay chỉ bày tướng đó. Bấy giờ, Vi Trụ đến chỗ Sư xin kệ, Sư lấy giấy bút, vẽ hình vòng tròn, dưới vòng tròn ghi chú rằng: "Nghĩ mà biết đó thì rơi vào đầu thứ hai, chẳng nghĩ mà biết thì rơi vào đầu thứ ba". Và phong dáng lại trình đạt. Từ đó có bấy nhiêu thế để chỉ bày cho người học, gọi đó là "Tông Phong của Ngưỡng Sơn"! Đồ chúng vén y đắc đạo khôn lường tính hết, thường hay có điềm thần dị, chợt đến chợt đi, mọi người chẳng ai lường hết được.

Sau, vua ban sắc truy tặng Sư thụy là "Trí Thông Đại sư", tháp hiệu là "Diệu Quang". Hiện nay truyền Pháp của Ngưỡng sơn, chỉ bày thành đồ tướng lưu hành ở đời.

18. Truyện ngài Tuệ Cung ở núi Tử Ngưng, thuộc Thiên Thai, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Cung, họ La, người ở xứ Mân, thuộc Phước Châu, gia đình nhiều đời theo Nho giáo, vốn chẳng giao thiệp với đạo khác. Lúc mới mang thai Sư, mẹ Sư mộng thấy tại chỗ ở nổi lên một ngôi tháp, cao lên tới tận trời. Đến lúc sanh Sư thì thông minh dĩng ngộ. Năm mười bảy tuổi, Sư thì đỗ Tiến sĩ, danh tùy kế xa, dẫn đến kinh quyết. Nhân đến chùa Phụng Nhật ở núi Chung Nam, mắt nhìn tôn tượng Tổ sư mà cởi mở vòng lưới thế tục, bèn xin xuất gia.

Sư giữ gìn tiết tháo, chăm việc tăng chúng, trải qua đủ thứ gian khổ đắng cay. Năm hai mươi hai tuổi Sư đến chùa An Quốc - vừa mới dựng lập, thọ giới cụ túc. Sau đó du phương, Sư men theo núi hiểm nguy lội qua chống hoang dã, mà không lộ vẻ khó khổ. Sư từng bị rắn cắn vào tay, chẳng tìm cầu thầy thuốc, mà độc tố tự tiêu. Sư gặp quỷ mị chiếm núi, bèn dẫn dụ tội phước mà yêu vật ngưng dứt. Sư đến Đức Sơn, thuộc Võ Lăng, tham yết Thiền sư Tuyên Giám, lãnh hội phong khí, do đó hợp đạo. Nhân chống tích trượng thi lễ của môn nhân. Sau khi Ngài Tuyên Giám thị tịch, Sư bèn đến Ngọc Sơn, kế đến Tín Châu. Thứ Sử xây dựng viện Tây Thiền lễ thỉnh Sư ở đó. Đồ chúng có đến mấy trăm vị, Sư ở đó hơn một năm, vì chốn thành quách ồn ào phiền tạp, nên Sư lại vào núi Mã Quan, ở Trường Khê, thuộc Phước Châu. Rồi từ núi Mã Quan đến núi Phú Dương ở Tuyền Châu. Những chỗ Sư đến, đàn việt đua nhau tìm tới, đồ chúng ở phường giải bát thiền lập thành. Đó là vì các hàng sĩ thứ ảnh hưởng kính phụng như vậy.

Niên hiệu Cảnh Phước thứ 3 (894), Sư cùng môn nhân đến Thiên Thai, ở Châu Mục, thuộc Kinh Triệu, Đỗ Hùng lưu giữ nên Sư ở lại. Đỗ Hùng Nhân đó mà lập viện Thụy Long ở núi Từ Ngưng, thỉnh cầu Sư mở mang trường giảng để khai ngộ người mê. Tăng tục cùng nhau tụ hội, hương hoa chất thành núi. Vào giờ ngọ tháng 12 năm Quý hợi (903) tức niên hiệu Thiên Phục thứ 3, Sư bảo chúng đánh chuông, ngoái nhìn chung quanh, bỗng nhiên Sư nói: “Đi!” và ngồi kiết già, nhắm mắt an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi hai hạ lạp.

Ngài mở mang Tông Viên Đốn, ở ngôi vị đạo đức tối cao, thị tịch không đổi tên, tháp không có bảng đề đủ thấy rằng phù danh là gông cùm. Môn nhân thượng túc của Sư bèn trồng cây thông, mang đất góp sức tôn thờ tháp miếu, cái gọi là “pháp không chẳng hoại nhân duyên”. Nhân duyên có đó, hiếu hạnh không tổn thương đạo.

19. Truyện ngài Văn Hỷ ở viện Long Tuyền, thuộc Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Văn Hỷ, họ Chu, người ở xứ Ngự Nhi, thuộc Gia Hòa. Lúc mang thai Sư, mẹ Sư mộng thấy ăn nuốt ba lá đào. Đến lúc sanh Sư, càng chẳng ưa thích mùi vị tanh nồng.

Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ Sa-môn Thanh Quốc ở chùa Thường Lạc trong ấp, cầu xin xuất gia. Ngài Thanh Quốc liền cho Sư đến Vị Dương để tụng kinh và sám văn mười quyển, xong mới xuống tóc. Ngài đến chùa Khai nguyên ở Việt Châu, học kinh Pháp Hoa, tập văn cú Thiên Thai liền diễn giảng được, nghiên cứu tỉ mỉ phân trung nên có thể giảng dạy người. Niên hiệu Khai Thành thứ 2 (837), Sư đến Quận Triệu thọ giới cụ túc, tập học Luật Tứ Phần. Đến thời pháp nạn Hội Xương thanh trừng đào thải Sư mặc áo trắng, mà trong tâm kín giữ không đổi. Vào những năm đầu niên hiệu Đại Trung theo lệ có Trùng sám độ, Sư đến chùa Tề Phong ở Diêm Quan giảng thuyết. Sau đó, Sư sang lễ yết Thiền Sư Tánh Không ở núi Đại Từ. Ngài Tánh Không dạy bảo Sư rằng: "Sao ông chẳng học theo Đồng tử Thiện Tài mà tham lễ khắp nơi?"

Đến năm Nhâm ngọ (862) thuộc niên hiệu Hàm Thông, Sư tới viện Quán Âm ở Dự Chương, được gặp ngài Ngưỡng Sơn ngay lời dạy bảo mà Sư tỏ ngộ tâm mình. Ngài Ngưỡng Sơn cho Sư giữ chức thường trụ. Một hôm nọ, có vị tăng dung mạo khác lạ đến cầu xin trai thực, Sư liền giảm bớt phần ăn của mình mà dâng hiến. Ngài Ngưỡng Sơn biết trước, nên hỏi Sư rằng: "Vị tăng ấy đã chứng quả đến cầu thực, ông cung cấp có chu toàn chăng?" Sư đáp: "Bớt phần mình mà cúng dâng". Ngài Ngưỡng Sơn bảo: "Ông được lợi ích lớn!" Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), Sư đến Triết Hữu, dừng ở núi Thiên Khoảnh, cất thất mà ở đó.

Niên hiệu Hàm Thông thứ 10 (869), Lưu Nghiêm Hợp Mã ở Dư Hàng, thỉnh Sư đến trụ viện Cổ Thành, ở Long Tuyền. Sư đến ở đó được mười một năm. Tới năm Kỷ Hợi (879) thuộc niên hiệu Càn Phù, giặc cướp đất đến Dư Hàng, Sư lánh nạn đến ở Hồ Châu, ngoài ra chẳng dừng ở đâu. Thứ Sử Đỗ Nhụ Hưu thỉnh Sư đến ở viện Nhân Vương. Đến niên hiệu Quang Khải thứ 3 (887), Võ Túc Vương họ Tiền mới lấy lại Quận Hàng, ban sớ thỉnh Sư đến ở Giải thự thuộc Long Tuyền, nay là viện Từ Quang. Đến niên hiệu Đại Thuận thứ 2 (891), Uy Thắng Quân Tiết Sứ Huân Xương, và Võ Túc Vương đồng năm phát biểu dâng luận, cả hai đều ban tặng y tía. Niên hiệu Càn Ninh thứ 4 (898), tấu trình tôn xưng Sư hiệu là "Vô Trước".

Đến niên hiệu Quang Hóa thứ 3 (901), Sư thị hiện bị bệnh, qua ngày 27 tháng 10, Sư ngồi kiết già mà thị tịch tại giải thự thuộc Châu Quách, thọ tám mươi tuổi, sáu mươi hạ lạp. Lúc Sư thị tịch trên phương trượng phát ra luồng ánh sáng mầu trắng. Cây trúc biến thành mầu trắng. Đến ngày 22 tháng 11, thỉnh nhập tháp tại gò ở phía Tây núi Linh Ẩn.

Sư vốn có hình mạo cổ phác, xương cứng mà gầy. Giới đức ở thiền môn thật là bậc tri thức. Ban đầu, lúc Sư ngụ ở tại Tráp Xuyên. Mùa hè niên hiệu Quảng Minh thứ nhất (880), có loài sâu Hoàng bay che khắp trời đất, ăn hại lúa mạ, Sư tự chống tích trượng treo máng áo ca-sa lên trên, dựng giữa khoảng trống. Loài sâu trùng đó sắp xuống, bèn gắng tiếng kêu nó, tất cả đều vụt bay đi, lúa mạ trong mười khoảnh riêng năm đó được mùa. Ngài có sự cảm thông đến như thế! Có thuyết nói rằng: Sư được truyền y ca-sa của ngài Mã Tố, để làm Tín Bảo. Sau khi an táng, vào tháng 8 năm Nhâm tuất (902) tức niên hiệu Thiên Phục thứ 2, Tuyên thành soái Điền Quân Ứng Hàng cùng định làm loạn, thao túng binh lính, cướp bóc cùng khắp, đập phá tháp Sư, thấy nhục thân chẳng mục rã, như đang nhập thiền định, tóc móng tay đều dài ra. Võ Túc Vương lấy làm lạ, sai Tướng Thiệu chí cúng Tế, sau đó bít lấp lại.

20. Truyện ngài Duy Tĩnh ở núi Phục Long, thuộc Minh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Duy Tĩnh, người xứ Ngô Môn. Năm đã ba mươi tuổi, hình mạo kỳ lạ, lại giống như ám độn, Sư vào chùa Quốc thanh đi khắp tăng phòng mà xướng rằng: “Xin người xuất gia hãy giữ gìn. Sư xuống tới viện Kinh Tạng, thấy Đại Đức Tuệ Chính là bậc thầy Xà-lê của cả hai chúng, Sư liền quỳ lạy, tỏ bày ý nguyện thành thực xin được tiếp nhận, ngài Tuệ Chính liền chấp nhận và cho xuống tóc, thọ giới cụ túc ở Thiên Thai, Sư tạm trở về bái tạ ngài Tuệ Chính, rồi bèn tìm phỏng các danh sơn, nơi nào có thiện tri thức, thì Sư hẳn trải qua ấm lạnh. Từ đó, Sư chuyên cần đối với thiền pháp, không hề phát ngôn, và liền đến ở đạo tràng kim địa; nơi Thiền Sư Định Quang phế bỏ, Rồi Sư lấn sao đến chùa Thiền Lâm vào lúc dùng cháo sáng mà có nhiều Hổ Báo theo đến cửa chùa. Hổ quỳ dưới đất như đợi hầu, lúc Sư trở ra, lại theo Sư trở về đến kim địa, mãi đến sáng, thấy nhiều dấu vết rất lớn, Sư sợ mọi người biết nên dùng bừa để cào xóa vết chân hổ. Bỗng nhiên Sư mắc bệnh ung nhọt sau lưng khó ngủ. Có phân loài chim bôi thoa vào vết thương, chẳng bao lâu thì lành hẳn. Sư lại dự liệu mùa băng tuyết nên chuẩn

bị nửa hộc lúa canh, mỗi ngày dùng xoong kèm với rau để nấu ăn, Sư để lúa canh giữa đất trong hầm hố, trải qua thời gian lâu mà gạo vẫn thường đầy đủ chẳng phải cày cấy. Sư bèn xây dựng lại mà bảo rằng: "Ta nhờ vật này mà biết là phi lý". Rồi Sư tìm đến ở núi Phục Long, ở núi đó có thể nhìn ra biển, thế núi cao chót vót. Xưa kia Sa-môn Giám Gia từng ẩn cư tại đó, ngài Giám Gia là em ruột của thân mẫu Đường Vương Tướng Quốc, giỏi về văn, chuyên tu đạo, Thứ Sử thường đến đó tham yết ngài Giám Gia. Sư cũng tiếp nối ẩn cư ở núi đó. Thứ Sử Hoàng Thịnh thường đến thỉnh Sư ra khỏi châu, cúng thí rất nhiều. Cuối cùng Sư đến lập viện ở núi tại phía bắc Phụng Xuyên, Sư thị hiện bị bệnh mà an tọa thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi, an táng ở dưới núi. Tháp thờ Sư đến nay vẫn còn.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 12 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 13

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 6 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bảy vị, phụ có sáu vị).

1. Truyện ngài Viên Thiệu chùa Phong Thiền, ở Đông Kinh, thời Tiền Đường:

Thích Viên Thiệu, họ Tôn. Tổ Tiên Sư vốn người Phú Dương, ông nội của Sư làm quan tại Nam Yên, do đó trở thành người xứ Bạch Mã, thuộc Cốt Đài. Năm Sư vừa mới hiểu biết thì thiên nhiên tuấn tú, bọn trẻ ở gần đùa vui thì Sư chỉ điềm nhiên, chúng rượt đuổi nhau thì riêng Sư nhàn tĩnh.

Năm mười tám tuổi, Sư mới toại chí nguyện xuất gia, kính thờ Thiền Sư Chánh Giác ở chùa Minh Phước làm thầy. Ngài Chánh Giác lấy làm lạ, tuy dạy các đệ tử nhưng riêng chấp nhận Sư, nói rằng: "Đây là pháp khí vĩ đại trong cửa chân không". Năm hai mươi hai tuổi, Sư đến Luật sư Hương Đăng, ở nghĩa đàn thuộc Tương Châu cầu thọ giới cụ túc. Sau đó, Sư lên đường hỏi đạo tìm thầy, bắt chước Tổ sư tham học đạo huyền, ngoài ba y như chim ha cánh và một bình bát thì Sư không có một vật gì khác, chỉ thệ nguyện học Thiền tông, đứng dưới tuyết truyền y. Đó vốn là ước vọng của Sư. Các xứ Tam Tương, ngũ lãnh, nhị thục, lưỡng kinh hễ nơi nào có tòng Lâm, thì Sư đều đến tham lễ, đã thấu suốt thâm sâu, tỏ ngộ cơ tâm, Sư bèn chống tích đến Di môn, tức chùa Thủy Nam, ở Thương Viên, nay là chùa Khai Bảo.

Niên hiệu Đại Trung thứ 10 (856), Sư đến gặp Đường Tướng Quốc Bùi Công Hưu, Thôi Điều thương đảnh đến trấn Ngụy Giao, đồng khí tương cầu, một lời hợp đạo, liền ban cho Sư ở viện Kim Đông Thượng Phương. Sư nhóm họp thiền chúng, khổ nỗi ở đó chật hẹp, bèn mở ở phía Tây của Thượng viện, tổn hại ở trên, ích lợi ở dưới. Bấy giờ, đàn

thí tìm đến rất đông, người mặc áo nạp có đến mấy trăm, sư mở rộng núi Di môn đến cao vợi. Sư là pháp tôn của Thiền sư Hà Trạch Thần Hội Tổ thứ 7, Sư diễn pháp vô niệm, chỉ bày chân tâm, thấy suốt Mật truyền của Đạt-ma, thông cùng thú hướng sâu xa của Tuệ Năng - Nam Tông. Bấy giờ, những người tham học dẫn dắt Đồ chúng đến càng đông. Gặp Nguyên soái Tướng quốc Vương Tấn Công Đạc cho rằng: "Đạo của Sư hành hóa thông cảm đến thần kỳ, công hiệu linh nghiệm, ban rưới cam lồ nơi khoảng trời cao, thấm điềm tốt lành khắp cùng cây cối". Bèn trình tấu lên vua Hy Tông ban sắc biển ngạch của viện là "Song Lâm" và tặng Sư danh hiệu "Pháp Tế", riêng sắc lệnh độ cho bảy vị thị giả. Thời gian đó, pháp hội hưng thạnh, các hàng sĩ thứ thảy đều quy tâm, chỉ hơn bốn mươi năm mở mang mà có đến cả muôn người, đệ tử tăng ni hơn năm trăm vị.

Đến ngày mồng 4 tháng 7 năm Ất Mão (895) tức niên hiệu Càn Ninh thứ 2, Sư bảo chúng rằng: "Hãy mau tự liễu đi, vốn là thoát sanh tử, nếu không rõ huyền chỉ, lúc nào mới được thoát? Tôi như cảnh trời chiều xế bóng, đây là lời nói sau cùng!"

Rồi Sư ở trong phương trượng vắng lặng mà thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. Vua Chiêu Tông ban sắc xây tháp ở góc Tây Nam của Bổn viện để thờ. Qua năm năm, đến ngày mồng 2 tháng 2 lại mở tháp ra, thì thấy tóc dài nửa tấc, nghi mạo vẫn như lúc còn sống, mới dâng hương hoa cúng dường bảy ngày, mọi người xa gần chiêm ngưỡng lễ bái, khen ngợi lạ lùng đó. Thế rồi, hành pháp trà-tỳ, trong lửa chợt phát ra ánh sáng thần năm mầu, thâu nhặt được hơn trăm viên xá-lợi, tùy ý mang đi khắp nơi. Đãi nhặt gần được ngàn viên, mầu tươi như ngọc sạch, xán lán tợ châu tròn, ứng nghiệm thật do năm phần hương huân thành, chẳng phải là một đời chứa nhóm. Bốn chúng lại kính thành đón rước nhập tháp. Năm đó là năm Mậu Ngọ (898) dưới thời vua Chiêu Tông.

Huy Dương Tướng Quốc Viên Tượng trước trấn giữ tại Lăng Giao, đệ tử của Sư là Tuệ Ái v.v... cùng chung hưởng pháp nhũ, nên nêu bày hành trạng của Sư và xin hành lễ ban thụy hiệu, trong năm Quý Dậu (913) tức niên hiệu Càn Hóa thứ 3 đời Hậu Lương, vua Thái Tổ sắc tặng Sư danh hiệu khác là "Định Giác", tháp hiệu là "Linh Hóa" đến tháng 9 niên hiệu Trinh Minh thứ 4 (918) Ngài Tuệ Ái v.v... muốn phô bày tán dương đức hạnh của Sư nên dựng lập bia. Vua Mạc Đế (thời Hậu Lương) ban sắc chấp thuận. Khai Phủ Y Vương Công Toản soạn văn bia.

2. Truyện ngài Pháp Phổ ở núi Hoàng Cương thuộc Kỳ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Phổ, họ Phan, người ở xứ Lư Giang, dáng mạo khô gầy, tánh tình khoan dung, Sư mặc áo nạp mà du phương.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), Sư thấy núi Hoàng Cương sắc mầu đẹp lạ, đỉnh núi cao chót vót, trong rừng rậm rạp ấy có đàn đá bằng phẳng và cao, Sư bèn cởi giày, chống tích trượng vào trong trải chiếu gai mà ở, thời gian lâu, bèn dựng cây lợp tranh chỉ để dung thân mà thôi. Sau đó không lâu, có một người từ tiểu kinh đi đến thấy Sư bèn kinh sợ. Sư hỏi: "Có duyên sự gì đi đến nơi này?" Người ấy đáp: "Tôi vốn đi qua Sơn Lộc, thấy trên đỉnh núi cao hơi khí mầu tía phát túa cuộn quanh, thật là thích ý, nghĩ rằng núi này có lắm vật nên lại đây!" Rồi người ấy nhìn Sư chập lâu mới đi. Hành giả dưới núi nghe nói tìm đến, chưa được mấy năm mà những người học thiền có tới cả trăm người. Sư từ khước mà bảo rằng: "Lão Tăng đây ở một mình, không vật lợi người. Các ông cũng không thiếu thốn gì". Từ đó, am nầy ở rất đông người. Đệ tử Sư là Quảng Nghiêm, v.v..., xây dựng thành Đại Viện. Tự nhiên thiền khách truyền đạo của Sư nhiều không thể tính kể. Một hôm, Sư nhóm chúng để từ biệt, bảo rằng: "Ta đến lúc đi rồi, các ông hãy khéo trụ mà quý tiếc!" Rồi ngồi kiết già trên giường mà thị tịch. Nhục thân Sư không rã hoại. Sau đó, dùng bùn thơm bôi phết lên.

Đến niên hiệu Càn Phù (874-880) lại sửa sang và dựng lập bia tụng v.v...

Kế nữa, có ngài Thích Hữu Tĩnh trụ chùa Hoa Nghiêm ở kinh thành Lạc Dương, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thuộc phong hạnh Thiền đạo của Động Sơn. Sư đến xây dựng ở đó, giải thích điều nghi nhanh như chớp, rồi trở về vị trí cũ. Đi ngược lên phương bắc, Sư đến Ấp Lạc khai diễn. Nhân ứng phó thỉnh trai ở nội cung, các danh công đều cầm lấy kinh đọc tụng, riêng Sư và các đệ tử Sư đều ngồi im lặng. Đế Tuyên hỏi: "Sao chẳng tụng kinh?" Sư trả lời vẫn làm vui lòng Đế Tuyên. Sư trở về Bình Dương mà thị tịch, thâu nhặt được xá-lợi, bốn phương xây dựng tháp, Sư được ban tăng thụy hiệu là "Bảo trí Đại Sư", tháp hiệu là "Vô vi".

3. Truyện ngài Trí Nhàn ở viện Hương Nghiêm, thuộc Đặng Châu, thời Hậu Lương:

Thích Trí Nhàn, người ở xứ Thanh Châu, thân cao bảy thước, nghe rộng nhớ nhiều, có tài năng sách lược. Bà con bạn thân thấy vậy, nói với

Sư rằng: “Ông hãy cố sức học thì ngày sau sẽ thành đồ tốt để giúp ích cho đời”. Không bao lâu, Sư từ biệt thân thích mà xuất tục. Thế rồi, tâm bền chắc kính mến Phật pháp, Ngài đến phương nam, tham lễ Thiền Sư Linh Hựu ở núi Đại Viên. Cả chúng hội đều tôn sùng Sư là bậc tài giỏi thông minh. Một hôm, ngài Đại Viên gọi Sư đến mà đối đáp, Sư mịt mờ, Ngài bèn đem tất cả các ngữ yếu của thiền đức các nơi cùng một lúc thiêu đốt, bảo rằng: “Bánh vẽ không no được bụng kẻ đói!” Rồi hướng về vết tích của Quốc Sư Trung ở Nam Dương mà sống, tình cờ cắt phát cỏ cây, đánh chạm vào hòn sỏi, Sư bèn phát cười, thầm có sở chứng, mà tuôn trào các bài tụng xướng. Từ đó, Sư mở mang thạnh hành, sau khi thị tịch, vua ban tặng Sư thụy hiệu là “Tập Đăng Đại Sư”, tháp hiệu là “Đình Phước”.

Kế nữa, có ngài Thích Đại Đồng ở núi Đầu Tử, thuộc Đồng Thành, ở Dã Châu. Sư họ Lưu, người ở xứ Hoài Ninh, thuộc Dã Châu. Từ thuở bé, Sư đã có tánh cứng rắn, ngay thẳng; khí độ của bậc lão thánh. Nhân đến cầu xin xuất gia với Thiền Sư Mãn ở Bảo Đương, thuộc Lạc Hạ. Ban đầu, Sư tập học kinh An-ban, quán nghiệp sắp thành, bèn cầu biển tánh Hoa Nghiêm. Sư lại mang Tích trượng đến tham yết pháp hội ở núi Thúy Vi, đồng lúc Phục Ngưu Nguyên Thông khơi phát thỉnh ích mà Sư tỏ ngộ ý Tổ. Từ đó, Sư du trở về quê cũ, ẩn náu tại núi Đầu Tử, xây dựng am tranh, nương sống đạm bạc để cầu chí ấy.

Vào niên hiệu Trung Hòa (881-885), giặc cướp lan tràn khắp kinh, thiên hạ nghịch loạn. Có bọn giặc cầm mũi nhận đến hỏi Sư: “Ông ở đây làm gì?” Sư dùng Phật pháp mà đối đáp, Khôi Cừ nghe mà lạy dài, cởi bỏ áo giáp trên thân mình bỏ xuống núi. Đến ngày mồng 6 tháng 4 năm Giáp Tuất (914) tức niên hiệu Càn Hóa thứ 4 đời Hậu Lương, Sư ngồi kiết già mà thị tịch, thọ chín mươi sáu tuổi, bốn mươi sau hạ lạp. Sư hoằng hóa ở núi đó hơn ba mươi năm.

4. Truyện ngài Quang Nhân ở Sơ Sơn, thuộc Phủ Châu, thời Hậu Lương:

Thích Quang Nhân, không rõ Sư là người xứ nào, thân hình thấp bé. Từ thuở nhỏ khí phách Sư đã trội vượt người khác. Tinh sáng khác với người thường. Sư sớm tham học ở Đông Sơn, vào sâu nghĩ lý kín mật, biện luận lại hơn người. Sư từng hỏi Thiền sư Hương Nghiêm, nhưng điều giải đáp có sự thiên lệnh. Sư bảo: “Tôi vì lụy kén trọng tơ mà đến, chẳng lẽ không mệt nhọc ư?” Rồi bèn thóa nhổ giữa đất, bỏ đi. Sau, Sư trú tại Sơ Sơn, thuộc Lâm Xuyên, những người học thiền

tìm đến thưa hỏi, rất có ngôn từ. Sư có soạn các bài tụng về "Tứ Đại"; "Lược Hoa Nghiêm trưởng giả luận" lưu hành ở đời. Sau khi Sư thị tịch, nhập vào trong khám, đã có con nai trắng đến trước linh quỳ gối, Tăng chúng lúc bấy giờ cho đó là Nai kính điếu.

Kế nữa, có ngài Thích Bản Nhân, ở viện Bạch Thủy, thuộc Quân Châu, không rõ Sư là người xứ nào. Sư đắc tâm ấn ở pháp tịch ngài Động Sơn. Tuy Sư ít đàm đạo, nhưng người khắp nơi tìm theo như bóng theo hình. Sư khước từ họ lại tìm đến. Sư bèn theo sự thỉnh mời của người Đan Dương mà đến ở. Sau đó không bao lâu, vào niên hiệu Thiên Phục (901-904), Sư đến viện Bạch Thủy ở Cao An, thuộc Hồng Tỉnh nhóm chúng, Sư sắp nhập diệt, trước xúc xứ bảo trái, bèn nhóm chúng, đốt hương, bảo: "Đến lúc khói hương cháy tan hết là ta nhập tịch". Và đúng như lời nói, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch.

Kế nữa, có ngài Thích Cư Tuần, ở núi Long Nha. Sư họ Quách, người ở xứ Nam Thành, thuộc lâm Xuyên. Năm mười bốn tuổi, Sư thức tỉnh cuộc đời là vô thường mà giữ sự điềm đạm, cầu xin cha mẹ được xuất gia tại chùa Mãn Điền, ở Lô Lăng. Sư đến Tung Sơn thọ giới cụ túc, đã nghĩ chọn gỗ, mới tham thiền hội Thúy vi, mê lại chưa trở về chẳng biết chỗ đến. Nghe lời huyền cách cao xa của Động Thượng, Sư đích thân tìm đến, Sư bước tới hỏi: "Thế nào là ý Tổ?" Động Thượng đáp: "Nếu nước trong động chảy ngược sẽ nói cho nghe." Ngay lời đó Sư thấu suốt huyền vi. Ngài ẩn chúng bặt tăm suốt bảy, tám năm, chăm chăm dấu sự tỏ sáng, nhưng lâu thì thông. Sở Vương dòng họ Mã ở phủ Thiên Sách vốn cậy nhờ Phương âm, kính thờ Sư như cửa hiếu để bẩm phụng Tỳ trưởng, nên thỉnh Sư đến trụ tại Thiền Viện Diệu Tế ở núi Long Nha, đông đúc đồ chúng thường nhóm hop cả năm trăm vị, bèn tấu trình đề cử triều đình ban tặng Sư y tía, tôn xưng hiệu Sư là "Chứng Không", lúc đó là đầu niên hiệu Trinh Minh (915) thời Hậu Lương. Ở dưới Phương Nhạc gọi đó là Thiền Quật, xem thất đó được môn đó cũng nối nhau. Đến tháng 8 năm Quý Mùi (923) tức niên hiệu Long Đức thứ 3, Sư bị bệnh kéo dài đến ngày 13 tháng 9 thì thị tịch. Sư ra đời hơn bốn mươi năm, có nói rõ ở Biệt lục.

5. Truyện ngài Sư Bị ở viện Huyền Sa, thuộc Phước Châu, thời Hậu Lương:

Thích Sư Bị, họ Tạ, người ở đất Mân. Thuở nhỏ, Sư dũng cảm sáng suốt, đam mê câu cá, thường thả thuyền nhỏ nổi trôi trên sông Nam Đài để tự vui. Thuyền đó lơ lửng như rỗng không, đồng loại chẳng

thể lường biết. Một hôm, Sư bỗng nhiên phát ý xuất trần, Sư ném cần câu, bỏ thuyền lên núi Phù Dung xuất gia. Lúc đó là đầu niên hiệu Hàm Thông (860).

Sau, Sư đến chùa Khai Nguyên ở Dự Chương thọ giới cụ túc rồi trở về quê cũ. Ở trong Sơn Môn, Sư gắng sức làm việc nặng nhọc, không việc gì chẳng dẫn đầu. Thân mang áo vải thêm giày gai quấn cỏ, bớt ăn vật thực mà nói nín có thường, mọi người đều kính sợ. Sư mênh mông đại độ, dù có chước khéo kế hay cũng chẳng thể lường biết. Sư có bạn đồng học là pháp huynh Nghĩa Tồn ở Tuyết Phong. Qua một vài lần cùng gặp, ngài Nghĩa Tồn phần nhiều chăm chú vào Sư cho là "Bị Đầu-đà". Một hôm, hỏi ngược Sư rằng: "Đầu-đà sao chẳng đi tham lễ các nơi?" Sư đáp: "Đạt-ma chẳng đến Đông Độ, Nhị Tổ không sang Tây Thiên". Ngài Nghĩa Tồn rất mến quý Sư và lúc khai hoang Tuyết Phong thì Sư cũng đổ lắm công sức, dòng họ Vương mới có đất Mân, tấu trình triều đình ban tặng Sư y tía, tôn xưng hiệu là "Tông Nhất Đại Sư". Đến niên hiệu Khai Bình thứ 2 (908), thời Hậu Lương, ngày 27 tháng 11 năm Mậu thìn, Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp. Mân Việt Trung Ý Vương, họ Vương xây tháp thờ Sư.

Suốt ba mươi năm, Sư mở mang hoằng hóa, thiền khách có bảy trăm vị, trong đó, vị đắc pháp của Sư, thì tăng chúng đều suy cử ngài Quế Thâm là Thượng túc. Đến nay, môn nhân ở Lưỡng triết, đều thạnh hành truyền bá rộng tông đó, đệ tử nối pháp rất nhiều nhiều. Với sự kiến lập của Sư thấu quá sơ môn Đại thừa. Người học ở Giang Biểu không ai chẳng nương gió mà đè cỏ.

6. Truyện ngài Tồn Thọ ở núi Thê Nham, thuộc Phủ Hà Trung, thời Hậu Lương:

Thích Tồn Thọ, không rõ Sư là người xứ nào, Sư là người thanh cao, khuôn mẫu, người vội vàng làm sao sáng bằng, Sư tìm khắp kinh luận, vượt hơn mọi người, đến cầu hỏi luật ở Thiền Sư Thạch Sương, quyết rõ nghi ngờ, thuyền rỗng chẳng phiền, giống như cây khô, khác với mọi người. Sau, Sư trở về Bồ-Phà, Tăng tục đều quy tâm. Bấy giờ, Ký Vương Hữu nhường nhận Phong tịnh Hàn, ưa thích theo lạ, nghe người làm được một việc lành thì ban tặng lễ hậu. Vương mời Sư vào phủ thiết trai cúng dường, luận đạo đàm huyền, bất chợt quỳ gối trước chiếu. Lại thêm sự tôn sùng kính tin, Sư tiếp tục làm thầy truyền giới Bồ-tát, cúng thí càng thêm nhiều. Ngài độ môn nhân có đến bốn trăm

vị, ni chúng có đến số trăm. Thường ngày, Sư ít nói, hễ nói thì có lợi ích chúng sanh, sắc mặt mừng giận, mọi người chưa từng thấy, trông Sư như cây thông già trên tuyết. Sư thị tịch lúc chín mươi ba tuổi, ngồi kiết già, một tháng sau, râu tóc mọc dài, phải cạo lại mới nhập tháp. Trong sân tháp thường có hổ đi nhiễu quanh, có nhiều dấu chân. Triều đình ban tặng Sư thụy hiệu là “Chân Tịch Đại Sư”.

7. Truyện ngài Sư Ngạn ở viện Thụy Nham, thuộc Đại Châu, thời Hậu Lương:

Thích Sư Ngạn, họ Hứa, người ở xứ Mân Việt, sớm tỏ ngộ mọi sự ràng buộc, gấp cầu thoát tục. Sư thuận theo giới luật, bỗng nhiên muốn du phương. Gặp được Thiền Sư Nham Đầu được lãnh hội không nghi ngờ gì.

Ban đầu, Sư ưa thích sự nín lặng dường như người không biết nói. Sau được Đôn Dụ Doãn thỉnh Sư trụ viện Thụy Nham thuộc Thai Châu. Bấy giờ, Đạo Phu đến tham vấn, Sư đối đáp nhanh nhẹn, Đạo Phu bèn thuần phục. Sau cả hai chúng đồng chung sống, oai đức của Sư lạnh lùng như Nghiêm Sương, Sư Cáo Chánh tăng ni, không dụng lầm lẫn, nên Giang Biểu nói rằng: “Người chế ngự chúng cho bằng đều, thì Thụy Nham là trên hết”. Từng có ba vị tăng, hình dáng người Hồ, thanh nhã cao ráo, tròng mắt thường lay động như sấm chớp. Sai Kiên Tịnh túc trí lễ. Ngạn hỏi rằng: “Các vị từ đâu đến?” Đáp: “Từ Thiên Trúc đến”. Ngài hỏi: “Bắt đầu đi từ lúc nào?” Đáp: “Đi từ sáng sớm, giờ mới đến”. Ngài hỏi: “Có nhọc mệt chăng?” Đáp: “Vì pháp nên quên mất nhọc mệt”. Sư bèn xem kỹ thì chân các vị đó đều chẳng chạm đất, Sư bảo mời họ vào an nghỉ tại Đường thượng, sáng sớm, bỗng nhiên không còn thấy, họ nữa, bảo đó là “Bích-Chi-ca quả nhân”, nhưng chẳng biết thuộc giai cấp nào. Bấy giờ, có những người chẳng thể lường vào trong pháp hội chẳng phải chỉ một lần. Lúc Sư tham học, gọi là “Tiểu Ngạn Trưởng Lão”. Lưỡng Triết Võ Túc Vương nhiều lần thỉnh Sư mới chấp thuận lai nghi, cuối cùng khổ nhọc từ khước. Nhà kho trong chùa thường đầy đủ mọi vật. Từng có bà lão ở trong làng đến tham lễ, Sư bảo: “Bà hãy thôi lạy, chẳng bằng mau trở về nhà cứu lấy mấy trăm mạng sống sinh vật có nhiều ích lợi hơn”. Bà lão mờ mịt trở về đến nhà, đứa con dâu, dùng nôm bắt ốc ruộng cũng vừa trở về, bà lão liền đón lấy mà thả xuống sông. Có lúc mấy nhà cùng thỉnh Sư chứng trai trùng một ngày, mà mỗi nhà đều trông thấy Sư đến. Đến sau khi Sư thị tịch, lúc trà-tỳ, có con rắn lớn, men cây leo lên cành cao rồi lao mình vào trong lửa, tới

khi lửa tắt, xá-lợi bay rải rác, hoặc theo gió động trên cỏ cây lăng xăng rơi xuống. Sư có lắm điều thần dị, ghi chép đầy đủ ở Biệt lục.

8. Truyện ngài Bổn Tịch ở Tào Sơn, thuộc Phủ Châu, thời Hậu Lương:

Thích Bổn Tịch, họ Hoàng, người ở xứ Bồ Điền, thuộc Tuyền Châu. Tại ấp Sư ở vào cuối đời Tiền Đường có nhiều y quan, các hàng sĩ tử ngụ ở, Nho phong hưng khởi gọi đó là "Tiểu Tắc Hạ". Thuở thiếu thời, Sư nhiễm phong hóa xứ Lỗ, theo nhiều cường học, từ đó thuần túy bất động, đạo tánh thiên phát.

Năm mười chín tuổi, cha mẹ mới cho Sư xuất gia, Sư vào núi Vân Danh ở Phước Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Mọi hành động cử chỉ của Sư đều như vị Tỳ-kheo lão túc. Vào đầu niên hiệu Hàm Thông (860) thời Tiền Đường, Thiền Tông hưng thạnh, phong khởi từ núi Đại Quy. Còn như Thạch Đầu; Dược Sơn danh tiếng đều lắng dừng, gặp Động Sơn thương vật cao hơn Thạch Đầu. Qua lại thưa hỏi ích lợi, học đồng với Thù Tứ. Sư ơ trong chúng như người Ngu, nói năng như người ngọng. Sau, được thỉnh đến trụ tại Tào Sơn, thuộc Lâm Xuyên. Người đến tham học thường đầy đường chật thất. Ngài đối đáp chẳng ngừng. Đặc biệt là tiêu chuẩn người học thiền, nên bày năm vị để đo lường khu vực, không đâu chẳng hết bờ mé. Sư lại chú đối thơ đối Hàn Sơn Tử, lưu hành trong chỗ trú ngụ. Bởi vì, Sư vốn có nghiệp tu cử rất giỏi. Văn từ rắn rỏi nhã lệ, gọi là "giàu có pháp tài". Bỗng dưng, Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch tại núi, thọ sáu mươi hai tuổi, ba mươi bảy hạ lạp.

Đệ tử đón rước khám mà xây tháp thờ. Sau, Sa-môn Huyền Thái ở Nam Nhạc soạn bài minh tháp.

9. Truyện ngài Quế Sâm ở viện La-hán, thuộc Chương Châu, thời Hậu Lương:

Thích Quế Sâm, họ Lý, người ở xứ Thường Sơn, vừa mới tuổi nhi đồng mà dốc cầu lánh tục, ăn ngày một bữa, điều hòa hơi thở suốt ngày. Giữ tâm nên được bà con xóm làng mến phục, cha mẹ thương quý ràng buộc khó từ, quanh theo tình trói khó thoát. Đã ngoài hai mươi tuổi, Sư tiếp gót vượt thành, tìm thầy được đồng bạn mở Hổ, bèn kính thờ Đại sư Vô Tướng chùa Vạn Tuế ở bổn phủ.

Lúc mới thọ giới, Sư học luật, Sư vì chúng mà lên đài tuyên tụng giới bổn. Sẽ biết chỉ lớn, đâu bó buộc ở đạo nhỏ ư? Sư tự răn mình rằng:

"Trí phạn bó buộc thân chẳng phải giải thoát. Vậy, y văn mà hiển đâu phát Thánh ư?" Từ đó, Sư phát thệ họi đạo ở Nam Tông, lộ trình cả muôn dặm. Trước tiên, Ngài đến yết kiến ngài Vân Cư, kế đến hai hội Tuyết Phong, Huyền Sa, siêng năng tham phỏng, chỉ bởi nối duyên ở đó, Ngài được ngộ yếu chỉ ở Đại Sư Tông Nhất. Sáng tối, sắc không rỗng rang hết hoặc, Sư giữ mật hạnh nhiều năm, ở trong chúng nhưng ẩn dấu vết. Tuy ẩn che dạ quang mà vật báu trọn khác, nên được Cố Chương Mục Thái Nguyên Vương Công Thành thỉnh mời, Sư đến Thạch Sơn ở phía Tây Mân Thành, dựng lập liên cung mà dừng ở, Sư chống tích mười lăm năm, học chúng qua lại mấy trăm vị. Sư dùng Bí trọng Diệu Pháp, không xem thường việc chỉ bày đồ chúng. Lúc có người khẩn cầu mật học thì Sư giảng nói cho nghe. Sau, Long Khê Vi quân tốt, cần Châu Thái Bảo Lang Da Công Chí thỉnh Sư đến trú viện La-hán, tuyên giảng diệu cho đồ chúng nghe pháp. Từ chối chẳng được, Sư bèn mở phương tiện, chẳng mấy năm sau mà những người tham thiền ở Nam Bắc có điều nghi mà tìm đến nhiều chẳng thể tính xiết. Trong đó, các vị có góc đứng như Văn Ích ở Tào Sơn, thuộc Phủ Châu, Hưu Phục ở Đông Thiều, thuộc Giang Châu đều mở mang truyền bá diệu chỉ của Sư. Mỗi vị làm pháp nhãn của một phương, nhìn người con thì biết được cha!

Đến mùa thu năm Mậu tý (928), tức niên hiệu Thiên Thành thứ 3 thời Hậu Đường, Sư lại bảo trở về ở tại chỗ cũ Mân Thành, đến viếng thăm các chùa viện gần thành, rồi Sư thị hiện bị bệnh, vài ngày sau Sư an tọa thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi, bốn mươi hạ lạp. Sư căn dặn lại "chớ theo lễ nghi thế tục sắm quan làm mộ". Khi đó, trà-tỳ ở sườn núi phía Đông của viện, Tây thành, thâu nhặt xá-lợi, xây tháp phụng thờ tại phía tây viện, đó là vâng theo di giáo. Đến niên hiệu Thanh Thái thứ 2 (935), ngày rằm tháng 12, người đắc pháp mật truyền của Sư là Đại sư Thần Yến, rất được dòng họ Vương kính trọng, dùng ngôn sự hiếp khiến bỏ Huyền sa mà nối pháp Tuyết Phong, đích thực là chẳng phát triển. Cuối cùng bởi vì Thần Yến gièm pha mà lăng lậu. Thật tiếc thay!

10. Truyện ngài Tuệ Lăng trụ viện Trường Khánh ở Phước Châu, thời Hậu Đường:

Thích Tuệ Lăng, họ Tôn, người ở xứ Hải Diêm, thuộc Hàng Châu. Lúc sanh Sư đã mang thai y mầu tím, ở tuổi bé thơ, Sư tài tuấn sáng suốt. Sau khi thọ giới cụ túc tại chùa Thông Huyền ở Ngô Uyển, nghe ở Phương Nam có thiền học, Sư bèn tìm đến Mân Lãnh tham yết Tuyết Phong, kề tai chỉ bảo, đốn rõ bổn tánh, Sư bèn nói kệ rằng:

"Ngày trước dối theo học giữa đường
Nay đây nhìn lại băng trong lửa".

Như vậy, Sư gần gũi nương tựa suốt ba mươi năm chẳng xuống khỏi núi. Thầm trốn định nghiệp, khéo nhiếp sáu căn. Thứ Sử Tuyền Châu là Vương Diên Bân mời Sư đến trụ viện Chiếu Khánh, người tu thiền đua nhau nhóm họp, chỉ Ngu đến sau. Đến lúc Ngài trụ tại viện Trường Khánh ở phủ Trường Lạc, hơn hai mươi năm năm ra đời chẳng dưới một ngàn năm trăm chúng. Sư tánh tình từ nhẫn, chẳng dối hứa với người. Hay xét lại ba góc mới ấn khả.

Sư thị tịch ngày 17 tháng 5 năm Nhâm thìn (932) tức niên hiệu Trường Hưng thứ 3, thọ bảy mươi chín tuổi, sáu mươi hạ lạp, Mân Quốc họ Vương riêng kính viếng suy tặng Sư thụy hiệu là "Siêu Giác Đại Sư". Xây tháp, chi phí lễ tang đều xuất kinh phí của quan cúng dường. Chế Quan Lâm Văn Thạnh soạn văn bia ghi lại đức hạnh của.

11. Truyện ngài Đạo Phu trụ chùa Long Sách ở Hàng Châu, thời Hậu Đường:

Thích Đạo Phu, họ Trần, người ở xứ Vĩnh Gia. Mới đen tuổi tết tóc mà tánh Sư đã khác thường, ghét mùi máu huyết. Bà con có gượng ép thì chỉ ăn cá khô mà lại ưa nôn oẹ. Sư đến xin xuất gia tại chùa Khai Nguyên. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư vân du đến đất Mân và đất Sở, nói rằng đi tham vấn thiện tri thức, cần kíp quyết dứt cội nguồn sanh tử. Sư gặp được Tịch Công ở Tào Sơn, thuộc Lâm Xuyên, có nhiều người thưa hỏi như Đàm Tuân thưa hỏi Tăng Điều. Cuối cùng Sư dứt sạch nghi tình ở Tuyết Phong. Trong xứ Mân gọi Ngài là "Tiểu phu bố nạp". Bấy giờ, Thái Nguyên đồng danh, niên lạp hẳn cao hơn, khi trở về đất Chiết trụ viện Giám Thanh ở Việt Châu. Khi đó, người sáng nghiệp bên ngoài là con của Nhật Hưu, từ học Hoằng Thiệm, tham cùng thấu suốt thiền môn, thường đến vặn hỏi, khi trở về nói với mọi người rằng: "Đạo của Phu công sùng luận hoành nghi chưa đến chỗ cùng cực". Võ Túc Vương họ Tiền khâm phục kính mến ban thỉnh Sư ở chùa Thiên Long, nơi ở riêng của Đại sư Thuận Đức. Kế đến, Văn Mục Vương cũng họ Tiền xây dựng chùa Long Sách, thỉnh Sư đến ở đó. Và thiền học xứ Ngô Việt từ đó mà hưng thạnh.

Sư thị tịch vào tháng 8 năm Đinh Dậu (937) thuộc môn hiệu Thiên Phước, thời Hậu Đường, thọ bảy mươi tuổi. Trà-tỳ tại gò núi Đại Từ, thâu nhặt xá-lợi, xây tháp thờ ở trước núi Long Mục. Tăng Chủ Vựng Chinh soạn bài minh tháp. Nay tại viện Xá-lợi, đệ tử chủ sự ở đó thay

nhau hương khói.

12. Truyện ngài Toàn Phó trụ viện Thanh hóa, ở Cối Kê thời Hậu Tấn:

Thích Toàn Phó, người ở xứ Côn Sơn, thuộc Quận Ngô. Thuở nhỏ theo cha đi buôn, đến Dư Khương, nghe thuyết thiền tịch, Sư bèn có chí nhàm chán thế tục, cầu xin xuất gia. Cha của Sư có vẻ buồn giận, khi cha hết giận, Sư lại cầu xin đến ba lần. Cha của Sư lấy làm lạ về sự chân thành đó, bèn cho phép. Sư liền tìm đến Đại sư Thanh Bình ở Giang Hạ. Ngài Thanh Bình hỏi: "Ông đến đây cầu cái gì?" Sư đáp: "Chí nguyện mong cầu pháp". Ngài Thanh Bình thương Sư còn nhỏ mà có chí khí lớn nên vỗ về mà thâu nhận.

Ngài dậy sớm thức khuya, khác hẳn các trẻ nhỏ đồng bạn. Đến lúc lớn khôn, ngài Thanh Bình cho xuống tóc rồi đăng đàn thọ giới cụ túc. Ngài phụng thờ thầy càng kính cẩn, nghiệm xét tự thân càng chín chắn. Hỏi pháp không chán no nê, thấy tánh chẳng buộc ràng. Ngài Thanh Bình gật đầu chấp thuận. Một sáng nọ, Sư nói với mọi người: "Tôi nghe học thầy vô thường, tôi chẳng phải là dưa bầu, há hệ lụy ở đây mà bỏ trống nơi kia ư?" Sư bèn từ giã thầy, đi đến Nghi Xuân, tới Ngưỡng Sơn, đảnh lễ Nam Tháp thiền sư Dũng. Sư ứng đối ngữ ngôn, nhận biết sâu sắc về thế mạnh của Ngưỡng Sơn. Chóng tỏ rõ tâm ngay đó, ngài Ngưỡng Sơn nhoẻn cười mến quý, chăm chăm mến phục, giữ lấy nhiều năm lắng thần.

Sau, Sư đến Lô Lăng, Tể Dương Công ở huyện An Phước xây dựng thiền viện Ứng Quốc, thỉnh Sư ở đó, người tu thiền tìm đến đông chật Thất. Đến lúc Tể Dương Công bãi nhiệm, dân chúng trong làng lại đến núi Cáp Hồ lập viện, thỉnh Sư đến ở đó. Liêm Sử đề cử tấu trình, triều đình sắc ban danh hiệu là "Thanh Hóa Thiền Viện", người tu thiền tìm đến thưa hỏi đông đầy chật cả tường vách, đều chẳng ngã khuất, đâu nhượng nhiều đối với tiền bối. Có vị tăng ở cùng quê nói với Sư rằng: "Làng quê của cha mẹ sao có thể bỏ vậy? Tùy duyên theo thời thế, xin thỉnh Sư trở về". Sư bèn từ giả Cáp Hồ mà trở về quê cũ. Bấy giờ, Ngô Việt Văn Vương, họ Tiền bảo ban thăng cấp, ban tặng các thứ xiêm y, bình bát càng thêm lễ hậu.

Đến năm Đinh Dậu (937) Tiền Thành Nhung Tướng mở núi Vân Phong, xây dựng thiền viện Thanh Hóa, thỉnh Sư về ở đó. Tiếp theo, Trung Hiếu Vương họ Tiền, sai sứ mang y tía đến dâng tặng, Sư tấu chương nhiều lần từ chối, Trung Hiếu Vương lại ban tặng, Sư lại từ chối,

bèn đổi lấy áo nạp. Sư nói: "Tôi chẳng vinh hạnh vì sự ban tặng đó mà trang sức, nên có khước từ. Sợ người đời sau bắt chước theo tôi mà khoe khoang ham muốn. Vua lại ban tặng Sư danh hiệu "Thuần Nhất Thiền Sư". Sư lại cố từ chối.

Sư vốn chẳng vì tình mà quên tình cho nên tình chân thật, chẳng vì đạo mà cầu đạo nên đạo thẳng thắng. Điện Vũ phòng nhà nơi viện Sư ở, mọi người đua nhau xây dựng. Đúc Đại Hồng chung nặng hơn ngàn cân. Đề biển ngạch mới là: "thiền viện Vân Phong Thanh Hóa, đồng bạn mây nước đông đúc kéo đến quyện quanh chẳng muốn lìa bỏ.

Đến tháng 7 năm Đinh Mùi (947), niên hiệu Khai Vận thứ 4 thời Hậu Tấn, Sư thị hiện bị bệnh, bảo với chúng rằng: "Sanh là pháp khởi, chết là pháp diệt. Khởi diệt chẳng thể dùng ngôn luận mà nói được!" Rồi Sư an nhiên thị tịch, có mưa lớn gió dữ chấn động gẫy đổ cả rừng cây, Sư thọ sáu mươi sáu tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp. An táng tại gò ở phía bắc núi. Sư có tất cả hơn mười vị đệ tử như Ứng Thanh v.v..., vâng theo di huấn của Sư chẳng để đạo đó rơi rụng. Tăng chủ Vựng Chinh soạn bài minh tháp, xây dựng vào niên hiệu Kiến Long thứ 2 (961) thời Bắc Tống.

13. Truyện ngài Thiện Tĩnh trụ viện Vĩnh An ở Vĩnh Hưng thời Hậu Tấn:

Thích Thiện Tĩnh, họ Vương, người ở xứ Kim Thành, thuộc Trường An. Cha của Sư là Lãng Đường thứ sử Oai Châu, mẹ Sư họ Lý. Nhân mộng thấy Thánh Dung soi chiếu ngời sáng, từ đó bèn mang thai Sư. Đến lúc sanh ra Sư tướng mạo cao ráo, hầu như biết học thông rành các thứ ngữ ngôn. Nhân cầm sách trong tay tấu đến Thần Sách Quân, Trung úy vô cùng mến quý Sư. Sư chợt nhàm chán thế sự phù hoa, bèn trốn đến chùa Phong Đức ở Chung Nam, đảnh lễ Thiền sư Quảng Độ xin xuất gia, lúc đó Sư đã hai mươi bảy tuổi.

Sau khi xuống tóc, thọ giới cụ túc, vào hiệu Thiên Phục (901-904) thời Tiền Đường. Sư đến Lạc Phổ ở phương Nam, gặp được Pháp Duệ của thiền sư Nguyên An mới dung thông tâm yếu, trở lại phương Bắc giáo hóa đồ chúng ở quê nhà. Sư gài dựng am tranh tại núi Vân Cư ở Chung Nam. Tăng tục kéo về đông như chợ. Sư lại vân du đến Gia Ni, lễ bái thế giới Sắc bạc của Bồ-tát Khổ Hiền, rồi trở về Hưng Nguyên. Liên soái Vương Công Lễ Trọng lưu giữ Sư ở lại. Sau đó Sư lại trở về quê cũ, đều đã lìa xa! Lưu Thủ Vương Công xây dựng thiền viện Vĩnh An để Sư ở đó.

Đến mùa Đông năm Bính Ngọ (946) thuộc niên hiệu Khai Vận thời Hậu Tấn, Sư đánh kiền-chùy nhóm chúng, dặn dò mọi việc rồi trở về phương trượng, xoay mặt về hướng Đông, nằm nghiêng bên hông hữu mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi, sáu mươi hạ lạp. Đồ chúng tăng tục như chịu tang cha mình vậy, qua ngày mồng 8 tháng giêng năm sau (947), trà-tỳ tại phía Nam thành, thâu nhặt được vài ngàn viên xá-lợi. Đến ngày mồng 8 tháng 8 năm Canh Tuất (950), tức niên hiệu Càn Hựu thứ 3, thời Hậu Hán, dời tháp đến làng Nghĩa Dương, thuộc Trường An, tháp đá cao sừng sững.

Trước kia, Sư dẫn nhiều vị Tiên giác đến Oanh đạo lánh mông trần của Chiêu Tông. Lại lúc bình thuường, khi tắm gội, Sư xá-lợi rơi rớt Sư đều lượm nhặt lại kín không cho đệ tử chỉ bày với mọi người. Lại những lúc Sư thiền tịch, ở ngoài cửa sổ tự nhiên có con hạc trắng đến quanh quẩn giữa sân, như có ý muốn nghe pháp, Sư bảo người đuổi nó đi. Tất cả những điều hiển bày đặc biệt có mà chẳng có. Tấn Xương Quân Phủ Chúa Quách Công rất kính ngưỡng sùng tín, xây dựng thiền viện thỉnh Sư ở. Hàn Lâm học sĩ Ngư Sùng Lượng soạn bài minh trên tháp, ghi lại đức hạnh của Sư.

Kế nữa, có ngài Thích Linh Chiếu trụ chùa Long Hoa ở Hàng Châu. Sư vốn là người nước Cao-Ly, xem trọng việc dịch mà lại học Tổ Pháp, lại vào đất Mân Việt, đắc tâm ấn với Tuyết Phong, Sư dốc chí tham bồi để tiết kiệm, siêng năng mọi việc trong chúng, hiệu là "Chiếu Bố Nạp". Cả ngàn chúng đều sợ phục, mà Sư nói rằng tợ như lội qua Đảo Di, cá tánh đặc biệt điềm đạm tự giữ. Ban đầu, Sư trú ở núi Tề Vân, kế đến Sư trụ tại viện Giáp Thanh, Việt Châu, thường chỉ đối phó với sứ Bỉ Quang Nghiệp, lời nói chẳng hợp nhau, Bị đề cử tẫn xuất đến Long Hưng. Đến lúc Thái Thú Hồ Châu là Tiền Công xây dựng viện Bảo Từ, thỉnh Sư đến ở đó. Thiền chúng tụ như nhóm họp hội. Chư tăng trong Ngô Hội, hạng người xả bỏ ba y mà mặc Ngũ Nạp nhiều không thể kể xiết. Trung Hiếu Vương, họ Tiền xây chùa Long Hoa, đón rước Kim Hoa, linh cốt đạo cụ của đại sĩ Phó Hấp đời Lương tôn trí tại chùa đó, xây tháp, thỉnh Sư trụ trì. Sư thị tịch tại chùa đó, nhập tháp tại đỉnh núi Đại Từ.

14. Truyện ngài Văn Ích Viện Thanh Lương ở Kim Lăng thời Hậu Chu:

Thích Văn Ích, họ Lỗ, người ở xứ Dư Hàng. Năm bảy tuổi, đã phát chí xuất tục, xuống tóc xuất gia tại viện Trí Thông, ở Tân Định, Sư

nương tựa ngài Thiền Bá, ở Toàn Vĩ. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Khai Nguyên ở Việt Châu, bấy giờ, rời tục lụy để đắp y, rời phần lũng đến Kiểu Dục. Thuộc luật tượng ở Đại sư Hy Giác, đang thạnh hành hoằng hóa Đồ chúng tại chùa Dục Vương, ở Mậu Sơn. Ngài rất được chỉ thú trì phạm, lại đến trường của Văn Nhã. Ngài Hy Giác hứa ban làm đệ tử, sau đó Huyền vừa phát thì mọi việc đều dứt.

Ngài chống tích đến phương Nam, dừng ở pháp hội của Thiền sư Trường Khánh. Đã dứt sạch nghi trệ, Sư lại ước hẹn cùng bạn đi về phía Tây đến Hồ Tương. Ngày đổ mưa bão chẳng thể đi, Ngài tạm vọng trông về Tây viện, gởi đạt tín tức, lánh hoạn khê trướng. Bèn tham yết Đại sư Tuyên Pháp, từng trụ tại viện La-hán ở Chương Bồ. Người dân xứ Mân chỉ gọi là La-hán. La-hán vốn biết Sư đang ở tại Dĩnh thoát thuộc Trường Khánh, duệ ý tiếp nhận. Nguyên do xướng đạo từ Huyền sa và Tuyết Phong, huyết mạch khác nhau. Núi nghi của Sư đốn bẻ gãy đường chánh từ đây được, mừng rỡ mà treo đãy dừng ở. Biến bùn đất thoa vết trở lại xác thực chẳng phát triển. Ngài lại du phương đến Lâm Xuyên Bang Bá bảo mời Sư ở tại Sùng Thọ. Chư tăng khắp bốn phương xa gần đến tham cầu Sư chẳng dưới ngàn vị. Giang Nam Quốc chúc Lý Thị Thỉ Tổ, biết kính trọng đón rước Sư đến ở thiền viện Báo Ân; biệt thự hiệu là "Tịnh Tuệ". Sau đó, lời thâm huyền sắp dứt, mộng lớn ai tỉnh. Đã truyền pháp mà có chỗ về, cũng đồng với phàm phu mà thị hiện diệt độ.

Đến ngày 17 tháng 7 năm Mậu ngọ (958) tức niên hiệu Hiển Đức thứ 5 thời Hậu Chu, Sư thị hiện bị bệnh, Quốc chúa vội đến phương trượng thăm hỏi bệnh Sư. Qua ngày mồng 5 tháng 7 nhuận, Sư cạo tóc tắm gội, giã biệt đại chúng, ngồi kiết già mà thị tịch, nhan sắc vẫn như còn sống. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi lăm hạ lạp. Thụy hiệu riêng là "Đại Pháp Nhãn", tháp hiệu là "Vô Tướng". Khiến các chùa chư tăng dưới thành đều đủ lễ uy nghi đón rước, đón rước toàn thân Sư đến làng Đơn Dương, ở huyện Giang Ninh, xây tháp thờ.

Sư giỏi làm văn, đặc biệt mến mộ thể của Chi Thang. Bấy giờ làm kệ tụng chân tán, Biệt hình toản lục, đệ tử nối pháp của Sư có các vị như Đức Thiều, Tuệ Minh ở Thiên Thai, Trí Y, Đồng sơn, Đạo Khâm ở Chương Châu, Quang Dật ở Mân Châu, Văn Toại ở Cát Châu, Hậu Chủ ở Giang Nam, soạn văn bia khen ngợi đức hạnh Sư, Hàn Hy soạn bài minh ở tháp v.v...

15. Truyện ngài Hạnh Nhân trụ trên đỉnh núi Phật Thủ ở Lô

Sơn, thời Hậu Chu:

Thích Hạnh Nhân, không rõ Sư họ gì, người ở Nhạn Môn. Sư du phương hỏi đạo, đến Giang Hoài thấy phía bắc Lô Sơn có đỉnh núi đứng xa trông giống như duỗi tay. Dưới tay thì sâu thẳm đến ba, hoặc năm trượng. Nhân đó, một mình Sư vào trong đó dừng ở mà Thiền Quán. Ngụy Đường chúa Nguyên Tông nghe thế, ba lần thỉnh Sư chẳng ra. Đêm khuya trong hang núi, có con nai lạ đến nằm bên cạnh hang đá của Sư. Lại có con chim Cẩm... phủ phục dưới vách đá, hai con đều không sợ hãi. Sư chẳng độ đệ tử, có vị tăng ở gần am đến cúng dường hầu hạ. Một hôm, bị bệnh nhẹ, Sư nói vị Tăng hầu Sư rằng: "Quấn rèm lên, tôi đi đây. Rèm vừa quấn tới móc, Sư bước xuống giường đi vài bước rồi đứng thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tuổi. Vua Nguyên Tông bảo thợ đắp họa chân tượng Sư. Và Trà-tỳ, thâu nhặt hài cốt, xây tháp trắng tại lưng chừng núi để thờ.

Ban đầu, Sư truyền thiền pháp tại Lộc Sơn, thuộc Tương Dương. Sau đó vì vua Nguyên Tông cố thỉnh Sư đến trụ chùa Thê Hiền, xây giảng đường giảng đạo. Khi chiều tối trăng lặn Sư trở về hang núi. Ban đầu tại đỉnh núi đó như năm ngón tay, trên ngón giữa có một gốc thông. Ngày Sư thị tịch, gốc thông đó cũng khô chết, Sư có học kinh sách, có người hỏi thì chỉ trích chỗ được mất, chương cú đúng sai của các vị Tiên Nho, đàm luận chẳng dính mắc bởi phương góc, mở bày dẫn dụ, hẳn hợp với giáo hóa, Sư thật là bậc lương sĩ đắc đạo!

Liên hệ thử bàn:

Phàm phu xả bỏ báo thân thì giống nhau, Phật thì nằm nghiêng phía hông hữu, các bậc chứng đắc quả vị thì ngồi mà thị tịch, hoặc chống đầu xuống đất hiện thần thông, thân đứng hiện bày khác lạ. Ở đây chỉ có Sư đi bộ mà thị tịch, trừ ngài Tăng Hội ra thì chỉ có một mình ngài Hạnh Nhân.

Kế nữa, có ngài Thích Đạo Tiềm trụ chùa Tuệ Nhật ở Vĩnh Minh, đời Tiền Đường. Sư họ Võ, người xứ Bồ Tân. Vừa mới sanh mà Sư lớn mạnh, dáng dấp đoan nhã. Đứng thì thân cao bảy thước, trước ngực có bảy chấm đen như bảy sao Bắc đẩu.

Sư vào núi Trung Điều, dừng ở tại Thiền viện Đại thông trên đỉnh núi, lễ bái Thiền sư Chân Tịch làm Thân giáo. Răn kiểm nghiêm minh, nói năng chậm chạp, làm việc nhanh nhẹn. Sau khi ngài Chân Tịch thị tịch, Sư phát nguyện đến núi Ngũ Đài ở Nhạn Môn. Do tinh cần kính ngưỡng, mà Sư đích thân thấy được thánh dung đức Văn-thù. Sau đó, các phương chưa định đi về đâu, Sư đến chưa tới Lâm Xuyên, gặp được

Thiền sư Văn Ích ở chùa Sùng Thọ, mà chóng tỏ được tâm quyết. Kế đến, Sư dừng ở tại một ngôi chùa xưa ở Cù Châu, xem đọc kinh tạng, thường trong lúc ngồi thiền thấy được Đức Văn-thù hiện hình, bất chợt, Sư đứng dậy đảnh lễ. Đến lúc Sư tới Hàng Châu, lễ bái tháp vua A-dục, Sư quỳ mà đảnh đội dòng lệ tuôn như mưa, Sư hỏi vị tăng giữ tháp rằng: "Xá-lợi là vật báu, mắt người không trông thấy, vậy thật có hay không?" Vị tăng đó đáp: "Căn cứ theo truyện ghi rằng: "Xá-lợi ẩn táng ở góc phía trong, trông như huyền chung". Sư nghi ngờ chưa thôi, bèn khổ chí quỳ lễ không hề ngừng nghỉ. Bỗng chốc trông thấy xá-lợi sắc hồng ở ngoài huyền chung ngọ ngoạy mà đi. Khi đó, Sư mừng buồn lẫn lộn. Lại có Đại sư Quang Văn Vựng Chinh hẳn bằng trọng tự làm Đàn Việt, thỉnh Sư đến núi thiết trai, hành trì sám pháp Phổ Hiền suốt mười một ngày. Bỗng thấy khắp nơi tốt lành, voi ngựa, tại tháp, dưới đình Tam môn, của chùa. Con voi đó đưa mũi gối thẳng đến chỗ lễ sám. Hán Nam Quốc Vương họ Tiền thỉnh Sư vào vương phủ để cầu thọ giới Bồ-tát, xây dựng đại già-lam, đề hiệu là "Tuệ Nhật Vĩnh Minh", thỉnh Sư ở đó, giả hiệu là "Từ Hóa Định Tuệ Thiền Sư", riêng cấp nguyệt bổng để cúng thí, lại thêm ưu lễ.

Đến ngày 18 tháng 9 năm Tân Dậu (961) tức niên hiệu Kiến Long thứ 2 thời Bắc tống, Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch. Lúc nhập quan có luồng ánh sáng mầu trắng họa phát chữ "bột" (sao chổi) sáng rực. Cả chúng đều trông thấy, đến tháng 10, cử hành lễ trà-tỳ tại núi Long Tỉnh, thâu nhặt được nhiều viên xá-lợi. Có người làm nghề giết mổ, chỉ chuyên nghiệp ác, mở vạt áo đến bên đống lửa cầu xin, trong phút chốc có được bảy viên, cả nhà mang đến in họ trong tháp. Đến năm Canh ngọ (970) thuộc niên hiệu Khai Bảo, thời Bắc Tống, Thiền sư Thiều ở Thiên Thai xây dựng tháp đá, lấp bít chân cốt Sư, tới năm Quý Dậu (973), trên đảnh tháo phát ra luồng ánh sáng mầu trắng.

16. Truyện ngài Duyên Đức viện Viên Thông ở Lô Sơn, thời Bắc Tống:

Thích Duyên Đức, họ Hoàng, người ở xứ Tiền Đường. Cha của Sư là siêu, tu nho học nhưng phát triển nghề vẽ họa, truyền cho Chu Phường, Phật phấn bổn, thọ bút pháp ở Ngô Hưng Lý Chiểu Trường Sử.

Thuở tuổi còn bé mà Sư đã có chí muốn xuất gia, tâm tánh cô tịch má ít hợp, Sư bèn sang Thiên Thai thọ giới cụ túc, tập học Thiền Quán ở Thiền sư Đạo Phu tại chùa Thiên Long. Sau đó, Sư đến Giang Tây

hỏi đạo, từ núi Vân Cư sang Lô phụ, cô tiết cao ngạo thật chẳng thấy có chỗ đáng ưa thích. Giang Nam Quốc Chủ - họ Lý - mời Sư vào Nội đạo tràng để ở. Lo ngại Sư chẳng thích ồn náo, nên xây riêng viện La-hán để Sư ở. Sư khổ cầu vào núi. Nên thỉnh Sự trụ tại Tân Viện ở Lô Sơn, mới liệt bày oai nghi dẫn đạo. Sư chuẩn bị sửa sang y phục mang vác mà vào. Nhưng sau đó, Sư lên tòa đối đáp mọi người đến thưa hỏi. Quốc chủ ban tặng mọi thứ mà Sư không hề dùng Biểu Điệp đáp tạ. Có Quốc Lão Tống Tề Khâu kính lễ theo đạo thờ thầy.

Ngài thị tịch vào niên hiệu Khai Bảo (968-976) tại viện ở núi. Một đời Sư mặc dùng thục vi khố miệt mà thôi. Hành đỗ nhiều pháp, cung cấp đầy đủ cho các Thiền lữ, nhà trù kho lẫm chẳng hề thiếu thốn. Có ngươi cho rằng Sư có "thuật Hoàng Bạch".

17. Truyện ngài Đức Thiều ở núi Thiên Thai, thời Bắc Tống:

Thích Đức Thiều, họ Trần, người ở xứ Tấn Vân. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ tại bổn quận. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, vào niên hiệu Đồng Quang Sư tìm phỏng các danh sơn, tham kiến thiện tri thức. Quật chỉ chẳng hơn được số, ban đầu, Sư phát tâm đến Hòa-thượng ở núi Đầu Tử, sau tham kiến Thiền sư Pháp Nhãn ở Lâm Xuyên, liễu ngộ tâm yếu, Sư bèn nối pháp như vậy.

Ban đầu, mới vào núi Thiên Thai, dựng lập chùa viện đạo tràng, không bao lâu, Sư liền hưng phát đạo pháp Huyền Sa. Người đến quy y rất đông. Hán Nam Quốc Vương, họ Tiền, từng trị vị tại Đan Khâu, Sư có sự thấy biết trước rõ ràng, nói rằng: "Ngày sau làm Quốc Vương, sẽ làm hưng thịnh Phật pháp". Lời Sư nói thật đáng tin cậy, sai sứ vào núi Bàng ngọ, sau đặt hiệu "Đại Thiền Sư", mỗi lúc Sư nói gì thảy đều phù hợp. Tiết Sứ Tô Châu là Tiền Nhân Phụng bị bệnh, sai người mang hương đèn sang cầu nguyện. Sư đề sớ rằng: "Lệnh công tám mươi mốt, Nhân Phụng được như thế". Tiền Nhân Phụng rất vui mừng nói: "Tôi thọ tám mươi mốt tuổi!" Đến ngày 11 tháng 8 năm đó thì qua đời. Sư có nhiều việc đồng loại như thế. Trước lúc Sư thị tịch, đá trên ngọn Hoa đảnh sụp đổ rung chuyển cả trăm dặm, từ núi cho đến đồng hoang đều bị đốt cháy tràn lan, quả thật ứng điềm Sư thị tịch! Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi, xây dựng nhiều ngôi tháp. Ban mời Đồ Tăng Chánh Tán Minh làm văn bia ở tháp. Sư hưởng thọ tám mươi hai tuổi, sáu mươi bốn hạ lạp. Sư thị tịch, ngày 28 tháng 6 năm Nhâm thân (972) tức niên hiệu Khai Bảo thứ 5, thời Bắc Tống. Có Ngữ lục lưu hành ở đời. Ngài có đệ tử truyền pháp đến trăm vị. Sư lại hưng khởi Đạo tràng Trí giả mấy

mươi chỗ. Sư công thành mà chẳng hể, tâm địa thẳng ngay, thuật số rất tinh thông, lợi người là trên cả. Đến nay, tại Giang Triết gọi Sư là "Đại Hòa-thượng".

Thử luận bàn:

"Thiên-Na" là tiếng Phạn, Hán dịch là Niệm Tu. Vì, Xúc tình niệm mà vô niệm, suốt ngày tu mà vô tu. Còn gọi là Chánh Định, hay Chánh Thọ. Chánh thì hoát nhiên thầm lặng mà định. Chánh thọ là phân biệt với tà tư duy tăng thêm Biến Kế. Do đó, xaŒ-ma-tha có nghĩa là Tịch tĩnh, tam-Ma-Đề nghĩa là Quán như Huyễn. Còn Thiền-Na đều lìa Tĩnh huyễn. Mới gọi là Bồ-tát chẳng trú bờ này, chẳng trú bờ kia mà độ chúng sanh khiến lên bờ kia. Nếu vậy thì trú xứ của các Thánh tức như thế, còn các Thánh Độ sanh thì như thế nào?

Xét kỹ, pháp diễn ở Hán Đình danh từ cực chứng không chấp đắm, phong hành Lô phụ, môn học Thiền-na mới manh nha. Phật-Đà-thập ở đời Tần tẫn xuất mà đến, Bát-Nhã-Đa đời Tấn mời mà đến. Bấy giờ, Viễn Công mật truyền tọa pháp xoáy sâu huyền cơ, dần nhiễm thì hạnh thí trái noi theo. Ngài Tăng Hội thời Ngô cũng chỉ bày hữu duyên, đều chưa rõ ràng, thiết lập nhiều ẩn mật. Đến thời Tuệ Văn Đại Sĩ mới tầm tông của Long Thọ, Tư Đại Thiền Ông truyền diệu chỉ ba Quán. Thiên thai Trí giả dẫn mà trình bày, hoằng hóa khai đạo ở đời Trần, đời Tùy, gọi là "Chỉ Quán", ở đất Việt có Trung Thiên Đạt-ma. Buồn thay! Chúng sanh chúng ta biết kinh điển mở mang truyền bá mà đắm chìm nơi danh tướng. Chỉ nhận ngón tay, quên bặt ánh trăng. Đã được cá lại giữ lấy nôm. Chỉ giữ gìn niệm tụng lấy đó làm công phu, chẳng tin chính mình là Phật. Vì vậy mà xướng lời rằng: "Ta chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, chẳng lập văn tự". Đó là nương phương tiện Ba-la-mật qua thẳng mà độ khỏi xa vời. Than ôi! Kinh có Điển Chỉ, Điển Chỉ thì tiệm tu. Còn thấy tánh thành Phật tức đốn ngộ tự tâm xưa nay thanh tịnh, vốn không phiền não. Trí tánh vô lậu, vốn tự đầy đủ. Tâm này tức là Phật, hoàn toàn không có gì khác. Tu chứng như thế tức là tối thượng thừa thiền. Nói "không lập văn tự" tức trong kinh nói rằng: "Chẳng chấp trước Văn tự, chẳng lìa văn tự, mà chẳng phải không có văn tự, nếu tu được như thế tức là chẳng thấy tướng tu.

Kế nữa, Tổ Sư Đạt-ma lập pháp yếu chỉ có hai thứ, đó là "Lý" và "Hạnh". Thế thì thắng mà chẳng xa, nhanh mà chẳng vội. Nói chẳng lập văn tự tức trái với duyên để hợp với đạo. Thời bấy giờ, vua Võ Đế nhà Lương chẳng biết, còn người đất Ngụy chưa tin trọng, nên Tổ Sư Đạt-ma thẳng đến Thiếu Lâm ngồi xoay mặt vào vách. Chỉ có ngài Tuệ

Khả dùng thần giao, cũng như Bạch Tuyết tuy Ca-Ba Đồng ít hòa, sau thì con cháu Lâm thông Mục Ngữ, cuối cùng gọi đó là Cương Tần lánh địch. Kỳ Bân văn võ mới thành Vương Đạo. Ngài Tuệ Khả xuất sanh ra Tăng, ngài Tăng lại xuất sanh ra Đạo Tín, ngài Đạo Tín lại xuất sanh chia thành hai nhánh, đó là Hoằng Nhẫn và Pháp Dung. Ngài Pháp Dung ở Ngưu Đầu. Còn ngài Hoằng Nhẫn thì xuất sanh ra Thần Tú và Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng được truyền tín y, như chư hầu giao phó phần khí cho con cháu. Sau đó tông này thành vượt, như đoàn xe trăm cổ, Cây Ni-Câu-Đà xoay vần mà rũ cành rưới mưa muôn phương, rồng hồ A-nậu mà ban rải khắp nhuần. Bấy giờ, ứng vào Huyền ký mà thuộc người nầy. Về sau, số người đắc đạo nhiều không thể kể xiết. Lại nói rằng: "Thiền là vật vì nó lớn ư! Các Đức Phật được nó mà chứng Đẳng Giác, Diệu Giác. Rồng coi được nó mà phá chướng triền do cửa nhanh vội không gì hơn đây.

Nên nay, ở trong thời tượng pháp mạt pháp, đấu tranh lại sanh khởi. Chân thầy đã bị thương, mà sự tranh giành chưa thôi! Nếu như nghe "Tâm này là Phật", thì liền nói: "sao ba mươi hai tướng tốt không có?" Hoặc nghe "Một con đường Niết-bàn" thì liền bảo: "Tám mươi muôn pháp môn ở đâu?" Mà chẳng hề biết trong kinh nói phát tâm Bồ đề tức là thấy được Phật tánh nầy. Thế nào là tu hạnh Bồ-tát? Đây là hành bố tu hành. Vì đức tin không bằng với sự vô minh che mờ khuất lấp chìm đắm quên trở về. Sao lại do nghiệp. Hoặc có người nêu trong kinh để chỉ bày đó, thì nên đáp rằng: "Đây là tông Pháp Tánh". Hoặc cho đó là: "Chẳng phải ma nói, thì có thể thiêu hủy đó chăng?" Hãy để yên chớ luận bàn. Nếu muốn bỏ, hoặc muốn giữ lại, chẳng vì thế mà mê lầm. Xưa kia, các bộ ở nước Vu-Điền cho rằng: "kinh Đạo Hạnh" là sách của Bà-la-môn. Ô-trà Tiểu thừa phỉ báng học Đại thừa là Không hoa ngoại đạo. Ở Tây Vực còn như vậy, tại đây sao chẳng kinh hãi ư? Chỉ bởi sáu đời Tông Sư một thời nên xướng, chỉ phá bóng tối trăm năm. Chẳng xây một ngôi nhà đến lúc hủy nát thì rất không biết thiền có lý, thiền có hạnh. Thoát hoặc giới thừa đều gấp. Mắt và chân nương giúp nhau, hchẳng phế bỏ mà Lý càng sáng tỏ, pháp không thiên lệch mà công đức gồm cứu giúp. Sau đó mới có thể cùng nhau nói thiền.

Như Huyền học, thường bài xích giảng gia, người chỉ biết đếm của báu cho người mà trọn đời khốn khổ bởi trong nhà thường trống không! Sao chẳng thấy kinh là lời Phật, Thiền là ý Phật. Tâm và miệng các Đức Phật nhất định chẳng trái nhau, thi thiết thì tùy căn cơ mà dụng hẳn có thời gian và nơi chốn. Huống gì sông kinh Cao Quốc ghi tên đó, biển

luận tổng triều hội của Tông. Một môn luật học khuôn phép cả ngàn đường, trao hình đều dựng lập nền tảng của Thích tử, xướng tùy hạnh nghiệp thanh tịnh của Sa-môn. Nếu như mất cả ba sự thì đâu thể cỡi Nhất thừa. Trọn đời ôm lấy mà chẳng đáng xấu hổ. Đâu trái với địa vị chuyển y. Người thông chẳng trách, trẻ nhỏ sao biết. Trong môn Phật sự chẳng bỏ một pháp. Tiếng chó sủa đáng trách đổi giận tổn thương người, do đập chuột mà làm vỡ chén bát, bởi căn nhau mà cắn chủ. Tự tha đều có, Bỉ Ngã thảy quân bình. Ngang dọc hết mà thành nhất Tần. Khí tể hòa mà thành một vị.

Nay đây, từ niên hiệu Trinh Quán, đời Tiền Đường, cho đến đời Bắc Tống đây, đối với chọn núi lộ bày Tu-di mà xuất hịn biển cả. Đối với lông lại tìm lông phóng thả chim đại bàng bay nhảy giữa hư không, khiến mọi hạng người phá xích và kính ngưỡng đều kính mến đạo bền chắc cao cả này. Tôi luống thông đạt vô tướng đạt luân, thí như văn võ là tài nghệ của một người, nếu không kiêm gồm để hỗ tương thì chẳng thể phá xích. Nếu cùng suy trọng Phật pháp thêm ngời sáng, thì đền trả được ân của quân vương độ mình, và báo đáp đức Phật là bậc thầy chỉ dạy. Cẩn trọng thay! Cẩn trọng thay!

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 13 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 14

CHƯƠNG IV: MINH LUẬT

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG IV

(chánh truyện có hai mươi vị, phụ có năm vị).

1. Truyện ngài Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Tuyên, họ Tiền, người ở xứ Đan Đồ, có thuyết nói Sư là người xứ Trường Thành. Đó trước phát xuất từ sau Quảng Lăng Thái Thú Hộ, đến lúc Thái Sử Linh Lạc soạn tập "Thiên văn tập chiêm" một trăm quyển, Cha của Sư húy là Thân, làm Phủ Quân Trần Lại Bộ Thượng Thư, đều là khuôn cao Đạo lệnh, nhân hạnh chu toàn, đức lớn trăm đời, quân tử muôn năm. Lúc mang thai, mẹ của Sư mộng thấy ánh trăng soi suốt trong bụng. Lại mộng thấy có vị Phạm tăng nói rằng: "Thai nhi bà đang mang chính là Luật Sư Tăng Hựu đời Lương!" Ngài Tăng Hựu tức là Tăng Hộ chùa Ẩn Nhạc ở Diệm Khê thời Nam Tề. Và Ngài (Đạo Tuyên) theo vị ấy xuất gia.

Theo "Sùng thọ Thích Giáo" chép: Sư ở trong thai mẹ mười hai tháng, sanh ngày mồng 8 tháng 4. Năm chín tuổi, Sư đã biết làm Phú. Năm mười lăm tuổi, Sư nhàm chán thế tục, siêng năng tụng tập các kinh, đến nương Luật Sư Trí Quân mà thọ nghiệp, qua năm sau, Sư xuống tóc, cái gọi là dứt bỏ kết phược, lìa dục nhuộm y, bèn thuộc Đạo tràng Nhật Nghiêm. Năm hai mươi tuổi, Sư ra sức hộ trì tinh chuyên khắc niệm, cảm được xá-lợi hiện trong rương báu. Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đơi Tùy, Sư nương Luật sư Trí Thư thọ giới cụ túc. Đến khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Ngài nương tựa ngài Trí Thư học luật, vừa mới nghe một biến, liền bàn tính tu thiền. Ngài Trí Quân quở rằng: "Phàm muốn đến xa phải từ gần, nhân nhỏ nhiệm mà biết rộng rãi, tu xả có lúc, công nguyện phải đủ. Chưa nên bỏ ngay Luật

học như thế" và ép buộc Sư nghe được hai mươi biến. Sau đó, Sư mới tĩnh tọa ở sơn lâm, tu tập định tuệ. Sư ẩn tích tại hang Phong Chưởng ở Chung Nam. Tại chỗ Sư ở thiếu nước, có vị thần chỉ Sư xuyên thủng đất hơn một thước, thì có dòng suối nước tự tuôn trào. Bấy giờ, gọi chỗ Sư ở là Bạch Tuyền. Các thú dữ thuần phục, có chỗ nương cậy, có hoa thơm phảng phất, cỏ lạ mọc lan tràn. Cuối đời Tùy Sư dời đến ở tinh xá Sùng Nghĩa, lại dời đến chùa Phong Đức. Sư thường những lúc ngồi một mình, có thần Hộ Pháp đến báo rằng: "ở thôn Thanh Quang kia có chùa Tịnh Nghiệp, đất sẽ là thế báu, Đạo có thể tu thành". Sư nghe lời đó bèn xem xét, đốt hương công đức, thực hành Định Bát-Chu. Bấy giờ, có đàn rồng đến lễ yết, hoặc nam hoặc nữ hóa thành hình người. Có vị Sa-di tán tâm tán loạn nhìn ngó bất chánh. Rồng bừng bừng phát giận, sắp muốn cả đánh, liền truy hối nhả độc xuống giếng, trình bày đầy đủ rồi bỏ đi. Sư mới bảo người bít lấp miệng giếng, có người lén mở, thường có khói xông lên. Xét về mọi sự thần biến, hoặc như có người đưa tặng một hộp hoa lạ, hình dạng giống như hoa táo, lớn cỡ quả du, mùi thơm ngào ngạt, mấy năm vẫn còn thơm. Lại có người dâng cúng quả lạ, như lệ cuối mùa, mùi vị ngon ngọt mà sắc thanh khiết. Ở trên nhân gian chẳng có.

Đồ chúng thường muốn Sư nêu bày ân sự, trước là ngầm thông. Sư dùng định lực xem xét căn cơ, tùy bệnh mà cho thuốc, đều cùng một loại như thế. Có xử sĩ Tôn Tư Mại thường ở ẩn tại núi Chung Nam, cùng Sư giao tiếp kết bạn dưới rừng. Cứ mỗi lần qua lại bàn luận suốt đêm. Bấy giờ, gặp lúc trời nắng hạn, có vị tăng người Tây Vực đến kết đàn cầu mưa tại hồ Côn Minh. Nhà vua ban chiếu bảo Hữu ty chuẩn bị đầy đủ hương hoa cúng cụ. Trong vòng bảy ngày nước trong hồ dâng lên vài thước. Có một người già ban đêm đến chỗ Sư xin cầu cứu, trong dáng vẻ vội vàng, thưa rằng: "Đệ tử là rồng ở hồ Côn Minh, hiện thời không mưa là do ý trời, chẳng phải do đệ tử. Nay có vị tăng người Hồ lấy lợi nơi đệ tử, khinh thường lời của Thiên tử mà cầu mưa, nên mạng sống của đệ tử chỉ còn trong sớm tối, cúi xin Hòa-thượng dùng pháp lực che chở cho!" Sư bảo: "Ta không thể cứu được ông, nên ông hãy mau đến cầu xin Tôn tiên sinh". Người già đó liền đến hang đá của Tôn Tư Mại, kêu oan hai ba lần, bảo rằng: "Luật sư Đạo Tuyên chỉ bày cho tôi, nên mới dám đến đây!" Tôn Tư Mại bảo: "Ta biết tại cung rồng ở hồ Côn Minh có ba mươi bài thuốc, nếu chỉ bày cho ta thì ta mới cứu nhà ngươi". Người già nói: "Phương thuốc ấy hiện tại cõi trên chẳng cho phép truyền ngay, nay việc gấp gáp vì sao lại tiếc rẻ". Giây lát chọn bưng phương thuốc

mà đến. Tôn Tư Mại bảo: "Ngươi hãy mau trở về, chớ sợ vị hồ tăng người Hồ!" Từ đó, nước hồ dâng mạnh, chỉ vài ngày tràn ngập cả bờ, thuật của vị tăng người Hồ sắp hết, không thể làm nữa.

Lúc ban đầu, Sư mới tới chùa Tây Minh, có chiếu sung Sư vào chức Thượng tòa. Khi Pháp sư Huyền Trang đến ở, lại có chiếu ban tham dự phiên dịch. Lại đưa tiễn chân thân sang chùa Vô Ưu Vương ở Phù Phong, gặp sắc lệnh Tăng bái v.v... dâng tấu khải Triều Tể. Hộ pháp lại như thế đó. Sư lựa chọn "pháp môn văn ký, Quảng Hoằng Minh Tập, Tục Cao Tăng truyện, Tam Bảo Lục, yết-ma giới sớ, Hành sự sao, nghĩa sao v.v..." hơn hai trăm hai mươi quyển. Sư mặc ba y đều là vải sợi gai, ngày ăn một bữa, chỉ thuần là đậu. Đi thì gậy roi, ngồi chẳng dựa giường. Chấy rận theo đi ở vậy trừ thọ. Đất gỗ tự đắc vững mình quên thân.

Sư có dựng lập một cái đàn, bỗng nhiên có vị tăng lông mày dài đến đàm đạo. Sư biết đó là ngài Tân-Đầu-Lô. Lại có vị Phạm tăng đã chứng đắc quả thứ ba đến lễ đàn, khen ngợi rằng: "Từ sau khi Đức Phật diệt độ đến thời tượng pháp, hưng phát Tỳ-ni chỉ một mình Sư". Mùa xuân niên hiệu Càn Phong thứ 2 (667), Sư thầm cảm Người trời đến đàm luận về luật tướng, nói rằng: "Trong "Sao văn Khinh Trọng Nghi" có sự sai lầm, đều do lỗi của người phiên dịch, chẳng phải lỗi của Sư. Xin Sư cải chính lại". Nên nay lưu hành các tác phẩm phần nhiều là bản sửa lại. Lại có người trời nói rằng: "Từng soạn "Kỳ hoàn đồ kinh", tính theo số trang ở nhân gian độ chừng trăm quyển". Sư liền hết lòng khẩu chiêm, mỗi mỗi đều sao chép hai quyển thượng hạ. Lại có khẩu truyền kệ tụng, gọi là "Phó Chúc Nghi" mười quyển.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650), Sư từng ẩn cư tại núi Vân Thất, thuộc Thấm Bộ. Có người thấy Thiên đồng hầu hạ hai bên. Ở chùa Tây Minh, ban đêm Sư hành đạo bước đi sẩy chân, trước thềm có vật nâng đỡ, bước đi trên hư không chẳng hại gì, nhìn kỹ mới thấy đó là một gã thiếu niên, Sư liền hỏi: "Người là ai mà trong đêm lại ở đây?". Gã thiếu niên đáp: "Tôi chẳng phải là người thường, mà chính là Na-tra, con của Thiên Vương Tỳ-Sa-môn. Vì hộ pháp nên ủng hộ Hòa-thượng đã lâu". Sư nói: "Bần đạo tu hành vô sự, sao phiền Thái tử? Thái tử có uy thần tự tại, vậy ở Tây Vực có thể làm nên Phật sự, xin hãy đến đó!". Thái tử nói: "Tôi có răng Phật và tay báu, tuy từ lâu đầu mắt còn xả bỏ, dám chẳng dâng hiến". Nói đoạn liền dâng cho Sư. Sư bảo trọng ghi lục cúng dường. Lại nữa, trước sân thềm có vị trời đến lễ yết nói với Sư rằng: "Luật sư sẽ sanh lên tầng trời Đổ-Sử". Và mang đến một

cái bao, nói đó là hương Táo Lâm. Sau đó mười tuần (100 ngày) Sư an tọa thị tịch. Lúc đó là ngày mồng 3 tháng 10 niên hiệu Càn Phong thứ 2 (667), Sư thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Nhiều môn nhân an táng ở hang đá Đàn Cốc, sau đó xây ba ngôi tháp.

Vua Cao Tông ban chiếu trang nghiêm các tháp, đắp họa chân hơn tượng của Sư, do người thợ đắp tượng Hàn Bá Thông đắp vẽ. Bởi vì truy kính đạo phong của Sư. Từ ngày đăng đàn thọ giới cụ túc cho đến ngày thị tịch, trong quãng thời gian đó, đệ tử đến Sư thọ pháp truyền giáo có đến trăm ngàn người. Trong đó, đích thân Sư độ thì có Luật sư Đại Từ, truyền pháp thì có ngài Văn Cương v.v... chiếc răng Phật do người trời trao phó, Ngài kín bảo ngài Văn Cương giữ gìn hộ trì, thỉnh đến Đông tháp ở chùa Sùng Thánh. Đến đầu niên hiện Thái Hòa (827), Thừa tướng Vi Công Xử Hậu xây lập tháp ở Tây Lang.

Sư giữ luật tiếng tăm vang dội tới Tây Trúc, sự biên tập tốt đẹp của Sư lưu truyền khắp trong nước. Cho nên, Tam Tạng Pháp Sư Vô Úy đến Đông Hạ triều yết, nhà vua hỏi: "Ngài từ xa có mệt nhọc chăng? Muốn dừng nghỉ ở nơi nào?" Ngài Vô Úy tâu rằng: "Lúc ở Tây Trúc thường nghe luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh nghiêm trì giới luật bậc nhất. Nên tôi xin muốn đến đó để nương tựa". Nhà vua liền ban sắc chấp thuận. Sư giữ giới cấm bền bỉ, bắt chấy rận bỏ vào trong giấy lụa rồi bỏ dưới đất. Ngài Vô Úy nói: "Tiếng đánh hữu tình trên đất". Tất cả các mật hạnh có chế có già, nên có thể biết đó. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767), vua Đại Tông ban sắc cho Tam Cương ở chùa nầy. Nếu nghe chùa ấy có Đại đức luật sư Đạo Tuyên truyền trao chiếc răng và Xá-lợi của Đức Phật Thích-ca, Sư liền dâng đến cửa Ngân Đài phía hữu, trẫm muốn được xem và đảnh lễ. Đến tháng 10 niên hiệu Đại lịch thứ 11 (776), lại ban sắc trong nội cung thường năm xuất ra một hộp hương đưa đến chỗ thờ Cố Luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh, vì nước nhà mà đốt hương cầu nguyện.

Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 10 (870) đời vua Ý Tông, các Sa-môn Tả Nhai, Hữu Nhai như Linh Tiêu, Huyền Sướng v.v... dâng biểu xin truy phong hiệu Sư. Tháng 10 năm đó, vua Ý Tông sắc truy phong Sư thụy hiệu là "Trừng Chiếu", tháp hiệu là "Tịnh Quang". Nhân trước kia, Sư ở lâu đài tại Chung Nam nên gọi là "Nam Sơn Luật Tông", niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), Linh Xướng Thái Thú Lý Ung, và niên hiệu Hội Xương thứ nhất (841) Công Bộ Lang Trung Nghiêm Hậu Bổn, mỗi vị đều làm văn bia khen ngợi đức hạnh của Sư.

Liên hệ thử bàn:

Luật Tông, hễ Phạm thì hỏi tâm, tâm có hư thực, nếu chưa đắc đạo, khởi ý tưởng che giấu, thì phạm tội trọng. Nếu thật có trời rồng đến chỗ ta mà nói, thì Phạm trọng vời lấy tội, đồng với phỉ báng A-la-hán. Ngài Đạo Tuyên thường có người trời làm sứ giả, hoặc dâng răng Phật, hoặc sung cấp sứ, chẳng phải do Sư tự nói. Như sai bảo rồng đến chỗ Tôn tiên sinh, đâu phải Sư tự nói ư? Còn như trong khoảng thời gian thuộc niên hiệu Càn Phong (666-668), có trời thần hợp đạp, hoặc biên chép "Kỳ Hoàn Đồ kinh", "Phó Chúc Nghi" v.v... thả chẳng phải là ngụ ngôn ở quỷ vật. Ông chẳng thấy trong Luật Thập Tụng nói các Tỳ-kheo còn nói: "Mục-Liên phạm tội nói dối". Phật dạy: "Mục-Liên tùy tâm tưởng mà nói nên không tội". Lúc Phật tại thế còn như vậy, huống gì ở thời tượng pháp mạt pháp, sự hiềm tật Hiền thánh đó đâu đáng lấy làm lạ. Thêm nữa nói về ngài Vô Úy chẳng phải là người trong niên hiệu khai nguyên (713-742), từ niên hiệu Trinh Quán đến niên hiệu Hiển Khánh (627-661) trở lại, chẳng có ngài Vô Úy chăng?

2. Truyện ngài Đạo Thành chùa Hằng Tế ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Thành, không rõ Sư là người xứ nào. Sư ở tại Ấp Thiên, giảng về luật thừa. Trăng giới chiếu sáng, tròn đầy chẳng khuyết, bình đức bày thật, đầy mà không nghiêng.

Vào niên hiệu Hiển Khánh (656-661), phô bày tông Tứ Phần, có đồng vụ thị. Bấy giờ, Luật Sư Văn Cương, tuy trước kia nương tựa Đại Sư Trừng Chiếu (Đạo Tuyên), sau kết tập Luật văn mới đến nơi Đường Áo của Sư. Lại các tác phẩm của ngài Hoài Tố đều xuất phát từ môn tịch của Sư. Đến niên hiệu Thùy Củng (685-689), ngài Tam Tạng Pháp Sư Nhật Chiếu phiên dịch các kinh "Hiển Thức" v.v... Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) ban chiếu mời mười vị danh đức để giúp cho việc pháp hóa. Khi đó, Sư cùng các ngài Minh Tuân, Gia Thượng đồng tham dự chứng nghĩa. Do đó mà tiếng tăm bay đến thần điện, địa vị đứng đầu phương Đàn. Gọi đó là Ngô Đồng có lắm chim phụng nương đậu, gọi đó là bãi cỏ thơm có lan tùng rất đẹp. Môn sinh phần nhiều không hơn sự tu tập ở đây. Chẳng rõ về sau Sư tịch ở đâu!

Liên quan thử bàn:

Thành Công và ngài Đạo Thành ở Tương Châu, đời Tùy, tuy đồng hiệu mà thật là khác người. Hai vị đó ai trước?

Thông đáp: "Ngài Đạo Thành ở đời Tùy tinh thông Luật Thập tụng, sau thuật rất nhiều. Còn ngài Đạo Thành ở đời Tiền Đường, mở

mang truyền bá Luật Tứ phần, dịch giảng đều hay khéo. Nhưng Sư soạn tập thì mở cho người mê. Xét về phiên dịch và truyền bá của Sư thì đào luyện giáo đạo. Thí như Diệm-ma sau và ánh sáng trước, dường như vật báu hoặc hổ thẹn với vật báu thật, cùng có hay dở, nhưng Dụng thì không hề sót.

3. Truyện ngài Văn Cương trụ chùa Sùng Thánh ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Văn Cương, họ Khổng, người ở xứ Cối Kê. Tằng Tổ của Sư húy là Phạm, làm Trần Đô Quan Thượng Thư, ông nội sư húy là Tự, làm Từ Bộ Thị Lang. Cha của Sư húy là Đảnh, vượt biển để tránh nhà Tùy, chọn gỗ để trở về Thuấn. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650), mới bái Thượng thừa trực trường, vào niên hiệu Hàm Quang trở lại Nho nghiệp, bên cạnh thông hiểu Thích Giáo, cho nên Sư cũng gieo trồng gốc lành đời trước theo tập khí. Lúc mang thai, mẹ của Sư bỏ các tạp thực, có vị tăng dòng dõi Ba-la-môn tu hạnh Đầu-Đà nói với mẹ của Sư rằng: “Nếu đây là bé trai thì sẽ trọn kiếp nối tiếp Tam Bảo”. Từ đó, thường nghe giữa hư không có mùi hương lạ xen lẫn nhạc trời, đến ngày sanh Sư, có hạc trắng bay liệng nhóm nhóm như đến trông xem, trong khoảng thời gian đang còn lót tả, sau giờ ngọ Sư đã chẳng chịu bú, còn kiên trì chay tịnh. Lại đến tuổi thay răng sữa, Sư theo thầy hỏi đạo. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, năm hai mươi tuổi, Ngài thọ giới cụ túc. Tinh lo khổ hạnh, chuyên niệm dứt tâm. Ngài chỉ ăn dùng lương khô, rau lê..., mặc áo gai, nằm chiếu cỏ. Tiết tháo thường xem xét, miệng không nói quá lời.

Sư tìm đến Luật sư Đạo Thành ở kinh triệu thọ học luật tạng. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư giảng luật, năm ba mươi tuổi, Sư đăng đàn. Mỗi lần khuyên tu, Sư nghĩ sâu, lắng nhìn và nghe lại. Trong sạch như nước đứng, cao vợi tợ đoán sơn. Hoặc gió mưa vẫn yên ở, hoặc ngày đêm riêng đắc, nên bình cát tường thường ở trong tay chẳng bỏ. Oai đức đón gió chẳng dứt hơi khí, Nhạn ra khỏi lồng, bay giữa hư không. Sư khởi dựng nhà tầng dưới tự nhiên thành tựu. Chỉ một giọt cam lồ, miệng dụ như kiếm bén làm thương tổn người, hãy thận trọng! Rất rộng lớn! Từ đó, người khắp tám phương tìm đến cầu học, luật Tứ phần mãi lược lưu truyền. Hạng người đến hỏi điều lợi ích, nâng tay áo che kín mây, hạng người khen ngợi phát tiếng như sấm sét hãi hùng. Lâu sau, Sư trông thấy giữa trời mưa dầm, mọi người tỏ vẻ lo âu, Sư thương tưởng đó mới ngồi thẳng tư duy, bỏ dựa vách nhà lâu đến nửa đêm, lửa bốc lên nửa khoảnh

chỉ còn trống sau lưng, cao vợi như ngọn núi đứng. Hàng thức giả cho đó là Sư đắc thần thông nhờ nơi định lực, nên Nhật Nguyệt linh tích, u hiểu ngầm cảm. Điềm lành ở tập sự, ứng cảm tại Di ngôn. Chung quanh đều lấy làm lạ. Sư bảo: "Chân thật vô tướng, sắc trần vốn không, chánh giác viên thường, đại bi lắng định, chẳng nên chấp lấy". Thế nên, một thời Sư làm pháp chủ, thầy của cả bốn đời vua. Đồng như Ca-diếp vào thành, gặp vua Batư-nặc mà thuyết giới. Ngoài cửa Trúc Viên, riêng có vị Sa-di ở cuối cành cây cao, rộng nghe tiếng chim... Do đó, được thấm nhuần rộng khắp, vào tri kiến được sâu, muôn bệnh đã lành, được thuốc vui mừng, nhất tâm chẳng nhiễm, mở trói phiền não.

Ngài lại cung thừa Ty luân, đến kinh đô tham dự phiên dịch. Sư truy luận chuyên dụng, xa hợp như nhân, kiều thành đầy triều, Đàn thí địch quốc. Song Sư chỉ nương Bồ-tát, tận dụng trang nghiêm, Sư trải qua hơn hai mươi ngôi già-lam. Hễ các nơi tháp miếu Sư dâng hoa kính lễ. Còn chích máu viết kinh đến sáu trăm quyển, đăng đàn thọ giới cụ túc đến mấy ngàn vị. Sư rất khổ tiết rất ân cần vào biển vô ngã, chẳng ngủ, chẳng ăn, gieo ruộng vô sanh.

Niên hiệu Trường An thứ 4 (705), Sư vâng sắc đến chùa Vô Ưu Vương ở Kỳ Châu, đón rước Xá-lợi. Niên hiệu Cảnh Long thứ 2 (708), vua Trung Tông thỉnh Sư vào Nội Đạo tràng hành đạo, đưa rước chân thân Xá-lợi sang chùa Vô Ưu Vương nhập tháp. Năm đó, tại cung Càn Lăng, Sư làm thầy cho chư ni trong cung thọ giới. Sư lại an cư nhập hạ ở trong cung. Vì nhị Thánh nội Ni giảng luật Tứ Phần một biến. Vua Trung Tông vui mừng kính chuộng, Sư độ làm đệ tử. Vua ban dâng thập vật, ba ngàn xấp lụa màu. Nhân Sư tấu trình về việc của đạo tràng linh cảm, ngày mồng 7 tháng 6, ngự trác đề bảng là chùa Linh Cảm. Các chùa mời các bậc Thạc Đức để làm tiêu biểu. Phàm ở đó, phía tả là Ngự túc, phía hữu là Thượng lâm, Nam đài chung sơn, Bắc hồ vị thủy. Ngàn cửa cung quyết hóa ra Vân Tiêu, vạn nương Tinh kỳ trời xoay vốn thấp.

Vào niên hiệu Tiên Thiên (712-713), vua Duệ Tông lại tại biệt điện thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Phi chúa bao quanh, theo hầu bái lạy. Trên trời Đâu-suất gần mà nghe lời pháp, trong thành Vương-Xá đồng nghe tịnh giới. Ân chỉ ban tặng hơn ba ngàn xấp lụa sống. Sư đều giao phó cho thường trú tùy việc tu sửa dựng xây. Hoặc đất vàng quấn tường, để tăng thêm thượng giá. Hoặc phường báu, lầu cao, hay trang trí toàn khuôn mẫu. Hoặc Giảng đường, Lầu kinh, Xá-lợi Tịnh độ. Hoặc hiên lang đồ vật, bếp kho vườn rừng, đều do tín thí pháp

tài chu cấp Tăng Bảo. Vừa sắp chỉ bày bến mê, dẫn dắt lên đường giác, rửa nhà lửa nóng, vớt đắm dòng độc. Mà vội dời thần phút chốc củi hết. Tuy có ứng hóa, sao nhanh vội thế!

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 (727), ngày 15 tháng 8, Sư an nhiên thị tịch, thọ chín mươi hai tuổi, tới ngày mồng 4 tháng 9 năm đó, nhập tháp ở bên cạnh chùa. Nghe tin buồn vội đến thọ tang, đón rước dự táng, hương hoa phướn lọng, Tăng Tục Hoa di đông đảo, lấp bít thành châu... mây dồn che cảnh, bởi cả mấy muôn người. Trong đó có các pháp lữ của Sư như Hoài Tố, Mãn Ý, Thừa Lễ ở Kinh Triệu, Sùng Bạt ở Tương Dương, Phụng Lâm ở Phù Phong, Hằng Cảnh ở Giang Lăng, Danh Khác ở Truy Xuyên v.v... hơn trăm vị, đếu nói rằng: "Sông trí đổi thuyền, rường cột ngôi nhà pháp!" Có các đệ tử của Sư như: Đạo Ngạn ở Hoài Nam, Thần Tích ở Thục Xuyên, Tuệ Khải ở Kỳ Lũng, Thần Tuệ, Tư Nghĩa, Thiệu Giác, Luật Tạng, Hằng Hoàng, Sùng Nghiệp ở Kinh Triệu v.v... hơn năm mươi vị đều dùng mắt từ vào nơi cửa độ, kim quan chẳng truy, tro xương không đáp. Bèn thỉnh Thái Thú Hoạt Đài Lý Ung làm bia, Ung Tượng đổi dòng họ Ban. Vì hai người đồng truyện, hẳn trăm hạnh đều ngang vai. Chẳng nhục trước Hoài Tố, chẳng thẹn sau Đạo Tuyên. Lý bắc hải đề phẩm chẳng trái ư?

Kế nữa, tại Truy Châu có Luật sư Danh Khác, tinh ròng luật tạng, thiết tha chuyên cần cầu giải, thường ở bên cạnh pháp tịch của luật sư Đạo Tuyên, đích thân hỏi về Sao Tự Nghĩa, Sư cũng đích thân lục tùy hỷ Linh Cảm Đàn, ban danh ở kinh. Về sau lại giúp sức làm ngời sáng pháp môn của ngài Văn Cương.

4. Truyện ngài Hoài Tố trụ chùa Hằng Tế ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Tố, họ Phạm, tổ tiên Sư là người xứ Nam Dương. Tằng tổ của Sư húy là Nhạc, ở triều vua Cao Tông, được chọn làm Giáng Châu Khúc Ốc Huyện Thừa. Ông nội của Sư húy là Huy, làm Diên Châu Quảng Võ Huyện Lệnh. Cha của Sư húy là Cương làm Tả Võ Vệ Trường Sứ, cho nên trở thành người xứ Kinh Triệu. Mẹ của Sư họ Lý, bà nằm mộng thấy mây sấm chấn động kinh hãi, nhân đó mang thai Sư. Đến lúc sanh Sư có ánh sáng Thần soi chiếu khắp phòng. Thấy vậy, bèn tìm thầy đoán mộng, nói rằng: "Người con này rất quý, sẽ làm thầy dạy của bậc Vương giả".

Từ thuở bé Sư đã thông minh, khí độ rộng rãi. Hàng thức giả nói: "Ngài học chắc chắn thành công, tài đáng vượt cách". Tai nghe miệng

tụng đều đáng gọi là Lão thành. Năm lên mười tuổi, bỗng nhiên Sư phát ý muốn xuất gia. Tánh tình lanh lợi, cha mẹ khó bề cản trở. Niên hiệu Trinh Quán thứ 19 (646), Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang từ Tây Vực vừa mới trở về, Sư liền đến cầu xin làm thầy. Mây và rồng mà đồng vật, trăng và sao cùng sáng soi, đều treo giữa trời họ Thích, rực rỡ cảnh tượng sáng trong. Ban đầu, Sư tìm kinh luận, chẳng phí thời gian. Sau khi thọ giới cụ túc, về sau, Sư chuyên ròng Luật bộ. Có luật sư Pháp Lệ ở quận Nghiệp, danh khí một phương, tông sự luật Ngũ phần. Người lạc hướng thảy đợi Sư chỉ nam, kẻ được đường đều suy tôn Sư là người chỉ nẻo về quê cũ. Sư soạn thuật sớ mười quyển, riêng là Mạng gia. Được tiếp Ngài (= Hoài Tố) mà biết thành luật tượng, nghiên cứu học tập ba năm mới thấy được các vết lỗi, Sư bùi ngùi than rằng: "Người xưa, nghĩa chương chưa thể toàn thiện!"

Niên hiệu Hàm Hanh thứ nhất (670), Sư phát khởi tâm mạnh mẽ, riêng soạn bộ"Khai Tứ Phần Luật Ký". Đến năm Bính tý (676) tức niên hiệu Thượng Nguyên thứ 3, Sư trở về kinh, vâng sắc ở tại chùa Thái Nguyên tây, bên cạnh được nghe luật sư Đạo Thành giảng dạy, Sư chẳng ngừng ghi chép. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần thứ nhất (682) thì mười quyển hoàn thành, một nhà mới lập. Đàn hợp cổ sớ có mười sáu lỗi. Tân sớ có năm trăm điều. Truyền cánh đến hổ đánh bắt mà có biết đều sợ, nương gió đến chấn động rầm rầm mà không chỗ xa xôi nào chẳng nghe. Sự hoằng hóa thích hợp, sự truyền trao rất nhiều. Sư lại soạn "Câu-xá luận Sớ" mười lăm quyển, "Di giáo kinh sớ" hai quyển, "Sao" ba quyển, "Tân sớ Thập Di sao" hai mươi quyển, "Tứ phần Tăng Ni yết-ma văn" hai quyển, "Tứ phần Tăng Ni giới Bổn" mỗi loại một quyển, "Nhật Tụng Kim Cương Kinh" ba mươi quyển. Sư giảng Đại Luật đã sớ giải hơn năm mươi biến. Ngoài ra, Sư viết kinh vẽ tượng, nhiều không thể tính biết số lượng.

Tại Bổn tự nơi biệt viện, bỗng nhiên Sư thị hiện bị bệnh. Sức lực vẫn tự nhiên. Ngài bảo với Tú Chương rằng: "Tôi luật hành lắm khiếm khuyết, báo thân này sắp dứt rồi". Khi đó, giữa hư không có tiếng nhạc trời réo rắt, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi ba hạ lạp. Ngày an táng có chim hồng chim hạc bay nhiễu quanh tháp kêu buồn đến chiều tối mới bay đi!

Sư soạn thuật Tông Tát-Bà-Đa, Sư dùng pháp Mật Bộ duyên với Hóa Địa Bộ, xuất ra Hóa Địa từ Hữu Bộ sanh, nên xuất thọ thể lấy vô biểu sắc. Sư lại bác bỏ hai tông rằng: "Tướng Bộ vô tri thì mở lớn trong lượng, được tự lấy Đại tiểu hạnh. Nam Sơn phạm trọng thì bàn luận với

Thiên thần, là tự nói Đắc Pháp của bậc thượng nhân, đại để, Sư sớ giải lưu xuất, gọi đó là Tân Chương. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), luật sư Tân ở Tung Sơn soạn "Sức Tông ký" để giải thích đối chiếu với cựu sớ của luật sư Pháp Lệ, lại gọi đó là "Đông Tây Tháp Luật Tông", vì lấy chỗ truyền Tập mà đặt tên. Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780) Tướng Quốc Nguyên Công lại tấu trình xin thiết lập giới đàn tại chùa Bảo Viên ở Thành Đô để truyền "Tân Sớ". Dùng tiền bổng lộc để soạn "sớ" bốn mươi bản, "Pháp Hoa kinh sớ" ba mươi bản, giao phó cho ngài Quang Dực ở chùa Bảo Viên truyền hành. Sau đó, Nguyên Công mời Như Tịnh Công soạn tự truyện của Sư, Vi Nam Khương Cao soạn Linh Đàn Truyền Thọ Tỳ-ni, "Tân Sớ ký" có được sự truyền thừa tiếp nối, khắc danh vào đá, ngôn từ đẹp đẽ, nét bút mềm mại. Là khẩu thật ở đất Thục.

5. Truyện ngài Đạo Ngạn ở Quang Châu thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ngạn, họ Đường. Nhiều đời ở tại Dĩnh Xuyên, đó là một dòng họ lớn, là con cháu của Hán Thượng Thư Lệnh Lâm; Tư Không Trân, Ngô Thượng Thư Bộc Xạ Cố, Ung Châu Thứ sử Bân, Lương Trấn Bắc Tướng Quân Dao. Vĩnh gia đi về phương Nam, dời tới Quang Châu, áo mão người vật chói sáng xưa nay. Sư vừa mới sanh đã chẳng đồng như bọn trẻ, có khí khái kỳ đặc. Ở độ tuổi tết tóc đã có dáng dấp của bậc lão thành. Đến tuổi đội mũ gắn liền trường lớp, nhanh chóng ngang bằng Phần Điển, Sư còn sợ sự thấy nghe chưa rộng rãi, nghề nghiệp có sai sót, bèn bềnh bồng sông Hoài tìm tới Thù Tứ, thâm cứu Võ huyệt, bước lên Khổng Đường, trải qua nhiều năm lắm chốn. Theo sự cổ xúy của Hàng Lâm, lội dòng sóng giữa biển học, thảo luận Bách gia, bàn bạc Tam giáo, Sư mới than rằng: "Học người xưa vào làm quan quấn vàng nhặt tía, đó là Nho giáo. Thưởng thức thông, nếm thử bách, nương hạc cỡi rồng, đó là Đạo giáo, không ra khỏi luân hồi, chẳng phải nghĩa bè dụ. Đâu như ba thừa diệu chỉ, sáu độ hoằng công, thâu nhặt thế gian, nắm giữ cả sa giới.

Sư bèn xuống tóc xuất gia, rửa tâm tìm đạo, nhất âm nêu bốn câu rành thông, học tu luật nghi, vào sâu thiền tuệ. Đêm mộng thấy Ca-diếp đến làm thầy dẫn lối, sáng sớm xem đọc chân kinh rõ ràng phù hợp với mộng thầm. Do đó, thanh danh vang dội, xa gần đều nghe tiếng. Làm bến bờ của xuất thế, hẳn là lãnh tụ của kinh hành, các bậc Long tượng ở mười phương đều là khuôn p phép, uyển loan khắp muôn nước không dám răn đáp. Hướng như xoay lại đó, khéo biết đến kia khác đường. Tài

bàn luận hẳn gồm cả bốn khoa, sức cứu đời nhã hợp với ba kiệt. Có như Pháp sư sơ ở đất Việt, Bí tạng tinh vi không gì chẳng luyện rõ. Đạo cao gồm hoàn vũ, đức trọng dường Khâu sơn. Sư nghe Thiện như kinh sợ đồng thanh tương ứng, cưỡi thuyền đến Sở, chống tích sang Ngô. Mây móc một khi đã vén thì chuông trống đồng vang động. Kỳ Nha khế hợp, Trừng Thập liền phương. Từ đó, Sư thường trụ chùa Long Hưng ở Cối Kê. Các hàng sĩ thứ ở Dương Châu, Việt Châu hay Thích tử ở Giang Hoài, đông đúc ô hợp, ngõ hẹp thiếu người ở, ít lên cửa nguyên lễ, lại thấy Sư lên chợ. Sư thân tuy còn trong bó buộc mà tâm đồng như hư không. Chẳng chọn hiền ngu, không kể sang hèn, sắc diện ôn hòa tiếp đãi, khéo dẫn dụ siêng năng xét soi, sáng tỏ chẳng mỏi mệt, chuông lớn hẳn ứng, đều trông trời rót biển, hư đi thật về. Lợi ích đó rộng lớn thay! Không thể xứng được. Bấy giờ, gọi Sư là Đại Hòa-thượng, lên tòa Vô Úy, giảng luật mộc-xoa, dung mạo cử chỉ trang nghiêm, từ biện rõ trong giảng nói. Nối liền tan rã, lý sạch mảy may. Người chiêm ngưỡng thảy đều do lòng thật, kẻ nghe nhận được chưa từng có. Do đó, các bậc cao Tăng Đại sĩ tâm say thần ngã, bỏ hết những gì thấy nghe xưa cũ, bội phục Tân nghĩa. Khắp cả thế gian đều biến đổi. Đạo Sư hành hóa hưng thạnh.

Vua Trung Tông tinh ròng Bạch nghiệp, đến nghề huyễn thân, nghe mà lấy làm lạ, bèn sai sứ thỉnh, trước sau có đến mấy lần, nhưng Sư mới vào triều cùng với vài vị Đại Đức đồng ở nội điện. Vua Trung Tông Nhân lúc việc triều chính rảnh rỗi, đích thân xem duyệt thanh ngôn. Tuy mắt trời thường ngó lại mà Thánh uy khó phạm. Phàm vua thẳng mắt đối đáp, không ai chẳng kinh hồn, nên đều trông trời nhìn gió để dứt nghe bặt thấy. Sư, trong dáng vẻ tuy trọng nhưng hạ lạp chưa cao, nên còn vấn vít ngồi nơi dưới chiếu, cách xa các bậc tiên bối. Tiếc rằng nhà vua có ngôi vị Luân Vương, chẳng đứng dậy đón rước, cho rằng ta là sau Xá-na, mới an nhiên ngồi. Nhà vua thấy Sư cao thượng, nên kính phục sự tôn nghiêm, riêng ban tặng y bát, đặc biệt tỏ bày sự sủng ái, nhân đó thưa hỏi pháp vị của Như Lai. Ngài liền vì làm thầy trao truyền giới Bồ-tát. Nhà vua dẫn dắt thân quyến ở sáu cung vây quanh cúng dường, và bèn đắp họa ở cung Lâm Quang, ngự chế ca ngợi Đồ họa. Với bài Từ rằng:

"Giới Châu sáng sạch
Giòng tuệ trong veo
Thân bó buộc cùng năm thiên
Tâm thung dung tám định

Học cùng chân Điển
Quán suốt thật tánh
Duy trì pháp vụ.
Giềng mối thống lãnh Tăng chính.
Luật tạng nhờ đây mà lan truyền hương thơm
Tượng giáo nhờ đó mà rạng ngời hưng thạnh".

So với Linh Đài ảnh tượng, lâu gác đan thanh, công đức có ý nghĩa khác nhau, vua tôi khác lễ, lựa chọn người làm cương quản, thống soái tăng đồ, lãnh trách nhiệm của Hữu ty. Cho rằng Sư là bậc Đức thạnh rộng lớn, chí hạnh cao xa, nghĩ trùm mưa móc, đặc biến chương trình trải khắp thành đô, Bạch Mã, Trung Hưng. Cương duy tổng vụ của các chùa Trang Nghiêm, Tiến Phước, Võng cực v.v... đều vâng thừa sắc mạng, hợp sâu với tâm chúng sanh. Thiên hạ lấy đó làm vinh hạnh, là điều xưa nay chưa từng có.

Vua Trung Tông có hoài bão võng cực, truy phước nhân tâm, trước tiên tại trường an xây dựng chùa Tiến Phước, việc chẳng đến lúc, người làm phiền nhọc. Bèn ban sắc cho Sư cùng với Công Bộ Thượng thư Trương Tích cùng trông coi công việc đó. Sư bèn mở rộng phương tiện, ban rải từ bi. Người hoặc con lại phục dịch, không lưu giữ việc chuyên, tổn phí ước lược công cán gấp bội, nhà vua rất vui mừng, từng mời đến ban thưởng. Lúc nào tối sáng đã mang đội ân trời, nói thù đáp ân đất bèn trở lại Quang Châu, độ ngươi, xây dựng chùa. Từ đó vườn uyển kỳ đà tạo dựng tăng phường, Tỳ-kheo Câu-lân bèn làm người báu. Việc đó hoàn tất đâu hối hận gì? Sông biển một từ, sương sao hai kỷ. Thường nhớ nghĩ chỗ thành đạo, lại bức hối mong chung lậu. Bèn rời bỏ thượng kinh về đến bổn xứ. Sắp bày đoái hoài thọ mạng, tinh chọn môn nhân xuất gia như Hạnh Siêu, Huyền Nghiễm, đáng gọi là người tài giỏi, liền truyền ngọc báu nơi búi tóc, giúp ban lời của miệng vàng, rồi Sư nằm nghiêng bên hông phải mà phô bày thân bào huyễn.

Đến ngày mồng 10 tháng 8 năm Đinh Tỵ (717) tức niên hiệu Khai Nguyên thứ 5, Sư thị tịch tại Đạo tràng chùa Long Hưng ở Cối Kê, thọ sáu mươi bốn tuổi. Biển khô làm sao nương ở, núi đổ làm sao cậy nhờ! Trời người cảm động, tăng tục khóc buồn, đến dự đưa tang lễ, chế phục tính tới số muôn. Các đệ tử như Sa-môn Nghĩa Hải ở chùa Long Hưng kiêm tự chủ chùa Tuệ Võ, Đô Duy Na Đạo Dung, Hoài Tắc ở chùa Đại Võ, Đạo Siêu ở chùa Đại Thiện, Tư nhất ở chùa Tề minh, Hoài Oánh ở chùa Hồng ấp, Tuệ Châu ở chùa Vân Minh, Hoài Ngạn ở chùa Hương Nghiêm, Đạo Cương ở chùa Bình Nguyên, Tử Võ ở chùa Đại Vân thuộc

Hồ Châu, Tuệ Toản ở chùa Hưng Quốc v.v... Đẹp lạ là bẩm chất khuê chương, thành đồ vật nương nhờ mài giũa, đội sức chỉ dẫn mê mờ, mang ân quát vũ. Nghĩ muốn truyền lưu hương thơm ở cõi trần để đề danh trên Trinh Thạch, bèn thỉnh lễ bộ thị lang Diêu Dịch soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Sư.

Trước kia, Sư vốn là đệ tử tài giỏi của Luật sư Văn Cương, đến lúc vua Trung Tông kính trọng đạo đó, khắc rằng: "Ở giang biểu phần nhiều hành trì luật thập tụng, chư Tăng tại Đông nam kiên chấp không biết Luật Tứ Phần". Sư bèn tấu thỉnh vua mặt sắc ban lệnh chấp hành "Nam Sơn Luật Tông". Tông đó hưng thạnh hoằng truyền ở Giang Hoài là do công sức của Sư.

6. Truyện ngài Chân Biểu ở chùa Kim Sơn nước Bách Tế, thời Tiền Đường:

Thích Chân Biểu, người xứ Bách Tế, gia đình ở tại Kim Sơn, nhiều đời sống bằng nghề săn bắn, Sư bước đi nhanh nhẹn, khéo giỏi cung tên.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), ngoài việc rượt đuổi thú, Sư đến nghĩ nơi ruộng sâu, bẻ cành liễu bắt ếch xỏ thành một xâu để dưới nước, định làm món ăn, bèn vào núi giăng lưới bắt thú. Nhân rượt đuổi nai nên từ đường ở phía bắc núi trở về nhà, quên lấy xâu ếch đó. Đến mùa xuân năm sau, trong lần đi săn, nghe tiếng ếch, Sư đến trong nước thấy xâu ếch năm trước khoảng ba mươi con vẫn còn sống. Khi đó, Sư bùi ngùi tự trách rằng: "Khổ thay! Tại sao ta vì miệng bụng mà khiến cho chúng phải chịu khổ cả năm như thế". Sư bèn bẻ gãy cành liễu, từ từ nhẹ nhàng thả chúng đi. Nhân đó Sư phát chí nguyện muốn xuất gia.

Sư tự nghĩ rằng: "Như ta từ giã cha mẹ cắt đứt ân ái trong nhà. Vẫn còn khó lìa biển tham dục, chẳng tỏ lộ lồng ngu mê". Do đó, Sư trốn vào núi sâu, dùng dao cắt tóc, khổ chí sám hối, nâng thân đập đất, chí cầu giới pháp, phát thệ nguyện cầu mong Bồ-tát Di-lặc trao truyền giới pháp cho mình. Ban đêm Sư gia công gấp bội ban ngày, đi nhiễu quanh khấu gõ, tâm tâm không xen hở, niệm niệm tha thiết. Trải qua bảy ngày đêm, đến rạng sáng, thấy Bồ-tát Địa Tạng tay cầm gậy vàng vì Sư mà sách tấn, phát giáo phát giới, duyên tác thọ tiền phương tiện. Sư cảm nhận điềm ứng đó, vô cùng mừng vui, khắp thân mạnh mẽ hơn trước. Đến hết ngày thứ 14, có con Đại quỷ hiện tướng đáng sợ xô Sư té xuống hang núi nhưng toàn thân Sư không thương tổn gì. Ngài lại lăn

lóc leo lên Thạch Đàn, tướng ma quỷ lại tăng thêm chẳng thôi, trăm ngàn manh mối. Mãi đến sáng ngày thứ 21, có con chim cát tường cất tiếng kêu rằng: “Bồ-tát đang đến!” Sư thấy mây trắng dần dần lan tỏa, lại không có cao thấp, núi sông đều bằng phẳng, trở thành thế giới ngàn mầu. Đâu-suất thiên chủ đi lượn, nghi vệ nối tiếp vây quanh Thạch Đàn, gió mưa hương hoa, chẳng phải cảnh vật của phàm tình ở thế gian. Khi đó, Đức Từ Thị từ từ đi bộ đến Thạch Đàn, duỗi tay xoa trên đảnh đầu Sư, bảo rằng: “Lành thay! Đại trượng phu cầu giới như thế!” Đến lần thứ 2, lần thứ 3, thì núi Tô-mê-lô có thể duỗi tay mà buông. Khi đó tâm Sư không hề thối động, Đức Từ Thị mới trao pháp cho. Thân tâm Sư hòa duyệt như đang ở cõi thiền thứ 3, ý thức và lạc căn tương ưng nhau. Bốn mươi hai ngàn sông phước thường chảy, tất cả công đức bỗng phát thiên nhãn. Đức Từ Thị đích thân trao cho Sư ba pháp y và bình bát, lại ban tặng Sư danh hiệu “Chân Biểu”.

Khi đó, dưới đầu gối lại xuất ra hai vật, chẳng phải ngà, chẳng phải ngọc, mà đó là chế thẻ kiểm, một vật đề chữ cửu (số 9) và một vật đề chữ bát (số 8). Cả hai vật, Đức Từ Thị đều trao phó cho Sư, bảo rằng: “Người cầu giới, trước tiên phải sám tội, tội là tánh của trì phạm. Lại thêm một trăm lẻ tám thẻ, trên mỗi thẻ đặt ghi danh mục một trăm lẻ tám phiền não. Như người cầu giới hoặc chín mươi ngày, hoặc bốn mươi ngày, hoặc hai mươi mốt ngày hành trì tinh tấn, đến lúc kỳ hạn đã mãn, đem hai thẻ và Cửu Bát trộn chung với một trăm lẻ tám thẻ đó, đối trước tôn tượng Phật, ngửa trông giữa hư không tung số thẻ đó rơi xuống đất để kiểm nghiệm tướng tội đã diệt hay chưa diệt. Nếu một trăm lẻ tám thẻ bay quanh bốn phía, chỉ hai thẻ Cửu và Bát nghiễm nhiên đứng giữa tim đàn, tức là đắc Thượng thượng phẩm giới. Nếu các thẻ tuy xa, nhưng, có một vài thẻ xúc chạm hai thẻ Cửu và Bát, thì rút lấy xem đó là tên phiền não gì, thì bên bảo người trước lại nên sám hối, chỉ đem thẻ trùng hối phiền não hòa với hai thẻ Cửu Bát, ném thẻ phiền não ấy đi, gọi đó là Trung phẩm giới. Nếu các thẻ vùi lấp hai thẻ Cửu Bát, thì tội không diệt, và không đắc giới. Giả sử lại gia tâm sám hối qua chín mươi ngày thì đắc hạ phẩm giới”. Đức Từ Thị lại dạy Sư rằng: “Bát tức là Tân huân, Cửu tức là Bổn hữu”. Dặn dò xong, thiên trượng đã trở về, núi sông mây tạnh. Khi đó, Sư trì thiên y, mang bình btrời giống như vị Tỳ-kheo năm hạ, dò theo đường xuống núi. Cỏ cây vì Sư mà che phủ không có đường khác lạ, không khe hang cao thấp. Chim bay thú chạy thuần phục dẫn đường trước, lại nghe giữa hư không có tiếng bảo khắp trong thôn xóm rằng: “Bồ-tát xuống núi sao chẳng đón rước?”

Khi đó, dân chúng nam nữ có người trải tóc che bùn, có người cởi áo lót đường, có người dùng nệm giạ nâng đỡ chân, có người dùng hoa đẹp khỏa lấp hố hầm, Sư đều biểu lộ nhân tình, mỗi mỗi đều bước lên. Có một người nữ đem nửa xấp bạch điệp ra trải giữa đường đi, Sư dường như e ngại tránh sang một bên. Người nữ đó lấy làm lạ cho rằng không bình đẳng. Sư bảo: “không phải tôi chẳng có tâm từ, không bình đẳng, nhưng vừa trông xem tấm lụa đều là lợn con, vì sợ thương tổn sanh mạng nên tôi tránh ngộ phạm ấy vậy!” Nguyên vì người nữ đó gia đình vốn làm nghề mổ giết buôn bán, mà mua được tấm vải đó. Từ đó thường có hai con hổ đi theo hai bên, Sư bảo nó rằng: “Không lâu nữa, ta sẽ vào Phu Quách hai ngươi hãy thể vì dẫn đường giúp ta. Đến chỗ có thể tu hành mới đi thong thả.” Đi khoảng chừng ba mươi dặm, tới một sườn núi, hổ ngồi xoạc đùi ở trước. Khi đó, Sư treo tích trượng trên cành cây, lót cỏ mà ngồi. Các hàng tín sĩ từ bốn phương chẳng khuyên mà lại cùng nhau xây dựng một ngôi chùa, đặt tên là “chùa Kim Sơn”. Người sau đến cầu giới, hằng năm người sám tội rất đông. Hiện nay trong ảnh Đường, đạo cụ của Sư vẫn còn.

Liên quan thử bàn:

Ngài Chân Biểu đổi tâm thay hạnh, một ngày đi ngàn dặm, quả thật đáng được Đức Từ Thị trao cho giới pháp. Song, trong năm mươi pháp thọ thì đó là pháp thọ gì? Thông đáp: gần Thượng Pháp Kiến Đế tự thệ. Phát thiên nhãn thông là chứng sơ quả, nhị quả. Phi Đế Lý hiện quán mà sao chuyên cứ nơi Thạch Đàn và trước tháp Đa tử tự phát thệ là đồng.

Hoặc có thuyết nói rằng: trao thẻ kiểm để nghiệm tướng tội diệt, trong các Thánh giáo không thấy có văn đó, vậy, chẳng đồng với các vị trời truyền trao, hoặc là ma quỷ làm, không thể làm Hậu pháp ư? Thông đáp: nếu bày thiện ghét ác, thì lợi ích chẳng khác. Di-lặc Thiên chủ là Thiên truyền trao, chắc chắn chẳng phải ma quỷ. Trong các Thánh giáo, có sám hối cầu hiện điềm lành để chứng minh tội đó diệt hay chẳng diệt. Nhưng sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Di-lặc xuất hiện ở Diêm-Phù-Đề giảng nói Du già, há có thể đó là pháp đời sau hay sao? Trong luật thập tụng nói rằng: “Tuy chẳng phải do Phật chế, nhưng những vị ở các phương vì thanh tịnh mà nói ra thì không thể chẳng vâng hành.

7. Truyện ngài Tú Công trụ chùa Thập Lực ở An Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tú Công, người xứ Tề An. Lúc còn nhỏ, Sư đã có ý muốn

lìa tục, mãi đến tuổi mười tám, Sư bèn đến Thục Quận, đảnh lễ luật sư Hưng. Sư đọc tụng kinh điển dễ như ôn tầm. Lại nương tựa đó mà đăng đàn thọ giới cụ túc. Quả thật Sư thông đạt Tỳ-ni mới làm đệ tử thượng túc, được Hưng Công truyền luật. Như vậy trải qua bốn năm. Sư đến Trường An, vào môn tịch của luật sư Đạo Tuyên làm khách nương tựa, Sư siêng năng quên cả khổ nhọc, trải qua mười sáu năm chẳng lìa rương gậy, Sư nghiên cùng các bộ sâu mầu, hun đúc mấy nhà, đem thủ sớ làm Tông Bổn. Sư hướng đến Hoàng Châu đáp trả nơi sanh thành, kế lại sang An Lạc mở mang giảng dạy. Tiếng hay vang vọng, các vương mục thủ chợt cùng vâng theo. Sư chính vì giáo hóa hàng xuất gia, nên đều nêu tế hạnh. Có luật sư Trinh Cố ở thượng tịch, cởi mũ cho các môn sanh, danh tiếng thanh tịnh hiển bày, ngoài ra đều có Hậu Điện. Các sự nghiệp thành tựu của Sư nhiều chẳng thể kể xiết. Sư thọ hơn bảy mươi tuổi, thị tịch tại Bổn phòng ở chùa Thập lực.

8. Truyện ngài Linh Ngạc trụ chùa Sùng Thánh ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Linh Ngạc, không biết Sư là người xứ nào, siêng năng tha thiết học hỏi, chẳng ngại tìm thầy. Vào niên hiệu Càn Phong (666-668), Sư trụ chùa Tây Minh, đích thân tham dự pháp tịch của luật sư Đạo Tuyên. Song, Sư chẳng câu nệ thường ở một nơi, nên hoặc đến chỗ Ngài Văn Cương, hay gần gũi cận ngài Đại Từ đều cầu thỉnh học hỏi điều ích lợi. Cuối cùng Sư sợ mất ý của Luật Sư Đạo Tuyên, nên tùy theo chỗ giảng dạy, thâu nhặt những điều được nghe, gọi đó là ký, để giải san bổ sao. Như vậy thì nghiên cứu soạn bộ "Nghĩa chương" chỉ có ngài Đại Từ và Sư (Linh Ngạc). Sư lại riêng soạn bộ "kinh trọng Quyết", Cổ Huyền Trụ ở Uyển Lăng đích thân xem đọc văn bản, nên dẫn đó để giải thích bộ "Lượng Xứ Khinh Trọng Nghi". Trong biến cố Kim Cách, bộ "Khinh trọng Quyết" bị tiêu mất, không tìm lại được!

9. Truyện ngài Mãn Ý chùa Sùng Phước ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Mãn Ý, không biết Sư người xứ nào. Sư thần cách cao vợi, thức lượng khoan hòa. Kinh luận thông hiểu, lại chuyên tinh về luật học. Cuối niên hiệu Võ Đức (627), Sư gặp được luật sư Pháp Lệ ở Nghiệp Đô, sớ giải luật Đàm Vô Đức, Sư bèn đến làm sáng tỏsự truyền thọ. Như vậy, Sư giảng giải dẫn dắt suốt ba mươi năm, rồi mới truyền trao cho Luật sư Đại Lượng ở chùa Quán Âm, ngài Đại Lượng lại truyền trao cho ngài

Đàm Nhất ở Việt Châu, suốt một thời gian mở mang hưng thạnh, vốn lưu xuất ra nhiều bậc Long tượng, tất cả đều không qua môn tịch của Sư.

10. Truyện ngài Sùng Nghiệp trụ chùa Tây Minh ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Sùng Nghiệp, không biết Sư là người xứ nào. Ban đầu, Sư cùng ngài Đạo Ngạn ở Dặc Dương tập học Tỳ-ni tại pháp tập của ngài Văn Cương. Sư chuyên cần phục dịch, tôi luyện giũa mài chẳng hề biếng trễ. Khoảng niên hiệu Hoàng Tứ, Sư được suy cử đến ở Nguyên Trường, cùng nổi tiếng ngang hàng với Ngài Danh Khác ở Truy Châu, Sư trội vượt Cương Nghị quá xa. Tiếng tốt vang tới chốn cung đình. Vua Duệ Tông giữ tâm phúc Đạo, ban sắc lấy cung cũ để xây chùa An Quốc. Lại có chiếu mời Sư vào Thừa Minh để huân tu ở điện riêng, truyền giới Bồ-tát cho nhà vua. Vật thí dồi dào đều xả bỏ để tu sửa Điện Vũ chùa Bồ đề, vì trước kia chẳng thuận tiện xây dựng lớn ở đó.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), Sư bị bệnh nhẹ, dặn bảo với đệ tử rằng: "Cơ duyên ta giáo hóa đã đến cùng, thọ mạng sắp hết. Các ông phải bền chắc đề phòng, chớ có buông lung!" Nói xong, Sư thị tịch tại phòng riêng trong chùa Sư ở. Sư là pháp tôn nối pháp ngài Nam Sơn vậy.

11. Truyện ngài Huyền Nghiễm trụ chùa Pháp Hoa ở Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Nghiễm, họ Từ, nhà Tấn dời đến Phương Nam, nhân làm quan tại Gia Ký, nên làm huyện tộc.

Năm mới mười hai tuổi, Sư giã từ cha mẹ theo thầy, vâng thờ ngài Tăng Huy ở Phú Xuân. Niên hiệu Chứng Thánh thứ nhất (695), Vũ Hậu ân ban chế điệp độ người. Sư bèn theo vài vị tăng thuộc chùa Huyền Lưu. Sư thuở bé đã thông minh, lớn lên thì khôi ngô, tính cách cao vợi, phong nghi lạnh lùng. Đến tuổi hai mươi, Sư mới theo luật sư Đạo Ngạn ở Quang Châu tìm hỏi thọ giới cụ túc. Sau đó, mới đến Thượng Kinh nghiên cứu luật phạm. Gặp được luật sư Mãn Ý ở chùa Sùng Phước, và Luật sư Dung Tế đều là những bậc danh tượng một phương và là đệ tử tài giỏi của ngài Nam Sơn. Sư có khả năng thăng đường, thấy chỗ sâu kín, đều được ấn khả. Do đó mà đạo tôn giới khiết, danh tiếng vang cả đến chốn kinh đô, An Quốc trao ghi và sung và hàng Đại Đức.

Sau, Sư trở về Giang Tả, riêng hành hóa luật Tứ Phần, nhân đó soạn "Phụ thiên ký" mười quyển, "Yết-ma thuật chương" ba thiên. Đến

nay, tăng chúng xa gần truyền nhau biên chép. Trước kia, Luật Sư Đạo Ngạn ở Quang Châu, có lần nằm mộng thấy vì Thần tăng bảo rằng: "Huyền Nghiễm sẽ là bậc Pháp khí, cớ sao dùng pháp Tiểu thừa mà chỉ dạy?" Sau đó, ngài Đạo Ngạn mới bảo Sư tuyên dương Bát-nhã. Do đó, Sư nghiên cứu tính sâu, tư duy góp nhặt cựu học, soạn bộ "Kim Cương nghĩa sớ" bảy quyển. Chỗ các bậc Cổ Đức không hiểu là điều các bậc Tiên Đạt không rõ. Ta thì phát huy quang minh như chỉ trong lòng bàn tay, thệ nguyện một đời này sẽ tuyên giảng trăm lần. Bấy giờ, tại tinh xá Việt ấp xưng dương Pháp Hoa. Ở đời Tấn, Sa-môn Đàm Dực từng kết am trên đỉnh núi, nhập định Pháp Hoa tam-muội, cảm được Bồ-tát Biến Cát. Đồ chúng trông xem tháp báu Đa Bảo vọt lên để chứng minh, Kinh cung như chuyển luân bay đi mà nghe pháp. Hai con quạ vì thế bày hiện điềm, đến nay vẫn còn bay liệng kêu hót, sáu con voi vì đó mà lộ vẻ kỳ đặc, lúc này vẫn còn ẩn hiện. Không thể được mà suy nghĩ bàn luận. Bởi vì đó gọi là tin sâu phước của Như Lai là núi ẩn của Bồ-tát. Sư mới khảo bàn là bốc xem, buộc bát nương gá sâu, kiến lập giới đàn, vời nhóm luật hạnh, như, Cao Tăng đời Yên, Thượng Sĩ Hành đời Phù Tần, số như lúa mè, tính đồng tre lau. Phục ứng thưa hỏi điều ích lợi, dẫm đạp giày gai, vác lọng dù. Sư vẫn yên tọa chẳng ra, ròng rã suốt ba mươi năm.

Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 24 (736), vua Huyền Tông chú sớ "Kinh Kim Cương Bát-nhã", hạ chiếu ban khắp trong nước đều nên tuyên giảng. Đô Đốc Hà Nam Nguyên Ngạn xung đích thân thỉnh Sư khơi sáng mặt trời Thánh, Sư bèn mở mang u tán, đáng hợp Thiên tâm, giúp người mù thấy được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, người điếc nghe được âm vang của sấm sét. Sự diễn xướng của Sư thật có hiệu lực. Phàm kẻ ham ưa Tiểu pháp mê mờ tự ngã thành bệnh, Người thông Đại lực hiểu rõ pháp đạo khai không.Nếu phàm phu hiểu được ba quy y, mỗi lúc chạm lý thì mịt mờ sự. Từ ngài Ưu-Ba-ly về sau còn có các hoặc bệnh như thế, mà Sư giữ giềng mối Tiểu pháp, diễn xướng Đại pháp. Ngộ Phật cảnh chẳng phải có, hiểu cõi ma là không. Nên có khả năng khiến Niết-bàn và sanh tử là như một, phiền não và Bồ-đề như nhau. Phát tâm mà lên quả vị Phật-Đà chẳng phải ta thì ai? Tăng tục quy tâm đáng là bậc Nhân chẳng ai bằng.

Xưa kia, Pháp sư Tăng Hộ thường ở nơi Thạch thành, ngồi yên xoay mặt vào vách rêu, ngưỡng trông trung phong như có tượng Phật, nguyện tạo mười trượng để vẽ cảnh Đâu-suất, nguyện lành chưa thỏa, thì ngài Tăng Hộ thị tịch! Đời Lương, vua Võ Đế ban chiếu thỉnh luật

sư Tăng Hựu gấp truyền kinh lý, khắc họa quy mô, ý tượng mới thi hành bỗng chốc núi gò đổ ngã, toàn thân hiện ngồi, cả thảy cao hơn trăm thước. Tuy vàng đá tơ trúc, bốn trờ cúng thí, thường nghe công đức trang nghiêm Thập địa, sửa khắc thượng quyết. Sư bèn trong nghiêng y bát, ngoài dấn Đàn Na. Trải khắp mầu vàng ròng, đúc dùng tướng bạc trắng. Đồng; thiếc; chì; khải; cầu; ngọc; lan; can; bảy báu do đó mà hỗn thành, tám trân nhờ đó mà đầy đủ. Tuy Bảo Tích hiến lọng, cõi hiện ba ngàn, Ca-diếp dâng y, vàng hơn mười muôn. Như Tu-di hiện giữa biển lớn, tợ mặt Nhật ló trên núi cao. Đó lại là công đức không thể suy nghĩ bàn luận của Sư! Nên Thứ sử lạc châu là Từ Kiệu, Công bộ Thượng Thư Từ An Trinh, đều đem tông thất thiết lễ bạn đạo. Quốc tử Tư nghiệp Khương Hy, Tiễn Thái Tử Tân khách Hạ Tri, chương Triều Tán Đại Phu Huyện Lệnh Lâm an ở Hàng Châu, Chu Nguyên Thận cũng dùng phép làng để đủ hợp với Bạn Pháp.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 26 (738), vua Huyền Tông ban chế độ người, chọn phỏng sứ Thứ sử Nhuận Châu là Tề Cán, Đô Đốc Việt Châu là Cảnh thành chọn phỏng Lư Kiến Nghĩa, Thứ Sử Tứ Châu là Vương Bật, không ai chẳng dừng cờ xe nơi cảnh tịnh, bẩm thọ vâng thừa pháp huấn. Tề Bật mới dùng thuyền kết chở, đón rước Sư đến các quận Đan Dương, Dư Hàng, Ngô Hưng ban lệnh cho các vị tăng mới độ, đích thân Sư trao giới cụ túc. Từ Quảng Lăng đến tận Tín An địa phương cách xa cả ngàn dặm. Tăng lục thọ pháp vượt ngoài muôn người. Phải lễ kinh Phật danh một trăm biến, lập đại hội vô già mười lượt. Và vào trong nội cảnh trú trì khắp không thể sánh ví. Phàm nắm giữ giáo pháp, truyền trao từ miệng Phật sanh, Sư có các môn nhân như Đàm Tuấn, Sùng Mặc ở chùa Pháp Hoa, Sùng Nhất ở chùa Long Hưng, Trí Phù, Xứng Tâm, Sùng Nghĩa ở chùa Khai Nguyên, Hoài Tiết ở chùa Hương Nghiêm, Hồng Bái, Giác Dẫn, Quán Đảnh ở chùa Bảo Lâm đều chẳng làm nghiêng bát dầu, không làm thủng phao nổi, kinh chẳng nói vậy ư? Như rừng Chiên Đài thì cây Chiên Đàn bao bọc, như Sư Tử đầu đàn thì đàn sư tử vây quanh. Tin oai thần của Sư là có, mà công đức của pháp chủ chẳng khắc. Sư sắp biết ba cõi chẳng an, trăm loài đều diệt tận. Đời nay đã đến hơi thở cuối cùng, kiếp khác ứng hiện ngay ở trước tâm! Đến năm Nhâm ngọ (742) tức niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất, cơ duyên hóa đạo của Sư đã mãn. Ngày 3 tháng 11, Sư thị hiện bị bệnh ở trên giường dây, tới ngày mồng 7 vào giờ ngọ, Sư an tọa thị tịch ở viện Giới Đàn, thọ sáu mươi tám tuổi. Mãi đến ngày 25 tháng 11, an táng dưới núi Tần thuộc phía Nam của chùa. Xây hai ngôi tháp cao, ánh sáng chói

vượt mây trắng, trồng ngàn gốc thông, sắc đẹp bao trùm cả trăng sáng.

Kinh thỉ thì Thần Ung; Sùng Hiểu, Trú Trì thì Duy Trạm, Đạo Chiếu đều đích thân hộ trì thánh trường, truyền trì trí ấn. Ngoài ra, Sư còn có ba ngàn môn nhân, năm trăm đệ tử, nương pháp sâu mầu của Bát-nhã, thọ trì mật hạnh của Tỳ-ni. Đều gọi là chuyên môn, chẳng đợi chờ Di-lặc. Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 15 (756) tức năm Bính thân, Vạn Tề Dung soạn văn bia, tán dương đức hạnh của Sư.

12. Truyện ngài Đức Tú trụ chùa Linh Trí ở Hàng Châu thời Tiền Đường:

Thích Đức Tú, họ Tôn, người ở xứ Phú Dương, từ thuở thiếu thời Sư ra khỏi vực trần, sớm nương nơi Phạm Vũ, tròn đầy giới hạnh, giữ gìn phao nổi, chẳng định thường sư, lưu thần nơi Luật phủ, ngoài việc giảng đàm, Sư thường buồn thương Thần quỷ thiếu ăn, những lúc đêm khuya sư hay cấp thí cho chúng ăn uống. Dân chúng ở vùng Chiết, Nhuế đều khuynh thành kính phục. Đến lúc Sư thị tịch, tại núi Sư ở có nhiều việc linh dị. Lúc đó là đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), khi đón rước thần tòa nhập tháp thì từ giữa trời có bảy viên xá-lợi rơi xuống. Môn nhân dùng bình đựng. Lúc bít cửa tháp lại thấy được trên răng Sư phát sanh xá-lợi lăng xăng rơi xuống. Người sau lại dùng nhiều viên gạch lớn đắp thành tháp. Có người trong làng nói rằng: “Ở đó thường có con rắn trắng nằm cuộn quanh giữ tháp. Nên các trẻ nhỏ hái củi, chăn thú chẳng dám đến gần tháp”.

13. Truyện ngài Ái Đồng trụ chùa Khai Nghiệp, thời Tiền Đường:

Thích Ái Đồng, họ Triệu, vốn là người xứ Thiên Thủy, gia đình nhiều đời làm quan. Từ thuở nhỏ, Sư đã trội vượt, ân ban cho đến làm con nhà Phật. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư giảng luật Di-Sa-tắc, xa gần đến thọ học như loài lông vẩy tôn sùng Côn phụng.

Trước kia vào thời Nam Tống, Tam Tạng Pháp sư Giác Thọ người nước Kế-tân dịch thành bộ luật nầy. Nhân đó trích ra yết-ma một quyển. Bởi vì thời vận đổi dời, bản đó lưu lạc, tìm lại không được nên các hàng học giả không do đâu mà y cứ. Sư bèn y ăn cứ trong đại luật sao xuất ra yết-ma một quyển. Nên học giả tông đó hưng thạnh mở mang truyền bá, việc đó mới toàn hảo.

Vào niên hiệu Thần Long (705-707) dưới thời vua Trung Tông, rất thạnh việc phiên dịch mở mang truyền bá. Sư cùng các ngài Văn

Cương v.v... đồng tham dự dịch trường, và suy cử Sư làm chứng nghĩa. Các bộ kinh do Ngài Nghĩa Tịnh dịch ra đều có có công sức của Sư. Sư soạn "Ngũ phần luật sớ" mười quyển, lại di chúc cho luật sư Huyền Thông ở chùa Tây Minh lo việc nhuận sắc. Sau, An Sử Thục nhiễu loạn đốt cháy tiêu chùa, nên nay không còn loại ấy!

14. Truyện ngài Luật sư Thuyên ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường:

Luật sư Thuyên, người huyện Ngũ Đài, ăn mặc theo người xuất gia, đến tuổi hai mươi thọ giới cụ túc. Sư có nghi tắc thanh nhã, giữ gìn chừng mực, tập học Tỳ-ni làm chính, thực hành hạnh Bồ-tát. Ngoài việc dạy dỗ đồ chúng ra, Sư giữ sự nghiêm mặc không phiền nhiễu xa gần, có việc gì Sư thảy đều dự biết. Nên mọi người cho rằng Sư Đắc Tha tâm thông. Ngày ăn một bữa, áo xấu che thân, chẳng cất giữ hạt gạo, phòng không vải vóc. Sư vốn tiết dụng, nhanh nhẹn không ai bằng. Ngày Sư thị tịch, có mây lành ùn đến bít kín, tiếng nhạc trời nghe văng vẳng. Tăng chúng cả chùa đều nghe mùi hương lạ phảng phất. Sư mới nhóm họp tăng chúng trong chùa, rồi chấp tay dặn dò, từ biệt môn nhân, xong, Sư ngồi kiết già mà thị tịch.

15. Truyện ngài Pháp Thận chùa Đông Hưng ở Dương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Thận, họ Quách, người xứ Giang Đô, ở độ tuổi bé thơ còn bồng ẩm mà Sư phát chí muốn sống ở cửa Không. Thân ái ràng buộc chẳng đoạt được ý chí Sư. Sư theo Luật Sư Thành ở Diêu Đài thọ giới cụ túc. Đến nương tựa Đông tháp ở chùa Thái Nguyên mà hiểu suốt văn Luật, dứt sạch nghi ngờ. Các bậc hiền giả thời bấy giờ đều suy phục, hoặc một lời chiết phân đối với trượng biểu, tinh lý tự đắc trong Hoàn Vũ. Tiếng tăm rung chuyển chốn kinh kỳ, như rạng đông trong ngày đẹp trời, chúng Tăng các chùa đều thỉnh Sư làm cương lãnh. Sư im lặng trở về phương Đông.

Khi đã trở về Dương Đô, Phú Duẩn quận xin thỉnh Sư tụng Kim Cương Bát-nhã kinh Như Ý Luận. Bát-nhã là tâm Phật, ta đắc tâm đó, chúng sanh cũng đắc. Như ý thắng nguyện, ta nguyện như ghế, chúng sanh cũng thế. Cho rằng Thiên Thai chỉ quán bao trùm nghĩa của tất cả các kinh, pháp môn Đông Sơn là tất cả Phật thừa. Sắc không cả hai đều mất, định tuệ song chiếu, không thật có nên không thể xưng gọi. Đối với Sư, nắng nóng chẳng bận tâm, ăn chẳng cầu no, ở không đổi tòa,

bốn phương cúng thí, Sư đều quy về của đại chúng. Một thân có không đều ở dưới thấp nhất, kẻ sĩ triều đình vâng mạng qua lại. Ra đường chỉ ngợi khen, trọn năm trăm số. Chẳng bước đến ngạch cửa lấy làm rất xấu hổ. Ngưỡng mong tiếp nhận được cái liếc nhìn như tẩy rửa cơn đói khát. Sư cùng người con nói dựa vào hiếu, cùng kẻ bề tôi nói dựa vào trung, cùng với người trên nói dựa vào nhân, cùng với người dưới nói dựa vào lễ. Đem Phật chỉ dạy lấy Nho thực hành hợp thành một. Hàng học giả rơi dòng lầm lẫn, nên gần gũi bắt chước theo kinh luận, Sư mời lại nghe nhận. Nên xây dựng tăng phường lớn để cảnh tỉnh quần mê, nên vẽ rộng bức tranh nhân địa của Bồ-tát, khéo giữ gìn sanh mạng, nên cứu giúp tuổi thọ của chúng sanh. Dùng văn tự độ người, nên miệt mài nơi bút mực. Vì tất cả các pháp đều là Phật pháp, nên gồm nhặt dòng Nho. Vì ngã mạn chướng ngại, nên tự mang y bát. Vì khuôn phép là trách nhiệm nên thẳng hơn trong chúng tăng. Vì phát huy đạo tông nên chỉ hành cung lễ. Vì cảm mộ Di tích nên nước khác chẳng xa. Vì Long Tượng tham bàn nên lại đến Kinh Quốc. Vì khuôn phép nghiêm minh, nên tinh nghiên Luật Bộ.

Hoàn Môn Thị Lang Lư Tạng dùng tài cao danh trọng, ít chú ý hèn kém, chỉ một lần gặp Sư mà mến mộ pháp vị tuần hoàn, chẳng thể lìa khỏi tòa. Lúc lui về, khen ngợi rằng: “Trong vũ trụ phải tin có cao nhân!” Hoàn môn ở trong viện thiết trí kinh tạng, dùng hương hoa để trang nghiêm, trời đất không ngằn mé, tượng pháp thường còn. Thái Tử Thiếu Bảo Lục Tượng Tiên, Binh Bộ Thượng Thư tất cấu Thiếu Phủ Giam Lục Dư Khánh, Lại Bộ Thị Lang Nghiêm Đĩnh Chi, Hà Nam Duẫn Thôi Hy Dật, Thái Úy Phòng Quan Trung Thư Thị Lang Bình Chương Sự Thôi Hoán, Lễ Bộ Thượng Thư Lý tranh, Từ Nhân vương xương linh soạn lang Kỳ Mẫu Tiềm thêm sự chiêm ngưỡng phụng thờ, cầu xin Sư đồng quét tước. Sư có sự cảm động đến cả triều đình tế thần như thế.

Ngày 14 tháng 10, đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 7 (748), sáng sớm tắm gội xong, đến thẳng giường ngồi kiết già, tâm hướng phụng Tây phương, mãi đến sẩm tối thì thị tịch tại biệt viện chùa Long Hưng, thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi hai hạ Lạp. Đệ tử tăng tục ở Tứ Nghi thuộc phương Bắc, ở phương Nam vượt quá biên lãnh. Cả ngàn họ hướng vọng buồn khóc, đến dự lễ tang có đến muôn người.

Sư có các đệ tử tài giỏi như Đàm Nhất ở Cối Kê, Hoài Nhất ở Đất Mân, Sùng Duệ ở Phương Nam, Nghĩa Tuyên ở Tấn Lăng, Tuệ Loan trụ chùa Đàm Sơn ở Tiền Đường, Pháp Du Sùng Nguyên ở Lạc Kinh,

Pháp Lệ; Pháp Hải; Duy Dương; Tuệ Ngưng; Minh U; Linh Hựu; Linh Nhất v.v... ở chùa Hạc Lâm không ai chẳng thành nhạo thuyết biện tài, nhập Pháp Hoa tam-muội. Mọi người đều biết, chỗ cậy nhờ của muôn vật. Trên cõi trời cam lồ chánh vị điều nhu, trong loài người là Tượng Vương lợi căn thành thục. Dưới cây Nhạc Âm dòng suối Phước Tuệ chảy dài, trên đỉnh Linh Phong ngưỡng nhìn vầng trăng trong mát. Kim Cương quyết định, phiền não không còn, đàm hoa rộ nở tỏa ngát hương trong, ân pháp thì cảm kích khắp cả quận. Mọi người buồn bã kính thỉnh sắc thân Sư tôn trí vào linh tháp tại gò của Thục cương phía Tây Yên thành. Trong thời Tượng giáo, Ngài Minh U từ thuở nhỏ đến lúc già suy thường ở bên cạnh hầu thờ. Sau, mời Lại Bộ Viên Ngoại Lang Triệu Quận Lý Hoa làm văn bia ghi chép. Tháng 12 năm Quý Sửu (773) tức niên hiệu Đại Lịch thứ 8, Đại Lý Tư Trực Trương Tùng Thân ghi chép, Triệu Quận Lý Dương Băng đề biểu ngạch của tháp, và cũng do chính ngài Minh U chọn địa thế xây tháp. Ngang rộng như tố, cao thấp vừa chừng, chung quanh thông bốn ngã đường, bằng phẳng nhìn suốt ngàn dặm. Môn nhân chung quanh bày thì bày biện, dâng cúng danh hương. Trong pháp nạn Hội xương, ngôi tháp nầy cũng cùng chung số phận bị phá hủy.

16. Truyện ngài Đạo Quang chùa Hoa Nghiêm ở Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Quang, họ Chữ, xuất gia từ thuở bé, đến tuổi hai mươi, thọ giới cụ túc. Sư đến Hòa-thượng Quang Châu (Đạo Ngạn) học thông Tỳ-ni. Bấy giờ đang mùa hạ, Thiền Đức Sùng đàn tràng chúc vọng, bởi trời ban chân sĩ làm nghĩa hổ Đông Nam, mây mưa từ muội, tiếng Đạo sênh ca. Sư trì kinh Pháp Hoa, xây dựng tháp miếu, mãi đến lúc thị tịch, thân chẳng trễ nải. Tháng 8 năm Canh tý (760) tức niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất, Sư thị tịch tại bổn tự, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi tám Hạ lạp.

Ngày đó, mặt trời mờ tối, mưa dầm rả rích, gió dữ trọn buổi sáng cây tốt bị gãy, đó là điềm ứng hết phước nơi Đông độ. Bỗng nhiên khí lành năm mầu dong dõng như lọng che, dời nêu xế bóng chẳng tan, riêng sáng tinh lô, tức là ý vãng sanh Tây phương. Trước lúc chưa thị tịch, ngày mồng 3 tháng 8, thân phần Sư bị bệnh nhẹ, Sư bèn ngưng thần, y cứ sắc thân mà quán chiếu, thấy Đức Phật A-di-đà đầy đủ tướng tốt hiển hiện trước mặt, khắp sân hoa ngọc bích trước đây chưa từng thấy. Đến mờ sáng hôm sau, có một người lạ đến mời Sư làm Hòa-

thượng, Sư bèn mở mắt búng ngón tay, bảo: “Chỉ phát tâm Bồ-đề!” Đến ngày mồng 5, hoa mạn-đà từ giữa hư không rơi xuống như mưa. Các vị trong môn nhân như Thần Liệt, Nghĩa Tân truy mộ vội vàng, mỗi người tự phân chia pháp vị, lưu bố hành hóa, chăm lo hương hỏa chẳng cùng, v.v...

17. Truyện ngài Giám Chân chùa Đại Vân ở Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Giám Chân, họ Thuần, người ở huyện Giang Dương thuộc Quảng Lăng. Ở tuổi tết tóc mà Sư đã thông minh, khí độ rộng rãi, giỏi về điển yết. Sư theo cha vào chùa Đại Vân, thấy Tôn tượng Phật mà cảm động tâm xưa, nhân đó, Sư trình với cha, xin được xuất gia. Cha thấy Sư có ý chí kỳ đặc bèn chấp thuận. Sư liền đến Thiền sư Trí Mãn được Ngài dạy dỗ.

Niên hiệu Trường An thứ nhất (701), Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) ban chiếu độ tăng khắp trong nước, lúc đó, Sư đang là Sa-di nên phối hợp trụ ở tại bổn tự, sau đổi là Long Hưng. Đến niên hiệu Thần Long thứ nhất (705) thời vua Trung Tông, Sư theo Luật Sư Đạo Ngạn, thọ giới Bồ-tát. Đến niên hiệu Cảnh Long thứ nhất (707), Sư đến Trường An. Tới ngày 28 tháng 3 năm sau (708) Sư trụ tại chùa Thật Tế, Sư nương tựa bên cạnh Luật sư Hằng Cảnh ở Kinh Châu mà đắc giới. Tuy Sư mới phát tâm mà có phong thái của bậc lão thành. Hai kinh Quán, Quang, danh sư hun đúc dẫn dụ, giáo pháp Tam Tạng chỉ vài năm mà gồm thông. Động hẳn nghiêm tầm căn cơ, không hề thưởng phạt. Nói kịp Hoài Hải dùng giới luật để chỉ bày dẫn dụ, hun đúc thành tông thư một phương, hồ băng in vầng trăng đến chân trong sáng, mạo tòa nêu cao âm thanh, nhiều lành ứng đáp.

Bấy giờ, ở nước Nhật-bản có các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu v.v... từ phương đông đến vì kính mến pháp dùng bổ khuyết. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thì các vị đó tới Dương Châu, bèn đến thưa hỏi Sư; sau khi đảnh lễ dưới chân Sư rồi thưa rằng: “Đất nước chúng con ở dưới biển, không biết khoảng cách đến Tề Châu là mấy ngàn muôn dặm. Tuy có pháp mà không người truyền pháp. Thí như suốt đêm có người ở trong nhà tối không đèn đuốc mà mong cầu, làm sao thấy được! Xin thỉnh Sư hãy dừng nghỉ lợi lạc ở phương này mà làm bậc Đạo Sư ở Hải Đông có được chăng?” Sư quán về nguyên do đó và xét về sự thiết tha của họ, mới hỏi rằng: “Xưa kia, nghe Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc sanh làm Quốc Vương ở nước đó, Phật pháp rất phát triển, phải vậy

chăng? Lại nghe Trường ốc nước đó từng sắm sanh hàng ngàn chiếc áo Ca-sa đem đến cúng thí các bậc danh đức tại Trung Hoa và trên mép viền y có thêu lời kệ rằng:

"Núi sông khác cõi
Trăng gió cùng trời
Gởi người con Phật
Kết duyên đời sau".

Lấy đó mà suy thì đó thật là nơi có duyên với Phật pháp. Sư bèn im lặng mà hứa đi, gọi là Trường ốc tức là Tướng Quốc.

Thật ra là kính mến mười bốn vị như, Tỳ-kheo Tư Thác v.v... mua thuyền từ Quảng Lăng mang kinh luật pháp lìa bờ, phát xuất lúc đó là tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo thứ 2 (743) vậy. Đến phố Việt Châu, dừng ở nơi biệt thự Phong sơn. Ban đêm, Sư mộng thấy điều rất linh dị. Vừa mới ra biển, gặp phải sóng gió dữ dội, người và thuyền đều bị đắm, có người ném cây sạn... hương, nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "chớ nên ném bỏ". Khi đó thấy ở đầu và đuôi thuyền mỗi nơi đều có thần đem giới giáp chống đỡ. Chốc lát, gió ngưng lặng, bỗng trôi dạt vào biển rắn. Rắn ở đó dài hơn ba trượng, mầu vặn vện như gấu. Sau lại xuống trong biển, cá ở đó dài hơn cả thước, bay đầy trong hư không. Thứ đến một bể cá thấy toàn chim bay nhóm họp trên lưng thuyền, muốn nhận chìm đó. Vừa kịp lên khỏi biển chim thì thiếu nước, ghé vào một đảo nhỏ, có ao nước trong rất sâu, mọi người uống cảm thấy ngọt và mát. Tiếp đến là tới được nước Nhật-bản. Vua nước đó rất vui mừng đón rước vào trong một ngôi chùa lớn ở trong thành để an nghỉ.

Trước tiên, Sư thiết lập đàn tràng trước điện Lô-Xá-Na, truyền giới Bồ-tát cho vua nước đó, và tiếp theo là các hàng phu nhân, Vương tử, v.v... Sau đó Sư bảo các Sa-môn hữu đức ở nước đó đủ số mười vị, độ cho các Sa-di Trừng tu v.v... tất cả bốn trăm vị. Sư dùng nghi thức tác pháp bạch tứ yết-ma. Có vương tử nhất phẩm Thân Điền sửu nhà thành chùa, đặt tên là "Chiêu đề", cúng thí một trăm khoảng ruộng nước. Từ đó về sau, Sư luôn giảng giải luật tạng, người đến thọ học rất đông. Ở nước đó tôn xưng Sư là "Đại Hòa-thượng", là vị Thỉ Tổ mở mang giới luật.

18. Truyện ngài Thủ Trực trụ chùa Linh Ẩn ở núi Thiên Trúc, thuộc Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thủ Trực tự là Kiên Đạo, người xứ Tiền Đường, họ Phạm, là cháu đời thứ tám của Tín An Thái Thú Hoàng đời Tề. Sư đến tuổi hai

mươi, các bậc quân tử đều quý trọng. Sớm có ước mong của Khâu Viên, chẳng đoái hoài sự ban tặng của Huyền...

Sư đến Đại sư Viên trụ chùa Chi Hình ở Tô Châu cầu thọ giới Cụ túc. Đêm đó trong mắt Sư phát ra luồng sáng xa hơn cả trượng, giữ rất lâu mới tắt mất. Đó là ứng nghiệm của sự đắc giới. Sau, Sư đến nương tựa Chân Công ở Giang Lăng, suốt ba năm luyện hạnh. Sư tìm lễ khắp trong nước hơn hai trăm quận, các nơi có thánh tích Sư đều đến. Sư được Tam Tạng Pháp sư Vô Úy truyền cho giới Bồ-tát. Nghe Đại sư Phổ Tịch đang truyền dạy kinh Lăng-già Tâm Ấn, giảng Khởi Tín Tông luận hơn hai mươi biến, Nam Sơn Luật sao bốn mươi biến, như một cơn mưa bình đẳng thuận theo cả hai căn cơ Đại Tiểu, trong một viên âm không hề khác nhau. Sư bèn lập nguyện tụng kinh Hoa Nghiêm, lại nửa đêm mộng thấy vị Thần ban cho một viên ngọc báu, đến lúc thức dậy vẫn còn mơ màng như viên ngọc còn nắm trong tay. Năm đó, Sư vào núi Ngũ Đài đọc tụng kinh Hoa Nghiêm hai trăm biến, tìm lại tâm xưa. Đọc xem Đại Tạng kinh ba lược, mở rộng thêm chánh kiến.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 26 (738), vua Huyền Tông có ban chế đề cử chư tăng cao hạnh, Tăng tục thỉnh chánh danh thuộc chùa Đại Lâm, sau dời tịch đến Thiên Trúc, trụ tại núi Linh Ẩn, lúc đó là niên hiệu Đại lịch thứ 2 (767). Đến tháng 3 niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770), Sư đang trụ viện Tịnh Độ thuộc chùa Long Hưng, nói với những người chung quanh rằng: “Bậc chí nhân nương chân như mà đến, nương chân như mà đi. Chỉ bày tâm ấy, mà hàng phàm phu ham muốn dùng sợi dây dài để ràng buộc vầng mặt trời trong sáng kia, làm sao được ư? Nay tôi như mặt trời xế bóng trên đầu cây dâu, đâu có lâu dài!”. Đến ngày 29 tháng 3, Sư thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp.

Suốt quãng thời gian Sư lâm đàn, độ người rất nhiều, trong đó có những vị nổi tiếng như Biện Tú ở Động Đình, Hạo Nhiên; Huệ Phổ, Đạo Trang ở Hồ Châu, Thanh Giang, Thanh Nguyên ở Cối Kê, Trạch Lân, Thần Yển ở Hàng Châu, Đạo Tấn ở Thường Châu, Trú Công soạn bài minh trên tháp.

19. Truyện ngài Nghiêm Tuấn ở chùa Đại Minh ở Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Nghiêm Tuấn, họ Phàn, người ở xứ Duy Châu. Cha của Sư giữ chức Hợp Châu Trường Sứ Chiêu Vương Phủ Tư Mã. Tánh Sư vốn thấp kém nhưng học tập thông minh lanh lợi. Năm mười chín tuổi, Sư ứng cử khoa thi Tiến sĩ, chợt gặp phải trà liêu, nghĩ lo báo đáp cù lao!

Sư đến chùa Phật ở Nam Dương, sau đến lan-nhã ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, gặp được Thiền sư Chân chỉ dạy pháp Thiền Quán, Sư vào thành ghé trụ chùa Đại Vân, Ngài giữ gìn Giới ấn, sử dụng không cùng, nương phao nổi mà qua sông, thoáng sang chúng thỉnh lâm Đàn, lại nêu Tông chủ Luật Tạng, kim nghê vâng mạng. Bỗng gặp được Thiền sư Quán Tịnh, chóng tỏ ngộ Tâm pháp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766) Sư muốn đến núi Thạch Lương, chưa tới Lô Lăng, gặp Ngạn Lỗ Công, mỗi lời khế hợp nhau như keo sơn. Mùa Xuân năm sau (767), Nghi Xuân Thái Thủ Tỷ Tăng Chánh thỉnh Sư. Đến mùa xuân niên hiệu Đại Lịch thứ 4 (769), Hồng Châu thứ sử Lý Hoa Viên Ngoại thỉnh Sư vào trú chùa Đại Minh. Khoảng giữa tháng 4, bỗng nhiên Sư bảo tắm gội thay áo rồi hướng lên hư không, chắp tay mà thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi.

Các đệ tử Viên Ước v.v... đón rước nhập tháp, lập văn bia ở suối lớn trước chùa.

20. Truyện ngài Đàm Nhất trụ chùa Khai Nguyên ở Cối Kê, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Nhất, họ Trương, người ở xứ Cái Hàn. Tổ tiên Sư là người Hiên Viên, giúp cho dòng họ rất tốt lành, phụ giúp Hán Hầu lưu lại. Trong khoảng thời Ngụy - Tấn đã hoàn ý mão để kế thừa. Tằng tổ Sư húy là Hằng, làm chức Thái thường khanh ở đời Tùy, theo đường vua đi tới Dương Đô bèn làm nhà ở đất Việt, sanh ra ông nội Sư là Hiếu Liên Dực, Dực lại sanh ra Xứ Sĩ Siển tức cha của Sư, tính tới Sư là đời thứ 4 ở Giang Nam.

Sư sớm gieo nhân thanh tịnh, sanh tánh trí tuệ, thuở nhỏ đã dĩnh ngộ, lúc trưởng thành thì thông minh. Năm mười lăm tuổi, Sư theo Lý Thao tiên sanh tập học Thi lễ, suốt ngày chẳng trái. Năm mười sáu tuổi, nghe pháp sư Lượng ở chùa Vân Môn giảng giải kinh luận, nghe qua một biến Sư thấu suốt nghĩa mầu. Pháp sư Lượng lấy làm lạ, nói với mẹ của Sư họ Mạnh rằng: “Đây là Phật tử, nếu cho xuất gia thì ta sẽ chấp nhận!” Pháp sư Lượng là thầy truyền giới Bồ-tát cho vua Trung Tông, nên Sư nghe mà vui mừng, có ý chí muốn độ đời. Vào niên hiệu Cảnh Long (707-710), Sư vâng thừa ân ban của cha mẹ mà xuất gia, thuộc nơi Tăng Lục. Năm đủ hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc với Luật Sư Huyền Sưởng ở Đan Dương, Sư học thông bộ “sự sao” với Luật Sư Đàm Thắng ở Đương Dương. Thế rồi, mái gỗ thấy khói, trông nhìn tường vách thấy được chỗ sâu mầu.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 5 (717), Sư đến Trường An, nương Luật Sư Đại Lượng ở chùa Quán Âm và được truyền trao Tỳ-ni Tạng. Sư lại nương Pháp Sư Đàn Tử ở chùa Sùng Thánh học các luận Duy thức, Câu-xá v.v... Sư đến chùa An Quốc theo vị Sa-môn người Ấn Độ thọ giới Bồ-tát. Từ đó Sư thật trọn nghĩa hoa sen chẳng nhiễm bùn, thành đạt ý chỉ cam lồ sâu lắng. Sư truyền đuốc tuệ, rõ làm Phạm Hùng, xa gần đều chiêm ngưỡng như Tông Sư. Nhưng sự bén nhạy có dư, thời gian gồm ngoại học. Sư từng hỏi về Chu Dịch với Tả Thường thị chữ vô lượng, luận bàn về sử ký với Quốc Tử Tư Nghiệp Mã Trinh, bèn suốt cùng mọi nghề săn bắn chài lưới trong trăm họ, bao trùm cả sáu sách, sự thấy biết thêm rộng lớn. Từ đó, đối với Sư thì Nho gia, Điều ngự, Trời, người đều là nhân Phật sự, Công Khanh kính mến, kinh đô lắm nhờ. Bấy giờ, Thừa tướng Yên Quốc Công Trương Thuyết Quảng Bình, Tống Hoàn Thượng Thư Tô Hoài Duyên, Quốc Lăng Trượng Tiên bí thư giam gia tri chương, Tuyên Châu kinh huyện lệnh Vạn Tề Dung vì đồng thanh, đều làm thầy bạn. Tuy chi nhánh đã nhóm họp, luống mừng cho Sư nhóm họp của Tông. Lôi, Lô Khâu chưa gọi là nhiều.

Luật Tứ Phần, do Tam Tạng Pháp sư Phạm Tăng đời Hậu Tần là Phật-đà-da-xá truyền tụng đến Trung Hoa, cùng với Pháp sư La-thập phiên dịch, trao nguyền từ đó đến đất Ngụy, do pháp sư Pháp Thông là người đầu tiên diễn giảng, truyền cho ngài Đạo Thông, Đạo Thông truyền cho Quang. Đến đời Tùy luật sư Lệ thuộc tướng bộ soạn sớ mười quyển, luật sư Mãn Ý chùa Sùng Phước ở Tây Kinh truyền bộ sớ đó rất thạnh hành, và trao truyền cho luật sư Lượng, luật sư Lượng mở mang truyền bá mỗi mỗi đều y cứ theo sớ giải của luật sư Lệ, và đến đầu thời Tiền Đường luật sư Đạo Tuyên ở Chung Nam soạn thuật bộ Tứ Phần luật sao, ba quyển, nói rõ sơ lược về sự đồng dị, Sư tự soạn bộ Phát Chánh Nghĩa Ký, mười quyển, nói về sự lẫn lộn giữa hai tông, phát ra mấu chốt của năm bộ. Hàng hậu học tỏ ngộ như đi đêm có đuốc. Nghi ngờ trước kia tan vỡ, mặt trời lên thì băng tiêu. Mặt trời Phật soi sáng trở lại Trung Hoa, rường cột giáo pháp cao ngất. Trong phát chánh ký bác bỏ Nam Sơn, trong trì phạm có thể thấy rõ.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 25 (737), Sư chống tích trượng trở về phương Đông. Năm sau (738), vua Huyền Tông ban chiếu mời Sư trụ chùa Khai Nguyên, Trưởng Sứ Trương Sơ đề cử Sư làm tự chủ, nhân đó mà Sư ở vậy. Tiếng tăm Sư rung chuyển đến Kinh Hoa, đạo cao tới ngô Hội. Sư ban rải lòng đại từ để nhiếp chúng, tu muôn hạnh để hiển bày oai nghi. Thuận phong hỏi đạo như đánh xác xoa vai, người đến thưa hỏi

nhiều như sóng chồng chất, mây tụ hội. Hạn lượng luống thọ, Sư tùy đó giảng nói. Nên trước sau Sư đã giảng luật Tứ phần ba mươi lăm biến, san bổ sao hơn hai mươi biến. Các hàng Thích tử ở Giang Hoài cầu thọ giới, nếu chẳng phải do Sư đăng đàn thì là không đắc giới. Hạng thọ trì Tăng luật, Sư độ người có đến cả mười muôn.

Vào niên hiệu Chí Đức (756-758), nước nhà trải qua lắm sự khó khăn, Tăng đồ mạn pháp, ít học kinh giáo. Quốc tướng vương công ra trấn tại đất Việt cho rằng Sư là bậc Danh Đức vốn cao nên thỉnh làm Tăng Thống. Sư hoàn toàn thanh tịnh, mở mang huân tu, chỉ thời gian mười ngày mà bỏ tà nhập về chánh. Sư khéo dẫn dụ ngầm khai hóa đều giống như vậy.

Đầu tiên, Sư vào quan yết kiến Pháp sư Minh Đạt. Ngài Minh Đạt chăm chú nhìn Sư và bảo: "Ông là bậc sư tử trong loài người!" Ngài lại gặp Tỳ-kheo-ni Từ Hòa ở chùa Tuân Thiện và được khen ngợi rằng: "Sư Đàm Nhất Giảng Giải Tỳ-ni, Sư rất thông minh lại không nghi, Sư thật xứng đáng như đồn đãi là bậc Đạt Nhân!"

Vào niên hiệu Thiên Bảo thứ 14 (756), Chế Hà Triều thủy nam khơi Tiền Đường, chùa Đại Vân đang lúc cần kíp, nhân đó thỉnh Sư giảng luật. Học chúng đông đến cả ngàn người, đều phát đại nguyện, thường xưng niệm Ma-ha Bát-nhã, bèn dừng sóng gió, do phước ngũ tư Long Vương, dùng đó để trang nghiêm mong cầu che chở. Giữa đêm 30 tháng 5, Sư thấy một vị thần áo mão rất hùng vĩ đến cúi đầu bái tạ rằng: "May nhờ Sư ban trải pháp thí nên thay đổi dòng sóng, chưa đến chín mươi ngày mà bãi cát trương xa đến năm mươi dặm". Tăng tục đều kinh lạ, khen ngợi được điều chưa từng có! Sư làm pháp chủ, mở rộng dấu vết giáo pháp, phát sáng sự phó chúc của các Đức Phật trước, bảo chứng hộ niệm cho các Đức Phật ngày sau. Sư làm kệ bốn câu, người thọ trì rõ được điều chưa rõ. Một lời Sư giảng pháp, người lắng nghe được điều chưa nghe. Há chẳng phải là trời đất thuần tinh, núi sông hiển linh cùng với pháp hiển bày mà sanh, ai có thể huyền thông mật chứng, lớn lao như vậy ư? Trong chùa đúc một quả chuông lớn, xa thì trưng bày họ phù gần cửa Pháp Lôi, sống còn nhiều năm đúc nắn thành quy chế. Sau khi Sư thị tịch ba ngày trở thành nơi đúc tạo. Âm ba vang đến ngàn dặm, khiêng vác muôn câu, bồ lao kêu mà đất rung chuyển, sư tử gầm mà núi ngã lăn, thức tỉnh kẻ tục tai điếc, dẫn dắt người lạc lối, đâu có thể nói hết ư? Pháp tạ hình lìa củi tàn lửa tắt. Đến ngày 17 tháng 11 niên hiệu Đại Lịch thứ 6 (771), Sư thị tịch tại luật viện của chùa, thọ tám mươi tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp. Đến ngày 24 tháng 11 năm sau, dời tòa đến

núi Tần Vọng, theo nghi thức của các vị Hòa-thượng trước.

Sư một đời niên lạp đã cao, tinh sáng càng giũa mài. Đã không suy yếu, ban đầu không bệnh khổ. Bỗng nhiên Sư bảo cùng thị giả rằng: “Ta sắp quét tước lễ bái phần tháp, quy cốt tại đây”. Sau đó vài ngày, Sư an nhiên thị tịch. Ở phía ngoài Hà Lạc thuộc phía Nam Giang Hoài, y theo chế phục đến tiễn đưa lễ tang đầy núi, phướn đẹp che rải đồng quê, sánh như mẹ của Phu Kịch Mạnh đưa ngàn cỗ xe đến mộ của Khổng Khâu, trồng muôn gốc cây, có thể đồng năm ư?

Ngài có các Môn nhân đệ tử như: Thường chiếu chùa Diệu Hỷ ở Việt Châu, Thanh Nguyên chùa Kiến Pháp, Thần Ngoạn chùa Long Hưng ở Hồ Châu, Đạo Ngang chùa Ẩn Tĩnh ở Tuyên Châu, Nghĩa Tân chùa Long Hưng ở Hàng Châu, Trạm nhiên chùa Quốc Thanh ở Đài Châu, Biện Tú chùa Khai Nguyên ở Tô Châu, Chiếu Lượng chùa Thê Hà ở Nhuận Châu, Pháp Tuấn chùa Long Hưng ở Thường Châu v.v... sớm khai phát người mới học, nhưng nhờ chỉ dạy ba ngàn đệ tử, kính ngưỡng Lương mộc mà thêm buồn thương, tám mươi ngàn môn nhân trông ngóng Chiêu Đàn mà chẳng kịp. Bấy giờ, Từ Công Hoạt ở Cối Kê vốn xưa là Đôn hương Lý soạn văn bia khen ngợi đức hạnh của Sư. Lúc đó là niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776).

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 14 hết).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 15

CHƯƠNG IV: MINH LUẬT

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG IV

(chánh truyện có mười chín vị, phụ có ba vị)

1. Truyện ngài Linh Nhất trụ chùa Nghi Phong ở Dư Hàng, thời Tiền Đường:

Thích Linh Nhất, họ Ngô, người ở xứ Quảng Lăng, Sư thần thanh khí hòa, tâm ý rỗng suốt, cùng Thái Hòa nguyên tinh hợp thuần túy đó. Năm chín tuổi, Sư lánh nhà mục nát, quyết vào vườn Thanh Phạm, vào làm sa-di, bẩm thọ quy chế xuất gia. Đến tuổi hai mươi Sư thọ giới cụ túc. Học tập không biếng trễ, luật nghi luôn chỉnh tu. Bày thấy nói cười, muốn làm sáng tỏ giải thoát, chỉ người nghề văn để dẫn dụ thế trí. Ban đầu không chấp trong thân có ngã, trong ngã có thân, Đức toàn Đạo thành, duyên dứt thì thân tàn. Sư thị tịch tại chùa Long Hưng ở Hàng Châu vào ngày 16 tháng 10 niên hiệu Bảo ứng thứ nhất (762), thọ ba mươi lăm, trọn mười lăm mùa an cư!

Lúc sắp thị tịch, Sư xoay lại bảo đệ tử nên theo pháp trà-tỳ, xây một ngôi tháp nhỏ. Bấy giờ, Tả Vệ Binh Tham Quân Lý Thư Hỷ, Hưng Huyện Lệnh Lý Thang, Tả Kim Ngô Vệ Binh Tào Tham Quân Độc Cô Cập, cùng nhau ai điệu Lương mộc đã mất, lo ngại Lăng dung đang đổi dời. Người sau đảnh lễ tháp bà của bậc ứng chân mà mịt mờ đức hạnh của bậc ứng chân, cho nên khắc bia đá dựng ở phía Nam của Đông Phong núi Võ Lâm. Một nhà giàu có lắm của đã cắt tóc, đưa tài sản ngàn vàng thảy đều nhường cho các anh em cô đơn, chỉ giữ lấy nạp y tích trượng. Từ đó đến đảnh lễ ngài Pháp Thận ở Duy Dương học Tướng Bộ luật, thấu chỗ tinh vi đạt điểm cùng cực. Cùng các bạn lành là Tuệ Ngưng, Minh U, Linh Hựu, Đàm Nhất ở Cối Kê, Nghĩa Tuyên ở Tấn Lăng, Đồng môn tam ích tác giả bảy vị. Sư nhổ bỏ cảnh trần, nhiều

ngày nối nhau kinh hành, yên tọa thì chọn dưới cây trên đỉnh núi. Ban đầu nhà tại chùa Huyền Lưu ở Nam Sơn, thuộc Cối Kê, Sư tiếp thiền khách ẩn giữa trời không thanh tĩnh cùng bàn luận Đệ nhất nghĩa đế. Hoặc lúc Sư đến chùa Khánh Vân, trở lại trụ chùa Nghi Phong ở Dư Hàng, gần chùa là núi Sanh Đan, cửa đối Cảnh đẹp, bước đi một mình, gió dữ đè ép núi, chánh trí không lay động. Sóng lớn va đập suốt ngày, phao nổi chẳng trôi dạt. Từ đó, Sư soạn Luận Pháp Tánh để nghiên cứu Chân Đế, đó là Liễu ngữ của Sư. Mỗi lần nhàn rỗi thiền tụng liền giải bày thi ca, việc nghĩ không gián đoạn, phát sang loài hàm thức, bay nhảy cựa động. Di vận của Phan Nguyễn, khuyết văn của Giang tạ, sẽ có thể tiếp theo đó, không thẹn với người xưa, theo thứ lớp mà khéo dạy dỗ, môn nhân đệ tử thọ giáo như Lương Điền được lớn. Dâu chân Sư chẳng đến nhà giàu sang. Chỉ cùng đạo sĩ Phan chí Thanh ở Thiên Thai, chu phóng ở Tương Dương, Trương Kế ở Nam Dương, Hoàng Phủ Đằng ở An Định, Trương Nam ở Phạm Dương, Lục Tấn ở Quận Ngô, Từ Nghi ở Đông Hải, Lục Hồng ở Cảnh Lăng tạm làm bạn ngoài đời. Sư giảng đức vị Đạo lãng vịnh suốt ngày. Đến cuối thiên sẽ rộng dùng văn ước lược để sửa chữa. Sư lượng căn cơ cao thấp mà trao cho thuốc. Sư ở chùa trên góc cao, ban đầu không có suối giếng, một hôm tự nhiên có dòng nước chảy tuôn, phun cát sỏi vàng đến chung quanh sân, rót mà càng trong, lường mà chẳng cạn. Sư có tâm tinh cần cảm kích đến như vậy. Thi ca lưu hành ở đời, có chọn những bài hay nhất để đưa vào Gián khí tập.

2. Truyện ngài Tề Hàn trụ chùa Hồ Khâu ở phía đông Quận Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Tề Hàn tự là Đẳng Chí, Sư con nhà họ Trầm ở Ngô Hưng, cao tổ Sư làm Quốc tử tế tửu thời nhà Trần, Tằng Tổ của Sư làm Ngụy Châu Tư Mã thời nhà Tùy. Từ ông nội, cha của Sư đến Sư là ba đời chẳng ra làm quan. Sư khi còn bé theo cha đến chùa, giẫm chân lên đất cao tĩnh không mảy trần, bùi ngùi như có biết túc mạng, nên cố xin bỏ tục.

Đến ngày mồng 5 tháng 8 niên hiệu Thiên Bảo thứ 8 (749), Sư vâng theo chế độ phối danh vào chùa Vĩnh Định. Tháng 10 năm sau (750), Sư lên Đàn Ngũ Phần thọ giới Cụ túc và dời đổi tên đến chùa Khai nguyên. Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), Sư chuyển đến Võ Khâu, đều do Tăng tục của hai châu cầu thỉnh. Sư Đạo tánh lắng sâu, ngoài thì điềm nhiên, vết tích chẳng gần danh vọng, thân chẳng liên

quan mọi sự. Sư ở lâu trong một ngôi thất vắng lặng như không người. Đâu sánh như kẻ sĩ phù khi đi trống kèn inh ỏi. Chuyên môn; tướng bộ nghĩa sớ tinh mẫn ít người cùng đồng bạn. Sư thông suốt kinh Pháp Hoa, làm đàn chủ các giới đàn ở Tô; Hồ, thường phải thỉnh trước, như đời nay gọi đó là Đàn đầu. Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), Sư vào đạo tràng Lưu Thủy niệm Phật. Đêm đó, cảnh Tây phương trong niệm chóng hiện, bởi do sự thuần thành cảm nên như vậy. Và năm đó, Sư thị tịch tại Bổn Viện, thọ sáu mươi tám tuổi, hai mươi sáu hạ lạp.

Ngày Sư bị bệnh, nói với môn nhân đệ tử rằng: Có chim hạc từ giữa hư không bay xuống liệng quanh trước ta, các ông có thấy không? Hẳn là đến lúc ta phải từ giã. Các bậc tiểu thánh còn bệnh, làm sao có thể khỏi ư!" Có các môn nhân thọ nghiệp ở Sư như: Như Ẩn, Giới Đàn, Tuyên Đoài v.v... cùng với Ngô Hưng, Kiểu Nhiên kết giao làm anh em trong pháp môn, đều là những bậc cao khiết, khó có thể khinh mộ.

3. Truyện ngài Lãng Nhiên trụ chùa Chiêu Ẩn ở Nhuận Châu thời Tiền Đường:

Thích Lãng Nhiên, họ Ngụy. Gia đình Sư nhiều đời làm nối quan. Tổ tiên Sư theo nhà Đông Tấn đến Phương Nam nên là người Nam Từ.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742) Sư vào đạo, thọ nghiệp với Đại sư Tề chùa Khai Nguyên ở Đan Dương. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), Sư thọ giới Cụ túc với Luật sư Quang tại chùa Hoa Nghiêm ở Hàng Châu. Sau, Sư dời đến chùa Linh Ẩn, nương tựa Luật sư Viễn học thông bộ Tứ Phần Luật sao. Sư lại đến bẩm thọ Luật sư Đàm Nhất ở Việt Châu, tinh cần nghiên cứu Luật Bộ, Sư giảng dạy cho đồ chúng, bốn phương xa gần đều hưởng ứng.

Niên hiệu Chí Đức thứ 2 (757), vua Túc Tông ân ban đề cử Sư dời đến thuộc danh ở chùa Từ Hòa. Vào niên hiệu Thượng Nguyên (760-762), Thứ sử Vi Hoàn lại thỉnh Sư làm Chiêu Ẩn Thống Lãnh Đại Đức. Trong năm đó những lúc rảnh rỗi việc giảng dạy, Sư soạn bộ "Cổ kim quyết" một quyển, giải thích Tứ Phần Luật sao đến mấy mươi muôn lời. Phồn tạp nghĩa lệ điều xuyên suốt rất rõ ràng, truyền bá rộng rãi ở đời. Xem xét trong đó trước tiên nêu bày nghĩa của người xưa, nếu có chỗ không ổn thì phán đoán, nên gọi là "Quyết". Trong lời tựa của "Quyết", Sư nói rõ ban đầu nương theo luật sư Uy - người Thiên Trúc mà học tập, sau lại theo một vài bậc thầy ở xa. Phàm các giới đàn Sư đã dự chứng tất cả là hai mươi sáu đàn và đều làm chủ của Đàn tịch. Sư đã giảng bộ

luật sao qua hai mươi tám biến. Nếu có người dâng cúng gì, bất kể quý giá hay không, Sư đều thọ nhận rồi chuyển sang gieo trồng ở hai ruộng phước Bi, Tín. Đối với giáo lý Sư bày văn nghiên cứu Nghĩa, đều nói do nhờ năng lực học tập xưa trước. Sư hành trì giới kiểm, trong khoảng khắc cũng không trái phạm. Đến mùa Đông năm Quý mão, tức niên hiệu Đại Lịch thứ 12, Sư ngồi kiết già như thường, an nhiên thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi, ba mươi lăm hạ lạp. Qua mười ba năm sau; đến mùa Xuân năm Tân Dậu (781) mới xây tháp ở gò Sơn Tây. Đồ chúng đệ tử mặc áo gai, khóc nước máu mắt có cả ngàn người.

Sư có các đệ tử cao hạnh như: Thanh Hoạt, Trạch Ngôn v.v... và Đệ tử thưa hỏi điều lợi ích như: Ngự sử trung thừa Hồng Phủ Quán Sát Sứ Ni Hoàn, Lại Bộ Viên Ngoại Lý Hoa, Nhuận Châu Thứ sử Hàn Phần, Hồ Châu Thứ Sử Vi Tổn, Ngự Sử Đại Phu Lưu Hoàng, Nhuận Châu Thứ Sử Phiền Miện đều quy tâm kính tin. Truân Điều Viên Ngoại Lang Liễu Thức soạn văn bia khen ngợi đức hạnh Sư.

4. Truyện ngài Đại Nghĩa chùa Xứng Tâm ở Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đại Nghĩa, tự là Nguyên Trinh, họ Từ, người ở xứ Tiêu Sơn, thuộc Cối Kê. Ngày mồng 5 tháng 5 niên hiệu Thiên Thọ thứ 2 Sư ra đời. Năm Sư bảy tuổi, được cha dạy cho kinh điển, thường ngày Sư tụng đọc mấy ngàn lời.

Năm mười hai tuổi, Sư xin phép cha mẹ đến chùa Linh Ẩn ở Sơn Âm tìm thầy học đạo. Nhân đó, Sư tập học nội pháp, vừa mở quyển kinh thì liền thông hiểu. Mọi người đều khen ngợi. Gặp thời vua Trung Tông đang tại vị (705-710), ân ban chế văn độ người xuất gia, Đô Đốc Hồ Nguyên Lễ Khảo thí kinh nghĩa, Sư trúng cách bậc nhất. Sau khi xuất gia, Ngài được phối danh vào chùa Chiêu Huyền, từ đó Sư nghe nhận tu học, cạnh đó là học thêm Huyền Nho. Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713), Sư thọ giới Cụ túc với Luật sư Viên ở Ngô Quận. Sư lại trở về nương tựa Luật sư Thâm ở chùa Khai Nguyên ở bổn châu học Luật Tứ Phần. Nhân lúc Sư đến Trường An, Luật sư Thâm thị tịch, Sư bèn đến Luật sư Huyền Nghiễm ở chùa Pháp Hoa để cầu học. Sư tuấn tú vượt xa đồng bạn, nên Ngài Huyền Nghiễm bảo: “Đời nay truyền pháp, chẳng phải ông thì là ai?” Đến lúc Luật sư Siêu ở chùa Xứng Tâm thỉnh Sư làm tự chủ.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), Sư chịu tang cha mẹ, nên phát nguyện vào chùa Phật Lũng ở Thiên Thai, đọc tụng kinh tạng, để

báo đáp ân sâu cù lao. Đến niên hiệu Thiên Bảo (742-756), Sư bèn dựng Thất ở Bắc ổ, tức địa vức của Châu Chi Tuần Ốc. Ban đầu, Sư mộng thấy có hai vị Phạm tăng đến bảo Sư rằng: "Ông hãy ở đây với thời gian hai mươi ngày". Đến đầu niên hiệu Bảo Ứng (762), lại mộng báo rằng: "Vốn kỳ hạn hai mươi ngày, nay đã mãn, ma giặc sắp đến không nên nán ở nữa". Tự nhiên hải tặc Viên Triều Thiết đóng cứ tại Diệm Ấp tìm đến Đan Khâu. Nhân đó, Sư cùng Luật sư Quýnh ở chùa Đại Vũ đồng đến chỗ Thiền sư Lãng ở Tả Khê, tập học chỉ quán, và được nhiều tinh đạt.

Trước sau, các hàng Triều Quý quy tâm về Sư như Tướng Quốc Đỗ Hồng Tiệm, Thượng thư Tiết Kiêm Huấn Trung Thừa Độc Cô Lăng, Lạc Châu Thứ Sử Từ Kiểu, tiếp theo có Từ Hoạt đều là Tông nhân. Đến tháng 5 năm Kỷ mùi (779) thuộc niên hiệu Đại Lịch, Sư thị tịch tại Bổn Viện, thọ tám mươi chín tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. An táng tại chỗ ở xưa kia của Sư thuộc phía Bắc chùa, nhân đó xây dựng tháp thờ.

Từ trước đến sau, Sư đã tự chứng minh hai mươi bảy giới đàn, đệ tử thọ giới hơn ba muôn người. Lúc Sư thị tịch, ở trong thất nghe có tiếng nhạc trời để chứng nghiệm sự vãng sanh. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bát Niết-bàn, giới bổn Đại thừa và Tiểu thừa. Lấy từ khẩu nghiệp và đức hạnh chẳng về Đâu-suất, chẳng sanh Tịnh Độ, không ai có thể bàn luận được nơi chốn Sư hướng sanh.

5. Truyện ngài Nghĩa Tuyên trụ chùa Hưng Ninh ở Thường Châu, thời Tiền Đường:

Thích Nghĩa Tuyên, người xứ Tấn Lăng. Sớm gieo gốc lành, nghiễm nhiên xuất tục, chẳng phiền thầy chỉ dạy, Sư quyết tâm giũa mài. Sau khi đã thọ pháp, Sư chăm chăm vào Luật khoa, chẳng để thời gian luống qua không. Bên cạnh là Huyền Nho Sư cũng kiêm thông, tăng trưởng Thiên Chương, cuối hỏi tiệp cấp, mà bẩm thọ phong thái của Cung nhượng, ở Diên Lăng, Nhã đắc thể của Tỳ-ni.

Ban đầu ở Dương Châu, Ngài Pháp Thận mở mang truyền bá cựu chương, học chúng ở vùng Hoài Điện tôn xưng là Thạc Tượng. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), Sư lặn lội đi, tìm hỏi càng sâu, đồng bạn đều noi theo kính phục, Ngài Pháp Thận khen ngợi rằng: "Thật đáng sợ!" Ngài tuyên giảng bộ Sự Sao của luật sư Đạo Tuyên ở Chung Nam, đến thỉnh nghiệp tại sân của Luật sư Châu, khảo hạch rất tinh tường, Ngài bèn soạn bộ "Chiết Trung Ký" sáu quyển để giải thích. Bởi có sự dung tế thẳng thắn hơn các vị kia có chỗ lầm lẫn. Khiến những điều thị

phi đều tự hết, và mọi người khỏi y cứ vào Tông mà gièm pha. Do đó mà đặt ra tên gọi.

Tỳ Lăng xuất sanh ra nhiều danh sĩ, trong đó, chư tăng có các vị Tam Tuyên, Tuệ Đức, Nghĩa Thị. Lúc ở tại Giang Đô tập nghiệp Sư cùng với Đàm Nhất ở Cối Kê, Hoài Nhất ở Mân Xuyên, Linh Nhất ở Khánh Vân đều là bạn đồng môn. Tại Tấn Lăng đã có Tam Tuyên, Ngài Pháp Thận lại xuất sanh ra Tam Nhất. Giang Biểu giúp cho Mỹ đàm, cuối niên hiệu Thiên Bảo (756), Sư hoằng hóa khai dẫn đạo rất thạnh hành, không biết về sau Sư mất ở đâu.

Liên quan thử bàn:

Phàm danh (tên) là để chế nghĩa, nghĩa sanh ra không cùng. Vì sao thầy trò dẫm gót lên nhau mà phạm húy của Giáo Tổ? Thông đáp: Vào thời Xuân Thu, sang hèn chẳng ngại đồng hiệu.

Hoặc có người nói rằng: Thái Tề chẳng địch nổi câu thư Hầu, mới nói là chẳng ngại đồng hiệu, hiệu và danh đâu được lệ theo điều đó. Thông đáp: Hiệu lớn chẳng hiềm, danh nhỏ hiềm gì. Huống gì "Nghĩa Tuyên" mới đầu đó là danh (tên người), đâu biết được đệ tử mình thành đạt sự nghiệp dưới cửa Chung Nam ư? Nhưng, người xuất gia hẳn không phòng ngại. Một phần thì, tánh (dòng họ) đã lấy Hoa theo Phạm, đều xưng là họ Thích, và một phần thì ở Tây Vực không có húy, đây là hợp theo. Vả lại, húy của người thời nhà Chu dùng để phụng thờ Quỷ thần. Trong thời nhà Hạ, nhà Thương không có húy điều đó rõ ràng. Huống gì Tuyên sư đã sanh lên Đâu-suất, nhỏ thì làm trời, lớn thì làm Bồ-tát, đâu nên lấy Quỷ thần mà phụng thờ đó sao? Còn như, đầu đời Đường, những bậc Cao Đức Thắng sĩ thường chỉ còn một chữ "danh", chức là cùng cực của húy, thuộc tu soạn ngày nay mới khuyết văn. Mới biết rằng Chân Đế không húy, tục đế nghe tương tự thì lo sợ.

Hoặc có người nói rằng: Sa-môn đời nay dòng họ đã là họ Thích, Danh lại không húy, nói ta chẳng theo Tục Đế, cớ sao đối với Quân Vương mà xưng là thần (bề tôi), chẳng là ở Tây Vức có vậy sao? Thông đáp: Tánh danh chẳng đối với Vương giả, thần thiếp biểu sớ hợp nhiên. Xưa kia, vua nhà Tề hỏi Vương Kiệm, bèn bảo hễ gặp thì xưng danh. Từ đời Hán đến đời vua Túc Tông; thời nhà Đường, mới thấy xưng Thần, từ đó noi theo mà chẳng sửa đổi. Cũng bởi Sa-môn đức mỏng ngày một suy vi, hễ đi thì chẳng trở lại. Thêm nữa, pháp nương vào Quốc Vương, nên thật khó sửa đổi. Vương bảo làm vậy là khuôn phép chớ sửa đổi. Nên Phật dạy "Tuy chẳng phải do ta chế, nhưng các phương vì sự thanh tịnh, mà đặt ra thì chẳng thể không thực hành".

6. Truyện ngài Biện Tú trụ chùa Khai Nguyên ở Tô Châu, thời Tiền Đường:

Thích Biện Tú, họ Lưu, là cháu đời thứ 31 của Hán Sở Vương Giao. Sư mồ côi từ thuở bé. Chư phụ ai tự, Sư lễ kính như sự dạy răn, lập hiếu tự trời sanh, sớm gieo trồng duyên sâu, ruộng tâm sắp chín muồi. Nhân đó, Sư xin người bác họ được xuất gia tu hành, người bác buồn thương mà cho phép. Sư bèn thờ Thiền sư Mưu ở Linh Ẩn để có thể hỏi bến bờ, đồ họa ý vào đạo. Với điều nghe được chỉ dạy như gió mát vào lòng, Sư tỉnh nhiên thanh thoát tỏ ngộ.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ 4 (745), Sư thọ giới với Đại Sư Giám Chân tại Đông Hải, được ngài Đàm Nhất ở Cối Kê truyền luật. Vào niên hiệu Chí Đức (756-758), Sư đề cử những bậc cao hạnh thuộc danh vào chùa Khai Nguyên ở Quận Ngô. Đến niên hiệu Càn Nguyên (758-760), vua Túc Tông ban chiếu cho hai mươi lăm ngôi chùa trong nước, mỗi ngôi đều cử bảy vị Đại đức lớn giảng giới luật, Sư bèn ra ứng trong số đó. Trong khoảng một năm, đối với pháp môn Tịnh Độ, Sư chẳng sai lầm nơi niệm, Sư từng nói với mọi người rằng: "Xưa kia nghe nói hạnh của Tây phương có tướng Đại thừa. Đó mới là bày tâm không thẳng, chẳng phải thuyết của Đạt Quán. Vì sao? Vì hễ mở lời tức tánh, phát ý đều như, và một sắc một hương không gì chẳng phải là Trung Đạo. Huống gì chính ta có chánh niệm ư?"

Sư đã mười sáu lần lược dự chứng Đàn Tràng, Độ người cơ chế, then chất giới luật chánh trì, Tăng cương tự bằng lòng. Khắp năm bắc Hồ Châu đều kính ngưỡng. Đến ngày 15 tháng 6 niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (780), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, ba mươi lăm hạ lạp. Trong ngày Sư thị tịch, trong sân có một gốc cây cành lá phù sơ, buổi sớm hoa nở mà vội tàn tạ rụng rơi. Đến ngày mồng 5 tháng 7, đón rước linh khám an táng ở tháp đến bên phải cửa Tùng của chùa Võ Khâu tây.

Sư có các môn nhân như Đạo Lượng, Đạo Cai, Thanh Hội đều là những cây thơm vây quanh chiên đàn vậy. Nên Quán Sát Sứ Vi Nguyên Phủ Lý Thê Quân, Quắc Châu Thứ Sử Lý Trử, Ngự Sử Trung Thừa Lý Đạo Xương đều hết lòng khâm phục, kính mến đức hạnh của Sư đã qua và cũng là những người bạn thâm giao dưới rừng. Tấn Trú soạn văn bia khen ngợi đức hạnh của Sư.

7. Truyện ngài Như Tịnh chùa An Quốc ở kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Như Tịnh, không rõ Sư là người xứ nào. Phủ tham pháp vị, đáng thọ giới luật, sáng suốt tinh luyện tỳ-ni, giũa mài danh tiết. Bây giờ Sư thường giảng khuyên chúng bạn Vân Truân, ngôn từ nét bút dài rộng thâm đạt Nho điển.

Nguyên trước ở Quan Trung, thực hành hóa Tứ Phần Luật sớ của Luật Sư Trí Thủ, Luật Sư Pháp Lệ ở Ngụy quận soạn sớ giải hành hóa riêng biệt. Bấy giờ, Quan Phụ Hà Bắc, thường tự cạnh tranh tông phái, tợ như tham thần. Cuối đời Tùy, đầu đời Đường. Luật Sư Đạo Tuyên dùng bản đại sớ của ngài Trí Thủ làm gốc, rồi soạn san bổ Luật sao ba quyển, sao thành hội yếu, hành sự hộp cơ. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) Sư lại đến, Tam Phụ, Giang Hoài, Mân Thục, thường truyền bá luật. Kế đến có đệ tử của Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang là ngài Hoài Tố, trước tu học theo Sao Tông, sau bỏ pháp học của ngài Đạo Tuyên và Pháp Lệ. Đến niên hiệu Hàm Hanh (670-674), Ngài Hoài Tố soạn bộ "Khai Tứ Phần Luật ký", sau đó lấy hiệu là "Tân chương". Đến niên hiệu Đại Lịch (766-780) thời vua Đại Tông, hai bộ Tân Chương và cựu sớ đắp đổi sở trường sở đoản lẫn nhau. Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (779), nhóm họp các bậc giỏi về luật trong ba Tông để trùng định hai nhà Long Sát. Lúc đó, Sư được suy cử làm Tông chủ, nói ở truyện ngài Thích Viên Chiếu. Đến niên hiệu Kiến Trung thứ 2 (781), tấu trình hai bộ sớ giải đều hành hóa, đó là do năng lực của Sư. Bởi vì lúc Quốc Tướng Nguyên Công Tải dốc lòng kính trọng Tố Công (Hoài Tố), kính mến luật giáo, mới mời Sư làm chủ Tân sớ và soạn truyện.

8. Truyện ngài Giám Nguyên trụ chùa Khai Chiếu ở Hán Châu, thời Tiền Đường:

Thích Giám Nguyên, không rõ Sư là người xứ nào, vốn hạnh chân minh, khuôn phép luật đạo, các vị Tỳ-kheo tiêu biểu nổi bật không vị nào chẳng xuất thân từ đó. Sau, Sư giảng Kinh Hoa Nghiêm gọi là Thắng Tập. Thường ngày cúng dường cháo cho cả ngàn người ăn, trong kho gạo thóc mới vài trăm hộc, lấy dùng mà chẳng hết, từ mùa hạ qua mùa thu mà chưa từng báo hết. Sư có sự minh cảm như thế.

Chùa Sư ở núi có nhiều sự linh ứng, có Thiền Sư Tuệ Quán thấy có hơn ba trăm vị tăng cầm đèn hoa sen vượt hư không mà đến, rõ ràng như dòng sao chảy. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), Thôi Ký Công Minh nghi đó là do yêu dị mê hoặc, nên đích thân tự vào núi trong đêm. Dự cấm bốn phía núi mỗi mặt cách ba mươi dặm không được có ánh lửa. Đến đêm thứ 3, có hơn trăm cánh đèn xuất hiện, ánh sáng mầu

hồng có đến hơn ngàn thước. Ký Công tự nhiên đảnh lễ khen ngợi là chưa từng có. Lúc đó, từ khoảng cây thông đưa duỗi ra cánh tay sắc và dài chừng bảy thước, có hai vị Bồ-tát loáng thoáng các mầu vàng nhạt. Thế rồi, cây bách ở trước sân hóa hiện thành một cây đèn sáng tỏ như mặt trời, pha lê rải khắp, cách núi chừng khoảng ba dặm có viên ngọc báu tròn khoảng một trượng chói lòa đáng yêu. Tại cửa núi Tây lãnh treo hiện một vầng cầu vồng lớn, trên cầu có vị Phạm tăng già và đồng tử, khoảng giữa phát ra hai cây đuốc sáng rực giữa hư không, hình trạng như cùng đón rước đưa tiễn qua lại. Phía dưới có bốn vị Bồ-tát, cứ haivị đứng sánh đôi phát ra ánh sáng khắp thân, cao chừng sáu, bảy mươi thước. Lại thấy sau rừng thông lớn, bỗng có biển ngạch chùa đề hai chữ "Tam học" theo lối chữ Triệu. Thêm nữa phía dưới ánh đèn rũ hai dải lụa, khoảng phía Đông Lâm ban đêm xuất hiện núi vàng. Bấy giờ đang là tháng 5, đèn hai mầu vàng bạc sáng bày ở bên cạnh phần tháp ngài Tri Huyền (Ngộ Đạt). Vi Nam Khương Cao mỗi ba tháng một lần đến chùa thiết trai hội lớn cúng dường ba trăm vị Bồ-tát. Bồ-tát hiện hình bưng đèn, chư tăng cầm hương đèn dẫn đưa vào lò tại cửa chùa.

Bạch Trung Linh Mẫn Trung thấy điềm lành hưng phát đó nên xây dựng chùa ấy. Đến niên hiệu Đại Trung thứ 8 (854) đổi biển ngạch đề là "khai chiếu". Luật Sư Giám Nguyên hành đạo hóa độ cùng với Địa vực đều linh ứng. Đó là chính Tông của đệ tử truyền giảng ở Đông Xuyên.

9. Truyện ngài Chí Hồng trụ chùa Song Lâm ở Quận Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Chí Hồng, họ Tiền, người xứ Hạ Nhã ở Trường Thành, thuộc Hồ Châu. Sư vốn tên là Nghiễm, Chí Hồng là tự.

Thưở thiếu thời, Sư xuất tục, vào chùa làng Thạch Môn, bắt chước Lương Tĩnh Lâm. Sau khi cắt tóc thọ giới xong, Sư sang Mậu Uyển gần gũi Đại Sư Đạo Hằng tu tập nghiên cứu tinh ròng. Bấy giờ, Đàm Thanh và Tỉnh Cung rất tha thiết nhau, cuối cùng trở thành Hồng Chử. Nhưng ân hận các bậc Tiên Đức giải thích Nam Sơn Luật sao, thương lược chẳng đồng đều, phải chăng trong Tạng không chuẩn định! Bất quyên nối liền, sau bổ túc chẳng hoàn bị. Gồm từ các vị Đại Từ, Linh Ngạc trở xuống tất cả hơn bốn mươi vị ghi chép Huyền Sao, khắc thành hai mươi quyển, đề hiệu là "Sưu Huyền Lục".

Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), Hoa Nghiêm sớ chủ là Trừng Quán tìm, bèn soạn tựa đặt ở đầu, nhưng Sư giải thích đều có sở trường,

nhưng khoa tiết phiền toái đó là sở đoản.

Sư thọ một trăm lẻ tám tuổi, triều đình ban sắc cho Sư hiệu là "Trường thọ Đại Sư". Gần đây, chỉ hành tên tự mà thôi. Nay chùa Song Lâm trải qua nhiều lần chiến tranh, lại thêm nước lụt nên trụ bia cột mốc đều mất dấu, càng giấu kín ngôn hạnh. Ôi! Nghiễm Công dòng tộc bổn sanh hẳn đồng với Luật Sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn, và cũng là việc tốt.

10. Thích Thừa Như chùa An Quốc ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Thừa Như, không rõ Sư họ gì. Sư tinh cần nghiên cứu Luật Bộ, rất khéo giảng nói, mực thước với tăng chúng, không gì chẳng theo phép tắc.

Trong thời vua Đại Tông, với công việc phiên dịch kinh điển, Sư tham dự đảm nhiệm, ứng với Tả Hữu nhai lâm Đàn độ người, đệ tử có đến ngàn vị. Nguyên xưa kia, năm chúng xuất gia đệ tử Phật lúc quá vãng, các thứ y phục của cải mọi vật đều sung nhập vào kho của quan, nhưng trải qua nhiều triều đại đã hết bởi do đổi chôn. Sư mới viện dẫn các bộ luật nói: "Tỳ-Kheo xuất gia sống hễ được vật lợi gì, thì lúc chết vật lợi ấy quy kết về của tăng. Ý nói đến đi không vật, nếu Tỳ-kheo tham chứa nhóm, từ đây mà giảm chức do đó. Nay nếu kết quy vào của quan thì lệ đồng với sung công. Đời trước để lại việc đó bởi không người nêu lên, nay chúc văn đã rõ ràng, xin hãy vâng theo luật pháp, dứt sự khinh trọng ấy".

Ngày 27 tháng 11 niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767), vua Đại Tông ban sắc rằng: "Kể từ nay, sau khi Chư tăng thị tịch, mọi của cải tùy quy kết về của chúng tăng. Nhân ban cáo trung thư môn điệp, trong nước nên y cứ!" Sư là bậc Luật tượng chẳng những trên dạy răn hai chúng mà còn, phấn phát di sự của nội chúng, lập công chẳng mất. Như Công là thế đó! Về sau Sư làm Thượng tọa cả hai chùa Tây Minh và An Quốc, có bộ "Văn Tập" ba quyển, Ngài Viên Chiếu gom góp lưu bố.

11. Truyện ngài Thanh Giang chùa Biện Giác ở Tương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thanh Giang, người xứ Cối Kê, không rõ họ gì, thuở bé Sư đã tỏ ngộ thân bọt bóng ràng buộc nhọc nhằn! Nhân vào tinh xá, bèn luyến mến cửa không môn. Cha mẹ Sư ngăn cản nhưng khó khuyên được. Sư bèn đến lễ thỉnh Luật chủ Đàm Nhất làm Thân giáo sư, Sư đọc

tụng kinh pháp, vừa ghé qua mắt liền thông. Trưởng giả phẩm lường đó mà bảo rằng: "Ngựa hay ngàn dặm của họ Thích!"

Ngài đến Giới Đàn Thiên Trúc ở Chiết Dương cầu thọ giới pháp cùng các vị đồng học như Thanh Nguyên theo dưới Hòa-thượng Thủ Trực, làm đệ tử. Sư lại trở về nghe Tướng sớ và Nam Sơn Luật Sao với ngài Đàm Nhất, chỉ khoảng một năm mà tinh nghĩa nhập thần, thảy đều thông sướng và Ngài rất khéo giỏi Thiên Chương, Nho gia bút ngữ thể cao từ điển, lại chuyên tốt đẹp một góc. Bấy giờ, vì tánh Sư hẹp buồn chẳng giống như mọi người. Sư từng đối với ngài Đàm Nhất ít nhân chẳng đủ, cũng có xả bỏ dèm trách Hòa-thượng. Từ đó Sư du phương siêng năng, tất cả các pháp tịch giảng luật không nơi nào Sư chẳng đến dự. Sư tự trách mình rằng: Thiên hạ chỉ dành có một nửa, ít có ai như thầy ta!" Sư trở về Cối Kê, ngài Đàm Nhất đã già. Đang lúc chúng tăng nhóm họp, đánh bản gỗ xướng"Ai đến quy đầu Hòa-thượng nhiếp thọ". Khi đó, Sư Đàm Nhất mắng nhục, còn Sư khóc như mưa mà sám hối rằng: "Niệm trước không biết, tâm sau có tỉnh ngộ, xin Hòa-thượng đại từ ban thí cho vui mừng. Nếu như không thâu nhận thì kẻ cao vượt hơn người chẳng thể gượng bán Chương phủ!" Ngài Đàm Nhất xót thương Sư qua mấy phen cầu xin tha thiết, mới báo rằng: "Vì ngươi mà ta mang lấy dơ bẩn". Rồi trở thành thầy trò như lúc đầu. Sư có học Thiền Quán. Niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), ở Nhữ Phần gặp được Quốc sư Trung. Nhân đệ tử nói với Quốc sư Trung rằng: "Luật Sư này (Thanh Giang) là người cùng quê với Hòa-thượng". Bèn vui mừng gặp nhau, tìm đến Nam Dương, Sư lại yết kiến Quốc Sư và được mật truyền tâm yếu.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Thanh Giang có làm bài thơ "Thất tịch" (bảy đêm). Có người nói đó là một bối trong bốn bối. Thông đáp: Thi nhân hưng vinh dụng ý chẳng thường. Tuệ Lâm có "oán biệt", Lục Cơ có "khiên ngưu tinh", Khuất Nguyên có "Sương phu nhân", há là sắc tà, đều là ngụ ngôn hưng loại ở đương thời mà thôi. Nếu vậy thì nói lửa tức là đốt miệng, nói ăn thì hết đói. Ngài Thanh Giang trước bỏ thầy, sau mới nâng cao điều tốt đẹp của thầy, bỏ quyền hợp đạo. Thật ra thơ đó là khuyên răn đời vô thường để dẫn khiến vào Phật Trí. Vì sao? Vì có thể thấy rõ ngài Thanh Giang gặp được Quốc sư Trung mà lại tỏ huyền lý, không thể dùng pháp Tiểu thừa trong nội vực mà bó buộc được.

12. Truyện ngài Linh Triệt chùa Vân Môn ở Cối Kê, thời Tiền Đường:

Thích Linh Triệt, không rõ Sư là người xứ nào, bẩm khí trong trắng tốt lành, Sư chấp tháo không đổi bỏ, mà tánh tình ưa thích ngâm vịnh là sơ trường. Sư trụ tại chùa Vân Môn ở Việt Khê. Năm thành lập là năm Dự tập viễn làm văn. Sư giảng suốt không mỏi mệt, nên học chúng đến nương ở rất đông. Nên Bí thư Lang Nghiêm Duy Lưu, Tùy Châu Trường Khanh Tiền Điện Trung Thị, Ngự Sử Hoàng Phủ Hội, trông thấy mặt luận bàn tâm bền chặt như keo sơn, phân tiếng xướng hòa danh tan bốn góc.

Sư đi đến Ngô Hưng, cùng sư Tấn Trú, ở Trữ Sơn, vừa mới gặp liền kết bạn giao du dưới rừng, khuyến khích lẫn nhau. Tấn Trú trình thư lên Bao Cát Trung Thừa, thạnh nêu bày chọn lấy câu cảnh tỉnh rất mực quan trọng, trong đoạn "Quy tương nam" viết rằng:

"Có sườn núi ven sông đợi trăng tỏ
Tạm hướng nhân gian gá đi đường
Như nay xoay hướng, đi bên núi
Chỉ có nước hồ không lối đi".

Các tác phẩm của vị tăng (Linh Triệt) đều là khéo léo hay ho, nhưng riêng một thiên nầy khiến lão tăng tôi (Tấn Trú) muốn vụt bỏ bút nghiên. Cúi mong Trung Thừa Cao xem xét tiến như thế nào và xả bỏ như thế nào? Mới nay trong nước có bậc Đại hiền khuyên vua, liền cho là chẳng gấp can, xin nên xem nghe, cũng soi chiếu ngu lão tăng tôi chẳng đạt thời!" Nhưng Sư vẫn giữ tâm lập tiết, không thể được nhiều, Đạo hạnh Sư như Không tuệ chẳng thẹn với An Viễn. Sư lại soạn bộ "Luật Tông dẫn nguyên" hai mươi mốt quyển, làm chỗ quay về nương tựa cho chư tăng. Đến như Huyền ngôn đạo lý ứng tiếp chẳng ngưng trệ, trong khoảng gió trăng cũng đủ để giúp cao hứng của quân tử. Đó là đồng bạn kính trọng Sư đến thế. Tấn Trú lại mang thơ phụ ngài Khứ Kiến, Bao Cát kính lễ lúc gặp chẳng xem thường. Lại có Quyền Đức Dư nghe được thanh danh Sư viết thư hỏi Tấn Trú, được nghe đáp khen ngợi hết bút mực.

Từ niên hiệu Kiến Trung, Trinh Nguyên (780-805) về sau, ở Giang Biểu có ngạn ngữ nói rằng: "Triệt đồng băng tuyết ở đất Việt, đáng gọi là thắng sĩ một đời, đáng phân đảnh với Hàng Tiêu Tấn Trú." Không biết về sau Sư mất ở đâu.

13. Truyện ngài Tỉnh Cung chùa Tuệ Chiếu ở Dương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tỉnh Cung, người xứ Đông Lô, ở Mục Châu. Thuở nhỏ Sư

đã nhớ dai. Có vị lão túc lấy lạm lạ về ý chí Sư lớn mà nói lời cao. Khi Sư đã nhàm chán sự trói buộc, bèn vào chùa Thánh Đức, kính mến đạo, theo thầy. Gặp lúc triều đình hạ sắc ban ân, Sư được độ xuất gia. Sư có tánh linh, thiên phát đối với đạo Tỳ-ni, học như ôn tập lại. Sư lại chọn gặp Đại sư Đạo Hằng trụ chùa Khai Nguyên ở Cô Tô là bậc Danh sư.

Ngài Đạo Hằng bảo rằng: “Tốt lắm! Ta có được Cung”. Môn nhân ngày càng gần gũi, đến lúc tham cứu tinh vi, càng đi càng xa. Bấy giờ nếu có ai kích luận chỉ làm mê lầm thì xin thưa hỏi Sư, Sư đó phán định phân tách ngổi chia cong thẳng. Ngạn ngữ nói rằng: “Tận nghĩa với Tỉnh Cung, nói đến Cung, không nghĩa gì chẳng cùng tận”. Sư thông đạt luật thừa, gánh vác được môn tịch của thầy như vậy. Ngài Đạo Hằng nói: “Từ lúc ta có Cung, không còn nghe tiếng xấu ác!” Sư lánh mặt lá chắp tay đáp rằng: “Con chẳng dua nịnh, chỉ kính mến đạo của thầy, như lượm nhặt lá dâu để tằm ăn, nhưng bởi sự bệnh hoạn, chưa thể nhả nhiều tơ để báo đáp cho chủ”. Ngài Đạo Hằng bảo: “Trong thấy con nhả tơ năm mầu nơi vườn khách, có thể giúp cho tơ mầu, lời nói quá khiêm nhường”. Về sau, Sư đáp lại lời thỉnh của Duy Dương, rộng dạy dỗ đồ chúng. Nhưng Sư hết lời thư hoàng phẩm tảo, che giấu nghĩa xưa nay. Trong đồ chúng, những vị thông minh tài giỏi đều tự ghi chép lại, đều có thêm nhuận sắc, đặt hiệu là “Thuận Chánh ký” mười quyển, ban bố lưu hành. Ngài lại soạn bộ “Phân khinh trọng vật nghi biệt hành Duyên tập” mười ba chương môn. Sư đều nêu ra, còn thêm gần đây hiện có các vật trọng khinh, rất là yếu dụng. Sư lại là bậc tài cao về Nho học nên soạn văn bia tán tụng rất nhiều. Vì Sư có hành hóa ở Hàn Cấu nên gọi là “Hoài Nam Ký Chư”, tự lấy hiệu là “Thanh lãnh sơn Sa-môn”.

14. Truyện ngài Thần Hạo ở núi Bao thuộc Quận Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Thần Hạo, tự là Hằng Độ, họ Từ. Tổ tiên đời thứ 8 của Sư bày vẽ Tề Cảnh Lăng Vương Tây Đề Học Sĩ. Tử Lăng Lương Thượng Thư Tả bộc xạ. Văn ấy nổi tiếng ngang với Dữu Tý. Đến khi nhà Trần mất nước, nhân giúp Ngô ấp bèn dời nhà đến Cô Tô, Sư mới là người Quận Ngô. Ngài thiên tánh điềm đạm thanh khiết, phong vận sáng ngời cao xa. Từ thuở bé đã mong dáng dấp thoát tục, tìm đến nương tựa Nhất Công ở đạo tràng Long Tuyền xứ Tiền Đường xin xuất gia.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ 6 (747), vua Huyền Tông ban chiếu dán bảng lựa chọn các bậc chân hạnh, mỗi châu được độ ba vị. Sư được đề cử ở đầu, nhân đó mà thuộc tăng tịch của đạo tràng Phước Nguyện ở

núi Bao. Ban đầu, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc với Đại sư Hưng, Sư học thông luật sao với ngài Đàm Nhất. Kế là giảng luật sao, năm lần lên đàn tràng, Sư bèn nương thuyền trở về núi Bao, khiến cho ông lão nhà quê cắt cỏ, tiểu đồng ở núi quét đá, tiêu dao nương náu tiêu tức, thoáng chốc sửa thêm phòng nhà.

Niên hiệu Càn Nguyên thứ nhất (758), vua Túc Tông ban chiếu 27 chùa trong nước, mỗi chùa đề cử tấu trình bảy vị Đại Đức lớn để giảng giới luật. Nhân đó mà thỉnh Sư trụ chùa Khai Nguyên. Sư muốn tròn sở nguyện lại sợ giản thư, bèn gắng theo mạng lệnh. Đệ tử vâng giữ giới pháp Thứ sử Khai Châu là Lục Hướng tiền cấp sự Trung Nghiêm Cổn Phục Đạo. Đệ tử Lễ Bộ Thị Lang Lưu Thái Chân, Tiền Đại Lý Bình Sự Trương Tương. Đệ tử khâm trọng Đạo phong ở Sư như Tiền Liêm Sứ Á Tướng Lý Thê Quân thỉnh Sư Cương nhậm Hải Ngung, một ấp mà tăng chúng ba lần biến động đến đạo. Đến cuối năm công việc được viên Tông. Sư an trí riêng tại Tây phương Pháp xã, tụng kinh Pháp Hoa hơn chín ngàn bộ.

Đến tháng 10 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790), Sư đang trụ tại chùa Khai Nguyên, bị mắc bệnh, qua tháng 12 Sư dặn dò với đệ tử Duy Lượng rằng: "Sau khi ta xả bỏ báo thân, hãy mang về động đình chốn núi cũ xây tháp" và Sư nói pháp mà thị tịch. Đêm đó sắc trời lưu ly tinh chất như mưa, dấu hiệu Tây phương thầm hiện ở trước, Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, bốn mươi ba hạ lạp. Sư có môn nhân đệ tử Duy Lương là bậc có văn có đạo; một mình một bóng ở đương thời, giữ việc lễ tang của thầy, chẳng vì chứng đắc mà phế bỏ giáo môn.

Sư có các đệ tử được truyền pháp như là: Đạo Siêu, Linh Tuấn, Đạo Tuấn, Đạo Lăng, Duy Nhượng, Duy Thành đều là những bậc tài giỏi một thời. Tấn Trú làm thần pháp, soạn bia văn khen ngợi đức hạnh Sư.

15. Truyện ngài Tạng Dụng chùa An Quốc ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Tạng Dụng, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là con người bạt tục, đến nương tựa Không Công ở núi Thê Tung, tôn sùng làm thầy, đến tuổi ứng pháp, Sư nương tựa luật sư Cự ở phần Xuyên thọ thượng phẩm hình câu pháp. Sư tìm đến giảng tịch của Nghiệp Công ở Lạc Trung, nghiên cứu tìm kiếm văn luật, theo chỗ sâu mầu huyền diệu, không đâu Sư chẳng đến.

Đến khi nghe có môn học Thiền Quán, Sư bèn đến đất Lô, vượt

qua Hoắc, lội dòng Hán, trôi nổi sông Tương, vọng hướng tòng lâm của song phong. Sư lại trở về khai pháp ở chốn kinh kỳ. Đạo Sư đã tinh túy, dạy răn lại bình đẳng phô diễn, hòa nhã tự nhiên làm vật khuôn pháp, hưởng phong tông trọng. Vào niên hiệu Kiến Trung (780-784), Sư đã mãn ba mươi hạ lạp, bỗng ứng chiếu mời sung vào giới đàn đứng đầu pháp tịch. Sư tiếp tục độ đệ tử rất nhiều. Đến lúc Sư trở về, trụ tại Hóa Tháp ở Đông Thành, là nơi ở của em vua Đại Tông. Lại suy cử Sư làm chủ cương nhậm. Các hàng Tỳ-kheo cho đến Sa-di đều tuân phục kính sợ. Chiếu trải mời mời khách đến để khai đàm, chỉ có Hành Sơn Thạch. Vì có biết tiền thân, truyền bát của Tào Khê, vì có biết mé sau. Vì vậy cửa ngõ lắm vết của Trưởng giả, phòng nhà đầy ắp đồng bạn độ người, lợi vật tốt sâu, ngồi giữ nhã tục.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên (786-805), Tả Ly Chánh Lang Vương Quyên, Nam Đài Thôi Công Kế hòa theo đó, như thế mấy vị cùng bàn luận tiêu đề. Binh Bộ Chánh Lang Trình Hoạt làm Đồ tự, Chức Phương Chánh Lang Tri chế cáo, Ngô Thông Vi ghi chép. Lúc đó là năm Mậu Thìn (788) tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4.

Sư lớn lên từ luật học, gấp giữ nhậm trì, làm bậc khuôn phép tiêu biểu ở Thượng Đô.

16. Truyện ngài Chân Thừa ở chùa Bát Thánh Đạo ở Hồ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chân Thừa, họ Thẩm, người xứ Đức thanh. Cha là Huyền Vọng Hiếu Liêm Cử Điều Duyên Châu Tư Mã. Lúc mang thai, mẹ của Sư có điềm ứng ánh sáng thần mùi thơm lạ. Có người biết chuyện, bảo rằng: "Nhà họ Thẩm ắt là thế gia đại tộc!" Đến lúc sanh Sư thì như Hoài Vĩ. Lúc lớn khôn cư xử với mọi người trong tông tộc, Sư tợ như kỳ thọ ở giữa các cỏ cây. Đến độ tuổi tết tóc, Tư Mã dùng văn học để dẫn dụ Ngài, khuyên lo tu sửa Quan Nghiệp, vả lại, Sư lo lắng, tỏ vẻ chẳng đặng đừng. Ở chỗ vui chơi thì Sư đem tượng Phật ra ban bố. Cha của Sư xem xét tập khí đời trước, quả nhiên xin xuất gia. Gặp được Ngạn Lỗ Công cho phép thi kinh sẽ được độ, lúc đó Sư đã tụng đọc thuộc lòng được năm trăm trang kinh, thử bảo Sư tụng, không sai sót một chữ, Đại Kiến khen lạ.

Sau khi xuống tóc, Sư được phối vào ở tại chùa Bát Thánh Đạo và đắc giới tại đó. Sau, Sư đến nương tựa Đại sư Thường Tấn ở chùa Thông Huyền, tập học tỳ-ni. Ngài Thường Tấn thấy Sư tài giỏi, nên răn bảo trong đồng môn rằng: "Chân Thừa tuy trẻ tuổi, nhưng không thể đem

Bá Trọng để so sánh”. Sau, Sư đến phương Tây lên chùa Vân Hoa ở kinh đô tập học Pháp Hoa Thiên Thai sớ nghĩa, tiếng tăm vang xa. Sau đó, chúng tăng chùa Chương Tín thỉnh Sư giảng pháp. Như kẻ say ngàn ngày chỉ một lần nghe mà tự tỉnh, tợ kẻ mê trọn đời vừa tạm nghe mà tỏ ngộ hẳn. Với kinh luật, thông suốt, Sư đều giảng giải không thiếu sót. Tịch rất thạnh hành, xán lạn kinh ấp.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (795), Công Đức Sứ Lưu Đại Phu vì vua Đức Tông đến chùa An quốc trình với Sư thay đổi để chuẩn bị ứng đối, sung vào số Đại Đức cung phụng. Lúc đó, thầy Sư cũng không ngăn ngại gì. Cũng muốn đạo nghiệp thật nhờ ân mưa móc, tấu cử Sư vì nước nhà mà cầu phước không trệ ngại. Bỗng nhiên mộng thấy Sư cầu một đóa hoa sen trắng đi về phương Nam. Tự nhiên, Sư bị bệnh nên xin trở về vườn quê. Vua Đức Tông ban sắc chấp thuận. Sư đã về đến đầu làng thì Bổn Quận Thú Lý Công Kỳ Điền Công Đôn Chiếc Đông Suất Tiết Công Giới đã bước chân tới cửa mời Sư lên pháp tòa, hoặc vội mang thẻ mà mời tới giới đàn. Sư bức bách vì pháp duyên thảy đều là gắng gượng. Do đó, tám lần sư làm tòa chư luật học, bốn lượt Đăng Đàn làm Chánh viên. Hễ Sư dạy răn trao truyền độ người, nếu có ai dâng cúng khăn giày v.v... để kết duyên, thì Sư không bao giờ nhận một vật gì. Sư đến núi Ngũ Đài, đảnh lễ Thánh dung Bồ-tát Văn-thù, thấy tướng điềm lành không thể nói xiết. Sau, Sư trụ tại chùa Hộ Quốc, lễ kinh Phật danh một trăm biến. Ngoài sám pháp ra, Sư còn tuyển soạn “Pháp Hoa Kinh Giải sớ ký” mười quyển.

Đến tháng mười niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 (821), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch tại Bổn tự. Sư rất tinh thông luật pháp, lại có sở trường giảng nói. Đến ngày 13 tháng 10 niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (822) trà-tỳ nhục thân Sư tại góc phía Tây thôn Thiều, đó là tuân theo di mạng của Sư. Úy Vương Chân ở huyện Vạn Niên xây dựng văn bia, ghi lại đức hạnh Sư.

17. Truyện ngài Đạo Tiêu trụ núi Linh Ẩn ở Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Tiêu, người xứ Phú Dương, họ Tần, tổ tiên xa xưa của Sư và cùng với Doanh (Tần Thỉ Hoàng) là cùng một họ, trải qua nhiều đời là một dòng họ lớn ở Thiên Lũng. Đến lúc nhà Tấn dời về phương Đông thì Sư cũng mang áo mão mà theo, sau trở thành người xứ Hàng Châu.

Từ Cao tằng đến vua cha, dòng họ Sư đều giữ lấy Nho nghiệp,

chẳng chịu làm quan, nên khắp cả châu lý đều tôn sùng. Sư lúc mới sanh thì sáng suốt, lúc lớn lên thì chí thú sâu xa, khi về già càng vững chắc. Nhân lương thiện có từ đó. Năm bảy tuổi, Sư có thần sắc trong thanh, khí lực tốt lành, chẳng xen tạp như bao trẻ nhỏ khác. Chợt có vị Đại Sa-môn đưa tay xoa đầu Sư, bảo rằng: "Đứa trẻ này đôi mắt sáng đẹp như hoa sen xanh, có phải chăng là oai phụng của dòng họ Thích ta ư? Nếu có thể bỏ nhà thế tục thì sẽ có tiếng tốt. Nếu không như thế thì cưỡi mây mà nhìn ngắm trời Hán. Ta không thể biết được!" Người cha chấp nhận lời thỉnh, Sư bèn làm đệ tử Hòa-thượng Bạch Vân Phong Hải ở núi Linh Ẩn. Trên núi Diệu cao chỉ có Nhật Nguyệt là sáng đẹp. Trong cung Ta-kiệt-la hẳn nhiên chứa nhóm mây sấm.

Niên hiệu Chí Đức thứ 2 (758), vua Túc Tông ban chiếu những ai trong hàng tại gia thông suốt kinh Phật bảy trăm trang thì được độ làm Tỳ-kheo. Sư đứng đầu trong số lựa chọn đó. Và trong ngày đắc độ, được ban phối ở chùa Thiên Trúc. Đầu niên hiệu Vĩnh Thái (765), Sư cầu thọ giới Cụ túc luật sư Khải ở chùa Linh Quang. Ngài giữ giới trang nghiêm. Người đương thời suy tôn Sư là bậc giảng nói Tỳ-Nại-Đa-La, không gì chẳng thông suốt. Về độ người thọ giới, Sư đã sáu lần đăng đàn làm khuôn phép cho chúng. Suốt mười hai năm, đặt xuống mẫu ruộng, hằng năm thâu lấy muôn hộc, đặt để của cải vô tận, chung với cùng chúng.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), Sư cho là việc chùa đã sung túc, ta nên nghỉ ngơi, mới chọn được phía dưới Tây Lãnh là nơi cao sáng, bện cỏ làm nhà, chẳng can dự việc người, lấy đó mà nuôi dưỡng hạo khí. Ngoài việc kinh hành, Sư rất tôi luyện thi chương, từ thể cổ kiện, sánh với Phan Lưu. Đương thời, ở Ngô Hưng có Tấn Trú, ở Cối Kê có Linh Triệt cùng nhau đáp xướng lần lượt làm sênh ca. Nên người đời nói là: "Ở Tấn có Trú hay trong nhã, ở Việt có Triệt suốt cả băng tuyết, ở Hàng có Tiêu sờ đến mây xanh, thường bay chương ngụ vận hư, trúc đêm hoa ngày. Ba vị thượng nhân ấy đáng địch cả bốn mặt. Do đó mà Từ Lâm nhạc Phủ từng lượm nhặt tiếng thơ của họ". Vì vậy, Hữu thứ tử Cô Tàng Lý Công Ích viết rằng: "Dưới trọng danh quả thật có văn đó". Khi trở về phương Tây, đến chốn kinh đô có đem khoe soi sáng. Thêm nữa, Cảnh Lăng Tử Lục Vũ nói rằng: "Phàm nhật nguyệt, vầng mây là Thiên Tiêu, núi sông cỏ cây là Địa Tiêu, suy đưa tài năng quy về tốt đẹp là Đức Tiêu, sống nhàn ưa vắng là Đạo Tiêu, danh thật song toàn phẩm tảo tương đương".

Từ đó về sau, tiếng tăm danh giá của Sư vang bóng đến chốn công khanh, nên thâm thiết với Sư có các vị như Tướng Quốc Lý Công Cát,

Phủ Đại Tư Không Nghiêm Công Thụ, Hữu Bộc Xạ Hàn Công Lao, Lễ Bộ Thị Lang Lã Công Vị, Cốt Hào Tiết Chế Lô Công Quần, Tương Dương Tiết Chế Mạnh Công Giản, Đồng Châu Thứ Sử Lý Công Phu, Phụng Tường Duẫn Tôn Công Thọ, chiếc Đông Liêm Sứ Giả Công Toàn, Trung Thư Xá Nhân Bạch Công Cư Dị, Tùy Châu Thứ Sử Lưu Công Trường Khanh, Hộ Bộ Thị Lang, Khâu Công Đan, Ngoại Lang Bùi Xu, Bí Các Nghiêm Duy, Tiểu Giản Chu Phóng Việt, Liêm Vấn Tiết Nhung Tịch, Bái Lô Nguyên Phụ, Thường Châu Thích Nguyên Hạo, Thượng Đô Thích Trí Sùng, Nhuận Châu, Thích Nam Dung, Kim Hoa Thích Càn Phụ, Ngô Môn Thích Quang Nghiêm Thích Trí Sùng ở Thượng đô v.v... đều là những vị tâm giao ngoài trần, phân hợp trong rừng. Muôn cảnh đều không, xua đuổi để tạ ngự, năm núi đầy mắt, đứng làm cương trường, văn hùng mà lại cổ xúy chẳng suy, Thần Vương một lần đánh tự thắng!

Đến niên hiệu Trường Khánh thứ 3 (823), Sư thị hiện bị bịnh nhẹ, tới ngày mồng 7 tháng 6, Sư thị tịch tại lan-nhã; nơi Sư ở. Đến ngày mồng 3 tháng 10, an táng tại Cựu Sơn, Sư thọ tám mươi bốn tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Ngài có các đệ tử: Như Biện, Hạnh Kiệm, Tỉnh Ngôn, Thường Kiệm, Trí Du, Nhật Siêu v.v... đều là những vị đắc pháp từ Sư, kính làm theo chẳng dám nhàn rỗi, vườn không vây quanh chiên Đàn hận đầy nơi hang đá. Đến nay dân chúng ở Hàng Châu tôn xưng Sư là "Tây Lãnh Hòa-thượng". Niên hiệu Khai Thành thứ 5 (840), Trịnh Tố Khanh ghi chép đức hạnh Sư khắc văn bia khen ngợi dựng tại gò phía Đông núi Thiên Trúc, hiện nay vẫn còn.

18. Truyện ngài Đàm Thanh ở chùa Hành Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Thanh, không rõ Sư là người xứ nào. Thuở nhỏ Sư gìn giữ biên bức, không lầm lẫn phương hướng. Vì cẩn trọng nghiên cứu tận cùng ý chỉ Phật, mới mong dù đến viện Ngô Bắc, nơi Pháp Hội của Tông sư Đạo Hằng, cùng với Tỉnh Cung còn trước sau Đằng Tiết. Sư lưu lại Nam Nhạc hoằng hóa đồ chúng.

Gặp hội trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), kiết giới tại chùa Long Hưng ở Mân Châu. Bấy giờ, ngài Nghĩa Tung giảng bày Tân Sớ là bậc tài giỏi trong bối lưu, nhân đó nói rằng: "Trong luật Tăng-kỳ nói "Ngang bảy cây cùng đi, chỗ ông tác pháp yết ma, gọi đó là khéo làm yết-ma. Chuẩn định bốn mặt đó đều lấy ba mươi sáu bước v.v..." Như vậy, giới tự nhiên y cứ khiến giới tăng tác pháp lên, đợi đến lúc

tập hết, Sư rộng nêu bày vấn nạn. Như vậy qua lại kinh châu vượt tỉnh, Dưới Lưỡng Nhai, Tân Cựu Chương, Nam Sơn Tam Tông cùng định đoạt. Ngài Nghĩa Tung thiếu lý. Bấy giờ, tướng lệnh Cô Sở Do làm lễ Bộ Ngoại lang phán chuyển, điệp văn chuẩn cứ lưỡng nhai truyền luật quyết đoán lấy nghĩa của Sư làm chính, trong thiên hạ xướng tiếng. Sự mạnh mẽ gìn giữ kỷ cương, có khả năng đến thành vực. Sau, viết lại ký hiệu là "Hiển Tông".

Liên hệ thử bàn:

Ngài Đàm Thanh từ Tông Nam Sơn quật khởi biệt phong. Cùng với hai ngài Nghĩa Tung, và Ngộ gặp nhau hẳn là phân tranh địa thế. Ngài Đàm Thanh quả thật được tài tuấn, huống gì là cao sáng, ít dùng văn luật, ba góc chẳng trái. Đã thành Đồ Trạng, học giả rất mực truyền bá, còn ngài Nghĩa Tung như trấn giữ ở đáy biển. Đến niên hiệu Đại Trung (847-860), các ngài Huyền Sướng, Công Tiến còn thêm khen chê, chê ngài Nghĩa Tung chuyển trầm trong vĩ lư.

19. Thích Viên Chiếu trụ chùa Tây Minh ở kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Viên Chiếu, họ Trương, người ở xứ Lam Điền, thuộc Kinh Triệu. Năm mười tuổi, Sư dốc lòng nguyện xin nương tựa luật sư Cảnh Vân ở chùa Tây Minh. Ngài Cảnh Vân cũng là bậc tài giỏi một phương, bốn bộ quy tâm kính mến.

Sư đang là Sa-di mới thọ giới cụ túc, kính cẩn chấp trì như yêu quý vật báu. Sư nghiên tầm kinh luận, nương thầy thưa hỏi các kinh Duy-ma, Pháp Hoa, Nhân Minh, Duy Thức, Niết-bàn, Trung Quán, kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch, v.v... hoặc vào sâu đường hoàng, hoặc lược theo nhiễm chỉ, bên cạnh đó còn tìm học Nho Mặc, lại chuyên khéo phong nhã. Đối với luật tạng như trân châu, Sư chuyên tham nhật dụng. Sau thì Sương Đàn bỉnh pháp, nhạn tựa độ người, đến niên hiệu Khai Nguyên (713-742), vua Huyền Tông ban sắc lựa chọn các Sa-môn danh đức tham dự việc phiên dịch, Sư mới dự vào. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778) thời vua Đại Tông, Sư lại vâng chiếu lưỡng nhai, cùng mười bốn vị Đại đức làm đàn, đồng đến chùa An Quốc để đoán định sự phải trái của hai bản Tân sớ và Cựu sớ, bởi vì hai tông đều thạnh. Cả hai kẻ mạnh tranh nhau, ngư ông được lợi, đánh nhau sẽ tổn thương chân thầy. Đã luôn tranh giành lời tiếng, lắm vang đến tai vua. Nên có sắc chiếu bảo đem hai bản luật sớ quyết định thành một nhà. Lúc đó, Sư v.v... soạn lời tựa tấu trình rằng:

"Căn cứ Tứ Phần Luật Bộ Chủ, tiếng Phạn gọi là Đàm-Vô-Đức, đời Tần dịch là Pháp Tạng. Từ năm Nhăm Dần tức niên hiệu Hoằng thỉ thứ 5, đời Diêu Tần, ngài Tam Tạng Pháp sư Phật-Đà-Da-Xá, đời Tần dịch là Giác Minh, người nước Kế-tân, tụng ra bản Phạn, Sa-môn Trúc-Phật-Niệm nghe và ghi lại thành bốn mươi lăm quyển. Đến năm Mậu thân, tức niên hiệu Hoằng Thỉ thứ 11, ngài Chi-Pháp-Lãnh lại từ Tây Vực mong bản Phạn đến ở chùa trong thành Trường An, so sánh hiệu đính lại, đến năm Tân Hợi tức niên hiệu Hoằng Thỉ thứ 14 phiên dịch mới xong, do các Sa-môn Tuệ Biện v.v... biên chép thành sáu mươi hai quyển. Sau, vào đời Ngụy, có Luật sư Đạo Phú, do dưới sự giảng dạy của ngài Pháp Thông mà biên tập thành sớ sáu quyển. Kế đến, có ngài Đạo Huy soạn sớ bảy quyển. Trong đời Tùy, có ngài Pháp Nguyện soạn tài sớ mười quyển. Từ đời Đường thống nhất đất nước, bốn phương xương cao, Tam bảo thêm ngời sáng, có Luật sư Trí Thủ Soạn bộ sớ mười hai quyển, tiếp theo, Luật sư Tuệ Mãn soạn sớ hai mươi quyển, mỗi bộ phụng sự một thời, lưu thông chẳng dứt. Mãi đến niên hiệu Mậu Dần (618) tức niên hiệu Võ Đức thứ nhất, có Luật sư Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu soạn sớ, đến năm Bính Tuất (626) tức niên hiệu Võ Đức thứ 9, mới hoàn thành mười quyển. Phần chính nương tựa vào Luận Thành Thật. Nay gọi đó là bản cựu sớ. Đến năm Canh Ngọ (670) tức niên hiệu Hàm Hanh thứ nhất, thời vua Cao Tông, có Luật sư Hoài Tố trụ chùa Thái Nguyên tây, soạn bộ "Khai Tứ Phần Luật Tông ký" mười quyển, phần chính y cứ các Luận căn bản thuyết nhất thiết Hữu Bộ Tý-Nại-Da, Câu-Xá, v.v... Nay gọi đó là "Tân chương sớ". Đến thời Hoàng Đế của ta vâng theo di chúc của Phật, khâm chuộng Sa-môn, kính tín Đại thừa, vâng theo Mật giáo, thấy hai bộ Luật sớ truyền trao, mỗi bộ tự chuyên môn, học giả đông đúc như rừng, chấp chặt kiến giải khác nhau, đã mấy lần nổi lên tranh luận. Thánh từ nghĩ thương muốn dứt cội gốc đó, khiến như nước với sữa không trái mà chỉ một vị hòa hợp".

Bấy giờ, vua Đại Tông sai Nội Cấp Sứ Sự Lý Hiến Thành tuyên cáo sắc chiếu câu đương các chùa ở kinh thành, Công Đức Sứ Trấn Quân Đại Tướng Quân Lưu Sùng Huấn tuyên cáo sắc chiếu rằng: "Các bản Tân sớ, Cựu sớ của Luật Tứ Phần, nên ban sắc lệnh các Đại đức Như Tịnh v.v... lâm đàn, đến luật viện tại chùa An Quốc đều cùng định thành một bản sớ để truyền bá. Mười bốn vị Đại Đức ở Lưỡng Nhai lâm đàn đều nhóm họp tại chùa An Quốc, sai Trung Quan Triệu Phụng thuyên sắc Thượng thực cục sách lo trai thực 1260 vị, và quả thật bày

một việc trai chúc, như trên mà ứng phó". Tức ở chùa An Quốc cúng dường mười bốn vị tăng như Tuệ Triệt, Như Tịnh v.v... và dâng cúng trai thực sung suốt chín mươi ngày, dùng hai mươi lăm... phần giấy bút mực. Sung các Đại Đức Như Tịnh v.v... đều định dụng Luật sớ, kiêm hỏi các Đại Đức mỗi vị có được khỏe chăng? Lại ban sắc Tam cương chùa An Quốc đều định Luật sớ viện, tất cả Tăng tục đều không được vào. Nếu ai trái phạm thì ghi tên tấu trình lại v.v...

Bấy giờ, các ngài Đàm Thúy ở chùa Thiên Trường, Sùng Duệ ở chùa Tịnh Trú, Đạo Thúy, Hưng Thử ở chùa Tây Minh, Bảo ý, Thần Lãng, Trí Chiêu, Siêu Sài ở Bổn tự (chùa An Quốc), Siệu Chứng ở chùa Sùng Phước, Như Tịnh ở chùa Tiến Phước, Duy Các ở chùa Thanh Long, Hy Chiếu ở chùa Chương Tín, Huệ Triệt, Viên Chiếu ở chùa Bảo Thọ cùng dâng biểu tạ. Vua Đại Tông lại ban chiếu đáp rằng: "Các sư v.v.. trọng đạo y kinh, công vượt tự giác, vâng thừa ý chỉ sâu kín của Tuyết Cung, làm gió mát nơi nhà lửa, Luật Tứ Phần nghi, then chốt của Tam thừa, phải quy kết tổng hội, dứt hẳn nhiều môn. Một nước mà ba vua, ai chịu lỗi quấy. Sơ cơ mờ mịt mê lại nhiều lỗi, bèn ban Hữu ti hèn mọn cung cấp tư phí, lao phiền bút tước, đợi thấy vừa thành. Có sự cảm tạ phải biết". Hôm ấy, phẩm quan Dương Sùng Nhất tuyên cáo sắc chiếu ban Tam cương hai chùa Tiến Phước và Ôn Quốc, kiểm hiệu tăng ở viện Tịnh Độ v.v... trang nghiêm đạo tràng, cho phép chư tăng hành đạo, mời năm mươi bốn vị bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng nay (có lẽ trong năm 778?) tụng kinh lễ Phật, sáu thời hành đạo cho đến ngày mồng 1 tháng 2 năm sau thì bãi tán. Ở đó lo việc trai thực, liệu toan mỗi việc như trên. Ban sở ty cầu cúng, nên mỗi người tự kính thành, thăm hỏi các sư có khỏe chăng v.v... đến lúc giải đạo tràng, Trung Quan Lý Hiến Thành tuyên cáo sắc chiếu ban các Đại Đức Lâm đàn ở chùa Ôn Quốc chuyển niệm tụng đạo tràng Luật Tứ Phần rằng: "Ba học trong cửa Phật dùng tâm ấn truyền nhau, Đạo Bồ-đề vô thượng lấy giới pháp làm căn bản. Ngày Đạo tràng hoàn mãn, tất cả đều nên đến chùa An Quốc để Khải Định Luật sớ mười quyển mà truyền bá".

Đến ngày mồng 8 tháng 2 niên hiệu Đại Lịch thứ 14 (779), vua Đại Tông lại ban chiếu kiểm hiệu đạo tràng, các Đại Đức Đàm Thúy; Phi Tích v.v... Đạo tràng định lấy mười ngày thì bãi tán. Thiết trai bên ngoài ban tặng gấm lụa. Mười bốn vị Luật Sư đó đều đến chùa An Quốc sửa chữa luật sớ, trình trì phẩm dụng đều được thích nghi. Đại chúng suy cử ngài Như Tịnh, Tuệ Triệt đồng cầm bút nhuận sắc, ngài Viên Chiếu ghi chép. Phần chánh tự do ngài Bảo Ý biên tập văn và kiểm định, ngài

Siêu Sài ghi chép. Ngoài ra, từ ngài Sùng Duệ trở xuống gồm chín vị cùng chứng nghĩa. Các Ngài cùng bàn luận thiên đề rằng: "sắc ban thiêm định Tứ Phần Luật sớ quyển thứ nhất, các Đại Đức Lâm Đàn ở kinh thành, chúng tôi v.v... vâng sắc mà an định, lấy đây làm đề". Do Sư (Viên Chiếu) xướng đầu, còn lại các vị ấy hòa theo. Thời gian đó, quyết nghĩa chẳng dài như người làm ruộng cắt cỏ, nghĩa đó hợp lý, vẫn còn giống như khách ra biển nhặt châu. Có thể gọi tên là "Giải Tỳ-ni chẳng xem mặt khác". Bỗng chốc, vua Đức Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Trung (780). Đến tháng 5 năm đó, bản thảo luật sớ được soạn xong. Qua ngày rằm tháng 6, vua Đức Tông ban sắc cho Sư y cứ Quốc tử Học Đại Lịch Tân định tự dạng sao tả tiến bản. Đến ngày 12 tháng 12, đưa sang Từ Bộ tiến Tân Thiêm định sớ mười quyển. Bèn xin hai bản Tân sớ, Cựu sớ đều được truyền bá, vì được người theo học ưa thích. Vua Đức Tông ban sắc chuẩn định.

Ngài chuyên công việc sưu tập nghiên tầm, biên soạn các bộ như "Đại Đường An Quốc Tự Lợi Thiệp Pháp Sư Truyện" mười quyển. "Tập Cảnh Vân Tiên Thiên Khai Nguyên Thiên Bảo Cáo Chế" ba quyển. "Túc Tông, Đại Tông Chế Chỉ Bi biểu tập" cộng chung hai quyển. "Bất Không Tam Tạng Bi biểu tập" 3 quyển. "Lưỡng Tự Thượng Tọa Thừa Như tập" ba quyển. "Thiêm Định Luật Sớ Nhất Hạnh Chế biểu tập" ba quyển. "Bát Nhã Tam Tạng Tục Cổ Kim Phiên dịch Đồ kỷ" ba quyển. "Đại thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật-đa kinh Âm nghĩa" hai quyển. "Tam giáo Pháp Vương Tồn một Niên Đại bổn ký" ba quyển (trong đó, quyển thượng nói về Phật giáo, quyển trung nói về Đạo giáo, quyển hạ nói về Nho giáo). "Phiên kinh Đại Đức Hàn Lâm Đãi Chiếu Quan Trạch Tự Lợi ngôn tập" hai quyển. "Tái Tu Thích-ca Phật pháp Vương Bổn ký" một quyển. "Phật hiện Bát tướng thân lợi ích Nhân Thiên Thành Chánh Giác ký một quyển". "Phán Phương Đẳng Đạo Tràng Dục Thọ Cận Viên Sa-di Sám hối Diệt tội Biện thụy tướng ký" một quyển, "Ngũ Bộ Luật Phiên dịch Niên Đại truyền thọ Nhân ký" một quyển. "Trang Nghiêm Tự Phật Nha Bảo Tháp Ký" ba quyển. "Vô Ưu Vương Tự Phật Tốt Tháp Ký" ba quyển. "Truyền pháp Tam học Đại Đức Bi ký tập" mười lăm quyển. "Kiến Trung, Hưng Nguyên, Trinh Nguyên Chế Chỉ Thích môn biểu Tấu ký" hai quyển. "Ngự Đề Chương Tín tự Thái tử Bách Liêu Phụng hòa tập" ba quyển. "Trinh Nguyên tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục" ba quyển. Sư tự soạn lời tựa rằng "Kính vì: từ năm Canh ngọ (730) tức niên hiệu Khai Nguyên thứ 18, Sa-môn Thích Trí Thăng tu soạn Thích Giáo Lục, đến năm Giáp tuất (794), trong thời gian

sáu mươi lăm năm, các vị Tam Tạng Pháp sư phiên dịch kinh Tạng, đều chưa thâu quản. Sợ niên đại cách biệt xa người, nghi là Ngụy kinh. Lại nữa, trong niên hiệu Đại Lịch thứ 7 (772) Tiên Thánh (vua Đại Tông) cho phép biên nhập. Nay chế văn hiện vẫn còn". Khi đó, vua Đức Tông ban sắc nên y cứ. Đến nay ở giang biểu phần nhiều biên tập kinh nầy từ trong kinh ấy mà thi dụng.

Sư (Viên Chiếu) đối với Luật Đạo rất có công. Là bậc tài giỏi suốt hai đời vua Đại Tông (763-780), Thức tông (780-805). Sư trải qua nhiều đời vua ứng phụng ban tặng ý tía sung Lâm Đàn Lưỡng Nhai thập vọng Đại Đức Nội cúng Phụng kiểm hiệu Hồng Lô Thiếu Khanh. Phong tặng lộc thực trăm hộ. Sau Sư thị tịch tại Bổn viện, thọ tám mươi hai tuổi, năm mươi tám hạ lạp v.v...

Liên quan từ bàn:

Hai Tông San, Chánh, hội quy nhất kiến, ngõ hầu biết có định phận để chẳng rong ruổi tìm cầu. Cớ sao các Ngài lại xin truyền bá cả hai, chẳng chiêu cảm ư? Thông đáp: Sư nêu bày chính là điều Nguyên Tải thỉnh cầu, vua Đức Tông bèn nói: cứu xét về nguyên nhân đầu tiên thì là Tân Sớ, hiệp lực suy tôn tướng bộ, chỉ còn mình ta chuyên làm lợi ích cho người. Cũng như Kỷ Xương bỗng gặp phi vệ đều do Tiễn thuật mà thành. Ta là Tài Quan Ngự Đại lộ mà phế bỏ chùy luân, được phát sanh lửa mà đốt củi mẹ. Trộm suy lường các Đại Đức do chút tức giận bất bình, nên tấu trình xin truyền bá cả hai, đồng chẳng thiêm định thì đâu khác gì trên con mắt lại sanh thêm mắt nữa? Chẳng thành chữ Y ba điểm, phải tiếng sau biết âm mới nghiệm một là đủ. Vì bác bỏ ba bản của luật sư Pháp Lệ mà sanh, xưa có bốn nhà xuất xứ từ Nam Sơn. Lại như cuối thời Đông Hán. Chỉ diệt một Bạt Hỗ mà sanh ra bốn thần mạnh, ban đầu chỉ chính xuất sanh ra một môn mà cuối cùng bảo là hối lộ để trở về bốn quý. Nếu vậy thì cặp đôi ngón tay cái bị ứ máu, tuy rất vô dụng, thế nên ta khéo dùng nhiều. Kinh Đại Tập chép: "Các thứ kiến giải như thế chẳng phòng ngại pháp giới và Niết-bàn của các Đức Phật. Nương tựa đó mà tu hành đều được giải thoát". Đó là sự thông hiểu rộng lớn của thông phương.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 15 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 16

CHƯƠNG IV: MINH LUẬT

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG IV

(chánh truyện có mười chín vị, phụ có hai vị).

1. Truyện ngài Biện Tài trụ chùa Long Hưng ở Sóc Phương, thời Tiền Đường:

Thích Biện Tài, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Mẹ Sư lúc mang thai Sư, chợt chán ghét các chất tanh huyết cay nồng, thầm lặng ăn một bữa đạm bạc trọn ngày mà thôi, đến lúc sanh ra Sư, có mùi thơm lạ xông khắp phòng, thân tộc bà con đều lấy làm lạ.

Năm bảy tuổi, Sư đến nương tựa Thiền Sư Tịnh ở núi Hiện xin xuất gia. Đến lúc lớn lên, Sư có trí nhớ dai, mỗi ruỗi lúc thọ học kinh pháp thì lấy thân làm kỳ hạn. Chữ không hỏi lại, nghĩa chẳng nghĩ lại, thầy Sư rất quý mến. Năm mười sáu tuổi, Sư xuống tóc và thuộc danh ở chùa Đại Vân trong Bổn Châu. Kế đến, Sư vân du khắp quận, đến các danh sơn, tới chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, cầu thọ giới cụ túc. Nghe có Luật Sư Hoài Uy trụ chùa An Quốc ở Trường An, Luật sư Nghĩa Ban ở chùa Báo Ân, có các pháp môn, Sư đều đến chiêm lễ, thầy trò biểu suốt, Sư bèn phục ứng thỉnh nghiệp, có điều gì nghi thì giải quyết cho dứt, không nghĩa nào chẳng thông, cho nên hai tông, đều suy tôn Sư là Thượng thủ.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ 14 (756), vua Huyền Tông cho rằng người ở phương Bắc bẩm chất cứng cỏi, có lắm phong tục sai lầm, xếp vào nghề sát hại, ngoài ra chuyên tập cưỡi ngựa bắn cung, không cách gì sửa đổi. Biết làm sao để chấm dứt, bèn ban chiếu mời Sư đến đó giáo giới, lâm đàn độ người. Đến đầu niên hiệu Chí Đức (756), khi vua Túc Tông lên ngôi, tại bang vực đó có Tể Thần Đỗ Hồng Tiệm tấu trình thỉnh Sự trụ chùa Long Hưng. Vua Túc Tông lại ban chiếu cho Sư kiêm

thêm quản định các vị Đại đức giáo thọ nội điển ở Sóc Phương giúp họ cố gắng dạy dỗ, đổi bỏ phong tục mọi rợ Thiêm Duẫn. Theo Đạo Tỳ-ni, vua lại ban lệnh vì nước nhà mà thiết lập đạo tràng Pháp Hoa, đến lúc lên giá trở về đã đến lưỡng kinh, triều đình nhiều lần ban ấn thư, đến cuối cùng rất lưu tâm Đại thừa Đốn giáo. Đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ 2 (766) Tặc Thần bộc cố Hoài ân, ngoài thì chiêu dụ Phiên nhung, trong thì gắng hỏi kim cách, Sư bèn khuyên răn Tuyệt Cầu chớ giết hại Hoa tộc. Đến niên hiệu Đại lịch thứ 3 (768) suy cử nhập vào các Đại đức chùa Chương Tín. Bấy giờ, phủ soái nước Quắc là Thường Công vốn kính mến danh Sư, cùng họ Nhung Nhậm công luôn gần gũi luận Đạo.

Mùa Đông niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), Sư thị hiện bị bệnh nhẹ. Đến ngày mồng 8 tháng 12, Sư răn dạy môn nhân đồ chúng rồi, an tọa trên giường dây, an nhiên mà thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi. Qua đến tháng 2 năm sau, mới nghinh thần đến góc Tây bắc trong nội tự.

Trước đó, có Ấp tử Thạch Ngung làm lính ở trên thành. Đêm đó mọi người nghe có tiếng Đàn sáo từ phía Tây vọng lại, đó là nhạc trời, mùi thơm lạ từ hư không tỏa xuống, là điềm sanh về Tịnh Độ. Sư từ Trường An mà vụt chốc đến Tái Thượng, đã được sự tri ngộ của Quắc Công, tạo dựng phước nghiệp thành Tinh Xá ấy, đó đều do sự đôn đốc khuyên răn của Sư. Vua Đại Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Năng Giác Đại Sư" và thưởng ban một chiếu y tía. Thanh danh Sư vang xa ra Tái ngoại. Vào niên hiệu Thiên Phục (901-904), Túc úy Bình Vương đảm nhiệm việc làm văn bia, khen ngợi đức hạnh của Sư v.v...

2. Truyện ngài Đạo Trừng trụ chùa Chương Tín ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Trừng, họ Lương, người ở xứ Kinh Triệu. Cha của Sư từng là Trung thư xá nhân. Sư vừa mới sanh đã biểu lộ sự kỳ đặc, chán ghét mọi vật tanh nồng. Khi được xuất gia như là quay về, chẳng đoái hoài luyến tiếc, bỗng gặp được vị Thiền tăng đưa tay xoa đầu và đặt cho tên Đạo Trừng. Bình bát, tích trượng thường mang theo bên mình, thầm hợp luật phép, gọi Sư là "Luật Sa-di".

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học Luật Nam sơn ở các học xứ, thấy các nơi ấy có chút khiếm khuyết, mà tánh Sư thì suất lược nên chẳng thường ở một chùa. Hoặc là Phụng Ân, Trang Nghiêm, Thảo Đường v.v... các chùa, nơi Sư đến bèn ở lấy Hộ sanh làm chính. Niên hiệu Kiến Trung thứ 2 (781), Sư kiết hạ tại núi Vân Hương, có hổ đến gầm thét vào cửa, Sư từ từ nói dạy răn nó, hổ ấy bèn vẫy đuôi cụp tai mà lui. Khi

Sư dời đến trụ chùa Chương Tín, có người hỏi nguyên nhân. Sư bảo: "Người xuất gia đâu để dính mắc ở một nơi? Tại Tây Vực ba mùa phân chia phòng, để không bị tham trước, Quán môn dễ lập. Nếu chẳng thế thì đâu thể thông phương rộng thứ ư?

Ngày mồng 8 tháng 2 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), vua Đức Tông đến chùa cầu thọ giới Bồ-tát, Kinh Điện Khuynh Chiêm thiết trai rất lớn. Sư thọ nhận mọi vật rồi trở lại ban thí ở hai ruộng phước. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 5 (789), vua Đức Tông lại đến chùa Chương Tín, hỏi Sư về pháp môn tu tâm. Và ban lệnh cho phi chúa Tần ngự cầu thọ giới Bồ-tát. Đến tháng 4 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16 (800) vua Đức Tông ban tặng Sư hiệu là "Đại Viên". Tới ngày 18 tháng 9 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 18 (802), Sư thị tịch tại chùa Chương Tín.

3. Truyện ngài Thanh Triệt trụ chùa Long Hưng ở Chung Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Thanh Triệt, chưa rõ Sư là người xứ nào, Sư chu du khắp các pháp tịch giảng luật, thầm giữ gìn căn môn, tức không thường ở một vị thầy nào, chỉ nương tựa vào pháp lành mà thôi.

Ban đầu, Sư ở chỗ luật sư Đạo Hằng trong bắc viện chùa Khai Nguyên thuộc Ngô Uyển, gần gũi then chốt sâu mầu bao gồm lý trí, mà Chung Hoa Vọng, đều suy tôn khen ngợi. Trong niên hiệu Quý Tỵ (813) tức niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 thời vua Hiến Tông, ngài y theo chí nguyện soạn "ký" hai mươi quyển, cũng nhóm họp các nhà có các thuyết chính yếu đích đáng để giải Nam Sơn luật sao, đặt hiệu là "Tập Nghĩa", hoặc gọi là "Hậu Đường", mãi đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815) mới xong. Nay, các bậc giảng sĩ ở Dự Chương, Võ Xương, Tấn Lăng phần nhiều thực hành theo nghĩa đó. Từng xem bộ ký" đó rất nhiều rộng, không rõ về sau, Sư thị tịch ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Ngôn hạnh của Sư không là quá đơn giản ư? Thông đáp: Rông hay lược có chứng cứ gọi là "thực lục". Ngày xưa, Thái Sử Công có thể chẳng muốn thế sự rộng đến ba hay năm đời ư? Vì trước đời Đường, Ngu các nhà làm sử chuyên thuần sơ lược. Đời sau làm sao ghi được. Nay chẳng toại Phú Đam Chức do đó. Lại cũng chẳng lai phó cáo chẳng ghi đồng. Nên các nơi có sự rộng lược chẳng đều, phải bỏ sự chê trách ấy.

4. Truyện ngài Thượng Hằng trụ chùa Cảnh Vân ở Phủ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thượng Hằng, họ Nhiêu, người ở xứ Nam Thành, thuộc Lâm Xuyên. Thuở nhỏ Sư đã có sự hiểu biết, đến năm phát tâm học thì phát tâm bỏ tục. Sư theo mẹ đến chốn không môn xin nhiếp thọ. Thầy dạy tụng đọc kinh sách Phật mỗi ngày đến ngàn lời. Đến tuổi tráng niên, Sư theo Đại sư Đại Tịch ở Nam Nhạc mà xin thọ giới và nghe học tinh cần vượt mọi gian khổ, khó nhọc.

Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), Sư chẳng xa bỏ làng nước của cha mẹ, xin được thuộc danh ở chùa Cảnh Vân, Ngài tu tập không khuyết sót, chỉ thấm thoát năm đầu mà bộ “Nam sơn sự sao” Sư đã giảng suốt rất chuyên. Đến đầu niên hiệu Trinh nguyên (785), Sư dời đến trụ chùa Long Hưng ở Dự Chương, cùng đi với Ngài Pháp Chân ở Lô Phụ, Linh Hựu ở Thiên Thai, Pháp Duệ ở Kinh Môn, Thần Thấu ở Hưng Quả, Tuệ Tấn ở Kiến Xương. Như Huân Trì hợp vận, nước sữa giúp nhau, pháp giao Vương Thần, nên Sư cùng Khương Tướng Quốc Công Phủ Ngạn, Lỗ Công Chân Khanh Dương Phùng Vị Đan, bốn người kết bạn lành, làm lành cấm phòng nên Sư giảng Luật Tứ Phần mà hạng người làm lành bỏ ác đông không xiết kể. Sư ngồi Đàn Cam Lồ trong hai mươi năm có mười tám hội, cứu vớt chúng sanh. Các hàng nam nữ được Sư độ ở Diệm-phù Đông Chấn có tới một muôn năm ngàn người.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815), Sư bị bịnh nhẹ, đến ngày Kỷ Hợi tháng 10, Ngài thị tịch tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, đón rước toàn thân về an táng trong Thạch Phần ở Nam Cương, Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, qua năm mươi lăm mùa hạ an cư. Các hàng môn nhân v.v... trồng Tùng Bách. Bạch Cư Dị ở Thái Nguyên soạn bài minh ở tháp thờ Sư.

5. Truyện ngài Tuệ Lâm trụ chùa Vĩnh Phước ở Tiền Đường, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Lâm, tự là Bảo Ngọc, họ Kha, người ở xứ Tân An. Đến tuổi tết tóc, Sư tới thọ nghiệp ở Linh Ẩn thuộc Tây Phong, làm đệ tử Hòa-thượng Kim. Các pháp yếu được trao truyền, Sư không hề hỏi lại.

Đầu niên hiệu Đại Lịch (766), Sư thọ giới cụ túc tại Hội Linh Sơn. Tu học Tam giáo, mỗi điều đều lãnh hội không để sót, Ngài chẳng ham danh hoa, chỉ ưa thích suối đá. Có lần vào Thiên Nhãn hơn hai mươi năm; Thiên nhãn tức là Thiên mục, núi đó cao ba ngàn trượng, chu vi rộng ba trăm dặm, xấp xỉ như Thiên Trụ, Lô Phụ v.v... trên núi có hai cái hồ gọi là Tả Hữu mục. Leo lên núi ấy gian nan hiểm trở qua mấy ngày mới tới đỉnh. Trên đỉnh có nhiều Giao long, có 3 cái ao đầm. Cái ao hồ cao nhất người không thể đến gần được, mùi thối bay ngược nên

người không thể đến gần lâu. Có thuyết nói là thần núi hiện hình con nai trắng, hằng năm vào tháng 5 tụ hội với rồng, chắc chắn là có mưa bão dữ dội. Ngài ở đó quản lãnh nhiều yêu dị mà tâm không bị nhiễu loạn.

Đến năm Đinh hợi (807) thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, Thái thú Lễ Bộ Viên Ngoại Thành Nam xã tìm vượt lên đó thỉnh ra đăng đàn ở chùa Vĩnh Phước. Đến mùa xuân năm Kỷ sửu (809) Thứ sử Binh Bộ Lang Trung Bùi Thường Lệ mời Sư lâm đàn tại chùa Thiên Trúc. Độ người xong, Sư trở lại chùa, giảng dạy Đồ chúng suốt hai mươi năm. Quận thú Tả Tỳ Lang Trung Lục Tắc, Hình Bộ Thị Lang Dương Bằng, Cấp Sự Trung Lộ Nguyên Phụ, Trung Thư Xá Nhân Bạch Cư Dị, Thái Phủ Khanh Lý Ấu Công, Hình Bộ Lang Trung Thôi Thiện, Hình Bộ Lang Trung Lộ Dị, Tương Kế Cửu Bang Bá đều đến viện kính lễ Sư, cúi đầu thưa hỏi Tông ý Phật pháp, nhiễm chỉ Tánh tướng. Các bậc danh công ấy đều thuộc hàng thượng lưu, từ học cao độ. Hoặc hiệu là “Tỳ-đàm Khổng Tử” hoặc hiệu là “Thắng lực Bồ-tát”. Nếu chẳng phải Sư thì ai có thể cảm động ư?

Đến ngày 25 tháng 4 niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (832), Ngài thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi bốn hạ lạp. Tới ngày 12 tháng 5 mới an táng tại phía trái gò mã não, tức phía Nam của núi, là phía Tây của chùa Vĩnh An ngày nay. Tháp đá vẫn nghiễm nhiên hiện còn.

6. Truyện ngài Tấu trụ chùa Hưng Quả ở Giang Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Tấu, họ Thành, người ở xứ Lam Điền, thuộc Kinh Triệu. Vừa mới sanh mà Sư đã lanh lợi khác thường, đến tuổi tết tóc thì phát tấm xuất trần, xa kính mến giới luật, nên Sư đến Nam Nhạc, cầu Đại Sư Hy Tháo xin thọ giới cụ túc. Sư lại đến tham yết thiền sư Đại Tịch ở Chung Lăng, nhưng mục đích là muốn học Kinh Lăng-nghiêm, hạnh ở Luật Tứ Phần. Ngoài ra đối với các giáo nghĩa thì thừa sức thông hiểu.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), vua Đại Tông ban chế treo ba khoa kinh Luật luận, để thi chọn người xuất gia trong nước, ai trúng được Đẳng mới được độ. Sư ứng trúng kỳ tuyển chọn đó, vua bèn ban chiếu phối danh vào tinh xá Hưng Quả ở Cửu giang. Sau, theo sự trông mong của chư tăng nên Sư dời đến trụ chùa Đông Lâm, tức đạo tràng xưa của Giả Viễn ở Nhạn môn. Có Giới Đàn Cam Lồ tại ao Bạch Liên. Sư ở đó tiếp nối chấn hưng Phật sự, tuy kinh luận giúp thần, nhưng Sư trọn nghiên cứu luật thành chuyên. Sư suy yếu gầy ốm, trông rõ nét rã

rời, môn nhân ở trong châu quận cùng nhau lo liệu thuốc thang nhưng Sư chẳng mong dâng thuốc đến.

Đến tháng 9 niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (817), Sư bị bệnh, tới ngày 26, Ngài an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Qua ngày 19 tháng 10, môn nhân đón rước toàn thân Sư an táng chung ở phía trái phần mộ Nhạn môn, tại phía Bắc Đường thuộc hướng Tây của chùa Như Tăng Thuyên an táng gần mộ của Quách văn. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi mốt hạ lạp.

Sư dùng tâm tinh tấn mà quay bánh xe không lui sụt, dùng năng lực mạnh mẽ mà đánh trống vô úy. Nên đăng đàn Bỉnh pháp suốt ba mươi năm mà chỉ ăn một Bát, chỉ ngủ một giường, áo chằm dây gai, ngồi trên rơm cỏ. Do đó, Đàn thí đem đến dâng cúng Sư đều đưa vào của vô tận của thường trụ và sử dụng chung với chúng tăng. Thường đêm, Sư bưng lò cầm đuốc lễ Phật hành đạo, theo 12 giờ khắc ít có khi thiếu sót. Như vậy, trải qua bốn mươi lăm năm. Lúc Sư sống thường gặp Bạch nhạc thiên làm phép tắc, giờ ngọ đến quận cùng thân thiện, lúc Sư thị tịch thì buồn thương điếu viếng làm bài minh ở tháp thờ Sư rằng:

"Vốn kết Bồ-đề thờ hương hỏa
Cùng hiềm phiền não sấm bạt thân
Chẳng phải buồn phiền theo thầy bỏ (Đi)
Trước thỉnh Tây phương làm chủ nhân".

7. Truyện ngài Tuệ Linh trụ chùa Thánh Thọ ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Linh, không rõ Sư là người xứ nào. Từ thuở nhỏ, Sư đã thoát duyên trần, siêng năng theo học tụng tập, đến lúc ứng pháp giới phẩm mới tròn đầy, tâm ý Sư bén nhạy đối với tỳ-ni, nghiên cứu sâu trì phạm, dùng hạnh giúp giải, tâm miệng hợp nhau. Do đó mà Sư giảng dạy danh vọng hợp như, mọi người đều kính sợ như thần minh.

Niên hiệu Đại trung thứ 7 (853), vua Tuyên Tông đến chùa Trang Nghiêm, đảnh lễ răng Phật. Bước lên Đại tháp, vua Tuyên Tông hỏi Sư về tuổi tác và ban tặng cho Sư y tía. Tháng 6 năm đó, vua ban sắc bổ nhậm Sư làm Thượng tọa ở chùa mới. Vua Tuyên Tông trông về phía Tây bắc của chùa mà phế bỏ chùa Tổng trì, bèn ban sắc chiếu rằng: "Trẫm nhân lúc rảnh việc triều chính nên đến chùa Trang Nghiêm thưởng cảnh. Chùa đó lắm điện nhiều hành lang, rui liền với đòn tay, phòng tối nhà kín sâu thẩm sơ thông, trúc dày thông biếc rũ che, vén khéo đẹp xinh. Người đi lạc lối. Đó là cung trời trong nước, cao sáng ít nơi đâu sánh

bằng. Đang lúc xây dựng, vì hồ Côn Minh ở phía Tây kinh thành thế nhỏ xuống, mới xây tháp bằng cây gỗ cao ba trăm thước. Đang lúc phiên để, đi đến ngôi già-lam đó thấy được sự tốt đẹp ấy. Chùa Tổng Trì đó lập nên quy chế vào khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617, đời Tùy) cũng đồng thời với chùa Trang Nghiêm. Nay, tôn tượng thì bị hủy hoại, cỏ cây phủ hoang, Hương kinh Vũ xâm hiện còn nền móng. Chùa đó nên hứa thuận xây dựng lại để xứng với lòng ta". Ngày 11 tháng 3, vua ban lệnh Thủ tọa Tam giáo Biện Chương Câu đứng ra sửa chùa. Đến lúc công thợ xong, suy tôn Sư làm cương nhậm. Sắc tử Duệ Xuyên ở chùa Sùng Thánh sung làm Tự chủ, Đại Đức Lâm Đàn chùa Phước Thọ là Huyền Sướng được sung làm Đô Duy-Na. Ngài đảm nhiệm chức ở chùa, Tăng chúng đều thanh tịnh thuần hòa, vua Tuyên Tông rất khâm phục kính trọng, trong chùa thường dâng cúng mật hoa lê, mầu trắng, mùi vị hơn sáp thường. Sư thị tịch ở tại chùa mới.

Nghiên tầm về hành trạng của Sư thì Sư có tham dự việc phiên dịch, chứng nghĩa trong khoảng niên hiệu Vĩnh Thái (765-766) dưới thời vua Đại Tông, cho nên có khả năng Sư thọ ngoài trăm tuổi. Như chẳng thấy Bất Không Lương Phần, cho nên tuổi tác, hạ lạp không thể biết được.

8. Truyện ngài Thường Đạt trụ chùa Phá Sơn ở Quận Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Thường Đạt, tự là Văn Cử, họ Cố, người ở xứ Hải Ngung, Ngài phát tích từ núi Đại Phước ở Hà Dương, đến tham học tại chùa Gia Thắng ở Giang Hoài. Sư bản tánh trung hòa, giữ trọn giới pháp, chuyên giảng luật sao của Nam sơn. Sau cầu các Kinh Niết-bàn, Viên âm, Pháp Hoa, Chỉ Quán. Sư lại thông cả sách Âm phù, trăm nhà Hiền triết, ngoài ra học hết phân thời, bút tích của hai vua. Sư lại du phương tham yết thiền pháp đến chỗ tông cực.

Khi gặp nạn vua Võ Tông phá hủy Phật pháp, Sư than rằng: "Ta sanh không phải thời, chẳng tự sau ta!" Từ đó, Sư trầm mặc ẩn náu chốn núi rừng, lánh đời mà không buồn phiền. Đến lúc vua Tuyên Tông dựng lại cờ Pháp, trùng hưng tinh xá, dân chúng khắp nơi đều được Sư giáo hóa dẫn dắt. Nên Thái úy Vi Thự càng thêm sùng kính tôn trọng. Thân Sư chẳng mặc áo bông tơ thêu thùa, thất chỉ lợp bằng tranh cỏ. Bốn chúng biết nên quy hướng, các phương kính mến phong hóa, Sư trắng sạch tợ như hạc cò.

Niên hiệu Hàm Thông thứ 12 (871), khắp thành quách Tăng chúng

cầu thỉnh Sư tiếp tục vì bốn chúng mà dạy răn. Sư hoặc có thú thung dung như mục đồng, có lúc tiếu ngạo ngoài ven bể. Chẳng ra khỏi ven rừng suốt trong mấy năm. Tuy các hàng quý sĩ đơn xe đến cửa, Sư cũng chẳng màng, chẳng thấy trong lời thơ thất ngôn ngũ ngôn, dùng theo thể của Nguyên Hòa. Sư có soạn "Thanh Sơn Lý đạo" truyền bá qua miệng mọi người". Bỗng vào lúc sáng sớm ngày tự tứ, nhóm chúng trước mái hiên, chấp tay bày tỏ giã biệt, lời lẽ rất cứng rắn. Rồi bị bệnh chẳng dậy, tuyệt thực bảy ngày mà thị tịch. Lúc đó là ngày 16 tháng 9 niên hiệu Hàm Thông thứ 15 (874). Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi mốt hạ lạp.

Môn nhân đệ tử là Hội Thanh, truyền lang đón rước linh cửu an táng ở phía Đông nam chùa, cách ba trăm bộ. Năm sau, xây tháp nơi phần mộ. Dĩnh Xuyên Trần Ngôn soạn bài minh ở tháp thờ, Ấp Đại Phu Nhữ Nam Chu Tư Tập làm Đàn Tín. Đến niên hiệu Càn Phù thứ 4 (877) mới lập bia.

9. Truyện ngài Đan Phủ trụ chùa Khai Nguyên ở Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đan Phủ, không rõ Sư là người xứ nào. Tánh thường kính đạt, nói năng thẳng thắng, ân cần giảng dạy, giữ gìn nhã chánh. Phong thổ ở Cối Kê, khuôn phép ở Uyên phủ. Sư xướng đạo, mọi người vâng theo, như kim vàng đến nam châm.

Sư vốn tập học nơi pháp tập của Luật sư Tuyên Văn, ngài Tuyên Văn là đệ tử tùng hạ với ngài Tĩnh Cung, như vậy, ngài (Đan phủ) tức là pháp tôn của ngài Tỉnh Cung. Sư thuận theo chánh mạng chương cán, thông suốt sâu mầu, vượt sau từ ngài Đàm Nhất, Huyền Nghiễm, ít ai có thể tìm được dấu vết. Thanh trần đối với Sư xa vời bày trước, nhưng bấy giờ có ngài Doãn Văn là một bậc tượng thủ tướng bộ phong hành. Sư phân ranh Đại luật, khi hành sự thì như cỏ bị đè sát theo gió.

Cuối niên hiệu Hàm Thông (874), Sư nêu ra môn sanh Trí Chương v.v... truyền giảng. Đến nay người nối tiếp dòng pháp của Sư hiệu còn. Có nghe rằng Sư có soạn "Thủ ký", nhưng tìm mà chưa gặp. Ôi! Thật tiếc thay!

10. Truyện ngài Pháp Tướng trụ chùa Linh Quang ở Gia Hòa, thuộc Ngô Quận, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Tướng, họ Du, người xứ Trường Thủy, thuộc Quận Ngô. Sư ra đời vào khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756). Thuở bé, Sư

rất khác lạ. Năm bảy tuổi, Ngài tìm đến thầy, cầu thọ học kinh pháp, chỉ mới một tháng mà Sư thông suốt toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Đến tuổi hai mươi, Ngài sang chùa An Quốc ở Trường An cầu thọ giới cụ túc, tức trong khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780).

Sau đó, Sư bèn đến Thượng Kinh, tập học Đạo Tỳ-ni. Với mọi sự đồng dị của các bộ, Sư thảy đều thấu suốt, trải qua mười một năm, Ngài chứa nhóm thành Đạo Nghiệp. Sư trở về phương Đông truyền pháp. Người đến cầu học rất đông. Thái thú Ngô Quận tấu trình xin lập giới đàn ở chùa Khai Nguyên, tuyển chọn thỉnh Sư lâm đàn, tầm sung y chỉ, cả chúng cùng suy tôn Sư làm cương quản chùa. Sư thường trao thí quy giới cho hai chúng. Sư thực hành đeo đãy lọc, bát chẳng chứa dư, từng có con chim đến đậu bên cạnh tòa, đuổi cũng chẳng đi.

Vào giờ ngọ khắc thứ 3, ngày mồng 10 tháng 2 niên hiệu Hội Xương thứ nhất (841), Sư bảo các đệ tử Thanh Tuấn, Thanh Cao rằng: “Ta sắp tịch!” Rồi an nhiên xếp chân nằm nghiêng phía hữu mà thị tịch. Lúc đó, cả chúng đều nghe có tiếng Đàn sáo lảnh lót, đó là nhạc trời, và đêm đó, thấy được ánh sáng lạ thường. Sư thọ tám mươi chín tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp. Tới tháng 4 mới đón rước nhập tháp ở gò Tô Hương. Đó là ngôi tháp trắng vậy.

Sau, đệ tử Sư đúc suất Nghĩa Châu thứ sử Tào Tín, Đại Lý Ty Trực Ngô Phương sửa sang lại tháp. Khi quật khởi thấy di cốt Sư mầu như Đồng, chiếc lưỡi không rã, dường như hoa sen, răng nguyên vẹn bốn mươi hai cái, bèn dùng nước thơm tắm gội rồi an táng lại. Lúc đó là ngày 22 tháng 5 năm Quý sửu (893) tức niên hiệu Cảnh Phúc thứ 2. Sư có người đệ tử giỏi là Công Tĩnh, ngài Công Tĩnh có đệ tử là Hành Uẩn, ngài Hành Uẩn có đệ tử là Nhân Biểu, ngài Nhân Biểu có đệ tử là Huyền Cảo, ngài Huyền Cảo vốn là vị tăng thanh bạch, cùng ngài Hồng Khải sửa sang lại chùa Linh Quang sau khi bị binh giặc phá hủy. Sau, ngài Hồng Khải và ngài Huyền Cảo đều ẩn cư tại Thiên Thai, hành tập Thiền Quán và lần lượt thị tịch tại núi, trà-tỳ đều thâu được xá-lợi.

11. Truyện ngài Văn Cử ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:

Thích Văn Cử, họ Trương, người ở xứ Đông Dương, thuộc Vụ Châu.

Tuổi còn bé đã có chí học, Sư bèn tìm đến chỗ thầy thưa hỏi Phật thỉnh pháp. Năm mười chín tuổi, Sư mới xuống tóc thọ giới Sa-di. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 3 (786) vua Đức Tông ban chiếu độ người

xuất gia, Sư đắc giới cụ túc. Sau thời gian mười lăm năm, Sư chuyên học Luật Tứ Phần. Bấy giờ, ngày đêm siêng năng, nên Sư được lên toà giảng dạy. Kế đến, Sư thông rành bộ Pháp Hoa Kinh Nghĩa Sớ, đạt được phần ruột của ngài Trí Giả. Ngài thân cao hơn 6 thước, thể hình như núi, dung mạo tợ ngọc, tĩnh như nước dừng, động tợ mây nổi, mắt chẳng liếc nhìn, miệng không đùa cợt. Trong bốn oai nghi đều là khuôn phép. Hai chúng Đan Khâu kính ngưỡng lấy làm chuẩn mực, họ đi khắp nơi để thính thọ, cùng thiền đạo của Phật Quật Tắc công đều cao siêu ngang nhau. Sau đó, có sắc chiếu ban Sư làm Đại Đức chùa Quốc Thanh.

Trước kia, Đại sư Trí Giả trả lời điều hỏi của Tùy Dương Đế về việc lập "Đạo Tràng kim Quang Minh bảy ngày". Mỗi năm đến tháng 9, xa gần chinh trấn, Hầu Bá sai người đem đồ cúng dường đến, sự việc đã vô ngại. Các hàng Tăng tục không nơi xa nào mà chẳng đến. Người mới bổ sung đến nên thức ăn uống bị khuyết thiếu, vị Tăng Điển tòa rất lo ngại. Vào niên hiệu Thái Hòa (827-836), vị Tăng chủ sự là ngài Thanh Uẩn, hỏi Sư mua thêm mười hai khoảnh ruộng cho chùa. Từ đó, pháp hội Đạo Tràng Kim Quang Minh không còn nghe nói bị thiếu thốn nữa. Đó là do công của Sư.

Khoảng tháng 5, niên hiệu Hội Xương thứ 2 (842), Sư thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, năm mươi lăm hạ lạp. Đệ tử Ấu Thanh xây tháp ở ngọn núi phía Tây chùa, Hàn Hựu soạn văn bia khen ngợi đức hạnh Sư.

12. Truyện ngài Duẫn Văn trụ chùa Khai Nguyên ở Cối Kê, thời Tiền Đường:

Thích Duẫn Văn, tự là chấp kinh, họ Chu, người ở xứ Gia Hòa, thuộc Tú Châu ngày nay. Vừa mới chín tuổi, cha Sư đã mất, nhưng về lý là dạy bỏ Sư thờ Phật. Được thầy trao cho hai bộ kinh Duy-ma và Pháp Hoa. Với tánh thông minh nhanh nhẹn nên qua năm sau, Sư đều thông suốt. Các bậc Cao Đạt đều gọi Sư là "Trọng Lý". Có người đùa hỏi Sư rằng: "Sau khi xuất gia, ông sẽ tạo dựng sự nghiệp thế nào?" Ngài hững hờ đáp: "Sẽ lên đài hoa sen, làm Sư tử hống". Có người chê trách nói mát với Sư rằng: "Trước các bậc kỳ túc mà dám nói thế". Hoặc có người bảo: "Chí muốn được lớn, ông này trong tương lai chưa dễ mà suy lường". Đến năm mười sáu tuổi, Sư cắt đảnh Chu-La, đắp y An-Đà-hội, kế là giẫm chân đến phương Tây, vào Tung Sơn làm Đại Đức Lâm Đàn, Sư ở bên cạnh Hòa-thượng Viễn mà đắc pháp vô tác. Lúc đó, Sư hai mươi ba tuổi.

Mùa hạ năm đó, Sư đến Trung Kinh, học Tướng Bộ Luật Tông và Luận Trung Quán, vá y đi khất thực nóng lạnh khắp nơi, đã gõ được nghĩa môn thì được vào thất thầy. Then huyền khuôn luật, Sư thấy biết rất tinh vi. Tới niên hiệu Thái Hòa thứ 5 (831), vì tư duy định tĩnh, bỗng Sư than muốn trở về. Về đã tới quê cũ, thấm thoát thời gian chưa rảnh mà giảng xướng, sau nghe chùa Thiên Trúc ở Tiền Đường có giảng kinh Đại Niết-bàn, pháy triển thành thắng tập, Sư bèn sang đó học. Chưa đầy năm mà sự nhạy bén đã lộ bày. Đến niên hiệu Khai Thành thứ nhất (836) nhân đi đến Đài Kiểu, dừng nghỉ tại chùa Gia Trường, ở đất Việt. Chúng nhờ đào luyện thanh phân, thỉnh Sư giảng nói kinh Luật, mà Sư y theo thính chúng rất nghiêm nghị. Sư thường răn dạy rằng: "Hễ là bí-sông thực hành pháp phi gia, đầy đủ luật nghi biệt giải thoát, chúng đồng phần là tự tánh. Nên đối với hình sắc mà tinh tấn, lo sợ, giữ gìn, như thế mới mau thành đạt Đạo quả. Nếu không như thế thì chẳng những đệ tử sa đọa mà đạo thầy cũng chỉ nhọc ban thí". Nghe lời khuyên răn sách tấn đó, có người lệ trào hoen mi, thay tâm đổi hạnh, tư duy hơn một nửa vậy.

Niên hiệu Hội Xương thứ 3 (843), Sư dời đến ở chùa Tĩnh Lâm, chuyên giảng Kinh Niết-bàn. Gặp lúc vua Võ Tông gạn lọc đào thải, Sư cũng bị tìm bắt. Ngày thì mặc áo vá, đêm đắp y man điều, không khuyết thiếu tăng hạnh, chỉ trốn tránh thế tục gièm pha. Đến đầu niên hiệu Đại Trung (860) mới chấn chỉnh lại cửa Không, sửa sang pháp nghi, Sư mới phối danh ở chùa Khai Nguyên, cùng trong số ba mươi vị. Tới niên hiệu Đại Trung thứ 7 (866), các bậc Lão túc trong chùa thỉnh Sư giảng Luật thừa. Đến mùa thu năm Bính thân (876) tức niên hiệu Càn Phù thứ 3, Ngài thôi giảng mà xem đọc kinh Tạng. Tới ngày 29 tháng 6 năm Nhâm dần (882) tức niên hiệu Trung Hòa thứ 2, Sư thị hiện bịnh nhẹ mà thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi lăm hạ lạp. Để tới ngày 12 tháng 7 năm đó mới an táng tại phía nam núi Thạch Kỳ. Sư để lại di ngôn chẳng được phong thọ.

Ban đầu, mỗi lúc Sư thăng tòa diễn giảng, học chúng rất lo sợ. Trong khoảng khắc thầm kêu mọi người mới tan không. Đó là do oai đức của giới khiến như thế. Sư trụ ở ba chùa Gia Tường, Tĩnh Lâm và Đại Thiện hiện nay, giảng tướng sở ở hai mươi bảy tòa, đại kinh ở hai mươi lăm tòa. Ngài dáng mạo người xưa mà râu dài, đảnh nhọn mặt đen, giữ gìn sít sao, cứu giúp cò ở sân, chưa đủ để nói lên sự khiết tịnh ấy. Nhưng Sư cũng nghiên cứu Nho mặc, hâm mộ Bạch truyện tự soạn văn chí, dự soạn bài minh của phần mộ cất giấu trong rương tráp. Môn

nhân là Hoài Ích do tìm đọc văn tịch, thấy mà buồn nghẹn, bèn theo văn chí của Sư mà xây một ngôi tháp nhỏ. Sau, môn nhân Hoài Túc, Tư Tịch bảo danh đức hư thọ tăng thêm phần hậu tựa. Tán Ninh mỗi lúc đến Cối Kê có đảnh lễ chân tướng của Sư, thấy pháp tôn Khả Tường khổ tiết tấn tu hợp hạnh đầu-đà, nên hiểu rõ sự tích Sư.

13. Truyện ngài Tuệ Tắc chùa Tây Minh ở Kinh Triệu, thời Hậu Lương:

Thích Tuệ Tắc, họ My, người ở xứ Côn Sơn, thuộc Quận Ngô. Năm chín tuổi, Sư đã cùng Tài Nghĩa, thưởng ngoạn khắp Nho kinh, khéo gieo phát mầm cành nhưng nhàm chán thế tục.

Niên hiệu Đại Trung thứ 7 (853), Sư đến chùa Tây Minh ở Kinh Triệu xin xuất gia, siêng biết trì tụng đều như đã từng tập học, hai năm sau (855), ở tại bổn tự, Sư được độ. Đến niên hiệu Đại Trung thứ 14 (860), Sư dừng ở pháp tịch của Đại sư Pháp Bảo mà đáp giảng. Năm đó, vua Tuyên Tông ban sắc Sư bổ nhậm Viên Đại Đức. Tới niên hiệu Hàm Thông thứ 3 (862), Sư đến chùa Sùng Thánh giảng “Luận Câu-xá” và “Táng phục nghi xuất tam giới đồ” một quyển. Niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), Sư ở tại Tổ viện thay thế Đại sư Sướng để giảng. Niên hiệu Hàm Thông thứ 15 (874), vua Ý Tông ban sắc đặt cử Sư làm chánh viên lâm đàn. Đến niên hiệu Quảng Minh thứ nhất (880) giặc Sào đến cửa cung, ở Quan trung sắp nhiễu loạn, Sư ra Hạ Khuê ở Hoa Châu lánh loạn. Niên hiệu Trung Hòa thứ 2 (882), Sư đến Hoài Nam, Cao Tông mời Sự trụ chùa Pháp Vân. Sau khi thôi giảng, Sư trở về đất Ngô. Thứ Sử Dương Công khổ nhọc muốn giữ lại, nhưng Sư từ chối, đến chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai treo tích tại đó. Niên hiệu Càn Minh thứ nhất (894), Sư đến chùa Dục Vương ở Minh Châu, soạn “Tháp ký” một quyển “Xuất tập yếu ký” mười hai quyển. Võ Túc Vương họ Tiền thỉnh Sư lâm đàn tại Việt Châu.

Đến niên hiệu Khai Bình thứ 2 (908) thời hậu Lương, ngày mồng 8 tháng 8, Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi bốn hạ lạp, đệ tử thọ tám giới là Thứ sử Hoàng Thịnh xây tháp, an táng tại ven núi Mậu Sơn.

Bình thường, Sư chẳng thích bới móc, hay nói thẳng, luôn nhún nhường đưa người lên trên. Trừ việc giảng dạy ra, Sư luôn tụng niệm kinh chú, từ Kinh Pháp Hoa trở xuống có thể tới ba bốn mươi bổn, để giúp cho khẩu nghiệp. Sư xem đọc Đại Tạng kinh giáo hai biến, giảng sao bảy biến, Câu-xá Táng Nghi, Luận ngữ, mỗi loại vài biến. Sư thanh

tịnh khổ tiết chấp trì, gần khổ ít có. Có đệ tử nhập thất là Hy Giác rất nhạy bén thông minh.

Lại có ngài Nguyên Biểu thật là bậc trinh lượng, Ngài thường nói thẳng, thích phẩm tảo nhân sự, mà cao vời nghĩa giải, tập học tỳ-ni, kiêm siêng năng ngoại học. Thư, sư, phương, thuật, không thứ gì chẳng xem đọc, Sư sớm dự học nơi pháp tịch của Đại sư Pháp Bảo ở chùa Tây Minh. Mãi đến niên hiệu Quảng Minh (880-881) thời Tiền Đường, Thần Đô bản đãng, Sư bèn đến Giang biểu, trụ chùa Đại Thiện ở Việt Châu, chuyên giảng Nam Sơn Luật Sao. Người học ở các Quận không ai chẳng tìm đến. Sư thấu suốt nghĩa lý dọc ngang, lại hay khéo giảng nói, mỗi lần Sưg giảng nói, người nghe quên cả mỏi mệt. Sư hiệu là "Giám Thủy Xà-lê". Sư có soạn bộ "Nghĩa ký", cũng đề hiệu là "Giám Thủy". Trong các môn nhân của Sư thì Thanh Phước là người đứng đầu.

14. Truyện ngài Ngạn Xưng trụ chùa Hưng Phước, ở Phá Sơn thuộc Tô Châu, thời Hậu Đường:

Thích Ngạn Xưng, họ Cung, người ở xứ Thường Thục, thuộc Quận Ngô. Ngài miệt mài giới luật, xem nhẹ việc đời, chuyên cần tìm cầu bậc thầy khuôn phép, chỉ làm theo điều lành. Cuối cùng học với Kế Tông ký chủ và thành đạt được sự nghiệp, Sư bèn trở về quê cũ giảng dạy dẫn dắt. Những người cùng chung chí hướng tốt lành cùng nhau nhóm họp, phong thái luật học phát huy. Gọi đó là "Tỳ-ni Quật Trạch".

Trước kia ở Hải Ngung, dòng họ Vu Hàm để lại sự tàn hoại, mời sửa chữa lại, gò cũ chùa xưa chung quanh chẳng còn gì, chỉ có móng tường vách mà thôi. Một đêm, có con hổ bị trúng tên của thợ săn, nằm ở gác chùa gầm thét không thôi. Sư thương xót nó, vội vã mang giày cầm đuốc xuống gác, định nhổ mũi tên giúp nó. Các đệ tử cùng nhau ngăn cản đến ba - bốn lượt, Sư đành dò xét đợi mọi người đi ngủ, mới tự cầm đuốc đến nhổ mũi tên cho hổ. Hổ le lưỡi liếm máu ở mũi tên, ngoáy nhìn lại Sư rồi nhắm mắt nằm yên. Tới sáng sớm, thợ săn Chu Đức đến chùa tìm hổ. Sư chỉ cho thấy mũi tên. Chu Đức liền chừa bỏ tâm sát hại, thôi việc săn bắn. Võ Túc Vương họ Tiền biết nên kính trọng Sư. Từng thiết lập Minh trai thỉnh Sư hành trì minh pháp. Khi đó, Sư đắp y phú kiên mà y từ trên vai rơi xuống lại hoàn trả về trên tháp. Hoặc thấy có Quỷ vật theo hầu Sư, cái gọi là bậc Đại Đức thì Quỷ thần theo hỗ trợ.

Đến tháng 6 niên hiệu Trinh Minh thứ 6 (921) thời Hậu Lương, Sư qua đời tại sơn phòng, thọ chín mươi chín tuổi.

Kế nữa, có ngài Thọ Xà-lê. Hai bên Hoài phố trinh lượng khác

thường. Sư giữ gìn chánh niệm, ít khi gặp hai lần. Sư mở mang truyền bá Nam Sơn Luật sao, rất thành đạt, chẳng nhìn mặt người khác. Cuối thời Tiền Đường có dòng họ Dương, ở lâu tại Quảng Lăng, từng mời Sư cúng thí, bốn phương xa gần thảy đều kính trọng. Sư thọ thực chỉ vì chánh mạng, chẳng chứa nhóm nhiều, phòng nhà không cửa nẻo, đến lúc lâm đàn độ đệ tử, chánh giữ ngôi vị yết-ma, chưa hết ba lần yết-ma, bỗng nhiên Sư an tọa thị tịch bên cạnh phú phủ. Mọi người nghe thấy đều khen ngợi.

15. Truyện ngài Tùng Lễ trụ chùa Phước Điền ở núi Thiên Thai, thời Hậu Đường.

Thích Tùng Lễ, người ở xứ Tương Dương, khéo phụng thờ cha mẹ, rất nêu cao danh dự của quê nhà. Sau khi cha mẹ đều qua đời, Sư mới quả quyết xả bỏ nhà thế tục, lúc đó Sư đã ở độ tuổi tráng niên.

Lúc đăng đàn thọ giới cụ túc, thỉnh Giáo thọ Sư trao truyền giới răn. Sư nghĩ tánh rất trái cuối cùng khó bỏ gốc. Khi ngủ, Sư thường thấy hình ảnh ma quái quấy nhiễu. Tức giận sự hôn trược đó nên Sư đốt cháy dùi đâm biển ngạch kiêm chưởng, vì vậy mà chảy máu, hơn nửa năm sau mới tụng thông. Từ đó, Sư siêng năng cần hành trì phép luật, hoạn nạn dứt hẳn từ đó.

Vào niên hiệu Càn Hóa (911-913) thời Hậu Lương, Ngài đến Thiên Thai, bèn treo tích trượng ở tinh xá Bình Điền. Sau, suy cử Sư làm Thượng tọa của chùa. Sư trì tụng an tường, vui buồn chẳng lộ vẻ nơi thân. Sư chỉ thực hành tâm từ nhẫn, thường răn dạy đại chúng rằng: "Giữ giới Ba-la-mật là bậc Đại Sư của ta". Phải biết người xuất gia không giữ giới pháp chẳng khác gì khỉ vượn được thoát khỏi gông cùm!" Mỗi điều hành trì, Sư đều tha thiết, mỗi lúc Bố-tát, Sư khuyên dạy chúng phải giữ gìn mến tiếc như chiếc phao nổi. Bấy giờ, đang lúc mùa hạ nắng gắt, vị tăng chủ sự đến báo sắp thiết trai cúng dường La-hán, biết làm sao vườn hoang khô rụi, xin thỉnh Xà-lê cầu nguyện. Sư bảo: "Chỉ cần đốt hương ở Chân Quân Đường. Chân Quân tức là Thái tử của Chu Linh Vương. Từ lâu nghe nói Tiên đi, dùng tiên quan mà thọ nhậm, làm chân nhân Hữu Bật bằng gỗ Đồng Bách, Vương thống lãnh ngũ nhạc ty hầu đế lúc sáng sớm, còn Vương Tử Kiều đến trị vì ở núi này. Vì thế các Tăng phường, Đạo Quán ở núi Thiên Thai đều đắp họa hình tượng Hữu Bật, chỉ dâng cúng hương hoa trái quả mà thôi. Từ đó trong thế gian gọi là Sơn Vương thổ địa là chẳng đúng". Khi đó, vị Tăng chủ sự tới chỗ đền thờ tiên mà chú nguyện rằng: "Thượng toà cần có mưa để tưới nhuần

cây khô". Tới đêm đó, mây nổi mưa suốt ba ngày mới thôi. Thêm nữa, vị Tăng lo việc nhà trù dùng máng hứng nước để dùng, mà trên núi có cây xích thọ làm máng được, đến thưa với Sư, Sư bảo: "Ông hướng theo đường chân nhân đi chỉ sẵn đủ đồ, khí cụ để dò theo". Bỗng nhiên gió lớn nổi dậy làm ngã cây, lấy dùng đầy đủ. Sư có nhiều sự cảm động đến quỷ thần, đại loại như thế. Võ Túc Vương họ Tiền ở Lưỡng Chiết nghe vậy, thỉnh Sư vào Châu Phủ thiết lập Đạo tràng Kim Quang Minh. Đàn thí rất dồi dào, Sư đều đem ban thí chúng tăng. Thân Sư chỉ mặc y nạp vải bố, ngày ăn một bữa, suốt đêm không nằm ngủ chỉ thường ngồi và cũng không tạo dựng, chứa nhóm gì.

Sư thị tịch vào tháng 11 năm ất dậu (925) tức niên hiệu Đồng Quang thứ 3, thời Hậu Đường, thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Sau khi trà-tỳ thâu nhặt được Xá-lợi, xây tháp phụng thờ, hiện nay vẫn còn.

16. Truyện ngài Cảnh Tiêu trụ chùa Chân Thân Tháp, ở Hàng Châu, thời Hậu Đường:

Thích Cảnh Tiêu, họ Từ, người xứ Đan Khâu. Ban đầu, Sư đến nghe qua nơi pháp tịch của Biểu Công, sau Sư kính mến nghe lời Xà-Lê Nghĩa tập phu diễn ở Đan Khâu. Sư giữ tánh nghiêm nghị, ít giao tiếp với người, Cao khiết tự giữ, nhiều việc bận rộn, hình tướng xấu kém. Sau, Sư nhận lời thỉnh mà đến núi Đông bạch ở Kim Hoa giảng dạy hàng sơ học. Bấy giờ, có Ngài Huy Du ở Giang Tây là bậc luật tượng, có soạn bộ nghĩa ký đề là "Quy giám lục", nhiều người học đến chùa Sư, gặp đang lúc Sư giảng vừa tới Thiên trì Phạm, mà đã hai - ba lần ngợi khen. Từ đó tiếng tăm Sư vang xa. Mỗi sáng sớm Sư thường pha trà, một sáng nọ bỗng hóa thành sữa.

Ngài có soạn bộ ký hai mươi quyển, tên là "Giản chánh". Ý nói do năng lực tư duy và chọn lựa nên bỏ tà thuyết mà giữ lấy chánh nghĩa. Võ Túc Vương họ Tiền mời Sư đảm nhậm chùa Trúc Lâm ở quê cũ Lâm An, sau đó không lâu lại mời Sư lâm đàn tại chùa Bắc tháp. Lúc đó là niên hiệu Thiên Thành thứ 2 (925) thời Hậu Đường. Tiếp theo lại thỉnh Sư trụ chùa Nam chân thân Bảo Tháp. Và Sư thị tịch tại đó. Đón rước an táng tại gò núi Đại Từ, vì vốn nhận làm thầy, nên hiệu tháp là "Thanh Lương".

17. Truyện ngài Trinh Tuấn trụ chùa Tướng Quốc ở Đông kinh, thời Hậu Đường:

Thích Trinh Tuấn, họ Trương, người ở xứ Tân Trịnh, thuộc Trịnh Châu, vốn là con cháu của Tiên sanh Trương Quả thời Tiền Đường. Nay ở Vinh Dương có làng Trương Quả, bến bờ thu giả cũng hiện còn.

Sư có phong độ rộng rãi, chẳng mân mê răng tóc. Năm mười bốn tuổi, bỗng nhiên phát chí muốn lìa tục, ta chẳng biết người. Tuy cha mẹ níu kéo, anh em cản đường, nhưng không thể trở ngại Sư. Sư đến Luật sư Quy Chánh ở chùa Tướng Quốc, xin xuất gia. Thần cơ nhạy phát. Chợt trông thấy mà đánh kính. Tuy lưng có bia che nhưng chưa đủ nhiều. Với thời gian không lâu, Sư đọc tụng thông suốt các kinh Tịnh Danh, Nhân Vương, tính có mấy muôn lời. Bấy giờ, đồng bọn cười đùa bảo Sư rằng: "Chân ông có hòm rương đựng kinh". Sư từ chối, chỉ cung kính khiêm tốn mà thôi. Đến lúc xuống tóc trở thành tăng tướng, Sư liền nghe giảng Luận Câu-xá, tùy chỗ giảng mà Sư đọc tụng trong tám phẩm có đến sáu trăm hàng. Năm mười tám tuổi, Sư đã lên tòa luận đạo. Tuổi đủ hai mươi, Sư đến giới đàn ở chùa Hội Thiện ở Tung Sơn cầu thọ giới cụ túc. Nhân đó, Sư dừng trụ tại chùa Phong Thiên, nay gọi là Khai Bảo Luật Viện, học Tân chương luật sớ, năm hai mươi ba tuổi đã giảng trao, mọi người đều lấy làm lạ.

Vào niên hiệu Đại Thuận thứ 2 (892) thời Tiền Đường, chùa Tướng Quốc bị hỏa tai, Tam môn tầng lầu, điện Phật bảy báu, gác báu bày mây, điện Văn-thù, tính ra hơn bốn trăm gian đều bị cháy rụi. Khi ấy chúng tăng trong chùa bàng hoàng lo sợ chẳng biết tìm đâu ra vết tích cũ! Có người bảo rằng: "Nếu như thỉnh được Trinh Tuấn trở về lại chùa, thì chùa sẽ thành", bèn cùng nhau tìm đến chùa Phong Thiền, bền bỉ thỉnh Sư trở về sung cử làm Thượng tọa của Bổn tự. Trước sau chỉ vài năm, mà tạo dựng mới lại lang vũ Điện đường thêm hoa lệ. Lại thỉnh Sư làm Tân Chương Tông chủ. Sư khai hội giáng luật, Tăng ni đệ tử thường ngày có hơn năm mươi vị, cầm sớ nghe nhận. Sư luật hạnh cao như băng tuyết, ngày nắng không ý để khỏa mình, mùa lạnh rét cũng chỉ một áo kép. Ăn chỉ biết lượng, thanh ý rất cao. Từ niên hiệu Càn Hóa thứ nhất (911) thời Hậu Lương, Sư lâm đàn bỉnh pháp, cho đến lúc nhà Lương cách mạng (923), Sư độ Tăng ni hơn ba ngàn vị.

Đến niên hiệu Đồng Quang thứ 2 (924) thời Hậu Đường, ngày 12 tháng 4, Sư bị bệnh nhẹ mà thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi tám hạ lạp. An táng tại nghĩa trang của chùa, bên cạnh tháp Thiền sư Tuệ Vân vậy.

18. Truyện ngài Hy Giác trụ chùa Thiên Phật ở Tiền Đường, thời Hậu Hán:

Thích Hy Giác, tự là Thuận Chi, họ Thương, Gia tộc vốn ở Tấn Lăng. Ngài sanh ở Lật Dương trong gia đình Nho mặc. Gặp lúc cuối thời Tiền Đường loạn lạc, phần nhiều bị phiêu tán. Từ đó mà khốn khó, Sư có viết thuê ở nhà Cấp Sự trung La Ẩn. Tình cờ hỏi về dòng họ tên tuổi và nơi ở. La Ẩn mới nói rằng: "Con nhà họ Thương ở Tỳ Lăng sao đến nỗi này!" Than thở đôi ba phen, rồi cấp giúp đoái hoài, khuyên thẳng nên trở về quê cũ mà tu học.

Đến năm hai mươi lăm tuổi, Sư tự than rằng: "Ta chẳng gặp thời vận, hoặc phục vãng cưỡi xe, đều một thời kỳ!" Bỗng nhiên, Sư đến chùa Khai Nguyên ở Ôn Châu, cầu xin xuất gia. Lúc đó là niên hiệu Văn Đức thứ 7 (888) thời Tiền Đường. Vào niên hiệu Long Kỷ (889-890) thời Tiền Đường, Sư thọ giới cụ túc, Sư tiếp tục suy lường tìm hiểu Luật bộ. Đến bẩm thọ giáo với Luật Sư Tuệ Tắc ở chùa Tây Minh, khi đó đang ở núi Thiên Thai. Ngài Tuệ Tắc là đệ tử tài giỏi của Đại sư Pháp Bảo. Vào niên hiệu Quảng Minh (880-881) thời Tiền Đường, ở Quang Trung tán loạn nên ngài Tuệ Tắc mới lánh đến Giang Biểu. Sư mới thấy được sự chướng ngăn, trọn thấy được sự giàu có của Ngài Tuệ Tắc, vì ngài Tuệ Tắc có lưu xuất tập yếu ký giải Nam Sơn sao mà chẳng xứng với hoài bảo. Vì sao? Bởi vì, Cổ Đức Vọng cùng xuyên tạc, đều tự tranh giành sư môn, lưu đãng vọng phản. Sư bèn soạn ký. Xét rộng mà đề là "Tăng Huy Lục", bởi vì y theo Tào Thực mà gọi là: "Ánh sáng cuối đuốc tăng thêm ánh sáng mặt trời, mặt trăng, nói với cách khiêm nhường là "Tăng huy Tập yếu chi nhật nguyệt", trọn bộ hai mươi quyển, khắp Đông Tây vùng Chiết Giang rất thạnh hành bộ "Lục" ấy. Đến lúc ngài Tuệ Tắc thị tịch, Sư mới giảng dạy ở Vĩnh Gia. Em út của Võ Túc Vương họ Tiền tên là Hoa trấn nhậm tại quận đó, rất trọng vọng kính lễ. Sư vì sự vu cáo của ngu tăng, Sư bèn dời đến chùa Đại Tiền ở Hàng Châu. Văn Mục Vương xây dựng chùa Thiên Phật, thỉnh Sư làm tự chủ ban y tía riêng đặt hiệu Ngài là "Văn Quang Đại Sư". Học chúng bốn phương đua nhau tìm đến tấp nập.

Riêng ngoại học, Sư có nhiều sở trường, giỏi về Dịch Đạo, soạn bộ "Hội Thích ký" hai mươi quyển. Giải dịch đến thượng hạ rất nhiều và cuối văn rất hoàn bị. Sư thường vì người mà giảng giải kinh đó. Và Sư trao phó cho Đô Tăng Chánh Tán Ninh. Đến lúc già bệnh, Sư xin giải nhậm tăng chức, rồi theo chỗ ước mong, chỉ thong dong nơi sơn phòng, lấy sự ngâm vịnh làm vui. Năm tám mươi mốt tuổi, trong lúc Sư

đang soạn viết thư tịch, chẳng hề bảo là mỏi mệt. Trước lúc chưa tịch, Sư xả tất cả y vật, để cúng thí hiện tiền tăng. Sư lại cúng dường trai phạn chư tăng khắp cả thành. Từ đó, Sư uể oải mỏi mệt, mỗi lúc ngủ, thấy có một người mặc thuần y phục sắc tía, da dẻ mềm yếu như bông tơ vậy, ý tợ như cùng bạn. Sư vừa muốn gọi đệ tử sắp đến thì người ấy nhẹ nhàng từ từ bước xuống giường, sau đó lại như cũ. Ngài Tán Ninh nói "Tôi biết đó là người trời". Sau khi Sư căn dặn phó thác mọi việc vừa dứt lời thì thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi.

Lúc sanh tiền, Sư soạn thuật phỏng theo Giang Đông Sàm thư năm quyển, Tạp thi phú mười lăm quyển, chú Lâm Đảnh Kim Lăng Hoài Cổ bách vận thi tạp thể; bốn mươi chương. Sư giữ gìn không hề buông lung, chuyên cần đối với việc giảng dạy, tha thiết với sự tiến tu. Học thì càng già mà chẳng thôi nghỉ. Quan chức thì giữ thân mà biết thối lui. Đáng gọi đó là sự cao thượng, danh tiết đều hoàn toàn. Lúc lớn lên phong nhã cao xa như tại chỗ ở. Hiệu là "Thích Thị Tây Trai". Mộ Ngô cẩn thận uẩn tích biên tập đơn giản.

19. Truyện ngài Trừng Sở trụ chùa Tướng Quốc ở Đông Kinh, thời Hậu Chu:

Thích Trừng Sở, họ tông, không rõ Sư là người xứ nào. Từ đời ông đến cha Sư đều ở yên nơi vườn ruộng, chẳng ra làm quan. Mẹ của Sư họ Triệu, lúc mang thai Sư, bỗng nhiên chán sợ mùi hôi tanh nồng. Đến đêm sanh Sư, có ánh sáng khắp phòng, chung quanh thôn xóm đều kinh lạ. Năm bảy tuổi, Sư được bà con dẫn vào chùa, thấy tôn tượng Phật, Sư liền khen ngợi mà đảnh lễ. Lúc trở về nhà, Sư hỏi cha rằng: "Chỉ riêng mình Phật như thế, ngoài ra có ai được như vậy chăng?" Cha của Sư đáp: "Loài xuẩn động côn trùng đều là Phật, huống gì loài người!" Sư liền thưa: "Vậy, con nguyện học Phật nhờ đó mà báo đáp ân cù lao của cha mẹ!" Cha Sư im lặng mà chấp thuận.

Năm mười tuổi, Sư đến chùa Tướng Quốc, đãnh lễ ngài Trí Minh mà tôn thờ làm thầy. Sau đó không lâu có các đồng tử nhóm họp vui đùa mời gọi dụ dỗ Sư, Sư bảo: "Các ông sao ngu ngơ lẩn thẩn, ham thích vui đùa như vậy? Tuyết Sơn Thiện Tài cũng là Đồng Tử mà đâu có như thế?" Bên cạnh có người nghe thấy lạ, nói với Sư rằng: "Ngày sau, ông sẽ thành vĩ khí trong pháp môn". Sau khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tập học Tân chương Luật sớ. Riêng hay hướng vào Tỳ-Nại-Da Quật Huyệt. Nhưng ở đó kích nạn, đối đáp lộ bày nanh vuốt. Bấy giờ, gọi Ngài là "Luật Hổ". Các hàng vương công, Đại nhân đến thưa hỏi được ích lợi

ngày một đông. Vua Cao Tổ (Thạch kính Đường, thời Hậu Tấn) nghe rất khâm phục kính ngưỡng, bèn ban chiếu mời Sư vào nội đạo tràng, ban tặng pháp phục ca-sa sắc tía, kế đó ban tặng danh hiệu cho Sư là “Chân pháp”. Từ đó, các hàng phi chúa trong Hoàng cung, ai kính mến Phật pháp, cầu xin xuất gia, nhà vua đều ban thỉnh Sư đến làm lễ xuống tóc truyền giới. Trong ngoài như sương tuyết, không hề có vật gì khác. Ban mời Sư làm chủ Tân chương Luật tông.

Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 6 (960) thời Hậu Chu, ngày 11 tháng 10, Sư không bệnh mà thị tịch. Đầu nằm xoay về hướng bắc, mặt xoay hướng Tây hiển bày tướng Phật nhập Niết-bàn. Sư thọ bảy mươi mốt tuổi, năm mươi hạ lạp. Trước sau, Ngài lâm đàn thí giới Độ Tăng Ni hơn tám ngàn vị. Môn nhân như Tuệ Chiếu v.v... y theo pháp Tây vực mà trà-tỳ, thâu nhặt toái thâu, phân chia, xây dựng tháp gạch mà phụng thờ. Tả nhai thủ tòa Ngộ kiểu soạn bài ký cho tháp Xá-lợi.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Trừng sở, khi thấu suốt luật thì gọi là Tông chủ hay sao? Thông đáp: Luật có ba tông; đó là phát xuất từ ba ngài Pháp Lệ, Hoài Tố và Đạo Tuyên. Mỗi Tông đều tự có chủ nên nói như vậy.

Xét hễ là tên gọi há không y cứ từ xưa hay chăng? Thông đáp: Hai chữ “Tông chủ” phát xuất từ trong kinh A-hàm.

Luận rằng: Hễ là người thì có nhân, pháp, tức là giới cấm và oai nghi. Trời thì có thiên pháp, tức là sáng sạch và tĩnh lự. Đức Phật, Thế Tôn của chúng ta với sự thấy biết bén nhạy, y cứ vào Đại thiên hóa cảnh đó mà khoan đặt pháp môn thì hẳn là nhiều. Nhưng điểm cốt yếu là không ngoài giới, định, và tuệ. Ba thứ này làm đường vượt ra làng sanh tử, chuyên nhất làm cửa, đạt đến bờ cõi Niết-bàn. Nếu là giúp thì phải mau dùng tỳ-ni. Tỳ-ni là ngăn phòng ba nghiệp. Ba nghiệp đều thanh tịnh thì sáu trần đều tự dứt, Thánh hiền tu hành, ai chẳng từ đường ấy. Nên luận rằng! Sanh tử trôi lăn do ba triền trói buộc tâm, tâm khó giải thoát. Phải biết đó chỉ là khéo nói, pháp luật khiến cho giải thoát, chẳng phải do ác thuyết. Do đó mà thấy. Luật cấm là xem xét độ đời. Vả lại, hễ Bồ-tát giới tịnh thì hiển bày lìa cấu, Bích-Chi giới hoàn bị thì dẫn dắt trí vô sư, Thanh Văn giới đầy đủ thì câu giải thoát có thể hy vọng. Nội chúng giới vững chắc thì chiêu cảm chẳng sa đọa của trời người. Từ đó mà quán xét giới pháp thật lớn vậy.

Từ chỗ suy hay theo lời mà tìm lý thì là tỳ-ni, là Mộc-Xoa. Nhân là âm thanh giáo luật mà quả là biệt giải thoát. Lấy thẳng ngay thời mà luận về các Đức Phật ba đời đều đồng chế. Rộng, theo cảnh giới mà nói

thì cõi tịnh mười phương đều cùng thực hành. Do đó, Ưu-Ba-Ly bảy Đức Phật thời quá khứ đều phó chúc giới luật cho Ngài.

Luận rằng: giới như bắt giặc, là khéo giam giữ. Định như trói giặc, là dùng gông cùm. Tuệ như giết giặc, làm sạch đường đi. Vì thế mà thành công lập hiệu, khắc lấy cùng tận Tam-Bồ-đề, quyết đạt tới cảnh giới thanh tịnh. Về công đức, của giới luật, thì Công không gì so sánh được, huống gì pháp này chỉ ở tại Thầy mà không ở tại trò. Chỉ nghe Phật chế, hành bên trong mà chẳng lưu thông bên ngoài, không cho phép truyền trao cho thế tục. Nên nói là "pháp trao bí phương, ban các nội chúng". Sự có huyền pháp, vật nên tượng cầu ở nhà người, Nghiêm Quân bày răn dạy, mọi người trong nhà đều nghiêm khắc thì đồng với Phật chế giáo. Vợ con cùng cười thì đồng với Phật, lắng nghe pháp môn. Một nghe một chế, thấy được sức mạnh đó mà khoan dung cứu giúp, một âm một dương thấy mở vật ấy mà thành việc. Nếu biết được giới luật như vậy tức là nhà pháp của Phật sáng tỏ. Đại thì ba nhóm cảm ba thân ở trong quả, tiểu thì hình câu trì tận, hình nơi nhân địa, thọ đã như thế, còn tùy thì thế nào? Có oai nghi, có Tế hạnh. Vì có thuận nghịch mới sanh ra trì phạm. Do đó mà vấn đề phiền toái nhiều rộng, nhân nơi sự mà chế nghi. Mãi đến sau khi Phật nhập Niết-bàn, lập thành luật tạng, ban đầu như nước hòa với sữa hòa hợp, nghiệp của một nhà không khác nhau. Sau thì tham thần mỗi tự một gò, sự phân chia năm Bộ chẳng giống nhau, đoán bày điềm mộng. Luận Tông Luân được soạn ra, ánh sáng nối tàng cây cao, phân ảnh vẫn quy về Nguyệt quật. Hồ A-nậu nước tràn xuống hạ lưu, phải chảy đến Mạnh Tân.

Mãi đến khi Đại giáo truyền đến phương Đông, phạm thư từ tây đến cam lộ vốn là thức ăn của trời, người, đất Hán tranh thưởng. Đảo vàng bay về trên biển, phương Đông xưa nay trừ kinh đã phiên dịch, hỏi đến luật do từ ai truyền? Phát xuất từ niên hiệu Kiến Ninh thứ 3 (170), đời vua Linh Đế (Lưu Hoành) đời Hậu Hán, ban đầu dịch nghĩa Quyết Luật, tiếp theo có các luật cấm của Tỳ-kheo đưa đến, tức do Tam Tạng pháp sư Pháp Thời ở thời Tào Ngụy đi đến Hứa Lạc, thấy chư tăng ở xứ Ngụy không có luật Phạm, nên vào niên hiệu Gia Bình (249-254) thời tiền Ngụy, Sư dịch bộ "Yết-Ma Tăng Kỳ Giới Bổn", đó là luật giới đầu tiên ở Trung Quốc. Từ đó Luật Tát-Bà-Đa trước tiên hoằng hóa ở Quang Trung, Ngũ Phần Tăng Kỳ phong hành như mưa ban, Ca-diếp-Di Bộ Giới Bổn riêng đến, Bà-Thô-Phú-la chỉ nghe tên mà thôi, huống gì là Tăng-kỳ Bộ, ngài Pháp Hiển mang về và do các Sư chú thích rằng: "đó là Căn bản Đại Chúng truyền, chẳng phải là năm Tông sau trăm

năm Phật nhập Niết-bàn". Nay các nhà soạn truyện nghi là chưa hẳn đúng. Vì sao? Vì theo sự xem xét Tăng-kỳ hiệu bản chỉ có ba mươi quyển. Nhân trên mặt văn tự có vài điểm nghi: một là gốc nhỏ mà ngọn lớn (nghĩa là trong các đoạn văn tự thì rộng mà ở quyển tăng-kỳ thì lược), hai là không hợp với ý của năm Bộ, balà không ứng đối với Đại Tập Huyền Ký. Có thuyết cho rằng: "đó là lược bản truyền ở phương này, như các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm v.v... trong muôn ức bài tụng mà chỉ lược nêu ra một phần. Tăng kỳ cũng vậy". Lại nói: luật Đàm-vô-đức có bản Trùng dịch và bản Đơn dịch. Y cứ theo Tăng truyện là chỉ có ngài Giác Minh từ miệng bụng xuất ra. Song căn cứ theo lời tựa bản luật thì có văn trùng dịch của ngài chi Pháp Lãnh. Như vậy, xưa nay tranh cạnh nhau, không có chỉ quy, dùng nghĩa giao trưng, từ ngữ ấy sẽ dứt. Tìm bản luật văn liền biết đồng dị. Như đầu đề của giới chúng học nói: "Thi-Xoa-Kế-Lại-Ni như là y-lan bị rách", ý nói đây là bản của ngài Giác Minh. Còn như nói: "Thức-Xoa-Ca-La-ni như lá y-la bị rách", tức là bản của ngài Chi Pháp Lãnh. Thêm nữa, một bản chỉ ba mươi quyển, một bản đến sáu mươi quyển, nghĩa là giấy mực phân khai bất định, là không đúng. Phân ba mươi làm thành sáu mươi. Chẳng phải là quá sai lầm ư? Như thế hai bản dịch trắng đen đã phân rõ.

Thêm nữa, từ thời Nguyên Ngụy về trước, các người thọ giới, dùng "tứ phần Yết-Ma" để nạp giới và khi hành sự tức y cứ các luật làm tùy, vì sao khác ư? Cầm bản kinh của họ Tả, chuyên theo văn truyền của Công Dương. Đến đời Ngụy, Hiếu Văn Thế có ngài Pháp Thông là một bậc Luật tượng ở núi Bắc Đài, mới tay phanh khui, miệng giải thích. Luật sư Đạo Phú theo chỗ dựa được nghe mà ghi chép lại, bèn chép thành bản "nghĩa sớ". Quyền dư đã thế, gây dựng nhiều ư? Thiên Luân mà chỉ hầu trung tinh, Đại Đảnh mà chỉ nêu phụ nhĩ. Ở đất Nghiệp có ngài Pháp Lệ, ở đời Đường có ngài Hoài Tố tầm theo Tổ Tát-Bà khai tông độc bộ. Kế đó lại có Đại sư Trừng Chiếu là bậc thượng sĩ ở Chung Nam, hưng thạnh ba đời, vượt xa ngàn dặm. Giao tiếp mé trời người, ưu du trong quả chứng, biết mà không gì chẳng làm, sửa lại chỗ lỗi lầm, lấy sự giữ gìn giáo pháp làm nhiệm vụ của mình. Thật xứng đáng là vĩ nhân của một đời.

Vì thế mọi người hạ nói hành sự tức lấy Nam Sơn làm Tư Nam. Đến niên hiệu Đại Lịch (766-780), các nhà Tân sớ, cựu sớ đua nhau bày những điều hay dở. Vua Đại Tông ban sắc vời các bậc luật sư của ba tông đến cùng nhau gia tâm phán định. Bấy giờ, ngài Như Tịnh làm Tông Chủ, phán định hai nhà. Đến niên hiệu Kiến Trung (780-784), mới

nói là Khải Chánh, đề hiệu là "Thiên định sớ". Đến nay, ở Đông Kinh, ba tông đều hưng thạnh. Còn như ra vào chẳng thường, khác đường đồng về, thầy trò còn khác. Còn ngài Đạo Thành giảng nói, ngài Linh Ngạc mở mang, chẳng lìa trong khoảng Tam Phụ, đều y cứ vào sự khéo léo của Bách Công. Các ngài Văn Cương, Đạo Ngạn từ Bắc đến Nam, phát xuất "Chánh Phụ Thiên" từ nhỏ đến lớn, Đạo truyền đến Quận Ngô, thuộc Cối Kê, thật là nhờ người ấy. Sư làm bậc thầy bình gia, vốn chuộng đến chỗ cảm thông, hoặc chống đối Biểu Luận, mất vật của quan, hoặc thành Đồ chứng chẳng kiết giới, hoặc bậc tài giỏi lập ở một phương, hoặc kẻ tài giỏi trong bảy chúng, thuật nghĩa sớ bén nhọn, nêu bày các văn nghi tầm thường, hoặc dán thiếp phấn noa, hoặc ngay ngắn so le. Nếu chẳng là bậc hiền triết nương thời, thì đáng là anh tài vượt khí, chẳng để cho vận mạng tượng pháp bị suy sụp, rốt ráo làm cho sao thọ chiếu xuống pháp mạng lâu dài. Đạo do người phát triển là ở đó. Gần thì lấy vị nước sống Đề chuyển chẳng bằng như trước, tòa tượng bụi lấp vẫn quán xét càng chìm. Đại tiểu thừa giao ác lẫn nhau, thượng trung hạ giẫm đạp chất chồng, khắp gởi bốn tà, hành trái bảy nhóm, oai nghi đã khuyết, sanh thiện toàn thiếu, cho rằng luật là văn chẳng cần kíp, tăng buông lung rơi rớt tự do, ngựa khiến thoát khỏi cùm, voi thiếu móc câu. Không tập học luật nghi, khó điều phục như voi ngựa, nên làm cho giáo pháp ngày một bị suy tàn. Đoản thì hạnh quả nhỏ mất, chiết thì niên xỉ giảm bớt. Hợp, với khuôn phép lớn lao chính là đoản chiết.

Lại nói là: cha từ lấm bại hoại, con thoát hoặc bỏ ác ban lành, biến đổi phạm thành trì. Hoặc chúng chủ khuyên tu, hoặc danh sư dắt dẫn. Nương gá ngoại hộ vương thần, chắc chắn trung hưng giáo pháp, như vậy thì đồng một thọ trong năm phước, tức năm đời cha mẹ qua đời. Lại nói: nghiêm gia không cách lỗ. Nên nói: tỳ-ni là thọ mạng của chánh pháp. Khoa nầy là người luyện vàng thành đan, khuyên người uống vào, Khiến gần thì tăng thêm tuổi thọ, xa thì sinh lên cảnh tiên. Nên Đức Phật, Thế tôn của chúng ta, hễ chế mỗi một điều giới đều thành tựu được mười công đức lợi ích. Đó là đặt ý ở vấn đề khiến chánh pháp thường trụ lâu dài.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG THỜI ĐỜI TỐNG

(Quyển 16 hết).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 17

CHƯƠNG NĂM: HỘ PHÁP

(Chánh truyện có mười tám vị, phụ có một vị)

1. Truyện ngài Uy Tú trụ chùa Đại Trang Nghiêm, ở Kinh đô thời Tiền Đường:

Thích Uy Tú, không rõ Sư là người xứ nào, Sư là người thông đạt nhiều tài, thường chuyên giảng dạy, chí mang vác mạnh mẽ mà có oai nghi. Sư giỏi về viết lách, đàm luận, đặc biệt thông minh. Thiên hoàng Vô Hà lên ngôi (Thiên hoàng tức vua Cao Tông Lý Trị, lên ngôi năm 650).

Ngày 15 tháng 4 niên hiệu Long Sóc thứ 2 (622), vua Cao Tông ban sắc ép buộc tăng sĩ, Đạo sĩ đều phải thực thi bái lạy người thế tục. Bấy giờ, tăng chúng bàng hoàng không biết làm sao, Sư than thở giáo Đạo đang trong thời kỳ suy vi, quân vương xem thường Phật Pháp, mới dâng biểu xưng là Sa-môn chẳng nên bái lạy. Sư nêu dẫn các sách sử, trình bày nhiều triều đại bức ép, sáng vừa mới phát lệnh, tối liền đổi mưu đồ, đều chẳng xa xôi gì. Sư mới dẫn kinh luật luận để lường quả. Ngôn từ đều nhẹ nhàng, lý hẳn sâu sắc rõ ràng. Như nói: "Đã là xuất gia, chẳng còn lễ bái người trong nhà. Người xuất tục không thấm nghi ở tục. Đạo lý đó hiển nhiên, trăm đời không đổi thay". Biểu văn đã dâng tấu. Vua lại ban sắc nhóm họp các quan đến trong đài cùng nhau bàn luận việc đó. Khi ấy, các hàng tể quan trong triều có năm trăm ba mươi chín vị xin không bái lạy, ba trăm năm mươi bốn vị xin bái lạy. Đến tháng 6, vua Cao Tông ban sắc "Chẳng bái lạy quân vương mà bái lạy cha mẹ". Nhưng dần cũng phế bỏ. Sư vì đạo pháp, thật đáng gọi là quên mình. Sư dâng biểu chống đối, lúc đó là ngày 21 tháng 4. Bấy giờ, chư tăng từ kinh đô đến thôn ấp hơn hai trăm vị cùng nhau vào cung Bồng Lai trình bày biểu văn của Sư để cầu thỉnh. Khi đó, triều đình cùng nói với Sư, v.v... rằng: "Sắc lệnh đang cần bàn rõ, bái lạy hay không chưa

quyết định, hãy đợi sau sẽ tụ tập". Sư, v.v... bèn lui về. Khi đó, nhóm họp đông đảo tại chùa Tây Minh, cùng nhau bàn luận mưu tính, cùng đề đạt khải trạng đến các hàng đạt quan quý thích, như cứu lửa cháy đầu. Bấy giờ, Tuyên Luật sư dâng khải văn lên Ung Châu Mục Bái Vương, riêng dâng khải văn lên Vinh Quốc Thái Phu nhân, v.v... tất cả đều do Sư phê. Thật đáng tôn xưng Sư là gởi thân cho Đạo pháp.

2. Truyện ngài Phục Lễ trụ chùa Đại Hưng Thiện, ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Phục Lễ, người ở xứ Kinh Triệu, họ Hoàng Phủ. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời tại chùa Đại Hưng Thiện. Tánh tình Sư lặng lẽ ít ưa thích, luôn đặt tâm nơi nội điển, hiểu thông cả Huyền Nho, rất giỏi phú vịnh, khéo hay soạn thuật, các bậc danh sĩ tục lưu thảy đều kính mến. Các vị Tam Tạng Pháp sư Địa-Bà-Ha-La, Thật-Xoa-Nan-Đà v.v... phiên dịch các kinh Đại Trang Nghiêm, Hoa Nghiêm, v.v... đều mời Sư cùng phiên dịch. Trong đó những việc chuốt văn cắt nghĩa đều do Sư đảm nhiệm.

Năm Tân Tỵ (681), tức niên hiệu Vĩnh Long thứ 2, thuộc đời vua Cao Tông, nhân Thái tử Văn Học Quyền không hai thuật lại sách Phật, xét có mười điều nghi ngờ, bèn đem hỏi Sư, xin được giải thích nghi ngờ vướng mắc. Sư bèn vì đó mà giải đáp và soạn thành ba quyển đề tên là "Luận Thập môn biện hoặc ". Chủ khách đối đáp, phân biệt rạch ròi mối nghi, văn thoát khỏi trí phủ, nghĩa ở tại ngoài tâm. Đối đáp như thế, trận vững khó xô ngã. Cờ đỏ kéo mà chúng ma hàng, trống trời trỗi mà Tu-la thối lui. Chỗ nêu mối nghi của Quyền Văn Học chỉ là vài nghĩa, ngoài ra mọi bắt bẻ đối với Sư thật dễ làm sao? Bởi vì không biết Giáo có buông có giữ, văn còn nơi quyền thật, nghĩa là vì mâu thuẩn. Cho nên, Sư thực hành điếu phạt, như nhỏ riêng giúp phải thỉnh mang lệnh của quân môn. Không hai đã vạch trần, lại lập luận hoàn toàn giải thích các mối nghi xưa. Thái tử đáp thư rằng: "Tiếp nối chân thần, đục khoét hang hỗn độn, nghi trăm năm chỉ một sớm mai dứt sạch, mãi vâng theo đường giác, ngộ mãi nguồn mê, đốt cháy củi phiền não, thưởng thức cơm Niết-bàn, xin phụng sự lời nói ấy đến tận cùng những năm còn lại, v.v...". Đây tuy là chỉ phân giải nhất thời mà thật là chuẩn mực gương soi của muôn đời!

Nghĩa học của Sư, thời bấy giờ ít người sánh bằng. Sư còn có tập văn lưu hành ở đời, lại rất sâu mầu bao gồm huyền cơ, đặc biệt sáng tỏ hợp tâm. Sư soạn "Chân vọng tụng" đem hỏi các bậc đạo sĩ trong nước.

Chỉ có vài vị đánh hòa. Bấy giờ, có ngài Tông Mật ở chùa Thảo Đường cân nhắc chọn lựa đến cùng, chỉ có ngài Trừng Quán ở chùa Thanh Lương đạt được chỉ thú đó, giống như gạo thóc của Lô Lang. Ngoài ra chưa thấu suốt được kiến giải của Sư, cho nên các tác phẩm dịch vào đời Đường đều cõi Sư là bậc Tông thượng, và như Ngài Tuệ Lạp gọi Sư là Dịch chủ. Danh từ Dịch chủ phát xuất từ Sư. Sư khéo thông cả năm xứ Thiên Trúc, dung hợp ba thừa, xưa nay các bậc được nêu lên trong đời ít ai sánh bằng. Hai bộ Luận (luận Thập môn biện hoặc và Chân vọng tụng) của Sư được biên tập đưa vào Tạng, đối đáp công kích của ngoại nạn, chỉ dùng qua thuẩn nầy.

3. Truyện ngài Tuệ Lập trụ chùa Ngụy Quốc ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Lập, Sư vốn tên là Tử Lập, do vua Cao Tông đổi Tuệ Lập. Sư họ Triệu, người ở xứ Thiên Thủy. Tổ tiên xa trước của Sư nhân làm quan mà dời đến ở Tân Bình, nên thành người xứ Bân (Thiểm Tây). Ông nội và cha của Sư đều rong ruổi theo danh dự cao sang. Sư là con thứ ba của Khởi Cư Xá Nhân Tư Lệ Tùng Sự Nghị đời Tùy. Vừa mới sanh mà Sư đã có dáng cao siêu, có chí muốn thoát tục.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) Sư vừa mười lăm tuổi, đến xuất gia và trụ chùa Chiêu Nhân ở Bân Châu, chùa đó tức là chiến trường phá Tiết cử. Sư mẫn đạt tài giỏi, thần thanh cao xa, phong cách cao thượng. Sư có thức lượng như Ngài Tăng Triệu, Đạo Dung. Tiếng tăm vang vọng xa gần, vua Thái Tông (Lý thế Dân) ban sắc mời Sư sung vào Đại Đức phiên dịch kinh ở chùa Đại Từ Ân. Tiếp theo đó, bổ nhiệm Sư nhận lãnh chức Đô Duy Na ở chùa Tây Minh. Sau lại trao Sư làm Tự chủ chùa Thái Nguyên, đều có ban giáng luân chỉ, khiến đảm nhận việc chùa.

Đến thời vua Cao Tông cho rằng Sư là người thông hiểu Nho Thích, biên soạn thiên chương, khéo biệt biện như mây bay, ích nghĩ như suối tuôn. Lại thêm vì thẳng lời, sắc chánh, chẳng sợ oai nghiêm, Sư vào lửa nóng đạp nước sôi chẳng hề nao núng, nên từng mời Sư vào nội cung cùng đối luận với Hoàng quan, đều hợp ý vua, việc nầy có nói rõ ở biệt truyện.

Sư nghĩ rằng Pháp sư Huyền Trang đến Ấn Độ thỉnh kinh pháp, nếu không ghi lại sự việc đó thì đời sau sẽ ít được nghe, bèn soạn "Từ Ân Tam Tạng Hành Truyện", chưa xong Sư đã thị tịch. Sau đó, Sa-môn Ngạn Tông ở chùa Quảng Phước tiếp tục biên soạn thành mười quyển,

nên ở đầu đề ghi rằng: "Sa-môn Tuệ Lập bổn, Thích Ngạn Tông tiên". Sư sửa sắp bảo là xong, lo để lại những điều tốt đẹp, bèn cất giấu nơi các địa phủ, ở đời chẳng được nghe. Sau đó, lúc sắp tịch, Sư bảo môn nhân thị giả đào lấy để mở xem, sắp lấy ra thì Sư liền tịch.

Trước kia, Sư thấy Thượng Y Phụng Ngự Lã Tài vọng soạn "Thiên nhân minh đồ chú" ba quyển, chẳng bác bỏ chánh nghĩa của các Sư, Sư liền gởi thư quở trách. Trong thư có câu cảnh tỉnh viết rằng: "Phụng Ngự các tục sự ít nhàm bèn cho là Chân tông có thể liễu ngộ. Đâu khác gì chuột nhắt thấy nồi trên bếp có thể trèo lên được bèn nói là vượt gò chẳng khó. Như nhền nhện thấy gai rừng dễ kéo tơ giăng lưới cũng cho là phù tang có thể giăng lưới, chẳng lường được thân phận và bờ mé, đâu khác thế ư?" Lã Tài do đó mà thôi nghỉ. Thái Thường Bác sĩ Liễu Tuyên nghe việc đó chấm dứt, bèn quy tín, đưa thư đến tăng chúng phiên dịch kinh, viết rằng: ngoài chống lại kẻ lấn áp đó là con đường cuối trong cửa Phật.

4. Truyện ngài Huyền Nghi trụ chùa Phật Thọ Ký ở kinh đô Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Nghi, họ Đỗ, thuở nhỏ Sư đã vào Huyền môn, mới thông Kinh Pháp, học bạn trong Hoàng quan suy cử Sư là bậc minh triết, Ngài vượt trội ngoài đồng bạn, nên đặc biệt được gọi Ngài là "Đỗ Nghệ Luyện Sư". Sư mới lên Cực Lục liền làm chủ Đại Hằng Quán ở Lạc Đô, Sư du tâm bảy lược, được lý Tam Huyền. Các hàng Đạo thuật suy cử Sư là cương lãnh.

Bấy giờ, Thiên Hậu (Võ tắc Thiên) đặc biệt có tâm sùng kính đại Pháp, mở mang Phật giáo. Lại ngộ rằng ăn rau đắng chẳng ngon, bước đi thì xa nhà nguyện, trở lại ban đầu phục hướng Phật mà trở về, bèn khẩn cầu xuống tóc. Thiên Hậu ban chiếu cho phép xuất gia. Sư bèn ở chùa Phật Thọ Ký, sau đó làm Tự đô. Cho nên biết rằng ở loài cỏ thì làm cỏ thơm, ở loài chim thì làm con trống, thật có việc đó. Sau đó, Sư tham dự việc phiên dịch, thảy đều trái ngược với tông kia, Sư biết rõ Chánh giáo đáng nương nhờ. Có người hỏi rằng: "Sao ông tin Phật?" Sư đáp: "Sanh tử vùn vụt nên sớm lo tính, không để đến ngã tư đường mới chỉnh thúc dây cương, tới giữa dòng mới mong đợi mái chèo. Có như hoàng sa trông đấu, hặc quỷ cầu tiên, dụng tâm như vậy chẳng phải rốt ráo. Sư soạn "Chân chánh luận" một bộ, bác bỏ lỗi lầm kia, khiến trở về với chánh chân, thiết lập chủ khách hỏi đáp, rất là tinh yếu. Không biết về sau Sư mất ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Biết tình địch, giúp dẫn dắt về quê cũ, hoặc vào thì sẽ tranh giành địa vức, khỏi bị cười chê bỏ đất. Lại như cầm đuốc đi trong đêm, chẳng phải như người vào chỗ tối. Nghe qua, Ngài Huyền Nghi từng gởi Hoàng Quan, thấu suốt được bổn giáo đó, kịp tới lúc quy hướng dòng họ Thích, bác bỏ nguồn vọng kia, chẳng cần bốn tháng mà thử đó, đã nạp khoản của một thành. Do đó mà xét, nếu có kẻ ngỗ nghịch thì nói: "Tôi sẽ nói ông chân chánh". Nghĩa là như vậy.

5. Truyện ngài Pháp Minh ở phủ Giang Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Minh, vốn là người Kinh Sở, Sư hiểu rành kinh luận Sư còn khéo suất các sách, biện cấp như dòng chảy, khuôn p phép giới luật kiên trì chân chánh.

Thời vua Trung Tông (705 - 710), Sư đến Trường An tìm hỏi phỏng các bậc cao đạt, mới gặp chiếu ban các hàng tăng sĩ đạo sĩ cùng quyết định "Hóa Hồ thành Phật Kinh" là chân hay ngụy. Bấy giờ, nhóm họp đông đúc tại nội điện, có bá quan hầu nghe. Các bậc long tượng ở địa vị cao kháng ngự, Hoàng quan tráo trở, chưa thể phân biệt, khó quyết định rõ ràng. Ban đầu, Sư chẳng tham dự chọn ra những điều tốt đẹp. Hỏi các Đạo sĩ rằng: "Lão Tử hóa Hồ thành Phật, vậy Lão tử vì làm Hán ngữ hóa hay làm Hồ ngữ hóa? Nếu là Hán ngữ hóa Hồ thì người Hồ không hiểu, còn nếu là Hồ ngữ hóa thì Kinh ấy truyền đến cõi này thì phải phiên dịch. Đấy là chưa xét kinh ấy thuộc vào ngày tháng năm nào, thuộc triều đại nào, ai tụng đọc Hồ ngữ và ai là người ghi chép lại". Khi đó, các Đạo sĩ hết đường cứu chữa, vô phương đối đáp. Các hàng công khanh rất mực ngợi khen Sư. Lúc đó nhằm niên hiệu Thần Long thứ nhất (705).

Đến ngày 14 tháng 9 năm đó (705), vua Trung Tông ban sắc rằng: "Các quan sở tại phế bỏ kinh ấy". Khắc vào bia đá dựng tại chùa Bạch Mã ở kinh đô Lạc Dương để chỉ bày cho đời sau. Trong sắc chiếu vua viết rằng: "Trẫm đội ân ở nơi ngôi báu, sửa mới, mở chánh, lại an tông xã, thiết lập đại lễ cung kính, ban ân lớn mưa sấm. Bèn cùng Tăng sĩ, Đạo sĩ đều bày điều đáng răn bảo. Như nghe trong nước, các Đạo quán đều họa biến tướng "hóa Hồ thành Phật", nơi chùa chư tăng cũng họa hình Huyền Nguyên, tôn dung của hai giáo, cả hai đều không thể được. Chế định từ nay về sau trong hạn mười ngày, tất cả đều phải phá hủy. Nếu cố lưu giữ kính ngưỡng, thì sẽ giao các quan định liệu tội trái với sắc lệnh. Hóa Hồ Kinh đã qua nhiều triều đại đã bị sắc chiếu cấm đoán

rõ ràng. Gần đây được biết ở ngoài vẫn còn lưu hành. Từ nay về sau, các bộ Hóa Hồ Kinh và các bản ký lục có việc Hóa Hồ đều phải dứt bỏ. Nếu có kẻ nào chứa để thì y cứ theo sắc lệnh mà định tội". Trong tháng đó, Hoàn Đạo Ngạn là chủ ở Đại Hằng Đạo Quán dâng biểu cố chấp. Vua Trung Tông lại ban sắc phê rằng: "Trẫm vì phải vì tự thân làm, thêm kế thừa việc lớn. Tuy vỗ về thà có nhiều lỗi mà bình thứ thật chuyên, huống gì Tam Thánh sáng ngời, Huyền nguyên tỏ rạng, há quên Lão giáo mà chuyên ý ở Thích tông! Chí ý trẫm thật thuần lưu lại tình mà dứt bỏ ngụy hoặc. Lý trái sự sai, tuy là người thân cũng phải dứt bỏ. Nghĩa hợp danh đáng, tuy có kẻ oán cũng phải ghi chép. Thửa dùng muôn cơ thừa chút nhàn rỗi, lược tìm văn của Tam giáo. Còn như hai thiên Đạo Đức Kinh, cảnh diệu tuyệt ít có. Thiên Trúc có hai đế Hữu, Không, đàm lý bí chân như. Không lúc nào chẳng phu xướng Huyền môn, mở mang chí trách, sao lại mượn sự ngụy vọng của Hóa Hồ để làm hưng thạnh tông của Lão quân? Nghĩa có sai trái, văn không cổ điển, thành Phật thì bốn người khác nhau, luận về đệ tử thì lắm người nghe lầm lỗi. Y Hy đã xưng thành Phật, đã rất rỗng không. Lại nói hóa thành A-nan, bị thành ô hợp. Như bọn Quỷ Cốc Bắc Quách, chưa dẫn lên đất Trung thiên, các bậc Xá-lợi, Văn-thù vọng bày nơi Đông độ, Hồ Hán xen lẫn, niên đại cũng trái. Giẫm nước mà nói Niết-bàn, không hề có điển cứ, đạp lửa mà bàn pháp mầu, có loại phường chèo, giả dối tự bày, sao nói phiền lũ? Kinh chẳng phải do Lão quân chế ra, hủy bỏ thì chẳng phải thiếu lòng hiếu. Văn do bỉ nhân đàm luận, dứt trừ lại bày tiên đức. Lại nói tuy thiết tha mà lý thật chưa an, nên thảy đều là trẫm mong, liền dứt bỏ biểu dâng. Rõ ràng khẩn cấp đương thời vô luân, giúp cửa Hộ Pháp. Do đó mà chống lại lấn áp. Lời xấu ác chẳng để tồn tại. Nghĩa là như thế.

Liên hệ thử bàn:

Hóa Hồ Kinh, hai tông giáo (Phật và Đạo giáo) bất bình, có lắm tranh cãi, không như một lời của ngài Pháp Minh xử quyết đó. Giả sử hoặc ngưng thần mở toang suy tư, lâu nhưng chẳng thể đối đáp. Huống gì lại trước cả muôn thừa ai có thể chọn lời đáp lại? Ngày xưa, Dương Tố thấy ở Tung Dương Quán đắp vẽ cảnh Hóa Hồ, bèn hỏi: "Sao chẳng Hóa Hồ thành Đạo mà thành Phật ư?" Đạo sĩ không trả lời. Xét đó, rõ được câu hỏi nghĩa gồm hai ý, chính vì Hóa Hồ thành Phật, cạnh đó, các vị trời, tiên, ngôn ngữ chẳng đồng với người. Lời tiếng của trời truyền thọ các kinh là do ai biên dịch, việc ấy giống một mũi tên mà bắn được hai con chim le. Lại như một phát mà bắn được hai con.

6. Truyện ngài Thần Ngộ ở núi Thạch Di, thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Ngộ, tự là Thông Tánh, họ Lý, ở Lũng Tây, tổ tiên Sư thuộc bản đãng, thời Tây Tấn, dời nhà đến Trường Thủy, thuộc đất Ngô. Nhiều đời nối tiếp Nho nghiệp. Thuở nhỏ sư là môn sanh. Năm hai mươi tuổi bị bịnh nặng, có hiện trạng như không thể cứu được. Sư khởi tâm giúp hạnh, năng lực sẽ thực hành thế nào?

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742), sư đến chỗ Luật sư Khê Quang, cầu xin phương thuốc của Kỳ Vực, giữ lễ của kẻ môn nhân. Thầy dùng giáo lý chỉ bày cho thấy để chuyển hóa nghiệp, bằng cách một là Lý sám, hai là Sự sám. Hai pháp sám đó do bậc Thánh truyền trao, thực hành sẽ có chứng nghiệm. Sư bèn đối trước tượng Bồ-tát, giữ tâm không lui sụt, đốt cánh tay khó bỏ. Khi ấy, có ánh sáng lạ như vầng trăng lờ mờ nơi cung biếc. Khổ đến cùng tột có thể cảm động đến thần minh, tinh thành chí thiết sẽ rung chuyển cả đất trời. Bởi vì đó là việc khó làm của con người.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ Tư (745), Sư thọ giới cụ túc, thân mới đắp Pháp y. Tới niên hiệu Thiên Bảo thứ 8 (749), Sư có những hành vi khác thường và danh phối thuộc ở chùa. Lúc về già, Sư tiết tháo càng thấy gắng tâm. Hễ mỗi lúc gặp đạo tràng Pháp Hoa, suốt chín tuần (ba tháng), Sư vào đạo trường thực hành lễ niệm, Quán Phật Tam-muội ở ngay trước mắt. Nhân đó, Sư bảo môn nhân rằng: Phàm âm bạc, mặt trời làm sao tổn thương, gió chuyển, hư không chẳng động. Nếu thấu đạt hư vọng, thì ai chẳng có tánh? Sư bèn dựng nhà ở phía Đông núi Lao Lao, bên trong dựa vào cách đá, đạt được phần tiên kinh. Các giống thú dữ dần quen đến bên giường Thiền, mây lành bủa giăng khắp Pháp đường. Nửa đêm có thần núi hiện hình nói với Sư: “Đệ tử tức là cố Tân Thành Hầu Từ Thế An ở đời Tùy. Sống thì làm Liệt Hầu, chết lại giữ lấy Nam Lãnh. Nay Sư đến dừng ở, nguyện xin đem chốn này dâng cúng hẳn cho Sư làm nơi kinh hành”. Nói xong liền biến mất, không còn thấy nữa. Nên Lại Bộ viên ngoại Lý Hoa, Điện Trung Thị Ngự Sử Thôi Ích cùng đến tham yết Sư, có hỏi về sự ưu liệt của đạo Khổng, đạo Lão, và Thánh giáo. Xin Sư phân bày bình phẩm. Sư đáp rằng:”Giáo điển Lộ-già-đa đều là Pháp ngoài tâm, cầu hướng vị ấy chỉ luống nhọc mà không chứng. Nó tợ như đầm khô mà nghĩ tới ánh nguyệt ở ao hoa cạn. Lấy đó mà so với giáo điển họ Thích, sao xa vời như thế?”. Như thế mà ứng đáp qua lại như dòng chảy. Lý Hoa và Thôi Ích chỉ khoanh tay không chống chọi, và họ giữ gìn bờ cõi Thích môn, có lũ nào dám

xâm lược. Lý Hoa là Văn tông của một đời, ngang danh cùng Tiêu Vĩnh Sĩ, mà bút ngữ trội vượt hơn đó. Như vậy trong làng Nho, ai dám chạm sừng. Phàm đồ chúng có những điều không sướng thích hay nghi kinh, vấn nạn Pháp, Sư thảy đều dùng cách gần thì lấy ở thân, xa thì lấy ở vật, đúng như lý mà giải đáp, không ai chẳng cúi đầu chấp cánh.

Đến năm Tân Mão (751), tức niên hiệu Thiên Bảo năm thứ 10, Sư bị bịnh, ngồi kiết già mà thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, hai mươi sáu hạ lạp. Ngày trà-tỳ thâu nhặt hơn năm trăm viên xá-lợi, như hạt châu lớp lớp sáng ngời. Các môn nhân như Trạm Nhất, Viên Nhất chủ trương xây tháp phụng thờ.

7. Truyện ngài Nguyên Sùng ở Chung Sơn, thuộc Kim Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Nguyên Sùng, họ Vương, người ở xứ Lâm Nghi, thuộc Lang Da.Từ Tần Phi Tướng hưng khởi mới khởi văn hiến, sau công tử Oát, từ khi Nam triều suy vọng, gia đình Sư nhiều đời ở tại Cú Dung, từ cha ông trở xuống nếu chẳng hiền thì triết. Từ bé thơ, Sư riêng một mình tuấn tú, cao vợi như núi đứng. Tâm dụ như hoa sen, hình đồng như ngọc sạch. Bụi trần chẳng thể làm tạp nhiễm, lập chí cao nhã.

Năm mười lăm tuổi, Sư từ bỏ gia đình, kính thờ Đạo giáo, mang tráp Động Thiên, hưởng ráng, nằm mây, khuôn phép hun đúc, tinh nghiên diệu cú, riêng chứng vi ẩn, bèn sợ chí lý chẳng dung giải thoát lại trở ngăn. Nhân đó, Sư hướng tâm về sách Phật, truyền xướng Phật thừa, Tam giáo phát triển ngang nhau, gặp Tâm Thế Biểu, từ đó, thanh danh vang vọng khắp xứ Ngô Việt, các hàng tăng tục đều lấy làm lạ. Thứ sử Nhuận Châu là Tề Bình Dương Công nghe hạnh nghiệp của Sư đã lâu. Vừa gặp ân ban chế độ người xuất gia, nhóm tụ đông đúc sung cử Sư đứng đầu.

Vào những năm cuối niên hiệu Khai Nguyên, nhân theo Thiền sư Quỳnh ở chùa Ngõa Quan, cầu hỏi tâm yếu, suốt ngày đêm Sư không biếng trễ, chẳng quên thưa hỏi điều lợi ích. Thiền sư Quỳnh bèn lường cốt ngàn dặm mới đủ biết được sức ngựa. Nhân đó trao cho Sư Pháp sâu xa. Sùng Linh Đài rỗng suốt, có thể xả trăm thần, gương tâm treo cao, bụi trần không riêng ẩn. Thế rồi, thanh giá sáng xa, vật trông chỗ biết, các bậc cao đức ở Kim Lăng thỉnh dời chỗ phối về chùa Thê Hà. Tuổi tác càng cao, Sư càng chuyên cần đạo nghiệp, Đạo thường có manh mối, chúng cùng chiêm ngưỡng.

Đến đầu niên hiệu Chí Đức, Sư đều từ tạ dứt tuyệt việc đời, chống tích bỏ quận tìm đến kinh đô, khắp kính thờ minh sư, gátâm nơi nhàn

cảnh, ít giao tiếp với thế tục. Sư bèn vào Chung Nam, trải qua Vệ Tạng, đến Bạch Lộc, lên Lam Điền, ở tại Võng Xuyên được nghiệp riêng của Hữu Thừa Vương Công Duy. Thông mộc trên đá, nước chảy dưới thông. Vương công đốt hương nơi tĩnh thất cùng Sư đồng gặp, Thần giao trung đoạn. Khi đó trời đất chưa thanh thái, sói lang gây hoạn nạn. Hiền thần của triều đình, vật báu của nước nhà, hoặc ở nơi yên ổn. Tiêu Xá Nhân mừng cùng Hữu Thừa Các Công đều là thạc học hùng tài, tôn Nho trọng Đạo, tình cờ gặp ở một nơi, kháng luận trọn ngày, móc sâu dây ẩn, ôm mong hứa cho. Vương Tiêu khen ngợi rằng: “Phật Pháp, người không nên khinh bàn. Đến khi nói trở lại Hà lạc, leo vượt lên Trung Thất, ở Tung Sơn, ôm hoài chỉ yếu của Đạt-ma, được chỗ hội quy của Hoa Nghiêm, thanh giá dần cao, áo mão ham thích. Các bậc danh đức ở Kinh đô đều thỉnh Sư trụ trì. Chỉ ở tại vô vi, điềm nhiên chẳng đoái hoài, Sư mới quên đi người đời, truy tìm vết tích đạo lưu, khảo xét dấu mờ của Bàng Linh, bèn trở về phương Đông, đến xứ Ngô Việt, Thiên Thai, Tứ Minh lắng tâm dưỡng tố. Sau vài năm xa tưởng đến Chung Sơn, bèn chống tích về chỗ ở cũ, tìm lấy phòng mây, Đạo tục đều mừng, ngọc soi phản chiếu núi sáng.

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ Năm (770), Thứ sử Nam Dương là Phàn Công Nhã Thích Thiền Tịch và Chúc Huyện Hạnh Xuân thuận phong cúi đầu thưa hỏi đạo yếu, càng thêm giữ lễ thờ thầy. Bấy giờ, các hàng đạo tục cho rằng ở chùa đó linh thiêng nên tìm đến ngơi nghỉ rất đông. Giám chủ hộ trì, phải chọn danh đức, đều bàn nhau không vì dời Thiền sư đó. Sư khẩn thiết hết lời cáo từ, song chúng đều đôi ba phen cầu thỉnh, sự chẳng đặng đừng, nên Sư thuận nhận Di Phùng suốt trong hai mươi năm, nhờ tài vật của bốn phương, nhân sức của đạo hóa, biến Lô Vân tạo dựng thành Đan Hộ ngày một thêm mới. Bởi ở chỗ vô vi nhưng không điều gì chẳng làm, công việc thành tựu, thân thối lui an nghỉ nơi đảnh cao của Thiền. Học đồ trước sau cầu học không thể kể xiết. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (787), Sư thị hiện bị bịnh, nói sẽ quy tịch, không uống thuốc thang. Tới ngày mùng 2 tháng 8, Sư thị tịch tại sơn viện, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Trước khi thị tịch, Sư bảo với môn nhân không nên xây tháp. Đệ tử Như Tuyền, Trừng Thiêm v.v... hoàn toàn vâng theo lời Sư chỉ dạy. Đến ngày mùng 8 tháng 8 an táng tại phía Nam Nhiếp Sơn, nương núi cao mà làm huyệt, chất đá chẳng mài chẳng xây, vì vâng theo di cảo. Sư thân cao sáu thước, nghi biểu đoan nghiêm, trông thấy nghiễm nhiên liền phát sợ, ý Sư sâu kín, tánh tình khoan dung, tâm hòa hạnh cao, dáng

trời long tượng, sanh ra đã có khí độ. Sư thọ không lâu thật là đáng tiếc, các đệ tử cùng nhau dựng lập phong bia, ghi lại dấu tích hoằng hóa của Sư dựng ở trước cửa chùa.

8. Truyện ngài Lợi Thiệp trụ chùa Đại An Quốc ở kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Lợi Thiệp, vốn là người Tây Vực, thuộc chủng tộc Đại Phạm Bà-la-môn. Từ thuở bé, chí Sư đã mạnh mẽ, cơ cảnh vượt hơn người bình thường, trong bà con thân tộc đều suy tôn Sư là người đạt Pháp, Sư muốn đến Chấn Đán (Trung Hoa) kết bạn với phương Đông. Vừa đến đảnh núi Kim Thoa, Sư gặp được Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang, Sư đảnh lễ Ngài Huyền Trang cầu xin được độ. Thế rồi với các kinh luận, Sư nghiên tầm học hỏi đến chỗ sâu mầu. Đặc biệt lánh bỏ xa trần quy về Chánh Đạo. Nếu chẳng phải là Ngài Huyền Trang thì khó chuyển đổi được Sư.

Dưới môn tịch của Ngài Huyền Trang, các bậc hiền triết quy về rất đông. Sư chỉ là bé nhỏ, mạnh chừng khoản của Quang Bảo. Song, Sư vì người cũng giống như Bạch Cao Tọa. Vua Trung Tông rất khâm phục kính trọng. Các hàng khanh tướng trong triều đình cảm nghĩa cùng giao du.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742), Sư trụ chùa An Quốc, giảng kinh Hoa Nghiêm. Bốn chúng đến giảng đường, chậm chân không chỗ dung chân, đàn thí đông đúc, lợi lớn làm động tâm người. Có Vi Đinh người ở xứ Dĩnh Dương, nhân trước kia, vào niên hiệu Thùy Củng (658 - 689), Trung Đệ Điều chọn Hà Trung Phủ Văn Học, đổi Đại Lý Bình Sự Bí Hiệu, thấy chỗ giảng của Sư, của cải lụa là chất thành đống, bèn đến xin lựa chọn làm vốn liếng, với những gì có được mà chẳng hề biết thỏa mãn. Bèn dâng biểu xin hai giáo Thích, Đạo cùng định đoạt sự hơn kém, nói rằng trong Thích giáo, Đạo giáo có những kẻ làm hại Chánh chân, nên dứt bỏ đi. Vua Huyền Tông bèn ban chiếu cho Tam giáo (Thích, Nho, Đạo) mỗi giáo tự chọn ra trăm người, đều nhóm họp ở nội điện. Vi Đinh lên trước trên tòa cao, Tỏa Diệp Tĩnh Năng và Không Môn Tư Minh đều từ chối. Sư bèn tiếp rước lên tòa, mở giải nghi kết, đối địch có thừa, cùng với Vi Đinh đối đáp qua lại đến mấy trăm ngàn lời. Đầu mối giao loạn, theo thứ lớp chống lại, tơ rối tự sửa, ngay thẳng có chỗ quy về. Sư Ngài lại hỏi Vi Đinh rằng: "Ông trước khi lên tòa, có phải chẳng là chủ ư? Đó là chưa xét người chủ họ gì". Vi Đinh nói: "họ Vi". Sư liền lấy chữ Vi làm vần, cất điệu ngâm dài, lời kệ rằng:

"Phật pháp ta là vô vi

Vì sao triều này được hữu vi?
Vô vi mới được vài ba năm
Chẳng biết đây lại trái điều chi".

Sư ngâm vịnh khiến cho các quan sửng sốt. Vua Huyền Tông quả thật ghi nhớ việc sai trái, lạnh lùng đổi sắc mặt bảo: "Vi Đinh là tông tộc thứ nhân, dám khinh miệt Huyền Nguyên tổ giáo của Trẫm, và lăng lận đến dòng họ Thích. Vi Đinh hãy xuống điện phủ, phục tùng đợi tội". Vi Đinh liền dập đầu nói: "Thần chẳng thuộc thứ nhân". Sư thương cho Vi Đinh nhanh nhẹn lợi khẩu, vì cởi mở sơ cuồng, nên tâu rằng: "Vi Đinh là người quan ngoại, chẳng phải tộc ngoại Huyền Nguyên". Vua Huyền Tông bèn ban sắc biếm trăm họ ở Tượng Châu, ban thưởng Sư các thứ tiền lụa, trợ giúp ủng hộ xây dựng chùa Minh Giáo, thêm hiệu là Minh Giáo. Hai tông giáo (Phật, Đạo) trở lại ngời sáng là do công đức của Sư. Nhân đó, Sư soạn "Lập Pháp Tràng Luận" một quyển. Trong hàng công khanh có người nói: "Sư là bịnh độc dữ của Vi Duyện ". Sư bảo: "Đó là như mũi tên đã lắp vào dây cung, không thể không bắn". Từ đó khắp kinh thành, đều thay đổi quán. Trong hàng đàm luận diễn giảng cho rằng Sư là tối ưu hơn cả.

Lúc tuổi về già, Sư bị đày đến Hán Đông, liền mở rộng khoan thứ, dời tới chùa Long Hưng ở Nam Dương. Bấy giờ, quốc sư Tuệ Trung biết quý trọng danh Sư, nhờ các quan cùng tham yết, thưa rằng: "Nạp y tiểu tăng hướng trước Sư gia bị cho môn đồ sớm cần liên tọa ở đây. Đến Quán sư đang có Quý Khí, có thể làm Cao Đạo Quốc Đức, chẳng đồng với tôi". Sư mở tráp lấy y vật bảo Quốc sư Tuệ Trung kéo dây. Do đó mà dân chúng ở Tương Đặng đều kinh ngạc Sư huyền ký như thế, danh tiếng đạo hạnh Sư Tuệ Trung càng ngời sáng hơn, do Sư được trọng vọng. Niên hiệu Thượng Nguyên thứ Hai (761), vua Túc Tông ban chiếu mời Quốc sư Tuệ Trung vào cúng dường. Khi đó, vua vào cung, Thái Thượng Hoàng (vua Huyền Tông) dẫn Ngài Tuệ Trung yết kiến Thượng Hoàng (vua Túc Tông), bảo: "Người này đâu giống như Lợi Thiệp". Vậy thì biết tài nghiệp của Sư vô cùng ưu trường, đế vương mến trọng, Sư lại có nhiều tác phẩm. Đến niên hiệu Đại Lịch (766 - 780), có Sa-môn phiên dịch kinh điển là Ngài Viên Chiếu ở chùa Tây Minh soạn truyện về Sư thành mười quyển, đủ biết Sư có lắm ngôn hạnh.

9. Truyện ngài Thần Ung trụ chùa Đại Lịch ở Tiêu Sơn, thuộc Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Ung, tự là Đạo Cung, họ Thái. Sư là cháu đời thứ 15 của Thái Úy Mô, tức Độ Giang Tổ thời Đông Tấn, nhân làm quan nên ở Ký Dương, Sư sanh ra tại ấp đó. Mẹ của Sư họ Tuyên, lúc mang thai Sư, có nhiều điềm lạ, đến lúc Sư đang được ẳm bế trong tã mà chợt nghe tiếng xướng niệm kinh, thì liền có tỏ vẻ như ngưng thần lắng nghe. Đến độ tuổi tết tóc, Sư thông minh vượt trội hơn người. Năm mười hai tuổi, Sư giã từ cha mẹ để đi học Đạo, đến thỉnh nghiệp với Đại sư Tuấn ở chùa Pháp Hoa. Sư thường xem đọc kinh điển Phật giáo, Khổng giáo. Chỉ một lần đọc qua thì có thể tụng thầm lại được, nên đồng bạn ai cũng mến mộ.

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 16 (728), vua Huyền Tông sắc ban độ người xuất gia, Sư bèn phối thuộc danh tịch vào chùa Hương Nghiêm ở Gia Ky. Sư nương tựa Luật sư Huyền Nghiễm ở chùa Pháp Hoa mà học thông Tứ Phần Luật Sao, Ngài Huyền Nghiễm biết được chí khí của Sư, nên nói với mọi người rằng: “Ông (Thần Ung) này vài năm sau sẽ hoàn tất Tư Nam của người học”. Khi đó, Sư càng gắng sức hơn. Ngài Huyền Nghiễm vừa mới soạn ra “Phụ Thiên Luật Ký”, Sư quyết nghiên cứu, suốt cùng được mọi lối thông. Học giả cả một tông ít người có thể ngang hàng với Sư. Tánh Sư chẳng hạn cục, Sư lại theo Đại sư Huyền Lãng ở Tả Khê, học các Pháp Thiên Thai chỉ quán thiền môn, Pháp Hoa Huyền Sớ, Kinh Phạm Võng, v.v... Các nghĩa của Tứ Giáo, Tam Quán v.v... Bí kiện Tải Khải, Quán tánh biết Không. Vừa mới năm hạ quả nhiên Sư tinh thông diễn giảng, mọi người cầu học ở từ Cối Kê, Ngô Quận đều theo về.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Quách Mật ở trong bổn ấp đến thỉnh Sư trụ chùa Pháp Lạc ở phía Tây Phường, nâng cấp khôi phục Phật xá, tầng gác cao tận mây, nửa lắng giang ảnh, lang vũ hoàn bị. Sau Sư đến Trường An, dừng ở chùa An Quốc. Các hàng công khanh nhờ phong vũ đó, hạng người ở gần kính mến liền theo vết mà đến. Sư muốn mở mang Thiền Luật, bỗng nhiên gặp phải binh loạn Lộc Sơn nên trở về Giang Hồ ở phía Đông, trải qua Tương Dương. Ngự Sử Trung Thừa Dữu Quang trước ra trấn tại Kinh Nam, thong dong ở lại vài tháng. Bấy giờ, Cấp Sự Trung tiếp nối Trung Tư Xá Nhân Uyển Hàm xét ngưỡng càng cao nên đều thọ nhận tâm yếu. Sư soạn Lang Vi Tử Xuân, có ngoại thần của đời Đường. Khí phách cứng rắn mà ham học, cùng Sư huấn kháng. Tử Xuân gãy sừng, khắp tòa đều kính phục. Uyển Xá nhân khen ngợi rằng: “Xà-lê đáng gọi là ngọc Ma-ni ngoài trần, sư tử trong luận”. Bấy giờ, mọi người cho là năng ngôn. Sư trở lại trụ chùa Pháp

Hoa ở quê cũ, Điện Trung Thị Ngự Sử Hoàng Phủ, Tăng Đại Lý Bình Sự Trương Hà Kim Ngô Vệ Trưởng Sứ Nghiêm Duy Binh Tào Lã Vị Gia Kỵ Trưởng Khâu Đan Hiệu Thư Trần Duẫn, ban đầu thơ phú qua lại. Lô Sĩ Thức vì đó soạn tựa để nối tiếp sự ngao du của chi hứa, làm cố sự ở trong ấp. Bấy giờ, ngoài việc tu niệm ra, Sư còn trau chuốt văn cú, có tập đến mười quyển. Hoàng Phủ Tăng soạn lời tựa.

Trong khoảng thời gian từ niên hiệu Chí Đức đến Đại Lịch (756 - 780), Sư từng nhận lời thỉnh đăng đàn độ giới. Phát xuất từ Đan Dương, dần thấm tới Kim Hoa, các hàng Thích tử đều tôn xưng Sư là Thân Giáo Thọ. Sư lại vì con đường thông suốt từ Huyện Nam đến Cù Vụ, khoảng giữa đó hơn trăm dặm không có một ngôi chùa nào để cho các hàng Thích tử qua lại ngơi nghỉ. Được Kỵ Đô Úy Trần Thiệu Khâm v.v... dân chúng trong ấp đốc suất, những người kính tin bèn xây dựng chùa, suốt một năm mới xong. Tiến Lại Bộ Thị Lang Từ Hoạt ra giúp Minh Châu, vì nước nhà xóm làng mới nói cùng Liêm sứ Hoàng Phủ Ôn trình tấu ban sắc biển ngạch đề “Đại Lịch”.

Trước kia, Trung Nhạc Đạo Sĩ Ngô Quân soạn “tà luận” mấy thiên, bác bỏ Thích giáo, những người mờ tối bị mê lầm. Bổn Đạo Quán Sát Sứ Trần Thiếu Du thỉnh Sư quyết trạch hai giáo Thích, Lão ai là chí Đạo. Sư bèn noi theo cách nhiếp phục tà kiến của Đức Thế Tôn mà phá ma ở Bảo Lâm dựa vào thành lũy ao hào, dùng chánh chế cuồng, cờ trống mới kéo đến mà Ngô quân xóa vết. Sư bèn soạn “Phá đảo phiên mê luận” ba quyển. Phật pháp ở phương Đông hưng thịnh trở lại, thật là do công đức của Sư. Cuối cùng Sư đến Thiên Thai, lại soạn Địa chí hai quyển, đều dựa vào tân luận. Sư quyết trách phong giác, phong vận lãng bạt, trước sau đều hỏi, đều mời an trí nơi giường riêng, thỉnh Sư làm Tăng Thống, lễ bái tôn sùng.

Đến ngày 14 tháng 11 năm Mậu Thìn, tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4, Sư bị bịnh, dạy răn môn nhân rồi ngồi kiết già, thân tướng trang nghiêm mà thị tịch tại Pháp đường Đại Lịch. Sư thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạp. Đến ngày 14 tháng 12 mới đón rước linh nghi an táng tại gò phía Bắc chùa, hoàn toàn vâng theo tăng chế. Tới tháng 11 năm sau (789) mới xây tháp. Bí Thư Tỉnh Hiệu Thư Lang Lục Hoài soạn bài minh trên tháp. Các đệ tử tài giỏi của Sư như Trí Ngang, Linh Triệt, Tấn Minh, Tuệ Chiếu v.v... đều lộ bày phong dĩnh, thay nhau mở mang truyền bá Thiền Luật. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (795), Hộ Bộ Viên Ngoại Viên Khâu Thượng Khanh soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Sư.

10. Truyện ngài Duy Nghiễm, ở Dược Sơn, thuộc Lũng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Duy Nghiễm, họ Hàn, người ở huyện Giáng, từ thuở bé, Sư đã lanh lợi thông minh hơn người.

Năm mười bảy tuổi, Sư từ Nam Khương đến phụng thờ Thiền sư Tuệ Chiếu ở Sơn Tây, thuộc Hồ Dương. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Sư thọ giới cụ túc với Luật sư Hy Tháo ở chùa Hành Nhạc. Sư mới tự bảo rằng: “Đại trượng phu phải lìa Pháp để được thanh tỉnh, sao lại vụn vặt vâng theo tế hạnh nơi khăn vải ư?” Sư liền đến tham yết Thiền sư Thạch Đầu và được mật chứng Tâm Pháp. Sư trụ tại Dược Sơn. Đêm đó trăng sáng, Sư vượt lên đỉnh núi cao ngất, cười lớn một tiếng, vang vọng tới Lễ Dương ở phía Đông chừng chín, mười dặm. Đêm đó ở Lễ Dương đều nghe tiếng Sư cười, và đều bảo là “Đông gia”. Sáng sớm hôm sau, họ lần lượt tìm hỏi, đắp đổi suy tìm thẳng tới Dược Sơn. Đồ chúng hỏi rằng: “Đêm qua Hòa-thượng đứng ở đỉnh núi cười lớn vậy ư?” Từ đó tiếng tăm Sư vang vọng, xa gần đều náo động.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), Lý Cao làm Khảo Công Viên Ngoại Lang, cùng Lý Cảnh Kiệm kết bạn thân thiện, Lý Cảnh Kiệm hạ bị gián nghị, tiến cử Lý Cao tự thay, đến lúc Kiệm bị khiển trách, từ đó Cao mới bị ra làm Thứ Sử Lãng Châu. Những lúc nhàn rỗi, Lý Cao đến tham yết Sư mà trở thành tỉnh ngộ. Thêm nữa, lúc ban đầu, thấy Sư cầm quyển kinh chẳng ngó lại, vị thị giả mới thưa Sư rằng: “Thái Thú ở đây!” Lý Cao tánh tình nhỏ hẹp hấp tấp, mới nói rằng: “Thấy mặt chẳng giống như nghe danh”. Sư bèn gọi, “Cao đáp Dạ, nói: thưa Thái Thú, sao quý lỗ tai mà xem nhẹ con mắt?” Lý Cao khoanh tay cảm tạ, và hỏi Sư rằng: “Thế nào là Đạo?” Sư đưa tay chỉ trời, chỉ tịnh bình, bảo: “Mây ở giữa trời xanh, nước ở trong bình”. Lý Cao lúc đó như nhà tối đã được sáng, khối nghi vỡ tan, chốc lát nói kệ khen ngợi rằng:

“Luyện được thân hình tợ hình Hạc.
Dưới ngàn gốc thông hai hòm kinh.
Tôi đến hỏi không nói gì khác,
Mây ở trời xanh, nước trong bình”.

Ban đầu, Lý Cao, Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên và Lưu Vũ Tích kết bạn văn hội. Tự cùng nhau soạn “Cổ ngôn pháp lục tịch”. Làm văn truất bỏ phù hoa, chuộng lý trí. Nên nói làm văn tức là Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên và Lưu Vũ Tích. Lại Bộ Thường Luận Trọng Ni đã mất, các đệ tử tin theo khác mối. Nên Mạnh đáp lời. Dòng Hàn Dương mặc tẩy nhiên sót lạc. Mãi đến đời nhà Chu, nhà Tùy; Vương Đạo chẳng hưng

thịnh, nên các người trong làng văn có soạn tác phẩm cũng chỉ thích ứng chung quanh chư tử. Đến đời Đường, Hưng Phòng Ngụy đã để mất đạo, chuộng lấy phù hoa, đến nỗi có các điều xấu tệ của Võ Hậu, tàn dư của An Sử. Tôi ước hai ba ông đồng với trí quân, khôi phục Đạo của Nghiêu, Thuấn, không thể bỏ lời, thánh mà phế Nho, túng Phạm thư mà loạn Hạ. Người có tà tâm dám quy hướng họ Thích, có vượt lời thề, chẳng hưởng tước người, chẳng trọn năm trời, tiên thánh minh thần là trói buộc là giết chóc, Lý Cao lại gặp gỡ được Sư mà chóng rõ bổn tâm. Cuối cùng do Hộ Bộ Thượng Thư Thứ Sử Tương Châu sung làm Sơn Nam Đông Đạo Tiết Độ Sứ, lại gặp được Tử Ngọc Thiền Ông, càng thêm sáng tỏ Đạo thú. Lý Cao bèn soạn "Phục tánh thư" hai thiên thượng, hạ. Đại khái nói rằng: Bổn tánh sáng sạch, chỉ bởi sáu căn nhiễm ô, mê mà chẳng trở lại, nay kéo dắt phục hồi. Như địa lôi lại thấy được tâm trời đất. Tức Nội giáo nói đó là trở về cội nguồn. Sách ấy vừa lộ bày lại vừa mờ ẩn, che mà lại tỏ. Lời văn thì có liền quan đến Trung Dung mà chẳng viện Thích giáo. Nghĩa lý thì theo chân bỏ vọng, sáng tỏ mới hiển bày tự tâm, chẳng sự gì bày tỏ nơi lời, chỉ manh nha ý tưởng.

Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên xem đọc rồi than rằng: "Đạo ta khô héo chậm chạp mà Lý Cao lại bỏ mặc đó". Sư đào luyện những người khó giáo hóa, công sức hộ pháp rất nhiều. Xoay tâm của đứa con nầy, nhổ núi khiêng đảnh vẫn còn là dễ. Tướng Quốc Thôi Quần Thường Thị Ôn Tạo Kế hỏi đạo, Sư hay khai phát Đạo ý.

Đến niên hiệu Thái Hòa năm thứ 2 (828), lúc sắp thị tịch Sư bảo với đại chúng rằng: "Pháp đường sẽ đổ ngã". Đại chúng đều chẳng hiểu ý chỉ, đốc suất người đem cây gỗ dài mà chống đỡ. Sư lại vỗ tay cười lớn, bảo rằng: "Đều chưa hiểu được ý ta". Rồi chấp tay thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Liên hệ thử bàn:

Đọc hai thiên "Phục tánh" của Lý văn Công (Lý Cao), thấu rõ Phật lý mà chẳng dẫn nơi sách Phật. Viện chứng mà bày lấy lễ nghi dễ dàng mà thôi. Có thể gọi đó là ngoài mềm thuận mà trong nghịch cứng. Nên nói được tượng thì quên lời. Trong kinh nói rằng: "Dùng lời lẽ mà trị thế đều thành Chánh Pháp". Lý Cao có được điều đó, Ngài Duy Nghiễm cười một tiếng mà vang thấu làng xa. Tuy chưa nhọc mắt liền xa tìm mà dễ so sánh với trường hợp khác. Long Trì Vĩnh thường than thở, hang xa sẽ đầy. Đạo Sư cảm như vậy mà không biết như thế.

11. Truyện ngài Sùng Tuệ trụ chùa Chương Tín ở kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Sùng Tuệ, họ Chương, người ở xứ Hàn Châu. Thuở còn bé thấy Sư đã có khí phách, chim thứu khó giam lồng, tâm Sư tha thiết muốn xuất trần, sang đảnh lễ Thiền Sư Quốc Nhất ở Kính Sơn, cầu xin làm đệ tử. Tuy chuyên cần Thiền quán, nhưng Sư thường lấy Tam Mật Quán làm việc làm thường ngày.

Ban đầu, ở Xương Hóa, trên đảnh núi cao ngàn khoảnh, Sư kết cỏ làm am, chuyên trì tụng chú Phật Đảnh suốt mấy năm. Sư lại sang Diêm Quan Giáp Thạch Đông Sơn, dựng thất cỏ nhỏ đầu nhọn cao, ở đó nhiều năm. Sư lại phát chí nguyện muốn ngầm tìm theo vết đến chùa Lạc Vân, bỗng nhiên có vị thần thưa với Sư rằng: "Sư trì Phật Đảnh, ít kết Sa-Ha, khiến mật ngữ chẳng viên mãn. Sa-Ha nghĩa là thành tựu. Nay Kinh Thất Phật giáo bị ngoại giáo dày xéo. Khổ ách ấy như khấu liền cờ quân, đợi Sư giải cứu!" Sư rảo bước lên Trình Tây, tâm cũng nhọc nghỉ. Vì chọn cây cũ nên ở chùa Chương Tín mà treo tích trượng. Lúc đó là đầu niên hiệu Đại Lịch (766). Đến ngày 23 tháng 9 năm Mậu thân (768) tức niên hiệu Đại Lịch thứ 3, Đạo sĩ Sử Hoa ở Cung Thái Thanh trình tấu xin được cùng các bậc danh tăng đương thời trong Thích Tông so sánh Phật lực và Đạo pháp xem ai hơn ai kém. Bởi vì, lúc bấy giờ vua Đại Tông khâm trọng kính chuộng Không môn, nên hàng dị Đạo tức giận sự thiên trọng đó mà có lời tấu thỉnh ấy. Bèn ở trước đàn Đông Minh Quán gác dao thành bậc thang, Sử Hoa đạp lên như đi trên đường mặt đá phẳng lỳ. Khi đó, chư tăng ngó ngoái lẫn nhau suy bái mà không ai dám bước lên. Sư nghe như thế bèn đến tham yết Khai Phủ Ngư Triều Ân. Ngư Triều Ân tấu xin ở sân chùa Chương Tín dựng thang chung quanh giá mũi nhọn lấp lánh như sương tuyết, tăng cao trăm thước, còn thềm thang ở Đông Minh Quán rất thấp. Bấy giờ, triều đình công quý cho đến cư dân nơi phố chợ chen chân kề vai mà đến xem sự việc đó. Khi ấy, Sư đi chân trần lên cấp xuống thềm như đi trên đường bình thản, không tỏ vẻ khó khăn. Sư lại đi trên lửa nóng, đưa tay vốc lấy dầu bỏng, ăn lá sắt mà gọi là bánh bột, nhấm đinh dài tiếng như dòn dẻo. Sử Hoa khiếp sợ, xấu hổ bàng hoàng, ôm áo mà lui. Khi đó, chúng đông búng ngón tay ngợi khen tiếng vang như sấm. Vua Đại Tông sai Trung Quan Củng Đình Ngọc Tuyên yên ủy đôi ba phen và mang tặng một chiếc y tía, ban chiếu phong tước Hồng Lô Khanh, tặng hiệu là Hộ Quốc Tam Tạng, ban sắc mời dời về trụ chùa An Quốc. Từ đó thanh danh Sư phát vượt, đức vọng cao vời. Vua Đại Tông lại nghe Sư là đệ tử tài giỏi trong

thân môn của Thiền sư Quốc Nhất thì càng thêm kính trọng. Người đời tôn xưng Sư là "Cân Tử Sơn Hàng Ma Thiền Sư".

Liên hệ thử bàn:

Có người cho rằng Ngài Sùng Tuệ là huyễn tăng, việc ấy thế nào? Thông đáp: Hễ đối với năm trần mà biến hiện, gọi đó là thần thông. Nếu tà tâm biến việc năm trần thì là huyễn ảo. Ngài Sùng Tuệ hành trì pháp Tam Mật Du-già Hộ-ma, do đó giúp Sư có được Chánh Định, đạp lên mũi nhọn, đi trong lửa dữ, đó đâu đáng để kinh sợ? Vậy làm gì có huyễn thay! Luận Du-già có các Tam thần Biến vậy.

12. Truyện ngài Vô Danh trụ chùa Đồng Đức ở Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Vô Danh, họ Cao, người ở xứ Bột Hải, ông nội của Sư làm quan ở xứ mà nay gọi là Tây Kinh, nên trở thành người Lạc Dương. Ở tuổi bé thơ mà Sư có cuộc sống khác thường, miệng chẳng nếm ăn các chất cay n ồng máu huyết, tánh không quen rầm rĩ. Xa mong xuất trần, nên khó mà ngăn giữ.

Năm hai mươi tám tuổi, Sư như nhạn sầu sổ lồng, tìm thầy tập học, nương theo tùy thuộc ở chùa Đông Đức, đến lúc tinh thông Luật tạng, giải một chữ không nghi, nghe có Thiền tông, nghĩ phải ngàn dặm mà thỉnh quyết, Sư bèn nắm được cốt yếu, mở cửa thấy đường, từ bay bút khỏe, tư tưởng như suối tuôn. Nhân đó Sư theo thầy du phương phỏng dò di tích của Tổ Sư. Được Đại Sư Hội truyền trao Tâm Ấn, Đại Sư Hội nói trước đồ chúng rằng: "Ta trao Pháp không có tên gọi". Vì vậy mà gọi Sư là Vô Danh. Từ đó Sư phát chí muốn đi khắp bốn phương, chu du đến Ngũ Đài. Với các xứ La Phù, Lô Phụ, Song Phong, Hoàn Công, Lự Lãnh, Ngưu Đầu, Diệm Khê, Nhã Da, Thiên Thai, Tứ Minh không nơi nào Sư chẳng dò hỏi tìm đến.

Sư với phong cách cao xa, thần thác sáng suốt, người hiểu biết rộng thấy dáng mạo Sư liền kính phục, người thấy biết hẹp hòi thì mở lời hẳn là bị chiết phục. Bấy giờ, vua Đức Tông mời nạp Tiên Vu Thúc Minh Linh Cô Hoàn coi về việc chọn lựa tăng ni, khi đó Sư có dâng biểu can ngăn thẳng và đều đình chỉ. Sau đó, Tiên Vu Thúc Minh Linh Cô Hoàn v.v... xuôi xuống bá tánh ở Nam Hải.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ Sáu (790), Sư đến núi Ngũ Đài, nơi ở không cố định, tới ngày 12 tháng 12 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 9 (793), đang ở tại chùa Phật Quang, thọ trai xong, Sư ngồi nghiễm nhiên mà thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi ba hạ lạp, đến niên hiệu

Trinh Nguyên thứ 13 (795), trà-tỳ nhục thân Sư, thâu nhặt được một thăng xá-lợi. Trạch Lộ Tiết Độ Sứ Lý Bảo Chân xây tháp thờ Sư tại chùa Phật Quang vào năm Canh Ngọ (790) tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6. Có thuyết nói Sư có soạn sớ giải Kinh A-di-đà.

13. Truyện ngài Trí Thường trụ chùa Quy Tông ở Lô Sơn, thời Tiền Đường:

Thích Trí Thường, Ngài trội vượt khác thường, đi khắp các nơi, tham yết các Thiện tri thức, bóng nương Nam Tuyền, đồng đến môn tòa của ngài Đại Tịch, mới thấy Đạo của Giang Tây.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), Sư chống gậy đến Tịnh viện Quy Tông ở Lô Sơn. Đồ chúng hưởng ứng, Pháp của Sư thịnh hành lan đi như gió, Bạch Lạc Thiên biếm truất Giang Châu Tư Mã, rất khâm Phục kính trọng Sư. Vào niên hiệu Nguyên Hòa thứ 6 (811), tiếp theo lại có Lý Bột Viên Ngoại ẩn cư tại Tung Thất để soạn trưng khởi. Đỗ Nguyên Dĩnh đuổi đi, ra làm thứ sử Kiền Châu, ở Nam Khang chưa đầy một năm, rồi lại làm Thứ Sử Giang Châu. Lý Bột nghe rộng biết nhiều, sách của trăm nhà hiền triết không thứ nào mà chẳng xem đọc, nên được mệnh danh là “Lý vạn quyển”. Vừa đến Quận liền mừng được cùng gặp Bạch Lạc Thiên. Nhân nói về những nhân vật hiền triết ẩn dật tại các nơi Tầm Dương, Lô Phụ, Sơn Thủy, luận về vết tích ngài Tuệ Viễ, bèn thuật lại Thiện Đàm Thiền Yếu của Thiền sư Quy Tông. Lý Bột nói: “Bảng vàng nơi triều đình sớm chiều có danh mục, ưa thích rau A-sư”. Bạch Lạc Thiên nói: “Như thế thì chưa biết ăn rau A-sư ư?” Bạch Lạc Thiên mạnh dạn khuyên đến Nhị Lâm, ý đồng với gặp Sư, lúc đến Tịnh Viện Quy Tông, Lý Bột hỏi rằng: “Trong giáo điển có nói: Núi Tu-di chứa hạt cải, hạt cải chứa núi Tu-di. Vậy làm sao hạt cải chứa được núi Tu-di ư?” Sư bảo: “Người ta nói ông là kẻ sĩ thông bác học, xem cả muôn quyển sách, mà lại thấp bé như thế ư?” Lý Bột nói: “Thật hổ thẹn cái hư danh ấy!” Sư bảo: “Sờ từ gót chân lên đến đỉnh đầu, chỉ như thân chừng thước, muôn quyển sách hướng nơi não mà ở?” Lý Bột cúi đầu không nói, lại suy nghĩ mà ngợi khen.

Lại có Sa-môn Thần Kiến ở chùa Đông Lâm, giảng các kinh luận, hỏi: chạm mắt là Giác ngộ, Sư lược nêu cử, Thần Kiến không hiểu, bèn phát lời tụng, Sư chỉ bày cảnh giới xấu. Khi đó Sư phán khu phận nghe ý chỉ.

Sư có dị tướng, mắt sáng tròng đôi; bèn lấy thuốc thoa tay, xoa mãi, bất giác mà vành mắt đỏ hồng, nên mọi người xưng gọi Sư là

"Xích Nhãn Quy Tông" vậy.

Liên hệ thử bàn:

Phật lý sâu mầu, một lời xử quyết. Lời của Huyền giải, hợp với mãnh lợi, ứng nghiệm tợ thuốc tốt mầu, bịnh liền hết.

14. Truyện ngài Sở Nam ở núi Thiên Khoảnh, thuộc Hàng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Sở Nam, họ Trương, người ở đất Mân. Khi đang tuổi tết tóc, tự nhiên Sư quỳ trước cha mẹ tỏ bày chí nguyện muốn xuất gia. Sư đến chỗ Đại Sư Đàm Yết ở chùa Khai Nguyên và được dạy bảo. Lúc thầy trao kinh pháp, mắt Sư thấy qua miệng liền đọc tụng, Sư cầm khăn lau hầu quét tước, ứng đối, rất khéo léo cẩn trọng.

Đến năm hai mươi tuổi, Sư mới xuống tóc, đến núi Ngũ Đài thọ giới cụ túc, đến Thiệu Quận học Luật Tướng Bộ, rồi sang Thượng Đô học Kinh Tịnh Danh. Một kinh, một luật, lược thông Tông chỉ, thì biết Đốn cơ, chẳng cam chịu ràng buộc nơi Tiệm giáo, Sư bèn sang núi Phù Dung, căn tánh chưa phát, Sư tham yết Thiền Sư Hoàng Bá. Hỏi đáp nhiều nên cơ nghi chóng tỏ ngộ. Gặp nạn vua Võ Tông phế hủy Phật giáo, Sư trở về phương Nam trốn sâu nơi hang hóc núi rừng. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860) phục hưng giáo pháp, ra gặp thăng bình. Tướng Bùi Công Hưu ra trấn tại Uyển Lăng, thỉnh Thiền sư Hoàng Bá ra núi, Sư theo hầu từ đó. Tiện dịp, Sư đến chùa Báo Ân ở Cô Tô, chuyên thực hành thiền định, suốt hơn hai mươi năm, chân Sư chẳng đến nhà thế tục

Đến niên hiệu Càn Phù năm thứ 4 (877), Thái thú Cô Tô là Chu Thận Tự, do ảnh hưởng đạo phong nên thỉnh Sư đến trụ Viện Bảo Lâm. Lại thỉnh Sư đến trụ Núi Chi Hình. Tới niên hiệu Càn Phù năm thứ 5 (879), Xương Hóa Huyện Lịnh Từ Chánh Nguyên và Tử Khê Nhung Tướng Nhiêu Kinh đồng thỉnh Sư đến trụ Viện Từ Vân ở núi Thiên Khoảnh. Ngoài việc dạy bảo thiền chúng ra, Sư nghiễm nhiên thiền định suốt tháng hoặc cả tuần. Đến niên hiệu Quang Khải năm thứ 3 (887), Tiền Lưỡng Chiết Võ Túc Vương Tiền thỉnh Sư xuống núi để cúng dường. Vua Chiêu Tông nghe Đạo hóa của Sư nên ban tặng Sư lộc Bào Y Ngũ Sự, riêng mang đến y phục sắc tía.

Đến tháng 2 niên hiệu Văn Đức thứ Sáu (888 - 899) bỗng nhiên có hai vầng cầu vồng soi suốt đường thất, sau đó có hai con nai chạy thẳng vào chùa, đòn dông trên pháp đường gãy lìa. Tới tháng 5, Sư từ biệt tăng chúng rồi vào giường Thiền, xuôi hai chân, duỗi hai cánh tay

tới đầu gối, an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi sáu hạ lạp, xây tháp thờ ở góc phía Tây của viện.

Đến tháng 2 năm Nhâm Tý (892), tức niên hiệu Đại Thuận năm thứ 2, Tôn Nho Khấu ở Tuyên Châu bởi phong lược của Tiền Đường, binh sĩ phá tháp, thấy toàn thân Sư không tiêu rã, móng tay và tóc đều dài ra, bèn ăn năn hối tội mà bỏ đi. Lúc bình sanh, Sư có soạn "Bát-nhã Kinh Phẩm tụng kệ" một quyển, "Phá tà luận" một quyển. Vì Chi, Ngô khác tông nên ngoại địch xem là quý ở đương thời.

15. Truyện ngài Huyền Thái trụ chùa Thất Bảo Đài ở Nam Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Thái, không rõ Sư là người xứ nào, tánh Sư ngang thẳng, chẳng nói lời vô nghĩa, tâm tĩnh nơi tình nghĩa mà hậu động, Lan-nhã Sư ở phía Đông của Hành Sơn, đề hiệu là Thất Bảo Đài. Sư chẳng mặc y phục tơ tằm gấm lụa. Người bấy giờ gọi Sư là Thái Bố Nạp.

Từ khi gặp được Thiền Sư Đức Sơn, hoát nhiên như tự đến. Sư phát nguyện chẳng lập môn đồ, tiêu diêu cầu chí, mà đối với từ bút của Sư, bút như có thần. Bốn phương hậu tiến tuần lễ thấy nhau, đều dùng lễ của Bình Hoài. Sư từng vì phía Nam của Hành Sơn bị dân núi, bọn Mạc Diêu, chặt cây đốt núi tổn hại rất lắm, Sư bèn làm bài ca "Xa Sơn" truyền bá xa gần, vang thấu triều đình. Nhà vua ban sắc khiển trách Thái Thú Hành Châu cấm chỉ việc đó, Lan-nhã ở trong núi do đó mà được tồn tại, không bị cháy lan là do công đức của Sư.

Sư thị tịch lúc sáu mươi lăm tuổi, trước khi tịch Sư nói kệ rằng:

"Không cần cạo tóc
Chẳng cần tắm gội
Một đống lửa dữ
Ngàn đủ vạn đủ".

Nói xong, Sư duỗi một chân mà thị tịch. Trà-tỳ thâu nhặt được Xá-lợi an táng chung ở phía trái, tháp của Đại sư kiên cố, xây một ngôi tháp nhỏ. Lại làm tượng cốt, bài minh ca tụng, v.v... nơi tháp các Tổ sư, người giỏi việc biên chép thành tập mà lưu hành ở đời.

16. Truyện ngài Huyền Sướng trụ chùa Phước Thọ ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Sướng, tự là Thân Chi, Ngài dòng họ Trần, người xứ Tuyên Thành. Từ thuở bé, Sư đã giữ gìn tiết tháo khác thường, những lúc vui đùa thì nhóm cát làm tháp, nhóm lấy lá làm hương.

Năm chín tuổi, Sư đến chùa Thủy Tây ở Kinh Ấp, nương tựa Thanh Nhật Thượng Nhân mà được trao kinh pháp. Năm mười chín tuổi, Ngài xuống tóc, năm hai mươi tuổi Sư sang giới đàn Đâu-suất ở Phước Châu cầu thọ giới cụ túc, nghe nhận luật khoa, thâm đắc Tông chỉ, mới thêu một Pháp y bằng tơ mịn nhuận mầu sắc đẹp mà sang Việt Trung cầu nghe dị thuyết. Sư kính mến ở chùa Tây Minh ở kinh thất có viện cũ của Luật sư Đạo Tuyên, còn cất giấu nhiều vết tích Tỳ-ni Giáo, nhân nương gá ở Pháp tịch của Luật sư Tuệ Chánh, tự đến Kinh hoa, dần được sự thấy nghe rộng lớn từ các vị Đại đức Tam học ở kinh thành. Sư mới chuyên việc giảng đàm, vội đúc chung để lấp ách thì gặp pháp nạn Hội Xương phế hũy Chánh Pháp. Bấy giờ, các Pháp lữ ở kinh thành rất lo sợ bàng hoàng. Lưỡng Nhai tăng lục Linh Yên, Biện Chương đồng suy cử Sư làm đầu để dâng biểu luận bàn can ngăn. Sư bèn soạn “Lịch Đại Đế Vương Lục” tấu trình nhưng vua Võ Tông chẳng nghe. Do đó, Sư cùng chung số phận theo tục phục. Thà khéo Đạo tình như rồng rắn nép phục mà đợi thời, ngọc đá đều cháy mà chẳng cứu. Mãi đến lúc vua Võ Đế băng, vua Tuyên Tông lên ngôi (847). Cửa đóng lại mở, núi dữ dứt cháy. Vào niên hiệu Đại Trung (847 - 860), Sư gặp những ngày Đản thần, vào nội cung bàn luận, vua Tuyên Tông ban tặng Sư một bộ Pháp y ca sa sắc tía, sung vào Đại Đức Lâm Đàn trong ngoài. Vua Ý Tông rất khâm trọng túc đức của Sư, phiên tích thường đến, Sư mới tấn phải tu thêm “Kinh Sám Hối Nhất vạn ngũ Thiên Phật danh”. Lại tấu xin “kinh Bản sanh tâm địa quán “ một bộ tám quyển, đều nhập Tạng.

Bấy giờ thỉnh Sư sung làm thủ lãnh Viện Truy Phước, lại sung làm Đô Duy Na làm tổng trì, sau đó thỉnh đặt Thượng tọa. Ngài giảng Luật 60 tòa. Đệ tử được độ Pháp vài ngàn vị. Sư soạn “Hiển chánh ký” mười quyển, “Khoa lục điểm danh nghĩa đồ” ba quyển, “Tam Bảo ngũ vận” ba quyển. Tuy thuật lại những điều nghe xưa mà nêu đề mục mới, nghĩa vượt ngoài ý, văn giúp thời cần. Vào niên hiệu Càn Phù (874 - 880), vua Ý Tông chọn từ Thượng Tâm, ban tặng Sư hiệu là Pháp Bảo. Đến ngày 21 tháng 3 niên hiệu Càn Phù năm thứ 2 (875), Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi chín hạ lạp.

Đệ tử Tứ Tử là Tuệ Nhu Đại Đức Sư Toại Tông Thiệu để đến ngày 25 tháng 4 năm đó mới đón rước an táng tại thôn Tiểu Lương, làng Cao Dương, Ấp Trường An. Đến năm Đinh Dậu (877), tức niên hiệu Càn Phù thứ 4, Thượng Thư Lễ Bộ Thị Lang Thôi Hãng là người đã cùng Sư giao phân rất sâu sắc, soạn văn bia thuật lại di tích của Sư.

17. Truyện ngài Duy Kính trụ tại Đạo tràng Ban-Chu ở Nam Nhạc, thời Hậu Đường:

Thích Duy Kính, người xứ Trường Khê, thuộc Phước Châu. Sư có tiết tháo tinh ròng, nuôi dưỡng ý chí, phá nạp che thân, y phục không lụa là thêu thùa, gọi là Đầu-đà.

Ban đầu, Sư tham Tuyết Phong, sau thám thấu uyên phủ. Vào niên hiệu Càn Hóa (911 - 913), thời Hâu Lương, Sư vào núi trú tại Báo Từ Đông Tạng, đó cũng gọi là "Tam Sanh Tạng". Ở trong thấy đèn gương của Thiền sư Pháp Tạng, chóng tỏ rõ được môn Pháp Giới Quảng Đại Trùng Trùng Đế Châu Như thị, nhân đó mới khen ngợi rằng: "Các bậc Thánh tiên đạt đầy đủ trí tuệ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn như thế hàng tiểu trí chẳng thể biết được!" Lại nữa, trong Nhạc Đạo Quán cũng thiết bày đèn ấy, qua thời gian, nhân phế giáo nên thầm dời vào Tiên đàn, có Đạo sĩ Tài Nhân Du Nhạc giữ đề rất nhiều. Sư bèn than rằng: "Quýt mùa Hạ nóng nhiệt thà trồng ở thần đô, Thuấn Thiều đều nghe chẳng rõ biết liền quên mùi thịt. Ôi! Hạng người không biết chẳng nghiên tầm đầu mối cội gốc, trận thanh chiên của họ Vương cho là vật cũ, nhận Khổng Tước của Lãnh Nam để làm gia cầm, đời sau đâu biết! Nên ở đây phải phân biệt". Sư bèn soạn "Ngũ tự tụng, Tụng ngũ chương". Người đọc xem biết được Lý Sự dụng nhau, đèn có sở thuộc, thuộc ở hỗ tương, vượt vào quang ảnh, hàm dung hiển bày biển Tánh Hoa Nghiêm. Chủ bạn giao quang, chẳng phải khí dụng của Đạo gia. Sở Vương tấu trình ban tặng Sư hiệu là "Bảo Văn đại sư".

Vào niên hiệu Khai Bình (907 - 911) thời Hậu Lương, Sư tiếp tục soạn "Bảo Lâm Truyện" tức là ghi lục nguyên phái Tổ Tổ kế thừa nhau trong Thiền môn từ niên hiệu Trinh Nguyên (785 - 805) thời Tiền Đường về sau. Sư còn soạn riêng "Nam Nhạc Cao Tăng Truyện" không rõ bao nhiêu quyển. Đó cũng là một đời Thiền tông đạt sĩ văn thể đáng xem. Sau, Sư thị tịch ở trong núi.

Vật vượt nghi dường như khó liền phân biệt. Ngài Duy Kính ghi chép đèn gương, như di vật được mang trở về nhà, người đời sau ắt chẳng dám trộm lấy về nhà họ. Nên nói: "Việc trước không quên là nguyên quy của đời sau ".

18. Truyện ngài Đạo Phi trụ chùa Phước Tiên ở kinh đô Lạc Dương, thời Hậu Chu:

Thích Đạo Phi, Sư người làng Quý Trụ ở Trường An, gia đình thuộc Tông Thất của nhà Đường. Cha của Sư theo Yến Tương tông

đứng đầu Ngũ Viện ở Duyên Đường. Mẹ của Sư họ Hứa, vì cầu tin tức nên thường trì tụng Phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm. Bỗng mộng thấy ánh sáng thần chiếu soi vào mình, nhân đó mang thai Sư. Đến lúc sanh thì Sư mặt mũi khôi ngô, hình chất trang nhã. Bà con thân thích lấy làm lạ và mến yêu như là đồng tử cõi trời. Năm mới tròn một tuổi, cha của Sư làm tướng lãnh tại Phấn Tấn dẫn quân đến Hoắc Sơn mà qua đời vì vương sự. Sư còn bé thơ, nên nhóm tụ nô đùa, hình dáng cười tươi.

Năm bảy tuổi, bỗng nhiên Sư bỏ không ăn chất máu thịt tanh nồng, mỗi lúc đến tinh xá thì vui vẻ quên trở về. Sư bèn xin mẹ sang chùa Bảo Thọ đảnh lễ Pháp Sư Kế Năng, tôn xưng làm thầy. Năm chín tuổi, Sư khéo thông lễ tán theo Phạn âm. Năm đó, Tương Tông đến Thạch Môn, Sư theo thầy đến nghinh giá. Năm mười chín tuổi, Sư học thông Kim Cương Kinh nghĩa, bèn hành trì và giảng suốt, lại giá trở lại kinh đô Lạc Dương ở Trường An bị đốt phá rã tan, Sư bèn vai cõng mẹ đi về hướng Đông, đến Hoa Âm. Lưu Khai Đạo làm loạn, Sư lại mang mẹ đến vào Hoa Sơn an nghỉ trong hang núi. Bấy giờ, gạo thóc hiếm quý, mỗi đấu đến muôn đồng tiền. Sư lần lượt đi khất thực trong thôn xóm, tự chuyên thai tức, chỉ cung cấp cho mẹ Sư dùng. Mẹ hỏi Sư đã ăn chưa, Sư đáp: “Vừa rồi ra ngoài đã thọ trai xong”. Sư sợ thương tổn ý của mẹ mà giữ tâm chí hiếu như thế!

Năm Sư hai mươi tuổi, mẹ của Sư bảo rằng: “Cha của con đến Hoắc Sơn bỏ mạng nơi chiến trường, hài cốt phơi dầm sương móc, con có thể đi thâu nhặt đem về an táng, làm thế chẳng là hiếu ư?” Ngài bèn từ giã mẹ già, đi sang ấp Hoắc, dựng am tranh, nhóm công tích tập cốt xương trắng lại một nơi, suốt ngày đêm tụng kinh, và chú nguyện rằng: “Người xưa tinh thành có sự cảm ứng giọt máu nhận xương. Nay ta chí làm con hiếu há không linh nghiệm gì ư? Nếu trong đống xương này có cái nào nhúc nhích, thì đó tức là di hài của cha ta “. Sư nhứt tâm chú tưởng như vậy, mắt chẳng tạm rời. Trong khoảng thời gian vài ngày, quả nhiên có các xương từ trong đống xương vọt ra tranh nhau phóng túa trước Sư, lay động giây lâu. Ngài liền khèo lấy hai chân nhảy vọt ôm chầm lấy như hiện đang sống, rồi mang trở về Hoa Âm. Đêm đó, thân mẫu Sư mơ thấy người chồng trở về nhà, tới sáng mai thì Sư mang xương về đến. Sư giữ hạnh hiếu vô cùng cảm kích, tiếng tăm ngày một vang xa.

Đến năm Sư hai mươi bảy tuổi, gặp Diệu Châu Mục Lâu Kế thỉnh Sư tới trụ viện Di Lặc, của chùa Phước Tiên ở Lạc Dương. Là chỗ tẩy rửa vết thương của Pháp Sư dịch Kinh Thích Đạo An đời nhà Tấn. Đến

năm Bính Dần (906), tức niên hiệu Thiên Hựu năm thứ 3, thời Tiền Đường, Tế Âm Vương ban tặng Sư Pháp y sắc tía. Vua Trang Tông (923 - 926), thời Hậu Đường tặng Sư danh hiệu "Quảng Trí Đại Sư". Dưới thời Hậu chủ đời Hậu Lương, thời vua Trung Tông, vua Minh Tông (923 - 934) đời Hậu Đường, hễ trong nội cung có kiến lập hương đàn, thì Sư đều ứng chế đàm luận, phần nhiều là đứng đầu. Đến thời Hậu Tấn dời đô, nay là xứ Đông Kinh, niên hiệu Thiên Phước thứ 3 (938), vua Cao Tổ (Thạnh Kính Đường) ban chiếu mời Sư vào Lương Uyển, làm chức Phó Lục Tả Nhai tăng sự, Sư cùng với Đại Sư Chiêu Tín, là bậc truyền Pháp A-xà-lê đều có dung mạo trẻ thơ, nên gọi là hai vị Bồ-tát. Và cũng vì vậy mà các triều quý, sĩ thứ phần nhiều thỉnh Sư để học phương pháp sống lâu. Sư luôn tinh cần không biếng trễ. Mỗi danh hiệu Phật Sư lạy một lạy, từ Kinh Phật Danh cho đến bốn bộ Kinh Pháp Hoa, Kim Cương, Nhân Vương, Thượng Sanh, Sư đều mỗi chữ mỗi lạy. Nhưng Sư giữ hạnh Đầu-đà, đến lúc phân vị có hai đệ tử theo hành.

Đến năm Giáp thìn (944) thuộc niên hiệu Khai Vận, thời Hậu Tấn, Sư giữ chức Tả Nhai Tăng Lục, tuy làm việc của chúng tăng mà Sư vẫn giữ thời khóa tu trì thường ngày. Tướng quốc Lý Công Đào, Tây Khu Mật Thái Phó Vương Công Phác, Hàn Lâm Thừa Chỉ Đào Công Cốc v.v... đều hết lòng kính trọng. Đến niên hiệu Càn Hựu (948 - 951) thời Hậu Hán, Sư cáo bịnh từ tạ xin trở về phương Tây. Trong lúc chưa được chấp thuận, gặp phải thời nhà Hán suy bại, binh lửa nổi dậy lan tràn, phóng túa cướp bóc. Sư ở dưới mái hiên tụng niệm suốt hai ngày, mọi lộn xộn không còn thấy gì. Khi đó, mọi người ở kinh thành thấy nghe như thế càng thêm khâm phục kính trọng. Sư lánh về Lạc Ấp, vua Thái Tổ (951 - 954) thời Hậu Chu vốn đã ngầm kính trọng Sư, nên trong niên hiệu Quảng năm Thuận thứ nhất (951), vua ban sắc mời Sư làm Tả Nhai Tăng Lục, chẳng cho từ chối. Sư lại trở về Đông Kinh đảm nhận việc chúng tăng. Thế Tông y sửa sang phủ chính, sợ Không môn phiền tạp, muốn tấu trình sa thải, mời Sư cùng bàn bạc. Khi đó Sư hỏi nạn giao phát mở dụ tâm vua Thế Tông. Sư bảo: Sự thanh tịnh cao quý của chư tăng hẳn không lộ bày ở trước người. Trong tăng hoặc có người hung ác, bướng bỉnh, riêng giao du trên đời, ắt sợ chánh thi, cỏ Bao cùng với Lan chỉ mà cắt bỏ, mới có việc đào thải vàng, trục bùn cát mà khuấy động. Đại vương anh minh muốn soi chiếu súc dưỡng trí đáng hành, là vì ích lợi cho hoàng đế hay tổn hại cho người thân của vua? Nếu vì ích lợi cho quân vương thì chẳng nên khiến một vật mất chỗ, nếu vì tổn hại thân thuộc tức là phá hoại ruộng phước lục hòa. Huống gì thiên hạ mới tạm

bình yên, vết thương lở loét chưa kín miệng, xin đợi để lúc sau tìm bắt cũng không muộn! Nên Lão Tử nói: “Sửa trị nước lớn như nấu con cá tươi sống nhỏ, sợ nó quẩy động mà tan rã”. Vua Thế Tông rất lấy làm thấm thía lời nói đó, và bèn theo đó mà dừng. Đến lúc vua Thế Tông lên ngôi (954), Sư bảo với chư tăng rằng: “Tôi cùng với Hoàng Đế sớm đã có chí, các ông nên răn nhắc, giữ gìn lẫn nhau, kiên quyết cầu xin mở giải trở về Lạc Dương”. Ngài lại lập lễ bái Kinh Thủ-lăng-nghiêm, hai năm sau quả nhiên ban sắc đều hủy chùa tăng, đồng thời lập tăng trướng, bởi sự hạn chỉ ấy. Hũy phá chánh giáo không sâu là nhờ sức của Sư.

Đến Ngày mùng 8 tháng 6 năm Ất Mão (955) tức niên hiệu Hiển Đức thứ 2, Sư thị hiện bị bịnh, qua ngày mùng 10, Sư bảo đệ tử sớm lo cháo để dùng, và Sư bảo:”Có chúng Bồ-tát Thủ-lăng-nghiêm rất đông cùng đến đón rước”. Sư bảo đánh bảng, chốc lát thì thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, bốn mươi bảy hạ lạp. Tăng tục đều gào khóc, các chùa lo đầy đủ oai nghi, đón rước về an táng ở phía trái chùa Quảng Hóa ở Long Môn và xây tháp đá để thờ. Lúc Sư chưa tịch, hồng chung trong chùa tự nhiên tắt tiếng, đầu rồng ở ngoài chùa bỗng nhiên cũng gãy rơi, Sa-môn Trừng Thanh mộng thấy đòn dông ở chánh điện bị gãy rơi. Rất lắm điều quái lạ.

Liên hệ thử bàn:

Thời nhà Chu, vua Võ Đế phá Phật, đến năm Tân Hợi (591) thuộc niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Thái Úy Thừa Triệu Văn Xương xuống minh phủ thấy Võ Văn Ung (vua Võ Đế 561 - 579 thời Bắc Chu) đang chịu hành xử, gởi lời xin vua Văn Đế), Dương Khiêm (581 - 602) đời Tùy tìm cách cứu giúp. Đến thời Hậu Chu, vua Thế Tông (Sài Vinh 954 - 960) đào thải hủy phá tư ấp, khắc lập tăng trướng nên nói rất có thể vời lấy quả báo xấu ác đó, hoặc có xuống minh phủ thấy điều đó. Đều tán thành kẻ quyết sự, đồng ở phụ xứ, lược đồng như vua Võ Đế thời Bắc Chu, chưa biết việc đó ư?

Thử luận bàn:

Cửu trùng sở dĩ thành thâm nghiêm, do nhờ bảy lễ giữ gìn ưu hoạn. Thành cao tường lớn thêm hiệu úy mà giữ gìn. Đãy tê da hủy giúp tướng quân mà chiến đấu. Vua đã an chỗ thì bề tôi cũng lập công. Giống như bên ngoài Thích môn kẻ xem thường bỗng đến đắc pháp, dắt đó ở trong quyền mà có sự đối địch nầy, khiến cho Đại Đạo tan mất mà trùng phục huyền cương, dứt bặt mà lại trưng bày. Ta có Trọng Do là người lời ác chẳng để vào tai. Ngoài chống lại sự khinh thường, không thể

tạm mất. Than Ôi! Chân giáo (P. giáo) truyền đến phương Đông đã qua nhiều niên kỷ, hứng chịu lấy gian truân chẳng khuất chỉ để tìm. Pháp ràng buộc hữu vi, bốn tướng vì đó mà dời đổi, ánh sáng tuy không tổn, song vầng mặt trời mặt trăng, vì đó mà có sứt mẻ, Hoàn Sở không mối manh, bắt chước chạy theo, được thời mà biến Pháp, đức dư ấy bắt đầu từ đó, riêng thừa lực mà trách tăng. Nhờ Viễn Công gởi thư đến, nhân triều đạt kháng sớ, chỉ thành bạo chính, không nịnh hót nhân tình. Thời Nguyên Ngụy ôm lòng tà, Chu Ung chuộng biện. Ngài Đàm Thỉ mới vạch trần vết tích dối trá, Ngài Đạo An phấn phát ngôn từ bén nhọn, là đợi hố Tần có thể trốn lánh luật Hán, mới an định được hai đức, nghi đó trú thọ ứng chân, vào ra hình thái ấy giúp người ách nạn, cứu kẻ đắm chìm. Ngài Uy Tú suy lường ách vận đó, giận trái thường này. Trên nếu công kích thì cộng lũy lên trước. Vì Pháp tình cờ phạm mà Nhan bất tử. Sư phục lễ đáp từ khó của Quyền văn Học, nhóm thành giải phán, Ngài Tuệ Lập bác bỏ Lã Phụng, ngự đồ chú khỏi lan tràn Khuy du, cả hai mặt đều thông. Ngài Huyền Nghi soạn “Chân chánh luận”, một trường vọt giá. Ngài Pháp Minh phán định việc, Hóa Hồ, đáp về Khổng Lão với Lý Hoa, các danh Nho đều nhiếp phục. Nêu rõ đúng sai đối với họ Vi, biện thế tù cương. Ngài Thần Ung lấp bít Từ độc ký ở Thiên Thai, Ngài Duy Nghiễm sai Lý Thành soạn ở “Luận Phục Tánh “. Trong đó, hoặc xúc chạm với thuật của Sử Hoa, nhân đạp lên thang dao, cản ngăn điều quấy của vua Đức Tông, mới đình chỉ sự sa thải, bày đáp cảnh tỉnh Lý Bột làm lời vè để chiếm Hành Sơn. Luận phá tà thật đáng lấy làm tông, bài tụng Giám Đăng quy về ta.

Trên đây là các đức hạnh vượt tục cao vợi, thử cản ngăn giặc thù, chống lại xem thường. Nói nó mỏng manh thì phát giận quên ăn, rất chẳng phòng trở lại vấy bẩn. Như cao nguyên phóng lửa, mùi hôi của lan ngãi cùng cháy, cây cối thiếu gió, thì ổ chim loan, chim si đều úp đổ. Đó chỉ dùng để gọi sự bạo ngược phá diệt đạo pháp ta trong niên hiệu Hội Xương. Từ đời Hán đến đời Đường, trải qua mấy phen nguy ách, nhưng nặng nhất là thời Võ Tông. Ban đầu có Đạo sĩ Triệu Quy Chân trao thuật lưu niên cho nhà vua, sủng ngộ không gì sánh được. Mỗi lần đối đáp tâng bốc, bài bác phá hủy Phật giáo nên dứt bỏ hết, bởi vì Triệu Quy Chân từng ở dưới thời vua Kính Tông vào ra nơi ngõ ngách cung cấm, thế lực như dò xét nước sôi. Đến lúc họa buộc, bạo giết tự nhiên sự thể như tương, chư tăng khắp kinh ấp đếu cùng nhau phát sanh nhạo báng chê cười. Triệu Quy Chân thống thiết tâm cốt, biết ngày nào quên được, trở lại gặp Võ Hoàng nhân duyên quen lớn gần gũi, vì là Lương

Nhai Giáo thọ tiên sanh. Khi can gián thần khán sớ, Tể thần Lý Đức Dụ thường nói Triệu Quy Chân sợ nó lay động, nên tấu đón rước La Phù Triệu Nguyên Khởi, Nam Lạc Lưu Huyền Tĩnh vào. Nhà vua cho rằng thần tiên đến như thế là do cùng làm kỳ, giác đồng hủy Thích môn, ý muốn báo thù cho việc chư tăng bị cười chê. Chúng khinh phủ xe, bầy thước táo sợ núp. Tu-di nghiêng đổ, khốn cùng thay phong hóa của kiếp tận, Hữu đảnh thấp tịt, cậy vào chày túc thông, há gọi là cuối cùng ư? Sẽ có lúc phục hội, vào niên hiệu Đại Trung thực hành tru diệt kẻ phế giáo, thời Hội Xương chẳng phải là Lão của ngày sau. Than ôi! Thuật kỳ bí của Triệu Quy Chân xưa nay không có. Sao ta có thể gởi mừng giận đối với tâm của Thiên tử, tuy Vương Tấn An, Kỳ đều phế như vậy. Bấy giờ, có các Đại sư Huyền Xướng, Pháp Bảo nhận mời làm chức Lưỡng Nhai, quơ một dao đồng loạt cắt đứt, biên tập xưa nay, sưu tầm kinh sử, soạn thành biệt lục dâng tấu phơi bày nêu mốc trái ngược, tay long lân đã duỗi, tâm tham dò hang hổ càng mạnh. Bịnh độc dữ tan, thì dao con huơ làm gì, sông vẩn đục, một ít keo dính mà man giải, như đều sợ chấn động, cái gọi là tọa khán. Ngài Huyền Sướng tay nâng chẳng khắp núi, chẳng khỏi sợ xúc chạm bẻ gẫy của công sức chung. Phàm chư tăng ngày nay không buông lung hủy mạn, hủy mạn là tiểu nhân, đến lúc vây bủa độc họa, quân tử chịu lấy, cũng như lửa tại cửa thành mà cá trong ao bị chết. Thẳng bảo: Chu Võ chẳng rơi nơi địa ngục A-tỳ, Triệu Quy Chân tự lên tiên cảnh, vua Tuyên Tông phá diệt đó đã lấp trách. Cho nên Tỳ-kheo chỉ nên quán xét lại thân hành, chớ dò xét huyền môn, việc chẳng liên can đến mình. Lại vì không môn nhiễm tập như thế, không đấu đánh ở tứ chi mà tổn thương thân thể. Mỗi vị đều là bậc Thánh lập giáo, vô tướng đoạt luân, khi thực hành như vậy gọi là chân chánh hộ Pháp. Lão Tử nói rằng: “Lục thân chẳng hòa thì có hiếu tử, nếu không có tên gọi hiếu tử, thì tin lục thân rất hòa “.

Các vị trên đây đều là trong nhà có tranh giành mà gào khóc. Nhân được tên gọi là cha mẹ tốt lành. Nay tôi, nhà lưu truyền chỉ khuyên ở tương lai, hai tôn giáo hòa đồng chớ trông đời sau, học trách móc thẳng, nguy hiểm ở trong đó. Làm quân vương chẳng lấy, cho nên gặp việc có thể dùng, cùng việc đáng làm, hẳn nhậm buông giữ, chớ nên giao trụ. Sau đó, biết thời gọi là Đại Pháp Sư. Truyền lại thế nào? Cùng thời mà động, chẳng lụy đến người sau. Nghĩa là như thế đó!

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 17 hết)

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 18

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG VI

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có ba vị).

1. Truyện ngài Đàn Đặc ở phủ Tây Lương, thời Hậu Ngụy:

Thích Đàn Đặc, còn có tên gọi khác là Tuệ Phong, không rõ Sư là người xứ nào, thân tuy xuất gia mà Sư thường thô tháo không kìm chế được, uống rượu ăn thịt, nói nín chẳng thường. Bàn luận toàn điều trái ngược, nhưng sau khi sự việc xảy ra thì đều đúng như điều Sư đã nói. Sư ở tại Võ Uy, phóng ý buông lung.

Bấy giờ, Vũ Văn Trọng Hòa làm Thứ sử, mời Sư vào Châu. Ngài rảo xem qua giasản của Trọng Hòa rồi mới bảo rằng: "Ý nghĩ thế nào mà chứa để tài vật của quan vậy ư?" Trọng Hòa không hiểu được ý chỉ, tức giận nên không cho Sư ở trong thành. Sau đó không lâu, Trọng Hòa chống cự chẳng chịu thay, triều đình sai Độc Cô Tín bắt lấy. Trọng Hòa thân chết, tất cả của cải đếu sung vào của quan. Chu Văn nghe vậy ban thư thỉnh Sư, Sư đến Ký Châu, gặp Tề Thần Võ đến đánh cướp ngọc bích. Sư bảo: "Loài chó đâu thể đến cửa rồng ư?" Thần Võ quả nhiên không đến cửa long mà tự trở về. Hầu Cảnh lúc chưa làm phản, trước cửa Đông Ngụy bỗng cầm một chiếc gậy, trên đầu gậy có chạm hình con khỉ luôn khiến mặt nó xoay về phía Tây, ngày đêm đùa giỡn, lại tìm một góc cung để buộc kéo nó. Bỗng nhiên Hầu Cảnh khải giáng, tầm xoay lưng quay về đất Lương. Đều có chứng nghiệm.

Đến đầu mùa xuân niên hiệu Đại Thống năm thứ 17 (552), thời Tây Ngụy, tự nhiên Sư đội chiếc mũ vải. Chu Văn và mọi người chung quanh đều kinh sợ hỏi lý do. Sư bảo: "Ông cũng đội và vua cũng phải đội vậy". Đến tháng 3 thì Ngụy Văn Đế (Nguyên Bảo Cự) băng. Sau Sư lại lấy lụa trắng làm mũ đội, mọi người chung quanh hỏi về lý do thì Sư bảo:

"Các ông cũng phảo đội và nhà vua cũng phải đội vậy". Sau đó không lâu thì phu nhân của Thừa Tướng qua đời. Sau, lại thêm một lần Sư đội mũ và hỏi đáp đều giống như trước. Bỗng nhiên Võ Ấp Công là người con thứ hai của Thừa Tướng qua đời. Sư có nhiều việc ứng nghiệm đều đại loại như thế. Không bao lâu thì Sư thị hiện bị bịnh mà thị tịch, Chu Văn lo việc an táng.

2. Truyện ngài Hà Thốc Sư ở Tấn Dương thời Hậu Ngụy:

Hà Thốc Sư, không rõ Sư là người xứ nào. Vào niên hiệu Hiếu Xương (526 - 528) thời Bắc Ngụy, Sư thường qua lại chợ Tấn Dương, với hình tướng Sa-môn mà vừa ngu vừa trí. Người thời bấy giờ chẳng ai lường biết được về Sư, mà chỉ gọi là Hà Thốc Sư.

Đến lúc Tề Hoàn Võ sanh người con thứ hai, tức Cao Dương, là Vua Văn Tuyên Đế. Võ Minh Thái Hậu thấy nhà Sư rất nghèo khổ, cùng thân thích bàn về gia kế, chỉ lo đói lạnh mà chết. Cao Dương mới sanh chỉ được vài tháng chưa biết nói, chợt nói "sống được", hai chữ rõ ràng. Mọi người chung quanh Thái Hậu đều kinh hãi mà chẳng dám nói, chỉ cho là yêu quái. Bấy giờ, có sự rao truyền Hà Thốc Sư là bậc thần dị soi xét mọi việc thươờng rất đúng, khéo dẫn dụ Sư đến. Ý của Thái Hậu muốn đoán biết đứa bé nói sớm có quái lạ chăng, mới tìm kiếm khắp chư tử. Văn Tương Ngụy Vĩnh Hy Hậu bên cạnh dùng lục vị trải qua dò h ỏi. Đến Cao Dương vài ba phen đưa tay chỉ trời mà thôi, miệng không nói lời nào. Như chư tử đều không có cử chỉ riêng. Sau không Sư tịch ở đâu.

3. Truyện ngài Huyền Quang người Nước Tân-la, đời Trần:

Thích Huyền Quang, người ở xứ Hùng Châu, thuộc Hải Đông. Thuở thiếu thời mà Sư đã dĩnh ngộ thông minh, sớm nhàm chán tục trần, quyết tìm cầu danh sư, chuyên tu phạm hạnh. Đến lúc lớn khôn, Sư phát nguyện vượt biển đến Trung Hoa cầu học Thiền Pháp. Lúc đó, Sư từ Quốc lợi đến núi Hành Sơn. Gặp được Hòa-thượng Tuệ Tư đang khai vật thành hóa. Thần giải cùng tham. Ngài Tuệ Tư xem xét nguyên do, bèn thầm trao cho pháp môn An Lạc Hạnh trong tinh thần Kinh Pháp Hoa. Sư bén nhạy như thần chùy chẳng cứng thì không phạm, mới như kiếp bối có nhuộm đều đẹp. Sư bẩm thọ vâng hành, siêng năng không đổi thay. Không bao lâu Sư chứng đắc "Pháp Hoa Tam-muội", bèn thỉnh cầu ấn chứng. Ngài Tuệ Tư chứng minh cho, dạy rằng: "Sở chứng của ông là chân thật bất hư, hãy khéo hộ niệm, khiến Pháp trường tồn

tăng trưởng. Ông về lại bổn độ, thiết lập thiện quyền, khéo gánh vác, loài sâu hại đều biến thành tò vò!" Sư lễ tạ mà rơi lệ buồn khóc!

Từ đó, Sư trở về Tích Giang Nam, thuộc bổn quốc, thuyền bè chuyên chở rời bến. Khi đó, mây nhiều mầu giăng bủa làm tán loạn cả mắt, tiếng nhạc thanh nhã vang vọng giữa hư không, giáng tiết cầu vồng, truyền gọi mà đến. Giữa hư không nghe có tiếng bảo rằng: "Thiên Đế thỉnh mời Thiền Sư Huyền Quang ở Hải Đông". Sư khoanh tay lánh nhường. Chỉ thấy vị đồng tử mặc áo xanh dẫn đường phía trước, trong khoảnh khắc đã tới kinh thành, vả lại, nếu chẳng phải quan phủ ở nhân gian thì thiết vũ vệ đó chẳng khác gì lân giới, tham tạp quỷ thần, hoặc có người nói: "Ngày nay Thiên Đế xuống cung vua rồng, thỉnh cầu Sư nói Pháp môn Thân chứng. Chúng tôi thuộc loài Thủy phủ mong đợi lợi ích từ Sư". Ngài đã lên Bảo Điện, kế đến vượt bước lên Đài Cao, như điều thưa hỏi mà lược bàn, qua bảy ngày, sau đó Long Vương đích thân đưa tiễn và từ biệt. Chiếc thuyền kia vẫn lênh đênh giữa biển khơi chẳng tiến tới, Sư lại lên thuyền. Mọi người trên thuyền nói mới trải qua nửa ngày mà thôi. Sư trở về Ông Sơn, thuộc Hùng Châu, chống tích kết am mới dựng thành phạm sát. Hạng người Đồng thanh tương ứng, đắc Pháp như cửa trập vừa mở. Hạng ưa thích Tiểu thừa hồi tâm như loài kiến trùng ham mê máu thịt, tiếp nối nhau chật đến. Trong đó như thăng đường thọ có riêng một vị, vào Hỏa Quang Tam-muội có một vị, vào Thủy Quang Tam-muội có hai vị, cùng nhau chứng được hai thứ Pháp môn. Hàng vâng theo mà phát khởi làm rõ được tên gọi Tam-muội. Môn sanh của Sư thí như đàn chim nương tựa vào núi Tu-di, đều đồng một mầu.

Sau, Sư thị tịch hay về đâu, không được rõ! Tổ Nam Nhạc dựng lập ảnh đường. Phía trong đắp họa tôn tượng hai mươi tám vị, Sư ở hàng đầu. Và ở Tổ đường chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai cũng giống như vậy.

Liên hệ thử bàn:

Sau khi Phật diệt độ, xét về người nhập Đạo, dùng bốn pháp: Giáo, Lý, Hạnh, Quả để minh xác thì không thể ẩn tránh. Cách Thánh càng gần thì người tu hành thành quả vị chứng. Cách Thánh hơi gần thì người tu hành học Giáo dễ thấy Lý. Cách Thánh càng xa thì người học Giáo chẳng siêng năng và thấy Lý cũng chẳng chân thật. Hễ một niệm không sanh thì khoảng thời gian trước sau đều dứt bặt, ấy là đốn tâm thành Phật. Lý Phật cụ túc, thực hành hạnh Bố thí, chưa từng nói về hạnh Phật, cụ thể mà vi diệu. Tại Đông Hạ (Trung Hoa) từ thời Lục

Tổ về sau, phần nhiều bàn nói về lý thiền, ít nói về hạnh Thiền. Vả lại, khiến người thấy Đạo như cứu lửa cháy đầu cho nên như thế. Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc, thiết tha kiêm tu thừa giới đều gấp. Vì thế người học ứng nghiệm về các hạnh quả. Trong đó như người nhập Hỏa Quang Tam-muội mà trong Kinh Xử Thai cho là dùng thiền định nhiếp ý nhập Hỏa Giới Tam-muội thì cảnh giới rỗng suốt mà kẻ ngu cho đó là bị thiêu đốt. Như nhập vào Thủy giới Tam-muội thì kẻ ngu thấy mà cho đó là nước mà ném vật vào. Tâm Bồ-tát như h ư không, bất giác xúc nhiễu. Đó chẳng phải chỗ mà hàng Nhị thừa thành tựu mỹ mãn. Đó mới là sự cấp thiết ở hạnh quả. Nếu miệng nói mà thân ý chẳng tu thì do đâu mà trợ Đạo ư?

4. Truyện ngài Pháp Hỷ ở cung Giang Đô đời Tùy:

Thích Pháp Hỷ, người xứ Nam Hải, hình dạng thấp xấu, yếu ớt, tuổi chừng bốn mươi. Các bậc lão túc ở Lãnh Biểu đều nói: "Từ thuở còn bé mới thấy biết thì dáng mạo của Sư cũng như nay không khác. Ở xứ mọi rợ man diên có tương truyền là Sư đã ba trăm tuổi. Và Sư cũng tự nói: "Xưa kia cũng từng gặp biết Đại Sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn". Sư nói lại mọi việc ở đời Tống, Nhà Tấn rành rẽ như tin tức mới xảy ra ở đêm trước. Lúc bình thường thì Sư lặng lẽ, gặp người thì nói, mà nói thì có mang thâm ý, mọi việc lành dữ sự tốt xấu đếu như có ảnh hưởng. Nên mọi người cũng chẳng muốn thấy mặt Sư, vì sợ Sư nói thẳng ý tai ác ngỗ nghịch.

Dưới đời Trần, Mã Tĩnh làm Thứ Sử Quảng Châu vừa mới lên nhận nhiệm, Sư đi thẳng vào Châu, lên trên sảnh sự có vẽ hình đầu ngựa dưới đất, chỉ cho con ông ta thấy rồi bỏ đi. Mã Tĩnh vốn là dòng họ có tiếng ở Phù Phong, hùng dũng có lắm võ lược, biết rõ sự thể. Đến lúc vào Châu, mỗi lần xuất hành cả mấy muôn bộ tùng binh sĩ, cờ xí kiếm kích như cầu vồng, sáng ngời tợ sương tuyết, nói lấy đó có thể dùng để tuần xét. Ông ta xa xỉ quá độ đến nỗi các hàng vương giả củng chẳng bằng, bị dân chúng vu cáo là có mưu ý phản loạn. Mã Tĩnh lo sợ liền sai người dẫn vợ con hơn cả trăm người vào triều trình bày không có âm mưu biến đổi. Trần chúa vẫn còn lầm hoặc, sai Lâm Nhữ qua thời gian xem xét thân thế, bảo rằng: "Nếu có hành động phản loạn thì sẽ bị hành xử. Còn thật không mưu nghịch thì đi thẳng mà thay thế". Lâm Nhữ ham lợi tài sản của Mã Tĩnh, khi đến Châu chẳng xem xét đúng sai. Mã Tĩnh ỷ cậy tâm mình không đổi khác bèn thốc tay đến chỗ Lâm Nhữ. Lâm Nhữ bèn quát bảo mọi người chung quanh bắt lấy chém đầu

Mã Tĩnh. Đến đó mới thấu suốt việc họa vẽ dưới đất của Sư có hiệu nghiệm. Những điều thấy trước của sư đều giống đồng như thế.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) nghe thế, truy tìm lại Dương Châu. Sau đó không lâu, trong cung xây cất một ngôi nhà mới hoàn thành. Sư vội vàng bước lên nhà ấy xem xét rồi bỗng nhiên kinh hãi chạy xuống tầng cấp bảo rằng: "Không bao lâu sẽ đè chết". Đêm đó mưa lớn, ngôi nhà đó sụp đổ đè chết mấy người. Sau đó, Sư lại đi rảo quanh trong cung bảo là cần tìm kiếm đầu đê. Vua Dương Đế nghe rất ghét và trách Sư cho đó là lời nói cuồng, ra lệnh trói lại giam trong một căn phòng suốt mấy ngày. Tam vệ ra chợ thấy Sư đang thong dong đi lại, bèn trở về trình tấu. Vua sai sở ty xét xem lại chỗ giam giữ cửa khóa vẫn như cũ, người đang coi giữ nói là Sư đang ở trong phòng. Khi đó, mở cửa xem thì thấy áo cà sa phủ che trên một đống xương cốt mầu trắng. Sợi xích trói ngang cổ vẫn không mở. Vua Dương Đế rất kinh hãi, lấy làm quái lạ, liền sai Trưởng sử Vương Hằng mau xem xét thì thực sự thấy áo cà sa che phủ trên đống xương trắng, xương cốt đều móc nối liền nhau, xích sắt quấn ở cổ bộ xương. Vua nghe thế kinh ngạc mà khen ngợi, càng thêm kính tin tôn trọng. Ra lệnh không được xem thường dời động và bảo rằng: "Các bậc Thánh có thần biến vô phương. Đến chiều Sư trở lại phòng đó, hoặc nói, hoặc cười v.v... người coi giữ lại trình tấu vua Dương Đế bảo hãy mở xích thả ra, Sư đi đâu tùy ý.

Có lúc, trong một ngày Sư đến thọ trai thực ở mấy nhà. Hoặc có lúc Sư uống rượu ăn thịt đều không kiêng cữ. Không bao lâu Sư thị hiện bị bịnh, thường nằm trên giường, vứt bỏ chiếu cỏ v.v... mà nằm dài, bảo ng ười đốt than đỏ cháy ở phía dưới, vài ngày sau thì Sư thị tịch, nửa thân bị cháy bỏng, an táng ở cạnh chùa Hương Sơn. Sau đó bốn năm, tại quận Nam Hải trình tấu thấy Sư hiện vẫn còn ở tại quận. Nhà vua ban sắc khai quật mở nắp quan tài thì chỉ thấy trống rỗng, chẳng có gì cả.

5. Truyện ngài Khâm Sư ở Lạc Châu đời Tùy:

Thích Khâm Sư, không rõ Sư là người xứ nào. Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 617), Sư đến xứ Quảng Bình, hình thần trái lầm, vội vàng khó dò biết, nói năng bất thường. Sư vào trong viện thấy ở chùa Linh Thông xây dựng ngôi tháp năm tầng bằng gạch, định mở mang cao lớn, công việc đang lộn xộn. Sư trông thấy mỉm cười, bảo với chúng tăng trong chùa rằng: "Xây cất cái ấy làm gì vậy?" Chư tăng bảo: "Công đức Phật sự phải dùng cảnh hùng vĩ, sao Pháp sư hỏi kỳ vậy?" Sư cười bảo: "Xây dựng lầu phong hỏa (đồn lửa canh phòng) vậy!" Chư tăng lúc đó

cùng nhau chê trách Sư rằng: “Hạng người điên khùng ấy nói đâu đáng để ý”. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ 9 (613), tháp vẫn chưa xây xong, giặc cướp bốn phương nổi dậy, ở Châu Quan cảnh phòng nghiêm mật, trên tháp có đặt Hầu Vọng Hỏa Phong. Khi đó mới tin lời Sư nói không luống dối. Các vị kỳ cựu cũng không biết Sư từ đâu đến, ngay chỗ nghỉ ở cũng không dấu vết gì nhưng mà luôn luôn biến thân ở chuồng heo, tức đồng tử theo đàn heo. Mấy người như Mã Thế Đạt, v.v... thấy Sư lúc mới biến, bèn dừng lại có ý dò xét xem thử Sư hiện lại hình người như thế nào. Sau đó, quả thật bỗng nhiên hiện lại hình người đứng ở phía sau nhìn mọi người và gọi lớn rằng: “Bọn các ông muốn nhìn cái gì?” Mọi người kinh hãi chấp tay bái lạy Sư, Sư biến hiện chẳng thường đều như thế. Đến lúc mọi người tán loạn, tiếng tăm vết tích về Sư cũng mất hẳn.

Liên hệ thử bàn:

Chư tăng ở đời Ngụy, đời Tùy sao có lắm sự ứng hiện như vậy? Thông đáp: Các vị Bồ-tát vận dụng tùy loại hóa thân. Dùng thần thông để du hí. Ngay sự du hí mà làm lợi ích cho thế chủ. Có người nói rằng: Trong thời Ngụy, Tề, Trần, Tùy cùng với Luật sư Đạo Tuyên có sự tương tiếp tai mắt, cớ sao không đưa vào tục truyện? Thông đáp: Có chỗ không biết nên thiếu sót như vậy, và cũng do đến thời nhà Tống văn quỹ đã đồng, đất đai bờ cõi rộng rãi, thường hay có những chuyện kỳ lạ khó biết hết được. Nếu có vị tăng nào vậy mà sử thị chưa biên, thì các nhà viết truyện không có bằng cứ, nên cũng thiếu sót, nên chẳng kịp ghi chép. Để đợi các bậc hiền giả đời sau.

6. Truyện ngài Tăng Già trụ chùa Phổ Quang Vương ở Tứ Châu, thời Tiền Đương:

Thích Tăng Già, Sư người nước Hà ở phía Bắc Thông Lãnh. Sư tự nói là dòng họ Hà, cũng như Ngài Tăng Hội vốn người nước Khương Cư, nên gọi là Khương Tăng Hội.

Nhưng hợp có tên Hồ Phạm. Tên đã là tiếng Phạn, họ có thêm tiếng Hoa, rõ biết nước Hà ở phía Đông Bắc nước Toái Diệp, là Phụ Dong Toái Diệp.

Sư ở tại quê nhà, xuất gia từ thuở nhỏ. Sau khi đã là tăng sĩ, Sư phát chí du phương, Ban đầu Sư đến phủ Tây Lương, kế đến là trải qua Giang Hoài. Lúc đó, khoảng đầu niên hiệu Long Sóc (661). Khi đã ghi danh phối thuộc chùa Long Hưng ở Sơn Dương, từ đó Sư mới phát bày thần dị. Ban đầu, Sư dẫn đệ tử là Tuệ Nghiễm đồng đến Lâm Hoài,

tới cư dân ở phường Tín Nghĩa xin đất hạ nêu, lời ký quyết định tại xứ đó có xây chùa. Trong hang đất có được bia đá cổ mới biết đó là chùa Hương Tích thuộc nước Tề. Được một tôn tượng vàng lá y khắc chữ "Phổ chiếu" Vương Phật ". Cư dân ở đó khen ngợi điều kỳ lạ, bảo rằng: "Thiên nhãn thấy trước, chúng ta sao chẳng xả thí ư?". Bia đá và tôn tượng đó đến niên hiệu Trinh Nguyên cho đến niên hiệu Trường Khánh (785 - 805) - (821 - 825), qua hai lần gặp phải hỏa tai nên mất hẳn dấu vết.

Sư thường nằm ở nhà của Hạ Bạt, thân hình bỗng nhiên dài ra mà giường chõng cũng tự dài ra ba thước, mọi người không ai chẳng kinh hãi lấy làm quái lạ. Kế đến, Sư hiện hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm mười một mặt. Cả gia đình cho đến dòng họ vui mừng gấp bội, càng thêm kính tin tôn trọng, bèn xả thí ruộng vườn làm nền chùa Hương Tích, tức là nền chùa hiện nay vẫn còn. Do đó mà vết tích kỳ dị vụt chốc nẩy nở không ngừng.

Đến niên hiệu Cảnh Long thứ 2 (708) vua Trung Tông sai sứ mang chiếu thỉnh Sư vào Nội Đạo tràng. Nhà Vua đến tại Pháp Diên bàn luận về tháo tất, hỏi đáp tốt xấu thảy đều phù hợp. Vua ngợi khen ban sắc sửa sang ngôi chùa đó và đề hiệu là"Phổ Quang Vương". Đến năm Canh Tuất (710) tức niên hiệu Cảnh Long thứ 4, Sư thị hiện bị bịnh. Vua Trung Tông ban sắc đón rước Sư từ Nội Đạo tràng sang tĩnh dưỡng tại chùa Tiến Phước. Tối ngày mùng 2 tháng 3, Sư nghiễm nhiên an tọa thị tịch, thần sắc vẫn như còn sống, chỉ nhắm mắt lại thôi. Sư thọ tám mươi ba tuổi, không biết bao nhiêu hạ lạp. Sư ở tại bổn quốc (nước Hà) ba mươi năm, mở mang tại Đường Độ (Trung Hoa) 53 năm. Vua Trung Tông buồn thương đến viếng điếu. Khi đó uế khí xong nghẹt mà hình thể Sư vẫn tươi tấn, hiện nhiều linh tích. Nhà vua ban sắc Ty thuộc cung cấp ba trăm xấp lụa, giúp đỡ đón rước về an táng tại Hoài Thượng, lệnh cho các quan đồng tiễn đưa, dân chúng sĩ thứ đông nghẹt đường. Tối ngày 15 tháng 5 là đến chỗ huyện nầy.

Vua Trung Tông vì kính mến không quên, nhân đó hỏi Ngài Vạn Hồi rằng: "Ngài Tăng Già là người thế nào?"Ngài Vạn Hồi đáp: "Sư là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm! Trong Kinh há không nói đó sao? Đối với người đáng dùng thân hình Tỳ-kheo để được độ, thì hiện tướng Sa-môn để độ!"

Ban đầu, Sư hóa hành tại Giang Biểu, dừng nghỉ tại chùa Linh Quang ở Gia Hòa. Đó là nước Trạch. Dân chúng phần nhiều đắp bờ bắt cá, bắn tên săn thú giao ngọ. Sư tha thiết đôn đốc dẫn dụ, chỉ cho

các nghiệp sát ấy làm cho con người bị đọa, nên gấp tìm kế sinh nhai khác. Bấy giờ, rất nhiều người nghe theo mà phá lưới bẻ câu. Những lúc nhàn rỗi Sư yên nghỉ, thấy vị thần đến mách bảo rằng: "Ở phương trên nắng hạn, lúa mạ của trăm họ khô chết, đó là do rồng biếng nhác?" Sư bảo:"Như thế biết làm sao?" Thần nói rằng: "Như đêm nay, chỉ đưa ngón tay nhỏ ra ngoài ngạch cửa sổ, xem người như thế nào". Sư bèn y theo. Đêm ấy sấm sét khác thường. Đến sáng sớm mai xem ở ngón tay nhỏ thấy có gân mạch như chỉ hồng. Sư tự bảo: "Ta không có duyên với xứ nầy". Ngài bèn đến Tấn Lăng, thấy chùa Quốc Tường bị hoang phế, bèn để lại chiếc y trên đòn dông trên chánh điện mà đi. Sau đó, mọi người nghe có mùi hương thơm lạ phảng phất. Sư có ghi ở đó rằng: "Chùa ấy sẽ có vua cõi người xây dựng lại". Ba mươi năm sau quả nhiên có vị tăng dòng họ Toàn làm đàn-na. Vào khoảng niên hiệu Thông Thiên Vạn Tuế (696 - 697), đang lúc ở trong chúng tại Sơn Dương, dự biết ganh ghét đối với Sư, (vị tăng đó) bèn nói rằng: "Tôi có năm mươi muôn đồng tiền, kính dâng hỗ trợ công đức, chớ sanh bàn tán rộng rãi". Sư bèn ở trên bờ sông Hoài, gọi một chiếc thuyền mà bảo rằng: "Ông có của cải cúng thí, tôi có thể khoan thứ hình ngục. Những gì ông chuyên chở sẽ bị cướp đoạt hết! " Bọn trộm nghe theo lời nói đó bèn xả bỏ hết và điện Phật do đó mà được xây thành. Sau đó không lâu, bọn trộm cướp bị lộ, bị bắt giam tại ngục ở Huyện Dương Tử. Sư cưỡi mây xuống an ủi rằng: Đừng lo. Chưa qua ngày đó đều được phóng thả, khỏi phải chết.

Xưa kia, tại Trường An, phụ mã Đô Úy Võ Du Kỵ bị bịnh, Sư lấy nước ở bồn tắm giặt phun vào mà lành. Hoặc cầm lấy bình nước, hoặc bảo sám tạ lỗi lầm, ứng nghiệm chẳng dối bày, thành công không tổn mất. Trừ thân tai họa kia rồi thì cầu xin ngựa, thí như trời nóng nực thì kiếm tìm quạt. Hoặc nhận tiền của kẻ trộm, hoặc trói cổ bằng dây đen, hoặc tìm giếng của La-hán, hoặc tỏ ngộ đấm chìm của họ Bùi, hoặc dự biết có tuyết lớn, hoặc cứu hạn bằng mưa bay. Thần biến vô phương, đo lường chẳng có độ thường.

Vua Trung Tông ban ân sắc, Sư độ ba vị đệ tử Tuệ Ngạn, Tuệ Nghiễm và Mộc-Xoa, mỗi vị đều được ban tặng y bát và được bảo tiếp nối hương hỏa, mãi đến lúc Sư đã thị tịch, trải qua nhiều năm và nơi chốn. Sư từng hiện hình ra chợ Hán Nam mua đồ vật, đến lúc thương nhân Lý Thiện Tín đưa thuyền đến chùa kiếm tìm người mua đồ vật cúng trai. Chư tăng thấy trong tháp hình tượng Sư nghiễm nhiên mà đưa tay chỉ: "Chính là vị tăng này đến xin mua!" Xa gần mọi người đều

khen ngợi. Sư từng tới Hồng Tỉnh đổi cây gỗ, kết bè mà đến.

Vào niên hiệu Đại Lịch (766 - 780), chùa Tướng-lặc ở Trung Châu trông coi mười dịch, khiến xuất tiền của cung cấp người thừa truyền. Đến lúc sẩm tối vào tháng 7 niên hiệu Đại Lịch thứ 15, Sư hiện hình vào Nội Điện, xin miễn dịch bưu đình. Vua Đại Tông ban sắc Trung Quan Mã Phụng Thành tuyên cáo phóng thả. Nhà vua bèn mang xả thí ba trăm xấp lụa và hơn ngàn đoạn lụa mầu, bồn tắm bằng vàng, một bộ y phục của Hoàng Thái tử. Bảo đắp vẽ tôn dung của Sư đưa vào trong cung để cúng dường. Thêm nữa, vào niên hiệu Càn Nguyên (758 - 760), Châu mục Lý có suy bộ, nói là thổ tú thêm tai họa sẽ phải yếu kém. Sư bỗng hiện hình vỗ vào lưng Lý, bảo rằng: "Ta đem nước đến, ra mồ hôi thì tai họa tiêu ". Sau quả nhiên không có lỗi. Sư từng đến Yên Sư cầu chiên kế, ít lâu sau, Sa-môn Yên sai người mang vật cần cầu đến, nhận ra hình trong tháp nên rất kính tin, bèn họa vẽ tôn dung Sư mà mang về. Từ Yên kế xoay vần truyền tả có mặt ở khắp nơi.

Đến niên hiệu Trường Khánh thứ nhứt (821), bỗng dưng vào nửa đêm nọ, ở trước nhà ngủ của Châu mục Tô Công có tiếng khen ngợi rằng: "Hoài Nam, Hoài Bắc phước vốn ở đây. Từ Đông sang Tây đều thành đất Thục ". Năm đó chỉ trong địa vực Hoài được mùa. Đến năm sau (822), chùa tháp đều bị thiêu cháy, chỉ di thể Sư nghiễm nhiên không tổn hoại gì. Vào niên hiệu Hàm Thông (860 - 874), có Bàng Huân vốn là binh lính ở Từ Châu, chuyên lìa Quế Quan, men đường cướp bóc mà tiến đánh Tứ Châu vây hãm lấy thành. Sư hiện hình trên đảnh tháp, giặc cướp bên ngoài đều ngủ, trong thành chợt phát ra tiếng nói, giặc kinh hãi chạy trốn mà thối lui. Tô Châu đem việc ấy tấu trình, Vua Tuyên Tông bèn ban tặng sư hiệu là "Chứng Thánh Đại Sư". Đến niên hiệu Văn Đức thứ nhứt (888), bên ngoài giặc cướp xung đột, Châu tướng là Anh Thành chống địch. Sư hiện hình ở góc Tây Bắc thành. Giặc thấy biết là thành lũy vững chắc khó hạ, kinh hãi mà trốn mất. Đến niên hiệu Đại Thuận (890 - 892), Bành Môn Soái Thời Đoàn sai Trương Gián đánh phía Bắc thành. Ngoài tru lục, có hơn năm trăm người, giam hãm tại các đạo tràng. Trương Gián, trong lúc đang hoảng hốt, thấy một vị tăng mặc y sắc tía dạy rằng: "Hạng người bình dân như thế sao lại giết họ, chẳng bằng hãy thả họ đi!" Nói xong liền biến mất. Trương Gián bèn thả mọi người mà trốn. Đến niên hiệu Càn Ninh thứ nhất (894) Thái Úy Đài Mông mộng thấy Sư bảo rằng: "Hàn rét ở Đông Nam hãy chuẩn bị". Đài Mông không hiểu được ý chỉ, bèn đem chăn bông pháp phục cúng thí Sư. Đến hôm 30 tháng 12, có một binh sĩ nhảy thành lũy

mà vào, lúc đầu Đài Mông không biết. Lại mộng thấy một vị tăng dùng tích trượng ấn lên trên tim, lạnh buốt cả tim gan, kinh hãi mà vùng dậy. Đài Mông ra lệnh đánh động trống sừng. Bọn giặc kinh hãi bỏ chạy. Bắt được tên thủ lãnh vốn họ Hàn. Đến lúc đó Đài Mông mới hiểu. Do đó, trên đảnh tháp, thường hay hiện hình tướng tiểu tăng, khắp cả Châu Quận đều chiêm ngưỡng, hễ có điềm lành dữ thì báo điềm. Bấy giờ, nếu cầu xin gió thì thổi gió, cầu xin con thì được con. Nay nghe có người đích thân đến lễ bái, thường chẳng thấy hình tướng Sư, hoặc thấy dáng vẻ mỉm cười tức là tốt lành, nếu không như thế tức là hung dữ. Còn nếu không thể độ thì như thế.

Đến thời vua Thế Tông (956 - 960) thuộc thời Hậu Chu, Sư có việc đi đến Giang Nam, trước tiên đến Tứ Thượng, Sư gá mộng vào dân chúng trong Châu mà bảo rằng: "Không nên khinh địch". Như thế cả Châu Mục đều chưa tin. Từ đó nhà nhà đều nằm mộng thấy mách bảo như thế, nên thông báo cho toàn cả Quận. Đó đều là nhờ Sư giúp đỡ. Trong nước hễ nơi nơi nào tạo lập tinh xá, đều lập chân tướng của Sư và dề bản là Đại Thánh Tăng Già Hòa-thượng. Có điều gì mong cầu nguyện ước thường toại lòng người. Lý Bắc, Hải Ung Hồ đều soạn bia ca tụng đức hạnh Sư. Nay Thượng Ngự Vũ lưu tâm đối với điều đó. Tháng Ba năm đó, có vị Ni đi đến núi Ngũ Đài trở về, nhân thấy Sư hiện tướng hài nhi trên đảnh tháp, bèn lên sát trụ (cột chùa) xả bỏ thân mạng mà cúng dường.

Vào niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7 (982) thời Bắc Tống, vua Thái Tông, tức Triệu Quýnh hoặc là Quang Nghĩa, ban sắc cho Cao Phẩm Bạch Thừa Duệ sửa sang lại tháp thờ Sư, mở mang rộng rãi, xây thêm nhiều tầng cấp. Qua năm sau (983), vua lại sai sứ đón rước Xá-lợi bảo hóa đồng an táng dưới nền tháp. Ngày đó, có Sa-môn Hoài Đức xây dựng lầu củi tự ôm đuốc thiêu thân cúng dường, trong lúc lửa cháy dữ dội có tiếng tụng kinh không dứt. Thêm nữa, lúc sắp xây dựng tháp, có cây gỗ lớn ba rễ cong theo sông Hoài mà xuống, đến gần Phù Kiều thì dừng, bèn nhặt lấy làm trụ tim tháp. Vua Thái Tông ban sắc cho Điện Đầu Cao Phẩm Lý Đình Huấn làm chủ ở đó. Trước kia chùa đó có pho tượng bằng vàng khắc đề hiệu là Phổ Chiếu Vương, mới lấy làm biển ngạch chùa. Sau, để tránh ngự danh của Thiên Hậu (tức Võ Hậu, Võ Chiếu, Võ Tắc Thiên) mới dùng chữ Quang để thay. Gần đây Tuyên Sách Tăng Già Thực Lục tấu trình nhà vua xem xét xong, ban sắc để trả lại biển ngạch là Phổ Chiếu Vương.

Ngài Mộc-Xoa, là đệ tử Sư lấy tiếng Tây Vực làm tên, Hán dịch

là Giải thoát. Từ thuở nhỏ, Ngài Mộc-Xoa theo Sư làm đệ tử, nhưng thường hiển bày lắm việc linh dị. Niên hiệu Trung Hòa năm thứ 4 (894, thời Tiền Đường, vua Hi Tông), Thứ sử Lưu Nhượng Quyết Phụ Trung Thừa, một đêm nọ bỗng thấy có vị tăng mặc y phục sắc tía bảo rằng: "Ta có đệ tử tên là Mộc-Xoa an táng tại phía Tây chùa, vì ngày tháng đã qua lâu, ông hãy đào lên". Và bèn chỉ cho chỗ an táng. Mới nằm mộng đều không để ý, sau lại mộng như trước, Trung Thừa được chỉ chỗ trong mộng, muốn thi hành đoán đó, thấy có hai họ chiếm cứ. Bấy giờ là họ Nhiêu Tiền, khai quật đến ba thước mới có được hòm ngồi, bèn mở ra trên cốt đảnh có xá-lợi phát ra ánh sáng, sai đem thiêu và thâu nhặt hơn tám trăm viên xá-lợi, bèn dâng biểu tấu trình vua Hy Tông, vua bèn ban sắc đem tro thiêu đốt đó đắp thành tôn tượng và vua phong tặng thụy hiệu là "Chân Tướng Đại Sư". Đến nay đang đứng hầu ở bên trái như phối hưởng. Thứ nữa, có Ngài Tuệ Nghiễm cũng là đệ tử của Ngài Tăng Già, không rõ dòng họ và quê quán, Ngài thường theo thầy ôm bát cầm gậy. Phát xuất từ Sở Châu đến Hoài Âm. Đồng khuyên vợ của Bùi Tư Mã ở Đông Hải là khúc bạch Kim Sa La mở giếng La-hán, sớm mừng Bạt huyền giúp nhà. Ngài Tuệ Nghiễm đứng hầu bên cạnh tôn tượng Bồ-tát Quán thế Âm mười một mặt. Từ đó, vua ban chiếu mời Ngài Tăng Già đến chốn kinh đô. Vua Trung Tông riêng sắc độ ba vị: Tuệ Nghiễm, cùng Tuệ Ngạn và Mộc-Xoa. Mỗi vị đều được ban tặng y bát.

7. Truyện ngài Tuệ An trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ An, họ Vệ, người ở xứ Chi Giang, thuộc Kinh Châu. Dáng mạo Sư đoan nhã, tóc biếc mắt xanh. Ngài ra đời vào niên hiệu Thiên Hoàng thứ nhứt (581) đời Tùy. Sư bản tánh khoan dung rộng rãi, chẳng nhiễm tục trần, tu học các Pháp môn thảy đều thông suốt.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ 17 (594), vua Văn Đế (Dương Kiên, đời Tùy) ban sắc khắp trong nước riêng độ tăng ni. Khám Vân nói: "Vốn không tên họ, mất vào hang núi". Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 617) đời Tùy, khai thông tế cừ, truy tập phu đinh, đói chết nhìn nhau. Sư đi quanh xin nhiều bát thức ăn cứu giúp người bịnh, còn lại mới ban cấp chúng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) nghe thế bèn ban chiếu thỉnh Sư, Sư bèn lẫn trốn vào núi Thái Hòa. Đến lúc nhà vua tới Giang Đô, trong nước nhiễu nhương, Sư bèn chống tích lên chùa Hành Nhạc, thực hành Pháp Đầu-đà.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) thời Tiền Đường, Ngài đến Kỳ Châu lễ yết Đại Sư Hoằng Nhẫn. Niên hiệu Lân Đức thứ nhứt (664), Sư đến Thạch Bích ở núi Chung Nam và dừng ở. Bấy giờ, quanh vùng Nguyên Cốc chỗ ở bị sương sớm làm hư hại lúa mạ, riêng chỗ Sư ở thì không. Ngoài bốn mươi dặm đều bị tai họa của Thanh nữ làm khổ. Thiên Hoàng Đại Đế (tức Thái Tông, Lý Thế Dân) nghe thế nên thỉnh Sư, Sư chẳng vâng theo thánh chiếu. Tới niên hiệu Vĩnh Thường thứ hai (683), Sư đến cất đài dựng am tranh mà ở. Bên trong, Sư ngồi trên giường dây, bốn phía để tường trống bày. Vua Cao Tông ban sắc lập chùa để Sư ở, đề hiệu là Chùa Chiêu Đề. Như vậy, Sư lại bỏ, trở về chùa Ngọc Tuyền ở quê cũ.

Đến tháng 4 niên hiệu Thánh Lịch thứ 2 (699), dưới thời Võ Hậu, Sư bảo với môn nhân học chúng rằng: "Các ông ai đâu về đấy đóng cửa". Đến canh 3, có vị thần tới hỗ vệ đông đúc hòa cùng tiếng linh long bong, gió mưa đều đến. Vị Thần đó đi nhiễu quanh viện mấy vòng. Sư nói chuyện với vị thần, vị thần tha thiết chỉ dạy. Thần lại bái lạy mà đi. Có người hỏi Sư về lý do. Sư bảo: "Tôi vì thần của Tung Sơn mà truyền trao giới Bồ-tát ". Thiên Hậu (Võ Hậu - Võ Tắc Thiên) có lần hỏi Sư về năm sanh. Sư bảo: "Không nhớ". Thiên Hậu lại hỏi: "Tại sao không nhớ?" Ngài bảo: "Thân sanh tử như vòng tuần hoàn, vòng đã không điểm khởi và điểm cùng tận, lấy đâu mà nhớ. Hơn nữa, tâm này lưu trú trong không gian không xen hở, thấy bọt khởi diệt cũng là vọng tưởng, từ sơ thức đến lúc tướng động bị diệt cũng chỉ như thế, làm gì có năm tháng để ghi nhớ?" Thiên Hậu sụp đầu cúi lạy. Nghe Sư bị thiếu giếng nước, bèn ban sắc sai người đến đào. Sư bảo: "Dưới đây có điềm lành, phải cẩn trọng, đừng để thương tổn loại vật ". Khi sắp đến nước, thấy có loài tôm mầu vàng ròng, khuấy động dưới bùn, hợp với lời huyền ký của Sư, Thiên hậu càng tín phục kính trọng gấp bội.

Đến tháng 9 niên hiệu Thần Long thứ hai (706) vua Trung Tông ban sắc sai Trung Quan mang đến dâng tặng Sư áo ca sa sắc tía và lụa, độ hai mươi bảy vị đệ tử. Nhà vua lại ban chiếu thỉnh Sư cùng Thiền sư Tĩnh vào nội cung chứng thọ cúng thí. Năm sau (707) nhà vua ban tặng một bức ma-nạp. Sư bèn từ tạ trở về chùa Thiếu Lâm. Đến ngày 13 tháng 9 niên hiệu Cảnh Long thứ ba (709), Sư dặn dò môn nhân rằng: "Sau khi tôi chết, đem thi thể bỏ trong rừng, đợi lửa giữa rừng đồng hoang tự thiêu đốt nó. Chớ trái ý nguyện của tôi". Không bao lâu, Hòa-thượng Vạn Hồi đến, thấy Sư càn rỡ, bèn nắm tay nói bàn trong di khắc. Người hầu đứng bên cạnh chú ý lắng nghe, nhưng không biết hai Ngài

nói gì. Đến ngày mùng 8, Sư đóng cửa phòng nằm nghiêng mình mà thị tịch, thọ một trăm ba mươi tuổi, tính bắt đầu từ niên hiệu Thiên Hoàng thứ 2, đời Tùy đến niên hiệu Cảnh Long thứ 3 (709), thời Tiền Đường.

Sau khi lửa cháy thiêu đốt nhục thể xong, thâu nhặt được tám mươi viên xá-lợi. Đem năm viên có mầu hồng tía dâng vào nội cung. Ngoài ra đem ban tán cúng thí cho mọi nơi, tùy sức mà xây dựng tháp thờ. Đến niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713), môn nhân mới xây tháp cúng dường.

8. Truyện ngài Vạn Hồi ở Văn Hương Tại Quắc Châu, Thời Tiền Đường:

Thích Vạn Hồi, họ Trương, người ở xứ Văn Hương, thuộc Quắc Châu. Lúc tuổi còn thơ, Sư đần độn, ít nói năng. Cha mẹ buồn thương khí trược đó. Bị những trẻ thơ quanh xóm khinh lờn, nhưng Sư không hề có thái độ đua tranh, nhưng miệng Sư tự nói hai chữ Vạn Hồi. Nhân đó mà đặt tên. Hơn nữa, Sư chẳng nói nóng lạnh, thấy người nghèo khổ hèn mọn Sư chẳng sanh khinh mạn, với kẻ giàu sang phú quý cũng không đáng để Sư Phải cung kính. Đông Tây rảo khắp suốt ngày chẳng nghỉ. Hoặc cười hoặc khóc, thái độ chẳng thường. Ở nơi khóe miệng thường chảy nước dãi, mọi người đều kinh dị. Ngài chẳng ưa thích xa hoa, rất ít nói năng, hễ nói tức như sấm ký, việc qua rồi mọi người mới biết.

Năm Sư mười tuổi, anh Sư đi lính ở Liêu Dương, có thuyết nói là An Tây, đã lâu không có tin tức. Mẹ Sư rất mến thương trông nhớ, bèn thiết trai cúng dường cầu phước. Sư chợt thưa với mẹ rằng: “Anh An rất dễ biết, đâu có gì mẹ phải lo âu”. Sư liền đem các thực phẩm cúng dường còn thừa mang đi, đến lúc chiều tối thì trở về mang theo thư của người anh viết là “bình thường tốt lành”. Hỏi về nguyên do, Sư chỉ im lặng không nói. Sư đi lại cả muôn dặm. Lúc sau người anh trở về nói:”Ngày đó gặp em nói từ nhà đến thăm, nhân đó mà trao cho Sư bánh bột để ăn mà trở về”. Cả nhà đều kinh hãi mà mừng vui. Từ đó, mọi người đổi cách nhìn đối với Sư.

Vua Trang Tông ban chiếu sùng trọng. Niên hiệu Thần Long thứ hai (706) ban sắc riêng độ một mình Sư mà thôi. Từ cuối thời vua Cao Tông (684) đến suốt thời Võ Hậu (685 - 705), vua thường ban chiếu mời Sư vào nội Đạo tràng, ban tặng y phục lụa là, người trong cung lo cung cấp mọi việc.

Trước kia, khi còn bé, Sư thường đến chùa Hưng Quốc ở Văn Hương chất ngói đá làm tháp Phật, sau khi Sư đã vào Nội Đạo tràng,

thì tháp đó phát ra ánh sáng. nhân đó làm các lọng lớn che ở trên và mọi sự cúng thí để xây dựng đều không thể suy lường được, hễ Sư mở lòi thì có liền. Triều đình sắc tặng Sư hiệu là Pháp Vân Công. Người ngoài không thể thấy được. Trước kia vào thời Vũ Hậu, Nhậm Khốc Lại làm điều thêu dệt, các quan hơi cao thì ngày một cách biệt vợ con. Bác Lăng Thôi Huyền Vĩ, địa vị và danh vọng đều cao cực, mẹ ông ta là bà họ Lô, hiền mà rất âu lo, bảo ông ta rằng: “Con có thể một ngày nào đó đón Ngài Vạn Hồi, vị tăng đó thuộc dòng Ngài Bảo Chí, nên có thể nhìn cử chỉ mà biết được họa phước “. Khốc Vĩ bèn thỉnh Sư đến nhà, mẹ ông sụp khóc đảnh lễ, cúng thí một đôi muỗng đủa bằng vàng. Sư bỗng nhiên bước xuống bực thềm ném muỗng đủa ấy lên trên nhà rồi phủi tay bỏ đi. Cả nhà đều cho đó là điều không tốt lành. Qua vài ngày sau, bảo người lên nhà lấy muỗng đũa đó xuống thì có kèm thêm một quyển sách, xem kỹ thì đó là sách sấm vĩ, bèn vội bảo đốt đi. Vài ngày sau, bỗng nhiên có Ty sở đến nhà lục soát tìm kiếm đồ sấm, chẳng tìm được tuyết. Bấy giờ, Khốc Lại thường hay khiến trộm cướp ném vật cổ đạo và ngụy tạo bí sấm để lừa dối người. Trở lại khiến vu cáo được Thực Đồ Lục, làm mất nhiều nhà. Họ Thôi (Thôi Huyền Vĩ) chẳng phải là bậc Thánh ném đủa muỗng thì đâu thể biết được đó là ngụy đồ sấm. Cuối cùng vua Trung Tông thường mắng trách Vi Hậu thường làm phản bội nghịch, chẻ đầu nó đi, tìm mà giết chết. Công Chúa Thái Bình vì tạo vườn nhà ở trong phường Hoài Viễn nên có trước sau với chủ nhà vườn. Hơn nữa, Vua Trung Tông đích thân đưa Công Chúa Kim Thành ra hàng Thổ Phiên, đến lúc thái bình trở lại đón rước.

Bấy giờ, Thôi Nhật Dụng, Võ Bình Nhất, Tống Chi hỏi Trầm Thuyên Kỳ Sầm Nghĩa, Tiết Tắc đều nhóm họp trịnh trọng. Sư dò hỏi các công rằng: “Các ông muốn cầu một lời của bậc Thánh để định được điều tốt xấu ư?” Và Sư vỗ vào lưng Trầm thuyên, bảo:”Ông thật là người tài”. Trầm Thuyên vui mừng không gì hơn, nói rằng: “Bậc Thánh đã thọ ký cho ta, các ông chớ nên cạnh tranh nữa”. Sư lại nói với Võ Bình Nhất: “Cùng làm với ông gọi là Phật đồng, chớ nên lo lắng”. Sư đưa mắt nhìn Sầm Nghĩa và Tiết Tắc với vẻ mặt không tốt lành, Sầm Nghĩa bèn dùng ngựa chạy lánh. Sư nhìn Tiết Tắc, bảo: “Ông này thường là chồn hoang”. Lời nói đó đâu đáng sợ. Sư ngoảnh lại bảo: “Ông cũng không tránh khỏi bị giết như Sầm Nghĩa và Tiết Tắc”. Mọi người càng thêm quý trọng.

Bấy giờ, có Ngài Tăng Già hóa tích bất thường. Vua Trung Tông hỏi Sư rằng: “Ngài Tăng Già là người thế nào?”. Sư đáp: “Ngài Tăng

Già là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm”.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627 - 650), Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang từ Tây Vực trở về kể rằng:”Ở Thiên Trúc có chùa Thạch Tạng, khi Ngài Huyền Trang đến đó thấy có một căn nhà trống, chỉ có giường chõng, tích trượng của người Hồ mà thôi. Nhân đó, Ngài hỏi phòng đó của Đại Đức nào, chư tăng đều trả lời là:”Vị tăng ở phòng đó do thiếu pháp sự, nên bị phạt ở phương Đông, nước hiệu là Chấn Đán, địa phương hiệu là Thọ Hương, chính là Vạn Hồi “. Ngài Huyền Trang trở về tìm kiếm Ngài Vạn Hồi. Bèn thiết lễ hỏi Tây Vực, rõ ràng như mắt trông thấy tiếp xúc. Ngài Huyền Trang sắp hỏi tìm đến nhà. Ngài Vạn Hồi nói với mẹ rằng: “Có khách đến xin chuẩn bị thức ăn để tiếp đãi”. Lác sau thì Ngài Huyền Trang đến nhà. Vết tích thần dị Của Ngài (Vạn Hồi) có lắm việc như thế. Chánh Gián Đại Phu Minh Sùng Nghiễm là kẻ sĩ Đạo thuật, nói với mọi người rằng: “Ngài Vạn Hồi là bậc thần tăng “.

Vua Huyền Tông lúc chưa lên ngôi cùng vói môn nhân Trương Vĩ, v.v... đồng đến bái yết Sư, Sư thấy vua rất phiền nhiễu nên lấy tất trượng kêu gọi đuổi đi. Các người cùng đi đều bị đuổi ra, Sư kéo riêng mình vua vào bên trái phía sau cánh cửa, đều như người thường, lại không có gì kính trọng lắm, Sư vỗ vào lưng vua bảo: “Ông năm mươi năm ngồi trên ngai vàng hãy tự vui mừng”, sau đó thì không biết. Trương Đỗ Vĩ đứng ở ngoài cửa nghe lời nói đó rõ ràng nên hết lòng kính trọng. Sau năm mươi năm chỉ cho ương họa Lộc Sơn.

Vua Duệ Tông lúc còn ở ngôi, có lúc du hành trong nhân gian, Sư đứng nơi đường cái ở trong xóm, lớn tiếng gọi rằng: “Thiên tử đến!”. Hoặc gọi: “Bậc Thánh đến!”. Xứ đó tín túc nhàn, vua hẳn trải qua bồi hồi. Thái Tử Tuệ Trang là con thứ hai của vua Duệ Tông, Thiên hậu từng ẳm đến cho Sư xem và nói: “Đứa bé này là do Đại Thọ ở Tây Vực nuôi dưỡng, nên đáng anh em”. Công Chúa An Lạc là em gái út của vua Huyền Tông, gán ghép Vi Hậu, lửa nóng có thể cháy tay, mọi người ngoài đường xá đều kinh sợ. Ngài thấy xa liền nhổ nước bọt bảo rằng: “Loài Tinh tinh không thể gần nó, không trở lại dẫm đạp mà họa diệt”. Vua càng biết rõ Sư chẳng phải người thường, bèn ban xuất hai người trong cung suốt ngày đêm lo việc hầu hạ Sư.

Nhà vua lại đặc biệt ban sắc tại viện Tập Hiền, vẽ hình Sư. Đến lúc sắp viên tịch, Sư gọi lớn sai người tìm cầu nước sông của bổn hương. Môn nhân đồng bạn tìm kiếm không đâu ra, Sư bảo phía trước nhà chính là nước sông vì sao không lấy?” Mọi người bèn xuống thềm đào giếng,

nước sông tuôn trào, Sư uống xong, bèn thị tịch. Giếng trong phường Sư ở nước đều mặn đắng, chỉ có nước giếng đó là ngọt ngon. Sau có người lừa dối, tự xưng là Tiểu Vạn Hồi để mê hoặc trong xóm chợ, phần nhiều bị giết chết. Đến sau khi Sư thị tịch, Hữu Thường Thị Từ Ngạn Bá soạn văn bia dựng tại Đường phía Tây Ngọc Giản ở Văn Hương.

Liên hệ thử bàn:

Một ngày đi muôn dặm, thì chẳng phải là người. Là quỷ thần ư? Hay là tiên thuật? Thông đáp: Quán xét hạnh biết là người, Ngài Vạn Hồi không có tà hạnh nên không phải là quỷ thần, không ý cố làm nên chẳng phải là tiên thuật. Đó chính là đắc thần thông. Trong Luận Đại Trí Độ, nói thần thông có bốn năng lực: Một là thân bay đi như chim, không ngăn ngại gì, hai là dời xa khiến gần, chẳng đi mà đến; ba là vào đây ra kia và bốn là một niệm thì đến được.

Có người lại hỏi: Trong bốn năng lực đó, Ngài Vạn Hồi có được loại nào? Thông đáp: Đều có đủ cả, nên xưng gọi là Như ý thông. Trong luận Du-già nói Thần Cảnh tức đồng với ở đây. Hoặc nói La-hán có đại kham năng hiện ba thứ thần biến.

9. Truyện ngài Đạo Giám trụ chùa Linh Nham, ở Tề Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Giám, họ Phùng, người ở Quận Ngô, không rõ từ đâu đến, mà Sư trụ chùa Linh Nham ở Lịch Hạ. Là vị tăng có tung tích thần dị chẳng thể suy lường.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), có Phùng Sanh cũng người ở Quận Ngô, vì minh kinh điều tuyển chưa lanh lợi, nhân đó đến ngụ ở Trường An. Một hôm, có vị lão tăng đến chỗ Phùng Sanh ở, bảo rằng: “Ông và tôi cùng một dòng họ”, do đó cùng nhau lui tới. Chỉ hơn một năm bèn được mời làm Úy ở Đông Việt, mới làm nhiệm vụ chỉnh trang sửa trị. Sư mang tích trượng đến cáo từ để đi. Phúng Sanh hỏi: “Sư đi sẽ ở chỗ nào?” Sư đáp: “Chòi tôi ở là mái hiên phía Tây Linh Nham thuộc Tề Châu, lãng du nơi chốn thần kinh đến nay đã mười năm. May được đi với ông, nay trở về chỗ cũ, nên đến giã biệt ông. Nhưng con tôi là Úy Vu Việt Hương, Đạo xuất dưới chùa Linh Nham, phải nên một lần hỏi tôi “. Phùng Sanh vâng theo, nói rằng: “Kính cẩn xin nghe lời chỉ dạy”. Vài ngày sau khi Phùng Sanh ra nhậm chức ở Quan Đông, đến cửa chùa Linh Nham, dừng ngựa, nhìn lên bảo rằng: “Há chẳng phải là chùa Ngài Đạo Giám ở ư?” bèn liền đi vào dò hỏi. Khi đó có một vị tăng đứng ở sân chùa, Phùng Sanh đến hỏi: “Phòng nhà của Đạo Giám

Thượng Nhân ở đâu?" Vị tăng ấy đáp: "Chùa này không có ai là Đạo Giám". Phúng Sanh nghi lạ, im lặng mà nghĩ rằng: "Đạo Giám là người ngay thẳng chẳng lẽ lừa dối ta ư?" Khi đó, một mình Phùng Sanh đi vào trong chùa, bước đến dưới mái hiên ở phía Tây, bỗng thấy ở vách tường có vẽ hình của một vị tăng dung mạo giống như ngài Đạo Giám, Phùng Sanh kinh ngạc khen ngợi: "Sư Đạo Giám quả thật là dị nhân, hãy giáng thần kết giao với tôi". Giây lâu, nhìn bên cạnh chân tướng có đề rằng: "Sư con nhà họ Phùng, người ở Quận Ngô. Năm mười tuổi, theo học Pháp Phật, có danh tiếng đạo hạnh, thị tịch năm 78 tuổi". Phùng Sanh đọc lời đề đó mới tỏ ngộ lời nói trước kia là "Ông và tôi cùng một họ". Lời nói thật chẳng sai lầm.

Có thuyết nói ở phía Tây Tô Châu, cách thành hai mươi dặm, có chùa Linh Nham. Dưới hàng hiên phía Tây Bắc chùa đó có đắp vẽ hình tượng vị Sa-môn và đề rằng: "Đó là hình tượng của một cư sĩ du phương, nhằm niên hiệu Thiên Giám thứ 15 (516), thời Nam Lương. Nhân đi qua chùa núi, ở ngủ qua đêm mà vào tăng trù mượn bút nghiên, chúng tăng đều không để ý. Tới sáng sớm tìm kiếm khắp nơi thấy có người khách qua đời và thấy ở góc điện họa vẽ hình tượng vị Phạm Tăng, xương mặt lạ kỳ, sắc da nứt nẻ đen nám, mày dài rũ xuống, tròng mắt như điện chớp, vành mắt xanh nhạt, mũi ngang miệng vuông, môi trề, bày răng, nắm tay gác trên vai phải, thân cong, dài chừng một trượng năm tấc, mặc ca-sa áo nạp vải bố, tay chống viên châu lớn từ dưới gót chân, mọi người trông thấy đều kinh sợ, chẳng lường biết từ đâu đến, xa gần đều cảm kích, đốt hương lễ bái ngợi khen, hoặc có người đến cầu phước trừ họa, hoặc trong điện sáng tối chợt nghe có tiếng hành đạo, do đó mà chim muông chẳng dám giẫm xéo dơ bẩn trên mái nhà hay đầu cột, và người trong làng quê gọi đó là "Hòa-thượng Linh Nham" hoặc là "Linh Nham Thánh Tăng". Tượng đó từng hiện hình nói với một bà lão rằng: "Bần đạo ưa thích ăn rau giao, bánh nếp". Bà lão nghi đó là Thánh Tăng, sáng hôm sau mang giỏ vào điện cúng dường. Cầu xin năm nay, ngày mùng 3 tháng 3, dân chúng đua nhau đưa đến, dùng rau nấm cô tương xóc nấu với gạo. Người ở Ngô Quận gọi đó là bánh nếp rau giao.

Niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713) thời Tiền Đường, Công tử Lục Lỗ bị bịnh, các thầy thuốc đều bó tay, Công tử càng âu lo dữ dội. Ngoài cửa bỗng nhiên có vị tăng vạch đường đi vào, bèn tìm lấy bình nước ngậm phun vào mình, tức thời bịnh khỏi. Lỗ Công tử vui mừng dâng tặng các vật rất nồng hậu, vị tăng ấy chẳng hề đoái hoài. Lỗ Công Tử

bèn hỏi:"Hòa-thượng ở chùa nào?" Vị tăng ấy đáp: "Bần đạo trụ chùa Linh Nham, ở phía Tây Quận Ngô thuộc Tô Châu. Lang quân làm quan ở Giang Biểu, hy vọng vào chùa sẽ gặp nhau". Trong chốc lát, vị tăng ấy bỏ đi. Sau đó không lâu, Lỗ Công tử được điều bổ làm Thượng thư Từ bộ Lang, rồi tiếp tục dời làm Quế Châu liêm sứ, thường luôn nhớ nghĩ tới vị tăng đã cứu bịnh mình trong năm qua, nên đường xa vẫn tìm đến Tô Châu, vào chùa Linh Nham tìm kiếm, bèn tả về hình dáng vị tăng ấy. Chư tăng trong chùa đều nói ở đó không có vị tăng nào hình dáng như thế. Lục Lỗ cả ngày bồi hồi chẳng nở bỏ đi. Bỗng vào trong điện thấy hình bóng Thánh giả, liền nói: "Người năm trước trị bịnh cho tôi chính là vị tăng này". Chư tăng trong chùa bảo: "Đó là do sự cảm thông khó thể lường biết được". Công tử Lục Lỗ xả thí mấy muôn đồng tiền để làm hương hỏa, lưu ở lại cả mười ngày cúng dường xong mới đi. Thêm nữa, trong chùa có người tịnh nhân, mỗi lúc đối trước tôn tượng đốt hương đèn, châm thêm dầu, có ý trộm lấy dầu thoa vào tóc, tự nhiên tóc bị cháy quắn mà rơi rụng, có người làm chung ở bên cạnh khuyên nên lễ bái sám hối, riêng mua dầu mè rót thêm để được đầy lại như ban đầu.

Lại nữa, lúc vua Võ Tông sắp phá hủy Phật giáo. Bên cạnh chùa có Lục Tuyên thấy Thánh tăng dạy bảo rằng: "Ta thọ nhận sự cúng thí của đệ tử đã nhiều năm, nay đến cùng từ biệt để trở về Tây Thiên". Lục Tuyên vội bảo thợ họa vẽ tôn dung của Thánh tăng. Đến niên hiệu Hội Xương thứ năm (845), chùa bị phá hủy, mới biết được ý của Thánh tăng đến từ biệt. Khoảng niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), có tai họa bởi nạn châu chấu, không chỉ ăn phá lúa mạ của dân chúng ngoài đồng ruộng mà còn gặm nhấm mọi vật lụa là gấm vóc trong nhà. Trăm họ đều bàng hoàng lo lắng, chưa biết tính phương kế gì. Bấy giờ, dân chúng Quận Ngô như Diên Nhượng, v.v... dẫn mấy ngàn người ở Kỳ Ngãi đến trước tôn tượng đốt hương khóc cáo. Ngay ngày đó, loài sâu trùng phá hoại bay đi nơi khác.

Niên hiệu Càn Phù thứ 5 (878), chư tăng trong chùa đang đến quan ải xin thỉnh chuông về chùa, sai một vị tăng là Tuyển Nhật đăng đồ, Thánh Giả trước nhập và sách quân bổn cục, của Hữu Thần, dự bày chúc thác. Đến lúc thỉnh chuông chúng tăng đến thấy. Tư lại lấy làm lạ hỏi: Mấy ngày trước có vị tăng đến nói trụ chùa Linh Nham ở Tô Châu. Vị tăng ấy bảo tôi đi không có bạn". Sau đó, Hữu quân nhân Tư có việc đến Quận Ngô vào chùa Linh Nham thấy trên vách có bức họa, bèn nói: "Đây là vị tăng đã dự hội thỉnh chuông tại Ty nội trong tháng

7 vừa qua". Và ở trong Quận Ngô có lắm điều linh dị, chẳng thể lường biết được nguyên do. Từng có vị tăng đến lễ bái tôn tượng đắp họa đó mà xưng gọi rằng:"Bồ-tát Trí Tích có duyên sự gì mà trụ ở đây?" Khen ngợi càng lâu, và từ đó gọi tôn tượng là ứng thân của Bồ-tát Trí Tích.

Liên hệ thử bàn:

Các thuyết đồng dị là có nhiều ở các sử gia. Nay rõ chùa đề hiệu là Linh Nham, có tôn tượng đắp họa Thánh tăng đó là đồng. Châu đề là Lịch Hạ Thỉ Tô, người gặp là Phùng Sanh và Công Tử Lục Lỗ, đó là dị. Đây là vì thấy nghe khác nhau nên sự ghi chép do đó nên có khác nhau. Phàm bậc thánh ứng thân, hoặc Nam, hoặc Bắc, hoặc Hán, hay Hồ, hoặc hình dáng bình thường, hoặc tướng trạng quái lạ sai khác, nên khiến người thấy nghe hẳn có khác lạ. Thêm nữa, khiến sự truyền bá tự nhiên có nhiều thuyết. Thí như ngoài ngàn dặm trông nhìn mặt trời, mặt trăng đều đồng một lúc, nhưng bên cạnh có mây mờ thì hình dạng có khác. Đã là ứng hiện không thể nghĩ bàn thì tùy duyên mà phó cảm, tứ là khó đồng, có thể phát lệ, chỗ truyền nghe có khác.

10. Truyện ngài Tuệ Chiêu tại chùa Khai Nguyên ở Võ Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Chiêu, không biết Sư là người xứ nào. Tánh rộng mà cao, thường tu thiền định, dáng mạo rất suy tư, ưa nói việc vui buồn của mọi người mà đều đúng cả. Sư giao tiếp với người nói năng chẳng thuần hợp, nên đóng cửa tự sống, chung quanh không trẻ nhỏ hầu hạ. Thường ngày đi khất thực. Dân chúng trong xóm có hơn tám mươi người bảo rằng: "Sư ở đó đã hơn sáu mươi năm. Dung mạo Sư không đổi khác so với thuở trẻ ngày trước, chỉ không biết Sư sanh năm nào.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821) có Trần Quảng do Hiếu Liêm điều đến làm quan ở Võ Lăng, nhưng rất kính mến Phật pháp. Một hôm, nhân đến chùa, hỏi Đạo khắp cùng chư tăng. Sư thấy Trần Quảng vừa buồn vừa mừng, bảo: "Trần Quân sao đến muộn vậy?" Trần Quảng kinh ngạc tự nghĩ "Ta thuở bình sanh chưa hề biết vị tăng này, cớ sao bảo là ta đến muộn", bèn nói rằng: "Tôi chưa hề gặp sư sao trách tôi đến muộn?" Sư bảo: "Đây là chuyện chẳng như binh lính có thể nói. Phải cùng ông với một đêm tĩnh lặng bàn nói mới hết ý này". Trần Quảng rất lấy làm kinh lạ.

Sau đó, Trần Quảng mới đến ở lại trong đêm tại chỗ Sư, nhân thưa hỏi điều đó. Sư bảo: "Tôi là con nhà họ Lưu, là huyền tôn của vua Hiếu Văn Đế (424 - 454) đời Tống, Tằng tổ là bà Vương Dương Hưu Nghiệp

Tổ Sĩ Hoằng, đều ghi rõ trong sách sử. Người trước văn học tự phụ, là chỗ quen biết với Tề Cảnh Lăng Vương Tử Lương. Tử Lương mời nhóm họp các bậc sĩ hiền tài văn học, mà người trước có dự đó. Sau ra làm quan, trong thời nhà Tề, nhà Lương từng làm Cối Kê lệnh. Tôi sanh vào tháng năm niên hiệu Phổ Thông thứ 7 (526) thời Nam Lương. Năm ba mươi tuổi, mới ra làm quan chức ở xứ Trần. Đến thời vua Tuyên Đế (tức Tiêu Sát 557 - 562) thời Hậu Lương làm chức quan nhỏ, chẳng được mọi người biết. Vốn cùng Thẩm Ngạn Văn kết bạn làm thơ uống rượu. Sau, Trường Sa Vương Thúc Kiên và Thỉ Hưng Vương Thúc Lăng đều nhóm họp khách bạn đông nhiều, làm lớn thanh thế, mỗi người tự cậy quyền được sủng ái nên có chỗ tâm bất bình. Tôi và Thẩm Ngạn Văn đều ở dưới Trường Sa, đến lúc Vương Thúc Lăng bị giết, tôi lo sợ không tránh khỏi, nhân đó đều xóa tên ẩn tích chốn hang núi, lượm nhặt hạt dẻ để ăn, vốc nước khe suối mà uống, chỉ mặc áo vải thô, tuy có nóng lạnh cũng chẳng đổi thay, vì đợi chỗ định thay chỗ lo, tự nhiên có một vị Sa-môn già đến chỗ tôi ở, bảo rằng: “Ông có cốt pháp rất kỳ đặc, sẽ không bịnh tật gì”. Ngạn Văn đôi phen bái thỉnh cầu xin thuốc đó. Vị Sa-môn ấy bảo Ngạn Văn: “Ông không có được tuổi thọ như Lưu Quân, phải làm sao? Tuy có uống thuốc của ta cũng không bổ ích, toại ý gì!” Khi cáo biệt sắp đi, lại nói với tôi rằng: “Trong trần tục vì danh lợi mà cùng tranh hơn, rốt cùng đâu có gì? Chỉ có dòng họ Thích mới xả bỏ điều ấy!”. Tôi kính cẩn nghe nhận lời nói ấy.

Từ đó, chẳng hay biết đến việc người đời suốt mười lăm năm. Tôi lại cùng Ngạn Văn đến đất Kiến Nghiệp. Bấy giờ, triều đại nhà Trần (557 - 589) đã mất, cung khuyết đều bị phá hủy, đài thành lao lạc, gai bụi loáng đường, Cảnh Dương đều tắt nghẽn, Kết Kỳ nền đổ, Văn Vật Y Quan rộng lớn tự nhiên mất hết. Nên già gặp nhau cùng dẫn nhau mà khóc. Lại bảo: “Một người vô lương đã đến như thế, dòng họ nhà Tùy diệt hết người tốt lành thật đáng buồn thương thay!” Lại nghe Hậu chủ cùng các Vương đều vào Trường An, tôi mới dẫn Thẩm Ngạn Văn mang chiếc đãy cùng khất thực ở đường để đến Quan Trung. Tôi hẳn là khách cũ của Trường Sa Vương, nên ân tình gặp gỡ rất nồng hậu, nghe ông ta dời đến ở Quan Châu thì liền sang yết kiến. Trường Sa Vương lớn ở Kỳ Hoàn, mà sớm quý thạnh, tuy thời gian lưu phóng còn chẳng phải kviệc nuôi sống, bấy giờ mới cùng Thẩm Phi đối ẩm, tôi cùng Thẩm Ngạn Văn lại bái nhau như trước. Trường Sa Vương buồn thương giây lâu, rơi lệ mà nói với tôi rằng: “Một ngày mà nước nhà đắm mất, cốt nhục phân tán, há chẳng phải do trời ư?” Từ đó tôi lưu lại đồn canh của

Để Khương ở Tấn Xương, vài năm thì Trường Sa Vương qua đời. Lại qua vài năm nữa thì Thẩm Ngạn Văn cũng qua đòi, tôi nhân đó xuống tóc làm tăng, theo vết trụ ở chùa Sơn Phật ở Cối Kê suốt hai mươi năm. Lúc đó tôi đã trăm tuổi.

Tôi tuy dung mạo dáng thể khô gầy mà sức lực chẳng suy, mỗi ngày đi cả muôn dặm. Nhân đó, tôi cùng với một vị tăng đồng đến Trường An. Bấy giờ, vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) thời Tiền Đường đã có được đất nước, lấy niên hiệu là Võ Đức. Đến niên hiệu Võ Đức thứ 6 (623), từ đó, tôi có lúc ở kinh đô Lạc Dương, hoặc đến Giang Tả, đến Tam Thục, Ngũ Lãnh, không nơi nào chẳng dừng ở, mãi đến nay đã hai trăm chín mươi năm rồi. Tuy trải qua rét cóng hay nóng cháy mà không hề bị chút tật bịnh. Khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán (650), khi đó tôi đang ở tại chùa này, mộng thấy một bậc trượng phu, áo mão rất lớn tốt, nhìn kỹ thì ra là Trường Sa. Tôi mới vào cùng ngồi bàn luận chuyện cũ, thương cảm như lúc còn sống. Và Trường Sa nói với tôi rằng: "Mười năm sau, Tôn Quản là cháu đời thứ 16 của tôi (Trường Sa) sẽ làm quan tại quận này. Sư hãy nhớ lấy đó!" Tôi bèn hỏi Trường Sa: "Vua hiện nay như thế nào?" Trường Sa đáp: "Minh quan cực tôn!" Rồi lại khóc mà nói rằng: "nay Sư vẫn còn, mà tôi đã đến đời thứ sáu, thật buồn thay!". Tôi thức giấc, nhân đó ghi tên của Quân (Trần Quảng) vào trong hòm kinh. Đến nay đã mười năm, mới đem tên họ của Ông dò hỏi dân chúng trong Quận, thật là quái lạ sao Ông chưa đến. Hôm qua nhân đi khất thực trong làng, gặp được Ấp Lại mà dò hỏi, quả nhiên biết được, đến lúc Ông đến, lại giống hệt diện mạo của Trường Sa. Nhưng từ lúc gặp trong mộng cho đến nay đã mười một năm rồi, nên tôi ngờ lạ bảo Ông sao đến muộn vậy!"

Thế rồi buồn cảm, khóc rơi hai hàng lệ, nhân đó Sư đem hòm kinh ra chỉ cho Trần Quảng xem. Trần Quảng đôi phen bái lạy xin mang cầm giầy tích, nguyện làm đệ tử. Sư bảo: "Ông hãy trở về, ngày mai hãy đến!" Trần Quảng vâng lời chỉ bảo mà trở về. Ngày hôm sau tìm đến chỗ Sư ở, thì Sư đã bỏ đi chẳng biết từ bao giờ! Lúc đó là niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815). Đến đầu niên hiệu Thái Hòa (827), Trần Quảng làm nhân viên ở Ba Châu, gặp Sư tại đường đi ở phía chân núi. Trần Quảng vừa kinh hãi vừa vui mừng, lại bái lạy thưa rằng: "Nguyện bỏ quan chức theo Sư kết giao du vật ngoại". Sư cũng chấp thuận. Đêm đó, Sư xả bỏ nhà cửa nghịch lữ, đến lúc trời sắp sáng, Trần Quảng dậy sớm thì Sư đã đi mất rồi. Trần Quảng thẩn thờ như có tang người thân!

Như thế Sư sanh vào niên hiệu Phổ Thông thứ 7 thời Nam Lương,

tức là năm Bính Ngọ (562), mãi đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười thời Tiền Đường, tức năm Ất Mùi (815), suốt quảng thời gian đó là hai trăm chín mươi năm, hợp với lời Sư.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Tuệ Chiêu trụ thế đã ba trăm năm, trước không ngằn, sau chẳng mé, cũng như Ngài Tân-Đầu và Tôn giả La-Hầu đông nhất quán cơ, sao chẳng nghĩ nhớ ân đất đến cháu con ư? Thông đáp: ‘Thần tiên chỉ cách một mảy trần còn không thể cùng đi. Vã lại, Trần Quảng là kẻ phàm phu còn đủ thứ ràng buộc, Ngài Tuệ Chiêu là bậc thượng sĩ độ đời. Như diều hâu bay và cá lặn vực sâu, dấu vết khác xa, ấy có gì phải quái lạ ư!”

11. Truyện ngài thiền sư Ngạn thời Tiền Đường:

Thích Ngạn Thiền Sư, người ở xứ Tinh Châu, ước cùng Tịnh Độ làm nơi chân quy, thực hành Sám pháp Phương Đẳng, siêng cần không thiếu sót thời khóa. Vừa bị bịnh nhẹ, Sư hành thiền quán không thiếu, thấy hai vị Bồ-tát Quán thế Âm và Đại Thế Chí hiện giữa hư không hiển hiện thời gian lâu chẳng biến mất. Sư mời các thợ vẽ khắp nơi mà không ai vẽ được. Bỗng nhiên có hai người đến nói với Sư rằng: “Từ Tây Kinh đến, muốn tới ngũ Đài, tự ưa thích chuyên dốc việc đắp họa hình tướng Bồ-tát!” Sau khi họa vẽ xong, bèn tặng hai đôi giầy, bỗng nhiên biến mất không thấy vết tích đâu cả. Sư biết duyên Tây phương đã thuần thục, nên bảo các đệ tử: “nay tôi vãng sanh, có ai cùng đi không?” Có một đồng tử nhỏ cúi đầu sụp lạy thưa rằng: “Xin nguyện được theo thầy”. Đồng tử bèn trở về từ giã cha mẹ, cha mẹ cho đó là lời nói đùa nên bảo tắm gội đắp mặc y phục thanh tịnh vào đạo tràng niệm Phật. Chỉ trong khoảnh khắc thì thị tịch. Sư bèn trách rằng: “Cớ sao lại đi trước”. Khi đó, Sư cầm bút viết kệ khen ngợi hai vị Bồ-tát rằng:

Quán Âm giúp xa tiếp
Thế Chí đón từ xa
Bình báu trên mũ hiện
Hóa Phật trước đảnh sáng
Đi khắp mười phương cõi
Cầm hoa đợi chúng sanh
Nguyện dùng tay từ bi
Dẫn cùng về Tây Phương!”

Ngài nói kệ xong, bèn từ biệt đệ tử, vào đạo tràng, bảo môn đồ giúp niệm Phật. Sư an tọa mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó là ngày

17 tháng Giêng niên hiệu Thùy Củng thứ nhứt (685) vậy.

12. Truyện ngài Hậu Tăng Hội trụ chùa Vĩnh Hưng ở Cối Kê thời Tiền Đường:

Thích Hậu Tăng Hội, vốn người nước Khương Cư. Vào niên hiệu Xích Ô (235 - 251) thời Đông Ngô, Sư đến yết kiến Đại đế (tức vua Tôn Quyền 222 - 252). Ban đầu, người xứ Đông Ngô không biết hình tướng chư tăng, chỉ gọi là người Hồ nhập cảnh, Ngài bèn cầu xá-lợi, khiến Đại Đế khai ngộ. Đến niên hiệu Thiên Kỷ thứ 4 (280) thời mạc Chúa (tức Tôn Hạo), Sư bèn bày mở chân thân ẩn. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656), Sư hiện thân ở đất Việt, xưng là Du Phương Tăng, mà thần khí khác lạ, mày cao sáng sủa, má gồ mắt đỏ mà khô héo, lộ vế kỳ cốt, thật là dung mạo Phạm Tăng. Mọi người trông thấy, mịt mờ không biết Sư thuộc giai vị nào. Bấy giờ, vị Cương Duy trong chùa hỏi vặn về nguyên do, bèn mắng chửi đuổi đi. Sư bước ra tới cửa, mới nói với vị Cương Duy rằng: "Ta là Khương Tăng Hội. Nếu biết lưu giữ chân thể của ta thì đó là phước của chùa các ông ". Sư bước tới rồi đứng yên mà thị tịch. Thế rồi mắt xanh nhắm lại, tinh sáng chẳng tiêu, đưa tay như đón rước, chân gác tựa muốn đi. Tăng chúng cùng bàn nhau, xếp linh cốt ấy an táng nơi huyệt mả, dùng hết sức người mà chẳng khiêng đổi, tuy sắc thân bền chặt mà cưởng sự như keo sơn. Bèn đón rước đến nơi thắng địa, lập riêng nhà phụng thờ. Bấy giờ, dân chúng đất Việt đua nhau dùng hương hoa đến đuốc, lụa là phướn lọng, quả thực y khí, đến cúng dường cầu mong tỏ bày tâm nguyện, thường vừa ý người.

Ban đầu, quân lính của xứ Việt thường đóng tại chùa Vĩnh Hưng, trong đó có phụ nữ sinh sản, binh lính ăn uống các thứ máu thịt tanh hôi làm ô uế chốn chùa chiền. Mọi người không kham nhẫn nỗi sự dơ bẩn đó lâu dài. Ngài mới hiện hình đến yết báo cùng Mân Liêm Sứ Lý Nhược Sơ, và nói: "Quân hầu tức Phiên Điều của Lãnh Việt, xin hãy dời quân lính di!" Nói xong Sư bèn vén áo mà đi, bỗng mất tông tích. Lý Nhược Sơ vừa mừng, vừa kinh sợ, ghi nhớ lời nói đó. Sau, quả nhiên đến quận đó. Và khi nhận việc xong bèn đến lễ yết linh tích, nhận ra người nói lúc đó chính là vị tăng này, bèn ra lệnh cho quân lính đến doanh mạc khác.

Lại có sản phụ, ban đêm sắp sanh mà không có đèn đuốc, gần đó cũng không có lỗ hổng có ánh sáng, bỗng nhiên có vị tăng tự khoét vách cầm đuốc đi vào. Sáng sớm hôm sau, người chồng vào chùa Vĩnh Hân, nhận ra dung mạo Sư là vị tăng đã trao lửa cứu giúp lúc sanh nở hiểm

nguy. Từ đó trong dân gian có nhiều người đến cầu sanh con trai, con gái. Gặp lúc Pháp nạn Hội Xương phá hủy chùa Vĩnh Hân, nay chỉ ở chùa Đại Thiện riêng lưu lại tên gọi Khai Nguyên. Bèn dời thân Sư vào chùa đó. Sau, vào niên hiệu Đại Trung (847 - 806), có Luật sư Đàm Hưu vì tôn kính Sư nên dựng lập riêng Đường Vũ, mở rộng các vật cúng. Sư lại thường đến trong nhà người dân làng quê xin giầy cỏ. Đến nay người dân đất Việt thường hay đem giầy cỏ, dầu, phướn dâng cúng. Sư có lắm việc cảm ứng, thường đến nhà người, không thể thuật hết. Nay tôn xưng Sư hiệu là "Siêu Hóa Đại Sư". Từ niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) đến nay không hề thiếu thốn sự cúng thí. Sa-môn Hư Thọ lập văn bia ghi lại sự tích Sư.

Liên hệ thử bàn:

Thái Ung là thân sau của Trương Hành, Trí Uy vốn là việc trước của Từ Lăng. Nghiệm xét đều rõ ràng, lý chẳng luống dối. Còn như bậc Thánh có lắm công dụng tự tại, mất đây hiện kia, lợi ích không ngừng. Ngài Tăng Hội thị tịch đã lâu, đến thời Tiền Đường lại hiện hóa tại đất Việt, đứng mà thị tịch sừng sững thật là khác lạ trong mọi sự khác lạ. Giả như chẳng phải ứng vật hiện hình như trăng trong nước thì ai có thể dự biết ấy vậy ư?

13. Truyện ngài Đạo Anh trụ chùa Pháp Hải ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Anh, không rõ Sư là người xứ nào. Giới đức vẹn toàn, tiếng tăm vang khắp Thiên ấp. Sư trụ chùa ở phường Bố Chánh.

Vào niên hiệu Hàm Hanh (670 - 674), Sư thấy quỷ vật, Sa-môn Tuệ Giản là tự chủ có nói: "Lúc sáng sớm thấy hai người đi chân chẳng đụng đất đi vào phòng viện của Sư". Ngài Tuệ Giản lấy làm quái lạ nên đem hỏi Sư, Sư bảo rằng: "Sứ thần của Trang Tương Vương (Doanh Sở 249 - 246 trước Tây Lịch) thời nhà Tần đến nói là "chịu đói khát đã lâu, vì thấy tôi có lòng đại từ nên muốn xin cho thức ăn. Xin chớ từ khổ nhọc ". Tôi bảo với họ là sáng ngày hôm sau sẽ thiết bày đầy đủ nên hãy đến cùng thọ hưởng". Ngài Tuệ Giản nghe nói như thế, đem rượu phụ giúp, và quả thật họ có đến, người hầu theo rất trang nghiêm, đang ngồi ăn, Thương Hoàng nói với Sư rằng: "Đệ tử không được ăn đã tám mươi năm". Sư hỏi về nguyên do, đáp rằng: "Tôi từ lúc mới sanh về sau không gì chẳng có sai lầm, như diệt Đông Chu, dứt bặt cơ tự, hoặc trách móc công đức. Tôi thường ngày chưa được có Phật pháp để dùng sám độ, chỉ do xá hựu giúp đỡ, trơ trọi riêng một mình bị lấp bít, không

hề được bù đắp, bởi vì phước ít mà tội nhiều, thọ nghiệp chưa hết. Nay được ăn một bữa ngon lành nầy, phải bốn mươi năm sau mới được ăn lại!" Nhân đó nhìn quanh rồi chỉ lên Thượng tọa mà nói rằng: "Đó là Bạch Khởi Vương Tiễn vì giết hại lắm tội, quả báo chưa hết". Lại nói: "Đây là Trần Chẩn, do tội luống dối..." Sư bảo: "Sao Vương không theo người để xin thức ăn mà cam để bụng đói, như thế làm sao chịu nổi?" Vương đáp: "Người có tâm từ rất ít. Người khác không thấy được. Tôi duyên với quý nhân chẳng thể vọng làm việc họa phước, vì thế nên đành chịu". Sư chỉ vào bình rượu bảo rằng: "Đó là do Ngài Tuệ Giản tự chủ ở đây biếu tặng". Vương rất có sự hổ thẹn, lúc sắp đi nói với Sư rằng: "Rất cảm ơn phí tổn hành thương này, no nê như thế nào có thể biết, đệ tử có ít vật, xin đưa để tưởng thưởng, ngoài cửa Thông Hóa ở phía Đông thành có mả cao nhọn, trên chóp nhọn cao lớn, đó là chỗ lầu thần của tôi, người đời không biết lầm cho đó là phần mộ của Lã Bất Vi. Sư bảo: "Xưa từng được Xích My khai phát, đâu thấy có vật gì?" Đáp rằng: "Giặc lấy không thể được". Sư bảo: "Bần đạo chẳng phải là Phát Khâu Trung Lang, mà chính là người xuất gia không dùng vật ấy, hãy chớ đem đến!" Nói xong đưa tay vái chào mà đi. Sư có các sự cảm thông với hạ thú như thế. Không biết về sau Sư mất ở đâu.

14. Truyện ngài Pháp Tú ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Tú, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ tại chùa Kinh, thường lui tới vùng Hàm Hạo để khuyên dẫn các duyên, thành tựu nhiều việc lành, mãi đến lúc già, Sư chưa từng nghỉ ngơi.

Cuối niên hiệu Khai Nguyên (742), Sư mộng thấy có người bảo rằng: "Đem khăn tay, pháp phục ca-sa mỗi thứ năm trăm cái vào cúng thí ở chùa Hồi Hướng". Khi tỉnh giấc, Sư hỏi mọi người chung quanh, đều nói là không có chùa nào tên là Hồi Hướng. Sư lại tìm rộng ra hỏi những người may khăn tay, áo ca sa, và cả những người xuất gia, tại gia lão túc khắp nơi có ai biết chùa ấy không. Khi đó, có một vị tăng hình dáng khôi ngô, mọi người đều chẳng biết, bảo rằng: "Tôi biết chùa Hồi Hướng". Sư hỏi: "Cần mang theo những vật gì và bao nhiêu người cùng đi?" Vị tăng ấy bảo: "Chỉ mang theo một cân Danh Hương là được, và khăn tay áo cà-sa". Sư bèn y theo lời nói đó mà trao các vật cúng thí, và vị tăng đó cùng Sư đồng đi. Lộ trình vượt qua núi Chung Nam, đi chừng hai ngày đường, đến chỗ núi rất cao. Ban đầu không thấy vật gì, lại tiến bước đi nữa, thấy một trục lăng bằng đá. Sư kinh hãi hỏi: "Ở đây không vết chân người bước, sao lại có vật này?", bèn đem danh hương

mang theo ra đốt, đôi ba phen đặt lễ, tha thiết nguyện cầu từ buổi trưa giờ Ngọ cho đến chiều tối, trong hang khí sương tỏa ra, chỉ chừng một thước không thấy được gì. Xun xoe trong chốc lát bỗng sáng tạnh, ngay giữa lưng chừng núi có khung cửa đỏ phân vách lục khoét toàn đề, cột phướn bay yêu kiều, lầu thẳng góc ảnh cao. Chốc lát thấy một ngôi chùa rõ ràng giữa bóng mây, Tam môn treo bản lớn đề là “Chùa Hồi Hướng”. Sư cùng vị tăng ấy rất vui mừng, men theo thềm cấp bước lên. Khi đó đã hoàng hôn, nghe có tiếng chuông khánh xướng tụng. Người giữ cửa hỏi từ đâu đến, rồi từ từ dẫn vào bái kiến một vị lão tăng đôi ba phen an ủi thăm hỏi, Lão tăng nói rằng: “Đường Hoàng Đế vạn phước chăng?” Rồi bảo một vị tăng khác dẫn đường đi qua các phòng chia cúng khăn tay và pháp phục ca-sa. Chỉ còn dư một phần, trong đó có một phòng trống không có người mà có giường chõng, y phục, tòa tịch v.v... dường như có sự thích hợp. Thế rồi bỏ qua, trở lại chỗ vị lão tăng, như người đứng đầu cương nhậm bảo với Sư rằng: “Vị tăng ở phòng trống đó ra ngoài sẽ trở lại”. Sư cùng vị tăng ấy lại muốn đến vị tăng đó để trao khăn tay v.v... Một phòng chỉ giường chõng để trống, cũng không có người. Lại nói đầy đủ về việc đó. Vị lão tăng cười bảo Sư ngồi, rồi đi đến trong phòng ấy lấy xích bát đến, cho đến xích bát bằng ngọc. Lão tăng bảo rằng: “Ông có thấy vị tăng người Hồ kia chăng?” Sư đáp: “Thấy!”. Lão tăng bảo: “Đó là người trong tương lai sẽ quyền thay cho chúa của ông. Ở Kinh đô, sẽ loạn lạc, người chết rất nhiều. Vị tăng người Hồ đó tên là Ma Diệt Vương. Còn ngôi thất kia là phòng của chúa của ông. Chúa của ông lúc ở tại chùa này ưa thích thổi xích bát nên bị phạt xuống nhân gian. Đây là xích bát mà chúa của ông thường thổi. Nay thời hạn sắp mãn nên bỏ lại “. Sáng sớm hôm sau, bảo Sư đến trai đường thọ thực. Thọ trai xong, lão tăng bảo Sư: “Ông phải trở về, hãy đem xích bát này và Pháp phục ca-sa, khăn tay trao cho chúa của ông, thì liền tự nhận!” Sư bèn lễ bái và trở về. Vị đồng tử lại đưa ra, chỉ mới vài mươi bước thì mây phủ khắp bốn bề, và bỗng nhiên không còn thấy ngôi chùa đâu nữa.

Sư bèn đem khăn tay pháp phục ca sa và xích bát bằng ngọc đó dâng lên vua Huyền Tông. Nhà vua bèn mời Sư đến kể lại đầu đuôi câu chuyện. Vua Huyền Tông rất cảm động mừng vui, lắng thần giây lâu rồi lấy ống sáo thổi, tiếng uyển nhã như trước ngự. Sau đó vài năm, bỗng nhiên có tai họa Lộc Sơn. Vị Hồ tăng mà Sư thấy trước kia chính là Lộc Sơn. Sư cảm kích sự gặp gỡ đó nên càng tinh tấn gấp bội. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu. Người đời truyền rằng chùa Thánh ở Chung Nam

lại có chùa Hồi Hướng.

Liên hệ thử bàn:

Xưa kia, thời vua Võ Đế nhà Lương, bảo đưa Pháp phục ca-sa vào núi Thượng Hải. Ngài Pháp Tú lại đến chùa Hồi Hướng. Yên sư sai sứ tìm chùa Trúc Lâm Đại Thánh. Ba duyên đó tên gọi tuy khác mà sự việc chỉ là một. Chẳng là lẫn nhau đổi thành cắt tiệt chim hạc nối tiếp chim le chăng? Thông đáp: "Việc làm của bậc Thánh dường như trong làm tạo xe mà ngoài cửa hợp vết, tuy việc xa đến ngàn muôn dặm cũng phù hợp. Bởi chẳng khác đường, nên như Tiêu Tử trông xem Tiên Kỳ đốt cháy cây, chẳng phải chỉ Vương Chất, có nhiều người gặp Tiên Kỳ, vả lại tên họ khác nhau, bởi thiêu đốt búa chặt cây chẳng phải một. Nay đây, đưa y phục vào chùa Thánh, phần nhiều cũng như thế.

15. Truyện ngài Phổ Minh trụ chùa Long Hưng ở Hoạt Châu thời Tiền Đường:

Thích Phổ Minh, không biết Sư là người xứ nào. Có thuyết nói Ngài là tăng sĩ người Tây Vực. Sư thường bàn luận thiền pháp, nêu rõ huyền vi, chẳng thể lường biết sự cao xa trầm lắng của Sư.

Vào niên hiệu Đại Lịch thứ nhứt (766) Sư nhận lời người ở Tạc Huyện thỉnh đến trụ A-lan-nhã. Các học giả kéo đến đông đúc, thường luôn qua lại, các cư sĩ lễ bái mà cúng thí. Thường ngày dùng đến ngàn kế, hoặc hễ vừa thấy tướng tự nhiên tức giận quở trách bít lấp sự ham muốn, đâu nhớ tiếng, làm lành quên ác. Chỉ một năm mà chẳng lường biết số là bao nhiêu. Hữu Bộc Xạ Nghĩa Thành Quân, Tiết Độ Sứ Giả Đam vốn là tiên bị giáng trần, ưu du đạo học dẫn lược Không môn, vừa mới trông thấy Sư mà như biết Cựu Hoàn của Dương Hựu, thấy mẹ hiền của Thái Thuận, hạ tâm mời thỉnh Ngài đến trụ chùa trong Châu Quận, đón rước đến nỗi nghiêng thành quách, nơi ngõ tắt không người ở. Do đó, Sư nói Pháp cho người nghe. Tuy thân già mà chẳng mỏi mệt, Sư đi nhanh như gió, hình dáng nhẹ nhàng mạnh khỏe. Đến ngày mùng 10 tháng 12 năm Nhâm Thân (792) tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 8, Sư dặn dò môn nhân rồi an nhiên ngồi thẳng thị tịch.

Có thuyết nói Sư thọ ba trăm tuổi. Bởi vì năm đó có người trăm tuổi thấy Sư dung nhan vẫn như xưa chẳng đổi khác. Bèn y theo pháp Tây Vực trà-tỳ, thâu nhặt được hai mươi bảy viên xá-lợi, cứng chắc tròn sáng. Các thiện tín xây một ngôi tháp nơi thiền đình chỗ Sư ở, sau dời tòa xuống dưới tháp.

Sau khi Sư tịch khoảng mười năm, Vương Sư Tây Chinh an tĩnh

biên tái, người dân Hoạt Châu có Sài Thanh rất tài dũng, nhân đánh chiếm loài mọi rợ đi thẳng sâu vào Lỗ đình. Binh lính tuần canh phần nhiều ban ngày núp phục, ban đêm hoạt động, bèn lạc lối quên mất đường đi, thẳng xa chẳng phân biệt. Sài Thanh thấy Sư đi trước dẫn đường như ngựa già làm tiên khu, khi đã tới Hán Thành bỗng nhiên không thấy nũa, bèn trở về Châu Quận đến chỗ tháp lễ bái. Xa gần đều truyền tụng.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 18 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 19

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG VI

(chánh truyện có hai mươi mốt vị, phụ có tám vị)

1. Truyện ngài Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Phá Táo Đọa, không rõ Sư là người xứ nào. Trong thời Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) Sư đến tham sự với Thiền Sư An ở Tung Nhạc, hiệu là Lão An. Sư thấu suốt thiền pháp, tiêu diêu chẳng buộc ràng. Thường cầu lý mà chẳng thấy ở trước, riêng đường mà chẳng thấy rảo bước ở sau.

Sư từng gặp thầy đồng bóng cùng với người cúng tế ông Táo để cầu nguyện, như Lý thiếu Quân ở đời Hán Võ vì thờ ông Táo mà đặt để vật đồng. Hễ lúc thầy đồng giải tấu thì thường thấy hình quỷ vật hiện điềm, dân chúng ở trong làng nhiều người lo sợ, lan truyền trong nhiều người, thường hay giết hại dê để cúng tế giao Ngọ. Trọng chủ Táo ấy bèn dùng phướn lọng để che, bí mật mà ít thấy. Khi Sư đến đó, ban đầu thì khuyên dụ thầy đồng, sau cùng thì nói Pháp cho thần nghe. Xong rồi thần nói rằng: "Tôi nghe sư chỉ dạy, chắc chắn sẽ sanh lên cõi trời". Thần bèn hiện hình để đảnh lễ từ tạ Sư. Lại nói rằng: "Mong sư được lợi ích càng sâu xa, được sanh lên cõi trời tốt đẹp!" Thần nói xong liền ẩn hình. Táo đó chính là thần từ, theo đó mà hiểu thị tự nhiên rỗng suốt, chẳng do sức người, xa gần đều kinh hãi. Sư vốn chẳng xưng danh, do đó hoàn toàn lấy danh hiệu cuả người khác, nên gọi là Phá Táo Đọa.

2. Truyện ngài Nguyên Khuê trụ chùa Nhàn Cư ở Tung Nhạc thời Tiền Đường:

Thích Nguyên Khuê, họ Lý, người xứ Y Quyết. Sư bẩm khí anh kỳ, rộng rãi nhàn nhã, đã có duyên tu tập từ trước bèn phát chí xuất

gia.

Vào niên hiệu Vĩnh Thuần thứ hai (683) Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, bèn thuộc danh ở chùa Nhàn Cư, tập học tỳ-ni. Sư siêng năng không biếng lười, sau đó, ngộ Thiền Tông ở chùa Thiếu Lâm, thông suốt tâm yếu, vào sâu huyền vi, Sư bèn từ bốc lô đến Lũng Ổ ở Tung Nhạc, Sư bảo với Nhân Tố là đệ tử của Sư rằng: "Ta mới ở tại ngọn núi phía Đông chùa này, sau khi ta thị tịch ông nên xây tháp an táng hài cốt ở đây!" Sư trụ tại Nham A, bấy giờ có Nga Quan khố tập, Bộ Khúc đông nhiều, bước nhẹ khoan thai, tham yết Đại Sư. Sư thấy Nga Quan diện mạo kỳ vĩ, tinh sáng khác thường, bèn nói rằng: "Lành thay nhân giả! Ai cho biết mà đến vậy?" Nga Quan hỏi: "Sao Sư biết tôi ư?" Ngài bảo: "Tôi quán thấy Phật và chúng sanh đều bình đẳng. Tôi chỉ nhìn như một, đâu phải do phân biệt biết!" Nga Quan nói rằng: "Tôi thần ở núi nầy, tôi có khả năng làm cho người được lợi hại và sống chết, sao Sư có thể nhìn tôi như một ư?" Sư bảo: "Ông có thể gây ra sự sanh tử đối với mọi người. Tôi đây vốn chẳng sanh, làm sao ông có thể khiến cho tử. Ta xem thân ta cùng với hư không là bình đẳng. Tôi xem tôi cùng với ông là bình đẳng. Ông có thể phá hoại hư không và phá hoại ông chăng? Nếu như có thể phá hoại hư không và phá hoại ông, thì tôi đây cũng chẳng sanh chẳng diệt. Ông còn chưa thể như thế thì làm sao có thể gây ra sự sanh tử đối với tôi?" Thần núi bèn cúi đầu bái lạy đôi phen, nói rằng: "Tôi cũng thông minh chánh trực hơn các thần khác, đâu thể biết được sư có trí biện rộng lớn như thế?! Xin nguyện trao cho tôi chánh giới, khiến tôi độ đời để giúp thêm oai phước!" Sư bảo: "Thần đã cầu xin giới tức là đã có giới. Vì sao? Vì ngoài giới không có giới, còn gì là giới ư?" Thần thưa: "Với lý ấy tôi nghe mà mịt mờ, chỉ cầu xin sư trao giới. Thân tôi đây nguyện xin làm đệ tử trong pháp môn!" Sư khước từ không được, bèn lập tòa đốt hương, bưng lò hương bảo: "nay Tôi trao cho ông năm giới, giới nào ông có thể vâng giữ được thì đáp là được, giới nào không được thì im lặng. Thần thưa: "Tẩy rửa tai để lắng nghe, dùng tâm rỗng không mà nhận lãnh!"

Sư bảo: "Ông có thể không tà dâm chăng?" Thần đáp: "Cũng lấy vợ". Sư bảo: "Không phải như thế, mà là không có lưới dục ". Thần đáp: "Được". Sư bảo: "Ông có thể không trộm cắp chăng?" Thần nói: "Sao khi dễ vậy! Làm gì có trộm lấy?" Sư bảo: "Chẳng phải vậy, mà có nghĩa là cúng mà phước dâm, chẳng cúng mà họa thiện!" Thần đáp: "Được". Sư bảo: "Ông có thể chẳng sát hại chăng?" Thần nói: "Chính giữ quyền bính tại thân, sao bảo là chẳng giết hại. Sư bảo: "Không phải

như thế, mà nghĩa là có lạm ngộ hỗn nghi vậy". Thần đáp: "Được". Sư bảo: "Ông có thể chẳng nói dối chăng?" Thần đáp: "Tôi vốn là ngay thẳng, đâu có luống dối!" Sư bảo: "Không phải vậy, mà nghĩa là trước sau chẳng hợp tâm trời". Thần đáp: "Được". Sư bảo: "Ông có thể chẳng bị rượu làm bại hoại chăng?" Thần đáp: "Được". Sư bảo: "Như trên là giới của Phật!" Sư lại nói: "Dùng hữu tâm để vâng giữ mà không tâm câu chấp, dùng hữu tâm vì mọi vật mà không tâm tưởng thân. Nếu được như thế thì trước lúc trời đất sanh chẳng là tinh, sau khi trời đất diệt chẳng là lão. Suốt ngày biến hóa mà chẳng bị động. Tất cả đều vắng lặng mà chẳng phải là dừng ngộ. Được như vậy thì tuy có gia đình mà chẳng phải vậy, tuy có hưởng mà chẳng phải lấy, tuy có bính mà chẳng phải quyền, tuy là làm mà chẳng phải cố, tuy say mà chẳng phải mê. Nếu vô tâm đối với muôn vật thì dẫu có lưới dục chẳng là dâm, họa dâm họa thiện chẳng là trộm cướp, lạm ngộ hỗn nghi chẳng là giết hại. Trước sau trái với trời chẳng là luống dối, dẫu có mê man điên đảo cũng chẳng là say. Đó gọi là vô tâm. Vô tâm thì không giới. Không giới thì không tâm, không Phật không chúng sanh, không ông không tôi. Không tôi không ông thì ai có thể răn giới ư?"

Thần nói: "Thần thông của tôi chỉ kém thua Phật". Sư bảo: "Thần thông của ông trong mười cú (câu), năm cú được còn năm cú chẳng thể được. Thần thông của Phật thì trong mười cú thì bảy cú được, còn ba cú chẳng được". Thần khiếp sợ lánh khỏi chiếu đứng dậy lạy quỳ rất cung kính thưa rằng: "Tôi có thể được nghe điều đó chăng?" Sư bảo: "Ông hãy hầu Thượng Đế từ trời Đông đến trời Tây thất diệu chăng?" Thần đáp: "Không thể được". Sư lại hỏi: "Ông có thể đoạt lấy địa kỳ, bao dung ngũ nhạc mà kết bốn biển chăng?" Thần đáp: "Chẳng thể được". Sư bảo: "Đó là năm thứ ông không có khả năng thực hành". Sư lại bảo: "Phật có khả năng thấy tất cả tướng là không mà thành tựu trí muôn Pháp, nhưng không thể diệt trừ định nghiệp. Phật có khả năng biết được tánh của chúng sanh, biết việc trong ức kiếp, mà không thể hóa đạo chúng sanh vô duyên, Phật có khả năng độ vô lượng hữu tình mà không thể độ hết thế giới chúng sanh. Đó là ba thứ không thể được của Phật. Định nghiệp chẳng phải bền chặt lâu dài, vô duyên cũng chỉ là nhất thời, thế giới chúng sanh vốn không thêm bớt. Quanh quẩn không một người có thể làm chủ hữu pháp, Hữu pháp đã không chủ, ấy gọi là vô pháp. Không pháp không chủ đó gọi là vô tâm. Như chỗ tôi hiểu về Phật thì cũng không có thần thông. Chỉ dùng vô tâm mà thông đạt tất cả pháp, tác dụng thầm hiện trước chúng sanh. Nếu có tâm có tạo tác thì

tác dụng sẽ chẳng cùng khắp”.

Thần núi thưa rằng: “Tôi thật hiểu biết cạn cợt mê muội, chưa được nghe về nghĩa Không. Xin Sư trao cho tôi giới để tôi vâng giữ. Lại do nghiệp nhân gì có thể ràng buộc cõi trần. Tôi nguyện báo đáp từ đức, xem xét lại điều tôi có thể làm được!” Sư bảo: “Ta quán thân không vật, quán Pháp vô thường, như thế đâu còn gì ham muốn?” Thần thưa: “Sư hẳn bảo tôi làm việc thế gian, xoay vần chút ít thần công của tôi. Khiến cho năm hạng người: đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm và không có tín tâm sanh khởi tín tâm, v.v... nhìn dấu vết thần của tôi, biết có Phật, có thần, có khả năng được, có không khả năng được, có tự nhiên, có chẳng phải tự nhiên”. Sư bảo: “Không làm thế! Không làm thế!” Thần thưa:”Phật cũng sai thần hộ trì pháp, sao sư lại hủy báng Phật? Tùy ý mà chỉ bảo!” Sư bất đắc dĩ mà bảo rằng: “Ở chùa Đông Nham bị chướng, trống rỗng không có cậy cối, ở Bắc tụ có cây mà chẳng che lấp, ông có thể dời cây ở phía Bắc đến Đông lãnh chăng?” Thần thưa: “Tôi đã nghe lời Sư dạy bảo”, lại trình bày rằng: “Trong đêm tối, tôi sẽ sử dụng gió sấm làm cho rung chuyển. Xin Sư chớ kinh hãi” Và thần liền trịnh trọng lễ bái từ giã mà đi. Sư đưa ra tới cửa, Sư nhìn thần, thấy rõ nghi vệ đi lượn như hành trượng của Vương giả, lại có khí đỏ ráng hồng nham tía, hạo khí dãi bày tụ tán, phướn lọng hoàn bội, giáo mác um tùm, lên cao lẫn giữa khoảng không, mịt mờ ẩn hiện. Đêm đó quả nhiên có gió bảo sấm sét tung tóe vang động nối nhau, rường cột mái hiên cao vợi như sắp đổ. Định tăng trông nhìn xao động, có tiếng chim kêu hoảng cuồng, đánh vật với nhau chẳng yên chỗ. Sư bèn bảo chúng tăng rằng: “Chớ khiếp sợ! Chớ khiếp sợ! Thần và ta đã đính ước”. Đến sáng sớm, trời tạnh thì các cây thông ở Bắc Nham đều đã dời về Đông Lãnh, rậm rạp trồng thành hàng, và Sư bảo với đồ chúng rằng: “Sau khi ta tịch chớ để cho người ngoài biết. Nếu là khẩu thật thì người sẽ lấy làm quái lạ về ta”.

Đến năm Bính Thìn (716) tức niên hiệu Khai Nguyên thứ 4, Sư dặn dò môn nhân rồi thị tịch như bỏ xác, Sư thọ bảy mươi ba tuổi. Bèn xây tháp thờ tại Đông Lãnh ở Tung Nhạc. Ảnh đường ở phía sau bổn viện, mãi tới niên hiệu Khai Nguyên thứ 12 (724) mới hoàn thành. Huyên Úy Hứa Trù ghi lại đức hạnh của Sư.

3. Truyện ngài Huệ Phù trụ chùa Thiên Trụ ở Tiềm Sơn, thuộc Lô Giang, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Phù, họ Thích, người ở xứ Gia Kỵ, thuộc Việt Châu.

Đến tuổi hai mươi, Sư có dõng khí hơn người, sức lực nhanh nhẹn, không ai sánh bằng. Nhưng Sư nhậm hiệp, nhàm chán ở nhà, bèn đến chùa Hương Nghiêm, tâm tánh mềm mỏng, thuần thục mau biến đổi. Sau khi thọ lãnh giới pháp, Sư luyện hạnh cô tiêu. Hằng đêm thường men theo núi trải cỏ an tọa thiền định bất động. Sư lại nghiên tầm kinh luận. Thấy ở Tiềm Huyện có Hoắc Sơn, là nơi mà ngày xưa Hán Võ từng cúng tế Nam Nhạc ở đó, thật là cảnh đẹp. Trong đó có chùa Thiên Trụ, nơi có thể để lắng thần. Sư bèn đến đó cất am mà ở. Sau đó không lâu, có con rắn lớn đến há miệng phun lửa độc dữ dội. Sư từ từ nói với nó rằng: "Ngươi tìm túc trái, ta có thể ăn nuốt ngươi". Con rắn bất chợt tẩy thân định ý, như vận nghiệp thông đến. Sư vì nó mà cho thọ giới, trong chốc lát nó mà bò đi, và quả nhiên hóa thành thân người, trở lại cầu xuất gia. Sư lại vì đó mà xuống tóc đắp pháp y cho. Nhận lời dự ký rồi lễ bái từ tạ mà đi. Sau bị cáo Sư riêng độ, phải đầy đủ để thật đối biện. Sư bảo: "Nếu riêng độ mà có tội lỗi, thì xin nhận nghe tội ấy". Quan lại thấy Sư khác thường nên bèn tha cho. Hễ Sư thấy ai mắc phải các bịnh nạn ung nhọt rôm sẩy máu mủ chảy tràn mà chú nguyện thì liền lành.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 18 (730), Sư tự nhiên không bịnh mà thị tịch. Nhìn theo ngọn lửa trà-tỳ thì thấy bộ xương liền nhau.

4. Truyện ngài Tuệ An tại chùa Tây Minh ở Trường An, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ An, không rõ Sư là người xứ nào. Vào niên hiệu Thần Long (705 - 707) Sư đến xứ Kinh Triệu, thường có nhiều việc thấy biết trước.

Bấy giờ, Đường Hưu Cảnh đã lập Biên Công, sang trọng hưng thịnh không ai bằng. Sư đến nhà ông ta bảo rằng: "Tướng Công rất tốt đẹp, ắt có điều rất xấu ác, sắp có họa lớn, và chỉ trong vài tháng nữa nhưng cũng có thể chóng trừ. Hưu Cảnh vốn biết Sư có khả năng hơn người, bèn vâng nghe và bái lạy. Sư bảo: "Ta không có thuật gì khác, chỉ hiến cho một kế. Há chẳng phải chú nghĩ quan phẩm có ra từ sự hun đúc, xin chọn một người tài giỏi dùng làm Tào Châu". Nhân đó chọn được Trương Quân vốn là quan trong kinh. Ngay ngày đó liền lên, cung tán theo thứ lớp giữ gìn Định Đào, sai tìm kiếm hai con chó cao chừng vài thước rất khôn lanh. Trương Quân đến nhậm nhuệ ý tinh cầu, tìm được hai con chó như điều ước muốn đem hiến tặng Hưu Cảnh. Hưu Cảnh rất vui mừng mời Sư đến xem xét. Sư bảo: "Rất tốt!". Sau đó hơn tuần lễ, Sư trở lại bảo rằng: "Sự cố xảy ra trong đêm nay, xin tướng

quân cẩn thận phòng cảnh đầy đủ”. Hưu Cảnh bèn giữ Sư ở lại trong đêm. Đêm đó, Hưu Cảnh ngồi trước hiên nhà, bảo ở chung quanh có đến mấy mươi người, cầm nắm cung tên đứng ở góc cạnh giường. Hưu Cảnh cùng Sư ngồi ở một giường. Đến nửa đêm, Sư mỉm cười bảo rằng: “Họa của Tướng quân đã khỏi, chúng ta có thể yên ngủ”. Hưu Cảnh mừng và cảm tạ Sư, bèn cho mọi người chung quanh cùng đi ngủ. Đến sáng sớm, Sư gọi Hưu Cảnh thức dậy. Hưu Cảnh hỏi Sư: “Vì sao dùng hai con chó ấy?” Bèn tìm theo vết chân nó đi đến trong vườn, thấy môt người nằm chết dưới đất, xem ở cổ thấy có vết máu bởi một vật cắn. Lại thấy hai con chó đang nằm dưới gốc cây lớn, ngửa nhìn lên cây thấy vai một người đang núp, Hưu Cảnh kinh hãi, vặn hỏi, người đó vừa khóc vừa chỉ vào người chết mà nói rằng: “Tôi và người ấy đều là giặc, đêm qua cùng đến muốn hại tướng quốc. Bởi gặp hai con chó này vây quanh sủa rân, người ấy bị nó cắn đã chết. Tôi núp mình dưới đất, lưới trời vây bủa, bị chó ngồi trông giữ. Nay đành chịu muôn tội chết!”. Hưu Cảnh bảo người trói lại và bảo với tên giặc rằng: “Tội này đáng chết, nhưng vì nhà ngươi chẳng có chủ tâm, mà là do ngươi sai”. Rồi bèn phóng thả. Kẻ giặc bái lạy khóc mà đi. Hưu Cảnh bái lạy cảm tạ, thưa Sư rằng: “Nếu không có Sư thì tôi chẳng thể thoát chết bởi tay hai kẻ đó”. Sư bảo: “Đó là phước của Tướng quốc, đâu phải tôi có được thay!”

Lại nữa, biểu đệ của Hưu Cảnh là Lô Chẩn ở tại kinh môn, có vệ sĩ đến báo rằng: Ông sắp có tai họa, phải cầu điềm lành để dứt trừ, may ra mới khỏi được”. Lô Chẩn biết Sư có thuật lạ, đạo hạnh thanh bạch, được mọi người đương thời kính trọng, bèn đưa thư đến nhờ Hữu Cảnh mời thỉnh, Sư liền trao cho một lá thư và bảo: “Mọi sự như trong thư vậy”. Và lúc thư được mang đến Giang Lăng thì Lô Chẩn đã qua đời. Hữu Cảnh càng thêm kính trọng. Sau vài năm qua lại, không biết Sư đi đâu!

5. Truyện ngài An Tỉnh ở Tây Vực, thời Tiền Đường:

Thích An Tĩnh, vốn người Tây Vực. Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 (727), Sư chống tích đi về phía Đông đến Định Đào, hỏi thẳng Cư sĩ Định ở đâu? Người trong làng báo với Sư là: “Cư sĩ Định đã qua đời ba năm và an táng tại ngoại ô!” Lại nói với Sư rằng: “Cư sĩ ấy là Bồ-tát tại gia, siêng giữ phạm hạnh, thường đến lễ bái phụng sự thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, đã đắc pháp thậm thâm, lúc sắp qua đời, chắp tay ngồi kiết già, an nhiên mà hóa. Chuông khánh trong các chùa viện ở Tạo Thành chẳng đánh mà tự kêu”. Sư đi đến chỗ phần mộ cư sĩ Đinh,

đích thân khai quật. Khi đó có khí mây năm mầu phun thẳng lên, Sư bèn thâu nhặt lấy hài cốt đều mầu vàng ròng, nối liền nhau như dây xích, dài chừng năm trượng, có tiếng kêu leng keng rõ ràng. Sư treo ở đầu trượng mà đi, xây riêng một ngôi tháp mà an táng lại. Mọi người đều kinh sợ khen ngợi, trong chốc lát, Sư liếc nhìn rồi diệt độ.

Liên hệ thử bàn:

Di cốt của hữu tình, dẫn nhân cho tới quả, trong thân phàm phu tiết chẳng cùng đến, Bồ-tát Thập Địa cốt tiết giải bàn long tướng kết. Các Đức Phật thì toàn thân xá-lợi. Nay cốt của cư sĩ Đinh có hình móc xích liền nhau, thì vượt phàm phu, chưa là giai vị thứ10, mà đó là thân Bát Tý Na-La-Diên, đầu cốt tiết móc liền nhau. Chứng nghiệm sức lượng của cư sĩ đã đến nước. Thí như cát từ trong vàng ra thì gọi đó là hồn chứ không thể gọi là cát. Đá ngậm ngọc thì gọi đó là phác chứ không thể gọi là đá.

Lại nữa chùa Đại Vân thuộc phủ Thành Đô, có Ngài Từ Quả Sư, sống chung với mọi người, giấu bặt vết tích, người ít lường biết, hoặc nhập Tam-muội chẳng mất luật nghi, hoặc hiện tướng cuồng si, nói đúng lắm việc. Trước làm Vệ Nguyên Tung, là kẻ sĩ khó suy lường, khắp trong đất trời thường luôn có người gọi đó là Từ Quả Sư. Từ là họ, Quả là tên, Sư là gọi chung. Đây cũng là cương luyện luân loại của Ngài Chí Công. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

6. Truyện ngài Như Nhất trụ tại Chung Sơn ở Phước Châu, thời Tiền Đường:

Thích Như Nhất, không rõ Sư người ở xứ nào. Vào cuối niên hiệu Khai Nguyên (742), Sư làm vị Tăng coi về giường tòa. Bỗng nhiên có vị tăng khắp thân mình lở lói, áo quần dơ dáy đi quanh trong chùa, tăng chúng trông thấy ai cũng chán ghét, chỉ mình Sư gài thấy mà xót thương, mời vào trong nhà riêng của thường trụ, chăm sóc qua mùa Hạ. Đến cuối Hạ, vị tăng đó từ tạ ra đi. Sư hỏi vị tăng đó đi về đâu. Đáp rằng: “Trở về trong am”. Sư lại hỏi: “Am ở xứ nào?” Đáp: “Ở phía Đông chùa Đại Thừa”. Sư bảo: “Tôi thường ngày đi ngang đó đâu thấy có am nào”. Vị tăng ấy bảo: “Không tin thì hãy đến đó hỏi xem, hai ngày sau tôi sẽ đến”. Sư bèn đến đó, quả nhiên thấy vị tăng đó đứng ở miệng hang núi có vẻ trông đợi. Nhân đó nắm tay Sư dẫn vào một Tinh xá, lầu gác nguy nga, điện đường xen nhau, chẳng giống như cảnh vật ở nhân gian. Ba ngày sau, vị tăng đó lại đưa Sư xuống núi. Sư quay đầu nhìn lại, thấy đều là núi đá mới biết là chùa Thánh. Do đó Sư càng gắng

sức tinh tấn tu trì, nguyện dự vào dòng Thánh.

7. Truyện vị tăng mất tên người Tây Vực, thời Tiền Đường:

Vị tăng mất tên, không rõ Sư người xứ nào ở Ấn Độ. Ngài diện mạo xấu xí, quấn y man điều, mầu sắc càn-đà, chân mang giầy da kéo lê miếng thiếc, hành hóa ở chốn kinh đô.

Bấy giờ, Vi Nam Khương Cao vừa sanh mới chỉ 3 ngày, trong nhà thỉnh chư tăng đến thiết trai cúng dường, Sư là vị tăng không mời mà tự đến. Ngày đó chư tăng đều là những vị trải qua nhiều chùa liền tên được thỉnh mời đến. Đứa gia đồng trong nhà họ Vi rất tức giận Sư, đem chiếc chiếu rách trải giữa sân cho Sư ngồi. Thế rồi cúng dường trai diên xong, trong nhà họ Vi bảo người mẹ ẳm đứa bé ra, trong ý muốn thỉnh chư tăng chú nguyện cho nó. Sư từ chỗ ngồi đứng dậy trước, vén y bước lên thềm cấp nhìn đứa bé và bảo: “Sao cách biệt đã lâu không thấy tăm dạng đâu vậy?” Đứa bé tỏ vẻ vui mừng như có ý nhận biết, chư tăng đều lấy làm lạ. Vi Quân nói rằng: “Đứa con này vừa mới sanh ba ngày, sao thầy ta lại nói cách biệt từ lâu?” Sư bảo: “Đàn việt chẳng thể biết việc nầy!” Vi Quân cố hỏi, Sư bảo: “Đứa bé này là thân sau của Gia Cát Lượng. Ở thời Võ Hầu Đảnh Quốc làm Thục Thừa Tướng Quân là chỗ quen biết với tôi. Duyên người xứ Thục được sự ban tặng đã lâu, nay giáng sanh ở đời, sẽ làm Thục Soái, hẳn là Phước của người xứ Khôn Duy. Tôi sang ở Kiếm Môn là bạn lành với đứa bé này, đã biết nó sanh ở nhà ông, tôi chẳng ngại xa xôi mà đến. Đứa bé này sẽ làm Kiếm Nam Tiết Độ Sứ hai mươi năm, quan vị cực tôn quý là Trung Thư Lịnh Thái Úy. Ngoài ra chẳng phải là điều tôi biết”. Cha đứa bé (Vi Nam Khương Cao) im lặng. Nhân đó, lấy chữ Võ Tử làm tên tự, lại gọi tắt là Võ. Trương Dật ra làm Tiết Độ Lũng Châu ở Phụng Tường, tấu trình Vi Nam Khương Cao quyền coi về Lũng Châu. Đến lúc Trương Dật bị Lý Sở Lâm giết chết, Ngưu Vân Quang mời Vi Cao làm soái. Chu Thử bất đắc dĩ dùng Vi Cao làm Phụng Tường Soái vua Đức Tông đặt Phụng Nghĩa Quân Tiết để biểu dương. Lại tiếp tục thêm chức Lễ Bộ Thượng Thư. Vào niên hiệu Hưng Nguyên (784 - 785) bèn xa giá trở về kinh đô, bày làm Tả Kim Ngô Vệ Tướng Quân. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhứt (785) là Thành Đô Duẫn đại Trương Diên Thường, đến nhậm Hòa Nam Man đều thành đạt chiến công, phong làm Nam Khương Quận Vương. Đến lúc vua Thuận Tông lên ngôi (805) lại tiến lên làm Thái Úy. Vi Cao nhậm chức tại Nam Khương suốt hai mươi mốt năm. Cuối cùng rất kính sùng Phật giáo, thường lần chuỗi niệm danh hiệu Phật. Vi

Cao có nuôi một con chim oanh võ dạy nó tụng kinh, đến khi nó chết, thiêu có xá-lợi. Vi Cao lại rất hướng tâm đến Thiền Đạo Nam Tông, học tâm pháp với Thiền sư Thần Hội ở chùa Tịnh Chúng. Tại xứ Thục, Phú quý ngầm sai Trọng phú liễm. Bấy giờ bàn luận cho rằng chẳng đúng, nhưng hợp với sự huyền ký của Sư.

8. Truyện ngài Bão Ngọc ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Bảo Ngọc, có hạnh nghiệp cao lạ, ít tiếp việc người, thường lúc nói việc tương lai như chính mắt thấy. Thấy Ngài Thích Đại Quang bèn răn dạy rằng: "Ông tụng kinh nên xướng cao pháp âm, thấu đến các vị trời lắng nghe, sẽ được các thần ủng hộ". Sau đều phù hợp với những điều Sư đã nói. Khắp Kinh ấp quy hướng kính tin có đến ngàn vị.

Hằng đêm, Sư ở một mình trong thất, đóng của tắt đèn. Từng có vị tăng ở ngoài lổ hổng nhìn vào xem Sư làm gì, thấy trong miệng Sư tuôn ra áng mây lành, hoa nhiều mầu dễ thương. Sau, năm Sư khoảng chín mươi tuổi thì thị tịch. Lúc Sư thị tịch, trời rất nắng nóng mà nhục thân Sư chẳng hề bị hư hoại. Tể Thần đệ ngũ Kỳ và Sư là bạn thân. Khi Sư tịch, kỳ đến dự lễ tang rất buồn thương. Kỳ đem hương nhũ rót vào miệng Sư, theo đó có ánh sáng tốt lành phát ra soi chiếu khắp bốn phía. Kỳ càng lấy làm lạ. Tháng 10 niên hiệu Càn Nguyên thứ 2 (759) Kỳ bị giáng chức làm Thứ Sử Trung Châu. Đến đầu niên hiệu Bảo Ứng (762) vào làm tân khách cho Thái Tử. Đến Kinh Duẫn, Sư đều đã nói trước, mọi sự vinh quý và không yên ổn đều như Sư nói, nên Kỳ khắc ý quy tín.

9. Truyện ngài A Túc Sư ở Văn Hương thuộc Quắc Châu, thời Tiền Đường:

Thích A Túc Sư, chẳng rõ Sư xuất xứ từ đâu, hình chất si độn, dơ bẩn, tinh thần mịt mờ. Nhưng lúc Sư có nói gì thảy đều như đã biết trước. Tuy Sư ở không nơi nhất định nhưng thường ngụ ở Vân Hương. Vì Sư quanh quẩn ngài Pháp Vân Công, tới lui qua lại, tranh đường lễ yết. Đàn thí cúng dường các vật chất như núi mà Sư chẳng đoái hoài. Người nào mắc phải nổi buồn lo ẩn uất, thân bị các điều đau khổ mà được Sư chỉ bảo thì ứng nghiệm nhanh chóng như thần.

Bấy giờ, tại Thiểm Châu có gia đình giàu có tên là Trương Trăn. Sản nghiệp rất nhiều, của cải tràn đầy. Có được đứa con lại chết mất từ tuổi thiếu niên. Trương Trăn luôn lo sợ tất cả tiền của sau khi qua đời không người trông coi! Sau đó, lại sanh được một đứa con trai, đã ngu

lại đần độn, tay chân co quắp, nói năng ngọng ngịu. Chỉ ham thích ăn uống. So với người thường thì có khác, miệng như hang khe suốt ngày ăn chẳng chán. Năm mười bảy tuổi, cha mẹ tiếp nối mến thương cung cấp mọi thứ đòi cần, tìm cầu thầy thuốc xa cả ngàn dặm, mấy mươi năm sau, gia sản sắp khốn cùng. Có người thấy vậy bảo với Trương Trăn rằng: "A Túc Sư là di lưu của Ngài Bảo Chí, sao chẳng bày trải tâm can cầu Sư cứu giúp bệnh tật ấy?" Khi đó cả hai vợ chồng đi đến Vân Hương, cúi đầu rơi lệ tỏ bày cầu Sư cứu giúp. Sư nhắm mắt giây lâu rồi bảo với Trương Trăn rằng: "Oan trái nhà ngươi chưa tan, còn phải trải qua vài năm nữa. Ta thương xót nhà ngươi tha thiết nên trừ diệt cho!" Sư gài liền bảo chọn ngày, đến bên bờ sông thiết trai, thỉnh mời đông chúng tăng. Mọi người đồng đến xem Sư độ thoát, bèn dẫn đứa con trai ấy đến chỗ đạo tràng. Bấy giờ, cả chúng đều biết Sư có lắm điều kỳ dị nên đến xem rất đông. Trong chốc lát, Sư kêu gọi vài người rất khỏe mạnh, quát mắng kéo đứa con trai ấy ném xuống sông cho dòng nước cuốn trôi mà chết. Trương Trăn vừa buồn thương, vừa kinh sợ, chẳng lường biết nguyên do thế nào. Sư bèn nói với Trương Trăn rằng: "Ta đã trừ tai họa cho ngươi xong". Giây lâu, đứa con trai đó nổi mình trên mặt nước cách bờ sông vài mươi bộ, quơ tay xỉ mắng cha mẹ nó (vợ chồng Trương Trăn) rằng: "Ta và nhà ngươi có oán cừu, duyên nghiệp đời trước. May nhờ gặp được Thánh giả giải phân. Nếu chẳng như thế thì kỳ hạn chưa đến ngày dứt". Nó trồi thân hô cao, từ lý rõ ràng, không có tướng trạng si trược. Bỗng chốc chìm trong nước, chẳng biết gì khác nữa. Từ đó, rao truyền về Sư, mọi người quy hướng kính tín đông như đến chợ. Sư hành hóa dẫn đạo phần nhiều đều như thế. Lúc đó là khoảng thời gian từ niên hiệu Đại Lịch (766 - 780) đến niên hiệu Kiến Trung (780 - 784). Đến năm Bính Tý (796) tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 12, vua Đức Tông sắc phong tặng Sư thụy hiệu là Đại Viên Thiền Sư. Đến nay, tại xứ Thiểm Châu, Quắc Châu vẫn còn sùng kính Sư.

10. Truyện ngài Can ở núi Thiên Thai thời Tiền Đường:

Thích Phong Can, vốn trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai. Cắt tóc ngang mày, mặc áo vải lông cừu che thân, Sư cao hơn bảy thước. Nếu có ai muốn hỏi điều gì, Sư chỉ trả lời bằng hai chữ "tùy thời" mà thôi, chứ không nói gì khác. Sư riêng thích việc giã gạo, làm việc nặng nhọc đồng với Thành Đán, ứng phó việc nấu nướng. Sư từng cưỡi hổ đi thẳng vào cửa thông, chúng tăng thấy mà kinh sợ. Miệng Sư luôn nghêu ngao đạo ca, bấy giờ chúng mới đều tôn sùng kính trọng. Sau khi Sư

thị tịch, vào niên hiệu Tiên Thiên (712 - 713) thì Sư hành hóa tại kinh Triệu, chẳng thường điều như người thường. Các hàng sĩ thứ trông thấy Sư không ai chẳng nghiêng mình kính lễ, Ngài nối tiếp sau gót chân của Đại Sư Vạn Hồi, những điều nhiệm mầu cũng tương tự nhưng tướng phong cuồng thì quá hơn. Sư nói năng có nhiều điều đúng.

Vốn ở trong tăng trù chùa Quốc Thanh có hai vị tu khổ hạnh đó là Hàn Sơn Tử và Thập Đắc. Phần nhiều hai vị đó ở tại nhà trù chăm lo việc nấu nướng. Nấu nướng xong, hai vị gặp nhau nói chuyện. Có người lắng nghe nhưng thường chẳng hiểu họ nói chuyện gì. Và cũng rất điên cuồng, trác hợp tương thân, bởi đồng loại tương cầu. Bấy giờ, có Lư Khâu Dận ra trông coi Đan Khâu, sắp bàn luận khăn xe, khổ nỗi đầu rất đau nhức, các thầy thuốc chữa trị đều không hiệu nghiệm. Bỗng nhiên gặp Sư đến bèn nói rằng: "Tôi từ núi Thiên Thai đến yết kiến sứ quân". Lư Khâu Dận đem chứng bịnh thưa với Sư, Sư bảo: "Sứ quân sao lo vậy". Ngài bèn tìm cái bình sạch rót nước vào mà phun vào đầu, chỉ trong khoảnh khắc, cảm thấy trong thân thể khỏe mạnh. Lư Khâu Dận lấy làm lạ, bèn xin Sư nói cho một lời để định sự tốt xấu của hạnh ấy. Sư bảo: "Đến nhậm chức nhớ tới lễ yết ngài Văn-thù". Lư Khâu Dận thưa rằng: "Bồ-tát Văn-thù hiện ở đâu?" Sư bảo: "Đó là người đang lo việc nấu nướng chùi rửa các vật ở nhà trù chùa Quốc Thanh!". Đến lúc vào chùa ở núi, Lư Khâu Dận hỏi chư tăng ở đó: "Ở chùa này có Thiền Sư Phong Can chăng?" Đáp: "Có!". Lư Khâu Dận lại hỏi: "Vậy phòng viện của Ngài ở đâu? Và Hàn Sơn và Thập Đắc là người thế nào?" Khi đó, Sa-môn Đạo Kiều đáp rằng: "Phòng viện cũ của Ngài Phong Can ở phía sau kinh tạng, nay để trống không người, chỉ có loài hổ báo thường hay lui tới sản sanh bú mớm. Còn Hàn Sơn và Thập Đắc, hai người đó hiện phục dịch trong nhà trù. Lư Khâu Dận vào phòng Sư, chỉ thấy dấu vết tung hoành của hổ báo. Lại hỏi rằng: "Ngài Phong Can ở đây chuyên làm việc gì?" Đáp: "Ngài chỉ chuyên việc giã gạo, cúng dường cháo cho chư tăng. Đêm đến thì xướng ca phúng tụng chẳng thôi". Lư Khâu Dận đôi ba phen khen ngợi rồi mới vào nhà trù, thấy có hai người đang chụm củi, có dáng vẻ như đang vây quanh lò. Lư Khâu Dận bèn vái chào, hai người luôn miệng quát tháo. Sau đó, nắm lấy tay Khâu Dận mà đùa giỡn như trẻ thơ, cười ha hả không thôi. Vừa đi vừa nói: "Phong Can lắm lời". Từ đó, hai người cùng dẫn tay nhau đi ra cửa thông, không trở lại chùa nữa.

Sư lại thường đến Ngũ Đài lễ bái, gặp một Ông lão, Sư hỏi: "Có phải là Văn-thù chăng?" Ông lão bảo: "Chẳng lẽ có hai Văn-thù!" Sư

liền đảnh lễ Ông lão, chưa ngẩng đầu lên thì ông lão đã biến mất dạng.

Kế nữa, có Ngài Mộc Cống, thường hay vào trong xóm làng chợ búa, cũng giống như Ngài Phong Can. Mọi người chẳng dám xem thường, hai chữ Phong Phong vào ra khác nhau: Vi Thuật sử quan là Phong của Phong cương, Lư Khâu Dận tự Tam Hiền làm Phong của Phong Nẫm, chưa biết là ai đúng.

Kế nữa, có Ngài Hàn Sơn Tử, người đời gọi Sư là Bần tử, là kẻ sĩ phong cuồng, chẳng thể suy lường. Sư ẩn cư cách bảy mươi dặm về phía Tây Huyện Thỉ Phong núi Thiên Thai, gọi đó là Hàn Ám Nhị Nham (Hai ngọn núi lạnh tối), Sư thường ở trong hang núi tối lạnh chuyên thực hành định chỉ. Bấy giờ, tại chùa Quốc Thanh có ngài Thập Đắc, chư tăng trong chùa cắt cử coi về công việc ở trai đường. Ngài Thập Đắc thường thâu nhặt các vật ăn thừa của chúng tăng cất dấu trong ống tre lớn, khi nào Ngài (Hàn Sơn) đến, thì lấy mang đi. Hoặc có lúc Ngài đi chậm rãi dưới hành lang, có lúc kêu réo làm ồn mọi người, có lúc ngửa mặt giữa trời mà mắng chửi. Chư tăng trong chùa có người không chịu nổi thì dùng gậy xua đuổi, Ngài bèn xoay mình vỗ tay cười ha hả rồi chạy đi. Ngài thường mặc áo cánh vải bố xục xịch, dáng mặt khô gầy, lấy vỏ cây hoa làm mũ, chân kéo lê đôi guốc gỗ lớn. Hoặc có lúc Ngài phát ngôn hiền hòa mềm mỏng, có chỗ kết quy, đó là quy về Phật lý.

Ban đầu, có Lư Khâu Dận vào chùa hỏi về Ngài (Hàn Sơn), khi đó, Sa-môn Đạo Kiều trả lời rằng: “Ông ấy là người mắc bịnh điên, vốn ở Hàn Nham, ưa thích ngâm ca từ kệ, nói năng bất thường, hoặc che giấu, rốt cuộc chẳng thể biết. Ông ấy cùng hành giả Thập Đắc ở chùa này là bạn rất thân, thường luôn dụm đầu trò chuyện, chẳng biết nói gì”. Chư tăng thấy Thái Thú (Khâu Dận) bái lạy hai ngài, liền kinh hãi hỏi rằng: “Đại quan sao lại lễ bái gã điên cuồng ấy ư?” Hai Ngài (Hàn Sơn và Thập Đắc) nắm tay nhau cười ngạo nghễ đi ra khỏi chùa. Lư Khâu Dận lại sang Hàn Nham lễ yết, thưa hỏi và dâng y phục, thuốc thang mọi vật, mà Ngài lại lớn tiếng hô rằng: “Giặc đến ta, giặc lui đi!”. Bèn lùi thân vào hang đá bít lại ở trong. Ngài lại bảo: “Bảo cùng các ông mỗi người hãy tự cố gắng”. Hang đá bít lại liền khớp không dấu vết gì. Lư Khâu Dận mới nói Sa-môn Đạo Kiều tìm lại di vật của Ngài, chỉ thấy ở rừng khâu lá viết thơ tụng và trên vách tường nhà người ở trong xóm sao lục được hơn hai trăm bài, nay biên thành một tập, có nhiều người phúng tụng. Sau, Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch có chú giải, gọi đó là Hàn Sơn Tử Thơ. Vì Ngài vốn không có họ, dân chúng xứ Việt chỉ gọi là Hàn Sơn Tử, cho đến có câu “mé sân làm sao có. Mây trắng ôm

u thạch". Mềm mại rõ ràng. Nay ở dưới núi có Đình Đá. Đình mà Đứng, gọi đó là U Thạch.

Kế nữa, có Ngài Thập Đắc. Vốn trước kia Thiền sư Phong Can ngụ ở núi, đi đến Xích Thành, đang trên đường bỗng nghe có tiếng trẻ nhỏ khóc, bèn tìm thấy đứa bé mới vài tuổi. Ban đầu, Ngài Phong Can cho đó là đứa trẻ chăn trâu, Sư an ủi vỗ về hỏi, đứa bé mới đứng gục đầu nói:"Không nhà cửa, mồ côi bị vất bỏ ở đây!" Ngài Phong Can mới dẫn đến chùa Quốc Thanh giao cho vị tăng Điển tọa, nếu có ai đến nhận thì trả lại. Sau, Sa-môn Linh Tập nhận nuôi (tức Ngài Thập Đắc), bảo trông coi việc hương đèn ở trai đường.

Bỗng một hôm, thấy Ngài leo lên tòa, ngồi đối mặt với tôn tượng mà ăn, lại gọi Tôn giả Kiều-trần-như là Tiểu quả Thanh văn, bên cạnh như không người, cầm đũa cười lớn. Chúng tăng bèn ối quở trách xua đuổi Ngài. Ngài Linh Tập đem việc ấy hỏi các vị tôn túc v.v... đều bảo cho Ngài thôi giữ việc trai đường mà bảo vào nhà trù lo chùi rửa các vật. Khi tẩy rửa xong, Ngài lắng gạn thức ăn thừa để đầy trong ống tre, khi nào Ngài Hàn Sơn đến sẽ mang đi. Lại nữa, tại miếu thần hộ vệ già-lam, chư tăng trong nhà trù thường ngày đưa các vật thực ra cúng, bị chim quạ mổ ăn rơi vãi, Ngài dùng gậy đánh vào tượng đất mấy cái mà mắng rằng: "Thức ăn của ông còn chẳng giữ gìn được vậy làm sao che chở, giữ gìn già-lam ư?" Đêm đó, thần gá mộng nói với chư tăng trong chùa là: "Thập Đắc đánh tôi". Sáng hôm sau, chư tăng kể lại chuyện trong mộng đều như nhau, cả chùa lộn xộn mới biết Ngài chẳng phải là người thường. Bấy giờ, ở dưới phù hiệu châu, huyện, quận ghi là: "Hiền sĩ ẩn lánh, Bồ-tát ứng thân". Nên dùng đó mà biểu dương, gọi Thập Đặc là Hiền sĩ.

Lại nữa, lúc Ngài chăn giữ trâu ở trang trại của chùa, ca vịnh gọi trời, đang lúc chúng tăng trong chùa bố-tát, Ngài vì trâu đến trước giảng đường nơi chúng tăng nhóm họp, rồi đứng tựa cửa vỗ tay cười lớn bảo rằng: "Dằng dặc kẻ dụm đầu". Khi dó, vị Thủ tọa trì luật quát mắng Ngài rằng: "Gã phong cuồng sao ồn ào làm chướng ngại sự thuyết giới vậy?" Ngài nói: "Tôi đâu có phóng thả trâu. Đàn trâu nầy phần nhiều là người đã từng làm tri sự tăng trong chùa". Ngài bèn lần lượt xưng gọi pháp hiệu của chư tăng đã tịch, trong đàn trâu mỗi con tự ứng theo gọi tên mà đi qua. Cả chúng đều trố mắt kinh ngạc, đều suy nghĩ sửa đổi tu trì, cảm đức Bồ-tát rũ vết độ thoát. Lúc Sa-môn Đạo Kiều ghi chép văn cú của Ngài Hàn Sơn, ở trên vách tường miếu thần Thổ Địa của chùa thấy có kệ từ của Ngài, bèn ghi phụ trong tập của Ngài Hàn Sơn.

Liên hệ thử bàn:

Căn cứ vào việc Ngài Phong Can vân du chốn kinh thất vào niên hiệu Tiên Thiên (712 - 713) thì biết các vị Lư Khâu Dận, Hàn Sơn Tử và Thập Đắc là người sống trong triều đại vua Duệ Tông (710 - 712). Vậy cớ sao trong Cao Tăng Truyện, ngài Đạo Tuyên có Lư Khâu Dận là Võ Thần, là người sống vào đầu đời Đường (618 -?). Trong lời tựa, Lư Khâu ghi ba người không nói về niên đại, khiến mọi người mờ mịt. Lại Tứ Phi là văn tư. Như vậy là có hai người cùng trùng tên họ là Lư Khâu. Lại nữa, Đại Sư Linh Hựu ở núi Đại Quy sống vào thời vua Hiến Tông, gặp được Hàn Sơn Tử chỉ cho Lặc Đầm, bèn gặp được Ngài Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh. Như vậy, rõ biết ba người đến cuối đời Đường vẫn còn. Phàm, Ngài Phong Can trầm ẩn nơi Thiên Thai mà xuất hiện ở Kinh Triệu. Ngài Thập Đắc sống vào niên hiệu Tiên Thiên (712 - 713) mà đến niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821) còn gặp là tuổi thọ lâu dài ư, hay là ẩn hiện bất thường ư? Trong dịch tượng có việc ấy. Tiểu Hồ Ngật Tế, nghĩa là như thế.

11. Truyện ngài Vô Tướng trụ chùa Tịnh Chúng ở Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Vô Tướng, vốn người nước Tân-la, là con thứ ba của vua nước đó. Sư sanh vào tháng chánh sóc niên, xuống tóc xuất gia đăng đàn thọ giới tại chùa Quần Nam.

Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 16 (728), Sư theo đường biển đến Trung Hoa, vào chốn kinh đô. Vua Huyền Tông mời Sư vào diện kiến rồi phối thuộc danh ở chùa Thiền Định. Sau, Sư đến Thục Tư, bái yết Luật Sư Trí Tiên, ở đó có ngài Xử Tịch là bậc dị nhân. Vũ Hậu (Tắc Thiên) đã từng mời Sư vào cung ban tặng Pháp y ma nạp chín điều. Sư dự biết mọi việc không gì chẳng đúng. Trước lúc Sư chưa đến, ngài Xử Tịch nói rằng: “Có khách ở ngoài, ngày mai sẽ đến, các ông hãy lo quét tước để đón rước”. Cách một ngày sau quả nhiên Sư đến. Ngài Xử Tịch gọi ban cho Sư hiệu là Vô Tướng. Vào nửa đêm trao truyền cho Sư pháp y ma nạp.

Thế rồi, Ngài vào trong khe hang dưới núi sâu ngồi thiền. Có con trâu nghé mầu đen, hai sừng giao nhau lẫn lộn dưới tòa, gần thân rất gấp, lông tay rơi vào trong tay áo. Nó lạnh như băng, sờ mó đến bụng, Sư rất bình thản chẳng lay động. Mỗi lần Sư nhập định, kỳ hạn là năm ngày. Bỗng nhiên trong tuyết sâu có hai con thú dữ đi đến, Sư tự tẩy rửa đến khỏa mình trước nó, nguyện đem thân thí cho nó ăn. Hai con thú dữ

chỉ ngửi quanh từ đầu đến chân thân Sư rồi bỏ đi. Thường vào ban đêm dưới sàng tòa quấp lấy râu của hổ. Thế rồi, Sư sống ở núi rừng hơi lâu, y phục rách rưới, râu tóc dài ra. Có người thợ săn thấy, nghi là thú lạ, định bắn lại thôi. Sau, Sư lại vào trong thành chợ, ban ngày thì ở nhà người, đêm đến ngồi dưới gốc cây thực hành hạnh Đầu-đà, mọi người thấy đều quý trọng, cất tinh xá ở trước loạn mộ để Sư trụ. Trưởng Sử Chương Cừu Kiêm Quỳnh đến lễ yết. Gặp lúc Minh Hoàng lánh nạn đến đất Thục, đón rước Sư vào Nội Điện cúng dường kính lễ.

Bấy giờ, Thành Đô Huyện Lệnh Dương Dực nghi Sư là yêu hoặc mới trình thiếp đuổi đi, sai bảo đồ lính hơn hai mươi người đến lôi kéo Sư. Đồ lính đến gần thân Sư, ai ai cũng run sợ, tâm thần đều mất. Trong chốc lát, gió đến nỗi cát đá bay tán loạn vào thẳng nơi quan sảnh tung rèm quấn màn Dương Dực cúi đầu bái phục, thở gằn chẳng nói gì. Sám hối xong thì gió ngừng thổi, rồi đón rước Sư về chỗ cũ. Do đó, bèn khuyên đàn việt xây dựng các chùa: Tịnh Chúng, Đại Từ, Bồ-đề, Ninh Quốc và các lan-nhã chuông tháp ngoài đô ấp nhiều vô số kể. Ban đầu, Sư trú tại viện ở chùa Tịnh Chúng, sau gọi là Tùng Khê.

Khi Sư đến thành đô, bỗng có một lực sĩ đến xin xả bỏ công sức chặt củi cúng dường chư tăng nấu nướng trong nhà trù. Sư có người em vừa mới lên ngôi ở tại bổn quốc, lo sợ Sư trở về đoạt ngôi vị, bèn sai thích khách đến giết hại Sư, Sư đã thầm biết như thế. Bỗng một hôm, vị hiền giả cúng dường củi đến nói với Sư rằng: "Đêm nay có khách, nên bảo đốt sáng". Sư lại bảo: "Chớ làm thương tổn Phật tử". Đêm đến, người cúng củi nắm dao xốc chiếu ngồi bên cạnh thiền tòa của Sư. Bỗng nhiên nhìn lên trên vách tường dường như có vật gì đang xuống, liền nhảy bổ dậy dùng dao phang một nhát, con hổ lớn thân đầu đứt lìa nơi dưới đất. Phía sau cửa vốn có một hố lớn, liền kéo tới đó vùi chôn, lại lấy đất bụi bôi thoa hết dấu vết mà đi. Sáng hôm sau, Sư bảo người tìm mời người chặt củi đến tạ ơn nhưng không thấy.

Sư từng chỉ ngôi bảo tháp và cây bách phía trước mà bảo rằng: "Cây ấy và tháp ngang chùa sẽ bị phá hủy!" Đến lúc pháp nạn Hội Xương thì cây ấy và tháp đều bị phá hủy. Sư lại bảo: "Ở trước chùa có hai cái ao nhỏ, ao bên trái là canh, ao bên phải là cơm, lúc ít trai chủ cúng thí thì bảo đãi gạo qua đó". Quả nhiên có người đến thiết cúng. Sư có lắm điều thần dị đại loại như thế.

Đến ngày 19 tháng Năm niên hiệu Chí Đức thứ nhất (756), Sư không bịnh mà thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc sắp tịch, có người hỏi Sư: "Ai là người có thể tiếp nối trú trì ở chùa đó?" Sư bảo đưa giấy

bút và viết chữ trăm số, đều ẩn chẳng thể biết. Hài mà hiệp vận. Sư dự ghi mọi việc trong thời gian tám, chín mươi năm. Xem xét lại không gì sai lạc.

Trước kia, lúc vua Võ Tông phế bỏ Phật giáo, khắp thành đô chỉ giữ lại chùa Đại Từ. Còn chùa Tịnh Chúng cũng cùng chung số phận bị phá hủy. Ở chùa Tịnh Chúng có Đại Hồng Chung rất lớn bèn dời đến chùa Đại Từ.

Đến lúc vua Tuyên Tông trùng hưng Phật giáo thì Đại Hồng Chung đó trở về chùa Tịnh Chúng. Chuông đó đã lớn lại cách sông, nên tính ra công sức phải mất hai ngày mới đi đến. Lúc sớm mai vừa muốn thiết trai để đi đón rước, lúc ấy là giờ Thìn mà sang giờ Tỵ là đã đến. Thế lực đưa đẩy thẳng như bay, đều lấy làm quái lạ sự nhanh chóng ấy chẳng phải sức người mà có được. Vốn Xá-lợi của Sư phân đắp họa chân tượng. Ngày đó ở mặt đều rịn đổ mồ hôi. Đệ tử tài giỏi của Sư là Lý Tăng dùng khăn lau, có dính vào tay, mồ hôi ấy rất mặn, mới biết thần lực của Sư tự kéo chuông. Biến dị như thế, thật kỳ vĩ thay! Sau, tháp Sư đề hiệu là "Đông Hải Đại Sư Tháp". Đến niên hiệu Càn Nguyên thứ 3 (760) Thứ Sử Tư Châu Hàn Hoành soạn văn bia. Vào niên hiệu Khai Thành (836 - 841), Lý Thương Ẩn làm nhà bia"Tử Châu Tứ Chứng" tôn phong Sư là Đệ Nhất Chứng.

12. Truyện ngài Hoài Tín trụ chùa Tháp Tây Linh ở Dương Châu thời Tiền Đường:

Thích Hoài Tín, ở tại Quảng Lăng, không có kỳ tích riêng, năm Quý Hợi (843) tức niên hiệu Hội Xương thứ 3, vua Võ Tông vì Triệu Quy Chấn phá hủy Phật giáo, lúc sắp phá hủy giáo pháp, thì có Hoài Nam Từ Khách Lưu Ẩn Chi đến Tứ Minh, giữa đêm nằm mộng thấy như đang trôi nổi giữa biển, ngoảnh đầu nhìn thấy một ngôi tháp đang tiến về hướng Đông. Nhìn kỹ đó là tháp chùa Tây Minh ở Hoài Nam. Tháp đó chế độ cao vót, so với tháp của Hồ Thái Hậu Vĩnh Ninh thì nhỏ hơn. Tại tầng thứ ba của Tháp thấy Sư tựa lan can cùng Ẩn Chi giao đàm. Sư bảo: "Tạm đưa tháp qua Đông Hải, trong chừng tuần lễ thì hoàn trả lại". Vài ngày sau Lư Ẩn Chi trở về Dương Châu liền đến tham yết Sư, Sư hỏi rằng: "Có nhớ được lúc cùng gặp trên biển chăng?" Lưu Ẩn Chi bỗng nhiên tỉnh ngộ. Sau đó vài ngày, lửa trời thiêu đốt tháp cháy hết, có mưa mầu trắng tưới mát, bên cạnh có thảo đường không hề tổn hại gì. Do đó mà xem xét người ở Đông Hải thấy được tháp Vĩnh Ninh, chẳng phải xai lầm.

Liên hệ thử bàn:

Tháp bị thiêu đốt, đều nói là dời sang Đông Hải, biển há bị đốt cháy ư? Thông đáp: Ngũ hành là vật, cũng là tánh của bảy đại, có thể chẳng cùng khắp pháp giới ư? Thuận thì cùng sanh, nghịch thì cùng hại. Tuy nghịch thuận mỗi thứ khác nhau, nhưng cùng đồng với pháp giới, ngằn mé chứng biết đó chỉ có thức. Vả lại, trời tiên quỷ vật cùng với người có sự khác nhau. Các trời tốt đẹp thì định quả cung điện. Thần tiên thì gá vật biến hóa, quỷ thần thì hưởng dòng thực khí chất ngại, lửa hóa thì được thọ dụng. Phàm tháp chùa trang nghiêm rực rỡ phần nhiều bị quỷ thần lấy, biển như sông hầu cũng là phi nhân. Như lửa trời thiêu đốt điện của Trần Trọng Vân, khi ấy người ở Đông Hải thấy ảnh điện. Lại ở gần Mã thị Phách ở Hồ Nam, cuối niên hiệu Thiên Sách thì gác bị lửa trời thiêu đốt, đêm đó ở Lãng Châu nghe giữa hư không có tiếng la quát rằng: "Lánh hồi Thiên Sách Các đến". Từ trong mây vọt thẳng như ngàn muôn người khiêng vát vật nặng, nhưng nhiều ngày lửa mới đến Đàm Châu. Nếu Ngài Hoài Tín thấy Lưu Ẩn Chi nằm mộng, thì Sư cũng là vị tăng chẳng thể lường.

13. Truyện ngài Tân Thất Sư ở Thiễm Phủ, thời Tiền Đường:

Thích Tân Thất Sư, không rõ hiệu xuất gia của Sư. Bấy giờ, dòng họ theo hàng lớp mà xưng gọi, người ở Ký Thục, lại không có vời thể riêng. Thật ra Sư là người Thiễm Quận.

Ban đầu, thuở Sư còn nhỏ chăm chú lắng nghe rất nghiêm túc cẩn trọng, không hề khinh thường. Tuy bé thơ mà đã có tướng lão thành. Cha ca Sư làm Thiễm Quận thú, thấy hành vi của Sư mà nói với mẹ Sư rằng: "Đứa con này chẳng như trẻ nhỏ bình thường, hãy khéo nuôi dưỡng nó". Năm lên mười tuổi, Sư đã biết Phật pháp rất đáng kính chuộng. Đối với Kinh quyển tự nhiên Sư phân rành đó là Hoa ngữ, đó là Phạn văn, đều chẳng nhờ Thầy chỉ dạy. Và Sư pha trà rất đậm, tuy thân thuộc khuyên cố gắng, Sư càng xài hủy. Trước kia ở phía Nam Quận Thành có bảy lò nung ngói gạch. Một hôm, sau khoảnh khắc khóc gào, Sư phát cuồng bỏ trốn đi. Bọn trẻ nhỏ trong nhà men theo vết chân mà tìm đến, thấy Sư vào trong một cái lò mà ngồi thẳng, thân có ánh sáng lạ phát ra như sắc vàng, các trẻ nhỏ kinh hãi đến hỏi mà Sư chẳng nói gì. Chúng lại càng sợ mà chạy ra chỗ khác, đến một lò khác, lại thấy Sư trong tướng trạng như trước. Cứ như thế trải qua bảy lò, mỗi mỗi đều thấy Sư ngồi thẳng thân phát ánh sáng. Do đó, những người ở đất thiểm càng phục Sư như thần, hễ gặp thì liền lễ bái.

14. Truyện ngài Hòa Hòa trụ chùa Đại An Quốc ở Kinh đô thời Tiền Đường:

Thích Hòa Hòa, không rõ Sư họ gì và quê quán ở đâu. Ngài là vị tăng cuồng mà chẳng loạn, ngu mà có biết. Chẳng lường được nguyên do Sư. Sư mở lời thì có nhiều việc đúng. Người thời bấy giờ gọi Sư là Thánh. Sư trụ tại chùa An Quốc, vào ra chẳng buộc ràng, thấy trong chùa đang sửa chữa điện các chưa hoàn thành. Có Việt Quốc Công Chúa và Giáng Vinh Dương Trịnh Vạn Quân tuy cầm sắt hài hòa đã vài năm mà không có con. Nhân đó Sư đến chỗ công chúa, Vạn Quân đang đốt hương quét tước mà đón đợi Sư. Công chúa quỳ lạy quy hướng. Vạn Quân cầu nguyện khẩn báo với Sư rằng: “Tôi tự tham chọn muốn sanh được một đứa con để nối dõi, chỉ Sư có thể làm việc đó?” Sư bảo: “Dễ thôi! Chỉ đưa cho ta ba ngàn xấp lụa, Công chúa sẽ sanh hai người con trai!” Vạn Quân ân cần kính trọng như nghe lời Phật nói, bèn cúng thí số lụa như chỗ Sư cần. Sư lấy đó đem giao lo việc tu sửa điện các ở chùa, và hồi hướng công đức cho thí chủ. Sư mới bảo rằng: “Công chúa có mang, ta khiến hai người trời xuống làm con của Công chúa, chỉ có điều lo là Công chúa không thể cùng mang thai hai đứa con trong một. Ta giúp cho chúng nó đồng năm mà sanh có trước sau”. Quả nhiên như lời Sư nói. Đầu năm sanh một đứa và cuối năm sanh một đứa. Đứa lớn tên Tiềm Diệu, đứa nhỏ tên Hối Minh đều xinh đẹp có tướng trượng phu, sau thành việc rộng khắp. Khắp trong kinh ấp truyền dương phất vị, lường về địa vị của Sư chẳng thể khinh bàn.

15. Truyện ngài Lăng Đại Sư Thích Quảng trụ chùa Hiếu Cảm ở Dương Châu thời Tiền Đường:

Thích Quảng Lăng Đại Sư, người xứ Duy Dương, không biết rõ Pháp danh. Vào thời Ngài Hoài Hải, người ta đua nhau xưng gọi Sư là Quảng Lăng Đại Sư.

Thân tướng Sư lùn xấu, tánh rất thông minh, tướng trạng chân xuất, tương tự như hạng người giết thịt bán rượu, chỉ khác là hình dáng Sa-môn mà thôi. Sư ưa thích uống rượu ăn thịt, thường mặc áo vải lông cừu, dày nặng có thể biết. Lúc trời nắng nóng cũng chẳng tạm cởi, thấy rận nhóm tụ ở trên. Sư ngụ tại chùa Hiếu Cảm riêng trong một phòng. Ban đêm đóng cửa ngủ, việc ấy là thường. Hoặc có lúc tánh bộc phát cuồng, giết chết chó lợn. Ban ngày thì nhóm tụ bọn xấu ác đánh đấu, có khi nằm bên vệ đường, dân chúng ở Dương Châu vì thế mà chán ghét Sư.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên (785 - 805), có một gã Thiếu niên cường tráng, vốn có tiếng là người mạnh mẽ. Một ngày nọ, gã thiếu niên ấy đánh cờ với người, Sư rất tức giận, đưa tay đánh nát con cờ. Gã thiếu niên ấy cười bảo: "Trẻ con lẩn thẩn sao dám nghịch với tráng sĩ ư?" Sư lại mắng chửi, nhổ nước dãi vào mặt nó, khi đó đòi đánh nhau với nó, mọi người trông coi vây quanh có đến cả ngàn. Gã thiếu niên ấy bị Sư đánh khốn đốn, sợ hãi tìm đường chạy trốn. Từ đó, mọi người mới biết Sư có sức thần.

Lại nữa, cũng ở giữa chúng đông người, Sư tự phụ sức lực của mình, luôn vào nơi quán chợ, cướp đoạt tiền vật của người. Người trong chợ đều sợ sức mạnh của Sư nên không dám chống cự. Sau có một vị tăng trưởng thượng gọi Sư đến mà răn dạy, bảo rằng: "Ông sao bất cẩn chẳng giữ giới pháp. Cớ sao ăn thịt uống rượu, giết hại chó lợn, cướp đoạt tiền vật của người ở chợ, lại đánh đấu với hạng người vô lại, rất không có luật nghi. Đâu là bổn phận của người xuất gia ư? Một ngày nào đó, mọi người chẳng dung thứ, bắt đến quan lại, căn cứ luật pháp mà trị phạt. Khi đó biết lẫn trốn nơi nào! Vả lại, rất ảnh hưởng đến Phật pháp". Sư tức giận đổi sắc mặt đáp lại vị tăng ấy rằng: "Loài ruồi ve bu theo thứ máu thịt tanh hôi, ông sao biết được chí khí của chim Hồng, chim Hộc ư? Nhưng mà Đạo của ta, ông chẳng thể biết được. Hơn nữa, ta bên trong thanh tịnh ngoài dơ bẩn, đâu giống như các ông hẹp hòi không rộng lượng ư?" Vị tăng trưởng thượng ấy không thể làm Sư khuất phục. Sau, một ngày nọ, từ ngoài trở về, Sư vào thất đóng cửa. Có người nhìn qua lỗ hổng ở cửa, thấy Sư ngồi trên chiếu phát ra ánh sáng thần từ giữa hai đầu chân mày, soi suốt mọi vật, người nhìn thấy kinh hãi trở về báo lại. Trong chốc lát chư tăng trong chùa đua nhau kéo đến chiêm lễ xưng tán, hoặc có người tự sám hối tội lỗi đã từng phỉ báng Sư, hoặc có người búng ngón tay khen ngợi ca vịnh. Đến sáng ngày, chư tăng đến hầu Sư đi ra, đốt hương đến lễ. Đến lúc mở cửa thì Sư nhắm mắt như nhập thiền định, mà sự thật là Sư đã thị tịch.

16. Truyện ngài Minh Toản ở núi Nam Nhạc thời Tiền Đường:

Thích Minh Toản, không rõ Sư thuộc họ gì và quê quán ở đâu. Ban đầu Sư du phương đến núi Tung, nơi Thiền Sư Phổ Tịch đang mở mang thiền pháp hưng thạnh, Sư bèn theo đó, và thầm chứng được tâm khế của Ngài Phổ Tịch. Ít người tôn trọng. Sau đó, Sư đến Hành Nham nhàn cư. Chúng tăng có làm việc gì, Sư vẫn yên nhiên. Giả sử như có người mắng chửi, Sư vẫn không xấu hổ. Bấy giờ, mọi người gọi Sư là

"Toản biếng lười", có thuyết nói vị tăng ấy là mọi rợ sai vượt. Hoặc có lúc Sư theo chúng thọ trai, có lúc Sư dùng nồi đất nấu đất mà ăn, bảo là ứng thân Phật Di-đà. Chẳng biết Sư chứng nghiệm gì. Có thuyết nói là Sư ưa thích ăn đồ thừa của chúng tăng. Hoặc theo đó thì lúc Sư mở lời nói năng đều khế hợp với Phật lý. Sự tích về Sư thật khó biết rõ.

Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), Sư đến chùa Nam Nhạc làm lụng mọi việc, hết chuyện trên chùa, đêm đến dừng nghỉ dưới đàn bò, suốt hai mươi năm như thế mà chẳng hề mỏi mệt. Tướng quốc Nghiệp Công Lý Bí lánh nạn Thôi Lý nên ẩn cư tại Nam Nhạc mà lầm xem xét việc làm của Sư, bảo rằng: "Sư là người khác thường". Lắng nghe Sư trong đêm đọc tụng kinh điển, âm hưởng vang vọng tận hang núi. Lý Công tai nghe âm thanh phân biệt được tốt xấu, nên nói với Sư rằng: "Tiếng đọc tụng kinh nghe buồn thương mà sau lại vui thích, ắt là lúc người giáng chức đày đi!" Vào nửa đêm, Lý Công Ngầm vào tham yết Sư, trông vào tịch môn mà tự khen ngợi và bái lạy. Sư quát mắng lớn và ngửa mặt giữa hư không mà mắng chửi rằng: "Đó là sắp hại ta!". Lý Công càng thêm trịnh trọng chỉ bái lạy mà thôi. Ngài lấy củ khoai lùi trong lửa phẩn bò ra ăn, giây lâu mới bảo là "Hãy dùng chiếu đất", và lấy nửa củ khoai Sư ăn trao cho Lý Công. Lý Công quỳ mà nhận lấy, ăn hết rồi tạ ơn. Sư bảo Lý Công rằng: "Cẩn thận chớ lắm lời, làm tể tướng trong mười năm!" Lý Công bái lạy mà lui.

Vào một tháng, Thứ sử Tế Nhạc sửa chữa đường đi rất bằng phẳng. Nửa đêm gió thổi sét đánh, một ngọn núi đổ ngã, đường men theo núi bị đá lớn cản ngăn, bèn dùng vài con trâu buộc vào đá mà kéo đi, lại dùng vài trăm người cổ xúy hô hào để đẩy đi. Sức vật đã hết mà đá lại bền chắc, không còn phương cách gì hết. Sư bảo: "Vì sao phải cần dùng nhiều người như thế? Ta mới trừ đi!". Mọi người đều cười lớn. Sư dùi vào đá mà lay động. Bỗng nhiên đá chuyển thế mà xuống, âm thanh va chạm như sấm sét rung chuyển, đường núi được mở thông, chúng tăng kính lễ Sư mà mừng vui hớn hở. Cả Quận đều gọi Sư là bậc chí thánh. Thái Thú kính thờ Sư như thần minh. Sư vẫn lặng yên có ý muốn đi. Phía ngoài chùa, hổ báo tự nhiên nhóm họp thành đàn, hằng ngày gây thương tổn không biết làm sao để cấm ngăn. Sư bảo: "Đưa cho ta một cây roi nhỏ, ta sẽ trừ diệt nạn đó cho các ông". Mọi người nói với nhau rằng: "Đá lớn còn đẩy đi được, hổ báo sẽ dễ cưỡng chế!" Bèn đưa cho Sư một cây roi gai và đều nép mình phía sau để xem. Sư bước ra cửa, một con hổ ngậm vào đó mà đi, Sư đã đi, hổ báo cũng mất dấu vết.

Đến những năm cuối niên hiệu Thiên Bảo, vua Túc Tông đi tuần

về phía Bắc đến Linh Võ thì dừng. Sai sứ tìm mời, gặp được Lý Bí từ Tung Dĩnh vội chạy đến hành sở tại, vua vui mừng dùng đó giúp cho Chưởng Xu Vụ Quyền Du Tể Tướng phán xét việc Quảng Bình Vương Phủ Tư Mã. Vua Tuệ Tông bảo: "Khanh là thầy bạn của trẫm, nay cha con ba người giúp Khanh đạo nghĩa". Liền bị Thôi Viên Lý Phụ Quốc làm hại khả năng, Lý Bí lo sợ xin đi đến Hành Nhạc, vua ban chiếu chấp thuận. Tuyệt thực vài năm, bỗng thấy Sư. Sau qua đời đang ở tướng vị. Đó là huyền ký về Sư. Vua Túc Tông hạ sắc tặng Sư thụy hiệu là "Đại Minh Thiền Sư", tháp thờ Sư hiện còn ở Nhạc Trung, v.v...

17. Truyện ngài Đãi Giá trụ chùa Từ Vân ở Giản Châu thời Tiền Đường:

Thích Đãi Giá, họ Vương, người ở huyện Kim Thủy, xuất gia từ thuở bé, làm những điều lạ lùng. Cha của Sư đặt tên là Đãi Giá. Lúc ấy là cuối niên hiệu Thiên Bảo (756). Sư luyện hạnh tinh tấn, bấy giờ được gọi là Đầu-đà. Đến lúc vua Huyền Tông đi dạo, Sư tự đến phủ cạo tóc làm tăng, đến đây, Sư được độ. Lời ấy đáng tin.

Sư đi cách xa huyện ấp hai mươi dặm, cất cỏ dựng am riêng trên đảnh núi, sau, trở thành một ngôi chùa. Núi nầy có nhiều binh tích. Ban đầu tên là Thạch Thành, đến lúc Minh Hoàng đến núi Kiếm môn, thần thấy hình nghinh giá, xứng với họ Lý, bèn ban sắc cho tên gọi Huyền tôn. Sau, Trắc Võ gánh vác Đông Đài, xa trông thấy mây lành khí tía cuộn kết giữa hư không, bèn hỏi mọi người chung quanh rằng: "Đó là xứ nào?" Đáp rằng: "Đó tên là Thành Sơn", mới tỏ ngộ ý của thần núi hỗ vệ, bèn đổi tên là Vân Đảnh và làm chùa Từ Vân. Sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

Kế nữa, có Ngài Thích Hoài Nhất trụ chùa Lăng-già ở Phước Châu. Vào niên hiệu Cảnh Long (707 - 710), Sư có ý xây tinh xá ở phía Đông chùa Ái Đồng, nhưng dò xét địa hình không có nước để cấp dùng mới bỏ đi. Bỗng nhiên có loài chim đầu đà trên đất, Sư lấy làm lạ, bèn bảo thợ đào xem, mới sâu hơn một thước thì có dòng suối tuôn chảy, về sau, dùng quanh năm mà chẳng hao hụt, mỗi lúc trong chùa có chuyện buồn vui, thì nước mới tạm giảm hao.

Đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ 2 (766), Sư thị tịch, đệ tử Sư là Siêu Ngộ tấu xin vua Đại Tông đề cho biển ngạch chùa. Đệ tử tài giỏi thủ của Sư là Trí Hằng và kế tiếp là Hạnh Bật. Thứ sử Việt Châu là Hoàng Phủ Chính soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Sư và do Tiết Độ Sứ Dương Châu là Vu Giáp viết chữ.

18. Truyện ngài Hoài Đạo trụ chùa Ái Đồng ở Phước Châu thời Tiền Đường:

Thích Hoài Đạo, là người đức xa tình cao, từ nhẫn tế vật, suy nghĩ dạt pháp, thường hằng mà du phương. Hễ gặp được người thông hiểu, thì lễ bái cầu ích lợi. Đến ngày trở về quê cũ, Sư lễ Phật siêng năng, lúc vén thâu tọa cụ nhặt được viên ngọc, sau tôn trí ở tim tượng họa của Bồ-tát Văn-thù. Viên ngọc đó tròn sáng mà khác hẳn ngọc trai. Lại lặng lẽ giáng xuống cốt xá-lợi, Sư bèn phân đặt trong tháp Nam Giản. Đến niên hiệu Chí Đức năm thứ 2 (757), Sư bảo đệ tử là Tăng Thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, suốt ngày đêm chẳng phế bỏ. Bỗng nhiên có một bộ pháp phục ca-sa bằng lụa trắng giáng xuống trong tháp, chẳng biết từ đâu đến. Đó là do tâm Sư tu luyện mà cảm đến Minh Lý. Về sau, cốt đài thú Lý Ung soạn văn bia đều có ghi rõ.

Kế nữa, có ngài Thích Trí Hằng kế tiếp ở Viện Pháp Hoa. Ngài Trí Hằng là đệ tử Ngài Hoài Nhất. Đạo hạnh cũng sánh ngang với Ngài. Sau khi tịch, Lễ Bộ Thị Lang Lưu Thú Chân soạn văn bia kệ tụng, tường tựa ghi rõ trong văn thơ. Kế đến lại có các ngài Siêu Ngộ, Hạnh Bật đều là những bậc có tiếng tăm như nhau, và hành hóa ở đất Mân, người thế tục ai cũng kính trọng.

19. Truyện ngài Tuệ Trung trụ chùa Trang Nghiêm ở Thăng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Trung, họ Vương, người ở xứ Thượng Nguyên, thuộc Nhuận Châu. Lúc đầu, mẹ của Sư mới mang thai, bỗng gặp một vị tăng lạ bảo rằng: “Sẽ sanh quý tử, làm thầy trời, người”. Sau khi sanh, Sư chẳng ăn các thứ máu thịt tanh nồng. Có tướng khác thường, bẩm tánh thuần hậu.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư nhờ hiểu Kinh nên được độ, lúc đó là niên hiệu Thần Long thứ nhứt (705), Sư được phối thuộc ở chùa Trang Nghiêm, chí tiết cao giản, đồng bạn đương thời đều tôn kính. Nghe Thiền sư Oai ở núi Ngưu Đầu, tiếp nối vết chân của Tổ Sư Đạt-ma, đắc Phật tâm ấn, Sư bèn đến núi lễ bái tham yết, Thiền sư Oai thấy Sư liền bảo rằng: “Chủ núi đã đến!”. Nhân đó mà giảng pháp đốn ngộ thượng thừa. Thiền sư Oai có được Sư như Lão Tử gặp được Y Hỉ, mới bảo Sư nhận thất trao pháp truyền đăng và giao phó mọi việc trong sơn môn, bèn ra khỏi ly tụ. Sư nối gót ở núi đó, sớm tối tinh tấn, thường hành hạnh Đầu-đà nơi núi đầm, uống nước suối nằm chiếu cỏ, ăn một bữa đúng thời. Sư thường dùng một cái chỏ nấu chung các thứ. Dùng xong

treo móc ở cành cây, mới lên giường dây an tọa suốt ngày như chiếc ghế nhỏ, y phục chẳng đổi thay, nóng lạnh cũng chỉ một áo nạp. Như thế suốt bốn mươi năm, bèn hiển bày linh ứng chẳng phải một. Châu Mục Minh Hiền từng đến núi lễ yết, lại thỉnh Sư đến Quận giáo hóa đạo tục.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ nhứt (742), Ngài mới ra trụ chùa Trang Nghiêm. Sư bảo rằng: "Xưa kia, dưới thời nhà Lương, chùa Trang Nghiêm rất hưng thạnh, nay đã lâu năm tàn tạ". Sư có tâm muốn sửa chữa, bèn ở phía Đông Chánh điện, định xây pháp đường, trước đó có cây cổ thụ, có chim thước làm ổ trên đảnh, khi người thợ sắp muốn chặt nó, Sư bảo: "Đợi chim thước dời đi hãy chặt". Và nhân đó Sư đến bên gốc cây, chú nguyện rằng: "Chỗ đất này xây Pháp đường, nên chóng dời đi nơi khác". Sư nói vừa xong, chim thước ấy đua nhau ngậm cành dời sang cây khác. Tăng tục khắp thành quách đều nhìn, không ai chẳng khen lạ. Lại nữa, lúc đặt nền móng chưa quyết định, có hai vị thần đến chỉ nơi chốn, nhân đó mà quyết định. Cấp dẫn không bỏ phế. Thần khoáng chẳng quấy nhiễu, đồng bạn bốn phương đồng nương tựa ngày một kéo đến rất đông.

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 3 (768), trước hang đá ở cửa chùa, có treo chiếc y của Ngài trên lùm cây. Năm đó, giữa mùa Hạ, tự nhiên héo khô, nấm tiên Linh Chi cũng chẳng sống lại. Tới tháng Chín, Sư đang giảng Pháp nơi tòa cao, tự nhiên nước tuôn chảy quanh tòa. Đến ngày rằm tháng 6 năm sau (769), nhóm chúng tăng Bố-tát tới chiều tối, Sư bảo thị giả cao tóc và tắm gội. Đêm đó có mây lành giăng phủ khắp chùa, nhạc trời nghe vang vọng giữa hư không. Qua sáng sớm ngày 16, Ngài an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Khi đó, mưa gió chấn động, cây cối đổ ngã. Tăng chúng chùa Diên Tộ ở Hòa Châu đêm đó đều thấy có vầng cầu vồng từ Đông sang Tây xuyên suốt vào trong núi. Chim thú kêu buồn tận hang hóc núi chầm, tiếng khóc suốt mười ngày mới ngưng nghỉ! Nhạc mục Vi Công Tổn nghe mà buồn thương, sai sứ mang tặng lễ vật phúng điếu và sai bảo Thượng Nguyên Lịnh Lưu Quân đầy đủ oai nghi, đón rước về núi. Lúc đó trời đang nắng nóng như thiêu đốt. Đến ngày mùng 7 tháng 7, trơi mưa tưới mát, qua ngày mùng 8, thần quan đưa ra, mảy bụi chẳng bay. Lại có bầy chim hạc bồi hồi bay che ở trên, đưa đến sơn môn. Sau khi đã an táng vài ngày, trong phần mộ phát ra ánh sáng chiếu suốt núi rừng. Đến mùa Xuân niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770), y theo pháp ngoại quốc trà-tỳ, thâu nhặt được vô số xá-lợi tròn nhỏ như hạt ngọc, màu sắc sáng chói. Tăng tục xa gần có người buồn

không khắc nhặt được, bèn đến nơi chỗ tro bụi củi tàn thiêu đốt tìm cầu đến trăm ngàn người đều có được xá-lợi. Cho nên biết pháp thân viên ứng, cảm vật vô cùng, thánh lực ngầm thông, sáng vượt ngàn xưa. Môn nhân dựng tháp gỗ để thờ. Sư thọ tám mươi bảy tuổi, thân cao hơn bảy thước, lông mày điểm sương dài hơn cả tấc, nghi dung lớn khác y hàm long, tai thần khí cô bạt, sắc da như đấng vàng, đều sáng ngọc nhuận như Phạm tăng. Tại chỗ Sư ở màn trướng chẳng giăng, muỗi mòng không xúc phạm.

Sư từng ở chốn lan-nhã vắng lặng, thông trúc mọc dầy, từng có loài hổ và nai đến sản sanh, thuần quen vào ra nơi thất không tỏ vẻ kinh sợ. Trong niên hiệu Khai Nguyên thứ 27 (739), Thượng Nguyên Lịnh Trương Tôn Toại ban đầu được nghe sơ sơ những điều khác lạ về Sư, bèn đích thân đến núi dò xét kiểm nghiệm. Khi vừa đến nửa núi, có con hổ dữ đón đường gầm thét, bèn kinh sợ chẳng biết làm sao. Sư nghe nên xuống núi dẫn dụ, hổ nhân đó mà lặng tiếng ẩn mình vào rừng. Trương Tôn Toại khiếp sợ liền chắp tay lễ tạ mà lui. Lại nữa, khi Sư đến trong viện Cụ Giới ở Quận Ngô có bụi cây lăng vân đang giữa mùa Hạ mà khô héo, mọi người nghĩ chặt bỏ nó đi, Thiền sư Oai bảo rằng: “Chớ nên chặt bỏ nó. Ngày Tuệ Trung trở về, bụi cây ấy sẽ sống lại”. Mọi người không tin. Đến mùa Thu, Sư trở về, bụi cây ấy liền tươi tốt trở lại. Lại nữa, xưa kia, có người cúng gạo thóc cho chư tăng ở trang trại, ban đêm có Trương Đạo đến trộm lấy, hổ bèn gầm thét đuổi đi, Đạo bèn vất bỏ mọi vật mà chạy trốn, đại loại như thế rất nhiều, khó ghi lại hết. Sư có soạn “Kiến tánh tự” và “Hành lộ nan”, tinh chỉ diệu mật, lưu hành ở đời.

Kế nữa, có Ngài Thích Viên Tịch ở đất Nghiệp, họ và nơi sanh của Sư không tìm được. Ban đầu, Sư từ Tung Sơn gặp được Thiền sư Lão An. Đạo khế hợp nhau chẳng lường được ngằn mé. Đến niên hiệu Hàm Hanh thứ 2 (671) thời vua Cao Tông, Sư thị tịch, thọ trên trăm tuổi. Tương Châu Tiết Độ Sứ Nghiêm Thụ khuynh tâm cúng dường cũng tôn xưng Sư là ”Vô Sanh Hòa-thượng”.

20. Truyện ngài Tuệ Tú chùa Thiên Cung ở kinh đô Lạc Dương thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Tú, họ Lý, người ở xứ Trần Lưu, nay là Đông Minh. Ngài xa lìa trần cấu, mến chuộng tiêu dao. Ban đầu dùng giới luật để tự tiết chế tự thân, sau dùng thiền định để chuyên tu. Sư đến đất Kinh Dĩnh tham vấn Tổ sư, tỏ rõ an nhiên, Sư bèn trở về chùa Thiên Cung ở

Lạc Ấp. Gặp lúc Võ Hậu (Tắc Thiên) thường đến thần đô, mà tiếng tăm của Sư vang vọng tơi tai, Võ Hậu thường mời Sư vào kính lễ tôn trọng. Sư dự ghi mọi việc chưa xảy ra, sau đều khế hợp.

Vào niên hiệu Trường An (701 - 705) Sư đến chùa Từ Thành, nói đạo dạy người, tự nhiên đều quy hướng. Bỗng nhiên Sư bảo đệ tử trong thiền viện tắt hết đèn đuốc. Có người thưa Sư rằng: "Đèn lớn chiếu sáng nên để lại". Sư bảo cũng tắt luôn. Nhân đó, Sư nói: "Hỏa tai khó lường, không thể không chuẩn bị. Đã từng có nhà chùa không coi sóc đèn lửa nên điện Phật bị thiêu cháy. Lại có chùa mà lầu chuông bị lửa cháy, lại có chùa mà kinh tàng cháy thành tro bụi, rất đáng đau tiếc". Khi đó, chúng tăng không hiểu ý chỉ của Sư, đến đêm tối để lửa lại; nên điện Phật, lầu chuông, kinh tàng ba nơi đều biến thành tro than; mới tỏ rõ Sư dự biết trước nên cảnh báo.

Lại nữa, lúc vua Huyền Tông đang trên đường cùng các vương giả đồng đến chỗ Sư để hỏi Pháp, thì ung dung tặng Sư một ống sáo. Khi vua Huyền Tông đi ra rồi, Sư gọi đệ tử đến bảo: "Hãy cẩn thận gìn giữ ống sáo ấy, sau có lúc cần hãy dâng". Sau, nhận vua Duệ Tông để truyền Thiền Pháp, đệ tử của Sư là Đạ-ma v.v... mới hiểu lời Sư nói, nên đem ống sáo đó kính dâng. Vua Duệ Tông mừng vui, biết trước nên trở lại ban tặng rất nồng hậu. Tự nhiên Sư thị hiện bị bịnh nhẹ, dặn dò cùng môn nhân rồi an nhiên thị tịch, thọ một trăm tuổi.

Yên Quốc Công Trương Thuyết vốn quy tâm, bèn đón rước về an táng ở núi Long Môn, tăng tục có đến mấy ngàn người đến dự lễ tang buồn thương ai điếu.

21. Truyện ngài Thích Duy Trung trụ chùa Pháp Định ở Huyện Bỉ, thuộc Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Duy Trung, tăng từ thuở bé, trong đồng bạn không ai chẳng tôn kính. Sư xuất gia tại chùa Pháp Định.

Vào niên hiệu Vĩnh Bình (58 - 76) thời Hậu Hán, khi Phật pháp mới lưu truyền đến Trung Hoa, có lập "Tịnh Đức già-lam", ánh sáng thần luôn hiển hiện. Đến đời Tống, Ngài Thích Tuệ Trì, từ Lô phụ, giã từ Pháp huynh Tuệ Viễn, phát thệ nguyện đến hoằng hóa xứ Mân Thục. Gặp lúc tao loạn vô đạo, có vài bọn cầm mũi nhọn muốn đến giết hại ngài Tuệ Trì. Ngài Tuệ Trì bèn búng ngón tay bọn chúng kinh sợ vấp ngã. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ 4 (584) đời Tùy, mới đổi tên là chùa Pháp Định. Trong chùa có thánh tượng Đức Di-lặc. Vào niên hiệu Võ Đức (618 - 627) thời Tiền Đường, bỗng nhiên có cây gỗ khô theo

mé sông trôi đến, ban đêm phát ra ánh sáng, nhân đó chạm trổ làm đầu tượng. Vào nên hiệu Trinh Quán (627 - 650), Đậu Quỹ làm Trưởng Lại Kiếm Môn. Đầu tượng Phật phát sáng soi suốt đến cung phủ, Đậu Quỹ mới bảo người đến rước lấy. Cả mấy trăm người cũng không khiêng nổi, mới bảo nên chú nguyện tùy muốn đem đến phương nào, và nói: "Có thể đến chùa Pháp Định chăng?" Liền đó. chỉ một người đã bưng lên nổi. Đậu Quỹ bèn tạo thân tượng Phật. Trưởng sử Cao Sĩ Liêm làm lọng điện để che. Sau, có Sa-môn Phiếm Ái dựng xây tháp, bắt được một con cua lớn, thân và chân dài hơn hai thước. Tháp đó rất nhiều đời linh dị, nếu có người nào đem rượu thịt say sưa đến trước Thánh tượng, thì liền bị tai họa.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Sư đang ở tại chùa đó, càng thêm tinh tấn, tự nhiên tháp bị sét đánh nhổ bứt trụ tim tháp văng ra ngoài. Bỗng co ý muốn thay lại bằng cây gỗ nhỏ, chúng tăng đều lấy làm lạ, không ai lường dược nguyên nhân. Sư bèn cúi cầm thánh tượng đức Di-lặc, khấn cáo với trời rồng gia tâm úy trọng, cớ sao sét đánh đoạt mất trụ tim của tháp vậy? Cho nên biết Thử Nữ kêu mà sét đánh Đài Cảnh Công. Thật có sự chiêu cảm.. Một hôm, sét lại đánh có gió dữ cùng chấn động như trước, lại thấy đó là Long thần đưa trụ cũ an trí như xưa. Đang Lúc thay đổi trụ, mây phủ bốn bề, có bốn thần dùng sức mang vác, đứng ngang với tháp. Sư có sức cảm kích tới vật như thế! Trước Pháp nạn Hội Xương, chùa bị nứt rạn, có bảy viên xá-lợi vọt ra trên tướng luân, ánh sáng mầu trắng đầy khắp giữa hư không hướng về phía Tây bay đến đất Thục, đều là chỗ tự trông thấy. Khi sắp đảo lộn, có ánh sáng mầu đỏ thấy thấy nửa ngày. Thêm nữa, tại chùa đó có một cây táo rất lớn, trong năm sắp phá hủy chùa, cây táo ấy khô héo. Mãi đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860) sắp đặt trở lại, cây táo đó lại tốt tươi. Sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

Liên hệ thử bàn:

Giáo Pháp hưng suy há chẳng phải là số phận ư? Số toán đã định, thời khắc chẳng dời. Như trước Pháp nạn Hội Xương (841 - 847), xá-lợi dự bay, cây táo khô héo. Ấy là biết số suy đang cường mạnh mà số hưng là suy yếu. Hưng chẳng hơn suy. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860) trở lại hưng thịnh, thì ấy là số suy chẳng hơn được hưng. Như chẳng là sự đổi dời của bốn tướng, chẳng hệ lụy số phận hưng suy. Giáo Pháp là Pháp hữu vi, làm sao khỏi sự đổi dời biến chuyển? Than ôi!

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

(Quyển 19 hết)

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 20

CHƯƠNG SÁU: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG VI

(chánh truyện có hai mươi hai vị, phụ có bốn vị)

1. Truyện ngài Xử Tịch trụ tại Lan Nhã Sơn Bắc ở Tư Châu, thời Tiền Đường:

Thích Xử Tịch, họ Chu, người ở xứ Thục. Sư kính thờ Thiền sư Bảo Tu, làm việc chuyên cần ít muốn, thông hiểu sâu xa.

Lúc Sư ở Bắc Sơn, thực hành pháp Đầu-đà, Thiên Hậu nghe thế bèn ban chiếu mời Sư vào cung, dâng tặng y ma nạp tăng-già-lê. Sư từ giã xin trở về núi, trải qua suốt bốn mươi năm chân Sư chẳng vào xóm làng. Sư ngồi trên chiếc giường người Hồ, lẳng lặng chẳng ngủ, thường có con hổ nằm ở phía dưới như vật nuôi trong nhà. Dân chúng Tư Châu vô cùng kính trọng. Những người học theo Đạo của Sư đua nhau tìm đến. Từ đó, có lắm điều kỳ lạ, như Đại sư Vô Tướng từ nước Tân-la sắp đến tham yết Thiền sư Tiên, Sư biết trước bảo đồ chúng rằng: "Có khách từ ngoài ngày mai sẽ đến, nên lo quét tước để đợi đón rước". Ngày hôm sau quả nhiên có khách người Tân-la (Ngài Vô Tướng) đến.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713) có Tân Trừ Thái Thú Vương Hoa, vốn là một vị Hoàng Quan, vào niên hiệu Cảnh Vân (710 - 712) có lập chút công, cầm giữ ở quận đó, cuối cùng có tâm muốn gieo họa đối với Phật giáo. Khi mới lên nhậm xử phân ban, ra lịnh khắp trong cảnh vức phải ứng theo đó. Các Sa-môn bị tìm kiếm gom về, riêng Sư từ lâu chẳng xuống núi, có người khuyên Sư nên sang tham yết để khỏi phải bị để ý. Sư bảo với đệ tử rằng: "Ông xuất gia nhưng vẫn chưa biết nghiệp. Ta đây chưa chết, Vương Hoa làm gì ta được". Đến lúc Vương Công lên quan 3 ngày, các hàng tăng sĩ đều nhóm đến. Có người nói: "Chỉ có Xử Tịch khi miệt Phiên Hầu chẳng đến đặc giá". Vương Hoa hơi có chút

giận. Lúc chúng tăng đều vào chỗ nghe rồi, Hoa tức giận, hỏi lý do vì sao Sư chống cự. Tự nhiên đổi sắc mặt bừng bừng, chư tăng đều lo sợ. Bỗng chốc Vương Hoa ngã lăn ra đất, mọi người chung quanh, ẫm dìu về nhà. Sau khi về đến sảnh sự đứng lặng như có tiếng đánh tát vào má, giây lát bèn tắt thở. Từ đó mọi người cho đó là vọng muốn thêm các đạo nhân, mới một mà đã đến như thế.

Đến tháng Giêng niên hiệu Khai Nguyên thứ 22 (734) Sư thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi. Trong xứ Tư Châu đến nay vẫn còn tôn sùng kính ngưỡng.

2. Truyện ngài Vô Trước chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài thời Tiền Đường:

Thích Vô Trước, người xứ Vĩnh Gia, thức đạt khoan minh, tiết tháo cứng cỏi, để tâm nơi Đại Đạo, ước chí du phương. Sư đến chùa Vân Hoa, chỗ Pháp sư Trừng Quán, nghiên cứu tập học giáo điển Hoa Nghiêm. Tất cả các kinh luận, chí Sư gồm thông, đối với biển Pháp Hoa Tạng, Sư trọn hẹn dạo chơi trong đó.

Vào niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767), Sư đến núi Ngũ Đài, Sư muốn dạo đến cảnh giới của bậc Thánh. Tháng 5, Sư đến chùa Hoa Nghiêm. Ban đầu ở trong nhà nếm trà, thấy một lão tăng, thân hình thấp xấu, nằm ở giường phía Bắc, nói với Sư rằng: “Ông từ phương Nam đến, còn mang theo xâu chuỗi, xin cho được xem!” Sư cung kính đưa đến, quay lại nhìn thì không thấy vị tăng ấy đâu nữa. Khi đó tinh thần Sư hoảng hốt, vừa nghi vừa mừng, tự bảo rằng: “Xưa kia Tăng Minh vào đây trông thấy cối đá chày gỗ, sau được vào chùa Thánh, được trông thấy các bậc Thánh Hiền. Nay ta nguyện ở đây, đó chẳng vui thích ư?” Kế đến, lúc ở lầu kinh Bát-nhã, Sư thấy được chim Cát tường lông cánh sặc sỡ liệng bay trên đảnh, trông về hướng Đông Bắc có trống dục mà đi. Ngày hôm sau, có hai vầng ánh sáng trắng phóng vào nhà rất nhanh chóng, chỉ khoảnh khắc liền biến mất, có Tăng pháp v.v... ở cùng phòng cũng thấy mà lấy làm quái lạ, nói rằng: “Đây là điềm lành gì vậy? Mong thấy hiện lại để dứt nghi của chúng sanh!” Bỗng chốc thấy lại ánh sáng như trước.

Nhân đó, Sư sang hang Kim Cương, vọng lên hư không kính lễ, vừa ngồi muốn ngủ, nghe có tiếng bò rống ba tiếng rằng: “Uống nước”. Có một ông già dáng mạo suy hoại, mặc áo vải thô ngắn, chân mang giầy gai, khăn lót rất kỳ lạ. Sư bèn đứng dậy đón rước nắm lấy tay hỏi: “Từ đâu đến?” Ông lão đáp: “Ở phương ngoài núi tìm cầu thức ăn”.

Ngài hỏi: "Dùng lại ở xứ nào?" Đáp: "Tìm thức ăn ở Đài Sơn". Ông lão lại hỏi Sư rằng: "Sư định ở nơi nào?" Sư đáp: "Nghe nói ở đây có hang Kim Cương, nên đến tùy hỷ". Ông lão hỏi: "Sư có nhọc mệt chăng?" Sư đáp: "Không!" Ông lão bảo: "Đã không nhọc mệt sao vội ngủ vậy?" Sư đáp: "Phàm phu hôn trầm, đâu có gì lạ ư!" Ông lão bảo: "nếu Sư hôn trầm thì hãy đi nếm thử chè nấu đi?" Và liền chỉ về hướng Đông Bắc thấy một Tinh xá cách khoảng hơn vài bộ. Ông lão liền dẫn trâu đi trước, Sư tiếp bước theo sau. Đến cửa chùa, Ông lão kêu ba tiếng "Quân Đề", có đồng tử đáp tạ và ra mở cửa, tuổi chừng mười bốn, mười lăm, tóc để ngang mày, mặc áo vải thô lót mình. Dẫn trâu vào chùa. Sư trông thấy đất ở đó toàn bằng lưu ly, đường sá mái hiên đều có ánh sáng mầu vàng. Ở đó xinh đẹp, chẳng như cảnh giới ở nhân gian. Ông già ngồi trên giường ngà trắng, chỉ cái đôn gấm, bảo Sư ngồi. Đồng tử bưng hai chung trà đến, cùng uống xong, lại đưa đến hai chén bằng đồi mồi trong toàn là chất tô lạc, mỗi chén một thìa. Sư ngậm nuốt vào mà như có sở chứng, thần phủ hoát tỏ ngộ mọi việc xưa trước. Ông lão hỏi: "Từ lúc Sư xuất gia đến nay, có làm gì, có lo nghĩ gì chăng?" Sư đáp: "Có tu mà không chứng, đối với đại tiểu hai thừa nhiễm chỉ mà thôi". Ông lão hỏi: "Chẳng hay lúc mới xuất gia là cầu tâm gì ư?" Sư đáp: "Cầu tâm đại thừa Bồ Đề". Ông già bảo: "Sư dùng tâm ban đầu mà tu tức đắc". Ông lão lại hỏi: "Sư bao nhiêu tuổi?" Sư đáp: "Ba mươi mốt tuổi". Ông già bảo: "Sư thuần thục, năm ba mươi tám tuổi thì gốc rễ phước đó trồng ở đất này rất tươi tốt! Vả lại hãy từ từ xuống núi, khéo tìm đường đi, chớ làm thương tổn hại chân. Nay tôi tuổi đã già nua, từ ngoài núi đến rất là mệt nhọc, muốn được yên nghỉ ". Sư hỏi: "Ở lại qua đêm tại đây có được chăng?" Ông lão bảo: "Không được! Vì Sư có hai người bạn đi theo, đêm nay không thấy sư về sẽ rất lo buồn. Đó là Sư còn chấp bám lấy tình". Sư nói: "Đệ tử Cù-Đàm có chỗ nào để chấp. Tuy có bạn cũng không đoái hoài luyến tiếc". Ông lão lại hỏi: "Sư có mang theo ba y chăng?" Sư đáp: "Từ khi thọ giới đến nay luôn mang theo". Ông lão bảo: "Đó là chỗ chấp". Sư nói: "Cũng có trong Thánh giáo mà, nếu cho phép dừng ở qua đêm thì tạm niệm xả y, nếu có nhân duyên ngoài ý muốn, thì Phật cho phép". Ông lão bảo: "Nếu theo pháp Tiểu thừa, không nạn chẳng được xả y, phải nên gìn giữ". Ông lão bèn phẩy vạt áo, Sư cũng rảo bước. Ông lão lại bảo: "Hãy nghe tôi nói kệ đây:

"Nhất niệm tịnh tâm là Bồ-đề
Hơn tạo vô số tháp bảy báu
Tháp báu cuối cùng cũng đổ nát

Nhất niệm tịnh tâm thành Chánh Giác"

Sư lắng thần cúi nghe, cảm tạ rằng: "Được nghe một kệ như uống đề hồ. Dung nhập vào trí môn đâu dám quên chỉ quyết. Trượng nhân có thể gọi là biết lời minh khắc vào tâm phủ". Ông lão gọi: "Quân đề! Hãy đưa Sư đi". Khi sắp đi, Ông lão lại vỗ vai Sư, bảo: "Khéo đi!". Sư lại cúi mình, cùng đồng tử sánh ngang cùng bước. Đến trước hang Kim Cương, Sư hỏi Đồng tử rằng: "Đây là ngôi già-lam gì mà không treo bảng chùa?" Đồng tử chỉ hang Kim Cương, mà lại hỏi Sư rằng: "Ấy là hang gì ư?" Sư đáp: "Đời trước tương truyền tên là hang Kim Cương". Đồng tử hỏi: "Dưới Kim Cương có chữ gì?" Sư chỉ suy nghĩ giây lát đáp: "Dưới Kim Cương có Bát-nhã". Đồng tử mỉm cười rồi chỉ vào chùa Bát-nhã. Sư nắm tay Đồng tử vái chào mà từ biệt. Đồng tử đưa mắt nhìn thẳng vào Sư như muốn nói điều gì. Sư nói: "Tiễn đưa tôi có thể dùng lời thay cho vải the và ngọc chuyết chăng?" Đồng tử bén nói kệ rằng:

"Trên mặt không sân đủ cúng dường
Trong miệng không sân nhả hương thơm
Trong tâm không sân là tâm báu
Không nhiễm không dơ ấy chân thường."

Nói kệ xong, trong khoảnh khắc, đồng tử và chùa Thánh đều biến mất, chỉ còn thấy núi rừng đất đá. Sư buồn bã dâng đầy, sùi sụt không thôi, bèn thán rằng: "Lời đầu dư luận như sênh ca, âm hưởng sau cùng vẫn còn!" Sư nhìn kỹ lại chỗ núi ông lão đứng, có mây trắng ùn ùn nổi dậy cách đất khoảng một lần, biến thành sáng mây năm mầu, trên có đức Đại Thánh cưỡi sư tử và các Bồ-tát vây quanh. Chỉ chừng trong khoảng bữa ăn, ở phương Đông có một đoạn mây trắng tạm che mặt Bồ-tát, các tượng và mây đều biến mất. Sư chợt thấy sáu vị Sa-môn Tu Chính, chủ chùa Bồ-đề ở Phần Châu đều sắp trở về đến trước hang để làm lễ, bỗng nhiên nghe tiếng đá núi rung chuyển như sấm sét, chư tăng vội bỏ chạy, giây lâu vắng bặt không thấy gì. Sư bèn trình bày lại cuộc gặp gỡ, cả sáu vị đều hối hận tự trách không thấy được tôn dung Đại Thánh, chỉ thước miên mạc biết tội chướng khó ngăn che. Sư bèn ẩn cư tại núi đó đến ngày viên tịch.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), môn nhân là Văn Nhất truy niệm thuật lại.

3. Truyện ngài Phổ Hóa ở Phủ Chân Định thời Tiền Đường:

Thích Phổ Hóa, không biết Sư là người xứ nào, bản tánh khác thường có lắm chân suất, cử chỉ phóng khoáng, nói năng chẳng bó buộc.

Sư tự thân kính thờ Thiền Sư Tích ở Bàn Sơn, kín đáo chỉ dạy, vào sâu chỗ mầu nhiệm, khuyên răn Sư gìn giữ, nhưng Sư phát cuồng bột, thường gặp gỡ ngài Nghĩa Huyền - Lâm Tế, mới đối đáp với đó bằng tiếng lừa kêu, đứng hầu bên cạnh mà chẳng mỉm cười. Có lúc Sư ca múa, có khi Sư buồn khóc, hoặc có lúc tiếp người, biến hóa muôn ngàn sắc thái, hời hợt bất thường. Một hôm, Sư vác hòm gỗ đi tuần giữa đường cái, lần lượt từng nhà mà cáo từ rằng:"Ngày mai Phổ Hóa tôi chết rồi". Khi đó, những người trông thấy biết không thể mắng trách. Dân chúng đất Triệu cùng dẫn nhau đưa ra cửa thành phía Đông. Rồi Sư lớn tiếng bảo rằng: "Hôm nay an táng chẳng hợp với thanh ô!". Qua hai ngày sau, đi ra cửa Nam mọi người cùng theo đưa. Sư lại bảo: "Ngày mai mới tốt". Như vậy rồi đến cửa Tây cửa Bắc đi ra rồi trở lại. Mọi người phiền ý biếng lười. Bỗng một hôm, Sư an tọa giữa chỗ hoang vắng như nhập thiền định. Trong Thiền tông có ai soạn thuật gì, lấy đó làm lời phát ngôn, bậc Tiên giác xếp Sư vào trong khoa mục Tán Thánh, lời nói chẳng phải chánh viên.

4. Truyện ngài Đại Xuyên chùa Thê Hiền ở Hán,Châu thời Tiền Đường:

Thích Đại Xuyên, không rõ Sư là người xứ nào. Trầm mặc tự sống, tiết tháo nghiêm khắc, giới không thiếu sót, nói năng chẳng buông lung. Sư trụ tại chùa Thê Hiền ở Hán Châu, thực hành pháp Tứ Thánh Chủng, khắc khổ tinh tấn. Sư vui thích, chẳng trễ nãi, không già trẻ nào chẳng tôn sùng kính phụng. Đến lúc Sư thị tịch, nằm ở ngoài chùa, các hàng tại gia trang nghiêm giường chõng cùng nhau đón rước vào trong chùa để cử hành tang lễ. Bỗng nhiên có hai con nai dẫn trước như đi hầu. Mới đến ngưỡng cửa, biển ngạch tự nhiên rơi xuống đất. Mọi người xa gần đều kinh ngạc, khen ngợi.

Lại nữa, ở núi đó vô cùng kinh dị, chẳng dung chứa thô bỉ. Có Sa-môn Thâm Tạng, bất cẩn chí nguyện, có nhiều trái phạm, bị vị thần ném xuống núi xa chừng bảy dặm, chỉ thương tổn ngón chân. Từ đó, không ai chẳng chừa đổi giữ giới. Vào khoảng đầu niên hiệu Đại Lịch (766), ở phía Bắc núi biến thành mầu vàng ròng, phía trên có lầu gác, có Bồ-tát hành đạo, chỉ trong phút chốc có đến muôn hình ngàn trạng. Sư vốn ở chùa đó, cùng đất đều linh, nên lưu lại di ảnh cúng dường như kính hụng thờ linh từ.

Kế nữa, có Ngài Pháp Cảnh ở đất Mân Thành, không rõ Sư là người xứ nào. Sư hành trì Pháp hạnh Đầu-đà, chuyên cần khắc khổ,

khơi bày khuyến hóa dân chúng đất Mân, từ khí thẳng thắn. Nghe ở Giang Nội thuộc luyện môn Hải Đàn có quả chuông lớn, tương truyền rằng: “Xưa kia có người sang Quảng Châu, kính mến chuông trống, đến bằng thuyền lớn nhưng vừa đến gặp phải sóng gió nên bị chìm. Mỗi tháng vào ngày rằm, triều dâng đến, nước thối lui, bờ lau mới xuất hiện có thể dung chứa một người, từ trong xuyên qua chu vi đường kính khoảng hơn một trượng. Vào niên hiệu Đại Lịch (766 - 780), Sư muốn ra chuông đó, trước đó chùa Khai Nguyên thiết đại trai hội, tự chủ sai một vị tăng nhỏ đến Long cung cầu thỉnh chuông để đem về nơi nhân thế đánh lên để cảnh tỉnh hôn mê. Vị tăng nhỏ ấy thấy thần biển nói rằng: “Ta tiếc vì trấn biển, riêng ban tặng ba viên châu nhỏ để làm tin”. Đương lúc dó, vị tăng nhỏ ấy như tỉnh giấc mộng thì có ba viên châu đã ở trong tay.

5. Truyện ngài Nan-Đà ở Tây Vực thời Tiền Đường:

Thích Nan-Đà, Hán dịch nghĩa là “hỷ”. Không rõ Sư thuộc họ gì và người ở nước nào. Sư là người lạ lùng khác thường, cung kính khinh mạn bất định.

Khoảng niên hiệu Kiến Trung (780 - 784), tự nhiên Sư đến xứ Mân Thục. Bấy giờ, Trương Ngụy Công mời Sư trấn nhậm ở Thành Đô. Sư tự nói: “Ta đã thành tựu Tam-muội Như Huyễn, từng xuống nước không ướt, vào lửa không cháy, có thể biến ra vàng đá, hóa hiện vô cùng”. Ban đầu, Sư đến đất Thục cùng ba cô Ni trẻ đồng đi, hoặc có lúc say mèm, điên cuồng ca hát, có khi nhóm chúng nói Pháp. Nhung Tướng rất giận ghét, kíp bảo bắt trói, Sư bị bắt đến, bèn nói rằng: “Bần đạo gá vết nơi tăng môn, riêng có dược thuật”. Nhân đó, Sư chỉ ba cô Ni mà bảo rằng: “Đây là những người khéo múa hát”. Nhung Tướng mới tôn trọng Sư, giữ Sư lại thiết bày rượu thịt dạ yến cùng chung ăn uống hát xướng. Sư bèn mượn áo cánh, quần dài, khăn lược, ba cô Ni mới tự son phấn cùng bày ngồi, ngắm nhìn cười cợt trạng thái trội vượt tuyệt trần, cùng uống đến nửa cuộc vui, Sư nói với các cô Ni rằng: “Hãy vì Áp Nha nhảy múa?” Nhân đó, chậm rãi tiến đối, múa men quay vòng, thoất nhanh đứng dậy xoa đùi, tài khéo chẳng ai bằng. Giây lâu khúc nhạc đã hết mà múa vẫn chưa thôi. Sư mới quát rằng: “phong cách Phụ nữ như vậy hay sao”. Sư vụt đứng dậy lấy dao của Nhung Tướng, mọi người đều cho là tửu cuồng. Những người ngồi thấy đều kinh sợ bỏ chạy, Ngài bèn chặt đầu bacô Ni đều ngã lăn ra đất, máu chảy lan đến vài trượng. Nhung Tướng rất kinh hoảng, kêu mọi người chung quanh

bắt trói Sư lại. Sư cười bảo: “Không sao”. Rồi từ từ nâng ba cô Ni dậy và dùng gậy trúc chống đỡ, máu chảy đến chỗ rượu uống. Sư lại bỏ ngồi uống tiếp, riêng sai người chặt đầu dùng đinh đóng hai tai vào cột, đều không có máu dơ, thân thể đã ngồi trên chiếu, rượu mang đến thì đều rót vào chỗ chặt, sắc mặt cũng đỏ, miệng lại ca múa, tay lại đánh vỗ ứng tiết, đến lúc tiệc tan, thân tự đứng dậy đến nơi trụ lấy đầu đặt vào, liền không vết sẹo gì.

Sư thường luôn nói chuyện lành dữ của người, phần nhiều là câu đố, sau đó mới ngộ hiểu. Tại Thành đô có người cúng dường vài ngày, Sư chợt không muốn ở, bèn đóng cửa lưu giữ Sư lại. Sư liền vào vách tường bít lại, và dẫn đó tạm vào, chỉ chừa lại một góc áo ca-sa, xa xa lại chẳng thấy. Ngày hôm sau, thấy trên vách tường có họa ảnh vị tăng, hình dáng như thường ngày, cách ngày dần dần rơi xuống, qua bảy ngày nữa thì không có vết mực đen, đến ngày thứ tám thì vết mực đen cũng biến mất. Có người sớm thấy Sư đã sang cõi Bành Châu. Sau không biết Sư đi đâu!

Liên hệ thử bàn:

Hình trạng vết tích của Ngài Nan-đà là tà hay chánh? Tà mà tự nói đã đắc Tam-muội Như Huyễn thì đồng như vua Vô Yểm Túc. Tam-muội đó tức là Đại định của các Đức Phật. Chỉ như huyễn thấy như huyễn, không thể dùng ngôn luận mà phân cảnh giới. Trong bốn thứ thần thông có Như Huyễn thông, có khả năng chuyển biến vật bên ngoài, nên Ngài Nan-đà cảnh giác dân chúng đất Thục phần nhiều kính chuộng quỷ đạo thần tiên. Nếu chẳng phải loại Tam-muội đó thì không đủ để cảm hóa thế tục khó cảm hóa.

6. Truyện ngài Huyền Tông ở núi Tử Kim thời Tiền Đường:

Thích Huyền Tông, họ Ngô, người ở xứ Vĩnh Gia. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, khí độ rộng rãi. Sư ở tự viện Bảo Thọ, núi Vĩnh Định trong bổn bộ, nương tựa Thường Tỉnh làm Sư Chiếu. Sau khi đắc giới, Sư lại du phương tham học. Sư đến môn tịch của Thiền Sư Từ Lãng ở Giang Lăng, như vàng ròng đã được đúc, quyết rõ nghi lầm, Sư lại chống tích đến phương khác, thấy núi Tử Kim mà vui thích ở tự tâm nên dừng lại hành trì thiền quán. Núi đó trước kia có lắm hổ dữ, hoặc cắn người đi buôn, làm tổn thương kẻ tiều phu hái củi. Người lánh hà khắc khóc vợ rất u buồn. Từ khi Sư đến ở thì tiếng gầm thét cũng mất, từ đó, người vào núi không còn phải lo sợ. Một hôm, Thiền chúng nhóm họp, thấy có một ông lão rảo bước đến trước tòa quỳ lạy rất cung kính. Sư

hỏi: “Ông là ai” Ông lão đáp: “Tôi vốn là hổ ở trong núi này ăn thịt chúng sinh. Nhờ Đại sư đến hành hóa ở đây, thầm xoay tâm tôi nên được thoát nghiệp thân hổ, đã sanh lên cõi trời, nên trở lại báo tạ, trong khoảnh khắc ông lão biến mất.

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767), Sư dặn dò giã biệt môn nhân rồi an nhiên thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, tháng 2 nhập tháp, lập văn bia, nay vẫn hiện còn.

7. Truyện ngài Quảng Phu trụ núi Dương Kỳ ở Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Quảng Phu, họ Trịnh, người ở xứ Nam Yên, thuở nhỏ Sư nương tựa Đại Đức Tư Hạo ở Kinh Vọng, dưới nương thừa pháp huấn. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến hai Kinh Tung Sơ, Thiếu Thất, gặp được Thiền Sư Thần Tú mà tỏ sáng huyền chỉ. Sư đến núi Dương Kỳ ở Nghi Xuân, dừng ở. Là nơi Trung Phong Loan Tích Thúy Động Huyệt Thiệp u nhàn, mầm mống nấm chi bám vào cỏ bôn. Sư suốt ngày nhắm mắt, ăn dùng cỏ cây qua bữa. Khi đó có những người đội mũ cao, choàng khoát áo lông, cỡi hạc ngồi xe loan, ban đầu thì chợt qua chợt lại, sau thì lên am đến cầu cạnh. Đó là các khách tiên đến, hẳn là mây nhẹ sương bạt từng bước màđến, những người theo ủng hộ là thiên đinh lực sĩ khiến đi xa, cùng đối gặp đàm luận qua thời gian. Sau khi đạo hóa đã hoàn thành, đến ngày mùng 4 tháng 3 niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ nhất (758) Sư thị tịch, thọ chín mươi mốt tuổi.

Liên hệ thử bàn:

Thần tiên khác đạo, đàm luận há đồng ư? Thông đáp: Thuở xưa, còn nhỏ có vị chân nhân hay đàm luận về lý Không. Thần tiên các núi bèn xây tháp, tin sùng Phật đạo, chỉ không cạo bỏ râu tóc, không đắp mặc pháp y, gọi đó la Bồ-tát tại gia. Lại nữa, các vị tiên ở núi Tuyết, giỏi về luận ngũ minh mà cầu độ, là đồng. Nhung Đạo tương tự ấy phải phân biệt cho rõ. Như năm trong hai mươi đế ở Tây Vực, chỉ lượng về năm đại thì tên gọi đồng với Pháp của Phật giáo, còn sở chấp thì khác xa, thật là khó phân biệt!

8. Truyện ngài Viên Chấn trụ núi Ô Nha ở Đặng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Viên Chấn, họ Trần, người ở xứ Trung Sơn. Từ thuở nhỏ, Sư đã cảnh ngộ mà ham học, vào trường học nghiên cứu Ngũ Kinh. Chợt gặp một vị Sa-môn vân du ở nghỉ qua đêm, cgha của Sư làm Châu Nha

lại, rất có Đạo tâm, giữ vị tăng ấy lại cúng dường. Sư kính lễ phụng sự vị tăng ấy, được nghe đàm đạo rất tỏ ngộ nhập thần, bèn bỏ sách Nho, tìm học kinh Phật, chóng giã từ thân thích, sang núi Bạch Tư kính lễ phụng thờ Ngài Trí U làm thầy mà thọ giáo. Sau gặp được thiền Sư Hà Trạch nên đắc Pháp. Sư đến ẩn cư tại núi Ô Nha ở Nam Dương. Trong núi đó trước kia vốn có nhiều con rắn lớn, trong hang đầm lại có rồng độc, dân chúng bản xứ rất lo sợ. Từ lúc Sư đến ở thì hai loài vật đó đều biến mất, từng có một người hình hài sắc phục lạ thường đến lễ bái, thưa Sư rằng: "Tôi ở tại đây đã hai trăm năm, ngày nay cảm được sụ giáo hóa vô tâm, tu hành không lo lắng, bọn chúng tôi thầm cảm được siêu thăng, há chẳng do năng lực của Sư ư?" Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790), Sư thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, đệ tử đón rước toàn thân nhập tháp.

9. Truyện ngài Thích Địa Tạng trụ chùa Hóa Thành ở núi Cửu Hoa, thuộc Trì Châu, thời Tiền Đường:

Thích Địa Tạng, họ Kim, là chi thuộc của Quốc vương Tân-la. Sư từ tâm mà dáng mạo xấu ác, thông minh dĩnh ngộ tự nhiên, thân cao bảy thước, đảnh cốt nhô cao, đạc biệt có tài cao, sức lực có thể địch nổi mười người. Sư thường tự hối rằng: "Trong Lục tịch hoàn và Tam thanh thuật, chỉ có đệ nhứt nghĩa hợp với phương thốn". Khi đó, Sư xuống tóc, vượt biển bỏ thuyền mà đi. Sư chống tích du phương, tình cờ đến Trì Dương thấy núi Cửu Tử mà trong tâm ưa thích, bèn dò bước lên trên đảnh được chỗ đất trong hang, mặt sáng mà khoan bằng. Đất ở đó mầu đen mềm, suối nước ngon ngọt, Sư ở trên khe múc lấy dùng qua ngày. Sư từng bị nộc độc mà vẫn an nhiên doan tọa không lo nghĩ. Bỗng có cô gái đẹp lạ đến lễ bái dâng cúng thuốc men, và thưa rằng: Tiểu nhi không biết, xin nguyện ra khỏi suối để tạ lỗi!" Nói xong, bèn biến mất, Sư trông thấy chúng quanh tòa nước chảy đầy. Khi đó, cho là thần núi Cửu Tử khơi dòng nước để giúp dùng.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Lý Bạch đến núi nầy, gọi là núi Cửu Hoa. Tục truyền rằng thần núi đó là phụ nữ. Trên đảnh núi phần nhiều thường có sương mù mây tụ, ít lúc nào lộ bày đảnh. Sư vốn nguyện hành trì bốn bộ kinh lớn, bèn xuống núi đến Nam Lăng, có Tín Sĩ viết giúp, được kinh rồi Sư thỉnh trở về núi.

Những năm đầu niên hiệu Chí Đức, có Gia Cát Tiết dẫn Thôn Phụ từ chân núi lên chỗ cao sâu không người, thương ngày có mây sáng đẹp, chỉ Sư ở một mình mà lại nhắm mắt xoay vào hang đá. Trong phòng

có cái đảnh gãy chân, trong đảnh có đất trắng hòa với gạo rang mà ăn dùng. Quận lão kinh hãi than rằng: "Hòa-thượng khổ hạnh như thế, bọn chúng tôi có lỗi riêng ở dươi núi!". Bèn cùng nhau xây dựng Thiền vũ, không mấy năm mà thành ngôi chùa lớn. Đến những năm đầu niên hiệu Kiến Trung Trương Công Nghiêm nhậm trị bang đó, do kính mến cao phong của Sư, nhân đó đổi bản ngạch cũ, tấu trình đặt thành chùa, tại bổn quốc (nước Tân-la) nghe thế, bèn cùng nhau vượt biển tìm đến. Từ dó, đồ chúng rất đông mà không vật thực để cung cấp cho đồ chúng ăn. Đồ chúng đó vốn muốn thỉnh pháp để nuôi thần chẳng vì ăn uống mà dưỡng mạng. Ở phương Nam gọi đó là chúng Khô Cảo, không ai chẳng tôn sùng kính ngưỡng. Bên cạnh Long Đàm có đất mài mầu trắng lấy mãi mà chẳng hết.

Đến mùa Hạ niên hiệu Trinh Nguyên thứ 9 (793), bỗng nhiên Sư nhóm chúng mà cáo biệt. Không biết cái gì vụt qua, chỉ nghe tiếng núi đá rơi đổ gõ vào chuông phát tiếng. Sư ngồi kiết già mà thị tịch, thọ chín mươi chín tuổi. Nhục thể Sư an trí ngồi trong hòm, ba năm sau mở đêm ra nhập tháp, nhan sắc cũng như lúc còn sống. Nâng khiêng xương cốt bị động phát ra tiếng như lay lắc xích khóa vàng, bèn xây một ngôi tháp nhỏ ở Nam Đài, đó vốn chỗ đất Sư yên tọa. Bấy giờ, chúng sĩ hữu thâu nhặt di phí, quan khanh tựa sự vẫn còn. Vào niên hiệu Đại Trung (847 - 860), Sa-môn Ứng Vật cũng ghi lại đức hạnh của Sư.

10. Truyện ngài Thần Huyên trụ núi Kim Hoa ở Vụ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Huyên, họ Lưu, người ở xứ Kiến Dương. Từ thuở nhỏ Sư đã trầm tĩnh, không hỏi chẳng nói, Sư đến chùa Khai Nguyên mà phát chí nguyện xuất gia. Tự nhiên bổn quận Thái Thú vào chùa hỏi thầy Sư, trông thấy Sư có thần thái lãng luyện, Thái Thú khéo xem tướng người. Ngoảnh trông nhìn kỹ đôi ba phen, lại bảo: "Đứa trẻ nầy thật là pháp khí xuất trần. Ngày sau đến nương thọ Pháp mầu có cả ngàn chúng vây quanh, hẳn vượt thượng quả, chẳng phải là phàm khí". Và khi trì tụng thần chú Thất Phật Câu-Chi, tối sáng chẳng dứt. Sau khi thọ giới, Sư đến dừng ở trong hang đá tại động Bách Gia Nham thuộc phía Bắc núi Kim Hoa, chẳng dựng lập am thất, thực hành hạnh Đầu-đà lộ địa, lại không giường chõng, nhưng có vị thần nhả mây khí sắc tía che chở, xa trông nhiễm nhiễm như Độc Trụ Quán. Vị thần đó có lúc đến hỏi đạo, khoanh tay thưa Sư rằng: "Đảnh núi phía Đông Động Xích Tùng có rừng suối trác dị, Sư có thể đến ở đó chăng?" Sư thuận theo lời

thỉnh sang đó ở vài năm, có nhiều điều ứng tốt lành.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), gặp Thiền Sư Chí Hiền nói với Sư rằng: "Trì tụng như thế ma sự sẽ sanh. Muốn diệt ma oán phải biết gốc thân. Gốc thân thật không ma không Phật". Sư hoát nhiên khai ngộ, lý sự đều thành, công năng thần chú càng gấp bội. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (813), Phạm Dương Tung Thừa biết kính ngưỡng, sai sứ mang sữa, hương, giạ, len, các đồ vật đến cúng dường Sư và hồi thí cùng đại chúng hiện tiền. Tiếp theo có Trung Thư Xá Nhân Vương Trọng thỉnh Sư đến chùa Đại Vân truyền giới Bồ-tát cho đại chúng. Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (817), Bình Xương Mạnh Giản Thượng Thư từ Cối Kê thỉnh mà Sư không đến. Tới tháng 8, bỗng nhiên Sư trở về viện cũ, mọi người chẳng lường rõ, bỗng chốc bảo là thị tịch, Sư thọ bảy mươi sáu tuổi, các đệ tử xây tháp thờ.

Có thuyết nói: lúc Sư ở tại núi Kim Hoa, tại phía Bắc lạnh nhiều ít nắng. Vị thần hỏi Sư rằng: "Sư cần vật gì?" Sư bảo: "Phía Nam núi tôi ở bị khổ vì quá lạnh". Thần nói: "Ấy là việc nhỏ". Đến đêm nghe tiếng của Sư, đến sáng sớm thấy một ngọn núi nhỏ đã dời đổi.

11. Truyện ngài Đạo Hạnh trụ chùa Khai Nguyên ở Lễ Châu thời Tiền Đường:

Thích Đạo Hạnh, họ Lương, người ở xứ Quế Dương. Từ lúc sanh Sư về sau, Sư vốn thần phủ thông minh, cơ thể như băng tuyết.

Năm mười hai tuổi, Sư phát tâm kính mến đạo, đến thọ học tại Đạo Tràng Bát-nhã ở Nam Nhạc. Ngài đến Chung Lăng cầu quyết trạch, tự thầm chứng pháp, hiệu là Tự Tại Tam-muội. Từ đó Sư mặc áo nạp vải bố, mang giầy cỏ Bồ, để dưỡng hơi tàn mà thôi. Sư đến phía Tây Nam Lễ Dương, chặt cây làm thất phương trượng mà ở. Tại đó có lắm hổ báo thường đến nằm quanh giường chõng. Sau có người mang gỗ tốt đến xây dựng nhà cửa, chưa đến mười ngày đã hoàn thành. Nhìn lại thì vắng bặt không có người nào cả. Mới biết là quỷ thần xả thí gỗ và giúp sức. Thái thú khổ nhọc mới thỉnh được Sư đến trụ chùa Khai Nguyên ở Châu Trị.

Sau đó không lâu, Sư thị tịch vào niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15, thọ sáu mươi chín tuổi. Trà-tỳ thâu nhặt xá-lợi xây tháp thờ.

12. Truyện ngài Hoài Không trụ núi An Phong ở Từ Châu thời Tiền Đường:

Thích Hoài Không, họ Lương, người ở xứ Mân Châu. Từ thuở bé,

Sư đến Viện Quảng Phước ở núi Kỳ-Xà thuộc trong bổn Châu, cạo tóc xuất gia. Sau khi đắc giới, Sư du phương tham học. Ngài ở trong thiền pháp của Thiền Sư Đại Tịch gột rửa tỏ sáng. Sau Sư đến núi An Phong ở Bình Thành mà trụ ở đó. Sư trụ ở đó chưa được mấy năm mà đã trở thành một đại già lam, từng có một vị tăng nương giữa hư không mà đến, đi nhiễu quanh tường không nghỉ, hoặc có lúc nhẹ bước trên hoa sen, hoặc có lúc phủ đất, mọi người đều trông thấy. Sau vài ngày, bèn đảnh lễ Sư mà từ giã. Lại nói: "Tôi từ ba đến năm năm trở lại nương nhờ". Nói xong liền biến mất.

Đến niên hiệu Hưng Nguyên thứ nhất (784) Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi. Sang tháng 2 niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821) mới dời nhập tháp, v.v...

13. Truyện ngài Viên Quán trụ chùa Tuệ Lâm ở kinh đô Lạc Dương thời Tiền Đường:

Thích Viên Quán, không rõ Sư là người xứ nào, Sư ở tại Lạc Trạch, tánh tình đơn giản, hoặc chuyên cần Phạn học, giỏi sanh kế, được lợi ruộng vườn. Bấy giờ, Sư được gọi là "Không môn y đến". Ngoài ra, Sư có lắm thi vi tuyệt dị, lại thông rành âm luật.

Cuối niên hiệu Đại Lịch (780), Sư cùng Lý Nguyên kết bạn vong hình. Thân phụ Lý Nguyên là Lý Trùng ở Thủ. Khoảng cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) bị vùi lấp trong giặc, bèn đem gia nghiệp xả thí vào chùa Tuệ Lâm ở phía Bắc Lạc Thành, tức ruộng nhà riêng của Lý Trừng. Và cho đó là "Công dụng vô tận tài". Nhưng thường ngày cung cấp một đồ vật, theo chúng tăng ăn uống mà thôi. Như vậy suốt ba năm. Lý Nguyên khéo phục vụ thức ăn. Bỗng hẹn cùng Sư đi đến các núi động như Nga Mi ở Thanh Thành,... để tìm thuốc. Sư muốn đi Trường An từ đường Gia Cốc. Lý Nguyên muốn từ Kinh vào Hạp, tranh luận hai đường đến nửa năm chưa quyết định. Lý Nguyên nói: "Tôi đã không thờ phụng Vương Hầu, nên đi chẳng muốn trải qua đường của hai Kinh!" Bèn từ Kinh lên Hạp, đi đến Nam Phố, ghé thuyền thấy vài phụ nữ điều đạt đeo nhiều châu ngọc, mang thùng gánh nước, Sư cúi đầu khóc nói: "Tôi không muốn đi qua đường này là sợ thấy người phụ nữ ấy!" Lý Nguyên nói: "Người phụ nữ mang thai đó vốn họ Vương, là nơi tôi gá thân, đã qua ba năm còn chưa sanh nở, chỉ vì tôi chưa đến. Nay đã thấy thì thân mạng này sắp kết quy. Đó là việc trong Phật giáo gọi là tuần hoàn. Xin ông dùng phù chú làm cho người đó chóng sanh. Vả lại, xin nán lại thời gian dùng thuyền đưa xác thân tôi an táng nơi hang

núi. Và lúc nhà người ấy tắm gội cho đứa bé, cũng mong ông đến hỏi thăm. Nếu ngoảnh lại nhìn cười, thì ấy là còn nhận biết ông." Sau mười hai năm, vào đêm Trung Thu sẽ cùng gặp ông ở phía ngoài chùa Thiên Trúc thuộc xứ Tiền Đường. Đó là kỳ hạn gặp gỡ ông!". Lý Nguyên hối hận về chuyến đi đó. Còn Sư lúc đó buồn thương gần tuyệt. Mới kêu gọi ngươi phụ nữ mang thai ấy mà nói cho biết sự việc. Người phụ nữ ấy mừng vui, hớn hở trở về. Trong chốc lát thì bà con thân tộc nhóm họp đông đúc, đem cá khô rượu đục bày tiệc ở trên bờ sông. Lý Nguyên bèn sang trao nước có chú nguyện. Sư tắm rửa xong xuôi thay đổi y phục, và Sư vừa tắt hơi thở thì người phụ nữ ấy liền sanh.

Ba ngày sau, Lý Nguyên sang xem đứa bé mới sanh, đang ấp trong tã bồng đến chỗ sáng, quả nhiên mỉm cười. Lý Nguyên khóc mà nói rõ với Vương Thị. Vương Thị lo việc tang lễ của Sư rất nồng hậu. Ngày hôm sau, Lý Nguyên quay thuyền trở về chùa Tuệ Lâm, hỏi đệ tử của Sư mới biết Sư đã thị tịch. Lý Nguyên luôn nhớ nghĩ ước hẹn đến Hàng Châu. Khi đã đến kỳ hạn bèn đến chùa Thiên Trúc. Đêm đó ánh trăng sáng ngời, bỗng nghe bên bờ giếng Cát Hồng có tiếng mục đồng ca khúc nhạc Trúc Chi, đang cỡi bò, gõ sừng, đầu để hai búi tóc, mặc áo ngắn, từ từ đi đến trước chùa. Đó chính là thân sau của Sư. Lý Nguyên liền rảo bước lại vái chào hỏi rằng: "Quán Công khỏe chăng?" Sư bảo: "Lý Công thật là kẻ sĩ giữ niềm tin, tôi và ông khác đường, cẩn thận chớ gần nhau, ông chưa hết duyên đời, chỉ nên tinh tấn tu tập, không sa đọa thì sẽ gặp nhau!" Lý Nguyên không do đâu mà mở lời, chỉ biết trông nhìn lặng lẽ. Sư lại ca hát khúc nhạc Trúc Chi, Tra y đi trước, ngôn từ tha thiết, khúc điệu xa vời, chẳng biết nói làm sao. Lý Nguyên bèn khen rằng: "Quán Công thật là vị tăng đắc đạo! Chỉ trong thước tất cách biệt mà thánh phàm khác lối, xét thật có điều ấy!".

Ban đầu, Lý Nguyên buồn hận cha mình bị giặc làm hại. Lúc đó chỉ mới tám tuổi lại bị bọn giặc bắt tù, trôi giạt khắp Nam Bắc, xoay vần nơi quê người, sáu mươi năm sau mới trở về chỗ gần gũi. Vua Đại Tông nghe thế, trao ban chức Hà Phủ Duyện. Lý Nguyên dứt bỏ hẳn rượu thịt, không lập gia đình, chẳng kẻ tôi tớ chăm sóc, thường nương tựa chùa Tuệ Lâm, ở trong một thất, theo chúng trai thực. Lo trước huyệt mộ ở quê nhà, chuẩn bị mọi việc sau khi qua đời, và thường luôn sang nghỉ ở đó. Còn mọi sự vinh nhục, thị phi mỗi mỗi đều bình đẳng. Bấy giờ, Tướng Quốc Lý Công Đức dụ dâng biểu tiến cử, triều đình bèn ban chức "Giản Nghị Đại Phu". Khi đó, Lý Nguyên đã hơn tám mươi tuổi, bèn dâng biểu từ chối, hai năm sau thì qua đời, nhằm niên hiệu Trường

Khánh thứ 2 (822).

Liên hệ thử bàn:

Ngài Viên Quán chưa chết mà đã gá thai trước như thế, nghe hẳn không tin. Vì sao? Vì trái với Thánh giáo! Từng nghe Mân-Ni có lắm như thế, làm con ở nơi nhà dòng tộc phụ nữ, nói là “Tiện lai”, và đến khi sắp chết dùng son chấm trên đùi. Ngay ngày đó có nhà sanh con, trên thân có viết hai chữ “Tiện Lại” màu đỏ. Cùng loại như vậy cũng nhiều. Chỗ Trang Tử gọi là Khúc Sĩ không thể cùng nói Đạo. Bó buộc bởi giáo. Đó cũng như dị kế hữu giáo ở Tây Vực chưa truyền đến, Phật hoặc riêng đàm từng hội, thấy có Tông ta tự như thế. Nếu vậy thì chưa thể chấp nhất định đã hành. Đó như ngài Viên Quán quả chứng đã cao sâu, đồng như Luận Trí Độ nói có nhiều thứ không thể suy nghĩ bàn luận. Tâm nghĩ miệng nói ngàn dặm khó đuổi theo.

14. Truyện ngài Pháp Tạng trụ trên ngọn Ngũ Lão ở Lô Sơn thời Tiền Đường:

Thích Pháp Tạng, họ Chu, người ở xứ Nam Khương. Thuở còn nhỏ, Sư đã thông minh giỏi giang, bèn nghiên tầm sách sử và rất giỏi về Y Phương Minh, đồng với diệu dụng của Chi Pháp Tồn. Trong chúng tăng có vị bị bịnh, nhiều người bảo không thể cứu nổi. Sư đến bắt mạch bổ thuốc, chỉ vài hôm trở lại bình phục. Vị tăng ấy hay tiếp Sư bàn nói huyền Pháp, từ đó, Sư nảy ý xuất trần, khi ấy tuổi đã lớn. Sư khẩn thiết giã từ cha mẹ, đến Viện Bảo Tích ở núi Bình Điền trong bổn quận theo Đại Sư Nguyện tầm học thọ giới.

Sau, Sư đến tham yết Thiền Sư Đại Tịch nói dụ như đá chọi nước, bỗng nhiên Sư sang phương Bắc xuống Lô Sơn, lên đỉnh núi Ngũ Lão bèn mến thích ở đó linh dị, nên riêng ở nơi rừng lạnh, hái nhặt trái rừng, vốc nước khe suối để qua ngày. Sư dừng ở đó vài năm. Có hai vị tiên cưỡi mây mà đến, suốt ngày bàn luận có lúc ở lại qua đêm, hoặc trải qua cả tháng chẳng đến, hoặc đến nhiều ngày liên tiếp, những người chung quanh có thấy, nói lại khác nhau. Đến lúc học chúng nhóm họp đông đúc thì hoàn toàn không thấy tông tích. Lại một hôm, hai vị tiên cáo từ, nói với Sư rằng: “Xin trở về núi, Sư ở lại an lành!” Từ đó đạo hạnh Sư lan tỏa, đàn việt cùng nhau xây dựng một ngôi viện.

Khoảng niên hiệu Bảo Lịch (827), Sư thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Ngày mùng 4 tháng 3 năm đó nhập tháp, v.v...

Liên hệ thử bàn:

Lúc Ngài Pháp Tạng ẩn cư ở núi Ngũ Lão, có hai vị tiên đến đàm

luận suốt ngày như thế là sao? Thông đáp: Xưa kia, Lưu Hướng ghi tập Liệt Tiên nói rằng: "Có bao nhiêu người thấu suốt nội điển ư? Lại nữa, Bùi Chu Đồng Bách, đệ tử Tam chân nhân, đều học Phật pháp phân nửa, có thể chẳng đến hỏi đạo ư? Trong thơ có nói: "Thảo trùng ứng vơi phụ chung" là đồng.

15. Truyện ngài Giám Không ở chùa Hương Sơn thời Tiền Đường:

Thích Giám Không, họ Tề, người ở Quận Ngô. Thuở bé nhỏ nghèo khổ, Sư siêng năng học tập mà ít ghi nhớ. Đến tuổi tráng niên, Sư làm thơ, chẳng bóng bẩy lắm. Thường khốn khổ qua lại xứ Ngô Sở đã bốn, năm năm. Cầu chỗ đượm nhuần ở Yết Hầu Bá chẳng bao nhiêu. Tiền hoặc xâu đầy thì bịnh sanh, tiêu dùng hết mới lành!

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa (807), Sư đến Tiền Đường, gặp phải hoang sơ nghèo thiếu, mới tự bàn nghĩ xin ăn ở chùa Thiên Trúc. Đến chùa Cô Sơn thì quá đói chẳng tiến bước, nhân đó đến bên dòng tuyết, rơi lệ khóc buồn mấy tiếng. Bỗng nhiên có vị Phạm tăng ngồi trên dòng tuyết, ngoảnh nhìn Sư, bảo rằng: "Pháp Sư Tú Tài Lư Du thức ngon nhiều chất bổ đã đủ chưa? Sư đáp: "Lư Du, tư vị đã đủ". Pháp sư gọi một tiếng sao trái lầm vậy?" Bởi Sư lúc chưa làm tăng tên là Quân Phòng. Vị Phạm tăng ấy bảo: "Ông không nhớ giảng Kinh Pháp Hoa ở chùa Đồng Đức sao?" Sư nói: "Thân tôi nay đã bốn mươi lăm tuổi, quanh quẩn vùng đất Ngô Sở, chưa từng bước đến Kinh Khẩu, làm gì có việc ở Lạc Trung?" Vị Phạm Tăng ấy bảo: "Ông đang bị lửa đói thiêu đốt, chưa rảnh để nhớ lại việc cũ". Bèn lấy trong đãy ra một trái táo lớn bằng nắm tay, và bảo: "Vật này sản sanh ở nước tôi. Người ăn nó, nếu là thượng trí thì biết được việc ở quá khứ và vị lai, hạng hạ trí thì chỉ biết được việc đời trước". Sư quá đói bèn ăn táo và vốc nước suối mà uống, bỗng nhiên ngáp dài rồi gối đầu vào đá mà ngủ, trong khoảnh khắc thức dậy, nhớ lại việc giảng kinh ở chùa Đông Đức như mới hôm qua. Nhân đó, lại khóc gào, hỏi vị Phạm tăng ấy rằng: "Hòa-thượng Chấn ở đâu?" Đáp: "Chuyên tinh chưa thấu đáo nên trở lại làm vị tăng ở đất Thục, nay đã dứt bỏ phan duyên". Hỏi: "Thần thượng nhân ở đâu?" Đáp: "Nguyện xưa chưa mãn". Hỏi: "Pháp sư Ngộ ở đâu?" Đáp: "Há không nhớ ở trước tượng Hương Tích đùa phát đại nguyện ư? Nếu chẳng chứng Vô Thượng Bồ-đề nguyện làm quỷ thần có sức mạnh. Hôm qua nghe đã được làm đại tướng quân. Trong lúc năm người lưu lạc khắp nơi, chỉ có mình tôi được giải thoát, và riêng mình ông là kẻ sĩ đói lạnh". Sư

khóc, nói: “Tôi bốn mươi năm, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, hơn ba mươi năm chỉ mặc một chiếc áo vải thô. Mải nổi trôi việc trần tục, quyết dứt nguồn gốc, sao cầu phước mà chẳng hoàn bị, lại mắc phải đói lạnh!” Vị Phạm Tăng ấy nói: “Bởi Sư lúc ngồi trên tòa sư tử, giảng nói những việc lạ lùng, khiến người học đối với nghĩa “Không” sanh tâm nghi ngờ. Giới châu từng bị sứt mẻ, mùi tanh hôi hiện còn chút ít, tiếng uế trược ảnh hưởng, thanh tịnh chưa đến được, thân hình gầy còm, báo ứng nên như thế”. Sư nói: “Vậy thì làm sao?” Vị tăng ấy nói: “Việc ngày nay tôi không tính, việc đời khác cảnh tỉnh với ông”. Bèn tìm trong đãy đựng bát lấy ra một cai gương hai mặt đều trong sáng, và nói với Sư rằng: “Muốn biết được thân phận sang hèn, kỳ hạn ngắn dài, Phật pháp hưng suy, Đạo ta thạnh suy, nên nhìn vào gương một cái”. Sư soi chiếu xem xét giây lâu, mơi cảm tạ rằng: “Sự báo ứng, lý hưng suy, cẩn trọng mà biết đó”. Vị Phạm Tăng ấy lấy lại gương cất vào trong đãy, đi chừng hơn mười bước thì vụt biến mất. Đêm ấy, Sư vào chùa Linh Tả xin xuất gia, thọ giới cụ túc. Sau vân du các danh sơn, càng cao khổ tiết.

Niên hiệu Thái Hòa thứ nhất (827), Sư đến Lạc Dương, trụ chùa Thiên Trúc ở Long Môn, gặp Liễu Trình ở Hà Đông. Sư nói nguyên do với Trình, Trình nghe việc Sư nói đều chẳng thường mà lại còn lắm kỳ dị. Sư nói: “Tôi sống nay đã bảy mươi bảy tuổi, ba mươi hai hạ lạp, còn chín năm trì bát khất thực ở giữa đời. Ngày tôi thị tịch là Phật pháp suy diệt!” Liễu Trình hỏi nguyên do, Sư yên lặng không đáp. Mới bảo Liễu Trình đưa bút nghiên đề vài hàng ở vách tường phía Bắc Kinh tàng mà đi. Sư viết rằng: “Hưng chỉ như một hạt cát, suy thì như số cát sông Hằng. Thỏ mà vất bỏ, chó mà bắt lấy. Trâu hổ giao nhau bằng sừng nanh, nhưng không thể nào phá diệt Hoa Đàn bảo”.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Giám Không ăn táo của Phạm tăng mà biết được túc mạng. Cùng như thuốc của Tuyết Sơn giải ngôn âm các nước là đồng. Soi gương mà biết được tốt xấu, cùng như dòm ngó Đồ Trừng bôi xoa vào tay là đồng. Ăn táo soi gương há là ngẫu nhiên ư? Đó là sự gặp gỡ của người phi thường. Ngài Giám Không đề sấm mà lấp bít câu hỏi của Liễu Trình. Xét việc phá hủy Phật giáo vào niên hiệu Hội Xương (841 - 847), bấy giờ, vua Võ Tông bắt ép tăng ni hoàn tục có hơn hai trăm lẻ bảy ngàn người, phá chùa viện lan-nhã có đến bốn mươi bảy ngàn ngôi. Nên Sư đề: “Hưng chỉ như một hạt cát mà suy thì như số cát sông Hằng, thỏ mà vất bỏ, chó mà bắt lấy”. Đó là nói tàn hại rất lắm. Vào năm Ất Sửu (845) phá hủy Pháp, đến năm Bính Dần (846) thì xuất gia!

Phật pháp dụ như cây đèn báu không bao giờ tắt mất, hoa nó vẫn phảng phất, cho nên nói như vậy. Nếu chẳng phải là dị nhân thì đâu thể giấu diếm việc đã qua và khảo cứu việc tương lai?

16. Truyện ngài Đạo Hạnh trụ núi La Phù ở Quảng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Hạnh, họ Mai, người ở xứ Cối Kê. Cha Sư làm nha lại Việt Châu. Thuở bé, Sư đã sớm biết viết, so với người thì đã thành tựu tốt đẹp. Có vị tăng khất thực, Sư đón rước cùng đàm luận rất tinh thông thiền quán. Sư bèn xin xuất gia, đến Viện Bảo Thọ ở núi Tứ Minh chỗ Thiền sư Trí U mà bẩm thọ tiến tu, thường ngày lo việc lượm củi, múc nước.

Sau Sư đến Nam Nhạc, nghe Thiền sư Đại Tịch đang hóa đạo tại Giang Tây, Sư bèn sang đó theo hầu nương tựa, nuôi dưỡng mầm Thánh. Thấy núi La Phù kỳ dị, cao ba ngàn trượng, có bảy mươi hang đá, bảy mươi hai khe suối dài, Tiên Nhân cầm cây ngọc lá đỏ mọc ở trên, một nửa duỗi xuống biển. Sư ở trong hang đá vắng lặng an thiền. Nhưng cũng có lúc Sơn Tinh Thủy Quái thường hay kêu réo kinh hãi, Sư vẫn xem thường. Có một ông lão dung mạo quắc thước, áo mão sáng đẹp, đến lạy cúi đầu thưa với Sư rằng "Tôi ở trong đây đã hai trăm năm, nay nhờ Sư đến ở, thầm cảm vô cùng, được tiêu dao thoát khổ, sanh lên làm người hưởng vui". Sư cảm hóa vật tình phần nhiều giống như thế.

Vào niên hiệu Bảo Lịch thứ 9 (825 - 827), Sư thị hiện bị bịnh mà thị tịch, thọ chím mươi lăm tuổi. Ngày 19 tháng 9 năm đó nhập tháp.

17. Truyện ngài Phổ Mãn ở Lộ Châu thời Tiền Đường:

Thích Phổ Mãn, không biết Sư là người xứ nào. Sư từng ở tại Phần Tấn, phóng ý buông lung, chẳng giữ tăng thể, hoặc ca hoặc khóc, chẳng ai hiểu được ý Sư. Sư nói năng bài bác gì, việc qua rồi thì có chứng nghiệm. Nên người đương thời gọi Sư là Vạn Hồi. Hoặc có lúc Sư vào Kê Hồ khuyên người tu điều lành đến nỗi có người bỏ nghề săn bắn.

Đầu niên hiệu Kiến Trung (780), Sư vào trong Phật xá ở Lộ Châu, ghi vào bài thơ mà thị tịch. Sư có viết bài thơ rằng:

"Sông liền sông Kinh
Hai giọt máu đỏ sông
Trâu xanh dắt hổ đỏ
Lại gọi năm thái bình".

Sư viết vậy mà người sau chẳng biết. Đến Chu Thử là nguồn của

sông Kinh, phản đường suy ủng giá đến Phụng Thiên. Khi đó mọi người mới thấy binh quan bổ giặc chiếm cứ vây bức liền đánh. Mọi người mới tỏ rõ. “Sông Thử” (vốn Sư viết là Thử thủy, nghĩa là nước Thử) tức chỉ sông Thử. “Sông Kinh” tức là Kinh Châu, giặc mới làm loạn. Hai giọt máu đỏ (song chu huyết) tức là sông Thử và sông Thao. Trâu Xanh (thanh ngưu) tức chỉ niên hiệu Hưng Nguyên thứ nhất, là năm Ất Sửu (845). Ất là thuộc hành Mộc, sắc xanh; Sửu là trâu (ngưu). Bính thuộc hành Hỏa, là sắc đỏ, Dần là hổ. Đến lúc đó giặc mới trở lại bình lặng nên Sư viết là ”lại gọi là năm thái bình”.

18. Truyện ngài Ta Ta ở phủ Giang Lăng thời Tiền Đường:

Thích Ta Ta, Sư còn tên là Thanh. Vì Sư giao tiếp với mọi người, miệng tự nói Ta Ta, nên gọi Sư như thế.

Dưới triều vua Đức Tông, Ngài lãng du ở Chử Cung, y phục sách rưới, tướng trạng rất ngu si mà lại giỏi ca hát “Hà mãn Tử”. Sư có hành vi buông lung nên không định kiểm, có lần gặp Túy Ngũ Bá, Ngũ Bá ở giữa đường làm nhục Sư, bắt Sư xướng ca. Sư liền cất cao tiếng xướng điệu, trong ngôn từ đều bới móc việc xấu vết ố âm tư từ trước của Ngũ Bá, điều mà mọi người đều chưa nghe biết. Ngũ Bá xấu hổ bàng hoàng. Những người bên cạnh nghe được, biết Sư là Thánh tăng, nên quỳ lạy sám hối tội lỗi.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư vào trong quán chợ, lũ trẻ con chạy theo. Dân chúng nước Sở đều cười nhạo. Sau, không biết Sư mất ở đâu!

Kế nữa, có một vị tăng cuồng, du hành vô độ. Mỗi lần đoán trúng, chỉ ăn mấy thăng dầu mè. Nếu được ai bố thí cho bát lớn đựng đầy dầu mè thì mừng vui. Có một nhà Kinh chữ đặc biệt mời nếm dầu mè, ngày đó Sư lại ứng trai ở Hồ Nam, Sư phân thân ứng cúng, nên hiệu là “Thực Du Sư” (ông thầy uống dầu).

Liên hệ thử bàn:

Chữ Ta là âm Thương hay Vũ? Thông đáp: “Truyện Gia Thể Lục nên hai hai trường hợp: Một là căn cứ theo văn chẳng âm, hai là miệng trao biết vận. Nay được như thế tức là căn cứ theo văn. Như tiếng thừa của Sở từ thì là Tô cá thiết (tức là âm ta). Vị Sư này là việc ở kinh Sở.

19. Truyện ngài Nghĩa Sư ở Quận Ngô thời Tiền Đường:

Thích Nghĩa Sư, không rõ Sư người xứ nào. Tướng mạo phong cuồng, nói năng đảo loạn. Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (758), Sư đến

xứ Ngô Uyển để khất thực, các việc thường biết trước. Mọi người vì thế mà sinh nghi về Sư. Dân chúng ở trong phố chợ có vài căn nhà, bỗng nhiên Sư mang vác búa đến chặt phá mái nhà. Mọi người can ngăn mà Sư không dừng. Những người ấy vốn biết Sư là thần dị nên mơi đến lễ bái mà thưa rằng: "Đệ tử nhờ đó mà sanh sống, xin Sư chớ phá nhà chúng tôi!" Sư xoay lại bảo: "Các ông tiếc ư?" rồi ném búa mà đi. Đêm đó trong chợ bỗng nhiên phát hỏa thiêu cháy, chỉ mấy ngôi nhà bị Sư chặt phá là còn. Sư lại thích ở trong chùa đổ nát, chẳng kể Đông Hạ, thường gom các phướn lọng, tượng Phật bằng gỗ bửa chặt đem đốt, lại đem cá chép nướng trên lửa, mà phần nhiều là uy nạ trong tro, than càng đầy dẫy. Sư vỗ tay cười lớn, chẳng có đủ thìa muỗng mà ăn. Mặt mày dơ bẩn nhưng Sư chẳng rửa, nếu rửa thì trời liền mưa. Vì thế dân chúng đất Ngô cho là chiêm hầu. Đến lúc sắp tịch, Sư uống nước tro than chừng vài mươi hộc và ngồi niệm Phật. Các hàng sĩ thứ trông chừng thì mãn bảy ngày Sư mới tịch. Lúc đó, trời nắng rất nóng mà nhan sắc Sư chẳng biến đổi, các chi phần chẳng gãy. Dân chúng thỉnh nhục thân Sư ra ngoại ô mà trà-tỳ.

Kế nữa, tại chùa An Quốc ở Kinh Triệu có một vị tăng. Sự tích cũng bất thường. Đất chín mà đốt Phật gỗ. Chỗ gọi là việc người hẳn không hư phát. Đó cũng là vị tăng chẳng thể lường biết!

Kế nữa, có Ngài Thích Chứng Trí trụ chùa Vĩnh Thọ ở Kinh đô, không rõ Sư họ gì. Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (875 - 805), Sư ở chùa Kinh, thường phát thần dị mà mọi người không biết. Hoặc ban ngày ở tại Trương Độc Lan-nhã chăm sóc đất ruộng, đêm đến về lại trong chùa. Lan-nhã đó ở tại Kim Châu thuộc Hán Âm. Khu Kinh ấy rất lớn đến bảy trăm dặm. Người thời bấy giờ gọi là Thiền sư Trí. Đó đến trưởng túc An Pháp Vân Công đều có thể đến nơi xa trong nháy mắt. Đạo gia gọi đó là Súc Địa Mạch mà có khả năng vượt xa. Nếu đối với sắc trần mà hóa hiện thần biến thì tuy xa mà gần.

Lại nữa, có vị lão tăng ở chùa Tiến Phước, chuyên tinh trì tụng, ít có lúc khuyết sót. Nói điềm việc chưa đến, xảy ra thảy đều đúng cả. Đầu niên hiệu Thái Hòa (827), Tướng Quốc Vi Công đối xử nồng hậu đãi trọng Không môn, liên tiếp nhiều tháng riêng thỉnh các Sa-môn danh đức thiết trai cúng dường. Lão tăng thấy Vi Công vừa mới đăng dong, bèn bảo rằng: "Kỳ lạ thay! Tướng công có được chỗ qua đời tốt đẹp như thế!" Mọi người đều không hiểu. Sau, nhân đối tấu trước ngai bệ vua Văn Tông, Tướng công vội vã nên bị té nơi thềm cấp điện, lúc khiêng ra cửa điện thì đã tắt thở. Mới nghiệm lời Lão tăng nói chết ở

trong điện, nên trước kia Sư bảo là "được chỗ qua đời tốt đẹp". Lúc đó là khoảng niên hiệu Khai Thành (836 - 841). Sau không biết Sư tịch ở đâu.

20. Truyện ngài Thần Giám trụ núi Linh Tú ở Đường Châu thời Tiền Đường:

Thích Thần Giám, họ Hàn, người ở xứ Tầm Dương. Thuở bé, Sư thuần tĩnh lặng, chẳng xen tạp với các đứa trẻ khác. Cha của Sư là nhân viên huyện Tề An, tâm rất quy hướng Phật pháp, thường ở nơi dinh sở thiết trí tôn tượng, thỉnh mời tăng chúng tụng kinh bái sám, xướng trỗi pháp nhạc. Sư vốn có dáng vẻ xinh đẹp, luôn theo chư tăng chẳng tạm rời, cầu xin xuất gia. Cha mẹ Sư không phương kế gì để ngăn cản được. Sư bèn đến chùa Đông Lâm, dưới pháp tòa Thiền Sư Trinh Tố cầu xin tu học. Sau giảng thông Kinh Đại Niết-bàn, Sư bèn đến dự chương ở phương Nam, tham vấn Thiền sư Đại Tịch rồi tiếp tục đến phía Tây Bắc núi Hoài An và ở tại đó. Núi đó trước kia có nhiều thú dữ, cứ đến gần trưa hay phá hoại. Kể từ lúc Sư đến ở thì tai họa bởi hổ cũng biệt tăm, mọi người xa gần đều khen ngợi. Bỗng có một người nam đội khăn, vén tóc ngang bằng, hướng về pháp tòa lễ kính rất tôn trọng, trong chốc lát liền biến mất. Bảy ngày sau có người mang đội mão xiêm uyễn dị ở trước phương trượng của Sư bay lên hư không xướng lời rằng: "Đại Sư đây thật là pháp bảo, khai mở mắt mũi cho trời người nên đến báo". Đồ chúng nghe thấy, biết Sư đạo cao. Sư thị tịch vào niệu hiệu Hội Xương thứ 4 (844). Đến ngày 15 tháng 8 nhập tháp.

Hễ là người tu hành đắc đạo thì địa thần báo với không thần, lần lượt cho đến cõi trời Hữu Đãnh, ở đây thấy rõ.

21. Truyện ngài Thanh Quán trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai thời Tiền Đường:

Thích Thanh Quán tự là Minh Trung, người ở xứ Lâm Hải, họ Khuất. Lúc mới sanh, giữa các kẻ ngón tay ngón chân đều có màng mỏng liền nhau, như trong kinh gọi là "Võng man tướng". Đến độ tuổi nhi đồng, Sư có thần thái thông minh trội vượt, bèn phát chí xuất trần. Sư bèn đến chùa Quốc Thanh nương Luật sư Nguyên Chương, chấp trì bình bát, cha mẹ không ngăn trở được. Như chim Ca-lâu-la mổ xé muôn trùng vây. Năm mười tám tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Bởi do căn lành đã trồng sâu từ trước nên Sư ngộ giải thiên nhiên. Giáo văn của Thiên Thai, Sư thấu suốt tam quán, kiêm đắc đại định sâu mầu, thần dị cảm thông,

chúng ta chẳng thể biết được. Chỉ một thời gian ngắn, Sư xem đọc Bách Gia nên càng thông Tam Giáo. Sư khéo thuộc văn lại có sở trường thơ bút. Phàm các bang bá du hiên đều ảnh hưởng đạo phong của Sư mà đến tham yết. Ngài trì tụng như nghiêm quân, nên vừa trông thấy thì liền nể sợ kính phục, chỉ đến nơi kỷ trượng để tiếp đãi quý nhân. Nếu có người cúng thí vật báu, Sư đều đưa hết vào của thường trụ, không chứa nhóm riêng tư. Có người nói với Sư rằng: "Quý nhân cúng dường Sư đều là thí riêng, sao Ngài chẳng để riêng mình sử dụng?" Sư đáp rằng: "Còn hận chưa thể xả bỏ đầu mắt, huống gì là của cải trong đời!"

Đầu niên hiệu Đại Trung (847), chùa viện trong nước được trùng hưng, Sư vào kinh thỉnh Đại Hồng Chung về chùa để đóng và trùng huyền sắc ngạch, thì nhờ Hiền Viện Học Sĩ Liễu Công Quyền để viết. Liễu Công Quyền lại có bài thơ đề tựa"Tiễn đưa Sư trở về phương Đông". Sư lại đi thỉnh tạng Kinh về chùa. Năm Quý Dậu (853), thuộc niên hiệu Đại Trung, tại Giang Biểu có nhiều người bị đói khát mà chết, Sư bèn dốc hết lương thực mà ban thí cho họ.

Kế nữa,trong sơn tăng có Ngài Vật Ngoại Độ Hoang, tự nhập thất thiền định, bảo với đệ tử rằng: "Nếu ta không chết thì đến lúc lúa thóc chín, nên gõ khánh để dẫn ta ra!" Qua như lời nói, tới năm sau Sư mới xuất định. Một hôm, có người ở Khê Nam thỉnh Sư đến chứng trai diên thường cách xa chùa hơn hai mươi dặm. Đêm đó nước khe suối dâng tràn, không người nào vượt qua được nên cho rằng "Sư không đến". Chỉ trong khoảnh khắc thì Sư đến và cũng không bị thấm ướt gì. Tác dụng thần diệu của Sư có thể biết như thế nào, mọi người đều lấy làm lạ. Dân chúng xa gần đến chiêm lễ ngày một đông đảo, ồn ào phiền nhiễu đáng chán, Sư bèn sang núi Thúy Bình lập lan-nhã ở riêng một mình. Kế đó thì chúng tăng ở núi Thiên Thai lại thỉnh Sư làm Tăng chánh, Sư giả vờ rồ dại mà ẩn tránh. Châu Mục Đỗ Hùng bèn tấu trình lên vua Chiêu Tông ban sắc tặng Sư y phục sắc tía, Sư nghe thế mà như buồn lo không vui. Sau, không bịnh tật gì mà Sư thị tịch.

22. Truyện ngài Hy Vận trụ núi Hoàng Bá ở Hồng Châu thời Tiền Đường:

Thích Hy Vận, người đất Mân. Vào tuổi đến trường làng, đồng bạn đều xem Sư là người thông minh nhanh nhẹn. Sư bèn giã từ thân thích đến chùa Hoàng Bá, ở Cao An xin xuất gia. Tới tuổi trưởng thành, thân lượng giảm dần, vương thương giảm bớt một thước, nơi ngạch cửa lớn đề hiệu là "Nhục Châu". Nhưng Sư thoải mái, chẳng ràng buộc mà

người chẳng lường được. Sư vân du đến núi Thiên Thai, gặp một vị tăng cùng đi, nói cười tự tại. Sư lén nhìn vị tăng ấy trong ánh mắt lóng lánh ngời sáng như bắn tóe vào người, cùng sánh vai mà đi. Đến cùng đường gặp một khe lớn, nước bồng bềnh tràn ngập. Sư bèn cầm nón chống gậy mà đứng. Vị tăng ấy đốc thúc Sư lội qua, Sư bèn nói rằng: "Sư cần lội qua cứ lội". Nói xong, vị tăng đó liền vén áo đạp sóng đi qua như bước trên đất bằng không thấm ướt gì. Khi đã đến bờ kia rồi, vị tăng ấy xoay lại đưa tay vẫy gọi bảo Sư: "Lội qua!". Ngài chỉ tay quở rằng: "Ôi! Nếu tôi sớm biết thì đã chặt chân ông". Vị tăng ấy ngợi khen rằng: "Sư thật là pháp khí Đại thừa, tôi đây không sánh bằng. Giả sử có làm tổn thương, tôi chỉ nhận lấy nhục mà thôi!". Rồi trong khoảnh khắc đã biến mất. Sư bàng hoàng chợt tỉnh.

Đến lúc Sư đãng du chốn kinh quyết, đến một ngôi nhà, nghe sau cây ngăn che có tiếng bà lão nói: "Rất không nhàm chán!". Sư hỏi: "Chủ chẳng đãi khách, làm sao không chán?". Bà lão bèn mời Sư vào cúng dường. Sư thọ thực xong, bà lão nói: "Thân hèn năm chương hổ then từng đến đảnh lễ Quốc sư Tuệ Trung. Xin khuyên Sư hãy sang tìm Thiền sư ở núi Bách Trượng. Chỗ đáng ghi nhớ, lồng lộng thay! Lớn lao thay! Thật là pháp khí Đại thừa! Sư nhớ nghĩ nhận hai lời dự ký vừa qua là đồng, bèn trở lại Hồng tỉnh, gặp được Thiền sư Hoài Hải khai rõ tâm thú, danh tiếng càng cao, và Sư bèn vâng lệnh đến ở tinh xá Hoàng Bá.

Bấy giờ, Thăng Bình tướng Bùi Công Hưu rất khâm phục kính trọng Sư nên đến lễ yết, có đề thơ dâng tặng Sư, đề rằng:

"Từng truyền ấn trong tâm Đạt sĩ
Ngạch có châu tròn, thân bảy thước
Treo gậy mười năm gá đất Thục
Chén nổi ngày nay lội sông Chương.
Một ngàn long tượng theo bước cao
Muôn dặm hương hoa kết nhân tốt.
Nguyện muốn thờ thầy làm đệ tử
Không biết trao pháp cho người nào!

Cho nên Bùi Tướng Công đắc pháp xuất phát từ môn tịch của Sư.

Vào niên hiệu Đại Trung (847 - 860) Sư thị tịch tại chùa. Vua Tuyên Tông sắc phong thụy hiệu là "Đoạn Tế Thiền Sư", tháp tên là "Quảng Nghiệp". Sư có ngữ lục lưu hành ở đời.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 21

CHƯƠNG SÁU: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 4 CỦA CHƯƠNG VI

(chánh truyện có mười tám vị, phụ có ba vị).

1. Truyện ngài Thần Anh trụ viện Pháp Hoa ở núi Ngũ Đài thời Tiền Đường:

Thích Thần Anh, không biết Sư họ gì. Có túc duyên ngộ đạo, năm mới lên tuổi tết tóc, Sư theo thầy, phúng tụng siêng năng, suốt ngày đêm chẳng trễ nải, biếng lười. Năm đang tuổi Sa-di, Sư được thọ giới Cụ túc. Sau mới chống tích, ôm bát du tìm hỏi tri thức. Sớm thông được huyền thoại, giỏi cả Kinh Luận. Sư lần lượt đến tham yết Thiền sư Thần Hội. Ngài Thần Hội nói với Sư rằng: "Ông có duyên ở núi Ngũ Đài, nên chóng sang đó chiêm lễ Bồ-tát Văn-thù và tìm hỏi di tích".

Đã được sự chỉ bảo, vào trung tuần tháng 6 niên hiệu Khai Nguyên thứ 4, Sư đến núi chiêm lễ, ghé dừng nghỉ nơi tăng trù một ngày. Sau khi thọ thực xong, Sư đi đến Tây Lâm, bỗng thấy một Tu Viện đề hiệu là Pháp Hoa. Sư bèn vào trong, thấy một ngôi tháp Đa Bảo, đẹp đẽ rực rỡ, đồng như trong kinh Pháp Hoa nói. Ở đó có bốn cửa bằng Ngọc thạch, công đức nhỏ nhiệm sáng rỡ, thần công khó lường, mặt sau có lầu của Hộ Quốc Thiên Vương, phía trên có tôn tượng hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền bằng ngọc thạch. Ở trước Tam môn có mười ba gian, trong cửa hai bên có hành cung đạo tràng. Đó là nghi trượng của Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền. Ngoài tam môn, núi Trạng Đài có mười ngôi chùa, mịt mờ ngoài vật, trông xem mênh mông, thần tình lâng lâng. Sư thử ra viện, lại thấy có chúng tăng, khác hẳn những điều thường thấy, lại nhiều việc lạ lùng, dự nghi chưa quyết định, Sư lại ra cửa đi về hướng Đông chừng ba mươi bước, bỗng nghe tiếng khua đóng cửa, đưa mắt nhìn lại thì không hề thấy vật gì. Sư bèn buồn khóc tự nhủ: "Đại Thánh

giật tỉnh ta ư? Ở chốn này hẳn có duyên!” Bèn đến chỗ tháp Đa Bảo, Sư dựng am mà ở. Sư phát nguyện rằng: “Ta nương tựa Hóa Viện, xây dựng một cơ sở mà trú trì”. Sư ở chừng một tháng, tín thí đến như rừng, người quy y đông nhiều. Bèn kiếm tìm công thọ, có người cao giá thệ chẳng đáp trả, Sư bèn đến Dịch Châu xa ngàn dặm lấy ngọc thạch để tạo công đức, nhiệm mầu sáng rỡ, công đức đều thấy. Vách tường đó là vết tích của Ngô Đạo Tử bạn của Vương Phủ. Sáu Pháp tuyệt diệu, được mọi người mến chuộng. Viện đó xây dựng trước sau hoàn tất, nhân đó đặt hiệu là “Pháp Hoa”. Ngài giảng pháp và trụ trì. Ở đó bằng thẳng như kéo cắt. Sau, tự nhiên không bịnh, Sư gọi môn nhân dặn dò mà thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Mộ tháp hiện nay vẫn còn.

2. Truyện ngài Ngưu Vân trụ chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài thời Tiền Đường:

Thích Ngưu Vân, họ Triệu, người ở xứ Nhạn Môn. Thuở bé, Sư tợ như chẳng có tinh thần, đưa vào trường làng tập học mà cả ngày không biết một chữ. Chỉ khi thấy tăng ni thì chắp tay có dáng mạo như sợ sệt.

Năm mười hai tuổi, cha mẹ Sư đưa sang viện Thiện trụ ở chùa Hoa Nghiêm trên núi Ngũ Đài cầu xin xuất gia, đảnh lễ Ngài Tịnh Giác làm thầy. Thường ngày luôn bảo vác củi, gánh nước. Bấy giờ mọi người xem thường Sư ngu độn, phần nhiều hay đem điều trái ngược kết quy về Sư. Sau khi giới cụ túc, Sư càng khó tụng tập. Đến năm ba mươi hai tuổi, Sư mới dự nói rằng: “Ta nghe trên núi Ngũ Đài, thường có Bồ-tát Văn-thù hiện hình, nay ta cất bước đến dó, nếu được thấy Bồ-tát Văn-thù thì chỉ cầu được thông minh để học tụng Kinh Pháp!” Khi đó, Sư mạo hiểm xông vào trong tuyết lạnh, tâm tình chẳng thối lui sụt, đi đến đảnh Đông Đài, thấy có một ông lão ngồi đốt lửa. Sư hỏi rằng:”Tuyết lạnh như vậy, ông từ đâu đến?” Ông già đáp: “Tôi từ dưới Tứ Xuyên đến”. Sư hỏi: “Đi đường nào mà không thấy dấu giầy?” Ông lão đáp: “Tôi đến đây trước khi tuyết phủ”. Và lại hỏi Sư rằng:”Ông có tâm nguyện gì mà đi trong sương tuyết đến đây, há không khổ nhọc ư!” Sư đáp: “Tôi tuy là một vị tăng mà tự hận ngu dốt, không tụng niệm được Kinh Pháp, đến đây, muốn được trông thấy Bồ-tát Văn-thù để cầu xin có được quả báo thông minh!” Ông lão bảo: “Kỳ lạ thay!” Lại hỏi tiếp: “Đến xứ này mà không thấy được Bồ-tát Văn-thù thì muốn đến nơi nào nữa?” Sư đáp: “Muốn lên Bắc Đài”. Ông lão bảo: “Ý tôi cũng vậy”, và tiếp: “Xin mời Sư đi trước!” Sư bèn đi khắp đảnh Đông Đài rồi cáo biệt ông lão và từ hướng Tây mà đi.

Đến sẩm tối, Sư mới tới Bắc Đài, lại thấy một ông lão ngồi đốt lửa, Sư kinh hãi lấy làm quái lạ hỏi rằng: "Vừa cùng từ biệt ở Đông Đài, do đâu ông lại đến đây trước?" Ông lão bảo: "Sư không biết đi đường tắt nên mới đến trễ!" Sư tuy vâng nhận lời nói đó mà trong tâm vẫn do dự, nhưng nghi đây là Bồ-tát Văn-thù ứng hiện!" Sư bèn xưng gọi mà đảnh lễ sát chân. Ông lão nói: "Tôi là người phàm tục không nên làm lễ", Sư chỉ tham thiết lễ tình thuộc chẳng dời. Giây lâu ông lão lại bảo: "Hãy thôi lễ lạy, đợi tôi nhập định xem ông đời trước tạo hạnh nghiệp gì mà hôn mê ngu độn như vậy!" Ông lão bèn nhắm mắt, trong chốc lát lại mở mắt bảo Sư rằng: "Đời trước ông làm trâu, nhờ chuyên chở Kinh Tạng nên đời nay được xuất gia làm tăng mà ám độn. Ông hãy đến bên cạnh Long Đường lấy một cái vạc đến đây, tôi sẽ cắt bỏ thịt dư trên đầu ông thì liền sáng suốt". Sư bèn được vạc độ cho. Ông lão bảo: "Ông hãy nhắm mắt, đợi tôi bảo mở mới mở". Nhân đó Sư nhắm mắt, kế đến dường như tâm đang ở trong vạc mà thân không đau khổ. Tâm hoát nhiên tỏ rõ, tợ như trong nhà tối mà có ngọn đèn sáng, đêm dài mà có ánh trăng tròn. Sư mở mắt bèn thấy ông lão ứng hiện hình tượng Bồ-tát Văn-thù và nói với Sư rằng: "Từ nay về sau ông tụng niệm Kinh Pháp qua tai liền không quên mất, lại có nhân duyên rất lớn đối với Viện Giản Đông ở chùa Hoa Nghiêm. Ông không được lui sụt". Sư bèn vừa buồn vừa khóc, tiếp chân mà lạy, trong khoảnh khắc chưa ngẫng đầu lên thì Bồ-tát đã biến mất.

Sau đó, Sư xuống núi, tay chân chẳng tổn hại gì, tất cả các kinh điển, xem qua mắt một lần, miệng liền đọc tụng. Tháng 5 năm sau, Sư đi nhiễu quanh tháp A Dục Vương, hành đạo tụng kinh. Đến đầu canh thấy một luồng ánh sáng thẳng từ đảnh Bắc Đài đến nền tháp rất lâu mà chẳng tan. Ở trong luồng ánh sáng đó hóa hiện một ngôi lầu tháp, phía trước có bảng vàng đề là "Thiện Trụ". Sư nhớ lại lời dự ghi của Bồ-tát bèn y cứ theo lầu báu hiện trong luồng ánh sáng mà xây dựng. Sư mở mang đạo pháp, mọi người đều quý trọng.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 23 (735) tự nhiên không bịnh mà Sư thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, bốn mươi bốn hạ Lạp. Tên Sư mất chữ trước, nhân theo sự ghi nhận của Bồ-tát Văn-thù mà biết được bổn tích là trâu nên người đương thời gọi Sư là Ngưu Vân.

3. Truyện ngài Đạo Nghĩa ở chùa Thanh Lương, núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Nghĩa, người xứ Cù Châu, thuộc Giang Đông. Vào

khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742) Sư đến núi Ngũ Đài, dừng ở Viện Chúc thuộc chùa Thanh Lương. Vị Điển tọa mời khắp mọi người chuyển củi mang vác vật nặng leo lên cao. Luôn có những dáng vẻ khó khổ, Sư mang một đôi giầy tre thay đổi cùng mọi người mang vác. Nhân đó, Sư đắp mặc luôn ba áo nạp. Từ Đông Bắc mà đi có tới ba dặm. Lại ở núi Lăng-già đi xuống gặp một vị lão tăng dáng mạo già xấu dắt một đồng tử, tên tự là Giác Nhất. Lão tăng đi trước, đồng tử mời Sư vào chùa Đông Biên uống trà rồi hãy đi. Sư bèn theo vào chùa, đảnh lễ khắp các Viện. Thấy một lầu cao ba tầng, trên dưới có chín gian, tất cả đều mầu vàng lánh sáng cả mắt. Lão tăng bảo Sư hãy sớm trở về chỗ ở, ở đó núi lạnh khó ở. Sư vâng lời từ giã đi ra khỏi chùa mới chừng năm bước, ngoảnh nhìn lại chỉ thấy toàn là núi rừng, mới biết đó là ngôi chùa hóa hiện. Sư bèn trở về Trường An. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766) Sư bày tỏ nguyên do cớ sự ấy, tấu trình với Bảo Ứng Nguyên Thánh Văn Võ Hoàng Đế (tức vua Đại Tông) mong được ban sắc đặt tên chùa là "Kim Các", tuyên bảo mười tiết độ trợ duyên. Bèn mời người đến tính toán vật liệu. Có một vị Sa-môn tên Thuần-đà vì tính toán đất cát cây gỗ, xây dựng chùa Kim Các. Ngài Thuần-đà vốn là tăng chúng ở trong viện Hỷ Thước, thuộc chùa Na-Lan-Đà ở Tây Vực. Sau khi chùa xây dựng xong, vua sắc tặng danh hiệu Bất Không Tam Tạng. Không lường biết về sau, Sư tịch ở đâu.

4. Truyện ngài Pháp Chiếu trụ chùa Trúc Lâm ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Chiếu, không rõ Sư là người xứ nào. Vào niên hiệu Đại Lịch thứ 2 (767) Sư trụ chùa Vân Phong ở Hành Châu, chuyên tu không biếng trễ. Một hôm, tại tăng đường, theo chúng ăn cháo, bỗng nhiên Sư thấy trong bát cháo có áng mây lành năm mầu. Trong áng mây có ngôi chùa, cách phía Đông Bắc chùa trong khoảng năm mươi dặm lại có mốt quả núi. Dưới núi có khe, phía Bắc khe có một cửa đá, đi vào khoảng năm dặm lại có một ngôi chùa, có bảng vàng đề là "chùa Đại Thánh Trúc Lâm". Tuy mắt thấy rõ ràng nhưng tâm Sư vẫn hoài nghi. Ngày khác đến giờ thọ trai, lại cũng thấy trong bát có áng mây năm mầu, trong mây hiện rõ các chùa trên núi Ngũ Đài, đều là đất vàng, không có núi rừng dơ xấu, toàn là ao đài lầu quán, thuần là các báu trang nghiêm. Bồ-tát Văn-thù ở trong một muôn thánh chúng, lại hiện ra các cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật. Đến lúc ăn xong mới biến mất. Tâm nghi ngờ Sư vẫn chưa quyết dứt. Trở về viện, Sư hỏi chư tăng:

“Có vị nào đã từng đến núi Ngũ Đài chăng? “ Khi đó có hai Ngài Hỷ Diên và Đàm Huy nói đã từng đến, và nói đều phù hợp như những gì Sư thấy trong bát, nhưng vẫn còn chưa được tin tức về núi Ngũ Đài.

Đến mùa Hạ niên hiệu Đại Lịch thứ 4 (769), tại chùa Hồ Đông ở Hành Châu có lập một đài cao. Suốt chín tuần phát khởi năm hội niệm Phật đạo tràng. Vào giờ Mùi ngày mùng 2 tháng 6, từ xa trông thấy mây lành trên cao che phủ đài chùa. Trong áng mây có lầu gác, trong lầu các có vài vị Phạm tăng, vị nào cũng cao một trượng, cầm tích trượng hành đạo. Khắp thành quách Hành Châu đều thấy Phật A-di-đà và Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và một muôn vị Bồ-tát đều dự trong Pháp hội đó. Thân tướng các Ngài cao lớn. Những người trông thấy đều khóc mà thiết lễ. Đến hướng Tây thì biến mất. Chiều hôm đó, Sư ở ngoài đạo tràng gặp một ông lão, nói với Sư rằng: “Sư trước phát nguyện sang thế giới vàng ròng phụng hầu đức Đại Thánh, sao nay không đi?” Sư lấy làm lạ hỏi rằng: “Thời gian đường xá khó khăn làm sao đi được?”Ông lão nói: “Chỉ mau gấp đi, dường xá không gây hiểm trở”. Nói xong, liền biến mất. Sư kinh hãi vào đạo tràng, trùng phát thệ nguyện thành khẩn, ước chừng mãn Hạ sẽ đi. Dẫu cho lửa nhóm sông băng cũng không bao giờ lùi bước.

Ngày 13 tháng 8, Sư phát xuất từ Nam Nhạc cùng vài người đồng chí hướng, quả nhiên không trở ngại gì, tới ngày mùng 5 tháng 4 niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770) thì đến Huyện Ngũ Đài, xa thấy ở phía Nam chùa Phật Quang, quả như chỗ thấy trong bát không gì sai khác. Canh tư đêm đó, thấy một luồng ánh sáng từ dưới Bắc Sơn soi chiếu thẳng đến Sư, Sư mịt mờ đi vào trong nhà hỏi mọi người: “Đó là điềm gì? Tốt xấu thế nào?” Có một vị tăng đáp rằng: “Đó là ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận của Đức Đại Thánh, thường đáp lại đối với những người có duyên”. Sư nghe rồi liền sửa sang oai nghi, tìm theo ánh sáng mà đến chùa. Ở phía Đông Bắc chùa trong chừng năm mươi dặm quả nhiên có ngọn núi, dưới núi có khe. Phía Bắc khe co một cửa đá, thấy có hai đứa trẻ mặc áo xanh, chừng tám chín tuổi, mặt mũi xinh đẹp đứng ở trước cửa. Một người xưng là Thiện Tài, một người xưng là Nan-đà, cùng ngắm nhìn vui mừng thăm hỏi làm lễ, dẫn Sư vào cửa. Theo hướng Bắc đi tới khoảng năm dặm, thấy có một lầu cửa vàng, dần đến nơi cửa, thì đó là một ngôi chùa. Trước chùa có bảng vàng lớn đề là “Chùa Đại Thánh Trúc Lâm”. Mỗi mỗi đều như những gì đã thấy trong bát. Chu vi khoảng hai mươi dặm, có một trăm hai mươi phòng viện, đều có tháp báu trang nghiêm, đất ở đó thuần bằng vàng ròng. Dòng chảy, cây hoa

đầy đủ trong đó. Sư vào chùa, đi vào trong giảng đường, thấy Bồ-tát Văn-thù ở phía Tây, Bồ-tát Phổ Hiền ở phía Đông, mỗi Ngài đều ngồi trên tòa sư tử, tiếng giảng pháp rõ ràng nghe được. Chung quanh Bồ-tát Văn-thù có hơn muôn vị Bồ-tát và Bồ-tát Phổ Hiền cũng có vô số Bồ-tát vây quanh. Sư đến trước hai vị Bồ-tát đảnh lễ và thưa hỏi: "Hang phàm phu trong đời mạt pháp cách Thánh xa xôi, sự nhận biết yếu kém, cấu chướng rất sâu nặng, Phật tánh không do đâu mà hiển hiện. Biển Phật pháp thì mênh mông, chẳng hay tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất, cúi mong Đại Thánh xé trừ lưới nghi của con!" Bồ-tát Văn-thù dạy rằng: "Nay ông niệm Phật, chính là đúng lúc. Trong các pháp môn tu hành, không gì hơn niệm Phật. Cúng dường Tam Bảo, phước tuệ song tu. Hai pháp môn ấy là cần yếu nhất. Vì sao? Vì trong đời quá khứ, ta nhân quán tưởng các Đức Phật, xưng niệm danh hiệu Phật, cúng dường các Đức Phật, nên nay thành tựu trí Nhứt thiết chủng. Cho nên trong tất cả các pháp Bát-nhã Ba-la-mật, thiền định sâu mầu, cho đến các Đức Phật đều từ niệm Phật mà sanh. Nên biết niệm Phật đứng đầu trong các Pháp. Ông phải thường niệm Pháp Vương Vô Thượng, không để dừng nghỉ". Sư lại hỏi: "Phải niệm như thế nào?" Bồ-tát Văn-thù đáp: "Phía Tây thế giới này có Đức Phật A-di-đà, nguyện lực của Đức Phật ấy không thể suy nghĩ bàn luận. Ông phải xưng niệm nối nhau, đừng để đứt quãng. Sau khi qua đời chắc chắn sẽ vãng sanh, không bao giờ còn lui sụt". Nói lời ấy rồi, hai vị Bồ-tát mỗi vị đều duỗi tay xoa đảnh đầu Sư mà trao thọ ký, dạy rằng: "Ông đã niệm Phật, nên không bao lâu sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-Đề. Nếu người thiện nam tín nữ nào phát nguyện, mong chóng được thành Phật thì không gì hơn pháp môn hành tri niệm Phật, có khả năng mau chứng Vô Thượng Bồ-đề". Dạy xong, hai vị Bồ-tát cùng nhau nói kệ. Sư nghe rồi mừng vui hớn hở, lưới nghi đều dứt sạch. Trở lại đảnh lễ. Đảnh lễ xong lại chấp tay. Bồ-tát Văn-thù dạy rằng: "Ông hãy sang viện của các vị Bồ-tát lần lượt lễ bái". Thọ giáo rồi, Sư lần lượt đảnh lễ chiêm ngưỡng, và đến vườn trái cây bảy báu. Trái cây ở đó vừa mới chín, lớn như cái bát. Sư bèn lấy ăn, ăn xong thân ý thư thái, rồi trở lại trước Bồ-tát đảnh lễ mà giã từ thối lui. Sư trở lại thấy hai đứa bé mặc áo xanh tiễn ra ngoài cửa. Lễ bái xong, ngẩng đầu lên, thì mọi cảnh tượng đều biến mất. Sư càng buồn cảm gấp bội, bèn dựng lập trụ đá ghi dấu, ngày nay vẫn còn.

Lại nữa, từ ngày mùng 8 tháng 4, niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (775), Sư nghỉ ở dưới lầu phía Tây Chùa Hoa Nghiêm, mãi đến ngày 13, Sư cùng hơn năm mươi vị tăng đồng đến hang Kim Cương, tới chỗ Ngài

Vô Trước được thấy đức Đại Thánh, thành tâm kính lễ hồng danh ba mươi lăm Đức Phật. Sư mới đảnh lễ mười biến, bỗng thấy tại chỗ đó rộng rãi trang nghiêm, có cung điện lưu ly. Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền cùng muôn vị Bồ-tát và Phật-Đà-Ba-Lợi đều trụ tại đó. Sư thấy rồi chỉ tự mừng vui, sau đó theo chúng tăng trở về chùa. Vào canh 3 đêm đó, trên lầu phía Tây Viện Hoa Nghiêm, bỗng nhiên Sư thấy nửa núi phía Đông của chùa có năm ngọn đền Thánh to hơn cả thước, Sư bèn chú nguyện rằng: "Xin phân thành trăm ngọn đèn kết quy về một bờ". Bèn phân như ý nguyện. Sư lại chú nguyện phân thành ngàn ngọn đuốc, nói xong bèn phân thành số ngàn, hàng hàng đối nhau, khắp cả nửa núi. Sư lại một mình đến hang Kim Cương, cầu nguyện được trông thấy đức Đại Thánh. Hết canh 3, Sư thấy một vị Phạm tăng xưng là Phật Đà Ba Lợi, dẫn Sư cùng vào chùa Thánh (nói rõ trong chuyện Ngài Giác Cứu).

Đến Đầu tháng 12, Sư vào đạo tràng niệm Phật của Viện Hoa Nghiêm tại chùa Hoa Nghiêm, tuyệt thực làm kỳ hạn, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Đến đầu hôm ngày mùng 7, trong lúc đang niệm Phật, Sư lại thấy một vị tăng vào Đạo tràng, bảo Sư rằng: "Ông thấy được cảnh giới ở núi Ngũ Đài, vì sao không nói?" Nói xong liền biến mất. Sư nghi vị tăng đó cũng định không nói. Hôm sau, vào giờ Thân, cũng trong lúc đang tụng niệm, lại thấy một vị Phạm tăng, tuổi chừng tám mươi, đến nói với Sư rằng: "Sư thấy được cảnh giới linh dị ở núi Ngũ Đài, sao không truyền bá chỉ bày cho khắp chúng sanh biết, giúp cho những người thấy nghe phát tâm Bồ-đề, gặt hái được lợi lạc lớn lao ư?" Sư nói: "Thật không có tâm niệm che dấu bí ẩn về Thánh Đạo, chỉ sợ người sanh nghi phỉ báng. Vì thế nên không nói". Vị Phạm tăng ấy bảo: "Đức Đại Thánh Văn-thù hiện tại núi này còn vời sự phỉ báng, huống gì cảnh giới mà ông thấy được, chỉ khiến chúng sanh những người thấy nghe phát tâm Bồ-đề làm duyên trống độc". Sư nghe lời ấy rồi bèn tùy sự nhớ biết mà ghi chép lại.

Bấy giờ vào niên hiệu Đại Lịch thứ 6 (771) vào tháng giêng, có Sa-môn Thích Tuệ Tùng ở Giang Đông cùng các Sa-môn Sùng Huy, Minh Khiêm... hơn ba mươi vị ở chùa Hoa Nghiêm, theo Sư đến hang Kim Cương, đích thân gần chỉ bày viện Bát-nhã, dựng trụ đá để ghi dấu. Khi đó cả đồ chúng thành tâm chiêm ngưỡng. Buồn vui chưa thôi, bỗng nghe có tiếng chuông, âm vang êm ái, tiết giải rõ ràng, cả chúng đều nghe, rất đối kinh dị. Xét những điều đã thấy thật không luống dối, nên viết lại trên vách thất, khiến khắp mọi người thấy nghe đều phát tâm cao quý, cùng cầu Phật tuệ. Từ đó về sau, Sư lại y cứ vào chỗ chùa Trúc

Lâm hóa hiện đã thấy mà xây dựng một ngôi chùa trang nghiêm rực rỡ và lấy hiệu là "Trúc Lâm".

Lại nữa, đến ngày 13 tháng 9, niên hiệu Đại Lịch Thứ 12 (777) Sư cùng tám vị đệ tử ở Đông Đài, đôi ba phen thấy ánh sáng mầu trắng, kế đến có mây lạ kéo đen nghịt. Trong mây mở thấy ánh sáng năm mầu soi suốt thân mình. Trong ánh sáng ấy lại có vòng sáng mầu hồng, Bồ-tát Văn-thù cưỡi sư tử lông mầu xanh, cả chúng đều thấy rõ. Kế đến có tuyết mịn rơi xuống và vòng sáng năm mầu phủ trùm cả hang núi. Các đệ tử cùng thấy với Sư như Sa-môn Thuần Nhất, Duy Tú, Quy Chính, Trí Viễn, Sa-di Duy Anh, Ưu-bà-tắc Trương Hy Tuấn, v.v...

Sau, Sư dốc lòng bền chặt, tu luyện không bỏ thiếu, và không rõ về sau Sư tịch ở đâu! Ráng Châu Binh Duyện Vương Sĩ chiêm thuật lại bài ký chùa Thánh.

Liên hệ thử bàn:

Các Đức Phật thành tựu ba thân hẳn ở ba cõi nước. Hiển bày chánh báo, y báo trang nghiêm, Bồ-tát chưa thấm tên cõi nước mà chỉ gọi là trụ xứ, tu nhân làm thanh tịnh cõi nước Phật, tùy sanh vào nhà Phật. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có phẩm nói về "Trú xứ của Bồ-tát ". Kinh Bát Tự Đà-la-ni chép: "Đại nguyện lực của Bồ-tát Văn-thù cùng Phật đồng cảnh giới". Cảnh giới thanh tịnh thì nói Pháp thanh tịnh, cho nên ba cõi nước nghĩa ngang nhau.

Có người hỏi rằng: "Trong các kinh nói Phật trụ tại thành Vương-Xá v.v... há chẳng phải là trú xứ ư?" Thông đáp: Ở đây nghĩa thì đồng mà tên gọi thì khác nhau. Hoặc có thể là trên đạt được kiêm luôn cả dưới. Lại như cung viện Đâu-suất là Tịnh Vực của bổ xứ. Các núi Bảo Đà Lạc, Thanh Lương, Chi Đề v.v... đều là những cõi nước do tịnh thức của các vị Bồ-tát biến hiện ra. Như vậy thì Tịnh Độ và trú xứ nghĩa đồng mà tên khác. Như chỗ Ngài Pháp Chiếu vào chùa Thánh Trúc Lâm được trông thấy Bồ-tát Văn-thù là tịnh cảnh. Ngoài ra như các chỗ khác tới đỉnh núi thấy ông lão và hai đứa trẻ, v.v... là uế độ được trông thấy bậc Thánh.

5. Truyện ngài Thường Ngộ ở Bí Ma Nham, thuộc núi Thanh Lương, thời Tiền Đường:

Thích Thường Ngộ, họ Âm, người ở xứ Uyển Dương. Xuất gia tại chùa An Tập ở Yên Bắc. Bụng dạ Sư phóng khoáng, đạo mạo thanh bạch cao kỳ. Sư ẩn dật nơi chốn lâm tuyền, lánh thoát thanh danh lợi lộc.

Niên hiệu Đại Trung thứ 4 (850), Sư chống tích lìa đất Yên, một mình dấn bước đang lúc gió tuyết lạnh rét, ngàn dặm vượt qua năm non, đến giảng đường Bồ-tát ở chùa Hoa Nghiêm, chiêm ngưỡng tôn dung Bồ-tát Văn-thù. Xả thí ngón giữa tay phải, dùng mỡ thơm rót vào lửa nóng mà đốt. Ánh sáng vượt cao soi suốt nửa ngày mà sắc mặt Sư vẫn an nhiên. Kế đến, Sư đi khắp các Thánh cảnh trước sau trọn hai năm. Những điềm lành tướng tốt Sư trông thấy không thể ghi lại hết. Sau, Sư đến Tây Đài gặp một Thánh tích xưa đề là "Bí Ma Nham", là nơi Bồ-tát Văn-thù hàng phục rồng. Sư cúi đầu trong chốc lát, bỗng thấy mây nhẹ ánh sáng mầu vàng rực rỡ lóe mắt, dần phân thành tường ngắn phương thế như thành, tất cả đều là thế giới vàng ròng. Hóa sự vừa xong, Sư bèn hỏi về chỗ đó, có một vị tăng bảo rằng: "Đó là chỗ các cổ đức thường dừng ở, nước tặng hiệu là Kim Quang Chiếu Đại Sư. Danh tiết cao vợi, thần dị chẳng thể lường, ghi chép đồ ký mọi người đều chiêm ngưỡng". Sư buồn vui lẫn lộn cảm động thời gian lâu mà chẳng thôi, bèn cất am ranh ở đó, tẩy rửa lo nghĩ, gạn lọc tinh thần. Sư nhập Tam-ma-đề thường mỗi lần là bốn mươi chín ngày. Chim bày mưa hoa, người nhóm mây hương, phẩy cao tay áo, vén y phục đến quy y đông như chợ. Sư bèn xây cất miếu Phật tăng phòng, suốt mười bảy năm chẳng xuống núi. Hằng ngày đem chín hội Tạp Hoa, năm bộ Đẳng Pháp, ngoạn thưởng Pháp vị, thời khóa tinh cần, chẳng để tấc bóng luống không. Sư hiểu rõ Thánh lực ngầm thông, Đạo vượt cảnh phàm, sự hoặc lễ hỏi, chủ trương khác chẳng tìm, các hàng sĩ thứ ảnh hưởng tựa nương khắc niệm như Thánh.

Mãi đến cuối thời vua Ý Tông (874) Sư sửa đổi khuôn phép cũ. Hoặc vỗ tay lớn, hoặc gỗ đá phát tiếng lạ, giống như thọ Ký của Thường Bất Khinh, đồng như giả vờ khờ dại của Sở Khách, đến lúc họa phát, ở trung nguyên giặc cướp giao thẳng san bằng, vất bỏ cung hồ loạn lạc mông trần. Nhân đó xét lời Sư nói rất khế hợp. Bấy giờ, gặp lúc Hà Đông Võ Hoàng từ xa nghe chân đức đến núi rất kính tin. Qua tháng 4, niên hiệu Văn Đức thứ nhất (888) sai Thứ Sử Hiến Châu là Mã Sư Tố truyền ý muốn thỉnh mời, Sư nói: "Ân sủng trong đời là phù hoa, vì sao lụy đến tôi như vậy ư?" Và kiên trì chống cự, xa bày xác thực chẳng dời đổi. Đến ngày 18 tháng 7, năm đó, Sư gọi đệ tử đến bảo rằng: "Các ông nên giữ gìn giới luật, khéo sống những ngày còn lại. Ta cùng các ông quyết biệt!" Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi mốt hạ Lạp. Môn nhân là Thái Văn v.v... buồn thương nghẹn ngào. Tới ngày 18 tháng 4 niên hiệu Long Kỷ thứ nhất (889) trà-tỳ, thâu nhặt được mấy mươi viên xá-lợi. Văn Công kiên trữ hiếu tư, biểu

dương xây dựng linh tháp, ngậm buồn vào ra tìm đến Thiên Phủ, Võ Hoàng ban tặng thêm v.v... Văn Võ tôn sùng, Mục thủ các Châu như Lam Hiến, v.v... lệ khắc thanh bổng, hổ trợ nhân tốt, kiến tạo mộ tháp. Đến ngày 25 tháng 9 là xây xong gò tháp.

6. Truyện ngài Vĩnh An ở phủ Thành Đô thời Tiền Đường:

Thích Vĩnh An, người ở xứ Hồng Nhã, thuộc My Châu. Thân hình Ngài nhỏ thó, sắc mặt đen sạm, nói năng thô lỗ mà thức lượng khoan thứ. Đại khái là không thể lường được.

Tháng 3 niên hiệu Đại Trung thứ 8 (867), Sư đến thành đô, tới yết kiến phủ Soái Bạch Công Mẫn Trung xin tấu trình biển ngạch chùa, Sư dùng túc bạt My dư mà đến, mọi người đều chưa từng thấy, Ngài bước lên nhà xí mà tiểu tiện. Nên người thời bấy giờ gọi Sư là “Vô Lậu Sư” và an trí Sư ở chùa Thánh Thọ, trong mười ngày Trung Lệnh sai năm, sáu vị tăng ngày đêm cùng nhau gìn giữ mà dò xét. Trong ngoài ăn uống với người thường, không giải y mà đi, bỏ ý hai hàng, tỏ rõ sự tích chứa của mười ngày. Đại tiểu tiện nơi nào rốt ráo không thể biết. Tư Đồ Bạch Công tấu trình biển ngạch. Đến ngày Sư bèn giã từ My Bộ. Phán quan Lư Cầu thấy thế cho là Sa-di nhỏ. Có người bảo: “Sư ấy tuổi đã ngoài tám mươi vậy!”

Liên hệ thử bàn:

Người dân xứ Thục cho rằng Ngài Vĩnh An là Vô Lậu Sư là chẳng đúng. Hễ dứt phiền não, thì chẳng còn tùy tăng, nên không bao giờ gieo trồng, chứa nhóm, mới gọi là Vô Lậu. Nay sự thừa thải của thức ăn uống kết quy về chín lỗ bài tiết. Ngài Vĩnh An dừng hai lỗ chẳng lưu xuất. Trong Luận Du-già chép: “Không có phần bức não bên trong, nhưng vị thứ ấy nhẫn trú khó biết. Ăn nếm như thường, do duyên gì chẳng lưu xuất ở hai lỗ bài tiết. Về Quán, trong Luận Đối Pháp nói có Thanh Tịnh Y chỉ Trụ, thực là thực hiện hai thứ, y chỉ trụ thực thì đó là La-hán và Bồ-tát, chư Phật vậy. Nếu thế thì Ngài Vĩnh An là thị hiện y chỉ trú thực. Tuy ăn mà chẳng ăn, cặn bả uế đục làm sao sanh? Cho nên, dùng chánh danh để gọi thật thể của Sư.

7. Truyện ngài Tuệ Văn trụ chùa Linh Thạch ở Cù Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Văn, người xứ Tín An, Sư thường khuyên đàn việt tu tạo phước nghiệp là trên hết. Sư từng nói: “Chưa dự được Thánh vị, còn trôi lăn trong năm đường, nếu không có phước lấy gì nương tựa”. Ngài

từng ở Cốc Giang chú đúc tôn tượng thân vàng trượng tám. Trong Châu quận chưa chấp thuận đồng từ đâu có. Sư lại bảo: "Chờ đợi bảy đại thí chủ". Tự nhiên có hai vợ chồng ở huyện Thanh Khê đem cái gương đến xả thí. Sư chú nguyện cho họ rằng: "Cái gương cổ này lúc chú đúc nếu nằm ngay trước tim Phật, ấy mới là sự chí thành phát tâm của hai vợ chồng". Đợi đến lúc rã khuôn tượng, quả nhiên gương kia nằm ở ngực tôn tượng Phật.

Ngài lại từng đến Dự Chương khuyến hóa, quyên được vài dật vàng ròng, bỗng gặp giặc muốn cướp lấy. Trong lúc gấp rút Ngài bèn ném vàng xuống nước và nói rằng: "Sợ tổn mất ruộng phước của quân tử, xin tự mò lục mà thả tôi". Sư đi rồi, bọn giặc lặn hụp xuống dưới nước tìm cầu mà không được. Khi Sư về tới Châu thì vàng đã thầm ở trong phòng viện. Như người làm việc nặng nhọc dùng thợ chẳng lánh cơ hiểm. Được vật thấy nhiều, sư nắm cá xỏ suốt cho các người thợ. Lại ở đường núi có hổ báo, Sư gặp nó, bèn lấy gậy gõ vào đầu nó bảo: "Ngươi chớ hại người. Ta tạo công đức sao chẳng đến kết duyên?" Ngày hôm sau, hổ ngậm con heo đồng đến bỏ trước mặt Sư rồi chuôi đuôi mà đi. Phàm Sư đề cử làm việc gì thì đều thành tựu. Mọi người quy hướng kính tin như dòng chảy. Sư thường hiển hiện lắm điều kỳ dị.

8. Truyện ngài Vô Lậu trụ hạ Viện Linh Võ ở Sóc Khương, thời Tiền Đường:

Thích Vô Lậu, họ Kim, là con thứ ba của vua nước Tân-la. Tại bổn thổ dùng địa cư ấy Đích Trưởng, sắp lập Trữ Phó, mà Sư từ thuở bé đã kính mến sự khiêm nhường của Diên Lăng, nên nguyện làm Thích Ca Pháp Vương Tử. Bèn trốn nương thuyền biển đi đến Trung Hoa. Muốn tới năm xứ Ấn Độ đảnh lễ tám tháp thờ Phật. Sư đã qua sa mạc, vượt đến Vu-điền, ở phía Tây sắp đến thành cổ ở Thông Lãnh, vào trong Đại Già-lam. Trong đó các Tỳ-kheo đều là những vị tăng không thể suy lường, hỏi Sư rằng: "Ý của hữu lậu thường đến, chưa có kỳ tiết mà đến Thiên Trúc?" Có vị tăng bảo rằng: "Xưa ghi vô danh chưa thể liền đi. Tại đây có ao rồng dữ, hãy đến đó giáo hóa, nếu có ứng nghiệm mới có thể chóng vượt".

Sư theo lời thỉnh mời đó, bèn đến nơi bờ ao, chỉ thấy một chiếc giường người Hồ, Sư bèn ngồi. Đến lúc đêm sáp hết, bỗng nhiên sấm sét vang dậy, quái vật nhả khí, bồng bột các thứ biến hiện làm lóa mắt bất thường. Sư nhắm mắt không nhúc nhích, thí như cây gỗ đứng chót vót, làn gió nhẹ có thể làm khuynh động ư? Gìn giữ giây lâu, có con

rắn lớn trương đầu lên đùi vế Sư, Sư rất thương tưởng nó nên trao cho pháp ba Quy y rồi nó bò đi. Nó lại hiện hình ông lão đến cảm tạ, thưa rằng: “Được Sư độ thoát, nghĩa không ở lâu, ba ngày sau tôi sẽ xả bỏ y báo đau khổ của loài lông vảy, được sanh về nơi tốt lành. Từ đây di về phía Nam có một tảng đá lớn, đó là chỗ đệ tử xả bỏ thân hình, cũng mong Sư khi rảnh rỗi có thể sang tìm nhặt hài cốt cho”. Sau, thấy thân nó lớn dài ngã trên tảng đá, tăng chúng trong chùa đều thầm lặng mà hứa thuận. Lại nói rằng: “Người cầu nguyện sang Thiên Trúc, ở đây có Thánh tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, cầu nguyện không luống ứng, nên hãy đến khẩn cầu. Nếu được điềm lành thì nên đi, chớ nghi ngờ”. Sư bèn đến đứng trước thánh tượng nhập thiền định suốt bốn mươi chín ngày, thân bị bịnh hư thủng, song không nghiêng tựa. Chợt có một con chuột nhỏ như viên đạn gặm vỡ ngang chân trái Sư, nước mủ mầu vàng tuôn chảy chừng vài đấu mà lành. Đến lúc mản hạn, Sư có được điềm ứng. Chúng tăng nói với Sư rằng: “Thấy Sư hóa duyên hợp tại đất nhà Đường (Trung Hoa), tâm còn hóa vật lợi ích lớn nhiều. Chân nỏi mệt mà du phương không thêm sự thấy nghe, chẳng nên gượng hóa. Dó là điều Sư đáng biết vậy”. Trong ý Sư cho đó là lời của Thánh Hiền hẳn không nói khống. Lúc sắp đi lại bảo với Sư rằng: “Gặp Lan thì trụ”.

Trên đường trở về có một ngọn núi tên là Hạ Lan, Sư mới nhớ lại lời dự ghi trước, bèn vào trong đó, có được hang cốc cỏ trắng, Sư liền kết cỏ dựng am mà ở. Tự nhiên, binh lính An Sư nổi loạn ở Lưỡng Kinh phản đảng. Vua Huyền Tông bèn đến đất Thục, Túc Tông huấn luyện binh lính Linh Võ. Vua thường mộng thấy một người thân mầu vàng ròng xưng niệm danh hiệu Phật Bảo Thắng ở trước ngai vàng. Hôm sau đem việc trong mộng hỏi người hầu cận. Có người trả lời rằng: “Có vị Sa-môn mà không biết rõ hành trạng, tung tích hiện ở tại Bắc Sơn, và thường tụng niệm danh hiệu Đức Phật ấy”. Vua Túc Tông mới tuyên cáo thỉnh mời, nhưng Sư không xuất định. Vua bèn bảo Sóc Phương Pháp Nguyên Soái Trung Thư Lịnh Quách Tử Nghi gần gũi sang dụ thỉnh Sư, Sư bèn chấp nhận đến. Vua trông thấy Sư liền nói rằng: “Thật là người thấy trong mộng!”. Đến lúc Yết Lỗ bình yên, Thúy Hoa bình phục, Vua thỉnh Sư an trú trong nội tự, thiết lễ cúng dường. Sư xem như khỉ khinh khóa vàng, chim chán lồng chạm, nhiều lần Sư dâng biểu trình bày muốn trở về chỗ ẩn cũ. Trong tâm vua rất quyến luyến mến trọng nên đáp chiếu muốn Sư ở lại thêm một thời gian, chưa dược toại nguyện trở về núi, thì không bao lâu Sư đã thị tịch. Một ngày nọ, trên cánh cửa phải của nội cung, Sư hóa hiện thành hai chân, thân hình cách

hổng đất chừng vài thước. Quan lính giữ cửa lên tấu trình, vua liền cưỡi kiệu bộ đích thân đi đến chỗ đó, thấy được di biểu của Sư xin đưa về an táng dưới núi, nơi Sư ẩn cư ngày trước. Vua liền y cứ theo đó. Mọi sự trong lễ tang đều do các quan lo liệu cung cấp. Vua mới truyền bảo môn phiến thiết đặt lễ điện, sai Trung Thứ Giám Hộ, Hàm bộ đưa dẫn.

Trước kia, Sư hành hóa phần nhiều là ở huyện Hoài Viễn, nhân đó mà thiết đặt dinh sở, gọi đó là Hạ Viện, lễ tang đến đó, thần tòa không thể giở lên được, mọi người bàn với nhau dời vào an trí trong nhà riêng. Lúc đó nhằm niên hiệu Thượng Nguyên thứ 3 (762). Đến nay, chân thể Sư vẫn an nhiên không biến hoại. Trong chỗ Sư nằm là cửa cấm, là chỗ hiện điềm ở đương thời, hiện nay vẫn còn.

9. Truyện ngài Bảo Đạt trụ chùa Linh Ẩn ở Hàn Châu, thời Tiền Đường:

Thích Bảo Đạt, không biết Sư là người xứ nào, Sư ẩn cư tại danh sơn, cao lớn đạo vọng, hiệu là Sát Lợi Pháp Sư. Sư thường xuyên hành trì Mật chú. Trong phòng viện của Sư có sàng giường Ấn Sa và gương chiếu Phật.

Sư đến Chiết Giang, gặp lúc gió to sóng lớn, làm hại rất lớn. Khi triều dâng lên thì sóng bắn lên các núi trên Kim Hồ. Sư buồn thương cho cảnh đất dâu mè đều biến thành sông, bèn trì tụng chú để ngăn cản bớt tai họa bởi sóng thần. Đêm dó giữa cơn sóng dữ dưới sông có một người to lớn, đội mũ cao đen, mặc áo mầu đỏ dẫn theo tùy tùng rất đông mà đến, thưa với Sư rằng: “Đệ tử là Ngô Ngũ Viên, báo thù rửa hận, chẳng phải người khác. Với từ tâm vì vật của Sư, đệ tử đã vâng mạng!”. Nói xong liền biến mất. Sáng hôm sau, chúng tăng trong chùa lấy làm lạ hỏi rằng: “Đêm qua có tiếng náo động xe ngựa là của ai đến vậy?” Sư bèn kể lại đầu đuôi sự việc ấy. Sư có sự thầm cảm thần lý phần nhiều đồng loại như vậy. Từ do ở bờ phía Tây cát đất bồi đắp, chỉ chừng một năm trả lại sự gieo trồng ích lợi cho bá tánh. Bấy giờ, mọi người cùng khen ngợi Sư hợp nhiên mà phô diễn sự hoằng hóa. Về sau, không biết Sư mất ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Giường Ấn-Sa là gì? Thông đáp: Kẻ sĩ có Đạo ở nơi núi rừng hẳn chẳng có đồ vật quý báu, nghi là dùng cát sông theo khuôn phép khéo léo tạo thành giường. Gương chiếu Phật là gì? Thông đáp: Tức gương đèn vậy. Vì vào khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785 - 805) có Lục Hồng Tiệm nhiều lần đến núi ấy ghi chép, ghi lại về Sư Bảo Đạt tiết

kiệm mà dụng tâm điều độ.

10. Truyện ngài Ẩn Phong trụ núi Bắc Đài ở Đại Châu thời Tiền Đường:

Thích Ẩn Phong, họ Đặng, người ở xứ Thiệu Võ, thuộc Kiến Châu. Thuở bé Sư ngu độn, chẳng vâng lời cha mẹ. Sau khi xuất gia thọ giới, Sư bắt đầu du phương tham quán. Được Thiền Sư Nam Tuyền ở Trì Dương bảo lấy bình tấm, để cử tương ưng mà được Nguyện Công chấp thuận. Về sau Sư nối Pháp Thiền Sư Mã Tổ!

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), Sư nói đến núi Ngũ Đài, xuất phát ra đi từ Hoài Tây, gặp phải Ngô Nguyên Tế cậy binh lính chống cự Vương mạng, quan quân giao nhau với giặc, đánh nhau chưa phân thắng bại. Sư nói: "Ta phải đi hóa giải sự giết hại ấy!" Bèn ném tích trượng giữa hư không, phi thân nhiễm nhiễm tùy đi qua giữa hai bên quân trận. Chiến sĩ mỗi người thấy vị tăng bay qua bất giác rút mác cho vào vỏ, thế rồi, Sư vân du khắp các xứ linh tích, tình cờ đến trước hang Kim Cương, chổng ngược thân mình mà thị tịch, dong dõng tự nhiên, thẳng đứng như cây trồng. Khi đó, mọi người bàn với nhau đào một linh huyệt trước rồi khiêng vác đến mà thiêu đốt, nhưng nhục thân Sư an định như núi, dốc hết sức lực mà chẳng lay động. Xa gần mọi người đến chiêm ngưỡng, trông thấy kinh hãi mà khen ngợi ly kỳ. Sư có người em gái xuất gia làm Ni đi đến Ngũ Đài trừng mắt quát rằng: "Lão Huynh! ngày trước làm điều chẳng theo luật pháp, đến lúc chết còn mê hoặc mọi người. Bây giờ mọi người đều đã biết. Em tuy là cốt nhục nhưng đâu dám kéo dắt sai lầm ư! Xin theo lẽ thường vậy!". Rồi đưa tay đẩy nhẹ tự nhiên nhục thân Sư ngã té, bèn trà-tỳ và thâu nhặt xá-lợi mà nhập tháp. Đề hiệu là "Đặng Ẩn Phong" có để lại một bài tụng rằng:

"Độc huyền cầm tôi vì anh gảy
Thông bách xanh hoài chẳng sợ lạnh
Vàng khoáng hòa nhau tánh tự khác
Tùy hướng trước anh thử lấy xem!"

Liên hệ thử bàn:

Người chết thây nằm xếp chân là việc đồng nhất. Đứng mà quá vãng, ngồi mà xả thân, đó là người tu tam-muội. Ở đây, Ngài Ẩn Phong, đầu chống đất dầy, chân đạp trời xanh, trái với lý thường nên khó lường biết. Người ấy mà chẳng lường được, như đây đặt ngược, xưa nay một người. Và cô Ni, em gái của Sư đưa tay đẩy nhẹ mà ngã xuống bình thường, là lời thóa mạ của nữ ty. Công năng như huyễn, chước hay khéo

lớn. Hoặc có người nói: Binh lính của Hoài Tây, Đường Thư sao chẳng ghi chép việc Ngài Ẩn Phong ném bay tích trượng giải trừ chiến trận ư? Thông đáp: Tiểu thuyết lưu truyền hoặc được sự thật. Cho nên chỉ một quyển Kinh Xuân Thu mà năm nhà làm, sử truyện há là đồng nhau?!

Kế nữa, có Ngài Thích Vong Danh trụ chùa Khai Hóa ở Hán Châu. Trước tiên nhân vào chùa thấy được điềm lành ứng hiện giao nhau, bèn phát nguyện xả thân chịu khắc khổ làm kỳ hạn. Ở trong Chánh Điện, Sư lần lượt đốt hương, bỗng thấy đất giữa nền thất đều mầu lưu ly, có vị Bồ-tát nương mây năm mầu giáng xuống sân, bảo Sư rằng: "Sư rất bền chí, trong vòng ba năm sẽ đắc Đạo. Ta cầu chứng cho Ông". Ngài liền cúi đầu lễ bái, trong khoảnh khắc bèn không thấy nữa. Tăng chúng trong chùa đến nói rằng: "Trong học viện đều biến thành mầu lưu ly!" và khen ngợi không thôi. Chư tăng ở đó lại chuyên cần tiết chế khổ hạnh.

Lại có vị tăng vong danh ở Đặng Châu, tuổi đã già suy, thường du hành quanh vùng Đặng Châu thuộc đất Nhưỡng. Hằng ngày, Sư ăn thịt hai con chim cưu, Tăng tục đều chê bai, Sư không hề lánh né. Có lần Sư đang ăn uống ngon lành, có một bần sĩ đến xin ăn, Ngài liền tách hai chân của con chim cưu đưa cho người ấy cùng ăn. Ăn xong, Sư súc miệng, hai con chim từ trong miệng Sư bay ra, một con thì đi được, còn một con lăn lóc trên đất, kẻ bần sĩ đó cũng kinh ngạc quái lạ, bèn ói ra thì hai chân con chim cưu hoàn toàn bình phục như cũ, vị tăng ấy thật chẳng ăn thịt chim ấy. Từ đó, mọi người đều sùng kính tôn trọng, gọi Sư là "Nam Dương Trĩ Cưu Hòa-thượng".

Có người khen ngợi Sư rằng: "Xưa kia Xà-Lê Hương ở núi Thanh Thành uống rượu ăn thịt. Nhưng sau ói nhả toàn thịt gà dê, đều hóa thành nguyên hình, bay nhảy kêu hót mà chạy vào hang huyệt, là đồng.

11. Truyện ngài Tọa Vong Danh ở chùa Lương Sơn thuộc Phủ Hưng Nguyên, thời Tiền Đường:

Thích Vong Danh, không rõ Sư là người xứ nào, ở cách Bao Thành vài mươi dặm, hiệu là Trung Lương Sơn. Vài ngọn núi có màu xanh bất động giữa hư không. Lúc Sư ở Quyết Trung, thì hành vi lạ lùng, nói năng bất thường. Người thường thấy thì chẳng kinh hãi, người mới thấy thì quái lạ.

Bình thường, Sư rất ưa thích uống rượu và ăn thịt, thô trọng công hành, lại cương nhậm việc chúng tăng nhưng thường chiết trung, chư tăng cũng khiếp sợ, gọi Sư là Thượng Tọa. Bấy giờ, trong hàng xuất

gia, tất cả đều tập học theo, chỉ Sư là không sợ. Sư xét biết mà lớn lời than rằng: "Chưa trụ tịnh tâm địa, làm sao dám nghịch hạnh? Nghịch hạnh chẳng phải là cảnh giới của các ông!" Vả lại, trong đời thường nói rằng: "Vàng nên dùng lửa để thử", hãy đợi tôi một ngày, một lúc nào đó thử qua!" Khoảng niên hiệu Khai Thành (836 - 841), bỗng nhiên Sư làm một chiếc bình lớn rồi nhóm họp đồ chúng, bảo rằng: "Ta và các ông di đến rừng Thi-Đà". Bởi vì núi rừng ở ngoài thành có nhiều mồ mả, chỗ bỏ thây người chết, nên nói như vậy. Sư ngồi xổm dưới đất, mở bình ra, trong toàn là thây chết thối rã, đưa vào miệng liền ăn nuốt, với trạng thái vui vẻ ưa thích. Các vị tăng cùng đi chung đều bịt mũi, thóa nhổ nước dãi dưới đất rồi bỏ đi. Sư lớn tiếng gọi rằng: "Các ông hãy ăn thử thứ thịt này mới nên ăn thứ thịt khác!" Từ đó, các hàng xuất gia đều cảnh ngộ, Sư cảm hóa họ trở thành tinh tấn, xa gần thảy đều quy y kính tin. Bấy giờ, có Hữu Bộc Xạ Liễu Trọng Trình trấn nhậm tại Lương Phủ thường qua lại gần gũi lễ trọng.

Lúc thị tịch, Sư khoảng tám mươi chín tuổi, chân ảnh hiện vẫn còn ở chùa Núi. Đến nay, các xứ Lương Ích, Tam Phủ v.v... chỉ gọi Sư là Hưng Nguyên Thượng Tọa. Tông tích kỳ dị chẳng ít, không thể nói rõ hết được.

Liên hệ thử bàn:

Thượng Tọa (Vong Danh) ban đầu thì như thế mà giáo hóa. Sau thì mọi người đều bắt chước the. Không hề biết người chứng quả, trái ngược với sự hoằng hóa mọi vật nhưng trọn đều là làm Phật sự, lấy đó mà cảnh tỉnh người chưa nảy mầm, cho nên nếu quy về điểm thật, thì đó là như trong Đối Pháp Luận nói các vị Bồ-tát oai đức thị hiện thực lực trụ nên vậy. Nếu có người vọng bảo là đắc quả, trường hợp nầy khác gì loài dã can (chó sói) kêu sủa mà bắt chước sư tử gầm rống ư?

12. Truyện ngài Văn Sảng, trụ chùa Sùng Phước ở Thái Nguyên, thời Tiền Đường:

Thích Văn Sảng, không rõ Sư họ gì và người ở xứ nào. Sư sớm hiểu cõi trần, là ràng buộc quyết mở lưới ái, theo thầy học Đạo. Sư tự nhiên chẳng ngủ, giả sử có đau khổ rất lắm cũng chỉ ngồi kiết già. Đó là hành hạnh trường tọa đầu-đà.

Sau, một mình Sư ẩn cư ở vùng Khâu Lũng, trời mưa dầm suốt tuần, bên cạnh không có thị giả hầu hạ. Có con rắn vào trong tay Sư nằm cuộn tròn. Lúc đó, có người thỉnh Sư chứng trai, cảm thấy quái lạ sao tới giờ mà Sư không đến. Người dó lại đến thỉnh Sư, thấy rắn như

thế bèn sợ hãi thất thanh. Rắn bèn từ từ bò xuống. Người đó cố thỉnh Sư sang chứng trai, Sư từ khước bảo là quá giữa ngày rồi không ăn. Cuối đêm gần đến sáng hôm sau, có một con chó sói nhe răng há mồm nhảy nhót, hình trạng như muốn ăn nuốt lấy Sư, Sư xót thương nó đang bị lửa đói thiêu đốt. Lại tự nghĩ rằng: "Đãy thân hình dơ uế này ta không nên luyến tiếc, xả thí cho nó một bữa ăn ngon. Nguyện ta chóng được thành tựu thân bền chắc, và người thọ nhận sự xả thí của ta cùng đồng trở về thiện hội!" trong chốc lát, con chó sói ấy bèn chuôi tai mà đi. Đến ngày Sư thị tịch, giữa hư không có tiếng chuông khánh xen nhau, thời gian rất lâu mới dứt. Môn đồ và mọi người trong làng cùng nhau nhóm họp đón rước an táng. Ngày đó, có mấy mươi lá phướn che rợp giữa hư không, dẫn dường đi trước, có mùi hương thơm lạ xông khắp, cả chúng đều buồn than như mất nơi nương tựa.

13. Truyện ngài Bổn Tịnh trụ chùa Bảo Phước, ở Phước Châu, thời Tiền Đường:

Thích Bổn Tịnh, không rõ Sư là người xứ nào. Ngài có đạo khí cao sáng, người thấy cung kính. Nghe tại xứ Mân Lãnh có nhiều trí thức Thiền tông, nên Sư đến khắp tham vấn. Lại nghe núi Hoắc Đồng ở huyện Trường Khê có lắm động phủ thần tiên, là chỗ trong kinh gọi là Bồ-tát thiên quan nhiếp lãnh đồ chúng cư trú ở đó nói Pháp biển tánh Hoa Nghiêm. Những người hái củi thường được nghe thấy điềm lành như nhạc trời, hương lạ, chim thú, nhưng trong núi chẳng dung chứa kẻ phàm xấu ác, nên phần nhiều lại bị đuổi ra khỏi. Sư vào núi kết cỏ làm thất. Ở đó có một động đá gọi là hang độc, Sư sống cạnh hang đá. Có con rồng ở đó thỉnh thoảng bò ra, biến hiện bất thường. Sư bèn gọi nó mà răn bảo để thuần quen. Lại có các hổ dữ chặn đường làm hại, người hái củi không dám vào sâu. Ngài gõ vào đầu nó răn bảo dặn bò, xong, nó chuôi tai mà di. Có lần trong đêm thanh vắng, có chín người khăn mũ quấn kín đến xin nghỉ lại qua đêm. Sư đều bằng lòng cho ở lại trong am thất. Đến sáng cáo từ, cả 9 người đều hóa thành chim hạc kêu hót vang giữa hư không mà đi. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

14. Truyện ngài Pháp Giang, trụ chùa Pháp Tụ, ở phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Giang, người xứ Giang Đông, vân du đến chùa Pháp tụ ở Mân Thục. Chùa đó do Thục Vương Tú xây dựng vào đời Tùy. Trong chùa có tháp Xá-lợi do vua Văn Đế (Dương Khiêm) xây dựng vào niên

hiệu Nhân Thọ (601 - 605, đời Tùy). Sư lấy tâm từ thương xót làm bổn hoài, biết được nhiều điều trái ngược, nhưng sự việc xảy đến thì không chút sai lầm. Sư từng ở trong phòng, bảo với môn nhân rằng:"Ở ngoài có hơn muôn người đều đội khăn, thân hình lại bị co quắp đang tìm đến ta để xin cứu giúp. Ông mau ra cửa mà đón rước". Người đệ tử ấy ra tìm xem chẳng thấy người nào, lấy làm quái lạ sao lời thầy nói mà lầm loạn như thế. Đợi chốc lát, có mấy mươi người mang vác đồ vật bằng vành tre trong đựng đầy ốc đi đến. Sư bảo: "Họ đã đến rồi!", bèn bảo đem tiền mua chuộc lấy và thả xuống sông.

Kế nữa, ở Trường An có chùa Đại Hưng Thiện vốn là chùa Xá-Vệ đời Tùy. Đến niên hiệu Tiên Thiên (712 - 713) thời Tiền Đường, chùa bị lửa thiêu đốt, điện vũ cháy sạch chỉ còn lại nền móng. Đến niên hiệu Minh Khánh có Đạo sĩ Lý Vinh ở Đông Minh Quán, vốn người xứ Ba-tây, khéo giỏi việc bạc đồ, thường cùng chư tăng tranh hơn thua. Lý Vinh đến Huyền Đô Quán, nhân dẫn các Hoàng Quan chỉ vào đống tro tàn mà diễu cợt rằng: "Nói thiện mà không hề thiện, nói hưng mà lại chẳng hưng. Như Lai cháy rụi hết, chỉ còn một nhóm tăng". Trong tăng chúng có người tức giận dị tông chê bai như thế, bèn gấp chiêu mộ khuyến hóa xây dựng kết cấu mới lại rộng lớn hơn trước, có đến mười hai mẫu đất. Hóa duyên tuy ngày một hưng thạnh, đầy ngàn vạn mà chưa thể thành. Tăng chúng gãi đầu trù trừ chưa biết giải quyết cách nào để chóng hoàn thành! Bỗng nhiên có một vị tăng y phục rách rưới hình sắc gầy ốm, mang một chiếc đãy rách đến kết duyên, nói rằng: "Phải sớm xong điện Phật", rồi đưa chiếc đãy và bước đi. Mở ra xem thì toàn là vàng ròng, cân tất cả có một ngàn lượng. Mọi người lúc đó đều lấy làm lạ, do đó đàn việt ngày một thêm đông đảo, Chánh Điện chóng được hoàn thành.

15. Truyện ngài La Tăng trụ núi Trà Lung ở Cửu Lũng thuộc Bành Châu, thời Tiền Đường:

Thích La Tăng trụ chùa Thục Thánh. Bên trong, Sư là người đã đắc quả vị, có lần bị bịnh nằm ở núi Ngũ Đài, các vị tăng đồng hội đều chẳng thể lường biết, thấy Sư không hề biếng trễ, gần chín tuần thì bịnh Sư lành. Lúc sắp từ biệt, Sư nói rằng: "Thâm cảm nổi niềm đau khổ mà nhọc phiền chăm sóc, nay tôi được bình phục, là do nhờ công sức của các Sư. Tôi ở tại núi Trà Lung ở quận Cửu Lũng thuộc kiếm ngoại. Ngày sau có dịp du phương xin chớ quên ghé thăm!". Cuối năm vị tăng ấy đến đất Thục, trải qua hỏi khắp các ngọn núi, các người già hái củi

đều bảo là "chưa từng nghe tên núi ấy". Vị tăng ấy mới than rằng: "Ôi! Sự luống dối của người bị bịnh Thiền!". Khi sắp quay đầu trở lại, thì gặp một đứa bé ở núi bảo rằng: "Tôi là người nhóm cát ở núi ấy". và liền dẫn đường đi trước. Bỗng chốc thấy điện tháp uy nghiêm, phòng viện hành lang hoàn bị, quả nhiên gặp được vị tăng mắc bịnh ngày trước (La Tăng) đứng chờ đón tại cửa từ lâu, lúc đó trời sắp tối, Sư (Vị tăng mắc bịnh) nói với vị tăng ấy rằng: "Chùa này nếu người chưa đắc Lậu Tận thông thì không đến được. Nhưng vì ông và tôi có túc duyên một lần gặp gỡ". Vị tăng ấy nói: "Muốn ở lại qua đêm có được chăng?" Sư bảo: "Chưa thể được, ông nên khắc cần tu chứng, đến đây đâu khó gì!" Rồi bảo đứa bé hồi nãy đưa Sư trở về. Vị tăng ấy xoay đầu nhìn lại chỉ thấy vách núi cao vót, sam hội dâu xanh mà thôi. Lúc đó nhằm niên hiệu Khai Thành (863 – 841).

Bấy giờ, lúc Ngộ Đạt Quốc Sư Tri Huyền soạn truyện gặp được vị tăng rất thông hiểu địa lý, bảo là đất Tri huyền làm về sau là đất an Doanh Triệu, được núi trước cảnh Chu, núi đó hình trạng như bức tường thấp, tuy có cao thấp không đều mà bên trong bằng phẳng. Bỗng chốc có vị lão túc trong xóm bảo là: "Xưa kia tương truyền gọi đó là núi Trà Lung".

16. Truyện ngài Khế Thử trụ huyện Phụng Hoá ở Minh Châu, Thời Tiền Đường:

Thích Khế Thủ, không rõ Sư họ gì, có thuyết nói Sư là người xứ Tứ Minh. Thân lùn, ngực to, mũi nhăn bụng lớn, nói năng bất thường, ngủ nghỉ tùy tiện. Sư thường dùng gậy mốc mang đầy vải bố vào trong quán chợ, thấy vật liền xin, đến nỗi tương giấm cá cũng bốc nhón lấy đưa vào miệng, dành lại chút ít để vào trong đãy. Người đương thời gọi Sư là "Trường Đinh Tử Bố Đại Sư". Sư từng nằm trên tuyết mà trên thân không có tuyết. Mọi người lấy đó làm quái lạ. Sư nói kệ rằng:"Di-lặc chân Di-lặc". Người đương thời đều chẳng hiểu những câu ấy. Có người nói rằng: "Ngài là Đức Từ Thị thùy tích!". Sư lại lên trên cầu lớn mà đứng, có người hỏi: "Hòa-thượng làm gì đứng đây?" Sư bảo: "Ta đứng đây tìm người". Sư thường đến người xin nếm thử. Trong quán tiệm thì đều là vật bán, mà trong đãy vải của Sư đều là trăm vị cung cấp thân có dư. Sư chỉ điềm tốt xấu của người thì hiện tướng bày điềm. Những lúc trời nắng gắt thì Sư kéo lê guốc gỗ lên trên chợ cầu, chổng đùi mà ngủ, lúc mưa bão thì Sư mang giầy cỏ, mọi người lấy đó mà nghiệm biết.

Vào khoảng niên hiệu Thiên Phục (901 - 904), Sư thị tịch tại

Phụng Xuyên. Dân chúng trong làng cùng nhau lo an táng. Sau ở châu khác lại thấy bóng dáng Sư cũng mang đãy vải mà đi. Ở các vùng Chiết Giang phần nhiều vẽ hình tượng Sư phụng thờ.

17. Truyện ngài Trí Biện trụ chùa Khai Nguyên ở Nghiệp Đô, thời Tiền Đường:

Thích Trí Biện, không biết Sư là người xứ nào. Thuở thiếu thời, Sư rất giỏi giang, lúc lớn lên siêng tu Phạm hạnh. Đối với các kinh luận hễ một lần nghe qua thì liền nhập thần, Sư tuyên giảng ngôn từ rõ ràng lưu loát. Mỗi lúc lên đài tòa tự nói năng siêu tuyệt, nhưng có điều buồn lo là thính chúng không khế hợp căn cơ. Sư đo lường như rót nước vào đồ vật, vật vật chẳng không, buộc ta riêng không, là tội với ý Phật, Sư bèn mang vác hòm sách đi khắp các danh sơn để tìm hỏi các bậc trí giả. Cuối cùng Sư đến chùa Hành Nhạc dừng ở hơn một tháng. Sư thường ở tại trai đường của chùa, lúc nhàn rỗi riêng tự tìm thích nghĩa sớ. Lại tự trách lỗi mình rằng: “Chẳng biết nghĩa giải thích có trái ý Thánh không? Đang suy nghĩ miên man, tình cờ ngẩng đầu thấy một lão tăng đang chống gậy bước đi và hỏi Sư rằng: “Sư đọc kinh luận gì và thấu suốt nghĩa lý gì vậy?” Sư nghi trong danh sơn này, trong dấu vết xe nầy có các bậc La-hán lẫn lộn trong phàm tình, không sao lường biết được, nên bèn tự thuật bổn duyên, nhân đó thêm phần hối trách. Lại thưa rằng: “Kính mong bậc Hiền đạt chỉ dạy, xin hết lòng nghe nhận, khóa buộc miệng lưỡi chẳng còn giảng nói!” Vị Lão tăng ấy cười, bảo: “Sư hiểu biết rộng, há không biết nghĩa đó! Đức Đại Thánh còn không thể độ được người vô duyên, huống gì hàng sơ tâm ư? Sư chỉ vì vô duyên với chúng sanh!” Sư liền hỏi: “Há trọn đời như thế sao?” Vị lão tăng ấy bảo: “Tôi thử vì ông mà giúp kết duyên” Và bèn hỏi Sư rằng: “Nay sư có được bao nhiêu của cải lương thực”. Sư đáp: “Từ Bắc đến Nam rách cả xiêm y giày dép, đã trải qua muôn dặm nên mọi vật mang theo đều hết. Hiện tại tôi chỉ thọ trì Pháp Y chín điều mà thôi!” Vị Lão Tăng ấy bảo: “Chỉ từng ấy cũng được. Hãy nên bán Y, lấy đó đổi vật để làm các thứ cháo nhừ, bánh bột, dầu ăn... Sư nghe lời đó bèn làm, có chừng vài mươi người ăn và cùng đem đến chỗ hoang vắng rải tán bánh bột, đốt hương, quỳ thẳng chú nguyện rằng: Những ai ngày nay thọ nhận sự cúng thí của tôi, xin nguyện đời sau sẽ làm quyến thuộc Phật pháp với tôi, tôi sẽ giáo hóa cho đến thành tựu quả Vô Thượng Bồ-đề”. Sư nói xong, chim quạ đua nhau bay xuống mổ lượm ăn trên đất; dế, kiến, ruồi, sâu nhiều vô số kể. Vị Lão tăng ấy bảo: “Hai mươi năm sau, ông mới

nên trở về khai giảng Pháp tịch, nay hãy vân du các nơi, chưa nên giảng thuyết!" Nói xong, liền bỏ đi. Từ đó, Sư càng thêm tinh tấn Đạo lực, chẳng mệt mỏi nghiên mài, nghĩa vị thấm đượm rất nhiều, chỉ khí vẫn tại truyền trao. Hai mươi năm sau, Sư lại trở về Hà Bắc, hoằng hóa hưng thịnh tại Nghiệp Đô, Thính chúng đông đến hàng ngàn người, đều là độ tuổi hai mươi trở xuống, còn người già không có đến vài ba người.

Liên hệ thử bàn:

Trong hiện tại có địa vị cuối cùng, biến dịch khó đổi dời. Sự tu nhân ngày nay chắc chắn vời lấy quả tương lai. Nay ngài Trí Biện nương theo sự chỉ dạy của vị tăng lạ bảo hai mươi năm sau đợi chờ đồ chúng nghe Pháp. Mỗi mỗi đều như lời vị tăng lạ nói. Như vậy thị hiện đời này tu, hiện đời này đắc quả, chẳng phải luống dối. Trong sách Thi nói: "Đợi nước sông trong lắng, người sống thọ bao nhiêu, sắp biết người sống lâu, nước sông trong thường thấy".

18. Truyện ngài Ninh Sư ở phủ Phụng Tường, thời Tiền Đường:

Thích Ninh Sư, người xứ Kỳ Dương, mất tên hiệu, nên người đương thời dùng dòng họ để gọi người. Sư qua lại bất thường, chỉ có xuất xứ là như bình thường.

Năm thứ nhất khi vua Chiêu Tông mới lên ngôi (889), Sư ở trong chùa Núi. Bỗng nhiên Sư nằm chết giấc, thân thể vẫn ấm nóng, chốc chốc sắp tẩm liệm, tăng chúng vây quanh gìn giữ mà không dám tẩm liệm. Ba ngày sau, Sư sống lại, mọi người lấy làm lạ đua nhau thăm hỏi. Sư kể lại: "Tôi bị Minh Ty dẫn đi. Ban đầu đến gặp một phán quan hỏi rằng: "Hòa-thượng thọ sao không có lộc?" Rồi gọi một vị quan lại bảo cùng xem xét, quan lại nói "chỉ có ba thạch lá sen". Nhân đó bảo ghi vào sổ sách. Lại bảo một người khác dẫn tôi đi xem khắp các nơi. Mới đi vào một cửa, thấy mấy điện đường, mỗi nơi đều có đề bảng. Tôi dời bước đến một điện đề là "Lý Khắc Dụng", nhìn qua song cửa thấy một con rồng đen mà mất một mắt, có trụ sắt đứng ở trong khóa, bị trói buộc trong lưới đó. Tiếp theo đến một điện khác đề là "Chu Toàn Trung", là da xanh trán trắng hổ khóa buộc như trước, mà trước có hình trạng ăn nuốt máu thịt người vung vãi. Tiếp theo đến một điện khác đề là "Vương Kiến", có giường bằng vàng ròng và một thỏ trắng nằm trên. Tiếp theo lại đến một điện khác đề là "Lý Mậu Trinh", có đủ thứ mũ mão như vương giả, chung quanh có vài cô gái hầu. Tiếp theo đến một điện khác đề là "Dương Hành Mật", qua song cửa thấy la liệt đen tối, không thể nhìn rõ. Tôi hỏi sứ giả: Các hình trạng quái lạ ấy là gì?" Sứ

giả đáp:”Ấy là vương giả trong tương lai”. Bên trái có vài điện, nhìn vào thấy tối đen. Sứ giả chẳng cho dẫn đến, bèn quay trở lại chỗ cũ. Phán quan tại sảnh bảo sứ giả: “Khéo đưa Sư (tôi) trở về, và sư chỉ cẩn trì tụng nhiều Kinh Công Đức”. Tôi hỏi: “Kinh gì là Kinh Công Đức?” Phán quan đáp: “Đó là Kinh Kim Cương Bát-nhã. Kinh ấy tại cõi tối tăm (minh gian) công lực cứu giúp không gì sánh bằng”. Mãi đến lúc sống lại, nhìn bốn phía giây lâu, và kể lại việc trước. Mọi người nghe kinh hãi bèn truyền đạt đến quan. Hậu Kỳ Soái lấy làm quái lạ cho là to tát xa vời và luống vọng đều chẳng tin.

Sau đó, Mậu Trinh quả nhiên được phong làm Tần Vương, Lý Khắc Dụng uổng lạm giết hại, gọi là rồng một mắt. Dòng họ Chu cách mạng nhà Đường, tàn hại sao nỡ chặt cánh lóc thịt, đấy chẳng phải hổ là gì? Thục Vương Kiến thuộc Thơ cản trở binh lính từ cũ. Đến năm Đinh Mão (907), thuộc niên hiệu Thiên Hựu, tiếm ngụy hiệu, dùng vàng làm giường trang sức. Mỗi mỗi đều phù hợp. Sư từ đó thường đoán trúng, chỉ uống nước lá sen mà thôi, đối với các thức ngon lạ đều là nghịch miệng chẳng ăn. Dân chúng ở vùng Tần Lũng thường thỉnh Sư nhập minh, dự nói mọi việc lành dữ, không hề sai lạc.. Hoặc thỉnh Sư chứng trai, tranh biện ao sạch sen non, gọi Sư là “Nhập Minh Hòa-thượng”. Sau, Sư thị tịch ở Kỳ Hạ.

Liên hệ thử bàn:

Lời nhập minh và giấc mộng hơi giống nhau. Mục Vương sắp hóa người vui mừng. Tần Mục được Thượng Đế cắt thuần, hình thể ở tại nhân gian mà thần đến cõi trên. Lời trước đã phát, việc sau chắc vậy, cho nên biết sáu Hầu tám Trưng lường xét chẳng luống dối. Ngài Ninh Sư nhập minh cũng như Mã Tuần ở thời Hậu Đường thấy được dưới Thiên phủ, cho Lộ Vương là Thiên tử. Mọi cảnh vật hình tượng đề bảng trong điện mà Sư thấy cuối cùng đều phù hợp theo lời kể lại. Có người cho đó là mộng tưởng, mộng tưởng có chứng cớ. Cho đó là thần du, thần du chẳng sai quấy. Cùng biết mộng và tỉnh chỉ là một, tối sáng có khác. Như trong Nhiếp Luận nói: Như các thứ trong mộng, đến lúc tỉnh, tất cả mọi thứ chỉ có Thức!” Có như Cổ Mãng Quốc ngủ nhiều đến năm tuần, lúc tỉnh lại lấy mông làm thật, lấy tỉnh làm vọng. Nếu vậy thì mọi việc làm lúc tỉnh là điềm trước của mộng. Và lấy thật ở trong mộng, ấy là chân thật. Mộng và tỉnh trái dụng, đó còn chỉ là một. Ngài Ninh Sư quả nhiên chẳng luống vọng, khi thời Hậu Lương cách mạng Tiền Đường, hai Lý Vương Dương đều chống đối Thiên tử. Các điện xa trông được chẳng phải thừa, cát cứ quần hùng thiên bá hay sao? Điều Sư ăn

lá sen cùng việc Sa-môn Pháp Khánh đời Tùy là đồng, nên những ghi chép trong chốn u minh, như Khương Hà Đức, kế nữa là Lý Sơn Long vào cõi tối mà trở lại nói mọi sự đều ứng nghiệm. Trong kinh nói rằng: "Thí như người ngủ mộng thấy biết tất cả mọi vật, có thân mà chẳng dời bổn xứ.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 21 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.

QUYỂN 22

CHƯƠNG SÁU: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 5 CỦA CHƯƠNG VI

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có năm vị)

1. Truyện ngài Như Mẫn trụ viện Linh Thọ ở Thiều Châu, thời Tiền Đường:

Thích Như Mẫn, người ở đất Mân. Ban đầu gặp được Thiền sư An, bèn hoằng hóa hưng thạnh ở Lãnh Ngoại, Sư thật có nhiều dị tích. Sư là người khoan dung, đốc lòng, không duyên cớ thì ít nói. Thương xót sâu sắc những kẻ ngu mê, dẫn hạnh khuyên răn. Phiên Bá Phiên Ngung họ Lư mỗi lúc đến thưa hỏi, thường biết ngược trở lại, xem xét đều khế hợp. Quảng chủ Dịch Thế kính phụng chu toàn thường luôn lễ yết, nếu có điều nghi ngờ chưa quyết đoán, thì đến thẳng thưa hỏi. Sư cũng không ghét ganh, mở miệng nói ra đều là phép tắc, bấy giờ gọi đó là khất nguyện, bèn riêng gọi Sư là "Tri Thánh Đại Sư".

Ban đầu, Sư dùng một người chuyên tu khổ hạnh làm thị giả, rất xứng hợp tâm ý, gọi người đó là Sở Do. Một hôm, sở do theo Sư lên Sơn Tích. Sư lại, ngầm bảo xuống núi, Sở Do quay lại trông thấy Sư ẩn xuống đất, và Sở Do bèn ẩn mình trong cỏ, phủ che kín thân hình, giây lâu dò xét, thấy Sư mới xuất hiện, liền chạy đến nghinh đón hỏi rằng: "Sư sang nơi nào?" Khi đó như có người chết từ huyệt đất mà ra, Sư nghiêm răn rằng: "Sở Do! Ông không nên nói ra ngoài, kéo ta mất việc nhàn".

Sau, Sư thị tịch tại Viện, toàn thân không rã. Mọi việc trong lễ tang, xây tháp đều do quan cúng dường. Nay xưng hiệu Sư là "Linh Thọ Thiền Sư", tháp hiệu là "Chân thân".

Liên hệ thử bàn:

Nếu Linh Thọ gặp Đại An, thì thọ lạp lâu dài mãi, tuổi thọ con

người cũng có thường hạn. Nghi đó cũng là chỗ nghe dị từ.

2. Truyện ngài Toàn Tể ở núi Thiên Thai, thời Hậu Đường:

Thích Toàn Tể, họ Thẩm, người xứ Tiền Đường. Lúc còn ẵm, Sư đã không thích ăn các thứ máu huyết tanh nồng. Mẹ của Sư nhiều lần trông thấy điềm lành, khuyên đưa Sư đến Đại Sư Pháp Tế ở Kinh Sơn cạo tóc xuất gia.

Đến lúc tu Thiền quán, Sư thường vượt trội, chẳng xen tạp phong trần. Sư kính mến mười hai môn đầu-đà, dùng đó để trang nghiêm đạo hạnh. Đến nỗi có lời đồn Sư là: "Tể Đạo". Đến lúc du phương tham thỉnh, Sư được Thiền Sư Thạch Sương ấn chứng, thầm bảo nhậm cho. Sư đến núi Thiên Thai trong hang tối, để trọn chí khí. Tại hang núi ấy cùng với Hàn Sơn Tử Ẩn Cư ở Đối Trĩ, đều là nơi có lắm quỷ mị mộc quái. Sư ẩn cư tại đó hơn hai mươi năm, khiến chim ác đổi hót, sơn tinh nhường hang. Sư vào ra kinh hành, quỷ thầm chăm lo mọi việc, hoặc quét dọn đường đi, hoặc theo hầu bên cạnh, hoặc thay việc múc nước, hái trái cúng dường. Bấy giờ mọi người thường thấy chứ Sư không hề nói.

Sau, đến niên hiệu Thiên Thành thứ 5 930), các Thiền lữ ở Kính Sơn thỉnh Sư về ở tại Viện Trấn Quốc. Sư thị tịch tại bổn viện, nơi Sư xuất gia.

3. Truyện ngài Hoài Tuấn ở Ba Đông, thời Hậu Tấn:

Thích Hoài Tuấn, không rõ Sư là người xứ nào, Sư là vị tăng vừa ngu độn lại vừa ngông cuồng. Ngài biết trước việc chưa xảy ra nhưng ứng hợp như thần.

Trong niên hiệu Càn Ninh (894 - 898) thời Tiền Đường, tự nhiên Sư đến Ba Đông. Sư lại có tài Thảo Thánh, bút pháp thiên nhiên, hoặc trên vách tường chùa quán tiệm chợ viết lời kinh Phật, Pháp Đạo. Cho đến những ngôn từ thi ca quê kịch, thô bỉ không thứ nào chẳng nhóm họp ở đầu ngọn bút của Sư. Sư nói với họ là: "A-Duy!" mà thôi. Dân chúng trong vùng coi như bậc thánh hiền. Thứ sử Vu Công sợ đó là Sư mê hoặc quần chúng bèn bắt giam vào ngục mà vặn hỏi, Sư bèn dùng thơ đáp suốt hành trạng. Từ ý thì Tây Đông của Mân Xuyên, nhưng chương cú bóng bẩy. Châu Tướng lấy làm lạ nên thả Sư. Lại rõ được yếu chỉ, nghi Sư ở trong biển chẳng lẽ thuộc dòng phái của Ngài Bôi Độ ư? Hành lữ đi qua đều neo thuyền mà yết lễ. Sư biện rõ mọi việc tốt xấu trên dưới eo biển, các việc lợi độn của việc kinh cầu buôn bán mọi vật.. Nếu các khách khẩn cầu, Sư chỉ viết năm ba hàng, không hề nói

rõ. Việc ấy rất kín nhiệm mà ứng nghiệm. Bấy giờ, Kinh Nam Đại Hiệu Chu Sùng Tân đến tham yết, Sư để thư cho biết "Giao cho Hoàng Đô khám xét". Sau đó, Sùng Tân vào triều cống, nhân bị Vương Soái Nam khám xét, bèn trói giam tại Nam Phủ, cuối cùng bị giết chết. Áp Xuyên Tôn Đạo Năng qua đòi bèn an táng tại nền chùa cổ Trúc Lâm. Hoàng Phủ Huyễn Tri Châu, bèn họa một người mang gậy, một người nữ ở bên cạnh, sau đó lấy con gái nhà dân, bị kiện tụng, thêm giam hãm vào Phủ. Có Mục Chiêu tiếp nối, vốn chủng tộc Ba-tư, thuở nhỏ rất giỏi nghề thầy thuốc, theo cha đến tham yết. Sư bèn họa hình Đạo Sĩ cỡi mây nâng một cái bầu, Sư viết rằng: "Chỉ huy Sứ Cao mổ điệp nha thôi". Mục Sanh sau lấy y thuật hữu hiệu. Nam Bình Vương Cao theo lời dạy răn khuyên bỏ Đạo theo Nho, giản trao cho nhiếp phủ nha thội. Gặp lúc Vương Soái đánh phạt Kinh Châu Sư bèn làm thơ đưa sang Nam Bình Vương đề rằng: Đầu ngựa tạm vào đường Dương Châu, thân quyến phải nên sửa mắt xem". Năm đó, Cao Thị thua thật ở Hoài Hải, bèn mở trùng vây. Sư có các dị tích khác phần nhiều như thế cả. Bỗng một hôm, Sư đề trên lá chuối: "Ngày nay đã trả lại nghiệp trái" để ở giữa sân. Châu Huyện không còn tra xét đến cùng, mọi người qua lại phần nhiều thấy lạ mà chẳng để ý. Bỗng nhiên Sư bị người giết hại, thân một nơi đầu một chỗ. Thứ sử vì thế, lo việc lễ tang trà-tỳ.

4. Truyện ngài Hạnh Tuân trụ Viện Quang Quốc ở Lãng Châu thời Hậu Tấn:

Thích Hạnh Tuân, là con thứ của Mân Vương, họ Vương ở Phước Châu. Lúc Vua Trang Tông thời Hậu Đường lên ngội Sư vào Phương Vật thuộc Lạc Tiến. Nhân đó dừng ở tại Kinh Để. Cuối niên hiệu Đồng Quang (926) gặp phải vua Minh Tông sắp vào. Binh lính nổi loạn, Sư bèn tự cắt tóc thay đổi sắc phục làm tăng, ẩn thân tại Ba Thục, mãi đến niên hiệu Khai Vận (944 - 947) thời Hậu Tấn.

Dung mạo Ngài như người hơn bảy mươi tuổi, nhưng sức lực chẳng suy kém, nếu có người hỏi Sư về tuổi tác thì Sư im lặng. Sư đến ngụ tại Thiền Viện Quang Quốc ở Lãng Châu. Tăng chúng trong Viện chuyên hành trì pháp luật, mọi người không biết Sư có tuân theo chăng? Có người nhà họ Lý thiết trai cúng dường, đang lúc ăn uống, Sư vụt đứng dậy đi nhanh ra cửa, gọi gắt như có diều trách. Sư bảo người nhà họ Lý rằng: "Đêm nay có hỏa tai phát xuất từ phía Đông Nam đến đường cái phía Tây Bắc, những người ở chung quanh đều bảo họ chuẩn bị". Quả nhiên đêm đó lửa cháy thiêu rụi không sót một thứ gì. Mọi người đến

hỏi Sư về nguyên nhân, Sư bảo: "Hom qua thấy một người phụ nữ mặc áo mầu hồng cầm đuốc đi ngang qua, Lão tăng chận đuổi theo không kịp!" Sư lại đến nhà Triệu Pháp Tào, chỉ dưới gốc cây đào, bảo: Dưới đó có tiền" mà không nói rõ số lượng bao nhiêu, Triệu Pháp Tào bèn gọi người đến đào bới, có được cái soong lớn, vừa lúc đó gặp khách đến, vì đứa bé trong nhàmà lấy. Ồn ào trong chốc lát, đều hóa thành bùn xanh. Mọi người đều tranh giành được hơn trăm. Sau kêu người trát quét vách cửa bị hư mục đó, thường thường có vậy. Có lẽ Sư đi ngang qua phần mộ người chết mà biết đươc sự tốt xấu ở trong nhà người đó. Còn như phong giác chim thú, đối với sự thấy nghe mà dự nói họa phước, thì sau lại khế hợp. Nên khắp Châu Lư xa gần đều lấy lời nói trước là sự thật.

Sau, Sư thị tịch ở núi An Ngọc, vào thời Hậu Tấn, tăng đồ lo việc tang lễ trà-tỳ.

5. Truyện ngài Vong Danh ở Tương Châu, Thời Hậu Tấn:

Thích Vong Danh, không rõ Sư là người xứ nào. Ngài du phương hỏi Đạo, chẳng sợ gian truân khó khổ. Các chốn danh sơn thằng cảnh đều đi hỏi khắp.

Vào niên hiệu Thiên Phúc (936 - 943), Sư đến Tương Châu trụ trong một thiền viện, cùng một vị tăng thuần lương giữ Pháp, đồng cấm túc ba tháng, vị tăng ấy tuần tự nói lắm điều lạ lùng, tự xưng tên là Pháp Bổn. Sớm tối cùng ở một nơi, tâm thanh nhã cùng ở như quyến thuộc Phật pháp đã từ lâu. Ngài Pháp Bổn nói: "Tôi xuất gia tu học tại chùa Trúc Lâm ở phía Tây Nghiệp Đô. Phía trước chùa có một trụ đá, sau nầy, lúc nào nhàn rỗi xin mời Ngài cùng ghé thăm". Về sau, Sư nhớ nghĩ lời ước hẹn trước, nhân tiện sang tìm hỏi. Sư đến trong một ngôi làng dưới núi, vào một A-lan-nhã dừng nghỉ qua đêm, hỏi vị tăng ở đó rằng: "Từ đây đến chùa Trúc Lâm xa hay gần?". Vị tăng ấy đưa tay chỉ bên cạnh một ngọn núi riêng lẻ ở xa xa mà bảo rằng: "Ở nơi ấy", những người già xưa tương truyền đó là chỗ ở của bậc Thánh Hiền xưa kia, nay chỉ còn tên gọi mà thôi, nên không có nơi để làm tinh lô, tịnh xá, lập Phật an tăng". Sư sanh nghi ngờ, đợi đến sáng hôm sau liền đến đó. Khi đã thấy được rừng trúc, trong rùng trúc quả thật có trụ đá. Sư mịt mờ chưa biết đâu là ven bờ, bỗng nhớ lại lới Ngài Pháp Bổn nói lúc từ biệt rằng "Chỉ gõ vào trụ đá thì liền thấy người". Sư bèn lấy gậy nhỏ đành vào trụ đá vài tiếng, mới thấy gió mây nổi lên bốn bề, cách chừng một thước là không thấy gì. Chỉ trong chốc lát tự nhiên mở toang lầu đài đối nhau cao vút, thân Sư đang sùi sụt dưới Tam môn, Ngài Pháp Bổn từ

trong đi ra, trông thấy rất vui mừng, hỏi việc xưa cũ của Nam Trung, nói về phong thổ của Tương Châu, Đặng Châu. Bèn dẫn Sư bước qua trùng môn đi lên bí điện, lãnh tham yết các bậc tôn túc như Cương Nhậm, cố hỏi hai ba lần, Ngài Pháp Bổn nói: "Năm trước vị này (Vong Danh) cùng tôi đồng thời cấm túc tại Tương Dương, có hẹn cùng nhau thăm viếng, nên nay vừa mới đến Son Môn". Các bậc tôn túc khen ngợi: "Lành thay! Sau khi thọ trai hãy thỉnh trở về, tại đây không có tòa, bởi vì không có vị thứ của phàm tăng". Thọ trai xong, Ngài Pháp Bổn đưa Sư đến Tam Môn và từ biệt nhau. Thế rồi trời đất tối đen, không còn biết phương hương, chỉ trong khoảnh khắc tự nhiên Sư đang đứng bên cạnh trụ đá trong rừng trúc. Ngoài ra đều chẳng thấy gì.

Sư trở về kể lại việc ấy, không biết về sau Sư mất ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Vị tăng vào chùa Trúc Lâm (Ngài Vong Danh) ấy là ai? Thông đáp: Người gặp tiên thì cũng là tiên. Vân du đến chùa Thánh há dung nạp kẻ phàm uế? Vì một là hiển hiện chùa Thánh ở tại nhân gian, và một nửa là biết được Thánh tăng cùng tham dự trong hàng chúng tăng, nên chớ xem thường tăng bảo, trong đò Thánh phàm lẫn lộn. Truyện này lúc mới kể cho vài người nghe, thì từ trước đã nghe ở vài nơi. Lại như vào niên hiệu Võ Bình (570 - 576) thời Bắc Tề, có Sa-môn Thích Viên Thông từng chăm sóc vị tăng bị bịnh dưới giảng tòa, đến lúc mãn hạ vị tăng ấy cũng lành bịnh, ước hẹn đến chùa Trúc Lâm ở núi Cổ thuộc Nghiệp Đô, sự tích hơi giống. Vì ở đây trước sau đều đến chùa Thánh.

6. Truyện vị Cuồng Tăng ở Huyện Cáo Thành ở kinh đô Lạc Dương, thời Hậu Hán:

Thích Cuồng Tăng, vào niên hiệu Khai Vận (944- 947) thời Hậu Tấn, Sư đi khắp ấp Hạ, xin tro than đá, suốt ngày đêm mang vác vào trong hai núi Đại Lưu và Tiểu Lưu nói với người qua lại hay các ông lão rằng: "Phải xây dựng một cung quyết". Nhưng chẳng ai lường xét được điều đó, đều cho là điên khùng, không có gì làm y cứ. Sư cứ vẫn như thế vận chuyển đến mấy ngàn thạch, lấp bít rất vững chắc. Sau đó, người trong làng không để ý, Sư vắng bặt tông tích.

Vào niên hiệu Càn Hựu (948) vua Cao Tổ (Lưu Trí Viễn, thời Hậu Hán) đã đến nơi nay là xứ Đông Kinh và lên ngôi chưa đầy một năm thì vua băng. Đang lúc đó, có chiếu cho Bốc Duệ Lăng đến dưới núi Đại Lưu, người tính toán bảo rằng: "Gạch ngói cần đến vài trăm muôn,

trong núi này có thể đào đất mà đốt, nhưng như tro khoáng thì làm sao có được ư?" Bỗng chốc có Lý Tư nói: "Ở vùng này vốn có một vị tăng chứa nhóm than đến mấy ngàn thạch, sử dùng chắc đủ". Án Hành Sứ Sơn Lăng thảy đều dùng không để lại gì. Như thế Sư chẳng phải vị tăng điên cuồng, nhờ đây mới chứng biết.

Kế nữa, có Thích Tào Hòa-thượng ở Trấn châu, Sư là người xứ Hằng Dương, chỗ ở bất thường, nói năng tín tít, mặc áo cánh rách rưới, mang giầy gai, mặt mày dơ bẩn, sắc da đen sạm. Mọi người gọi Sư là người bị bịnh, điên cuồng tán loạn. Dân chúng Tề Triệu đều chẳng lường biết nên phần nhiều kính trọng. Hoặc có người mời ăn, ăn xong im lặng bỏ đi. Hình trạng Sư như chẳng say mà tức giận.

Phủ Soái An Trọng Vinh trấn nhậm được vài năm, dân chúng ở Lại Châu thuộc Phúng Quân bày thỉnh xin triều đình dựng lập bia Đức Chính, ngày sắp dựng bia đá với hình trạng cao vợi, Sư chỉ vào đó cười lớn mà bảo rằng: "Dựng không được! Dựng không được!". Mọi người đều nhìn nhau thất sắc. Người chủ trương công việc xua đuổi Sư đi, nhưng miệng Sư vẫn không dứt lời nói đó. Đến lúc An Trông Vinh ngầm manh nha chẳng theo chăn ngựa, lợi binh lính rủ sắp làm phản nghịch, triều đình bắt lấy diết mất, bia đá bỗng nhiên bị phá hủy. Hễ Sư có chỉ bày điều gì thì như vang theo tiếng. Sau không biết Sư mất ở đâu.

7. Truyện ngài Tăng Giam trụ chùa Tịnh Chúng ở Ngụy Thục, thời Hậu Chu:

Thích Tăng Giam, tên tục là Giam, họ Vương, người ở xứ Kinh Triệu, thuở thiếu thời mà Sư đã có trí tuệ quán sát hơn mọi người.

Vào niên hiệu Đại Trung thứ 11 (857) thời Tiền Đường), Đỗ Thẩm Quyền xuống đối sách thành sự. Bí thư Giám Phùng Quyên tức Đồng Niên. Đến niên hiệu Càn Phù (874 - 880) thời Tiền Đường, hang ổ giặc cướp dẫy đầy, Sư bèn theo dòng lánh loạn,tìm đến chỗ cung, nương nhờ Trung Lịnh Thành Nhuế, Thành Nhuế đánh Hoài Hải nhưng không thắng, Sư bèn cắt tóc xuất gia. Gặp lúc Lôi Mãn chiếm cứ Kinh Châu, Tại Tương Châu có Triệu Ngưng Cung đánh phá. Lương Tổ sai Cao Quý Xương trụ diệt lại, đất Giang Lăng bèn thuộc dòng họ Cao, Ngài lánh ở đất Quỳ Giáp. Đến niên hiệu Đồng Quang thứ 3 (326) thời Hậu Đường, Sư vào đất Thục đi tìm thì Phùng Quyên đã qua đời, nên bèn trụ tại chùa Tịnh Chúng. Râu tóc Sư bạc trắng mà sắc da đỏ thắm tiêu dao, mọi người chẳng thể lường biết về tình ngụy.

Có Hoa Dương Tiến sĩ Vương Xử Hậu thi hỏng khóa thi năm Ất

Mão(955) tức niên hiệu Viễn Đức thứ 2 thời Hậu Chu, vào chùa dốc nỗi lo âu nơi vườn trúc, Hậu thấy Sư, Sư liền hỏi: "Có phải là Vương Xử Hậu chăng?" Hậu kinh hãi nói: "Không hề quen nhau, sao vội gọi thế?" Sư nói: "Tình cờ mà biết thôi". Sư bèn kể vốn sanh vào đầu niên hiệu Thái Hòa (827) thời vua Văn Tông, Tiền Đường cách nay hơn một trăm ba mươi năm. Xử Hậu nói: "Dấu vết thân tôi đâu sánh bằng, việc tương lai của ông rất cùng cực ở năm sau, việc hiện nay và việc tương lai có thể biết". Ý muốn nói đất Thục sắp mất. Sư bảo chớ tiết lộ. Ngày hôm sau lại bỗng trầm lắng tiếng tăm dấu vết. Một hôm, Xử Hậu gõ cửa tự đến nói rằng: Tạm đi tham lễ ở Nga My, kiết hạ ở Mặc Thủy mới trở về". Sư đến đầu áng sách rút lấy quyển văn đọc xem bản cảo thi phú do Xử Hậu góp nhặt, Xử Hậu nói rằng: "Thử xét là thật hay giả", đó là văn chẳng phải dưới đèn của ông, sao lắm luống dối vậy?". Sư bèn xét nhớ kéo ra bản cảo thi phú mà chỉ bày đó, bảo rằng: "Đây há chẳng phải trình thức của bản thật ư?" Xử Hậu kinh hãi sững sờ không thôi, mới nói rằng: "Kẻ hèn này sau khi khảo thí, tình cờ thêm nhuận sắc, bổ khuyết lỗi quá vội vã lúc dưới đèn, Sư từ đâu mà có được bản ấy?" Sư nói: "Không phải một bản thi phú này mà bình sanh ông biên soạn những gì tôi đều tích trữ lại đó". Ngày hôm sau, Xử Hậu đến phỏng hỏi, Sư mới dẫn Xử Hậu vào góc phía Bắc chùa đồng bái yết bàn thờ của cố Thái Úy Bân Công Đỗ Tông ở dưới mài phía Tây, bỗng chốc có vài quan lại mặc sắc phục vằn tạp từ trong đường vũ nối nhau đi ra, vừa bước xuống thềm cấp vừa bái lạy. Sư bảo: "Tân quan ở đây, hãy vào trước sân mà tham yết". Xử Hậu kinh sợ bàng hoàng làm theo. Sư bảo: "Bọn ấy sắp làm kẻ sai sử của ông cớ sao ông lại sợ? Há không biết Thái Son đề cử ông làm Tư mạng ư? Nhưng vì túc trái trang đồ chưa đáp trả chí trước, xin đợi sau khi đỗ đạt sẽ thi hành. Lại xem xét sổ bộ quan lục, thấy một bảng đề số người đã định trong kỳ thi mùa Xuân sắp tới, ông cũng có dự phần trong đó. Đó là âm chú mà dương thọ. Sách tên của người đời ăn lộc của u phủ, đó là âm chú dương thọ". Xử Hậu kinh hãi chẳng biết làm sao, chỉ hỏi họ tên người đỗ đạt sang năm là những ai? Sư bèn tìm lấy giấy bút đứng viết một đoạn thư ngắn mà đưa cho và căn dặn Xử Hậu phải nghiêm mật cất giữ, nếu tiết lộ thì mang họa không kịp trở gót. Trong phút chốc các quan giải tán, Sư mới dẫn tay Xử Hậu dẫn đi ra miếu và nhắm mắt mà đi.

Đến mùa Xuân năm sau, khi khóa thi đã bãi, Sư đến nhà Xử Hậu để lại cái thẻ ghi rằng: "Tạm trở về chòi rách, không còn gặp mặt nữa!" Sau đó, Xử Hậu sang chùa vào trong tăng đường hỏi thì Sư đã đi nơi

khác rồi! Bèn đem lá thư ngắn ra xem, trong đó Sư chỉ viết bốn câu:

Chu thành đồng thành
Hai vua khác tên
Ngôi vua thứ nhất
Hạn chừng trăm ngày.

Và đến lúc có bảng treo, xét đó có tám người đỗ đạt mà hai người họ Vương tức Vương Xử Hậu và Vương thận Ngôn. Vương Xử Hậu đỗ vị thứ nhất, nên căm ghét thời hạn chu trình chỉ chừng trăm ngày. Vương Xử Hậu chỉ quen với Đồng Niên, nên thiết đạt Tửu Cao hội, rất mừng vui đã toại tánh, do đó hoang loạn chẳng khởi. Đêm đó bỗng qua đời. Đồng Niên đều mộng thấy Vương Xử Hậu mặc áo lam bào cầm hòe hốt đi trong điện. Nghiệm xét tên trong danh sách chỉ được một trăm hai mươi ngày. Và rõ biết được Sư sanh vào đầu niên hiệu Thái Hòa (827) thời vua Văn Tông, thành thân trong khoảng niên hiệu Đại Trung (847 - 860) thời vua Uyên Tông (thuộc thời Tiền Đường). Lúc Vương Xử Hậu gặp Sư thì đã hơn một trăm ba mươi năm.

Kế nữa, chùa Đại Từ ở Thành Đô, vào thời Ngụy Vương Thục có một vị tăng vong danh, thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, khiến người thích nghe, thời đến, khất thực chỉ dùng đủ mà thôi. Sư có chút bịnh khổ về thân, có người chỉ cho phương thuốc. Ngài bèn cụ bị roi gậy vào núi Đại Điện ở Thanh Thành để tìm hái thuốc, men theo khe suối vượt qua hiểm nguy. Bỗng nhiên mây sương phủ khắp bốn phía không còn nhận biết chỗ đến, chừng trong khoảnh khắc thấy có một ông lão, Sư liền vái chào, rồi tuần tự hàn huyên. Ông lão hỏi: “Sư có duyên sự gì đến đây?” Sư đáp: “Vì muốn tìm hái ít thuốc”. Ông bảo: “Vườn nhà gần đây, hơi xa thần túc, có được chăng?” Sư nói: “Tôi bị lạc đường, xin tùy cư sĩ!” Chỉ trong thời gian ngắn, thấy một ngôi nhà, bóng mát đã gần. Ông bảo:”Hãy vào báo trước với người chủ vườn”. Sư vào đến cửa, thấy mọi sự đều chẳng như phàm tình. Hỏi Sư thọ trai chưa? Sư đáp: “Chưa!” Bỗng đốt hương, cảm thấy khác thường xông tỏa ngùn ngụt. Lại thỉnh Sư trì tụng Kinh thường tụng. Sư liền lớn tiếng tụng Kinh Pháp Hoa rõ ràng. Lại khuyên Sư tụng hết cả bộ, dâng biếu các thứ trai soạn đều là thức ăn trước cửa chùa Đại Từ. Sau khi thọ trai xong, có người mặc áo xanh mang đồ tre đựng cỏ thơm dâng Sư và cúng thí năm quan tiền để Sư làm chi phí mua bánh hồ. Ông lão chấp tay tiễn Sư đi ra. Có người nói rằng: “Đó là Tôn Tư Mạc tiên sanh. Đến chùa đã hơn tháng nay” tiền đó sẽ vào chùa, vàng ròng sẽ hóa nhiều như mới. Họ Vương nghe thế, bèn thâu lấy tiền vàng, cấp riêng năm trăm quan tiền, Sư đêm tiền

đó tán thí cả rồi mới biết dân tiên thường ở tại danh sơn. Kế nữa, tại huyện La Mục, thuộc Gia Châu có người ở núi Tố Tôn, thuê lừa chẳng đến trả thẳng. Bèn xin lùng bắt hỏi. Có đứa bé bảo: "Đó là Tôn Tư Mạc". Khi ra tới huyện lộ thấy Tôn Công lấy hai trăm đồng tiền trao cho bảo rằng: "Tôi vốn dò xét ông ở đây, sao vội quái lạ ư?" Sư được tiền vàng, không biết về sau Sư qua đời ở đâu.

8. Truyện ngài Sư Giản trụ Viện Hồ Quang ở Hàng Châu, thời Hậu Chu:

Thích Sư Giản, họ Triệu, người ở xứ Đan Khâu, chẳng tuân theo giới luật, buông lung tự nhiên, mặc áo nạp rách rưới, thường hay đọc tụng từ kệ, khéo huyền ký, ở vùng Hàng Việt có các sự tai ương hay phước lộc, ban đầu không ai tin nhưng sau nghiệm xét phù hợp. Đối với Nhất Hạnh cảnh thuần, sơn kinh địa lý, riêng được Kính Sơn. Sư thường nói: "Xưa ở núi Thái, Đạo Biện Tướng trủng đắc thuật, ngoài ra không lấy gì vậy". Sư vui vì người dời núi tướng trủng, mọi việc tốt xấu đều như lời Sư nói. Sư ở không có nơi nào nhất định, phần nhiều hay đến nhà dòng tộc, nói là đang đói bụng, bèn tìm thịt gà để ăn, lại thêm có được rượu ngon, nếm thử vài cốc mà đi. Ban đầu thì không nói lời cảm tạ, nhưng viết chữ lớn đề bia. Ngạch cửa chùa viết thành tướng đó, lành dữ tùy lời, lâu sau có ứng nghiệm.

Ban đầu, Sư trụ tại Viện Hồ Bàng ở phía Tây Hàng Châu, tự nhiên không bịnh mà thị tịch. Sau đó, có vị hành khách từ trong chợ Trường Sa trông thấy Sư bèn nắm tay nói về chuyện cũ. Sư gởi lời nói với Viện Chủ Viện Sùng Thọ: "Ông trước mắc nợ bao nhiêu tiền, nay đều xả thí cho ông đó. Tôi ngủ giường chiếu cỏ ở tầng dưới có nem thịt trong giấy, hẳn đã thối rữa nên vất bỏ đi". Chư tăng trong viện y theo lời nói tìm xem quả nhiên là có. Do đo mà vẽ tôn dung Sư phụng thờ cúng dường. Sư có nói rằng: "Góc nhọn đầu nhà về sau sẽ bị lửa cháy đến tháp Châu Nam!". Đến năm Mậu Ngọ (958), quả nhiên bị lửa trời thiêu đốt, ứng lời Sư nói không sai lầm.

9. Truyện ngài Vương La-hán trụ chùa Càn Phù ở Minh Châu, thời Bắc Tống:

Thích Vương La-hán, Sư là vị tăng không thể lường biết. Rất ưa thích thịt lợn. Nói năng như kẻ điên khùng nhưng sau có lắm ứng nghiệm. Có lần Sư bị kẻ trộm sắp muốn rút y. Sư cúi đầu giả vờ ngủ. Người có vật đến tìm, Sư không hề tỏ vẻ keo lận. Đến tháng 6 niên hiệu

Khai Bảo thứ nhất (968), bỗng nhiên Sư an tọa mà thị tịch. Ba ngày sau dùng sơn phết lên vải bố, tự nhiên nghe ở hai gò má có tiếng nói lúng búng. Mọi người đều bảo là vỡ thối. Đêm đó, Sư gá mộng cùng vài người, bảo rằng: "Vải sơn làm ta mê muội, làm sao phá mở ra! Sáng sớm bèn gọi thợ sơn đến mở phá, bên trong thịt mầu hồng trắng, có xá-lợi viên tròn rơi rớt, liền thâu nhặt lấy để cúng dường. Đến nay, nhục thân Sư vẫn còn tại bổn tự. Bấy giờ, Tăng Chánh Tán Ninh làm văn bia ghi lại điều kỳ dị. Hán Nam Quốc Vương họ Tiền đổi tên, gọi Sư bằng danh hiệu"Mật Tu Thần Hóa Tôn Giả".

10. Truyện ngài Tông Hợp trụ Viện Diên Thọ ở Đàm Châu, thời Bắc Tống:

Thích Tông Hợp, người xứ Mân Việt. Sư vân du Nam Nhạc, bềnh bồng sông Tương để tìm cầu tri thức. Sư là vị tăng giới lập ít muốn, ở chung quanh trọn ngày, chỉ cười mà thôi. Người ở Nam Sở phần nhiều rất kính tin tôn trọng. Sau, Sư trụ tại Viện Diên Thọ. Cố Gián Nghị Đại Phu nghe thế bèn đến yết kiến. Sư khước từ chẳng tiếp, bàn nói với người rằng: "Người đắc Đạo há vào trong thường độ ư?" Giả Công Thử bèn kiên trì thỉnh thỉnh Sư sang trụ trì viện Văn-thù. Ngày đó, Sư lên pháp tòa liên tiếp nêu lên thiền yếu mà giải tán. Hôm sau, Sư báo với chúng rằng: "Có việc xin tạm đi ra, xin các hiền giả không nên gây trở ngại". Ngài sửa sang thúc buộc, tướng trạng như hành cước, vượt qua Bành Lễ, đến trước trạm Hoàng Châu, đứng sững mà thị tịch. Xa gần mọi người đều đua nhau tìm đến chiêm ngưỡng kính lễ. Lúc đó, Mã Phố Sứ Quan về lo việc lễ tang, xây tháp ngay chỗ Sư đứng tịch. Lúc đó là niên hiệu Khai Bảo thứ 2 (969). Nay gọi đó là viện Chân Thần.

Kế nữa, có Ngài Thích Đạo Nhân trụ chùa Đại An ở Mẫn Trì. Không rõ Sư là người xứ nào, thường đến ở vùng Sái Giản, thuộc Mẫn Trì, Sư tự nói: "Người xuất gia giữ sự cần kiệm thì ít đến với người, làm bạn đồng hành với súc vật thì không nhiều điều phải quấy". Sư nuôi một con chó mực, vào ra ngồi nằm chẳng hề tạm xa Sư. Thường ăn bằng bát sắt, đến lửa mà nấu thổi, cháo chín thì cùng chó đồng ăn, hoặc có lúc trước lúc sau, đi đứng rất kỳ lạ, mọi người chẳng thể lường biết. Một buổi sáng, S thị tịch, con chó cũng ngồi mà chết. Nay tại chùa Đại An có đắp họa hình tượng Sư, mà nhục thân của con chó cũng hiện còn. Lúc đó là vào niên hiệu Khai Bảo (968 - 976). Dưới kinh đô Lạc Dương, mọi người sùng tín, dâng cúng hương hoa đầy khám thờ.

11. Truyện ngài Điểm Điểm Sư trụ chùa Linh Thứu ở Đại Ấp thuộc Ngang Châu đời Tống:

Thích Điểm Điểm Sư, không rõ Sư là người xứ nào, họ Mạnh. Vào niên hiệu Quảng Chính, Sư ẩn cư tại chùa Đại Ấp ở phía Nam Ngang Châu. Sư thường đến trong quán tiệm, tuy hình tướng cạo tóc xuất gia mà thường như điên khùng. Hoặc tiếp xúc với người thì chỉ điểm mà nói. Nên vì thế mà gọi tên Sư như vậy. Nếu có người mời Sư ăn chay, thì rượu thịt không xen lẫn, đều suất là việc bình thường. Những người quê kệch cũng chẳng vì thế mà chán ghét. Đến chiều, Sư mới vào chợ mua giấy gai vàng trắng cùng bút mực bỏ vào tay áo mà trở về. Đi được vài dặm lại đắm chìm vui chén đến nỗi nhắm mắt. Trong phòng thất, chỗ Sư ở tuy có cửa ngoài, nhưng không có bốn vách tường. Sau khi vào Sư đóng cửa, mọi người không vào được. Ban đầu trong chúng tăng ở gần có một trẻ nhỏ theo gót chân Sư mà dò xét, thấy Sư cầm đuốc ngông ngáo, bày giấy bút trước mặt, quở trách việc lớn, chẳng biết là văn tự gì. Thường thường chốc lát như quyết đoán xử đặt. Giây lâu, giữa khoảng tối sáng, trông nhìn kỹ ánh sáng như có nhiều người, tướng trạng như hàng quan lại, xiêm áo phục sức khác đời, người nhìn thấy kinh sợ mà rút lui. Đến sáng hôm sau, đem bày hỏi việc đó, Sư tỏ vẻ tức giận mà chẳng trả lời. Sư ở tại Ngang Châu được vài năm, mọi người đều cảm thần dị, sau không biết Sư tịch ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Điểm Điểm Sư có khả năng bắt tội quỷ, tánh tình cao khiết, làm khuôn phép cho người sanh điều lành, cũng đồng như người xưa phán định việc âm ty. Ấy đồng ư? Thông đáp: Việc làm tại tâm, nếu chẳng theo năng lực Chánh Đạo mà sanh thì đồng như năm đấu gạo. Nếu chẳng theo có tâm phù cấm mà sanh khởi thì cảm đến quỷ thần quy y kính tín mà sai sử chúng. Nên trong kinh Thiện Giới chép: “Nếu cần thần thông cảm ứng hóa độ thì hiện bày thần túc”. Trong Luận Trang Nghiêm, Bồ-tát dùng thần thông biến hóa để vui chơi. Lại hoặc đây là người ở hành vị Bích-Chi. Nên trong luận nói: “Các hàng Độc Giác nương thần thông, vào trong thôn xóm tụ lạc khất thực, dùng thân mà cứu giúp, chẳng dùng đến ngữ ngôn. Thị hiện các thứ cảnh giới thần thông, vì khiến những người phỉ báng quy hướng về Chánh Đạo”.

12. Truyện ngài Hạnh Mãn trụ Thiền Viện Trí Giả ở núi Thiên Thai thời Bác Tống:

Thích Hạnh Mãn, là người xứ Nam Phổ, thuộc Vạn Châu. Ky quán

thành đồng quyết tánh sáng suốt, quyết từ thân thích, cầu làm Phật tử. Thọ giới mới xong, Sư nghe xứ Trọng Hồ thiền đạo đang hưng thịnh, nơi cửa Thạch Sương có nhiều bậc sĩ tế độ, bèn sang đó cầu giải. Gặp lúc các Thiền Sư bỏ thây, Sư bèn sang Dự Chương xem xét các Pháp tịch, đã được an nhiên. Kế đó nghe các Thánh tích ở Thiên Thai nên kết thúc tìm đến, dừng ở dưới Thiền viện Trí Giả trên ngọn núi Hoa Đảnh, chuyên lo việc nấu trà cho chúng tăng. Thấy người vui vẻ, Sư ở đó mấy mươi năm mà không hề thấy tỏ vẻ tức giận. Sư nằm trên một chiếc giường bằng đất, phía dưới rỗng không, thiêu đốt phấn tảo để sưởi ấm. Thường ngày, Sư cởi áo để trên giường thì rận rệp chui rúc có tiếng lẹt xẹt và có được chỗ để sống. Sư trở lại mặc áo như cũ. Hoặc có người ngầm vỗ vào áo, rận rệp đều vắng lặng không tiếng tăm.

Trước chỗ phòng Sư ở, phía ngoài hiên có một cây thông rất lớn, trên cành rộng có một cây nhỏ sống nhờ. Mỗi lúc gặp Sư ra ngồi thì cây sống nhờ ấy phất phơ nghiêng mình. Người thời bấy giờ cho đo là cây tác lễ trà đầu. Có người không tin, chuyên dò xét Sư ra ngồi thì lăng xăng, khi Sư đứng dậy đi thì cây đứng thẳng, không lay động. Tùy theo chúng thọ thực phần lượng có ít, mà Sư suốt trong bốn mươi năm, mọi người chưa từng thấy đại tiểu tiện.

Đến niên hiệu Khai Bảo (968 - 976), Sư hướng về mọi người, bảo rằng: “Ta sẽ đi!”. Và bảo chúng tăng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Văn-thù để hỗ trợ. Sư lặng lẽ an tọa mà thị tịch, thọ trên tám mươi tuổi. Đời Sư soạn rất nhiều kệ tụng, để xướng đạo.

13. Truyện ngài Pháp Viên trụ Viện Mão Trai ở Ngụy Phủ, thời Bắc Tống:

Thích Pháp Viên, họ Hác, người ở xứ Chân Định, họ Nguyên. Sớm gieo duyên xuất trần chẳng dính mắc.

Vào niên hiệu Trường Hưng thứ 2 (931), thời Hậu Đường, Sư đến Viện Quán Âm ở bổn phủ, chuyên cần tụng tập, được thầy cho cạo tóc xuất gia, chừng khoảng một năm thì thọ giới cụ túc. Sau đó, chuẩn bị roi trượng, mang đãy tham lễ các phương. Sư đến trụ ở Thiền Sơn, xem đọc Đại Tạng kinh. Đến niên hiệu Khai Vận thứ 3 (946) thời Hậu Tấn, Sư trở về quê cũ, ngụ ở Viện Thiên Vương. Qua năm sau, Khiết Đan phạm quyết, Nhung Vương Da Luật Đức Quang, về đến Loan Thành ở Thường Sơn mà chết. Vĩnh Khương Vương Ngột Cốc thay làm chúa của Phiên Quốc. Bấy giờ, Toàn Quân từ Trấn Châu đem quân đi đánh. Ở phía Bắc trở lại lưu giữ, Du Trường Ma Đáp Da Luật thoát khỏi làng,

giữ ở Hạ Kinh, tức là Thường Sơn. Quan liêu binh sĩ của Tấn đều ở tại đó. Hán Nhi Tướng Soái mưu đuổi tù binh, phương kế chưa quyết định phân rõ hai lối đường thông và ngõ tắt. Người Hán ở trong đất Phiên, người Phiên phát hiện trước, chẳng phân già trẻ đều bị giết chết. Chư tăng trong viện Thiên Vương cũng có tám vị bị giết chết, và có Sư trong số đó. Khi đó, những người trông thấy giết hại rất nhiều. Lúc ấy, Sư đưa cổ hai lần nhận chịu mũi nhọn như bắn vào gỗ đá. Sư bèn kêu bảo rằng: "Xin cho một nhát kiếm mạnh!" Thân đầu Sư liền lìa nhau. Đến chiều tối, Sư như trong mộng bỗng thấy vãn chiếu, cũng hơi hiểu là bị giết. Trong ý Sư tự cho rằng: "Chết đã tịch mịch, cũng thấy nhật nguyệt!" bèn đưa một cánh tay tự sờ vào đầu, mới biết là vẫn còn như cũ, đôi ba phen Sư nghi ngờ nên chẳng dám nhúc nhích, sợ đầu bị rơi. Lại tự cho là huyết máu ngưng động ở chỗ nối liền, Sư lại sờ quanh cổ có dấu vết may vá như chỉ lớn, toàn thân cũng như thế. Bây giờ, trong thành đã đuổi Phiên bộ ra nên hơi yên định, người bên cạnh đỡ Sư dậy. Đến sáng hôm sau thì đưa Sư về Viện, khi đó chư tăng trong viện sắp sửa ăn cháo, trông thấy Sư cho là quỷ vật, tất cả đều bỏ chạy. Giây lâu, nhìn kỹ biết là Sư thật, mừng nói là sống lại. Mọi người xa gần đều đến chiêm lễ và khen ngợi là kỳ lạ ít có. Dân chúng ở Thường Sơn đua nhau thiết bày cúng chỉ. Từ đó về sau, Sư lại đến các nơi, sống không có chỗ nhất định.

Mãi đến niên hiệu Hiển Đức (954 - 960) thời Hậu Chu, Sư đến ngụ tại Viện Mão Trai, thuộc huyện An Thành, Phủ Đại Danh, ôn tầm Tạng Giáo. Đến niên hiệu Khai Bảo thứ 6 (973), bỗng nhiên Sư răn bảo chúng tăng rằng: "Đời người hư huyễn đâu có lâu dài, mọi vật đến cùng thì đổi dời, Sanh Tử Niết-bàn hẳn không khác nhau chút nào!" Sau đó chưa đầy vài ngày thì Sư thị tịch. Các hàng tăng tục dều cảm nhận như chịu tang người thân, đến ngày trà-tỳ, cảm có xá-lợi như hạt thóc, hạt mè. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi mốt hạ lạp. Bấy giờ, Phạm Lỗ Công Chất đích thân hỏi về nguyên do của Sư, càng thêm trịnh trọng. Lại dò xét về lý lịch, hành trạng của Sư thì đã hai lần xem đọc Đại Tạng Kinh.

Kế nữa, có Ngài Khoáng Sư trụ chùa Lăng-già ở Phước Châu. Sư là con của Hải Đàn Thú Tốt. Lúc mới mang thai Sư, mẹ của Sư tự nhiên không thích ăn các thứ tanh nồng máu huyết, đến lúc sanh ra nuôi dưỡng, Sư tỏ vẻ khôn ngoan khác thường và cũng không ăn các thứ cá thịt. Năm tám tuổi, Sư chỉ ưa thích ăn rau lá đồng nội. Nếu thấy người cày bừa trồng trọt, Sư liền nói: "Làm như vậy tức là giết hại, tổn thương

vật mạng". Những lúc thấy trong nhà bếp nấu nướng các loài vật, Sư liền nắm vốc cát tro vung vãi vào soong chảo, chẳng chịu ăn. Sư tự nói: "Chùa Khai Nguyên đời Tùy là do tôi xây dựng". Sư nói nhiều việc không có manh mối, nhưng sau, mọi việc xảy ra đều khế hợp. Sư xin cha mẹ xuất gia, nhân đó đắp mặc pháp phục, trên đỉnh đầu Sư có mùi thơm như đốt hương chiên đàn trầm thủy. Mọi người gọi Sư là Thánh Tăng. Bấy giờ, sau khi Thị Ngự sử Hoàng Phủ Chính bị lưu giữ, bèn thỉnh Sư vào Phủ Thự, nhân đó thiết bày các thức ăn máu thịt có đến hàng trăm món, trong đó chỉ có một món chay tịnh, xen bày lẫn lộn trên mâm bàn ở trước, vì trong ý muốn nghiệm biết Sư là phàm hay Thánh. Sư vào trong tiệc hội đi thẳng đến lấy thứ chay tịnh mà ăn, ngoài ra đều phẩy tay không dùng. Khi đó Hoàng Phủ Bộ Khúc, đều kinh hãi khen ngợi! Những lúc Sư đi ra các đường thông hay ngõ hẻm mọi người đều vây quanh. Sư tự nói: "Sống chỉ đến mười ba, sẽ định quy tịch". Đến lúc ấy quả nhiên Sư thị tịch. Bèn cử hành lễ trà-tỳ ở phía trước chùa. Các hàng sĩ nữ khắp thành đều khóc thương, y theo Pháp luân Vương xây tháp thờ.

Kế nữa, vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742) thời Tiền Đường, ở phía Đông Bắc Thái Nguyên có ngài Lý Thông Huyền, nghe nói là đế vị của nhà Đường, nhưng chưa rõ là con cháu của Vương Viện nào! Ngài xem thường xe sang mũ quý, mến chuộng suối rừng. Mọi cử chỉ hành động của Sư chẳng thể lường biết. Sư thân cao hơn bảy thước, sắc da mầu tía, mày dài quá mắt, râu rìa như vẽ, tóc mầu xanh mà xoắn tròn, môi đỏ hồng đượm, răng đều khít nhau. Đội mũ vỏ cây Hoa, mạc áo vải lớn vá nách, lưng không thắt dây, chân chẳng đi giày, tuy mùa Đông giá lạnh mà da không bị nứt nẻ, mùa nóng Hạ không mồ hôi và cáu bẩn bám dính. Sư phóng khoáng tự tại chẳng hề câu nệ bó buộc, hiểu rộng kim cổ, thấu suốt Nho Thích. Nói năng hơi hám như đồng lớn phát tiếng, mà chú tâm vào Hoa tạng, chưa từng thôi bỏ hoài bão. Mỗi lần xem đọc nghĩa sớ của các nhà phiên dịch kinh điển, thấy các học giả cùng năm vẫn không công tiến thủ. Nên mùa Xuân niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 (719) Sư mang bộ Kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch, kéo lê gậy trúc từ Định Tương đến nhà Cao Sơn Nô ở Đại Hiền, thuộc làng Đồng Dĩnh ở phía Tây Nam Tinh Bộ Vu Huyện, dừng ở trong một phòng riêng, soạn luận mở mang giáo nghĩa Hoa Nghiêm, suốt ba năm chẳng bước ra khỏi cửa. Trong nhà họ Cao cùng mọi người chung quanh trong làng đều lấy làm lạ mà chẳng thể lường biết. Mỗi ngày Sư chỉ ăn mười quả táo và một cái bánh lá Bách, ngoài ra không dùng gì khác.

Sau, Sư dời đến bên cạnh Cổ Phật Đường của nhà họ Mã ở Nam Cốc, cất một ngôi nhà nhỏ để ở, nhà họ Cao cũng vẫn mang táo bánh đến cúng dâng.

Sư từng mang bộ luận do mình sớ giải và kinh đến trang sở nhà họ Hàn, tức ở thôn Quan Cái, giữa đường gặp một con hổ. Thấy nó Sư bèn vỗ vào lưng, bảo nó chở mang kinh luận vào trong khám đất. Con hổ ấy bèn chuối tai mà đi. Tại vùng đó không có suối nước để cấp dùng, tự nhiên gặp phải một cơn gió bão, mưa lớn nhổ cuốn đi một gốc thông già đi xa hơn trăm thước tạo thành cái ao, sâu chừng một trượng, nước ở đó có mùi vị ngọt thơm. Đến nay vẫn gọi đó là "Suối Trưởng Giả". Người trong làng phần nhiều nhân những lúc nắng hạn, đến để khẩn cầu mưa, và thật có lắm ứng nghiệm. Kế nữa, trong thời gian Sư soạn luận, trong thất không có đèn nến, mỗi đêm nắm lấy sợi lông từ hai khóe miệng phát ra ánh sáng mầu trắng dài hơn thước, chiếu soi suốt cùng, lấy đó làm thường. Từ lúc Sư đến ở trong khám đất, bỗng có hai cô gái mặc áo vải, dùng khăn vải trắng quấn đầu đem một hộp thức ăn đến trước khám, Sư chỉ ăn đó mà thôi. Suốt trong năm năm, cho đến như các thứ giấy bút cung cấp không thiếu sót. Đến lúc Sư soạn luận hoàn tất thì hai cô gái biến mất. Bộ Luận Sư soạn có bốn mươi quyết, bao gồm văn nghĩa của quyển kinh, tổng thâu huyền yếu của mười hội nhân quả, nêu bày pháp môn của năm mươi ba quả vị.

Một hôm, dân chúng trong làng đang tụ tập uống rượu, Sư đến nói với họ rằng: "Các người ở lại, nay ta đi!" Mọi người kinh hãi, hỏi: "Sư đi đến xứ nào?" Sư đáp: "Ta thị tịch!" Mọi người buồn khóc, luyến mến đưa Sư về lại trong khám đất. Sư bảo: "Đi, ở là việc bình thường!" mọi người đi xuống sườn núi, ngoảnh nhìn lại chỗ đó, thấy mây mốc kéo phủ tối đen. Đến giờ Tý, Sư nghiễm nhiên ngồi trong khám mà thị tịch. Có luồng ánh sáng mầu trắng từ trên đảnh đầu Sư phát ra chiếu thẳng giữa hư không, lúc đó là ngày 28 tháng 3, niên hiệu Khai Nguyên thứ 18 (730), Sư thọ chín mươi sáu tuổi. Đến sáng hôm sau có vài người lên núi thấy trong khám thất Sư có rắn rít đầy khắp, không làm sao bước tới được, bèn cùng nhau khải cáo, rắn rít mới tản mác. Mọi người già trẻ đều truy cảm đạo hạnh Sư, kết xe đón rước đến phía Bắc của Đại Sơn, chất đá làm thành mà an táng tại Lan-nhã Phương Sơn rừng Thệ Đa ở núi Thần Phước. Ngày an táng có hai con nai đốm, hai con hạc trắng cùng các thứ chim thú đến tỏ vẻ buồn thương quyến luyến.

Trong tháng 6, niên hiệu Đại Lịch thứ 9 (774), có Sa-môn Quảng Siêu đến Lan-nhã, thâu góp hai bộ luận, mời các thư sinh đến núi biên

chép rồi đem về Phần xuyên để lưu hành, luận ấy từ đó được thạnh hành. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860), có Sa-môn Chí Ninh ở Mân Việt đem Luận chú ở dưới kinh sạon thành một trăm hai mươi quyển, có luận thích bảy quyển, chẳng nhập vào chú văn, cũng viết phụ ở đầu. Đến năm Đinh Mão (967) thuộc niên hiệu Càn Đức thời Bắc Tống ở Mân Châu có Sa-môn Tuệ Nghiêm lại sửa chữa đặt tên là "Hoa Nghiêm Kinh hợp luận" lưu hành ở đời, được mọi người quý trọng.

Liên hệ thử bàn:

Dưới thời Bác Tề có Nội Thị Lưu Khiêm Chi theo Vương tử vào núi Ngũ Đài thiêu xả thân mạng. Khiêm Chi qua bảy ngày hành đạo, cảm được tướng trượng phu, thầm tỏ ngộ nghĩa lý Hoa Nghiêm bèn sạon Luận gồm sáu trăm quyển. Lâu sau mất. Đến Lý Trưởng Giả hành hóa ở đất Tấn, có nhiều việc thần biến vô phương. Ứng theo đó dùng thân nầy mà nói pháp. Có người nói: Trong Luận của Lý Trưởng Giả thêm mười hội, trong Kinh thiếu phần ấy. Y theo Phạn tự sanh giải có thể chẳng mê lầm tên ư?, sao Lý Trưởng giả có nói Pháp? Thông đáp: Lý mười hội có, nên đợi kinh sau sẽ đến. Chỗ giải nói Nam-mô là lìa luống dối ở trong, đây là phối với pháp quán tâm. Nếu biết xúc vật đều là tâm mới rõ được tâm tánh. Cho nên Kinh chép: "Biết tất cả tức tâm tự tánh thì thành tựu Tuệ thân, không do người khác mà ngộ". Đó chính là tâm cảnh Như Như thì bình đẳng vô ngại. Quán xét sự phán giáo của Lý Trưởng Giả bao gồm rộng rãi, có thể chẳng biết nghĩa của tiếng Hán ư?. Từng nghe ở U Châu có Sa-môn Tuệ Minh tập hợp các ngụy Kinh và Hoa Nghiêm Luận mà đốt hết. Bởi vì Pháp Môn không tương nhập. Song, ngụy Kinh bị cháy mà Luận của Lý Trưởng Giả thì khó đốt. Bởi vì đó chẳng phải là cảnh giới của Tiểu Thánh, cũng như thuyết của Dương Mặc cùng với Nho có trái nghịch nên những người hành hóa ở phương ngoại lại ghét trách Khổng Mạnh. Nước lửa cùng xấu, chưa bắt đầu đã có sự cùng cực. Giả sử hỏi người thông minh thì phần nhiều đều tiến, vô tướng đoạt luân.

Luận rằng: Đan Thành chuyển số, uống thì lên tiên. Tuệ luyện công phu, nghiệm mà quả chứng. Nếu như tên chưa nêu nơi sổ sách, sức chưa hợp với Kinh Vương, thì làm sao đem kinh nêu lên thân này vượt ngoài phàm thế. Luống chỉ mịt mờ mắt thịt, xao động chộn rộn tâm khỉ vượn. Chỗ gọi là sự cao thấp trong họ Thích có khác. Cũng ví như đàn voi, ngà có khả năng va chạm, mũi khéo cuộn nhả, sức lực địch nổi chín con bò, đi nhanh hơn xe bốn ngựa. Riêng có hương tượng ở bờ ao A-nậu ở phía Bắc Túy Sơn, thì cổ xúy cả hai cánh để vọt bay, dùng cả bảy chi

mà khéo léo, so với voi ở các sông biển thì vượt hơn trăm lần, quyết hiệu là Yết-Ma-Phạt-Noa, là rồng trong voi. Xét biết Sa-môn có chỗ cảm thông chính là ở đây. Nếu chiêu cảm được chỗ thông thì năng lực tu hành đến mức sẽ có thiên thần theo cung cấp hầu hạ, còn thông suốt được sự chiêu cảm thì ta thi vi thần biến hiện hiển bày nơi người khác. Còn năng sở đều cảm thông thì đó là cực quả của Tam thừa không đâu chẳng cảm thông.

Xưa kia, vào đời Lương có ngài Tuệ Kiểu được truyền sáng lập một khoa thần dị, đây chỉ gồm nhiếp Thánh Hiền ở ngôi vị đến cùng cực, hoặc giúp thứ lớp chưng bày giai vị tốt lành ban giáng đặc biệt, sẽ thâu nhiếp chẳng hết nên có thiếu sót. Đến lúc Đại Sư Đạo Tuyên không nối tiếp mà lại sửa sang cảm thông. Bởi vì lấy các cảm mà bèn thông, thông thì trí tánh, tu thì ảm đối với quả mới thông. Xét kỹ lý ấy dài không thể bao gồm. Cũng giống như Ban Cố tăng thêm chín dòng biến thư làm chí đồng. Lại thí như bậc Thánh treo móc lại cũng chẳng hơn người ban đầu phát họa. Nhưng mà trước chẳng ngửa cúi xét, sau có thể biến thông, đó chẳng phải chỗ hay y cứ của Đại Sư Đạo Tuyên, tốt lành biến bày mà có công năng. Vốn là nhà tĩnh lặng thì sanh trong sạch rỗng rang, tâm tĩnh lặng thì thần thức thông suốt. Nho Huyền còn được, Đạo ta sao chẳng bằng? Dẫn phát tĩnh lự tự tại hiện tiền. Pháp chẳng rộn ràng, muôn duyên ồn náo đều bặt hết. Chỗ cửa trí mở, sáu thông do đó mà sanh, lúc tướng động diệt, năm mắt tùy đây chiếu rọi. Ngài Mục-liên vận dụng rõ ràng sao gọi là bậc Nhất. Ngài Na-luật quán xét có vậy thấy nửa đầu là mê đưa vào trong hạt cải. Nước biển dung chứa trong lỗ chân lông. Lúc chẳng thể suy nghĩ bàn luận, tâm miệng của phàm phu cả hai đều tiêu tán, thần thông sanh ra là cảnh giới như một của các Đức Phật.

Thứ nữa, trong giáo pháp ta lấy tin hiểu, tu chứng làm chuẩn đích. Còn như dịch kinh, truyền pháp là sanh tín. Nghĩa giải, tập thiền, là ngộ giải. Minh luật, hộ Pháp là tu hành. Thần dị cảm thông là quả chứng. Ai nói trong thời tượng pháp, mạt pháp không có hạnh quả ư? Cũng từ phần nhiều phân chia lắm thuyết. Chỉ như Ngài Đàn-đặc khắc hình Hầu Cảnh trên đầu gậy hướng quay về phương Tây, ngài Hà Thốc chỉ trời biết được phía Nam của Văn Tương có Quang Sư nhập vào hạnh an lạc, đệ tử chứng môn Tam-muội. Trên sông Tứ, ngài Tăng-già ứng hiện mười chín thứ thân. Tôn giả Vạn Hồi qua lại hơn năm ngàn dặm. Ở phương khác lại có tên khác của Ngài, tại cõi nay còn quán kỳ tích, khó bó buộc trạng thái an định, chẳng thể xem xét hình thể thường hằng!

Từ biển nguyện mà khởi thân, vốn chỉ có Ngài Trí Tích, từ ý sanh mà phân chất vốn là Ngài Khương Tăng. Trên bờ sông thấy Bồ-tát đến đón rước vãng sanh, Anh đến Tần Tương mà thọ thực. Lưu lại năm khác mà chẳng lường biết hiện bày vết tích vô phương. Hoặc mở rộng giáo hóa ở nhiều triều vua, hoặc sống lâu đến ba trăm năm, hoặc khiến cho bàn thờ Táo vỡ bể rơi rớt, hoặc được trao ống sáo của vua mà trở về. Khuê Giới Nhạc Thần sao cứu được Đường Tướng. Hoặc lọc hết rồng con mà đến, hoặc đánh xương khóa mà sang. Vào chỗ chùa Thánh nhận biết Gia Cát Lượng. Hoặc ánh sáng thần phát ra từ miệng, hoặc quái vật đắm chìm dưới sông, Phong Can nhận biết đó là Văn-thù, Vô Tướng chẳng phải nhậm hiệp. Mộng thấy trao tháp mà qua biển, phân thân trong lò nung gạch để an thiền. Hoặc phát ra ánh sáng của sợi lông trắng, hoặc khiến công chúa sanh con, hoặc được châu ngọc sáng lạng, hoặc nuôi hổ thuần hiền vui vẻ, hoặc dự ghi nhậm chức Tể Quan, hoặc dời ổ chim thước, hoặc thọ hơn trăm tuổi, ẩn thân ở núi Ngũ Đài. Hoặc đề sấm thảo thư, hoặc cầu thính chúng, hoặc ẩn hình mà để bóng, hoặc thấy mẹ mà liền sanh. Hoặc đề dị từ, hoặc hóa tiếng thú dữ gầm gừ, dự ghi sự diệt độ của Vi Công, kinh hãi sự trong đêm trở về của Trương Độc. Chẳng thấm ướt y phục mà lội qua khe suối, chẳng tạp nhạp dơ uế mà thường ăn. Hoặc chết theo kiểu chồng chuối. Hoạc nhả ngay chim cưu. Hoặc thân đầu lìa nhau mà nối liền lại. Hoặc nửa năm ngồi chết mà sống lại. Như dùng pháp luân mà dẫn dắt, phần nhiều làm hình tướng Sa-môn, bày như dị tích hóa thành, hoặc làm dung mạo ông lão (Hàn Sơn, Thập Đắc) vỡ loét đáng gớm, hôi hám rất ghê. Hoặc ngỗ nghịch với thường lưu, hoặc lừa dối với loài dưới. Đó đều chẳng thể lường biết. Ai bảo là dễ biết? Đem nghịch lấy nguyên do của thuận, trái quyền hợp với ý đạo. Hoặc có người bảo: "Thuyết cảm thông gần như quái lạ vậy?". Đáp rằng: "Quái thì quái thật, vì ở ngoài nhân luân. Giả sử quái lạ gần với nhân tình mới phản với bọn thường trái đạo, đó là quái lạ, tâm chẳng lường biết được, miệng chẳng thể nói được mà đến được bờ mé, khiến cho thần tiên quỷ vật thảy đều kinh quái. Tiên thì tu luyện thành quái, quỷ thì tự nhiên thành quái. Quái trong Phật pháp thì khác như thế. Vì sao? Vì trải qua vô số đời kiếp nương chánh pháp mà tu đạt đến lúc tự nhiên vận dụng hiển bày trong quả vị vô lậu. Biết quái ấy là chánh quái. Ở các bậc Thánh thì cho đó là cảm thông mà bèn thông, cho nên có thiên chương. Nên trong Luận Trí Độ nói là: "Dùng năng lực thiên định, uống thuốc trí tuệ, được năng lực rồi mới hóa độ chúng sanh. Lại đặt thế giới trên đầu sợi lông, ngưng lóng nước biển làm thành năm vị".

Nên nói rằng: “Duyên vào pháp mà quán xét cảnh, chỉ tịch mới chiếu, mới nghiệm biết các bậc long tượng trong cửa Phật một đời xuất hiện ở thế gian mà có khả năng nhiếp hóa các kẻ chẳng biết hổ thẹn.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 22 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 23

CHƯƠNG BẢY: DI THÂN
(Chánh truyện có hai mươi hai vị, phụ có hai vị)

1. Truyện ngài Tăng Tạng ở Phần Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tăng Tạng, người xứ Hà Tây. Từ thuở tuổi nhỏ mà đã bạt tục, khí tốt thần thanh, theo con đường lành, ở nơi ngôi vị thấp. Đến lúc thấm nhuần thiện giới, thầm giữ căn trần. Thấy đền thờ các bậc hiền nhân thì kính lễ, gặp những bậc thầy đức thì thạy đều lễ bái, như gặp kẻ tăng người tục bái lạy lại thì Sư liền cúi đầu khom mình mà chạy như lánh né lịnh trưởng. Như đang lúc làm việc chúng tăng thì đồng như tịnh nhân, khuất mình như che giấu. Thấy y phục cũ của người khác thì ngâm dầm giặt nhuận, riêng việc may vá, đến lúc nắng thì cởi áo vào trong lùm cây rậm, bị các loài thuồng luồng, ve, ruồi, đỉa, bò cạp hút máu, máu đổ mà chịu đựng thấm ướt mồ hôi. Và Sư thường xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà. Tuy khéo trải qua mà chẳng thể định được toán số. Đích xác chí thầm lặng tâm không hề thiếu sót. Đến lúc dự biết báo thân đã sắp cùng tận, Sư nói với thầy thuốc chăm sóc bịnh Sư rằng: “Sơn Tăng nhiều may mắn được các trời người lần lượt đến đón rước!” Sư lại nói: “Lúc tôi nhắm mắt nghe vãng sanh Tịnh Độ. Nhóm tụ các bậc thượng thiện nhân rải hoa, sẽ trở lại cõi nầy”. Ngay lúc xả bỏ thọ mạng, Sư chấp tay niệm Phật, an nhiên thị tịch.

2. Truyện ngài Chánh Thọ trụ chùa Sơn Quang ở Hán Đông, thời Tiền Đường:

Thích Chánh Thọ, không rõ Sư là người xứ nào. Phong nghi vời vợi trang nghiêm, tiết tháo cao cường. Sư mang tích cầm đãy, các Tông Sư đều đến tham yết, nhưng vì nhân duyên hòa hợp, nương tựa có chỗ kết quy, Sư ở trong môn phong của Thiền sư Tháo ở Nam Tháp, quyết xé lưới nghi, thầm tu dưỡng ích. Sau, Sư lại trầm lắng tại chùa núi ở Tùy

Bộ, mọi người đều không biết.

Bấy giờ, Tiều Vương Trùng Khước, tức con thứ của vua Trung Tông, vào đầu niên hiệu Thần Long (705), Vi Thứ Nhân dèm pha mách bảo là cùng anh em Trương Dịch tạo thành tội Trùng nhuận, bèn đổi đến làm Thứ Sử Quận Châu, kín thêm gìn giữ, chẳng việc thấy nghe. Vi Hậu vào triều thêm binh sĩ phòng vệ, đến lúc dòng họ Vi bị giết hại, vua Duệ Tông lên ngôi (710) thì chuyển đến làm Thứ Sử Tập Châu, chưa thực hành mà chốc chốc tỏ vẻ chẳng vui, luôn quy tâm về Thiền sư Tháo, xây dựng tháp Sanh Tạng mà cúng dường Thiền sư Tháo, cao chừng bảy mươi thước rất rực rỡ rộng lớn. Đến lúc Thiền sư Tháo lâm bịnh đã nguy nan, Tiều Vương sai người thưa hỏi: "Sau khi Ngài thị tịch ai là người tiếp nối Tông phong?" Thiền Sư Tháo bảo: "Bần đạo có đệ tử là Chánh Thọ sẽ ở đây". Tiều Vương hỏi: "Trong chúng tăng ai là Chánh Thọ?" Có người nói: "Hòa-thượng có vị đệ tử đang ẩn dấu ở Sơn Quang". Tiều Vương liền sai sứ thỉnh Sư Chánh Thọ đến. Sư thưa với Thiền Sư Tháo: "Mừng thay! Tiều Vương làm đàn việt! Tháp thầy xây dựng đã hoàn thành, đệ tử muốn vì thử trước có được chăng?" Thiền Sư Tháo bảo: "Ông khéo thử!" Khi đó, Sư vén y chấp tay vào trong tháp, thúc liễm tôn dung nhắm mắt ngồi kiết già mà thị tịch, toàn thân không rã hoại. Bấy giờ, xưng hiệu Sư là: "Thí Pháp Hòa-thượng". Tiều Vương nghe thế rồi khen ngợi suốt ngày, nói rằng: "Đệ tử còn được như thế!" Mới riêng bàn đổi tháp khác, xây dựng tháp khác cho Thiền Sư Tháo.

Liên hệ thử bàn:

Người trước có tâm đoạt người, Ngài Chánh Thọ trước Thiền Sư Tháo. Phàm người trực vãng hẳn có khả năng qua lại. Nghiệp lụy chẳng nhờ, lồng châu chẳng đậy. Thoát khỏi nương nhờ, mở toang lồng đậy, sanh tử tự tại. Đã là tự do tức đã vượt lên quả vị. Từ tục đế mà quán xét thì Ngài Chánh Thọ thoát ra mầu xanh Từ mầu Lam, mà hay nương tâm mạnh chân thoát ra trước cả thầy mình, một ngày ngàn dặm, là nghĩa nầy vậy.

3. Truyện ngài Vô Nhiễm trụ viện Thiện Trụ ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường:

Thích Vô Nhiễm, Sư chẳng thuộc dòng tộc nào. Từ núi Trung Điều Thọ Nghiệp, Sư giảng Luật Tứ Phần, Kinh Niết-bàn, Luận Nhân Minh và Bách Pháp. Người học pháp lành nương theo đó.

Ngài trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, nói đến trú xứ của các vị Bồ-tát ở thế giới vàng ròng ở phương Đông Bắc, Bồ-tát Văn-thù cùng một muôn

thánh chúng từ xưa đến nay thường trú trong đó mà giảng nói Pháp. Hoặc hiện hình ông lão, hoặc hiện hình trẻ con. Gần đây nghe có Ngài Phật-Đà-Ba-Lợi từ Tây Vực đi đến, chẳng mỏi mệt vượt qua sa mạc, không từ nan tuyết lãnh mà quyết tìm Thánh tích.

Dưới thời vua Cao Tông (650 - 683), Sư đến dảnh Tư Lương ở núi Ngũ Đài, đảnh lễ khải cáo cầu thỉnh, mới thấy được ông lão, tức là Bồ-tát Văn-thù. Ngài Phật-Đà-Ba-Lợi tuy nói rằng: "Mặt tuy tiếp nhận mà chưa quyết tâm nghi. Bèn bảo đến nước phương Tây thỉnh nhận kinh, đến hang Kim Cương vào cảnh giới của Bồ-tát Văn-thù, đến nay chưa trở lại. Các bậc cổ đức được như thế, ta đây há chẳng có duyên ư?" Sư bèn theo gót Ngài-Đà-Ba-Lợi cất bước tham phỏng các vị nổi tiếng, thành gặp Thiền tông, thấu cùng lý tánh. Hoặc từ trong Kinh pháp tịch, nghiên cứu huyền vi.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ (791), Sư đến viện Thiện Trụ ở núi Ngũ Đài. Bấy giờ, có Sa-môn Trí Quân là Đô Kiểm Hiệu Thú của mười chùa ở Ngũ Đài, là người đứng đầu trong các Tăng trưởng. Ngài bèn dừng ở nương tâm, phát thệ nguyện chẳng ra khỏi núi. Thường nghĩ đến hóa cảnh của Bồ-tát Văn-thù chẳng phải phàm tình mà hơn được, đâu nên lười biếng. Mùa Đông thì lượm củi cúng dường chúng tăng, mùa Hạ thì cất bước vân du, mùa Xuân mùa Thu chẳng đổi dời hơn hai mươi năm, trước sau hơn bảy mươi biến, Sư đi khắp các Đài, trông xem hóa hiện cầu vàng, tháp báu, chung khánh sáng ngời, chẳng tận cùng ngằn mé. Sư nói: "Chuột của tùng bách chẳng biết trong nhà thẩm có cây tùng tốt đẹp ư? Nói càng có hơn so với các điềm lành. Ta chỉ được chút ít chưa lấy làm đủ" Cuối cùng ở trong Đông Đài bỗng nhiên trong thấy một ngôi chùa đề biển hiệu là "Phước Sanh". Trong đó, phạm tăng có đến muôn vị. Sư từ đầu lễ bái lần lượt thăm hỏi. Thấy Bồ-tát Văn-thù cũng là vị tăng, bảo với Sư rằng: "Ông có duyên ở đây, phải nên gánh vác việc chúng, chớ được bỏ mất, có nguyện không hạnh mà thôi". Nói xong ngôi chùa và tăng chúng hóa hiện biến mất không còn nữa.

Sư bèn khen ngợi rằng: "Thấy được điềm linh dị này, há có thể theo sao? Đây là thân nguy ách có gì lâu bền!" Bèn vâng theo lời nói đó mà rộng bày cúng thí. Mỗi lần thiết trai cúng dường một trăm muôn vị tăng và đốt một ngón tay để ghi nhớ, dần dần đến số năm trăm muôn, xa gần đều ủy thác, như nước biển chảy vào ao. Mãi đến lúc cúng dường hoàn tất ngàn muôn vị tăng thì mười ngón tay đều đốt hết. Đến niên hiệu Khai Thành (836 - 841), Sư bạch với đại chúng rằng: "Ở núi này tôi có nhân duyên mỏng manh! Đã bảy mươi hai lần đi khắp các Thánh

tích, chỗ mọi người chưa đến tôi đều đã đến. Lại chẳng ra khỏi núi này là đã báo nguyện sâu xa, hạnh chẳng có gì lớn lao, biết làm sao vì đã già suy, nay đã tuổi bảy mươi bốn, năm mươi lăm hạ lạp, và còn được chút hơi thở thừa, muốn đến trên đỉnh Trung Đài nhóm đốt nén nhang, cáo từ mười phương các đức Như Lai và một muôn vị Bồ-tát. Hoặc tôi tắt hơi qua đời, thì ai là người chịu thay thế! Huống gì các người đều là môn nhân của Bồ-tát, là quyến thuộc của Long Vương, gieo trồng hạt giống lành, được ở núi này, sớm tối tinh cần buộc ràng ba nghiệp. Long Hoa Tam Hội cùng kết yếu kỳ. Đây là lúc tôi xuống núi, xin chớ gây trở ngại!" Sư lại chấp tay nói rằng: "Xin trân trọng!" mà đi. Tăng chúng lúc đầu không hiểu ý chỉ của Sư, đều bảo là:"sớm trở về!"

Sư bèn đem theo bình bát, tích trượng, chỉ đốt ít danh hương, và bèn bảo Triệu Hoa họ Quý đem theo sáp ong, hai cây vải bố, một bó gai thô, một đấu nhựa hương đi đến đảnh Trung Đài. Từ sáng đến chiều tối, Sư đốt hương lễ bái, không tạm nghỉ chút nào, chẳng hề ăn uống, kính thành niệm Phật, tiếng không xen hở. Đã đến canh khuya, họ Triệu thị lấy làm quái lạ về việc của Sư, bèn trèo lên chỗ cao, thấy Sư chẳng đổi dời chỗ cũ mà càng thêm tinh chuyên. Sư nói với họ Triệu rằng: "Tôi có ước nguyện sâu kín, ông hãy trợ duyên cho tôi, không nên ngăn cản. Nên lây sáp vải gai đến bó ràng vào thân tôi. Vào giữa giờ Tý đêm nay, tôi muốn đốt thân cúng dường các Đức Phật. Nếu tôi đắc đạo sẽ độ cả ông!" Họ Triệu can ngăn khổ thiết khuyên cầu mà Sư chẳng từ bỏ. Đem vải quấn vào thân, trải lên lớp gai đã rưới dầu từ đảnh đầu mà đốt. Sư lại bảo: "Đem cốt tro của tôi phải thổi cho tan chớ để cho hiển bày quái dị!" Họ Triệu mỗi mỗi đều vâng theo chẳng dám sửa đổi. Sư đốt từ đầu, lửa cháy đến chân mới ngã. Họ Triệu bèn khen ngợi rằng: "Xưa kia được nghe Bồ-tát Dược Vương thiêu thân, nay thật thấy được Thượng nhân. Thật kỳ đặc thay! Tha thiết thay!

Sau, môn nhân thâu nhặt chân cốt, xây tháp ở phía Nam núi Phạm Tiên. Đến nay vẫn còn.

4. Truyện ngài Định Lan ở chùa Phước Cảm, thuộc phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Định Lan, họ Dương, người ở Thành Đô. Vốn là hạng người hung ác, rượu thịt nơi chốn cửa chợ. Trời ban cho quyết tánh, sửa đổi lỗi lầm trước, Sư phát thệ nguyện dự vào lục hòa, hành hóa khắp tam Thục. Người thời bấy giờ thảy đều quy y kính tín, xây dựng một ngôi chùa lấy hiệu là Thánh Thọ. Nhân duyên chưa phát, Sư vẫn phải ẩn tàng để giữ

gìn. Cha mẹ Sư đã sớm qua đời, không vốn liếng để có thể truy vãng. Mỗi lúc đến ngày húy kỵ, Sư khóc nghẹn ngào, khỏa mình vào trong núi Thanh Thành, tùy tiện để cho các loài thuồng luồng, muỗi, ve, nhặng, ruồi cắn ăn da thịt. Sư nói rằng: “Xả bỏ Nội tài là để báo đáp ân cù lao!” Trong xứ đất Thục có loài ểnh ương đen trắng, thân hình như hạt thóc, gặm ăn miệng và thịt người nhưng ít thấy chúng. Kế đến Sư chích máu viết kinh, sau thì thiêu đốt cánh tay, cho đến xẻo tai móc mắt thí cho chim thứu, thú dữ ăn. Thế rồi Sư bước đi bộ, chẳng người nâng đỡ dẫn dắt mà va chạm vật bị vấp ngã. Sau, có một người lạ trên tay cầm một vật như hạt ngọc sáng, bên trong trống rỗng, khoảnh khắc nhìn kỹ như cũ, thầm bảo rằng: “Nam Thiên Vương hoàn trả lại Sư nhãn châu!” Mọi người xa gần đều kinh hãi. Sư thường nói với mọi người rằng: “Tôi nghe trong Kinh Thiện Giới nói là “Vô Thượng Thí”, tôi nguyện siêng năng thực hành để mau đạt được thượng quả!”

Niên hiệu Đại Trung thứ 3 (849), vua Tuyên Tông ban chiếu thỉnh Sư vào nội cung cúng dường, vì kính ngưỡng sự cảm ứng của Sư, nên dùng ưu lễ mà phụng dâng. Đệ tử là Hữu Duyên thường lo mọi việc chung quanh. Đến tháng 2 niên hiệu Đại Trung thứ 6 (852), Sư lại phát nguyện thiêu đốt bắp tay. Vua nhiều lần khuyên can, cho rằng Sư tuổi đã già lại thêm siêng năng tu luyện lâu dài. Sư chẳng vâng theo chiếu chỉ, bèn tự thiêu đốt mà thị tịch. Ngài Hữu Duyên dâng biểu xin đổi tên xây tháp. Vua Tuyên Tông ban sắc tặng Sư thụy hiệu là “Giác Tánh”, Tháp hiệu là “Ngộ Chân”.

Mọi người ở xứ Thục Đô chỉ gọi là “Định Lan Tháp Viện”. Đến nay hương hỏa vẫn chưa dứt.

5. Truyện ngài Hồng Hưu (Cảnh Tuyên) trụ chùa Kiến Phước ở núi Hoàng Bá thuộc Phước Châu thời Tiền Đường:

Thích Hồng Hưu, không rõ Sư là người xứ nào. Thẩn vũ tiêu đĩnh, huyền cơ cán vận. Sư trụ tại chùa Hoàng Bá thuộc đất Mân, luôn đông đúc người đến thưa hỏi. Ngoài việc chỉ bày dạy dỗ, Sư luôn vui vẻ. Sư từng nói rằng: “Nợ trước phải đền trả, đền trả hết thì đâu còn gì phải lo sợ. Ta và vật đều tiêu dao”. Mọi người đều không hiểu được ý chỉ ấy. Đến niên hiệu Quảng Minh (880 - 881) giặc cướp dẫy đầy. Sư ra phía ngoài chùa cởi bỏ áo nạp, đứng trên tảng đá dưới gốc thông, nói rằng: “Thệ nguyện chẳng làm dơ bẩn chốn đất thanh tịnh”. Và an tường ngửa cổ đợi đón mũi nhọn. Mũi nhọn rơi xuống mà không chảy máu. Bọn giặc lật lại, kinh hãi lấy làm lạ, lạy dài mà sám hối. Đệ tử Sư là Cảnh

Quang trà-tỳ di thể thâu nhặt được bảy viên xá-lợi, đựng trong đãy rất quý trọng. Có người dốc lòng kính tin đem hạt đậu đúng như số lượng mà đổi lấy, đuổi theo mà chẳng kịp, bèn sang bói cỏ thi. Với quẻ đoán nói rằng: “Sinh tử sang hèn không phân quẻ ta, tại hay chẳng tại, mất hay chẳng mất. Ai biết thế nào?”. Đến lúc có được bèn tôn trí vào tháp, phân bảy hạt đựng trong bình lưu ly tỏa ánh sáng rực rỡ. Bấy giờ, có Sa-môn Thanh Khoát soạn văn tụng ghi lại đức hạnh của Sư.

6. Truyện ngài Toàn Khoát trụ viện Nham Đầu ở Ngạc Châu, thời Tiền Đường:

Thích Toàn Khoát, họ Kha, người ở xứ Tuyền Châu. Thuở thiếu thời Sư tài trí trội vượt, khí độ rộng xa mà khoan dung. Sư đến đảnh lễ Đại Sư Nghị Công ở Thanh Nguyên, tôn làm thầy. Rồi sang Trường An, đến chùa Tây Minh nơi Đại Sư Chiếu Công, được thọ giới cụ túc, tức ở chùa Bảo Thọ ở Tả Nhai, nghe tầm kinh luật, quyết chọn cương tông, thành tự dẫn giảng. Ngài chống tích về hướng Nam, đi đến bái yết ngài Đức Sơn ở Võ Lăng. Thuốc bịnh tương ưng, không còn nghi ngờ vướng mắc. Sau, Sư ở chỗ gần Động Đình, đất đó gọi là Ngọa Long, Sư bèn cất thất mà ở. Đồ chúng đồng bạn đến nương theo, Sư lại đến ở núi Đường Niên. Núi đó có Thạch Nham cao vợi mà hiểm hóc. Sư lập biển hiệu của Viện là “Nham Đầu”. Hễ có thi dụng đều phải chân thật, ngồi sừng sững, nhậm chúng vây quanh. Sư bảo: “Các ông sao không nghĩ chỉ trong nhà có ít nhiều công việc, thật đối với cảnh thuận nghịch chứng đắc tướng siêu việt?” Vào niên hiệu Quang Khải (885 - 888) Sư lại đến Trung Nguyên, vốn có lắm sự, chư hầu lập riêng từng góc, giặc cuồng lại dánh cướp, đồ chúng đều trốn lánh, Sư vẫn an nhiên, giặc trách Ngài không cung cấp biếu dâng, tức giận khiến khua ném mũi nhọn. Sư vẫn không tỏ vẻ sợ hãi. Ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Mùi (887) thuộc niên hiệu Quang Khải, môn nhân tạm an táng, sau đó lại trà-tỳ có được bốn mươi chín viên xá-lợi. Vua Hy Tông ban tặng Sư Thụy hiệu là “Thanh Nghiêm”, tháp hiệu là “Xuất Trần”. Mọi việc trong lễ tang đều do đàn việt anh em Điền Vịnh chi xuất của cải lo liệu. Sa-môn Thích Huyền Thái ở Nam Nhạc soạn văn bia khen ngợi đức hạnh Sư đề xướng cao vợi. Bấy giờ, Sư được gọi là Nham Đầu Pháp Đạo” khó mà lãnh hội.

Liên hệ thử bàn:

Hai Ngài Hồng Hưu và Toàn Khoát lâm nạn sao không tránh khỏi ư? Thông đáp: Cái khó của phàm phu là cái dễ của Bồ-tát, trải qua

nhiều đời kiếp xả bỏ, đó đâu có gì hy hữu ư?. Xưa kia, Ngài An Thế Cao nhiều lần đền trả oan trái, xả bỏ như phủi nghiệp, trần lụy mới nhẹ, khổ nương thân hết, đổi thể bền chắc. Thần tiên từ mũi nhận mà chết, gọi đó là "Kiếm giải", huống gì các Sư là người chánh tu chứng quả, đạo lý quán đãi chẳng vì không chết mà hổ thẹn.

7. Truyện ngài Nguyên Tuệ trụ chùa Pháp Không Vương ở Gia Hưng, thuộc Quận Ngô, thơi Tiền Dường:

Thích Nguyên Tuệ, họ Lục, là cháu của Tấn Bình Nguyên Nội Sử Cơ, cha của Sư là Đan Văn Lâm Lang Văn Kỵ Úy Ôn Châu Liệu Tào Tuệ, tức là Trọng Tử. Thuở bé Sư dĩnh ngộ, lúc trưởng thành thì hài hòa, sợ làm rùa khô, lo làm nhạn gầy.

Niên hiệu Khai Thành thứ 2 (837), Sư từ giã thân thích, đến chùa Pháp Không Vương, nương tựa Ngài Thanh Tấn làm đệ tử. Niên hiệu Hội Xương thứ nhất (841) Sư sang Hằng Dương thọ giới pháp, mới tập học tỳ-ni, Sư vào lễ bái núi Ngũ Đài, bèn quán các điềm lành. Năm sau, Sư trở về Ninh Gia Hòa, trụ chùa Kiến Hưng, lập chí hành trì Tam Bạch Pháp, trì tụng năm bộ Mạn-noa-la. Trên cánh tay Sư thiêu đốt hương cúng dường. Đến niên hiệu Hội Xương thứ 5 (845), cùng bị pháp nạn nên bị đào thải thanh trừng, Sư tạm ẩn làm người tại gia. Đến niên hiệu Đại Trung thứ nhất (847), Sư trở lại Pháp môn, đến niên hiệu Đại Trung thứ 7 (853), Ngài xây dựng lại chùa Pháp Không Vương, lại đốt hương trên cánh tay để cúng dường báo ơn Sơn Phật Nha. Tiếp đến, Sư sang núi Thiên Thai độ Thạch Kiều, lợi đã đi qua, không còn lo lắng. Vào niên hiệu Hàm Thông (860 - 874), Sư theo đón rước xá-lợi cốt ngón tay giữa của Phật đến chùa Trùng Chân ở Phụng Tường. Sư tự đốt ngón cái tay trái, miệng luôn trì tụng Kinh Pháp Hoa, ngón tay ấy chưa qua một tháng đã mọc lại như cũ.

Niên hiệu Càn Ninh thứ 3 (896), tình cờ Sư nói: "Trái tôi!". Qua ngày 28 tháng 9, Sư thị tịch tại Viện Tôn Thắng, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Đệ tử Sư là Đoan Túc v.v... đón rước thần tòa an táng ở xứ Ngô Hội, xưng hiệu Sư là Tam Bạch Hòa-thượng. Sư Lễ bái trì tụng, nhiều chẳng thể tính kể số, như ở biệt lục có ghi.

Liên hệ thử bàn:

Đốt ngón tay cái, lửa hết tro bay, làm sao ở chỗ đã bị cháy, xương thịt lại mọc chẳng bao lâu lại như cũ. Đây cùng với hoa sen trong lửa đồng chủng loại mà khác trạng thái ư? Và sao gọi là Tam Bạch? Thông đáp: Hai thứ sự lý, một bạch phạn, bạch thủy, bạch diêm là sự vậy; hai

thân chẳng biến xúc, miệng tụng chân kinh, ý chẳng vọng duyên. Ba diều minh bạch chẳng phải là hắc nghiệp, nên có tên ấy.

8. Truyện ngài Trúc Thảo Sư trụ chùa Bồ Đề ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Thúc Thảo Sư, không rõ Sư từ đâu đến, trụ chùa Bồ-đề trong phường Bình Khương ở Kinh Triệu. Sư là người hình vóc chẳng đủ mà thần thái tài giỏi, ngâm vịnh ca hò tự đắc, ít giao tiếp với người đương thời, vả lại chẳng nói rõ tên họ. Sư thường mang bó rơm khô, ngồi nằm dưới hai hành lang, chẳng thích ở trong phòng nhà. Có người nói đó là hạnh đầu-đà. Qua vài năm, các vị cương nhậm trong chùa khuyên Sư nên ở trong phòng, cũng có người cười chê Sư như vậy là là bê bối. Sư bảo: “Chán ghét tôi ư? Ở đời chẳng kham mến thương, sao có thể lớn được!” Đêm đó, Sư bèn dùng bó rơm thiêu đốt thân mình, đến sáng hôm sau chỉ còn tro than, không lưu lại hài cốt, lược hết mùi bụi dơ, lại không tiếng lúng búng kinh hãi. Tính thấy một ít rơm khô ấy không thể thiêu đốt toàn xác thân này, không còn chút gì, nhưng đó là Sư nổi lửa Tam-muội mà tự đốt thân. Cả chúng đều khen ngợi, rất nhiều người dân đến trông xem kính lễ. Các hàng tín sĩ khắp kinh ấp bèn đắp tro ấy thành hình tượng vị tăng, tôn trí phụng thờ bên cạnh tượng Phật. Người đời xưng hiệu Sư là ”Thúc Thảo Sư”. Cầu nguyện có nhiều ứng nghiệm.

Liên hệ thử bàn:

Trong Kinh Xử Thai chép: “Bồ-tát thiền định nhiếp ý nhập hỏa giới Tam-muội. Hàng chúng sanh ngu mê cho đó là Bồ-tát gặp phải kiếp lửa thiêu. Tỳ-kheo chưa được như thế. Không dùng việc nầy để huyễn hoặc người. Nếu dùng ít rơm khô mà đốt được hình hài lớn, thì đáng tin. Nên trong sách nói rằng: Dân không dò xét trù trướng là huyễn! Than ôi!

9. Truyện ngài Hạnh Minh trụ tại Lan-Nhã ở Nam Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Hạnh Minh, họ Lỗ, người ở xứ Trường Châu thuộc Quận Ngô. Thuở nhỏ, Sư theo thầy ở bổn bộ, sau du phương theo học Đạo. Ngài có chí khí hiên ngang, kiêu ngạo phóng khoáng.

Ban đầu, Sư đi khắp núi Ngũ Đài, Nga My, đảnh lễ các vị Bồ-tát ở hai thề giới sắc vàng, sắc bạc và thảy đều tùy tâm ứng hiện. Từ đó, Sư lên Thiên Thai, vượt qua La Phù, vào Hành Nhạc, đến Tử Đồng. Gặp

lúc Đường Quý Sương nhiễu loạn chung quanh, tranh giành tầm thường mà chưa dứt, chẳng có năm nào yên ổn. Khi ấy, Sư nương gá dưới ngọn núi Chúc Dung, có chí nguyện sống đến cùng tại đó. Sư dừng ở đài Thất Bảo, làm bạn kết giao với Ngài Huyền Thái. Tánh Sư tốt xấu thế nào Ngài Huyền Thái cũng không chống đối sự khinh trọng ấy. Sư có nói với bạn đạo rằng: "Tôi không nguyện theo Tăng Nhai tự thiêu thân ở lầu gỗ, cũng chẳng muốn làm như Khuất Nguyên vùi chôn mình trong bụng cá, mà trọn thệ nguyện xả bỏ thân mình, học hạnh của Thái tử Tát-đỏa vượt qua nhiều kiếp mà thành Quả Thánh, có thể được chăng?" Tuy Sư thường nói như thế nhưng đều chẳng tin. Bỗng nhiên ở giữa khoảng rừng thưa, Sư gieo thân mình trước loài hổ dữ, nó tranh giành nhau mà gặm ăn, trong chốc lát thịt hết sạch. Khi đó, Ngài Huyền Thái thâu nhặt xương cốt còn lại thiêu đốt và có được Xá-lợi. Mới hái hoa, rưới nước làm văn mà cúng tế. Trong văn từ nói rõ năng lực mạnh mẽ có thể bỏ hết nội tài, phá pháp keo kiệt thành đàn độ, chưa xả, đã xả và đang xả; ba luân chóng không, nhận lấy quả lớn như cúi nhặt hạt cải.

Liên hệ thử bàn:

Phật dạy bố thí thân mạng cho chúng sanh thọ thực, được hai đời thuận ích cảm quả chẳng phải nhẹ. Như Ngài Hạnh Minh thành đại đàn độ, lìa bỏ keo kiệt, tham lam. Thành tựu năng lực mạnh mẽ, được sức vô úy, thành tam luân không, công đức vô vi, thành tựu khó xả, tâm thanh tịnh cõi Phật. Chỉ một lần xả bỏ thân mình mà lợi ích rộng lớn thay! Thí như tổn phí của người khéo thưởng là ít mà khuyên gắng thì nhiều, nghĩa là như vậy.

10. Truyện ngài Thích Tức Trần trụ Viện Tam Học ở Vĩnh Hòa, thuộc Thái Nguyên, Thời Hậu Tấn:

Thích Tức Trần, họ Dương, người ở xứ Tinh Châu. Cha của Sư mua bán có không kiếm lời mà thôi. Mẹ của Sư nằm mộng thấy một người ăn mặc trang nghiêm kỳ vĩ xinh đẹp đến nói xin ở nhờ qua đêm. Lúc tỉnh giấc bà liền mang thai. Khi mới sanh có tướng đứa bé khác thường, chẳng giống như bao trẻ khác. Mỗi lúc nghe tiếng chuông khánh hay tán tụng thì liền ngưng thần lắng nghe.

Năm mười hai tuổi, nhân mộng thấy người vàng, hình trạng lạ lùng dẫn Sư vào Tinh Lô (tịnh xá). Sáng hôm sau, Sư liền thưa với cha mẹ cầu xin xuất gia. Trước khi chưa được chấp thuận, Sư khóc mà chẳng ăn, cha mẹ thương xót đó là thiên nhiên, tình cảm làm sao có thể cản ngăn, bèn bằng lòng. Sư liền vào Viện Thảo Đường, theo Thầy

trì tụng Kinh Duy-ma, giới Bồ-tát, đến nửa đêm chẳng ngủ. Sắp tròn một năm thì Sư bỏ bổn, tụng thuộc lòng. Năm mười bảy tuổi, Ngài đến Giảng Tịch nghe và tập học Kinh Duy-ma, hiểu biết đại khái về nghĩa lý. Đến năm hai mươi tuổi Sư thọ giới cụ túc, hành trì luật nghi, không hề thiếu sót. Năm hai mươi ba tuổi, văn nghĩa Sư đã thông nhiều. Bèn đến chùa Sùng Phước, chỗ Pháp Sư Tông Cảm đang thắng tập truyền trao. Sư lại học các luận Nhân Minh, Duy Thức, chẳng thiếu phu diễn. Học đồ dĩnh đạt vượt thoát chỉ được vài người, có Đại sư Biện Tài Tùng Thức ở chùa Sùng Phước tài giỏi nhất.

Vào niên hiệu Thiên Hựu thứ 2 (905) thời Tiền Đường, Lý thị Yêm Hữu Hà Đông, Võ Hoàng Đế thỉnh Sư đến ở viện Tịnh Độ chùa Đại An, chuyên cấp cúng dường tứ sự. Sư lại chuyên ròng xem đọc Tạng Giáo, tu luyện nghiệp thượng sanh, thiết bày Đại Trai hội Vô Giá, trước sau có đến năm hội. Sư từng vào chốn sơn cốc đem thân mình muốn bố thí cho loài cọp sói. Các loài thú ấy chỉ đến gần ngửi thử mà bỏ chạy. Sư lại đến khoảng giữa rừng thưa khỏa thân cho loài muỗi nhặng cắn đốt. Sư bèn đến chùa Tiên Nham Nhạc để dưỡng Đạo lắng thần, lại xem đọc Đại tạng kinh khắp một lượt rồi thiết trai, Ngài đốt một ngón tay, tỏ bày báo đáp diễm phúc ấy. Tại chùa đó có tôn tượng đức Đại Thánh Bồ-tát Quán Thế Âm, Sư sắm sanh bảy cây đèn lớn dài và hoa hương để dâng cúng. Sau, bị mọi người đến thỉnh Sư xuống núi, vào nội thành truyền giảng, mở mang Đại Luận, suốt năm không thôi nghỉ, cứ hằng tháng bày tấm gội. Sư đến nơi sông, ao hồ bố thí thức ăn cho loài thủy tộc. Lấy đồ cúng của mình để chuộc mạng loài chim muông. Sư trầm lắng cao minh để toại sanh tánh, hoặc cấp thí cho người tù tội được ăn, hoặc ban ân cứu giúp cho kẻ nghèo khổ, hoặc quyên tạo phướn lọng ở hai ngôi tháp Tịnh Minh, và Kim Tạng.

Niên hiệu Trường Hưng thứ 02 (931) thời Hậu Đường, đại chúng thỉnh Sư đến sau chùa Đại An Quốc xây dựng Viện Tam Học, cúng đãi thính chúng bốn phương. Bấy giờ, Sư giảng Kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch, truyền trao cho Đại Sư Kế Huy ở chùa Sùng Phước. Do đó, suốt ba năm Sư không ra khỏi cửa viện, cứ mỗi chữ một lạy trọn bộ Kinh Hoa Nghiêm, trọn một biến cứ mỗi chữ một lạy Kinh Đại Phật Danh, cộng cả thảy một trăm hai mươi quyển. Ngài lại tự đốt một ngón tay, trước sau đốt tất cả năm ngón tay. Bấy giờ, Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) ngầm kích động ở Tấn Dương, rất kính trọng Sư. Đến lúc lên ngôi (936 - 943), cứ mỗi lần Sư vào kinh đô Lạc Dương chầu hầu, thì Nhà vua đều thỉnh Sư vào Nội điện, thung dung ban tặng rất nồng hậu, nhà vua ban

tặng Sư y phục sắc tía và ý hiệu, Sư cố từ chối mới thôi. Sư nghe tại chùa Pháp Môn ở Phụng Tường có chân thân cốt tiết ngón tay giữa của Đức Phật, bèn giã từ nhà vua, sang Kỳ Dương chiêm lễ. Sư trông thấy rất hy hữu kỳ đặc, nên lại đốt thêm một ngón tay để cúng dường. Hai bàn tay của Sư chỉ còn hai ngón mà thôi. Sư lại tiếp tục đến chùa Thiên Trụ, tập học luận Câu-Xá với Pháp Sư Sở Luân. Mới qua vài ngày, Sư bị bịnh nhẹ. Đến giờ Thìn ngày 27 tháng 7, Sư nằm gối trên cánh tay mà thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp.

Bình thường, Sư chỉ mặc áo vải thô chẳng chứa để vật gì. Thường ngày sáu thời lễ bái không hề thiếu sót, khắp vùng Lũng Để nghe tin Sư thị tịch, kẻ tăng người tục đều đầy đủ oai nghi tiễn đưa, trà-tỳ thâu nhặt được mấy trăm viên xá-lợi. Đệ tử đem linh cốt Sư về Thái Nguyên. Vua Cao Tổ thời Hậu Tấn ban sắc an táng tại Tây Sơn thuộc Tấn Thủy. Ngôi tháp nhỏ đến nay vẫn hiện còn.

Liên hệ thử bàn:

Sư xả bỏ hết như thế có thể hơn được năng lực tinh tấn của Sư ư? Thoát lạc phù vinh há có thể hơn được nghĩa giải ấy ư? Nếu như thế thì không thể dùng một tên mà xưng gọi, nhất quyết như hoa chiêm bặc. Mầu sắc vàng mà đẹp thì vàng ròng phải tạ sắc ấy, hương thơm tỏa xa thì Ngưu Đầu còn thẹn mùi hương ấy. Nhiều tên sanh từ một thể. Đó là Ngài Tức Trần.

11. Truyện ngài Đạo Dục trụ chùa Bình Điền ở núi Thiên Thai, thời Hậu Tấn:

Thích Đạo Dục, là người nước Tân-la. Dòng họ và quê quán của Ngài tại bổn quốc chưa biết rõ.

Năm Nhâm Tý (892) thuộc niên hiệu Cảnh Phúc, thời Tiền Đường, Sư đến núi Thiên Thai, lúc trở về, Sư trụ trong chúng đường chùa Bình Điền, luôn tỏ tâm từ ái tiếp vật, mà chẳng hề bỏ tiếng nói của vùng đất mọi rợ, Sư thường chấp trì mọt bình bát mà thọ thực, ăn xong kinh hành, và thường hay ngồi, khi nằm lưng hông chẳng đặt trên chiếu. Hằng ngày Sư lo việc lau quét Chánh điện hành lang, sửa sang trong thường trụ, được thức ăn thừa thì ăn. Tuy thức ăn có mầu xấu đã đổi mùi nhưng đều thâu nhặt để trong bình bát đến giờ thọ trai thì tự ăn. Sư lo nấu nước trà quét dọn buồng tắm, thấy các loài trùng nhỏ trong cây củi thì bắt lấy để nơi đất xa, Sư bảo hộ sanh mạng rất tha thiết như thế. Sư chỉ mặc áo nạp vải thô, rất nặng nề khó mang. Từ đầu mùa Hạ đến cuối mùa Thu, lúc mặt trời xế bóng, Sư cởi áo để mình trần cho các loài muỗi,

ve, nhặng, đỉa v.v... đốt chích hút máu, đến nỗi máu chảy ra trên đất. Sư luôn thực hành như thế hơn bốn mươi năm không hề phế bỏ. Hễ tình cờ gặp khách đến thăm hỏi, Sư chỉ nói hai chữ: "Ấy! Ấy!" mà thôi. Sư thật sự không biết tiếng Trung Hoa nhưng lại nhận hiểu ý người không sai lầm. Tóc trên đảnh Sư rũ xuống tận bạch mày và rối bù, thân Ngài thường lưu xuất xá-lợi có mầu xanh đỏ, tợ như những hạt châu. Nếu có người khẩn cầu đều tùy ý mà được.

Đến ngày mùng 10 tháng 10 năm Mậu Tuất (938) tức niên hiệu Thiên Phước thứ 3 thời Hậu Tấn, Sư thị tịch trong tăng đường. Tính ra lúc đó Sư đã hơn tám mươi tuổi. Chư tăng đón rước lên phía sau núi trà-tỳ, trong tro than nhặt được xá-lợi nhiều vô số kể. Hoặc có người nhặt được xương lớn.

Niên hiệu Thanh Thái thứ 2 (935) thời Hậu Đường, Sư từng đến Thạch Lương, lúc trở về Sư nghỉ trong phòng nhà. Lúc đó đang mùa Xuân ấm, Sư cũng đốt gốc cây để sưởi, trong miệng luôn nói láp váp suốt đêm chẳng thôi. Có người bảo: "Hễ ngày thiết Đại trai cúng dường La-hán thì Sư không ăn. Có người thấy nghinh đón La-hán khi đó hỏi Sư sao chẳng vào nội điện thọ cúng, thì miệng Sư bảo: "Ấy! Ấy!" rồi bỏ đi. Hoặc nói là thí cho các loài trùng ăn. Khi đó liền thấy bầy hổ đến ngửi rồi bàng hoàng bỏ đi.

12. Truyện ngài Cảnh Siêu trụ Am Hương Tích ở Lô Sơn, thuộc Giang Châu thời Hậu Tấn:

Thích Cảnh Siêu, không rõ Sư là người xứ nào. Vốn nghiêm trì giới luật như tiếc giữ chiếc phao nổi. Tánh Sư thẳng thắn, nói chẳng tùy theo mặt. Đến lúc du phương dời chân, Sư chọn chỗ tốt lành mà gá thân. Sư đến Lô Phong, bèn có ý muốn ở luôn tại đó, chỉ trì tụng Kinh Pháp Hoa, nuôi chí làm việc thường ngày. Dân chúng vùng Cửu Giang phần nhiều rất có ảnh hưởng. Sư từng lễ bái Kinh Hoa Nghiêm, cứ mỗi chữ một lạy, tính ra đã hai biến. Sư bèn đốt một ngón tay để cúng dường mừng việc lễ bái trọn bộ Kinh. Tiếp theo Sư lại lễ bái Kinh Pháp Hoa cũng đồng như trước. Trên da dẻ trong thân Sư ẩn ẩn hay lưu xuất xá-lợi, long lanh tròn sáng. Nếu có người khẩn cầu thì nơi chiếu ngồi hoặc nơi đất đi thâu nhặt được xá-lợi vô số. Vào niên hiệu Thiên Phước (936 - 943) Sư thị tịch tại Am. Đến nay, mộ tháp Sư vẫn hiện còn tại Lô Phụ. Mọi người du phương đến đó hết lòng đảnh lễ khen ngợi.

Liên hệ thử bàn:

Nói di thân tức xả bỏ toàn thân như Thái tử Tát-đỏa. Nay chỉ dùng

ngón tay làm đèn, hay đem cánh tay làm đuốc, đâu được xếp vào cùng hàng như thế, há chẳng quá may mắn chăng? Thông đáp: Đốt một ngón tay, cắt một cánh tay, đó là gia hạnh của di thân. Huống hồ trong thời tượng Pháp, mạt pháp thì đó lại là việc rất khó. Giống như Liêm Ngung giữ phần ít, khi nhập vào Tuần Lại Truyện thì đồng.

13. Truyện ngài Chí Thông trụ Chùa Pháp Môn ở Phủ Phụng Tường, thời Hậu Tấn:

Thích Chí Thông, họ Trương, là con nhà tiếng tăm ở Hữu Phù Phong. Sư sớm biết xả bỏ thế tục, khắc chí chuyên việc ở tịnh môn. Chọn lễ các bậc danh sư, bước lên thượng phẩm. Các giảng tịch ở mọi nơi Sư đều đến khắp và lưu tâm để ý.

Cuối thời Hậu Đường (936), binh giặc dấy động, từ đó Sư đặt giá lần dò đi về phương Đông, đến Lạc Hạ. Gặp được Tam Tạng Pháp Sư Phiệt-Nhật-Ra đang hành trì pháp Du-già, Sư bèn kính lễ mà phụng thờ. Khi đó Sư bèn có ý vượt qua Thiên Thai tìm tới La Phù, nên bèn từ giã. Ngài Phiệt-Nhật-Ra nói: “Tôi tới đây cầu phiên dịch, gặp phải trung nguyên có lắm việc. Ông thử bàn đi đến phương Nam, làm sao có thể đi con đường thẳng ư?” Sư thưa: “Bồng bềnh thiên tiệm, Ngài sao giống con vậy!” Ngài Phiệt-Nhật-Ra bảo: “Nếu như đến được Ngô Hội thì có thể giao cho ông kinh điển bản Phạn, hoặc có duyên tụ hội thì truyền dịch!” Sư thưa: “Đã nghe lời chỉ bảo.

Đến năm Kỷ Hợi (939) tức niên hiệu Thiên Phước thứ 4, thời Hậu Tấn, Thiên Vương sắc ban đến Ngô Việt, Sư bèn nương theo thuyền biển đi đến Chiết Trung. Bấy giờ, Văn Mục Vương họ Tiền vâng lệnh triều đình thỉnh đón Sư, đầy đủ oai nghi nhạc bộ đón rước Sư vào phủ đình để cúng dường, và an trí Sư trụ tại chùa tháp Chân Thân, cúng dường ban thưởng rất nồng hậu. Sư xin đến núi Thiên Thai. Do đó, Sư lên Xích Thành, vượt qua Hoa đảnh. Thế rồi đến dừng ở tại đạo tràng của Đại Sư Trí Giả. Nhân xem đọc bộ “Tây Phương Tịnh Độ Linh Thụy truyện”, bèn đổi hạnh hồi tâm nguyện sanh về cõi nước ấy. Lúc bình sanh, Sư ngồi chẳng quay lưng về hướng Tây. Trong núi có “tảng đá vẫy tay” là chỗ xưa kia Đại Sư Trí Khả mộng thấy trên tảng đá ấy có vị tăng đến trên biển với hình trạng đưa tay vẫy gọi, khi Ngài Trí Khả vào núi Thiên Thai thấy vị tăng đó tên là Định Quang, vành tai cao vót quá đảnh, và cũng chẳng biết đó là thần tăng. Vừa mới gặp, vị tăng ấy nói với Ngài Trí Khả là”lúc trở về có thể ghi lại được tướng vẫy gọi chăng?” Ngài Trí Khả nói: “Ở tảng đá ấy cao vót, trông nhìn xuống

không thấy đất”. Sư leo lên trên tảng đá ấy tự gieo mình, nguyện chóng sanh về Tịnh Độ, thân rơi xuống trên một cành cây đại thọ, cành nhánh mềm mại như có người nâng đỡ, rất lạ là không thương tổn gì. Sư lại gieo mình rơi xuống núi nằm trên cỏ non, có tổn thương chút ít, giây lát sau Sư tỉnh lại. Tăng chúng trong chùa cho rằng Sư đã bị chó sói, hổ ăn thịt, đến lúc trông thấy Sư còn sống mà bị tổn thương, bèn khiêng Sư đến trong đạo tràng. Lúc Sư đi không báo cho chúng tăng biết, nên mọi người chia nhau đi ở các đường tìm kiếm, đến xóm Loa Khê, ở đó có vị đồng bống nói lắm việc rất ứng nghiệm, nên chư tăng bèn đến hỏi thử. Thần nói: “Vị tăng ấy (Chí Thông) hiện ở phía Tây Nam, có thần Kim Khải bảo hộ không chết. Ta đến đó, vì khí thần hết, nên khó có thể lại gần”. thảy đều phù hợp vơi lời thần nói.

Sau, Sư sang Việt Châu trụ ở núi Phát Hoa, lắng tu tịnh nghiệp. Lúc sắp thị tịch, tại phòng Sư ở, đất đều biến thành mầu trắng, mọi vật như truyền phân. Sau đó không lâu, Sư ngồi trên giường thiền mà thị tịch. Lúc rước tòa trà-tỳ, có khói năm mầu phủ trên đảnh đầu, trong sông Pháp Hoa đều nghe có mùi hương.

Liên hệ thử bàn:

Xưa kia, Ngài Bạc-Câu-La có năm lần chẳng chết, nay Ngài Chí Thông có hai lần chẳng chết. Xưa kia, Ngài Pháp Sung ném lò hương ngàn nhận mà chẳng mất, nay Ngài Chí Thông cũng đồng. Há chẳng được trời, rồng nâng đỡ, che chở mà chẳng tổn hại mảy lông ư? Và có khả năng kéo dài, gìn giữ sắc tâm không đứt đoạn như thế, làm sao giúp Sư tăng tu tịnh nghiệp như vậy.

14. Truyện ngài Đạo Chu, trụ chùa Vĩnh Phước ở Linh Võ, Sóc Phương, thuộc thời Hậu Tấn:

Thích Đạo Chu, họ Quảng, Người ở xứ Hồi Lạc, thuộc Sóc Phương. Thuở bé, Sư thông minh thanh nhã, rõ ràng có oai nghi. Tuy tụng đọc thi thư mà Sư lại thích nghe sách Phật, quyết tâm xuất gia, trụ viện Khổng Tước Vương ở chùa Long Hưng, thành tựu được giới châu, dần trìn trăng tâm. Sư ngâm nga tán tụng rõ ràng, mọi người rất thích nghe. Sư đốc xu-ất các hàng tín sĩ xây dựng chùa Vĩnh Hưng. Công việc hoàn thành Sư chẳng nắm giữ, bèn giã từ Linh Soái Hàng Công Thù vào hang động Cỏ Trắng ở núi Hạ Lan, lập nguyện hẹn thời gian trì niệm, cảm cách đến suối khô nên nước lại tuôn chảy, có rắn linh bơi lội ở trong, bèn trèo lên pháp đài mà đàm luận, người tại gia, xuất gia đông đúc như ong bướm nhóm họp, đàn thí cung cấp chất thành núi. Sư tán xướng âm hưởng có

thể ngăn cả mây bay, cách vận cả những người hung dữ nhu cú vọ. Sư chích máu viết thần chú Đại Bi Thiên Thủ Thiên Nhãn mà lập tượng. Gặp lúc trời nắng hạn, Sư tuyệt thực nhắm mắt, lấy kỳ hạn trời mưa mới nói đến việc no bụng.

Vào niên hiệu Trung Hòa thứ 2 (882) thời Tiền Đường, nghe ở Quyết Phụ nhiễu loạn, Sư bèn đến dưới tháp viện Định Niệm ở Nam Thành, chặt cành tay trái và đốt để cúng dường tôn tượng Đại Bi, nguyện chiến tranh chấm dứt, trên bình nguyên sớm thấy binh lính thôi nghỉ. Sư nói vừa xong thì sấm gió nổi dậy, mưa tuôn xối xả. Sư lại cắt xẻo vành tai trái vì dân chúng ma cầu mưa. Sư lại tuyệt thực bảy ngày để thỉnh cầu tuyết rơi thảy đều như ý nguyện, đến Phiên Lạc thì ai cũng sợ hãi.

Đến ngày mùng 6 tháng 2 năm Tân Sửu (941) tức niên hiệu Thiên Phước thứ 6 thời Hậu Tấn, hôm đó, chưa quá nửa đêm, Sư ngồi kiết già dặn dò môn nhân rồi an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Di thể Sư không tan rã, như nhập thiền định, bèn sơn phết lên.

Vào niên hiệu Kiến Long (960 - 963) thời Bắc Tống, có Quách Trung thứ xem đọc các sách, thuở nhỏ học rất giỏi, có tài viết chữ Triện, chữ Lệ, nhiều việc đều biết rành. Nhân đi đến Bắc Duệ dò hỏi sự tích của Sư mà soạn văn bia xưng tụng.

15. Truyện ngài Thích Hồng Chân trụ chùa Quảng Khánh ở kinh đô Lạc Dương thời Hậu Hán:

Thích Hồng Chân, họ Thuần Vu, người ở xứ Toan Tảo, thuộc Hoạt Châu. Thuở nhỏ, Sư tỏ ngộ được trần lao, quyết cầu xuất gia. Tánh Sư an nhiên, như mây hạc cùng cao. Thầy Sư trao cho bộ Kinh Pháp Hoa, bèn tùy theo văn mà Sư phát sanh hiểu biết. Sư mặc áo giáp tinh tấn, nhiếp phục mọi sân nhuế. Nếu thấm đượm của đàn thí thì Sư xoay mặt mà xả. Sư trì tụng Kinh Pháp Hoa khoảng chừng muôn bộ. Đến cửa triều đình dâng biểu xin được tự thiêu đốt toàn thân để cúng dường tháp Phật. Nhà vua ban sắc bảo không đúng thời. Chính là phát xuất ra nhiều cửa, hoặc có người dèm pha là người mê hoặc quần chúng, có người nói là chẳng lợi gì cho nước nhà. Nên triều đình ban sắc nghiêm ngặt ngăn cản. Sư than rằng: “Căn lành trồng cạn, ma chướng rất mạnh dữ, chẳng lẽ ta lại dừng!” Sư bèn trở về chùa Quảng Khánh, dốc hết của cải y phục vật dụng thực hiện bố thí Phi thời, sở nguyện được hoàn mãn. Ngay năm đó, không bịnh tật gì, Sư an tọa mà thị tịch, qua mấy ngày sau mà sắc mặt vẫn như lúc còn sống, bèn đón rước trà-tỳ, chỉ chiếc lưỡi không cháy mà càng thêm hồng đẹp. Bấy giờ, những người trông thấy

đều khen ngợi là việc ít có. Sư thọ năm mươi hai tuổi. Khắp vùng kinh đô Lạc Dương đều kính trọng như khi Sư còn sống.

16. Truyện ngài Tuệ Minh trụ chùa Báo Ân ở Tiền Đường thời Hậu Chu:

Thích Tuệ Minh, họ Tương, người ở xứ Tiền Đường. Sư nghiên cùng Tam học, dần vào tinh vi. Sau Sư lên Mân Việt, dần đến Lâm Xuyên, đảnh lễ Thiền Sư Văn Ích, hợp sâu Chánh lý. Sư tỏ ngộ được tâm yếu, trước tiên chẳng khởi tình kiến sanh diệt. Sau Sư trở về đất Chiết, ẩn cư tại vùng cát trắng núi Thiên Thai, dựng lập liêu cỏ, có đạo phong như Ngài Tuyết Phong Trường Khánh. Người đến ngày một ít dần, cho rằng lời Sư là ma nói.

Vào niên hiệu Càn Hựu (948 - 951) thời Hậu Hán, lúc Sư từ núi xuống, có Thúy Nham Sâm Công đốc suất các thiền bá đến viện Tư Hiến của tăng chủ định đoạt định đoạt đúng sai. Lời nói của Sư không thể bị chiết phục. Bỗng nhiên, Hán Nam Quốc Vương họ Tiền xây dựng chùa Đại Báo Ân, thỉnh Sư nhậm chức Trụ trì, hiệu là Viên Thông Phổ Chiếu Thiền Sư, mà Sư lại hành trì Huyền Sa Chánh Nhãn. Nếu chẳng phải là Sư thì sao có thể đến đó được.

Đến niên hiệu Hiển Đức (954 - 960) thời Hậu Chu, Sư thị tịch, lúc đó trời rất nắng nóng, mọi n gười muốn an táng nhục thân Sư. Có đệ tử của Ngài là Vĩnh An nói rằng: “ Hiểu thầy (Tuệ Minh) chỉ có tôi thôi! Xin nên trà-tỳ sẽ có được xá-lợi năm mầu, mỗi mỗi đều tròn sạch.

Ban đầu, Sư đốt một ngón tay làm đèn cúng dường ở núi Thiên Thai. Sau Sư lại thiêu đốt ba ngón mà chuyên cần giữ đúng thời khóa hành trì, xương sườn Sư hơi dính vào chiếu. Lúc Sư nói Pháp, tánh rất thẳng thắn, nói lắm điều trái ngược sự vật. Đó là sở đoản của Sư.

17. Truyện ngài Phổ Tĩnh trụ chùa Từ Vân ở Tấn Châu thời Hậu Chu:

Thích Phổ Tỉnh, họ Như, người ở xứ Hồng Động, thuộc Tấn Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, nương tựa Pháp sư Tuệ Trừng ở tại Bổn Bộ. Tối tụng các kinh, sáng trì mật chú. Nghĩ muốn lên thượng Phẩm, nguyện cắt đứt tóc xanh. Đã xuống Đàn Vuông mà theo luật kiểm. Sư sang đảnh lễ Chân thân tại chùa Pháp Môn ở Phụng Tường, mới đến Tuy Dương thính thiệp. Sư tới chùa Long Hưng giảng dạy đồ chúng đồng bạn như Cá Chiên Vị đến gặp Giao Long. Sư lại hứa đến Cầm Đài thỉnh chuyển Phạn Luân. An mà hay dời đổi, lại ở Trần Thái Tào

Hào Túc Tứ, mỗi nơi đều tùy duyên mà dẫn đạo. Sư trở lại chốn nầy là Dương Hóa thuộc Đông Kinh, những người hiện thiện đều nương theo.

Năm Quý Mão (943) thuộc niên hiệu Thiên Phước thời Hậu Tấn. Sư nhớ đến bổn độ, muốn trở về quê cũ, bèn tuyệt thực phát nguyện: "Nguyện một ngàn lần xả thân để chóng thành Chánh Giác. Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 2 (955) thời Hậu Chu, Sư gặp thỉnh chơn thân vào chùa bèn dâng trạng trình bày với Châu Mục Dương Quân "Nguyện thiêu đốt tự thân để cúng dường", Dương Quân chấp thuận ý nguyện của Sư, Sư bèn sang chùa Quảng Thắng. Dân chúng khắp Châu hoặc đem dâng hiến hương hoa trái quả, hoặc dùng tràng hoa đưa dẫn, hoặc khóc lệ cùng đi theo, hoặc chúc tụng dẫn đường. Đến ngày mùng 8 tháng 4, ở trước tháp Chơn Thân, Sư phát Đại Nguyện rằng:"Nguyện ngan lần tự thiêu đốt thân mạng, bây giờ là một trong ngàn lần". Xong rồi Sư từ từ đi vào trong am củi, tự đốt lửa lớn. Khi đó thì khói bay xác thảm, khí hương mây sầu, cả chúng cùng khen ngợi, các hàng dân thứ buồn khóc. Sư thọ sáu mươi chín tuổi. Các đệ tử thâu nhặt tro tàn còn lại để cúng dường.

18. Truyện ngài Thủ Hiền trụ chùa Đại Thánh ở Hành Dương thời Bắc Tống:

Thích Thủ Hiền, họ Khâu, người ở xứ Vĩnh Xuân, thuộc Tuyền Châu. Thuở thiếu thời, Sư thông minh mẫn đạt, trầm lắng sâu sắc, phát nguyện đến Viện Cát Tường theo thầy xuống tóc, đắp mặc pháp phục. Sau du phương tham học, Sư đến nương tựa đạo tràng của Thiền Sư Vân Môn mà tỏ rõ được tâm quyết. Sư lại đến Hành Dương, đại chúng suy cử Sư Giảng Pháp. Sư là người mặc áo nạp luyện nhã, như sự hội tụ của trăm Châu về ao sớm tối. Sư không mặc y phục gấm vóc thêu thùa, chỉ mặc áo vải khố da mà thôi, suốt năm không đổi khác. Lưng Sư chẳng hề dính chiếu, chỉ ngồi trên giường dây nhắm mắt suốt đêm, trừ có ai hỏi điều gì, Sư tùy đó mà mở phát, ung dung tự giữ.

Đến niên hiệu Càn Đức (963 - 968) thời Bắc Tống, một hôm, tự nhiên Sư bảo với đại chúng rằng: "Tôi có trái nguyện chưa đáp trả, tâm chưa được yên". Sáng hôm sau, Sư vào núi Nam Diêu, gieo mình cho hổ ăn. Khi các đệ tử cùng nhau đi tìm, thấy hai chân và khố da của Sư hiện còn, bèn thâu nhặt mà trà-tỳ có được vô số xá-lợi, Sư thọ bảy mươi bốn tuổi. Hiện nay, di thể Sư đang được tôn trí trong tháp nhỏ.

19. Truyện ngài Sư Uẩn trụ chùa Bát-nhã ở núi Thiên Thai, thời

Bắc Tống:

Thích Sư Uẩn, là người ở xứ Kim Hoa, quyết tánh chân thật, chẳng thích phong thực, gặp việc thuộc tình, có nhiều thẳng thắn.

Vào niên hiệu Long Đức (912 - 923) thời Hậu Lương, Sư cùng Thiền Sư Đức Thiều kết bạn đi xa, du phương tham phỏng danh sư thắng cảnh. Sư đến Bắc Đại núi Thanh Lương, lắng tâm đi lễ bái khắp. Sau lên chỗ hoang vắng Thương Ngô, trèo đến ngọn núi Chúc Dung, nhưng, Ngài Đức Thiều hoặc có lúc theo lúc không, khi trở về đất Chiết, Sư lại dừng ở trong Pháp hội của Ngài Đức Thiều. Sư là người điều người quản chúng, thường luôn nói chuyện khôi hài. Nếu có người thích cười giỡn thì Sư cùng đùa bỡn như keo sơn, nên những bậc cao đạt đặt để Sư ngoài khuôn phép, chỉ có mình Ngài Đức Thiều im lặng mà biết rõ Sư. Ngài Đức Thiều nói với mọi người rằng: "Ngài Sư Uẩn si cuồng, tôi đây chẳng lường biết được ngằn mé". Nhân bị bịnh, Sư cầu thỉnh chư tăng thực hành văn sám hối, tụng kinh và mật chú, mỗi luận có đến mấy trăm tạng làm hạn độ, mới biết rằng Sư thầm hành trì chẳng biếng trễ. Sư từng nói với các bạn đạo rằng: "Tôi sống không ích lợi gì cho mọi người, muốn ngồi yên trên đỉnh núi, chợt xuống dưới Thạch Kiều, sở nguyện của tôi là mong sớm dự vào hàng Thánh Hiền". Bạn đạo phần nhiều cản ngăn ước tính ấy.

Đến tháng 7 niên hiệu Khai Bảo thứ 6 (973) tự nhiên không bịnh, Sư an trụ mà thị tịch, như nhập thiền định. Đến lúc thiêu đốt thi thể, dựng đứng suốt mười bốn ngày mà thân không tựa nghiêng, các khiếu huyệt không mùi hôi hám, bèn nghinh dời thần tòa đến góc phía Đông chùa mà trà-tỳ. Trong lửa cháy hết, ngoài sự thâu nhặt xá-lợi còn chiếc lưỡi không rã hoại, lúc tro tàn thâu nhặt lấy, sắc mầu hồng đỏ như phù cừ, rất mềm mại. Có người bảo rằng: "Vị tăng ấy (Sư Uẩn) không có điều kỳ dị riêng, đây là vật tình cờ còn lại". Mới đốt lại, chiếc lưỡi ấy tùy đồng như sắc lửa, lâu sau trở lại như lá sen, mọi người bàn nhau làm một tháp nhỏ để tôn trí trong chùa. Sau, có người không tin, lại đốt qua vài mươi lần.

Lúc bình sanh, Sư không nói rõ về dòng họ và tuổi tác, nên mọi người nhìn vào dung mạo mà ước đoán Sư ngoài tám mươi tuổi.

20. Truyện ngài Thiệu Nham trụ chùa Chơn Thân Bảo Tháp ở Hàng Châu, thời Bắc Tống:

Thích Thiệu Nham, họ Lưu, người ở xứ Ung Châu. Mẹ của Sư họ Trương, lúc mới mang thai Sư, nằm mộng rất kỳ lạ. Đến lúc sanh, dáng

vẻ Sư như thần vĩ, ở tuổi trưởng thành Sư có khí độ rộng sâu. Năm bảy tuổi, Sư khổ thiết cầu xin xuất gia, nương tựa Thiền Sư Cao An. Năm mười tám tuổi, Sư thọ giới cụ túc với luật sư Hoài Huy. Trăm bộ Kinh sách xem đọc như ôn tập. Từ đó, Sư đến chiêm lễ Thánh tích ở các nơi, dần đến Ngô Hội, dừng nghỉ tại núi Thiên Thai thuộc Tứ Minh, cùng Thiền sư Đức Thiều đồng quyết dứt nghi ngờ dính mắc nơi Pháp Tịch của Ngài Lâm ích ở Lâm Xuyên, Sư bèn đến chùa Hồ Thủy Tâm ở Tiền Đường nương ở, thường trì tụng Kinh Pháp Hoa bất kể ngày đêm. Bỗng nhiên cảm ứng trên đất liền ở giữa sân mọc lên hoa sen, dân chúng khắp thành đều đến chiêm ngưỡng, Sư vội nhổ lấy mà dẫm đạp đi.

Năm Tân Dậu (961) tức niên hiệu Kiến Long thứ 2, Sư tụng Kinh và phát nguyện rằng:"Mong tròn ước nguyện đồng như Bồ-tát Dược Vương đốt thân để cúng dường". Bấy giờ, Hán Nam Vương Quốc họ Tiền rất dốc lòng kính trọng quy ngưỡng Sư, khổ thiết lưu giữ Sư lại. Bỗng nhiên Sư ngầm trốn tự gieo mình xuống sông Tào Nga, muốn dùng thân mình cho cá ăn, lại được ngư ông cứu vớt, bảo rằng có vị thần nâng chân cứu, chìm chẳng được, y phục nổi bồng bềnh trên mặt nước mà kích sóng khơi đưa, Sư như người trên đài báu. Hai duyên nước lửa đều chưa thể giúp, Sư luôn tấm tức ân hận ước mong, mới đến núi Pháp Hoa mà dừng ở. Tiếp theo, Sư lại được mời đến chùa Tháp ở Hàng Châu, xây dựng Tịnh Viện Thượng Phương để Sư an trú.

Đến tháng 7 niên hiệu Khai Bảo thứ 4 (971), Sư bị bịnh nhẹ, chẳng tìm cầu thuốc thang, làm nhiều bài kệ tụng, dặn dò với môn nhân rằng: “Tôi tụng kinh hai muôn bộ, lấy sự vãng sanh An Dưỡng làm mục đích!” Rồi Sư ngồi kiết già mà thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi lăm hạ lạp. Mọi việc trong lễ tang đều do các quan cúng dường, trà-tỳ tại núi Long Tỉnh, thâu nhặt được xá-lợi rất nhiều, di cốt như ngọc sáng ngời, bèn làm một hòm đá, để vào mà tôn trí tại Ảnh Đường. Thái Minh Quân Tiết Độ Sứ ban tặng, Thái Sư Tôn Thừa Hựu làm văn bia, ghi lại sự tích Sư.

21. Truyện ngài Văn Liễn ở núi Thiên Thai, thời Bắc Tống:

Thích Văn Liễn, người xứ Bình Dương, thuộc quận Vĩnh Gia. Gặp gỡ cầu thầy thọ nghiệp tại Kim Hoa. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên cần dốc lòng cố gắng, học tam thừa mỗi mỗi đều nhiễm dần. Nhân đến Pháp hội của Thiền Sư Minh Chiêu ở Tấn Vân, chẳng có việc phồn tạp, chỉ trong nháy mát quyết sạch không vướng mắc, cuối cùng gặp được thiền sư Đức Thiều ở núi Thiên Thai, giảng đạo của Đại Sư Tông Nhất,

Sư lại lắng lòng nhận lãnh không nghi ngờ. Chẳng bị duyên khác dẫn chuyển, nên ba mươi năm Sư thường theo Thiền Sư Đức Thiều lắng nghe giáo pháp. Sư từng nói với mọi người rằng: "Duyên ngộ nhập như sâu tạm phải ẩn mình nơi lá, ăn lá vàng thì thân mầu vàng, ăn lá xanh thì thân mầu xanh, tướng trạng ẩn mình ấy không biến đổi. Tôi lúc đầu gặp được Thiền Sư Minh Chiêu là như vậy, nay học Huyền Sa lại như vậy. Đây gọi là khác đường mà đồng kết quy về một đích. Nay lại lấy lời Phật để làm định lượng". Sư bèn xem đọc Đại Tạng Kinh suốt ba biến, từ đó trở đi, Ngài tiêu dao không còn dính mắc.

Đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978), bỗng nhiên Sư tự tháo cây búa nói chặt cây đàn, khéo lung linh trùng tán, giống kết như đề tấu. Và gọi đó là Phù-đồ. Bên trong mở cửa, Sư vào ngồi kiết già, tự nắm bó đuốc lớn, phát thệ nguyện rằng: "Tóm thâu hơi thở còn thừa này thiêu đốt cúng dường các Đức Phật mười phương, các vị Hiền Thánh". Nói xong, bèn phát lửa lớn phô bày giữa hư không, có làn khói năm mầu xoay chuyển điều hòa, còn nghe tiếng Sư tụng kinh, chốc lát mới dứt bặt. Những người nhìn thấy đều gào khóc. Đến lúc tro tàn thâu nhặt xá-lợi chẳng biết số lượng bao nhiêu viên. Sư thọ tám mươi bốn tuổi.

Lúc đầu, Sư có nói với chư tăng chùa Thiện Kiến rằng: "Tôi chết đã không chiếm đất của già-lam, chẳng bằng tự thiêu đốt thân mình để cúng dường, mong các vị hiền giả lúc đó đến dưới đống củi niệm Phật độ giúp tôi vãng sanh, chỉ làm phiền chút ấy vậy". Nay trong chùa Thiện Kiến chất nhiều đá làm tháp nhỏ.

Liên hệ thử bàn:

Giáo điển Tiểu Thừa cho việc tự sát là phạm trọng giới, tội của các phương tiện trước, vì thế không dám tự thiêu đốt. Nhưng tự sát có hai trường hợp: Một là úy sát phải kết thâu-lan-già và đột-kiết-la, và hai là nguyện vãng sanh. Tâm cứng rắn mạnh mẽ, thân qua đời thì sẽ vãng sanh, thâu-lan-già và đột-kiết-la đâu thể làm chướng ngại? Kế nữa, đại tâm một khi đã phát thì như ngôi nhà tối suốt trăm năm, một ngọn đèn có khả năng xua tan bóng tối được. Vậy có tội gì? Cho nên hành nhân không vì tiểu đạo mà bó buộc đại căn.

22. Truyện ngài Hoài Đức trụ chùa Phổ Chiếu Vương ở Lâm Hoài, thời Bắc Tống:

Thích Hoài Đức, vốn người ở xứ Giang Nam. Từ thuở bé, Sư đã lìa tục, cẩn nguyện tiết chế tự thân. Sư tụng rành Kinh Pháp Hoa nên được

độ. Từ đó, tuy lên giảng tịch mà Sư trọn lấy sự trì tụng làm việc chính. Lúc tuổi về già, Sư đến Tứ Thượng lễ bái tháp tượng Tăng-già, gặp lúc vua Thái Tông (Triệu Quýnh thời Bắc Tống) sai cao phẩm Lý Thần Phước mang tràng hoa đến dâng cúng, đều cảm ứng xá-lợi đến, an táng trong hang rất sâu ở dưới nền tháp mới. Sư bèn phát thệ nguyện tự thiêu đốt thân mình để cúng dường. Trước tiên Sư xả bỏ hết y phục, các vật trong đãy cung cấp tự thân, cúng dường chúng tăng một lần, sau đó Sư tự mặc áo giấy, thân bôi thoa dầu sáp, đảnh lễ từ giã chư tăng, rồi tay nắm hai cây đuốc bước lên trên đống củi, châm lửa mà tụng kinh. Mọi người trông thấy, không ai chẳng rơi lệ gào khóc. Đến lúc lửa cháy bốc cao, thân mình Sư dựa nghiêng, mà vẫn còn nghe tiếng tụng kinh rất nhỏ. Dân chúng cả thành đều buồn thương kính viếng, lượm nhặt được rất nhiều xá-lợi. Lúc đó là ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 8 (983). Các sứ thần đồng tấu trình, vua Thái Tông nghe tin biến đổi sắc mặt.

Thử luận bàn:

Lao tù phiền lụy do còn ngã sở, mạng vận phù sanh ở tại sắc thân, đều do tự quý trọng chính mình mà khinh rẻ kẻ khác, thảy đều bởi ta nhiều mà kia ít, càng thêm keo lận bền chắc, chỉ nuôi lớn san tham. Như lân rồng tiếc rẻ hạt châu, trâu mao mến quý đuôi mình, công tiếc lông đẹp, xạ giữ hương rốn. Ấy như Thường Luân ở đạo Nho, sách vở của Khổng Môn, cho rằng có thể của riêng mình chính là lông tóc da thịt của cha mẹ, chẳng dám làm tổn thương hủy hoại, luôn biết giữ gìn cẩn trọng. Lại có người khéo tự nêu gặp ba năm chẳng thấy ở môn sanh, hãy trang nghiêm một tòa tôn nghiêm, chẳng để nơi mái hiên. Đến lúc tâm phiêu du phương ngoại, giáo nghĩa vượt cõi vực, hoặc khắc thành Đại Thiện, chẳng thể trói buộc nơi tội nhỏ, dùng cái chết hứa cùng bạn, giết thân mình mà thành nhân, tạm khế chẳng bó buộc, sắp gần đạo thẳng. Đến nỗi có truất phế lễ nhạc, gạn mỏng trung tín, bỏ kiện khang, tham uống thuần hòa, mới có rửa tai Từ Vinh, ôm đá chìm nước, gấp bội trái ngược với nhà Nho, sánh với nhà Phật thì gần nhau phân tấc, Phật mới vì vật bỏ thân, lợi sanh mà tổn mạng. Cùng đó chẳng nhổ lông cẳng chân vì lợi. Hạ Đông tuy khác thời, cùng đó mến tiếc thân thể của mẹ cha. Tham thần mỗi tự thấy như thế mới nghiệm biết được sự sâu cạn của giáo điển, điều phải quấy của hành nhân. Thí như xuất ra của cải thì nhập vào nhiều lời chẳng ít.

Đức Phật, Thế Tôn chúng ta khi đang ở nhân địa, ban đầu chỉ giảm khẩu, kế đến là thoát thân. Xa phục vượt cùng tâm quyết đoán, voi ngựa

thì nhờ người cưỡi, thôi an rau ở đất, phán thành của thọ phong. Dùng như phẩy bụi, xả bỏ tợ cởi giầy. Kế nữa, cho ăn da thịt đợi no nê, khoét tự phó cầu, hoặc chỉ đốt một ngọn đèn, hoặc thân đều trăm bí, cứu hổ già suy, hóa độ cá dài lớn. Nhân vượt bỏ kiết quy, trước đức Di-lặc, trước thành Phật hưởng địa vị Đức Thích-ca, đều theo thói quen ban đầu thì ngoại tài mà sau cùng thì nội tài, đến lúc gốc lành thành thục, biến khó xả bỏ thành dễ xả bỏ. Phàm nghĩ ngoại tài, ngoại tài khó xả bỏ, khó xả bỏ là phàm phu. Bỏ nội tài, nội tài dễ bỏ, dễ bỏ là Bồ-tát. Nên biết rằng các Đức Phật ba đời đều khen ngợi hạnh môn ấy. Đó là tu hành chân thật, đó là bố thí bậc nhất. Há chẳng thấy Bồ-tát Tăng Nhai khoan thai leo lên lầu củi, đạo nhân Đại Chí hăng hái tự thiêu đốt cổ tay. Mọi người đều tỏ vẻ khó khăn, song hai vị ấy khuôn mặt lộ điều dễ dàng. Bởi vì nhiều kiếp đã từng làm, đời nay lại xả bỏ. Xả bỏ mà lại xả bỏ, đánh giá bảy báu chẳng lấy làm quý giá, không mà lại không, vì ba luân đã bặt vết. Nương đó đạt đến bờ. Đó gọi là trở về chân thật, thành tựu thân Kim Cương bền chắc, lưu lại hạt ngọc ứng với Đà-đô. Nay đây ghi lại.

Ngài Tăng Tạng đang mùa tròi nắng nóng mà khỏa thân mình cho muỗi nhặng chích hút máu. Ngài Chánh Thọ xin thử vào an tọa bên trong tháp mà thị tịch. Ngài Định Lan cảm đến Thiên Vương hoàn trả nhãn châu. Ngài Hống Hưu chống cự giặc cướp mà lại thường oan. Ngài Hạnh Minh xả mình cho thú dữ ăn mà phá san tham. Vượt Nhiên Đăng mà thêu đốt ngón tay, lại thêm chiếc lưỡi chẳng rã hoại, thân đắm mà chẳng chìm. Vào trong tháp củi mà tự thiêu đốt, lộ bày thân hình sắc đỏ mà bị chê trách. Trên đây là những đức hạnh, niệm nghiệp khác thời thành thục, làm chỗ nương hướng tói, biết thân là huyễn tạm, huyễn thể đâu đáng cậy nhờ, rõ hình chất là bọt bóng, hình bọt bóng tạm khởi. Huyễn từ tâm tạo, giả ngụy tìm nhau, bọt bóng tan nước lắng trong nổi chìm cùng có. Cho nên Đại Thánh bao đời tính toán, Tiểu thừa nhuận sanh hết kỳ. Quý là dứt khổ, nương nghĩ trừ diệt ngã đảo, chẳng thể xem đồng như trấu lép, xét tợ bụi tro. Thí như nương gá học tập ở chòi tranh, cậy nhờ Loan Cung ở trên đất. Vì chọn đường lên mây, vì cầu công ra khỏi ải, sau đó thì tặng một căn nhà, cửa lưới tám kích, mới gọi là quý, đất ban đầu lợi ở phong hầu, đem đãy da do bú mớm đổi thành đồ vật Na-la-diên, cũng giống như vậy.

Có người cho rằng: Mở mang Thanh giáo hóa độ người Trung Hoa, chẳng phải là chỗ lo của hàng Lại Bộ, chẳng là Dương tức Mặc huống gì thêm nơi Phật ư? Công kích dị đoan, hại nầy làm Khổng lớn

mạnh! Đáp rằng: Chánh bàn luận về nhân nghĩa thì đạo đức cùng cao, chính nói năng về khổ không thì trung tín có thể mỏng. Lại mượn hàn mà dụ, huống gì ngồi dưới đáy giếng mà nhìn trời, ấy chẳng phải lỗi của trời. Đại yếu chỉ của cửa Khổng chưa thể biết được điều sống, làm sao biết được việc chết?" Nếu quán xét về cổ xúy ích lợi mà ngợi khen thì tợ như biết được bất tử. Cả hai tông giáo từng chẳng nói người chết thần minh bất diệt ư? Tùy theo nghiệp duyên thiện ác mà chịu quả báo nên có tốt xấu, nếu do nghiệp nhân thì đó là dùng thô đổi tế, dùng yếu đổi mạnh. Bán hình giòn của rau giền trên đất, đánh trân phục của Hoa Man. Đã huân đương chủng mà khởi hiện hành. Sanh thắng đã sanh, báo mạnh hơn quả báo trước. Móc mắt thịt mà vời lấy mắt Phật, cắt thân phàm mà đổi lấy thân vàng. Hạt cây Ni-Câu-Đà rất nhỏ mà tàng cành che phủ hình xe không nhơ. Đó là lời nói chân thật, chẳng thể cho là nuốt lời. Bồ-tát vì lợi tha thật đáng để học. Có người nói rằng: Phàm thực hành việc đốt luyện, người lành thì chẳng gì nghi ngờ, nhưng có kẻ bất thiện bắt chước thành hại, cho đau đớn là khôi hài. Chịu đựng sự hành hình tàn khốc thì cho sự đốt nướng đó là hý kịch, hoặc dạy người tình cờ làm, hoặc lừa dối đời gượng làm. Đó thì trồng gốc lành gì mà tự cầu khổ độc vậy? Đáp rằng: Tuy là người ngu dốt vui lòng chịu đựng ác ít, chịu khó tổn thương. Vả lại tụng kinh để thiêu đốt, hoặc lòng chí thành cạn cợt mà cho kẻ khác ăn, thầm vời lấy quả báo tốt lành, bởi đã gieo nhân tốt lành. Nếu dùng tâm hời hợt thì được quả báo hời hợt. Xưa kia, có cô gái đùa giỡn mặc lấy áo cà-sa, Bà-la-môn say rượu đắp lên mình pháp phục, duyên đó hội tụ gặp gỡ đạo quả trọn thành.

Hoặc có người nói rằng: Ngài Nghĩa Tịnh truyền dịch, đôi ba phen khuyên bảo chớ đốt luyện. Người ấy đích thân đi cùng Tây Vực, đầy đủ chín chắn phương nghi. Còn như giáo thừa thảy đều nghiên cứu rõ ràng mà chẳng cho phép hủy hoại tổn thương là tại sao? Đáp rằng: Đó là giáo điển chuyên phược A-Cấp-Ma, đâu thể cản trở, chướng ngăn Pháp Ma-Ha-Diễn ư? Giả sử lược xả bỏ nội tài, quyết định sẽ viên mãn đàn độ, cho nên trong luận Trang nghiêm chép:"Nếu bố thí thân mạng mình là ít có, sẽ thành tựu đàn độ của Bồ-tát". Sẽ biết lúc Tứ luân xuất thế thực hành mười điều lành, có đạo thì dưới chân vua Nghiêu toàn là thuần dân, kính phụng hiếu thì từng nhà sanh ra lệnh tử. Đức Thánh Thượng ta mới ở ngôi bốn năm, từ Lưỡng Chiết đến chùa A-Dục Vương xây dựng lớn tháp xá-lợi Phật Thích-ca. Ban đầu cúng dường ở điện Tư Phước, sau thì đón rước vào trong nội Đạo tràng, có hiện điềm lành kỳ lạ. Ngày rằm tháng 2 năm thứ 8, vua ban chiếu tại chùa Khai Bảo xây

tháp cao đến ngàn thước. Ban đầu tháp ấy ẩn tàng trong giếng gạch sâu, ngày đó phát ra ánh sáng thần phô bày khắp quả đất. Lúc đó trong các hàng tăng tục, có người tự thiêu đốt đầu ngón tay, có người đốt hương chú, tuyên ban vật có khác nhau. Nếu chẳng phải Đại Quyền Bồ-tát, Đại Phước Thiên Vương thì đầu thể kích phát, khuyến hóa hạ dân mà vất bỏ thân báu ư? Khiến ngay chốn này thấy búi tóc mà thành châu báu. Lại có cảm giác khi đó Thứu phong thanh tịnh mà đất ruộng biến đổi.

Phạm Vân biên tập sử ghi điềm hiển bày tốt lành nhiều mầu sắc, Vương Thiệu biên văn thư tán tháp của Cơ Châu. Đời Tùy phân chia xá-lợi, đời Đường chôn giấu chân thân. So với triều đại hiện tại của chúng ta thì Điền Lũng cùng Thiết Vi tranh giành bờ cõi. Biên tập thiên này thành truyện mở tông, giúp những căn cơ nào có khả năng nhẫn chịu những việc khó nhẫn, đã mất mà như hiện còn, khiến những người xả thân và thọ thân tuy đã chết mà như vẫn sống. Vẽ ngũ chi ở trên cây cỏ, xếp tứ thụy tại ngoài vẩy lông. Trong sách Thi nói rằng:”Hình nghi của Văn Vương, làm khuôn mẫu cho muôn nước!”

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 23 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 24

CHƯƠNG TÁM: ĐỌC TỤNG

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG VIII

(chánh truyện có hai mươi mốt vị, phụ có ba vị).

1. Truyện ngài Hạnh Kiên, đời Tùy:

Thích Hạnh Kiên, chẳng biết Sư là người xứ nào. Thường tu Thiền Quán, tiết tháo rất trang nghiêm. Tình cờ có việc đi đến phương Đông, trên đường ra Thái Sơn, mặt trời đã tối, Sư vào Nhạc miếu, xin ngủ ngờ qua đêm. Người giữ miếu nói: "Đây không có nhà riêng, chỉ có mái hiên dưới miếu thần có thể nghỉ được, nhưng những người đếnh đây dừng nghỉ qua đêm, đều mắc phải tai ương bạo tử. Sư nên tính liệu". Sư bảo: "Không sao!" Người giữ miếu bất đắc dĩ phải thuận theo, và đem chiếu cỏ trải dưới mái hiên. Sư ngồi trang nghiêm tụng đọc kinh pháp, vào canh một nghe trong phòng ốc có tiếng vòng ngọc leng keng, chỉ chốc lát, vị thần đi ra, áo mão rực rỡ, bộ tùng trang nghiêm, chấp tay hướng về chỗ Sư. Sư hỏi: "Nghe nói những người nghỉ qua đêm ở đây phần nhiều bị chết, có phải do Đàn Việt hại họ chăng?" Thần đáp: "Người đặc biệt đến đây, nghe tiếng đệ tử mà tự chết, chẳng phải do đệ tử giết hại. Xin Sư chớ lo ngại!" Sư cố mời vị thần cùng ngồi nói chuyện, chỉ trong khoảng bửa ăn, nhân đó Sư hỏi Thần rằng:"Ở đời truyền là Thái Sơn trị quỷ, có thật như thế chăng?" Thần đáp: "Đệ tử phước mỏng, đâu muốn thấy người chết!" Sư hỏi: "Tôi có hai vị tăng là bạn đồng học đã chết, xin được trông thấy họ". Thần hỏi tên hai vị đó rồi đáp: "Một người đã sanh lên nhân gian, còn một người hiện thọ báo trong địa ngục, không thể gọi đến được, Sư đến đó thì sẽ thấy". Sư nghe thế rất mừng, nhân đứng dậy đi ra, chẳng xa bèn đến một xứ nọ, thấy lửa trong ngục sáng rực cháy dữ. Có sứ giả dẫn Sư vào trong tường viện, xa thấy có một người đang ở trong lửa, kêu gào chẳng nói năng được,

hình sắc biến đổi không còn nhận biết, máu thịt cháy hôi tanh, khiến người phải thương tâm. Sư chẳng nỡ trông nhìn, quá thương xót mà cầu xin lui ra, chỉ chốc lát tại ở dưới mái hiên nơi miếu, lại cùng ngồi với vị thần như cũ. Sư hỏi rằng: “Tôi muốn cứu bạn đồng học, vậy phải làm cách nào?” Thần đáp: “Hãy vì họ mà viết chép Kinh Pháp Hoa, ắt sẽ được khỏi”. Thế rồi trời sắp sáng, thần từ giã Sư vào lại trong phòng nhà. Đến lúc trời sáng hẳn, người giữ miếu trông thấy Sư không chết lấy làm kinh dị. Sư đi gấp báo nguyện trước. Kinh viết được trang nghiêm hoàn chỉnh, Sư liền mang đến nơi miếu trong đêm, Thần lại xuất hiện như trước, mừng vui lễ lạy hỏi thăm về ý Sư trở lại, Sư trình bày việc ấy, Thần nói: “Đệ tử biết thầy chép kinh cho mình, vừa viết đề mục, thì người ấy đã thoát khỏi, hiện giờ đã sanh lên nhân gian. Và ở đây không được tịnh khiết không nên tôn trí kinh pháp, xin sư thỉnh đưa về lại trong chùa”. Nói xong trời vừa sáng, Thần cùng Sư từ biệt nhau mà đi. Lúc đó là khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 617). Sư đi ở không nhất định, chẳng biết về sau Sư tịch ở đâu.

2. Truyện ngài Pháp Trí ở núi Thiên Thai đời Tùy:

Thích Pháp Trí, không rõ Sư là người xứ nào. Từ thuở bé, Sư thoát lìa thế tục rồi ứng pháp, thăng đàn, như cây thẳng mọc thẳng vượt giữa hư không, ngọc cứng bặt vết ô uế. Phàm cả trăm nơi giảng tịch thảy đều đến nghe. Lúc về già, Sư cho rằng các pháp môn thẳng tắt, không gì bằng niệm Phật. Sư từng vì mọi người mà nói rằng: “Tôi nghe trong kinh nói: Phạm một tội Đột-kiết-la phải đọa vào địa ngục trong một trung kiếp”. Điều ấy đáng tin. Lại cũng nghe trong kinh nói: “Một tiếng xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà thì diệt trừ được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Điều đó không đáng tin”. Có người hỏi vặn rằng: “Cớ sao sanh đại tà kiến như thế? Tất cả đều là lời Phật dạy, phải gấp niệm Phật, lâu sau thì tam-muội sẽ hiện tiền”. Sư bèn đến Đài Đâu-suất ở chùa Quốc Thanh, suốt ngày đêm tinh tấn niệm Phật. Bỗng nhiên từ biệt với kẻ tăng người tục rằng: “Tôi sanh về phương Tây! Xin tất cả thân thức vì tôi mà thiết trai cúng dường trọn ngày!” Vào nửa đêm cùng ngày đó, Sư không bịnh mà thị tịch, khi đó, có ánh sáng mầu vàng ròng soi chiếu đến đón rước, suốt cả mấy trăm dặm, thuyền trên sông đều cho là trời sáng nhưng rất lâu sau mới sáng. Do đó mà biết đó là điềm Sư vãng sanh.

3. Truyện ngài Tuệ Ngộ trụ chùa Thiền Định ở Kinh Triệu, thời

Tiền Đường:

Thích Tuệ Ngộ, chẳng biết Sư là người thuộc dòng tộc nào. Sư ẩn cư trong núi Thái Bạch, trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, uống bột cây thông. Bỗng một lúc nọ thấy một cư sĩ đến thưa rằng: "Xin thỉnh Sư cử thân bay lên giữa hư không!" Rồi bảo Sư vào trong vạt áo ngồi nhiếp để bay đến một đạo tràng, thấy có năm trăm vị tăng lạ vầng liệng giữa hư không mà đến. Sư vội bước đến hàng cuối. Vị cư sĩ ấy nói với Sư rằng: "Sư thọ trì Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới của các Đức Phật, đâu được ngồi ở hạ tòa của Tiểu Thánh?" Bèn dẫn Sư đến trước nửa ngàn người mà ngồi. Sau khi trai hội hoàn tất, cư sĩ ấy lại nói với Sư: "Bổn ý thiết trai này là chỉ tại một mình sư, tuy có năm trăm vị La-hán cùng đến thọ thực, nhưng đều gặp lúc cùng thỉnh!" Xong rồi bèn thỉnh Sư về chỗ cũ. Điều đó xảy ra như mộng tỉnh. Lúc đó nhằm niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) đời vua Cao Tông.

4. Truyện ngài Minh Tuệ trụ chùa Đại Từ Ân ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Minh Tuệ, không rõ Sư là người xứ nào, trầm tĩnh khiêm cung, chí khí trong sáng, không ngại gì đói lạnh, phát thệ cầu Đại thừa, mặc giáp tinh tấn, nghiêm giữ tự thân, khiến ma ngủ nghỉ phải lùi bước. Cho nên, đầu hôm, nửa đêm, cũng như gần sáng luôn tụng niệm kinh hành.

Bấy giờ, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đang ở cung Ngọc Hoa thuộc phường bộ phía Bắc Kinh Triệu, dịch Kinh Đại Bát-nhã vừa hoàn tất. Vào niên hiệu Lân Đức thứ nhất (664) thì Ngài Huyền Trang viên tịch. Giờ Tý đêm đó Sư đang đi nhiễu tại Phật đường, bỗng thấy ở phía Bắc có bốn vầng cầu vồng mầu trắng từ Bắc suốt đến Nam, rộng gác qua phía đông thẳng đến soi suốt tháp viện ở chùa Từ Ân, thảy đều rõ ràng sáng tỏ. Trong tâm Sư lấy làm quái lạ, liền tự suy nghĩ rằng: "Xưa kia lúc đức Như Lai diệt độ, có mười hai vầng cầu vồng mầu trắng từ phía Tây xuyên suốt tới Thái Vi, khi ấy có sự diệt độ của Như Lai tại Song Lâm. Nay có hiện tướng này, há chẳng là Pháp sư ở cung Ngọc Hoa có sự vô thường ư!" Đến sáng sớm Sư vào giữa chúng kể lại những điều trông thấy, đại chúng đều lấy làm lạ. Chín ngày sau, hung tin loan truyền đến xứ Kinh Triệu, thật phù hợp với điều Sư thấy. Sư càng dốc lòng siêng tu cho đến già vẫn không biếng trễ, không biết về sau Sư tịch ở đâu.

5. Truyện ngài Tuệ Cảnh trụ chùa Sùng Phước ở phủ Thái Nguyên thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Cảnh, họ Trương, người ở xứ Kỳ. Thuở nhỏ Sư rất thông minh dĩnh ngộ, trong lúc còn ấp tả Sư đã biết nói. Cha mẹ của Sư rất mến thương nuôi dưỡng. Bà con gần gũi gọi Sư là kỳ đồng. Gặp trong Kinh Đại Vân bổn tân dịch có đoạn văn huyền ký về nữ chúa. Thiên Hậu (tức Võ Tắc Thiên) cảm lời Thánh dự ghi đó nên rất trọng kinh ấy. Sư vừa mới ba tuổi mà có dạy tụng thuộc kinh ấy. Sư đọc đi đọc lại, điều hòa thiên nhiên, bèn thấu triệt đến cửu trùng, mới ban chiếu bảo Sư phúng tụng. Vua rất vui mừng xoa đảnh đầu Sư và ban cho một bộ pháp phục ca-sa sắc tía.

Sau, nhân xuất gia, Sư có khí mạo cương giới, sở học rất vững chắc, được sung làm Thượng tọ nơi bổn tự, Sư chỉnh đốn giềng mối đang bị suy đồi, mọi người đều kính sợ. Hoặc ở giữa đường thông thương gặp hai chúng có cử chỉ mất oai nghi thì Sư vời đến quở trách, xấu xa lắm mới bàn bạc răn trừng, xử đoán không khoan dung. Sau, Sư tu Thiền Pháp, rỗng suốt thanh bạch. Lúc Sư thị tịch là đã hơn tám mươi tuổi. Tại Viện Cửu Tử Mẫu có di ảnh và y phục sắc tía được vua ban tặng hiện còn.

6. Truyện ngài Sùng Chính trụ chùa Sùng Phước ở Phủ Thái Nguyên, thòi Tiền Đường:

Thích Sùng Chính, họ Hầu, là người trong bổn phủ. Thuở nhỏ Sư rất mẫn đạt, cố nguyện xin xuất gia. Sư tụng kinh thông rành hơn cả ngàn trang. Được các bậc lão túc ngợi khen, gọi Sư là Kinh tạng. Sư có thần khí trầm ước, nghi dung đạo mạo, mày đẹp mắt lớn, chỉ trội cao kỳ. Tuy thông rành các sách, song, chỗ chuyên tinh của Sư là Luận Câu-xá. Tướng Quốc Vương Công Tấn đích thân đến thỉnh Sư tuyên giảng. Bấy giờ, tụ hội đàm đạo phát sanh tốt đẹp, lời nói trôi chảy, khiến giúp người nghe không nhàm chán, tuy dời đổi quá mốc mà cho như là trong khoảng bửa ăn. Sư phân tích phán định rất giỏi, không được hình tợ.

Vua Đại Tông ban sắc chiếu nên cử Sư sung chức Đại Đức ở chùa Chương Tín, Sư cáo bịnh chẳng đến. Sau, Sư tịch tại bổn viện, thọ năm mươi tám tuổi.

7. Truyện ngài Tư Duệ trụ chùa Sùng Phước ở phủ Thái Nguyên thời Tiền Đường:

Thích Tư Duệ, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Sớm thông

Thiền lý, lại thấu suốt luật tông. Ngài từ bi nhân nhượng, nếu có kẻ trái nghịch, thì Sư chẳng tỏ vẻ phiền giận. Sư vốn mắc bịnh suy gầy ốm yếu, bèn lập chỉ Pháp diên, chuyên cầu Bồ-tát Dược Thượng, kính cẩn chuyên cần chẳng biếng trễ, bèn thấy được điềm cảm ứng, bỗng nhiên tâm lực mạnh mẽ, tài biện như rót bình. Nhân tụng Kinh Thập Luân, một ngày thấu suốt vài trang, ngày hôm sau lại gấp bội, sau nữa lại càng gấp bội. Từ đó trí nhận của Sư không ai có thể sánh bằng.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742), Sư chống tích đến khắp Tung Thiếu hỏi Đạo. Bấy giờ, Sư đến chốn thiền lâm đông đúc của thiền sư Nghĩa Phước, Sư đến thưa hỏi tham vấn, một lời cùng nhập, như đá chọi nước. Thế rồi, tợ như uống cam lồ, suốt năm năm Sư mới trở lại. Sư ngồi kiết già an định suốt ngày chẳng xả thiền, xa gần mọi người đến thưa hỏi Sư về huyền lý, rất đông. Năm sáu mươi sáu tuổi, Sư thị tịch tại viện Sư ở.

Liên hệ thử bàn:

Tụng kinh chẳng quý ở nhiều, mà chính yếu là ở thần giải. Sư Tuệ Cảnh mới ba tuổi mà thông Kinh Đại Vân, rất là tài giỏi. Ngài Sùng Chính trọn thông ngàn trang, có được năng lực, chẳng vâng chiếu đến chùa Chương Tín. Ngài Tư Duệ tụng suốt Kinh Thập Luân, sau hỏi về Thiền Đạo. Nên trong kinh có bài kệ rằng:

"Tuy tụng ngàn chương chẳng bằng người thấu suốt một câu.
Như người bơi lội qua khe suối, đến bờ thì roi trượng đều bỏ".

8. Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Thanh Long ở Thượng Đô thời Tiền Đường:

Thích Pháp Lãng, người ở xứ Cô Tô, bẩm chất ôn nhuận, tâm ý vững chắc. Sư trì tụng Quán Âm Minh Chú, thần hiệu thường hiển bày. Khắp kinh đều thấy sáng, mọi người đều kính trọng.

Niên hiệu Long Sóc thứ 2 (662), Công chúa Thành Dương bị bịnh rất nặng, thuốc men chữa trị khắp nơi đầu mang đến. Công chúa là em gái cùng một mẹ với vua Cao Tông, tình thương rất nồng hậu, ban đổ như Hối Tử Hà. Hà chết lại hành tiết quán, đã đến lúc cơn bịnh triền miên khốn đốn, có người mách bảo rằng: "Ngài Pháp Lãng hành trì bí chú, trị bịnh lành rất nhiều". Đến lúc vời Sư đến tới, thiết đàn trì tụng chỉ qua vài ngày đã được bình an. Công chúa tấu xin đổi biển hiệu chùa là "Chùa Quán Âm" để Sư trụ ở đó. Chùa ấy vốn tên là chùa Linh Cảm được thiết lập từ niên hiệu Khai Hoàng thứ 3 (583) đời Tùy. Lúc vua Văn Đế (581 - 605) đời Tề dời đô phần nhiều đào bới lăng viên phần

mộ ở trong thành ra an táng chốn hoang vắng ở vùng ngoại ô nên ở chùa nầy. Đến niên hiệu Võ Đức thứ 4 (621) thời Tiền Đường, chùa bị hoang phế đổ nát. Tới nay đề lại biển ngạch. Về sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

9. Truyện ngài Tăng Huyễn ở Hà Đông đời Đường:

Thích Tăng Huyễn, người ở xứ Tinh Châu. Vốn học gồm thông, giải hạnh cùng có. Năm chín mươi sáu tuổi, gặp được Thiền Sư Đạo Xước soạn “An Lạc Tập” giảng về Quán Kinh, mới hồi tâm niệm Phật. Sư lo sợ tuổi thọ sắp hết nên ngày đêm lễ Phật một ngàn lạy, niệm hồng danh Phật A-di-đà tám trăm ngàn biến. Suốt thời gian năm năm, Sư nhất tâm không biếng trễ. Sư bảo với đệ tử rằng: “Phật A-di-đà đến trao cho tôi hương y, các vị Bồ-tát Quán thế Âm, Thế Chí bày hàng ở trước, các vị hóa Phật khắp đầy giữa hư không. Từ đây trở về phương Tây thuần là Tịnh Độ”. Nói xong, Sư liền thị tịch.

Lúc bấy giờ, có hai Pháp Sư là Khải Phương và Viên Quả cùng ở chùa Ngộ Chân tại huyện Lam Điền, trong một mùa Hạ kết bạn cùng xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà, cùng bẻ một cành dương liễu đến cắm trong tay tôn tượng Đức Quán Thế Âm mà phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu được sanh về cõi nước Phật, nguyện bảy ngày sau cành dương liễu không héo rũ”. Đến kỳ hạn, thật vẫn tươi đẹp. Lại mộng thấy trong một cái ao ở phía Đông có màn trướng báu lớn, bèn bay vào trong đó. Gặp được một vị tăng bảo rằng: “Chỉ chuyên niệm Phật đều sanh vào đó”. Lại thấy Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi duỗi chân, Ngài Khải Phương bèn nâng chân đội trên đảnh đầu. Thấy một ao hoa sen, có đức Phật A-di-đà từ phương Tây đến, Ngài (Khải Phương) thưa hỏi Đức Phật rằng: “Chúng sanh ở cõi Diêm-phù nương theo kinh giáo niệm Phật, được sanh về đó chăng?” Đúc Phật dạy: “Chớ nghi ngờ, chắc chắn sẽ sanh về cõi nước của ta!”. Thả thấy được thế giới Cực Lạc bằng phẳng như gương, thế giới Ta-bà thuần là núi sông. Âm nhạc, trướng báu thẳng hướng Tây mà đi. Có một vị tăng tên là Pháp Tạng ngồi trên xe lớn đến đón rước. Ngài Khải Phương thấy tự thân mình ngồi trên hoa sen trăm báu, thành Đẳng Chánh Giác. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen ngợi Kinh Pháp Hoa. Lại thấy có ba đường thềm cấp báu thẳng đến hướng Tây. Trên thềm cấp dường thứ nhất toàn là người tại gia, trên thềm cấp đường thứ 2, có người xuất gia, tại gia lẫn lộn cùng đi, và trên thềm cấp đường thứ 3 chỉ có chư tăng, bảo đó đều là những người niệm Phật được vãng sanh. Hai Pháp Sư Khải Phương và Viên Quả đều nói chính mình thấy như thế.

10. Truyện ngài Huyền Trang trụ chùa Bạch Mã ở Kinh Châu, Thời Tiền Đường:

Thích Huyền Trang, người ở xứ Giang Lăng. Học thông giáo điển Đại Tiểu thừa, rất giỏi kinh Pháp Hoa, riêng là mạng gia. Trong năm mươi năm, mỗi ngày trì tụng bảy biến. Thường nhân nơi tịnh thất đốt hương, cảm trời người đến lắng nghe. Những lúc trai giảng hiện bày điềm lành rất nhiều. Sư và ngài Đạo Tuấn đều được mời đến kinh đô hai năm.

Ngày mùng 8 tháng 2 niên hiệu Cảnh Long thứ 3 (709), vua Trung Tông đến tại điện Lâm Quang để giải trai hội. Khi đó các học sĩ đồng quán nhóm họp rất đông. Sư, v.v... cáo từ xin trở về quê cũ, nhà vua ban sắc tặng Sư ngự thi. Các học sĩ đại liêu vâng sắc cùng hòa. Trung thư lệnh Lý Kiêu có bài thơ tặng Sư rằng:

"Ba thừa quy cõi tịnh
Muôn thặng tiễn Thông Trang
Đến ngày lìa đình gần
Trời cao biệt đường xa
Kinh Nam quảy gậy bát
Vị Bắc hạn cầu bờ
Ngày nào tích chân quả
Trở lại vào đế hương".

Trung Thư Xá Nhân Lý Xoa lại có thơ tặng Sư rằng:

"Ngày đầu vâng quy chỉ
Gió thu thổi tặng lời
Hán Châu lưu đạo vị
Ngọc Giang về nguồn chân
Đất bày ải Nam xa
Trời xoay Bắc Đẩu quý
Thà biết một trụ quán
Bỏ mở cửa Tứ thiền".

Lại còn có thơ văn của Chủ Công đưa tiễn Sư. Ở đây chẳng ghi chép hết. Sau, Sư thị tịch tại bổn tự.

11. Truyện ngài Thích Hồng Chánh trụ Lan-nhã ở huyện Linh Trì, phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Hồng Chánh, họ Thường, không biết Sư là người ở xứ nào. Sư trụ trong một Lan-nhã thuộc vùng Mân Thục. Trước kia, Sư bị bịnh khốn khổ triền miên, đến lúc bình phục, Sư phát thệ nguyện thường trì

tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, lấy chuẩn mực mỗi ngày hai mươi biến. Sư tinh tấn hành trì chẳng bỏ phế. Bấy giờ, có vị tăng ở gần là Ngài Thủ Hiền, ban đêm tĩnh tọa thấy hai quỷ sứ, tay rút văn điệp riêng cùng nói với Ngài rằng: “Sư Hồng Chánh mặc niệm Bát-nhã, bên cạnh có Đại Kỳ mang vác che chở, không cách gì đến gần được. Lại lo trách hạn lâu dài chậm trễ. Nay riêng có được một kế là thẳng cửa phía Đông của phủ có một người họ Thường, lại đồng tên là Hồng Chánh mà lại là đã từng xuất gia làm tăng., tra hỏi đó mà bắt đi để lấp kín trái điện”. Ngài Thủ Hiền nghe thế lấy làm kinh lạ, ghi nhớ việc ấy, sáng hôm sau, thầm hỏi người ở phía Đông, quả nhiên Thường Hồng Chánh đã chết.

Ngài Thủ Hiền trước kia vốn hành trì Kinh A-di-đà, sau đổi nghiệp. Còn Ngài (Hồng Chánh) về sau không biết tịch ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Làm sao có việc đồng tên thật ra khác người mà lại có thể chết thay như vậy? Nghiệp chẳng thể dời đổi, sao đây lại dời đổi được như vậy? Cùng như đồng cốt ở đời vẽ hình giống như mình, nói có thể dùng để thay suy ách, cũng giống như vậy? Thông đáp: vua Diêm-Ma hoặc la Bồ-tát lấy người thiện đồng tên thì xả, người bất thiện thì bắt lấy. Đây có lẽ là tội sương đợi khô, Ngài Hồng Chánh thêm tuổi thọ, nên được xả. Lại như người kia ác khí mới đầy lại sẽ có kỳ hạn chung cùng, nên bắt lấy đó. Nếu vì thay đổi thật mà bắt lấy thì đó là thực hành giáo hóa. Ngoài việc xả đó thì thường lý chẳng thể biết được.

12. Truyện Sa-môn Chí Huyền thời Tiền Đường:

Thích Chỉ Huyền, người ở xứ Hà Sóc, hành trì Ngũ Thiên Cấm Chú, thân mặc áo vải gai, thường đi khắp các Châu Ấp, chẳng ở nơi thành thị chùa chiền, đêm lại chỉ ngủ ở chốn hoang vắng rừng thưa. Sư có ý chí muốn tìm phỏng các danh tích.

Đến Giáng Châu, ban đêm Sư ghé nghỉ trong rừng mộ. Đêm đó dưới ánh trăng sáng như ban ngày, Sư thấy một con cáo từ dưới rừng đem cái đầu lâu đạt lên đầu nó, động đậy mà rơi thì chẳng ngó lại, không rớt thì đội. Nó lại lấy lá khoai môn che phủ lên thân mình, xum xoe biến thành một cô gái yêu kiều, toàn thân mặc lụa trắng đứng bên trái đường di. Nghe có tiếng yên ngựa đi từ phía Đông Bắc, người phụ nữ gào khóc buồn thương chẳng tự kềm chế được. Giây lát sau có gã cưỡi ngựa đi đến, thấy vậy, bèn xuống ngựa hỏi rằng: “Cô nương! Chốn hoang vắng giữa đêm khuya sao cô gào khóc như thế ư?” Người phụ nữ ấy liền gạt lệ lừa dối bảo rằng: “Nhà của tiện thiếp ở Dịch Thủy, năm

trước che mẹ gả thiếp làm vợ người nhà họ Trương ở xứ này, không may chồng thiếp năm qua đã chết yểu, gia nghiệp tiêu tan, không nơi nương tựa chu cấp. Cha mẹ của thiếp đâu biết thiếp lẻ loi khổ sở như vầy! Có một nỗi đau đớn cắt xé ruột gan như thế này, bất chợt buồn tủi mà khóc. Thiếp nghĩ biết về đâu, có được hay chăng? Sao anh lấy làm lạ mà hỏi như thế?" Gã cưỡi ngựa bảo: "Nghĩa là cô nương buồn oán việc riêng, nếu muốn trở về quê hương. Tôi đây quân hành dịch định, sẽ sai sứ trở lại đưa cô nương về Dịch Thủy. Cô nương hãy đi bằng xe thô đó!" Cô gái ấy bèn gạt lệ cảm tạ, vừa định vin đạp đi thì Sư từ trong rừng mộ bước ra bảo: "Nầy người quân tử! Cô gái này chẳng phải là người thật mà chính là loài cáo hóa ra". Gã cưỡi ngựa nói: "Nhà tu há lấy tướng nầy mà vu cáo, định có mưu đồ gì ư?" Sư bảo: "Nếu anh không tin xin hãy dừng chốc lát, tôi sẽ biến cô gái ấy trở lại nguyên hình cho anh xem". Sư bèn dộng tích trượng, tụng vài tiếng bằng Hồ Ngữ, cô gái ấy liền hiện trở lại nguyên hình con cáo mà bỏ chạy, và đầu lâu không che lấp thân. Gã cưỡi ngựa cúi đầu sám hối lỗi thưa rằng: "Nếu chẳng được Sư cứu mạng, sẽ theo yêu quái mà chết rồi!"

Sư hành từ cứu vớt chúng sanh phần nhiều đều thuộc loại như vậy.

13. Truyện ngài Nguyên Kiểu trụ chùa Khai Nguyên ở phủ Phụng Tướng, thời Tiền Đường:

Thích Nguyên Kiểu, người xứ Linh Võ, có chí tháo, không thích ở chung với chúng, lấy việc trì minh làm việc chính của mình.

Vào cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) vua Huyền Tông đi đến đất Thục. Túc Hoàng ở Linh Võ huấn luyện binh lính muốn chiếm đánh lấy Kinh đô. Vì vật bàn luận là đồng, bèn mời cha (Túc Tông) lên ngôi, đổi niên hiệu là Chí Đức. Đến niên hiệu Chí Đức năm thứ 2 (757) trở xe chỉ thẳng đến Phù Phong. Nhà vua vốn nương tựa Phật giáo, chọn người thanh bạch, kính chuộng chư tăng làm đầu, để cầu phúc. Suy cử từ vùng đất Bắc cho đến sông Tây, Sư ứng trong kỳ chọn lựa ấy, được mời vào nhận sắc chỉ, theo giá trượng nội vào kinh. Sau đó, vua ban sắc cho Sư hướng về phía trước đến Phụng Tường, tại chùa Khai Nguyên thiết đặt "Ngự Dược Sư Đạo Tràng", lại chọn hai mươi mốt vị tăng, mỗi ngày sáu thời hành Đạo, đốt hương đèn, tán tụng Kinh Pháp, không dám nói mỏi mệt. Tinh khiết có thể lường biết. Bỗng nhiên trong Pháp Hội mọc một lùm cây lý có bốn mươi chín gốc. Bèn nêu đủ sự việc mà tấu trình. Triều đình tuyên bảo nội sứ xem xét hư thật. Vua rất kinh ngạc

vui mừng bảo rằng: "Đây là điềm lành lớn!" Ngày 18 tháng 4, chư tăng xem xét "Dược Sư Đạo Tràng" tụng niệm như Sư, v.v... dâng biểu văn chúc mừng. Vua Túc Tông ban sắc đáp rằng: "Tướng cây lý tốt tươi ấy là điềm lành thạnh vượng của nước nhà, phát sanh từ trong chốn già-lam. Vậy đủ biết sự hưng thạnh của cây Tuệ giác, cảm điềm lành đặc biệt này, trẫm cùng các sư đồng chúc mừng!"

Sư trì tụng có công năng thông cảm phần nhiều giống như thế. Nhà vua càng thỉnh thêm các vị nội cung phụng.

14. Truyện ngài Sở Kim trụ Chùa Thiên Phước ở Kinh Đô thời Tiền Đường:

Thích sở Kim, là con nhà họ Trình, vốn ở quận Quảng Bình, nay là xứ Chu Ốc thuộc Kinh Triệu. Mẹ của Sư họ Cao, ban đêm nằm mộng thấy các Đức Phật, nhân đó mang thai Sư. Đến lúc sanh ra Sư thật là con đấng Pháp Vương. Hạnh tố dáng ngọc, thần hòa khí thanh.

Năm bảy tuổi, Sư trì tụng Kinh Pháp Hoa, đến năm mười tám tuổi Sư thông suốt yếu nghĩa. Năm ba mươi tuổi, Sư xây dựng ngôi tháp đề hiệu là "Đa Bảo". Năm bốn mươi tuổi, Sư vào mộng của vua ở Cửu Trùng, vua Huyền Tông thấy Pháp danh Sư chữ dưới là chũ Kim, bèn hỏi vặn các Sứ trong triều, ai cũng kính tin. Khi đó tiếng tăm Sư vang khắp chốn kinh kỳ, bèn mộ người xây tháp nhiều cấp mà thành. Có người giúp tay. Sư từng ở chỗ ngài Thúy Vi Ngộ Chân, vỗ vào chân mà bảo rằng: "Đây là chỗ tôi ẩn trốn". Bèn tấu trình xin ở hai chùa mỗi nơi xây dựng một ngôi tháp và đều lấy tên là "Đa Bảo". Ngoài ra, Sư ngâm vịnh Diệu Kinh hơn sáu ngàn biến, dưới cây báu phảng phất thấy phân thân. Trong Linh Sơn nương Hy Dịch đến ba biến. Tâm không sở đắc, lưỡi tuôn cam lộ. Chim điềm lành lầu vàng ngọc ở trong tay, nhạc trời thanh lãnh tấu giữa hư không. Tất cả các điềm lành tốt đẹp đều có ở đó. Sư bèn nói rằng: "Pháp giá của Pháp tượng vương trở về thần quyền của người chủ. Nương ánh sáng ba lần vào dương pháp sáu cung. Hậu phi quỳ thẳng nơi chiếu ngụ, hoa trời phân rải mà chẳng dính mắc. Minh Hoàng đề biển ngạc, vua Túc Tông tặng phướn, đâu chỉ vinh quang một thời, mà cũng ngõ hầu đối với Phật pháp".

Đến giờ Tý ngày mùng 7 tháng 7 niên hiệu Càn Nguyên thứ 2 (759), Sư nằm nghiêng phía hữu mà thị tịch. Đến lúc trà-tỳ củi hết lửa tắt, dáng tuyết vẫn như lúc sống. Rõ ràng chứng được thượng sanh nơi nước An Dưỡng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, ba mươi bảy hạ lạp.

Vua Túc Tông mến thương kính trọng Sư, Sứ Quan Trung đến

viếng điếu, vua ban sắc cho Quang Huy cưỡi ngựa chạy nhanh đến giám hộ, tức dùng theo Pháp an táng vào tháp Pháp Hoa Lan-nhã, ở gò Long Thủ, thuộc phía Tây thành. Thuở nhỏ Sư viết chép kinh Pháp Hoa, chẳng mặc áo thêu thùa, gặp lúc giá lạnh chỉ thêm áo nạp ngải cứu mà thôi. Nên các đệ tử Tuệ Không, Pháp Ngạn, Hạo Nhiên đều là voi con theo voi chúa. Sa-môn Phi Tích ở chùa Thảo Đường núi Tử Các soạn văn bia, Ngô Thông Vi khắc ghi. Đến ngày 13 tháng 4 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 13 (797) Tả Nhai Công Đức Sứ Khai Phủ Ban Quốc Công Đậu Văn Trường trình tấu: "Tiên Sư Sở Kim ở chùa Thiên Phước là Hòa-thượng của hạ thần. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), vì nước nhà mà xây tháp Đa Bảo, thiết đặt đạo tràng Pháp Hoa, mãi đến nay đã hơn sáu mươi năm, chư tăng mỗi ngày sáu thời lễ bái tụng niệm Kinh Pháp không hề dứt tiếng. Đã trải qua bốn triều vua (Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông) mà chưa đội ân biểu dương công đức". Vua Đức Tông bèn ban sắc truy phong Sư thụy hiệu là "Đại Viên Thiền Sư".

15. Truyện ngài Hoài Ngọc trụ chùa Dõng Tuyền ở Đài Châu thời Tiền Đường:

Thích Hoài Ngọc, họ Cao, người ở xứ Đan Khâu. Sư nghiêm trì luật pháp, danh tiết tiêu nhiên. Ngày ăn một bữa và thường ngồi, mặc tình cho thấy rận sản sanh, chỉ mặc một áo vải bố, hành trì pháp sám hối. Thời khóa mỗi ngày xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà đến năm muôn biến, tụng thuộc kinh A-di-đà ba mươi muôn biến.

Đến ngày mùng 9 tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), bỗng nhiên Sư thấy Thánh tượng Tây Phương đông nhiều như số cát sông Hằng, có một vị nâng cao đài bạc từ cửa sổ đi vào. Sư nói: "Tôi xin được đài vàng, đài bạc xin từ chối". Sư càng chí thành hơn. Sau, nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Trên đầu đã có ánh sáng. Xin hãy ngồi kiết già, kết ấn Phật Di-đà". Khi dó ánh sáng đức Phật soi khắp phòng nhà. Sư đưa tay ngăn người rằng: "Chớ đụng đến ánh sáng ấy!" Đến giờ Sửu ngày 13, lại có sánh sáng của sợi lông trắng xuất hiện, Thánh chúng rất đông giữa hư không. Sư nói: "Nếu nghe có mùi hương lạ tức báo thân của tôi đã hết!" Đệ tử là Tuệ Mạng hỏi Sư: "nay thầy sanh về cõi nào?" Sư bèn dùng kệ đáp rằng:

"Thanh tịnh sáng sạch không bụi nhơ
Hoa sen hóa sanh là cha mẹ
Ta tu Đạo đến nay mười kiếp
Hiện bày Diêm-phù chán các khổ

Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp
Xa lìa Ta-bà về Tịnh Độ”.

Sư nói kệ rồi, nghe có mùi hương xông ngát giữa hư không. Cả đại chúng đều thấy được Đức Phật A-di-đà, các vị Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thân mầu vàng tía cùng ngồi đài Kim Cương đến đón rước. Sư mỉm cười mà thị tịch. Nhục thân nay hiện còn.

Sau có người khen ngợi rằng:

“Thầy ta nhất niệm lên sơ địa
Sênh ca nước Phật hai lần đến
Chỉ có cây hòe xưa trước cửa
Cành thấp chỉ để treo đài vàng”.

Có thuyết cho rằng đó là thơ của Thứ Sử Đài châu là Đoàn Hoài Nhiên.

16. Truyện ngài Đại Hạnh ở Thái Nhạc thuộc Duyện Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đại Hạnh, người ở Tề Châu, sau vào Thái Sơn bệnh cỏ làm áo mặc, hái lá cây mà ăn, hành trì Pháp Hoa Tam-muội, chiêu cảm Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân. Sư tự than rằng: “Mạng sống vốn vô thường đều trở về ma diệt, chẳng biết đời sau sẽ thọ sanh về nơi nào!” Bèn vào trong tạng tiện tay rút lấy quyển kinh, bèn rút được quyển Tây Phương Thánh Giáo, bèn chuyên tâm nhớ nghĩ xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà suốt hai mươi mốt ngày. Đến nửa đêm, bỗng thấy đất biến thành chất lưu ly, mắt tâm rỗng sáng, thấy được các Đức Phật ở mười phương giống như ảnh tượng soi rõ trong gương. Về sau, nhà vua ban chiếu mời Sư vào nội cung, Sư nghỉ tại Ngự diện. Nhà vua ban tặng Sư hiệu là “Thường Tinh Tấn Bồ-tát “. Sư làm chức Khai Quốc Công, bèn thị hiện bị bịnh nhẹ, nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch. An táng một thời gian lâu sau, mở nắp quan thấy nghi mạo Sư vẫn như khi còn sống, có mùi hương lạ phảng phất.

17. Truyện ngài Vong Danh trụ chùa Quảng Ái ở Lạc Dương thời Tiền Đương:

Thích Vong Danh, người xứ Vinh Dương. Sư trụ chùa Quảng Ái ở Lạc Dương, chuyên tu tập tỳ-ni, cẩn trọng giữ gìn giới pháp, Sư xa lánh sự cơ hiềm xấu xa, ít có sự thiếu sót.

Vào niên hiệu Thượng Nguyên (760 - 762), Sư trở về phương Đông, đến Tỉnh Ninh, trên đường đến Vinh Dương, đêm tối dừng nghỉ

ở Nghịch Lữ. Vừa mới mở đãy cởi giày, muốn lọc nước để rửa, bèn có một vị tăng đi đến, dáng mạo cứng cỏi mạnh mẽ, cùng Sư đồng nghỉ chung phòng. Vị tăng ấy nói với người chủ nhà rằng: "Bần đạo từ xa đến, rất mỏi mệt lại thêm đói khát. Chủ nhân có rượu ngon bán cho đầy một bình và mua cho nửa vác thịt thú. Các thứ xin đem đến liền chớ chậm trễ!" Chủ nhà vội y theo lời yêu cầu mà mua sắm. Vị tăng ấy ăn uống hết không để lại gì. Sư bèn chê trách vị tăng ấy rằng: "Thân mặc Pháp phục mà đối trước người thế tục buông lung uống ăn, không biết xấu hổ". Vị tăng ấy im lặng không trả lời. Đầu hôm, vị tăng ấy lấy nước súc miệng rửa mặt, ngồi kiết già thân ngay thẳng, khởi xướng Phạm âm tụng Kinh Hoa Nghiêm. Mới đầu xướng cử đề mục, tiếp theo là trì tụng từ "Tôi nghe như vầy, v.v..." trở xuống, nơi khóe miệng vị tăng ấy phát ra hai luồng ánh sáng mầu vàng ròng, khiến người nghe cũng rơi nước mắt. Người thấy thì khen ngợi, Sư cũng sanh tâm kính mến. Trộm tự nghĩ rằng: "Vị tăng ăn thịt uống rượu ấy mà lại có khả năng tụng niệm Đại kinh nầy". Mãi đến canh 3 vẫn còn nghe tụng kinh, từng tiếng rõ ràng chẳng dứt. Và sắp hết quyển thứ 4, ánh sáng trong miệng lại càng sáng rõ thêm, soi khắp cả sân nhà, thấu suốt lỗ hỏng ngạch cửa song, chiếu sáng cả hai phòng. Sư ban đầu không biết ánh sáng ấy, mà tự bảo rằng: "Vị tăng ấy sao chẳng tắt đèn làm hao tốn dầu của chủ nhà". Nhân đó đứng dậy đi đến bên cạnh, thấy ánh sáng vàng ròng ấy phát ra từ hai góc khóe miệng của vị tăng ấy. Đêm sắp đến canh 5, vị tăng ấy tụng vừa hết quyển 6, mới tạm nằm nghỉ trong chốc lát thì trời sáng. Sư rơi lệ gào khóc và gieo cả năm vóc xuống đất, cầu xin sám hối tội lỗi khinh thường phỉ báng Thánh Hiền, và Sư vui mừng gặp được dị nhân, về sau càng thêm siêng năng tinh tấn, cuối cùng trở thành cao danh. Không biết về Sau Sư tịch ở đâu.

18. Truyện ngài Thích Hùng Tuấn ở phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Hùng Tuấn, họ Chu, người ở xứ Thành Đô, có tài giảng nói nhưng không giới hạnh. Nhận của tín thí phi pháp mà vẫn sử dụng. Vả lại có lắm sự lừa dối, chỉ chuyên việc ngông cuồng. Lại hoàn tục, vào trong quân lính, nhân lành nạn mà trở lại trong chúng xuất gia.

Vào niên hiêu Đại Lịch (766 - 780), Sư bị bịnh nặng qua đời, xuống cõi u minh, bị vua Diêm-la quở trách, sau đó, dẫn Sư đi vào ngục, Sư bèn chống cự lớn tiếng bảo rằng: "Hùng Tuấn tôi mà vào địa ngục thì các Đức Phật trong ba đời đều là nói dối. Tôi có đọc Quán Kinh, nói

rằng hạng người được hạ phẩm hạ sanh là do gây ra năm tội nghịch mà lúc sắp chết xưng niệm hồng danh Đức Phật chỉ mười niệm còn được vãng sanh. Tuấn tôi đây tuy tạo tội mà chẳng phạm năm tội nghịch. Nếu luận về sự niệm Phật thì chẳng biết số biến là bao nhiêu. Nếu lời Phật nói là đàng tin tin", thì sau chết tôi được sống lại, nói lời của Hùng Tuấn rằng: "Nếu thấy người xuất gia, tại gia trong thành, thì nói với họ rằng tôi đã được vãng sanh Tây phương!" Nói xong, Sư nương đài báu đi thẳng về phương Tây.

Liên hệ thử bàn:

Nhất niệm nhớ biết tự thân mình xưng niệm danh hiệu Phật chẳng ít, dẫu có vào địa ngục thì vẫn trở lại. Bởi vì dùng tâm lành mạnh mẽ mà chuyển tâm ác yếu ớt. Cho nên người tu hành phải biết miệng tụng chẳng bằng tâm trì. Người có năng lực vãng sanh cạn thấp phải học như vậy. Lời Ngài Hùng Tuấn lưu xuất trong dân gian, hẳn là lúc đã chết mà sống lại trao truyền lời ấy.

19. Truyện ngài Pháp Sư Tam Đao trụ chùa Long Hưng, ở Cát Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tam Đao Pháp Sư vốn họ Tào, người ở xứ Lô Lăng. Bản tánh tự nhiên ưa thích ăn dùng rau cải. Từ thuở nhỏ đã có chí nguyện xuất gia. Thời bấy giờ từ Giang đến Tây, đều bị loạn An Sử, phương Nam không thể nhiều việc thổ phù, nên mạnh kiêm yếu, chiến tranh chưa dứt.

Tháng 11 niên hiệu Đại Lịch thứ 7 (772), Quảng Châu Lã Đại Phu bị Phiên thành vâng theo điệp của Lộ Từ Cung Hồng Châu, Thứ Sử Cát Châu là Lưu Ninh bày binh trận gồm ba ngàn người, dồng đánh lấy Phiên Ngung. Sư trước kia vốn tên là Bá Liên. Sư là người mạnh mẽ mà dung mạo xấu xí. Và lại, tâm thuần lương, thường trì tụng Kinh Kim Cương. Lấy ống trúc đựng đầy kinh đeo trong người, phát thệ chẳng lập gia đình. nhưng chẳng nêu hạnh lành ấy với người khác, chỉ riêng kín đáo hành trì chí thiết. Tự nhiên bị bắt vào quân lính. Lúc trình duyệt lại bị chọn sung vào hàng danh Tiểu Tướng. Thật chẳng phải điều thích hợp với Sư, bèn vong mạng. Bấy giờ, bày binh trận lại rất gấp, các xứ bị hại đuổi bắt. Ở tại cửa bể của bổn Châu, Sư bị bắt đưa đến Lưu Ninh, khiến đưa đến cầu Chu Mộc mà xử tử. Ba lần chém bằng mũi nhọn dều bị gãy. Lưu Ninh lấy làm lạ, hỏi Sư, Sư đáp: "Chí vốn muốn xả bỏ gia đình, thường trì niệm kinh pháp. Như nay khiếp sợ, hèn yếu trước quân oai, vì thế mà mất". Lưu Ninh hỏi: "Kinh hiện tại ở đâu?" Sư đáp: "Lúc

bị bắt làm rơi rồi". Lưu Ninh bèn sai người đi tìm, cách ngoài vài trăm bộ quả nhiên tìm được, trong ống trúc có dấu đao gần như mờ hẳn. Lưu Ninh bèn vòng tay ca ngợi, xưng tán, giây lâu bèn trả Sư trở lại làm tăng, và tấu trình cùng triều đình. Vua Đại Tông ban sắc tặng Sư Đạo hiệu là "Tam Đao Pháp Sư", đồng thời phối danh ở chùa Long Hưng trong bổn Châu.

Sau, Sư càng thêm tinh tấn, Sư thị tịch tại chùa.

20. Truyện ngài Thích Đại Quang trụ chùa Pháp Hoa ở Hồ Châu thời Tiền Đường:

Thích Đại Quang, họ Đường. Sanh tại ấp An Cát. Mẹ của Sư họ Mai. Lúc mang thai Sư mà mộng hợp với điềm lành. Khi Sư ở trong thai, mẹ Sư không ưa các thứ mùi vị tanh nồng, đến lúc vừa mới sanh, Sư liền biết nói, nhưng chẳng đùa giỡn.

Chưa đến tuổi búi tóc, Sư đã suy nghĩ cầu Phật thừa, nguyện tụng niệm Kinh Pháp Hoa, chỉ ba tháng đã thông suốt. Mỗi lúc Sư cất tiếng tụng kinh thì các vật ngu xuẩn thô bỉ đều đổi tâm, Sư bèn xuất gia mà tìm tăng đàn thọ giới. Sư đi về hướng Tây đến Kinh Ấp, triều kiến vua Túc Tông, vua mời Sư vào trong cung cấm, vua khoanh tay mà khen ngợi rằng: "Xưa mộng thấy vị tăng, người xứ Ngô, miệng trì tụng Kinh Pháp Đại thừa, có ánh sáng năm mầu phát ra, lời tiếng dáng vẻ hay ho thật vừa nguyện của trẫm vậy!" Nhân đó vua ban tặng Sư danh hiệu là Đại Quang. Gặp ngày sinh nhật của vua, thiết trai tại chùa Định Quốc, nhân đó ban mặc chiếu cho phép các chùa nổi tiếng trong nước tùy ý Sư đến trụ trì. Ban lệnh cho Trung Quang Triệu Ôn đưa Sư đến ở chùa Thiên Phước nơi đạo tràng Trì Kinh. Sư tụng kinh bàng tiếng xứ Ngô, xa xa Thông đến Thánh thính, Vua rất lấy làm lạ về việc đó, bảo Trung Quang đến tuyên dụ.

Sau Sư đến trụ ở tinh xá Lam Điền. Trước đó chư tăng trong tinh xá mộng thấy có vị Thiên Đồng đến báo rằng: "Tiếng tụng kinh của Sư Đại Quang vang tới cõi trời Hữu Đảnh". Một hôm, Sư đang yên tọa, tự thấy vị thần từ cõi trời đưa tay xuống vỗ xoa ở tim Sư. Sư bèn nhớ ngày trước Đại Sư Bảo Ngọc là bậc tiên đạt có dự ghi lời đó, bảo Sư nên xướng cao pháp âm thì sẽ có thần đến giúp. Lại riêng trong đêm mộng thấy thần tăng có sữa dính nơi tim, bảo Sư mút lấy. Từ đó công lục nơi Sư hiển bày, hình thần chẳng nhọc. Sư lại lên núi đến chỗ sâu thẳm, tình cờ bị rơi xuống hang Long Tuyền, chẳng thể lường biết chỗ đắm chìm là đâu. Trong tâm Sư linh hiển rõ suốt đều không mê mờ, nhân dó Sư

nghĩ nhớ trong bổn kinh có phẩm Đa Bảo Tháp, bèn thành tâm nguyện tụng trì Phẩm ấy đến mười muôn biến. Tự nhiên thân bay vọt thoát khỏi suối hang, như có thần nâng đỡ. Sau, có chiếu ban mời Sư đến trụ chùa Tứ Thánh. Chùa ấy vốn do Triệu Quốc Công Trưởng Tôn Không Kỵ Trạch, xây dựng để cầu phúc cho Hoàng Hậu Văn Đức vào niên hiệu Long Sóc thứ 2 (662). Vào niên hiệu Trường An thứ 7 (Trướng An chỉ có bốn năm: 701 - 705), gặp phải nạn lửa đốt cháy hết, chỉ còn có được vài bộ Kinh trong đống tro tàn không bị cháy một chữ nào, bèn tấu trình việc đó lên vua. Bá tánh đua nhau xả thí cúng dường, chỉ trong vài ngày đã đầy cự vạn, bèn xây dụng lại chùa ấy. Sư đọc xem các bộ kinh ấy, càng dốc lòng tinh tấn gấp bội.

Sau vì riêng cảm thân sinh hiện ở đất Ngô, chưa báo đáp từ lực. Sư bèn dâng biểu xin trở về tĩnh dưỡng. Vua chưa ban chiếu chấp thuận, thì bèn dối bịnh, gắng sức đem ném xuống vực sâu, lừa quỵ chẳng đi tới, đàn quạ phủi đảnh. Tâm đã hiểu rõ, bịnh cũng lành theo, Sư bèn đem Kinh đội trên đầu mà hành đạo. Bỗng có chiếu ban chấp thuận Sư trở về. Đã về ở tại Ô Trình, Sư bèn xây tháp, thường ngày trì tụng Hoa Kệ để báo nguyện xưa.

Đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ nhất (765), Chiết Tây Liêm Sứ Vi Nguyên Phủ dâng biểu thỉnh Sư đứng đầu của lục Quận biệt sắc Đạo Tràng trì niệm. Đến năm Quý Sửu (773) thuộc niên hiệu Đại Lịch, Ngạn Lỗ Công Chân Khanh Lãnh Quận, cha của Tướng Quốc Lý Thân làm Ô Trình Tể. Thân chưa tròn năm, bịnh sửa bạo khởi mà chẳng khóc, chẳng săn sóc đến bảy ngày, mời Sư đến, Sư bảo mẹ nuôi tắm rửa rồi xông đốt hương, Sư mới lớn tiếng tụng kinh, phẩm “Phân Biệt Công Đức”. Lý Thân bèn chạy ra khỏi chiếu mà ngồi khoanh tay mở mắt nhìn chăm chăm, Sư trao cho uống một chén nước, và bảo gắng mớm sữa đó, bịnh mới lành dần. Sư cười mà nói với Lý Thần rằng: “sao ngươi nguyện trở lại chóng vậy?” Nhân đó, lấy tên Sư mà đổi thành chữ Thân tiểu. Vào niên hiệu Trinh Nguyên (785 - 805), Lý Thân lại đến Thệ Thượng, lúc ghé thuyền thì Sư đã sớm tiếng đợi chờ ở bờ khe suối mà cười bảo: “Đùa giỡn múa men như con nít!” Sau Lý Thân lại có sắc lệnh đến Ngô Hưng, uống rượu say nằm ở quán, khi đó Sư đang dẫn tú ở Đạo Tràng. Đến nửa đêm gần tỉnh, Lý Thân thấy ánh sáng mầu trắng soi chiếu khắp nhà rõ ràng như ban ngày. Lý Thân bèn sang dò xét, thấy Sư đang yên tọa, Phạm âm vừa mới xướng, ánh sáng phát khởi từ khuôn mặt như khai mở hào tướng, đến lúc lời kinh ngừng dứt thì ánh sáng mầu vàng cũng thâu lại. Lúc Lý Thân từ giã để trở về kinh, thì Sư bảo rằng: “Ông

được lời của Kính Sơn, tôi không lấy gì dể dụ. Đi thì tự mến, nhưng đi ở phải có lúc. Ngày sau ngôi vị ở miếu đường, phải dùng giáo pháp mà làm ngoại hộ!”

Đến ngày 30 tháng 12 niên hiệu Vĩnh Trinh thứ nhất (805), Sư thị tịch tại Đạo tràng Trì Kinh. Khi đó, thú gào chim sa, cây rừng kinh hãi rung chuyển, có mùi hương thơm lạ xông ngát mấy ngày chẳng dứt. Thứ sử Ngạn Phóng rất thương xót đến viếng điếu.

Sư mặc một áo nạp suốt bốn mươi năm không giặt nhuộm, mà hương giới xông ngát, ngày ăn một bữa suốt bảy mươi năm. Có rất nhiều điều chứng nghiệm, nên tướng quốc Công Thân vốn ở chốn Không môn, ít niềm tin lại thường dò xét lỗi lầm của chư tăng, mà lại kính trọng Sư, tự soạn bia đề rằng: “Mặc Chiếu Trì Kinh Đại Đức Thần Dị Bia Minh”, Bố y Dương Quỳ viết chữ.

21. Truyện ngài Trí Đăng trụ chùa Thiên Sùng ở Kinh Châu thời Tiền Đường:

Thích Trí Đăng, không rõ Sư là người xứ nào, trang trọng hạnh mình, trang nghiêm đúng thời, giữ gìn giới phẩm. Sư thường trì Kinh Kim Cương Bát-nhã, chuyên cần không biết mỏi mệt.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên (875 - 805), Sư bị bịnh qua đời, đệ tử mở tay thấy còn nóng ấm nên chẳng tẩn liệm ngay. Bảy ngày sau Sư sống lại, kể rằng: “Ban đầu thấy trong cõi u minh như có vua, vì ta tụng kinh nên chấp tay bước xuống thèm cấp, nhân đó hỏi thăm rằng: “Canh Dung Thựng nhân mười năm ở đời, gắng vượt ra sanh tử”. Và cũng tiện đó, tôi hỏi rằng: “Chúng tăng trong nhân gian sau giữa ngày ăn dùng”ý dĩ nhân” làm dược thực, như vậy thì thế nào?” Đáp rằng: “Ấy là rất trái với bổn giáo”. Tôi bảo rằng: “Trong luật có điều chánh, phi chánh, khai già, như thế nào?” Minh Vương đáp: “Đó là do người sau thêm vào chứ chẳng phải ý Phật”.

Mọi người xa gần nghe như thế. Chử Cung Tăng cho đến có người sau giữa ngày không người uống nước.

Liên hệ thử bàn:

Tiểu Thừa chuộng khai ăn ngũ tịnh vật. Ý dĩ chẳng phải thức ăn chính trong ngũ cốc. Nghi đây, Minh Quan nhân căn cơ mà rũ răn dè. Bởi vì đang lúc chư tăng rất xem thường giới pháp, nên nghiêm khắc khai già như thế, thật là Phật thường pháp của các Đức Phật, chẳng phải do người sau thêm vào.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 25

CHƯƠNG TÁM: ĐỌC TỤNG

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG VIII

(chánh truyện có hai mươi mốt vị, phụ có năm vị.)

1. Truyện ngài Minh Độ trụ chùa Thạch Bích ở Tinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Minh Độ, không biết Sư là người xứ nào, tập học kinh luận, ba nghiệp siêng năng, tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, giúp cho Tịnh nghiệp, lấy sự từ bi tế đọ làm tâm.

Khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán, có chim cáp làm ổ nơi cột nhà, mớm nuôi hai chim con, Sư thường đem cháo thừa đến ổ mớm cho ăn, lại chú nguyện cho nó rằng: "Mong nhờ năng lực ta trì tụng kinh mà lông cánh chóng mọc". Bỗng nhiên hai chim con sớm học tập bay bị rơi xuống đất và đều chết cả. Sư bèn chôn nó. Hơn mười ngày sau, Sư mộng thấy hai đứa bé đến thưa với Sư rằng: "Chúng con vốn thọ nghiệp loài nhỏ sanh bằng trứng, nay nhờ Thượng nhân nuôi nấng, trì tụng Kinh pháp mà hồi hướng, được chuyển sanh lên làm người. Cách chùa nầy về phía Đông chừng mười dặm là nhà của chúng con!" Sư im lặng ghi nhớ việc ấy, mãi đến mãn mười tháng, Sư đến dò hỏi ở nhà đó, quả thật có hai vợ chồng vừa mới sanh hai đứa con. Sư vào nhìn nó, chỉ mới sanh vài ngày mà Sư gọi nó là "Cáp Nhi", một lúc nó xoay đầu như nhận biết. Hơn một tuổi nó đã biết nói và đều được lớn lên. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

2. Truyền ngài Thanh Hư trụ chùa Tuệ Nghĩa ở Tử Châu thời Tiền Đường:

Thích Thanh Hư, họ Đường, người ở Tử Châu. Sư lập tánh cương quyết, thông tuệ khó lường. Bỗng nhiên, Sư hồi tâm, chuyên trì tụng

Kinh Kim Cương Bát-nhã, ba nghiệp đều siêng năng không hề biếng trễ. Sư thường hay ở nơi núi rừng trì tụng, có bảy con nai thuần đi nhiễu như lắng nghe, khi Sư dứt tiếng thì nó bỏ đi. Lại nữa, các phòng nhà ở gần lửa cháy rui mè đều rụi hết, chỉ có phòng nhà của Sư lửa dữ bay qua, không hề bị cháy.

Vào niên hieệu Trường An thứ 2 (702), một mình Sư đến chùa Ngộ Chân, ở Lam Điền, tại phương trên phía Bắc viện xưa kia không có giếng nước. Sức người không thể làm nổi, phải đi lấy nước từ khe suối xa, xách gánh mang về rất cực nhọc. Bấy giờ, Đại Sư Pháp Tạng là bậc tinh thông Kinh Hoa Nghiêm, nghe Ngài trì kinh rất linh nghiệm mới thỉnh Ngài đến tìm cầu suối nước. Ngài bèn vào nội các Di-lặc, đốt hương trì tụng kinh đến sáng sớm ngày thứ 3, bỗng trong tâm thấy như có ba ngọc nữ ở lưng chừng núi về phía Tây Bắc của lầu dùng dao con khoét móc đất tùy tiện mà có nước. Ngài ghi nhớ kỹ chỗ đó, bèn đến đào bới, quả nhiên có được dòng suối ngọt, dùng hoài chẳng cạn.

Đến niên hiệu Trường An thứ 4 (704), Sư nương tựa chùa Thiếu Lâm. An cư kiết hạ trên đỉnh núi, ở đó có ngôi Phật thất rất rộng rãi, mọi người đều không dám đến vì cho rằng đó là nhà của quỷ thần. Từng có vị luật sư ỷ cậy mình có giới hạnh, ban đêm đến đó tụng luật, thấy một người to lớn cầm mũi mâu đến đâm, đuổi xuống núi, vị Luật sư sợ quá tắt thở. Lại có vị tăng hành trì Hỏa Đầu Kim Cương Chú. Bấy giờ rất được mọi người kính trọng, hỏi vị tăng ấy rằng: “Sức Ngài trì chú không ai địch nổi vậy có thể đến ở lại đêm tại đó có được chăng?” Vị tăng ấy bảo: “Ở đó đâu đáng sợ gì!”. Rồi bén mang hương đèn vào ngồi trì chú. Không bao lâu vị thần xuất hiện đưa tay nắm lấy chân vị tăng ấy ném xuống dưới khe suối, bảy ngày sau vẫn chưa nói năng gì được, tinh thần hôn mê. Sư nghe thế bảo rằng: “Quỷ vật là loài hạ thú mà dám như vậy ư?” Bèn sang đó tụng kinh như thường, ban đêm nghe ở Đông đường có tiếng động rất mạnh, Sư liền trì niệm chú “Thập nhất diện Quán Thế Âm”. Lại nghe ở trong nhà như có hai con trâu đánh nhau, tượng Phật đều lung lay. Chú đã mất hiệu, Sư trở lại tụng trì Bổn Binh Nhất Hiệp, tự nhiên lần lượt mọi ảnh hưởng đều bặt dứt. Từ đó, n gười ở không còn phải lo sợ, thần bèn dời đi nơi khác.

Đến niên hiệu Thần Long thứ 2 (706), Sư vâng chiếu vào cung cầu mưa, hết mười bốn ngày thì tuyết rơi, vua Trung Tông cho là chưa cứu giúp được hy vọng đương thời, bèn khiến về chùa tiếp tục cầu thỉnh, Sư bèn ở trong điện Phật tinh tấn Khẫn cầu và đốt một ngón tay, vừa mới tròn đêm mà mưa khắp ngàn dặm, ngón tay Sư bình phục như cũ.

Do mới gặp cơn mư lớn, phòng ốc trong chùa đều thấm ngập, riêng phòng viện của Sư không khổ, như không bị chìm ngập. Tất cả các điều linh nghiệm dị kỳ nơi Sư thảy đều như vậy.

3. Truyện ngài Thiểu Khương trụ Đạo tràng Tịnh Độ ở núi Ô Long, thuộc Mục Châu, thời Tiền Đường.

Thích Thiểu Khương, họ Chu, người trụ núi Tiên Đô ở Tấn Vân. Mẹ của Sư họ La, nhân mộng thấy đi đến núi Đảnh Hồ, gặp được Ngọc Nữ tay bưng đóa sen xanh trao cho và bảo rằng: "Đây là hoa Cát tường, nay cho bà, sau này sẽ sanh quý tử, cần phải bảo trọng yêu quý!" Đến ngày sanh ra Sư, có ánh sáng mầu xanh khắp phòng và có mùi hương thơm tợ như hoa sen. Tới lúc Sư còn buộc tã mà mắt mầu xanh biếc, môi đỏ như son, răng được một tướng của Phật. Sư thường ngồi ngay thẳng mỉm cười. Bấy giờ trong làng có người giỏi xem biết tướng đến xem rồi bảo rằng: "Đứa bé này tương lai có tướng tài giỏi, không nói thì tôi chẳng biết".

Năm Sư bảy tuổi, cha mẹ dẫn Sư vào chùa Linh Sơn, nhân ngày Phật đản kính lễ Thánh dung, mẹ của Sư hỏi có biết chăng? Bỗng nhiên, Sư nói rằng: "Đức Phật Thích-ca Mâu-ni!" Mọi người đều nghe đều lấy làm lạ. Bởi từ lúc sinh ra đến nay Sư chưa từng nói năng điều gì. Do đó, cha mẹ Sư cho phép xuất gia. Năm mười lăm tuổi, Sư tụng đọc kinh đã trọn năm bộ. Sư thọ giới tại chùa Gia Tường ở Việt Châu, lại đến chùa đó tập học tỳ-ni. Sau năm năm, Sư đến chùa Long Hưng ở Thượng Nguyên nghe học Kinh Hoa Nghiêm, Luận Du-già.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) Sư vào điện Phật chùa Bạch Mã ở kinh đô Lạc Dương, thấy có vật phát ra ánh sáng, bèn tìm tòi lấy xem thử là kinh pháp gì, mới biết đó là quyển "Hành Tây Phương hóa đạo" của Đại Sư Thiện Đạo. Sư thấy vậy rất vui mừng, chú nguyện đó rằng: "Nếu ta có duyên với Pháp môn Tịnh Độ thì xin cho tập văn nầy ánh sáng lại hiện". Sư phát thệ nguyện vừa xong, quả nhiên lại thấy sáng loáng, trong ánh sáng đó có hóa Phật và các vị Bồ-tát nhiều vô số. Sư bèn đến trong ảnh đường thờ Đại Sư Thiện Đạo. Từ chân tượng hóa thành thân Phật, nói với Sư rằng: "Ông y theo tôi thi thiết lợi lạc chúng sanh đồng sanh An Dưỡng". Sư bỗng như có sở chứng, bèn hướng về phương Nam đi đến chùa Quả Nguyện ở Giang Lăng, gặp một vị Pháp Sư nói với Sư rằng: "Ông muốn giáo hóa người, nên đến xứ Tân Định, duyên của Ông ở đó". Nói xong, liền biến mất, chỉ còn mùi hương và ánh sáng, hướng về phía Tây mà đi. Đến lúc Sư đến Mục Quận, vào

thành khất thực có được tiền, Sư bèn dụ trẻ con xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà, cứ một câu thì trao cho một tiền. Qua hơn một tháng, trẻ con đông dức kính mến niệm Phật, ai niệm nhiều thì cho tiền, như vậy suốt một năm, tất cả kẻ nam người nữ hễ thấy Sư, thì liền xưng niệm "A-di-đà Phật", Sư bèn lập ra Đạo tràng Tịnh Độ ở núi Ô Long, lập đàn ba cấp, nhóm họp mọi người vào nửa đêm hành đạo xưng tán. Trong hai mươi bốn tiết thường năm thì xưng dương tịnh bang, hễ gặp ngày trai, thì nhóm họp hơn ba ngàn người do Sư giáo hóa lên tòa, khiến kẻ nam người nữ trông thấy khuôn mặt Sư thì liền lớn tiếng xưng niệm "A-di-đà Phật", Phật từ trong miệng ra, liên tiếp niệm mười câu thì có mười Phật nối nhau tuôn ra tướng trạng như xâu chuỗi nối liền. Sư bảo rằng: "Ngươi nào thấy được thân Phật thì được vãng sanh".

Đến tháng 10 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 21 (805), Sư chỉ dạy đại chúng, dặn dò chỉ khuyên gấp tu Tịnh Độ. Nói xong, Sư ngồi kiết già, tự thân phát ra ánh sáng màthị tịch. Sắc trời biến đổi, gió dữ nổi lên bốn phương, trăm giống chim kêu buồn, núi Ô Long cùng lúc biến thành mầu trắng. Nay mộ tháp Sư hiện còn tại Tử Nham ở Đông Đài thuộc Vu Chân, trải qua năm tháng lâu dài chỉ còn lại nền đá vuông, bên cạnh nền đá có đất, tương truyền đất đó trị bịnh được. Dân chúng trong châu, hễ mắc các chứng bịnh, đều đến đó đốt hương xin lấy đất, uống vào phần nhiều đều lành. Bốn góc nền đá giống như vết bánh xe.

Liên hệ thử bàn:

Ngài Thiểu Khương thuật kệ tán dựa theo tiếng của Trịnh Vệ, biến thể mà thành. Chẳng buồn, chẳng vui, chẳng oán, chẳng giận. Được khúc vận trung bình, thí như người thầy thuốc khéo dùng kẹo mật bôi thoa trộn vào thuốc khó uống để dẫn dụ trẻ nhỏ đưa vào miệng. Nếu chẳng phải đại quyền nhập giả thì sao có thể vận dụng phương tiện độ người nhiều vô cực như vậy.

4. Truyện ngài Pháp Chánh trụ chùa Khai Nguyên ở Giang Châu thời Tiền Đường:

Thích Pháp Chánh, không rõ Sư là người xứ nào. Tâm Sư rỗng rang, cẩn tu quyết hạnh, giữ gìn ba nghiệp, chế ngự sáu căn. Thường ngày Sư tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã hai mươi mốt biến, hành trì kính cẩn không hề biếng trễ.

Đầu niên hiệu Trường Khánh (821), Sư mắc bịnh bị chết giấc. Sư kể lại rằng: "Đột nhiên đến coi u Minh, gặp Minh Vương, Minh Vương hỏi Sư rằng: "Sư bình thường tu tạo ruộng phước gì? Và được thiện

quả thế nào?" Sư bèn đem việc tụng kinh mà trả lời. Minh Vương bèn dẫn Sư đến điện, mời Sư lên tòa gấm và thỉnh đọc tụng kinh bảy biến. Từ Minh Vương trở xuống cho đến các người thị vệ không ai chẳng chấp tay. Mọi thứ trạ hỏi đánh đập, mách cáo luận bàn dưới thềm thảy đều dừng lặng, không có tiếng động. Sau khi Sư tụng kinh xong, Minh Vương sai một người đưa Sư trở về nhân gian, và tự thân Minh Vương bước xuống thềm cấp vái chào đưa tiễn nói với Sư rằng: "Thượng nhân lại được sống ở đời ba mươi năm, chớ phế bỏ sự tụng trì!" Sư theo kẻ sứ đi được vài dặm, đến một cái hố lớn, tự n hiên bảo Sư cúi đầu nhìn xuống, và bị kẻ sứ xô rớt như rơi giữa khoảng không, tức khắc Sư liền sống lại.

Ban đầu, khi mới chết giấc chỉ có mặt Sư chẳng lạnh, đến lúc Sư sống lại, kể lại việc ấy, khiến người dời tâm cải thiện chẳng phải một. Sau, hơn tám mươi tuổi, Sư mới thị tịch tại chùa Sư ở.

Kế nữa, có Ngài Thích Hội Tông ở huyện Công An, thuộc Kinh Châu. Ban đầu Sư xuất gia làm tăng, không có nghề gì khác. Bỗng nhiên mắc phải bịnh độc cổ chỉ còn da bọc xương. Nhân đó, Sư khổ thiết phát tâm tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, để đợi hết số. Đến qua năm mươi biến, Sư mộng thấy một người bảo há miệng, kéo trong cổ họng ra hơn mười cọng tóc. Đêm đó, Sư mộng thấy ói nhả con giun đất dài hơn một tấc. Hơn tháng sau, nhân đó, Sư lành bịnh. Lúc ấy nhằm khoảng đầu niên hiệu Trường Khánh (821). Có Sa-môn Hạnh Đỗ trông thấy việc ấy. Sau không biết Sư tịch ở đâu.

5. Truyện ngài Thích Thủ Tố trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Thủ Tố, lập tánh cao xa, chẳng giống như đồng bạn. Sư trụ chùa Hưng Thiện ở Kinh Triệu, thường lấy sự tụng trì làm việc gấp. Nơi viện Sư ở vắng vẻ, có bốn gốc ngô đồng xanh tốt đều do tay Sư trồng.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), các hàng khanh tướng thường đến thăm viện Sư. Đến giữa mùa Hạ tự nhiên cây ngô đồng chảy mồ hôi rất dơ y phục của người, như dầu mỡ mà không thể tẩy giặt. Bấy giờ, Tướng quốc Trịnh Công Nhân cùng Thừa Lang lánh nắng, lại ghét nó nhỏ giọt thấm rít, bèn thưa với Sư rằng: "Đệ tử xin chặt bỏ cây này giùm thầy, mỗi nơi trồng lại một cây thông có được chăng?" Đến chiều tối, Sư cười đùa chú nguyện, bảo với các cây ngô đồng rằng: "Ta trồng các ngươi đã hơn hai mươi năm nay, ngươi đổ mồ hôi thấm rít khiến người nhàm ghét đồng như loại cây xấu, không thể thôi nhỏ giọt. Năm

sau nếu còn như vậy, ta sẽ chặt làm củi!" Từ đó bèn dứt bặt, không còn chảy mồ hôi nữa.

Ngài lập nguyện không ra khỏi viện, trì tụng Kinh Pháp Hoa ba mươi bảy ngàn bộ. Ban đêm thường có con hạc thuần đi nhiễu lắng nghe kinh. Đến giờ thọ trai thì chim thước đến trong tay Sư mổ lấy thức ăn. Có vị tăng khác dùng thức ăn để dụ các loài chim, đều kinh hãi kêu la mà chết. Đầu niên hiệu Trường Khánh (821), có Sa-môn Huyền U, đề ở Viện đó rằng: "Ba mươi năm tụng ba muôn bộ Kinh Pháp Hoa. Nửa đời chân chẳng đạp bụi trần nơi cửa Viện". Người thời bấy giờ cho là trụ cú. Không rõ về sau Sư mất ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Người chích cây sơn thường lo nó ít giọt, vì mến thương nên khó cầu. Người chặt cây cao sợ nó nhiều cay đắng, chán ghét mà dễ được. Ôi! Cây ngô đồng xanh tốt chảy ra mồ hôi, thật ở đời ít nghe. Đến lúc Ngài Thủ Tố rầy la nó thì năm sau dứt vết. Há có người đệ tử xuất gia chẳng như cây gỗ vô tình kia ư? Đã chẳng có khả năng làm sơn cùng vật cách biệt dơ bẩn vì cao cùng ăn thêm mùi vị của nó ư? Nếu được sự đánh mắng của thầy bạn, lấy khiến hoàn toàn thanh tịnh. Truyền rằng: "Có lỗi thì chớ sợ sửa đổi". Theo trong bổn giáo thì "Hối tội thanh tịnh", như vốn không khác, cần suy nghĩ đó!

6. Truyện Hoa Nghiêm Hòa-thượng ở U Châu thời tiền Đường:

Thích Hoa Nghiêm Hòa-thượng. Không biết Sư họ là gì. Sư trụ ở phía Bắc thành U Châu, thường tụng Kinh Hoa Nghiêm làm tịnh nghiệp, nên người thời bấy giờ thường lấy đề kinh mà gọi Sư. Những lúc Sư tụng kinh, khắp cả thành đều nghe như ở dưới sân vậy.

Vào niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên (696 - 697), Hàn Quốc Công Trương Nhân Nguyện đến làm đô đốc U Châu, ban đêm nghe tiếng tụng kinh từng phẩm rõ ràng, đến sáng ngày, nói với phu nhân rằng: "Đêm qua ở phía Bắc thành có tiếng của Đạo nhân tụng kinh, nghe như ở trước nha thự, Bà có nghe như thế chăng?" Phu nhân hỏi: "Đó là xứ nào ở xa mà có thể được nghe vậy?" Trương Nhân Nguyện bảo: "Nếu không tin thì hãy sai đứa bé chạy ngược sang dò xét thử". Quả nhiên trở về báo lại không sai lầm. Trương Nhân Nguyện bèn thỉnh Sư vào thành. Khi gặp gỡ nhau, Sư hỏi Trương Nhân Nguyện rằng: "Có nguyện sao chẳng báo ư?" Trương Nhân Nguyện đáp rằng: "Hiện tại đang sắm sanh năm trăm bộ pháp phục ca sa để đi cúng dường La-hán". Sư bảo: "Chớ đi đâu xa, chỉ cần đưa đến cúng dường chư tăng chùa Trúc Lâm ở núi Mã

An thuộc phía Tây U châu" Đến lúc Trương Nhân Nguyện sai sứ mang hương, pháp y, các vật.. lên núi Phật Lũng đã xa, tìm chùa Trúc Lâm, thì không thấy dấu vết gì, cứ thế vào sâu, leo lên núi cao, thấy một ông lão, bèn hỏi, Ông lão bảo:"Cứ đi theo tôi". Đợi thấy mây tan thì chùa hiện, mọi cảnh vật của thế gian chẳng có, vào chùa lần lượt cúng dường pháp y ca-sa, cuối cùng thiếu hai người, thừa hai phần. Vị lão túc ấy bảo: "Hãy mang hai phần ấy về, một phần cho Trương Nhân Nguyện và một phần cúng dường Hoa Nghiêm Hòa-thượng". Từ đó mới biết Sư là người trong chùa Thánh Trúc Lâm mà đến. Người Sứ ở lại trong chùa một đêm, sáng ngày đi ra thì đã qua năm sau rồi.

Sư hành hóa đã lâu, sau Sư an tọa mà thị tịch, nhục thân không khô héo rã nát. Dân chúng ở Phạm Dương phần nhiều hay nguyện cầu, bấy giờ có nhiều điều ứng nghiệm. Tháp thờ Sư gần đây nhân bị chiến tranh mà hư hoại.

Liên hệ thử bàn:

Từ một miệng tuyên tụng làm sao có thể vào thấu tai mọi người ở xa gần ư? Thông đáp: Gần thì như năng lực nguyện trì Kinh Thiện Pháp, xa thì một lời giảng nói mà tùy loại nghe hiểu. Hoa Nghiêm Hòa-thượng là một thành viên trong chùa Thánh, suy đoán có thể biết.

7. Truyện ngài Văn Chiếu ở núi Bách Thê thuộc phủ Hà Trung thời Tiền Đường:

Thích Văn Chiếu, không rõ Sư là người xứ nào. Vốn người thuần phát chậm chạp, nhưng thấy tượng Phật thì liền vui mừng. Một sáng nọ, Sư đến chùa Bách Thê, đảnh lễ Pháp Sư Đàm Diên, vẽ ảnh xuất gia. Sư chuyên tụng các kinh mà không biết giải thích, thường tự tức giận bởi bẩm thọ tánh trí tối tăm. Bỗng nhiên Sư như giả ngủ, thấy Pháp Sư Đàm Diên thân cao một trượng, mắt sáng như xẹt bắn tứ phía, bảo với Sư rằng: "Điều muốn của ông, ta làm sao có thể làm cho toại nguyện, ta có một quyển kinh thông minh, ông mong cầu điều đó phải phải kính cẩn mà trì, lấy sự cảm ứng như cúi xuống mà lượm nhặt hạt cải dưới đất". Bèn lấy trong tay áo ra trao cho Sư, thì đó là Kinh Kim Cương Bát-nhã. Sư liền cầm lấy đọc tụng bảy biến rồi liền thức giấc, Kinh như ở tại mắt. Sau đó, Sư niệm tụng không trệ ngại, như đã tập học từ lâu. Khoảng giữa cổ họng và lưỡi của Sư khúc chiết trầm bổng tự nhiên biến vào tiết tấu chẳng phải điệu thường. Từ đó Sư thông minh, mỗi ngày một thay đổi, biện luận hợp với miệng. Người thời bấy giờ cho đó là Bồ-tát Quan Âm giúp đỡ cho Sư, Sư còn bảo:"Thầy ta là Chu Tùy quốc sư. Tất cả

các biên tập nghĩa sớ của ta đều nương mộng mị mà thần trao. Ta không hổ thẹn vì đã giúp đỡ.

8. Truyện ngài Pháp Chiếu ở Thiểm Phủ thời Tiền Đường:

Thích Pháp Chiếu, không rõ Sư là người xứ nào, đi đứng thường thô tháo, Sư du phương bất thường.

Đầu niên hiệu Trường Khánh (821), Sư vào nghịch Lữ đụt mưa, trời mưa lấm bùn dơ, đã quá ngọ mà khất thực không được, Sư bèn sai đứa bé mua thịt lợn, nấu với mấy cái bánh Hồ, ăn đến gần hết, không hề tỏ vẻ hổ thẹn và xem chung quanh như không có người. Mọi người khách đều mắng nhiếc, có gã thiếu niên như muốn đánh Sư. Sư rất khác lạ tự nhiên chẳng đối đáp gì. Đến tối Sư tụng Kinh Kim Cương, vốn không có đèn, mà cả phòng đều sáng tỏ, có mùi hương lạ xông ngát, tất cả có hai mươi mốt người khách, đến lễ bái sám tội lỗi. Mỗi người đều cúng thí y vật. Sư vẫn ngồi xoạc chân như không thấy gì. Sau không biết Sư tịch ở đâu.

9. Truyện ngài Tuệ Phổ trụ tại Thiền Viện Thanh Trước, ở huyện Quảng Tế, thuộc Kỳ Châu, đời Đường.

Thích Tuệ Phổ, họ Tống, người ở xứ Kỳ Thủy, thuộc trong bổn quận, tánh Sư phóng khoáng, thông minh tài giỏi. Sư vâng giữ giới pháp, gìn giữ sạch như băng tuyết.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (817), Sư đến vùng Quảng Tế. Ở đó đất linh núi đẹp, nên Sư nguyện trụ ở đây. Ban đầu, Sư định tụng Kinh Đại Niết-bàn, trải qua một năm, cuối cùng thông suốt bốn mươi hai quyển. Người nghe nói khen rằng: Cả bốn pho Kinh lớn mà như là ôn tập chẳng suy lường mà có thể đạt được ư! Có người nghi đó là nói vọng suốt bộ có loạn tâm, kế đến nêu lên đề phẩm để thử nghiệm, đề không rít sáp vướng mắc. Ít lâu sau, số đó không ai chẳng kính phục. Sư cũng chẳng để ý, tự thân trồng tỉa nấu ăn các thứ đủ dùng mà thôi. Lót cỏ để nằm, mặc áo vải cừu để qua năm tháng, suốt ngày đêm tiếng tụng kinh không dứt. Như vậy trải qua ba mươi năm, mọi người trong ấp cũng như các hàng học giả thảy đều kính trọng, sửa sang viện Vũ.

Đến mùa Đông niên hiệu Đại Trung thứ 03 (849), tự nhiên không bịnh, Sư nhóm chúng cáo từ rồi ngồi kiết già mà thị tịch, an nhiên như đang lắng đọng tư duy. Đệ tử dùng bùn thơm ràng rịt rồi đón rước vào trong tháp Sơn Tiêu, đề hiệu là Niết-bàn. Đến nay hương hỏa vẫn không dứt.

10. Truyện vị Khách Tăng ở xứ nay là Đông Kinh, thời Tiền Đường:

Không biết Sư tên họ là gì. Vào niên hiệu Trường Khánh (821 - 825), Sư từ xa đến. Tướng trạng sư thô bạo. Thấy tịnh nhân ở trong chùa, Sư bèn quát bảo: "Cho ta tiền để mua rượu". Chư tăng trong chùa thấy thế tức giận, Sư chẳng giữ giới hạnh, đã làm nhục tăng phường của mình quá đỗi, bèn đoạt lấy cái bình trên tay Sư quăng vào gốc cây bách ngoài vườn chùa. Chiếc bình tuy cứng nhưng bị vỡ, rượu trong bình ngưng đọng lại chẳng chảy, dính vào thân cây như ngọc xanh, quậy mà chẳng tan, ngửi không nghe mùi hôi, Chư tăng trong chùa kinh hãi lấy làm la, hỏi Sư về nguyên do. Sư bảo: "Tôi thường trì tụng Kinh Kim Cương Bát-Nhã, cần phải uống vật ấy một chén, thì tán tụng mới rõ ràng lưu loát, đó là lệ thường, còn không có thì không thể được, các vị thượng nhân chớ lấy làm lạ!" Chư tăng trong chùa dùng dằng trong chốc lát rồi xỉu mặt đem đồ vật đến gốc cây hứng lấy rượu ấy đều chảy xuống trong đồ vật, không sót một tý nào. Mọi người đều trông nhìn, lâu sau đến nếm thử, bỗng chốc đồ vật ấy dòn vỡ mà cảm thấy ngon lành. Không biết Sư qua lại phương xứ nào.

11. Truyện ngài Linh U trụ chùa Đại Ôn Quốc ở Thượng Đô thời Tiền Đường:

Thích Linh U, không rõ Sư là người xứ nào. Tánh Sư vắng lặng thuần trực, chuyên cần tụng tập. Tình cờ bị bịnh mà chết giấc, mịt mờ đến chốn Minh phủ, dẫn đến chỗ vua Diêm-la, vua hỏi Sư thường tu hạnh nghiệp gì? Sư đáp: "Bần đạo trì Kinh Kim Cương Bát-nhã đã được mấy năm". Diêm Vương chấp luôn miêng xưng"Tốt thay!" Rồi bảo Sư đọc tụng. Sư bèn đọc tụng chương đoạn rõ ràng. Tụng xong, Diêm Vương bảo: "Chưa thật sự tốt lành! Vì sao? Vì xét còn thiếu một tiết văn. Tại sao chỉ xỏ hoa bị đứt vậy? Sư thọ mạng tuy đã hết, nhưng, sẽ thả trở lại nhân gian mười năm, phải khuyên tất cả mọi người thọ trì kinh điển ấy. Chân bản kinh ấy là trên bia đá tại chùa Chung-Ly ở Hào Châu!" Như thế mà đã trải qua bảy ngày, Sư sống lại, Sư bèn tấu trình và vâng sắc viết lại bổn chính thật của kinh ấy, thêm câu của Diêm Vương nói vào sau câu: "Không Pháp nào nói được, ấy mới gọi là nói Pháp".

Liên hệ thử bàn:

Xuân Thu Hạ Ngũ chẳng dám xem thường mà thêm thất, Phật pháp cũng nên như vậy, không được vọng vẽ vời! Thông đáp: Ngài Linh U được văn kinh trên bia đá ở chùa Chung Ly, phù hợp không có sai sót.

Như chỗ thêm lẫn lộn của Ngài Đạo Minh khiến người nghi ngờ, không khỏi vời lấy giả dối, phép sửa đổi bày xin khuyên đó thay!

12. Truyện ngài Duy Cung trụ chùa Pháp Tánh ở Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Duy Cung, không rõ Sư là người xứ nào. Thuở nhỏ, Sư xuất gia tại chùa Pháp Tánh. Sư ưa thích bức hiếp kẻ dưới. Phần nhiều kết bạn với hạng người không ích lợi. Tuy trái với pháp hạnh của vị tăng nhưng Sư còn siêng năng trì tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, ít hở môi răng. Bọn trà rượu bài bạc tụ tập nơi cửa nhà, luống dối cùng bảo rằng: "Làm tăng mà không liêm sĩ". Sau Sư mắc bịnh mà tịch.

Cũng tại chùa Pháp Tánh, có Ngài Linh Vị, hành tung cũng tương tợ như Ngài Duy Cung, nên người đương thời cho đó là: Một ngôi chùa mà có đến hai người tệ hại.

Tình cờ, Ngài Linh Vị đi ra khỏi chùa chừng một dặm, gặp sáu bảy người thiếu niên to lớn, ăn mặc rất đẹp, mỗi người đều nắm nhạc cụ như Quy Tư Bộ, hỏi Sư rằng: "Duy Cung Thượng nhân ở đâu?" Sư bèn chỉ chỗ Ngài Duy Cung đang ở, Sư nghĩ là họ đến chùa hành hương trỗi nhạc cúng Phật. Đến sáng sớm hôm sau trở về lại chùa nghe tiếng chuông báo là Ngài Duy Cung thị tịch, Sư mới hiểu những vị gặp gỡ ấy là các vị trời, bởi nương năng lực mầu nhiệm của kinh sẽ được sanh về cõi tịnh. Và cũng dùng sự tích ấy mà khuyên Ngài Linh Vị tấn tu. Ngài Linh Vị cảm ngộ mà kính phục, chư tăng đều kính trọng, sau trở thành bậc cao.

13. Truyện ngài Thích Toại Đoan trụ chùa Đức Nhuận ở Minh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Toại Đoan, họ Trương, không rõ từ đâu mà Sư đến chùa Đức Nhuận cầu thầy. Sư là người chất trực trong sạch, chẳng giao du bừa bãi. Thầy Sư trao cho Bộ Kinh Pháp Hoa, Sư đọc tụng như ôn lại. Đến lúc tuổi già, Sư vẫn chuyên cần không biếng trễ. Trong mười hai thời, luôn trì tụng không thôi nghỉ.

Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 2 (861), bỗng nhiên Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Chỉ chốc lát, từ trong miệng Sư mọc ra bảy cánh hoa sen mầu xanh. Xa gần mọi người đua nhau đến chiêm ngưỡng đảnh lễ. Người trong xóm cùng nhau xây khám ở dưới Đông Sơn. Hơn hai mươi mươi năm sau, tại mộ tháp Sư thường luôn có ánh sáng phát ra. Sau, đào lên xem, hình chất Sư vẫn như lúc sống. Mọi người bèn đón rước về

chùa sơn phết. Nay gọi là viện Chân Thân hiện vẫn còn. Chùa đó vốn là thư đường của Ngô Thái Tử Thái Phó Đô Hương Hầu Hám Trạch, sau xả thí làm chùa nên biển ngạch chùa lấy chữ "Trạch", nay tức là chùa Phổ Tế.

Liên hệ thử bàn:

Lúc thị tịch, miệng Ngài Toại Đoan mọc hoa sen là sao? Nghe nói lúc các bậc Luân Vương ra đời thì trên đường trong biển mới mọc hoa ấy. Nay vào thời Tượng Pháp, Mạt Pháp há cũng có thế ư? Thông đáp: "Vì cảm người mà ứng, chẳng thể lấy thời gian mà hạn cuộc. Thí như loài lân vốn là loại không có ở Trung Quốc, nhưng, vì cảm Minh Vương mà đến, cũng đồng giống như vậy.

14. Truyện ngài Thần Trí trụ viện Bảo Thọ ở Gia Kỵ, thuộc Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Trí, là người xứ Nghĩa Ô, thuộc Vụ Châu, vốn họ Lực. Tổ tiên Sư họ Lực. Sau thời Hoàng Đế Thần Mục, trong thời nhà Hán có Lỗ Quận Tướng Lực Quy, nhân làm quan ở Duyện Châu, bèn trở thành người đất Lỗ. Tổ khảo của Sư đều là điền chủ mà chất phác nương nhau.

Sư thuở nhỏ có tiết tháo ngay thẳng, tha thiết muốn xin bỏ tục, đến chùa Vân Môn, tôn Ngài Duy Hiếu làm thầy. Năm mười hai tuổi, Sư chỉ ăn một bữa vào bữa trưa, trì chú Đại Bi Tâm, ứng Pháp đăng đàn thọ giới cu túc, Sư luôn nghiêm khắc kính cẩn tinh tấn. Bỗng nhiên gặp lúc pháp nạn Hội Xương, Sư hình phục tuy khác mà thệ quyết làm tăng, mài chẳng mỏng mà nhuôm chẳng thấm. Đến đầu niên hiệu Đại Trung (847), đạo pháp phục được hưng, Sư đi khắp Kỵ Dương, khảo cứu Thiền thất. Sư bảo: "Dựng đình thì cá ở nơi rừng chằm. Nên thay! Xứ này là rừng chằm của ta". Sư thường trì chú vào trong chén nước để cứu các thứ bịnh, mọi người uống phần nhiều đều lành, bá tánh đua nhau kéo đến, thường ngày Sư cung cấp vô số, họ gọi Sư là "Đại Bi Hòa-thượng".

Vào niên hiệu Đại Trung (847 - 860), Sư đến xứ Kinh Triệu. Bấy giờ, Thăng Bình Tướng Quốc Bùi Công Hưu nằm mộng thấy Sư đến. Tới lúc trông thấy vô cùng mừng vui, con gái của Tướng Quốc bị quỷ thần nhiễu hại. Sư trì chú chữa trị bảy ngày liền được bình phục. Tướng Quốc liền tấu trình xin đề biển ngạch cho Viện Sư ở là "Đại Trung Thánh Thọ", bèn ban tặng một quả chuông Tả Thần Sách Quân, màn gấm của Thiên Hậu, Kinh tạng năm ngàn quyển, Bùi Quân Hưu viết chữ trên tấm biển ngạch của điện.

Đến tháng 12 năm Bính Ngọ (886) thuộc niên hiệu Quang Khải, Sư thị tịch tại núi Đông Bạch, thọ sáu mươi tám tuổi, bốn mươi tám hạ lạp, rước linh tòa về an táng tại núi ở phía Nam Kỵ Dương.

15. Truyện ngài Thích Tùng Thẩm trụ chùa Thiền Trí ở Dương Châu, thời Hậu Lương:

Thích Tùng Thẩm, không rõ Sư họ gì. Từ thuở nhỏ, Sư bỏ nhà vào chùa Thiền Trí ở Giang Đô, trì tụng Kinh hơn mấy muôn lời. Chùa đó là cung điện cũ của vua Dương Đế (605 - 617) đời Tùy.

Niên hiệu Hàm Thông thứ 5 (864) thời Tiền Đường, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Phụng Phước ở Yên Đài. Nơi các pháp tịch giảng luật đàm kinh Sư đều biết khắp và đến nghe học. Sau, gom ba y thành ngũ nạp, các danh sơn thắng tích Sư đều đến chiêm lễ. Cuối cùng, Sư trở về Hoài Điện, mọi người đều suy cử Sư đứng đầu chư tăng, suốt thời gian năm, sáu năm mỗi mỗi thảy đều nghiêm túc, nhưng Sư thường trì tụng Kinh Tịnh Danh, chưa từng sai sót với ngày giờ đã hạn định.

Đến ngày 18 tháng 03, niên hiệu Trinh Minh thứ 2 (916) thời Hậu Lương, Sư phát bịnh, qua hôm sau, hơi thở Sư nhẹ dần mà thị tịch. Nhan sắc vẫn như thường. Sau khi trà-tỳ thâu nhặt được ba mươi viên xá-lợi cứng chắc và sáng, mài giũa vẫn không hao sút. Bèn chất sắp làm mộ. Sa-môn Linh Hộ ở Quân Nguyên soạn bài minh trên mộ.

16. Truyện ngài Hồng Sở trụ chùa Đại Vân ở Ôn Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hồng Sở tự là Phương Ngoại, họ Đường, người ở xứ Vĩnh Gia. Vừa mới sanh mà hình thể của Sư đã khác hẳn bao trẻ khác, đến tuổi búi tóc, khí độ Sư rộng rãi. Ngoài Sư, các anh em của Sư đều xả tục, vượt đến chùa Long Cung, Sư bèn xin cha mẹ đi theo, như lưới thưa cá thoát, lồng cao hạc bay, tợ cây đỗ trồng ở Lan Châu, tơ mới mà nhuộm sắc đỏ, khuyên gắng lẫn nhau, tụng tập càng thông.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư thọ giới cụ túc, sau đó trở về bổn quận. Bấy giờ, Châu tướng Chu Bao biết danh tiết Sư nên khâm kính càng ân cần. Vào niên hiệu Đại Thuận (890 - 892) thời Tiền Đường, ở phía Nam thành có chùa Đại Vân bị hoang phế, Sư bèn dâng biểu tấu trình muốn xây dựng lại. Vua Chiêu Tông chấp thuận thỉnh nguyện ấy. Do đó, trăm thợ cùng làm, tự thân Sư đứng ra chủ trương, thi lợi trình công, chẳng lỗi nơi vốn, mà Sư giảng kinh lễ tượng, vô tướng đoạt luân.

Đầu niên hiệu Càn Hóa (911) thời Hậu Lương, Võ Túc Vương

họ Tiền mở giới đàn độ tăng tại chùa Long Hưng ở Hàng Châu, thỉnh Sư thân lâm làm tôn chứng ở giới đàn, và nhân đó tấu trình vua Thái tổ (Chu Ôn) ban tặng pháp y sắc tía và danh hiệu. Sư cố từ chối chẳng nhận và không hề đấp mặc. Sư tự nói: Lượng đức đâu xứng mặc áo pháp môn mạng số". Bấy giờ, có thi nhân Trịnh Thuyết đi đến phương Nam phỏng hỏi Pháp Sư Hồng Tĩnh, tình cờ gặp được Sư, mới biết Sư là bậc cao hạnh, bèn làm thơ tặng Sư rằng:

"Trên giá, áo tía móc chẳng mặc
Đầu bàn chữ vàng ngồi xem mãi".

Tánh Sư khoan dung từ hòa, mọi người không hề thấy Sư tỏ vẻ nóng giận, thần khí thanh thản thông tuệ, gò má đầy đặn, cái bụng to phệ, mắt chẳng nhìn tà vạy, muốn ngó nơi nào thì xoay cả mình lại, lời của thế tục Sư chẳng khinh thường. Ngài giảng Kinh Pháp Hoa có đến năm Pháp tòa. Một hôm, trong giảng đường của Sư bỗng nhiên có mọc hoa sen, hạt trùng lá kép, mùi thơm phảng phất.

Đến ngày mùng 5 tháng 6 năm Nhâm Thìn (932) thuộc niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, Sư không bịnh mà thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Kẻ tăng người tục như trẻ thơ tỏ vẻ kính mến, năm đó dời tháp về tại sườn núi ở phía bên phải chùa Từ Vân.

Thuở bình sanh, Ngoài việc giảng dạy, Sư còn thâu đêm hành đạo tụng kinh. Trong đêm sắp tịch, ánh đèn tự nhiên tắt mất, tiếng Sư tụng kinh nhỏ dần. Sư bảo với môn nhân rằng: "Nhọc các ông phải lo mọi việc, nay ta sắp đi!" Tại giường chỗ Sư nằm trước kia có con rắn mầu trắng mình lớn như cổ tay, thường cùng nằm đó, những người lớn răn trẻ nhỏ chớ vọng quấy phá. Sư có soạn "Thượng Sanh Kinh Sao", chích máu viết một bộ kinh Pháp Hoa. Đến nay, dân chúng xứ Vĩnh Gia đều gọi Sư là "Báu lạ trong tăng bảo".

17. Truyện ngài Thích Hồng Cử trụ tại núi Tiểu Tùng ở Ôn Châu, thời Hậu Đường:

Thích Hồng Cử, họ Đường, người ở xứ Vĩnh Gia, sớm xuất gia tại chùa Long cung ở Việt Châu. Ban đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa toàn bộ. Sau khi được độ, Sư lần gót đến Trường An tập học luật. Nhân đó đọc văn bia ở chùa Hóa Độ. Bấy giờ có các cử nhân cùng dự nghe, thấy Sư mà đoán biết có lắm hạnh, lấy làm lạ, biết Sư có thể đọc thuộc lòng văn bia, nên thỉnh Sư đọc. Các Nho sanh dò xét văn ấy, rõ ràng không hề sai. Lại cùng dẫn đến chùa Sùng Thánh cũng vậy. Và Sư có trí nhớ dai, được mọi người suy trọng. Nói Sư trở về quê cũ thỉnh thọ hai chúng

y chỉ. Sư giữ tế hạnh, từ thuở bé đến lớn, Sư không hề quát mắng chó mèo, huống gì là người khác. Nhưng ngày đêm hành đạo tụng kinh đều có quỷ thần giúp đỡ che chở, hoặc vì đốt đèn, hoặc thay thêm hương, đều do quỷ vật làm.

Đến năm Mậu Tý (928) tức niên hiệu Thiên Thành thứ 3, sau cơn bão lụt lớn, lại nắng hạn gay gắt, dân chúng bị đói kém. Có bọn giặc cướp hung dữ xông vào thất Sư ở, Sư tiếp đãi chúng như khách, tự thân làm cơm cháo cho chúng ăn, và bảo: "Từ từ vào nơi núi sâu, chỗ không người, các ông khốn khổ là do thiên tai gây nên". bọn giặc bái lạy nhận lấy mà đi. Trong hàng đệ tử Sư có người muốn đánh lén bọn giặc mà chưa cụ bị. Sư bảo: Ông chẳng phải là đệ tử của ta, ta thả chúng nó vĩnh viễn vào nơi rừng sâu. Các ngươi thôi bỏ ý khinh thường đánh lén chúng!"

Đến năm Quý Tỵ (933) thuộc niên hiệu Trường Hưng, bỗng nhiên Sư không bịnh mà ngồi kiết già thị tịch. Đến canh ba, ba lần đưa tay gõ vào cửa khám, các đệ tử gào khóc đến mở xem, Sư bảo: "Ta bảo với các ông thay xiêm y mới cho ta, vì ở cõi Phật, các thượng thiện nhân chê trách ta mặc đồ bất tịnh". Thay y phục xong, Sư bèn thị tịch. Bảy ngày sau trên đảnh đầu Sư vẫn nóng ấm. Bấy giờ, trong viện Sư ở có ba con chó rất lớn hay gặm cắn hung dữ. Ngày dời tháp, nó đi theo người như thuần quen. Khi đó trong rừng bầy nai xúm xít, chim bay xen lẫn, chó chẳng vồ đuổi, cầm thú chẳng kinh chạy. Sau khi an táng, có con hổ đi nhiễu quanh mộ tháp gầm thét. Sư chiêu cảm tình của loài vật đến như thế.

Sư có đệ tử Hồng Sở đều là bậc cao hạnh, được người đương thời tôn trọng.

18. Truyện ngài Đạo Hiền ở phủ Phụng Tường, thời Hậu Đường:

Thích Đạo Hiền, không rõ Sư là người xứ nào, Sư trì tụng Kinh Khổng Tước Vương làm thời khóa hằng ngày. Sau Sư thọ Pháp Du-già Quán Đảnh. Công phu Sư trì minh càng lắm ứng nghiệm. Thường đêm mộng thấy Phật dẫn dắt Sư đi, từng bước đạp trên mây như đi trên vật gì bền chắc. Thường đi không biết bao nhiêu dặm mà chỉ và nói với Sư rằng: "Đây là nước Ma-kiệt-đà, đó là nước Chiêm-Ba, đó là Nam Ấn-Độ, Kia là Tây Ấn-Độ, nọ là nước Ca-Thấp-Di-La v.v... vừa đi vừa ghi nhận, mừng vui hớn hở không gì bằng. Đến lúc tỉnh ngộ thì thầm hiểu biết Phạm âm của năm xứ Ấn-Độ. Bấy giờ, có Sa-môn Tây Vực đến

Kỳ Hạ, có các vị Hồ tăng ở phía Bắc Thông Lãnh thường ngụy xưng là người của năm xứ Ấn Độ. Sư bèn dùng một thứ tiếng mà tiếp chuyện với họ, trước hết dò xem mà hỏi rằng: "Ông là người nước nào?". Bắc Nhung Nam Phạm không dám cấp đó, kẻ tăng người tục khắp cùng Lũng Để, đều bẩm thọ thừa lãnh Mật tạng, xưng tôn Sư là A-Xà-Lê.

Đến cuối niên hiệu Trường Hưng (934), Vua Minh Tông băng hà, lập Lý Tùng Hậu (tức vua Mẫn Đế) lên ngôi. Bấy giờ, Phụng Tường Thanh Thái (tức Lý Tùng Kha) chẳng vâng thừa mạng lệnh, sai Vương Tư Đồng dẫn binh lính đánh Lý Tùng Hậu. Lý Tùng Kha bèn đi vòng quanh thành tự giữ, và hỏi Sư rằng: "Nguy ách quá lắm như thế này phải làm sao?" Sư đáp: "Mời Đậu Bát Lang đến hỏi thì sẽ biết được thắng thua". Lý Tùng Kha bèn ra khỏi thành an ủi động viên dân chúng, còn Đậu Bát Lang thì mặc giáp cầm giáo đến trước ngựa, làm bộ dạng nghinh đấu, nhảy nhót rồi cởi giáo ném áo mà bỏ chạy. Sư bảo: "Đó là hiện tượng lính địch ở phía ngoài ắt sẽ hàng". Quả nhiên đúng lời như Sư nói: Lý Tùng Kha bèn đẩy binh lính mà đi về hướng Đông, thỉnh Sư cùng đi, về đến kinh đô Lạc Dương bèn lên ngôi. Và đổi hiệu là "Thanh Thái (934). Sư bèn tâu rằng: "Đặt tên niên hiệu không tốt. Vì sao? Vì nước trong thì thấy đá". Đến hai năm sau (936), vua Phế Đế, Thanh Thái ban sắc dời đến Tinh Châu, bị Thạch Kính Đường (tức vua Cao Tổ Thời Hậu Tấn) là Thiên Bình Quân mới cản trở binh lính tự bền chặt, ngầm liên kết Khiết Đan, Trường Khu vào Lạc Thành, vua Phế Đế bèn tự thiêu, quả ứng lời Sư nói là thấy đá.

Khi binh lính quân Hậu Tấn chưa đến thì Sư đã thị tịch trước tại kinh đô Lạc Dương, nay ở Lưỡng Kinh mở mang truyền bá Đại giáo đều là pháp tôn và tằng huyền của Sư. Đậu Bát Lang là người ở xứ Kỳ, gia đình rất giàu có mà tự mang đồ vật đựng cháo nước, nói năng bất thường, chỉ rãi tóc mặc áo chạy cuồng, giống như Lý Thuận Hưng. Hoặc gặp xe bò xe lừa thì vỗ tay mà cười. Đến khi chết, đem thiêu, trong đống lửa đều hóa thành Bươm bướm mầu vàng ròng mà bay đi, hoặc tay rút lấy áo quạt mà đi, mang về nhà cúng dường.

19. Truyện ngài Nhược Hư trụ tại Lô Sơn ở Giang Châu, thời Hậu Hán:

Thích nhược Hư, Ngài ẩn cư tại Lô Sơn, suốt mấy năm trì tụng Kinh, chẳng bước ra khỏi động đá. Giang Nam Quốc Chúa do Lý rất khâm phục mến chuộng đạo phong của Sư đã nhiều lần thỉnh nhưng Sư chẳng hề đến, chỉ nói là lão tăng không có khả năng. Ninh Tiêu Vương

giả quy tâm nhưng lại trốn vào núi sâu. Nếu có cúng dường y vật thì lánh nhường còn hương thì nhận lấy. Vào giữa mùa Hạ trong niên hiệu Càn Hựu (948 - 951), Sư an tọa mà thị tịch, nhục thân không tan rã. Nay dân chúng vùng Bồn Thành thường cúng dường ảnh tướng.

Lại ở tại Đàm Châu có Ngài ThíchVô Danh, thường tụng kinh Pháp Hoa, miệng không nói lời gì khác. Trường Sa Văn Chiêu Vương họ Mã đặc biệt rất trọng dụng kính lễ, thỉnh Sư vào viện Tương Tây ở phủ Thiên Sách để cúng dường. Nhưng Sư nói việc lạ lùng rất kinh hãi. Một buổi sáng nọ, Sư bảo vị tăng trông coi việc ở điện Phật, hãy gấp thỉnh tượng Phật đặt ở hai bên chái nhà. Chư tăng đều cho là Sư phát cuồng, nên nhìn nhau cười. Mọi cử chỉ của Sư rất cấp thiết, chỉ chốc lát, Sư tự vào trong chánh điện, leo lên tòa thờ Phật mà ngồi và tự nhiên thị tịch. Kẻ tăng người tục khắp cả châu tranh nhau lễ bái đốt hương. Bấy giờ nhằm niên hiệu Càn Hựu (948 - 951) thời Hậu Hán.

20. Truyện ngài Hạnh Thao trụ chùa Đại Thiện ở quận Cối Kê, thời Hậu Chu.

Thích Hạnh Thao, họ Trần, người xứ Trường Thành, thuộc Hồ Châu, cha của Sư húy là "Lương", mẹ của Sư họ Đào, tâm luôn mến thương Sư có khác những người con kia. Sư thông minh lanh lợi vượt trội những trẻ nhỏ tài tuấn trong quận. Cha mẹ Sư có nhiều cách cản trở chí nguyện xuất gia của Sư, nhưng chẳng thể ngăn cấm được.

Niên hiệu Thiên Hựu thứ 2 (905) thời tiền Đường, Sư đến nương tựa Đại Sư Quang Viễn xin xuất gia. Năm mười hai tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, chỉ một tháng lẻ năm ngày thì hết bộ. Tiếp theo, Sư tụng kinh Duy-ma, đều như ngài Đạo An sáng thì thỉnh cầu kinh mà tối thờ lại xếp bổn. Sau đó, Sư đến chùa Long Hưng ở Dư Hàng xin thọ giới cụ túc, bèn đến chùa Song Lâm ở Kim Hoa, chỗ Luật Sư Trí Tân truyền dạy "Nam Sơn Luật Sao". Sư duổi tiết phục ứng, đồng bạn đều kính trọng. Thường đến giờ ăn thì bỏ gạo còn cám cùng với rau vào trong cái đảnh nhỏ rồi nấu mà ăn, ngoài ra không hề có mùi vị gì. Trong tâm nghĩa giải lý như chẻ cây, đều không tỏ vẻ khó khăn. Sư từng nói với mọi người rằng: "Điều rất tốt lành là chẳng thấy sự tốt lành của vật khác, sự tốt lành của tôi là ưa thích sự không hoang phế!".

Vào niên hiệu Thiên Thành (926 - 930) thời Hậu Đường, Sư đến ngụ tại U Việt, ưa thích sông núi Nhã Da, xem đọc Đại Tạng Kinh giáo, mặc áo vải sợi gai, chiêu mộ kẻ tăng người tục, đặt "Khán Kinh Đạo tràng", ở góc Tây bắc chùa xây dựng lầu gác Điện Vũ, làm thành Biệt

viện, cúng dường cung phụng chư tăng khắp nơi không để thiếu thốn. Đến tháng 7 năm Nhâm Tý (952) tức niên hiệu Hiển Đức thứ 3 (952) (Đúng là phải nói năm Quảng Thuận thứ 2 chứ không phải là năm Hiển Đức thứ 3 (956)), Sư thị hiện bị bệnh và thị tịch tại viện đó, thọ sáu mươi hai tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp.

Tánh tình Sư thẳng thắn, không rủ rê trước mặt, chẳng oán ghét sau lưng, chân không bước đến nhà giàu sang, đãy chẳng thích chứa vật thừa, phòng không đóng cửa, miệng không nói lời tạp, cũng chẳng xem đọc các sách, lại xem kinh luận. Sư bùi ngùi than rằng: "Âm nghĩa của Quách Di còn quá sơ lược, mà âm nghĩa của Tuệ Lâm thì chẳng truyền!" Bèn soạn "Đại Tạng Kinh Âm sớ" gần năm trăm quyển, nay hiện đang lưu hành chung quanh các tăng phường ở Giang Chiết. Nhưng Sư có điểm kém là không nên gọi là "sớ". Nếu nói "sớ" thì có thể dùng sớ thông cả một tạng kinh, Sư tiện vượt qua Từ Ân gấp bội trăm bổn. Sư có chí tiết là chuyên tinh trì luật cao xa cả xưa và nay.

21. Truyện ngài Thủ Chân trụ chùa Khai Bảo ở Đông Kinh, thời Bắc Tống.

Thích Thủ Chân, người ở xứ Vạn Niên, thuộc Vĩnh Hưng, họ Kỷ. Thời nhà Hán, tráo Hồng Tự của Đế Tín, là ông nội và cha của Sư, lai lịch tốt đẹp, nhiều đời hiếu hạnh, tràn cả làng quê, nên người trong xóm khéo được hạnh hiếu ấy, bèn gọi là "Kỷ Đinh Lan", còn Sư tức là sau đó, đến lúc Kỷ Hy Tông mông Trần xa giá lánh giặc mà đến phương Tây. Hàm Cảo thất thủ mà chết bởi tay giặc. Nhân đó mà dời nhà đến đất Thục.

Đến tuổi hai mươi, Sư tình cờ vào chùa Thánh Thọ, thấy Luật Sư Tu Tấn đạo hạnh đáng làm gương cho người, nói năng vượt khỏi thường độ, Sư bèn cởi đai mở mũ kính lạy mà phụng thờ. Khi Thất Chi đã hoàn bị, trước hết Sư đến tham yết Đại Sư Tùng Lãng, học Luận Khởi Tín. Tiếp theo, Sư nương Đại Sư Tánh Quang và được truyền Pháp Giới Quán. Sau, Sư đến đảnh lễ A-xà-lê Diễn Bí và được trao giáo nghĩa Du-già. Tất cả đều thành được tâm yếu, đều thấu cùng chỉ quy. Từ khi minh đạt các pháp, tuyên xướng Diệu Điển, suốt bốn mươi năm Sư không hề biếng trễ, và Sư được ban tặng hiệu là "Chiêu Tín". Sư giảng Luận Khởi Tín và Pháp Giới Quán tất cả hơn bảy mươi biến, đều dùng đèn truyền đèn, lấy đồ vật gieo vào đồ vật. Đệ tử nối pháp của Sư có hai mươi vị. Khai mở Đạo Tràng Quán Đảnh gồm năm lần, độ các hàng tăng ni sĩ thứ hơn ban ngàn vị. Khai mở Đạo Tràng Thủy Lục gồm hai

mươi lần. Thường từ canh năm, Sư luân kết Văn-thù Ngũ Kế giáo pháp, đến chiều tối vào lúc canh 2, Sư lại xoay chuyển Tây Phương Vô Lượng Thọ giáo pháp, xưng niệm tôn hiệu Phật A-di-đà, tu niệm Phật Tam-muội, mong được vãng sanh cõi tịnh.

Một hôm, Sư bảo với đệ tử là Duyên Ngộ rằng: "Đức Như Lai há chẳng dạy là " Hơi thở ra khó bảo đảm cho hơi thở vào". Thọ mạng của ta may mắn, và tuổi trẻ của ông cũng đã già. Nay muốn thuận tục theo đời, định xây hai ngôi tháp. Như thế có được chăng?" Ngài Duyên Ngộ cúi đầu đáp rằng: Trưởng Lão Quảng Độ Xả thí đất ở phía bên phải viện, xin xây tháp có cả năm rồi. Nay Đại Sư giao phó ý ấy, đó là rất tốt đẹp với Trưởng lão. Nhân duyên thầm khế hợp, đâu thể thôi dừng!" Do đó mà nhóm thợ để xây dựng, từ tháng 10 bắt đầu cưa mài, đến tháng 11 thì họa vẽ khắp cùng.

Đến ngày mùng 9 tháng 8 niên hiệu Khai Bảo thứ 4 (971), Sư bảo đại chúng niệm Phật, xưng niệm hồi lâu, Sư bảo thôi nghỉ, rồi Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi ba hạ lạp. Đến ngày 21 tháng 8, trà-tỳ ở cạnh Viện Quảng Trí thuộc phía Bắc ngoài cửa Vĩnh Thái, thâu nhặt được xá-lợi mầu sáng đẹp, đều đem cúng dường.

Kế nữa có Sa-di Di-già, người nước Vu-Điền, chuyên tụng kinh Hoa Nghiêm không hề thôi nghỉ. Vào niên hiệu Thánh Lịch (698 - 700) đời Tiền Đường, trời Đế-thích thỉnh Sư lên cõi trời để tụng trì, và nói rằng: "Mỗi lúc bị A-tu-la nhiễu loạn, nên xin thỉnh Sư đến đây xưng tụng kinh Hoa Nghiêm để cầu trừ dịch hại ấy". Sư bèn lên tòa, xướng tụng kinh ấy rõ ràng. Khi đó, các chúng A-tu-la nghe kinh bèn hiện oai thần một lúc rồi biến mất.

Lại có Sa-di Đạo Âm, Sư thường xưng tụng kinh Kim Cương. Đầu niên hiệu Bảo Lịch (825) - thời Tiền Đường, nhân từ xa đang trong đêm trở về, giữa đường bỗng gặp Hổ dữ gầm gừ chồm nhảy phía trước, Sư biết không thể thoát khỏi, bèn nhắm mắt ngồi xuống, chỉ thầm tụng kinh Kim Cương, trong tâm mong cầu được cứu hộ, HỔ bèn nằm nơi cỏ mà giữ. Đến sáng, người trong thôn qua lại trông thấy Hổ. Tại chỗ nó ngồi nước dãi chảy trên đất. Sư về sau trì tụng càng thêm cao hạnh.

Thử luận bàn:

Cửa chính yếu để vào Đạo, đó là Tam Tuệ. Nếu lấy Văn Trì thì chẳng gì hơn đọc tụng. Vì sao? Vì ban đầu chỉ y cứ vào Bổn. Bổn lập thì Đạo sanh. Tiếp đến thì xả bỏ giải thích, giải thích lưu giữ thì mặt trăng mất, thí dụ như ngón tay, bóng treo ở bên trời mà lại cho là roi da trên ngựa. Như vậy tức là dính mắc bó buộc, cách đạo càng xa! Nhưng mà

căn cơ có tân phát, vết tích hoặc chợt đổi dời, phải khiến xem rộng nghe nhiều. Kế nữa trái với văn mà cao xướng thì ở phẩm vị nào?Trước hết gọi là Pháp sư. Nên trong kinh nói rằng: “Thọ trì, đọc tụng, giải thích, biên chép, đúng như pháp mà tu hành” chính là ở đây nói.

Kinh điển lưu truyền đến Trung Hoa, bản Phạn được dịch thành tiếng Hán. Ở phương Bắc, ngài Trúc-Pháp-Lan ban đầu thẳng theo tiếng mà cắt nghĩa, phía nam chỉ ngài Khương Tăng Hội xướng theo Khúc vận mà đọc thông. Ngài Trúc-Pháp-Lan sanh từ dòng họ Nguyệt Chi, Ngài Khương Tăng Hội là người Khương Cư. Hai nhà có hai kiến chấp khác nhau, ẩn tàng vô vi, như Cáo Thỏ trên băng tuyết hỏi đường bên cạnh Khỉ.

Thông đáp: Chư tăng ở Tây Vực chuyên trì bộ loại, hành sự khác nhau, hoặc chấp đích thân được nghe từ Phật nói nên khó sửa đổi, hoặc xưng tông của ta tự có phân nhiều dòng phái, hoặc thẳng điều mà chất thực ư? Hoặc tiếng ca hay, đến nỗi khiến sự truyền trao đều có sự tranh giành giữa thầy trò, nào đây phải đó quấy, ta đúng kia sai, trọn năm mâu thuẫn chưa có lúc nào thôi dứt. Nên có Nhã Mỹ Bái Nặc (chúc tụng) một thời, tụng Già-Đà (kệ tụng) Tam Khế, cảm có xe ngựa mà chẳng hành động, trời người cùng nghe, đó là sự hiệu nghiệm của tiếng khúc chiếc. Như ngài Bàn-Đặc chỉ đọc ít câu, ngài Bạc-Câu-La chỉ một chương ngắn, chỉ sợ quên mà dính môi, đâu rảnh mà khua lưỡi, vẫn được lên hàng Thánh, hoặc cảm lắm điều linh ứng. Đó là sự ứng nghiệm của tiếng đặt thẳng. Nay vì một lời ngăn che đó, chỉ có cảm động đến long thần, sanh các vật thiện, đó là vì đọc tụng Chánh Âm.

Có người nói rằng: Thường nghe ngữ âm của Trời Quang Âm cho nên Phạm Âm chưa chắc, vậy đâu là Phạm Âm ư? Xin nêu hình trạng để chỉ bày! Thông đáp: Các Đà-La-Ni đều là Phạm ngữ. Tiếng Bái-Nặc là Phạm Âm.

Có người nói rằng: Như ngôn âm trong thiên hạ khiến người thích nghe. Cùng với người xứ Tương Dương làm chuẩn cứ, ấy là âm Hán. Âm gá vào Ngữ âm gọi là Hán Âm Hán Ngữ, cho nên biết Ngữ và Âm khác nhau. Cái gọi là Bái-Nặc chính là Âm Phạm, như điệu ca hát của phương này. Vả lại, Âm Phạm thì gấp chóng mà lời thì phô bày giải thích. Phân hiểu thư thả, từ từ dẫn kéo, đó là Bái-Nặc.

Có người nói rằng: Đây chỉ hợp với chư tăng Tây Vực truyền trao, sao dùng của Tư Vương đời Trần và Thái Tể ở đời Tề kiểm kinh chỉ bày Sa-môn ư? Thông đáp: Vì hai vị vua đó trước đã thuần thục Khúc Vận của Thiên Trúc, nên nghe âm hưởng của núi và kinh kệ mới có thuyết

truyền trao. Ca tán ngày nay nương gá khúc phép của Lệ Dâm Khuê, âm của Điếm trệ, lại thêm Tương Hoài bao gồm cả mật chú, phu xướng Phạm tấu. Đó thật là Thanh mới. Như nay mở bản Phạm, gọi là Khai đề, chỉ biết đuổi theo câu, tùy theo hàng, đâu rõ suốt chân kinh hay ngụy tạo, sao phân rành chi phẩm, chưa xem xét biệt sanh, năng hiển đã biết, sở thuyên phải hiểu. Đang nghe bỏ bè liền đạt tới quy Tông, thấu đạt tự môn A, vẽ Thể của pháp Thân. Đó là chỗ tới mức của đọc tụng. Như có trường hợp khó thông chữ "Trửu" (chổi) đi đến nhiều gia tộc, gấp bảo miệng tụng một kinh, lại vì thân tham năm chúng. Ỷ vào khả năng tụng thuộc lòng để khỏi bị gọi là vị tăng cơm cháo ư! Như tình cờ lấng trong, trùm đầu về nhà.

Có người nói: Quốc Triều độ giới sao trái với kinh ư? Đâu chẳng nghe ngôn từ của Yết-Ma chỉ là nói tuổi đủ hai mươi, y bát đầy đủ, chẳng nghe nói niệm tụng kinh là tăng thượng duyên? Thông đáp: Đó là lời của bọn phá diệt Phật pháp, không biết mà nói. Bậc thượng căn cảm giới, quả chứng sẽ cùng theo, sao lấy số trang kinh mà khảo thí ư! Bậc hạ căn thoát xả tụng trì, vào pháp chỉ nương bạch nghiệp. Đại Sư Nam Sơn (Đạo Tuyên) nói rằng: "Mới lên cạo tóc, liền phải xem thông". Thêm nữa, đầu thời Hậu Chu, phần nhiều độ tăng ni, ban sắc cho linh tạng cân nhắc phẩm chất hạnh nghiệp, hoặc giảng hoặc tụng, quyển bộ rất nhiều, tùy có văn nghĩa thảy đều xem hết. Bấy giờ, cùng xét lường thông kinh hiểu ý, là bậc nhất. Đây là tinh chọn tụng kinh thông nghĩa làm thềm cấp vào đạo. Không thấy văn nầy rất đau tiếc. Thời nhà Lương tương truyền gọi đó là "Kinh Sư", Đại Sư Đạo Tuyên chẳng y theo mà sửa đổi gọi là "đọc tụng".

Ở đây, gom nhóm các Sư từ thời tiền Đường đến thời Bắc Tống. Rút tỉa lắm điều lành, tông quy về cao hạnh, có cảm thần túc, miếu độ khổ nhân kinh. Ngài Pháp Trí vãng sanh cảm ánh sáng mầu vàng ròng soi chiếu khắp chỗ hoang vắng. Ngài Minh Tuệ hành đạo chiêm đoán tướng cầu vồng soi suốt đến cõi trời. Hoặc được thỉnh ngồi trước các vị La-hán, hoặc trì minh cứu bệnh tật khắp Thành Dương. Hoặc được thơ vua biếu tặng tiễn đưa, thấy Bồ-tát Đại Thế Chí đến đón rước, hoặc sứ giả bắt lấy mà không thể được. Hoặc yêu quái cáo chồn tự biến hình. Tốt đẹp thay! Ngài Nguyên Kiểu đến thì cây lý mọc thành lùm rực rỡ, ngài Sở Kim cảm vào mộng của Đế Vương, Viên Quang trên đỉnh, Tam-muội hiện tiền. Gặp tụng kinh Hoa Nghiêm phát ra ánh sáng mầu vàng ròng ở khóe miệng, sau đọa địa ngục, nương tòa báu mà đến Tây Phương. Ba lát dao khua chém chỉ thương tổn nơi ống trúc. Tiếng tụng

kinh từ chùa Thiên Phước vang vọng tới tai vua, kiểm chứng trở lại chẳng ăn dùng chi cả. Tiếng khương chẳng dứt nơi xâu chuỗi. Hoặc thọ thêm ba mươi năm. Hoặc sái cổ độc nơi vài mươi sợi tóc, hoặc kinh âm vang khắp cả yên lũy, hoặc vốn đủ tại chùa Chung Ly. Hoặc Nhạc tượng Quy Tư, hoặc miệng nở hoa sen, hoặc quỷ thần lánh chú. Hoặc trên đất liền mọc lên hoa sen, hoặc mộng Hoa Tư mà đều thông hiểu Phạm Âm. Hoặc ngồi nơi tòa Phật mà liền thị tịch. Các Bậc Thượng Đức, Pháp Sư như thế, khảm ngọc tùy phương, xâu hoa theo thứ lớp. Thêm là trống vàng, đánh khua đều thành âm vang sám hối, miệng là ống sáo ngọc, thổi huýt đó phát ra khúc điệu thần tiên. Nhân nương truyền nhau, dời cậy riêng tuyên, có thể gọi là da lót Pháp Hoa, chân đi Kinh Tạng, khiến pháp âm chẳng dứt bặt, khéo giao phó ba thừa, thảy đều thành Phật không còn sót, lại tuyên bày tám biện tài. Nên có lời thơ rằng:

“Chặt cây Kha, chặt cây Kha, đó thì chẳng xa.
Trông nhìn lại chúng tôi không quên lấy, chính là ở đây”.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG
(Quyển 25 hết).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 26

CHƯƠNG CHÍN: HƯNG PHƯỚC.

TRONG PHẦN THỨ NHẤT CHƯƠNG IX

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị).

1. Truyện ngài Pháp Thành ở kinh đô, thời Hậu Chu. (Theo niên biểu thì phải là thời Tiền Đường).

Thích Pháp Thành, vốn họ Vương, tên là Thủ Thận. Làm quan đến chức Giám sát ngự sử. Gặp lúc Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) nghi ngờ Nhị Tín khốc lại la chức, Sư bèn lánh quan pháp, xin xuất gia làm tăng. Sư khổ hạnh tiết chế tinh tấn đối với việc hóa đạo. Tiếng phát thì âm hưởng liền theo, hạnh cao ngay thẳng.

Vào niên hiệu Trường An (701 - 705), Sư đến chợ ở phía tây Kinh Triệu, đục thông một lỗ hổng lớn gọi đó là "Hải Trì" (ao biển). Chi phân Vĩnh An Cừ ghi chú ở đó, dùng làm nơi phóng sinh. Phía trên ao có Phật ốc, lầu kinh đều thành chỗ tạo dựng. Lúc đục ao, gặp được phiến đá xưa, có bài minh rằng: "Trăm năm là chợ, sau đó là ao". Từ đời Tùy dựng lập kinh đô lấy làm chợ, đến lúc ấy là trăm năm. Niên hiệu Nghi Phụng thứ 2 (677), có người nhìn hơi khí nói rằng: "Ở phương này có hơi khí khác lạ!" Vua Cao Tông thời tiền Đường bèn ban sắc đào bới, thấy được một cái hòm đá, trong hòm đựng xá-lợi Phật hơn muôn viên, ánh sáng mầu sắc rực rỡ bền chắc, nhà vua bèn ban sắc ở tại đó xây dựng chùa Quáng Trạch, cũng ban rải xá-lợi đến chùa Kinh và các châu phủ mỗi nơi bốn mươi chín viên. Võ Hậu (tức Võ Tắc Thiên - 685 - 705) bèn thiết đặt Đài Thất Bảo và đổi biển ngạch chúa. Sư ở tại chùa đó hành hóa, khuyến khích mọi người, phần nhiều lấy sự sùng phước làm việc chính của mình.

2. Truyện ngài Nghiệp Phương trụ chùa Chiêu Quả, ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường.

Thích Nghiệp Phương là Pháp tôn của Thiền sư Giải Thoát. Thân Sư cao bảy thước năm tấc, dáng mạo hiên ngang, duỗi tay dài quá gối, lông mày dài mấy tấc, mắt có tròng đôi, mọi người nhìn thấy đáng sợ. Sư lễ Phật tụng kinh không mệt mỏi, nối pháp ngài Giải Thoát. Sư động hợp vô hình, chẳng bỏ lợi vật, lại tu Phạm cung.

Bấy giờ, ở phủ Thái Nguyêncó một sĩ nữ đắp một tôn tượng Bồ-tát Văn-thù, sắp đưa lên núi, vừa đến bên bờ sông Hổ Trì sóng lớn lại dâng cao, Sư bèn đứng cách bờ đốt hương khải cáo, nước dòng sông từ từ giảm xuống. Khi tôn tượng đã đưa qua, nước lại dâng tràn. Sau, Sư thị tịch, xây tháp thờ ở phía Tây bắc cách chùa một dặm. Nhục thân Sư đến nay hiện còn và có nhiều thần dị.

3. Truyện ngài Quang Nghi trụ chùa Thanh Long ở Thượng Đô, thời Tiền Đường.

Thích Quang Nghi, họ Lý, vốn dòng Tôn Thất thời tiền Đường. Cha của Sư là Lang Da Vương cùng Việt Vương dấy binh muốn lấy lại Bổn Triều, trùng hưng Đế Đạo, nhưng không khắc phục được, bị Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) đánh giết mà không chua xót. Sư lúc còn nằm trong tã lót, được mẹ nuôi bồng chạy trốn. Sau đó vài năm, Võ Hậu trộm nghe Lang Da có người con còn sống giữa dân gian, bèn bàn mưu phải bắt gấp, mẹ nuôi đem Sư đến đất Phù Phong bán Sư cho một nữ công để người nầy nuôi nấng.

Năm tám tuổi, dáng mạo Sư khác bao trẻ khác, thần ngộ vượt cao. Mẹ nuôi nghi sợ bắt gặp tướng mạo thì bại lộ nên rất lo sợ, bèm sắm chiếc áo lót bằng vải bố và bỏ tiền cất ở bụng. Ở dưới rừng dâu, bảo Sư “nên đi, sắc lệnh đã dò tìm chớ khinh thường, ta lo sợ cùng chết mà không ích lợi gì, ngươi thông minh dĩnh ngộ, sẽ có thể tự đứng vững. Nếu một mai giàu sang phú quý, chớ quên bà già này!”. Nói xong bà đứng khóc, Sư cũng thương cảm không cầm lòng được, mẹ nuôi sau đó qua đời. Sư mịt mờ đi đến nghịch lữ, nô đùa với bọn trẻ. Có Quận Thúc phu nhân đi sang chỗ ở của chồng bèn dừng nghỉ tại đó, thấy Sư nhóm tụ mà dáng mạo khôi ngô sáng sủa, nhân đó thương xót, bèn gọi Sư đến hỏi rằng: “Nhà của cháu ở đâu mà một mình đến đây vậy?” Sư đáp rằng: “Trang trại ở gần đây, nhân lúc nhàn rỗi nên cùng đùa vui”. Phu nhân bèn đem thức ăn và tiền cho Sư, Sư bèn mở áo và cất tiền vào trong. Bóng chiều dần qua, Sư lần dò đi đến nơi thôn vắng, gặp một lão

tăng, gọi Sư rằng: “Này đứa nhỏ! Nay ngươi chỉ một mình, nhà đã bị phá hoại, vậy sẽ đi về đâu?” Sư kinh ngạc đứng sững. Vị lão tăng lại bảo: “Xuất gia nhàn rỗi thoải mái và không lo sợ, vậy ngươi có muốn chăng?” Sư đáp: “Đó vốn là ước nguyện của con!”. Vị lão tăng nắm tay Sư dẫn đến dưới tàng cây Đại Thọ, bảo Sư đảnh lễ các Đức Phật mười phương, quy y thường trú Phật Pháp Tăng rồi, nhân đó cắt tóc cho Sư và lấy ra cho Sư chiếc y ca-sa để đắp mặc, kích cỡ xứng với thân, Sư chấp trì cầm nắm như vị Tỳ-kheo đã mấy mùa hạ. Vị lão tăng mừng bảo rằng: “Đây là tập tánh khiến, hãy khéo giữ gìn tăng hạnh!” Và bèn chỉ về hướng Đông bắc mà bảo rằng: “Cách đây vài dặm có một ngôi chùa, ông nên đi đến đóbái yết vị trụ trì và nói là ta bảo ông đến xin làm đệ tử ở đó!” Nói xong, vị lão tăng tự nhiên biến mất, mới biết đó là bậc Thánh Tăng.

Ngài theo y lời đó, thưa cùng vị trụ trì chùa ấy. Vị trụ trì kinh hãi đối với lời nói đó, nhân đó mà giữ Sư lại. Trải qua mười năm, Sư đã thấu rõ kinh luật, khéo giỏi Thiền Quán. Đến lúc vua Trung Tông lên ngôi (705), nhà Đường lại hưng thịnh, vua Trung Tông ban sắc tìm kiếm con của Lang Da, Sư bèn đến trước chúng tăng trong chùa nói rõ sự việc. Bấy giờ, tăng chúng thảy đều kinh hãi. Nhân đó Sư đến chỗ Phù Phong Lý Sứ Quân, tức là cha của Sư. Lý Sứ Quân trông thấy mà buồn vui lẫn lộn, bèn mời Sư ở tại nhà, và viết trạng văn tấu trình, cố thỉnh Sư mà không thể được. Lý Sứ Quân có một người con gái tuổi tác cũng bằng Sư, khi trông thấy Sư mà lòng vui mừng, muốn đi đến tình khúc. Sư sợ hãi trốn tránh. Một hôm, gặp Sứ Quân phu nhân ra, cô gái ấy trang điểm sắc phục, người đi theo cũng đông, đến cố cưỡng bức, Sư cố chống cự, trăm mối chẳng hề đoái hoài. Sư bảo rằng: “Thân bất tịnh xin hãy tắm gội, sẽ đợi lệnh”. Cô gái ấy vâng dạ rồi bảo lấy nước ấm tắm gội. Khi cô gái ấy bước ra, nhân đó Sư đóng cửa. Cô gái ấy trở lại cửa, đã không thể vào được, tự trông qua khe cửa. Sư bèn cầm con dao cạo tóc xoay nhìn lại mà nói rằng: “Vì có căn này nên bị ham muốn bức bách, nay nếu dứt bỏ đi thi lấy gì mà bức bách?” Cô gái ấy lo sợ bèn ngăn cản, nhưng chẳng thể ngăn được. Sư bèn cắt đứt dương vật, quăng dưới đất và Sư cũng bất tỉnh. Cửa đã không mở, bỗng chốc Sứ Quân phu nhân cùng đến, cô gái ấy bèn tình thật tỏ bày. Phu nhân bèn phá cửa vào xem thì Sư cũng dần tỉnh lại. Bèn bảo thầy thuốc khiêng đến nhà tơ tằm, dùng lửa đốt trên đất, lấy rượu đắng rưới vào. Sư ngồi ở trên dùng mỡ đắp vào. Hơn tháng sau thì vết thương được lành. Sứ Quân tấu trình Sư là con của Lang Da Vương. Vua Trung Tông có ban sắc chiếu cho các

trạm đưa Sư về kinh đô, dẫn đến yết kiến thăm hỏi rất cảm động. Vua Trung Tông ban chiếu mời Sư nối ngôi vua cha, Sư khẩn thiết từ chối, thệ nguyện làm tăng, chẳng thể nào lung lay.

Vua Trung Tông ban sắc cho Sư trông coi đồ chúng, tùy ý xây dựng một lan-nhã và tự do hoằng hóa. Tánh Sư ưa thích núi Chung Nam, nhân đó mà đến trụ chùa Pháp Hưng. Tại các cửa hang, Sư xây dựng am liêu Lan-nhã có đến mấy mươi nơi. Pháp do tiếng đạo vang xa, bàn nói động đến lòng người, nên hoặc đi đường núi dài cả mười dặm mà các hàng tăng tục thị giả thường đến số lượng mấy trăm ngàn vị, đón rước chăm sóc tiếp đãi rất chu đáo như khanh tướng. Sư thường ở trong tịch định, hoặc nói việc tương lai để quyết đoán tốt xấu, đều không sai lầm, nên mọi người càng quy hướng rất đông.

Đến ngày 23 tháng 6 niên hiệu Khai Nguyên thứ 23 (735) trước hết Sư dặn dò đệ tử phải cẩn thận giữ gìn thân miệng, chớ ồn ào ba hoa, ý của các vị Tổ Sư không việc gì khác. Tĩnh lặng thì chân pháp hiện tiền. Ngoài ra đề xướng đều chẳng được gì cho mình. Sư nói rất thiết tha khơi mở. Nhân đó, đầu xoay về hướng Bắc gối cánh tay phải và nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch. Đó là điềm lành Đại Niết-bàn. Sư có căn dặn trước nên an táng ở phía Nam gò Thiếu Lăng, nên bèn đục gò làm thất, tôn trí nhục thân Sư rồi bít lại, nơi kim quan thường tỏa ra mùi hương lạ xông ngát, diện mạo Sư vẫn như lúc sống. Xe tổ vừa ra thành, có đến mấy trăm con hạc trắng kêu la giữa hư không, mây nhiều mầu che phủ xe dài đến mấy mươi dặm. Kẻ tăng người tục khóc than buồn thương, phần nhiều đều mặc hiếu phục. Tại chỗ đất an táng Sư, bèn xây chùa Thiên Bảo. Các đệ tử của Sư đều ở lại đó mà giữ gìn.

4. Truyện ngài Tự Giác trụ chùa Đại Bi ở Trấn Châu, thời Tiền Đường.

Thích Tự Giác, người ở xứ Vọng Đô, thuộc Bác Lăng. Thuở nhỏ, Sư tỏ vẻ nhàm chán thế tục, không bao lâu thưa với cha mẹ già rằng: “Con thích theo Phật để cứu độ đời!” Cha mẹ Sư kinh ngạc quát mắng bảo Sư thôi đi, nhưng Sư vẫn không tủi thẹn, trở lại bái lạy cầu xin. Bèn gượng đến lễ ngài Tri Khâm ở chùa Khai Nguyên trong Bổn Bộ. Ngài Tri Khâm thấy chí khí Sư khác hẳn bao người, bèn đặt tên là Tự Giác và răn bảo Sư rằng: “Ông nghe tên nên suy nghĩ nghĩa”. Sư liền thưa: “Hạt giống Phật theo duyên sanh khởi, chỉ nghe là biết sự dạy răn!” Thế rồi, Sư tụng kinh và cách mông độ.

Đến niên hiệu Chí Đức thứ 2 (757) Sư đủ tuổi, và thọ giới cụ túc

tại Trấn Châu, liền đến chùa Thiền Pháp ở huyện Linh Thọ học tập kinh luận. Sư chuyên cần học tập suốt chín năm, và đều thấu đạt chỗ sâu mầu. Sư nói: "Sẽ đến núi Thái Hành, trên một tảng đá dựng lập am tranh, ở đó rộng chừng ba mẫu, có một khe suối nhỏ, làm lan-nhã, há chẳng vui thích ư!"

Ngày 39 tháng 9 niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), Sư đến ranh giới huyện Bình Sơn. Ở đó có Tùng Lâm Sơn Viện, quả ứng như sự mong cầu, Sư bèn ẩn tích tự vui sống. Đến tháng 5 năm sau (767), trời hạn hán, Sư đi chân trần kinh hành, suốt mùa đông vừa qua, Sư mặc áo để bày vai phải, ở đó rừng thưa hang núi, Hổ sói quen vết khắp cùng, ngài chỉ lượm trái hái lá, ngày chỉ ăn một bnữa vào giờ mão. Bấy giờ, Hằng Dương Tiết Độ Sứ Trương Quân lo sợ hạn hán, nghe Sư tinh ròng khổ nhọc, nên đích thân vào núi thỉnh Sư cầu mưa. Trương Quân nói với Sư rằng: "Tôi không biết thuật chấp chính, khiến lụy đến trăm họ, ba năm qua trời hạn hán, do khổ mà gây ra tội lỗi, tôi tự trách vốn không bổ ích, nghe nói Long Vương thường đến nương tựa Sư để nghe pháp, quên việc ban thí mưa. Xin thỉnh Sư rũ lòng từ cứu hạn hán, có như Bạch Thủy, như niệm thương sanh. Xin thỉnh Sư tạm nghỉ thiền định, vào nơi quân phủ!" Sư bèn chí thành kính cẩn khải cáo Long Thần, chưa được mấy khắc, trời liền mưa lớn, hai hôm sau báo đã đủ. Trương Quân càng quy hướng ân cần kính trọng, như con phụng hiếu thờ cha mẹ.

Sư kể từ lúc mới vào đạo đến nay, học theo thệ nguyện của các Đức Phật ở nhân địa, Sư cũng phát bốn mươi chín đại nguyện. Trong đó, nguyện thứ nhất là thân lớn tùy theo Bồ-tát Đại Bi, kế là nguyện tạo đúc tượng chùa Đại Bi. Và lúc Sư mở lời thì đều hưởng ứng, Đàn Việt đến đông đúc dùng vàng để cúng dường. cổ vũ đúc thành tượng cao bốn mươi chín thước, phạm tướng trang nghiêm, mắt tay đầy đủ. Và khoảng chừng một năm, chùa cũng hoàn thành. Tức hiện nay là ngôi chùa lớn ở ngọn núi thuộc phía Tây của thành. Sư bèn đứng trước Đàn tụng niệm đến canh ba, thấy hai luồng ánh sáng thần, bên trong sắc mầu vàng ròng. Và trong ánh sáng rực rỡ ấy thấy có Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí theo hầu hai bên, Đức Phật duỗi cánh tay vàng, gọi "Tự Giác", dần dần mây hạ xuống xoa vào đỉnh đầu Sư và bảo: "Giữ nguyện chớ đổi thay, không nên biếng lười phế bỏ, lợi vật là trên hết, ông đi ta sẽ tùy theo ý ông!" Nói xong, mây liền tan biến mịt mờ không dấu vết. Sư dùng nguyện tâm thù đáp đã hoàn tất, bèn trở về núi rừng, chọn nơi sống trọn đời.

Đêm rằm tháng 2 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (759), có vị thần

hiện nửa thân hình, tướng trạng như Tỳ-Sa-môn, nói với Sư rằng: “Năm nay Sư diệt độ!” Sư bèn đưa tay cảm tạ vị thần và nói rằng: “Đi ở là định phận, tôi xin nghe lời!” Đến ngày 14 tháng 6 năm đó, ngài lặng lẽ thị tịch. Môn nhân muốn đón rước thần khám trở về chùa núi, mọi người ở Châu Phủ tha thiết muốn giữ lại, cuối cùng xây tháp cúng dường tại phía Nam chùa Đại Bi. Lúc đó là ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 13 (797).

Chùa Đại Bi là một kỳ tích của Hằng Dương, có lắm điều cảm ứng ngầm thông. Đến đầu niên hiệu Hiển Đức (954) thời Hậu Chu, có sắc lệnh đúc tiền đồng khắp chín phủ, các tượng đồng trong nước đều bị phá hủy. Bấy giờ, mọi người trong Châu đem tiền để chuộc lại tượng đó, nhưng không được chấp thuận, bị đem lên lò nấu đúc, những người có chân định thảy đều đau buồn thương tiếc. Lúc than nóng đốt cháy, từ trên đỉnh xuống đến ngực Tôn tượng trở thành nước đồng chảy. Bỗng chốc người coi chừng bị chết, do đó đành bãi bỏ. Mãi đến thời Bắc Tống; Thái Tổ Thần Đức Hoàng Đế (960 - 976) đúc lại khiến Tôn tượng được hoàn thành, thay thế sám hối việc trước đây.

5. Truyện ngài Tuệ Vân ở chùa Tướng Quốc nay là xứ Đông Kinh, thời Tiền Đường.

Thích Tuệ Vân, họ Diêu, người ở xứ Hồ Tương, tánh thức trong sáng, khí mạo rộng lớn.

Niên hiệu Lân Đức thứ nhất (664) thời vua Cao Tông, lúc đó Sư vừa mới mười tuổi, tự nhiên có ý chí xuất trần, cha mẹ Sư bày ra nhiều việc để ngăn cản, nhưng tâm Sư chẳng phải như chiếc chiếu nên không thể cuốn lại. Cha của Sư buồn bực trước chí nguyện đó. Sư đến nương tựa Thiền Sư Sơ Tổ ở Nam Nhạc, được Sư chỉ dạy, và Sư có tài năng thông minh, ưa thích pháp vị kinh giáo, trầm lắng như vậy. Đến tuổi hai mươi, Sư thọ giới cụ túc tại chùa Nam Nhạc, tự chuyên hộ trì pháp giới, lại giỏi tỳ-ni. Sau đó, Sư thôi giảng, chuyên làm việc phước. Sư mở lời thì có người hưởng ứng, cải hóa phong tục, lập sự nghiệp dứt bặt riêng tư, các hàng sĩ thứ đều kính trọng vâng theo. Sư mới đến Trùng Hồ và tới Kinh Dĩnh, dấu vết khắp giang nam, mang theo đãy chống tích trượng, chuyên việc khuyên người, khiến xả bỏ bệnh san tham. Tùy nơi mà cho sửa chữa chùa chiền hơn hai mươi ngôi, đều thành công mà không chấp trước.

Niên hiệu Cửu Thị thứ nhất (700) thời Võ Hậu, Sư muốn hành hóa ở Giang bắc nhưng nhân duyên chưa đủ. Đến niên hiệu Trường An thứ

nhất (701), Sư đến xem xét ở Lương Uyển, ban đêm nghỉ tại Phồn Đài, nhìn về phía bắc bờ sông, thấy có khí lạ xông giữa trời. Sáng hôm sau, Sư vào thành tìm xem thì đó là nơi ao cong trong vườn ở phía Tây bắc nhà của Hấp Châu Tư Mã. Sư lần bước đến bên bờ ao thấy trong làn sóng có ảnh cung trời, lầu gác cao thấp, ngọc châu chất chồng, khung cửa họa vẽ nghi tượng cửu trùng, uốn lượn cả ngàn hình dáng. Ngài trực nhận đó là cung điện của tầng trời Đâu-suất. Sư thấy sự việc kỳ lạ đó, mừng vui suốt cả tâm can, tự nói rằng: "Tôi nghe trong kinh Trí Nghiêm nói ảnh của cung điện hiện trên đất lưu ly, đó là cảnh giới chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Nay quyết định phỏng theo đó mà xây dựng phạm cung để đáp lại điềm ứng hiện đó". Và Sư bèn chống tích đến trụ chùa An Nghiệp.

Đến năm Bính Ngọ (706) tức niên hiệu Thần Long thứ 2, Sư đến chùa Báo Thành ở huyện Chúc, thuộc Bột Châu, phát nguyện vì nước mà mô tả tôn tượng đức Di-lặc cao một trượng tám thước, khuyến mộ mọi người cúng thí vàng đỏ. Bấy giờ, Đàn Việt cúng thí chuyển vận đến chất như gò, Sư bèn mời các thợ khéo, chỉ một lần đúc liền thành tựu. Tôn tượng có tướng tốt đặc biệt, đến tháng 6 năm Canh Tuất (710) tức niên hiệu Cảnh Long thứ 4, Ôn Vương (Lý Long Mậu) nhường ngôi cho Duệ Tông là chú, năm đó cũng đổi niên hiệu Cảnh Vân năm thứ nhất, Sư an trí tôn tượng nơi biệt điện mới xây dựng nơi góc phía nam thuộc Đông Lang của chùa. Ban đầu Sư bảo: Sửa tài mới bàn dựng bảng, các Đàn Việt bàn luận lăng xăng chưa thành tạo dựng.

Qua năm Tân Hợi (711) tức niên hiệu Cảnh Vân thứ 2, phía bắc Kinh Phường của chùa Phước Tuệ được đổi với nhà của Tân An Điển Ngọ Trịnh Cảnh. Sự việc mới khởi công, bèn đào được tấm bia cổ, biết được đó là "Vào năm Ất Hợi (555) tức năm Thiên Bảo thứ 6 thời Bắc Tề xây dựng chùa Kiến Quốc do vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) là con nối dõi Cao Hoan". Mọi người trông thấy đó đều kinh hãi khen ngợi, đồng như ngài Xá-lợi-phất thương đàn kiến đùn đống! Thái Phỏng Sứ Quân đều cho là lạ đôi ba phen, bèn men theo bia ký đó mà đổi tên Phước Tuệ thành chùa Kiến Quốc, đồng thời đón rước thánh tượng đức Di-lặc và Điện Tài ở chùa An Nghiệp đến chùa phụng thờ.

Đến ngày 13 tháng 5 niên hiệu Thái Cực thứ nhất (712) vua Tuệ Tông đổi niên hiệu là Diên Hòa. Năm đó, Hình Bộ Thượng Thư Vương Chỉ Âm làm Thái Phỏng Sứ, đến Lăng Giao tuyên cáo sắc lệnh "Tất cả các chùa viện nào không có danh ngạch đều phá hủy hết". Tất cả tượng Phật đồng sắt thâu gom về gần chùa. Sư dời chỗ đúc tượng và xây dựng

Môn Lang Điện Vũ, còn thiếu mầu vẽ, gặp sắc lệnh mới ban nên thôi nghỉ công việc. Sư tới trước tượng đức Di-lặc, đốt hương rơi lệ, khẩn thiết kính lễ cáo bạch rằng: “Nếu cón có cơ duyên với nơi này thì xin ứng hiện điềm lạ để sách tấn cải ngộ chúng sanh!” Chỉ trong khoảnh khắc, trên đầu tượng phát ra ánh sáng mầu vàng chiếu soi khắp trời đất. Các hàng sĩ thứ khắp thành đều khen ngợi cho là ít có. Khi đó những người sanh tâm phỉ báng bị mù cả hai mắt, lại có người lưỡi sưng to cả thước. Mọi người xa gần rao truyền lẫn nhau cùng tranh nhau đến chiêm lễ, xả thí chất cao như núi, mới hoàn toàn chiến thắng. Tôn tượng ngồi duỗi một chân, mọi người đến chiêm ngưỡng đều cúi đầu lễ lạy. Những người sống trong ác báo, thì Sư hướng về tôn tượng để sám hối lỗi lầm cho họ. Trong chốc lát, người mất ánh sáng được thấy lại, kẻ bị cuốn lưỡi bèn nói được, và nguyện đều làm kẻ phục dịch trong chùa để đánh chuông quét tước. Thái Phỏng Sứ chí Âm Hạ Lan Vụ Đồng ghi lại điềm lành đó tấu trình. Vua Tuệ Tông lại ngầm phù hợp trong mộng tưởng nên ban sắc đổi bảng hiệu chùa “Kiến Quốc” thành “Tướng Quốc”. Bởi lấy các vua do tướng Vương Long Phi, và ban sắc Đại Đức Minh Cán ở chùa Phật Thọ Ký đồng cùng kiểm hiệu Công Đức, không để Châu Phủ phiền nhiễu. Trung Thư Xá Nhân Giả Tăng, Thị Lang Thôi Chiểu, Cấp Sự Trung Lư Dật, Trung Thư Thị Lang Bình Chương Sự Sầm Hy đều quyên bổng lộc cùng tạo nhân duyên, hoặc mở đầu phát tâm, hoặc thí sức ngoại hộ. Vào niên hiệu Tiên Thiên (712 - 713), hành truyền thần đến lộ để, vua Huyền Tông lên ngôi (712). Đến ngày 15 tháng 8, vua Huyền Tông ngự viết biển ngạch tên chùa. Sư vâng sắc, sai Đại Đức Chân Đế cùng hai người đệ tử, một người Phẩm Quan mang phướn đẹp do vua ban và biển ngạch chùa đến, đón nhận để treo lên.

Sư hoá đạo ở Vườn Lương, thân vinh ở Cây Phước. Trăm tuổi có hạn, bốn tướng đổi dời, Sư thị tịch tại biệt viện trong chùa, an táng tại chùa Đông Giao, nay thuộc xứ Đông Kinh, tháp hiện nay vẫn còn. Bấy giờ, tôn xưng Sư là “Tạo Tự Tổ Sư”. Sau Sư thị tịch, đến niên hiệu thứ 4 (745), xây dựng Đại Các, đề hiệu là “Bài Vân”. Vào niên hiệu Chí Đức (756 - 758) thời vua Túc Tông, xây dựng Đông Tháp, đề hiệu là “Phổ Mãn”. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775) mới hoàn tất.

Có thuyết nói là vị tăng xây dựng tháp có khả năng phân thân hành hóa, khó lường biết được giai vị phẩm trật. Văn-thù, Duy-ma là bạn của Vương Phủ đắp họa hình tượng Ngô Đạo Tử. Lại nữa, niên hiệu Khai Nguyên thứ 14 (726), vua Huyền Tông Đông phong ban sắc cho xa chính đạo sang nước Vu-Điền để phỏng tả hình dạng Thiên Vương về

đắp họa trên tường vách chùa. Sa-môn Trí Nghiễm khuyến mộ chúng họa vẽ tượng Tam Thừa nhập đạo theo thứ lớp tại tường vách phía bắc nhà kho phía tây, đề xưng là tuyệt diệu kỳ đặc. Nay Điện Vũ đều xây dựng lại sau biến cố hỏa tai vào niên hiệu Đại Thuận (890 - 892). Vào thời Bắc Tống, vua Thái Tổ (960 - 976) sửa sang lại, hàn lâm tiếp đãi chiếu, Cao Ích vẽ tranh trên tường vách. Bấy giờ được đề cao là khéo léo của bút mực.

6. Truyện ngài Huyền Lãm trụ chùa Hoa Nghiêm ở Hàng Châu, thời Tiền Đường.

Thích Huyền Lãm, họ Trữ, Tổ Tiên Sư là người xứ Hà Nam. Do làm ăn ở Tiền Đường nên nhà Sư ở đó. Sư ra đời ứng với đức sáng, vừa mới sanh mà hiểu biết cao rộng, thấu đạt được thật tướng. Lấy sự sùng thiện làm gốc. Từ khởi niệm ban đầu đến lúc xả bỏ gia tục, Sư nương tựa ngài Tuệ Sưởng. Ngài Tuệ Sưởng đức hạnh đầy đủ, chúng dùng đều sung túc. Tuổi cao hạnh trọng, từ lâu làm bậc thầy khuôn phép, đến lúc thấy Sư không một khoảnh khắc trái với đức nhân, nên bảo với môn nhân rằng: "Đạo vô thượng lấy sự thanh tịnh làm chính. Nếu nhất niệm dùng được tâm ấy, thì tôi chưa thấy học chẳng đủ. Tại Giang Biểu không có chân tăng đã từ lâu, nay có thể dùng ông này (tức Huyền Lãm) làm pháp cổ ư? Khiến mọi người xa gần đều nghe biết thế. Đó là dự làm chỗ đúc luyện, tạc tượng khác nhau đến như vậy.

Tại bổn ấp có ngôi chùa cổ tên là Hoa Nghiêm, Sư đem đất bao tang gần nơi gò mộ của ngài Huyền Lễ, thuộc thời nhà Tùy chẳng tranh giành pháp vũ, buông thỏng suy đồi, vết tích danh tướng Hác Thiên cũng một thời hoang phế. Đến đầu đời tiền Đường, chiêu mộ những người kính tin xây dựng lại. Vào niên hiệu Văn Minh (685), có sắc chiếu hoàn lại biển ngạch cũ. Dưới chế độ Quảng Luân dời đến bên trái núi Lâm Thủy, qua lại hình thắng. Ban đầu, Sư lấy giới cụ túc nương tựa Thiên Trúc, tiếp đến dùng tăng lục ở một chỗ nhàn cư, và sau nhân lão đức nên thống lãnh ba chùa Hoa Nghiêm. Lần lượt đồng đến nơi đạo. Đạo không đâu chẳng có, nhân nơi giáo mà có thay đổi. Sư thường thương xót mọi vật, lấy từ bi cứu giúp làm trách nhiệm của mình, bèn bàn lấy nửa cái hồ phía trước chùa thông suốt với dòng sông làm hồ phóng sanh. Bấy giờ, Thái Thú Viên Tùng Lễ nhân đó mà khuyên gắng vào sâu cửa từ, cấm xa đến sáu dặm. Tư Mã Dương Mẫn nói có cảm mộng, lại dời đến mười dặm để cho cá trở đầu vẫy đuôi, ngậm ngáp nổi chìm, chẳng phải lo hại, được bảo toàn tánh mạng.

Sư lại đem kinh tượng làm tối ưu thì trước điện họa bốn tượng, trong đó tượng đức Từ Thị làm đầu, đúc ba trăm năm mươi pho tượng bằng đồng mạ vàng, trong đó thánh tượng đức Di-đà làm đầu. Viết kinh hơn hai ngàn pho, trong đó kinh Niết-bàn bảng chữ vàng làm đầu. Công đức ấy vì thuận theo hiện báo, nên Vương Khảo Tông truy tặng, Thứ Sử Hà Châu Hữu Tán Kỵ Thường thị phong Thư Quốc Công vô lượng thì là anh em với Sư. Lượng ngày tu học Lâm Bình Hồ Long Kiến, không đâu chẳng đến xem xét. Thư Công an nhiên chẳng lìa án sách. Khí độ đến như vậy. Vào những năm đầu dưới thời Minh Hoàng, Thư Công hầu giảng, nhà vua vui mừng kính chuộng. Về hầu Thái phu nhân khi tuổi đã cao, anh em đều lấy hoa rải nơi đất sớm tối, nói pháp mà thôi. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 20 (732), Sư thị hiện bị bệnh, thị tịch tại chùa do Lâm Bình xây dựng, thọ tám mươi bốn tuổi.

Các vị Sa-môn Minh Liễu, Đại Giác, Phổ Hiền, Thần Mãn, Hoài Tuân đều tham dự trong dòng pháp của Sư, đón rước các pháp khí cất giấu dưới nền của động Tế Lệ. Công Bố Thị Lang Từ An Trinh soạn văn bia ca tụng đức hạnh của Sư.

Kế nữa, lại có ngài Thích Thủ Như trụ chùa Ái Đồng ở Mân Trung. Sư có nhiều việc khuyến dụ. Dân chúng ở Việt Thượng quy hướng mây nhóm. Sư xây dựng Tịnh xá để giúp chúng, gấp kíp việc lợi tha. Niên hiệu Khai Nguyên thứ 10 (722), Sư cất nhà tắm tại chùa, đang lo thế đất ở chỗ cao vót mà dòng suối trong nằm ở dưới, khô khan không thể dùng cấp dẫn, đi xa thì sẽ mệt nhọc. Sư lo nghĩ chưa kịp không biết do đâu để đổi làm, thì bỗng một đêm, dưới dòng suối chóng khô cạn, và cách nơi chỗ Sư làm nhà tắm chừng hơn hai mươi bước có dòng suối trong tuôn chảy. Người thời bấy giờ cho đó là do công sức thần ngầm làm dời dòng suối ấy. Dân chúng khắp Thất mân không ai chẳng quy hướng kính tin. Sau, Sư thị tịch tại phòng riêng nơi Ôn Thất.

7. Truyện ngài Huyền Lãng trụ chùa Thanh Thái ở Đông Dương, thời Tiền Đường.

Thích Huyền Lãng tự là Tuệ Minh, họ Phó. Tổ tiên của Sư là con cháu của Phổ Dương Quận Giang Hạ Thái Thú Chửng Công. Dưới thời Tào Ngụy lánh đến Giang Tả, thì là cháu sáu đời của Đại Sĩ Phó Hấp ở đời Lương, nên trở thành người xứ Ô Lương. Mẹ của Sư họ Cát, lúc mới mang thai Sư, bà mộng thấy cỡi xe dê bay nhảy giữa hư không mà cảm thấy thân mình nặng. Từ đó về sau không thích nghe mùi máu huyết tanh nồng, đến lúc sanh ra Sư cũng nằm mộng như trước, sau khi tỉnh

giấc, tâm nhẹ thân an, đứa bé (Huyền Lãng) chẳng gào khóc mà mỉm cười.

Năm chín tuổi, Sư xuất gia, thầy trao cho quyển kinh, mỗi ngày phải học qua bảy trang. Ngày 19 tháng 5 nhuận niên hiệu Như Ý thứ nhất (692), Sư được vua ban sắc phối danh chùa Thanh Thái. Năm hai mươi tuổi, Sư đi xa tìm đến Quang Châu chỗ Luật Sư Ngạn, cầu thọ giới cụ túc, trở lại học luật phạm, Sư lại xem rộng kinh luận, tìm cầu chỗ dị đồng, ngài rất tha thiết với Bổn Kinh Niết-bàn. Thường hận người xưa tuy có chương sớ mà phán định chưa bình đẳng xác đáng. Sư đến chùa Diệu Hỷ ở Cối Kê, cùng Thiền Sư Ấn Tông thương bàn luận mật yếu, tuy cùng nhau biên thuật Đại Chỉ, nhưng chưa chu toàn. Nghe Nhất Tông ở Thiên Thai có thể lắng lọc mọi vướng mắc, có thể giúp hướng đến nhất lý, nhân đó, Sư đến chùa Thiên Cung ở Đông Dương chỗ pháp sư Tuệ Uy. Ngài Tuệ Uy bẩm thọ vâng thừa ngài Trí Uy ở Quát Châu, bấy giờ đang rao truyền ngài Tuệ Uy là đệ tử tài giỏi của ngài Quán Đảnh tức thân sau của ngài Từ Lăng. Sư đến gần gũi nương tựa, chẳng lo nghèo khổ, mà thấu đạt được các kinh luận như Pháp Hoa, Tịnh Danh, Đại Luận, Chỉ Quán, Thiền Môn, Phàm Giáo tích của Nhất Tông Sư đều nghiên cứu cùng đến tinh tường.

Sau, Sư lại nương tựa Thiền Sư Cung, trọng tu Quán Pháp, thấu đạt sách Nho, kiêm thông cả đạo tông, không gì chẳng xem cùng. Tuy thông các kiến giải, nhưng chỉ dùng chỉ quán lấy làm lộ trình nhập đạo, làm địa vực an tâm. Tuy kế thừa tư tưởng của các Thánh, nhưng Sư vận dụng bi trí của Đức Quán Thế Âm, làm bến bờ của hành sự. Tâm Sư dạo trong thập thừa, thầm hợp với Tam Quán, lợi vật bằng bốn Tất-đàn, thể biến khắp sáu tức, tuy thấu đạt tâm bày ngoài vật, thân lắng nơi nhân, tình hết ở nhà cũ, mà chí nương gá nơi núi rừng hang hóc, chỉ giữ lấy mười tám món của mười hai hạnh đầu-đà. Sư ẩn dật tại khe núi, nhân đó lấy làm hiệu, "một mình ở một thất" hơn ba mươi năm dùng sợi gai làm áo mặc, lấy gạo thô cùng rau lá nuôi mạng sống. Có nguyện sanh lên cung trời Đâu-suất thì phải tu tạo việc phước, Sư xây điện vách, vẽ tôn tượng đức Quán Thế Âm và Tân-đầu-lô, Sư đốt hương thúc liễm ý niệm, bèn cảm hiện ánh sáng thần năm mầu, kẻ tăng người tục trông thấy đều khen ngợi là việc ít có. Sau đó, hoặc khỉ vượn đến mà bưng bát, hoặc chim bay ngừng lại lắng nghe kinh. Bấy giờ có một con chó bị mù đến nơi cửa núi, gào khóc lăn lóc dưới đất, Sư thương xót nó mà đốt hương, tinh thành sám hối cho nó, chưa đầy mười ngày thì đối mắt nó được thấy.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 16 (728). Thứ Sử Vương Thượng Khách thỉnh Sư xuống núi tạm ở dưới thành. Sư khước từ bằng cách cáo bệnh mà trở về ở chỗ cũ. Sau đó, Sư dạy người chẳng tỏ vẻ mỏi mệt, giảng nói không cần đợi chúng đông. Sư đắp mặc một pháp y Uất-đa-la-tăng hơn bốn mươi năm, sử dụng một Ni-Sư-Đàn trọn đời chẳng đổi, ăn không xem trọng mùi vị, ở riêng một nhà, chẳng phải nhân sưu tìm kinh điển thì không đốt một ánh đèn, chẳng phải nhân thân hầu Thánh dung thì không đi một bước. Sư tu tâm tế hạnh luôn vâng theo sự chế định của luật pháp, nên được các vị Sa-môn từ những chốn xa xôi, các bậc lão thành nơi gần gũi tìm đến đầy nhà, như mùa đông được nắng ấm, mùa hè được bóng mát, không mời mà tự đến. Mái chùa đó đến lúc đổ nát, Sư bèn chỉ trao Sa-môn Linh Bẩm xây dựng Điện Vũ, hình tượng chất chứa đến hai tháp gạch. Việc họa vẽ không dùng đến keo trâu bò, chỉ điều hòa bằng nước thơm. Đỉnh cao giáo pháp của Thiên Thai hưng thịnh đều do từ đó. Một hôm, Sư nói với môn nhân rằng: "Mọi việc của tôi đã hết năm sớm tối!" Tới ngày 19 tháng 9 niên hiệu Thiên Bảo thứ 13 (754) Sư thị hiện bệnh nhẹ mà thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp, xây tháp thờ trên núi.

Thuở bình sanh, Sư có soạn "Pháp Hoa Kinh Khoa Văn" hai quyển. Có các đệ tử được phú pháp như: Ngài Đạo Tân chùa Long Khâu ở Cù Châu, ngài Tuệ Tùng chùa Tịnh An, ngài Pháp Nguyên, ngài Thần Ung chùa Pháp Hoa ở Việt Châu, ngài Thủ Chân chùa Phước Nghiệp ở Thường Châu, ngài Đạo Tuân chùa Báo Ân ở Tô Châu, ngài Đại nguyên chùa Đại Bảo ở Minh Châu, ngài Thanh Biện chùa Khai Nguyên ở Vụ Châu. Còn trẻ đã mến đạo, ý chí cầu thầy, chẳng quá ba năm mà tư duy đã hơn một nửa. Người hành đạo ấy được gọi là "Tả Khê". Thứ lớp truyền pháp gọi là "Ngũ Tổ", Sa-môn Thần Huýnh ở Vũ Sơn soạn chân tán.

Liên hệ thử bàn:

Xét từ đời Đường về trước, người cầu giới được tự chọn các bậc danh đức làm thầy. Đời gần đây do Quan độ dẫn thứ lớp an bài. Lập Tư còn chủ, chẳng do chính mình. Ngài Huyền Lãng cầu giới chẳng thế đó ư? Như vậy, thầy trò cùng luyện, ân nghĩa phát sinh. Thoát gặp việc thỉnh thì thí dụ đồng như dã mã (ngựa do bóng nắng mà có).

8. Truyện ngài Tuệ Minh trụ Phật Xuyên ở Hồ Châu, thời Tiền Đường.

Thích Tuệ Minh, họ Trần, là con cháu của Hán Thái Khâu Trưởng

Thật, gia đình nhiều đới sống ở Dĩnh Xuyên. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (145 - 146) thời Đông Hán dời lần đến phương Nam. Tổ tiên Sư làm Tư Đồ Duyện, Tằng tổ là Trọng Văn Hữu Tả mạng Hữu Tả Trần, được phong là Đơn Dương Công. Ông nôi là huyện lệnh của hai huyện Song Khê và Cốc Thục. Cha Sư làm Lan Lăng Trưởng, mới thành người xứ Lan Lăng. Mẹ của Sư cảm ngày đầu như giữ giới của Phật, chân không thích bước vào vườn trồng các thứ rau tanh nồng, miệng chẳng dùng chén bát có mùi máu thịt, thần thưc trong mộng phảng phất như được nghe Pháp Âm, thế rồi hạ sanh Sư.

Chưa đến tuổi búi tóc mà Sư cầu xin xả tục, cha mẹ Sư đều chấp thuận, đến lúc Sư thọ giới cụ túc, tức niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 (719), tập học luật Tạng, Sư từng nói với mọi người: “Xưa kia, Phồn Hình Thủ làm cho Bá Thành Tử phải trốn. Tôi tuy chẳng bỏ luật nghi, nhưng chán ghét tranh luận lăng xăng như pháp tâm ấn tâm đến vậy ư?”. Sư bèn đi về hướng Tây, tới Phương Nham, chóng mở Tâm địa.

Trong niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Sư có chí nguyện đến núi Thanh Lương, vừa tới sông Hoài, sông Biện bị binh lính cản trở, Sư vội khuyên các thiền khách đồng gặp cùng đi đến Uyển Lăng. Ở cửa Thạch Thương, đặt ba ngôi Lan-nhã. Có Đại hý đến quấy nhiễu như rồng múa. Bấy giờ, gặp lúc đói kém, bọn giặc cướp sắp đến, thì Sư kêu gọi báo trước, luôn có ứng nghiệm. Trước kia tại làng đó, dân chúng chuyên nghề săn bắn, Sư bèn chuyển hóa, họ đều đốt hết võng lưới, phá các khí trượng. Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 5 (746) Sư dừng tại đạo tràng Ngư Pha, có ngài Tử Vũ thuộc dòng Bạch Thổ Sử Tông, xa gần đi suốt, người đời chẳng biết. Lúc mới gặp gỡ, Sư bảo: “Nam Tổ truyền giáo, vì sao Bồ-tát đến chậm thế ư?” Ngày khác đồng lên trên đỉnh núi Ngư Pha, thấy ở phía Đông nam có ngọn núi xanh mầu sáng rất đẹp, Sư nói với ngài Tử Vũ rằng: “Tôi và ngọn núi này trước kia vốn có nhân duyên!”.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 8 (749). Vua Huyền Tông có ban sắc chế độ người. Châu Tướng Vi Nam Kim dâng tạng văn đề cử các hàng tăng tục có cao hạnh, thỉnh Sư ghi thuộc danh Đạo tràng Ninh Hóa ở trong Châu, Sư cố khước từ đổi lệ là “Phật Xuyên”. Tức ngày xưa, ngọn núi ở chỗ Ngư Pha đứng trông thấy, vào đời Lương, đời Ngô đều làn nền nhà cũ. Theo địa chí chép: “Ở phía nam đỉnh núi xanh, đào được hai tượng Phật cổ, không biết thuộc niên đại nào. Tại chỗ được tượng Phật có suối linh nước phún lên, nhân đó mà gọi tên là “Phật Xuyên” (Sông Phật). Cạnh dòng suối có đền thờ Ngô Vương cũ”. Theo phong

tục thì dâm từ lạm dùng hy sinh. Bấy giờ, vào đêm tối, Sư ghé dừng nghỉ nơi miếu, bỗng nhiên sấm sét mưa tuôn kéo đến làm cây rừng đổ ngã, ngói đá lốc bay. Trong chốc lát mưa tạnh, trăng sáng tỏ, thấy một trượng phu dung mạo mạnh mẽ to lớn. Sư bảo rằng: “Quân sĩ! Sống thề làm hiền nhân, chết thà làm minh thần. Cớ sao khiến muôn sanh thường bị huyết thực, đâu biết việc đó ương lụy đến nghiệp ấy ư?” Vị thần đáp: “Chẳng phải bổn ý của đệ tử, đó do mọi người tự làm như thế”. Bèn đôi ba phen lễ bái sám hối. Nhân đó mà Sư cho thọ giới Bồ-tát. Vị thần vui mừng nói: “Sư muốn dời chùa, đệ tử nguyên xả bỏ nơi này, vĩnh viễn phụng cúng xây dựng nhà ngồi thiền”. Sau, quả thật, Sư dời chùa đến bên cạnh đền miếu, tự nhiên đào được chiếc mâm đồng, dưới đáy có khắc hai chữ “Tuệ Minh”.

Đến tháng giêng niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (780), Sư thị hiện bị bệnh. Ngày đó, đình Thủy Xuân mưa suốt ngày, có Hổ dữ đi nhiễu quanh bờ tường kêu gào buồn thương mà đi. Đến ngày 12 tháng giêng, Sư lặng lẽ thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, năm mươi mốt hạ lạp. Qua ngày 12 tháng 2, xây tháp tại núi ở phía tây chùa. Sư truyền pháp cho ba đệ tử: Tuệ Giải, Tuệ Mẫn và Như Tri. Như thường tình Thu Tử nhặt tiêu. Đệ tử thọ Bồ-tát giới là Thứ sử Lô Ấu Bình Ngạn Chân Khanh riêng một mình hỏi tục Đỗ Vị. Bùi Thanh sâu vào thiền vị, giúp cho thợ vẽ soạn bài minh trên tháp thờ Sư.

9. Truyện ngài Tử Vũ trụ chùa Đại Vân ở Hồ Châu, thời Tiền Đường.

Thích Tử Vũ tự là Chân Anh, họ Thẩm, người ở xứ Đức Thanh, thuộc Ngô Hưng. Tổ tiên Sư mất nước ở đất Thẩm, nhân đó mà lấy làm họ. Ngài là con cháu của Thẩm Tử thời xuân thu. Sư vừa mới sinh đã mà tỏ vẻ thông tuệ, chẳng nhờ thầy truyền trao dẫn dắt. Chưa đến tuổi búi tóc mà Sư giã từ cha mẹ, cầu xin xuất gia.

Vào niên hiệu Như Ý (692), có thánh chỉ đại xá độ người. Sư bèn nhuộm áo, cạo tóc, đóng bít việc đời, đến chùa Đại Phước Tiên ở Lạc Kinh, xin được thọ giới. Sư siêng năng thỉnh cầu, trong ba đêm, thấy có vị thần nhân rõ ràng trước mắt, chợt qua chợt lại, hoặc đồng hoặc khác, há có thể chẳng chí thành được ư? Từ đó, Sư đốt đèn Như Lai, đeo ấn Bồ-tát. Đến niên hiệu Chứng Thánh (695) Sư đến “đạo tràng Đại Vân” gìn giữ luật pháp bền chặt, cầm nắm tăng cương, sửa sai cử chỉ, cũng chẳng đáng ư! Sư vốn lai lịch thuần tịnh, không phạm lỗi, chẳng danh dự, khiến các kẻ sĩ trong thiên hạ có người như ngoại đạo, hay xiển-đề.

Tâm như gió thổi, nói năng như suối chảy, sao khuấy nhiễu thánh giáo của ta, diệu môn của ta ư? Sư dùng thong dong mà chỉ bày, lấy phương tiện mà dẫn dụ, không ai chẳng cúi đầu khuất phục mà vâng mạng. Sư thường lễ bái mười lăm ngàn danh hiệu Phật, kiêm lễ sám từ bi, một ngày đêm một vòng, hoặc hai ba ngày một vòng. Ban đêm có chín vị Thánh Tăng xuống tại chỗ ngài lễ sám cùng hành đạo trong chốc lát bèn đi. Hoặc có đêm không đèn đuốc, tâm miệng Sư là niệm, ánh sáng chiếu khắp phòng như đang ngồi dưới ánh trăng. Thường có như thế.

Sư bùi ngùi, vì khắp ấp Đức Thanh chưa có chùa tháp, bèn khởi tâm muốn xây dựng. Sư đề xướng thảy đều hòa ứng, mới thành Tinh xá. Trước sau, Sư đã viết chép ba tạng kinh, gồm tất cả mười sáu ngàn quyển. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), có Pháp Sư Túc ở Lâm An bị chết giấc qua ba ngày đêm, sắp vào địa ngục, trong minh phủ, ngài thấy Sư bị người dẫn đến trước vua Diêm-la và ngươi ấy nói rằng: “Người này hay giảng kinh Niết-bàn, Diêm Vương nên rộng thứ cho!” Diêm Vương nói: “Chỉ nghe có Sư Nham Luân hay giảng, chẳng nghe tên sư này?” Đôi ba phen cứ như thế, Diêm Vương không chịu, do đó mà thả ra. Từng ở tại làng đó, có người thí trâu, tự nhiên không mang thai mà có sữa chảy ra, cảm thông đến như thế.

Đến mùa thu niên hiệu Thiên Bảo thứ 11 (752), Sư an tọa mà thị tịch, qua mùa xuân năm sau (753), sắp mở linh khám, muốn đón rước nhục thân Sư trà-tỳ, nhan sắc chẳng biến đổi, vẫn như lúc sống. Tuy ở Thiếu Lâm mang thai đã có râu, mùa Xuân ở Kỳ Châu dưỡng tóc, sao lại tốt đẹp như vậy! Đại Lý Bình Sự Nhiếp, Giám Sát Ngự Sử Điêu Đạm, Chủ Khách Lang Trung Diêu, Thứ Sử Dương Tuệ Tài đều quy hướng kính tin.

10. Truyện ngài Duy Thật trụ chùa Hương Sơn, thuộc Từ Khuê ở Minh Châu, thời Tiền Đường.

Thích Duy Thật, họ Thang, người ở xứ Phú Dương. Sư thực hành hạnh đầu-đà, tâm an thiền quán, đạm bạc lắng ở, thường ngồi không ngủ. Ban đầu, Mẹ của Sư ức chế tâm nguyện của Sư, không cho xuất gia. Nhưng rồi, lồng mở chim bay, bờ thủng nước chảy. Sư học theo Đồng Tử Thiện Tài tham lễ khắp nơi, đồng với ngài Ca-diếp luyện hạnh.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Sư đến núi Nhã Áo ở Minh Châu. Ban đêm thầm nghe có tiếng nói: “Nên đến Bồng Lai Thánh tích danh sơn!” Sáng hôm sau, Sư lên núi đó, hang động cheo leo, vách đá

vót thành, có nhiều hang động xinh đẹp khác thường, thật chỉ là cảnh linh, có dấu chân Đức Phật rất lớn. Sư hỏi một ông lão ở núi đó thì ông nói rằng: "Vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742) mới hiện điềm ứng nầy!" Sư bèn có chí ý nguyện nương náu tại đó trọn đời. Bấy giờ, gặp lúc giặc biển Viên Triều như ong kiến nhóm họp, phân chia cướp giật giết người vô tội. Nhưng, đến Hương Sơn, chúng đều chạy trốn. Sư ở nơi giường nhắm mắt, trước đó dùng một tảng đá lớn ngăn che cửa động. Bọn giặc cướp khoảng hai ba trăm tên lại khiêng một tảng đá to lớn hơn hai trượng đến lấp bít miệng hang. Sư dậy, cất tiếng kêu, và đưa tay đẩy ra, bọn giặc đều cúi lạy hối lỗi rồi đi. Dân chúng trong ấp vô cùng kính trọng Sư, bèn xây cất tinh xá, chưa tới năm sau đã hoàn thành. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Thái thú Bùi Sưởng tấu trình xin đề hiệu chùa là Hương Sơn. Vua Đại Tông ban chiếu độ tăng có bảy vị thuộc danh ở dó.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), Sư thị hiện bị bịnh, ngồi kiết già mà thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi hai tuổi, ba mươi mốt Hạ lạp.

11. Truyện ngài Tăng Nhẫn trụ chùa Long Hưng ở Sóc Phương, thời Tiền Đường:

Thích Tăng Nhẫn, họ Sử, người ở xứ Trần Lưu, thuộc Bái Quốc. Đến tuổi đi học, Sư tời trường làng, các bạn đều yêu mến, ghé mắt liền nhập thần, lại tài giỏi nghệ văn, mới tùy theo kế, thường nêu không ngừng.

Đầu niên hiệu Hội Xương (841), Sư đi khắp vùng Tái Viên, tìm hỏi núi cổ Hạ Lan, vào trong chọn được chỗ đất sạch, là hang Bạch Thảo, Sư phát tâm Bồ-đề, chóng cởi treo mũ Nho, thẳng quy hướng Thích Giáo, mới cắt cỏ bện tranh làm nhà, càng gấp bội tha thiết tinh tấn, các giống dân Khương, Hồ đua nhau tìm đến cúng dâng tô lạc. Đến niên hiệu Hội Xương thứ 5 (845), Tiết Độ Sứ Lý Ngạn giúp tốt danh tiết, đến chùa Long Hưng, lập ra biệt viện, đề hiệu là Bạch Thảo, bởi lấy tên gốc nơi ban đầu Sư tu đạo.

Sư thường chích máu viết chép các bộ kinh. Niên hiệu Đại Trung thứ 7 (853), Lý Ngạn sợ Sư ốm gầy, bèn sang đôn đốc dẫn dụ, nói rằng: "sao Sư chí tu cho mình, thực hành hạnh Tiểu thừa. Sao chẳng kéo dài tiếc lấy sanh tánh, giữ gìn giáo pháp, ích lợi rộng lớn hơn thay!" Sư chấp tình bền chặt, bèn soạn "Tam giáo hủy thương luận" để thấy rõ chí khí. Lý Ngạn đọc qua càng thêm kính trọng. Đến niên hiệu Đại Trung

thứ 9 (855), nhân đọc Kinh Đại Bi, nghiên tầm nghĩa lý bốn mươi hai cánh tay, đến đoạn cành tay Vô Úy, Sư sanh nghi ngờ nên kết đàn, trọn tuần cầu thỉnh. Tự giữa hư không hiển hiện Chánh Ấn, hai nắm tay rõ ràng trông thấy. Ngài bèn bảo thợ vẽ cánh tay ấy. Có người dèm pha phỉ báng, Sư bèn tinh thành tha thiết kính cáo. Thợ vẽ rửa bút trong bát đồng, bỗng chiêu cảm một đóa hoa thật tánh, cành nhánh tua nhụy mỗi mỗi đều sáng đẹp, mọi người trông thấy đều kinh hãi ngợi khen.

Đến ngày mùng 10 tháng 7 niên hiệu Hàm Thông thứ 12 (871), Sư thị tịch tại Viện Bạch Thảo, thọ năm mươi chín tuổi. Qua ngày 17 tháng 10, xây tháp thờ tại phía Nam Thủy Quán.

Ban đầu Sư chích máu viết kinh, tổng cộng hai trăm tám mươi ba quyển, đắp họa tôn tượng Lô-Xá-Na, lầu cao ba mươi lăm thước, cửa cao một trượng sáu thước. Khởi dựng họa Đại Bi công đức ba bước, tự soạn “Luận Đại Bi “ sáu quyển, đều cất giữ trong các rương tráp. Sau Tiết độ Sứ Đường Hằng Phu kính ngưỡng di tích Sư, bèn tấu trình xin vua sắc ban thụy hiệu là Quảng Tuệ Đại Sư, tháp hiệu là Niệm Định. Đệ tử của Sư là Vô Triệt cũng là bậc tài giỏi cao xa, mang hai quyển Kinh viết bằng máu và một cành thụy hoa đến cung tấu trình, được triều đình tuyên cáo ban tặng Pháp y sắc tía, thị tịch trong khoảng niên hiệu Thiên Phục (901 - 904). Đến đầu niên hiệu Càn Hóa (911) thời Hậu Lương, Trung Thư Lệnh Tây Bình Vương Hàn Công Tốn ghi chép lại di tích của Sư để tấu trình. Vua Thái Tổ (907 - 911) ban sắc tặng thụy hiệu là “Pháp Không”, riêng tặng tử phương bào. Đến niên hiệu Đồng Quang (923 - 926) thời Hậu Đường, Tùng sự Tịch Chiêu ghi làm văn bia nơi tháp thờ Sư.

12. Truyện ngài Văn Toản trụ chùa Hà Ân ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Văn Toản, họ Trương, người ở xứ Tấn Dương, Dung mạo Sư trang nghiêm. Thuở nhỏ thờ thầy tại chùa Sùng Phước ở Tinh Châu, học cùng các sách, nắm mang Tam thừa. Đến như sách mạng của Kim Bản Ngân Thằng, văn chương của Long Thao Tượng Bí không thứ gì chẳng xem đọc, tình ruộng sóng cả, miệng biển tuyên xướng, mở mang đối dương phúc trời, mỗi mỗi đều vui mừng tin phục. Có chiếu mời phiên dịch, kiêm làm Đại đức các chùa Phật thọ ký ở Hà Nam, chùa An Quốc, chùa Hà Ân chùa Sùng Phước v.v... ở Kinh Triệu. Sư ưa thích tu phước, thiết trăm hội Vô già, phàm thánh lẫn lộn Sư đều bình đẳng cúng thí. Giả sử như gió mây kéo nổi liên tiếp, nhưng đến ngày trai thảy đều tạnh

sáng bình yên. Cảm động đến người cầu phước chẳng luống dối. Sư thọ hơn sáu mươi tuổi, thị tịch tại Bổn Viện. Khắp trong địa vực mây giăng buồn như khóc suốt mấy ngày chẳng tan.

13. Truyện ngài Hoài Ngọc trụ chùa Sùng Phước ở phủ Thái Nguyên, thời Tiền Đường.

Thích Hoài Ngọc, họ Hứa, người ở Tinh Châu. Thuở nhỏ Sư sáng suốt thông lợi, mỗi ngày xem đọc đến ngàn từ, sớm bày mầm bén nhọn, chóng trội vượt đồng hàng. Đến lúc trưởng thành, giới hạnh tiết tháo Sư càng cao vợi, trường phạm khuôn phép. Sư chí ở tu tập, chẳng gián đoạn đây kia. Hạ ở chùa vũ, kinh có thiếu khuyết thì tu bổ liền, tượng có rách nát tức khắc sửa sang, ba nhậm kỷ cương, riêng có sùng kiến. Sư so sánh Đại Tạng kinh hơn hai mươi bổn. Trời rất rét lạnh hay nắng nóng quá độ, Sư chẳng phế bỏ thời khóa sớm tối, trang nghiêm thêm viện tịnh độ, làm việc tùy sức, càng thêm rực rỡ. Vua Đại Tông ngợi khen, giao phó Sư làm chủ đạo tràng Quán Đảnh, có đầy đủ tất cả chân ngôn bí quyết. Sư thọ sáu mươi ba tuổi, thị tịch tại bổn viện.

14. Truyện ngài Đại Bệnh Sư trụ chùa Đại Phạm ở Tấn Châu, thời Tiền Đường.

Thích Đại Bệnh, ngài người ở xứ Thiên Thai, thuộc Đài Châu. Sư họ Trần, vì Sư có phát đại nguyện hết báo thân này chịu mọi thứ bệnh thay cho chúng sanh, nên chẳng nêu tên gốc.

Sáng hôm Sư chào đời, có ánh sáng lành chiếu soi khắp phòng. Thôn xóm chung quanh đều lấy làm lạ. Năm bảy tuổi, Sư chịu tang cha, buồn thương hầu như mất trí. Sư thưa cùng mẹ cầu xin xuất gia, mẹ Sư vừa mở lời can ngăn, Sư bèn chặt ngón tay. Bà con thân thuộc đôn đốc khuyên răn. Sau đó mẹ đưa Sư đến chùa Quốc Thanh. Khi giới châu hoàn bị, Sư phát chí du phương, ban đầu Sư đến dừng tại nơi hiện nay là Đông Kinh. Tiếp theo, Sư đến Hà Dương, cầu mưa cho dân chúng, căn cứ theo kinh mà vẽ hình tượng tám vị Long Vương, thiết lập đạo tràng, khải cáo chú nguyện xong rồi ném xuống các dòng sông. Cả chúng đều trông thấy các hình tượng vẽ hoặc chìm hoặc nổi, bất định. Trong khoảnh khắc, mây giăng đầy trời, sấm sét nổi vang, mưa tuôn xối xả, khắp ngàn dặm đều tràn ngập. Từ đó mọi người quy tâm kính mến rất đông. Trước đây trong ba thành thường có gió giữ mưa đá, tổn hại đến lúa mạ, thành tường ngăn đổ ngã, mọi người cho đó là do rồng dữ gây nên. Sư vì trì tụng mật ngữ, sau trải qua một năm mọi sự tốt lành, mất

hẳn mối lo sợ ấy. Dân chúng khởi tâm lập dựng Đường Vũ như đền thờ sống.

Năm Đại Lịch thứ nhất (766). Sư lên núi Thái Hành, đi đến Hoắc Sơn, vào nơi sâu xa, cất am tranh mà ở. Có kẻ trộm lấy chén bát của Sư ăn, bỗng chốc thấy hai con Hổ đứng cản đường, lại gặp Sư, kẻ trộm mới cúi đầu tỏ bày hối lỗi. Sư an ủi xong, bèn đưa tay xoa đầu hổ. Sư nhiều lần nhiếp phục thú dữ như thế. Kẻ trộm ấy vốn là tiều phu hái củi, xin nguyện nương tựa Sư thực hành hạnh khổ. Trong đó có miếu sơn thần, khắp vùng Tấn Giang tương truyền thần ấy thọ hưởng máu thịt, Sư bèn vào miếu khuyên thần thọ quy giới, dứt bặt sự giết chốc muông sanh. Tượng đá thần ấy thường theo khuyên lãnh thủ, ngoái nhìn lại thần phụ, nhưng không tỏ vẻ trả lời. Sư bèn cắt tóc cho thần và triệt phá thần phụ (vợ của thần), mọi người trong làng lấy làm lạ, rao truyền khắp châu ấp. Thái Thú tức giận việc làm của Sư, bảo rằng: "Triều đại Đường ta đây từ ban đầu Vua Cao Tổ khởi dựng đến nay, khốn khổ đã lâu, thần đó hiện hình chỉ đường để đón rước nghĩa sư, sau đó từ tảng đá lớn tạc thành tượng, thiết cúng chẳng thiếu sót. Nay vị sư hói ấy không tướng trạng gì mà dám làm như vậy". Bèn sai người bắt trói đem về giam giữ tại chùa Gia Truyền, khóa chốt rất nghiêm ngặt. Đến hai mươi ngày sau, mở cửa ra, thấy Sư lặng lẽ thiền định. Khắp cả thành đều đến chiêm ngưỡng kính lễ, nghe tiếng khánh, Sư thư thả xuất định. Thái Thú mời gấp mà Sư chẳng đến, đến nỗi ra lệnh chém đầu, Sư bèn chặt một ngón tay giao kẻ sứ mang về. Thái Thú cảm động, đích thân đến đón rước, thỉnh Sư về trụ chùa Đại Phạm, xây tháp gạch để tôn trí xương ngón tay Sư. Từ đó, các hàng Đàn Việt kề vai chen chân đua nhau tìm đến. Có người bỏ chất độc vào rượu đút lót một cô gái nghèo đem đến cúng thí. Sư đã biết trước, cô gái mang rượu đến, thưa với Sư: "Nhà thiếp ủ men nấu rượu cảm thấy ngon, nên chiết rót đem dâng cúng Hòa-thượng để cầu phước, huống gì Phật còn chẳng trái nguyện của chúng sanh, v.v..." Sư bảo: "Ngươi cũng là Phật". Nhưng cô gái ấy sợ phải uống trở lại, bèn bày tỏ đầy đủ sự tình. Sư cầm lấy chén rượu nếm thử, chỉ chốc lát hơi rượu thấm vào cổ, đất dưới chân bị nứt ra, mọi người nghe kinh hãi quái lạ, việc dùng rượu cúng dường bắt đầu từ đó. Dân chúng ở vùng Tây Hà thuộc phần thấp bị bệnh, Sư chỉ cho nước sạch mà uống vào thì lành hẳn. Hễ gặp lúc đói kém, Sư xin thức ăn để ban thí. Sau, Sư đến Triệu Châu, cứu nạn đói kém, thiết lập đạo tràng thí thực, trước sau có đến tám hội. Xa gần nương nhờ, đạo cảm có nhiều thứ.

Đến ngày mùng 8 tháng 7 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 19 (803),

Sư lặng lẽ ngồi kiết già mà thị tịch. Bốn chúng lúc đầu cho rằng Sư thiền định như trước kia ở chùa Gia Tuyền, bèn sắm sanh hương hoa cúng dường. Cách năm sau, da thịt dần cứng lại mới biết thật là Sư đã thị tịch, bèn sơn phết và dùng vải lụa vẽ đó. Đến thời vua Võ Tông phá hủy tháp tượng, bất kể lớn nhỏ đều bị phá hết, mọi người cùng bàn thỉnh dời vào lò nung, thế rồi mọc lên một lùm cỏ điềm lành, hình dáng cái như lọng bao phủ xung quanh che chở gió mưa. Đến lúc vua Tuyên Tông lên ngôi (847), trùng hưng Phật giáo, phong hiệu Tỳ-kheo xây một ngôi đình nhỏ, thỉnh dời chân hình Sư tôn trí vào đó. Xương ngón tay Sư chặt tôn thờ tại chùa Gia Tuyền đến nay đã hơn trăm năm, mà gân thịt và móng đều sáng đẹp như mầu vàng ròng. Hoặc gặp lúc chiến tranh thành hủy sụp đổ, ngón tay ấy bị mất, sau có người mang đi lành nạn, việc xong trở về lại như cũ, đó cũng là âm phúc. Đến nay, mọi người ở Bình Dương rất tôn sùng kính tin.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG THỜI NHÀ TỐNG.
(Quyển 26 hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 27

CHƯƠNG CHÍN: HƯNG PHƯỚC

TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG IX

(chánh truyện có hai mươi mốt vị, phụ có ba vị)

1. Truyện ngài Tăng Kiệt trụ chùa Quang Trạch ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Tăng Kiệt, không rõ Sư là người xứ nào, sống ở nhà Phật mà hành hóa ở cõi thần. Sư giữ châu nói giới, dừng nước lắng tâm, thường than rằng: "Keo lận bền chặt đến thế ư, chẳng chịu làm đàn na để cứu giúp!"

Vào niên hiệu Kiến Trung (780 - 784), Sư xây dựng "Mạn-thù Đường" phỏng theo Thánh tướng ở núi Ngũ Đài. bàn việc xây dựng Đài đến mé nước. Sư lo sợ tổn thương đến sanh mạng, bèn lập đạo tràng ba ngày, chú nguyện cho các loài từ nhiều chân cho đến loài không chân, nên dời sang nơi khác để tránh, chớ để thành nạn phạm hạnh. Để biết sự cảm động của năng lực chí thành thật chứng nghiệm chẳng luống dối, bèn đào đất ra đến suối không hề có một con côn trùng nào. Sư thường lấy lụa dầy làm đãy lượt nước, gặp lúc múc nước có côn trùng thì bắt thả vào giếng hố, bấy giờ gọi đó là giếng hộ sanh, nước thường đầy chẳng cạn. Sư lại trông thấy loài sâu ngài mối đất lầm nhận ánh sáng của lửa là đường bay được nên cố bay vào, Sư bèn đúc ống đồng thiều để dứt bớt khói, dân chúng trong nước truyền nhau cách thức đó.

Tại viện Mạn-thù thường trì tụng Kinh Pháp, luôn được sắc tặng hương hoa. Chùa đó vốn có Đài Bảy Báu, trong chùa có đài do chính Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên) tạo lập, Sư thường ở trong đó.

2. Truyện ngài Định Quang trụ chùa Phước Cảm ở Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Định Quang, không rõ Sư là người xứ nào. Từ lúc nhập Pháp, thì quyết tánh chẳng bó buộc, chỉ ăn dùng gạo dở một bữa vào giữa trưa, mặc áo cánh cụt vải thô quanh năm. Sư đến Xứ Đông Thục hóa đạo những người có duyên, sự việc cũng nhiều ma giáo chẳng tốt đẹp. Không bao lâu thì gặp lúc vua Võ Đế phá hủy Phật pháp, lập bày trở lại Nho tông. Đến ngày Phật pháp trùng hưng, chúng tăng nhóm hội, Sư cùng sửa sang, xây dựng chùa chiền, nhân đó đúc Đại Hồng Chung, tính liệu vàng đỏ hơn muôn cân. Ngày đó, khua khóa tro bay gieo vào lửa dữ, có hai luồng khói lành từ chỗ cao nhất của tướng luận tháp phát ra liên tục bắn lên như cầu vồng. Cả muôn người cùng nhau nhìn thấy năm mầu tuôn vọt giữa hư không, cùng cảm như thế, kính tin cổ động ứng theo.

Tháp đó là nơi Vua A-dục tôn thờ xá-lợi. Đâu niên hiệu Đại Hòa (827). Giống người Nam man Mông say điên cướp dựt vào trộm thành, phân man tốt xả trong chùa, mái hiên vũ lan can đều cháy rụi hết. Chư tăng đều bỏ chạy trốn. Khi đó trên đỉnh tháp phóng ra bốn luồng khói đặc phân túa thẳng lên giữa hư không. Đến tối, bọn man trông thấy kỳ lạ như thế bèn cấm dừng ô uế. Tháp đó, trước kia ở phía Tây bắc cách hơn bốn mươi bộ. Khoảng cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) Trưởng Sử Chương Cừu Liêm Quỳnh đến nhậm chức, vừa mới tới Kiến Môn, thấy một người cao hơn một trượng cầm mác đứng trên đường, Liêm Quỳnh kinh hãi bèn hỏi, người đó đáp rằng: “Tối là thần Hộ pháp ở chùa Đại Thạch, nên đến đây để đón rước, vả lại, có ít việc cần cầu hỏi đại phu, đó là vì ở phía Tây nam của tháp chùa Đại Thạch chưa được tốt lành lắm, nay xin dời sang hướng Đông bắc bốn mươi hai bộ. Cúi mong được đào bới phía dưới tảng đá ấy vì để trấn giữ xá-lợi”. Liêm Quỳnh nói: “Việc đó dễ thôi”. Bèn ấn quyết hình, đến phủ vài ngày, bèn bảo người lường xét chỗ đất ấy trước khi đào bới, quả thật có được tảng đá lớn, sâu không biết tới đâu là ngằn mé. Bèn thúc giục vài người thợ đá đến đục. Đến tối liền bị lấp bít. Liêm Quỳnh sai người ngầm dò xét, thấy có chừng mấy mươi con lợn trắng đưa miệng ủi đẩy đá đến lấp đó và dùng lưỡi liếm cho chặt như đồng sắt. Chương Cừu Liêm Quỳnh bảo ngưng đục phá, bèn dời tháp đến chỗ ở hiện nay, tức nơi nền cũ chùa Kim Hoa. Và Đại Hồng Chung do ngài đúc cũng dời đến chùa mới.

3. Truyện ngài Trinh Cán ở Gia Hòa, thuộc Quận Ngô, thời Tiền Đường.

Thích Trinh Cán, họ Võ, người ở xứ Vân Trung. Sư làn người có

dáng vẻ cao xa, lấy sự thiền định vắng lặng làm việc chính. Sư chống tích trượng đi về phương Nam dò hỏi linh tích, và khi đến Cố Chướng, ở đó có chùa Côn Sơn, suối rừng xinh đẹp. Đó là nơi vào thời tiền Tống (thuộc Nam Triều). Ngài Chi Đàm Đế từng khảo thất tại đó, thấm mùi vị đạo, sùng hóa hơn hai mươi năm, dấu vết tích còn đó. Đến niên hiệu Nguyên Gia (424 - 454) thời tiền Tống, thuộc Nam Triều, xây dựng thành ngôi chùa lớn. Mãi đến sau này, gặp lúc vua Võ Tông - thời tiền Đường phá hủy Phật giáo, chùa ấy cũng bị phá hủy.

Ngài đến dừng ở đó, cùng Phạm Dương Lô Quân Tập đồng hưng khởi, xây dựng danh tích thứ 2 của Pháp sư Hoằng Giác, khi chùa hoàn thành, tiến sĩ Diêu Phù có làm thơ khen ngợi. Sau, Sư đến xứ, nay là Trường Thủy, thuộc Tú Châu, thấy chùa Linh Quang, dận chúng trong ấp muốn dựng xây điện lớn. Bấy giờ, Lô lịnh dời chữ "Ấp", dân chúng vui mừng gặp nhau, Sư đều biết trước. Có người nói "Sư đắc tha tâm thông, túc mạng minh", bèn thỉnh Sư xướng đầu, nhưng Sư nhàm chán sự ồn náo nơi yển thất (nhà nghỉ), bèn ngự ở sau nền điện, bện tranh làm nhà cạn mà ở. Đàn tín bốn phương chẳng mời mà đến. Sư lại cùng các Sa-môn Linh Cung, Quân Đạo v.v... trải qua nhiều năm mới dựng thành chánh điện như hiện nay. Chánh điện ấy rộng lớn, khắp trong nước thật ít có nơi nào sánh bằng. Sự việc hoàn tất, Sư bèn mang đảy rách và chống tích trượng cũ trở về phương bắc. Không biết về sau, Sư mất ở đâu.

4. Truyện ngài Đạo Tuân trụ núi Chi Hình ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

Thích Đạo Tuân, tự là Tông Đạt, họ Trương, người ở xứ Ngô Hưng, sớm mang tiết tháo đặc thù, xứng danh kẻ sĩ thanh khiết. Vinh hoa chẳng đáng ràng buộc nơi tâm, thanh trần không hề xúc phạm đến tánh Sư.

Năm hai mươi tuổi, Sư đến Thiên Trúc; nơi Luật Sư Nghĩa uy cầu thọ giới cụ túc. Sư phụng thờ Đại Sư Hưng ở chùa Báo Ân là bậc đứng đầu Tông Tỳ-ni truyền giáo. Sau, Dư học pháp môn Nhất Tâm Tam Quán của Thiên Thai. Muốn viết chép "Kinh Pháp Hoa" rộng khắp, dựng lập Đạo tràng, mở mang kinh viện.Ngày thứ nhất phát khởi tâm niệm, ngày thứ hai dựng lập nền móng, làm chẳng vượt quá, tự quyết mà công thành, trụ Phước Địa ở Chi Hình.

Niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), Châu Tướng Vi Nguyên Phủ, Binh Bộ Thượng Thư Lưu Yên, Thị Ngự Sử Vương Viên, Khai Châu

Thứ Sử Lục Hướng, Điện Trung Thị Ngự Sử Lục Tấn, Đại Lý Bình Sự Trương Tượng đua nhau dẫn dụ chân tâm, cùng được thù thắng, mới cùng dâng biểu tấu trình. Vua Đại Tông ban chiếu thư đặc thư làm "Đạo Tràng Pháp Hoa". Từ sông trở về phương Đông tất cả mười bảy ngôi chùa, đều do Sư đứng đầu. Đề cử mười bốn vị Đại Đức có hạnh tinh tấn, thường trì tụng Kinh Pháp Hoa để báo ân quốc chủ. Đúc tôn tượng Phật Lô-Xá-Na, Tỳ-Lô-giá-na và tháp Đa Bảo, tu nghiệp sẽ sanh Tịnh độ, tạo tượng Phật A-di-đà. lại viết chép giáo nghĩa Thiên Thai, ích lợi cho đạo tràng, đặt hai khu vườn thường trú. Bình thường, Sư giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Thiên Thai Chỉ Quán, Tứ phần sao văn, Sư lên pháp đàn độ người, trao tâm, mở mang giới luật, đồ chúng đông đầy cả thạch thất.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Sư đến Đạo Tràng Linh Nham, hành trì Pháp Hoa Tam-muội, bỗng thấy ánh sáng lớn trên đèn soi suốt giữa trời, thân mình chánh niệm nghiễm nhiên trong ánh sáng. Hôm sau, Sư hỏi Đại Sư Trạm Nhiên ở Kinh Khê rằng: "Ánh sáng trí tuệ từ tâm phát ra, chẳng phải từ ý chí tinh tấn phát ra phải chăng?" Lại ở bổn tự, Sư vào Đạo tràng Pháp Hoa, thấy thân mình ngồi giữa hư không. Các bậc tiên chứng biết đó là tướng gội bụi trần. Năm đó, Sư đã bảy mươi mốt tuổi, bốn mươi sáu hạ lạp.

Đến gày 29 tháng 7 niên hiệu Nguyên Hưng thứ nhất (784), Sư thị tịch tại chùa Chi Hình. Các Sa-môn Ích Công, Hàn Công đêm đó đều mộng thấy đại điện sụp đổ, quả nhiên là Sư thị tịch. Môn nhân Linh Hàn, Pháp Thạnh, Đạo Hàn, Du Tử, Linh Nguyên kính mến không thôi, bèn xây tháp cúng dường, tán dương đức hạnh của Sư.

5. Truyện ngài Hàm Quang trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường.

Thích Hàm Quang, không rõ Sư là người xứ nào, từ thuở nhỏ đã giác ngộ trần cảnh huyên náo, tìm nơi vắng vẻ.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713 - 742) thấy Tam Tạng Pháp Sư Bất Không là người rất được trọng vọng, kính quý vào thời bấy giờ, Sư bèn đến nương tựa. Đến lúc Pháp Sư Bất Không trở về Tây Vực, Sư cũng theo hầu, chẳng sợ gian nguy khó khổ, chỉ nghĩ tìm cầu thánh tích. Khi đi, thuyền nổi trôi trên biển, gặp cá lớn nhìn ngó vào thuyền như có ý muốn nuốt ăn, hai lần gặp phải gió độc dữ, kỳ quái vật lạ, thế rồi dần dần yên tĩnh, bỗng chốc đã đến nước Sư Tử. Gặp lúc A-Xà-Lê Tôn Hiền dựng lập đàn tràng Từ Bi Thai Tạng, chấp nhận cho Sư và ngài

Tuệ Biện đồng thọ pháp Ngũ Bộ Quán Đảnh.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 6 (747), Sư trở về lại Kinh Triệu. Khi đó, Pháp Sư Bất Không đang phiên dịch kinh, Sư bèn tham dự cùng luận bàn Hoa Phạm. Sau khi Pháp Sư Bất Không viên tịch, vua Đại Tông kính trọng Sư như được thấy Pháp Sư Bất Không. Ban sắc giao phó cho Sư sang núi Ngũ Đài tu công đức. Bấy giờ, học thuyết Tông Thiên Thai có ngài Trạm Nhiên thấu suốt Thiền Quán, thành đạt được cốt lõi của ngài Trí giả, thường cùng các vị Sa-môn hơn bốn mươi vị ở Giang Hoài vào cảnh giới Thanh Lương. Ngài Trạm Nhiên và Sư gặp nhau, bèn hỏi về việc truyền pháp ở Tây Vực. Sư đáp: "Có Sa-môn của một nước thấu hiểu được Không Tông, hỏi về giáo pháp của Đại Sư Trí Giả, thì có vị Phạm Tăng nói là có nghe giáo pháp ấy, phân định tà chánh, thấu hiểu thiên viên, tỏ biết chỉ quán, công lao được suy tôn là bậc nhất, đôi ba phen dặn dò Sư. Hoặc nhân duyên lại đến nên phiên dịch từ Hoa Văn thành Phạm Văn gởi đến, tôi nguyện thọ trì. Thường luôn nắm tay đinh ninh dặn dò, rõ ràng ở đất Nam Ấn có lắm người thực hành giáo nghĩa Tông Long Thọ, nên có nguyện lưu bố này!"

Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

Liên hệ thử bàn:

Chưa nghe giảng nói Phật giáo ở Trung Hoa mà lại truyền ngược đến Tây Vực, có việc như thế ư? Thông đáp: Xưa kia, thời vua Lương Võ Đế (502 - 550), có Thổ - Cốc - Hồn - Khoa - Lã - Kha - Hãn Sứ đến cầu Phật tượng và kinh luận mười bốn điều. Vua trao cho các bản kinh sớ do vua soạn như Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Quang Minh v.v... gồm một trăm lẻ ba quyển. Vốn vị sứ giả ấy đã thông rành tiếng Hoa, đã thấu đạt âm tự, đến kia sẽ dùng thổ âm ở đó mà phiên dịch từ Hoa Văn thành tiếng của người Hồ, mới giúp mọi người thông hiểu. Ở kia cũng có chư tăng, sẽ lần lượt truyền dịch từ phía tây biển xanh đến các nước phía bắc Thông lãnh. Không bao lâu thì lưu hành khắp cả năm xứ Ấn-độ, không có gì nghi ngờ. Nên Xa Sư có Mao Thi, Luận Ngữ, Hiếu Kinh, lập ra học quan đệ tử để cùng trao dạy, tập đọc đều là tiếng người Hồ. Lại nữa, vào thời tiền Đường, ở Tây Vực, cầu đổi đạo kinh. Triều đình có ban chiếu các tăng sĩ và đạo sĩ phiên dịch Hoa văn thành Phạm văn. Hai Tông giáo tranh Bồ-đề là Đạo, phân vân không thôi, đến nửa chừng thì dừng nghỉ. Giả sử phiên dịch truyền đến kia (Tây Vực), thấy điển tịch sâu mầu uyên ảo của phương này (Trung Hoa), há chẳng tốt đẹp ư?

Lại nữa, Phật Giáo ở Tây Vực là cội gốc, ở Trung Hoa là nhánh

lá. Sự hiểu biết của người đời là biết về nhánh lá mà không biết về gốc rễ, nghĩa là không biết nhánh lá, đất trồng và gốc rễ lớn vậy. Như cây Ni-Câu-Đà. Bởi vì người ở phương Đông thông minh lanh lợi. Vì sao biết? Vì người xứ Tần ưa thích sơ lược, nghiệm ở nói ít mà hiểu nhiều. Còn người ở Tây Vực thì thuần phác, vì sao biết? Vì ở Thiên Trúc ưa thích phiền nhiễu. Chứng nghiệm ở điểm nói lại và sau mới tỏ ngộ. Do đó mà quán xét, thì cái lợi của người Tây Vực là điểm Niệm Tánh, còn cái lợi của người Đông Phương là ở điểm giải tánh. Như Giáo nghĩa "Vô Tướng","Không" phát xuất từ ngài Long Thọ, nhưng ngài Trí Giả diễn giảng đó khiến Tây Vực kính tin, ngưỡng mộ. Lại như Giáo nghĩa "Trung Đạo" được sanh ra từ ngài Di-lặc. Nhưng, do Đại Sư Từ Ân (Huyền Trang) giảng đó, nghi rằng ở Tây Vực ít có người sánh bằng. Cùng biết hai Tông trên đây đều trồng nhành là trên đất của Trí Giả và Từ Ân, vào đất sanh gốc rễ riêng. Người khéo giao tiếp thấy mà chẳng biết, nghe mà có thể mến thích. Lại như Châu Ngọc của Hợp Phố, người dân đất bắc có được bèn kết lại mà trang sức nơi mũ mão, làm bông tai, người xứ Nam Hải thấy mà không biết, nhưng nghe thì có thể mến thích. Như tơ của tằm phụ, nhà người thợ khéo giỏi có được đó mà thêu thùa làm xiêm y, thành áo Phủ áo Phất, các bà già tham cầm, thấy mà chẳng biết, nhưng có thể mến thích.

Tốt đẹp thay! Đại Sư Trí Giả, Đại Sư Từ Ân, bậc thầy của Tây Vực, có thể chẳng tôn sùng kính ngưỡng được ư?.

6. Truyện ngài Tịch Nhiên trụ Thiền Viện Châu Sơn ở Diễm Ốc, thời Tiền Đường.

Thích Tịch Nhiên, họ Bạch, không rõ Sư là người xứ nào. Danh tiết trong sạch kỳ lạ, nối gót Tứ Thánh chủng, nên hiệu là Đầu-đà.

Niên hiệu Thái Hòa thứ 2 (828), Sư chống tích du phương, tìm hỏi thắng cảnh Thiên Thai, đến Châu Sơn thuộc Diệm Ốc ở phía nam ngọn núi Thiên Mụ, đối diện Xích Thành Hoa Đảnh Thiên Thai, phía bắc trông nhìn về Tứ Minh có núi Kim Đình Thạch Cổ, tại ranh giới phía Tây bắc có ngọn núi Chi Độn, có sườn núi Dưỡng Mã, và ngọn núi Phóng Hạc lần lượt tiếp nối nhau. Từ đời Tấn, đời Tống về sau, tại núi đó hang động mở khai. Ban đầu có La-hán Bạch Đạo Du nói từ Tây Vực đến và ở hẳn tại núi ấy. Tiếp theo có các ngài Trúc Pháp Tiềm, Chi Đạo Lâm đến ở đó. Các bậc cao nhân thắng sĩ nối gót mà ẩn cư trong đó. Đến như Đái Quỳ, Vương Hy Chi, Hy Siêu, Tôn Xước, Hứa Tuân đều đến dừng nghỉ ở đó. Thấy ở trong đó, cảnh trí khác lạ, nghe các bậc

danh sĩ phần nhiều đến ở đó, như trở về quê cũ, mến luyến mà chẳng thể bỏ đi. Thế rồi Sư hành đạo, mở mang hưng thạnh, nhóm họp thiền chúng. Chiếc Đông Liêm Sứ Nguyên Tướng Quốc, v.v... nghe thế, ban đầu vì chọn xây dựng, tiếp đến có Lục Trung Thừa Lâm Việt biết thế nên hỗ trợ đến hoàn thành, chỉ ba năm tạo thành Đại Viện, năm năm thì thật sự hưng thạnh. Sư thường vì thiền khách qua lại bàn nói tâm yếu. Sau, Sư thị tịch tại Sơn Viện, lúc đó nhằm niên hiệu Thái Hòa thứ 7 (833).

Bấy giờ, có Bạch Lạc Thiên ở Bảo Ly thuộc Hà Nam ghi lại, Lưu Tân Khách Vũ Tích biên chép.

7. Truyện ngài Phổ Ngạn ở chùa Phước Điền núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

Thích Phổ Ngạn, họ Thái, người ở xứ Hán Đông. Thuở bé, Sư đã thông minh hơn hẳn, cốt xương mắt xinh đẹp kỳ lạ, bẩm tánh vốn chẳng ưa thích mùi vị tanh nồng. Đến lúc lớn lên, có ý xuất trần. Cha của Sư nghiêm nghị dạy răn, trao cho kinh sách Sư dần thông nghĩa lý, cầm bút bày từ, bay bướm như hoa tảo. Nhân đó, Sư vào tăng xá được tạm cầm nắm quyển kinh, bèn than rằng: "Phật pháp huyền vi, chẳng thể vội vàng mà đến được!" Và Sư quyết chí từ giã thân thích.

Bấy giờ, Thiền Sư Hoài Hải đang ở núi Bách Tượng, các hàng xuất gia dẫm gót chen vai đông đúc, bấy giờ, gọi đó là Đại Tòng Lâm. Sư đến khấu đầu nơi cửa, được ngài Hoài Hải nhiếp thọ. Thường ngày theo Sư làm việc nặng nhọc, tối đến một mình cầm đuốc tụng kinh, chẳng hề sợ lao nhọc, bèn được xuống tóc, rồi đăng đàn thọ giới. Sư bèn học tập Thiền-Na, ngồi xoay mặt vào tường quên cả mỏi mệt, quán tâm là việc chính thường xuyên. Như hoa Chiêm-bặc nương gió mà hương tỏa bay xa. Mèo nhỏ gặp thú mà kêu lớn. Học giả đến vây quanh thỉnh Sư đến an tọa đạo tràng viện Thọ Sơn ở An Lục. Vây quanh như thế hơn bốn trăm chúng, cầm khí mà nghe thuyết Cù-Sa, ném thẻ đợi độ của Cúc-đa, lợi ích quần cơ, người đắc đạo rất đông.

Vào niên hiệu Thái Hòa (827 - 836), Sư nói với chúng rằng: "Tôi vân du sông núi chưa khắp đủ, mọi người chớ lưu giữ tôi lại! Xích Thành ở Thiên Thai, nơi Sư Đạo Du từng dừng ở. Thạch Lương ở Hoa Đảnh chỗ xưa kia Đại Sư Trí Giả hàng phục ma. Nay tôi sắp đi đến những nơi ấy". Sư bèn từ Tương Dương quanh co mà đến, Thiên Mụ Từ ở Ốc Châu đến cửa Tây của Thiên Thai, gặp được ngọn núi trong Bình Xuyên Cốc tên là "Đại Xá", hiệu là "Bình Điền". Sư nhìn xem bốn phía núi đó

tốt tươi, đông tây hai phía của núi đều có cửa đá, và có ba giếng Long Đàm, ở phía đông đi vào cầu đá có chùa Thánh, đó là nơi Tôn Giả Lục Thân Đạo Du cất am mà ở. Sau đó không lâu, thấy con hổ đang cho con bú trừng mắt nhìn Sư, Sư cầm tích trượng đè vào đầu nó mà bảo rằng: "Bần đạo nghe tại núi này là hang động nhà cửa của thần tiên, có các vị La-hán ẩn cư. Nay muốn dừng nghỉ tại đây để an tĩnh ngồi thiền, Đàn Việt chớ làm kinh nhiễu!" Qua đêm thì hổ dẫn con mà đi.

Ngày 27 tháng 10 năm Quý Sửu (883), Sư xây dựng trượng thất, dẫn theo một đứa trẻ để hầu cấp củi nước. Sang mùa xuân năm sau, thiền lữ tìm đến đông đúc, góp sức tạo thành viện ấy, đề hiệu là "Bình Điền". Đến niên hiệu Khai Thành (836 - 841), trở thành đạo tràng lớn. Đến tháng 7 niên hiệu Hội Xương thứ 3 (843), Sư giã từ tăng chúng mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Ngài có đệ tử là ngài Toàn Lượng, vốn họ Trần, khi tỏ ngộ được đạo của thầy như được chim Phụng mọc lông, và một vị nữa tên là Duy Ước thị tịch tại Thượng Nguyên, nhục thân không rã hoại, Sư bèn xây tháp tại núi đó.

Trước tại chùa nầy có điện thờ năm trăm vị A-la-hán. Vĩnh Gia Toàn Ức Trưởng Sử, vẽ năm trăm hình tượng, mỗi lúc nghinh thỉnh thì đến nơi Thạch Kiều, ban đêm đốt hương, có đủ phướn lọng, loa bạt, dẫn đường vào điện, hương gió đưa đi, thế của cờ phướn ở trước vào cửa liền dừng. Chúa Thánh Thạch Lương ở trong Thạch Kiều, mỗi lúc chúc tụng, xướng khởi thì mùi hương mới bay, phía trước có chim mầu vàng ròng bay liệng sau rừng cây. Bên bờ đá, thấy có Phạm tăng hoặc đi hoặc ngồi, hoặc tướng trạng như vẫy tay, hoặc hình dạng như nằm giữa hư không, chỉ trong nháy mắt có ngàn muôn biến hóa. Hán Nam Quốc Vương họ Tiền hằng năm bố thí cúng dường, có nhiều điềm lành. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978), vua Thái Tổ thời Bắc Tống đến điện Tư Phước hỏi Lưỡng Chiết Đô Tăng Chính Tán Ninh rằng: "Thạch kiều ấy dài rộng bao nhiêu?" Ngài Tán Ninh mỗi điều như thật mà tấu trình. Nhà vua khen ngợi hồi lâu. Đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 8 (983), nhân có Đạo giả ở chùa Phước Điền tự dò hỏi, phát nguyện chặt đứt cổ tay mà thiêu đốt, xin xây dựng lại chùa đó. Vua Thái Tổ bèn tuyên bảo cho Nội điện Đầu Cao Phẩm Vệ Thiệu Khâm Trương Thừa Quý thay đổi quy chế cũ, như hóa ra thiên cung. Nay ảnh đường phụng thờ Sư ở phía hữu của chùa.

8. Truyện ngài Duy Tắc trụ chùa Phụng Từ ở Kinh đô thời Tiền

Đường:

Thích Duy Tắc, Sư có chí cao vượt tục, thần gá ngoài vật. Hễ Sư làm việc lành, đề xướng thì mọi người liền theo. Sư thường nói: "Tượng là duyên mạnh mẽ để sanh thiện, không được không lập nhiều. Ban đầu quán chiếu đó thì như đối trước nghiêm quân, tiếp đến thì tâm chẳng loạn, ở giữa thì quán môn tự thành và sau cùng thì Như Như, thênh thang, Tam-muội làm sao chẳng hiện tiền ư? Vì vậy chúng ta khuyến hóa mê tục đâu được chẳng lấy đây làm trước ư?" Từ đó hoặc chạm trổ, hoặc đắp họa hình tượng rất nhiều, thường việc tấn tu, khắp trong thiên ấp đều khơi động khuyên gắng. Vào niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821), gặp lúc vua Hiến Tông vì Thái Hoàng Thái Hậu mà thiết trai cúng dường cả nước, Công Chúa Đại Trưởng truy phước xây cất lập Tinh Xá Phụng Từ, tìm chọn các bậc danh đức, nên Sư được chọn vào ở. Không bao lâu, nghe ở núi Mậu thuộc Tứ Minh có tháp của A-dục, vào thời Đông Tấn có Lưu-Tát-Ha Cầu hiện, Sư bèn đến chuyên lễ. Sư phát tâm nghiền bảy báu thành mạt vụn và dùng keo trộn đắp khuôn thành thủ tả, mở ra rất giống, bèn từ Dũng Đông đích thân mang về cúng dường chùa Phụng Từ. Mọi người khắp Kinh Ấp đều chiêm ngưỡng, quy tín.

9. Truyện ngài Minh Chuẩn trụ chùa Thiền Định ở Trường An, thời Tiền Đường:

Thích Minh Chuẩn, không rõ Sư họ gì, sinh ở đâu. Sư vốn xuất gia tại Đạo tràng Linh Khư ở Thiên Thai, Sư du phương đến Kinh Ấp, thấy thần tăng Trí Uyển xưa kia đến Uyển Dương Bắc Sơn khắc đá viết kinh, rót sắt để đợi đức Từ Thị Di-lặc hạ sanh, khỏi lo về nước lửa. Lại tại chùa Trường Thọ ở Đông Lạc Sư chép Kinh Hoa Nghiêm, ở chùa Thánh Thiện chép Kinh Pháp Hoa, tại Chùa Nhạc ở Tung Sơn chép Kinh Lăng-già, đều khắc trên đá mân cứng tốt, đồ họa chẳng hư mục.

Tháng Giêng năm Mậu Dần (798) thuộc niên hiệu Trinh Nguyên, Sư thấy chư tăng trong chùa đục núi lấy đá, đá đều cứng chắc, nên biết người thợ chẳng kiền thành, núi Linh bí hiểm. Khi đó, Sư bèn khải cáo âm linh cầu thỉnh hộ giúp việc lành. Bỗng chốc trong định thấy có mấy bức trữ vô lượng đá, trong khoảng mờ tối như có tể cắt, đều có khắc chữ ở trong. Khi đó, liền suất dẫn Bác Lục Thôi Công khơi khuyến Mộ Phủ cùng giúp, mỗi người viết một phẩm. Từ phẩm Tựa đến phần Khuyết phát tất cả hai mươi tám phẩm. Viên lang trội lập, chẳng mong mà hoàn tất. Sư hóa độ người phần nhiều đồng loại như thế. Lúc đó nhằm khoảng tháng 8 niên hiệu Nguyên Hòa thứ nhất (806). Không rõ về sau Sư tịch

ở đâu.

10. Truyện ngài U Huyền trụ chùa Bảo Lịch ở Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích U Huyền, họ Lưu, người ở U Châu, sớm ôm hoài ý nguyện xuất tục. Đến năm hai mươi tuổi mới toại tâm nguyện trước. Sư đến nương tựa Thiền Sư Hiền mà tỏ ngộ huyền khế.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 2 (807), Sư chống tích đến Giang Tả, tới chùa Đại Vân ở Cối Kê, thấy có ba học tăng thay nhau khất thực, duyên giúp đều thiếu, Sư mở lời, đàn việt hưởng ứng cúng dường chiêm ngưỡng. Sau đó không lâu, Sư dời đến trụ chùa Cổ Diệu Hỷ ở Quy Sơn thuộc Hô Tâm. Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (814), gặp lúc Bình Xương Mạnh Giản trấn tại đất Việt, xuống tìm Sư hỏi Đạo, bèn xây dựng thành Đại Điện. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (817), Sư lại lên Nam Nhạc, trụ ở trên đỉnh núi. Qua năm sau (818), Dự Chương Thái Thú Thương Hựu dốc lòng kính trọng đạo phong của Sư nên thỉnh Sư tới ở tại chùa Đông Minh, tức ngoi chùa do vua An Đế (397 - 419) thời Đông Tấn xây dựng. Tăng chúng thường trụ đông đúc. Đến niên hiệu Bảo Lịch (825 - 827) Thương Hựu lại tấu trình xin đổi hiệu chùa là "Thế Phước", kiêm thiết lập giới đàn, rồi lại tiếp tục đổi hiệu chùa là "Độ Tăng". Hình tượng trong thời gian đó đều do Sư hóa đạo.

Đến niên hiệu Thái Hòa thứ nhất (827), Thẩm Phó Trung Thừa lại thêm kính tin, Sư xây dựng lầu Phật năm tầng ở phía Nam Viện. Đến lúc công việc hoàn thành, Sư bảo với đệ tử rằng: "Việc phước vô tận, bến bờ sự sống có hạn, vật tuy có thiếu sót, nhưng người sau sẽ làm đầy đủ. Sau khi tôi tịch hãy đem Nhục thân sơn phết quấn bố an táng phía dưới lầu!" Nói xong, Sư bèn thị tịch, môn nhân xây dựng tháp bên cạnh.

11. Truyện ngài Trí Quân ở núi Ngũ Đài thời Tiền Đường:

Thích Trí Quân, người xứ Trung Sơn. Từ thuở nhỏ, giã từ thân thích, Sư đến viện Thiện Trụ ở núi Ngũ Đài đảnh lễ Ngài Hiền Lâm thờ làm thầy. Sư trì tụng Kinh Pháp xứng hợp tư cách được độ. Thần tình Sư thông sáng, khí điệu cao vợi. Đối với của cải thế gian Sư luôn ít muốn biết đủ, chỉ ăn cơm gạo dở để no bụng, chỉ mặc áo vải thô để ngăn che rét lạnh. Có tấc vải dư nào Sư đều cấp thí cho những người bịnh khổ. Sư du phương tham ngoạn, đến dự các trường giảng tịch, truyền hai bộ Kinh Pháp Hoa và Duy-ma, cùng nguồn hết lý.

Sau, Sư chống tích đến Cao Phong dứt tâm quét bỏ. Vào niên hiệu

Nguyên Hòa (806 - 821), chúng tôn Sư làm Ngũ Đài Sơn Đô Kiểm hiệu Thủ Tăng Trưởng. Khi đó Sư cố khước từ nhưng không được, bèn lên làm chức ấy. Sau, gặp năm đói kém, chùa chiền tiêu điều. Có chùa Hoa Nghiêm là chỗ ở của Đại thánh Lâu Chân. Mọi người qua lại rất đông, mà cúng thí sơ sài, viện đường rất nhiều chẳng thể tính kể. Chúng thỉnh Sư làm "Hoa Nghiêm Tự Đô cúng dường chủ". Bấy giờ, có các ngài Pháp Chiếu, Vô Trước, Trừng Quán ra đời, thấy Sư định soạn "Hoa Nghiêm Kinh Sớ". Tăng chúng nhóm họp đông đảo, bèn thỉnh Sư làm giảng chủ. Thường ngày cúng dường cả ngàn vị tăng, có hơn mười năm thọ dụng mà chưa từng nghe nói thiếu, đều bảo là có gạo bột của kho tàng vô tận, càng lâu năm càng thấy sung túc. Có Sa-môn Nghĩa Viên ở gần viện, cũng là bậc Thạc Đức ở đương thời, cho rằng từ lâu Sư trông coi của thường trụ, nên có lời phỉ báng rằng: "tâm Sư không bình đẳng là kẻ san tham". Đêm đó, có vị thần báo với ngài Nghĩa Viên rằng: "Tăng Trưởng (tức Trí Quân)là một trong số ngàn Đức Phật, ông có lời nói xem thường, nếu không sám hối tội lỗi, sẽ bị đọa vào đường ác". Đến sáng sớm, ngài Nghĩa Viên bèn tới đảnh lễ sát chân Sư bày tỏ sám hối. Sư có ứng nghiệm đến như thế.

Lại, gặp lúc vua Võ Tông thanh trừng đào thải, Sư bèn trốn ẩn trong hang núi, chẳng phải xả bỏ hóa cảnh của Văn-thù. Sau đó, chưa đầy một năm, vua Tuyên Tông lên ngôi (847), ban sắc các chùa ở núi Ngũ Đài độ tăng năm mươi vị, cúng dường y pháp. Sơn môn lại suy tôn Sư làm "Tăng Trưởng" của mười chùa, kiêm chức "Sơn môn đô tu tạo cúng dường chủ". Đến niên hiệu Đại Trung thứ 7 (853), Sư cùng Hoàn Hải đi khắp Ngũ Đài, chúng tăng lập đàn tràng Vô Già Tinh Diệu cúng dường. Suốt một tháng trời, Sư mới nói với đại chúng rằng: "Tôi muốn tạm ngừng nghỉ mảnh hình hài nhỏ bé, dứt tâm, giấu vết. Việc giúp đỡ chúng tăng, tôi không thể làm. Xin giao phó cho các bậc tài giỏi anh minh sau này tiếp nối dấu vết của tôi!". Sư bèn vào trong tịnh thất đoan tọa mà thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi, năm mươi tám hạ lạp.

Liên hệ thử bàn:

Nhậm chức trong chúng tăng, như giềng mối của mành lưới, như rường cột của ngôi nhà. bắt đầu từ thời Diêu Tần lập là "Chánh Ngụy Thế Suy Đô". Thời Bắc Tề gọi là "Thập Thống Phân Viên", đến thời Tiền Đường thì gọi là "Tăng lục mạng chức". Khác thay những điều thường nghe. Núi Ngũ Đài từ niên hiệu Trinh Nguyên (785 - 805) (theo văn truyện tức trong niên hiệu Nguyên Hòa (806 - 821) chứ không phải Trinh Nguyên). Ngài Trí Quân bắt đầu được phong là "Tăng Trưởng".

Cũng như cá muối, nghêu hến cầu mong giữ gìn.

12. Truyện ngài Văn Chất trụ núi Lã Hậu ở Cối Kê, thời Tiền Đường.

Thích Văn Chất, họ Chúc, là cháu xa của Thượng Khâu. Sư là người xứ Tu Giang, thuộc Cù Châu, có người chú trong họ làm Sa-môn hiệu là Duy Khoan. Ngài Duy Khoan học thông nhiều bổn kinh luận, có được chiếu ban trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Trường An, lại có chiếu mời vào Nội Đạo Tràng, kiêm thỉnh truyền thọ giới Bồ-tát. Sư theo ngài Duy Khoan vào Nội. Năm mười lăm tuổi, Sư trì tụng các bộ kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy-ma v.v... Năm hai mươi ba tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Chỉ bay3 ngày, Sư tụng suốt giới bổn. Sau hai mùa hạ, ngài giảng Luật Tứ Phần. Năm hai mươi bảy tuổi, ngài giảng thông Luận Câu-Xá. Trong vòng bốn mươi năm, ngài tinh hiểu các bộ kinh luận lớn.

Sau, Sư đến chỗ hai Thiền Sư Đại Bi và Vũ Tích tham hỏi tâm yếu. Khi đã thấu đạt, Sư trở về chùa Pháp Lạc ở Gia Kỵ dẫn dắt đồ chúng. Bấy giờ có con Hổ đến nghe pháp, Sư đưa tay xoa đầu, nó bèn bỏ đi. Sau, Sư đến Vĩnh Gia, gặp lúc suy tra, bắt bớ vào pháp nạn Hội Xương, Sư bèn ẩn cư tại Thai Tức trong núi Đại Phù Dung ở huyện Lạc Thành, mà thôi. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860), trùng hưng Phật pháp, Thái Thú Vi Quân nhiều lần thỉnh mà Sư không đến, bèn cưỡng ép đặt Sư ngồi trên giường khiêng đến ở chùa Khai Nguyên. Đàn Việt đua nhau kéo đến, vội xây dựng Phật điện lớn và phòng nhà, mái hiên, hình tượng, đồng thời viết chép Tạng giáo, thảy đều hoàn bị. Việt Châu Liêm Sứ Thẩm Nhị Khanh thỉnh Sư đến ở viện tại núi Lã hậu. Đó vốn là chỗ hoằng hóa xưa kia của Thiền Sư Ninh Bí. Sư đến chỉ dừng nghỉ nơi thảo am.

Ngày 14 tháng 10 niên hiệu Hàm Thông thứ 2 (861), Sư giã biệt đồ chúng, qua hôm sau (ngày 15), Sư đoan tọa mà thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi hai hạ lạp, xây tháp an táng tại Vân Cốc. Thứ Sử Việt Châu là Đoàn Thức soạn hành lục của Sư.

13. Truyện ngài Tông Lượng trụ chùa Quốc Ninh ở Minh Châu, thời Tiền Đường.

Thích Tông Lượng, họ Phùng, người ở xứ Phụng Hóa. Nhà ở bên cạnh Nguyệt Sơn, nên sau gọi là Nguyệt Tăng.

Sư xuất gia thọ pháp vào niên hiệu Khai Thành (836 - 841) chuyên thực hành Tỳ-ni, vâng theo bốn oai Nghi, không có hành vi thiếu sót.

Sư bảo rằng: "Ta sanh không phải thời!" gặp lúc pháp nạn Hội Xương, Sư bèn ẩn trong hang sâu ở núi nhà. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860), xây dựng lại chùa Quốc Ninh, chọn các vị tăng thanh cao, Sư dự làm chức trụ trì. Thái Thú Kiến Châu là Lý Tần làm bia chùa viết rằng: "Với những bậc tâm thanh cao, hạnh chẳng ô nhiễm có hai mươi tám vị. Lấy đủ số đó nhưng rộng trụ trì thì chỉ có Luật Sư Tông Lượng và Thiền Sư Toàn Hựu mà thôi". Tạng kinh được biên chép của chùa Quốc Ninh, do chính Sư đi tìm bản chánh, chọn lựa giấy mực, nhóm chúng cúng thí. Xây dựng Tam Môn Tạng Viện, các công đức mái hiên đều do công sức của Sư. Đến tuổi về già, Sư chuyên tu thiền tịnh, chẳng ra khỏi cửa chùa. Xử Sĩ Phương Can có tặng Sư bài thơ rằng:

"*Nước thu trong trẻo thường thấy đáy*
Khe thông ngàn thước chẳng mọc cành
Không môn học Phật biết ít nhiều
Chỉ mình sư cắt đứt hoa tâm!"

Sau, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi tuổi.

Sư thường cùng Sa-môn Quý Sương, Thế Ngộ, Bất Ngâm, v.v... mấy mươi vị, đều nắm giữ thanh kỳ, thay nhau làm văn hội, kết bạn dưới rừng, soạn bia chùa Nhạc Lâm. Thi tập có đến ba trăm bài tán tụng, đều lưu hành ở đời. Đối với hai thứ ruộng Phước Điền và Kính Điền, tâm càng bén nhạy mà sâu đậm. Sư được Sanh La Ẩn ở Giang Đông kính mến, An Lạc Tôn Cáp rất kính trọng. Soạn "Tứ minh quận tài danh chí", theo thứ tự các Nho sĩ tài tuấn ra, riêng đề Thích Tông Lượng, làm cho nhiều bậc văn sĩ tiên đạt ngưỡng mộ.

14. Truyện ngài Đàm Hưu trụ chùa Khai Nguyên ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

Thích Đàm Hưu tự Đức Phu, họ Lý, Khí độ rộng rãi, chí hạnh tinh tu. Sau khi thọ giới, Sư không hề buông lung, thiếu sót chút ít. Sư học thông Tiệm giáo, thấu đạt tinh vi, tứ phần luật tướng bộ sớ tông phát triển thành phủ sâu. Các hàng sơ cơ cầu học đều đạt đến rất sâu.

Ngoài việc giảng dạy. Sư còn gánh vác việc chùa Liệu Thằng. Chùa ấy được xây dựng vào thời Nam Lương (502 - 557) đã qua bốn trăm năm, chỉ còn quán các trơ trọi, rui mè kèo cột lại đổ nát. Sư bèn thay cũ làm mới, sửa sang xây dựng không lúc nhàn rỗi, đặc biệt càng thêm rực rỡ. Lại nữa, lầu kinh Hộ Quốc, lên đến trên nóc mái đều thấy đỉnh tân. Kế nữa, cửa lầu của chùa, từ niên hiệu Trường An thứ 4 (704) do cố Luật Sư Đàm Nhất là người đầu tiên xây dựng, rồi bị hoang phế

và vẫn được sửa sang lại, giống như mới xây. Sư lại buồn vì Đường tòa phụng thờ ứng thân Pháp Sư Khương Tăng Hội xây dựng vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) quá thấp xấu, Sư bèn khuyến mộ mọi người sửa sang thay đổi khuôn pháp cũ, lúc đó nhằm niên hiệu Hàm Thông (860 - 847). Mỗi lời Sư nói, Đàn Việt thảy đều hưởng ứng.

Sau, Sư thị tịch tại chùa Sư ở, nay là chùa Đại Thiện.

15. Truyện ngài Trí Quảng trụ chùa Khai Nguyên ở Nhã Châu, thời Tiền Đường.

Thích Trí Quảng, họ Thôi, không rõ Sư là người xứ nào. Bình đức hạnh vốn nguyên vẹn, gốc hóa đạo bền chắc. Sư hành hóa rộng lớn, đặc biệt hiển hiện nhiều kỳ tích. Hễ trăm thứ bệnh tìm đến Sư, thì Sư chỉ dùng mảnh tre làm que chỉ vào chỗ đau, hoặc đánh vào đó, không bệnh gì chẳng lành ngay. Còn như bị bệnh bại liệt thì ngồi dậy, kẻ què quặt thì đi được. Ngoài ra, những bệnh nhỏ nhặt không có gì đáng nói.

Khoảng đầu niên hiệu Càn Ninh (894), họ Vương mới định chế thành đô, Nhã Quận Thủ La (mất tên) bãi nhiệm, dẫn Sư đến yết kiến Thục chúa. Họ Vương vốn biết thuật kỳ đặc của Sư, nên chỉ gọi là “Thánh Sư”. Trước đây, vào niên hiệu Hàm Thông (860 - 874), vua Nam Man và Thản Xước lại vây hãm phủ thành đô. Bấy giờ, Thiên Vương hiện hình Sa-môn cao năm trượng, trong mắt bắn ra ánh sáng, binh lính Nam Man liền rút lui, nên dân chúng đất Thục dựng lập hình tượng vị tăng cao năm trượng trụ chùa Bảo Lịch ở phía Bắc Thành. Sau, bị Ngưu thượng thư dự định phá hủy, kế là binh lửa cùng dấy khởi. Chỉ sợ tượng Tỳ-sa-môn bị phá hủy. Họ Vương bèn nói với Sư rằng: “Dị thuật đạo đức của Sư động tới lòng người, nương đó có thể sửa sang thiên vương được chăng? Ngày trước, Ngô thượng thư đến đất Lỗ, từng mộng lấy bảo phải sửa lại tượng ta mới lo việc kinh dinh. Trừ thư gấp đến, xin pháp lực thành tựu “. Sư theo đó, dời đến dưới Lầu Thiên Vương, ở nghỉ bằng chiếc giường nhỏ đặt trong góc mà thôi. Hôm sau, người bệnh đến đầy nghẹt cửa, mỗi ngày thâu nhận sự cúng thí tứ hai mươi vạn đồng tiền đến ba mươi muôn đồng tiền. Sư lại mở lời khuyên người đem cúng cây gỗ, chỉ trong tuần lễ, đã vận chuyển đến chất thành đống, Sư bảo Tam Cương trông coi.

Ban đầu, Sư ở tại bổn tự trong Quận Nhã, tại nhà thờ thần Yết-Đế, Sư ở chỉ nửa căn nhà, cửa thấp làm bằng tranh cỏ, không cho người nữ đến cửa, chỉ có một ống trúc không, mỗi lúc đến giờ thọ trai, Sư đem hai mươi văn bỏ đầy vào ống rỗng, đặt trên điện Phật, đánh chuông nhóm

họp chúng, tự tha đều bình đẳng phân chia. Thường ngày Tín thí cầu thỉnh cúng trai cũng thể theo ý Sư. Chỉ thí hai mươi văn, cơm tịnh, rau cổ châm, ngoài ra không vật khác, cúng nhiều chẳng lấy. Thọ trai xong thì đi, cũng không có lời cáo từ. Về sau, Sư cũng có thêm nhiều vật thần nghiệm, như gặp người bệnh, thì Sư chỉ đánh hoặc quát mắng liền lành, hoặc bảo đốt giấy mân hòa tan trong thức ăn uống. Hoặc bị bệnh quá thống não, thì vắt giấy thấm nước điểm vào cũng lành.

Niên hiệu Quang Hóa thứ nhất (898), Sư sửa chữa lầu Thiên Vương. Đến lúc hoàn tất, Sư bèn men theo sông ngòi ao, chú nguyện thức ăn cho cá. Qua đêm đó, cá lớn chừng hai thước trở lên, có đến muôn ức con đều chết nổi trên mặt nước, Sư liền nhẹ bước theo dòng nước cứu mười ngàn con cá sanh lên tầng trời là đao-lợi, là đồng.

16. Truyện ngài Pháp Tạng trụ chùa Bảo Đài ở Phu Châu, thời Tiền Đường.

Thích Pháp Tạng, không rõ Sư họ gì. Bẩm tánh ngay thẳng, thích ban ân cho mọi vật. Sư từng đến Vi Xuyên, khuyên người xây chùa, điện Phật, tăng phòng, mỗi mỗi đều trang nghiêm rực rỡ. Điêu khắc hoa Vi, Phu Trù mời Sư làm Trang Quán. Bỗng nhiên Sư mắc bệnh hiểm nghèo mà chết giấc. Thấy đến một tinh xá bằng bảy báu trang nghiêm, ở thế gian chẳng có. Phía ngoài cửa có vị Phạm Tăng, dáng mạo kỳ lạ, gọi Sư bảo rằng: "Pháp Tạng, ông xây dựng già lam, đều có quả báo tốt. Tại sao đối với vật của Tam Bảo mà ông có lỗi sử dụng lầm lộn? Như vậy, làm sao tẩy rửa cho sạch?" Ngài cúi đầu tỏ bày. Vị Phạm Tăng ấy bảo: "Ông chỉ nên viết chép kinh Kim Cương Bát-nhã và thường thọ trì, chẳng những tiêu tội, mà còn kéo dài thọ mạng nữa!" Vị Phạm Tăng nói xong, Sư sống lại. Từ đó, tự thân sao chép kinh ấy, nửa đêm tụng trì. Đến lúc Sư thị tịch là một trăm mốt tuổi.

Mọi người ở Điêu Âm đến nay vẫn kính tin sùng trọng Sư.

17. Truyện ngài Hải Vân ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường.

Thích Hải Vân, không biết Sư họ gì quê quán ở đâu. Sư đi đến các Thánh tích, ban đầu tới bên cạnh Nam Đài, chọn lấy ngọn núi cao vót quanh co vắng vẻ hang hóc mà đặt biệt ở đó. Sư khắc khổ vui với đạo, chịu khó làm điều khó làm. Người đi theo Sư rất ít, mà Sư cũng không có chúng đông. Đến lúc Sư thị tịch, môn nhân là Thủ Tiết nhặt lấy xá-lợi xây tháp thờ.

Xưa kia, tương truyền Sư là ứng thân của của Bồ-tát Phổ Hiền,

môn nhân Thủ Tiết tức là con của Cao Lực Sĩ. Theo thầy mặc kiệm, có tiến không lùi. Ngài Hải Vân chỉ bày dạy răn rằng: "Ở Thượng Đô có Thiền Sư Ngọa Luân tuy nói là ẩn tích, nhưng thật là mở mang ấn trì của Lục Tổ, một thời khó lường biết. Phương pháp hóa đạo giống như bảy người con cửa Thi Cưu đều nuôi dưỡng. Ông hãy mau đến nương tựa vị ấy!" Đến lúc ngài Thủ Tiết đến diện kiến chưa bao lâu, ngài Ngọa Luân bảo rằng: "Thầy ông là Hải Vân đã thị tịch rồi!" Ngài Thủ Tiết nghe lời đó rất buồn khổ, bèn vội trở về thì đúng như lời ngài Ngọa Luân nói, bèn nối gót hành hóa cùng cày, lúc Sư sắp thị tịch, mây rầu uất kết, quỷ thần buồn khóc, có tháp thờ hiện nay vẫn còn.

Liên hệ thử bàn.

Ngài Hải vân là ứng thân của Bồ-tát Phổ Hiền, phải vậy chăng? Thông đáp: "Bồ-tát mở mang hóa độ chúng sanh chẳng câu thúc nơi bịnh tướng. Như người đáng dùng thân hình Tỳ-kheo để độ thoát liền hiện thân Tỳ-kheo nói pháp cho nghe" - Hỏi: Nếu vậy thì loạn với cảnh giới của Bồ-tát Văn-thù khiến chủ bạn chẳng phân rành ư? Thông đáp: Nếu như đã hỏi tức là sự phân biệt của phàm phu. Các bậc thánh đâu có ngã sở mà cầu ư!

18. Truyện ngài Pháp Hưng trụ chùa Phật Quang ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường.

Thích Pháp Hưng, là người ở kinh đô Lạc Dương. Bảy tuổi xuất gia, chẳng dự việc đời. Cầm khăn bưng chậu không sợ khổ nhọc. Sư trì tụng Kinh Pháp Hoa, một năm tròn pho bộ, lại tụng Kinh Tịnh Danh chẳng quá chín tuần (3 tháng). Giới luật oai nghi hành trì không phạm. Lại tìm cầu Thánh tích dừng ở chốn suối rừng, ghi danh thuộc chùa Phật Quang. Tiết tháo Sư đơn lẻ cao vợi, thấm đượm lợi vật, thân không chủ trì, giao phó cho môn nhân, tức tu công đức xây dựng lầu Di-lặc lớn ba tầng bảy gian, cao năm thước, tôn tượng bảy mươi hai vị Thánh Hiền, có tám Đại Long Vương theo tô điểm rất trang nghiêm. Chúng tăng ở núi Ngũ Đài khác miệng đồng lời thỉnh Sư nhậm chức "Sơn Môn Đô", bởi theo thống nhiếp phải có khuôn phép chuẩn mực, hòa xướng không tranh cãi.

Tháng Giêng niên hiệu Thái Hòa thứ 2 (828), nghe giữa hư không- có tiếng bảo rằng: "Giờ nhập diệt đã đến. Nay thiên chúng ở cung trời Đâu-suất đến đón rước". Khi đó, Ngài tắm gội thân mình, đốt hương, ngồi thẳng mà thị tịch, xây tháp thờ cách chùa một dặm về phía Tây Bắc.

19. Truyện ngài Hạnh Nghiêm ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường:

Thích Hạnh Ngiêm, là người xứ Vinh Dương, gia đình nhiều đời làm nghề dệt tơ, Sư nối nghiệp kinh sách, Sư bẩm thọ đình cáo để chu toàn, khi nào thành pháp khí có thể dùng cứu giúp. Trong muốn tùy kế, không bao lâu phát khởi túc duyên. Nhân nghe phẩm Kinh "Diệu Trang Nghiêm Vương", bèn thưa với cha mẹ xin thoát trần lao. Gia đình ngăn cấm, nhưng Sư không lùi chí, thế rồi cắt bỏ trang sức xa hoa. Đến năm đủ tuổi, Sư thọ giới, hỏi đạo các nơi, có thừa khả năng. Nghe ở núi Ngũ Đài, Ngài Văn-thù ứng hiện, phàm Thánh lẫn lộn dấu vết, Sư bèn tìm đến ghi danh ở xứ đó. Từ đó, Sư chỉ trích học, Tam giáo đều thông, đàm luận giữa trời người mà người nghe mịt mờ chẳng biết là trong ngoài khu vực! Các hàng vương công đại nhân không ai chẳng hồi hướng.

Vào niên hiệu Thái Hòa (827 - 836), Sư thường thực hành và khuyên người tạo phước, tự thiết trai cúng dường lớn, mỗi ngày có đến ngàn vị. Những người thấy nghe đều khen ngợi rằng: "Hạnh hợp với giải thông, báu lạ ít có trên đời. Pháp trợ đạo phải tu như thế!" Niên hiệu Thái Hòa thứ 3 (829), Sư nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch. Xây tháp thờ cách chùa một dặm về phía Tây.

20. Truyện ngài Nguyện Thành trụ chùa Phật Quang ở núi Ngũ Đài thời Tiền Đường:

Thích Nguyện Thành, họ Tống, vọng gốc Tây Hà, gia đình nhiều đời có gia phong trong sạch, khơi nguồn xa dòng chẳng nổi dậy, con cháu tiếp nối ông cha chẳng ghi chép. Mẹ của Sư họ Âm, ban đêm Bà mộng thấy cây rước sân nở hơn ngàn hoa, hoa lần lượt rơi rụng, chỉ kết một quả. Tỉnh giấc bèn mang thai Sư. Mẹ Sư phát tâm nguyện được mang thai một đứa con trai là đủ. Sau mười tháng, đến ngày sanh quả đúng như ước mong, bèn đạt tên Sư là Nguyện Thành. Sau, chỉ muốn giữ tên đời, chẳng thích Pháp danh, vâng theo ý của từ mẫu. Sư từ nhỏ đã kính mến Không môn. Tuy làm quan học nhưng sanh ra đã có chí dứt trần. Tới lúc nương tựa nơi đất vàng, đảnh lễ Đại Sư Hạnh Nghiêm mà tôn xưng làm thầy. Ngài Hạnh Nghiêm là ngọc khuê, ngọc chương của Nho tông; Là sư tử trong họ Thích. Một ngày nọ bảo Sư rằng: "Ông, thần tình trong sáng đẹp đẽ, nên ở trong núi tinh cần tiết chế, há chẳng thể làm được ư?"

Vào niên hiệu Thái Hòa thứ 3 (829), Sư xuống tóc. Hai năm sau (831), Sư thọ giới cụ túc. Trước tiên, Sư trì tụng các bộ kinh thảy đều tinh luyện, khiến các hành nhân ghé tai nghe đạo ngày một đông nhiều.

Bỗng nhiên gặp phải pháp nạn ở niên hiệu Hội Xương (841 - 847) thảy đều dừng bỏ, chỉ mình Sư giữ chí không lay động. Đến niên hiệu Đại Trung (847 - 860) Phật giáo được sùng hưng, chọn lựa tăng chúng, riêng Sư đứng đầu. Sư bèn tìm lại chùa Phật Quang, đã bị hoang phế, Sư phát tâm lần lượt xây dựng mới lại. Tiếng tốt lan tràn tới tai vua. Chóng ban thánh chỉ ban tặng pháp y sắc tía. Nhà Hậu Lý từ lâu đã có tinh môn, từ xa kính phụng đức Văn-thù, đích thân đi đến thánh địa, trông thấy lịnh phạm, vỗ tay vui mừng, dâng biểu lên vua nhà Đường, kế đó bèn tặng Sư hiệu là "Viên Tướng" lại sung thêm chức "Sơn Môn Đô Kiểm hiệu"

Niên hiệu Quang Khải thứ 3 (887), Sư sắm sanh các thức ăn ngon, bảo tăng xả y bố thí. Đến lúc tiếng chuông dẫn chúng đều đến Trai Đường, thì Sư nằm nghiêng bên hông phải, gối đầu lên tay, lặng lẽ thị tịch. Xây tháp dựng bia cách chùa một dặm về phía Tây bắc.

21. Truyện ngài Thành Tuệ trụ chùa Thiên Tử ở núi Ngũ Đài, thời Tiền Đường.

Thích Thành Tuệ, ngài là Tông minh tổ phái của ngài Nguyên Lễ, người trong ấp cũ ở Linh Khâu, thuộc Uất Châu. Cha mẹ Sư có đức tin sâu, chú ý đến sự trong mát. Nhân chiêm lễ tôn dung đức Đại Thánh Bà mới cầu con làm hưng thịnh đất nước, thế rồi bà mang thai, bèn sanh hiền tử. Vừa đến tuổi búi tóc mà khí mạo tài năng như trời nương tựa, tự đến núi Ngũ Đài, mãi mãi làm con Phật. Bấy giờ, Thích Pháp Thuận ở điện Chân Dung thấy Sư tỏ vẻ tuấn triết, bèn dùng giáo pháp "Khổ" "Không" chỉ dạy, khuyên Sư xả bỏ thế tục đắp mặc pháp y. Đến lúc đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư rất chăm học tỳ-ni. Từ đó về sau, một mình Sư đến chốn khe hang, thường hay ở ven suối rừng. Có các Sa-môn Trạm Sùng, v.v... thỉnh Sư ở chùa nầy. Sư gánh vác chùa đó, những lúc rãnh rỗi, đối với điển giáo nội ngoại, chẳng bỏ mảy may, cúng dường chiêm lễ tinh nghiêm không gì chẳng cung kính. Sư thường trì tụng kinh Hoa Nghiêm đến cả trăm bộ. Mỗi lúc đến cuối quyển, Sư khẩn thiết phát nguyện rằng: "Xin dùng tay tôi cầm kinh cứu người khổ não kia ". Gặp lúc Võ Hoàng cùng vua Thái Tổ (Chu Ôn - 907 - 913) thời Hậu Lương chiến tranh đánh nhau, trung nguyên chưa quyết định. Võ Hoàng trúng phải tên rơi, bị thương đau nhói khó chịu đựng, nghĩ nhớ đến Sư, bèn đốt hương nhớ tưởng, cơn đau bèn dứt, bay xa tới Nhạn trắng, thấu đạt gà vườn, bèn thỉnh Sư xuống núi đón rước vào cung. Võ Hoàng tự thân bái lạy, cảm tạ đức Từ Bi, bèn ban hiệu cho Sư là Quốc Sư. Sau đó,

Sư xin trở về chùa cũ, núi vàng ngời sáng, cây ngọc cùng nương. Trân báu khắp chín châu đều đến, lầu đài của trăm chùa thảy dựng xây. Đến lúc Vua Trang Tông (Lý Tần Húc thời Hậu Đường) lên ngôi (923) ban chiếu tặng Sư pháp y sắc tía, và tuyên phong hiệu Sư, nhưng Sư cương quyết chẳng nhận. Nhà vua lại tuyên cáo, sau đó Sư đến nội cung, lại thêm vinh hiển. Sư thọ ân một tháng rồi giã từ trở về núi Ngũ Đài.

Đến tháng 12 năm Ất Dậu (925) tức niên hiệu Đồng Quang thứ 3, Sư dặn dò môn nhân là Đình Khuê rằng: "Nay tôi hóa duyên sắp mãn. Ông nên vì tôi mà dâng di biểu với triều đình. Mỗi người hãy tự gắng sức tu trì, chẳng thể thay nhau được!" Nói xong, bèn vào Trượng Thất, Sư nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch, thọ năm mươi tuổi, ba mươi hạ lạp.

Vua Trang Tông nghe mà xót thương, bèn sai Cao Phẩm trông hộ giúp đỡ lễ tang, và ban sắc cúng tế ba ngày. Sau khi trà-tỳ, còn lại di cốt năm mầu, thâu nhặt xá-lợi xây tháp thờ. Vua ban tặng Sư thụy hiệu là "Pháp Vũ", tháp hiệu là "Từ Vân".

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.
(Quyển 27 hết).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.

QUYỂN 28

CHƯƠNG CHÍN: HƯNG PHƯỚC

TRONG PHẦN 3 CHƯƠNG IX

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ truyện có một vị)

1. Truyện ngài Trí Huy trụ viện Tham Dục ở Lạc Dương, thời Hậu Đường.

Thích Trí Huy, họ Cao, người ở xứ Hàm Tần. Vừa đến tuổi búi tóc mà Sư đã khởi tâm muốn lìa tục, chẳng theo lũ trẻ, riêng theo thiên phần. Sau gặp Thiền Sư Khuê Phong Ôn, khí mạo khôi vĩ, tâm rỗng thể đạo, bèn tìm đến cửa, trong lắng nêu riêng. Thiền sư Ôn nói với Sư rằng: “Ông thật là kẻ sĩ tài khí đa năng!” Sư bèn cầu xin xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, phong cốt phóng khoáng, ưa chuộng kỳ đặc. Trong núi thường vắng vẻ không việc gì khác, Sư chỉ gắn liền với Tạng Giáo, thiền luật suốt ngày, trì tụng cả trăm ngàn lời, nghĩa vị đều thưởng thức.

Nghe nói Phật có cho phép nên Sư đọc sách ngoài một thời gian trong ngày, Sư lại rất giỏi về ngâm vịnh, được thể tao nhã. Ngoài việc bút mực còn viết chữ rất khéo, phấn tường mê vui, mây núi trong tay. Sư có nói rằng: “Ta rất kính mên sáu pháp của Tăng Trân Đạo Phân, chỉ tiếc sanh không đồng thời!” Đối diện tường vách, Sư vẽ họa mỗi thứ đều thành hình tượng rất sinh động. Nhưng Sư thật là kẻ sĩ phóng khoáng. Hoặc chấn tích du quán khắp sơn thủy, hoặc nhẹ gót giày rão xem khắp phố chợ. Ý muốn ở thì dừng, hết hứng thú thì đi, hoặc vào liên xã ở Đông Lâm, hoặc đến kinh hành ở Nam Nhạc. Tỏ ngộ tông chỉ ở Tào Khê, thà khổ nhọc một đêm. Tìm hỏi thần tiên nơi Viện Động, dò đến Tam Thanh, lấy việc chí cầu, không lúc nào phế bỏ. Ngoài ra, Sư hái thuốc nơi sơn cốc, cứu bệnh trong tăng lữ, chỉ khẩn thiết lợi tha, tâm không việc riêng.

Đến niên hiệu Càn Hóa thứ 4 (941) thời Hậu Lương, từ Giang Biểu, Sư đến Đế Kinh, nhìn thấy các phạm cung không đâu chẳng hoàn bị. Chỉ có nhà tắm tẩy rửa bụi nhơ việc còn thiếu sót, bèn dừng lại ở Lạc Châu, đục hang làm thất, ranh giới ở hai bờ nam bắc chất chồng có đến vài mẫu, chỉ bày để nêu bảng, mời những người ưa thích phước nghiệp cùng xem. Chưa đầy một năm mà dần dần xây sắp đủ. Trong viện, tăng phòng rực rỡ có thứ lớp. Từ đó, các bậc thượng lưu nơi đạo quán, chư tăng khắp Lạc Thành, người đến như trở về, người đến không ngăn ngại, thường hợp trước sau, năm ngày một lần mở tắm gội, không hề gián đoạn, trong một năm có hơn bảy mươi hội. Mỗi lần tắm, khắp cả xa gần nhóm tập có đến hai ba ngàn vị tăng. Ngài tự thân làm mọi việc, không hề nói mệt mỏi. Sư dùng gỗ đóng guốc mang chân, lấy sợi gai vá chằm áo mặc. So với Tôn Giả Ca-Diếp-Ba thì cách có bao xa! Hoặc lúc rảnh rỗi, Sư ngâm vịnh cúng dường chư tăng, nhàn rảnh thì chăm việc bút mực, miên tưởng đến Gia Lăng, Bích Lãng, Thái Hoa, Liên Phong, ngưng thần xa tít, có hứng thú thì làm. Khói cảnh Ngũ Khê, bốn vách rừng lạnh, dời ở trước mắt, có đủ nắng nóng và rét lạnh. Lại thêm vận nghĩ khéo léo tạo trục quay múc nước nhanh chóng như thần, không thể sánh bằng. Lại xây dựng nhà tắm ứng chân, phía trong Tây vũ có mười sáu hình tượng và Quán Tự Tại đường, chỉ hơn một năm đều hoàn tất.

Bấy giờ, Dương Thị Lang trấn nhậm tại đó, giả vờ ngông cuồng gọi là Dương Phong Tử, mà dốc lòng kính trọng Sư làm văn bia khen ngợi đức hạnh. Không biết về sau, Sư mất ở đâu.

2. Truyện ngài Quang Tự trụ Viện Chân Dung ở núi Ngũ Đài, thời Hậu Tấn.

Thích Quang Tự, họ Lý, người ở Xứ Văn Thủy, thuộc Thái Nguyên. Từ thuở nhỏ, Sư đã thích một mình vắng lặng, ít xen tạp với bọn trẻ, tin chuộng núi Ngũ Đài, mới làm đệ tử tài giỏi của Ngài Hạo Uy ở viện Chân Dung. Sau khi thọ giới, khí vũ Sư rộng lớn, phiền não nhiều bao tang, bèn ra đi cầu thiền Pháp, trải qua năm tháng học nội ngoại giáo điển đều phát triển tốt đẹp, biển lớn sóng dồi thật khó chống chỏi. Do đó, Sư quyết chí vượt Trùng Hồ, lên Mân Lãnh, thạnh hành đàm luận thế giới của Bồ-tát Văn-thù khiến người nghe kinh động. Trung Ý Vương họ Vương cúng thí danh hương sai sứ mang đến chùa.

Năm Quý Dậu (913), Sư đến Lưỡng Chiết, yết kiến Võ Túc Vương họ Tiền và được tiếp đãi rất nồng hậu. Cúng thí Văn-thù Thánh chúng các vật hương trà và một muôn cái bát. Kế nữa, ứng với mục tể các

châu Ngô Việt đều khắc bỗng lộc nhập duyên, Sư đi theo đường biển đến Thương Châu, chuyển vận các vật vào núi. Bấy giờ, Đại Sư Hàng Long suất lãnh đè ép, chư tăng đều sợ. Vì Sư phân tán chúng ở các chùa, lan-nhã ít được quân bình, nên lúc đó, đồ chúng kiên quyết thỉnh Sư làm chủ viện. Tuyên cáo bổ sung Tăng Quan Hạc ở Các Đài Chùa Viện, gọi đó là Đô Cương và xưng hiệu Sư là Siêu Hóa. Sư dẫn đầu chư tăng như chim phụng thống lãnh các loài lông vảy. Suốt trong vòng mười lăm năm xây dựng Phạm Vũ cúng dường tăng ni chẳng hơn kỷ cực.

Đến niên hiệu Thiên Phước thứ nhất (947), Sư nhuốm bịnh, tới ngày mùng 5 tháng 9, Sư gài thị tịch. Môn nhân xây tháp an táng linh cốt, Xá-lợi đến nay vẫn còn.

3. Truyện ngài Tuân Hối trụ chùa Tướng Quốc ở Đông Kinh thời Hậu Tấn:

Thích Tuân Hối, họ Lý, người ở xứ Tiều Quận. Ông nội Sư chẳng ra làm quan, mẹ của Sư họ Trương, mộng thấy vị thần trao cho mình một viên ngọc báu, bèn có thai Sư. Đến lúc sanh ra Sư rất kỳ lạ, lúc cho bú, Sư khéo biết sự vui buồn của người. Đến khi khôn lớn, hễ thấy chùa quán, Sư hẳn đều đi chậm rãi, lại quay đầu chăm nhìn chẳng tạm bỏ.

Năm mười một tuổi, Sư đến chùa Khai Nguyên ở Hào Thành, đảnh lễ Luật chủ Sùng Nhân, tôn xưng làm thầy. Sư trì tụng Kinh Pháp Hoa hoàn tất được hai bộ, từ đó càng siêng năng học hỏi. Đến tuổi hai mươi, Sư đăng dàn thọ giới cụ túc, hành trì luật nghi bền chặc như chuyển đá. Sư tìm thầy ở Tây Lạc, hỏi đạo ở Kê Viên. Ban đầu, đến nơi Pháp Sư Trí Tiềm, Sư được truyền giảng Kinh Pháp Hoa, tinh nghĩa nhập thần, thư hoàng đầy miệng.

Năm Mậu Thìn (908) tức niên hiệu Khai Bình thứ 2, thời Hậu Lương, Ngài trụ Viện Dược Sư ở Chùa Tướng Quốc, đứng đầu trong việc giảng dạy. Đến năm Tân Mão (931) tức niên hiệu Trường Hưng thứ 2, thời Hậu Đường, môn đồ tiếp tục thỉnh Sư giảng dạy. Đã khắp mười chín biến, lên giảng đường hơn hai mươi vị. Đến niên hiệu Thiên Phước thứ 2 (937) thời Hậu Tấn, có Đại Sư Kế Ngung ở núi Ngũ Đài là người thông hiểu Đại Kinh Hoa Nghiêm, đích thân vào Đông Kinh, đến chỗ vua Cao Tổ (Thạch Kính Đường 936 - 943) thời Hậu Tấn ban giáng Thánh tiết công đức. Sư kính ngưỡng Ngài Kế Ngung, biện sóng sông Kinh, như gió thổi xuống xu hướng, sung cho việc tuyên giảng. Sư lại khéo phân xuống trăm dòng, chứa thành tạng biển. Khoảng đời Hậu Lương, (907 - 923) đời Tống, vì Ngài Kế Ngung thôi thuyết giảng

nên Thỉnh Sư Phu Dương, khắp giảng đường tăng tục đến đông đúc. Ngài khuyến mộ bốn chúng khắc một bộ Kinh Hoa Nghiêm trên vách đá trong giảng điện khắp ba mặt. Sư than dầu tố khác với tai họa như lửa dữ ở trên, khắc vào đá trinh mân này đâu còn lo sâu trắng ăn phá". Công thợ chưa báo hoàn thành mà đàn thí cúng dường đã đủ. Sư lại mời các hàng tăng tục mỗi người trì tụng một quyển, tất cả có được hai trăm bốn mươi vị thành được ba bộ. Bốn mùa thiết lập kinh hội, gần hai mươi năm không hề gián đoạn. Ngài lại riêng thí Pháp thực cho quỷ thần thủy lục, đều khuyên gắng trang nghiêm tâm hạnh Bồ-đề. Triều đình khen thưởng nêu bày công hạnh, tặng Sư danh hiệu là Chân Hạnh Đại Sư.

Ngày 16 tháng Giêng năm Ất Tỵ (945) tức niên hiệu Khai Vận thứ 2, Sư thị hiện tướng bị bịnh, dạy răn môn nhân đệ tử xong, Sư nằm nghiêng hông bên phải, xưng niệm danh hiệu Phật trong chốc lát thì thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, năm mươi mốt hạ lạp. Môn nhân vâng theo di chỉ an táng tại gò phía Đông, trong rẫy của chùa, thuộc phía Bắc Tùy Hà.

Kế nữa, có Ngài Thích Ngạn Cầu trụ chùa Long Hoa ở Hàng Châu, Sư họ Diệp, người xứ Tấn Vân. Vào niên hiệu Trinh Minh (915 - 921) thời Hậu Lương, Sư thọ giới. Sư đến Pháp tịch của Luật Sư Cảnh Tiêu, chóng thấy rõ Tỳ-ni sâu mầu, bèn đem truyền giảng, bỗng chốc tỏ ngộ La-hán Đạp Bà, Sư trở lại cầu Pháp vững bền, mới đến Mân Lãnh đạt được tâm quyết của Thiền Sư Trường Khánh. Sư trở về đất Chiết, nhận sự thỉnh mời của mọi người ở Đôn Khâu mà Sư dừng ở tại Viện Lục Thông. Đạo của Sư chỉ mong thơm cùng Phu Thân, tiêu nấm quế đua tranh phân biệt. Hán Nam Quốc Vương họ Tiền khâm trọng cao hạnh của Sư nên mời trụ viện Công Thần. Cuối cùng, Sư trở về châu, sửa sang chùa Long Hoa, nhóm họp đồ chúng diễn giảng. Sư thích làm việc chúng, xem trọng hơn thân mình. Chỉ lấy lợi người làm việc gấp, thọ nhận của cúng thí đều sung vào của thường trụ. Phòng Sư ở không khóa cửa, sọt không nắp cài. Chẳng cho Ni chúng đến lễ yết, không câu nệ thanh thế, thường chúc độ giới, người ở bốn phương xa nhóm về, thường ngày cúng dường cả ngàn vị tăng thọ thực, chưa từng nghe báo thiếu thốn. Nói trước tính sau, ăn đến cả muôn người.

Sư thị tịch tại chùa Sư ở vào niên hiệu Kiến Long (960 - 963) thời Bắc Tống.

4. Truyện ngài Trí Lãng trụ Viện Hỗ Thông ở Tào Châu thời Hậu Tấn:

Thích Trí Lãng, họ Hoàng, người ở xứ Thành Võ, thuộc Đan Châu. Mẹ của Sư họ Lưu, mộng thấy mấy vị tang môn viên tọa nói Pháp cho mình nghe rõ ràng như ở bên tai, bèn mang thai Sư. Đến lúc lớn lên, Sư khôi ngô có tập khí làm tăng, thuần tĩnh đơn giản, Sư khổ nhọc giã từ thân thích để xuất gia, sang Viện Hỗ Thông ở Tào Châu thờ ngài Hạnh Mãn, cúng dâng cẩn trọng. Đến lúc xuống tóc thọ giới, thành bậc Đại Tỳ-kheo, Sư học luật Tứ phần, Kinh Tịnh Danh, đều rất giỏi. Sư nói: "Người xuất tục sao dính mắc giữ gốc, chẳng thể thoát xiềng xích mở gông cùm?" Đối với tri kiến rộng lớn không gì Sư chẳng kham năng, bèn mang bình bát đi về phía Nam Hành Dương, lên non Nhạc, dừng ở chùa Bát-nhã, hành trì thuật Thai Tức mà xem đọc Kinh tạng, việc xong Sư trở về Mân Lãnh. Sư không có bè bạn, chỉ có hình với bóng. Đôi ba phen gặp thú dữ dều muốn há mồm cắn xé, rồi lại từ nhẹ bước mà đi. Gặp được hai Tổ Sư Động Sơn và Tuyết Phong mà rõ được Thiền huấn. Có người thưa hỏi thì đáp lời nhanh như bay, bởi liễu đạt không dính mắc. Sau, Sư trở về bổn viện, các người kính tin tìm đến như quay về, mà tứ sự cúng dường chư tăng không hề thiếu thốn, hơn bốn mươi năm làm mọi việc mà không tỏ vẻ mỏi mệt.

Ngày 23 tháng 11 năm Đinh Mùi (947) cuối đời Hậu Tấn, Sư thị tịch. Bấy giờ người tại gia rất đau khổ, còn chư tăng thì buồn thương, thú mất sức mạnh bởi kêu gào buồn khổ, chim ngừng bay mà lờ đờ. Có người kêu than rằng: " Sông ái biển khổ, ai người cứu vớt kẻ đắm chìm!" Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, năm mươi ba hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi, xây tháp thờ tại viện.

Sư là bậc Thích Tử y vật thề chẳng qua tay người nữ, giặt rửa chẳng nhọc khổ đến môn đồ đệ tử, vật tượng báu của đàn việt cúng thí không hề dùng lẫn lộn. Bởi được đúc luyện bởi trước luật sau thiền thần dụng nên được vậy. Đại Doanh Phủ Thiếu Duẫn Lý Huyễn soạn văn bia.

5. Truyện ngài Sư Hội trụ Thiền Viện Thiên Thọ ở Đông Kinh thời Hậu Hán:

Thích Sư Hội, họ Cự, là con cháu của Thứ Sử Kinh Châu tên Võ, đời Hán, Tổ tiên Sư dời nhà đến ở Bắc Yên, nên thành người Kế Môn. Cha của Sư húy là Tri Cổ, mẹ của Sư họ Triệu.

Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, đảnh lễ Đại Sư Đạo Phi viện Ôn Tuyền ở Kế Châu làm thầy. Khi công phu đã thành, tuổi tác đã đủ, Sư thọ giới cụ túc tại giới đàn chùa Kim Đài Bảo Sát. Vào niên hiệu Khai Bình

(907 - 911) thời Hậu Lương, Sư trôi giạt phiêu bồng ở Sông Sóc, ôm bát rảo bộ nơi Giang Hoài, mới đến Hán Nam, gặp Ngài Nham Tuấn ở Viện Quán Âm, bèn trải chiếu đàm đạo, vỗ tay bình luận về tâm. Ngài Nham Tuấn hỏi Sư: "Huynh có nghe ở núi Đầu Tử có Thiền Sư Đại Đồng chăng?" Sư đáp: "Có nghe nhưng chưa gặp". Ngài Nham Tuấn bảo: "Huynh nên mau đến đó!" Đến lúc tham yết ngài Đại Đồng chỉ cách chừng nửa bước chân, ngoài việc nêu cao Sư còn rửa sạch rõ ràng. Sư rất bình an thản nhiên. Đến niên hiệu Càn Hóa thứ 2 (912) thời Hậu Lương, Sư trở lại Lương Uyển lễ tạ Ngài Nham Tuấn mà thưa rằng: "Xưa kia vằng vặc đường cao, mịt mờ sanh tử, tía thật mờ đỏ, cuồng loạn gián triết. Nếu không vâng theo thầy bạn chỉ quy, cơ hồ một đời luống qua! Nay đem cỏ Du dơ uế xin cùng cỏ huân đồng để một nơi cất giữ có được chăng?" Ngài Nham Tuấn cho Sư xét đức mà vào trong Pháp tịch.

Mùa Thu niên hiệu Càn Hóa thứ tư (914) Có Ngài Chí Tu trụ viện La-hán ở phường Bảo Tích thỉnh Sư đến trụ ở đó, viện ấy chỉ che lợp cỏ tranh năm gian mà thôi, mới cảm đàn việt Thượng Thư Tả Thừa Ngô Ái, Binh Bộ Thị Lang Trương Viên, như Viên Sáng bái yết Bảo Lượng, Từ Trạm kính lễ Tuệ Thông, cùng phát phụng chương, sắc đề biển ngach là "Thiên Thọ". Chư tăng khắp nơi tự nhiên đến. Qua ba mươi năm cúng dường chư tăng hơn hai trăm vạn, sử dụng vật báu không ít lẫn lộn, chí tiết của Sư có thể biết như thế nào.

Niên hiệu Thiên Phước thứ 7 (942) thời Hậu Tấn, vua Cao Tổ cho rằng "Sư hạnh đã thành ở trong, Thanh văn ở ngoài", bèn sắc tặng Pháp y sắc tía. Đến niên hiệu Khai Vận thứ nhất (944), lại sắc tặng Sư hiệu là Pháp Tướng. Pháp y sắc tía thì Sư cất giữ mà thọ trì, còn hiệu thì Sư xem thường sự tôn xưng đó. Sư bảo: "Ta vốn chẳng cầu danh, danh tự đến cầu ta. Biết thì trong trắng mà chấp lấy thì tối đen, hòa với ánh sáng, đồng với bụi bặm. Đời huyễn hoặc quanh co, ta sanh chẳng nhằm thời!" Đến ngày 26 tháng 7 niên hiệu Khai Vận thứ 3 (946), Sư dặn dò môn nhân rồi an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, bốn mươi tám hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi được mấy trăm viên. Xây tháp thờ tại làng Biện Dương thuộc Đông Giao. Hình Bộ Thị Lang Biên Duy Đảng soạn văn bia tán dương đức hạnh của Sư.

6. Truyện ngài Trí Giang trụ viện Quảng Thọ ở Tống Châu thời Hậu Chu:

Thích Trí Giang, họ Đơn, người xứ Nam Quản thuộc Tam Hà, ở

U Châu, là con của phú tộc Du Hiệp. Tuy cỡi ngựa tre mà nhàm chán, trở về cửa nhà lửa, chợt vui cùng đống cát, khéo xây đắp phù-đồ. Lược nghe giáo pháp của Thiên Trúc, hẳn gạn lóng ngưng tình, như Tiêu Tương gặp lại người xưa.

Niên hiệu Càn Nguyên thứ 4 (897) thời Tiền Đường, mới mười lăm tuổi, Sư đến chùa Cảm Hóa ở Bàn Sơn, xuất gia làm Sa-di, hoàn bị tư cách Sa-di. Đến niên hiệu Thiên Phúc thứ 3 (903) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Lô Viên ở núi Ngũ Đài, thọ giới cụ túc. Từ đó, Sư vác dù thỉnh nghiệp, chọn gỗ nương thầy. Hai bộ Kinh Tịnh Danh và Thượng Sanh, Ngài tinh luyện như lửa cháy làm tan băng, mà tâm vẫn không nhàm chán. Niên hiệu Long Đức thứ nhất (921) thời Hậu Lương, Sư đến chùa Khai Nguyên ở Thương Khâu, thỉnh một chi danh số, cái gọi là Tinh Nghĩa nhập Thần tan thỉ hưng thịnh. Nhân đó, Sư soạn "Thụy Ứng Sao" tám quyển. Các hàng thức đạt truyền nhau, học trò ảnh hưởng nương gá biên chép rất nhiều.

Đến niên hiệu Đồng Quang thứ nhất (923) thời Hậu Đường, Sư trú tại Viện Hư trụ của Vi Tử, sửa sang đường Vũ, thay đổi đáng chiêm ngưỡng. Lại đắp họa tôn tượng đức Từ Thị Di-lặc, Đức -ca Thế Tôn và mười sáu vị La-hán đều thêm vẽ họa khắc giống như thánh nghi. Công việc mới hoàn thành, bỗng chốc, Sư mắc bịnh lâu ngày khó chữa. Đến tháng 7 niên hiệu Hiển Đức thứ 5 (958) thời Hậu Chu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Đang lúc chúc khoáng, khắp viện trời người xen lẫn nhau hình trạng như đón rước dẫn đường. Ngày trước Sư thệ nguyện sanh lên cung trời Đâu-suất nên có chiêu ứng.

Lại Bộ Viên Ngoại Lang Lý Huyễn soạn bài minh trên tháp.

Liên hệ thử bàn:

Người trước lập nghĩa đều y cứ vào giáo văn, đâu được thích, ghét theo ý mình, đúng sai mặc biết. Vết xe trước đã đi chẳng xóa vết, xe sau sao chẳng cẩn thận mà theo đó? Thông đáp: Phàm soạn thuật có bốn thứ: Một là thuyết trước rất trái, đối với văn lại mịt mờ, hai là thấy hẹp hiểu lầm nên lãnh hội tự trái, ba là thích dài dòng ghét tóm gọn, bốn là ưa thẳng thắn mà ngờ lạ xa xôi. Có một trong bốn điều đó, thì không gì chẳng soạn thuật được. Ngài Trí Giang soạn "Thụy Ứng Sao", chưa được xem khắp, nghe những lời ở ngoài đường, cũng giúp được điều cần thiết của đương thời. Giả sử chẳng giúp dùng mà biến đổi nghĩa chương của cổ đức thì làm sao khác với lấy cũ sánh với cái bại hoại không được dùng mà phá hoại đó, sẽ có sự thất bại.

7. Truyện ngài Quang Dự trụ Viện Chân Dung, ở núi Ngũ Đài, thời Hậu Chu:

Thích Quang Dư, họ Hàn, người ở ấp Kim Thành, thuộc Ứng Châu. Thuở nhỏ, Sư đọc sách Nho, có ý chí muốn giúp nước chăn dân. Có lần nằm mộng thấy có vị thần khuyên bảo rằng: "Đối với Phật pháp Ngài có nhân duyên rất lớn". Sư bèn đến viện Chân Dung, nương tựa Ngài Pháp Uy cẩn trọng giữ phận làm đệ tử. Sau khi thọ giới cụ túc, Ngài trì tụng Kinh Tịnh Danh, thấu suốt đến nỗi chỉ y cứ vào nghĩa, chẳng y cứ vào ngữ. Sư thưa với Bổn sư cầu xin đi nghe giảng tập học. Ngài Pháp Uy chấp nhận.

Sư bèn đến viện Tam Học ở Thái Nguyên, vượt qua nóng lạnh nghiên cùng cứu xét chăm chăm, thường đổi Hòe đàn, Sưg giảng hai tòa là Kinh Duy-ma và Thượng Sanh, bỗng nhiên Sư nói với bạn đồng học rằng: "Tôi nhớ năm trước mỗi lần trì niệm chỉ y cứ vào nghĩa. Gần đây ở trong học viện, nay giảng hai bộ kinh, cùng lý thấy tánh, biết quả nghiệm nhân, có được chẳng y cứ vào giáo khởi hạnh mà khỏi trái với hạnh tứ y chăng?" Sau đó không lâu, Sư từ giã Tấn Thủy trở về núi cũ, đội Kinh Hoa Nghiêm đi nhiễu quanh điện Bồ-tát, mỗi ngày sáu thời đi vòng quanh theo phía Hữu lễ Phật.

Bấy giờ, vua Cao Tổ (Thạch Kính Đường) thời Hậu Tấn, cầm nắm quyền chính đã năm thứ 3 (938), tiếng tăm Sư đã vang vọng đến cấm cung, vua bèn ban tặng Sư Pháp y sắc tía. Năm sau, lại trao cho Sư danh hiệu là "Thông Ngộ". Sơn môn Tăng Quan cùng đại chúng kiên trì thỉnh Sư lâm đàn. Sư cáo từ không chấp thuận. Tăng Quan nói với Sư rằng:"Sư hạnh giải hơn người mà chỉ tu cho chính mình, ngọc phác tốt mà chẳng mổ thì sẽ thấy khóc nước mắt như máu!" Từ chối không được, Sư đã độ hai ba người, trở lại cố cầu thoát khỏi. Gặp lúc thiếu vua nối ngôi, viện thiếu chủ giữ, đại chúng đều đề cử nói rằng: "Nếu không phải sư Quang Dự thì ai có khả năng?" Sư từ chối bảo rằng: "Ở núi này là chỗ khách ở khắp nơi đến. Cớ sao chẳng ra ngoài cửa viện, có tháng năm vậy, để biết cúng dường có gì cần dùng". Tuy khỏi chẳng theo, nhưng từ đó về sau, cúng thí chất chồng, trong mười tám năm cúng dường hơn trăm muôn vị tăng. Một đêm, mây móc nổi lên, sương tuyết rơi lác đác, cái dù của Sư xuyên dọc bằng một dải lụa trắng dài ba bốn thước bỗng nhiên không thấy. Đến hôm sau vào đêm khuya, lụa đã đến bỗng chốc để lại chỗ cũ, bởi do âm thần đưa đến.

Tháng 10 năm Canh Thân (960) nhằm niên hiệu Hiển Đức thứ 7 thời Hậu Chu, Sư thị hiện bị bịnh, nói với đệ tử rằng: "Như rồng nhàm

chán đại hoạn, ôi! chim phụng buồn chết trên sông, các hành vô thường là Pháp sanh diệt!" Nói xong, Sư thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi, bốn mươi sáu hạ Lạp. Trà-tỳ ở dưới Đông Phong, thâu nhặt linh cốt an táng ở tháp tràng. Còn xá-lợi tùy duyên cúng dường.

8. Truyện ngài Nham Tuấn trụ Thiền Viện Quán Âm ở Đông Kinh thời Bắc Tống:

Thích Nham Tuấn, họ Liêm, người xứ Hình Đài. Từ khi mới sanh về sau, Sư có lắm việc thần dị, trội thân vượt bỏ buộc ràng, thệ nguyện vào chốn Không môn. Theo bưng giới châu, trọn thân tròn sáng. Cầm bưng bình bát tích trượng, Sư nói đi khắp tham tầm. Bước lên Hành Lô kia, vượt đến đất Mân Thục, từng đến Phụng Lâm, chợt gặp một cái hang sâu, thấy sáng rực một khu vực, có bảy báu ngang dọc. Khi đó, người bạn đồng đi nhìn lại mà nói rằng: "Kỳ lạ thay! Có thể cúi xuống lượm nhặt được chăng?" Sư bảo: "Người xưa cày xới đất vườn, gặp dược vàng ròng còn xem như ngói gạch. Nếu muốn ôm hoài đó thì tự chuốc họa. Đợi chốn dân gian ta xây dựng che đảnh, cần phải cúng dường bốn phương tăng". Nói xong, bèn bỏ mà đi. Sư đến yết kiến chủ núi Tử Đầu ở Thư Châu. Chủ núi hỏi: "Khách từ đâu đến ở lại qua đêm?" Sư đáp: "Ở đạo tràng Bất Động". Chủ núi hỏi: "Đã nói là bất động sao còn đến đây?". Sư đáp: "Đến đây há là động ư?" Sư lại nói: "Vốn đến nhưng chẳng hề đấm trước ", Chủ núi im lặng mà chấp thuận.

Mãi đến lúc Sư muốn trở về đất Triệu, trên đường ra Trần Lưu, đến nơi nầy gọi là Đông Kinh, gặp Lương Thiếu Bảo Lũng Tây Công Tư, tức anh của Hà Đương Tiết Độ Sứ tặng anh em của Trung Thư Lịnh Chi. Tuy ở ngôi vị quan quý nhưng rất sùng kính Không môn, tiếp Sư đàm luận lý huyền, như Lưu Di Dân kính phụng Giả Viễn. Cùng bàn định xả thí vườn nhà, khiến xây dựng Nhân từ. Sư chẳng nhường trái, để an hình tánh, đã xét thiền thất mà hành tổ phong, mến đạo cùng huyền đường, Vũ lấp đầy. Hai vua Cao Tổ và Thế Tông thời Hậu Chu, lúc đang còn tiềm ẩn, cùng Sư kết giao bạn áo vải, mỗi lúc đến phương trượng, thì thi lễ quỳ lạy, cho đến lúc lên ngôi, vẫn kéo dài sự ưu ái, đến như sớm đạt kiến hẳn cúi đầu, đàm luận cao hư như đến núi báu. Tháng 3 năm Bính Dần (966) nhằm niên hiệu Càn Đức thứ 4 thời Bắc Tống, Sư thị hiện bị bịnh. Đệ tử là Di Lưu tìm thầy dâng thuốc, Sư trừng mắt ngậm môi chẳng ăn uống, dạy răn môn nhân mọi việc về sau đã, đang dáng bộ vui vẻ, Sư nghiễm nhiên chấp tay quyết biệt với tăng chúng rồi thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp.

Ban đầu, Sư được triều đình ban sắc tặng Pháp y sắc tía, Sư nhận mà không đắp mặc, ban tặng Sư hiệu là "Tịnh Giới Sư". Có mà chẳng xưng gọi. Đến lúc Sư sức khỏa suy yếu, vua Thái Tổ (951 - 954) thời Hậu Chu bảo với các vị thị giả chớ để Đại Sư chỉ ăn một bữa vào lúc giữa ngày, mà khi xế bóng lại nên dâng khư-xà-ni. Sư tuy vâng thuận mà khó thực hành theo. Sư trải lòng thương dịu dàng với mọi vật, đến chỗ tự hẹp mà rộng, thật cả ba viện mà chỉ một cửa. Ở hai nhà Đông Tây, tăng chúng ở thường chẳng dưới mấy trăm vị. Suốt năm mươi năm, Sư cúng dường chư tăng, tính số đến cả trăm ngàn vạn. Khắp các thiền lâm kinh thành, Sư là người đứng đầu. Đến ngày mùng 8 tháng 4 năm đó (966), đón rước nhục thân Sư về an táng tại làng Phong Đài thuộc Đông Giao, tháp trắng nay vẫn hiện còn. Ngày đó các chùa viện ở Thần Đô, đều tự cầm cờ phướn, thổi loa ốc, náo bạt nối nhau đến hai, ba dặm đường. Kẻ tăng người tục dự lễ tống táng có đến muôn người. Tri Chế Cáo Vương soạn văn bia bộc bạch luyến tiếc, phát quyết đức hạnh của Sư.

9. Truyện ngài Ngạn trụ viện Bảo Đàn ở Tây Kinh thời Bắc Tống:

Thích Tùng Ngạn, họ Mễ, người ở xứ Yên. Ban đầu, từ thức hoàn, tìm biết quỵ quất, ngung ngang trội chất, hoát đạt an nhiên. Năm mười lăm tuổi, cha mẹ chấp thuận cho Sư xuất gia tại thiền Viện Tuệ Giác ở Tinh Bộ.

Sau khi thọ giới, Sông Kinh Sư khua mái chèo, biển luận Sư hóa cá côn, đồng bạn nể sợ, đều biết sùng phụng. Sư mới lưu tâm đối với Tổ giáo, mong ngài ngọc ở núi khác, do đó, bắc cách biệt trời giá rét, nam quán cùng biển quế, Sư chẳng sợ ác khí chướng, chí kính mộ tòng lâm, mừng vui gặp được Thiền Sư ở núi Long Nha, vì quyết dứt điều nghi thành bậc đạt giả.

Đến năm Bính Thân (936) nhằm niên hiệu Thanh Thái, thời Hậu Đường, Sư lại đến Tung Thiếu, ở Lạc Trung mới an ổn, nhân tình hòa hợp. Sư xây dựng Thiền phường, thỉnh tăng nhóm họp chúng mà cúng dường. Trải suốt ba triều đại Hậu Tấn (936 - 947) Hậu Hán (947 - 951) và Hậu Chu (951 - 960) đều gia tăng ân sủng. Sư nói rằng: "Ân sủng và hổ thẹn nếu làm kinh động ta thì không kinh động lâu dài. Nhưng trong môn Tục Đế cảm Thế Chủ vì đề tú duyên sức gỗ mục!"

Ngày Mùng 3 tháng 8 niên hiệu Khai Bảo thứ 2 (969) thời Bắc Tống, Sư thị hiện bị bịnh mà thị tịch. Đến năm Tân Mùi (971) nhằm

niên hiệu Khai Bảo thứ 4, đổi quyền theo cũ, an táng tại tầng tháp.

10. Truyện ngài Giác trụ viện Phổ Tịnh ở Đông Kinh thời Bắc Tống:

Thích Thường Giác, họ Lý, người ở xứ Trần Lưu. Ban đầu, Sư làm con nuôi, khí điệu tuyệt kỳ, vào trong trường làng, đọc tụng kinh sách, bọn trẻ nhỏ đều ở dưới Sư. Đến tuổi hai mươi, Sư đến Lô Sơn, vân du Nhị Lâm, trèo vượt Ngũ Lão, mới đến lễ yết Thiền Sư ở chùa Quy Tông, sung vào khổ hạnh.

Niên hiệu Càn Hóa thứ 2 (912), thời Hậu Lương, Sư được cạo tóc xuất gia. Năm sau, Sư đến giới đàn Cam Lộ ở chùa Đông Lâm thọ giới cụ túc. Từ đó về sau, tu thân đúng như lời nói. Tuy học ba Tạng nhưng để ở ngoài ý, dùng tâm học để chuyên nghiên cứu đến cùng tận, Ngài lại vào núi Ngũ Đài đảnh lễ linh tích đức Đại Thánh Văn-thù. Mãi đến niên hiệu Thiên Thành thứ 3 (928) thời Hậu Đường, Sư mới đến Đông Kinh, bên phải cửa Lệ Cảnh, có xây dựng Thiền phường nhỏ, đề biển ngạch là "Phổ Tịnh", lần lượt từng tháng ngày 28, thiết bày phương tiện cúng dường chư tăng khắp cả kinh thành tắm gội, như hoặc rót múc nước nóng có hương thơm, củi đuốc thiếu, Sư hẳn bảo phá triệt nhà nhỏ kéo rút cột rui mà yểm trợ. Có công Vương quý mến kính trọng, đề biểu kính dâng Pháp y sắc tía, nhưng Sư từ chối chẳng nhận. Sư miệt mài lấy sự lợi hành cứu vật làm việc chính của mình.

Đến ngày mùng 3 tháng 12 niên hiệu Khai Bảo thứ 4 (971) thời Bắc Tống, Sư mắc bịnh mà vẫn nhẹ nhàng không nhiễu loạn, tới ngày 11, Ngài cáo từ tăng chúng rồi nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi sáu hạ lạp. Trà-tỳ thâu nhặt xá-lợi năm ầu rấ nhiều không thể tính xiết.

Sư từng ở Kinh Ấp, thường lên viện ấy, đọc xem Bắc Hải Đào Thượng Thư Cốc, vì Sương Đông Trương Trọng Tuân soạn lời tựa thơ tặng Sư mà đề rằng: "Bắt đầu từ niên hiệu Thiên Thành (926 - 930) thời Hậu Đường đến niên hiệu Càn Hựu (948) thời Hậu Hán, mỗi tháng ngày 28, chúng tăng khắp Lạc Thành tắm rửa, trải qua nhiều năm, tổn phí tiền đến số một trăm ba mươi sáu vạn, tính dây xâu tiền có đến ngàn muôn, tuy do đàn việt chung sức mà thành, nhưng kỳ thực chính là do tự khả năng hoằng hóa dẫn dắt của Sư. Ôi! Dưới Đại hỏa Trần Lưu Cổ Phong, từ thời nhà Chu nhà Tần về sau, đó là đất nước chiến tranh. Người vật đông nhiều mà thổ phong còn thuận lợi, xe thuyền tụ hội mà buôn bán nhiều thứ lẫn lộn. Xưa kia, chư hầu của Lương Tuệ Vương có

nói với Mạnh Kha rằng: "Đâu vì lợi nước ta, vậy đủ biết chuyển hóa lễ nhượng không hơn tâm ham thích lợi, rõ ràng vậy". Vả lại, xứ Lương cách đất Lỗ ngàn dặm mà gần, Đạo còn chẳng đồng, huống gì mười vạn tám ngàn dặm ư? Vua nhà Lương cùng Mạnh Tử là người cùng thời đại, tâm còn có khác, huống gì là Cù-đàm thượng nhân ư? Mạnh Tử kia thuộc văn đó còn chưa mất mà không thể nêu cao phơi bày ngoài Đạo của vua. Nay Thượng Nhân cách Thánh quá xa, chợt hay thực hành được giáo điển của đấng Pháp Vương. Nếu không phải bậc ba nghiệp bên trong đã tịnh, sáu trần bên ngoài đã trong, thì dùng hạnh của chí công hành hóa". Đào lại nói lời tựa rằng: "Từ Linh Sơn phủ che biển Pháp theo dòng, ngọc hào ẩn tối và lời nhiệm mầu bặt dứt. Gậy vàng gãy mà làm dị đoan, chỉ có Thượng Nhân đối với Sắc, Không đều quán bình đẳng, ta vật đều mất, vừng mè lúa thóc đều là trai, đồng với thiền duyệt. Nóng lạnh chỉ một áo nạp, để che phủ thân khô gầy. Các vương thần trước sau muốn dâng chương biểu tặng hiệu cho Đại Sư, thỉnh Sư đắp mặc y phục phương bào sắc tía, đều đích xác từ chối". Trương Trọng Tuân dâng tặng Sư bình bát, tích trượng, giầy cỏ, mọi thứ đều dùng ngũ ngôn viết thành chương khắc nơi cột đá mốc nhỏ. Đó là danh lưu thạc học, riêng biệt tán dương như thế.

11. Truyện ngài Vĩnh An trụ chùa Báo Ân ở Hàng Châu thời Bắc Tống:

Thích Vĩnh An, họ Ông, người ở xứ Vĩnh Gia, thuộc Ôn Châu. Thuở thiếu thời, Sư thuần hậu, hoàng trung thông lý, gặp được Đại Sư Vị Chinh là người cùng quận, từ Phụng Minh vượt đến Kiệu Ngọc Oánh Lam Điền, gặt rơi Văn Tâm, lắng trầm học sâu kín, lấy đó ra Lạc An Tôn Cáp lượm nhặt môn bỏ sót, nhưng Sư có tâm kính mến hướng thượng, bèn đến lễ bái mà cầu độ. Nhưng, Ngài Vị Chinh tánh cao ngạn, lại ít hợp, nhưng Sư luôn kính thờ vâng theo như vòng xoay.

Bởi thuở nhỏ biết chọn thầy, nên vào khoảng niên hiệu Thiên Thành (926 - 930) thời Hậu Đường, Sư theo hầu thầy ra Hàng Châu, bỗng nhiên có ý muốn thực hành mười hai hạnh đầu-đà, nên lẻn trốn muốn lên Mân Lãnh tham vấn Thiền tông, gặp phải phong cương gai góc khó khăn, bèn lui trở về dựng thất ở Thiên Thai. Sau gặp được Pháp tập của Thiền Sư Thiều mà chóng dứt bỏ mọi điều nghi. Sư trở lại đảnh lễ Ngài Vị Chinh, ngài Vị Chinh quát mắng rằng: "Bỏ trái hiếu dưỡng, ông tự nhanh chóng chuốc lấy tội, để sót hạnh ở đây, lại có ý nghĩ đắp bù lỗi trước chăng?" Sư quỳ mà đáp rằng: "Từ trước đến giờ không việc

gì, xin dùng cho tròn trách nhiệm!" Ngài Vị Chinh gật đầu chấp thuận.

Hán Nam Quốc Vương Tiền Thị thỉnh Sư đến trụ chùa Báo Ân, đặt hiệu là Thiền sư. Sư bèn dùng Hoa Nghiêm lý luận làm hội yếu. Nhân sắp hợp Kinh, Sư khuyến mộ người khắc bản ấn tống mà lưu hành. Mỗi khi có đàn việt cúng thí, ít nghe Sư cất giữ, tất cả đều hồi hướng thí xả vào hai thứ ruộng.

Đến năm Giáp Tuất (974) nhằm niên Hiệu Khai Bảo thời Bắc Tống, Sư thị tịch. Trà-tỳ mà chiếc lưỡi vẫn còn, nhiều lần bỏ vào lò lửa rèn, mầu sắc tuy đồng như than nóng đỏ, nhưng đến lúc nguội lại mềm mại, nay hiện cất giữ phụng thờ trong đạo tràng Phổ Hiền. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp.

12. Truyện ngài Diên Thọ trụ chùa Vĩnh Minh ở Tiền Đường, đời Tống:

Thích Diên Thọ, họ Vương, người ở xứ Tiền Đường. Ở Lưỡng Chiết có quốc gia, bấy giờ Sư làm Lại Đốc, thâu nhận quân lúc cần. Tánh Sư ngay thẳng, miệng không nói đôi chiều. Trì tụng suốt bộ Kinh Pháp Hoa mà tiếng chẳng thôi vang vọng. Gặp lúc Thúy Nham Tham Công đang hoằng hóa hưng thạnh, Sư bèn bỏ vợ con tôi tớ cạo tóc xuất gia đăng đàn thọ giới. Sư có đến đỉnh núi Thiên Trụ ở Thai Lãnh tập tu Thiền định suốt chín tuần, có loài chim Xích Yến đến đậu làm tổ trong cổ áo. Sư được Thiền Sư Thiều quyết trạch sở kiến. Sư lại đến núi Tuyết Đậu, ngoài việc dạy người, Sư ngồi trước dòng thác trì tụng Thiền mặc. Áo không thêu thùa chỉ mặc vải bố quanh năm, ăn không chú trọng mùi vị chỉ rau cỏ đồng, giữa trưa một bữa.

Hán Nam Quốc Vương họ Tiền rất khâm phục kính chuộng, thỉnh Sư hành trì Pháp Sám Phương Đẳng, mua chuộc các loài vật mà phóng sanh dàn trải tình thương rộng rãi. Nếu liên can đến điều phi lý, sắc mặt Sư vẫn không xao động. Sư trì tụng Kinh Pháp Hoa có đến mười ba ngàn bộ. Phần nhiều hay khuyên những người kính tin tạo lập tháp tượng. Sư không chứa để một vật gì. Sư lại có tài giỏi thơ đạo, biên soạn các sách lục như "Vạn Thiện Đồng Quy Tông Cảnh", v.v... đến ngàn muôn lời. Quốc Vương Cao-ly xem đọc bộ lục đó mà sai sứ đem Pháp y Ca-sa sắc tía dệt bằng chỉ vàng ròng, v.v... đến dâng cúng Sư.

Năm Ất Hợi (975) nhằm niên hiệu Khai Bảo thứ 8, thời Bắc Tống, Sư thị tịch tại chùa Sư ở, thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi bảy hạ lạp. An táng tại núi Đại Bi, dựng lập đình chí.

13. Truyện ngài Nghĩa Trang trụ chùa Thiên Cung ở Tây Kinh, thời Bắc Tống:

Thích Nghĩa Trang, họ Trương, người ở Xứ Cốt Đài. Từ ngày khỏi bồng ẳm đến năm tới trường học, thần thái Sư sáng suốt, máy trần chóng thoát bỏ, bèn đến chùa Khai Nguyên trong bổn phủ, được xếp ngang hàng như Thiện Tài. Theo lên giới đức, do đó ưa thích du phương.

Ban đầu, Sư đến Lạc Ấp, nghe giảng kinh Pháp Hoa, kiến thức Sư vượt hẳn mọi người, nên mở mang chỉ dạy mọi người. Đại chúng thỉnh Sư ở viện Cửu Diệu, chẳng thiếu thốn Pháp thực để giúp người qua lại, dùng đức từ làm lợi chúng sanh, trước sau không xen hở. Vào những năm đầu niên hiệu Kiến Long Tả Tán Kỵ Thường Than Công trình tấu vua ban tặng Sư Pháp y sắc tía. Học tăng nương tựa bẩm thọ hơn ba mươi vị. Tánh Sư thường luôn siêng năng, Ngoài việc giảng dạy ra, suốt năm mươi năm chăm chăm hai thời lễ sám. Đến tuổi già vẫn không thay đổi.

Đến tháng 8 Năm Mậu Dần (978) nhằm niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi chín hạ lạp. Qua tháng 2 năm sau (979) xây tháp tại phía Tây chùa Bồ Đề ở Long Môn.

14. Truyện ngài Phổ Thắng trụ chùa Quảng Ái ở Tây Kinh, thời Bắc Tống:

Thích Phổ Thắng, họ Trương, người ở xứ Lục Trạch, thuộc Thâm Châu. Thuở bé, tình cảm Sư đã cạn mỏng, không bao lâu quyết chí tìm đến chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài, tôn thờ Đại sư Siêu Hóa. Ngài Siêu Hóa hỏi rằng:"Ông sao vượt núi đạp thành mà đến xin xuất gia? Ở Nhiêu Dương kia há không có bậc nhân từ triết tượng ư?" Sư đáp rằng: "Nương cỡi ngựa giỏi, có thể mỗi ngày đi ngàn dặm. Con biết cõi tịnh của Đại Thánh Văn-thù cảm chứng giao nhau, giúp kẻ tiểu phàm con chóng thành quả chứng, há có được chăng?" Tăng chúng lắng nghe lời nói đó mà bảo rằng: "Nhậm khí đứa bé nảy mà có khả năng nhận biết cao xa nhu thế, bọn chúng ta đây đều chẳng thể sánh bằng". Sư nói rằng:"Tôi chẳng thể dùng vàng thay đổi cái chết, mà không nhàm chán. Xin nguyện vào cửa từ mà nghĩ làm lợi ích chúng sanh!"

Đến lúc thọ giới cụ túc, Sư tìm tới phương Nam vào Lộ Phủ giảng thông Kinh Thượng Sanh. Nghe Đại Sư Sùng Pháp truyền giảng Luận Duy Thức đang mở mang hưng thạnh ở Lạc Đô, Sư bèn sang đó theo học. Phàm cả trăm chương sớ, qua mắt liền nhận biết. Chưa đầy một năm tập học đã thông rành tinh chuyên, Sư có giảng "Trung Sơn Trinh

Biện Sao Giảng” có nhiều chỗ sai lầm, nhưng Sư xướng lời rằng: “Phồn lược không đồng, giải thích chẳng đáng”. Mới cắt bớt chỗ nhiều, bù đắp chỗ thấy, làm thành bốn quyển, lưu hành ở đời. Thái Tổ Thần Đức Hoàng Đế ban tặng Sư Pháp y sắc tía, tặng Sư hiệu là Tuyên Giáo.

Ngày mùng 4 tháng 7 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 4 (979), Sư hiện bị bịnh mà thị tịch tại viện Tịnh Độ, thọ sáu mươi ba tuổi, bốn mươi ba hạ lạp. Môn nhân đệ tử thâu nhặt xá-lợi án táng tại gò phía Tây chùa Bảo Ứng núi Long Môn, xây tháp tán dương đức hạnh của Sư.

15. Truyện ngài Sư Luật trụ chùa Khai Bảo ở Đông Kinh, thời Bắc Tống:

Thích Sư Luật, người xứ Mang Dương, họ Giả, là con cháu của Đại Thừa Tướng Ngụy Quốc Công Đam. Trong Đường Thư có truyền: Sư thuở nhỏ đoan nghiêm cẩn trọng, chẳng chơi giỡn với bọn trẻ nhỏ.

Năm mười lăm tuổi, Sư đến chùa Mẫn Trung cạo tóc xuất gia, đảnh lễ thờ ngài Trinh Thiệp làm thầy và được nghiêm túc khuyên răn nên sống chẳng vượt ngoài phép tắc. Ngài Trinh Thiệp thấy làm lạ mà bảo rằng: “Không thể cứ cong mình ở ngôi vị dưới mà đè nén danh tiết của Mình. Đã thành Tỳ-kheo thì hãy bỏ đây mà du phương”. Sư vâng lời chỉ bảo đó mà đi thẳng về phương Nam, thành đạt được Thiền yếu, bèn chống tích trở về quê cũ. Từ thời Hậu Lương, mãi đến thời Hậu Chu (907 - 960), các bậc đế vương trọng thần thảy đều tôn thờ kính ngưỡng đối với Sư.

Sư ở tại Cựu Phong Thiền thuộc núi Di Môn, xây dựng Điện Vũ Thánh Nghi, phong trù bí tạng, cúng tăng dồi dào. Sư ước định khắc tạo Hậu Sanh Biệt Viện, thích hợp chẳng trái với thường kiến. Triều đình đem Pháp y sắc tía và huy hiệu để tán dương công đức, Sư thấy đó vẫn như thường. Một hôm, Sư bảo với đệ tử là Thứ Cơ rằng: “Ta không nguyện chẳng báo quyết linh muốn suy đồi, ông nên biết đó, chớ theo tục tình mà buồn thương ai viếng!”

Ngày 23 tháng Giêng niên hiệu Càn Đức thứ 2 (964), Sư thị tịch, thọ tám mươi mốt tuổi, sáu mươi hai hạ lạp. Đến tháng 3 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) cải táng tại gò Lăng Nghi thuộc Bắc Bộ, tiến sĩ Giả Thú Liêm làm bài minh cho tháp.

Thử luận bàn:

Đức Phật ra đời kinh dịch lưu truyền, điểm qua trọng là nhân quả, đều đưa về tội Phước, tạo tội thì ở giai vị ba đường phía dưới, làm phước thì ở giai vị của các Thánh phía trên. Giai vị thì đồng mà trên dưới có

khác. Ở chương này nói về hưng phước tức là muốn lợi tha. Như cán cân có cao thấp, nhà có sáng tối, vậy thì biết hai sự việc chẳng đồng một lúc, đại loại như có huân, cỏ Du không thể đựng chung trong một cái rổ, vua Nghiêu, vua Thuấn chẳng đồng một nước mà trị vì. Khí phần kẻ phàm phu tuy nói có lắm tội, phẩm vị Thánh giả chỉ nghe phước dày, thuận tánh nên dễ tạo, nghịch lý nên khó tu.

Tu có lắm cửa, hạnh có nhiều đường. Đại khái rộng làm Bố thí Ba-la-mật, để đạt đến vô cực. Ban đầu là phước hạnh của trời người, bố thí thức ăn và cầu thuyền, giếng nghĩa. Tiếp đến là hạ phẩm thiện trong phước hạnh của Luân Vương. Thượng phẩm Thập Thiện là phước hạnh của Phạm Thiên. Trong đó, một là dựng lập thâu-bà (tháp), hai là sửa sang chùa cũ, ba là thỉnh Phật quay bánh xe Pháp. Tiếp đến nữa là phước hạnh thanh tịnh của Nhị thừa, đồng như Tam Phẩm Thiện dừng ở công hạnh tự lợi. Kế nữa là phước hạnh của Cứu Cánh vị, mới thành nhị nghiêm. Trang nghiêm tướng, khéo từ Tam Luân vô ngại mà thấy được thể Không của muôn pháp, được lợi ích rất nhiều tận mé vị lai, phước như thế thật rộng lớn. Mới biết Thánh gtạo phước thì dễ. Vì sao? Vì thuần tịnh nên thế, và Phàm phu thì trái lại, bởi lẽ huân nhiễm nên như thế.

Thế nên, Đức Phật còn tạo phước xỏ kim, biết phước không nên nhàm chán. Ngài Mục-kiền-liên nhúm lửa, Ngài Ca-diếp đạp bùn, Ngài Vô Tận Ý hiến dâng châu báu anh lạc, Ngài Đạp-Bà-La phân chia nằm đồ cho chúng tăng. Đó đều là các bậc Đại Nhân có tạo tác phương tiện của Thánh giả. Muốn nhân tội chẳng chán trừ, phước chẳng chán lấy. Huống gì giáo truyền lãnh ngoại, Pháp lưu bố trung, nguyên năm tháng dài xa hành trì dần mỏng mảnh. Nội chúng tu phước, y cứ vào trì môn kia, bậc tiên triết dứt oan khiên thực hành sám pháp ấy. Phàm tu Lý sám thì nhẹ nghĩ quán tâm. Tâm không chỗ sanh, sanh không chỗ trụ. Trong lúc đang tu, thuận nghịch vô tướng, là chỗ tội diệt phước sanh. Còn nếu thực hành Sự Sám thì nương nhờ vào thắng cảnh, cảnh dẫn tâm tăng trưởng, niệm niệm cùng giúp, nối nhau không đứt quãng. Đảnh lễ thì năm vóc sát đất, hối tội thì bảy tụ tâm đầu. Hoặc kỳ hạn mong thấy điềm lành mà chứng biết, mới thấy tướng tội diệt.

Xưa kia, Tề Thái Tể làm pháp "Tịnh Trú", vua Lương Võ Đế sám môn sáu căn, Ngài Trừng Chiếu lược thành biểu đề Trú Pháp, Ngài Chân Quán mở rộng tạo Từ Bi Sám. Vào niên hiệu Hội Xương (841 - 847) thời Tiền Đường, Đại Sư Huyền Sướng thỉnh tu thêm Kinh Nhất Vạn Ngũ Thiên Phật Sanh. Vì vậy ở lưỡng Kinh đảnh lễ kinh thì miệng

xướng mà cúi đầu đánh một tiếng khánh gọi đó là tiểu lễ. Từ Hòa đến Nam, dân gian chỉ lễ Lương Võ Đế Sám để làm Phật sự. Hoặc vài vị tăng cùng cao tiếng chúc tụng, ca ngâm tán dương thì gọi là Nhương Sám Pháp. Có người ở Giang Biểu hành trì Pháp Thủy Sám, sám hối tội lỗi lạm phí quá độ. Người nầy ngụy tạo, chẳng phải chân pháp. Lại có việc người xưa theo từng chữ mà lạy các Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cho là lễ Pháp Tạng Vô Lậu. Do đó mà có hàng bốn chúng ở trước chữ ấy đặt thêm chữ Nam-mô và ở sau chữ ấy lại đặt thêm chữ Phật. Đó thật là tham lạm.

Có người đề xướng rằng: “Chỉ chuyên sanh thiện, chỉ mong diệt tội, sao phán quyết là trái ư?” Thông đáp: “Sau khi phiên dịch, truyền bá về sau, như hằng tinh trên trời, hoặc mới nổi khoối u, mới làm chai bầm. Ông không thấy Xuân Thu Ngũ Hạ ư? Các nhà Trịnh Đỗ há chẳng thể thêm chữ “Nguyệt” sao? Bởi sợ lời của bậc Thánh, thành chẳng bỏ bớt điển, nên chẳng dám thêm chữ. Phu Tử nói rằng: “Tôi còn kịp khuyết văn của Sử”, vậy biết Phật giáo có thể thêm bớt ư? Như Ngài Tuệ Nghiêm dịch lại Kinh Niết-bàn, thêm phần mục lục, bỗng mộng thấy vị thần tức giận quở trách, dáng vẻ nghiêm khắc, bảo rằng: “Niết-bàn tôn Kinh sao dám tự tiện, châm chước như thế?”. Vậy đủ biết “làm phước” chẳng bằng lánh tội, lời đó thật đầy đủ. Nay thì chẳng chuyên cần công khóa, gắng sức sự tăng tu. Nhân sưu tầm vài viên đổ nát, trách hiển Tam Bảo ở Vu An, đến nay có làm đời nào mà không có người.

Hoặc như ở Kinh Triệu khai mở biển hồ, hoặc tại Chung Nam dựng lập Lan Nhã. Chú đúc tôn tượng Đại Bi bằng đồng, tạo già lam của tướng quốc, hoặc chịu thay bịnh để lợi ích người, hoặc hộ sanh mà đào bới đất đai, hoặc đúc chuông mà chiêu cảm điềm lành, xây chùa cao đến tận mây, khắc tượng rất nhiều, sửa đài rộng rãi, vạch bụi cây vấn vít nơi Phạm Vũ của Bình Điền, thoát dạng tháp của vua A-dục, chẻ đá làm Kinh, nhóm của cải lập tạng. Hoặc trị bịnh ở Tỉnh Lạc, hoặc chuyển hóa người ở phu Trù, những người như thế vào nước khác dẫn dắt, hợp với lương môi của hai họ. Trời trăng phục căn chiếu suốt tối tăm nơi sân đình, càn khôn huyền tạc mở đầu mối của Hổn Độn. Sở hành rộng lớn, nối tiếp vận dài. Công Dương Tử có đến nói rằng: “Ấy là hạnh trên đối với dưới!” Có lời thơ rằng:

“Giáo của Ông thế, dân đều nghiệm xét,
Nguyện tôi luống trông lên mà học đó,
Khiến nhân từ Thánh tượng không đổ ngã xuống đất!”

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 29

CHƯƠNG MƯỜI: TẠP KHOA THANH ĐỨC

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG X

(chánh truyện có hai mươi sáu vị, phụ có sáu vị)

1. Truyện ngài Nhất trụ chùa Linh Ẩn ở Tiền Đường thời Nam Tống:(1)

Thích Trí Nhất, không rõ Sư là người xứ nào, Sư trụ chùa Linh Ẩn ở lưng chừng núi, ròng giữ khuôn phép giới luật, giỏi huýt sáo, huýt sáo rồi bèn dẫn âm thanh ấy vào trong tiếng, thầm vào trong mé mây, như thổi kèn lá như kéo tơ du, từ từ cử từ từ dương, đầy buồn đầy nghẹn, vù vù thê thiết, khiến người nghe buồn man mác, gọi đó là Phạm Của thông buồn. Vả lại, Sư rất sanh vật thiện, hoặc đối trước tôn tượng tán vịnh lưu loát. Ở bên bờ khe suối Linh Sơn, Sư nuôi một con vượn trắng, có lúc nó len núi vượt khe lâu mà chẳng trở về. Sư bèn mút môi trương cổ họng làm tiếng Phạm mà kêu gọi thì vượn đến liền. Người thời bấy giờ gọi nó là Vượn Trắng Phạm, và gọi Sư là Vượn Cha, giống như Thư Công! Bên bờ khe suối phía sau, bầy khỉ nhóm tụ, mỗi lúc vào trong tăng chúng thọ trai xong, Sư nhặt cơm dư đưa về chỗ vượn ở, sau đó bảo Sơn Đồng gọi vài ba tiếng thì bầy vượn đua nhau chạy đến. Mãi đến thời vua Võ Tông, thời Tiền Đường phế hủy Phật giáo, chùa ấy cũng bị phá hủy, trở thành gò cho cỏ xanh mọc tốt, cơm vượn ở đài, mọi việc đều bị phá hủy. Không rõ về sau Sư tịch ở đâu.

Nam Tống: Có lẽ nhầm lẫn Tiền Đường, xét theo văn truyện.

2. Truyện ngài Tuệ Ngưng ở Lạc Dương, thời Nguyên Ngụy:

Thích Tuệ Ngưng ở Lạc Dương, không rõ Sư là người xứ nào, trụ ở Lạc Ấp, không có tài nghề gì khác lạ, chỉ tu luyện tâm giới là chính. Có lần Sư bị nặng chết đi, bảy ngày sau sống lại, kể việc báo ứng ở

chốn Minh Phủ. Và thấy khu phân không hề sai mảy may. Đó là thấy về năm vị Sa-môn: Một là Sa-môn Trí Thánh ở chùa Bảo Minh, nhờ tu tập tọa thiền khổ hạnh, nên được sanh lên cõi trời, hai là Sa-môn Đạo Phẩm ở chùa Bát-nhã, tụng Kinh Niết-bàn bốn mươi quyển, đồng được như Sa-môn Trí Thánh, ba là Sa-môn Đàm-Mô-Tối ở chùa Dung Giác, giảng nói các Kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, thống lãnh đồ chúng cả ngàn vị. Vua Diêm-ma bảo rằng: "Người giảng kinh mà có tâm bỉ ngã xem thường mọi vật, đó là hạnh thô bậc nhất trong hàng Tỳ-kheo, nay hãy thử ngồi thiền, tụng Kinh xem!". Sa-môn Đàm-Mô-Tối nói: "Từ lúc lập thân đến nay, bần đạo chỉ ưa thích giảng Đạo, chứ không có khả năng ngồi thiền tụng kinh". Diêm Vương bảo: "Giao cho Ty". Liền có vài kẻ hầu áp đưa Đàm-Mô-Tối đến cửa Tây Bắc, phòng nhà đều tối tăm, dường như chẳng phải chỗ tốt lành. Bốn là Sa-môn Đạo Hằng ở chùa Thiền Lâm dạy dỗ khuyên dạy bốn chúng đàn việt tạo Nhất thiết Kinh và mười tôn tượng ở nhân gian. Diêm Vương bảo: "Thể của Sa-môn là phải nhiếp tâm giữ Đạo, đặt ý chí nơi thiền tụng, không liên can đến việc đời, chẳng chuyên việc phiền não. Tuy tạo Kinh tượng, chỉ muốn được tài vật của kẻ khác, đã có được tài vật thì tâm tham liền khởi. Đã nuôi lớn hạnh tham thì ba độc bừng cháy, đủ cả mọi thứ phiền não". Cũng như Sa-môn Đàm-Mô-Tối đồng vào cửa tối. Năm là Sa-môn Bảo Minh ở chùa Linh Giác, tự nói là lúc chưa xuất gia có làm chức Thái Thú Lũng Tây, xây dựng chùa Linh Giác, sau đó bỏ quan nhập Đạo, tuy chẳng ngồi thiền tụng kinh nhưng lễ bái không thiếu sót, Diêm Vương bảo: "Ngày ông làm Thái Thú, xử trị theo tà lý uổng pháp, cướp đoạt của cải dân chúng, giả tạo lập chùa đó, kỳ thực chẳng phải do sức lực của ông, thì nói ra đây làm gì?" Và cũng giao cho thanh y đưa vào trong cửa tối.

Sư do đó mà tỉnh ngộ. Vì lúc trước Diêm Vương sai sứ lại xem xét sổ ghi tên nên truy bắt nhầm Sư. Bấy giờ, Hồ Thái Hậu nghe thế bèn sai Hoàng môn Thị Lang Từ Hột y theo lời Sư nói mà tìm hỏi biển ngạch chùa và tên của các Sa-môn có hay không để tấu trình báo lại. Hoàng Môn báo lại rằng: "Tại Thành Đông có chùa Bảo Minh, Thành Nội có chùa Bát-nhã, thành Tây có ba chùa Dung Giác, Thiền Lâm và Linh Giác. Đồng thời các Sa-môn Trí Thánh, Đạo Phẩm, Đàm-Mô-Tối, Đạo Hằng và Bảo Minh đều là thật có". Thái Hậu bèn khen ngợi rất lâu, ban chiếu thỉnh một trăm vị tăng tọa thiền tụng kinh, thường ở tại nội điện mà cúng dường. Lại ban chiếu"không cho các Tỳ-kheo trì Kinh tượng". Tả Nhai Lộ cầu xin "Nếu người nào có của cải riêng muốn tạo

kinh tượng thì tùy ý”.

Sư vào núi Bạch Lộc, ẩn cư tu Đạo. Từ đó, các vị Tỳ-kheo ở Kinh Ấp trở xuống phần nhiều đều tu thiền quán, tụng trì các bộ Kinh pháp lớn.

Liên hệ thử bàn:

Sa-môn Đàm-Mô-Tối giảng Pháp mà phân biệt nhân ngã, do đó bị vào cửa tối. Nếu người ngồi thiền tụng kinh mà nhân ngã, tùy theo đó tăng lên, thì biết cũng chẳng khỏi. Sa-môn Đàm-Mô-Tối cùng Đạo Sĩ Khương Ban tranh luận công của Hộ Pháp, có thể bù đáp cho tội lỗi ở trước. Không thể cho rằng người truyền pháp đều đọa vào địa ngục, Hồ Thái Hậu thiên kiến chẳng mất. Than ôi!

3. Truyện ngài Viên Tướng trụ chùa Pháp Tụ ở phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Viên Tướng, người đất Thục, bảy tuổi xuất gia, thông hiểu nội ngoại giáo điển, khéo thuộc văn. Người thời bấy giờ gọi Sư là Kỳ Đồng. Bên trong chuyên tu luật Phạm, chẳng liên can đến việc người.

Niên hiệu Long Sóc thứ nhất (661), Sư bị bịnh nên thị tịch tại chùa Pháp Tụ. Lúc mở tay chân trong phòng có vầng cầu vồng dài như dãi lụa mà bay thẳng lên trời. Linh khánh của tháp chùa không gió mà tự kêu. Các bức tranh nơi của lớn, tường vách trong phòng nhà đều rơi xuống. Hằng đêm có tiếng trống kèn trải qua hơn trăm ngày sau mới dứt. Từ đó, chim sẻ không đậu ở nơi phòng nhà. Đến niên hiệu Hàm Hanh thứ 4 (673), cam lồ rưới xuống cây Tông Lư ở trước giảng đường.

Sau khi Sư tịch, đệ tử thâu góp văn tập hơn ba mươi quyển. Văn Bia nơi tượng đá trong chùa do Sư thảo từ cùng Cung Linh Khoáng đồng soạn.

4. Truyện ngài Tăng Đạt trụ chùa Diệu Hỷ ở Việt Châu thời Tiền Đường:

Thích Tăng Đạt, họ Vương, người ở xứ Cối Kê. Thuở nhỏ Sư anh minh kỳ đặc, chẳng đùa vui chơi giỡn. Sư xuất gia tại Đạo Tràng Diệu Hỷ ở Quy Sơn. Chùa đó xây dựng vào đầu thời Nam Lương (502).

Sau, Sư thích du phương, gặp được Tổ Sư Hoằng Nhẫn ở Huỳnh Mai, Sư như mạ non khô úa gặp được trời mưa, nên vâng theo tu thiền không hề ngơi nghỉ biếng trễ. Gặp được Thiền Sư Ấn Tông, lại được lau chùi gương tâm. Ngài đến Quang Châu gặp được Luật Sư Đạo Ngạn, lại khuyên gắng luật nghi. Bốn chúng nương tựa Sư như nước xuôi về

biển cả.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 (791), Sư thị hiện bị bịnh mà thị tịch, thọ tám mươ hai tuổi.

5. Truyện ngài Thần Đảnh ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Đảnh, không rõ Sư là người ở xứ nào. Tánh tình cao khiết mà thẳng thắn. Tóc Sư dài tới hai đầu chân mày, thường mang cái đấu đi khắp trong chợ Trương An, làm người hành khất, được thức ăn đem về nhà ăn. Mọi người hoặc cúng thí cho Sư lụa thô, vải xấu, hay bông tơ, lụa se, lưới, sa trun, v.v... Sư đều chấp nối khâu vá thành y mà đấp mặc không hề lựa chọn.

Có lần Sư vào trong chùa thấy Pháp sư Lợi Trinh đang giảng kinh pháp ở trước tòa, lắng nghe chốc lát rồi Sư hỏi Ngài Lợi Trinh rằng: "Muôn vật là định hay bất định?". Ngài Lợi Trinh đáp: "Định". Ngài hỏi: Nếu như lời Xà-lê nói là Định, vạy sao nhân bờ cao làm hang sâu, hang sâu làm gò cao? Có tử tức là sanh, có sanh tức là tử? Muôn vật cùng hợp lại trôi lăn trong sáu đường, thì làm sao là Định được?" Ngài Lợi Trinh lại bảo: "Vạn vật là bất định". Sư nói: "Nếu là bất định thì sao không chỉ trời là đất, gọi đất là trời? Vời sao làm trăng, bảo trăng làm sao? Như vậy làm sao bất định được?" Ngài Lợi Trinh không biết làm sao mà ứng đối! Bấy giờ đại chúng kinh hãi tài biện luận của Sư phát ra như nước chảy. Ngay như Pháp Sư Lợi Trinh là bậc học thức sâu rộng mà bị bẻ gãy đến nổi tỏ vẻ hổ thẹn.

Trương Văn Thành thấy vậy, ngợi khen Sư, bảo rằng: "Thấy Pháp Sư biện luận, tức là người ở hạnh vị Bồ-tát!" Sư bảo: "Bồ-tát được chẳng vui, mất chẳng oán, bị đánh chẳng giận, bị nhục chẳng sân. Còn tôi nay, xin được liền vui, chẳng được liền oán, bị đánh liền giận, bị nhục liền sân. Do đó mà xét thì còn cách Bồ-tát quá xa!" Bấy giờ, Dược Thố Ngạc chấp tay mà đi.

Liên hệ thử bàn:

Đáp lời hỏi của người, khéo léo mà chậm chạp chẳng bằng vụng về mà mau lẹ. Nay Truyện Gia Cách Cơ trăm năm luôn bày huấn đối! Thông đáp: "Hang sâu biến thành gò cao, dời đổi sanh lại tử qua, muôn vật cùng hợp lại xoay chuyển trong năm đường. Đó chính là Pháp chẳng đổi dời, có thể trái với Định ư? Trong Kinh nói: "Tướng thế gian là thường trú" chính là đó. Lại nói: "Trời đất trăng sao mỗi thứ tự ở điểm thường, song kết quy đều là ma diệt". Há chẳng bất định ư?" Trong Kinh nói: "Khi kiếp lửa thiêu đốt thì cả đại thiên đều chay rụi" là đó.

Nay, ngay nơi tướng thế gian bất hoại mà bàn luận thật tướng thì chẳng phải Định hay Bất Định ư? Định hay Bất Định đều là tướng giải thoát. Lại nói có mừng vui, có giận hờn thì chẳng phải Bồ-tát, Bồ-tát tuy có mừng giận mà chẳng phải mừng giận, chẳng phải Bồ-tát thì là ai? Nay hãy rủ bỏ sự áy náy chất chồng của Lợi Trinh.

6. Truyện ngài Hoằng Sư ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Hoằng Sư, người xứ Tề An. Vào niên hiệu Thần Long (705 - 707), Sư đến Kinh đô, dáng vẻ cao ngạo tự giữ mà ít nói. Nói thì quỷ quái. Sư lại rất giỏi về học thuật địa lý, đoán chọn mồ mả, quách cảnh thuần nhất thuộc về ác hạnh. Sư vào ra nơi cửa của Vân Công Vi An Thạch, cùng Vi An Thạch rất khắng khít. Một hôm, Sư nói với Vi An Thạch rằng: “Bần đạo thấy ở gò Phụng Lâu có một khoảnh đất rộng chừng hai mươi mẫu, hình dạng như rồng uốn lượn. Nếu có cất giữ ở đó thì sẽ nhiều đời ở đài đảnh”. Vi An Thạch nói:”Lão phu có biệt thự ở phía Nam thành, đợi lúc rảnh rỗi, xin mời Quốc Sư đến tận chỗ đất mà dò xét. Hỏi giá bao nhiêu, đồng đến suối rừng, lại giúp cao hứng. Ngày khác, Vi An Thạch tìm phương hướng trước bảo chuẩn bị xa giá cùng đi. Phu nhân của Vi An Thạch nói rằng: “Lệnh công là Đại Thần của vua. Quốc Sư là người thông rành âm dương số thuật, vì sao lại lẩn trốn ra ngoài thành mà kinh doanh sanh tàng? Đó là việc không nên làm!” Bèn thôi. Vi An Thạch nói: “Em ruột là Thao có đứa con trai bị chết chưa chôn”, bèn chỉ chỗ đất đó”. Sư bảo: “Nếu hiền đệ được chỗ đất đó, ngày sau không cùng được làm tướng mà chỉ xếp vào hàng khanh mà thôi”. Thao mua đất đó mà chôn đứa con chết, sau làm Thái Thường Khanh Lễ Nghi Sứ rồi qua đời.

Ngài thường đi xem núi gò mà làm đồ trạng. Có lần ở Lạc Đông, nói với Trương Thuyết rằng: “Ở phía trái đường Khuyết Môn có sườn núi đẹp, thừa tướng có thể dùng đó”. Trương Thuyết nói: “Đã ở địa vị trên hết mọi người, nhân thần tốt, ai hơn nữa”. Sư bảo: “Không người nào hơn”. Trương Thuyết bèn hỏi Nguyên Giám Sát Càn Diệu rằng: “Người trước có di chỉ “. Sau, Càn Diệu xin n ghỉ ở Đông Lạc, dời phụng mà trở về. Khi đó đã qua năm sau. Sư lại đến Khuyết Môn, đất đỏ đã thành Mồ mả, hỏi người ở đó trả lời rằng: “Đó là Tùng Bá của họ Nguyên”. Sư bảo: “Minh số hợp quy về họ Nguyên, hãy ngồi đợi nó biến hóa”. Chưa đầy vài năm sau, quả nhiên Càn Diệu lên ngôi.

Sư từng răn bảo Yên Công rằng: “nhà ở chớ lấy theo hướng Tây Bắc”. Sau thành hầm, hai ba chỗ thành hang, Sư kinh hãi bảo Yên Công

rằng: "Việc họa giúp ông giàu sang một mình, hai mươi năm sau họa sẽ đến hiền lang". Đến lúc đều, nhận ngụy quan của Lộc Sơn, vua Túc Tông (756 - 763) lấy lại Kinh đô, dùng luận giảm tội chết, nhưng Thái Thượng Hoàng chấp chặt khiến xử chém, đều hợp với lời Sư nói.

Dưới thời vua Trung Tông (705 - 710) Vua Dục Tông (710 - 712) đều tôn sùng kính trọng Sư, xưng gọi là Quốc Sư. Những lời doán trước của Sư không hề có sai lầm.

7. Truyện ngài Tuệ Nhật trụ chùa Võng Cực ở Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Nhật, họ Tân, người ở xứ Đông Lai, dưới thời vua Trung Tông (705 - 710), Sư được độ xuất gia. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, gặp được Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh soạn Nhất Thừa Chi Cực, đích thân đến Thiên Trúc, tâm thường kính mến. Sư bèn Phát thệ nguyện đi Tây Vực. Ban đầu, nương thuyền trôi nổi vượt biển trải qua ba năm, đi khắp các nước Côn Lôn, Phật Thệ, Sư tử châu v.v... thuộc Đông Nam Hải mới đến Thiên Trúc, Sư đảnh lễ tham yết các Thánh Tích, tìm cầu bản Phạm, phỏng hỏi các bậc thiện tri thức suốt mười ba năm. Sư học hỏi các Pháp huấn, nghĩ muốn làm việc lợi người, bèn chống tích trở về quê hương một mình riêng lẻ. Các vùng tuyết lãnh hồ hương lại vượt qua bốn năm. Sư đã trải qua lắm thứ khổ nhọc, rất nhàm chán cõi Diêm-phù. Nước nào chỉ có vui không khổ? Pháp nào hạnh nào tu mau thành Phật? Sư hỏi khắp các Tam Tạng Pháp Sư ở Thiên Trúc, các học giả thảy đều khen ngợi Tịnh Độ, lại hợp với miệng vàng, pháp ấy rất nhanh chóng, là con đường tu trong một đời kiếp, khi xả bỏ báo thân này sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, gần gũi được kính thờ Đức Phật A-di-đà. Sư nghe thế rồi bèn đảnh lễ thọ nhận.

Sư dần đến nước Kiền-đà-la ở phía Bắc Ấn-Độ. Phía Đông Bắc của Vương Thành có một ngọn núi lớn, ở núi đó có tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Người có tâm chí thành kính cầu nguyện, thường được thấy Bồ-tát hiện thân. Sư bèn đến đó, suốt bảy ngày đêm cúi đầu, bỏ ăn, dốc hết sinh mạng làm kỳ hạn. Đến ngày thứ bảy, khi đó chưa quá nửa đêm, Bồ-tát Quán Thế Âm từ giữa hư không hiện sắc tướng vàng tía, thân cao hơn trượng, ngồi trên hoa sen báu, duỗi cánh tay phải xoa đảnh đầu Sư, bảo rằng: "Ông muốn truyền Pháp tự lợi tự tha, thế giới Cực Lạc ở Tây Phương Tịnh Độ, là cõi nước của Phật A-di-đà. Khuyên ông nên niệm Phật tụng kinh, hồi hướng cầu nguyện vãng sanh về nước ấy, sẽ được thấy Phật và ta, được lợi ích lớn. Ông phải tự biết Pháp Môn

Tịnh Độ cao quý hơn cả các hạnh". Nói xong, Bồ-tát biến mất. Sư bỏ ăn thân tâm khốn khổ, nghe thế tự nhiên mạnh khỏe. Đến lúc Sư vượt Thông Lãnh trở về phương Đông, tính suốt hành trình đi qua hơn bảy mươi nước, và tất cả suốt mười bảy năm.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 (719) Sư mới về đến Trường An, dâng lên vua chân dung Phật tượng, kinh điển bản Phạm v.v... và khai ngộ tâm nhà Vua.Vua Huyền Tông ban tặng Sư hiệu là Từ Mẫn Tam Tạng. Thuở bình sanh Sư chuyên tu Tịnh Độ, có soạn "Vãng Sanh Tịnh Độ Tập" lưu hành ở đời. Đạo của Sư và đạo của các vị Thiện Đạo, Thiếu Khang tuy khác thời mà đồng hóa. Lại vì tăng chúng phần nhiều nhận lầm về Hưng-Cừ trong Ngũ Tân, Hưng-Cừ mọi ngươi nói đều khác nhau, có người bảo là Vân Đài, Hồ Tuy, có người bảo là A Ngùy. Trong Tịnh Độ Tập Biệt Hành Thư nói rằng: "Ngũ Tân, ở xứ này chỉ có bốn thứ đó là tỏi, hẹ, hành, kiệu còn thiếu Hưng Cừ. Tiếng Phạm nói hơi sai nhầm, đúng phải nói là Hình-Cụ. Ở các nước khác không thấy, khi trở về Sư đến nước Vu-Điền mới được thấy nó, rễ nó thô như rễ của Tế man thanh mà mầu trắng, mùi hôi như tỏi. Người ở nước đó trồng để láy rễ mà ăn. Khi đó đang là mùa Đông nên không thấy được cành lá. Còn Vân Đài và Hồ tuy chẳng phải là các thứ trong Ngũ Tân nên ăn nó không tội". Đích thân Sư thấy và xem xét như thế.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 7 (748), Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi chín tuổi, an táng tại gò Bạch Lộc, xây ngôi tháp nhỏ để thờ.

Thứ nữa, có Pháp Sư Chân trụ chùa Hưu Quang ở Dư Dao. Sư người xứ Kim Hoa, họ Vương. Sư từ giã gia đình từ nhỏ, tuổi còn bé đã đồng mong ngộ đạo, phát đại tinh tấn, giữ chắc giới hạnh, trong pháp môn có nhiều người xuất gia. Sư học tập thầy, nghĩa xưa thành Tiên Thánh. Lý của tám bộ kinh thấy rõ như chỉ trong lòng bàn tay, nguồn Pháp Tam Thừa thảy đều rảo khắp ở trong.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ 6 (748), Thái Thú Tần Công, Trưởng Sứ Địch Công biết được cao hạnh của Sư, bèn tiến cửa Sư làm chủ chùa Hưu Quang. Cả hai ông thường nói với nhau rằng: "Pháp sư Chân hiểu sâu diệu pháp, giáo nghĩa Vô Thượng, hỏi một được ba, mở lời liền ứng hưởng. Xưa kia, Các vị Lợi Thiệp, Biện Bác, Tăng Hội, Trí Châu ngang hàng với Phpá sư Chân, nhưng không cùng ngày. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 8 (850) Sư thị tịch tại chùa.

Bổn Huyện Lệnh Vương Toại khắc bài minh thuật lại đức hạnh của Sư, Hồng Nguyên Đốc viết chữ.

8. Truyện ngài Thần Huýnh trụ chùa Đại Vũ ở Việt Châu thời Tiền Đường:

Thích Thần Huýnh, không biết Sư là người xứ nào. Từ thuở nhỏ đã vào dòng Pháp, tự giữ trang nghiêm, tiết cao hạnh vọi, chẳng xấu mà nghiêm. Về già, Sư kính mến Luật Sư Đại Nghĩa ở chùa Xứng tâm, đồng tập giáo nghĩa Tam Quán ở Tông Thiên Thai, thành đạt diệu chỉ ở Thiền Sư Tả Khê. Lúc đó nhằm niên hiệu Bảo Ứng (762 – 763), Sư lại khéo giỏi bút từ hoằng thiện, hoa tảo phân vân, vẽ họa chân hơn ảnh của Lãng Sư, Viết lời tựa cho Tán Pháp Hoa Kinh Văn Cú. Sư đứng đầu ở đương thời, được người đời quý trọng. Không rõ về sau Sư tịch ở đâu.

9. Truyện ngài Thuần Đà trụ chùa Trấn Quốc ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Thuần Đà, vốn người Tây Vực. Tiếng Phạm tên Sư không rõ, chỉ dịch thành Hoa văn như vậy. Sư thong dong đi khắp thôn ấp, được mọi người khâm phục kính trọng.

Vào niên hiệu Thượng Nguyên (760 - 762) Sư nói đi đến Đông độ, mọi người thấy dung mạo Sư như nhan sắc trẻ nhỏ. Sư nói đã sáu trăm tuổi, lời nói khí trạng của Sư đều không suy yếu. Vua Đại Tông nghe thế, ban chiếu thỉnh Sư vào cung. Kính lễ mừng gặp rất nồng hậu, theo cầu đạo sống lâu năm. Sư bảo: “Tâm thần khéo tĩnh lặng, nay bám trần cảnh, làm sao theo minh tịch được? Nếu xa lìa sự vắng lặng, muốn được sống lâu năm, như leo lên cây mà hái hoa sen thì có thể được chăng? Bệ hạ muốn sống được lâu năm, phải do giản khiết an thần. Thần an thì thọ mạng lâu dài, ít ham muốn thì thân an, trừ phương cách đó, thật bần đạo không biết cách nào nữa vậy!”. Vua càng dốc lòng kính trọng Sư.

Đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ 3 (niên hiệu Vĩnh Thái chỉ có hai năm 765 và 766) Sư tự biết sắp tịch, bèn sai đệ tử mang y bát đến dâng Vua. Vua Đại Tông ban tặng cho đệ tử Sư pháp y sắc tía. Sư thị tịch tại chùa Trấn Quốc.

10. Truyện ngài Đạo Thúy trụ chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

Thích Đạo Thúy, không rõ Sư người xứ nào, Sư hiểu có trí hiểu biết sâu xa, giữ chí thường hằng, thấu suốt chân tông chẳng do tà thuật, cuối cùng Sư mở mang giáo đạo của Đại Sư Trí Giả người đời Tùy, bởi Sư vốn đạt được huyền vi dưới cửa Kinh Khê, đạp khó khăn để trông

nhìn.

Vào niên hiệu Đại Lịch (766 - 780), Đại Sư Phạm Nhiên giao phó cho “Chỉ Quán Phụ Hành Ký”. Sư được bộ nầy phô diễn như ngựa Thần Ký có thể đi đến nơi xa. Bấy giờ, có bạn đồng môn là Nguyên Hạo, xa biết sợ phục mà không thể tranh sở trường.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 21 (805), có Sa-môn Tối Trừng vốn người nước Nhật-Bổn, cũng là vị tăng minh mẫn Đông Di Hủy phục Trung cương quyết. Sư trôi nổi vượt biển đi đến Giang Đông, kính mến pháp môn của Thiên Thai, tìm cầu Thiền quyết của Đại Sư Trí Khải. Gặp lúc Ngài Đạo Thúy giảng dạy ủy khúc chỉ giáo, Ngài Tối Trừng đạt được yếu chỉ, bèn chép trọn bộ “Nhất Hạnh Giáo Pháp” để mang về Nhật Bổn. Song, lo như có người hỏi nghe từ đâu và được ai ấn chứng, khiến đề phòng nghi lầm, nên mới đến Bang Bá làm Viện chứng. Bấy giờ, Thứ Sử Thai Châu là Lục Thuần phán rằng: “Tối Trừng Xà-Lê (Đại Sư Tối Trừng) hình tuy khác địa vực, nhưng tánh thật đồng cội nguồn. Đặc biệt bẩm sanh biết xúc loại huyền giải, xa truyền giáo chỉ Tông Thiên Thai, lại gặp được Long Trượng Thúy Công, gồm thâu muôn hạnh trong nhất tâm, thấu suốt đường vào Tam Quán, gần nương bí mật, lý dứt danh ngôn, còn lo sợ học chúng ở phương khác chưa dám tin nhận nên cầu xin ấn ký, sao có thể chẳng nhận làm bằng chứng...!” Ngài Tối Trừng bèn theo đường biển mà trở về nước, mang giáo pháp của chỉ một núi hiệu là Thiên Thai, một chùa là Quốc Thanh. Như gió bay điện chớp, giáo pháp ấy hành hóa rộng khắp. Vị tăng thấp lùn nhỏ bé (Tối Trừng) xa tôn sùng Sư làm Tổ Sư.

Về sau, Sư tịch tại chùa Sư ở.

11. Truyện ngài Tấn Bình trụ núi Tây Ẩn ở Quận Hoài An, thời Tiền Đường:

Thích Tấn Bình, họ Ngô, người ở xứ Kinh Triệu, sớm xuất gia tại viện Minh Phước ở núi Vĩnh An. Sư có phong thái thanh nhã. Các kinh luận lớn, Sư thảy đều tìm nghiên cứu, chuốt văn luyện chú khiến người thích nghe, sau Sư tư duy về Thiền Quán, gặp được ngài Thần Hội, Hà Trạch mà liễu ngộ. Sư nói: “Rất chẳng từ bên ngoài mà biết, chỗ biết khó thế ư!”. Sau đến Đường Châu, Ngài ở tại núi Tây Ẩn, Thứ Sử Trịnh Văn Giản thỉnh Sư vào thành mở mang tông chỉ. Sư thị tịch năm tám mươi mốt tuổi. Tháng 3 niên hiệu Đại Lịch thứ 14 (779) nhập tháp.

12. Truyện ngài Đạo Ẩn trụ viện Nhị Thánh, ở Nam Sơn, thuộc

Ninh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ẩn, họ Vương, người ở xứ Bình Nguyên, phong vũ cao kỳ, tánh tình rỗng lặng. Từ thuở thiếu thời, Sư đã vượt thoát trần lao, thệ nguyện theo Xung Mạc. Đã nương tựa Sư Phạm, nhân đó phát thệ du phương, gặp được Thiền Sư Hà Trạch mà chóng rõ nguồn tâm.

Đến lúc Sư trở về quê cũ, tiếng tăm Đạo Hạnh lan xa, người kính mến giáo pháp ấy như lên chợ Hoa Âm, chẳng vời gọi mà tự đến, đàn việt cúng thí tấp nập, xây thành Tinh xá. Cuối tháng 3 niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), Sư dặn dò bốn chúng. Đến nửa đêm, Sư ngồi kiết già mà thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi lăm hạ lạp. Đệ tử là Biện Chân xây tháp để thờ. Đến nay hai tòa tháp Thầy trò toàn thân không rã hoại. Mọi người bàn nhau cho đó là chân chánh đắc đạo, khi ấy cũng vậy. Thí như cái đảnh luyện đơn, thuốc thành thì đảnh cũng hóa vàng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói có các vị Bồ-tát thành tựu"Như hư không nhẫn", chứng đắc "Vô lai thân" vì vô khứ, thành đạt "Bất sanh thân" vì bất diệt, đạt được "Bất tụ thân" vì không có tan hoại. Đối với Ngài Đạo Ẩn cũng có nghĩa như thế.

13. Truyện ngài Đạo Ngộ ở Đào Sơn, thuộc Ôn Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ngộ, không biết Sư là người xứ nào. Sư là người có thú hướng cao xa, thức lượng khó lường. Sau cùng Sư trụ ở Tinh Xá bên cạnh Đào Sơn, thuộc Vĩnh Gia, là chỗ của ẩn tu của Chân Cáo. Vào niên hiệu Đại Lịch (766 - 780), vua Đại Tông vì Ẩn Chân Quân mà xây dựng tinh xá ở đó. Sư trụ tại đó, tấn tu chẳng biếng trễ, mọi người cũng đều khuynh tâm kính ngưỡng. Một đêm, Sư ngồi Kiết già mà thị tịch, thân thịt không nát rã. Mọi người bàn nhau không trà-tỳ hay an táng. Sau năm năm, tự nhiên Sư đưa cánh tay phải lên, tướng trạng như truyền hương. Quan liêu thứ dân khắp châu đều lấy làm lạ đó, bèn đem việc ấy tấu trình, nhà vua ban tặng Pháp Y sắc tía, và sắc phong thụy hiệu là "Thật Tướng Đại Sư". Đến nay, tháp thờ Sư hiện ở Trung Châu. Dân chúng cầu nguyện dâng cúng tràng hoa rất nhiều.

Liên hệ thử bàn:

Phàm các vị khi nhập diệt đưa ngón tay mình lên, đó là chỉ bày dã đắc quả vị trong bốn quả Sa-môn. Xưa kia, ngài Cầu-Na-Bạt-Ma đưa hai ngón tay mà thị tịch tức là muốn nói đã chứng đắc Nhị quả. Thứ nữa, có Ngài Pháp Kinh, lúc thị tịch cong ba ngón tay, Ngài Tuệ Cảnh nắm duỗi ra thì gở lấy rồi cong lại như cũ. Nay, sự đưa bày tay của Ngài Đạo

Ngộ há chẳng đồng với việc ấy ư.

14. Truyện ngài Hoan Hỷ ở Kinh Triệu thời Tiền Đường:

Thích Hoan Hỷ, không rõ Sư là người xứ nào. Tánh tình Sư không ràng buộc, tư nhẫn khoan hòa, mọi người không hề thấy Sư có sắc thái nóng giận, nên xưng hiệu Sư là Hoan hỷ. Xem cái ve vang của đất nước mà đến nơi cung quyết, quý tới hạ dân thỉnh mời Sư, ít thấy chống trái. Ngài nói năng bất thường, có lắm sự tích khó lường biết.

Vua Đức Tông nghe thế mà quý trọng, niên hiệu Hưng Nguyên thứ 12, vua ban sắc thiết lập giới đàn độ tăng tại chùa Vĩnh Thái. Bấy giờ, Sư cùng với Bảo Đường Thiền Tông, riêng được sắc ban thọ giới. Đến ngáy 19 tháng 6 năm đó, Sư thị tịch tại chùa Vĩnh Thái.

Kế nữa, có Ngài Thích Vô Trắc trụ chùa Vân Môn ở Cối Kê. Sư là người nước ngoài, không biết Sư sanh ở Nam hay Bắc Thông Lãnh. Sư vừa như người Hồ vừa như người Phạm, nên không sao phân biệt được. Vào niên hiệu Kiến Trung (783 - 784) Sư vượt bãi sa mạc đi đến phương Đông. Có được chỗ vừa ý thì Sư dùng ở qua mùa Đông mùa Hạ. Sau, Sư đến trụ chùa Vân Môn ở Việt Khê, tu đạo mà khéo hiểu được ý người, nên mọi người gọi Sư là "Lợi Trí Phạm Tăng". Tương truyền cho rằng Sư là thân sau của Đạo Nhân Khương Bảo Nguyệt, hẳn từng lấy việc chứng nghiệm mà biết. Gặp gỡ các bậc danh đức thì Sư cùng đàm luận thâu đêm, nên Ngài Kiểu Nhiên ở Ngô Hưng viết trên vách tường phòng Sư rằng:

"Vượt núi ngàn muôn, cửa mây dứt
Tăng Tây dáng cũ Khương Bảo Nguyệt
Trời trong quét đá hành đạo về
Ngủ dưới rừng Thiền, xem thông tuyết".

Hình trạng Sư cao xa, có thể trông nhìn nơi họa từ.

15. Truyện ngài Kiểu Nhiên trụ tại Trữ Sơn ở Hồ Châu, thời Tiền Đướng:

Thích Kiểu Nhiên, tên là Họa, họ Tạ, người ở xứ Trường Thành, là cháu đời thứ 10 của Khương Lạc Hầu. Thuở nhỏ, Sư đã có tài khác thường, tánh hợp với Đạo. Ban đầu dứt khoát buộc ràng, dần hồi cạo tóc xuất gia. Sư thọ giới cụ túc tại giới đàn chùa Linh Ẩn, nương tựa Luật Sư Thủ Trực mà thọ học tỳ-ni. Đặc biệt Sư lưu tâm ở thiên Thập Trọng. Sư có tánh thích ngâm vịnh, cái gọi là đạt đến huyền vi vậy, văn chương lại

bóng bẩy, người thời bấy giờ gọi Sư là “Thích Môn Vĩ Khí”!

Sau, tham phỏng khắp các danh sơn, các Pháp Tịch ít nơi chẳng đến nghe giảng, nhưng Ngài kiêm công đều tiến, các loại tử sử Kinh thư mỗi mỗi đều đạt đến cùng cực. Hễ Sư đến chốn Kinh đô thì công tướng kính trọng, vào các quận ấp thì ở đó khâm phục. Nơi nào đầu tiên Sư cũng dùng thi cú dẫn dắt khuyên người vào Phật trí, đó là bổn ý hành hóa. Từ đó cho đến tuổi trung niên, Sư đến tham yết các vị Thiền Tổ, tỏ rõ pháp môn tâm địa. Sư và Đại Sư Nguyên Hạo ở núi Võ Khâu, Đại Sư Linh Triệt ở Cối Kê kết làm bạn Đạo. Nên dương thời có lời truyền rằng: “Họa của Kiểu Nhiên làm cho thanh tú”.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhất (785) Sư đến Thảo Đường ở Đông Khê, muốn dứt nghĩ thi đạo, chẳng phải ý của Thiền giả, tự răn mình rằng: “Xưa khiến người có hiểu biết rộng rãi như Tuyên Ni đều là bề tôi học rộng, suốt ngày trước mắt khoe Đạo bày nghĩa, vừa đủ để khuấy nhiễu chân tánh ta. Đâu như thông lẻ áng mây, Thiền tọa cùng đối đáp, không lời mà hợp Đạo, rất tĩnh lặng mà tánh đồng! Ta sắp đến Trữ Phong, cùng thông Mây làm chỗ tình cờ gặp gỡ, sáng tác thi thức và các văn bút đều trầm lắng mà chẳng ghi chép”. Nhân đó, xoay nhìn lại bút nghiên mà Sư bảo rằng: “Ta mệt mỏi, ngươi phải chăm làm, ngươi khốn nhọc, ta ngu mê. Trong mấy mươi năm, hoàn toàn không có thất. Huống gì vật bên ngoài, làm sao liên lụy đến người ư? Ở đã vô tâm, đi cũng vô ngã, sẽ phóng thả ngươi, đều tự trở về bổn tánh, khiến vật tự là vật chẳng liên hệ tới người, há chẳng vui ư?” Sư bèn bảo đệ tử phế bỏ.

Đến tháng 5 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 5 (789), gặp Tiền Ngự Sử Trung Thừa Lý Hồng từ Hà Bắc dời về Hồ Thủ. Ban đầu, vừa mới gặp chưa xả giao một lời mà mừng vui như thần hợp. Lý Hồng vốn biết Sư tinh thông Phật lý, nhân đó mà thưa hỏi điều lợi ích. Trước hỏi về cội nguồn tông phong, kế hỏi tiếp về Tâm ấn. Sư cười và sau đó mới đáp. Ngày khác, nói đến nghi thức, Lý Hồng bày tỏ tất cả ý chí năm xưa. Ngài bảo: “Chẳng phải vậy!” Sư có bảo môn nhân xem xét lại các bản thảo, xem qua một lượt mà khen ngợi rằng:”Năm Trước từng thấy Thẩm Ước Phẩm Tảo, Tuệ Lâm Hàn Lâm, Dữu Tín Thi Châm, điều luận bàn của cả ba người rất khác mà chẳng bằng đây. Cớ sao học Tiểu thừa, có sự thấy biết hẹp hòi, lấy túc chí làm tà từ?”, bèn nêu từ nhân ấp trung là Ngô Quý Đức tức con cháu của Thường Thị Quân đời Lương. Ông ấy văn vẻ có gia phong, ta rất mến quý. Sư lấy Lục Hồng Tiệm làm bạn chẳng trái nghịch, Tướng Quốc Vu Công Địch Nhan, Lỗ Công Chân Khanh bảo sửa sang “Tán Vận Hải” hơn hai mươi quyển, khéo

soạn "Ngũ Tạp To biển", dùng ý kỳ hiểm, thật chẳng nhục con cháu xa xôi của Giang Nam Tạ. Sư ý chí thanh tịnh, tâm tánh cao xa, phù danh bạc lợi chẳng thể cám dỗ. Sư chuyên ở núi rừng qua lại với các Đạo giả, nên trọn đời không có sắc đọa.

Sư lại thiết lập minh trai (cúng thí kẻ âm), bởi theo Đại Sĩ Tiêu Diện nên cúng thí cho quỷ thần ăn. Xưa, Sư trụ tại chùa Hưng Quốc ở trong Châu, khởi ý tự quyên bỏ y đãy mà cúng thí, từng có Quân Lại Thẩm Chiêu, vốn là người Đức Thanh, ban đêm từ Châu đi ra, cưỡi ngựa đến cầu Lạc Đà, dưới ánh trăng sáng tỏ thấy mấy người ăn mặc như quan, Thẩm Chiêu lấy làm lạ hỏi: "Từ đâu đến đây?" Đáp rằng: "Ở đền thờ Hạng Vương ở phía Đông chùa Quốc Hưng có Ngài Kiểu Nhiên thiết lập minh trai nên ở đó dò xét". Sáng hôm sau, Thẩm Chiêu sang dò xét quả thật là quỷ vật. Lại có Trường Thành Củ Tư Tiền Bái đi làm việc cực nhọc, ghé thuyền ở phía Nam Lã Sơn, thấy mấy trăm người được đồ ăn phi đề mang bó lụa vui vẻ nói cười mà đi qua, bèn hỏi về nguyên do thì đáp là "đến nơi trai hội của Ngài Kiểu Nhiên".

Bấy giờ, Nhan Lỗ Công làm thứ quận sớm biết việc giao du mà còn sùng phụng. Tháng Giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ 8 (792), ban sắc viết về văn tập của Sư nhập vào Bí các. Trong nước lấy làm vinh hạnh, xem đọc văn ấy nhiều lượt mà chẳng nhàm chán. Hợp luật thanh trang cũng là một đời tài giỏi.

Thuở bình sanh, Sư thường cùng với Vi Ứng Vật, Lư Ấu Bình, Ngô Quý Đức, Lý Ngọc Hoàng, Phủ Tăng, Lương Túc, Thôi Tử Hướng, Tiết Phúng, Lã VỊ, Dương Quỳ, hoặc là trâm cài, dây thao quấn buộc, hoặc là áo vải, cùng đó giao kết hẳn cao ngâm vui Đạo. Với người cùng Đạo, thì Sư mới định giáo kết, cho nên soạn "Nho Thích giao du truyện" và "Nội điển loại tụ" tất cả bốn mươi quyển, "Hiệu Noa Tử mười quyển", người đương thời tôn trọng mà truyền bá.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 4 (809) Thái Thú Phạm Truyền Chánh, Sa-môn Thích Linh Triệt ở Cối Kê đồng sang viện cũ đến nơi ảnh đường kính viếng nhớ thương giây lâu, bèn đề tựa rằng:

"Đạo An trở lại ở làng nào
Tuệ Viễn đi qua thảo đường xưa
Ta cũng đương thời và môn giả
Đồng ngâm cân hay đốt cây hương".

Ngài để lại đức hạnh mà các bậc Hậu Hiền kính mến nối tiếp có đến như thế.

Lại nữa, có ngài Thích Pháp Lâm trụ núi Đại Thạch ở Hoàng Châu

cũng thuộc thời Tiền Đường, Sư họ Nguyên, người ở xứ Kinh Châu. Cha của Sư làm Tương Dương phán ty, vốn rất kính mến Phật giáo. Từ thuở nhỏ, Sư đã ưa thích cửa Phật, thường hay xem xét, sớm biết giã từ người thân, đến Đại Sư Khiêm Trước ở chùa Huyền Tĩnh xin xuất gia. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, tự thân Sư đến đảnh lễ Tổ Sư Hà Trạch, mới khế chứng chân tâm. Sau, Sư đến Hoàng Pha, cắt tranh dựng thất, sau trở thành Đại Viện, nhóm tụ thiền tăng ở bốn phương cùng đến tu tập. Sư thị tịch năm tám mươi hai tuổi, ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Hưng Nguyên thứ 2 (758) nhập tháp.

16.Truyện ngài Hoài Không trụ núi Định An ở An Lục, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Không, họ Thương, người ở xứ Hà Dương, là con của Cao Lương. Thuở nhỏ, Sư rất mạnh khỏe, mới giã từ thân thích, đến viện Quảng Phước, ở núi Đại Đô thuộc trong bổn châu xin xuất gia. Thiền sư Đại Minh thầm biết Sư có khí chất chẳng phải bình thường, bèn chỉ dạy Sư trì tụng các kinh.

Sau khi thọ Pháp, Sư du phương tham quán khắp kinh đô, gặp lúc Thiền sư Thần Tú đang mở mang hoằng hóa, Sư bèn đến đó và được dứt nghi. Sau Sư đến núi Định An ở An Lục, bỗng gặp một ông lão khuyên: “Sư trấn yểm dòng sông tại đó, tôi được đượm nhuần lợi ích lớn”. Ngài bèn cất am tranh mà ở. Ông lão trước kia là thần Thổ Địa ở đó. Về sau, nhân dân chúng trong thôn xóm đuổi hổ vào núi, thấy Sư, vui mừng mà thưa với Sư rằng:”Trong núi này có lắm hổ hung dữ, dân chúng trong thôn lạc chẳng an. Xin Hòa-thượng chỉ bày phương pháp diệt trừ tai ương ấy”. Sư bảo: “Hổ cũng là chúng sanh. Nếu giết hại nó, nó sẽ đến báo trả, cứ xoay vần đền báo như thế đến bao giờ mới dứt ư! Lão tăng vì các người mà chỉ bày pháp lành có thể khẩn cầu cho nó đi”. Mọi người trong thôn thưa rằng: “Ngu hạ chúng con không biết, xin nghe theo lời chỉ dạy mà làm”. Sư bảo: “Các người trở về nhà đồng tâm thiết lập đạo tràng, cúng thí đại hội”. Sư đến dự trong Pháp hội, đến tối hôm đó, có con hổ đến trước am, nằm nhắm mắt. Sư bảo: “Này! Loài thú hung dữ. Quả báo một đời chưa dứt, lại chất chồng lên lắm ương lụy, cắn ăn người thường như thế, trời không giết thì chết cũng đọa vào địa ngục. Ta rất thương xót cho ngươi!” Hổ bị quở trách rồi từ từ quay đầu mà đi. Sáng hôm sau trai hội hoàn mãn, Sư trở về núi, thấy con hổ đó nằm ở trước am và dẫn theo bảy hổ con. Sư cho các thức ăn thừa. Chúng nó mỗi con tự ăn xong, Sư sám hối cho nó. Bảy con hổ lần lượt đều mất,

trăm họ cùng nhau mừng vui, thưa rằng: "Theo Sư ở đây, trong thế tục không còn mắc phải các chứng bịnh dịch". Tới mùa lúa thóc chín gặt, mang đến cúng dường rồi ra về.

Bấy giờ, Trương Liêu Đại Phu làm Châu Mục, sai Phủ lại Mộ Dung Hưng sang thỉnh Sư vào Châu. Sư cảm tạ, cáo bịnh mà chẳng đến. Bộ lãnh công thợ vì dựng lập Thiền cung hoàn tất, Sư thị hiện bị bịnh mà thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Ngày 16 tháng 3 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 3 (787 trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi nhập tháp.

17. Truyện ngài Tuệ Diễn ở Lễ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Diễn, họ Miêu, người ở xứ Tương Dương. Cha của Sư làm Đông Bình Liệu Tào. Thuở nhỏ, Sư vào chùa Khai Nguyên nghe Kinh mà vui mừng, xin Pháp Sư Biện Chương độ thoát. Thường ngày, Ngài Biện Chương giảngkinh Niết-bàn, Sư thường theo nghe mà nhập thần. Đã tinh thông nghĩa sâu lại giỏi giảng nói. Một hôm, Sư kết bạn đồng đến Hoa Hạ, định lên đỉnh núi Mao An để xem bàn tay tiên, trên đường ra Lạc Trung bèn tham yết Tổ Sư Hà Trạch, thông đạt Đại Quán. Nhân đó Sư đến Nam Nhạc, trụ ỡ Lễ Dương. Tại Giang Nam có lắm người đắc đạo.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 12 (797), Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

18. Truyện ngài Hạnh Giác trụ chùa Quốc Xương, ở Kinh Châu, thời Tiền Đường.

Thích Hạnh Giác, họ Lưu, người ở xứ Cự Lộc. Thuở nhỏ, Sư khôi ngô thông minh, đứng chẳng đổi hướng, mang chí xuất gia, cha mẹ khó khuyên ngăn. Sư sớm vào chùa Vĩnh Thái trong Bổn Quận xuất gia.

Sau khi thọ giới, Sư đến Lạc Đô, gặp được Thiền sư Thần Hội, nên khai ngộ huyền lý, giữ tâm gắn vết. Đến lúc du phương, thấy ngôi chùa cổ ở Giang Lăng, điện vũ đổ nát mà hoang vắng không người, Sư bèn cởi đãy chống tích dừng trụ ở đây. Sáng hôm sau, Sư gặp một tiều phu, ông ấy lấy làm lạ bảo rằng: "Đó là chùa Quốc Xương đã bị hoang phế suốt ba đời vua!" Sư cũng biết người và việc nhân nhau, đạo theo duyên hội tụ, học giả tìm tới, người trong làng đua nhau kéo đến, xây dựng thành một ngôi chùa. Bấy giờ, Tiết Sứ Thôi Thượng thư thỉnh Sư vào thành nhưng Sư cảm tạ mà chẳng đến. Đàn Việt lại theo nhau kéo đến, Sư hoằng hóa rất hưng thịnh.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 15 (799), Sư thị tịch, thọ chín

mươi hai tuổi. Mọi người ở kinh sở xây tháp thờ Sư.

Kế nữa, có Ngài Thích Hạo Ngọc, họ Triệu, người ở xứ Thượng Đãng. Sư xuất gia tại chùa Pháp Thanh, sau đến chỗ Pháp Tịch của Thiền sư Hà Trạch mà tỏ rõ tâm ấn. Sư đến lan-nhã Nhạc Trung mà dưỡng Đạo. Thái Thú Hành Dương là Vương Triển Viên Ngoại khuynh tâm kính trọng. Sư thị tịch lúc hơn tám mươi tuổi. Nhập tháp vào niên hiệu Hưng Nguyên (784 - 785).

19. Truyện ngài Huyền Yến trụ chùa Khai Nguyên ở Ngọc Châu, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Yến, người ở xứ Giang Hạ, vốn họ Lý. Ông nội của Sư là người hiền thiện mà học nhiều hiểu rộng, chú giải văn tuyển, hành giang tập ở thời nhà Lương, nhà Tống. Cha của Sư húy là Ung, là Thái Thú ở Bắc Hải, trong Đường Thư có nói.

Sư thuở nhỏ quyết chí thoát tục. Đầu niên hiệu Chí Đức (756), Sư tụng kinh đâu được hạng cao, nương Sa-môn Sùng Chân xin xuất gia và được phối danh ở chùa Khai Nguyên. Niên hiệu Đại Lịch thứ 3 (768), Sư theo A-xà-lê Chân Ngộ mà thọ giới cụt, bèn tìm ầm học luật Phạm, mắt chẳng nhìn điều tà vạy, chân chẳng dẫm vào đường tà, trong bốn oai nghi không có hình nghi trái giáo, mày mắt sáng đẹp như chim hồng, chim hạc đứng một mình giữa đầm, trông gió nhìn tưởng tự có xa đến, tánh thường có phần hạn. Giả sử như cùng Tỳ-kheo xấu ác đồng nương ở thì Sư gấp kíp như dùng tro than Khư-Đà-La mà tắm gội thân mình. Sư chẳng ra khỏi cửa nhà, quét đất đốt hương, ngồi thẳng suốt ngày, mọi người đều rất lo, nhưng Sư ở đó như thế, niềm vui cõi thiền thứ 3 cũng chẳng sánh bằng.

Thuở nhỏ, Sư học Tỳ-ni, lúc lớn lên học kinh Kim Cương, giải không phá tướng đến cùng cực chỗ sâu kín, nghe luật tạng có cho phép dành ra một phần thời gian trong ngày để học ngoại học, hoặc một chương thi phú, Sư bèn vận nghĩ nêu bạt cô du ở ngoại cảnh. Bành thành Lưu Trường Khanh là bậc danh trọng ngũ ngôn, ngợi khen tưởng thưởng Sư. Do đó, gió mây cây cỏ thường có phú vịnh, liền làm người soạn văn và ngâm vịnh. Phòng nhà của Sư ở góc phía Bắc của chùa, có cái ao hẹp. Các bậc danh sĩ đương thời cùng nhau dựng lập ngôi nhà tranh, có Viên Tư ở Trần Quận, Lý Tắc ở Triệu Quận, Lư Lai Khanh, Ưu Văn Huyền, Thái Trực đều là Đàn Việt cùng xả thí dựng lập. Ngạc Nhiên Liên Soái Hà Công biểu dương hạnh nghiệp, thỉnh Sư đến Tấn An, Nhưng Sư chẳng hề đổi thay ý chí. Vào niên hiệu Kiến Trung (780

- 784), mới có Phù Tải cùng với Dương Hành Lý Diễn ước giao kết bạn trần ngoại với Sư.

Đến ngày 14 tháng 9 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16 (800), Sư thị tịch, thọ năm mươi tám tuổi, ba mươi bốn hạ lạp. Dựng lập tháp gò ở phía nam núi Hoàng Hạc.

20. Truyện ngài Trừng Tâm ở Nam Nhạc thời Tiền Đường.

Thích Trừng Tâm, họ Chu, người ở xứ Đông Hải. Cha của Sư làm Tế Nguyên lệnh, vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756) gặp loạn An Sử nên ông bị hại. Lúc đó, Sư còn bé nhỏ, theo mẹ đến Hà Nội, rất cực khổ. Mẹ của Sư bèn lấy chồng khác, Sư chẳng thích theo mẹ đã có chồng. Chí khí Sư khác với bao đứa trẻ khác, bèn đến Pháp Sư Trí Minh ở chùa Ứng Phước cầu xin chỉ giáo. Ngài Trí Minh khuyên Sư xuất gia. Sau khi thọ giới, Sư vân du khắp nơi, chuyên gấp tham huyền. Sư đến chỗ đệ tử tài giỏi của Thiền sư Thần Tú được tỏ ngộ pháp yếu. Sư bèn đi chiêm ngưỡng danh tích ở các nơi, bèn dừng trụ ở Hành Nhạc. Chư tăng muốn cầu hỏi điều lợi ích nên chen vai kề chân tìm đến.

Bấy giờ, Thái Thú Ngô Hiến Trung thỉnh Sư vào Châu Trị, Sư cảm tạ mà chẳng đi. Lại thỉnh Sư vào chùa Long Hưng. Người đến hỏi đạo, lúc nào trong Trượng Thất cũng rất đông.

Tháng 11 năm Nhâm Ngọ (802) nhằm niên hiệu Trinh Nguyên thứ 18, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu, đến ngày 27 tháng đó nhập tháp.

21. Truyện ngài Đạo Tề trụ chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu, thời Tiền Đường.

Thích Đạo Tề, họ Triệu, người ở xứ Tiền Đường. Thuở nhỏ, Sư đã thông minh, khí độ cao vời, cử chỉ khoan thai, hiểu sâu kinh sách. Tình cờ đứng ở giữa đường cái, thấy chư tăng phân hàng trì tụng kinh Tịnh Danh, Sư thầm lặng vui mừng, bèn thỉnh các vị tăng ấy vào nhà, thiết trai cúng dường, hỏi vị tăng ấy ở chùa nào? Đáp: "Ở chùa Định Thủy". Nhân đó, Sư xin cha mẹ cho phép xuất gia. Mẹ của Sư bảo: "Lúc mẹ sinh con, mộng thấy trong lòng bàn tay có hai vầng nhật nguyệt, có đoán xem thử về mộng đó, thầy tướng bảo quý tử có năm Đẳng phần thoát, hoặc xả bỏ tục gia, mẹ không trông mong!".

Từ đó, Sư sang chùa Định Thủy, theo thầy học đạo. Năm mười bảy tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, tập học tỳ-ni. Sư lại vào chùa Linh Ẩn học Hoa Nghiêm Kinh Nghĩa. Từ đó, Sư đến chùa Thiên Trúc, tu tập thiền định, thực hành hạnh đầu đà. Tại núi đó có một hang đá, Ngài

vào trong đó tĩnh tọa, bỗng nhiên có một con trăn lớn nghiêng đầu hà hơi biểu lộ hình trạng như ăn nuốt, nằm im chẳng lay động. Bấy giờ, có Hổ Báo ở gần hang đá, có đàn nai luôn ở quanh quẩn thuần quen. Ở núi đó thiếu nước, Sư cầm tích trượng đâm xuống đất, tự nhiên có dòng suối tuôn chảy, cung cấp để dùng.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (759), người học khắp bốn phương thỉnh Sư giảng Kinh Hoa Nghiêm. Khi đó có tuyết thổi bay, bỗng sanh ra hai gốc hoa, hình dáng như hoa sen lấp lánh sáng đẹp, mọi người trông tấy đều khen ngợi là thấy được điều chưa từng thấy. Đạo hạnh tiếng tăm Sư phảng phất hương thơm, Sư tiết kiệm chỉ mặc áo xấu, ăn thức ăn chẳng ngon, không người nào hơn. Về sau, Sư thị tịch tại chùa.

Kế nữa, có Ngài Thích Pháp Như ở núi Thái Hành, cũng sống vào thời Tiền Đường. Sư họ Hàn, người ở xứ Từ Châu. Thuở thiếu thời, Sư làm nghề buôn bán, tâm luôn giữ sự cân bằng làm chuẩn. Sư đến chùa Tướng Quốc nay thuộc xứ Đông Kinh, phát tâm nương tựa Pháp Sư Hồng Tư mà xin xuất gia, thuộc nghiệp đều thông. Sư bèn đến Thiếu Thất, đến Lạc Ấp, gặp được Thiền Sư Thần Hội trao cho tâm quyết. Sau, Sư lên núi Thái Hành, thấy nhìn phía dưới ngọn núi Mã Đầu là nơi có thể ẩn cư dưỡng thần, Sư bèn xây dựng am tranh mà ở. Có Trữ Thục Nhung Tướng Vương Văn Tín, dẫn chúng đến xây dựng tinh xá. Thứ Sử Lý Á Khanh Trung Thừa thỉnh Sư vào thành, nhưng Sư chẳng vào mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi. Nhập tháp vào tháng 3 niên hiệu Nguyên Hòa thứ 6 (811).

22. Truyện ngài Tuệ Thiệp trụ chùa Trang Nghiêm ở Kim Lăng, thời Tiền Đường.

Thích Tuệ Thiệp, họ Tạ, người ở xứ Cối Kê, là con cháu của Thái Phó An thời Đông Tấn. Cho nên biết phát xuất từ đời kiệt khí anh linh, cầu luật lìa tục, khác đời há không. Sư là người trong trắng, giới tiết cao vợi, thích vắng lặng làm vui, chẳng ham tiếng tăm.

Đầu niên hiệu Đại Lịch (766), Sư đến chùa Trang Nghiêm ở Kim Lăng, gặp được Thiền Sư Trung ở núi Ngưu Đầu, chỉ một lời mà biết chỗ trở về, bèn bảo Sư vào thất trao cho pháp yếu. Sư phục ứng đạo hóa, đợi suốt năm dài, chẳng sợ lao nhọc. Đến lúc Thiền sư Trung thị tịch, Sư nối gót Võ Tư lãnh, chẳng tới lui trong cảnh trần, chỉ một y pháp ở nơi phương trượng, tiết tháo càng cao. Từ đó, người đến hỏi đạo càng đông. Khắp nơi không đâu chẳng đượm nhuần. Trong suốt năm mươi năm tự nhiên kết quy về đức hạnh.

Đến niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (822), Sư thị tịch tại viện ở núi, thọ tám mươi hai tuổi. Môn nhân đệ tử như Duy Yến, v.v... xây tháp ở tại phía Tây bắc chùa. Khắc bài minh, ghi lại công đức. Như nghệ văn của Khảo Sư thì Thảo Đường, Lô Nhạc đều tự có vẻ đẹp của đương thời.

23. Truyện ngài Vân Thúy trụ chùa Thiên Phước ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường.

Thích Vân Thúy, không rõ Sư là người xứ nào. Sư hiểu thông các kinh luận, có đủ hạnh giải. Sư thấu suốt các sách vở, nên người đương thời gọi Sư là "cai bác". Sư khéo mến thương người xa rộng, không ngăn cách. Trải qua nhiều đời vua ban chiếu thỉnh Sư vào Nội Đạo tràng. Từ thời vua Thuận Tông (805 - 806) về sau, Sư lãnh nhận công việc phiên dịch. Đầu thời Vua Hiển Tông (806). Sư phải biện liệu công việc Hữu Nhai các chùa quán, gồm cả đạo Phật và đạo Lão. Vua Hiến Tông lại riêng ban sắc sung chức Thượng Tọa ở cả hai chùa Tây Minh Và Thiên Phước. Sư phong du uyên nhã, cương nhậm nghiêm túc. Xưa kia, các bậc hiền giả sách Ngài Đạo Sanh với Quách Lâm Tông, thì nay, sánh với Sư.

Kế nữa có Ngài Thích Thanh Nguyên trụ chùa Thê Hà ở Nhuận Châu, Sư họ Phùng, người ở xứ Diên Lăng thuộc Nam Từ. Thuở nhỏ, Sư trong trắng, lúc lớn lên lại chẳng giống như đồng bạn. Tục lụy chẳng buộc ràng, bèn vào nương dòng pháp, Sư đến làm đệ tử Ngài Tuệ Thiệp, học đủ kinh luật, ít người sánh hàng. Sư đến ẩn cư tại Nhiếp Sơn, chứa nhóm nhiều năm. Đến đầu niên hiệu Trường Khánh (821), Công Bộ Thượng Thư Lý Tướng Quốc Đức Dụ trấn tại Chiết Tây, rửa tâm mến đạo, thỉnh Sư vào Kinh Khẩu, học hỏi Thiền yếu, nhã hợp túc tâm. Đến lúc Tán Hoàng bỏ quận, Sư chống tích trở lại chùa Thê Hà, và thị tịch tại đó.

24. Truyện ngài Pháp Chân trụ chùa Bảo Thọ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

Thích Pháp Chân, không rõ Sư là người xứ nào. Khí thức Sư thâm sâu, học vấn rộng rãi, nghiên cùng Phạm Điển, Sư còn tinh thông sách Nho. Ngoài việc giảng đạo dẫn dắt, Sư còn ngâm vịnh tình tánh. Các bậc công khanh quý sĩ không ai chẳng tôn sùng kính trọng.

Vào niên hiệu Trường Khánh (821 - 825), vua Mục Tông rất bén kính mến Phật sự. Sư từng ứng chiếu thỉnh mời vào Nội Điện Kỳ Phụng.

Suốt bốn năm ở tại Đạo tràng trong cung. Các vua Duệ Tông (710 – 712) Võ Tông (841 - 847) Chiêu Tông (889 - 904) Mẫn Tông đều đến pháp tịch khắp nơi thưa hỏi về Công Năng của Tam Bảo. Sư được đối ứng, biện cấp xoay vần, chứng cứ rõ ràng, các quan đều vui mừng. Nhân đó, thưa hỏi Sư rằng: "Từ lâu phế bỏ đàn giới độ tăng, những vị chưa toàn pháp đều đã già yếu, bởi vì khắp Lưỡng Giang chiến tranh chưa tạm ổn!" Sau đó, bỗng ban chiếu các chùa Phật ở Lưỡng Nhai, mỗi chùa chọn đặt tăng ni thọ giới ở đàn tràng, bắt đầu từ ngày nồng 10 tháng 3 cho đến ngày mồng 10 tháng 4 thì chấm dứt. Bèn bảo Lưỡng Nhai Công Đức Sứ mỗi chùa chọn lựa các vị tăng đức hạnh cao, thỉnh sung vào Đại Đức, khảo thí tăng ni về các kinh v.v... nếu chư tăng tụng thuộc lòng được một trăm năm mươi trang kinh, chư ni tụng thuộc lòng được một trăm trang, thì được độ cho. Sư đã từng vâng sắc tu công đức, nên bèn thấu thỉnh, Đức Vọng của Sư thật đứng đầu các bậc xướng đạo!

Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

25. Truyện ngài Ninh Bí ở Đạo Tràng núi Lã Hậu, thời Tiền Đường.

Thích Ninh Bí, họ Lý, người ở xứ Lũng Tây, nhà ở tại Mông Thành, thuộc Hào Châu. Từ thuở nhỏ, Sư kính phụng Đức Thích tôn mà chẳng nói là đầu mối của không được xứng thay húy ấy. Lời Sư nói ra đều là giác liễu chẳng chấp các tướng, tâm thông định tuệ, cùng tận hư không. Không thể lấy ở giữa hay bên ngằn mé mà có thể lường biết, chẳng có thể dùng văn tự mà cầu ta.

Nhân đó, tìm đến Tổ Sư Đạo Nhất ở Hồng Châu, Ngài Đạo Nhất thấy Sư nói năng lạ lùng, bèn lấy làm lạ, Đại Thừa pháp khí đã có được người! Sư bèn thọ giới cụ túc, làm đệ tử nhập thất của ngài Đạo Nhất. Thầy trò cùng sống với nhau được vài năm, đạo nghị khác thường. Sư lại muốn đến Thiên Thai, tới lượt núi Lã Hậu, Sầm Liêu bảo rằng: "Đây đã là trụ xứ của các Đức Phật, đầu cần gì đến Thiên Thai?" Sư bèn giác ngộ ngay. Thân tướng Sư khôi ngô, cao bảy thước. Các bậc anh hào kỳ túc trong thôn xóm trông thấy hình trạng đặc dị của Sư mà quy y kính ngưỡng. Già trẻ đua nhau đồng hưởng vị Đề Hồ. Những người bệnh tật cũng đều được lành. Bấy giờ, phần nhiều có cướp bóc trên đường đi hung bạo đối với tăng đồ, Sư bèn dẫn tăng đồ mà Sư đi trước, do oai nghiêm của Sư mà chúng đều thối lui, kinh hãi nghi mạo mà đãnh lễ sát chân xin được quy y. Điều ngự sơn lâm, ma tà đều nhiếp phục. Sư chẳng xuống núi gồm hơn vạn ngày, đạo đức cao xa, tăng đồ càng đông.

Trước đó, tại chỗ Sư ở nhỏ hẹp hiểm nguy và không có điện đường, mọi người bàn nhau muốn xây dựng, mặc tình mọi người giúp phước, từ thôn xa đều đua nhau đến trợ duyên. Cây gỗ đất đá các thứ vật liệu, lo liệu khéo léo, ước tính núi, đo ngang nhà, đến khe hay mái. Thầy rìu trò búa, chim đứng vượn nhảy tính đo cảnh mà ra sức. Sao mọc trở lại thì điện đường hoàn thành, tôn trí tượng Phật, tinh đẹp sáng ngời, cúi ngưỡng chiếu soi, khắp núi Xá Vân. Người trời chẳng khác, riêng mở cõi Phật.

Đến ngày mồng 7 tháng 6 niên hiệu Thái Hòa thứ 2 (828), từ xa nghe Đạo tràng có tiếng kèn ty trúc. Canh 2 đêm đó, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, bốn mươi mốt hạ lạp. Trong tháng đó, tạm phương tiện thiết lễ tôn trí vào Sam Viên, thiết trai cúng tế phẩm cách đặc thù, buồn khóc vang động núi rừng. Cây cối đổi mầu, buồn thảm cảnh thiền, tiếng nước nghẹn ngào nơi hang đá, vật loại còn biết cảm động thì tình người có thể lường biết như thế nào. Đến tháng 9 niên hiệu Thái Hòa thứ 5 (831) cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp ở Đạo tràng Tấn Sơn. Đó là theo Tiên ý.

26. Truyện ngài Pháp Dung trụ chùa Trường Lạc ở Lãng Châu, thời Tiền Đường.

Thích Pháp Dung, họ Nghiêm, người ở xứ Lãng Trung. Thuở nhỏ, Sư thích thuần trắng, không thích mặc sắc phục hoa hòe. Cha của Sư dạy cầm bút, Sư bèn vẽ hình tượng Phật. Đến lúc nhóm tụ đông đảo đùa vui, Ngài vốc cát đắp tháp, mọi việc làm của Sư không gì chẳng là Phật sự.

Năm mười ba tuổi, thấy vị Sa-môn vén y ngồi, cầm quyển kinh, Ngài tha thiết cầu xin xuất gia. Đến nương tựa làm đệ tử Pháp Sư Tuệ Lưu ở chùa Trường Lạc. Các kinh Sư tụng đều thông, mới đượm nhuần thiện giới, bèn giảng Nam Sơn Luật Sao. Sau, Sư đến Vân Thủy gặp được Thiền Sư Phổ Tịch ở Tung Nhạc, đạo thiền giáo hóa thạnh hành, thầm trao tâm ấn. Sư lại đến chùa Phước Ninh ở Dặc Dương, tự tại nhàn cư. Các học giả cùng nhau tìm đến.

Đến niên hiệu Thái Hòa thứ 9 (835), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi. Ngày mồng 10 tháng giêng năm đó, môn nhân đón rước thần tòa nhập tháp.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.
(Quyển 29 hết).

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 30

CHƯƠNG MƯỜI: TẠP KHOA THANH ĐỨC

TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG X

(chánh truyện có mười chín vị, phụ có sáu vị)

1. Truyện ngài Hảo Trực trụ chùa Đại An Quốc ở Thượng Đô, thời Tiền Đường.

Thích Hảo Trực, họ Đinh, người ở xứ Gia Cự, thuộc Cối Kê. Thuở nhỏ, Sư đã chẳng thích việc đời. Rượu thịt, các thứ tanh nồng Sư vốn chẳng hề ăn uống.

Nhân đó Sư đến Đại Sư Tạng ở núi Hàng Ổ xin xuất gia. Đến đầu niên hiệu Nguyên Hòa (806), Sư thọ giới cụ túc tại chùa Thiên Trúc. Trăm thứ kinh luật luận sớ sao, Sư đều ham thích đượm nhuần điều cốt lõi. Một hôm, mang giày gai, cầm tích trượng tìm đến thiền môn ở Hồng Châu, thấu đạt được tâm yếu, trừ hư giữ thật. Sư trở về lại chùa Đại Khánh trong bổn quận, mọi người đến thưa hỏi điều ích lợi, Sư dẫn dắt chỉ dạy hơn hai mươi năm. Vì các danh tăng ở Giang tả hay coi trọng các nho sĩ, nên những vị có tiếng tăm phần nhiều hay giao du với Sư, thường luôn vui vẻ làm thơ, câu từ đều ngơ ngác. Phàm làm việc xét hỏi Hộ Nhung ở đất Việt nhập cảnh nương gá tiếng tăm thật mà tạo cửa nhà, chẳng riêng dẫn dụ, mà cũng khéo xã giao với người.

Vào niên hiệu Thái Hòa (827 - 836) Sư đến Ngũ Đài, trên đường ra Kinh Ấp, chỉ đi một đêm. Hộ Nhung trước là Khích chí Vinh và Tống Thường Xuân là hai Nội thị rất đam mê mùi vị đạo của Sư, chăm chăm từ xa thỉnh mời. Đến đầu niên hiệu Khai Thành (836), Sư lại đến Kinh Quốc, hai quý nhân cùng hợp sức xướng hòa, thỉnh Sư đến Đại phương trượng của chùa An Quốc để Sư trụ ở đó. Các bậc vương cơ long tượng, không ai chẳng khâm phục kính trọng, vô cớ thỉnh Sư sung làm cung phụng Đại Đức, đó chẳng phải là điều tốt, nhưng, tùy tục tình mà nhận.

Cuối cùng Sư than chưa từng thiếu bỏ. Đến ngày 25 tháng 10 niên hiệu Khai Thành thứ 4 (839), Sư dặn dò đệ tử xong, an nhiên thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi, ba mươi hai hạ lạp. Khích Chí Vinh và Tống Thường Xuân trích xuất của cải tạm phương tiện an táng ở phía đông Sản Thủy. Mọi người đều buồn thương kính tiếc. Sau, môn nhân là giám gia đón rước về an táng tại chùa Nam Hoa ở Sùng Sơn, xây tháp thờ.

Đến niên hiệu Hội Xương thứ 4 (844), Khởi Cư Xá Nhân là Vi Huyền làm văn bia ghi về cuộc đời Sư.

2. Truyện ngài Quảng Tu ở chùa Thiền Lâm núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

Thích Quảng Tu, họ Lưu, người ở xứ Hạ Côn, thuộc Đông Dương. Tánh Sư vốn thuần chất trong sáng, sớm dự vào môn tịch của Đại Sư Vân Thúy, nghiên cùng giáo tích, người học nhóm họp rất đông. Thường ngày Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Kim Quang Minh, Phạm Võng, Tứ Phần Giới Bổn, sáu thời hành đạo không hề phế bỏ, càng lâu năm càng dốc chí. Cứ mỗi năm, Sư hành pháp sám hối bốn mươi chín ngày. Đến năm thứ 4 Sư chứng đắc Tùy tự ý tam-muội.

Vào niên hiệu Khai Thành thứ 3 (838) có Sa-môn Viên Tải - người Nhật Bổn tìm đến thưa hỏi pháp. Thứ Sử Thai Châu là Vi Hành mời Sư giảng Luận Chỉ Quán tại Quận Trai. Đến ngày 16 tháng 2 năm Quý Hợi (843), nhằm niên hiệu Hội Xương thứ 3, Sư thị tịch tại chùa Thiền Lâm, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi hai hạ lạp, đón rước giác linh đến đạo tràng Kim Địa, phú pháp cho môn nhân vật ngoại. Đến niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), môn nhân là Lương Vấn đào phần mộ để hỏa thiêu, thâu nhặt Xá-lợi hơn ngàn viên, xây tháp tôn trí phụng thờ.

Kế nữa, có Ngài Thích Cao Nhàn trụ chùa Khai Nguyên ở Hồ Châu. Sư vốn người xứ Ô Trình. Từ tuổi búi tóc Sư đã vượt trội hơn người, lộ bày dị tài. Đến lúc thọ pháp về sau, lại có chí bền bỉ, khổ học nhọc thân không hề biếng nhác. Sau, Sư đến Trường An, tới các chùa Tiến Phước, Tây Minh nương tựa học tập kinh luật, khắc cần tinh tấn giảng suốt.

Đến lúc Vua Tuyên Tông trùng hưng Phật pháp (847) ban chiếu mời Sư vào đối ngự tiền thảo thánh, vua ban tặng pháp y sắc tía. Sư bèn tới dự tẩy sám giới đàn, gọi là "Thập Vọng Đại Đức". Tánh tình tiết tháo Sư thẳng thắn khó cong. Về già, Sư nghĩ muốn trở về quê cũ. Cuối cùng, Sư thị tịch tại Bổn tự. Đệ tử là vua Giám Tông ban sắc hiệu là "Vô Thượng Đại Sư", cũng được bút pháp của Sư. Ngài thường hay

đem sợi gai trắng ở Tráp Xuyên viết chữ chân thảo, cho người làm pháp học.

3. Truyện ngài Nguyên Biểu người nước Cao Ly, thời Tiền Đường.

Thích Nguyên Biểu, người ở Tam Hàn. Vào niên hiệu Thiên Bảo (742 - 756), Sư đến Trung Hoa, sau đó mới sang Tây Vức chiêm lễ các Thánh Tích, gặp được Bồ-tát Tâm Vương chỉ bày cho Linh Phù ở núi Chi-Đề, bèn mang bộ kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển, tìm hỏi Hoắc Đồng để đảnh lễ Bồ-tát Thiên Quan. Sư đến động đá Chi-Đề làm nhà ở đó.

Trước kia ở núi nầy không cho người ở. Nếu ở sẽ có sấm sét, thú dữ trùng độc, chẳng những thế mà còn có lắm quỷ mị làm mê loạn người. Từng có vị tăng chưa đắc Đạo đến ở nghỉ tại đó qua đêm, bị thần núi xua đuổi, sáng hôm sau chỉ thấy thân bị ném xuống núi cách mấy dặm. Sư mang kinh đến dừng ở chỉ uống nước khe suối ăn cây lá, sau không biết chỗ ra. Bấy giờ, gặp lúc Pháp nạn Hội Xương tra xét phá hủy. Ngài đem kinh sắp vào hòm gỗ Hoa Lư cất giấu trong hang đá. Đến năm Bính Dần, nhằm niên hiệu Đại Trung thứ nhất, thời vua Tuyên Tông, có Thiền sư Tuệ Bình ở chùa Bảo Phước, vốn biết việc trước, bèn dẫn các hàng tín sĩ vào thỉnh Kinh ra Viện Cam Lộ Đô Úy, giấy mực bản kinh vẫn như mới viết. Nay hiện cất giữ tại chùa Tăng ở Phước Châu.

Kế nữa, có Ngài Thích Toàn Thanh ở Cối Kê, Sư người ở xứ Việt, chăm cày bừa đất giới, phân nhiên đổ nhã. Đối với giáo pháp mật tạng cấm chú, Sư có khả năng bắt tội quỷ thần. Bấy giờ, có người phụ nữ trong nhà Thị Tăng Vương mắc bịnh tà khí, nói năng điên cuồng trái ngược, hoặc khóc hoặc cười, như vậy suốt mười năm, thỉnh Sư đến trị bịnh. Sư bèn buộc cỏ làm hình người cao hơn cả thước, mặc y phục năm mầu mà đặt trước đàn, và trì cấm chú giây lâu. Người phụ nữ ấy cầu xin tha mạng. Sư bèn dặn rằng: “Khoảng đến ngày Xuân đến trước đền thờ Võ mà nương gá. Nếu Sư không thấy giết tức thả đi xa”. Sư lại lấy một cái vò nhỏ dùng roi xua Sô-linh vào đó mà có tiếng kêu u u, và dùng Lục Ất Phong bít miệng vò lại, lấy đất bùn đỏ viết phù ấn lên trên, đem chôn dưới rừng dâu, bảo người nhà không được đụng đến. Người phụ nữ ấy được lành bịnh. Qua năm năm sau, gặp lúc Lưu Hán Hoàng và Đổng Xương cách sông cùng vượt thành hãm người, cho đó là nơi hầm hố cất giấu các vật, bèn đào xới, đập vỡ cái vò thấy một con quạ khoang đột

nhiên bay ra đậu trên cành cây dâu mà nói tiếng người rằng: "Nay mới được thấy ánh sáng mặt trời!" Lúc đó thì Sư đã thị tịch rồi.

4. Truyện ngài Đầu-đà trụ chùa Long Hưng ở Trấn Châu thời Tiền Đường:

Thích Đầu-đà, Ngài vốn con nhà Ma-gia ở Hạ Dã, nhưng khí độ Sư ôn nhuận như khuôn phép của Trưởng giả. Cha của Sư bảo Sư giữ mài, giữa đêm khuya xót thương sự khốn khổ cực nhọc của loài bò lừa, nên tự mình thay thế, thả cho nó ăn cỏ uống nước, sau đó chúng nằm hết, cha mẹ Sư biết thế nên bảo Sư cũng thôi việc ấy, và Sư cũng xin xuất gia, bèn cạo tóc, thọ giới cụ túc, hành trì hạnh không tức giận. Sư chỉ thâu nhặt các vật phẩm phấn tảo may thành y để đắp mặc, nặng đến mấy cân. Sư sử dụng y ấy suốt ba mươi năm không hề thay đổi. Hạnh kham khổ tiết chế của Sư chẳng thể có người thường nào sánh ví được. Dân chúng ở Chân Định vô cùng kính trọng, mà Sư chẳng nhận thọ sự cúng thí của mọi người, nên họ tôn xưng Sư là "Đầu-đà Thượng Nhân".

Liên hệ thử bàn:

Y phẩn tảo là một trong bốn thánh chủng, hễ người tu luyện thì nguyện thành hạnh ấy, cớ sao ít người kham nhận như thế. Sự cao đẹp ấy phải là người mạnh mẽ mới có thể làm được.

5. Truyện ngài Toàn Thử ở núi Nam Nhạc thời Tiền Đường:

Thích Toàn Thử, Ngài vốn người ở Dư Hàng, Sư đến Kính Sơn, đảnh lễ Đại Sư Pháp Tế xin xuất gia. Sư bẩm chất mạnh mẽ, lại chịu được sự đói lạnh. Các chỗ tham tầm đều cùng khắp, Sư bèn đến ẩn cư ở Hành Nhạc, cất am tranh để ở, ăn cây cỏ uống nước suối, kết bện cỏ mềm làm áo mặc, suốt năm không thay đổi. Có người tặng Sư bài thơ rằng:

"Sau trước ở hang có mấy người
Truyền được Như Lai Pháp Ấn chân
Hôm qua Chúc Dung nhìn xuống thấy
Áo cỏ bèn là thân núi Tuyết".

Đó là do Thái Thường Tôn Ác Phấn Tướng Nam Thiên cảm tác, có nói rõ trong truyện "Các bậc cao tăng ở Nam Nhạc".

Liên hệ thử bàn:

Áo cỏ ở Nam Nhạc, ở phương Nam với những người tuổi tráng niên có thể chưa biết, đến lúc già suy dời về ở U Sóc, có thể nhận chịu

chăng? Nếu nhận chịu được tức là Thắng Sĩ thượng thượng căn.

6. Truyện ngài Tuệ Mộc trụ viện Minh Tâm ở Việt Châu thời Tiền Dường:

Thích Tuệ Mộc, họ Chúc, gia đình nhiều đời là người xứ Kỵ Dương, lấy làm họ thay. Thuở nhỏ Sư sống trong gia đình có khuôn phép nghiêm minh, được dạy răn chỉ bảo học theo kinh Nho, chứa nhóm thành tiết tháo tài giỏi. Sư đến yết kiến Thiền Sư Khế Chân ở chùa Giác Trí, tức thụy hiệu là Đại Quán, nhờ trì tụng Diệu Pháp, mà Sư được khai ngộ.

Năm sau, Sư được xuất gia, bèn đến Hồng Tỉnh đảnh lễ Thiền Sư Quán Âm mà đốn rõ khế tâm. Niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), Sư trở về quê cũ. Ấp tể Vi Công bèn phát khởi tín tâm, xây dựng viện Thê Chân. Thiền khách khắp bốn phương không nơi xa nào chẳng tìm đến. Liêm Sứ Bùi Diên Lỗ thỉnh Sư, nhân xây dựng tịnh Xá ở phường Giám Thủy đã hoàn thành, lấy tên phường đặt để bảng hiệu, thế rồi tuy Sư ở đó nhưng hay đổi dời. Sư hứa thuận sự thỉnh mời của Minh Châu Duyện là Tề Triệu mà đến trụ ở núi Ngọc Tứ, sau đó không lâu Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp. Lúc đó là ngày mùng 3 tháng 7 niên hiệu Càn Ninh thứ 5 (894).

7. Truyện ngài Vong Danh trụ trong lò nung ngói gạch ở phía Nam U Châu thời Tiền Đường:

Thích Vong Danh, hành trạng của Sư thật cao vợi. Sư ở riêng một mình tại nhà bếp phía Nam Yên Thành. Vào niên hiệu Thiên Hựu (904 - 907), khắp vùng U Kế mất mùa, người chết đói đầy đường. Nhân đi khất thực, vẳng nghe trong vết xe có tiếng khóc oa oa, Sư thương xót bèn bồng ẵm đem về, đó là một đứa bé gái của người đói khổ bỏ rơi. Sư đi xi sữa cho bú và nuôi dưỡng. Lên bảy tuổi, Sư dẫn vào trong thành, xin kiếm vải lụa mầu sắc may cho áo mặc. Đến tuổi cập kê, nhan sắc bé gái xinh đẹp khác hẳn phàm tục. Hoặc có người chê bai dèm pha, nhưng Sư vẫn không để ý. Vừa lúc gặp Yên Soái Lưu nhân Cung theo bắt oan, đưa Sư vào trong lò nung. Có một tên lính thấy có đứa bé gái đứng hầu bên cạnh, bèn tấu trình với Yên Soái. Lưu Nhân Cung đến nơi trông thấy bèn hỏi về nguyên do, Sư trả lời đúng như thật. Lưu Nhân Cung thưa: "Đệ tử muốn thâu nhận bé gái có được chăng?" Sư bảo: "Vâng!" Xét biết Sư không có ý keo lẫn nên tự dẫn đứa bé lên ngựa trở về phủ. Đứa bé gái vốn là con của Chân Xử. Lưu Nhân Cung càng mến thương

nó, chẳng bảo xếp ở ngôi vị dưới, càng kính vị tăng ấy, cho rằng Sư là người đã chứng đắc quả vị, nên xây dựng riêng ngôi tinh Xá để Sư ở. Một tuần, Lưu Nhân Cung hai lần đến tham yết. Đến lúc Sư bị bịnh mà thị tịch, môn nhân vào nói cho bé gái ấy biết. Đang lúc ngồi một mình nghe thế, bé gái liền buồn khóc thương mà qua đời! Lưu Nhân Cung vì xây tháp lập bia ghi lại đạo hạnh của Sư.

Kế nữa, có Chúc Dung Phong Thiền, không biết Sư tên là gì. Ngài là người ngay thẳng, chẳng giữ oai nghi, mỗi một cử chỉ đều khéo nêu bày tông yếu. Kẻ tăng người tục quy hướng đông như chợ. Sư từng uống rượu bị ngộ độc, đương lúc ói xuống thối bẩn áo, mà trong cơ thể Sư không hề bị não loạn gì. Thường có một con rắn và một con hổ với tướng trạng làm hộ vệ. Đến lúc Sư thị tịch, trà-tỳ còn lưu lại một mảnh xương lớn hình dạng như dàn Tỳ-Bà. Tăng chúng đốt lửa thiêu lại, khi thiêu, đốt mảnh xương mầu sắc đồng như mầu lửa, song, lửa tất tro lạnh thì mầu sắc trắng như tuyết. Há chẳng phải được toàn thân phần vững chắc thiết-lợi-la ư? Đến nay, tại Nhạc Trung lưu truyền việc ấy, xây tháp thờ hiệu là "Chúc Dung Phong Đạo".

8. Truyện ngài Thê Ẩn trụ chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu thời Tiền Đường:

Thích Thê Ẩn, tự là Cự Trưng, họ Từ. Thuở nhỏ, Sư khôi ngô khỏe mạnh, thần giải thiên nhiên. Đến tuổi búi tóc, Sư rất ưa thích xuất trần. Cha mẹ không thể phá hoại ý chí của Sư. Sau khi cạo tóc xuất gia, thọ giới về sau, trong thời gian đó, Sư siêng năng cần mẫn chăm học đi sâu vào chỗ sâu xa của tỳ-ni. Lại tánh tình Sư phong nhã, chẳng phải điêu khắc mà được thành dáng vẻ tự nhiên

Vào niên hiệu Quảng Minh (880 - 881), lánh ổ giặc cướp, Ngài vào núi Chiết Quế ở Lô Sơn, thật mừng trốn được. Nhưng nhiều hoa sớm trăng tối chiếu muộn nơi trời cao, luyện câu thành đối, hợp chương thành tập, thường luôn du kiện trong sáng rõ ràng rãi tan nơi miệng người. Thân Sư thường mặc áo gai rách rưới, khiến người không biết cho đó là gã nhà quê chẳng có khả năng gì, người được Thiền Chỉ quy tông cùng đồng nêu cử. Sư chẳng keo bỏn sẻn lận Pháp, thường cùng Ngài Quán Hưu Xử Mặc Tu Nục làm thơ Đạo, Thẩm Nhan, Tào Tùng, trương Ngưng, Trần Xương Phù đều là kẻ sĩ làm bạn với Sư. Sư vì các vị ấy do ảnh hưởng mà nhạt nhẽo như nước. Sau, bọn giặc cướp tạm yên, Sư vào Kinh Sở, lên Chúc Dung với vết tích cao ngạo. Đến niên hiệu Quang Hóa thứ 3 (900), Sư đến Phiên Ngung, được Thái Úy Từ Ngạn Nhã biết

đến. Niên hiệu Đồng Quang thứ 2 (924), Sư ở Cự Lộc thuộc Hồng Tỉnh, Ngụy Trọng Phủ gặp gỡ, dùng văn đạo đối đáp làm quen. Sau, Ngài thị tịch vào niên hiệu Thiên Thành (926 - 930) thời Hậu Đường. Đệ tử sưu tầm thơ của Sư có đến cả trăm bài, giao cho Trọng Phủ làm lời tựa tập thơ, nay hiện lưu hành với tựa đề là "Quế Phong Tập".

Kế nữa, có Ngài Thích Bảo An, trụ chùa Linh Quang ở Gia Hòa. Ngài họ Hạ, người ở xứ Thường Thục, thuộc Cô Tô. Sư thái sáng lán, tánh hạnh thuần hòa. Đến tuổi tráng niên, gia nghiệp đoanh vậy, Sư bèn nghĩ muốn thoát trần. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên tu tập Thiền Định thấu đạt chân quyết. Sư không mặc tơ lụa, chỉ chuyên khất thực, ngủ thì chiếu manh. Lúc trước Sư lên Ngũ Đài, người phương Nam không biết, bèn dẫn kẻ tăng người tục cùng mô phỏng kiến trúc của Ngũ Đài mà xây dựng chùa Linh Quang. Nay vẫn hiện còn. Sau khi Phật sự hoàn thành, Sư không bịnh mà thị tịch, thọ một trăm mươi tám tuổi, bảy mươi tám hạ lạp. Nhục thân Sư không rã hoại, môn đồ dùng vải và sơn phết, đồng thời xây biệt viện để thờ. Đến pháp nạn Hội Xương phá hủy chùa, tháp nầy bị thiêu đốt.

9. Truyện ngài Hòa-thượng Kim trụ chùa Huyền Ứng ở Hà Đông thời Tiền Đường:

Thích Kim Hòa-thượng, họ Vương, người ở xứ Bình Diêu, thuộc Hà Tây. Chỗ Sư sanh là Thôn Trư Khanh. Thuở nhỏ Sư khôi ngô, tánh tình ngay thẳng, mọi việc làm của Sư lạ lùng chẳng giống như người bình thường. Sư xuất gia tại núi Tung Nham, thân Sư một trượng, eo rộng một vòng. Nói ra việc gì thường kỳ đặc. Sau khi Sư thị tịch mà vẫn như còn sống. Dân chúng trong làng đến cúng tế cầu nguyện thảy đều toại ý. Từ Tây Hà đến Kê Hồ đều kính trọng.

10. Truyện ngài Vô Tác, ở núi Tây Minh thời Hậu Lương:

Thích Vô Tác, tự là Bất Dụng, Sư họ Tư Mã, người ở xứ Cô Tô. Cha của Sư làm Trần Uyển Khâu Huyện Úy, mẹ Sư họ Đái. Lúc mới mang thai, mẹ của Sư mộng thấy có vị Sa-môn lạ tự xưng là họ Từ. trú trì chùa Lưu Thủy, muốn nhờ ở lại đó an cư. Nói xong, ngồi tréo chân kiết già. Cũng trong đêm đó, cha Sư mộng thấy trên bàn viết một chữ rất xứng tâm, tự nói có thể dâng lên Thiên Tử. Đến sáng mỗi người tự kể lại điềm mộng của mình, mẹ Sư nói: "mong cho là hài nhi trong bụng là Sa-môn". Bèn phát thệ nguyện rằng: "Đến lúc hạ sanh đứa bé, sẽ cho đến chùa Lưu Thủy xuất gia". Đến lúc sanh, quả nhiên Sư khôi ngô

rất dễ thương, Sư cũng chẳng ưa thích mùi vị tanh nồng.

Năm lên bốn tuổi, mẹ Sư tự dạy bảo Sư tập tụng. Kim loại bén dễ mài, Sư ghi nhớ không quên sót. Cha Sư muốn Sư ứng theo nghiệp Đồng Tử, dần thấy có phong thái khuôn phép hòa thuận, Sư thường có chí xuất trần. Không bao lâu, cha Sư trộm thấy nhà họ Diêu có người con gái nghi dung xinh đẹp, nên muốn cưới làm dâu. Mẹ Sư liền ngăn cản, mà nói rằng: "Nên để cho con xuất gia, hãy bỏ điều ông muốn!" Cha Sư chấp thuận, bèn đưa Sư đến chùa Lưu Thủy. Vừa mới hơn một tháng thì người con gái nhà họ Diêu ấy liền qua đời, mọi người cho rằng người con gái ấy là Thiện tri thức, làm tăng thượng duyên cho Sư xuất gia.

Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc, lần lượt giảng thông bộ "San bổ luật sao" cùng như các kinh Pháp Hoa, Thượng Sanh, v.v... Luận Bách Pháp. Nhất tánh, Ngũ tánh tông giáo, Sư cố gắng tinh chuyên tầm cứu các thứ sách thiền của Khổng Giáo, Lão Giáo, Sư đều nghiên cứu qua. Sau, Ngài tham cứu Huyền học với Thiền sư Tần ở Tuyết Phong, thâm nhập vào chỗ sâu xa. Sư đến núi Tam Cố, Lô Lăng, đàn việt đến xây dựng đình viện. Ở Dự Chương xây dựng Viện Nam Bình, thỉnh Sư làm trụ trì, Sư đều từ chối. Tiền Tiến Sĩ Đường Bẩm làm văn bia tạng kinh, ghi rõ nguyên do Sư lánh sự thỉnh mời. Ngài ở tại Hồng Tỉnh mười năm, mà Sư chưa từng biết mặt Hồng Soái họ Chung, bèn đến Tứ Minh thuộc Cối Kê, nhân có ý muốn ở đó đến cuối đời. Ngô Việt Võ Túc Vương họ Tiền kính ngưỡng sùng trọng, thỉnh Sư đến Tứ Minh, nhân tiện đó, Sư trở về núi, vì cáo bệnh. Sư có lời thơ trữ ý trình vua, Võ Túc Vương chẳng lưu giữ Sư. Trong lời thơ viết rằng:

"Mây Hạc tánh đơn côi
Tranh hệ lụy danh lợi
Ngậm Ân tuy đến nước
Cáo bệnh bỏ về núi".

Bấy giờ, Phụng Hóa Lạc An Tôn Cáp trở về ẩn cư cao ngạo, chẳng kết giao với chư tăng, chỉ tiếp làm giao đàm với Sư suốt ngày. Tiến Sĩ Dương Yểm cũng kính mến Sư nên làm bạn giao du dưới rừng. Đến niên hiệu Khai Bình (907 - 911) thời Hậu Lương, Sư thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi.

Ban đầu, Sư khéo làm thảo lệ bút tích du kiện, mọi người thường phỏng theo thành pháp. Ngài biên soạn Chư sắc lễ sám văn có đến mấy mươi bổn, chú thích "Đạo An Lục Thời Lễ Phật Văn" một quyển và thi ca, đều lưu hành ở đời. Sư chẳng đến chùa Ni, chẳng vào cửa công, chẳng theo danh tiếng, chẳng xu hướng lợi lộc, tự lấy hiệu là "Tiêu Dao Tử".

11. Truyện ngài Quán Hưu trụ viện Đông Thiền ở Phủ Thành Đô, thời Hậu Lương.

Thích Quán Hưu, tự là Đức Ẩn, họ Khương, người ở xứ Đăng Cao, ở Lan Khê, thuộc Kim Hoa.

Năm bảy tuổi, cha mẹ Sư mến thương con, đưa Sư đến Thiền Sư Viên Trinh ở chùa Hòa An trong bổn huyện xuất gia làm thị giả. Thường ngày, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa một ngàn chữ. Tai Sư vừa nghe qua thì nơi tâm chẳng quên. Sư cùng Ngài Xử Mặc cùng cạo tóc ở gần bên cạnh viện, thường đến bên bờ rào luận bàn về thơ, lần lượt ngâm ca tìm ngẫu đối. Trong chúng tăng có người thấy thế, đều kinh lạ. Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng thơ Sư vang khắp đương thời. Sư bèn đến Dự Chương, truyền giảng Kinh Pháp Hoa, Luận Khởi Tín đều tinh rành nghĩa sâu kín: Sư giảng dạy lại siêng năng. Thái Thú Bổn Luận là Vương Tháo Di càng dốc lòng kính trọng. Kế là, Thái Thú Tương Hoàn mở giới đàn tẩy sám, thỉnh Sư làm giám đàn.

Đầu niên hiệu Càn Ninh (894-898) thời Tiền Đường, Ngài có chí muốn yết kiến Võ Túc Vương nước Ngô Việt. Nhân đó, Sư hiến tặng năm bài thơ, mỗi bài có tám câu, rất hợp ý chỉ, nên Võ Túc Vương ban tặng Sư cũng rất nồng hậu. Võ Túc Vương liền bỏ Ngụy công, triều đình khen ngợi là công thần, bèn xây nhà lập bia, ghi chép đồng lực bình việt đem xét tra họ tên, bèn khắc thơ của Sư vào dưới văn bia. Đủ thấy sự kính trọng đến như thế nào. Sư khéo viết bút nhỏ có được sáu pháp, lớn nơi thủy mặc họa tướng trạng như hình thật đáng xem. Sư nhận lời thỉnh của tiệm thuốc An Kiều của họ Tường mời đến La-hán nhất Đường v.v... Hễ họa một tôn tượng thì cầu nguyện được dung mạo Ưng Chân (= La-hán) bèn được thành tựu, chẳng đồng như lễ thường. Từ đó, Sư đến Y Hấp, cùng hợp đạo với Xà Lê-Lan ở chùa Đường An. Sau, Sư muốn đến phía bắc Nam Nhạc, yết kiến Kinh Soái Thành Nhuế. Ban đầu rất lễ trọng. Sư an trụ chùa Long Hưng. Bấy giờ, Nội Hàn Ngô Dung sai Quan đến gặp, qua lại luận đạo bàn thơ. Ngô Dung làm lời tựa cho tập thơ của Sư. Lúc đó nhằm niên hiệu Càn Ninh thứ 3 (896), bỗng nhiên bị vu cáo là tiếm đoạt Kinh Soái, truất đuổi Sư đến đất Công An. Đang trong uất ức, Sư đè vào cái nghiên mực nói rằng: “Vào trong hộp mới an thân!” Đệ tử khuyên Sư đến đất Thục. Bấy giờ họ Vương sắp mưu đồ tiếm Ngụy, phấn khích hiền sĩ khắp bốn phương, có được Sư rất vui mừng, chuẩn bị lễ lớn mừng gặp gỡ, ban tặng rất nồng hậu. Đặt danh hiệu cho Sư là: “Thiền Nguyệt Đại Sư”. Thục chúa thường gọi Sư là “Đắc Đắc Lai Hòa-thượng”. Bấy giờ, Vi Ái nên nêu mỹ hiệu ấy làm sở

trường, ca ngâm khen ngợi Sư còn hoằng hóa. Thể điệu chẳng dưới Lý Bạch thứ hai chúc tụng.

Đến niên hiệu Càn Hóa thứ 2 (912) thời Hậu Lương, Sư thị tịch tại nơi đang ở, thọ tám mươi mốt tuổi. Thục chúa buồn thương. lễ tang đều do quan lo liệu. Tháp hiệu là "Bạch Liên", đón rước an táng ngoài cửa phía bắc Thành Đô, xây tháp thờ. Lúc đó nhằm niên hiệu Càn Đức của Ngụy Thục, tức là năm Quý Dậu (913) là niên hiệu Càn Hóa thứ 3 thời Hậu Lương.

Sư có khả năng thảo thánh xuất. Vào năm Quý Dậu, đệ tử Đàm Vực sưu tập văn tập của Sư. Ở phần đầu để lời tựa do Nội Hàn Ngô Dung soạn, còn Ngài Đàm Vực soạn lời bạt sau cùng. Vi Trang có tặng thơ rằng: "Há là vì cùng thường thấy cách, chỉ nên ghét rượu chẳng cùng qua!". Nét bút Sư tuyệt đẹp, tương truyền có danh hiệu là "Khương Thể". Từng thấy chân tướng Sư mập mạp, Thục tể tướng Vương Thế làm bài khen ngợi. Còn Ngài Đàm Vực giới học tinh vi, triện văn hùng mạnh, có nhóm tập lại "Thuyết Văn" của Hứa Thận, thấy lưu hành ở đất Thục. Và Ngài Đàm Vức cũng có thơ tập, thể văn đứng sau thầy.

12. Truyện ngài Quốc Đạo Giả trụ Viện Song Khê ở Lô Sơn, thời Hậu Lương.

Thích Quốc Đạo Giả, không biết Sư là người xứ nào, khí chất bất động thuần túy, hạnh đôn cao xa, ở riêng một mình, hình khí thư thới. Sư tham học sâu rộng, muốn trụ ở Cô Chinh, mến thích Lô Sơn đẹp lạ, bèn phát nguyện ở ẩn để cầu chí khí, Sư xem xét dựng lập nhà tranh, tưới vườn trồng rau, mặc tình để người dân sống ở trong núi cắt lấy. Nếu có người hỏi về nguyên do. Sư đáp: "Bần đạo vô tâm mà gieo trồng, vô tâm mà xả thí!" Xét rằng Sư thấy biết như thế, thật là hàng thượng lưu đắc đạo. Tu mục tăng chánh thường khuynh ý kính trọng. Có lời thơ dâng tặng Sư rằng:

"Vào cửa không, vắng lặng
Có hạnh, quỷ chẳng thấy
Thật một người xuất gia
Vô tâm, người nghi ngờ ".

Sau, Sư thị tịch tại viện, an táng tại gò núi Song Khê, xây một ngôi tháp thờ nhỏ. Nay lấy chữ "Quốc" để gọi Sư. Vì Sư tên gì họ gì chưa được biết rõ.

13. Truyện ngài Trí Tuyên ở Tuyền Châu, thời Hậu Lương.

Thích Trí Tuyên người ở xứ Tuyền Châu. Từ tuổi tráng niên Sư đã kính mến Phật pháp, học cách làm người của Pháp Sư Nghĩa Tịnh, xem thường sự sống, thề chết vẫn muốn được đi Tây Vực để chiêm ngưỡng lễ bái ở tám ngôi tháp tưởng niệm về Đức Phật, và cầu thỉnh các kinh pháp còn lại. Cuối thời Tiền Đường, Sư kết bạn cùng vượt sa mạc, các nước Sư đến, Sư đều có tâm tìm thấy, ưa thích sự khác lạ. Sư gom góp được các bản phạm, cầu thỉnh được xá-lợi. Đến tháng 5 niên hiệu Khai Bình thứ 5 (911) thời Hậu Lương, Sư trở về Đông Kinh, kính dâng di cốt Bích-Chi-Phật và Phạm Thư; Các bổn kinh luật. Sư cất bước ra đi từ tuổi tráng niên, mà khi trở về thì đã già yếu. Vua Thái Tổ (Chu Ôn) vừa đổi vận mạng nhà Đường, nghe Sư trở về, rất vui mừng, ban tặng phân vật, thỉnh Sư phiên dịch các kinh điển mới mang về. Lúc đó, chiến tranh không nhàn rỗi bằng này.

14. Truyện ngài Tề Kỷ ở chùa Long Hưng phủ Giang Lăng, thời Hậu Lương.

Thích Tề Hỷ, họ Hồ, người ở xứ Ích Dương. Sư giữ tiết tháo cao vợi nhưng khí mạo yếu kém. Từ thủa bé, Sư đã từ bỏ thế tục đến chùa ở núi Đại Duy xuất gia. Ngài thông minh vượt trội người thường, thọ giới cụ túc, tập học Tỳ-ni, tánh Sư đam mê ngâm vịnh, khí điệu thanh đạm. Có Thiền khách ở Đức Sơn đến trình bày về Lý thú, bất chợt thần thức Sư đến nơi đạo tràng rộng mở của khách, Sư bèn đích thân sang đó tìm hỏi lễ kính. Thế rồi tỏ phát ngộ giải đều mất cả dấu tích. Như thế, Dược Sơn, Lộc Môn, Hộ Quốc, gồm cả trăm rừng thiền không đâu Sư chẳng đến thưa hỏi. Sư nhìn danh lợi chỉ như áng mây trôi. Ở pháp Hội Thạch Sương thỉnh Sư trông coi việc tăng chúng. Đến lúc Chu Ôn nhà Hậu Lương thay đổi vận mạng nhà Tiền Đường, trong nước xôn xao. Bấy giờ, Cao Quý Xương vâng mạng Vua Thái Tổ (Chu Ôn - thời Hậu Lương) đánh đuổi Lôi Mãn, ra Chữ Cung bèn làm Kinh Châu Lưu Hậu, rồi chính thức làm Tiết Độ Sứ. Đến lúc Quân Đế mất trấn ngự Hà Đông. Vua Trang Tông (Lý Tồn Húc - thời Hậu Đường) từ Ngụy Phủ vào Lạc Kinh. Cao Quý Xương bèn cát cứ một phương, tìm kiếm nhóm họp các bậc hiền sĩ khắp bốn phương xa, được nghĩa phong của đất Tề và Sư ở Nam Nhạc, lấy làm nghiệm chứng đầu tiên của Trúc Kim.

Vào năm Tân Tỵ (921) tức niên hiệu Long Đế thứ nhất, thời Hậu Lương, lễ thỉnh Sư đến chùa Long Hưng, an trú trong một tịnh viện, cấp lương tháng, thỉnh Sư làm chức Tăng chánh. Đó chẳng phải điều tốt đẹp.

Sư sáng nhàn tối tĩnh, thường chuyên việc sách vở thiên chương, Sư bèn soạn "Chữ Cung Mạc Vấn Thiên" gồm mười lăm chương. Vả lại, nhanh nhẹn theo lời dạy của Cao Quý Xương. Nơi cổ Sư có khối u, bấy giờ gọi Sư là đãy thơ, Sư nương ước tự an, áo nạp che thân mình, dùng dây gai quấn buộc chân, vui thích chốn suối rừng, nhàm chán yết kiến vương hầu. Đến nỗi không hề có đem một chữ dễ dàng yết kiến chư hầu, vì quen thơ của Hoa Sơn Ẩn Sĩ Trinh. Cốc cùng xướng tạc. Sau, có "Bạch Liên tập" lưu hành ở đời, tự lấy hiệu là "Hành Nhạc Sa-môn".

15. Truyện ngài Vô Tích trụ chùa Quảng Phước ở Linh Châu, thời Tiền Đường.

Thích Vô Tích, họ Sử, người ở xứ Sóc Phương, dưới thời vua Tuyên Tông đang trị vì, Phật pháp được trùng hưng. Ngày 13 tháng giêng, niên hiệu Đại Trung thứ 9 (885) - thời Tiền Đường, Sư quyết chí bỏ nhà đến viện Bạch Thảo, làm đệ tử Đại Sư Pháp Không. Tiết tháo Sư nắm giữ kín đáo, phủi bỏ huyên trần.

Niên hiệu Hàm Thông thứ 3 (862) Sư tạo công đức ở Kinh Thất, đắc giới độ ở chùa Tây Minh. Đối với trăm nghề, Sư nguyện đều đi qua. Kính mến Đại Sư Uy ở chùa Định Lâm có tài họa vẽ. Ngài An Đạo hay giỏi đàn cầm, còn ta thì thừa gồm giảng suốt mà học tập tổng quát. Trước kia, dưới thời Tiền Đường, Hằng Phu thường trấn nhậm Sóc Phương. Sau, đến chốn kinh đô cùng gặp Sư, bèn dùng lễ của nhà tăng mà tiếp đãi, bởi biết Sư ngôn hạnh đều cao, lại hay xướng đạo dẫn dắt. Nghe Hằng Phu tấu thỉnh làm "Lưỡng Nhai Công Đức Sứ", phối danh ở chùa Tây Minh. Gặp lúc Vua Ý Tông (860 - 874 - thời Tiền Đường) đón rước chân thân tại chùa Pháp Môn ở Phụng Tường. Hữu Quân Phó Sứ Trương Tư Quảng, tấu thỉnh Sư sung làm Tán đạo. Được vui hợp tâm vua, nên ban thưởng rất nồng hậu.

Vào niên hiệu Quang Khải (885 - 888), truyền trao pháp "Phật Đảnh Xí Thạnh Quang Giáng Chư Tinh Tú Cát Tường Đạo Tràng" trở về bổn phủ. Phủ Soái Hàn Công nghe Sư rất có khả năng tiêu trừ tai ương trong phân dã bèn kết đàn tu sức mà có lắm cảm ứng. Vào niên hiệu Cảnh Phước (892 - 894), Thái Úy Hàn Công Khải sửa sang chùa Quảng Phước, thỉnh Sư trụ trì, mỗi mỗi đều dùng Luật Phạm làm khuôn phép. Khắp tái viên, mọi người cầu giới đều thỉnh Sư làm Hòa-thượng. Đến năm Bính Tý (916), thuộc niên hiệu Càn Hóa, thời Hậu Lương, Trung Thư Lệnh Hàn Công Thú tâu vua ban hiệu cho Sư là "Hồng Viễn Đại Sư".

Đến ngày mồng 1 tháng 4 năm Ất Dậu (925) nhằm niên hiệu Đồng Quang thứ 3 thời Hậu Đường, Sư đoan tọa mà thị tịch tại Trượng Thất, gân xương như con sống, phong thần như lúc Sư còn. Mọi người khắp vùng Phiên Hán đến chiêm ngưỡng kính lễ mà khen ngợi rằng: “Xưa kia, vào niên hiệu Chí Đức (756 - 758) thời Tiền Đường, tại chùa Long Hưng có bậc Cao Sĩ Biện Tài an tọa mà thị tịch, bèn sơn phết mà phụng thờ. Đến niên hiệu Càn Ninh thứ nhất (894) thời Tiền Đường, phù soái nêu bày tấu trình. Vua Chiêu Tông phong ban thụy hiệu là “Năng Giác”. Nay Ngài Vô Tích có thể chẳng khác thời mà cùng việc!” Trung Thư Lệnh bèn bảo thợ sơn phết để phụng thờ. Quân Phủ Tùng Sự Tiết Chiêu kỷ dưới thời Vua Trang Tông (Lý Tần Húc 923 - 926, thời Hậu Đường) làm văn bia khen ngợi đức hạnh Sư.

16. Truyện ngài Biện Quang trụ chùa Quốc Ninh ở Minh Châu thời Hậu Đường.

Thích Biện Quang tự là Đăng Phong, họ Ngô, người ở xứ Vĩnh Gia, là con cháu của Đường Sứ Quan Tả Thứ Tử Căng. Từ thuở nhỏ, Sư xả tục đến chùa Đào Sơn xin xuất gia. Thường ở một mình, chẳng giao tạp với người thường, tánh thích tự cao, xem thường những người xuất gia. Phần nhiều, Sư làm thơ Cổ Điệu, khổ hẹp hòi, ít ý vị, lúc được câu thì có được sắc, giỏi chữ Thảo chữ Lệ, nghe tiếng Lục Hy trách Quan ở Dự Chương, Sư bèn sang đó để bái yết, Lục Hy điềm tĩnh mà ngạo khí vẫn ngồi ở trong thuyền. Gồm có nhiều giao ném, chẳng hứa tiếp. Một hôm, Sư bày phương kế để yết kiến. Lục Hy cùng nói đôi ba lời, Sư cầu được thảo pháp, mà Lục Hy trao cho năm ngón tay đánh chung quyết, Sư viết thể đang thấy du kiện mà chuyển cổ tay xoay bút chẳng phải chỗ người thường biết được. Mới đến phương Tây, Vua Chiêu Tông ban chiếu đối viết trước giường vua, bèn ban tặng y phương bào sắc tía. Sau, Sư yết kiến Hoa Soái Hàn Kiến, dâng tặng Sư hiệu là “Quảng Lợi”. Từ Hoa Hạ trở về quê cũ, Ngài đến yết kiến Võ Túc Vương họ Tiền dùng khách lễ tiếp Sư. Song, tánh Sư cao kỳ chẳng dính mắc vương tình, bèn trở về Dũng Đông mà thị tịch. Sư có văn tập, được người tri âm quý trọng.

Sư lưu xuất bút pháp cho đệ tử Tùng Hoài, Tăng Chính Trí Tông ở Ôn Châu đều được mặc quyết. Có Triều Hiền tặng thơ ca, Ngô Nội Hàn Dung La Giang Đông Ẩn v.v... năm mươi nhà cẩn trọng làm thành một tập. Bấy giờ, Thái Thú Tứ Minh là Ngưỡng Thuyên vốn kính trọng Sư cao ẩn, bèn đích thân làm tang chủ, lo việc an táng. Ba năm sau, căn cứ

theo pháp thức của Tây Vực mà thiêu đốt. Khi mở nắp quan, nhục thể Sư vẫn còn nguyên như lúc sống, râu tóc móng tay đều dài ra. Trà-tỳ, thâu nhặt được xá-lợi, xây một ngôi tháp nhỏ để thờ. Lúc đó nhằm niên hiệu Trường Hưng (930 - 934) thời Hậu Đường.

17. Truyện ngài Tự Tân ở Tuyên Châu, thời Hậu Đường.

Thích Tự Tân, họ Tôn, người ở xứ Lâm Truy. Sư rửa giới tìm thầy không hề biếng trễ. Nghe Thiền Sư Ứng đang mở mang giáo ở Chung Lăng, Sư bèn đến đó tham hỏi, theo mây ở lâu dài. Sau, Sư xoay tích trượng thường ẩn cư trong núi Quảng Đức. Gặp lúc Lưỡng Chiết Văn Mục Vương họ Tiền dẫn Lại Sĩ đích thân đến Uyển Lăng vào chùa núi, chư tăng đều trốn đi, riêng mình Sư vẫn tự nhiên. Văn Mục Vương hỏi: "Sao chẳng trốn?" Sư đáp: "Đông Tây đều là giặc, vậy bảo lão tăng trốn đến phương nào!". Văn Mục Vương kinh hãi sự thẳng thán của Sư, bèn xoay giáo mác bảo trở về. Gặp Võ Túc Vương hỏi, Sư nói không chỗ khuất lấp, mà càng thêm cao hạnh, bèn tạo dựng viện Ứng Thụy để Sư ở đó, tôn xưng hiệu là "Quảng Hiện Đại Sư".

Lúc đầu, Sư thường vào núi Tuyên Thành hái thuốc, đi qua hang động sâu. Mới đầu thì tối mịt, dần thấy được mặt trời rõ ràng, đi chỉ vài dặm, bên cạnh động riêng có một cái hang, khe đầy nước, nhưng chỗ uốn cong có một cây thông lớn, phía trước tàng cây có một am tranh, có một vị tăng mày bạc, đắp áo nạp mà ngồi thiền, bên cạnh có chiếc khánh làm đồ đựng lửa. Sư đánh khánh, vị tăng ấy bèn mở mắt, kinh hãi hỏi: "Ôi! Sư có duyên sự gì mà đến đây?" Sư bèn trình bày hành chỉ. Vị tăng ấy mời Sư ngồi nơi tảng đá, đốt lửa nấu nước trà, hươngvị thật ngon. Khi đó, trời đã sắp tối, vị tăng ấy nhường am để Sư nghỉ lại. Sư ngoái nhìn lại thấy vị tăng ấy leo lên đỉnh cây thông vào trong một cái ổ lớn. Và nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa, lời tiếng trong trẻo rõ ràng. Chốc lát, lại nghe tiếng quát mắng rằng: "Bầy súc sanh loài mang lông sao dám làm người khiếp sợ? Hãy mau trở lại rừng thưa, hãy mau đi ra!" Sư lén nhìn đó, mới thấy Hổ Báo xuôi tai mà đi. Sáng hôm sau, Sư nói với vị tăng ấy: "Xin được ở lại để được hầu khăn giày!". Vị tăng ấy bảo: "Tự ở chốn nầy trăm thứ chỉ thấy là cỏ khô, bốn phía không thấy hơi khói nhà người, chẳng phải chỗ Sư ở!" Lại hỏi: "Chẳng đói ư?" bèn dẫn đến bên bờ khe suối, có lúa hơn trăm bông, với tay bứt ba nắm lúa vàng, hái lấy rau đồng, trộn chung nấu cùng ăn. Sau cùng đưa Sư trở về. Khi đi đến cửa động. Vị tăng ấy bảo: "Sự gặp gỡ này chẳng phải là tình cờ, uống trà và ăn cháo rau, sư bình sanh chẳng thiếu ăn thế!" Sư bèn

men theo đường trở về bổn viện, thì đã trải qua hơn tháng trời. Sư bảo những người đồng ưa thích sự tốt lành cùng trở lại tìm thì dấu vết hang động đã biến mất.

Sau, tại Chiết Trung thỉnh Sư sung làm chủ chùa Bảo Tháp. Đến niên hiệu Thiên Phước (935 - 943) thời Hậu Tấn, Sư thị tịch tại chùa hiện ở. Nay ảnh Sư hiện còn trong ngôi viện nhỏ ở trước vịnh Lãnh Thủy.

18. Truyện ngài Hạnh Tu trụ viện Nhĩ Tướng ở Hàng Châu, thời Hậu Hán.

Thích Hạnh Tu, họ Trần, người ở xứ Tuyền Châu. Thuở nhỏ, Sư đến viện Bắc Nham, xin xuất gia. Cẩn thận vâng giữ thời khóa tụng niệm siêng năng. Năm mười ba tuổi, Sư được cạo tóc. Sang giới đàn ở Phủ Tường Lạc, thọ giới cụ túc.

Năm mười tám tuổi, Sư mới đến tham yết Thiền Sư Tần ở núi Tuyết Phong, theo chúng thưa hỏi, do chưa biết thuyên chỉ, Sư giã từ Thiền Sư Tần, nói đi đến đất Chiết. Thiền Sư Tần bảo rằng: “Ta sửa sang Dung Nghi cho ông, để khiến người xứ đó trông thấy mà phát tâm!” bèn chỉ vào tai Sư mà bảo rằng: “Vành tai rũ dài mà vòng ngọc đã ngắn, nay ta sẽ kéo dài ra cho ông”. Bèn hai tay cùng kéo lên tới mày, làm như thế ba lần, từ đó tai Sư dài duỗi, khiến người trông thấy mà trố mắt. Đến năm Đinh Hợi (927) nhằm niên hiệu Thiên Thành thứ 2 thời Hậu Đường, Sư đến Chiết Trung, mọi người khắp thành đều chiêm ngưỡng, Đàn Việt cúng thí đông đúc, Sư bèn xây thất trên ngọn núi cao ở cửa Tây để yên nghỉ, sau trở thành ngôi viện lớn. Sư riêng không đề xướng, chỉ trầm lắng mà ngồi. Có ai hỏi điều gì thì chỉ cười mà thôi. Các sĩ nữ kéo tai Sư giao kết dưới gò má, nên mọi người ở Hàng Châu gọi Sư là “Trường Nhĩ Hòa-thượng” (= Hòa-thượng tai dài).

Đến tháng 11 năm Canh Tuất (950 nhằm niên hiệu năm Càn Hựu thứ 3, thời Hậu Hán, Sư thị hiện tướng bị bệnh, song vẫn hoạt động như lúc bình thường. Đến giữa đêm tháng 3 Sư an tọa mà thị tịch. Các Đàn Việt, đệ tử dùng sơn tô phết, nay vẫn hiện còn. Sau, Sư gá mộng báo với Thứ Sử Mục Châu là Trần Vinh rằng: “Dưới chỗ ta ngồi chưa được hoàn tất”. Xem xét lại thì thật là vốn chưa sơn phết, nên bảo thợ làm lại.

19. Truyện ngài Tông Uyên trụ núi Bá Các ở Nghi dương, thời Bắc Tống.

Thích Tông Uyên, họ Cung, người ở xứ Cao Mật. Thuở nhỏ, Sư

đã thông rành các kinh sách, sát tuệ như thần. Bỗng nhiên nguyện đến thiền viện ở phía bắc Đông Lai xin xuất gia. Sau, Sư đến tham học với Thiền Sư Nhạc Trung ở Giang Biểu. Tổ sư bạn lành giúp thần, đượm nhuần đến mình, sang tạo thật về, ít thích ngâm thơ ở nơi kinh sở. Thường Sư học ở thể của Ngài Tề Kỷ, tự nói: “Duyên tình tại phẩm vật, lưu ở ngoài hình!” Sư nhìn núi sông khắp thiên hạ rồi lại bảo: “Dẫm bước khắp núi thú lớn không ẩn thân mình!” Thích núi Bá Các ở Nghi Dương, Sư đến đó để cầu chí khí. Tiết tháo Sư căo vợi thanh khiết, hàng phàm tục không thể thấy được. Thường ngày, Sư gài riêng trì tụng phẩm kinh Quán Thế Âm. Bởi từng có người khéo đoán tướng, nói Sư lúc tuổi gấp kíp cần nên thọ trì phẩm kinh khổ môn.

Đến tháng 10 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (890). Sư dự báo lúc thị tịch, bảo thợ mộc làm một cái tòa hình dáng như đầu Nai, và gấp hối thợ mộc, vào giờ thọ trai ngày hôm sau cần dùng. Đến lúc đó, quả nhiên Sư an tọa mà thị tịch. Dân chúng làng quê, khắp nơi xa gần đều đến đốt hương lễ bái. Ngay năm đó xây một ngôi tháp nhỏ đề thờ Sư tại gò núi của chùa Bảo Vân. Sư thọ tám mươi ba tuổi.

Sư có “Lạc Tây Tập” trước soạn các văn từ gồm năm mươi bài, trong đó có một bài viết rằng:

“Khắp trong đời không người trăm tuổi
Trăm năm rồi hẳn bụi dưới mồ
Nay tôi tuổi đà tám ba(83) nhỉ
Tự soạn lời buồn tiễn thân tôi!”

Chỉ an táng một chiếc áo lót bằng giấy. Về sau, đào lên thần sắc Sư vẫn uyển nhiên. Đệ tử là Đạm nhiên vâng lời dạy bèn an táng trong hang đá.

Thử luận bàn:

Thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh muôn vật. Do khí điều hòa của đất trời mà lưu xuất, cổ động mà nẩy mầm, vì thứ loại bẩm thọ tự nhiên mà rõ ràng. Tự nhiên, tức là Đạo. Đạo, chỉ là Bổn Tâm. Tâm, không đâu chẳng thông. Thông được lý nơi vật đó là Đạo. Đạo ấy chẳng phải một, phiên dứt lưu hình, như cùng tận cầu vồng, vật cũng chỉ là một. Trời là một. Đất là một, đến lúc nhân Động thành Biến, vì Biến cầu chiêm đoán thì sanh tượng chẳng phải một. Đến như chim thú giao khí, cây cỏ cấu tinh. Hoặc dùng giống đực mà thấu suốt các loài cùng giống đực. Hoặc đồng căn mà khác thật. Cá sấu bay tợ như chim, Quýt biến thành chanh, giao nhau thành bầy, loài lông cánh sanh chim phượng. Vật loại thường lẫn lộn như thế mà tạo nên, lúc xen tạp thật

lớn. Sự có đổi dời, vật có phân luân, mới rõ ràng tạp danh chẳng phải một, tên gọi bao gồm tất cả. Nên nói nghĩa tuy rộng thì biết có thể dùng một tên mà nêu.

Xưa kia, trong Truyện Các Bậc Cao Tăng đời Lương lập chương thứ 10 này với tên gọi là "Xướng Đạo". Bởi vì lấy ý nghĩa đầu tiên các vị Bồ-tát mà trong kinh nói đều gọi là Xướng Đạo. Xướng thì phải có hòa. Đạo (dẫn dắt) thì phải có Đạt. Chư tăng ở Chung Nam xem xét tựa đề đó có được ở phần biểu dương ca tụng mà thiếu mất phần Kiêm tài biệt Đức. Thí như riêng chia Thiên phân trọng phú toàn tài. Hổ chấp hai cánh mà bay, chim Ưng mọc thêm bốn chân mà đánh bắt. Từ đó mà lập ra tên gọi "Tạp Thiên" (= Chương nói về gồm nhiều thứ) bao gồm Các Đức, đâu chỉ âm thanh phô bày, mà bao gồm tất cả.

Có người nói: "Tục Cao Tăng Truyện" y cứ vào đâu mà sửa đổi Danh Đề?" - Thông đáp: "Tượng ban mạnh bền thêm các dòng phái lẫn tạp trong chín dòng phái. Lập giáo như thế, làm người như thế, chẳng phải âm dương riêng, chẳng chuyên hình luật, hoặc gồm danh mặc, hoặc vượt cả ngang dọc, thì có thể xem đó là dòng phái tạp gia. Trong Hán Thư có thâu nhặt những điều để lại của Thái Sử Công. Ngài có chiếu lập đề sửa chữa sự hẹp hòi của Ngài Tuệ Hạo đời Lương.

Có người nói: "Có nghe Dương Tử Vân giận ghét các gian tạp ấy hay chăng?" Thông đáp: "Người ấy ghét Thái Sử Hoài Nam đã không tôn sùng Khổng mà lại chẳng thuần đức. Đó là ứng tạp mà tạp đoán không lỗi tạp. Nay người soạn truyện như du hạ, xét sự khởi ẩn rốt cuộc là buồn, đâu dám sai một từ!

Có người nói: "Sao bỗng đổi "Xướng Đạo" thành "Thanh Đức" làm gì? Thông đáp: Dụng của âm Thanh rất lớn. Bởi vì cõi nước của các Đức Phật riêng dùng một trần để làm cảnh ngộ. Tuy Nhẫn Sĩ rất quý chuộng âm thanh để làm Phật sự. Còn như Bồ-tát Quán Thế Âm nói về Viên Thông, mà Đức Thế Tôn khen ngợi là Văn luân hoàn bị. Cho nên như vị Tiên Tỳ-Mục ở thế giới Hương Tích, lạc hay chẳng lạc đều ở nơi Tai, đoanh vây không lâu mà đục thủng. Vì Thế, Ảnh Thắng Đại Vương chỉ thân đời trước là voi ngựa, do bát đãy của Thích tử động hợp mà gặp gỡ tại Trời Người, kẻ phản hồn theo tiếng chúc tụng mà đến nhà. Người trong sạch nghe tiếng chúc tụng mà hoan hỷ. Mới có thể gọi là Cung thương Phật pháp. Kim Thạch Thiên Âm, buồn mà chẳng thương, vui mà không mất. Dẫn đó vào thành Vực của Từ Bi, khuyên đó lìa chốn lấm ràng buộc. Thoát hoặc chấp nhận thọ chẳng tinh. Khí năng không giữ lấy, thì chẳng thể gọi là Thanh Đức.

Nay đây tìm kiếm cac bậc có đức hạnh gần gũi, nhóm họp những người có tài kiêm giảng, trong ba người có thầy ta là đó vậy. Nước bị đánh bốn phía, thì ai dám đánh ư? Được chẳng hoàn bị năm sắc thái mà phục chương, bao gồm tám phong hóa mà thành nhạc, thì có lên Thiên Trúc mà làm Vượn Phạm, lay động linh tháp mà xuyên suốt cầu vồng. Xứng Trời thỉnh mà đều giảng tùy. Chiêm đoán địa lý mà Tể Thần ứng vị. Bồ-tát Quán Thế Âm đưa tay xoa đỉnh đầu. Đức Di-lặc gọi bảo Thần Sấm, mới hóa thành người thấp bé ngồi thị tịch mà đưa tay. Thấy Từ nhan mà chẳng tức giận, làm thơ thức để an Thiền. Trăn lớn chẳng kinh hãi, Ma núi nhiếp phục. Đến gương thần mà dự biết trừng thải, lễ Thiên Quan mà thệ ẩn dật nơi Linh Tích. Đập vỡ vò hũ mà có chim bay ra. Nhọc thân làm lụng thay súc vật. Áo cỏ nơi Hành Sơn, sáng tâm tại chùa Võ. Nuôi dưỡng đồng nữ vì toàn thân, gặp phải dòng độc mà mạng sống tồn tại. Đức phù hợp trăng thiền, thân vượt qua bãi cát. Hoặc biện giải thông suốt, hoặc âm ba lưu loát. Tốt lành thay! Thạc Đức rực rỡ nơi các Ngài, như các căn giúp nhau, đồng với sự nêu bày của năm việc, nên gượng gọi là “Tạp”. Như Chiêm Bặc tiếp cây của Chiêm Đàn, mùi hương xông ngát gấp bội. Chim Ưng, chim Chiên nuôi dưỡng trong ổ của Đại Bàng, hơn cả ngàn lần chim Thứu mạnh. Dò hỏi ở đạo tràng lắng nghe nơi lời nói thẳng. Vì bậc tăng chẳng ứng nơi mười khoa, phụng sự Phật theo mất ở trăm năm. Nếu dùng Cao làm gốc, lấy Đức làm cành. Lấy Tu làm đài hoa, lấy Chứng làm hạt, sau đó thì từ cõi Ta-bà trội vượt lên làm dù lọng che kín thành bóng mát, phủ khắp Tam thiên Đại Thiên, gọi đó là “Đại Bồ-đề Thọ”.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.
(Quyển 30 hết.)

LỜI BẠT:

Các nhà viết truyện đời trước hoặc gọi là: “Tăng Truyện”, “Tăng Sử”, “Ký Lục”. Đề hiệu đều khác nhau và thanh tích cũng có khác. Đến đời Lương, Sa-môn Tuệ Hạo gọi là “Cao Tăng Truyện”(= Truyện Các Bậc Cao Tăng). Bởi vì lấy cái “Cao” mà chẳng lấy “Danh”, thì Khai mở đức nghiệp, văn chia thành mười chương thấy rõ như trong truyện. Sau đó, lại có “Đường Tục Cao Tăng Truyện” (= Truyện tiếp theo về Các Bậc Cao Tăng đời Đường), mô phỏng theo Đại Thể của đời Lương mà làm thành. Đến thời Hoàng Triều (dưới thời vua Thái Tông - Triệu Quính - Bắc Tống) lại có soạn “Tống Cao Tăng Truyện” (= Truyện Các Bậc Cao Tăng đời Tống). Gặp lúc Phong Thái thanh bình nước nhà đang hưng thịnh chẳng sa sút, từ mùa xuân niên hiệu Chí Đạo thứ 2 (996), Sa-môn Tán Ninh vâng phụng, Duệ Ân chấp chưởng lạc kinh giáo môn sự. Trong những ngày tâm nhàn việc rảnh, bèn có được hành trạng của các Ngài Pháp Chiếu v.v... soạn thuật đã sửa đổi. Quyết như từ trước đến nay, tìm nhân chỉnh định nguyên bổn. Đại nghĩa không trái, có chẳng thể vậy, vì có sửa chữa. Trước gọi là thêm ta vài năm, đối với Tăng Truyện thì có thể. Ấy nay lại sửa chữa. Đâu dám vì tuổi xế bóng mà từ chối ư? Khi đó mới triệt giản. Đến đầu niên hiệu Hàm Bình (998), vâng chiếu làm chức Đông Kinh Hữu Nhai Tăng Lục, sau đó lại đổi làm Tả Nhai. Một hôm, ngoảy lại nhìn bổn truyện chưa kịp biên chép, bèn bảo các đệ tử đóng bít các thùng sọt, khiến các bậc quân tử ở tương lai biết ta vì Tăng Truyện, kết tội ta cũng vì Tăng Truyện, nên ở cuối quyển mà viết thế này.

Ghi chú:

1/Tựa đề: Đầu đề của cả quyển 30, thiết nghĩ phải chuyển ngữ là “Truyện Các Bậc Cao Tăng viết dưới thời Bắc Tống” mới đích xác.

2/ Sách y cứ để chua (chú thích) niên hiệu: Ở đây tựa trên 2 bản:

* “Bảng đối chiếu ân dương lịch 2000 năm và niên biểu lịch sử” của Nguyễn Trọng Bỉnh, Nguyễn Linh và Bùi Viết Nghị do Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội xuất bản năm 1976 tại Hà Nội.

* “Từ điển Trung - Việt” của Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội xuất bản năm 1977 tại Hà Nội.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 186

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

SỐ 2065
(QUYỂN 1 → 8)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2062

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

Sa-môn Thích Như Tinh đời Minh ở chùa Từ Vân, núi Thiên Thai kính soạn.

LỜI TỰA

Từ năm Giáp dần thời vua Chu Chiêu Vương, Đức Thích-ca Thế Tôn đản sanh tại Tây Trúc, Thành đạo, nhập Niết-bàn, mãi hơn ngàn năm sau, đến thời vua Minh Đế; thời Hậu Hán, hai Tôn giả Ca-diếp-ma-đằng và Trúc-pháp-lan mới đến Trung Quốc. Vua Minh Đế lần đầu tiên xây dựng chùa Bạch Mã để các Ngài an trú. Từ đô, Phật pháp bắt đầu hưng khởi, Tăng đồ dần đông. Tiếp theo, đời Ngô có Ngài Khương Tăng Hội, đời Tấn có Thích Đạo An, Bảo Chí, Tăng Thích, Chi Tuần, Đàm-vô-sấm v.v... Tên họ các Thần tăng, ghi khắp khuôn linh, vết thơm vang khắp trong nước. Lời vàng Đạo nhã, luận cao chước khéo, biên chép đủ đầy. Nên, trong thời Lục Triều, Ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn, đời nhà Đường, luật sư Đạo Tuyên, đời Tống có ngài Tán Ninh, v.v... mới thỉnh tu Tăng sử và cao Tăng truyện, mỗi thứ có đến mấy quyển.

Thêm nữa, Đại sư Đạt-ma từ xa dự biết cơ duyên ở đất Trung Hoa đã đến lúc chín muồi, nên chẳng ngại xa cả muôn dặm mà đến. Đặc biệt truyền trao diệu chỉ "truyền riêng ngoài giáo". Trải qua sáu đời, đến Ngài Tuệ Năng thì Phật giáo phấn phát lớn mạnh. Lại bắt đầu truyền đến các Ngài Thanh Nguyên, Nam Nhạc, Mã Tổ, Thạch Đầu. Cành phân rễ bố, ngọn tràn nguồn sâu. Có thể gọi là: "Từ từ biến khắp mà đến nơi Đạo". Sau đó, Bách Trượng xuất sanh ra phép tắc đầy đủ

của tùng lâm, có khai Đường, nhập Thất, dựng phất, niêm chùy, tất cả một ngàn bảy trăm tắc, như dây bìm dây sắn lan cùng vũ trụ. Đầu tiên do từ Thiền sư Đạo Nguyên, Học sĩ Dương Đại Niên, Phụ mã Lý Tuân Úc v.v... soạn các bộ Truyền Đăng Lục, mỗi thứ có đến mấy quyển.

Đến đời Minh chúng ta, vua Thành Tổ Văn Hoàng đế, nhân lúc nhàn rỗi mọi duyên, đọc xem Tăng sử Truyền Đăng Lục, dò xét các bậc có những điều linh dị, lại soạn riêng bộ truyện Thần tăng, có đến mấy quyển. Đối với sự vui chơi thì đáng gọi là quyển sách to lớn.

Xưa kia, Khổng Tử soạn sách Xuân Thu mà loạn thần tặc tử lo sợ, Thái sử công viết sử truyện mà những kẻ chẳng ra gì trong nước xấu hổ. Nay, tôi con dòng họ Thích mà có sách này thì khiến các vị Sa-môn trong nước chẳng những không làm loài trùng trong thân sư tử ma sẽ thấy người hiền nghĩ làm sao mình phải có bằng. Im lặng mà khế hợp với lời nói, biểu lộ mà được khỏi mất, há có thể so lường ư! Nhưng Tăng sử bắt đầu từ đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, truyền đăng khởi nguồn xa xưa từ bảy Đức Phật và đều kết thúc ở đời Tống, chỉ có Truyện Thần Tăng mãi đến thời Nguyên thuận mới thôi. Bắt đầu đời nhà Minh phát khởi, từ lúc Thái Tổ Cao Hoàng Đế mở nước trở lại, sự bình trị của nước nhà vượt hẳn cả thời Tam đại, sự hư người thạnh của Phật pháp đến đời Đường đời Tống, riêng chỉ Tăng sử, các sách Truyền Đăng còn lẻ tẻ không nghe thấy, thật đáng than buồn. Nhưng chúng ta, những người có khả năng chẳng lấy làm lo nghĩ, những người có chí chẳng lấy làm duyên, thì các nhân vật trong triều đại đất nước chúng ta há chẳng bằng đời Đường đời Tống ư!

Vào năm Canh tý hiệu khắc bộ "Tiền đại kim Thang Biên", năm nay lại biên tập bộ "Quốc triều Hộ pháp" để bổ túc thiếu sót. Nhân trong bộ "Sử Chí Văn tập" thường có ghi các bậc Danh tăng, do đó, tùy hỷ ghi lục lại. Từ đời Nam Tống cho đến nay sơ lược có được bao nhiêu vị, mạn phép đặt tên là "Đại Minh Cao Tăng truyện" (Truyện các bậc Cao Tăng đời Minh) dành sẵn cho những người tu chỉnh văn sử chọn lựa chiêu tập, v.v....

Thời nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch, ngày tốt tháng 05 năm Đinh tỵ (1617), viết tại Bát Nhã đường, chùa Lăng Nghiêm ở Gia Hưng.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂN ĐỜI MINH

Sa-môn Thích Như Tỉnh ở chùa Từ Vân,
núi Thiên Thai kính soạn.

QUYỂN 1

CHƯƠNG I: PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

(Chánh truyện có 1 vị, phụ có 2 vị).

1/. Truyện Sa-môn Thích Sa-la-ba trụ chùa Khánh Thọ ở yên đô đời Nguyên. (Thích ôn-bốc-ca-la-tư-ba).

Thích Sa-la-ba người ở Tích Ninh thuộv Tây Quốc vừa đến tuổi búi tóc, Sư nương đế sư Bát-tư-ba-đế xuất gia, tập học các bộ giáo pháp Quán Đảnh. Sư lại theo Đại sư Trước-lặc-xích thọ học các kinh giáo Đại tiểu thừa. Bấy giờ, có ngài Thích-ôn-bốc khéo thông Diệm-man-đức-ca, Mật giáo được người đời tôn xưng trọng, Sư tìm đến học và thấu hiểu được cùng tận Đạo lý ấy. Do đó mà Sư tinh thông tiếng Thổ Phiên, giảng nói các thứ Diệu Pháp kiêm luôn giải rõ văn tự các nước.

Sau, nhân ngài Ca-la-tư-ba-đế-sư đề cử Sư lên vua Thế Tổ và được ban sắc phiên dịch các kinh giáo Hiển-Mật ở Trung Quốc chưa được hoàn bị, mỗi thứ đến mấy bộ, trong đó từ chỉ rõ ràng. Vua Thế Tổ ban tặng hiệu "Đại biện Quảng trí". Thời bấy giờ, tăng quan tuy đông mà phong thái kỷ cương suy đồi. Quan lại không thể giữ thành chống ngăn di pháp, bên ngoài khinh lờn, trở lại làm hại chư tăng. Vua Thế Tổ mỗi lúc bàn bạc đến việc ấy, vô cùng lo âu tha thiết! Bèn chọn người có khả năng chỉnh đốn lại mối mất mát đó, nên đặc trao Sư làm Thích giáo Đô Tổng thống ở các xứ Giang Triết, v.v... Nhà vua đích thân khổ nhọc đón đưa.

Khi Sư đã đến Giang Nam, tước bỏ hết các phiền hà, mở lòng khoan đại, nên chư tăng các chùa xa gần nhờ đó mà an định. Theo đó thay đổi Thống phước quảng. Vì khí độ chánh đức trang nghiêm của Sư cao vợi nên không dám nương cậy vì vậy có lắm trái nghịch đồng phát sanh. Sư thường tự than rằng: "Dân chúng trong nước đâu việc gì ư? Chỉ

bởi chúng ta tự khuấy nhiễu ấy! Triều đình bày ra lắm quan tước thì mọi việc trong nước càng thêm phiền toái. Nay, nỗi khổ của chư tăng không gì khác, chỉ bợi quan tước lắm sự phiền nhiễu. Đó là điều có thể gọi là mười con dê mà có đên chín người chăn, không là quá lời". Ngài bèn tấu trình để triều đình xét biết và có được chiếu chỉ bãi bỏ hết các đường tổng thống. Khắp Dân chúng trong nước đều vui mừng. Từ đó, Sư liền ẩn tích về núi, lập thất trồng cây, muốn sống trọn tuổi già.

Vào niên hiệu Chí Đại (1308-1312) đời Nguyên, Sư lại vâng chiếu đến yên kinh, bái Quan Lạc Đại phu Đại Tư Đồ, các vương Hoàng Thái tử thường thưa hỏi pháp yếu. Vua Vũ Tông - đời nhà Nguyên ban chiếu cấp lẫm quán ở chùa Khánh Thọ. Các kinh điển do Sư phiên dịch triều đình đều khắc in phát hành.

Đến ngày mồng năm tháng mười năm Diên Hựu thứ nhất (1314) đời Nguyên Sư thị hiện bệnh nhẹ. Vua Nhân Tông ban tặng muôn xâu bạc giấy, ban lệnh Thái úy Phan Vương trông nom thầy thuốc, Sư cảm tạ khước từ, cuối cùng Sư an tọa đối diện tôn tượng Đức Phật mà thị tịch. Nhà vua vô cùng thương tiếc, cấp tặng mọi thứ lo việc an táng, sai sứ nhanh chóng đưa về quê cũ, xây thap cúng dường.

Liên quan thử bàn:

Sự thạnh hành của việc phiên dịch kinh điển chẳng qua ở thời Lục triều, lớn mạnh như các ngài La-thập, Thật-xoa-nan-đà ở đời Đường. Đến thời Ngũ Đại, Bắc tống thì dần dần thôi nghỉ, huống gì từ khi Khương Vương vượt sông, Hồ Mã Nam ẩm, xe loan vội trốn. Sau niên hiệu thuần Huy (1174-1190) đời Nam Tống, tuy có chút ít nhàn rỗi, nhưng đâu thể từ đó ư? Đến đời vua Thế Tổ (1260-1280) đời Nguyên thì Hoa Di mới nhất thống, mới trở lại có ban sắc dịch kinh. Cho đến đời Minh chúng ta (1368...), từ các niên hiệu Hồng vũ (1368-1399), Kiến Nguyên (?) về sau, các vị tinh thông tam tạng không ít như Tôn giả Ca-Diếp-Ma-Đằng không đến nỗi nên chỉ liệt bày. Nay trên dòng sử Phật đời Nguyên, chỉ có có được một mình Sư, như chẳng luống dối là đứng đầu thì cũng là người ít có vậy.

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có chín vị).

1/. Truyện Sa-môn Thích Tịnh Chân trụ chùa Hưng Thánh ở Tùng Giang.

Thích Tịnh Chân không rõ Sư họ gì. Sư nương Pháp sư Nhược Bình ở chùa Hưng Thánh, Tùng Giang xuất gia, tu tập theo Tông Hiền Thủ.

Năm Gia Hy thứ ba (1239) thời nam Tống, Ngài vân du khắp các chùa ở Triết Giang. Nhân ở Tiền Đường đê sông bị phá hủy, sóng nước tràn ngập bềnh bồng gây hại cho dân chúng, Sư viết kệ trình cùng An Phủ Sứ Triệu Đoan Minh rằng:

"Biển tràn sông ngòi nước liền nhau
Muôn dân man mác sợ ngập lâu,
Ném mình thẳng hướng cung rồng đến
Đòi dứt sóng gió vỗ ngập trời".

Rồi Sư bèn gieo mình xuống biển ba ngày, trở lại nói với dân chúng rằng: "Ta đến cung rồng nói pháp, các hàng rồng thần đều nghe nhận. Đường này từ đây không còn bị phá hủy nữa". Nói xong, Sư lại gieo mình xuống biển. Triệu Đoan Minh cảm mộ ân đức của Ngài, nên tấu trình rõ ràng cùng với triều đình. Nhà vua sắc tặng hiệu là: "Hộ QuốcTịnh Chân Pháp sư" lập đền thờ tại hội từ ở đất Hàng.

2/. Truyện Sa-môn-Thích Tổ Giác ở chùa Trung Nghiêm thuộc My Châu.

Thích Tổ Giác, Sư còn biệt hiệu là Si Am, con nhà họ Dương ở Gia Châu. Ngài thông minh dĩnh ngộ sớm phát, riêng chỉ ưa thích Phật thừa, siêng năng nghiên cứu yếu chỉ của Tông Hiền Thủ và thành đạt được nghĩa mầu của Tông ấy. Sau, Ngài vâng chiếu ra trú chùa Trung Nghiêm ở My Châu. Các hàng học giả ở khắp bốn phương đua nhau kéo đến như mây nhóm. Thường ngày, Sư lên pháp đường giảng dạy chẳng lộ bày mỏi mệt, dốc hết tâm từ bi, dẫn dắt hậu học. Tông Phái Thanh lương đến thời Sư có thể gọi là đỉnh cao hưng thạnh. Ngoài việc niêm chùy ra, đối với các sách sử xưa nay, điển chương của các nhà hiền triết không thứ gì Sư chẳng nghiên cứu. Xem qua một lượt liền thuộc lòng. Sưcó sửa chữa Tăng sử thời Bắc Tống, cũng như các bộ "Hoa Nghiêm Tập Giải", "Kim Cương kinh chú", "Thủy Lục Trai Nghi" v.v... để lưu

hành ở đời.

3/. Truyện Sa-môn Thích Nhược Nột ở Thượng Thiên Trúc thuộc Lâm An.

Sa-môn Thích Nhược Nột, vâng chiếu vua trú tại Thượng thiên Trúc. Thường lãnh đồ chúng cả ngàn vị mở mang giáo nghĩa Tam Quán, Thập thừa, Ngũ trùng, Lục tức. Sư biện luận ngôn từ như nước rót thác chảy, thật là nơi nương tựa của bốn chúng thời bấy giờ.

Niên hiệu Thuần Hy thứ ba (1176) thời nam Tống, vua Cao Tông (1) đến chùa thượng Thiên Trúc, muốn lễ bái tôn tượng Đại sĩ. Sư đón rước vào. Vua Cao tông hỏi rằng: "Trẩm đối với Đại sĩ, lễ bái có hợp hay không?" Sư đáp: "Không lễ bái thì mỗi người tự xưng tôn, lễ bái thì thay nhau cung kính". Vua Cao tông vui mừng, lễ bái chí thành. Lại hỏi về thường năm tu trì sám pháp kim quang minh ý nghĩa ấy như thế nào. Sư giải thích: "Xưa kia, Đức Phật vì Tứ Thiên Vương Thích Phạm nơi pháp Kim Quang Minh tam muội, phó chúc các vị ấy hộ Quốc an dân. Các vị Tổ sư đời sau soạn nên sám pháp để Chư tăng đến đầu năm phụng trì phàp ấy, cầu phước cho nước nhà. Đó là một bộ sách rất hưng thạnh ở đời". Nhà vua nói ban cho Sư tước phẩm "Hữu nhai Tăng lục" cấp tặng tiền, liền tu theo đạo ấy.

Ngày mồng tám tháng tư năm sau (1177), nhà vua mời Sư dẫn chúng tăng gồm năm mươi vị vào điện Nội Quán, hành trì pháp "Hộ Quốc kim Quang Minh Tam muội". Ban tặng trai hội hoàn tất, Sư lên tòa giảng pháp. vua Cao Tông hỏi: "Trong Phật pháp có gì sâu mầu, sao được kinh quyển như thế? Ngài bảo: "Có, vốn như thế". Vua Cao Tông rất vui mừng, lại ban cho Sư tước phẩm "Tả nhai Tăng lục". Tặng hiệu là "Tuệ Quang Pháp Sư". Từ đó, thường năm đến ngày ấy, Sư vào nội điện tu cử Phật sự. Nhà vua ban tặng Sư năm mươi xấp lụa.

Đến tháng tám niên hiệu Thuần Hy thứ bảy (1180), nhà vua mời Sư vào nội diện, thiết ban trai hội, Sư giảng pháp xứng hợp thánh chỉ, ân sủng thấm đượm, thêm nhiều đặc sắc.

4/. Truyện Sa-môn Thích Liễu Nhiên ở chùa Bạch Liên thuộc Đài Châu.

Thích Liễu Nhiên, hiệu là Chí Dũng, Sư xuất gia tại chùa Bạch Liên trong quận, diễn giảng Thiên thai giáo quán hơn 20 năm, Sư tinh cần khuyên răn hàng hậu học, ẩn tu bạch nghiệp, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, an tọa tới sáng. Một đêm, Sư mộng thấy hai con rồng đùa

giỡn với nhau trong mây giữa không trung, bỗng nhiên hóa thành Thần Nhân, từ giữa hư không mà xuống bái kiến Sư, lại lấy từ trong tay áo ra một phong thư, bảo rằng: “bảy ngày sau, Sư sẽ trở về phương Tây!” Đến lúc thức giấc, Sư biết đó là điềm ứng vãng sanh, bèn đánh trống nhóm chúng, lên tòa giảng pháp, giao phó việc hậu sự. Thế rồi, viết kệ khuyên răn rằng: “Tôi nhờ sức niệm Phật, được sanh nước an lạc. Vậy nên các người không nên buông lung!” Rồi liền bảo tắm gội thay y phục, bảo chúng đồng thanh tụng kinh Di đà, đến đoạn “...... Tây phương thế giới”, thì Sư an nhiên mà hoá. Cả chúng đều nghe âm vang nhạc trời khắp cùng giữa hư không, ánh sáng tốt lành tỏa chiếu cả bầu trời.

5/. Truyện Sa-môn Thích Liễu Tuyên ở chùa Bảo Lâm thuộc Minh Châu.

Thích Liễu Tuyên, người ở xứ Tứ Minh, tập học ở Bảo Lâm. Nhân kính mến sự hưng thạnh của Nam hồ nên Sư bèn đến đó. Sư tinh cần nghiên cứu yếu nghĩa Tam Quán, Thập thừa, xem đọc Đại tạng kinh giáo, không gì chẳng biết về đại nghĩa.

Sư hành trì Pháp Hoa Sám Pháp hơn hai mươi năm, cùng kết bạn với ngài Thích Thiện Vinh, đồng chí nguyện hành thiện. Về sự tu tiến thảy đều đồng nhau. Ngài Thiện Vinh thường viết chữ vàng các bộ kinh Pháp Hoa, Lăng-Nghiêm, Tịnh Danh, Viên Giác, v.v..., Sư cũng trợ giúp. Hoặc gặp Tây tư hội thì giúp tay người họa vẽ thủy mặc tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Hai người đồng kết thệ nguyện vãng sanh. Mỗi lúc nói pháp thì Sư chăm chăm khuyên mọi người đều cầu sanh về cõi An Dưỡng. Những người theo Sư niệm Phật rất đông.

Một hôm, Sư đến thất của ngài Thiện Vinh, ngồi im lặng. Ngài Thiện Vinh cố hỏi nguyên cớ. Sư đáp: “Tôi về phương Tây đã đến lúc, khó quên như Đạo nghĩa, cũng như gặp lại Tịnh Độ”. Ngài Thiện Vinh bảo: “Đó chính là chỗ mong ước”. Sư liền nhóm Chúng để từ biệt, bảo Chúng tụng kinh, xưng niệm danh hiệu Phật. Sư ngồi thẳng, viết kệ rằng:

“Tánh tướng quên tình
Một ba chẳng gá
Gió dứt chẳng đi
Là Đại Cát Tường”
Sư chấp tay mà thị tịch.

Bấy giờ, đang tiết trời nắng nóng, an trí nhục thân Sư trong khám bảy ngày mà nhan sắc vẫn hồng hào tươi nhuận, ở khóe miệng có nhiễu

ít nước dãi, những người đến chiêm ngưỡng dùng khăn bọc lại thì có mùi thơm khác lạ phun vào người. Các hàng sĩ thứ khắp cả thành đều đén nhóm bọc, mùi thơm nước dãi lại càng nhiều. Sau khi trà tỳ thâu nhặt được vô số xá lợi.

Sư viên tịch được ba năm, bỗng nhiên ngài Thiện Vinh đem các thứ kinh tượng chia cho những người thân quen xưa cũ, rồi trì tụng kinh Phổ Hiền hạnh pháp, kinh tiểu bổn A-di-đà, bảo Chúng đồng giúp xưng niệm danh hiệu Phật. Sư ngồi kiết già, bảo rằng: "Ta đã đến thời hạn ước hẹn với ngài Liễu Tuyên!", nói xong, Sư an nhiên thị tịch.

6/. Truyện Sa-môn Thích Tánh Trừng trụ chùa Thượng Thiên Trúc ở Hàng Châu, đời Nguyên.

Thích Tánh Trừng, tự là Trạm Đường, hiệu là Việt Khê, Sư là con nhà họ Tôn ở Cối Ke thuộc Thiệu Hưng. Cha của Sư tên Mãn, mẹ của Sư họ Khương. Mẹ Sư mộng thấy mặt trời từ giữa hư không rơi xuống, đến lúc thức giấc mà ánh sáng mặt trời vẫn còn chiếu soi trên cạnh giường, liền sanh ra Sư.

Lên bốn tuổi, Sư thường đùa vui cầm bút vẽ tượng Phật. Cha mẹ trao kinh Phật cho Sư thì liền tụng được như sớm đã học tập.

Đến năm Bính Tý nhằm niên hiệu Chí Nguyên, đời Nguyên (1276), Sư đến Luật sư Thạch Môn Thù xin xuất gia, thọ giới cụ túc. Ngài Thạch Môn bảo: "Các Đức Phật ba đời đều lấy giới luật làm gốc". Bèn dạy Sư tìm tòi học tập về Luật tạng. Do đó mà Sư thông rành nghĩa lý của tánh giới, già giới, song đơn, và các pháp chỉ - trì - tác phạm, v.v...

Đến năm Ất Dậu (1285), Sư nương ngài Phật Giám Thiểm Công, tập học Thiên Thai giáo quán. Lại đến tham yết Pháp sư Vân Mộng Trạch ở phổ phước thuộc Nam trúc. Ngài Vân Mộng Trạch thấy sâu sắc bèn thêm khí trọng. Sư lại đến trụ thanh ban yếu chức. Vì chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, xưa vốn là chùa giảng thuyết giáo nghĩa tông Thiên thai, sau đổi thành thiền việnnên Sư chẳng ngại xa xôi mấy ngàn dặm đến kinh đô, tấu trình nguyên do sự tạo lập chùa và đầu đuôi thể chế cũ. Vua Thế Tổ (1260-1280) đời Nguyên ban chuẩn thư ấn hồi phục lại. Thế rồi, Sư muốn đi xuống phương Đông áp duyên, chu du đến Cao-Ly, tìm các thứ kinh sách của tông Thiên thai còn sót lại, nhưng nghe ở nước đó có việc bèn thôi.

Đến năm Ất Tỵ (1305) nhằm niên hiệu Đại Đức, Sư ra trụ tại Đông Trúc thuộc Hàng Châu. Trong năm Đinh mùi (1307), ở Ngô Việt

hạn hán, Sư dẫn Chúng nói pháp, cầu mưa, bèn có cảm ứng. Gặp năm đói kém, dân chúng chết không thể gom hết, Sư bèn vùi lấp hài cốt, lập đàn Đại hội thủy lục để phổ độ họ. Đến năm Mậu thân (1308) nhằm niên hiệu Chí Đại, Sư dời sang Diễn Phước ở Nam Trúc.

Đến năm Tân Dậu (1321) thuộc niên hiệu Chí Trị, nhà vua dùng phương tiện đưa ngựa trạm mời Sư vào kinh đô, hỏi Đạo ở điện Minh nhân, ban sắc cho Sư trú tại chùa Thanh Tháp, hiệu chính Đại tạng. Nhà vua xa giá đến điện các Văn-thù, hướng dẫn thăm hỏi, ban tặng kinh Vô lượng thọ Phật, v.v..., mỗi thứ mấy quyển. Xong việc, tạ từ trở về, nhà vua lại đặc biệt ban tặng bộ phục xiêm liền nhau dệt bằng vàng. Sắp sửa phát hành, thì lại có chiếu chỉ mời Sư đến chùa Bạch Liên, thiết lập Đàn tràng thủy lục, thực hành pháp thí hội vô già. Khi ấy, Thừa tướng Đông Bình Trung dâng kế cùng nhà vua thỉnh Sư lên tòa nói pháp. hầu nghe xong rồi, nhà vua càng sủng ái thưởng tặng rất lớn. Ban tặng hiệu là “Phật Hải Đại sư”.

Đến năm Giáp Tý (1324) nhằm niên hiệu Thái Định, Sư đến trú tại chùa Thượng Thiên Trúc. Suốt chín năm, đến ngày rằm tháng sáu năm Nhâm ngọ( ) (1332) - thuộc niên hiệu Chí Thuận, bỗng nhiên Ngài đánh trống, báo cùng chúng tăng rằng: “Ta trú tại ba danh sơn hơnba mươi năm, tự làm điều vô ích, duyên đời có hạn, hổ thẹn chẳng tỏ rõ các bậc cổ đức phong thái lẫm liệt đáng vịn nương”. Cuối cùng, Sư phẩy áo trở về Vân ngoại trai của Thiên Trúc. Trong những năm còn lại, Ngài vượt đến Phật quả, dốc chí chuyên tu Tịnh Độ, nhất tâm tam quán mỗi kỳ suốt bảy ngày đêm, thường cảm ứng điềm lành.

Vào một ngày đầu tháng, đại chúng giữ lệ thường nghi vào thăm viếng, Sư vội vái chào, bảo: “Lão tăng vừa rồi chẳng phải gấp lui bước, suốt mười hai năm ròng chỉ ở nửa đường. Ngày nay thì có, ngày mai sợ rằng không. tất bóng ấy có thể ôm chầm vui đùa ư!”. Sư nhọcxét y bát, để biểu hiện vô thường. Đại chúng đồng vì Sư mà xưng niệm danh hiệu Phật. Ngài ngăn cản bảo họ: “Phật phải tự niệm. Sáng sớm mai hãy tới tống biệt!”. Vừa lúc mờ sáng, Đại chúng nhóm họp, Sư ngồi thẳng an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, sáu mươi bốn hạ lạp. Lưu lại nhục-thân Sư trong khám bảy ngày, nhan sắc dáng mạo vẫn như lúc sống. An táng toàn thân ở tháp viện Thanh Thái.

Sư có soạn các bộ: “Kim cương tạp chú”, “Tâm kinh”, “Tiêu Tai Kinh chú”, “Di-đà kinh cú giải” và “Nhân vương kinh”, “Như ý luân chú kinh khoa”, đều lưu hành ở đời.

7/. Truyện Sa-môn Thích Mộng Nhuận ở chùa Hạ Trúc thuộc Hàng Châu.

Thích Mộng Nhuận, tự là Ngọc Cương, họ Cố, người ở xứ Hải Diêm thuộc Gia hòa. Cha của Sư là bậc quân tử thông minh ở ẩn, mẹ của Sư họ Tôn; là cháu ngoại gái của Pháp sư Cổ Nguyên Thanh. Mẹ Sư từ lúc mang thai đến khi sanh Sư, thường cảm những điều mộng khác lạ.

Năm mười bốn tuổi, Sư nương theo Pháp sư Cổ Thanh ở chùa Bạch Liên trong quận. Sư mới lễ bái Thần già-lam thì đất đều đổ ngã, cả Chúng đều kinh lạ, ngài Cổ Nguyên trao kinh cho liền tụng rành, bèn bảo Sư nương theo Đại sư Tường Công xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Ngài Cổ Thanh thấy Sư thông minh lanh lợi, nên trao cho các kinh sách "Thiên thai chỉ quán", "Kim ương Ty Thập bất nhị môn", Sư liền hiểu rõ được đại ý các kinh sách ấy. Gặp lúc ngài Cổ Thanh viên tịch, sư bèn thờ Pháp sư Trúc Đường Truyền để chọn pháp tu. Nhân vì khổ công học tập nên mắc phải bệnh lạ, Sư bèn trì hành sám pháp cầu thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm suốt bốn mươi ngày, liền cảm linh ứng, bệnh lành, và tâm càng thêm sáng tỏ nhanh nhẹn, bèn được phân tòa nói pháp ở Diễn Phước thuộc Nam Trúc. Ngài Trạm Đường Tánh Trừng lại tới pháp tịch ấy, thì Sư ở đệ nhất tòa. Vô Hà xuất thế là Đương chủ hồ Đức Tạng ở Hải Diêm, trong mùa hạ, Sư giảng kinh Pháp Hoa. Thính chúng thường có đến ngàn vị, người buôn bán rượu, vì đó mà đổi nghề. Các thứ vết tích điềm lành ứng hiện không thể ghi hết. Sửa đổi tông phong ở Diễn Phước càng phấn phát. Sáu năm sau Sư thôi việc ở viện, trở về ẩn tu tại am Bạch Liên trên đỉnh Phong Hoàng, thuộc Lonh Tỉnh, chuyên hành trì pháp niệm Phật tam-muội. Mọi người đến nương theo ngày một đông. Từ viện Tuyên Chính lấy làm pháp tịch Hạ Trúc phát khởi mạnh. Chùa mới bị tai họa, chỉ còn lại Điện Phổ Hiền trơ trọi, gai gốc níoi gạch đầy ở trong. Sư bùi ngùi nói với đại chúng rằng: "Chùa này thành tựu nhờ ở Từ Vân, nay chánh điện vẫn còn là nguyện lực của Tổ Sư còn đó!" lần lượt được sửa sang tu bổ thành mới. Sớm tối giảng nói không mệt mỏi, Sư dẫn chúng tu hạnh Pháp Hoa Tam-muội, cảm được Bồ-tát Phổ Hiền phát ra ánh sáng, hiện các điềm lành.

Sư trú tại đó ba năm, một hôm, Sư gọi các đệ tử Thật pháp, Minh Sách v.v... chỉ dạy yếu chỉ của chỉ Quán An Tâm. Thế rồi, Sư bảo với chúng rằng: "Nhân duyên đời nay của tôi đến lúc đã hết". Chợt Sư xưng niệm danh hiệu Phật vài trăm tiếng rồi an nhiên thị tịch.

Lúc còn sống Sư dốc sức tu hành, ngày đêm không biếng trễ. Sư

thường tu pháp Thường hành Tam-muội, mỗi lần là chín mươi ngày. Tu các pháp môn Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Đại Bi, Tịnh Độ, không biết bao nhiêu kỳ hạn bốn mươi chín ngày. Nên Đức ngầm, hạnh kín, Quả chứng sâu mầu của Sư có được, thì không dễ xét bằng cái nhìn thiển cận.

8/. Truyện Sa-môn Thích Chân Tịnh trụ chùa Thượng Thiên Trúc ở Hàng Châu.

Thích Chân Tịnh, tự là Như Am, họ Chu, mẹ của Sư mộng thấy mặt trăng từ biển mọc lên rồi rơi xuống bụng, tỉnh giấc thì mang thai Sư. Đến lúc sanh Sư thì ánh sáng an lành soi khắp phòng. Có vị Tăng lạ đi ngang qua, chỉ và bảo với mẹ Sư rằng: “đứa trẻ này là Pháp sư Hải Nguyệt tái sanh”.

Năm chín tuổi, Sư nương Pháp Sư Minh Tĩnh Chí ở chùa Hóa thành, pháp sư trao cho kinh Pháp Hoa, Sư nghe qua tai liền tụng thuộc. Năm mười sáu tuổi, Sư chính thức xuất gia, nghiên cứu khắp các kinh, trí tuệ sớm phát, tánh rất chăm học. Đầu tiên, Sư đến tham yết Pháp Sư Vân Mộng Trạch ở chùa Quảng Phước thuộc Hàng Châu. Nghe tiếng Pháp Sư Vô Cực Độ hành hóa rất hưng thạnh, Sư bèn tìm đến thất và thành đạt được giáo học của Ngài Vô Cực Độ.

Vào niên hiệu Đại Đức (1297-1308) đời Nguyên, Sư đến trụ chùa Đức Tạng ở Hải Diêm. Đệ tử đông nhiều vô kể. Chùa đó vừa bị đổ nát, Sư ra sức tu bổ lại, chúng tan rã rồi nhóm họp lại, ruộng đất bị các nhà giàu chiếm đoạt thì hoàn trả. Chưa tới mấy năm, tự nhiên trở thành khuôn phép cũ. Đến niên hiệu Chí Trị (1321-1324), Sư dời đến Siêu Quả ở Tùng Giang

Đến năm Ất sửu (1325) nhằm niên hiệu Thái Định, tướng nhà Nguyên là Thoát Hoan cử Sư đến trụ tại chùa Hạ Trúc, Sư trụ tại đó bảy năm, giảng dạy chưa bao giờ tỏ vẻ mỏi mệt. Mở lớn cửa đi phía trước chùa, viết ba chữ “Phật Quốc Sơn” để nêu bày. Đến năm Tân mùi (1331) nhằm niên hiệu Chí Thuận, Ngài Trạm Đường; Tánh Trừng ở chùa Thượng Trúc lấy cớ già nua nên cáo từ thôi nghỉ, đề cử Sư lên thay thế.

Trước đó, Sư mắc chứng bệnh ngủ ngày, mộng thấy Bồ-tát Quán Thế Âm cầm bình nước cam lộ bằng vàng rưới vào miệng Sư và bảo: “Sư chớ nên âu lo, không bao lâu nữa sẽ lành bệnh”. Sư cúi đầu thưa hỏi về tương lai tốt xấu thế nào, Bồ-tát Quán Thế Âm chỉ dạy: “Hai năm sau, ông sẽ lánh ở dưới cây Đại thọ ồn ào”. Đến lúc tỉnh giấc, quả

nhiên bệnh lành, Sư trộm nghĩ rằng: “Lánh ở dưới cây Đại thọ ồn ào há chẳng phải lời sấm nhập tịch ư?” Mãi đến lúc ngài Trạm Đường cử Sư đến chùa Thượng Trúc, tới nơi thấy ở phía Tây nhà ngủ có một cây Đại thọ, có tấm biển treo ở nhà đó đề hai chữ “Tĩnh xứ”, Sư mới rõ điềm ứng trong mộng. Từ đó, Sư hết lòng mở mang Phật pháp, học chúng thường có cả mấy ngàn vị nương tựa. Vua Văn Tông (1330-1333) mến mộ đạo hạnh của Sư, ban tặng hiệu là: “Phật Tâm Hoằng Biện”, và tặng y Tăng-già-lê viền dệt vàng. Ngài vốn sống giản dị, lại có phong thái của người xưa. Mọi cử chỉ, hành vi đều không nói cười sai quấy, thường ưa vắng lặng, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, chẳng màng mưa nắng nóng lạnh.

Đến mùa Đông năm Quý dậu (1333), Sư dự báo thời gian thị tịch. Bèn bảo đưa thuyền gấp trở về thọ nghiệp. Sau đó không bao lâu, Sư thị hiện bệnh nhẹ, viết kệ để lại mà thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi sáu hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, xương đảnh đầu và chiếc lưỡi không cháy, có nhiều xá lợi năm mầu.

9/. Truyện Sa-môn Thích Bàn Cốc trụ chùa Tuệ Nhân ở Hàng Châu.

Thích Bàn Cốc, hiệu là Lệ Thủy, người ở xứ Hải Diêm. Dáng mạo Sư không cao trội mà chí khí vượt hẳn người thường, xem cùng các kinh sử, tánh vui thích sông núi.

Vào niên hiệu Chí nguyên (1335-1341) đời Nguyên, Sư đến Thiếu Thất Phục Ngưu trên đảnh Nga my ở núi Ngũ Đài là nơi danh sơn thắng địa. Sư từng bảo rằng: “Vết chân nửa thiên hạ, danh thơ khắp thế gian”. Bấy giờ, Phụ Mã Phan Vương, người xứ Cao Ly nghe đức hạnh Sư vang xa, nên viết thư thỉnh Sư đến chùa Tuệ Nhân ở Hàng Châu giảng đại ý Kinh Hoa Nghiêm. Sư vận dụng bốn vô ngại biện, tất cả bảy hàng thính chúng đều khuynh phục, Phan Vương rất vui mừng, danh tiếng Sư càng vang xa. Sau, Sư đến Quận Tùng, xây dựng Tinh xá, siêng năng tu trì pháp môn Tịnh Độ, thời khóa thường ngày trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Đến ngoài bảy mươi tuổi, không bệnh tật gì, Sư dự báo thời kỳ đã đến, an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch.

Sư có soạn “Du Sơn Tập” gồm ba quyển, truyền bá ở đời.

10/. Truyện Sa-môn Thích Doãn Nhược trụ chùa Vân Môn ở Thiệu Hưng.

Thích Doãn Nhược, tự là Quý Hành, hiệu là Phù Hưu. Vì ở bên

cạnh chùa Vân Môn có khe suối Nhược Da, nên sau còn gọi Sư là Nhược Da, người ở Tương Lý thuộc Quận chi.

Năm chín tuổi, Sư thông hiểu đại nghĩa sách Xuân Thu, cha mẹ rất thương mến Sư, hơi lớn chợt Sư có chí hướng dứt trần, bèn nương theo Hòa-thượng Nguyên chùa Vân Môn. Năm mười lăm tuổi, Sư xin xuất gia làm đại tăng, theo thầy vượt qua Đảo Giang, đầu tiên đến tham yết Pháp Sư Đại Sơn Khôi ở chùa Hưng Phước thuộc Hàng Châu. Ngài Đại Sơn trao cho các bộ sách: Thiên Thai Tứ giáo nghi, Kim Cương Ty, Thập Bất nhị môn, v.v..., Sư xem qua một lược mà rõ biết đại lược yếu chỉ. Nghe Ngài Trạm Đường đang là tọa chủ ở Nam Trúc, Sư bèn đến nương tựa. Phàm các thứ văn sách do Pháp Trí kiết lập như Âm Quán biệt lý, Tùy Duyên Lục Tức, Cát Khương Lý Độc Tánh cụ v.v... không thứ gì Sư chẳng nghiên cứu tinh tường. Cho đến Kiêm Nghiệp của Tư Thanh, Dị Thuyết của Chiêu Viên, Đảng Tà của Tề Nhuận, Bội Chánh của Nhân Nhạc, cũng đều xem xét mọi điều đúng sai trong đó. Từ đó, ngài Trạm Đường rất quý trọng, xem học trò tài giỏi như là tân khách.

Đầu niên hiệu Chí Trị (1321) đời Nguyên, ngài Trạm Đường vâng chiếu vào Yên Đô hiệu chính Đại tạng, nhân đó tấu trình về sự tu tập của Sư, nên được triều đình ban hiệu là “Từ Quang Viên Chiếu”. Đồng thời đề cử Sư ra trú tại viện Xương Nguyên Tịnh Thánh. Viện đó đã bị đổ nát hư hỏng, Sư bèn dốc sức sửa sang, ruộng đất hoang phế thì khai phá lại, phòng nhà đổ nát thì xây dựng lại, chỉ trong vòng ba năm bèn trở thành ngôi chùa lớn. Ngài Trạm Đường lại vời gọi Sư, khuyên đến quy mạng làm Đệ nhất tọa, làm khuôn phép nhiếp chúng.

Vào niên hiệu Thái Định (1324-1328), Sư lại ra làm tự chủ chùa Hưng Hóa ở Hàng Châu. Bấy giờ, Sư cùng với Thiên Ngạn Tề, Ngã Am vô và Ngọc Đình Hãn, đạo đức ngang hàng nhau, người đương thời tôn xưng là “Bốn người đáng nương cậy của xứ Tiền Đường”. Sau đó không lâu, Sư lại lui về trú ở Vân môn thuộc Việt Chi. Lại cùng Đoạn Giang Ân và Hưu Cảnh Dật, gặp gió ngâm vịnh, không biết bóng xế ngọn cây, nên người đời gọi là: “Vân Môn Tam Cao”. Vào niên hiệu Chí Chánh (1341-1368), Sư trụ tại chùa Viên thông rồi lại dời lên chùa Thượng Trúc. Tại núi đó, xưa kia có dòng suối Anh Lạc đã khô cạn từ lâu, Sư đến, tay cầm tích trượng gõ vào đá khấn nguyện rằng: “Nếu tôi có duyên ở đây thì dòng suối có nước lại, còn bằng không thì cứ khô cạn”. Nói vừa xong, dòng suối nước tuôn trào dần dần đầy tràn. Bấy giờ, Hộ Bộ Thượng thư cống sư Thái khen ngợi sánh ví Sư như mây lành làm tốt tươi lại cây cối, và đặt tên là “Tái Lai Truyền” (Người làm cho

dòng suối tuôn chảy trở lại).

Sư lại trở về ẩn cư tại Vân môn, xây dựng tinh xá, chuyên tu "Pháp Hoa Tam-muội". Đến lúc tuổi già lại chuyên tâm tịnh nghiệp. Gặp lúc thiên hạ đại loạn, chiến tranh phân nhiễu, chúng tăng muốn dìu Sư lánh nạn, Sư khoát tay bảo: "khó thoát khỏi được, những việc sắp đến, tôi phải đợi để đáp trả!" Cả chúng đều trốn đi, chỉ một mình Sư ngồi giữa hiểm nguy. Bọn giặc vào nhà Sư đang ở, Sư vẫn giữ chí kiên quyết không khuất phục, nói năng và sắc mặt rất nghiêm nghị. Tên dẫn đầu bọn giặc biết Sư là người có đạo hạnh, bèn định thối lui, riêng có một tên giặc tức giận, thẳng tới trước Sư đưa vung mũi nhận trúng vào Sư, tự nhiên một dòng sữa trắng tuôn đầy dưới đất. Lúc đó đúng vào ngày hai mươi chín tháng hai niên hiệu Chí Chánh thứ mười chín (1360) đời Nguyên. Sư thọ tám mươi tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp. Sau khi bọn giặc rút lui, Tăng chúng trở về chùa, làm lễ trà-tỳ, thâu nhặt nhiều vô số xá-lợi như hạt đậu.

Lúc bình sanh, phong độ Sư rất giản dị, không nói năng cười cợt. Triệu Mạnh Phủ tôn xưng Sư là: "Tăng Trung Ngự Sử". Các đệ tử đắc pháp với Sư gồm có: ngài Hữu Khuê ở chùa Tập Phước, Lương Cẩn ở chùa Diễn Phước, Như Oánh ở chùa Diên Khánh, Pháp Nhượng ở chùa Long Đức, Viên Chứng ở chùa Tịnh Thánh, v.v... Sư có soạn bộ "Nội Ngoại tập", do Hoàng Tiềm soạn lời tựa.

11/. Truyện Sa-môn Thích Tất Tài chùa Diễn Phước ở Hàng Châu.

Thích Tất Tài tự xưng là Đại Dụng, họ Khuất, người ở xứ Lâm Hải thuộc Đài Châu. Cha của Sư là người Minh Triết, thấu rõ Đạo thường, là một nhà Nho đỗ đạt. Mẹ của Sư họ Triệu, ưa thích điều lành, kính mến Phật pháp, rất mực cung kính. Bà mang thai Sư đến mười tháng, một đêm bà nằm mộng thấy vị Phạm Tăng chống tích trượng bước vào phòng, tỉnh giấc thì sanh ra Sư. Đến lúc biết nói, Sư liền nhớ rõ một quyển Hiếu Kinh. Lên bảy tuổi, Sư đã khéo nối câu nói ra khỏi miệng thành lời, văn vẻ hợp nhau, bóng bẩy có ý tứ.

Bấy giờ, ở Giang Tây, có pháp sư Cù trụ chùa Bảo Ân ở xứ Việt, đúng thật là Diệm Nguyên Xiêm Công Gia Tôn, tinh thông Thiên Thai Giáo Quán, vừa mới mười hai tuổi, Sư cắp sách đi theo, sau đó không lâu, cầu xin xuất gia, thọ giới cụ túc. Năm mười sáu tuổi, Sư chu du đến xứ Hổ Lâm, tham yết Ngài Trạm Đường - Tánh Từng ở Nam Trúc. Ngài Trạm Đường và Sư trò chuyện, Sư đều nói đúng điểm trọng yếu, liền

cho là bậc pháp khí, bảo Sư trông coi việc ở nhà khách. Bấy giờ, Pháp sư Ngọc Cương Mông Nhuận đang ở Đệ Nhất tọa, các hàng học giả quy về như mây nhóm, Sư cũng ôm kinh Nhập thất, tuy trời nắng nóng đến độ sắt chảy, đông lạnh đến mức keo sơn phải gãy, Sư vẫn không dẫm chân đến ngạch cửa, như vậy suốt mười năm. Sư cho rằng "Phàm Huyền Chỉ của người xuất gia, cốt yếu của Giáo Quán, chỉ trao ở một bộ kinh. Nếu tâm ý dung thông thì không gì chẳng đạt đến chỗ then chốt sâu mầu". Pháp sư Ngọc Cương khen ngợi rằng: "Ông này nếu chẳng phải từng ở tại thánh hội Linh Sơn tu tập, thì sao có thể đạt đến như thế ư?" Bấy giờ, những vị đồng bạn như Ngã Am Vô, Tuyệt Tông Thiện Kế, đều là những vị tiếng tăm vang xa, vượt trội hơn tất cả, còn như mọi vật mở rẻ quyết đoán tông chỉ, bàn luận phân chiết Giáo Chương, đều suy tôn Sư làm Thượng thủ. Lúc Pháp sư Ngọc Cương ra làm tự chủ chùa Đức Tạng ở Hải Diêm, bảo Sư phân tòa giảng pháp. Sư giảng nói như mưa tuôn xối, thính chúng thảy đều ngợi khen.

Đến niên hiệu Thái Định thứ nhất (1324), đời Nguyên, Ngài Ngọc Cương dời đến chùa Diễn Phước, viện Tuyên Chính thỉnh Sư nối tiếp chùa Đức Tạng. Thời bấy giờ, tiếng tăm Ngài Trạm Đường vang xa khắp trong ngoài, tâm ý mọi người đều muốn xin làm đệ tử, đến lúc Ngài thăng tòa kính trọng nối tiếp Ngài Ngọc Cương, thì các bậc quân tử đều cho là Sư biết nghĩa.

Đến niên hiệu Chí Chánh thứ hai (1342), Sư đổi sang chùa Hưng Phước ở Hàng Châu. Năm sau, Sư phụ giúp ở chùa Diễn Phước. Quan thần nhà Nguyên là Khương Lý Thường đến học hỏi "Quyết Tâm yếu". Trước kia, chùa đó bị binh lửa hủy hoại hết, Sư lần lượt xây dựng mới lại, tạo lập lầu Vạn Phật, cao một trăm ba mươi thước, Sư là người trầm mặc, tinh chuyên quán hạnh, chăm chăm tấn tu, không phút giây trễ nãi. Dùng đức từ để tiếp người, dạy người không tỏ vẻ mỏi mệt. Đệ tử nương tựa dưới pháp tòa có đến trăm người. Vua Thuận Đế (1333-1368) đời Nguyên đặc biệt ban tặng Sư danh hiệu "Phật Giám Viên Chiếu".

Một hôm, bỗng nhiên Sư cảm thấy đầu mắt sa sầm, liền bảo với đại chúng rằng: "Nhân duyên tôi đã đến lúc hết". Bèn đốt hương, ngồi xoay mặt về hướng Tây, lớn tiếng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, trải qua một ngày một đêm, Sư lại bảo đại chúng rằng: "Các ông chớ cho rằng tu hành không ứng nghiệm. Tôi đối với nhân duyên tịnh độ đã chín muồi, Chánh Thọ đang hiển hiện". Rồi, Sư đòi nước tắm gội thay y phục, viết thư từ biệt mọi người quen biết. Xong xuôi, Sư bèn chấp tay thị tịch, đón rước nhục thân Sư an trí vào trong khám để trà-tỳ, có

ánh sáng năm mầu từ trong khám phát ra. Sau khi lửa tắt còn lại hai thứ không cháy đó là chiếc lưỡi đỏ thắm như sen hồng và chiếc răng ngà như ngọc kha bối. Xá lợi khắp cùng dưới đất, mọi người tranh nhau lượm nhặt, trong chốc lát đều hết, có người đến sau cùng, bèn đào bới dưới đất sâu đến cả thước tìm cầu vẫn còn có được. Tháp thờ Sư được xây dựng ở phía nam của chùa. Sư thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi sáu hạ lạp.

Sư có soạn các văn như: Diệu Huyền Văn Cú, Chỉ Quán Tăng Trị trợ văn, Pháp Hoa Niết-Bàn giảng, Niết-bàn giảng nghĩa, Chương An Kinh Khê Pháp Trí, Lễ Văn Thi Kệ ,v.v... đều lưu hành ở đời.

12/. Truyện Sa-môn Thích Thiện Kế trụ chùa Tiến Phước ở Thiên Thai.

Thích Thiện Kế hiệu là Tuyệt Tông, họ Gia Kỵ Lâu ở đất Việt. Mẹ của Sư họ Vương, mộng thấy vị thần tăng trao cho hoa đoá sen trắng, bèn mang thai Sư. Vừa sanh ra, Sư liền biết nói. Hoặc thấy mẹ xướng danh hiệu Phật, Sư liền có thể chấp tay niệm hòa theo. Hơi lớn lên, Sư theo người chú đến chùa Linh Bí ở Sơn Âm, sửa truyện Xuân Thu. Nhân đó, Sư trộm đọc kinh Phật, mới bùi ngùi than rằng: "Xuân Thu là pháp tốt đẹp đặc biệt ở đời, nhưng chẳng bằng cầu pháp xuất thế. Huống hồ, thân mạng ta đây như bọt bóng nhóm họp, quan tước đâu làm gì ư?"

Vào niên hiệu Đại Đức (1297-1308) đời Nguyên, Sư liền xin cha mẹ đến Hòa-thượng Cung, cầu xuất gia. Năm sau, đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư tìm theo pháp sư Đại Sơn Khôi ở chùa Thiên Trúc tập học giáo nghĩa Thiên Thai. Ngài Đại Sơn thấy Sư có năng lực tuệ giải vượt hẳn tầm thường, nên có phó chúc rằng: "Dưới pháp tòa ta có đến mấy trăm người, mà người thay thế gánh vác đại pháp, chỉ có một mình ông. Nên phải tự mừng vui mà cố gắng". Gặp lúc Ngài Đại Sơn dời đến chùa Diên Khánh ở Vân Môn, Sư liền sang tham yết Ngài Trạm Đường Tánh Trừng ở Nam Trúc.

Ngài Tánh Trừng vừa thấy Sư, liền hỏi: "Nhập Bất Nhị Môn thuộc Quán Pháp nào?" Sư đáp: "Ba thứ Quán Pháp, đối thuộc ba bộ. Văn nầy đã cùng với Chỉ Quán, đồng thành Quán Thể, chính là Tùng Hanh". Ngài Tánh Trừng lại hỏi: "Thể của các kinh là mê hay ngộ?" Sư đáp: "Thể vốn không mê ngộ, mê ngộ chỉ do người. Cũng nhìn lại ý chỉ kinh được giải thích như thế nào ư?" Ngài Tánh Trừng sắc mặt tràn đầy mừng vui, nói với đại chúng rằng: "Ngày sau thay ta xoay bánh

xe pháp, ta hy vọng ở người này!" Bèn cho Sư ở Đệ Nhất tọa. Đến lúc Ngài Tánh Trừng đổi đến chùa Thượng Trúc, Ngài Ngọc Cương Mông Nhuận hỗ trợ pháp tịch đó, cũng ở Đệ Nhất toạ.

Đến năm Ất Tỵ(1) nhằm niên hiệu Thiên Lịch, Sư ra trú ở Lương Chữ, tiếp nối thanh danh của Ngài Trạm Đường. Ban ngày giảng kinh Kim Quang Minh, tối lại mộng thấy Ngài Pháp Trí người ở Tứ Minh bảo rằng: "Kinh điển mà ông giảng phù hợp như tôi!" Từ đó ngày càng thêm tinh tấn. Đến năm Nhâm Ngọ (1342) nhằm niên hiệu Chí Chánh, Quan thần nhà Nguyên là Cao Nạp Lân thỉnh Sư làm tự chủ chùa Tiến Phước ở Thiên Thai, Sư không sao dời đến chùa Năng Nhân, mở mang Pháp Hoa Diệu huyền văn cú. Sư lại giải thích Ngũ Chương áo nghĩa, thường chỉ bày cho đại chúng rằng: "Sư tổ của ta có dạy một bộ Chỉ Quán tức là giềng mối của Pháp Hoa Tam-muội, Nhất Thừa Thập Yếu tức là chánh thể của Pháp Hoa Tam-muội. Các ngươi phải hiểu và thực hành, đồng thời nhanh chóng vận dụng giúp sức lẫn nhau, thì quả vị tròn đầy sẽ thành đạt và chẳng cô phụ ý của thầy tổ lập Tông".

Đến cuối đời Nguyên, gặp lúc thiên hạ đại loạn, Sư bèn theo hướng đông trở lại Trung Hoa. Trải qua thời gian chuyên tu tịnh nghiệp, chú tâm buộc niệm nơi danh hiệu Phật A-di-đà, suốt ngày đêm Sư không ngừng nghỉ. Một hôm, bỗng nhiên Sư bảo với đại chúng rằng: "Phật Tổ mở mang quý trọng ở điểm thời tiết nhân duyên. Nhân duyên và thời tiết trái nghịch thì hoằng hóa làm sao phó thác được? Tôi sắp đi đây!" Ngài an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Lúc đó là ngày hai mươi hai tháng bảy năm Đinh Dậu (1357) thuộc niên hiệu Chí chánh, thọ bảy mươi hai tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, chiếc lưỡi vẫn còn không cháy, tháp thờ được xây dựng ở phía tây chùa Linh Bí.

Ngài có các đệ tử đắc pháp như : Hoài Cổ chùa Linh Thọ, Tự Bằng chùa Diên Khánh, Thị Thừa chùa Sùng Thọ, Đại Chương chùa Quảng Phước, Tịnh Dục chùa Lôi Phong, Như Khởi chùa Diễn Phước, Tự Tấn chùa Báo Trung, Nhân Nhượng chùa Xa Khê, Đàm Trụ chùa Hương Tích v.v...

13/. Truyện Sa-môn Thích Tử Văn trụ chùa Đàm Vân ở Minh Châu.

Thích Tử Văn tự là Tông Châu, người ở xứ Tượng Sơn thuộc Tứ Minh. Là đệ tử tài giỏi của Pháp sư Bấc Khê Văn, Sư ra làm tự chủ chùa Đàm Vân.

Sư rất thông suốt giáo quán, giới luật nghiêm mật. Nói chuyện

cùng người thì lếu láo chậm chạp không nên lời, nhưng đến lúc lên tòa thuyết giảng thì thao thao như nước chảy suối tuôn, chẳng thể kềm chế. Lúc sắp viên tịch, Sư giảng kinh Thập Lục Quán, đến cuối cùng, Sư muốn đến tòa, từ biệt đại chúng để nhập diệt. Có người thưa hỏi rằng: "Hòa-thượng chưa không hề giao việc hậu sự, sao vội nói tịch diệt?" Sư bảo: "Người tu hành, điều đáng làm thì nên làm, chớ làm theo thế tục kỹ lưỡng theo thói nữ nhi, mà có hậu sự". Đại chúng khẩn cầu càng khẩn thiết, Sư bèn xuống tòa trở về phương trượng, phân vạch từng điều cho chúng, rồi liền chắp tay xưng niệm danh hiệu Tứ Thánh Tây Khương và hồi hướng phát nguyện xong, bèn thị tịch. Sau khi trà-tỳ có vô số xá lợi sáng đẹp, mùi hương thơm lạ nhóm tụ quanh người, đến ngày hôm sau mới hết.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH
(QUYỂN 1 HẾT)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 2

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có chín vị)

1/. Truyện Sa-môn Thích Dung Chiếu trụ chùa Diên Khánh ở Tùng Giang.

Thích Dung Chiếu, tự là Tuệ Quang, người ở Nam Minh đất Việt. Từ thuở nhỏ Sư đã thọ học ở Hoa Tạng, khắc ý tu tập Thiên Thai giáo Quán tại núi Quốc An ở Thiên Thai và chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu. Sau, Sư theo Pháp Sư Uyên Tẩu Trạm, mà trụ chùa Diên Khánh ở Hoa Đình nỗ lực tinh nghiên giáo thừa, chuyên cần tu tập thiền định, có ý nêu cao ý chí, sớm tối không xem hở, nên học do ý chí mà đạt đến đích, biểu lộ nơi tùng tịch, lên ulàm chức Chúng hữu, trong hơn bốn mươi năm. Tiếng tăm Sư vang vọng đến chốn Kinh đô. Triều đình ban chiếu mừng khen tặng danh hiệu cho Sư.

Mỗi năm, vào ngày mồng một tết, Sư dẫn chúng tu sám Pháp Kim Quang Minh cầu phước cho Quân vương. Ngoài việc nói pháp, Sư còn dốc sức sám hối cùng chúng sanh quét trừ bụi mờ, dẫn nhiếp gốc lành. Về tuổi càng già Sư càng tinhtấn. Sư có ba vị đệ tử đắc pháp là: Cư Giản, Tông Củ và Tông Quyền, đều là những bậc long trượng của Pháp môn.

2/. Truyện Sa-môn Thích Hoằng Tế ở chùa Phổ Phước thuộc Hàng Châu.

Thích Hoằng Tế, tự là Đồng Chu, Sư có biệt hiệu là Thiên Ngạn, họ Diêu, người ở xứ Dư Diêu đất Việt, mồ côi cha mẹ từ thuở bé. Từ chỗ ở, Sư xuất gia với Hòa-thượng Thuấn Điền Mãn chùa Bảo Tích trong lãng. Bấy giờ, chỉ đang độ tuổi búi tóc mà Sư nhanh nhẹn khác thường. Hòa-thượng Mãn trao cho kinh Pháp Hoa, liền thuộc lòng.

Năm mười sáu tuổi, Sư thọ giới làm Đại tăng, thường ngày chuyên trì luật Tứ Phần, trong sinh hoạt hàng ngày Sư chẳng dám trái vượt khuôn phép, thế mà còn than rằng: "Giới luật cố nhiên không thể hoãn đãi, mà tinh nghiên giáo thừa để giúp cho hạnh giải lại có thể đặt ở sau ư?" Từ đó, Sư sang huyện Ngân, nương pháp sư Bán Sơn Toàn tập học giáo nghĩa Thiên Thai. Một thời gian lâu thảy đều thông suốt yếu chỉ, Sư thường tu trì các sám pháp như Pháp hoa, Kim Quang Minh, Tịnh Độ v.v... Một hôm, Sư đang trú trong định, phảng phất thấy Tôn giả Pháp Trí ở Tứ Minh trao cho chiếc sừng tê giác như ý. Từ đó, Sư giảng nói luận bàn ngày một dâng tràn như suối tuôn, sông nước mênh mông không hề nghẽn tắt.

Năm Thái Định thứ nhất (1324) đời Nguyên, Sư ra trụ tại Vạn Thọ Viên Giác. Năm sau, bờ biển Diêm Quan bị hủy hoại. Dân chúng sớm tối lo sợ làm nhà của loài cá; ba ba. Thừa Tướng nhà Nguyên là Thoát Hoan rất lo sợ việc ấy, bèn lên khấn cầu Bồ tát Quán Thế Âm ở chùa Thượng Trúc, thỉnh Sư đến tại bờ biển thiết lập đại trai đàn thủy lục. Sư nhập từ Tâm Tam-muội, lấy cát dưới biển tụng trì thần chú Đại bi rồi dẫn chúng rải khắp xứ đó. Hễ dấu chân Sư bước tới đâu thì bờ cõi hoàn phục như cũ. Mọi người tôn xưng Sư là Thần.

Vào niên hiệu Thiên Lịch (1328-1330), Sư dời đến trụ ở hai chùa Tập Khánh và Hiển Từ. Gặp năm khó khăn, Sư lui về ở thất riêng, đến lúc tạm thư thái, mọi người cúng dâng để Sư xây dựng chùa Đại Đức Vạn Thọ, suốt sáu năm mới hoàn thành. Đến niên hiệu Chí Chánh thứ năm (1345), viện Tuyên Chính thỉnh Sư làm tự chủ chùa Viên Thông ở Cối Kê. Ngài ở đó được bốn năm, lại trở về chùa Bảo Tích, chuyên tu Niệm Phật Tam-muội.

Đến niên hiệu Chí Chánh năm thứ bảy (1347), vua Thuận Đế ban chiếu chỉ cho Sư làm Tự chủ chùa Phổ Tiến ở Hàng Châu. Sư bảo tuổi cao đã ngoài tám mươi nên cố nằm yên không chịu dậy. Các đệ tử như Pháp Hàng, v.v... đến thưa rằng: "Hòa-thượng tự cho là cố thiện, vậy đạo ấy thế nào". Ngài bất đắc dĩ ngồi dậy, nhận lấy chiếu chỉ mà đến chùa Phổ Tiến, cuối cùng Sư trở về chỗ cũ. Mở lầu Thanh Cảnh để ở đó. Nhân các bản chú giải Kinh Lăng-nghiêm có rộng có lược không giống nhau. Sư muốn chiết trung các thuyết ấy mà làm sớ giải mới. Không bao lâu Sư bị bệnh, liền gọi các đệ tử đến bảo: "Lấy yếu chỉ của Duy Tâm Tịnh Độ, siêng năng cố gắng". Suốt một thời gian, có người chưa hiểu được ý ấy, Sư bèn khuyên răn rằng: "Sanh tử khó ở! Sanh tử khó ở!" Rồi bèn viết kệ phó chúc mà thị tịch. Lúc đó là ngày mồng mười tháng

ba niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu (1356), thọ tám mươi sáu tuổi, bảy mươi tám hạ lạp.

Nhục thân Sư để lại bảy ngày mà sắc mặt vẫn như còn sống. Đại chúng dùng kim quan bằng sành an táng tại gò Tùng Hoa ở núi Nga My, đó cũng chính là nơi Sư đã chọn lựa. Sư có năm vị đệ tử nối pháp, đó là: Đạo Trăn chùa Thượng Trúc, Tịnh Sâm chùa Ung Hy, Doãn Trung chùa Phổ Quang, Hữu Truyền chùa Viên Thông và Minh Tĩnh chùa Thiên Cung. Sư có soạn cácsách, như: "Tứ giáo nghi kỷ", "Chánh Thiên Ngạn ngoại tập". Mỗi bộ đều mấy quyển, được truyền bá ở đời.

Liên quan thử bàn:

Ngài Hoằng Tế có ba việc lớn vượt hơn mọi người:

1/ các thứ sách sử nội ngoại giáo điển đã qua mắt Sư thì trọn đời chẳng quên.

2/ có Sa-môn Bát-Nhã Thất-Lợi ở Cao Xương, học thông cả Hoa văn lẫn Phạn văn, ở đời không ai địch lại, thỉnh Sư dùng tiếng Cao Xương để dịch bộ Tiểu Chỉ Quán, Sư vừa xem qua, văn thể đã phát sáng. Ngài Thất-lợi cũng phải chịu thua.

3/ lúc bình sanh, Sư lấy việc lưu thông giáo pháp là việc chính của mình. Giảng kinh Pháp Hoa đến 110 hội, cảm trời mưa hoa báu rực rỡ đến đôi ba lần.

Gọi Sư là người chỉ có một, thật chẳng thẹn ở đời. Sư có đủ ba điều đó có thể gọi là hoa Ưu-đàm ở đời.

3/. Truyện Sa-môn Thích Bổn Vô trụ chùa Diên Khánh ở Tứ Minh.

Thích Bổn Vô, hiệu là Ngã Am, Sư người xứ Hoàng Nham thuộc Đài Châu. Thuở nhỏ Sư theo Thiền Sư Phương Sơn Bảo, cắt tóc xuất gia rồi tấn đàn thọ giới cụ túc tại chùa Thụy Nham. Tiếp đến, Sư nương theo Thiền sư Tịch Chiếu ở chùa Trung Thiên Trúc, lo việc giấy bút viết lách, Ngài Tịch Chiếu thường chỉ dạy sâu, Sư cũng có chỗ tỉnh. Sau, nhân có người cậu vốn tu tập theo giáo nghĩa Thiên Thai, bèn dẫn Sư sang đó, Sư ở chùa Diễn Phước chỗ của Ngài Trạm Đường Tánh Trừng, tinh cần nghiên tầm giáo bộ. Ngài Tịch Chiếu mến tiếc Sư ra đi, bèn viết kệ gởi sang nói rằng:

"Từ giáo vào thiền xưa nay có
Từ thiền theo giáo hiếm xưa nay.
Nhất Tâm Tam Quán tuy khác cửa
Nước tràn sông bể, trăng cô đơn".

Sau, Sư nối pháp ngài Tánh Trừng, bèn đốt một cây hương tỏ lòng báo đáp ân sâu của ngài Tịch Chiếu. Bởi không do dấu vết khác mà sanh hai tâm!

Lúc ngài Tịch Chiếu sắp viên tịch thì Sư vừa mới ra làm Tự chủ chùa Diên Khánh. Ngài Tịch Chiếu để lại chúc thư khuyên Sư gắng sứcmở mang hai Tông Đại Tô và Thiếu Lâm, ngoài ra không nói gì khác, Sư nhân đến tiến cúng ngài Tịch Chiếu bèn niêm hương rằng:

"Diệu Hỷ năm đời sáng rực rỡ
Tịch chiếu một đời môn cao lộ
Bình thường chạm lấy vỡ tim mật
Băng tuyết bỗng thành hơi ấm xuân.
Con nghĩ ngày đánh mất lỗ mũi
Cớ sao hơi thở nay vẫn còn.
Trời gió bấc thổi nhiều năm muộn
Chớp sét đánh vết giữa hư không!"

Về già, Ngài dời đến ở chùa Thiên Trúc thượng rất lâu. Một hôm, không bệnh, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại Bạch Vân Đường. Triều đình ban tặng thụy hiệu là "Phật Hộ Tuyên Giác Hiến Từ Khuông Đạo Đại Sư".

4/. Truyện Sa-môn Thích Hạnh Khả trụ chùa Phật Lũng Tu Thiền ở núi Thiên Thai.

Thích Hạnh Khả, hiệu là Nghi Hành, Ngài thông hiểu Tông Thiên Thai, tinh tu chỉ Quán, thực hành xác thật ngộ lý viên dung. Một đêm, nhân nghe tiếng mưa rơi, Sư bày tỏ tâm tư qua bài kệ rằng:

"Trước hiên từng giọt khá rõ ràng
Chốn mê chúng sanh thành tiếng
Bao năm ta rong ruổi theo vật
Đêm xuân một gối mộng khó thành".
Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

5/. Truyện Sa-môn Thích Văn Tài trụ chùa Hữu Quốc ở núi Ngũ Đài.

Thích Văn Tài, hiệu Trọng Hoa, họ Dương, người ở xứ thanh Thủy. Tổ tiên Sư là người Hoằng Nông, nhiều đời làm quan ở Lũng Để. Cha của Sư là Tỉnh Nghĩa, làm chủ sổ bộ ở Thanh Thủy, bèn dời gia nghiệp đến đó.

Ngài từ thuở thiếu thời đã mồ côi cha. Sư phụng thờ mẹ rất mực

chí hiếu. Tánh tình Sư thông minh nhanh nhẹn, trí tuệ tỏ ngộ, sanh ra đã hiểu biết. Nhưng đối với các thứ sử sách phần điển xưa nay không thứ gì Sư chẳng tinh cần nghiên cứu. Sư rất thông thạo về học lý, ưa thích như người xưa làm lành, ngâm vịnh, nhưng bẩm chất thuần phát như không biết gì. Sư đối với khách thảo luận như sông Hán chẳng khuyết ven bờ. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư du phương tìm học khắp các trường giảng, thấu đạt được nghĩa sâu kín của Tông Hiền Thủ. Sư thường bảo: "Học, quý ở chỗ thông Tông, nói phải hiểu, bởi ý nghịch với chí thì được, và nói năng văn tự như bã rượu đâu có thể khai mở mắt tuệ của người ?"

Ban đầu, Sư ẩn cư tại Thành Kỷ, cất thất bên cạnh cây thông, như muốn trọn đời ở đó. Nên người đời gọi Sư là "Hòa-thượng Tùng Đường". Vua Thế Tổ (1260-1280) đời Nguyên đặc biệt ban sắc cho Sư làm tự chủ chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, các hàng học giả tìm đến như nước dâng biển nhóm, tiếng tăm Sư ngày một vang xa. Vua Thành Tông (1280-1312), xây dựng chùa Vạn Thánh ở núi Ngũ Đài, ban chiếu thỉnh Sư làm Tổ Khai sơn trú trì đời thứ nhất. Bấy giờ, Đế Sư Ca-la-tư-ba tiến cử Sư, nên vua Thành Tông liền đúc ấn vàng ghi chữ "Chân Giác Quốc Sư Tổng Thích Nguyên Tông kiêm Hữu Quốc Trụ Trì sự", ngài Ca-la-tư-ba mang chiếu chỉ đến Sư, Sư từ chối, bảo: "Kẻ sơn tăng tôi đội ân nước nhà ở tại chùa Bạch Mã đã là quá lắm. Đức hạnh đâu có mà dám ra làm Tự chủ chùa Hữu Quốc. Vượt quá thân phần mà ở là điều không tốt, chẳng xét kỹ mà làm tức là bất minh. Tôi bị hai điều này phiền nhiễu nên xin từ chối". Ngài Ca-la-tư-ba bảo: "Đây là do Thánh thượng bảo ban, Thánh thượng đối với chùa ấy tâm ý cũng chuyên cần thẳng đến, nếu Ngài không chấp thuận thì ai có thể đương đầu? Đây thuộc về việc giáo môn, Ngài nên khéo vì đó!" Lúc ấy, Sư bất đắc dĩ phải bằng lòng. Vì vâng theo mệnh lệnh nên Sư mở mang giáo nghĩa của Thanh Lương, tuy đến tuổi già nhưng Sư không hề trễ nãi.

Đến niên hiệu Đại Đức thứ 06 (1302) đời Nguyên, nhằm ngày rằm tháng chín năm Nhâm Dần, Sư thị hiện bị bịnh nhẹ. Sư giảng pháp rồi từ biệt đại chúng, an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Sau khi trà-tỳ có khoảng mấy trăm viên xá-lợi, tháp thờ được xây dựng ở sườn núi của Đông Đài.

Đệ tử nối pháp của Sư là có ngài Hoằng giáo chùa Phổ Ninh và Huyễn Đường chùa Phổ Am.

6/. Truyện Sa-môn Thích Anh Biện chùa Cảnh Phước ở Tần Châu.

Thích Anh Biện, hiệu là Phổ Giác, họ Triệu, vừa đến tuổi rũ tóc trái đào, Sư đã xuất gia làm Sa-Di Khu Ô, năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Năm hai mươi lăm tuổi được bảo đến học với Pháp sư Bách Lâm Đàm. Chưa đầy ba năm, Sư ra trú chùa Cảnh Phước ở Tần Châu. Ngài mở mang giáo pháp, tiếng tăm vang khắp bốn phương, dẹp phá Dị kiến, dựng cờ chánh pháp. Tánh Sư vốn chân thuần như Ngọc chưa giũa mài, chẳng cần phải trau chuốt, được mọi người đều mến quý. Còn như hạng người hung tợn vũ phu cũng kính trọng cho rằng Sư là Phật ở đời không có Phật. Mỗi lúc có được sự cúng thí các vật đều đem về chùa viện cùng chúng tăng sử dụng hoặc bố thí cho kẻ thiếu thốn. Vua Thế Tổ (1260-1280) đời Nguyên nghe ngài có đạo hạnh cao quý, bèn ban chiếu chỉ biểu dương khác thường.

Tháng sáu, năm canh tuất, nhằm niên hiệu Diên Hựu thứ nhất (1314) đời vua Nhân Tông, Sư không bệnh hoạn gì mà từ biệt Đại chúng, ngồi thẳng thị tịch. Có ánh sáng rực rỡ, cảnh vật khác lạ trong đêm Sư sắp tịch, nêu bày vết tích sau khi lửa tàn thừa, tháp thờ Sư được xây ở sau lưng chùa Phổ Giác, thọ sáu mươi tám tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp.

7/. Truyện Sa-môn Thích Đức Khiêm trụ chùa Sùng Ân ở Kinh Đô.

Thích Đức Khiêm, hiệu là Phước Nguyên, họ Dương, người ở xứ Định Bình thuộc Minh Châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã cần mẫn siêng năng, hơi lớn lên Sư chu du khắp đất Tần, đến các xứ sông Lạc, sông Biện, sông Nhữ, vượt sang Hà Bắc tới các nước Tề, Ngụy, Yên, Triệu, thăm dò học hỏi với các bậc tiên đức cao nhân.

Ban đầu, Sư thọ học Bát-Nhã với ngài Ninh Công ở Bân Châu, tu tập Thụy Ứng với ngài Trung Công ở Nguyên Châu, thọ pháp u tán với ngài Tiên Công ở Hảo Chỉ, Học Viên Giác với ngài Nhất Công ở Càn Lăng, tham cứu các luận Duy thức, Câu-xá v.v... với ngài Húc Công ở Thiểm Châu, nghe Kinh Lăng-nghiêm, luật Tứ Phần với ngài Văn Công ở Dương Hạ. Tất cả sáu bộ kinh, bốn bộ luận, 1 bộ luật, ngôn từ sâu rộng, yếu chỉ sâu mầu, chứa nhóm cả Tam tạng. Các Ngài đều do thông pháp rành nghĩa, tiếng tăm vang xa, Sư đều gần gủi để hun đúc và đều thấu đạt đạo lý. Sau, Sư đến Kinh đô, thọ học kinh Hoa Nghiêm với ngài Đại Tư Đồ Vạn An Đàn Chủ. Trước tiên, Sư được chiếu chỉ ban trụ chùa Vạn Ninh, rồi đổi sang chùa Sùng Ân, trước sau cả thảy là 10 năm. Đạo Phong, Đức hạnh của Sư vang vọng tới trong cung, tiếng tăm phảng phất lan tràn đến nước ngoài. Nhưng Sư chưa từng vì sủng ái hay vinh

hạnh hiển trước mà thay đổi chí khí. Sư từng nói: “Kẻ sĩ mặc áo nạp, chống lại sự phô bày ở đời, nếu không thẹn với lời nói “sáng nghe đạo tối chết cũng yên thì còn gì mến mộ ư?” Sư tự cho rằng trở lại ở chùa lớn lâu ngày ân nghĩa vinh hoa càng gấp bội, nên chỉ điềm nhiên thối lui làm người cao thượng, bèn nhường tòa tịch cho đệ tử. Tự một mình ẩn tu nơi chỗ vắng vẻ, ở trong một thất để sáng tỏ điều cần sáng tỏ, vui với điều đáng vui, Sư là người ở đời mà để lại cho đời.

Ngày hai mươi sáu tháng một năm Diên Hựu thứ bốn (1317) đời Nguyên, Sư thị tịch. Vua Nhân Tông ban cấp năm mươi xâu tiền đến viếng lễ tang, ban sắc quan Hữu ty lo đầy đủ nghi vệ, cờ phướn âm nhạc, đưa tiễn trà-tỳ. Có được mấy mươi viên xá-lợi, xây tháp thờ ở góc phía nam thành, Sư thọ năm mươi mốt tuổi, bốn mươi ba hạ lạp.

8/. Truyện Sa-môn Thích Đạt-ích-ba trụ chùa Khánh Thọ ở Kinh Đô.

Thích Đạt-ích-ba, không biết Sư là người nước nào. Thuở thiếu thời Sư xuất gia làm Tỳ-kheo, thờ Đế Sư (có lẽ là Ngài Ca la tư ba). Năm mươi ba tuổi, Sư theo hầu nghe học ngôn luận, đúc nắn xông ướp lâu dần chứa thành mỹ khí. Phàm các bộ luật luận Đại tiểu thừa và Bí mật bộ, Sư đều thấu đạt chỗ quy kết nghĩa lý.

Lúc ngài Đế Sư trở về Tây Vực, Sư đưa đến Lâm Thao, ngài Đế Sư bảo Sư nương tựa Đại Sĩ Xước-tư-Cát. Năm mươi chín tuổi, Sư nghe nhận những pháp vị chưa được nghe, đạo hạnh càng tinh túy. Dân chúng đất Tần thỉnh Sư trú tại chùa Cổ Phật. Đối với sáu pháp Ba-la-mật, không pháp nào Sư chẳng tu và thông hiểu cả giáo nghĩa Tông Hiền Thủ. Từ đó, tiếng tăm Sư vang khắp bốn phương, đạo hạnh Sư trãi suốt ba triều vua.

Trong thời nhà Nguyên, vua Vũ Tông (1308-1312), lúc mới lên ngôi, thỉnh Sư để thưa hỏi pháp yếu, sắc chỉ ban tặng tuy nồng hậu nhưng Sư khước từ chẳng nhận. Sau đó không lâu, Sư xin trở về chỗ ở cũ. Sư định ẩn tu trọn đời, không bao lâu lại có chiếu chỉ mời Sư trở lại kinh đô để tuyên dương giáo pháp, đích thân nhà vua đến đạo tràng nghe pháp, vua đặc biệt ban tặng Sư hiệu là “Hoằng Pháp Phổ Tế Tam Tạng”. Sai đúc ấn vàng và tặng y sắc tía để nói lên sự khác biệt. Nhà vua ban lệnh các hàng vương công đại thần đều tham học “Quyết tâm yếu”.

Đến niên hiệu Diên Hiệu thứ năm (1328) đời vua Nhân Tông, ngày mười sáu tháng tám, Sư không bệnh, an nhiên ngồi thẳng mà thị

tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Vua Nhân Tông ban lệnh cho hai cung ban tiền để hỗ trợ tang lễ. Các Hoàng Thái tử, quan Tể phụ đến tiến cúng. Ban lệnh quan hữu ty vệ đón rước nhục thân Sư đi an táng, xây tháp để cúng dường. Vua tặng thụy hiệu là "Hựu Thánh Quốc Sư".

9/- Truyện Sa-môn Thích Diệu Văn chùa Bảo Tập ở Kinh Đô.

Thích Diệu Văn, họ Tôn, người ở xứ Úy Châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, năm mười tám tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Thế rồi, Sư du học các xứ Vân, Sóc, Yên, Triệu. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư đến chốn kinh đô, nương tựa Hoà-thượng Đại Đức Minh, tham học giáo nghĩa Viên Đốn. Ngài ở ẩn trong chúng suốt mười một năm, tăng chúng thỉnh Sư ra mở mang Phật pháp. Lần đầu tiên Sư mặc y đỏ lên tòa sư tử, Ngài giảng nói vô ngại biện, như núi lở sông tràn, đến lúc nhàn cư, Sư xem xét ngôn từ chẳng nói bừa, trong đó chứa nhóm sự nuôi nấng, Sư không muốn nhanh, chẳng vội tiến v.v... đại loại như thế.

Năm bốn mươi tám tuổi, Sư trú chùa Vân Tuyền ở đất Kế, siêng năng kiểm thúc tiết dụng. Người già mến đức hạnh của Sư, bọn trẻ nghiêm sợ sự giáo hóa của Sư, nên đại chúng hòa mục mà chùa bình yên. Trong kho còn thóc gạo thừa, Sư đem giúp đỡ người thiếu thốn. Dân chúng ở đất Kế khen ngợi đức hạnh Sư. Vua Thế Tổ (1260-1280) đời Nguyên mời Sư đến, vừa trông thấy, nhà vua liền nói với quan cận thần rằng: "Ngài là bậc Sa-môn phước đức". Bèn ban chiếu thỉnh Sư đến ở chùa Bảo Tích. Từ đó, giáo thừa pháp tịch càng thạnh, Tánh tướng đều sử dụng, tăng tục đều độ khắp.

Thời bấy giờ, khắp nơi trong nước, các trường giảng lăng xăng dính mắc, chấp chặt danh tướng, ngưng trệ ở khác đường. Riêng mình Sư mở mang Phương Đẳng, Chấn Phát Viên Tông, khiến những người ôm gốc được dung thông sự biểu hiện của tịch mặc. Các bậc Long Trượng giẫm đạp, tranh nhau cỡi xe nhất thừa. Tuổi ngoài tám mươi, Ngài càng chuyên tu "Niệm Phật Tam-muội".

Đến niên hiệu Diên Hựu thứ sáu (1319) đời Nguyên, Sư dự biết thời gian ra đi đã đến, bèn dặn dò các đệ tử, rồi lớn tiếng xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, xoay mặt về phương Tây ngồi kiết già, tay kết ấn Tam-muội, an nhiên thị tịch. Tháp thờ Sư được xây dựng ở ngoài cửa Bình Tắc.

10/- truyện Sa-môn Thích Liễu Tánh trụ chùa Phổ Ninh ở núi Ngũ Đài.

Sư húy là Liễu Tánh, hiệu là Đại Lâm, họ Vũ. Sau Tống Vũ Công lấy thụy hiệu làm họ. Thuở nhỏ Sư ham học, có bẩm chất thông minh.

Đầu tiên, Sư nương tựa hòa-thượng An cạo tóc xuất gia, đăng đàn thọ giới cụ túc. Sư tham học khắp các pháp tịch, siêng năng nghiên cứu Tam Tạng. Sau gặp được Quốc sư Chân Giác khai mở quyết tâm. Thế rồi, Sư chu du vượt ải, đến khắp các xứ Thiểm, Hà, Lạc, Tương, Hán. Dò hỏi các bậc kỳ đức mà cầu học. Như các vị: Bách Lâm Đàm, Quan Phụ Hoài, Nam Dương Từ, đều do học giáo nghĩa Tông Hiền Thủ mà nổi tiếng một thời. Sư đều đến pháp tòa của các vị ấy mà lãnh thọ Huyền chỉ. Đến lúc Sư trở về tham hầu Ngài Chân Giác ở Lũng Để, Ngài Chân Giác bảo: "Quan thự của Phật pháp là đây". Sư theo Ngài Chân Giác đến núi Ngũ Đài, không bao lâu, Ngài Chân Giác viên tịch, Sư bèn vân du đến phương bắc, tới các xứ Yên, Kế, ẩn tích dưới cửa Ngụy, ưu du trên sông biển, đối với mọi chuyện trong thế tục như muốn quên bặt.

Vua Thành Tông (1291-1391), thỉnh Sư đến trụ chùa Vạn Ninh, tiếng tăm Sư càng vang vọng khắp trong ngoài. Vào niên hiệu Chí Đại (1308-1312), Thái hậu xây chùa ở núi Ngũ Đài đặt hiệu là chùa Phổ Ninh, thỉnh Sư đến làm trụ trì đời thứ nhất. Sư là người rất tự tin khí tiết của mình, không thể luồn cúi để lấy lòng người, nên dấu chân chưa bao giờ dẫm đến chốn Thành hoàng, chẳng bái yết kẻ quyền quý. Có người ganh ghét Sư , Sư nghe được và thường bảo rằng: "Tôi vốn chỉ là một vị Tỳ-kheo, đội ân Thiên Tử bảo ban ở nơi chùa lớn, nhưng đêm trước hoằng pháp chẳng trễ nải, báo đáp ân đức nước nhà nhưng chẳng rảnh rỗi, đâu còn mong cầu gì? Tuy có lời nói tang thương hủy cách, ấy như ruồi xanh đậu quanh viền gai! Đoái mong tôi bảo chẳng gặp đạo, chẳng thực hành thì nhận lấy mà đi, và đi đâu mà không được!"

Bấy giờ là đời Nguyên, do tôn sùng sủng ái một vị tăng người Tây Vực, Đồ chúng Vị đó rất đông, vào ra giá cỡi theo hầu tợ như Vương Công, hoặc thêm đầu đội mũ cao, lông đỏ rực rỡ, cao ngạo xấc láo, các bậc danh đức; chư sư trong nước không ai thèm kính lễ, hoặc là vén y nâng gót. Vị đó là xem xoa đầu, cho như thế là nhiếp thọ. Sư chỉ vái mà thôi, rồi ngoái lại bảo với chúng rằng: "Tôi dám khinh mạn đối với người ư! Tôi có nghe nói bậc quân tử lấy lễ mà mến thương người, sao lại có thể khuất phục khí tiết, tự chuốc lấy sự thấp hèn nhục nhã. Nếu vì người ấy mà khuất phục, đó như không phải a dua thì cũng là nịnh hót. Tôi tự làm đạo, đối với người ấy đâu mong cầu gì. Hàng thức giả cao thượng là ở ý nghĩa ấy".

Đến năm thay đổi niên hiệu Chí Trị (1321), ngày mồng ba tháng chín, Sư thị tịch. Tháp thờ được xây ở gò đất đen chùa Trúc Lâm, thụy hiệu là "Hoằng giáo".

11/- Truyện Sa-môn Thích Bảo Nghiêm trụ chùa Phổ An ở Ngọc Sơn.

Thích Bảo Nghiêm, tự là Sĩ Oai, hiệu là Huyển Đường, Sư họ Khương, người ở xứ Thành Kỷ. Vì gặp tang loạn, Sư cùng người em đồng xuất gia làm tăng. Sau, Sư đến tham học với ngài Chân Giác và được truyền thọ yếu chỉ của Tông Hiền Thủ, và Sư được nối pháp.

Ngài là người thuần phát không luống dối, vuông vắn như đất, lắng trong tợ nước đứng. Gặp được ba tòa đạo tràng của ngài Chân Giác, Sư cùng người em đều theo mà phụ giúp. Đến lúc ngài Chân Giác viên tịch, Sư bèn kế thừa pháp tịch đó. Sư lại vâng chiếu đến trụ hai chùa Phổ An và Hữu Quốc rất lâu, Sư và ngài Đại Lâm, Liễu Tánh mở mang giáo nghĩa Thanh Lương khắp trong ngoài.

Đến tháng bảy năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên, Sư thị tịch, thọ năm mươi mốt tuổi. Tháp thờ Sư được xây ở cửa khẩu Phong Cốc.

12/- Truyện Sa-môn Thích Chí Đức trụ chùa Thiên Hy ở Kim Lăng.

Thích Chí Đức, hiệu là Vân Nham, họ Lưu, ở Đông Xương tỉnh Sơn Đông. Năm mười hai tuổi, Sư thọ học kinh với hoà-thượng Hải Văn ở chùa Khai Nguyên tại Thuận Đức. Nghe Pháp sư Chân Định Pháp Chiếu Hy mở mang tông chỉ Tông Từ Ân (Pháp Tướng Duy Thức) ở chùa Long Hưng, Sư bèn đến đó theo học mà thành đạt thấu triệt nghĩa lý sâu mầu.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi lăm (1288) đời Nguyên, vua Thế Tổ ban chiếu cho Sư đến các xứ Giang, Hoài v.v... kiến lập giảng tịch gần ba mươi sáu nơi. Những người chuyên cầu chánh hạnh tu hành theo Tông Từ Ân thỉnh Sư làm chủ giảng. Sư được tuyển chọn, vua Thế Tổ mời vào diện kiến, ban tặng yến tiệc và y sắc tía, ban làm tự chủ hai chùa Thiên Hy và Tinh Trung. Thường ngày, Sư giảng các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Quang, Minh, Luận Duy Thức v.v... và sớ giải, suốt ba mươi mốt năm. Nhà vua đặc biệt ban tặng Sư hiệu là "Phật Quang Đại Sư". Mỗi lúc Sư trao truyền giới pháp cho bảy chúng, đều dạy bảo cha mẹ anh em họ cùng chỉ dạy cho nhau không phạm. Đến lúc đốt hương đốt đều, đốt ngón tay chỉ vì thệ nguyện sống lâu trọn đời, Sư

đều đem hết y bát đổi bán để xây dựng mới điệu vũ lâu các. Hoặc gặp năm đói kém Sư bèn nấu cháo nhừ cứu giúp đến vài muôn người. Các hàng lưu tục ở Kiến Khương ưa chuộng lao lễ (rượu chè thù tạc), ham thích kết giao với quan lại. Riêng mình Sư lấy giới luật làm khuôn phép, đồ chúng cẩn trọng trang sức thì phải bỏ. Nếu những ai cùng nhau sử dụng vật của thường trụ, lầm một, phạt gấp trăm lần, nếu kẻ cố phạm thì đuổi đi. Sư trú tại chùa Thiên Hy hơn ba mươi năm chỉ một áo nạp và một đôi giày, trọn đời chẳng đổi, thường ngày quá ngọ thì chẳng ăn, đêm thì ngồi thẳng đến sáng, vì tụng niệm quá đỗi nên Sư bị mù. Một hôm, bỗng mộng thấy một vị phạm tăng mời đến trong tòa cao ở nội điện, giữa hư không hoa rải như mưa. Nhân đó Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, đến ngày mồng bảy tháng hai niên hiệu Chí Trị thứ hai (1322), Sư vẫn còn tụng kinh chẳng thôi nghỉ. Trong khoảnh khắc từ biệt tăng chúng rồi ngồi mà thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi.

Nhục thân Sư lưu lại trong khám hai mươi mốt ngày, sắc mặt vẫn hồng hào tươi nhuận như còn sống. Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt được vô số xá-lợi. Có vài muôn người đến kính viếng chiêm ngưỡng. Tháp thờ Sư được xây tại núi Trương Gia thuộc Giang Ninh, học sĩ Triệu Mạnh Phủ soạn văn bia.

13/- Truyện Sa-môn Thích Phổ Hỷ trụ chùa Phổ Chiếu ở Trấn Giang.

Thích Phổ Hỷ, hiệu là Cát Tường, người ở xứ Sơn Đông. Sư thân cao lớn mặt đen gầy nhưng lại giống Phạm Tăng. Thuở nhỏ Sư khẩn thiết xin cha mẹ cho xuất gia, nhưng cha mẹ Sư trách, cho rằng không con cháu nối dõi là tội rất lớn. Nhân đó Sư cưới vợ và sanh được hai người con. Thế rồi mới được xuất gia làm Sa-môn. Sư tinh cần nghiên cứu tông Từ Ân, tìm học các luận Duy Thức, Du-già-sư-địa, Nhân Minh, v.v...

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi lăm (1288) đời Nguyên, Tiết Thiền Hoàng đế thiết lập giảng tòa ở các xứ Giang, Hoài v.v... Sư đứng ở hàng thứ nhất, nhà vua ban chiếu thỉnh Sư làm chủ giảng. Ngoài nhữnglúc lên tòa thuyết giảng, hằng ngày Sư tụng kinh Hoa Nghiêm suốt mười quyển một thời. Ngài kết bạn thân với ngài Vân Nam Đoan, Vô Niệm. Ngài Vân Nam Đoan là bậc tài giỏi tinh thông Duy Thức, trong nước không ai vượt hơn. Mỗi lúc cùng Sư biện luận lý thú, hoặc có thiếu mất chút ít thì Sư dùng chánh ngôn chỉnh cứu đó. Ngài Vân Nam Đoan cũng thật tình kính phục mà ngợi khen.

Đến lúc Sư thị tịch, trà-tỳ xong có rất nhiều xá-lợi. Đệ tử Sư lưu giữ linh cốt, cất giữ hơn hai mươi năm mới xây tháp thờ ở Vu Sơn thuộc Đôn Đồ. Đến lúc nhập tháp, mở ra xem chỉ thấy xá-lợi thấm dính khăn bộc chiếc hộp, như ong hợp kiến tụ, chạm vào thì sáng ngời lấp lánh.

Dân chúng ở xứ Trấn Giang đắp họa rất nhiều tôn tượng Sư tùy nơi mà thờ cúng, tôn xưng Sư là "Cát Tường Phật".

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH
(QUYỂN 2 HẾT)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 3

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ thấy có mười bốn vị).

1/- Truyện Sa-môn Thích Tổ Nể trụ chùa Tịnh Tín ở Gia Định thuộc Tô Châu.

Thích Tổ Nể tự là Nhật Chương, Sư có biệt hiệu là Dụng Nguyệt, họ Trương, người ở xứ Thường Thục thuộc Tô Châu. Sau khi cạo tóc xuất gia, Sư chu du về phương đông, đến xứ Tứ Minh. Bấy giờ, ngài Ngã Am Bổn Vô trú chùa Diên Khánh, ngài Thạch Thất Anh trú chùa Dục Vương, đối với hai vị ấy Sư đều theo hầu quên cả năm tháng. Sau, Sư nối pháp Pháp sư Trúc Ốc Tịnh, ra hoằng hóa, ra chùa Định Giáo ở Thế Vĩnh. Kế tiếp dời đến chùa Quảng Hiếu ở Côn Sơn, chùa Tịnh Tín ở Gia Định và làm chủ giáo ở Ngô Hạ suốt năm mươi năm.

Đến đầu niên hiệu Hồng Vũ (1368...) đời Minh, Sư định chọn các bậc cao hạnh. Có thánh chỉ của vua Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) mời Sư đến nói pháp tại chùa Thiên Giới. Qua vài lần nhà vua mời Sư vào cung cấm, Sư đối đáp tấu trình thích đáng, bèn được ban hiệu là: “Từ Nhẫn Pháp Sư”. Sau nhà vua ban sắc cho Sư trở về quê cũ, cuối cùng Sư thị tịch tại đó.

2/- Truyện Sa-môn Thích Hạnh Chi trụ chùa Phổ Đa` ở Ninh Ba.

Thích Hạnh Chi tự là Đại Cơ, Sư người ở huyện Ngân thuộc Ninh Ba. Tông thuyết Sư đều thông, hạnh giải thảy tương ưng. Sư là bậc danh tăng ở đất Uất thời bấy giờ. Đầu tiên, từ Phật Lũng, Thiên Thai Sư lên làm tự chủ chùa Bảo Đà, giúp chúng nói pháp, khôi phục sản nghiệp, và mở mang chùa chiền.

Mùa xuân năm Canh Tuất (1370) đời Minh, chánh minh bộ sứ giả là Cám Châu Lưu Quân Thừa Thực cùng Sư chống trượng đi khắp đông tây. Sứ giả nói: “Đây là cảnh thanh tịnh, hãy nên làm đình”, Ngài bèn xây tạo dựng đình Thanh Tịnh Cảnh ở trên đảnh núi, thuộc phía Nam của chùa, các bề ngang dọc đều ba mươi thước, bên phải dựa vào núi, bên trái trải dài vào triều. Âm động học sĩ Tống Cảnh Liêm soạn bia ký.

3/-Truyện Sa-môn Thích Nguyên Châu trụ chùa Hưng Thánh ở Tùng Giang.

Thích Nguyên Châu hiệu là Dụng Tạng, họ Chu, ở Thượng Hải thuộc Tùng Giang. Sư xuất gia thọ giới cụ túc tại chùa Hưng Thánh, được truyền trao giáo quán Thiên Thai, Sư giới hạnh cao khiết, thông hiểu các thứ kinh sách, tinh cần tu tập Pháp Hoa, Di-đà sám pháp. Những lúc rảnh rỗi, thì viết chép kinh Pháp Hoa v.v...Sư tùy duyên giảng nói hằng đêm, ngồi thiền đến sáng.

Đến năm Ất Sửu (1385) đời Minh, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, đòi tắm gội rồi viết kệ bảo với tăng chúng rằng:

“Bốn mươi hai năm
Không làm không tu
Có sanh có diệt
Hòn Gợt trên biển.
Thật về không về
Tâm dạo không tĩnh”

Rồi ngồi kiết già an nhiên thị tịch.

4/-Truyện Sa-môn Thích Tuệ Nhật ở chùa Thiên Trúc thượng, thuộc Hàng Châu.

Thích Tuệ Nhật hiệu là Đông Minh, họ Giả, người ở xứ Thiên Thai, tức là con cháu của Tống Tướng Giả Tự Đạo. Lại Tự Đạo Trách Thú. Sư còn bé đã có chí nguyện mong cầu xuất gia, nương tựa Hòa-thượng Bình Sơn ở chùa Quảng Nghiêm trong huyện. Vài năm sau được cạo tóc, thọ giới cụ túc. Năm hai mốt tuổi, Sư nghe pháp sư Bách Tử Đình giảng giáo nghĩa Thiên Thai ở Xích Thành, liền tìm đến dưới pháp tòa, sau đó không lâu, Sư lãnh thọ được Đại Nghĩa, Ngài Tử Đình khen ngợi rằng: “Ném một hòn bi xuống sườn núi, cũng chẳng đủ để ví dụ sự nhanh chóng của căn cơ nơi ông. Đạo tịch của ta, ông là người mở mang rộng lớn!” Từ đó sự học của Sư trầm lắng mà vang danh một thời.

Một hôm, Sư vừa ngũ, hoảng hốt thấy trúc mọc ngang dưới đất, và trên ngọn trúc ngưng đọng cháo trắng tinh, Sư nằm dưới đất mà ăn cháo. Sau khi tỉnh giấc Sư kể lại cho ngài Tử Đình nghe, ngài Tử Đình bảo: "Trúc và chúc (cháo) là đồng âm, ông được từ đất mà ăn, há chẳng phải là duyên ở Thiên Trúc thượng và Thiên Trúc hạ ư?" Từ đó, Sư vượt đất Tiền Đường đến tham kiến Pháp sư Trúc Thất Tịnh ở Thượng Trúc, Sư được sắp xếp ở trong một phòng nhà thấp xấu, Sư bèn làm thơ mô tả. Ngài Trúc Thất thấy thơ bảo với chúng rằng: "Ông ấy không phải là người phàm phu tầm thường, ngày sau sẽ làm chủ núi này, không thể vì tuổi nhỏ mà xem thường". Nên mới đãi ngộ như khách, bạn. Ngài bảo Sư trông coi công việc ở khách liêu, cai quản tăng tịch. Đến lúc ngài Trúc Thất thị tịch thì ngài Trạm Đường Tánh Trừng kế vị pháp tịch, Sư dời xuống ở hậu đường. Hơn năm sau, Sư ra làm chủ giảng chùa Thánh Thủy thuộc Ngô Sơn.

Niên hiệu Chí Chánh thứ tư (1344) đời Nguyên, Sư trú tại chùa Tiến Phước. Trải qua ba năm, tại chùa Thiên Trúc hạ gặp phải tai họa, quan nhà Nguyên là Cao Nạp Lân thỉnh Sư xây dựng mới lại, đến lúc chùa viện làm xong, Vương Tấn soạn bia ký. Cũng trong năm đó,Sư trở về lại chùa Thiên Trúc thượng, Sư biết duyên tại đó nên sớm tối chẳng biếng trễ. Tất cả mọi việc chế định trong chùa đều được biên tập lại. Vua Thuận Đế (1333-1368) đời Nguyên nghe thế, đặc biệt ban hiệu là Từ Quang Diệu Ứng Phổ Tế" và y phục thêu dệt vàng để làm chứng cớ. Đến niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu (1356) Sư trở về ẩn tu tại một hang núi cao ở Cối Kê, không người nào biết. Nguyên Tướng Đạt ghi thiếp, Mục Nhĩ sai sứ, trưng bày các vật sắc thỉnh Sư trở về lại chùa. Trước sau hai lần Sư trú tại chùa Thiên Trúc thượng cả thảy hai mươi lăm năm.

Đến đời Minh của chúng ta, vào niên hiệu Hồng Vũ thứ hai (1369), vua Thái Tổ ban chiếu mời Sư đến Tưởng Sơn Phật Hội, sai Lễ bộ cấp soạn trai cỗ. Sáng hôm sau, mời Sư đến điện Phụng Thiên, trăm hàng quan liêu đều nhóm họp, chư tăng nối gót nhau tìm đến, chỉ một mình Sư niên cao lạp trưởng, nhan sắc hồng hào, lông mày bạc trắng ngồi ở hàng đầu. Đích thân nhà vua đến thưa hỏi đạo nghĩa của "Thăng Tế Trầm Minh". Sư trình bày đầy đủ thích đáng, vua Thái Tổ xoay lại nói với chúng tăng rằng: "Từ trước đến nay, các người học Phật chỉ biết ăn no cung dung nhởn nhơ cho qua ngày tháng. Đối với các bộ kinh Kim Cương, Lăng-già, Tâm Kinh, v.v... đều là bí yếu của việc nhiếp tâm, vì sao chẳng nghiên cứu tận cùng nghĩa lý? Ngày nay những ai có điều

không biết rõ nên thưa hỏi Pháp sư Bạch My!". Từ đó về sau, mỗi lúc thỉnh Sư, vua Thái Tổ chỉ dùng hai chữ "Bạch My" (vì lông mày của Sư bạc trắng) để gọi chứ không dùng danh hiệu của Sư.

Sư từng cùng với Pháp sư Biệt Phong Đồng, Thiền sư Kim Bích Phong đồng thọ trai tại cung cấm, nhân đó tấu trình sự việc chùa Ngõa Quan là chỗ mà đại sư Trí giả đời Tùy thích giảng kinh Pháp Hoa, nên không thể phế bỏ. Vua Thái Tổ ban sắc đến chùa Thiên giới lập riêng một ngôi thất để bảo tồn vết tích đó. Ban chiếu cho khai sơn nói pháp.

Đến mùa Xuân niên hiệu Hồng Vũ thứ năm (1372) Sư lại đến Chung Sơn, kiến lập đại trai đàn thủy lục, nhà vua ban cho Sư thuyết giới Tỳ-Ni. Vua Thái Tổ đích thân dẫn trăm hàng quan liêu đến nghe nhận. Xong việc, Sư cáo từ trở về chùa Thiên Trúc thượng, thôi nghĩ mọi việc tại viện, thường ngày chuyên tu Di-đà sám Pháp dẫn đến tịnh nghiệp. Đến niên hiệu Hồng Vũ thứ mười hai (1379), đêm mồng một tháng bảy, Sư mộng thấy hoa sen xanh nổi lên trên bờ vuông bọc lấy người. Đến lúc tỉnh giấc, Sư bảo với chúng rằng: "Điềm lành của tôi vãng sanh tịnh độ đã được thấy, đối với người đời sợ chẳng còn xa". Qua ngày mồng bốn, Sư ngồi kiết già chấp tay thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi, bảy mươi ba hạ lạp. Qua hơn mười ngày mới đón rước nhục thân Sư vào tôn trí tại tháp viện Diệu Ứng ở ngọn núi phía Tây chùa.

Lúc sanh tiền, vóc dáng Sư cao lớn, mày dài hơn cả tấc, tròng mắt lấp lánh nhìn thẳng vào người. Và mọi người chẳng kể là già hay trẻ, hễ thấy Sư vào thành đều nói rằng: "Hoà-thượng Bạch My đến!" Họ đua nhau nắm lấy hương hoa tung rải từ trước. Nét mặt Sư nghiêm nghị, không nói lời luống dối. Đối với các hàng vương công đại thầni5 Sư Ngài không một lần mở lời mềm mỏng nịnh hót. Còn như việc dẫn dụ hàng hậu học, sắc thái ngôn từ của Sư ấm áo như ánh nắng mùa xuân. Nên, mọi người phần nhiều là ưa thích theo Sư cầu học.

Sư có các đệ tử nối pháp như là: Tư Tế, Hạnh Xu, Doãn Giám, Doãn Trung, Lương Cẩn, Phổ Trí, Văn Hội, Nguyên Tú, Cánh Phạm v.v...

5/- Truyện Sa-môn Thích Sĩ Chương chùa Tập Khánh ở Hàng Châu.

Thích Sĩ Chương tự là Nguyên Phát, họ Vương người ở xứ Hải Ninh thuộc Quận Chi. Vừa mới sanh đảnh đầu Sư đã nhô cao, mắt sáng ngời, tròng đen như chấm sơn. Sư từ thuở bé đã không ăn các thứ tanh nồng, cha mẹ Sư có lúc cũng ngầm thử, Sư liền ói mửa không thôi. Sư

ưa thích đọc kinh sách Phật, ở gần nhà có ngôi chùa tăng, Sư thưavới cha rằng: “Họ Thích nầy Thích, xin cho làm thầy của con”. Cha của Sư giận bảo: “Con ta như hoa Phân-đà (sen trắng) chẳng như người thường loài!” Sư bèn bỏ nhà, đến chùa Truyền Pháp thọ năm giới.

Bấy giờ, Hàn Lâm thị chế Liễu Quán thường ở nghỉ tại chùa, mến thương Sư nên trao cho các kinh sử và đích thân giải thích cho Sư nghe. Sư nghe đón nhận liền hiểu. Năm mười chín tuổi, Ngài cạo tóc xuất gia làm Đại Tăng. Bấy giờ, pháp sư Ngã Am Bổn Vô đang làm chủ giảng tại chùa Thiên Trúc thượng. Sư sắp tìm đến hầu học, bỗng nhiên mộng thấy đi đến Bảo Sở, có vị Đại Bồ-tát dạy Sư quỳ theo cách người Hồ, tác lễ, miệng tuyên đọc sám văn. Đến khi tỉnh giấc suy nghĩ đó là kệ văn trong phẩm Phổ Hiền Tịnh Hạnh. Quả nhiên được pháp sư Ngã Am Bổn Vô khai mở mắt tuệ để thấy biết. Tất cả các chương nghĩa của giáo quán Thiên Thai đều lần lượt truyền trao cho Sư. Và Sư luôn giữ chí chăm lo chuyên nhất gắng sức cầu học, không hề biếng lười đến nỗi quên cả ăn ngủ. Ngài Ngã Am Bổn Vô có những lúc ngầm dò xét sự siêng năng của Sư, thường đem những việcrộng lớn mong mỏi ở nơi Sư.

Bấy giờ có ngài Thiện Tâm Oánh vốn cao ngạo chẳng biết nể phục người, nên người đời gọi tên là Nghĩa Hổ, nhưng cũng kính mến đạo hạnh của Sư hẹn cùng đèn sách, thường ngày cùng mài cắt cho đến bén nhọn. Tăng chúng đều tôn xưng là “Hai viên ngọc bích”. Thời gian sau, ngài Ngã Am Bổn Vô viên tịch, ngài Đông Minh Tuệ Nhật, tiếp nối pháp tịch, đào luyện học giỏi, chọn Sư làm Khai Khoa, bảo trông coi tiếp đón tân khách, kiêm việc lãnh chúng sám ma.

Vào niên hiệu Chí Chánh thứ mười ba (1353) đời Nguyên, Sư vâng lệnh đến trụ trì chùa Thê Chân. Chùa đó rất gần gũi hai chùa Nam Trúc và Diễn Phước. Bấy giờ, có hai vị hoà-thượng Đại Dụng-Tất Tài và Tuyệt Tông-Thiện Kế ở tại đó, Sư rất vì sự học nên đến chùa chưa đầy một ngày đã sang tham vấn. Tất cả áo nghĩa thiên viên của Giáo Quán, mảy may Bổn tích, không gì mà chẳng phân tích. Do đó Sư thường đối với chúng than rằng: “Phật pháp Giáo Tạng man mác như mây khói biển khơi, hẳn chẳng riêng một mình mà có thể nghiên cứu đến cùng tận, khiến ta được tự họa mà không tiến tới. Như vậy đâu thể khỏi sự cười chê của hàng cô lậu ư!”

Niên hiệu Chí Chánh thứ hai mươi (1360), Ngài dời đến làm tự chủ chùa Tinh Đức. Cuối đời Nguyên, trong nước binh đao đại loạn, mọi người đều mưu tính tự ẩn núp, chỉ còn mình Sư chuyên tâm lo việc

chùa, chẳng vì sự khó khăn trong đời, mà đổi thay chí khí, Sư phô bày điều tlành, dẹp bỏ điều xấu, do đó phong thái dần dần sửa đổi. Thường ngày, Sư thâu nhận tịnh chúng, giảng nói kinh sớ, chẳng để thời gian luống qua.

Đến đời Minh, vào niên hiệu Hồng Vũ (1368-1399) Pháp tòa ở chùa Tập Khánh hoang vắng, nên Quận Thú Lý Công thỉnh Sư đến đó mở mang giáo thừa. Sau đó không lâu, trung thư bị chỉ, khiến tất cả các vị trụ trì ở các chùa lớn trong năm phủ khắp đông tây vùng Chiết Giang đều nhóm họp về Kinh Đô. Tại chùa Cộng Bích Thiên Giới, lập viện Thiện Thế, để quản lý tăng chúng, cùng giám xét các việc nặng nhọc. Các bậc Túc Đức Kỳ Tài ở mọi nơi đều chẳng ai biết đó là muốn làm gì. Riêng mình Sư lược ra có đủ điều tự. Bấy giờ, có cả mười muôn chúng đều đến thưa hỏi pháp với Sư.

Ngày mười sáu tháng sáu , Sư biết trước thời hạn đã đến, bèn gọi các đệ tử giao phó mọi việc hậu sự, qua ngày mười bảy Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ bốn sáu tuổi, hai tám hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, các vị như Viên Giác, Nhất Ấn, Thăng Nguyên, Khắc Cần v.v... là đệ tử của Sư, thâu nhặt di cốt, xây tháp thờ ở phía Nam Bảo tháp Pháp sư Biện Tài tại Long Tỉnh.

Sư mang khí tiết tiêu lệ, luận bàn khẳng khái. Căn cứ thẳng theo đạo mà không kiêng dè theo thế tục, trong những lúc chỉ bày về các chùa, mà những người súc dưỡng đồ đảng đều cho là Oán Phủ thì Sư bèn phát lời thề chẳng cạotóc cho ai và không nuôi đệ tử. Các vị học giả đến tham yết muốn nương tựa đều khích lệ, Sư bèn từ chối, chẳng luống chọn một người.

6/- Truyện Sa-môn Thích Như Di chùa Diễn Phước ở Hùng Châu.

Thích Như Di tự là cụ Am, biệt hiệu là Thái Phác, Sư đắc pháp với Ngài Văn Minh Hải Tuệ Thiện Kế Tuyệt Tông. Sư học đứng đầu các vị tài giỏi, vượt cả Tam Giáo, chẳng phải chỉ Thập Thừa, Tam Quán, Cửu Kinh, Thất Sử, mà các thứ danh ngôn bí điển có ra ở trong đời, Sư cũng đều thông hiểu. Vua Thái Tổ Cao Hoàng đế (1368-1399) đời Minh ban chiếu chỉ mời Sư trụ chùa Thiên Giới, thường ngày cùng các bậc Kỳ Đức mở mang giáo thừa, để hoàn bị vua vời Sư đến thưa hỏi, Bảo Đồng Tông lặc hiệu đính giải thích các bộ Tâm Kinh, Lăng-già, Kim Cang v.v..., vâng theo thánh chỉ, lưu hành ở đời.

7/- Truyện Sa-môn Thích Đại Đồng chùa Bảo Lâm ở Thiệu Hưng.

Thích Đại Đồng, tự là Nhất Vân, biệt hiệu là Biệt Phong, họ Vương ở Thượng Ngô, đất Việt. Cha Sư là Hữu Tiều, mẹ Sư họ Trần, bà mang thai Sư đến mười tháng. Một hôm, cha Sư đang ngồi tại nhà trên, bỗng nhiên thấy một vị Tăng lạ khuôn mặt đầy đặn, chống tích trượng đi vào. Cha Sư đứng dậy xá chào, hỏi: “Hòa-thượng từ đâu đến?” Đáp: “Ở núi Côn Lôn!” xong, mở cửa đi vào thật gấp, nghe tiếng trẻ thơ khóc trong phòng, cha Sư cười, bảo: “Con tachẳng phải tái lai ư?”. Sư từ thuở bé đã sáng suốt nhanh nhẹn, đọc sách liền hiểu được ý sâu, ban đầu tập học từ chương, hớn hở rất có khả quan. Từ đó cha của Sư đem Tán Thừa gia học giao phó cho Sư. Riêng mẹ Sư than rằng: “Đứa bé này có giống trí tuệ, há để buộc ràng chìm đắm trong bụi trần ư?” Bèn cho phép Sư đến chùa Sùng Thắng ở Cối Kê xuất gia.

Nghe pháp sư Xuân Cốc giảng giáo nghĩa Tông Thanh Lương ở chùa Cảnh Đức trong Quận, Sư bèn đến đó nương tựa cầu học và được truyền trao. Sư lại đến tham yết ngài Cổ Hoài Triệu Công là bậc tinh thông Tứ pháp giới Quán. Nhân ngài Xuân Cốc ra làm tự chủ chùa Bảo Lâm bèn bảo Sư rằng: “Sở học của ông đã tinh thông lại rộng rãi, sợ e ngưng trệ tâm nơi thô chấp, chỉ càng thêm học rộng mà bó buộc ở tri kiến, thật chẳng phải cội gốc của kiến tánh. Nên cần phải chuyên tu mà xoá bỏ nó đi, ngõ hầu mới là điều may mắn của tông ta!” và bèn bảo Sư đến xứ Tiền Đường tham kiến Thiền sư Hối Cơ Hy, được ngài Hối Cơ Hy phẩy bụi một thời gian thì mọi kiến văn chứa nhóm của Sư thảy đều tan biến, chỉ còn lại ánh sáng lấp lánh tự chiếu. Như vậy trải qua 6 mùa mưa nắng. Ngài Hối Cơ rất vui mừng đối với ý chí của Sư.

Lại nghe sự hưng thạnh của ngài Trung Phong Pháp Đạo ở Thiên Mục, Sư bèn đến tham yết, và liền có ý trọn đời ở đó. Một hôm, ngài Trung Phong gọi Sư đến khuyên rằng: “Giáo nghĩa của Tông Hiền Thủ ngày một xa dần và kém ít, khí lượng của ông đã đủ để mở mang không nên dính mắc ở đó!”, bèn viết kệ khen ngợi Tôn tượng Thanh Lương để lại cho Sư. Sư rất vui mừng bảo: “Ngày nay tôi mới biết muôn pháp vốn ở Nhất tâm, chẳng biết ai là thiền, ai là giáo”. Rồi Sư về lại chùa Bảo Lâm hầu ngài Xuân Cốc và đem ý của ngài Trung Phong mà thưa với ngài Xuân Cốc, ngài Xuân Cốc liền phân tòa giảng kinh Tạp Hoa.

Bấy giờ, Tống Cố Quan Từ Thiên Hựu Vương dị giản tướng cùng Sùng Tưởng tiếng tăm rạng ngời hiển trước, Quận Thú Phạm Công kính mến ngài Xuân Cốc niên cao lạp trưởng, muốn phong nhường pháp tịch,

mới bày y Bồ, đích thân nói với Sư. Sư nghiêm nghị đổi sắc mặt: "Kia quý ở đạo, là do phận thầy trò. Rõ ràng có thể dạy chỉ cho hàng hậu học. Nếu nương sự già lão mà dám rối loạn ngôi vị, thì đâu phải là việc đáng làm của người ư? Minh Công kính mến ta, khiến ta giẫm đạp lên danh nghĩa, như thế thật là thương tổ!" Phạm Công bất chợt đứng dậy, bái tạ rằng: "Thầy ta thật là người phi thường. Con không đủ sức để nhận biết!"

Vào đầu niên hiệu Diên Hựu (1314) đời Nguyên, Sư đến làm tự chủ chùa Tịnh Độ ở Tiêu Sơn, kế là dời đến chùa Cảnh Đức. Vào niên hiệu Chí Nguyên (1335-1341), Sư được ban sắc đến trụ chùa Đông Tháp ở Gia Hòa, đổi hiệu chùa là Bảo Lâm. Nhưng Bảo Lâm vốn là chỗ của Quốc sư Thanh Lương học tập. Mọi người đều tôn vinh Sư, mà Sư vẫn ẩn tu chẳng đến. Khi đó, khắp các quận ấp liên tiếp dâng sớ hai ba lần thỉnh Sư đến. Sư bèn rũ áo mà đi. Bèn phỏng theo việc xưa của thảo đường Chung Nam, mở mang các phòng nhà u tối, mời gọi khuyến khích những người tài giỏi. Nên các hàng học giả khắp trong nước đều đến tìm đến cầu học dưới pháp tòa của Sư. Đầu niên hiệu Chí Chánh (1341), Sư được vua Thuận Đế đời Nguyên ban tặng hiệu là "Phật Tâm Từ Tế Diệu Biện", và y tăng-già-lê dệt bằng sợi vàng.

Nguyên thần Trung Giới Thái Bất Hoa Tuần thú ở xứ Việt bị khổ hạn hán, bèn thỉnh Sư cầu mưa. Ngài đốt tý hương ở dưới tháp Huyền Độ, trời liền đổ mưa lớn. Cuối đời Nguyên, trong nước đại loạn, chùa bị tai họa, Sư vui vẻ trù tính sửa sang xây dựng mới lại.

Đời Minh, lúc Thái Tổ Cao Hoàng đế lên ngôi (1368), thết đại hội Vô Già ở Chung Sơn, mời Sư đến chứng kiến vũ lâu, bấy giờ Sư đã tám mươi tuổi nên khỏi bái quỳ. Ngày hôm sau thiết đãi trong cung cấm. Xong việc, nhà vua bảo người giữ kho đem các vật bằng bạch kim và các vật quý báu biếu tặng đưa Sư trở về.

Lúc sanh tiền, tinh thần Sư vượt xa Phục Tê Quán Đảnh, thân sừng sững cao lớn như ngọc đứng mà đẹp, khéo giỏi luận đàm. Như bị các hàng vương công quý nhân có người bài bác hỏi vặn giáo môn, thì Sư nói pháp như nước chảy cuồn cuộn. Nếu có các nghĩa lý không ngay thẳng, tuy có gông cùm gậy búa trước mắt, cũng không ít kẻ bẻ gẫy chí khí của Sư . nếu gia hại bằng pháp nguy ách thì Sư cũng chẳng màng. Sư chỉ giữ thường thời khóa tụng kinh Hoa Nghiêm, thế mà chẳng dời sang ngày khác thì người ấy tự khuất phục. Những lúc, Sư giúp tra xét những tông khác thì không mảy may sai sót, như Đoán Giang Ân là một học giả của Thiếu Lâm bèn dâng mời Sư làm chủ Thiên Y. Thiên Ngạn

Tế là học trò của Thai Giáo, mời Sư đến trụ chùa Viên Thông.

Sư đến đất Mân, bấy giờ có Cổ Lâm Mậu làm tự chủ chùa Bảo Ninh ở Phúc Kiến, người lính điều khiển xe ngựa quá nghiêm. Các hàng sở tăng vô lại đem tố cáo nơi công phủ, Sư tình cờ gặp ở nhà khách trọ, mới dọn bày thức ăn, ung dung mời đãi, Sư nói rằng: "Tôi thật chẳng biết Cổ Lâm, nghe nói vị ấy là bậc danh đức của thiền lâm. Nếu bọn đó sắp làm điều bất lợi, người quân tử cho bọn đó làm hạng người nào, chẳng bằng thôi nghỉ, không thì sợ e gặp phải lỗi lầm lớn". Sự việc bèn thôi.

Tánh Sư rất mực hiếu hạnh, luôn buồn về cha mất sớm. Mỗi năm đến ngày giỗ kỵ là rơi lệ không thôi. Sư muốn dưỡng mẹ hết sức thuần thành, không chỉ thuận theo sắc phục ấm lạnh mà thôi, Sư còn khuyên nhủ tâm thần thọ hưởng pháp vị giải thoát. Đến lúc qua đời, Sư cúng tế các lễ không thiếu, lại nhờ các bậc danh Nho soạn viết hạnh thật, dựng lập bia đá bên cạnh mộ.

Sư hành trì luật rất trang nghiêm, chỉ một bình bát, ngoài ra không chứa để vật gì, Sư có chỉ khoảng hơn năm trăm quyển sách sử.

Trong thángmười hai niên hiệu Hồng Vũ thứ hai (1369) thời vua Thái Tổ, nhà Minh, Sư thị hiện bệnh nhẹ. Đến ngày mồng mười tháng ba năm sau (1370), Sư lên tòa nói pháp, từ biệt đại chúng rồi trở về phương trượng an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ tám hai tuổi, sáu lăm hạ lạp. Lúc trà-tỳ có hiển bày nhiều điều lạ. Tháp thờ Sư được xây dựng tại Trúc Sơn.

Sư có soạn "Thiên Trụ Cảo", "Bảo Lâm loại biên" mỗi thứ có đến mấy quyển.

Đệ tử nối pháp của Sư có các vị như: Đại Diễn chùa Diệu Tâm, Thiện Hiện chùa Cao Đình, Nhã Lan chùa Cao-ly, Nhân Tĩnh chùa Cảnh Đức, Minh Thiện chùa Khương Sơn, Sư Khải chùa Diên Thọ, Quốc Sâm chùa Nam Tháp, Đại Tuệ chùa Phước Thành, Tánh Trừng chùa Cảnh Phước, Đạo Nể chùa Diệu Tướng, Đạo Nguyệt chùa Pháp Vân, Phạm Cao chùa Tịnh Độ, Nhật Ích chùa Bảo Lâm, v.v...

8/- Truyện Sa-môn Thích Thiệu Tông trụ chùa An Quốc ở Thượng Hải thuộc Tùng Giang.

Thích Thiện Tông, biệt hiệu là Toại Sơ, họ Trần, người ở xứ Thượng Hải.

Năm mười ba tuổi, Sư được cha mẹ đưa đến chùa An Quốc trong làng xuất gia. Sư đắc pháp với Pháp sư Tĩnh Am Trấn. Bẩm Sư thông

minh dĩnh ngộ, giới hạnh tinh nghiêm. Ban đầu Sư ra nói pháp tại chùa Trường Khánh ở Hàng Châu, Chấn Khởi Huyền Phong, kẻ tăng người tục đều ảnh hưởng nhuần hóa. Kế đến, Sư dời đến chùa Từ Cảm ở Ngô Hưng. Bấy giờ, Pháp sư Trường Can Thú Nhân ở Kim Lăng mời Sư trụ Đệ Nhất tòa, cả chúng đều kính phục.

Năm Quý Dậu (1393) thuộc niên hiệu Hồng Vũ, đời Nguyên, Sư đáp lại lời mời đến có Phật sự tại Lô Sơn, Sư tấu trình ứng đối thích đáng. Vua Thái Tổ ban sắc tặng y tăng-già-lê bằng tơ sợi vàng, cốt nhắc Sư lên ngồi bên phải giảng kinh, nhưng không làm sao thăng Hữu Thiện Thế.

Đến ngày mồng năm tháng giêng năm Đinh Sửu (1397), Sư thị hiện bệnh nhẹ, an nhiên ngồi thẳng thị tịch. Vua Thái Tổ nghe thế liền sai bảo Trung Sứ đến cúng tế. Ngày trà-tỳ có đến mấy ngàn người cùng chiem bái, đồ chúng đón rước, thâu nhặt xá-lợi di cốt về xây tháp tại chùa An Quốc.

9/-Ttruyện Sa-môn Thích Cư Kính trụ chùa Phổ Chiếu ở Tùng Giang.

Thích Cư Kính, tự là Tâm Uyên, biệt hiệu là Lan u5 Sư Ngài học thông nội ngoại kinh sử, khéo thuộc văn chương, tinh nghiêm luật bộ. Sư đến tham lễ Hòa-thượng Nhất Vũ chùa Đại Báo Ân ở Kim Lăng. Ở đó, Sư giữ chức Tri Khách. Sau Sư đến tham yết pháp sư Đông Nguyên chùa Tập Khánh ở Hàng Châu tại Sám Ma Đường, Sư ở Đệ Nhất Tọa, theo giảng Chu Dịch.

Đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1408) đời Minh, Sư vâng chiếu hiệu đính Đại Tạng Kinh, tham dự việc tu chỉnh Hội Điển. Thế rồi Sư ra trú trì chùa Quảng Phước ở Thượng Hải. Kế đến dời sang chùa Phổ Chiếu ở Tùng Giang, mở rộng Pháp tịch. Suốt mười ba năm, xây dựng Điện Đại Hùng, nhà Giải Thoát, ba cửa Giải Thoát, sửa sang mái hiên, tinh xá Hương Tích, được làm mới sáng rỡ , bảy chúng chiêm ngưỡng, Đạo phong thổi mạnh.

10/- Truyện Sa-môn Thích Phổ Trí trụ chùa Long Tỉnh ở Hàng Châu.

Thích Phổ Trí tự là Vô Nghĩ, biệt hiệu là Nhất Chi Tẩu. Sư vốn dòng họ Thử, người ở xứ Lâm Bình thuộc Triết Giang. Sư xuất gia tại chùa Long Tỉnh ở Tiền Đường, đến nương tựa Pháp sư Tuệ Nhật ở Đông Minh, được trao truyền pháp tánh cụ của Tông Thiên Thai. Sư có ưu

điểm ở việc giảng nói, trải qua bốn đạo tràng lớn, phấn phát ngọn gió pháp môn. Đến tuổi về già, Sư Khai diễn chùa Diên Khánh tại Trùng Giang, bèn suốt đời chuyên tu tịnh nghiệp, dẫu gặp phải mưa hay nắng đều chẳng ngơi nghỉ.

Ngày mồng hai tháng giêng năm Mậu Tý (1408) nhằm niên hiệu Vĩnh Lạc, đời Minh. Sư thị hiện bệnh nhẹ, nhóm chúng lại, Sư an nhiên ngồi thẳng xoay mặt về hướng Tây, xưng niệm danh hiệu Phật mà thị tịch, Sư có soạn Tập chú A-di-đà kinh một quyển.

11/- Truyện Sa-môn Thích Thiện Khải trụ chùa Diên Khánh ở Tô Châu.

Thích Thiện Khải tự là Đông Bạch, biệt hiệu là Hiểu Am, họ Dương, người ở xứ Trường Châu thuộc Cô Tô. Gia đình nhiều đời làm quan. Ngài vừa biết nói đã thông hiểu kinh Phật như đã học chín muồi từ trước. Cha mẹ thấy lạ như thế, biết Sư là bậc pháp khí, nên dẫn đến viện Vĩnh Mâu xin cho Sư xuất gia. Sau đó không lâu, Sư cạo tóc, đăng đàn thọ giới cụ túc. Ẩn tu dưới Long Sơn, nghiên cứu cùng tận Đại Tang. Sách sử của trăm nhà Hiền triết, không thứ gì Sư chẳng tinh chuyên nghiên cứu.

Năm Mậu Tý (1408) nhằm niên hiệu Vĩnh Lạc, đời Minh, Sư ra hoằng hóa, trú tại chùa Diên Khánh ởq Chi. Năm sau, Ngài đáp lại lời mời lo việc biên tập sửa chữa Vĩnh Lạc Đại Điển và hiệu đính Đại Tạng Kinh, Sư được ban tặng y tăng-già-lê dệt bằng sợi vàng. Một thời, Sư cùng các bậc danh nhân như: Thẩm Dân Vọng, Vương Nhữ Ngọc, Tiền Nguyên Đoàn đều là bạn giao kết phương ngoài, hoặc có lúc biện luận sự khác nhau giữa Nho giáo và Phật giáo, Sư bảo: “Bất luận là lý của các bậc thánh đồng hay chăng, mỗi người tự thực hành theo giáo nghĩa của đạo mình”. Sư lại bảo: “Đông Lỗ thùy đạo, Tây Vức kiến tánh đều chẳng gì bằng trước ở gốc sâu dày. Nên chúng ta tuy lìa cha mẹ mà dưỡng sanh tống tử, nhất định đều theo sự sâu dày!” Sư cùng với huynh đệ rất là bạn thân.

Năm Quý Hợi (1443) nhằm niên hiệu Chánh Thống, đời Minh, Sư thị tịch, tháp thờ được xây dựng ở Long Sơn.

12/- Truyện Sa-môn Thích Ứng Năng chùa Thọ Phật ở Hoành Châu thuộc Quảng Tây.

Thích Ứng Năng giả lấy họ Dương, kỳ thật là Kiến Văn Quân. Sư là con lớn của Thái tử Ý Văn, là cháu đích tôn của vua Thái Tổ đời

Nguyên, được phong là Hoàng Thái Tôn. Húy là Doãn Văn. Lúc mới sinh, đỉnh đầu Sư nghiêng lệch, vua Thái Tổ vỗ vào đầu Sư, bảo: "Đứa bé nửa vầng trăng". Đến tuổi biết đọc sách, Sư rất thông minh dĩnh ngộ. Một đêm nọ, Thái tử Ý Văn vào hầu, vua Thái Tổ bảo ngâm vịnh bài thơ "Tân Nguyệt" (vầng trăng mới, Thái tử Ý Văn ngâm rằng:

"Nghiêm Lăng ngày trước mất móc câu,
Ai người dời để án mây đầu,
Tuy rằng chưa được Đoàn viên tướng,
Ấy cũng sáng suốt trong chín châu".

Còn Sư ngâm rằng:

"Ai đem móng tay ngọc,
Móc vết sẹo giữa trời
Bóng rơi trong sông bể
Văn Long chẳng dám nuốt!"

Vua Thái Tổ nghe xong, tỏ ý chẳng vui, bởi những từ "Chưa được đoàn viên", bóng rơi, sông bể, đều chẳng phải điềm tốt lành. Niên hiệu Hồng Vũ thứ ba mươi mốt (1399) vua Thái Tổ già yếu, bèn trao cho Sư một cái tráp nhỏ, khóa lại rất kín, và căn dặn đến lúc nào rất bức ngặt mới mở ra.

Ngày mười sáu tháng năm năm (1399), Sư lên ngôi (tức là vua Tuệ Đế) chỉ mới hai mươi ba tuổi. Năm sau(1) đổi niên hiệu là Kiến Văn, mời Phương Lão Nhụ làm Hàn Lâm thị giảng, trực Văn Uyên Các hằng ngày giảng Chu Quan Lễ, sửa đổi các chế định cũ của vua Thái Tổ. Từ đó, các vương tôn phần nhiều chẳng vâng phục, mới quanh co thêm ân lễ. Thị Độc Thái Thường Khanh Hoàng tử Trừng, Binh bộ thượng thư Tề Thái Nghị tước quyền của các vương tôn. Người chủ mưu là do Tiên Yên. Bảo Thị lang Trương Bính Đô chỉ huy Sử Tạ Quý giám sát mọi động tĩnh, bèn áp bức Tiên Yên khởi dậy, hỏi vận Sư. Ở phía Nam, đánh giết Hoàng Tề.

Ngày mười ba tháng sáu năm Kiến Văn thứ đến (1403), phá cửa Kim Xuyên, nhà vua phóng lửa đốt cung điện. Lúc đó mở tráp mà ngày trước vua Thái Tổ để lại ra xem, Sư thấy được Độ Diệp Dương Ứng Năng, Thế Dao, áo ca-sa, y phục của người xuất gia. Sư bèn cạo tóc, lánh theo đường sông ra ngoài, vân du khắp nơi. Từ sông Tương, Hồ Nam đi vào đất Thục, lại từ Vân Nam trở lại đất Mân, vào cửa Nam chùa Thọ Phật ở Hoành Châu thuộc Quảng Tây. Sư trú tại đó mười lăm năm, thường ngày lên tòa giảng pháp, người nghe quy tụ rất đông, dần dần trở thành một pháp tịch lớn. Mọi người đều chẳng biết Sư là bậc

Đế vương.

Sư lại đến Nam Kinh, trú tại chùa Nhất Tiên, chư tăng nhóm họp, Sư bèn tùy duyên khai thị, cả chúng thầy đều vui mừng. Lâu sau, Sư đến Châu Tư Ân, đang đứng ở giữa đường, gặp Quan Tri Châu ra, những kẻ theo hầu quở trách. Sư bèn nói: “Ta chính thực là Hoàng đế Kiến Văn, Từ Tĩnh Điền (Vân Nam) trải qua đất Mân rồi mới đến. Ngày nay đã già yếu, muốn đưa hài cốt trở về quê cũ nơi chốn đô thành”. Quan Tuần án Ngự sử tấu trình ở triều đình ban tặng hiệu Sư là “Lão Phật”. Và ban lệnh các trạm đón rước Sư về kinh đô, và tặng bài thơ rằng:

“Đó đây lưu lạc bốn mươi năm
Ngày về bất chợt bạc trăng đầu
Trời đất có hận nhà đâu nhỉ
Sông Hán vô tình nước tự trôi
Trong cung trường lạc bóng mây ám
Giữa điện chiếu dương tiếng mưa sầu
Phố mới liễu mềm luôn xanh biếc
Già quê nuốt tiếng khóc chưa thôi!”

Đến lúc về tới kinh đô, triều đình chưa xét biết được là thật hư, mới bảo Quan Thái giám Ngô Lượng từng trải qua thời gian hầu cận nấu ăn nên xét xem. Sư vừa thấy Ngô Lượng, liền gọi rằng: “Ông chẳng phải là Ngô Lượng ư?” Ngô Lượng đáp: “Không phải”. Sư bảo: “Ngày trước ta ở trong cung, từng quăng bỏ lát thịt dưới đất, ngươi phủ phục mà liếm ăn, làm sao ta quên được”. Ngô Lượng cúi đầu rất run sợ. Thế rồi thỉnh Sư vào nhà phía Tây nội cung mà cúng dường. Cuối cùng, Sư thị tịch trong cung.

Liên quan thử bàn:

Kiến Văn Quân là người thứ hai tiếp nối ngôi vua, đáng cùng các thần hiền hết lòng giữ gìn, thạnh pháp của vua Thái Tổ mà phụ giúp còn chưa kịp, thì Văn Hoàng đế cũng an phận ở phiên để. Sao có mưu tính bày nạn binh lính phá cửa Kim Xuyên ư? Đó là bởi vì một lúc lầm dùng bọn Phương Hoàng, giảng Chu Quan, thực hiện chính sách tỉnh điền, sửa đổi định chế cũ, dùng uy quyền ép bức thân vương. Văn Hoàng đâu thể ngồi nhìn Đại Bảo đổ nát bởi tay mặt mũi tủn mủn, khoanh tay đợi trói buộc ư? Đến nay đã cách mấy trăm năm, sự lớn mạnh của nước nhà, sự bình trị trong thiên hạ thật là nhờ một dòng họ tĩnh lặng. Việc Kiến Văn trùm núi nhóm tập lời sâu sắc, đó đã mắc nạn, không có lý xuất gia, đã xuất gia thì không có sự trở về kinh đô. Cho nên Độ Diệp Dương Ứng Năng là giả mạo. Nay, căn cứ vào các thuyết của “Quốc

Triều Điển Cố”, “Hoàng Minh Thông Tải”, “Hiến Chương Lục”, “Từ Ân Chí” v.v... mà ghi chép, hẳn ở tăng truyện là không thể thiếu sót, nên các bậc quân tử rõ.

13/- Truyện Sa-môn Thích Viên Cảnh trụ chùa Thạch Thất ở Thấp Châu.

Thích Viên Cảnh là người ở Lâm Huyện thuộc Phần Châu. Sớm được xuất gia, đặt tâm nơi các trường giảng của Tông Hiền Thủ, ngộ được mật chỉ của các kinh. Sư thường đến chùa Thạch Thất ở núi Diệu Lâu thuộc Thấp Châu ở phủ Bình Dương, tùy duyên nói pháp cho chúng nghe. Một hôm, Sư đến sườn núi nơi một lò gốm ở Bắc Môn, lấy đấy làm am như cái khám rồi lẳng lặng ở trong đó. Bỗng nhiên Sư gọi đệ tử bảo rằng: “Ta sắp quy tịch!” Cả chúng hỏi Sư lúc nào. Sư bảo: “Hôm sau”. Đến sáng hôm sau, Sư dậy tắm gội thay ba pháp y, đốt hương ngồi kiết già, nói kệ mà thị tịch.

14/- Truyện Sa-môn Thích Tổ Trú ở Hoa Sơn thuộc Tô Châu.

Thích Tổ Trú tự là Huyễn Y, hiệu là Lộc Đình, họ Dương, người ở xứ Đơn Đồ. Mẹ của Sư họ Chu, mộng thấy vị Phạm Tăng đến nhà, tỉnh giấc liền sanh ra Sư. Thuở thiếu thời, Sư thường trầm mặc, chẳng tham luyến duyên đời, ưa thích làm việc Phật.

Năm lên mười ba tuổi, Sư được cha mẹ đưa đến núi Long Bàng nương tựa Hoà-thượng Triệu Dương, thọ học các bộ kinh lớn như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Năm mười bảy tuổi, Sư xuống tóc. Năm mười chín tuổi đăng đàn thọ giới cụ túc. Sư thông hiểu đại nghĩa các bộ kinh, tự bảo rằng: “Nhận biết được chỗ nương tựa chẳng liên quan đến mé Chân”, Sư bèn tìm đến Thiếu thất, nương tựa Hòa-thượng Đại Chương năm năm. Lại đến Phục Ngưu nương tựa ngài Cao An mười hai mùa hạ. Mọi sở đắc trước sau của Sư đều do hai vị này ấn chứng. Kế đến, Sư xuống dưới thành đô tham yết hai Pháp sư Tùng và Tú thấu triệt được yếu chỉ Tông Thanh Lương.

Hoài An Hồ Cấp Sự thỉnh Sư đến trụ núi Bát Trì, làm Đại Tạng Kinh, và thiết lập Đàn Thủy Lục, hội thí Vô Già. Sư đến Nam Kinh tham phỏng Pháp sư Vô Cực và ở Đệ Nhị Tòa. Khi tiếng kiền-chùy vừa dứt Sư vào chúng lao tác. Xong việc, Sư sang chùa Vạn Thọ ở Kinh Khẩu, giảng Hoa Nghiêm Đại Sao, đến phẩm Nhập Pháp Giới, tự nhiên mặt đất rung chuyển, trời mưa rải cam lồ hoa báu. Bấy giờ, Pháp sư Vô Cực dẫn đồ chúng cùng đến đó. Hai Thiền sư Diệu Phong và Thừa Ấn

cũng ngồi dưới tòa. Từ đó, tiếng tăm đạo hạnh của Sư lan tỏa khắp các tòng lâm. Trí Sư tôn sùng kính lễ như Thường Bất Khinh, Sư đề dẫn xướng dụ, hết lòng chẳng tỏ vẻ mỏi mệt. Những nơi Sư đến đều biến thành bảo phường. Lúc Sư diễn giảng bốn mươi tám đại nguyện, có một người lạ trên đầu đội mũ trắng, trên mũ có con rắn, bốn chân đến nghe pháp, mọi người lấy làm lạ hỏi. Người ấy đáp: “Tôi là Pháp Quan mà là Cảnh Quán”. Bỗng nhiên biến mất.

Đến năm Giáp Thân (1584) nhằm niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, Sư Chấn tích đến dừng nghỉ ở dưới ngọn núi Liên Hoa thuộc Tô Châu. Sư dựng lập tịnh xá và ở đó. Đến tháng chín năm Đinh hợi (1587), bỗng nhiên Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, nói với tăng chúng rằng: “Ngày hai hai, nếu không có sự việc ly tán, thì sẽ lại mở mang giáo nghĩa Hoa Nghiêm, chỉ bởi Lão Tăng chẳng thể chạy theo nhân tình”. Đến sáng sớm ngày đó, Sư dậy tắm gội, ngồi kiết già, nói kệ rằng:

“*Hư không chẳng mặt mắt*
Vô vị gượng an bài
Câu nói không câu nói
Chốn chốn là Như Lai”.

Ngài lại bảo:

“*Năm nay sáu sáu tuổi (66)*
Chẳng biết làm việc chi
Ôi! Mọi người nhìn xem
Thấy đó dứt hơi rồi
Phật tổ đã đến rồi.
Dùng chẳng thể hết được”.

Nói xong, Sư thị tịch, có mùi hương thơm lạ một thời gian chẳng tan. Lưu giữ toàn nhục thân của Sư ba ngày để cúng dường chiêm ngưỡng mà nhan sắc vẫn y nhiên như lúc sống. Sau khi trà-tỳ, thâu nhặt di cốt, xây tháp thờ ở phía Nam đỉnh núi Liên Hoa. Sư thọ sáu sáu tuổi, năm tư hạ lạp.

Vương Thế Trinh soạn khắc bài bia minh.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG THỜI NHÀ MINH
(QUYỂN 3 HẾT)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 4

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có bốn vị, phụ có sáu vị).

1/. Truyện Sa-môn Thích Minh Long trụ Am Tú Phong ở Dương Sơn thuộc Bắc Trực.

Thích Minh Long, họ Diêu, người ở xứ Tú Thiên thuộc Hoài Nam, húy là Đông Dương. Sư thường giúp đỡ các học trò ở trường ấp, Sư sống thường thích tu, đam mê nội điển. Năm hai mươi tuổi, Sư chẳng kể gia nhân sản nghiệp, thanh thản cùng các bậc thiện tri thức vân du.

Khoảng đầu niên hiệu Long Khánh (1567) đời Minh, Sư lặng lẽ đạm bạc làm người cư sĩ, đi đến phương Bắc tìm các chùa lớn cảnh đẹp, thăm viếng các bậc kỳ đức cao tăng. Sư ngụ tại Thang uyển trong ba năm, lên Ngân Sơn tìm đến chùa Pháp Hoa, nương tựa Hòa-thượng Đại Quang, xin xuất gia thọ giới cụ túc. Rồi Sư tìm đến am Tú Phong ở Dương Sơn, danh đức Sư một lan tỏa, Sư thuần dùng một áo nạp, chẳng áo lót chẳng cánh tay, chẳng giày. Ở Gia lăng, các hàng trung lưu quý nhân có nhiều thí chủ Sư chẳng đoái hoài, Sư an định nhóm chúng bảy mươi hai vị, lập kỳ hạn ngàn ngày, đích thân Sư nói pháp cho nghe, mở rộng tông chỉ của Tam giáo.

Bấy giờ, Hưu Ninh Uông, Tư Mã Đạo vâng chiếu hành biên, Tư Mã Đạo đến Gia Lăng, hẹn cùng Đốc phủ chùa Pháp Hoa, nghe Sư là bậc Cao Đức nên tìm đến, bỗng có vị Sa-di đi ngược chiều, thấy Sư mở bày áo nạp, chẳng hề che đùi vế, rất lạnh rét nà chẳng bị xâm hại. Hưu Ninh Uông cùng Đốc phủ lãnh chiếu kính lễ Sư. Dẫn vào trong động, ngồi trên thạch vàng, cùng nói chuyện. Sư lược nêu ý nghĩa của Tổ sư Đạt-ma từ Tây Trúc đến Trung Hoa. Đốc phủ tỏ vẻ sợ hãi tin phục. Hưu Ninh Uông hỏi Sư: “Sau khi mãn ngàn ngày có thể làm thường trú

chăng?" Ngài đáp: "không thường, không trú". Sáng hôm sau, Sư từ tạ trở về.

Trước nửa tháng đến ngày lập xuân,ở Dương Sơn, phát ra ánh sáng năm mầu. Lại trước bảy ngày đến đêm trừ tịch (đêm 30) Sư nhóm chúng, bảo rằng: "Ngày đầu năm mới, tôi sẽ đi. Các ngươi, những người biết chữ thì dùng tai nghe kinh, người không biết chữ thì dùng tâm niệm Phật, chuyên việc thiền định trí tuệ, chuyên tâm cứu giúp mọi vật. Đó tức là tâm Phật, cẩn thận chớ mong cầu gì khác. Các ông phải tự cố gắng!" Đã nửa đêm trừ tịch, Sư bảo đệ tử ra xem sao giữa trời và hỏi: "Đã nửa đêm chưa?" Đệ tử đáp: "Đã nửa đêm. Sư bảo: "Chưa phải, đến giữa trưa ta mới đi". Sáng mồng một tết, tại Dương Sơn lại phát ra ánh sáng năm mầu như xoay về. Đến giữa trưa, Sư từ biệt đại chúng, an nhiên ngồi thẳng thị tịch. Qua bảy ngày, cử hành lễ trà, lại phát ra ánh sáng như xoay về, đại chúng cùng các hàng trung lưu, quý nhân nhìn thấy ánh sáng, đổi hướng về Sư, la liệt bái lạy, xưng hô: "Phật! Phật! Nguyện đem ánh sáng này soi chiếu khắp thiên hạ". Thế rồi, xá-lợi xếp đặt tự nhiên, Đốc phủ xây tháp để an trí, Hưu Ninh Uông soạn bài minh. Lúc đó là tháng giêng niên hiệu Vạn Lịch thứ nhất (1573).

2/.Truyện Sa-môn Thích Chân Tiết chùa Thê Hà, Ứng Thiên.

Thích Chân Tiết, hiệu là Tố Am, Sư người xứ Tương Dương. Thuở thiếu thời, Sư là học trò trong Quận, bỗng nhiên gốc lành từ trước bên trong nảy nở, liền từ biệt cha mẹ, tìm đến đảnh lễ Hòa-thượng Minh Hưu xin xuất gia. Thế rồi, Sư vân du đến phương Bắc tìm đến Kinh đô, tham vấn khắp các trường giảng rồi nương ở dưới pháp tòa của Pháp sư Tú, Sư thọ hưởng pháp hỷ, thành đạt sâu sắc ấn pháp của Tông Hiền Thủ. Sở học của Sư dồi dào cả nội lẫn ngoại điển. Chư Tăng các nơi thường suy tôn Sư là bậc long tượng. Trải qua thời gian lâu, Sư mang tích trượng trở về phương Nam. Đến Kim Lăng, Sư ra làm tự chủ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn. Tăng chúng hơn ba trăm vị, Sư giảng dạy đủ cả năm thừa. Sư ngồi tòa sư tử gióng trống pháp lớn hơn ba mươi năm. Đàn việt có thừa, nâng đất làm lò.

Bấy giờ, Ân Tông Bá có tôn tượng Đại sĩ Lang Da, Ngũ Đài Lục Công cũng đúc tượng vàng, thảy đều đem đến dâng cúng Sư. La Tham tri thự gọi là: "Viên thông tinh xá". Cú Điển Lý Thạch Lộc học sĩ nguyện kết bạn phương ngoài. Sư mở mang đại pháp chẳng kỳ hạn thời gian. Sư từng giảng Kinh Pháp Hoa, đến Phẩm Tháp Phật Đa Bảo, bỗng nhiên giữa hư không hiện lên tháp báu, dần đến trước tòa, mỗi đặc điểm đều

như trong kinh nói. Bốn chúng kiền thành chiêm ngưỡng, tỏ vẻ sợ sệt, ít thấy. Trung Sứ Trương Mưu vâng lệnh của Từ Thánh Hoàng Thái hậu đến, cùng thấy được điềm lành thánh thiện. Bèn mang một bộ y Tăng-già-lê dệt bằng sợi vàng, và tuyên đọc chiếu chỉ của Từ Thánh Hoàng Thái hậu ban tặng Sư. Sau đó xây dựng giảng đường ở phía Tây chùa, Xây dựng một ngôi tháp để làm chứng tích thần hóa.

Các vị Hưu Ninh Uông và Tư Mã Đạo ghi lại việc ấy.

3/.Truyện Sa-môn Thích Minh Đắc trụ chùa Đông Thiền,ở Gia Hưng.

Thích Minh Đắc, hiệu là Nguyệt Đình, vì Sư nối pháp Thiền Sư Vạn Tùng Lâm, nên còn có hiệu là Thiên Tùng. Sư họ Chu, người ở xứ Ô Trình, thuộc Hồ Châu. Sư vừa mới chào đời đã biểu hiện sự dĩnh ngộ cao vời khác với người thường. Đến tuổi búi tóc, Sư theo cha đến Đạo tràng Tây Tư. Sư bèn chỉ lên vách tường chỗ họa đắp tôn tượng A-la hán, mà hỏi cha rằng: “Đó là tăng hay tục?” cha Sư đáp: “Đó là tăng”. Ngài bùi ngùi bảo: “Con nguyện được làm như thế!” Từ đó, Sư ra sức xin xuất gia, nhưng cha mẹ Sư không chấp thuận.

Năm mười ba tuổi, Sư đến am Song Lâm Khánh Thiện trong quận, theo Sa-môn Chân Tường, học tập giáo điển Du-già, được bốn năm, thì xuất gia. Nghe có việc hướng thượng, bèn trước đến tham yết ngài Bách Xuyên Hải Công, nhưng không khế hội. Nhân đó, Sư chỉ mang y đơn, giày gai, vân du khắp các tòng lâm pháp tịch, lăn lội cầu thỉnh, trải qua đủ thứ gian truân khổ cực. Sư tự nghĩ rằng: “Chính mình thiếu duyên với Bát-nhã!” Bèn nghĩ muốn đến chùa Thiên Trúc, khẩn thiết ai cầu Đại sĩ Quán Thế Âm, mong được gặp Minh sư. Giữa đường đi đến chùa Thiên Trúc, sư nghe Hòa-thượng Vạn Tùng nói pháp, nên trước vào lễ bái tham yết. Hòa-thượng Vạn Tùng hỏi: “Đại đức từ đâu đến, muốn cầu việc gì?” Sư đáp: “Muốn khấu bái lễ thỉnh Phổ Môn, cầu được gặp Lương Đạo!” Hòa-thượng Vạn Tùng dựng đứng một ngón tay, bảo: “Vậy, ngươi hãy đi lễ cầu đại sĩ, xong rồi trở lại gặp ta”. Sư ứa nước mắt mà lại đi lễ báo, ai cầu quyết định sanh tử việc lớn, Hòa-thượng Vạn Tùng bảo: “Ông muốn thoát sanh tử, phải biết sanh tử không dính mắc mới được”. Sư nghe mà chẳng hiểu gì cả, bèn nương thọ giới cụ túc. Từ đó, sớm tối tham cầu khấn bái, lâu ngày nhưng không chỗ vào, bất đắc dĩ Hòa-thượng Vạn Tùng bèn trao cho Đại chỉ Kinh Lăng-nghiêm, Sư bắt đầu khổ tâm nghiên cứu, đến chỗ thanh tịnh Bổn nhiên vì sao bỗng sanh ra núi sông đất đai”. Sư hốt nhiên như mây tan giữa trời, trăng soi

đầm lạnh. Bèn làm kệ trình rằng:

"Trong kinh Lăng-Nghiêm vốn vô kinh
Thấy mặt cần gì hỏi họ tên
Tháng sáu trời nóng nóng tợ lửa
Tháng chạp rét lạnh lạnh như băng".

Hòa-thượng Vạn Tùng gật đầu phó chúc rằng: "Ông đã tỏ ngộ được giáo thừa. Ngày sau, tại các trường giảng ở Giang Nam không ai hơn ông, việc hướng thượng nhờ đó mà rõ được".

Hòa-thượng Vạn Tùng trú ở Kinh Sơn, Sư vì chúng vác gạo hái củi, chẳng sợ khổ nhọc. Tình cờ đến Lâm Lộc, bỗng gặp con hổ ngồi giữa đường, Sư giơ cao tích trượng mà đi tới, con hổ liền chạy tránh. Sư từng xem Tảo Bá Hợp Chủ, đến phẩm Thập Địa, nửa đêm ẩn ghế mà ngồi, mộng thấy đến thế giới Đâu-La-miên, lên tòa mở rộng ý chỉ sâu xa của chỉ Kinh Hoa Nghiêm. Đến lúc kết tòa, mới nói kệ rằng:

"Từ xưa đến vốn không,
Ngày nay đâu hề có
Trên đầu mảy lông hiện
Hư không cười hé môi
Ôi! Chao ôi!"

Rồi xuống tòa. Đến lúc thức giấc Sư bạch với Hòa-thượng Vạn Tùng, Hòa-thượng bảo: "Đó là năng lực thánh thầm che chở, chẳng phải chỉ đạo ta sắp hưng hành mà cả một Tông Thanh lương cũng phấn phát lớn lao". Tự nhiên, Hòa-thượng Vạn Tùng thị tịch, Sư treo khóa giữ tháp ba năm.

Nghe sự hưng thịnh của pháp tịch Pháp Sư Phật Tuệ Kỳ Viên, Sư bèn tìm đến. Ngài Kỳ Viên thầm biết mà mến trọng. Nhưng, đệ tử của Ngài là Sa Truyền rất tự phụ, chẳng ghi tên Sư, Sư bèn vác gậy đến chùa Bảo Tiên, chùa Bảo Tiên và chùa Phật Tuệ chỉ cách nhau mấy thước, nên sáng sớm thì trì bát, trưa thì nghe giảng, tối thì cùng đồng tham, độ hơn mười người phô bày nghĩa thú. Từ đó, chúng mỗi ngày dần đông, mà gạo cơm chẳng đủ. Sư thầm cầu khấn với thần Già-lam rằng: "Nếu tôi có duyên với Thánh Giáo thì thần không tiếc lận ủng hộ". Qua thời gian, có người ngoại đạo từ Vân Nam đến cúng trăm thạch gạo. Do vậy sự lớn mạnh của chùa Báo Tiên vượt quá chùa Phật Tuệ, Sư mở pháp đường, Ngài Kỳ Viên bảo vị tăng thị giả phẩy y mà bái tạ trở về, biện hương làm niêm xuất Vạn Tùng. Thế rồi một mình Sư trở lại Kinh Sơn. Tại đỉnh Lăng Tiêu, vì nghi ngại chưa phá, nên lại gắng sức tham cứu ba năm. Một đêm, mới đầu hôm, Sư ngồi kiết già, bỗng nhiên tâm

cảnh thầm hiểu, gút mắc tan biến, Ngài hớn hở nói kệ rằng:

"Ngàn năm trúc biếc, vạn niên tùng
Cành cành lá lá ấy Tổ Phong
Núi mây cao vót nơi ẩn dấu
Vô ngôn tỏ rạng thảy đều đồng".

Sư đến đảnh lễ tháp thờ ngài Vạn Tùng nói: "Thầy khéo chẳng lừa dối con". Từ đó, đạo hạnh tiếng tăm Sư càng vang xa. Các hàng học giả nhóm họp đông đúc, bốn phương giao hảo tán thưởng suốt năm không ngày nào thiếu sót. Sư khai đường ở Linh Ẩn, môn đình tráng nghiêm không dựa nương, các vị Tăng Triệt, Không Thiên chỉ ghé mặt trông nhìn chẳng dám đến gần. Cuối cùng đem việc bất trắc mà vu cáo Sư, chưa trọn một ngày mà sự việc sáng tỏ, kẻ vu cáo lẫn trốn, đồng bọn còn lại bị đánh chết khoảng hai mươi người.

Sư vân du tới phương Nam, đến Xích Thành. Các hàng ngoại đạo quy tụ, được Sư giáo hóa đông không xiết kể. Sự hoàn bị giáo thừa ở Đài Quận thật là bắt đầu từ Sư. Sư mở rộng Huyền Đàm ở am Đại Trung. Ba ngày sau am bị tai hoạn, riêng trượng thất của Sư vẫn y nguyên không hại gì. Lúc Sư giảng kinh Viên Giác Sớ Sao tại chùa Pháp Hải, tự nhiên từ đất mọc lên hoa sen trắng, cỏ chi mầu tía mọc bên cạnh. Cư sĩ Ngũ Đài nhân đó viết biển hiệu ở giảng đường là "Dũng Liên".

Lúc Sư ở tại chùa Đông Thiền, ban đêm mộng thấy Bố-tát Văn-thù-sư-lợi cưỡi sư tử đi ra, bèn để sư tử lại, nương hư không mà đi. Sư tử bỗng nhiên hóa thành đồng tử, Sư cố hỏi rằng: "Ngươi mới là sư tử giờ lại là Đồng tử ư? Thử mở miệng nói xem?" Đồng tử há miệng, miệng như son đỏ. Sư vỗ vào lưng đồng tử bảo: "Ngươi còn là sư tử!" Đồng tử hỏi: "Vậy miệng Sư thế nào?" Sư liền há miệng cho xem, bỗng nhiên Đồng tử nhảy lọt vào trong cổ họng Sư , Sư kinh hãi tỉnh giấc mà đổ mồ hôi, rồi vui mừng bảo rằng: "Đại Trí Văn-thù ở trong bụng ta!" Sau đó chưa đầy vài tháng, Ngũ Đài Lăng Công dẫn chúng đến d9 Sư Ngài giảng kinh "Hoa Nghiêm Đại Sao". Chúng thường đông đến ngàn người, chỉ Pháp Sư Diệu Phong Giác là đệ tử thập thất. Diêu Tông Tứ Minh mở rộng đạo lý giáo quán Thiên Thai. Vì Sư mở rộng giáo nghĩa Tông Hiền Thủ, chưa am tường hành tung của Thiên Thai, nên mới vặn hỏi Sư về nghĩa của Lục tức Bọ hung. Ngài bảo: "Lục tức của Tông Thiên Thai là đối với sự mê ngộ của hành nhân mà giả phân lập, như ta đây đối với danh tự thì mười giới đều là danh tự. Ta chứng cứu cánh thì mười giới đều cứu cánh. Nếu ta là bọ hung thì mười đều là bọ hung. Chẳng phải bọ hung trên, mà có Lục tức riêng". Pháp Sư Phong Giác

bảo: “không phải như vậy. Lục tức của Tông Thiên thai tức là bất luận thế gian hay xuất thế gian, hữu tình hay vô tình, mỗi vật đều có đủ, tùy nêu một pháp thì Lục tức đã đủ trong đó. Đâu cần phải đem sự mê ngộ của ta mà quán xét sự hơn kém kia ư?”

Sư bảo: “Các Bậc Thánh lập giáo thật để dắt dẫn đường mê. Nếu bảo hễ nêu một pháp thì Lục Tức có đủ trong đó, vậy thì chỉ đàm luận về thế tục đế thành ra hý luận. Người học biết làm sao vậy ư? Năm tức trước đặt chỗ chẳng bàn, như nói cứu cánh; một cứu cánh thì tất cả đều cứu cánh. Như vàng ra khỏi quặng, ngọc bích ra khỏi đá. Cho nên Đức Như Lai lúc mới thành Chánh Giác, quán sát khắp chín cõi, tất cả chúng sanh đồng thời thành Phật. Chẳng phải chỉ có chín cõi là chánh báo, toàn thể Lô-Xa- Na thì chín cõi y báo không gì chẳng là Tịch Quang. Do đó, Ngài khen rằng: “Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ như Như Lai, chỉ vì vọng tưởng nên chẳng tự chứng đắc”. Chẳng phải vì ta thành Phật mà xem kìa đều thành Phật. Quả thật đúng như lời ông nói thì kia cứu cánh rốt ráo đã là bọ hung thì vĩnh viễn không có ngày thành Phật vậy. Tất cả chúng sanh không một người phát tâm Bồ-đề. Cái gọi là mười pháp giới đều là một đội không dùi sắt lỗ thủng. Nếu nói cứu cánh bọ hung dung thông có thành Phật. thì Đức Như Lai chừng nào trở lại mê mờ mà làm chúng sanh? Vàng trở lại thành quặng, sự mất mát ấy cái nào lớn?”

Pháp Sư Phong Giác bảo: “Cứu cánh bọ hung chẳng phải thuyết ấy, bởi ngay nơi tâm thể nó vốn sẵn có nên gọi là Lý Cụ. Khi sắc tướng đã thành mới gọi là cứu cánh. Một giới (cõi) đã vậy thì các giới kia đều như vậy. Ngay nơi cõi này mà luận thì lục tức đã tự hoàn bị, đâu cần lấy sự đã thành Phật hay chưa thành Phật mà vặn hỏi “.Sư cười bảo: “Ông bỏ làm một cái cứu cánh bọ hung” Người nghe không ai chẳng quý kính sự biện luận của Sư.

Thông tục ở xứ Ngô kính chuộng Huyền Vũ. Tỳ-kheo cũng có vị đắp y Tăng-già-lê mà lễ bái . Sư thấy vậy nên hỏi ngược lại vị ấy rằng: “Ông làm gì mà đến đó?” Vị ấy đáp: “Đến lễ bái Tổ Sư”. Sư quát mắng rằng: “Ông hình tướng là vị Tỳ-kheo mà tâm thật là ngoại đạo, Huyền Vũ là một vị thần ở sông phương Bắc. Trong kinh giáo gọi đó là Thiên Vương Tỳ-Sa-môn. Vị ấy dùng thần lực mà ngoại hộ Phật pháp, Ông tôn xưng vị ấy là Tổ Sư mới đắp mặc y áo của các Đức Phật bảy đời mà lễ bái đó. Chẳng chỉ sai lầm mà còn trái ngược”. Bèn hủy dẹp tượng đó mà đổi thờ tượng Tổ sư Đạt-ma, Sư nói với vị tăng ấy rằng: “Đây mới thật là Tổ sư của ông”. Phàm, Sư đi qua các danh lam tinh xá, nơi nào

có thờ Huyễn Vũ Tam Quan, Sư đều hủy bỏ hết, khiến hàng học giả chuyên tâm về Chánh Đạo, Ngài hộ trì chánh giáo, đại khái như thế.

Sư là người tu hành cao vời, tánh độ cương nghị. Lấy sự truyền pháp làm việc chính của mình. Nên họa hoạn, Sư chẳng lánh thân, và mừng lo cũng chẳng hiện rõ nơi sắc mặt. Đến lúc Sư lên tòa nói pháp thì mây lành cuồn cuộn, bảy chúng không ai chẳng đượm nhuận ân trạch. Bạch chùy có đến ba ngàn, sáng rỡ hiển rõ tám vạn sâm nghiêm. Trong thất tuy chẳng thực hành đánh hét, nhưng người nghe tiếng trống độc mà tử tâm thì đông nhiều.

Mùa thu năm Đinh Hợi (1587) nhằm niên hiệu Vạn Lịch, Sư bảo đại chúng rằng: "Nay ta vì các ông mà giảng Đại Pháp Thủ-lăng-Nghiêm để về sau này chỉ bày, ta không còn vì các ông mà giảng lại nữa!" Mùa đông năm đó, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, luôn dặn dò việc giáo thừa. Đến ngày mười bảy tháng giêng năm sau (1588), Sư nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch, thọ năm tám tuổi, bốn sáu hạ lạp. Sau khi trà-tỳ, xây lập tháp thờ tại Kính Sơn.

4/. Truyện Sa-môn Thích Chân Thanh trụ chùa Từ Vân ở Thiên Thai.

Thích Chân Thanh, hiệu là Tượng Tiên, họ La, người ở xứ Tương Đầm thuộc Trường Sa. Sư vừa mới chào đời mà dĩnh ngộ khác thường, cao ráo như ngọc lập, oai nghi nghiêm túc, chẳng nói cười bậy bạ. Thường ngày, Sư đọc kinh sử đến mấy ngàn lời mà trọn đời chẳng quên một chữ. Cha của Sư làm Quan huyện Hà Nam, thường dùng đại khí tiếp đãi người khách đó. Năm mười lăm tuổi, Sư được bổ sung vào các đệ tử trong ấp, tình cờ thấy vị tăng lạ đi ngang qua, Sư đưa mắt chăm nhìn, tự bảo rằng: "pháp môn này là rất tốt".

Năm mười chín tuổi, vì gia đình gặp phải hoạn nạn, Sư bèn tìm đến đỉnh núi Phục Hổ ở Nam Nhạc, nương tựa Hòa-thượng Bảo Châu, xin xuất gia thọ giới cụ túc. Hòa-thượng bảo Sư khán câu thoại đầu"vô tự". Từ đó, Sư nhất tâm tham cứu, chẳng màng nắng mưa. Đến năm hai lăm tuổi, Sư theo Hòa-thượng Bảo Châu đi đến Kim Lăng thăm dò Võ Huyệt. Nhân thuyền va chạm vào bờ có tiếng phát ra mà Sư tỉnh ngộ. Hòa-thượng Bảo Châu rất vui mừng, bảo: "May cho ông việc lớn đã rõ, hãy khéo giữ gìn". Hòa-thượng vì tuổi cao nên từ chùa Phổ Đà bèn đến ẩn dấu nơi chùa Thiên Trúc hạ. Bấy giờ, nội thần Trương Công Vĩnh rất kính mến đạo hạnh của Hòa-thượng Bảo Châu, nên thầm tấu với Trương Thái Hậu, ban tặng y Tăng-già-lê sắc tía để tán thưởng đức

hạnh của Hòa-thượng. Một hôm, Hòa-thượng bảo Sư rằng: "Ta muốn quán xét việc thệ hóa (-viên tịch), không cho người vào, khi nào nghe ta đánh tiếng khánh thì hãy mở cửa". Trải qua mấy ngày, mà chẳng nghe động tịnh gì, Sư lén nhìn qua lỗ hổng ở ngạch cửa, thấy Hòa-thượng Bảo Châu mũi rũ xuống đất. Lại trải qua một ngày nữa, bỗng nghe tiếng khánh, Sư bèn mở cửa hông bước vào, thì Hòa-thượng Bảo Châu đã an nhiên thị tịch.

Hòa thượng Bảo Châu thị tịch rồi, Sư bèn phỏng hỏi Vết Xưa Diệm Quan, Giác Hoàng trụ tích, bỗng nhiên, sau lưng phát sanh bệnh tật, Sư chiêu cảm Vân Trường vào mộng trao thuốc cho mà lành bệnh.

Bấy giờ, Pháp sư Nguyệt Khê ở chùa Phật Tuệ giảng Luận khởi Tín ở Cát tường. Do kính mến Sư, bèn dẫn chúng đến mời Sư giảng nói yếu chỉ Tông Lâm Tế. Chúng gõ cửa thất Sư . Sư ung dung bảo rằng: "viên Tông không hình tượng, mãn giáo khó nghĩ bàn. Nếu ta có yếu chỉ để giảng thì không chỉ cỏ ở trước pháp đường mọc vào sâu hơn cả trượng, mà ngay cả chân không cũng là trường duyên lự. Ông mà có pháp để nghe, thì há là trên đầu đặt thêm đầu? Thật tế bỏ đi cái cảnh của thanh danh. Các Đức Phật trong ba đời, nhiều thế hệ Tổ sư chẳng qua lấy nêm ra nêm, tùy mê mà khiên mê. Cho nên, người hiểu được ý chỉ thì núi non vẫn dễ dời, người trái với tông thú dẫn chỉ sơ sài cũng khó vào. Huống gì yếu chỉ của Luận Khởi Tín thấu suốt tông thừa cần gì phải nhọc phiền gắng gỏi vậy?" Cả chúng đều cúi đầu rút lui.

Sư vân du đến phương Nam, tìm tới Thiên Thai, sưu tìm khắp cùng thắng tuyệt, chỉ tiếc không thấy được Cao Phong, bèn diệt cỏ tranh ở trước tháp suốt ba năm. Có Pháp sư Kính Sơn đến xã Thạch Lương, đều cùng Sư đi đến Vĩnh Khánh ở Tỳ Lăng, hai người chung cùng hỗ trợ tham cứu kinh Lăng-nghiêm. Ngài Kính Sơn than rằng: "Điều tôi giảng kinh chỉ tinh vi như lời Phật, còn nghe chỗ đàm luận của Sư thật vượt ngoài kinh quyển tợ trong bụi trần". Sư muốn trở lại sơ phục, mà Lễ Bộ Đường Công kinh Xuyên lưu giữ Ngài lại với kỳ trong ngàn ngày. Thế rồi Sư trở về lại Thiên Thai, trụ chùa Bình Điền xưa cổ. Lúc đó, Lâm Hải Vương Tư Khấu Kính vào núi hỏi Đạo, kết bạn phương ngoại với Sư. Thế rồi, Sư lại dời đến ngọn Thiên Tru thuộc núi Hoa Đảnh, tu trì sám pháp đại bổn và tiểu bổn Di-đà, trong suốt sáu năm. Những lúc rảnh rỗi thì giảng nói thập thừa, mở rộng Tam Quán. Nên các hàng học giả ở khắp mọi nơi men vịn cây rêu tìm đến, ngoại hộ dâng cấp thường đầy đủ. Một đêm, Sư mộng thấy lâm cung đẹp rực rỡ, cây báu thấp cao, thấy Di-đà Tam Thánh, Sư bèn lễ bái. Bên cạnh có vị Sa dị trao

cho Sư phong thư ghi rằng: "Giới hương huân tu". Khi tỉnh giấc, Sư biết đó là điềm trung phẩm vãng sanh. Bởi vì hằng ngày Sư thường siêng năng thực hành Ngũ hối, mật trì phẩm Tâm Địa trong kinh Phạm Võng và kinh Thập Lục Quán, làm thường khóa, đó cũng là cảm ứng sự tinh thành.

Sư thường chỉ dạy tăng chúng rằng: "Đại thừa có tám muôn, tiểu thừa có ba ngàn, thật là khuôn phép của lục hòa, là thềm thang và thuyền bè vượt ra ba cõi. Hàng cao lưu đời nay xem thường luật nghi, chỉ ỷ vào kiến giải, khiến cho các hàng hậu học chẳng vâng theo lời Phật chế định, thường trái phạm khuôn phép, vốn tự không tội lỗi, lầm tạo tội sâu xa. Những kẻ lắm tài hơn bảy bước, biện luận như thác đổ nhưng tâm thức chưa khỏi rơi vào thành sắt, chưa thể nào giải thoát. Các ông nên cố gắng".

Tháng tám năm Đinh Hợi (1587) nhằm niên hiệu Vạn Lịch, Sư được Từ Thánh Tuyên Văn Minh Túc Hoàng Thái hậu sai sứ ban chiếu chỉ khen ngợi tôn sùng và ban tặng y phục sắc tía dệt bằng sợi vàng để nói lên sự sủng ái. Đến tháng mười, cư sĩ Vương Thái Sơ nhân đang khó khăn bên trong (có lẽ có tang người thân), nên thỉnh Sư đến thiền thất Vĩnh Minh, mở bày "Diệu Tông Sao", trong một trăm ngày. Bấy giờ, Đài Quận Vương Lý Hình Mổ đích thân lên Vân kiểu thiết cúng. Qua năm Mậu tý (1588) là năm mất mùa đói kém giặc cướp nổi dậy như ong, chúng cùng răn bảo nhau chẳng dám đến thất của Sư. Tuy Lý Ngũ Đài cư sĩ Lục Quang Tổ hư bày chiếu của Phù Dong thỉnh mời nhưng Sư từ chối không đến, bỗng nhiên Sư bảo với Tăng chúng rằng: "Từ Vân ở Đào Nguyên thật là cháu bốn đời của Lại Dung làm khai sơn. Vào niên hiệu Thiên Bảo (742-756) đời Tiền Đường, vua Huyền Tông ban tặng biển ngạch chùa là "Vân cư" gọi tên núi là "An Quốc". Trong thời Ngũ Đại, Quốc Sư Đức Thiều trùng hưng thành đạo tràng thứ hai. Đó là nơi Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ xuống tóc xuất gia, nay tảng đá của Ngài Vĩnh Minh ngồi thiền vẫn hiện còn. Ngài Đức Thiều từng lãnh chúng hơn năm trăm vị nói pháp tại chỗ đó. Ngày xưa, Pháp sư Loa Khê Tịch, cầu thỉnh phục hưng lại Thai Giáo, Đế Quán, cũng gần gũi đảnh lễ dưới chân, đều ở tại chùa ấy. Ngày nay bị các nhà giàu sang quyền quý chiếm đoạt lấy sắp làm nơi chôn vùi hài cốt. Trộm nghĩ rằng: "Suốt khoảng ngàn mấy trăm năm, triều đình chăm lo hương hỏa, chỉ một ngày biến thành đất chôn kẻ tục tử. Ai người chịu tội ư?" Sư bèn mang khánh, y bát đến để chuộc lại.

Đến lúc sắp xây dựng mới lại, thì không bao lâu Vân Gian, Lục

Túc Bá Bình Tuyền mời Sư đến nói pháp tại viện Bổn Nhất. Lý Phương Bá Xung Hàm mời giảng ở Đồng Xuyên. Hai nơi xong rồi, Sư lại trở thuyền về Long Uyên ở Gia Hòa. Sư mắc bệnh, bảo với môn nhân đệ tử rằng: "Đêm đến, có vị Thần bảo ta là con của Ngụy Phủ, nhưng sự giàu sang đó chẳng phải là chí nguyện ta muốn!" Ngài bèn giao phó y bát, dặn dò đệ tử về việc hậu sự, đúng như pháp mà trà-tỳ. Phát hết các vật dư, cúng dường chúng tăng ở các nơi như Ngũ Đài, Vân Thê, Tây Hưng v.v... Có người khuyên Sư nên uống dược thạch. Sư cảm tạ bảo: "Việc sanh tử, thuốc đâu chống cự được. Duyên tịnh độ của tôi đã chín muồi, cảnh thánh đã thầm hiện. Đây là cõi đời nhân gian chẳng lâu bền!

Ngày mồng bảy tháng giêng năm đó, Sư bỏ ăn, chỉ uống nước đàn hương mà thôi. Sư hẹn đến ngày hai chín sẽ cáo chung, mỗi ngày dù là nước gạo Sư cũng chẳng thấm vào môi. Đối với tăng chúng, Ngài giảng pháp vô sanh, dặn dò nhắc nhở tiến tu, khẩn thiết chẳng mỏi mệt. Đến tối, Sư mới đứng dậy từ biệt tăng chúng, bảo rằng: "Tôi sắp viên tịch, xin chớ đem việc thế tục làm phiền lụy tôi". Tăng chúng hỏi rằng : "Hòa-thượng vãng sanh Tịnh độ trong chín phẩm sen vàng, ở tại phẩm nào?" Sư đáp: "Trung phẩm trung sanh". Chúng thưa: "Sao chẳng sanh thượng phẩm ư?" Sư đáp: "Tôi huân tu giới hương, quả vị chỉ ở trung phẩm". Nói xong, Sư an nhiên thị tịch.

Lưu nhục thân Sư lại năm ngày mà sắc mặt vẫn hồng hào tươi nhuận như lúc còn sống, tay chân ấm mềm, thư thái có thể co duỗi được. Những người đến điếu viếng không dám bái cúi. Ngày cử hành lễ trà tỳ, sắc trời tạnh ráo quang đảng không một vết mờ. Đến lúc châm lửa, bỗng nhiên có một vầng mây như chiếc lọng che phủ phía trên, rưới vài giọt mưa nhỏ, khi khói sáng bốc lên thì hương thơm lạ xông khắp cùng, trong từ điện các; tăng phòng, ngoài tới các nẻo đường đi, cả dưới thuyền bè, người nghe nhận biết tùy năng lực khác nhau. Sau khi lửa tắt, thâu lượm xá-lợi có ba màu màu có tiếng boong boong như tiếng đánh chuông, mầu hồng như đào, mầu trắng như ngọc, mầu xanh tươi nhuận tợ lan can, còn mùi thơm sực nức.

Sư chào đời ngày hai sáu tháng mười hai năm Đinh dậu (1337) nhằm niên hiệu Gia Tĩnh, thị tịch ngày hai chín tháng giêng năm Quý tỵ (1593) nhằm niên hiệu Vạn Lịch. Đời Minh, thọ năm bảy tuổi, ba tám hạ lạp. Như Tinh giữ di cốt, ban đầu xây tháp thờ ở sườn núi phía nam chùa Từ Vân. Đến năm Nhâm Dần (1602), dời lên phía trên khe suối Tú Văn, phía hữu núi Loa Sư, thuộc hướng Tây chùa. Vũ Đường Liễu phàm cư sĩ Viên Hoàng soạn bài minh.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 5

CHƯƠNG III: TU TẬP THIỀN ĐỊNH

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười sáu vị, phụ có bảy vị).

1/. Truyện Sa-môn Thích Chánh Giác chùa Thiên Đồng ở Minh Châu.

Thích Chánh Giác, họ Lý, người ở xứ Thấp Châu. Cha của Sư húy là Tông Đạo, mẹ của Sư họ Triệu. Đêm Sư chào đời, có ánh sáng soi chiếu khắp phòng, mọi người đều lấy làm lạ.

Năm lên bảy tuổi, mỗi ngày Sư đọc sách mấy ngàn lời. Năm mười ba tuổi, Sư thông rành năm kinh, bảy sử. Một hôm, Sư xin theo dòng họ Thích, cầu học pháp vô Sanh, nương Hòa-thượng Bổn Tông chùa Tịnh Minh, ở trong quận cạo tóc xuất gia, cầu thọ giới cụ túc với Hòa-thượng Trí Quỳnh chùa Từ Vân ở Tấn Châu. Năm mười tám tuổi, Sư bắt đầu du phương, nhân đó tự quyết thề rằng: "Nếu chẳng tỏ rõ được đại sự, thề chẳng trở về". Từ đó, Sư vượt sông, ban đầu đến bái yết ngài Khô Mộc Thành ở Nhữ Châu, tuy nương ở trong thời gian lâu nhưng không có chỗ nhập.

Bấy giờ, tiếng tăm đạo hạnh của Thiền sư Đơn Hà Tử Thuần đang phấn phát rất mạnh, Sư bèn tìm đến. Vừa vào cửa, ngài Đơn Hà hỏi: "Thế nào là mắt mũi của chính mình từ kiếp không về trước?" Sư đáp:

"Ếch ngồi đáy giếng hớp vầng trăng
Ba canh chẳng gá ánh rèm soi!"

Ngài Đơn Hà bảo: "Chẳng phải ơ lời nói". Sư đang suy nghĩ thì Ngài Đơn Hà đánh cho một cán phất trần, hỏi: "Hãy nói chỗ chẳng gá xem?" Sư bỗng nhiên đại ngộ, đảnh lễ, Ngài Đơn Hà bảo: "Sao chẳng nói lấy một câu xem?" Sư nói: "Nay con mất tiền lại mắc tội". Ngài Đơn Hà bảo: "Ta chưa rảnh để đánh ngươi, nghỉ đi thôi". Gặp lúc ngài

Đơn Hà trụ tại chùa Đại thừa thuộc Đường Châu, Sư cũng đi theo.

Niên hiệu Tuyên Hòa thứ hai (1120) thời Bắc Tống, ngài Đơn Hà dời đến chùa Đại Hồng, bảo Sư coi sóc Ký thất. Năm sau (1121), Sư đổi làm Thủ tọa. Bấy giờ, các vị Kim Lật Trí, Tuyết Đậu, Tông Bối thảy đều tham tùy. Ngài Chân Hiết Liễu Công trú tại Trường Lô mời Sư đến làm Thủ chúng. Sau đó không lâu, Sư ra làm tự chủ chùa Phổ Chiếu ở Tứ Châu. Vào niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời vua Cao Tông, đầu đời Nam Tống, Sư trú tại chùa Thái Bình ở Dã Châu, rồi dời đến chùa Viên Thông, Năng Nhân trong vùng ven sông. Kế đến, Sư lại được bổ đến Trường Lô. Bấy giờ, tên tù trưởng giặc cướp Lý Tại đang dẫn đầu cướp bóc nơi nơi, bèn vào chùa. Chư Tăng khiếp sợ chạy tán loạn, riêng mình Sư ngồi trang nghiêm trong phòng, chỉ dùng lời lành mà khuyên nhủ . Lý Tại cúi đầu đưa tặng vàng bạc cấp giúp chúng tăng. Từ đó, khắp một vùng được yên tĩnh không còn bị giặc cướp. Lại qua hai năm nữa, Sư mới vượt Triết Giang đến Tiền Đường, tới Minh Châu, lễ yết Đại Sĩ Phổ Đà.

Bấy giờ, tại chùa Thiên Đồng, Pháp tịch để trống, Quận thú vội viết hịch thỉnh Sư làm trú trì. Rợ Hồ xâm chiếm biên giới, giặc leo lên đảnh, nhìn xa trên đảnh như có thần hộ vệ, bèn thâu hồi binh lính mà thối lui. Kế đến năm sau, Sư lại có Thánh chỉ đến làm tự chủ chùa Linh Ẩn, khi sắp ra đi thì bốn chúng khóc gào cản trở, muông thú kêu tiếng buồn thương! Sư ở tại chùa Thiên Đồng ba mươi năm, điện đường phòng nhà, Sư đều xây dựng mới lại.

Ngày mồng một tháng chín niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai bảy (1157) thời Nam Tống, Sư đến từ biệt các vị Quận Súy, Đàn Việt, v.v... Đến ngày mồng năm, Sư trở về núi dùng cơm với khách như thường. Sáng sớm hôm sau (ngày mồng tám), Sư bảo tắm gội, thay đổi y phục rồi ngồi thẳng, viết thư giao phó việc hậu sự, Sư nói kệ rằng:

"Mộng huyễn không hoa
Sáu mươi bảy năm (67)
Chim trắng khói chìm
Nước thu suối biếc".

Rồi Ngài buông bút, thị tịch.

Vua Hiếu Tông, thời Nam Tống ban thụy hiệu là Hoằng Trí Thiền Sư, tháp tên là Diệu Quang.

2/. Truyện Sa-môn Thích Giáo Hanh chùa Khánh Thọ ở Yên Đô.

Thích Giáo Hanh, tự là Hư Minh, họ Vương, người ở xứ Nhâm Thành, Tế Châu.

Trước kia, tại chùa Từ Tế ở Biện Kinh có Sa-môn Phước An đến trụ tại Nhâm Thành mấy năm, tinh tu bạch nghiệp, kẻ tăng người tục đều kính trọng. Một hôm, Ngài ứng phó trai diên, đến thôn mang sơn bèn tựa gốc cây mà thị tịch. Đêm đó, Ngài đến báo mộng cho Nữ Đệ Bằng ở thôn Tự Bành. Thấy Ngài (Phước An) cưỡi con ngựa trắng, mà xuống ngựa bảo rằng: "Ta sanh trong nhà Vương Quang Đạo ở làng Tây Trần". Đến lúc Bằng thức giấc, nói với với mẹ và đứa con nghe, cả ba người thảy đều mộng thấy như nhau. Sáng sớm, Bằng đến nhà Quang Đạo thăm hỏi, mẹ của Quang Đạo, người họ Lưu đêm trước cũng có mộng thấy ngài Phước An đến xin nghỉ nhờ qua đêm. Ngày đó, quả nhiên sanh ra Ngài , nhưng ngón tay cái của tay phải dường như không co duỗi được. Sư chỉ nháy mắt mà chưa cười được. Ngày hôm sau có hai vị Sa-môn Phước Quảng và Phước Kiên, nghe nên đến thăm, vừa thấy liền gọi rằng: "Sư huynh Phước An không sao chứ?" Sư nhìn kỹ rồi duỗi ngón tay chỉ mà cười. Mẹ Sư để Sư nằm ở trong phòng, như có tiếng người tụng Ma-ha Bát-nhã, Sư liền chăm nhìn ngay ngắn, có người đem quyển kinh Phật và chén rượu để thử Sư, cuối cùng Sư vớ lấy quyển kinh. Sư vốn không ăn các thứ cá thịt tanh nồng, thấy chư tăng liền vui mừng muốn đi theo. Mọi người đều gọi Sư là "An Sơn Chúa". Nên trong thôn Mang Sơn bèn khắc những việc lạ của Sư vào bia đá.

Năm lên bảy tuổi, Sư đến nương tựa Hòa thượng Viên chùa Sùng Giác ở trong châu mà cạo tóc xuất gia. Năm mười ba tuổi, Sư họ giới cụ túc. Gặp tiên sinh Khổ Qua đoán tướng, bảo rằng: "Đứa trẻ này (tức chỉ Ngài Giáo Hanh), ngày sau ngồi nơi Đạo tràng thống lãnh tăng chúng đến cả muôn người".

Năm mười lăm tuổi, Sư bắt đầu du phương, nghe sự hưng thịnh nơi pháp tịch của Hòa-thượng Bảo chùa Phổ Chiếu ở Trịnh Châu, Sư liền mang tích trượng, phát xuất cất bước tại sông Biện. Hòa-thượng Bảo đêm đó mộng thấy mây lành như hoa sen vàng lăng xăng rơi loạn xạ. Nhân đó, Sư nói với chúng tăng rằng: "Đã mười năm, ta không mộng mỵ, mà nay nằm mộng. Đó là điềm lành gì thế?" Sáng hôm sau thì Sư (Giáo Hanh) vừa tới. Hòa-thượng Bảo riêng một mình lấy làm lạ. Còn Ngài thì sớm tối tham cầu khấu lễ, Hòa thượng Bảo cũng hết sức trả lời. Một hôm, Sư đến Huy Dương, bỗng nhiên đang ngồi trên ngựa, Sư nhớ đến nhân duyên... trúc, bèn lắng tình không tán loạn tợ như đang nhập định. Sắp đến Hà Tân, Sư vẫn không hề hay biết. Khi đó, có Đức

Mãn là người cùng đi, bảo rằng: "Đây là Hà Tân". Sư giật mình, xuống ngựa, vừa vui vừa buồn. Đến lúc trở về, Sư rơi nước mắt, nói lại với Hòa-thượng Bảo, Hòa-thượng nói rằng: "Đây là cương nhân cần phải làm chuyển động sống lại mới được. Đã từng khán công án Nhật diện Phật rồi chứ?" Sư đáp: "Lúc còn bé đã niệm được". Hòa-thượng Bảo cười, nói: "Ta chỉ dạy ngươi tham Chư Phương trạo hạ để thiền. Chỉ nên tự về tham lại đi thì tự có chỗ đắc lực". Một hôm, ở tại Vân Đường, Sư đang tĩnh tọa, bỗng nghe tiếng đánh bảng mà Sư hoát nhiên chứng nhập, bèn trình kệ rằng:

"Mặt trời mặt trăng
Muôn sao chớp lòe
Nếu lại đợi nghi
Khuôn mặt bị tên.
Ôi! Hòa-thượng Bảo nói:
Ta lừa dối ngươi chẳng được!".

Sau, Sư ra hoằng hóa, an tọa ở năm đạo tràng như: Giới đàn ở Tung Sơn, Vân Môn ở Thiều Sơn, Phổ Chiếu ở Trịnh Châu, Đại giác ở Lâm Khê và Pháp Vương ở Tung Sơn. Kế đến, nhân thừa tướng nước Kim là Giáp Cốc Thanh Thần thỉnh Sư ra làm tự chủ chùa Đầm Giá ở Trung Đô, rồi dời đến chùa Phổ Chiếu ở Tế Châu. Sau đó không bao lâu, bỗng nhiên trong vườn thông sau phương trượng, có một cây sừng sững cao hơn trượng, bầy chim quạ lần lượt đến làm tổ, hình dạng như ngôi tháp, trên dưới cả thảy mười hai tầng. Tăng chúng chúc tụng rằng: "Có Hòa-thượng đến là Phật pháp càng hưng thạnh". Sau đó, chưa đầy mười ngày, bỗng có chiếu ban sắc Sư ra trụ chùa Khánh Thọ. Tăng chúng thường đông cả muôn người. Ba năm sau, Sư lại ra làm tự chủ chùa Thiếu Lâm, pháp tịch thường đông đảo lớn mạnh. Tự nhiên, Sư dẫn đi bèn đùa giỡn giữa khoảng Tung Sơn Thiếu Lâm, hoặctha hồ hát ca, hoặc reo hò vui thú, như thế đến mấy năm. Bỗng một hôm, Sư cảm thấy bốn đại huyễn hoãn, ngay nơi ngạch cửa, ngồi yên từ giã tất cả tân khách.

Đến ngày mồng mười tháng bảy năm Kỷ Mão (1219) nhằm niên hiệu Hưng Định, đời Kim, Sư răn bảo các đệ tử rằng: "Các ông mỗi người tự siêng năng tu hành!" Rồi bảo tắm gội, xong Sư nói kệ từ biệt, an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tuổi, năm tám hạ lạp.

Lúc trà-tỳ, ánh lửa đỏ hừng như hoa sen hé nở, răng hàm tròng mắt chẳng rã hoại, có vô số xá-lợi. Lúc sống, từ thuở bé trên trán Sư có viên ngọc nổi hiện ở da, đến lúc lửa bốc tự nhiên bay mất. Đệ tử là

phân thiết lợi la xây tháp thờ.

3/. Truyện Sa-môn Thích Tông Cảo ở Kính Sơn, phủ Lâm An.

Thích Tông Cảo hiệu là Đại Tuệ, vì trú tại am Diệu Hỷ nên còn gọi là Diệu Hỷ. Ngài vốn họ Hề ở Tuyên Châu, là thân sau của Vân Phong Duyệt. Linh Căn sớm đủ, tuệ tánh sanh ra đã hiểu biết.

Năm mười hai tuổi, Sư liền tìm đến chỗ ngài Vô Vân Tề. Đến năm mười bảy tuổi cạo tóc. Ban đầu Sư đến cửa Động Tông, Động Tông kỳ túc nhân Sư hỏi cơ phong bén nhạy, bèn bảo đất hương trên cánh tay, mới trao truyền tâm ấn. Sư không chịu nên bỏ đi. Đến nương tựa Ngài Trạm Đường Chuẩn, suốt thời gian dài nhưng không khế hội. Ngài Trạm Đường nhân bị bệnh bèn bảo Sư đến tham kiến ngài Viên Ngộ, Ngài Viên Ngộ trụ chùa Chiếu Giác tại đất Thục, Sư lần lựa chưa đến. Một hôm, nghe ngài Viên Ngộ có chiếu chỉ đến trụ chùa Thiên Ninh ở Sông Biện, Sư tự mừng, bảo: "Thiên đế ban tặng lão Tăng ấy cho ta!" Bèn đến trước một ngày ở chùa Thiên Ninh để đón rước ngài Viên Ngộ và tự suy tính rằng: "Sẽ ở trọn chín năm, nếu đồng chư vớ các nơi vọng cho ta là đúng thì ta nên mang "Vô Thiền Luận" mà đi".

Đến lúc gặp ngài Viên Ngộ khai đường nêu: "Có vị tăng hỏi Vân Môn "Thế nào là chỗ xuất thân của các Đức Phật?", Vân Môn bảo: "Đông Sơn đi trên nước". Ngài Viên Ngộ bảo: "Thiên Ninh thì không như vậy, chỉ hướng về đạo khác, un đúc gió từ phương nam thổi đến thì Điện các sanh ra chút mát dịu". Sư nghe thế, bỗng nhiên mé trước sau đoạn dứt, Ngài Viên Ngộ bảo: "Cũng chẳng dễ, ông đến đất ruộng ấy, nhưng đáng tiếc chết rồi không thể sống lại. Không nghi ngôn cú, đó là đại bệnh, há chẳng thấy đạo". Hố thẳm buông tay, tự chịu gánh vác, chết đi sống lại, lừa ông không được", Ông phải tin có thứ đạo lý ấy". Từ đó, ngài Viên Ngộ bảo Sư ở tại Trạch Mộc Đường, làm thị giả không đấm việc. Một hôm, trong lúc ngài Viên Ngộ thọ trai với khách, bất chợt Sư đưa thìa cơm đều chẳng vào miệng, ngài Viên Ngộ cười, bảo: "Gã này tham Hoàng Dương Mộc Thiền đến độ ấy ư?" Sư bảo: "Như chó liếm chảo dầu sôi". Sau đó, nghe ngài Viên Ngộ ở trong thất hỏi vị tăng về câu thoại " hữu cú vô cú, như dây leo nương vào cây. Sư bèn hỏi rằng: Nghe Hoà-thượng đương thời ở chỗ Ngã Tổ có hỏi câu thoại nầy, không biết Ngũ Tổ nói thế nào?" Ngài Viên Ngộ chỉ cười mà không trả lời. Sư nói: "Hòa-thượng bấy giờ đã đối chúng mà hỏi, nay nói có ngại gì?" Bất đắc dĩ, ngài Viên Ngộ bảo: "Ta hỏi Ngũ Tổ về Hữu Cú Vô Cú như dây leo nương cây, ý chỉ ấy như thế nào? Ngũ Tổ bảo "Chỉ là phỏng

vẽ, mà đã là phỏng vẽ thì tranh chẳng thành". Ta lại hỏi: "Vậy khi cây ngã, dây leo khô thì thế nào?" Ngũ Tổ bảo "theo nhau mà đến". Ngay lúc đó, Sư hoát nhiên đại ngộ, bảo: "Con đã hiểu". Ngài Viên Ngộ lại nêu vài đoạn nhân duyên hỏi vặn, Sư trả lời thông suốt không ngưng trệ. Ngài Viên Ngộ mừng, nói với Sư rằng: "Vậy mới biết ta không khi dối ngươi ư?" rồi đem bộ "Lâm Tế Chánh Tông Ký" trao cho Sư và bảo trông coi Ký Thất.

Sau đó không bao lâu, ngài Viên Ngộ trở về đất Thục. Sư nhân đó bèn ẩn dấu, kết sau để ở. Sau lại đến Hạ Hổ Khâu, xem kinh Hoa Nghiêm, đến chỗ "Hàng Bồ-tát ở quả vị Đệ Thất đưa chứng đắc vô sanh pháp nhẫn", bỗng nhiên tỏ rõ nhân duyên Ương-Quật-Ma-La trì bát cứu người sản phụ do ngài Trạm Đường chỉ bày.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng thứ bảy (1137) thời Nam Tống, vua Hiếu Tông ban chiếu Sư đến trụ Song Kinh. Một hôm, Sư được tin báo là ngài Viên Ngộ thị tịch, Sư bèn tự viết văn đến cúng tế. Ngay chiều hôm đó, Sư cử tiểu tham: có vị tăng hỏi Ngài Trường Sa: "Ngài Nam Tuyền thị tịch thác sanh đến cõi nào?" Ngài Trường Sa đáp: "Ở phía Đông thôn thì làm, lừa, ở phía Tây thôn thì làm ngựa". Vị tăng ấy lại hỏi: "Ý chỉ ấy thế nào?" Ngài Trường Sa đáp: "Cần cưỡi thì cưỡi, cần xuống thì xuống". Nếu thế thì Kinh Sơn không phải như vậy. Nếu có vị tăng hỏi "Ngài Viên Ngộ thị tịch thác sanh cõi nào, nếu sanh vào đường khác, thì đọa vào địa ngục A-tỳ. Ý chỉ ấy thế nào? Đáp: đói thì ăn hòn sắt nóng, khát thì uống nước đồng sôi". Hỏi: "Có người nào cứu được không?" Đáp: "Không ngừoi nào cứu được." Hỏi: "Vì sao kh6ng cứu được?" Đáp: "Vì đó chỉ là việc bình thường như ăn cơm uống trà của lão này". Tháng năm năm Thiệu Hưng thứ mười một (1141), Tần Cối cho Sư là Trưởng Cửu hun đúc thành, bèn hủy bỏ y bát độ Điệp, đuổi đến Hành Châu. Đến tháng mười niên hiệu Thiệu Hưng thứ ba sáu (1166), lại có chiếu dời Sư đến Mai Dương, sau đó không lâu hoàn phục hình phục và thả về. Qua tháng mười một, Sư lại có chiếu chỉ ban đến trụ chùa A-dục Vương. Đến năm Thiệu Hưng thứ hai tám (1158), triều đình lại ban lệnh cho Sư trở lại trú ở Kính Sơn, mở mang tông chỉ của ngài Viên Ngộ.

Mùa xuân năm Tân Tỵ (1161), Sư rút lui về ở Minh Nguyệt Đường. Một đêm, tăng chúng thấy một ngôi sao rơi xuống phía Tây chùa sáng rực. Sau đó Sư thị hiện bị bệnh nhẹ. Đến ngày mồng chín tháng tám, Sư nói với chúng rằng: "Ngày mai tôi mới đi!" Canh năm đêm đo, Sư viết di biểu và dặn dò việc hậu sự. Có Sa-môn Liễu Hiền thỉnh Ngài để lại

kệ văn, Sư bèn viết lớn mấy chữ: "Sanh lớn ư? Tử lớn ư? Có kệ, không kệ là gì mà sốt sắng thế!" Rồi an nhiên thị tịch, thọ bảy lăm tuổi, năm tám hạ lạp. Thụy hiệu là Phổ Giác, tháp tên là Bảo Quang.

4/- Truyện Sa-môn Thích Thiệu Long ở Hổ Khẩu, phủ Bình Giang.

Thích Thiệu Long, là người xứ Hàm Sơn ở Hòa Châu. Năm chín tuổi, Ngài từ giã cha mẹ, đến viện Phật Tuệ. Sáu năm sau, được độ xuất gia thọ giới cụ túc. Ngài tinh chuyên nghiên cứu luật bộ. Sau năm hạ, Sư bắt đầu du phương, đầu tiên Sư đến tham yết Hoà-thượng Tín ở Trường Lô và chỉ đắc được đại lược mà thôi. Một hôm, Sư thấy có vị tăng mang đến quyển "Viên Ngộ Thiền sư Ngữ", Sư liền đọc xem, khen ngợi rằng: "Tưởng như miệng sanh nước bọt, tuy chưa thấm vào bụng dạ, chỉ cần khiến người mừng vui sảng khoái, nhưng tiếc là chưa lãnh hội được tiếng tằng hắn!" Sư bèn đến Bảo Phong, nương tựa ngài Trạm Đường, kế đến tham kiến ngài Hoàng Long Tử Tâm, nhưng sau lại đến tham học với Ngài Viên Ngộ.

Một hôm, Sư vào thất, ngài Viên Ngộ hỏi: "Lúc thấy được thấy, (1) Kiền còn là Kiến, Kiến không thể bằng". Bỗng nhiên, ngài Viên Ngộ đưa nắm tay bảo: "Lại còn thấy cái gì?" Ngài đáp: "thấy". Ngài Viên Ngộ bảo: "Trên đầu lại gắn thêm đầu". Nghe thế bỗng nhiên Sư khế hội chứng ngộ. Ngài Viên Ngộ hỏi: "Thấy cái gì?" Sư đáp: "Trúc kín chẳng ngại nước chảy qua". Ngài Viên Ngộ gật đầu, bảo Sư trông coi khóa tạng. Có vị tăng hỏi ngài Viên Ngộ rằng: "Ngài Thiệu Long làm Tạng chủ mà mềm yếu như vậy. Thì sao làm được ư?" Ngài Viên Ngộ cười đáp: "Hổ ngủ gật đó!"

Sau, vì tuổi già nên ngài Viên Ngộ nên trở về đất Thục, Sư bèn trú tại phía Tây thành Khai Thánh của ấp. Vào niên hiệu Kiến Viên (1127-1131) thời Nam Tống, Sư dựng am tranh dưới Đồng Phong. Quận thú Lý Quang mời Sư đến ở chùa Chương Giáo, kế là dời đến Hổ Khâu, ở đó đạo hạnh Sư hiển rõ. Nhân đó, Ngài truy tìm cố sự của Thích Bạch Vân Đoan lập Tổ Đường và bảo rằng: "Làm người hậu học không thể thực hành hết di huấn. Vậy đối với nghĩa sao an được ưD9 Sư bèn đắp họa các tôn trượng an trí tôn thờ và đề kệ khen ngợi ở trên.

Sư khen ngợi Tổ sư Đạt-ma rằng:

"Lấp nước người khó giữ
Giày lẻ quảy về Tây.
Chỉ thích trăng Hùng nhĩ

Ngàn xưa lạnh sáng ngời".

Sư khen ngợi Ngài Bách Trượng rằng:

"Sét ầm rống phá đầm trăng lắng
Ba ngày kinh hoảng choáng ù tai
Vẹt bỏ màng mắt; Bệnh sẽ chết
Tòng lâm từ đó rạng Gia Phong".

Sư khen ngợi đại sư Minh Giáo khai sơn rằng:

"Xuân đến trăm hoa đua nở bày
Hương mầu mở thắm người tiếp tay
Gặp gió không hạn tình sâu sắc
Trong gò thanh sắc dứt mảy may".

Bởi vì ngài Bạch Văn cho rằng công khó sáng lập thiền quy của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải nên phối với Tổ sư Đạt-ma, có thể gọi là biết được cội nguồn. Nên Ngài (Thiệu Long) tuân hành mà làm kệ khen ngợi. Lại còn khơi sáng nguồn đạo ấy, đó cũng là người biết lễ.

Năm Bính Thìn (1136) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, thời Nam Tống, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, ngồi kiết già mà thị tịch. Tăng chúng xây tháp an trí toàn thân Sư ở góc Tây nam chùa.

Liên quan thử bàn:

Ba Phật trong thời Bắc Tống đều đề xướng đạo của Diễn Công, chỉ có Phật quả đạt được cốt tủy đó. Mà vào thất của Phật Quả, ngồi giường vô úy, rống tiếng sư tử lại chẳng dưới mười người, sau đó nối pháp mãi đến khoảng niên hiệu Gia Long(1) đời Minh, còn có hơi hám, chỉ người Ba Tỷ là Diệu Hỷ và con cháu của Hổ Ngủ Gật. Ngoài ra ba-bốn truyện thì vắng lặng không tiếng tăm. Nhưng hai vị lão tăng này có thể gọi là nguồn xa dòng dài. Đương thời tôn xưng là "Hai môn Cam Lổ", cũng thích đáng.

5/- Truyện Sa-môn Thích Đoan Dụ ở núi A Dục thuộc Khánh Nguyên.

Thích Đoan Dụ, hiệu là Phật Trí, Sư là con cháu của Ngô Việt Tiền Dương, sáu đời tổ tiên làm quan thú Nhân Gia ở Cối Kê. Sư vừa mới sanh mà quắt thước, mắt mày khôi ngô.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia làm Sa-Di khu Ô ở chùa Đại Thiện. Năm mười tám tuổi được độ thọ giới cụ túc. Sư sang nương tựa Thiền sư Tịnh Từ Nhất. Sau đó không lâu, tình cờ nghe vị tăng Hệ Lô Trụ nói: "Sao ông chẳng nói thiền?" Bỗng nhiên Sư có chút tỉnh ngộ, bèn đến tìm cầu tham yết Viễn Cam Lộ ở Long Môn Đầm Tường ở Trác

Lặc , các vị đó đều cho là dĩnh ngộ nên đều suy tôn. Về sau, Sư gặp được ngài Viên Ngộ ở Chung Phụ. Một hôm, ngài Viên Ngộ hỏi rằng: “Chánh pháp nhãn Tạng hướng đến bên con lừa mù thì diệt, vậy nay là diệt hay chẳng diệt?” Sư thưa: “Xin Hòa-thượng hợp lấy miệng là tốt”. Ngài Viên Ngộ bảo: “Đó còn chưa vượt khỏi thường tình”. Ngài suy nghĩ định đáp lại, ngài Viên Ngộ liền đánh, và Sư chóng dứt trừ sự ngăn ngại. Sư theo hầu ngài Viên Ngộ ở chùa Thiên Ninh và được bảo trông coi Ký thất, sau đó được phân tòa giảng pháp, từ đó, đạo hạnh Sư lan xa đến Kinh Tây, Hiến thỉnh Sư mở pháp ở Đơn Đà. Tiếp theo, Sư dời đến Hổ Khâu ở Kính Sơn. Ngài từ chối sự cầu thỉnh của kẻ tăng, người tục ở Bình Giang, mà đến dựng thảo am ở Tây Hoa. Trải qua được vài năm, Ngài có được sắc chỉ đến ở chùa Bảo ninh, Kiến Khương.

Sau đó, Sư lại dời đến trụ chùa Vạn Thọ ở Tô Thành và Huyền Diệu Thọ Sơn Tây thiền ở xứ Mân. Sư lại có chiếu chỉ dời đến ở chùa Từ Ninh ở Linh Ẩn. Hoàng Thái hậu kính mến Vĩ Vương Đệ, mời Sư giảng pháp, ban tặng áo nạp ca-sa dệt bằng sợi vàng. Sư xin trở về ẩn tu tại Tây Hoa chốn cũ.

Mùa Thu năm Mậu Thìn (1148) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, đời Nam Tống, Sư vâng chiếu đến trụ chùa A-dục Vương. Lúc thượng đường, Ngài bảo: “Ngài Đức Sơn có người vừa vào cửa thì liền đánh. Nên nhiều người đến mang trong đãy vải để che lấp dấu vết. Còn ngài Lâm Tế, có người vào cửa thì liền quát mắng. Tất cả chỉ là vào ra chìm nổi trong thanh trần. Nếu là bậc Thích Tử anh linh, thì phong thái ngay dưới chân phải vượt khỏi mọi lằn vết xưa nay. Đón nhận nắm lấy gậy, sừng sửng bỗng chốc quát mắng một tiếng. Quát mắng là chỉ cho cái ấy sao còn tương tự sanh. Nếu quát mắng làm gậy đánh quát mắng là ngủ gật chưa tỉnh, không quát mắng làm gậy đánh quát mắng là chưa biết Đức Sơn Lâm Tế rốt ráo như thế nào? Sừng sững bỗng chốc bảo: “Tất cả chẳng đều động trước”.

Có vị tăng hỏi: “Thế nào là khách trong khách?” Sư bảo: “Ấy là đứa ở coi ruộng kho”. Vị tăng hỏi: “Thế nào là chủ trong khách?” Sư bảo: “Cùng gặp còn lỗ mãng”. Vị tăng hỏi: “Thế nào là khách trong chủ?” Sư bảo: “Hỏi kiếm xán lạn mây sầu”. Vị tăng hỏi: “Thế nào là chủ trong chủ?” Sư bảo: “Đập xương đánh tủy”. Sư đến với chúng, uy sắc trang nghiêm, ăn ngủ chẳng trái thời, vì chúng xướng Đạo không lúc nào mỏi mệt.

Đầu tháng mười năm Canh Ngọ (1150) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, Sư thị hiện chút bệnh. Đến ngày mười tám, Sa-môn Pháp Toàn là

vị Thủ tọa thỉnh Sư để lại di huấn. Sư bảo: "Dốc hết tâm ý này vì đạo, giúp đỡ lẫn nhau!" nói xong Sư thị tịch.

Sau khi trà-tỳ, tròng mắt răng hàm, chiếc lưỡi của Sư vẫn còn không bị cháy, ngay chỗ đất đó phát sáng suốt đêm. Có được vô số Xá-Lợi, hơn một tháng sau vẫn chưa hết. Đạo sĩ La Triệu thường ngày đến hỏi đạo với Sư, vừa từ bên ngoài về còn chưa được gì, La Triệu nghĩ tưởng ân cần tha thiết, cùng khách dùng cơm, đang lúc nhấm nháp thì, trong miệng như có vật lạ, nhả ra thì là xá-lợi, lớn như hạt đậu mầu như hổ phách. Được việc tốt, liền mang đến lễ bái nơi chỗ trà-tỳ, nghe trong hộp hương có tiếng động, vội mở ra xem thì cũng được xá-lợi như trước mà sắc mầu hồng đượm. Đệ tử môn nhân đón rước di cốt, phân chia xây tháp ở Mậu Phong thuộc Tây Hoa. Thụy hiệu Sư là Đại Ngộ thiền sư.

6/ Truyện Sa-môn Thích Pháp Thái ở núi Đại Quy thuộc Đàm Châu. Thích Pháp Thái hiệu là Phật tánh, họ Lý, người ở Hán Châu. Có vị tăng hỏi Sư rằng: "Lý tùy sự biến bao gồm muôn vật mà một mảnh Hư ngưng. Sự theo Lý dung, bình đẳng ngàn sai biệt mà đều quy về thực tế. Vậy thế nào là Lý Pháp Giới? Sư đáp: "Núi sông đất liền". Vị tăng hỏi: "Thế nào là sự Pháp Giới?" Ngài đáp: "Muôn ngàn hình tượng". Vị tăng hỏi: "Thế nào là Lý sự vô ngại Pháp Giới?" Sư đáp: "Đông tây nam bắc". Vị tăng hỏi: "Thế nào là Sự Sự vô ngại Pháp Giới?" Ngài đáp: "Trên dưới bốn góc, Thượng Đường man mác, xa tít bao gồm mười phương, phẳng lặng mênh mông dứt mọi hình tướng. Miệng muốn nói mà từ tan mất, mắt muốn trông nhìn mà con ngươi khô mờ. Văn-thù, Phổ Hiền hoàn toàn không có thuật gì hay khéo. Lâm Tế Đức Sơn chẳng ngại đề xướng: rùa nuốt trâu sắt ở thiểm phủ, rắn nhai voi lớn ở Gia Châu. Dọa nạt được cá Lý ở biển đông, cho đến bụng trương như nay. Thượng Đường nhớ xưa kia, ngày du phương có được hai vật đó là Chày Kim Cương và Cốt Ngàn Thánh, mang đi trong vũ trụ, bờ khí cao sừng sững, như vậy suốt ba mươi năm lấy đó làm phép tắc, năm nay đã già. Một vật biết vật gì ném dưới chày Kim Cương đập nát xương Ngàn Thánh, quăng bỏ ở ngã tư đường, không thể nàotiết được. Tùy ý qua phù sanh, chỉ nam đem làm bắc. Gọi rùa là ba ba, kêu đậu là lúa thóc. Theo kẻ kia, người sáng suốt cười ta không dây mực.

7/- Truyện Sa-môn Thích Cảnh Nguyên trụ chùa Hộ Quốc ở Thiên Thai.

Thích Cảnh Nguyên, hiệu là Thử Am, họ Trương, người ở xứ Vĩnh

Gia thuộc Ôn Châu.

Năm mười tám tuổi, Sư đến nương tựa Hòa-thượng Hy Củng ở chùa Linh Sơn, được xuất gia, thọ giới cụ túc. Tập học Thai Giáo được ba năm, bèn bỏ, đi đến tham yết Thiền sư Viên Ngộ Khắc cần ở Chung Phụ. Nghe vị tăng đọc lời tiểu tham của Hoà-thượng Tử Tâm là: "Đã mê phải được cái ngộ, đã ngộ thì phải biết cái mê trong ngộ và ngộ trong mê. Mê ngộ cả hai đều bỏ, từ chỗ không mê ngộ mà kiến lập tất cả Pháp". Sư bỗng sanh nghi ngờ, liền đến Điện Phật, đưa tay mở rộng cánh cửa, hoát nhiên triệt ngộ, cơ biện chợt phát. Ngài Viên Ngộ chọn làm Ngao Đầu Nguyên thị giả. Ngài Viên Ngộ tự soạn bài khen ngợi chân dung giao cho Sư, viết rằng:

"Bình sanh chỉ nói Ngao đầu thiền
Khua trước Ngao đầu như vách sắt
Thoát kiếp lưới lồng chặt chân cẳng
Đại địa dúm lại sơn mực đen
Về già chuyển lại hết dao dao
Rung động Kim Cương đập nát hang lỗ
Lúc khác cần biết mặt Viên Ngộ
Một làm cừ nông đều đếm ra".

Từ đó, Sư ẩn dấu vết tích, chẳng cầu tiếng tăm. Sau vì Quát Thương Thái Thủ Cảnh Diên Hy kính mến đạo hạnh, muốn thỉnh Sư đền khai pháp ở Nam Minh, vật sắc bắt nguồn từ sự báo ân ở Thiên Thai. Khi sắp nhận mạng thì có vị tăng hỏi: "Tam Thánh nói "Ta gặp người liền ra, ra thì không vì người" Ý chỉ ấy thế nào?" Sư bảo: "ông lão tám mươi nhai sắt sống". Vị tăng lại hỏi: "Hưng Hóa nói "ta gặp người thì chẳng ra, ra thì liền vì người, vậy làm sao sanh?" Sư bảo: "Trên đảnh Tu-di sóng vọt lên hư không".

Sau, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, mời Ứng Am Hoa ở Tây Đường đến phó chúc mọi việc ở Bổn viện, răn dạy đồ chúng như lúc bình thường, không bao lâu nắm tay mà thị tịch.

Sau khi trà-tỳ, có được xá-lợi năm mầu, răng, lưỡi và nắm tay phải chẳng bị cháy. Tháp thờ Sư được xây dựng ở phía Đông bắc chùa, trước động Lưu Nguyễn, Sư thọ năm ba tuổi.

Liên quan thử bàn:

Đại Tuệ là sự tái lai của Vân Phong Duyệt, có thể gọi là bậc đầy đủ Đại căn khí, còn bị Trạm Đường xô đẩy chẳng vào được. Đến ngoài ba mươi tuổi mới va chạm kiền-chuỳ của Viên Ngộ, mới được đại ngộ. Nay đây, Ngài Cảnh Nguyên vừa mới hai mốt tuổi, nghe vị tăng bên

cạnh đọc lời của Hòa-thượng Tử Tâm, bèn liền chứng ngộ thấu triệt. Vậy, căn khí nhạy bén của Sư, đại khái có thể tự hiểu. Lúc ra hoằng hóa, ban đầu Sư trú tại Nam Minh, sau cùng ở chùa Hộ Quốc. Khắp chốn Tòng lâm tôn xưng Sư là “Nguyên Bố Đại”, bởi Sư có phong thái của bậc Thánh. Ấy là chọn đường cơ đi ra cửa. Sư giảng pháp, niêm chùy, từ khí hùng vĩ, cơ phong tròn đầy nhanh chóng, càng thấy rõ tường thành của Sư.

8/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Viễn trụ chùa Linh Ẩn ở Lâm An.

Thích Tuệ Viễn, họ Bành, người ở My Sơn. Năm mười ba tuổi, Sư đến nương tựa Hòa-thượng Tông Biện ở viện Dược Sư, xin xuất gia.

Ban đầu, Sư tìm đến pháp tịch của ngài Đại Tuệ, kế là tham yết Thiền sư Linh Nham Huy, hơi có chỗ vào. Gặp lúc ngài Viên Ngộ Cảnh chiếu chỉ đến trụ chùa Chiếu Giác, Sư liền tìm đến đó, lại gặp ngài Viên Ngộ giảng nói nêu bày về vấn đề cư sĩ Bàng Uẩn hỏi ngài Mã Tổ về nhân duyên chẳng cùng làm bạn với muôn pháp. Bỗng nhiên, Sư đốn ngộ, ngã té giữa chúng, đại chúng nâng Sư dậy, Sư bèn nói: “Mộng tôi đã tỉnh”. Đến tối, lúc tiểu tham, Sư bước ra hỏi rằng: “Sạch làu bàu không hề có một vật, xương đỏ sức yếu không có một tiền. Nhà tan cửa nát, xin thầy cứu giúp!” Ngài Viên Ngộ bảo: “Bảy trân tám báu một lúc dẫn bắt”. Sư nói: “Họa chẳng vào, cẩn thận cửa của nhà”. Ngài Viên Ngộ bảo: “Cỏ chẳng lìa vị, rơi trong biển độc”. Ngài liền quát hét. Ngài Viên Ngộ cầm gậy gõ vào giường thiền, bảo: “Ăn được gậy chưa?” Ngài lại quát hét. Ngài Viên Ngộ liền hét liên tiếp hai tiếng, Sư liền đảnh lễ. Từ đó cỏ phong cao phát, không gì chẳng thấu suốt.

Sư ra hoằng hóa, ban đầu trụ chùa Hiển Hiếu ở núi Cao Đình. Đến ngày rằm tháng mười niên hiệu Càn Đạo thứ sáu (1170) thời Nam Tống. Sư vâng chiếu, dời đến chùa Linh Ẩn. Lúc Thượng đường, có vị tăng hỏi: “Tức tâm tức Phật, thì như thế nào?” Sư bảo: “Hết sừng trên đầu”. Vị tăng lại hỏi: “Phi tâm phi Phật, lúc ấy thế nào?” Ngài bảo: “Vòng vàng ở tai rớt”. Vị tăng lại hỏi: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, cũng chẳng là vật, vậy thì làm sao?” Sư bảo: “Đổ nát đảnh Tu La múa điệu Chá Chi”.

Ngày rằm tháng hai niên hiệu Càn Đạo thứ bảy (1174), Sư được mời vào điện Tuyển Đức. Sau khi an tọa, vua Hiếu Tông (1163-1190) hỏi: “Làm thế nào để thoát khỏi sanh tử?” Sư đáp: “Chưa ngộ đại đạo thí không bao giờ thoát”. Vua hỏi: “Thế nào là được ngộ?” Sư đáp: “Tánh sẵn có rốt ráo không ai chẳng ngộ”. Nhà vua hỏi: “Sau khi ngộ

thì thế nào?" Sư đáp: "Sau khi ngộ mới biết thoát thể hiện tiền không hề có tướng mẩy lông để thấy". Nhà vua gật đầu chấp nhận . Vua lại hỏi: "Thế nào là tức tâm tức Phật?" Sư đáp: "Trước mắt không một pháp, vậy bệ hạ gọi lấy cái gì làm tâm?" Nhà vua hỏi: "Thế nào là tâm?" Sư sửa mình xoa tay đứng dậy đáp: "Chỉ là cái ấy". Vua rất vui mừng.

Ngày mồng bảy tháng tám niên hiệu Càn Đạo thứ tám (1172), vua Hiếu Tông lại mời Sư vào Đông Các. Sau khi an tọa, nhà vua hỏi: "Ngày trước trong mộng bỗng nghe tiếng chuông, bèn có cảm giác không biết là mộng hay thức. Ấy là thế nào?" Sư bảo: "Bệ hạ hỏi về mộng hay về tỉnh? Nếu hỏi về tỉnh thì nay chính là nói mớ. Nếu hỏi về mộng, thì mộng và thức không khác. Vậy dạy ai phân biệt? Mộng tức là huyễn, biết huyễn tức lìa, giác tâm bất động. Nên nói: "Nếu chuyển được vật tức đồng với Như Lai". Nhà vua hỏi: "Mộng huyễn đã chẳng phải thật, vậy tiếng chuông từ chỗ nào mà khởi?" Sư đáp: "Từ chỗ hỏi mà khởi". Nhà vua lại hỏi: "Ngày trước, trẫm ngồi tại Đông Các này, bỗng tư duy về chẳng cùng muôn pháp làm bạn, mà có cái thấy". Sư nói: "Xin được nghe!" Nhà vua nói: "Bốn biển chẳng là nhiều". Sư bảo: "Một người hớp hết nước ở Tây Giang thì như thế nào?" nhà vua nói: "Cũng kghông hề giảm thiếu". Sư bảo: "Mới trải qua tư duy, bèn thành thừa pháp, chính là như đoạn luân, như ánh chớp không hề liên quan gì. Vì sao? Vì pháp không hai. Kiến không hai Kiến, tâm không khác tâm, như bầu trời không hai mặt trời". Nhà vua vô cùng vui vẻ, ban tặng Sư hiệu là "Phật Hải Đại Sư".

Mùa thu năm Ất Mùi, nhằm niên hiệu Thuần Hy năm thứ hai (1175) thời Nam Tống, Ngài dạy chúng, nói kệ rằng:

Một buổi sáng tháng chín nhuần, năm Thuần Hy thứ hai (1175)

Chỗ ồn chớ xuất đầu
Nơi lạnh để mắt nhìn,
Tối sáng chẳng liên can
Đây kia chia một nửa
Một giống làm Quý nhân
Bảo ai bán củi than
Đạo nầy chẳng thể hủy, chẳng thể nào ngợi ca
Thể dường như hư không
Hết ven bờ cùng gọi, cùng kêu hãy trở về
Thượng Nguyên định là rằm tháng giêng".

Đến tháng giêng năm sau (1176), bỗng nhiên Sư bị bệnh nhẹ, quả thật đến ngày rằm, Sư nói kệ rằng:

“Bẻ gãy dùi cân
Xốc nhanh lộ bày
Đột xuất cỏ trước
Quạ bay chẳng qua”.

Xong, Sư ngồi thẳng an nhiên thị tịch. Nhục thân lưu lại bảy ngày mà sắc mặt chẳng đổi mầu. Xây tháp thờ toàn thân.

9/- Truyện Sa-môn Thích Tâm Đạo trụ chùa Văn thù ở phủ Thường Đức.

Thích Tâm Đạo họ Từ, người ở xứ My Châu. Năm ba mươi tuổi, Sư xuất gia, tìm đến thành đô, học tập Duy Thức, tự cho là đến. Có vị tăng chung liêu hỏi Sư rằng: “Ba cõi chỉ do tâm, muôn pháp chỉ có thức. Nay trước mắt muôn hình vạn tượng như vậy, Tâm thức ở đâu?” Sư mịt mờ chẳng hiểu gì cả, bèn vượt ải chu du khắp vùng Giang Hoài. Đã tới Thái Bình thuộc Dã Châu, nghe ngài Phật giám ban đêm tham cử câu thoại đầu cây bách của Triệu Châu. Đến lúc Giác Thiết Thuỷ bảo: “Tiên sư không nói lời đó, chớ nên phỉ báng tiên sư là tốt”. Nhân đó đại nghi nêu lên đã lâu. Một đêm, hoát nhiên Sư chạy đến trượng thất, tìm manh mối sở ngộ. Ngài Phật Giám thấy vậy bèn đóng cửa. Sư liền gọi: “Hòa-thượng, chớ lừa dối con”. Ngài Phật Giám bảo: “mười phương không tường vách, sao chẳng đi vào cửa?” Sư liền đưa nắm tay phá rách giấy trên cửa sở. Ngài Phật Giám liền mở cửa, túm ngực áo, bảo: “nói ! nói !” Sư liền đưa hai tay bưng lấy đầu Ngài Phật Giám, miệng hét, rồi ra trình kệ rằng:

“Triệu Châu có thoại đầu cây Bách
Thiền khách truyền nhau khắp mọi nơi.
Thường là vạch lá và tìm cành
Chẳng thể ngay đó thấu nguồi cội.
Giác công nói đạo không lời ấy
Chính lời xấu ác, nên mắng thẳng
Nếu Thiền giả mắt sáng suốt
Khéo hướng vào đây biện giả chân”.

Ngài Phật Giám cho là đúng. Thái thú Tương Châu thỉnh Sư ra giảng pháp ở chùa Thiên Ninh, cất lớn riêng Văn-thù.

Năm đổi niên hiệu Tuyên Hòa (1119) đời Bắc Tống, vua Huy Tông ban chiếu sửa đổi chư Tăng gọi là “Đức Sĩ”. Nhân đó, lúc Thượng đường, Ngài bảo rằng: “Ý Tổ Đạt-ma từ Tây vực đến, sự việc triều chính đời nay đặt địa mới, xưa là tướng Tỳ-kheo, nay là hình Lão Quân

mặc áo bạc, cầm lông hạc, đều quấn khăn lá chuối. Lâm tuyền vô sự khách, hai lượt đội ân vua. Do đó, Đạo muốn biết được nghĩa của Phật tánh, cần phải quán xét thời tiết nhân duyên. Vả lại đạo tức nay là thời tiết gì? Tỳ-Lô-giá-na đầu đội mũ bán, lão già Văn Thù thân mặc áo lông hạc. Cần phải phủ phục tùy thuận thời nghi. Một người đã vậy, nhiều người cũng vậy, tất cả mọi người thành lập tòng lâm. Vui được các tiên tụ hội, cùng rót rượu mê tiên, đồng xướng bước Hư từ, hoặc xem Linh Bảo độ nhân Kinh, hoặc nói thuốc sống mãi không chết. Đàn cầm dưới trăng, đầu ngón tay phát âm thái cổ, bày cờ trước hiên, khéo ra ngoài thần cơ. Tiến một bước bèn đến trên trời Đại La, lùi một bước thì rơi vào thành Cửu u. Chỉ như một câu chẳng tiến chẳng lùi, thì làm thế nào? Đạo thẳng nhiều lông hóa thành đường tam thanh, rốt cùng là một huyễn thân luân hồi".

Đến tháng chín niên nhiệu Tuyên Hòa thứ hai (1120), vua lại ban chiếu khôi phục chư Tăng. Sư Thượng đường, dạy rằng: "Trong nửa năm nghĩ tưởng đại để hưng suy đều tự có thời. Đức Phật Như Lai, có dự ký thời kỳ pháp nạn, trong kinh giáo có ghi rõ không ai chẳng biết, so sánh về niên đại thì chính là lúc này. Ma được dịp hoặc loạn chánh Tông, Tăng đổi hình tục, Phật chỉ còn danh tự, vọng sanh tà giải, trích xén văn kinh. Náo Bạt định âm, chén bát thêm chân. Phần nhiều kiêu hãnh lừa dối kinh lờn thánh quân. May thay, thánh chúa của chúng ta sáng suốt chẳng quên phó chúc, chẳng phế bỏ giáo lý. Đặc tặng thần chương, mới cho phép tăng ni lại được đắp mặc pháp y, cạo bỏ râu tóc. Thật có thể gọi là: tro lạnh ấm nóng lại, cây khô trở đâm chồi, rượu nặng mê tiên biến thành cam lồ. Bộ Hư từ phiên thành khúc nhạc về quê, buông thả thẻ bạc gỗ, nắm dậy Ni-Sư-Đàn, hôm qua cúi đầu chấp tay, hôm nay Hòa-nam. Chẳng xem xét, chỉ đổi tướng thời xưa, chẳng đổi người thời cũ, xin hỏi đại chúng người thời cũ là một hay là hai?" Ngừng giây lát, Sư lại nói:

"Gió thu cũng mở e lộn xộn
Thổi sạch bụi đạo giáo năm nay".

Mùa xuân niên hiệu Kiến Viêm thứ ba (1129)đời Nam Tống, Sư dạy tăng chúng, nêu lên về nhân duyên "Lâm Tế phó chúc tam thánh lúc thị tịch". Sư bảo: "Chánh pháp Nhãn tạng lừa mù hủy diệt. Lâm Tế đâu từng nói lời ấy, mà xưa nay mọi người đều vọng truyền. Nếu không tin thì chỉ xem sau tháng ba, đến tháng ba nhuần sẽ có giặc làm loạn, Tăng chúng thỉnh Sư lánh giặc về phương Nam. Sư bảo: "Sở dĩ học đạo là vì dứt hết sanh tử, sao lại có sự trốn lánh?" Giặc đến , Sư bảo: "Hãy

mau giết ta để làm vui thích tâm các ngươi”. Giặc đưa giáo dài giết Sư, tự nhiên một dòng sữa trắng vọt lên, giặc khiếp sợ, lấy chiếu đậy lại, bỏ đi.

10/. Truyện Sa-môn Thích Trí Tài trụ chùa Long Nha ở Đàm Châu.

Thích Trí Tài, họ Thi, người ở xứ Dã Châu. Từ tuổi nhỏ. Ngài đã siêng năng theo hầu bên cạnh Ngài Phật Giám. Đến lúc du phương, Sư đến tham yết Ngài Hoàng Long Tử Tâm. Hôm sau, Sư vào thất, Ngài Tử Tâm hỏi rằng: “Hiểu được câu đầu tiên tức là hiểu được câu cuối cùng. Hiểu được câu cuối cùng thì hiểu được câu đầu tiên. Đầu tiên cuối cùng gác qua một bên, vậy câu thoại đầu con chồn hoan của Bách Trượng làm sao hiểu?” Sư nói: “Vào cửa đã biết lại kiến giải, đâu cần phải nêu bùn trong bánh xe”. Ngài Tử Tâm bảo: “Tân trưởng lão chết trong tay trên tòa vậy”. Ngài nói: “Ngôn ngữ tuy có khác, chí lý đều không sai”. Ngài Tử Tâm bảo: “Thế nào là việc không khác?” Sư nói: “Chẳng gõ sừng rồng vàng (Hoàng Long), làm sao biết có ngọc dưới cằm”. Ngài Tử Tâm liền đánh.

Sư ra hoằng hóa, đầu tiên trụ tại chùa Nhạc Lộc, kế tiếp dời đến chùa Long Nha. Suốt ba mươi năm, Sư lấy sự thanh bạch khổ tiết đối với chúng Tăng, nên chư Tăng rất kính sợ Sư. Sư lại dời đến chùa Vân Khê.

Ngày rằm tháng tám năm Mậu ngọ (1138) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng; thời Nam Tống, bỗng nhiên Sư nhóm chúng giao phó việc chùa và viết kệ rằng:

“Trung thu Mậu Ngọ năm nay
Xuất gia trú trì xong việc
Sắp đi tự mình còn không có
Huống gì hư không có thể tìm!”

Mỗi ngày, Sư vẫn dạy chúng như thường. Đến ngày hai ba, Sư lại chỉ bày với chúng rằng: “Niết-bàn, sanh tử đều là hoa đốm giữa hư không. Phật và chúng sinh tất cả là lời nói thêm. Các vị hợp lại phải làm thế nào?” Đại chúng đều nói chẳng khế hợp, Sư quát hét: “Khổ! Khổ!” Lại nói: “Mây trắng từ đất tuôn vọt, trăng sáng lơ lửng giữa trời”. Nói xong, Sư mỉm cười mà thị tịch. Sau khi trà tỳ có xá lợi năm mầu, xây tháp thờ Sư ở phía Tây bắc chùa.

11/. Truyện Sa-môn Thích Sĩ Khuê ở chùa Long Tường thuộc Ôn Châu.

Thích Sĩ Khuê, hiệu là Trúc Am, họ Sử, ở thành đô. Đầu tiên, Sư nương tựa Hòa-thượng Tông Nhã chùa Đại Từ xin xuất gia. Tâm Sư mê say kinh Lăng-nghiêm. Sau chu du phương Nam, đến tham yết các bậc Tôn túc. Lúc đầu, Sư đến tham yết Thiền sư Hoàng Môn Viễn, đem sở đắc ở lúc đó bạch với Thiền sư Viễn. Thiền sư Viễn bảo: "Ông hiểu tâm đã đến cùng cực, chỉ thiếu năng lực khai mở tai mắt". Một hôm, đang đứng hầu, Sư lại hỏi: "Tuyệt đối đợi thời như thế nào?" Thiền sư Viễn bảo: "Tương tợ như ông bạch chuỳ ở trong Tăng đường". Sư chẳng thôi nghĩ. Tới chiều, Thiền sư Viễn đến Đường Ty, Sư lại đem lý trước ra hỏi, Thiền sư Viễn bảo: "Lời nói nhàn rỗi". Nghe lời nói ấy, Sư liền đại ngộ.

Cuối niên hiệu Chánh Hòa thời Bắc Tống, Sư trú tại chùa Thiên Ninh ở Hòa Châu, đến niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư vâng chiếu ra khai sơn chùa Năng Nhân ở nhạn đảng. Bấy giờ, Chân Hiết Liễu Công ở tại Giang Tâm, sợ Sư duyên chưa chín muồi nên đón đến phương trượng, Sư lễ chín lạy, để dẫn dụ dân chúng Ôn Châu. Do đó, mọi người đều quy kính. Lúc Sư Thượng đường, rõ rõ vô ngộ, có pháp tức mê. Mọi người hướng vào trong đó, không được trụ, không được bất trụ. Nếu đứng thì nguy, nếu trụ thì mù. Phải thẳng ý chẳng dừng, huyền cú chẳng dừng, ý dụng chẳng dừng cơ. Ba thứ đó đã rõ, tất cả chỗ chẳng cần phải thất mang, tự nhiên hiện tiền. Chẳng cần phải soi chiếu lại tự nhiên sáng tỏ. Tuy là như vậy, nhưng còn phải biết có việc hướng thượng. Sư dựng phất trần, nói: "Ôi! Mưa lâu chẳng tạnh".

Đến ngày mười tám tháng bảy năm Bính dần (1146), Sư mời Trưởng lão Tông Phạm đến phó chúc hậu sự. Ngày hôm sau, tắm gội xong, đánh chuông nhóm chúng đến tòa, Sư tự nhiên thị tịch. Lúc cử hành lễ tra- tỳ , tất cả mọi người tiễn đưa đều có được xá-lợi. Tháp thờ Sư được xây dựng ở Cổ Sơn.

12/. Truyện Sa-môn Thích An Dân trụ chùa Hoa Tạn ở Kiến Khương.

Thích An Dân, tự là Mật Ấn, họ Chu, người ở phủ Gia Định. Lúc đầu, Sư giảng kinh Hoa Nghiêm ở thành đô rất nổi tiếng.

Bấy giờ, Ngài Viên Ngộ ở chùa Chiếu Giác. Nhân vậy, Sư đến đó, gặp lúc Ngài Viên Ngộ tiểu tham nêu nhân duyên Quốc sư ba lần gọi thị giả, ngài Triệu Châu niêm rằng: "Như người vào trong chỗ tối

viết chữ, chữ tuy chẳng thành, văn thể đã rõ ràng. Vậy đâu là chỗ văn thể rõ ràng?" Sư nghe mà tâm khởi nghi, bèn cáo hương nhập thất. Ngài Viên Ngộ hỏi: "Toạ chủ thường giảng kinh gì?" Sư đáp: "Kinh Lăng-nghiêm". Ngài Viên Ngộ bảo: "Trong kinh Lăng-nghiêm có bảy chỗ bày tâm, tám chỗ lại phân biệt rõ cái thấy. Vậy, rốt ráo tâm ở chỗ nào?" Sư liền trình nhiều nghĩa, nhưng Ngài Viên Ngộ đều khôngchịu. Sư lại xin Ngài Viên Ngộ chỉ bày cho, Ngài Viên Ngộ khiến cho Sư hiểu được tất cả mọi chỗ làm văn thể đã rõ ràng. Tình cờ gặp vị Tăng đến cầu thỉnh chỉ dạy Thập Huyền Đàm, bèn nêu hỏi vị tăng ấy rằng "Tâm ấn có hình sắc gì?" Ngài Viên Ngộ bèn nói lời nghiêm khắc rằng: "Văn thể đã rõ ràng". Sư nghe mà mừng vui, tự cho rằng "Đến rồi", Ngài Viên Ngộ chỉ bày then chốt không sai".

Một hôm, Sư thưa với Ngài Viên Ngộ rằng: "Xin thầy chớ nêu câu thoại, đợi con nói xem". Ngài Viên Ngộ bảo: "Được". Sư nói: "Bình thường cầm, chuỳ dựng phất trần trong kinh, há chẳng nói tất cả các tướng trong tất cả thế giới đều tức là Bồ đề Diệu Minh chân tâm". Ngài Viên Ngộ cười bảo: "Trước giờ, đối với điều đó ông làm sao". Sư lại nói: "Lúc xuống gõ giường, há chẳng phải là nghe trở lại tánh nghe, tánh thành vô thượng đạo?". Ngài Viên Ngộ bảo: "Ông há không thấy trong kính nói: "Diệu tánh Viên Minh lìa các danh tướng?" Nhân câu nói đó, mà Sư tỏ rõ.

Từ đó, Sư bỏ giảng theo hầu Ngài Viên Ngộ. Nhân Ngài Viên Ngộ đến đất Thục, trú ở Giáp Sơn, Sư bèn đi theo. Ngài Viên Ngộ vì chúng tiểu tham nêu: "Nhân duyên buồm xưa chưa treo", Sư nghe mà chưa lãnh hội, bèn cầu quyết trạch. Ngài Viên Ngộ bảo: "Ông hỏi tôi?" Sư liền nêu câu thoại trước. Ngài Viên Ngộ bảo: "Cây bách trước sân". Sư liền rõ suốt, bèn thưa với Ngài Viên Ngộ rằng: "Người xưa nói" như một giọt nước nhỏ rơi vào trong biển lớn, thật không biết cả biển lớn nằm trong một giọt". Ngài Viên Ngộ cười, bảo: "Gã nầy làm sao!" Sư nói kệ rằng:

"Thôi khoe Tứ phần, bỏ Lăng-nghiêm
Đè xuống vân đầu triệt để tham
Chớ học Lượng Công gần Mã Tổ
Lại như Đức Kiệu hỏi Long Đàm.
Bảy năm qua lại tìm Chiếu Giác
Ba thu rong ruổi đến Bích Nham
Ngày nay phiền sung Đệ nhất tọa
Trăm hoa rừng nội hiện Ưu-đàm".

Sau đó không lâu, Sư khai hội giảng pháp ở chùa Bảo Ninh, rồi dời đến chùa Hoa Tạng, rộng mở mang đạo lý của ngài Viên Ngộ. Sau, Sư thị tịch tại Bổn Sơn, trà-tỳ có rất nhiều xá-lợi. Có người đào huyệt ở đất sâu cả thước cũng có được, xá-lợi rất sáng sạch, trái tim và chiếc lưỡi không tiêu hoại, tất cả đều được xây tháp thờ.

13. Truyện Sa-môn Thích Đạo Nguyên trụ chùa Chiếu Giác, ở Thành đô.

Thích Đạo Nguyên, hiệu là Triệt Am, họ Đặng, ở Miên Châu. Thuở nhỏ, Sư đến chùa Giáng Tịch xin xuất gia, thọ giới cụ túc. Sau, Sư đến tham yết Ngài Đại Biệt Đạo, Ngài bảo khán câu thoại đầu "Rỗng không chẳng thánh". Bỗng nhiên Sư cười nói: "Tổ sư Đạt-ma xưa nay ở trong đó". Ngài Đại Biệt Đạo bảo Sư tham "Phật Giám, Phật Nhãn đều được thường thức". Sư lại đến Kim Sơn, gặp ngài Viên Ngộ, bèn trình bày chỗ thấy của mình, ngài Viên Ngộ không chấp nhận. Gặp lúc ngài Viên Ngộ nhận chiếu chỉ đến trụ chùa Vân Cư, Sư bèn theo hầu. Tuy Sư có chỗ vào, nhưng vì vật trong xương ngực chưa tan. Nhân Ngài Viên Ngộ hỏi một vị tăng rằng: "Lúc sanh tử đến thì thế nào?" Vị tăng ấy đáp: "Cái đài hương cười Hòa-thượng!" Ngài Viên Ngộ kế hỏi Sư: "Ông làm thế nào?" Sư đáp: "Giặc cỏ đại bại". Ngài Viên Ngộ bảo: "Có người hỏi ông lúc đó thế nào?" Sư nghĩ định đáp, Ngài Viên Ngộ nói lại, y như cũ: "Giặc cỏ đại bại". Sư liền thấu triệt, Ngài Viên Ngộ đưa nắm tay đánh Sư, Sư vỗ tay cười lớn. Viên Ngộ bảo: "Ông thấy thế nào, bèn là như vậy". Sư nói: "Nắm tay độc chưa báo trả, nhiều kiếp chẳng quên".

14/. Truyện Sa-môn Thích Vân Biện ở Nam Phong, thuộc phủ Bình Giang.

Thích Vân Biện, người xứ Cô Tô. Đầu tiên, Sư xuất gia với ngài Đoan Phong Chương. Sau, Sư đến tham yết Hòa thượng Khung Lung Viên, Bỗng nhiên có sở đắc bèn thông sở kiến. Hòa-rhượng Viên bảo: "Con tuy được vào mà chưa đến nơi thích đáng, thiết tưởng nên mang lấy roi". Sư bèn từ bỏ đó, tìm đến khấu bái Ngài Viên Ngộ, gặp lúc nhập thất, vừa đặt chân đến cửa, Ngài Viên Ngộ vội bảo: "Ông xem dưới chân kìa". Sư đánh cây cột một cái, ngài Viên Ngộ bảo: "Sao chẳng mang thật đạo lấy một câu?" Sư nói: "Nếu thầy lắc đầu, con liền bày đuôi". Ngài Viên Ngộ bảo: "Ông thử bày đuôi xem". Sư liền phiên cân đẩu mà ra, ngài Viên Ngộ cười lớn. Do đó mà mọi người biết tiếng

Sư.

Sau, Sư ra ở Nam Phong, có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đoạt người chẳng đoạt cảnh?” Sư đáp: “Bá Vương đến Ô giang”. Vị tăng lại hỏi: “Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt người?” Sư đáp: “Trúc Đàn bái tướng”. Vị Tăng lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh đều đoạt?” Sư đáp: “Muôn dặm núi sông được thái bình”. Vị tăng lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt?”

Sư đáp: “Rồng ngâm sương móc khởi, hổ gầm gió sanh”. Vị tăng lại hỏi: “Việc hướng thượng còn có gì nữa chăng?” Sư bảo: “Đích đáng mà sai quá!” Vị tăng ấy nói: “Thật là tác gia”. Sư bảo: “Người hôn mê giữa ban ngày!”

15/. Truyện Sa-môn Thích Thiện Ngộ chùa Vân Cư ở Nam Khương.

Thích Thiện Ngộ, hiệu là Cao Am, họ Lý, người ở Dương Châu.

Năm mười một tuổi Sư xuất gia, sớm có trí tuệ, linh căn tự phát. Nghe Thiền sư Xung nêu câu thoại “Nhân duyên vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Sư Đạt-ma”, Sư như được lại vật xưa cũ, vội nói: “Con đã rỗng không, đâu có thánh nào”. Thiền sư Xung lấy làm lạ về lời Sư nói, bèn khuyên Sư đến phương Nam tìm học. Sư liền đến tham yết ngài Phật Nhãn ở Long Môn. Một hôm, có vị tăng bị rắn cắn, ngài Phật Nhãn hỏi Tăng chúng rằng: “Đã là Long Môn, sao lại còn bị rắn cắn!” Sư liền nói: “Quả nhiên hiện tướng Đại nhân”, ngài Phật Nhãn rất khì trọng.

Sau, rao truyền lời đó đến ngài Phật Quả, ngài Phật Quả bảo: “Long môn có vị tăng đó, đạo pháp Đông Sơn chưa lặng lẽ. Ông (Thiện Ngộ) Thượng đường thì tâm sanh các thứ pháp sanh, muôn hình vạn trạng tung hoành. Người tin đưa tay niêm lại, bèn dùng nhật luân canh ba sau giờ ngọ. Tâm diệt thì các pháp diệt, bốn cú trăm phi dứt nẻo, ngay cả Tổ sư Đạt-ma xuất đầu lộ diện cũng chỉ là mạt vàng trong mắt. Vậy tâm sanh tâm diệt, ai là người gốc?” Bèn dắt tay nhau cùng trở về, về đến ruộng đất quê nhà vẫn còn gặp một dùi trên đảnh.

16/. Truyện Sa-môn Thích Pháp Trung chùa Hoàng Long ở Long Hưng.

Thích Pháp Trung, hiệu là Mục Am, họ Diêu, người ở xứ Tứ Minh. Năm mười chín tuổi, Sư đọc thử kinh mà được xuất gia, học tập giáo nghĩa Thiên Thai, ngộ được yếu chỉ Nhất Tâm Tam Quán, nhưng chưa hết sạch dấu vết, nên đến tham yết các bậc danh đức. Sau Sư tới chỗ Ngài

Hoàng Long, quán sát nước mài xoay chuyển, liền phát sáng. Ngài nói kệ trình với Ngài Phật Nhãn: "Quay bánh xe Đại Pháp, ôm trọn trong mắt".

Sư lại hỏi ngài Phật Nhãn rằng: "Thế nào là nước chảy đá mòn?" Ngài Phật Nhãn bảo: "Đối với việc ấy ông làm thế nào?" Sư nói: "Trong khe nước chảy mãi". Ngài Phật Nhãn nói: "Ta còn có câu cuối cùng, đợi phân giao cho ông". Sư liền bịt tai mà đi. Sau, Sư đến Lô Sơn, ở trong Đồng An cây khô, tuyệt thực an tọa thanh tịnh.

Vào niên hiệu Tuyên Hoà (1119-1126) thời Bắc Tống, ở Tương Đàm hạn hán, cầu đảo chẳng ứng nghiệm, Sư nhảy xuống vực rồng, gọi rằng: "Nghiệp súc sanh phải mưa một thước". Nước mưa liền theo đến. Ngài thường ở tại Nam Nhạc, luôn cỡi hổ ra đi, các hàng đạo sĩ và Thích tử đều trông theo vết bụi mà bái lạy.

Lúc Thượng đường, Sư nói: "Ta có một câu chẳng phải vay mượn từ miệng các bậc thánh, chẳng động đến chiếc lưỡi của chính ta, chẳng phải tiếng hít thở, cũng chẳng phải tình thức phân biệt. Giả sử Tịnh Danh lấp miệng thành Tỳ-da-ly, Phật Thích-ca đóng cửa Thất-ma-kiệt-đà, giống như bít tai trộm linh, không tránh khỏi thiên tai lậu lọt. Ngay như Đức Sơn Lâm Tế đánh hét, nếu đến dưới cửa Mục Am ta thì chỉ được một cây cọc. Ngàn lời, muôn thuyết chỉ cần dạy tự nhà ông hết. Một khi đã dốc lòng thì đất đai hư không có đến bảy lối tám lõm".

Liên quan thử bàn:

Ngài Mục Am đã ngộ Nhất Tâm Tam Quán tức đáng tung bụi, vì Thai Giáo mà nhả khí, vì chưa thể sạch hết dấu vết, nên mới du phương gõ cửa các học trò của Tổ sư Đạt-ma. Chính như hương tượng lội qua sông là muốn đạp chân tới đáy. Sở dĩ như vậy, mới vượt qua long môn, bèn có khả năng nghiêng ao đổ núi. Lớn lao thay! Đời có người học tập Tam Quán mà chỉ tỏ ngộ được một chữ, không biết đó là vật gì, lầm nhận bả rượu là Đề Hồ, chê Bích Quán là hộ giáo. Đó há chẳng phải là con giòi trong thân sư tử ư? Nên Yểm Sơn Tập bác bỏ sách Phật Tâm Ấn của Thai Giáo, quyển sau nên cắt bỏ, vì khiến cho người học bị chướng ngại cửa ngộ, gây nghiệp địa ngục chẳng ít.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH,
(QUYỂN 5 HẾT).

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 6

CHƯƠNG III: TU TẬP THIỀN ĐỊNH

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bảy vị, phụ có mười vị).

1- Truyện ngài Sa-môn Thích Pháp Ninh chùa Diên Khánh ở Hoa Đình.

Thích Pháp Ninh, vì Sư ở núi Mã Kỳ thuộc Nghi Châu, nên hiệu là Mã Kỳ Sơn. Sư họ Lý, người ở huyện Cử thuộc Mật Châu.

Đầu tiên, Sư đến xuất gia với Hoà-thượng Diệu Không Minh ở chùa Thiên Minh thuộc Nghi Châu. Sư được tham yết theo hầu rất lâu và thành đạt tất cả Tông Chỉ của Vân Môn. Khi ra hoằng hóa, Sư trú tại chùa Tịnh Cư ở Nghi Châu, mở rộng đạo lý của Ngài Tuyết Đậu. Vào niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư đến trụ chùa Thanh Long ở Hoa Đình. Mẹ của Trấn Sát Phán Chương Cổn, họ Cao nằm mộng thấy vị trời mách bảo rằng: "Cổ Phật đến". Ngày hôm sau thì Sư đến, đón rước Sư dừng ở vườn nhà họ Tiền, mới xây dựng tịnh xá. Lúc đào đất có điềm lành gặp được chiếc khánh sắt, đoạn văn bia và tôn tượng Phật. Khi ấy, Hoa Đình Lệnh Liễu ước trình tấu lên triều đình, nên chỗ xây dựng chùa được ban tặng biển ngạch hiệu là "Tịnh Cư", nhân đó xét Minh Công đến Minh Châu Tuyết Đậu. Bấy giờ, Quận Thú Mạc Tương thỉnh Sư làm tự chủ chùa Cát Tường. Triết Tông Nguyên Phù Dư Sơn có tịnh xá hiệu là Linh Phong. Quận Phù đổi hiệu là "Chiêu Khánh thiền Viện". Quan Hữu Thừa Chu Ngạc thỉnh Sư làm Khai Sơn, đời thứ nhất. Tự nhiên, Sư dời đến chùa Quảng Tuệ ở Minh Châu, rồi trở về lại chùa Chiêu Khánh.

Ngày mồng tám tháng giêng năm Bính Tý (1156) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, Sư tắm gội xong, ngồi thẳng nói pháp rồi từ biệt đại chúng mà thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi chín hạ lạp. Tháp an trí

toàn thân S7 được xây ở phía đông chùa.

2- Truyện ngài Sa-môn Thích Đạo Thành trụ núi Ô Cự ở Cù Châu.

Thích Đạo Hành hiệu là Tuyết Đường, họ Diệp, ở Xử Châu. Đầu tiên, Sư xuất gia với Hòa-thượng Anh chùa Phổ Chiếu. Đến lúc du phương, Sư tới tham yết ngài Phật Nhãn. Một hôm, nghe Ngài Phật Nhãn nêu câu thoại đầu "Trúc Huyền Sa vướng ngón chân", Sư liền đại ngộ, trụ tại Nam Minh, lúc thượng đường gặp ngọc Tiện hội không tỳ vết. Nếu nói chẳng gặp đối chủy sanh hoa, thử hỏi Tổ sư Đạt-ma chín năm xoay mặt vào vách thì làm sao như đại hội niêm hoa? Nam Minh làm thế nào mà chính xác? Đó chính là thuận gió tung cát. Kế đó, Sư dời đến Ô cự, lúc dạy chúng, Sư nêu "Hoà-thượng Ky hỏi một vị tăng rằng "Thiền lấy gì làm nghĩa?" Trong chúng tuy trình bày nhưng chưa khế hợp quyết tâm, nên chúng tăng cầu thỉnh Hòa thượng Ky chỉ bày. Hoà-thượng Ky liền đáp thay rằng: "Lấy hủy báng làm nghĩa". Sư bảo: "Các Đức Phật trong ba đời là báng, hai mươi tám vị Tổ ở Tây Vực là báng. Lục tổ ở đất nhà Đường là báng, tất cả các lão Hòa-thượng trong nước là báng, các người là báng, sơn tăng là báng. Vậy ở trong đó còn có ai không phải là báng chăng? Nói huyền nói diệu nhiều như số cát sông Hằng, tranh nhau tợ như hai đỉnh núi cao, báng được gần gũi".

Bỗng nhiên, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, đệ tử là Giáo thọ Uông Kiêu Niên đến thăm, Sư bèn giao phó cho hậu sự và nói kệ rằng:

"Biết thì biết sự Bổn tâm
Thấy thì thấy sự Bổn tánh
Biết được Bổn tâm Bổn tánh
Chính là bệnh lớn Tông môn".

Sư lại chú thích rằng: "Trong bùn vữa có gai, chớ nói không nghi là tốt". Ngày hôm sau, Sư tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già an nhiên thị tịch.

Trà-tỳ có được xá-lợi năm mầu. Những nơi hơi khói quyện tới đều có xá-lợi vấn quanh. Răng và lưỡi không cháy, Tháp thờ Sư được xây ở phía Tây chùa.

3- Truyện Sa-môn Thích Thủ Tuần ở núi Hà, châu An Cát.

Thích Thủ Tuần, hiệu là Phật Đăng, họ Thi, ở Quận Chi. Ban đầu, Sư tham yết ở Hoà-thượng Anh ở chùa Quảng Giám, nhưng không khế hội, bèn đến tham yết ngài Phật Giám, theo chúng thưa hỏi cầu thỉnh,

nhưng không nhập được, bèn phong bít khăn trùm, và tự nói rằng: “Đời này nếu chẳng thấu triệt đi thì chẳng mở khăn này”. Từ đó, suốt ngày liền đêm, Sư đứng như chịu tang cha mẹ, suốt bốn mươi chín ngày. Bỗng nhiên Ngài Phật Giám thượng đường, dạy rằng: “Sâm la và muôn tượng là chỗ ấn của một pháp”, Sư nghe thế liền đốn ngộ, Ngài Phật Giám bảo: “Thật đáng tiếc một viên ngọc sáng bị gả điên khùng kia nhặt được, bèn hỏi vặn rằng: “Linh Vân nói kể từ khi thấy được hoa đào nở cho đến sau này không bao giờ còn nghi ngờ, vậy thế nào là chỗ ông ta không nghi ngờ?”. Sư nói: “Chớ bảo rằng Linh Vân không nghi ngờ, chỉ vì nay tìm chỗ nghi ngờ ấy không bao giờ được!”. Giám nói: “Đạo Đế của Huyền Sa phải xét kỷ, dám bảo lão huynh chưa triệt ngộ, vậy đâu là chỗ ông ta chưa triệt ngộ?”. Sư nói: “Biết tâm từ bi của Hòa-thượng rất tha thiết”. Phật Giám cho là đúng. Sư bái lạy rồi trình kệ rằng:

“Trọn ngày nhìn trời đầu chẳng ngẩng
Hoa đào nở rực mới nhướng mày
Nhiều kẻ còn cho lưới trời bủa
Thấu được Lao quan liền thôi nghỉ!”

Đại Giám ngợi khen, bảo nên hộ trì. Đêm đó vén chăn đắp nói rằng: “Nãy giờ Thượng tọa Tuân đã yên ổn ngủ rồi, Viên Ngộ tôi nghe trộm nghi ông ấy chưa được”. Bèn nghĩ: Ta phải khám nghiệm qua mới được, “bèn bảo người vời Sư đến, nhân đó cùng dạo núi, tình cờ đến một đầm nước, Viên Ngộ xô Sư ngã xuống nước và vội hỏi rằng: “Ngưu Đầu lúc chưa thấy Tứ Tổ thì thế nào?”. Sư nói: “Đầm sâu cá tụ hội”. Hỏi: “Sau khi thấy rồi thì thế nào?”. Sư nói: “Cây cao vời gió thổi”. Hỏi: “Lúc thấy và lúc chưa thấy thì thế nào?”. Sư nói: “Duỗi chân đứng, co chân trong”. Viên Ngộ rất khen ngợi. Về sau, Sư ra hoằng hóa, đầu tiên đứng đầu ở Hòa Sơn, kế đến là Thiên Thánh, rồi dời đến núi Hà, và Thiên Minh. Đến năm Giáp dần (1134) nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, Sư nói với Cư sĩ Trịnh Tích rằng: “Ngày mồng tám tháng mười là ngày húy kỵ Ngài Phật Giám, lúc ấy ta sẽ đến”. Nói rồi trở về Chương Nam. Đến ngày mồng bốn tháng mười, Trịnh Tích sai em là tăng Đạo Như đến thăm hỏi, Sư nói: “Ngươi tới đúng lúc. Tôi tuy cùng Phật Giám đồng điều sanh, nhưng chẳng đồng điều Tử. Sáng sớm ngày mai, ngươi hãy tìm một chiếc thuyền nhỏ đem đến cho ta”. Đạo Như nói: “Cần dài bao nhiêu, cao bao nhiêu?”. Sư nói: “Cao khoảng năm thước”. Trải qua ba ngày đến lúc gà gáy, Sư ngồi thẳng như lúc bình thường, Thị giả xin kệ, Sư nói: “Chưa từng làm kệ”. Nói xong bèn thị tịch, sau khi trà-tỳ, chiếc lưỡi không cháy.

4. Truyện Sa-môn Thích Viên Giác ở núi Tượng Nhĩ thuộc My Châu (Phật Tánh)

Thích Viên Giác là con nhà họ Viên ở trong Quận, xuất gia tại chùa Truyền Đăng, vốn tên là Viên Giác, Quận Thú điền vào Từ Điệp ghi nhầm chữ "Viên". Thú nghi ngờ, nhân đó nói đùa rằng: "Gọi một chữ có được không?". Đáp rằng: "Một chữ đã là nhiều". Quận Thú lấy làm lạ. Rồi Sư đến Đại Quy, nương Hòa-Thượng Phật Tánh nhập thất, trình bày sở kiến, Phật Tánh nói: "Ông sai lầm còn xa". Rồi cho sung vào thị ty, coi về tân khách. Phật Tánh thường nêu bốn chữ "Khai thị ngộ nhập" của Kinh Pháp Hoa, bảo Sư hãy nói. Lại bảo, đến lúc đầu ta đen, lý của ông mới đúng. Tình cờ mất chức bị đuổi, trong chế định không nơi nương tựa, bèn đến ngụ tại nhà thế tục. Một hôm, tụng Kinh Pháp Hoa đến câu "Chẳng biết thế nào là lửa, thế nào là nhà" Sư bỗng có tỉnh ngộ, trở lại chùa thưa với ngài Phật Tánh, ban đầu ngài chấp nhận, sau Sư đến chỗ Vân cư thấy Viên Ngộ bèn thuật lại sở đắc. Viên Ngộ chê trách rằng: "Vốn là Đất sạch, vậy cứt đái là gì?". Ngay đó Sở nghi liền tan biến. Năm Đinh mão, nhằm niên hiệu Thiệu Hưng (1147) Quận Thú mời Sư đến ở núi Tượng Nhĩ, Đạo pháp phát huy mạnh mẽ. Các bậc anh tuấn túc đức Hồng Nho nghe được phong cách Sư bèn đến lễ yết. Thất không chỗ chứa, mở giảng đường từ biện, nghiêng sông Hạp tích, tòng lâm thật xứng, không rõ về sau Sư thị tịch ở đâu!

5. Truyện Sa-môn Thích Đàm Hoa ở Thiền Đồng thuộc Minh Châu

Thích Đàm Hoa tự là Ứng Am, vốn con nhà họ Uông ở Kỳ Châu, vừa mới sanh mà Sư đã khác thường, chẳng giống như những đứa trẻ bình thường khác. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia với ngài Đông Thiền, đầu tiên yết kiến Hòa thượng Toại, hơi được nhiễm chỉ pháp vị. Từ đó tham vấn các vị tri thức, không được khế ngộ. Nghe Viên Ngộ trụ ở Vân cư giáo hoá người học, Sư tìm đến tham lễ nương tựa. Viên Ngộ bèn cho một chuỳ thật đau. Gặp Viên Ngộ trở lại đất Thục, chỉ thấy Thiền sư Long ở Hổ khâu, Sư hầu ở đó một năm, chóng tỏ rõ đại sự, rồi phỏng hỏi Am nguyên nầy vốn bảo phân tòa, từ đó mở Đường Diệu Nghiêm, dời Qui tông. Bấy giờ, Đại Tuệ ở Mai Dương, có vị tăng truyền lời Đàm Hoa để dạy chúng. Đại Tuệ thấy vậy hết lời khen ngợi, lại gởi một bài kệ rằng:

"Ngồi dứt Kim Luân ngọn thứ nhất
Trăm yêu ngàn quái đều ẩn dấu

Năm đến lại được tin tức thật
Báo Đạo Dương Kỳ chánh mạch thông”

Ngày húy kỵ Hổ Khâu, niệm hương rằng: “Lúc bình sanh chìm nổi khua động lão hán vô ý trí ấy, làm hết tài năng, thấu bạc chẳng được, từ đó chấm dứt chiến tranh, tùy phận mặc áo uống ăn, hai mươi năm nay ngồi giường khúc lục, treo đầu dê bán thịt chó, rất có bằng chứng để biết điều đó. Tuy nhiên mỗi năm một lần có ngày đốt hương, Ngàn xưa khiến người hận càng sâu!” Ở đời tôn xưng Đàm Hoa và Am Cảo là hai cửa cam lồ. Thường răn bảo đồ chúng rằng: “Nạp tăng mang giầy cỏ, ở tại viện, có sự gì mà miệng như Rùa, rắn, ghét hang ư?”. Ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Long Hưng thứ nhất (1163) đời Tống, Sư an nhiên viên tịch. Xây tháp an táng toàn thân ở Đông sơn.

6. Truyện Sa-môn Thích Đức Quang ở chùa Linh Ẩn thuộc phủ Lâm An (Quang hóa cát nguyệt am cảo bách trượng chấn)

Thích Đức Quang, được ban hiệu là Phật Chiếu, vốn con nhà họ Quân Bành ở Lâm Giang. Tuổi có chí học đến nương Hòa-thượng Cát chùa Quang Hóa ở bổn quận, cạo tóc thọ giới Cụ túc. Một hôm Sư vào thất, Hòa-thượng Cát hỏi rằng: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, lại chẳng phải là vật, thì là cái gì?”. Đức Quang mịt mờ suốt đêm không ngủ. Ngày sau lại đến Phương trượng thưa rằng: “Hôm qua Hòa-thượng rũ hỏi: Đã là chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, lại chẳng phải là vật, vậy rốt cuộc là cái gì?, cúi mong từ bi chỉ dạy cho con!”. Hoà-thượng bèn chấn uy hét rằng: “Sa-di này lại muốn ta cùng ông cúi xuống chỉ bày dưới chân sao?”. Bèn cầm gậy đánh vào lưng đuổi ra. Từ đó có chút tỉnh ngộ. Kế đến lần lượt yết kiến Nguyệt Am Cảo, Ứng Am Hoa Bách Trượng Chấn, đều không có chỗ vào. Vừa lúc Đại Tuệ vâng theo Thánh chỉ trụ tại chùa A Dục Vương ở Minh Châu, anh tài bốn biển đều nhóm họp, Đức Quang cũng vội vào thất, Đại Tuệ giơ cao trúc bề hỏi rằng: “Gọi là trúc bề thì xúc, không gọi là trúc bề thì trái, không được nói, không được không nói”. Đức Quang suy nghĩ định đáp. Đại Tuệ bèn dùng gậy đánh. Đức Quang hoát nhiên Đại ngộ. Tất cả sở đắc từ trước đến nay thảy đều như ngói vỡ băng tan. Sư hầu ở đó trong thời gian lâu. Vua Hiếu Tông, đời Tống (1163-1190) cảm mến đạo hạnh của Đức Quang, bèn ban chiếu cho Sư trụ chùa Linh Ẩn. Một hôm, vua vời Sư đến thưa hỏi, đối đáp rất xứng ý chỉ, bèn lưu giữ ở tại Nội Quán Đường. Về sau Sư thị tịch, xây tháp an tán toàn thân ở Đông am.

7. Truyện ngài Sa-môn Thích Tổ Giác chùa Trung Nham ở My châu (Tuệ nhật năng nam đường tỉnh)

Thích Tổ Giác người họ Dương ở Gia Châu. Từ nhỏ đã thông minh mẫn tuệ, sách sử qua mắt một lần là thuộc lòng, bèn viết sách bài xích Phật giáo, bỗng nhiên cảnh xấu ác hiện ngay trước mắt, vô cùng kinh sợ ăn năn lỗi lầm. Sao đó Sư xuất gia nương theo Hòa-thượng Tuệ Nhật Năng, không bao lâu bị mụn nhọt mọc ở đầu gối, suốt năm năm thầy thuốc chữa trị chẳng lành, nhân đó soạn "Hoa Nghiêm Hiệp Luận" xong, đêm đó bèn chiêu cảm mộng lạ, sáng sớm bèn bỏ gậy đi giầy. Vì trước đó một ngày tụng đến "Phẩm Hiện Tướng", trang đó nói rằng: "Thân Phật không có sanh mà có khả năng thị hiện xuất sanh, pháp tánh như hư không, các Đức Phật an trụ trong đó, không trụ cũng không đi, nơi nơi đều thấy Phật". Bèn ngộ được Tông chỉ của Hoa Nghiêm, đến đó mới đăng vào tăng tịch. Phủ soái thỉnh giảng ở Thiên Bộ Đường, mà từ biện rộng lớn, đại chúng đều khâm phục. Vừa lúc Thiền sư Tỉnh ở Nam Đường qua cửa ấy bảo rằng: "Xem ông giảng nói riêng một mình rảo bước khắp Tây Nam, chỉ tiếc chưa hiểu lìa tướng văn tự, thẳng có thể hỏi đạo phương ngoại, tức Chu Kim Cương hiện nay". Tổ Giác vui mừng bỏ giảng, đi về phía Nam đến Thiền xã, bèn nương tựa Viên Ngộ ở Chung phụ. Một hôm, Sư vào thất, Viên Ngộ nêu rằng: "La sơn bảo lúc có nói thì đạp đầu hổ nắm đuôi hổ, dưới câu thứ nhất rõ được Tông chỉ, lúc không nói thì đi thấy lộ cơ phong, đồng như điện chớp, làm sao hội". Tổ Giác không trả lại được, sớm hôm tham cứu, chợt có tỉnh ngộ, làm kệ trình rằng:

"Nhà ở đảnh núi cao
Quanh năm khép cửa hờ
Tự than thân đã già
Kế sống đợi cháu con!"

Viên Ngộ chưa chấp nhận. Ngày khác Sư lại vào thất, Viên Ngộ hỏi Công án hôm qua làm như thế nào, Tổ Giác suy nghĩ định đáp, Viên Ngộ bèn quát: "Phật pháp đâu phải thứ đạo lý ấy". Tổ Giác ở lại đó năm năm, càng thêm mê muội. Sau đến gần gũi ngài Thê Hiền ở Lô sơn, xem "Phù sơn viễn tước chấp luận", rằng: "Nếu nói Viên Ngộ có ý niệm thân sơ thì làm sao có Chiên đàn trong rừng lại mọc cỏ hôi ?" mới hoát nhiên đại ngộ, bèn làm kệ gởi cho Viên Ngộ rằng:

"Ra rừng y cũ vào Bồng hao
Lưới trời lồng lộng thoát được nào
Ai tin duyên nghiệp không chỗ tránh

Trở về chẳng sợ tiếng nói cao!"

Đại Tuệ vui mừng, lấy đó để dạy chúng, bảo rằng: "Tổ Giác đã triệt ngộ Hoa Nghiêm". Từ đó mọi nơi đều tôn xưng Sư là "Giác Hoa Nghiêm". Sư lên pháp đường, có vị tăng hỏi: "Trước lúc Phật Oai Âm Vương và sau cùng Phật Lâu Chí chưa ra đời thì tham kiến ở người nào?". Tổ Giác nói: "Nhà ở thành Đại Lương, lại hỏi đường ở Trường An!". Vị tăng lại hỏi: "Thế nào là một tiếng hét như kiếm báu Kim Cương vương?". Sư nói: "Máu chảy khắp cõi Phạm Thiên,", hỏi:"Thế nào là một tiếng hét như sư tử ngồi ổm trên đất? Tổ Giác nói: "Sợ giết chồn hoang!". Vị tăng lại hỏi: "Thế nào là một tiếng hét như dò tìm báng cỏ?". Tổ Giác nói: "Nghiệm được từ xương của ông ra!". Hỏi: "Thế nào là một tiếng hét không có công dụng của một tiếng quát hét?". Tổ Giác nói: "Phải ngay biết nắm lấy ngay kim khâu người chớ nói uyên ương có lông cánh đẹp".

Liên hệ thử bàn:

Tổ Giác Hoa Nghiêm đã có tiếng ở Giảng Tịch, Nam đường qua đó mà hỏi bày cố gắng, Sư liền bỏ giảng, đi về phía Nam. Đó chính chỗ gọi là thấy bóng roi liền đi, há chẳng là tài giỏi ư? Còn như bị Viên Ngộ đánh dùi vào cổ. Tuy hồn bay mà mạng căn chưa dứt, còn nương thức kiến. Trình kệ lại bị Viên Ngộ hét, ngay như bị khí sách, năm năm mới đại triệt ngộ. Ôi! Những bậc làm thầy của người ngày xưa, đợi học trò chín muồi như trong tro lạnh phát lửa, chết rồi sống lại, mới chịu điểm đầu. Không hề khinh suất mà hại đến người! Người đời nay, mới thấy kẻ hậu sanh có chút lanh lợi bèn tự tiện bảo chọn Công án, làm được bài kệ liền khen thưởng thì chẳng những đây kia đều mù mà! Tội ác giết người thì nhỏ, tội ác hại người rất lớn. Ai là người khéo giỏi diễn giảng, thì phải lấy gương của Tổ Giác Hoa Nghiêm đây để làm khuôn phép!

8. Truyện Sa-môn Thích Tự Hồi ở Đài Điếu Ngư thuộc Thai Châu

Thích Tự Hồi hiệu là Thạch Đầu, vốn người ở Lâm Hải, ở đời làm nghề đục đá. Người đời gọi là Hòa-thượng Thạch Đầu. Mắt như rùa mù, không biết một chữ. Gốc lành từ trong khởi phát, chí kính mến Không tông, nhờ người khẩu truyền cho Kinh Pháp Hoa mà tụng thuộc lòng. Sư bèn bỏ nhà đến chỗ Hòa-thượng Đại Tùy làm việc quét tước. Trong chùa bảo lấy đá ở sườn núi để làm việc công, tự hồi tay chẳng lìa dùi đục, miệng đọc kinh không dứt. Hòa thượng Đại Tùy thấy thế nói: "Ngày nay soang soảng, ngày mai cũng soang soảng, sanh tử đến

thì làm sao để chiết hợp?". Tự Hồi ngạc nhiên làm lễ, nguyện xin được nghe Pháp rốt ráo. Hòa-thượng Đại Tùy bảo bỏ việc tụng kinh, khán nhân duyên Triệu châu khám bà tử. Từ đó niệm niệm tham cứu lâu ngày, một hôm đục đá, đá cứng bèn vận dụng sức lực đập mạnh một dùi, tia lửa phát ra, bỗng nhiên triệt ngộ, liền chạy mau đến phương trượng lễ bái trình kệ rằng:

"Dụng hết công phu rõ ràng không lỗ mũi
Tia lửa vụt choé vốn ở trong đó!"

Hòa thượng Đại Tùy vui mừng bảo: "Ông đã triệt ngộ".

Tự Hồi lại thuật kệ khám bà:

"Ba quân chẳng động cờ sáng loáng
Lão bà chính là chân ma vương
Triệu châu không chuôi sắt chổi quét
Quét rộng khói bụi không tiêu sạch"

Hòa thượng Đại Tùy chấp nhận, bèn cạo tóc, trao truyền tăng phục. Sau, Sư ra hoằng hóa, trú tại Đài Điếu Ngư, thượng đường dạy rằng: "Tham thiền học đạo phần nhiều vì như ngồi đáy giếng kêu vang khát nước, lấp tai, bít mắt, trốn lánh không kịp. Vả lại, một ngày trong suốt mười hai tiếng đồng hồ đi đứng nằm ngồi, tới lui làm các việc là do ai sai làm, mắt các ông thấy, tai các ông nghe chỗ nào chẳng phải là lộ đầu. Nếu biết được lộ đầu tức là chỗ Đại giải thoát, mới biết Lão Hán cùng các ông chứng minh, núi sông đại địa chứng minh cho các ông. Do đó, nói rằng các Đức Phật mười phương chỉ một đường hướng đến cửa Niết-bàn. Các nhân giả! Hễ có một vật ngay đường thì phải thấy cội gốc của một vật ngay đường, một vật không nơi chốn thì phải thấy cội gốc của một vật không nơi chốn. Thấy được cội gốc, vốn không chỗ cội nguồn, chỗ cội nguồn đã chẳng có thì nơi nào chẳng viên mãn. Các vị Thiền đức các ông, xem Lão Tăng có chỗ rất hơn các ông. Các ông có chỗ rất chẳng bằng Lão Hán. Hiểu được hồ rộng ba mươi sáu ngàn khoảnh, bóng trăng ở tại tâm sóng, nói xoay về ai?

Liên hệ thử bàn:

Xem Đại sư Tự Hồi vốn nghiệp sanh ra đã tầm thường lại vụng về, với chí học Phật thì đã nhạy bén lại siêng năng. Ban đầu còn mê thì tròng có mắt như mù, sau ngộ thì toàn thân tức là nhãn (mắt). Còn như nói kệ bàn thiền, phần nhiều có phong cách vượt hẳn xưa nay. Được cái không thể có lại khởi chăng? Giả sử Tự Hồi ngồi đọc hết năm xe, xuất cùng ba tạng, lại không có hiện tượng của một chùy mà té lửa phát sáng ư? Tất cả thiên hạ hễ trị càng thịnh thì loạn càng khởi, học càng rộng thì

chấp càng chặt. Nên người xưa bác bỏ cho đó là tạp độc nhập tâm, thật có việc ấy. Đối với những kẻ sĩ lòng gấm miệng thêu, những vị tăng văn rồng nghĩa hổ, cười đời hay vì đề xướng hư tâm khắp thường dân, đầu tự trái với kim cương. Sao lo dầu không sanh ra mì, đạo không có người thân của ta ư? Do đó những kẻ tìm gió đuổi bóng chẳng đáng ngu dốt, chê Phật mắng Tổ, đâu là kẻ thấp hèn. Hoặc chấp chặt với sự thấy biết, chỉ rối loạn so lường, lại chẳng như ngọc cứng dễ mài giũa.

9. Truyện Sa-môn Thích Cư Tĩnh trụ chùa Hộ Thánh ở Đồng châu

Thích Cư Tĩnh hiệu là Ngu Khâu, con nhà họ Dương ở thành đô, năm mười bốn tuổi Sư theo sa-môn An Tuệ chùa Bạch Mã xuất gia. Nghe Thiền sư Nam Đường Đạo phong vang xa nên Sư đến yết kiến. Nam Đường nêu thoại đầu “Rồng kêu trong cây khô” của Hương Nghiêm để vặn hỏi. Cư Tĩnh nhân nơi lời nói ấy mà đại ngộ. Một hôm, Nam Đường hỏi rằng: “Chớ giữ non lạnh khác cỏ xanh, ngồi ngây mây trắng Tông chẳng diệu. Ông phải làm sao?”. Cư Tỉnh nói: “Phải lưu kiếm ngay, nếu chẳng lưu kiếm thì Ngư phủ sẽ nương bến”. Nam Đường chợt bảo: “Đứa tớ ấy Cư Tĩnh trân trọng thực hành”. Về sau Sư ra hoằng hóa, trú tại Đông nham, thường vì chúng dạy rằng: “Tham học chí yếu không vượt ngoài câu nói đầu tiên và câu nói cuối cùng của tiên sư Nam Đường, thấu vượt qua đó thì mọi việc của một đời được hoàn tất. Nếu chưa được như vậy thì lại cùng các ông chia làm mười môn, mỗi môn đều ấn chứng tự tâm, lại được ổn đáng:

1/ Phải tin có truyền riêng ngoài giáo.

2/ Biết có truyền riêng ngoài giáo.

3/ Phải hiểu vô tình nói Pháp và hữu tình nói pháp vốn không hai

4/ Phải thấy tánh như thấy vật trong lòng bàn tay, rõ ràng phân minh, mỗi mỗi điền địa ổn mật.

5/ Phải có mắt chọn pháp.

6/ Phải thực hành đường chia là đường mầu nhiệm.

7/ Phải văn võ đều cứu giúp.

8/ Phải tồi tà hiển chánh.

9/ Phải Đại có Đại dụng.

10/ Phải hướng về Dị loại mà thực hành.

Hễ muốn tiếp nối làm sáng ngời dòng dõi giáo phá thì phải đủ hết các môn cương yếu ấy mới ngồi được ở giường khúc lục, nhận sự lễ bái của mọi người trong thiên hạ, dám làm thầy của Phật Tổ. Nếu chẳng

đạt đến điền địa nào, chỉ một hướng hư đầu thì một ngày nào đó Diêm-ma Lão tử cũng chưa tha các ông. Lại nói kệ rằng:

"Mười môn cương yếu tay Ta ban
Hiểu được sau nầy tự có làm
Đã làm, chẳng cần bày vị thứ
Đầu đuôi thảy đều là nền tảng"

10. Truyện Sa-môn Thích Di Quang chùa Giáo Trung ở Tuyền Châu

Thích Di Quang hiệu là Hối Am, là con út trong nhà họ Mân, sanh ra ít nói cười, nghe Tăng bối Phạm thì vui mừng. Năm mười lăm tuổi Sư xuất gia với Thiền sư Văn Tuệ. Chưa nghiên cùng các sách trong Hải tạng. Một hôm Sư nghĩ rằng: "Cạo tóc nhuộm áo, phải kỳ hẹn triệt ngộ mà lại say mê sách vở thế tục ư?" , bèn đầu thành yết kiến Đại sư Viên Ngộ, kế đến tham vấn Hoàng Bá, rõ ngộ Cao Am, cơ ngữ đều khế hợp. Vì hoài sở thầm khởi quy y Phật tâm. Gặp lúc Đại Tuệ trú tại xứ Quảng, nhân đó bèn theo. Đại Tuệ bảo: "Ông ở chỗ Phật tâm thành đạt được gì, thử nêu một vài điều xem". Sư nói: "Phật tâm thượng đường, niêm công án của khổ hóa rằng, nói "Phật tâm tức chẳng phải thế". Đều chẳng lúc nào đến, cớ sao bày cột sống liền đánh, theo giáo phân thân khắp các cõi". Đại Tuệ hỏi: "Ý ông thế nào?". Sư đáp: "Tôi không chấp nhận". Về sau, dưới đầu có cước chú, Đại Tuệ nói: : "Đó chính là vì bịnh mà bỏ Pháp". Sư vẫn cương quyết không tin vừa ý. Đại Tuệ nói: "Ông hãy đoán xem". Sư vẫn cho rằng chẳng phải như thế. Trải qua một tuần, nhân ghi Hải ấn Tín công niêm rằng: "Tiếng sấm vang, mưa lớn rơi hoàn toàn vô". Sư mới không mắc kẹt, chạy đến bảo với Đại Tuệ khắp Đạo giả thấy lang da đều là Huyền sa chưa thấu triệt. Đại Tuệ hỏi vặn lại, Sư đối đáp xong. Đại Tuệ cười nói: "Tuy có tiến một bước, chỉ chẳng chấp sở tại. Như người chặt rễ cây, một lát dao bủa xuống thì mạng căn không còn. Ông chỉ chặt trên cành, nó có thể đoạn mạng căn được ư? Nay khắp nơi mênh mông nói Thiền, chỗ thấy đều là như vậy. Đâu ích lợi gì đến sự! Chánh truyền của Dương kỳ chỉ ba bốn vị mà thôi". Sư suy nghĩ bỏ đi. Hôm sau, Đại Tuệ hỏi: "Ông còn nghi chăng?". Đáp: "Không còn nghi". Đại Tuệ nói: "Chỉ như Người xưa thấy nhau, chưa đợi nghe miệng nói đã biết được hư thật. Hoặc nghe lời người nói liền biết cạn sâu. Lý ấy thế nào?". Sư hoảng sợ tự nhiên đổ mồ hôi, chẳng biết chỗ đến. Đại Tuệ bảo tham câu thoại "Hữu cú vô cú". Đại Tuệ đến am Vân môn, Sư cũng đi theo hầu. Một hôm, Sư hỏi rằng: "Tôi

đến trong đó chẳng thể được thấu triệt, bệnh ở chỗ nào?”. Đại Tuệ nói: “Bệnh ông rất nặng, thầy thuốc ở đời đều bó tay. Sao kẻ khác chết rồi chẳng được sống, nay ông toàn sống chưa từng chết, cần đến Điền địa an vui hoàn toàn, phải là một lần chết rồi sống lại mới được”. Nghi tình trong Sư càng thêm sâu nặng. Về sau vào thất, Đại Tuệ hỏi: “Ăn cháo rồi, rửa chén bát rồi, bỏ ngay thuốc kỵ đạo, đem một câu đến”. Sư nói: “Xé rách”. Đại Tuệ liền nghiễm giọng hét: “Ông lại nói thiền”. Sư liền đại ngộ. Đại Tuệ liền đánh trống bảo với đại chúng rằng:

“Lông rùa nắm được cười nức nở
Một chạm muôn trùng cửa ải mở
Mừng quýnh bình sanh ở ngày nay
Ai bảo ngàn dặm bán Ta đến”

Sư cũng trình kệ rằng:

“Bức bách đương cơ giận sấm vang
Sợ dấy Tu-di dìm Bắc Đẩu
Sóng lớn mênh mông vỗ ngợp trời
Nắm ngay lỗ mũi bỏ mất mồm”

Từ đó, danh tiếng vang khắp nơi, đạo thấm nhuần kẻ tăng người tục. Khi Sư ra hoằng hóa, trú tại chùa Giáo Trung. Biện hương vì Diệu hỷ niêm xuất. Đó là biết vốn vậy ư?

Liên hệ thử bàn:

Hễ là bậc thầy người phải có hai Pháp mới có khả năng ngồi giường khúc lục:

1/ Rõ biết kỹ nhãn (nắm bặt được tầm nhận biết của chính mình)

2/ Xem xét gốc bịnh. Nếu chính mình còn chưa tự rõ, đang phải kéo gông mang cùm, thì làm sao có thể vì người mà tháo niêm mở trói? Chẳng biết được gốc bệnh là chưa khỏi thấp hèn xấu xa giết người. Do đó phải nương gá lâu dài ở lò rèn, chưa thể thoát thai làm thành vật dụng. Đó chẳng phải tội của người học. Hễ là người học Đạo cũng phải có hai Pháp mới có thể nghiệm chứng được thoại đầu của Thiện trí thức trong thiên hạ:

1/ Tự chẳng biết đủ

2/ Chết đi sống lại.

Nếu dễ biết đủ thì cho mắt cá là châu ngọc. Còn nếu chẳng chết đi sống lại thì mạng căn sanh tử chưa dứt. Do đó phải lâu dài vào nơi “Trường chọn người làm Phật”, chẳng thể tâm không mà thi đậu. Đó chẳng phải tội của bậc Thầy. Cho nên Diệu Hỷ một đời chẳng chịu, về già đến thất của Xuyên cần, thẳng lên thềm Thất địa Hoa Nghiêm, có

đúng thế không? Nay Hối Am đem khôi hài để tham Thiền, chưa từng một phen Đại tử. Nếu chẳng phải tay mổ rồng của Diệu Hỷ mà chẳng quý mắt cá, hiếm thay! Nên bị Đại Tuệ hét cho một tiếng, ngay đó táng thân mất mạng, bèn có thể đối trước chúng làm con trùng Oách Minh rống lớn tiếng, há không sung sướng ư? Than ôi! Ở đời những kẻ ngang bướng lanh lợi, không ai chẳng mắc bệnh nguy nan như Hối Am, như kẻ cuồng điên mất tâm chẳng thể trị liệu rất nhiều, từng chưa uống chén thuốc của người cha làm thầy thuốc giả chết. Vả lại gấp muốn vì người chỉ lối mê chẳng cũng sai lầm ư?

11. Truyện Sa-môn Thích Đạo Nhan trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu

Thích Đạo Nhan hiệu là Vạn Am, vốn con nhà họ Tiên Vu, ở Đồng xuyên. Ban đầu, tham học với Đại sư Viên Ngộ chỉ Đăng đường chưa thể tạo huyền ảo. Viên Ngộ sắp về xứ Thục, gởi thư cho Đại Tuệ rằng: “Đạo Nhan vẽ xong rồi, chỉ chưa vẽ tai mắt. Ngày khác nối pháp rồi chưa thể lường được? Từ đó sớm tối chất nghi nơi Đại Tuệ, mới Đại triệt ngộ. Từ đó, tiếng tăm vang khắp xa gần, kẻ tăng người tục đều được giáo hóa. Có vị tăng hỏi: “Thế nào là Phật?”. Đạo Nhan đáp: “Hòa-thượng Chí công”. Hỏi: “Có người học hỏi Phật, sao đáp Chí công”. Đạo Nhan nói: “Chí công chẳng phải Hòa thượng nhàn rỗi”. Hỏi: “Thế nào là Pháp?”. Đạo Nhan nói: “Lụa vàng ấu phụ ngoại tôn Tẩn cối”. Vị tăng nói: “Rất là chương cú”. Đạo Nhan nói: “Câu cá trên thuyền, cảm tạ Tam lang”. Hỏi: “Thế nào là nói thẳng?”. Đạo Nhan nói: “Hòa-thượng Huyền sa”. Đạo Nhan hễ có nói Pháp đại khái đều giản dị như thế.

12. Truyện Sa-môn Thích Đỉnh Nhu chùa Tây Thiền ở Phúc Châu

Thích Đỉnh Nhu hiệu là Lại Am, vốn con nhà họ Lâm, ở Quận Chi. Thuở nhỏ theo nghiệp Nho học, thi đậu Tiến sĩ, tới cửa quan có tiếng. Năm hai mươi lăm tuổi, nhân đọc kinh Di giáo, chợt tỉnh, liền nói:”Dường như Nho quan là sai lầm!”. Liền muốn bỏ tục, người mẹ khó đích thân đón rước đúng lúc. Đỉnh Nhu mỉm cười dứt tuyệt, nói rằng: “Đào tươi mận đỏ một thời đón gió xuân, trúc xanh hoa vàng từ đây trở đi vĩnh viễn làm bạn Đạo”. Bèn nương theo Bảo Thọ Lạc Công làm Đại tăng, tham vấn khắp các bậc Danh túc, trở về làng kết am Khương Phong ba năm, thường đem câu thoại đầu “Tức tâm tức

Phật" hỏi cùng học giả. Bấy giờ, am Diệu Hỷ ở Dương tự, Hối Am có Di Quang hầu. Riêng đưa thư vời Đỉnh Nhu nói rằng: "Chủ am này thủ đoạn cùng các nơi khác nhau, hãy đến thiếu sót như thế nào?". Đỉnh Nhu chẳng đáp. Di Quang dùng kế mời đến, gặp lúc Diệu Hỷ vì chúng nhập thất. Đỉnh Nhu muốn theo Diệu Hỷ mà thôi. Diệu Hỷ nhân đó nêu: "Có vị Tăng hỏi Mã Tổ: "Thế nào là Phật?". Mã Tổ nói: "Tức tâm là Phật". Vậy ông làm sao?". Đỉnh Nhu nói, Diệu Hỷ mắng rằng: "Kiến giải của ông như vậy, mà dám vọng làm thầy người ư?". Mới đánh trống cho đó là tà giải. Đỉnh Nhu rơi lệ hai bên má chẳng dám ngước nhìn lên, tự im lặng nghĩ rằng: "Ta đã vì chỗ bày nhưng ý chỉ từ Tây đến chẳng truyền, đâu chỉ vậy ư?" bèn xin được xếp vào hàng đệ tử. Một hôm, Diệu Hỷ hỏi rằng: "Trong không thả ra, ngoài không thả vào. Ngay lúc ấy thế nào?". Đỉnh Nhu định mở miệng. Diệu Hỷ cầm trúc bề đánh vào lưng liên tiếp ba cái. Đỉnh Nhu đại ngộ, gắng nói rằng: "Hòa thượng đã nhiều rồi!". Diệu Hỷ lại đánh thêm một cái. Đỉnh Nhu liền lễ bái, Diệu Hỷ cười nói: "Ngày nay mới biết ta chẳng lừa dối ngươi". Và Ấn chứng bằng lời kệ rằng:

"Đảnh môn dựng mắt A-ma-hê
Khủyu tay đeo lệch bùa đoạt mạng
Mù mất mắt, tháo mất bùa
Triệu Châu tường đông treo Hồ Lô"

Từ đó, tiếng tăm vang vọng, pháp tích đông đúc, Đạo trùm phương xa. Từ đó về sau Sư khai mở Pháp đường, mới xứng là bậc tài giỏi có mắt sáng.

13. Truyện Sa-môn Thích Đạo Khiêm ở phủ Kiến Ninh

Thích Đạo Khiêm, người ở Bổn Quận, không rõ Sư họ gì. Đầu tiên nương theo Đại sư Phật Quả nhưng không chỗ vào. Bấy giờ, Diệu Hỷ vâng Thánh chỉ trú tại Kính sơn, Đạo Khiêm cũng ở đó theo hầu. Ngài sai đến Trường sa đưa thư cho Trương tử Nham, mới tự nghĩ rằng: "Tham thiền hai mươi năm vẫn chưa có chỗ vào, lại có hành vi này, đâu chẳng hoang phí ư!". Lúc sắp từ biệt, có người bạn tên là Tông Nguyên quát rằng: "Không được, há đang đi trên đường tham thiền không được sao? Huynh hãy đi tôi sẽ cùng theo". Một hôm, đang trên đường đi, Đạo Khiêm khóc và nói rằng: "Một đời tham thiền không chỗ đắc lực, nay bôn ba thế này, làm sao tương ưng được. Tông Nguyên nói: Ông chỉ đến các nơi tham vấn được, ngộ được, là do Viên Ngộ Diệu Hỷ nói cho huynh nghe hết, đều không cần lý hội. Giữa đường những gì ta có

thể giúp đều giúp hết, huynh chỉ có năm việc giúp không được, phải tự nhận đó!". Đạo Khiêm hỏi: "Năm việc ấy là gì?". Tông Nguyên nói: Đó là "Mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, vác thây chết đi trên đường". Đạo Khiêm ngay lời nói ấy đại triệt ngộ, bất chợt tay vỗ chân nhảy. Tông Nguyên nói: "Nay đây huynh trở về mới có thể thông sách, Ta về trước vậy.". Nửa năm sau, trở lại Song Kính, Diệu Hỷ đến ngồi ở đình ngoài Sơn môn, vừa thấy vậy bèn nói: "Kiến châu ông ấy trở về tự riêng biệt".

14. Truyện Sa-môn Thích Thanh Đán ở Đàm Châu

Thích Thanh Đán hiệu là Tuệ Thông, con nhà họ Nghiêm, ở Bồng Châu. Đầu tiên giã từ cha mẹ ân ái, ưa thích Không tông, nghe có đạo truyền riêng ngoài giáo, bèn chú ý nghĩ ngợi ngày một tha thiết, bèn ra khỏi cửa ải định đến chỗ các tùng tịch. Bấy giờ, Hòa-thượng Đại Quy Thái trụ tại Đức Sơn, bèn đến đó tham yết, gặp ngay lúc Hòa-thượng Đại Quy Thái thăng đường, nêu: "Triệu Châu nói: Đài Sơn Bà Tử đã vì ông khám phá xong rồi ý đạo ở chỗ nào?". Ngừng giây lâu lại nói:

"Ngay đất dúm lấy lá vàng đi
Vào núi đẩy ra mây trắng đến"

Sư nghe vậy bao nhiêu nghi ngại bình sanh tự nhiên tan biến. Ngày sau vào thất, Hòa-thượng Đại Quy Thái hỏi rằng: "Thế nào là trước Bách trượng chẳng lạc rơi vào Nhân quả, rất dễ đọa loài chồn cáo. Sau Bách trượng nhân chẳng mê muội Nhân quả, rất dễ thoát loài chồn cáo?". Sư nói: "Tốt nhất hãy cùng một hố mà chôn đi". Sư trụ lại, về sau thượng đường dạy rằng:

"Lừa ba chân lộng tha hồ bước đi
Bước bước theo nhau không trái ngược
Đầu cây kinh khởi
Hai cá chép niêm đến
Một già một trẻ
Vì thương tùng trúc dẫn gió lành
Vì sao ra cửa bèn là cỏ
Nhân gọi Đàn lang biết được hắn
Đại cơ Đại dụng đều xô ngã
Đốt hương khám chứng thấy cội nguồn
Phấn tảo đắp đầu lượm được báu
Tòng lâm mênh mông thương lượng rộng
Khuyên người chớ báng Tiên sư tốt!"

Môn đình của Sư rất nghiêm túc, cơ ngữ bén nhạy cho nên người học phần nhiều theo kịp.

15. Truyện Sa-môn Thích Hạnh Cơ chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai

Thích Hạnh Cơ, tự lấy hiệu là Giản Đường, con nhà họ Dương ở trong Quận. Mới sanh Sư đã sớm biết phát thú hướng cao xa, phong thái dáng dấp tĩnh ngộ khác thường, tài năng che lấp Nho lâm, từ tuổi trẻ đã bỏ vợ con tôi tớ, siêng học xuất thế, xem nhiều sách vở tiếng Phạn, vượt suốt ba thừa. Nghĩ muốn lìa lời nói, đơn cầu trực chỉ. Từ đó, kính mến giá trị đạo đức của Hộ Quốc Nguyên Công, nên cùng nương theo, hơi va chạm kìm chùy, thầm có khế chứng. Nhân trú tại núi Hoan mà dao cày thần lửa một mình suốt mười bảy năm, thường có bài kệ rằng:

"Đất lò chẳng lửa khách đãy không
Tuyết tợ Hoa dương rơi suốt năm
Lượm được đoạn gai khâu khố rách
Chẳng biết thân ở chốn vắng không"

Thường nghĩ: "Hãy còn chưa ổn định, đâu thể trụ ở núi vui việc ta ư?". Một hôm, Sư tình cờ thấy chặt cây ngã xuống đất có tiếng động, bỗng nhiên Đại ngộ. Bình thường nghi ngại xưa kia là ứng theo vật tan biến như băng tiêu, chưa có cơ hội đến, bèn có mạng lệnh của Viên thông ở Giang châu, Sư bèn nghĩ rằng: "Ta nói là làm". Bèn vui mừng kéo gậy ứng lại liền. Lúc lên pháp tòa Sư dạy rằng:

"Viên thông chẳng mở bày thuốc sanh
Đơn đơn chỉ bán chết loài mèo
Chẳng biết nơi nao không tính toán
Ăn mặc toàn thân lạnh mồ hôi"

Người nghe không ai chẳng tuyệt đảo, tòng lâm đến nay vẫn xưng tụng.

16. Truyện Sa-môn Thích Ngưỡng An ở chùa Linh Nham thuộc Lễ Châu

Thích Ngưỡng An, không biết Sư họ gì, dĩnh ngộ khác thường, vượt hơn mọi người. Từ tuổi thơ đã bỏ tục, vào chùa xuất gia, kính mến tối thượng thừa, tinh cần cẩn trọng đối với luật nghi, ưa thích đến các nơi giảng Pháp, thời gian lâu bèn bỏ, đến thất của Phật quả Khắc Cần. Bấy giờ, Hòa-thượng Đại Quy Thái làm tòa, vốn sớm tối khấu tham, mau lãnh hội. Về sau Hòa-thượng Đại Quy Thái trụ trì ở Đức Sơn,

bảo Ngưỡng An đến Phật Quả dâng lên Pháp thư. Phật Quả thấy thế liền hỏi: "Ngàn dặm rong ruổi chẳng nhục tông phong, Công án hiện thành cớ sao thông tin?". Sư nói: "Thấy mặt trình nhau, không còn giúp nhau". Phật quả nói: "Đó là Đức Sơn đặt hay là Hòa-thượng đặt?". Đáp: "Đâu có người thứ hai". Phật Quả nói: "Sau lưng đặt". Ngưỡng An liền dâng thư, Phật Quả cười, khen là "tác gia". Tiếp theo, Sư đến trước tăng đường dâng thư thăm hỏi Thủ tòa. Thủ tòa hỏi: "Huyền sa giấy trắng, ấy từ đâu đến?". Ngưỡng An nói: "Từ lâu im lặng ấy là cốt yếu, chẳng chuyên nói mau, ngày nay bái trình, mong xem qua một lượt!". Thủ tòa liền hét. Ngưỡng An nói: "Thủ tọa là Tác gia". Thủ tọa lại hét, Ngưỡng An dâng thư liền đánh, Thủ Tọa suy nghĩ định trả lời. Ngưỡng An nói: "chưa rõ ba tám chín, chẳng khỏi tư trầm ngâm". Lại đánh một cái nói: "Tiếp thời Phật Quả Phật Nhãn đồng thấy". Phật Quả nói: "Đánh Thủ Tọa chết rồi!". Phật Nhãn nói: "Quan Mã Tư Dương rất có bằng cứ". Ngưỡng An nói: "Nói rất phải, Quan Mã Tư Dương chính là Long Tượng Xúc Đạp". Phật Quả gọi Ngưỡng An đến trước nói: "Ta là Thủ Tọa của năm trăm người, cớ sao ông đánh kẻ khác?". Ngưỡng An nói: "Hòa-thượng phải cắn một cái". Phật Quả quay lại thấy Phật Nhãn lè lưỡi. Phật Nhãn nói: "Chưa có. Hỏi rằng: "Tay không nắm chiếc cày, ý câu thoại ấy làm thế nào?". Ngưỡng An cúi mình nói: "Chỗ cung đều đến thật". Phật Nhãn cười nói: "Vốn là người trong nhà". Lại đến núi Ngũ Tổ trao thư lên Hòa-thượng Biểu Tự. Biểu Tự nói: "Trong thư nói cái gì vậy?". Ngưỡng An nói: "Văn thể đã rõ". Biểu Tự nói: "Vậy rốt ráo nói cái gì?". Ngưỡng An nói: "Đang huơ kiếm báu". Biểu Tự nói: "Gần trước nay, ta không biết trong đó là cái gì?". Ngưỡng An nói: "Chớ lùa dối tốt lành". Biểu Tự quay lại hỏi thị giả: "Vị tăng ấy ở đâu vậy?". Thị giả đáp: "Đã từng ở trong Pháp hội của Hòa-thượng mà đi". Biểu Tự nói: "Làm sao được hoạt đầu?". Ngưỡng An nói: "Bi Hòa-thượng độn đặt lại". Biểu Tự đem thư đến trước lò xông đọc: "Nam-mô-tam-mạn-đa". Ngưỡng An ở gần trước búng ngón tay, Biểu Tự bèn mở thư. Từ đó tiếng tăm vang khắp bốn phương mà chẳng chịu làm sứ mạng của Hòa-thượng Đại Quy Thái. Không bao lâu, Sư ra hoằng hóa trú tại Linh Nham, tăng chúng nhóm họp, niêm truy dựng phất, rất có phong cách của cổ người xưa nhân.

17. Truyện Sa-môn Thích Bảo Ấn ở Kính Sơn thuộc phủ Lâm An

Thích Bảo Ấn hiệu là Biệt Phong, con nhà họ Lý ở Gia Châu.

Thuở nhỏ tinh thông sáu kinh, lớn lên suốt cùng bảy sử Sư bỗng nhàm chán trần tục, có chí kính mến trúc phần (kinh điển văn Phạn) bèn theo Hòa-thượng Thanh Tố ở Đức Sơn và được độ. Thường nghe giảng Kinh Hoa Nghiêm, Luận Khởi Tín, thảy đều thấu suốt được ý chỉ, biết rằng nhọc công đếm cát, rốt cuộc chẳng được giải thoát, Sư bèn nương theo Thiền sư Trung Phong Mật Ấn. Mất Ấn nêu: "Có vị tăng hỏi Nham Đầu: "Khởi diệt không ngừng, lúc ấy là thế nào?". Nham Đầu quát: Vậy ai khởi diệt? Sư nghe liền đại ngộ. Gặp Viên Ngộ trở về chùa Chiêu Giác, sai sư Sư đến thăm, Viên Ngộ hỏi: "Từ trước các bậc Thánh lấy gì tiếp người? Sư giơ nắm tay lên, Viên Ngộ nói: Đó là Lão tăng, dùng để làm gì, là từ trước các Thánh dùng đặt. Sư huơ nắm tay, Viên Ngộ cũng đưa nắm tay, cùng giao tiếp và cười lớn rồi thôi. Lại đến tham yết Đại Tuệ ở Kính Sơn. Đại Tuệ hỏi: từ nơi nào đến?-Đáp: Tây Xuyên. Đại Tuệ nói: Chưa ra khỏi ải kiếm môn. Đánh cho ngươi ba mươi gậy. Nói: Hòa-thượng khởi động chẳng hợp. Đại Tuệ vui mừng. Về sau, Sư vâng chiếu trú tại Tuyết Bảo. Niên hiệu Thuần Hy thứ bảy (1180) mùa thu có chiếu mời Sư để hỏi Đạo, ban vào Điện Tuyển Đức. Hoàng đế Hiếu Tông hỏi: "Các bậc Thánh trong Tam giáo vốn đồng nhau, lý ấy phải chăng?". Sư đáp: "Thể như hư không, bốn hướng Đông Tây Nam Bắc ban đầu vốn không hai". Hoàng đế nói: "Song, các bậc Thánh dựng lập môn hộ thì chẳng đồng nhau, Như Khổng Tử dùng tánh trung dung để thiết giáo". Bảo Ấn nói: "Nếu chẳng là trung dung thì lấy gì để an lập thế gian, nên trong Kinh Pháp Hoa nói rằng: "Chẳng hoại tướng thế gian mà thành Pháp xuất thế gian". Hoàng đế nói: "Ngày nay các bậc sĩ đại phu học theo Khổng tử phần nhiều chỉ chú trọng vào văn tự ngữ ngôn, chẳng thấy được Đạo của Khổng tử! Không biết tâm của Khổng Tử. Chỉ có Thiền tông của Phật giáo chẳng dùng văn tự dạy người, chỉ thẳng nguồn tâm khiến mau ngộ nhập. Chẳng nhiễu loạn mé sanh tử. Đó là thù thắng". Bảo Ấn nói: "Chẳng phải chỉ có hàng hậu thế chẳng thấy tâm của Khổng tử, từng thấy Nhan tử trong cửa Khổng gọi là cụ thể, là dốc hết sức lực của một đời người chỉ nói được cái nhìn trước mắt, bỏ quên phía sau, rốt cùng bắt chước chẳng được, mà Khổng tử có tám chữ rõ ràng là: "Đánh mở chỉ đạo cho các đệ tử". Hai ba ông cho ta là an ổn ư? Ta không an ổn, ta không hành mà chẳng cùng hai ba ông là khâu! Lấy đó mà quán xét thì Khổng tử không hề tránh né Đệ tử mà Đệ tử tự sai lầm! Ngày xưa Trương Thương Anh nói: "Tôi nhờ học Phật mà sau đó rõ biết về Nho! Lời nói ấy thật xác đáng". Hoàng đế nói: "Ý trẫm cũng như vậy!". Lại hỏi rằng: "Trang tử là người như thế nào?". Bảo Ấn nói:

"Chỉ là Thanh văn Tiểu thừa trong Phật giáo vì thuộc hạng hạ nhân. Bởi vì Tiểu thừa nhàm chán thân như gông cùm, bỏ trí như tạp độc, hóa lửa đốt thân, nhập vào cảnh giới vô vi, tức như chỗ nói của Trang tử là "Hình có thể sai sử như cây gỗ, tâm có thể sai sử như tro lạnh". Còn đối với hạng người Đại thừa thì không phải như vậy, chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề, chính như Y Doãn nói ta là bậc tiên giác của Dân, phải đem Đạo ấy để giác ngộ Dân. Có kẻ không thấm nhuận ân đức đó, nên đã đẩy vào trong ao hồ". Hoàng đế vô cùng vui vẻ, ban chiếu trú tại Kính Sơn. Đến lúc khai mở Pháp hội Sư dạy rằng: "Các Đức Phật Ba đời dùng một câu mà diễn giảng trăm ngàn muôn ức câu. Thâu trăm ngàn muôn ức câu chỉ còn lại một câu. Học trò Tổ sư nửa câu cũng không, chỉ nghĩ làm sao khế hợp, ít nhiều bị đau vì đánh. Các nhân giả chớ nói chư Phật đúng, Tổ sư đúng, nếu nói Phật đúng, Tổ chẳng đúng, Tổ đúng Phật chẳng đúng thì lấy bỏ chưa quên. Nếu nói Phật Tổ một lúc đều đúng, một lúc đều chẳng đúng, mập mờ chẳng ít, hãy cắt đoạn dây bìm dây sắn, một câu làm sao nói?". Dừng lại giây lâu Sư dạy tiếp: "Như trùng lớn nằm trong giấy, thích cười lại sợ người". Tháng hai niên hiệu Thuần Hy thứ mười (1183), Hoàng đế chú giải Kinh Viên Giác, ban chiếu vời Sư bảo viết lời tựa để lưu hành. Tháng mười một niên hiệu Thiệu Hy thứ nhất (1190) Thiền sư Trí Sách quyết định từ biệt, Trí Sách hỏi ngày đi, Sư nói: "Nước đến cừ thành". Bèn lấy giấy viết chín chữ: "Lúc gà gáy đêm mùng bảy tháng mười hai". Quả thật đến ngày thì Sư viên tịch, lưu lại bảy ngày mà sắc mat vẫn tươi nhuận sáng sạch, tóc dài, trên đỉnh đầu ấm nóng, an táng toàn thân ở Tây Cương, vua ban thụy hiệu là "Từ Biện", tháp hiệu "Trí Quang".

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH
(Quyển sáu hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 7

CHƯƠNG III: TU TẬP THIỀN ĐỊNH

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG III

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

1/ Truyện Sa-môn Thích Húy Tài ở chùa Thượng Phong thuộc Đàm Châu

Thích Húy Tài hiệu là Phật Tâm, con nhà họ Diêu ở Phước Châu. Thuở nhỏ làm khu ô (đuổi quạ), đến hai mươi tuổi được độ, tinh cầu Luật Bộ, trì phạm trong sạch như sương tuyết, kính mến tối thượng thừa, chẳng nệ khấu kiến phương xa, nhọc mệt chẳng ngại một niêm gắng sức tham cầu. Đầu tiên yết kiến Hải Ấn Long Công ở Đại Trung, chợt thấy Lão túc Đạt Đạo xem Kinh, đến câu "Đầu một cọng lông sư tử, trăm ức đầu lông cùng lúc hiện?". Húy Tài hỏi rằng: "Một cọng lông sư tử làm sao sanh được trăm ức cọng lông đồng thời hiện ở một nơi?". Lão túc Đạt Đạo nói: "Ông mới vào tòng lâm chưa thể lý hội được việc ấy". Húy Tài thắc mắc. Gặp lúc Hải Ấn ban đêm đang tham, đến chỗ tòa, ngồi bỏ gậy nói: "Rõ ngay đầu cọng lông nuốt cả biển lớn mới rõ mặt đất chỉ như một hạt bụi". Húy Tài hoát nhiên có chút tỉnh ngộ. Kế đến tham yết ngài Hoàng Long Tử Tâm mà chưa khế hội, bèn đến tham yết Linh Nguyên. Hễ mỗi lúc vào thất ra thì lệ ngấn tràn nói: "Việc ấy tôi thấy rất rõ ràng, chỉ có cái đó chẳng ra, biết làm sao". Linh Nguyên nói: "Phải là Đại triệt mới được tự tại". Một hôm, trộm xem vị tăng bên cạnh đang đọc "Tào Động Quảng Lục", đến chỗ Dược Sơn lượm củi trở về, có vị Tăng hỏi ở đâu đến? Dược Sơn nói kiếm củi về, vị tăng chỉ con dao ở thắt lưng nói: "Ô! Bóc, bóc, là cái gì?". Dược Sơn rút dao làm thế đang chặt. Sư hốt nhiên Đại ngộ, bạt tai vị Tăng bên cạnh, vén sáo (rèm thả) chạy ra nói kệ rằng:

"Triệt, triệt biển cả ráo khô

Hư không rách nát
Bốn phương tám hướng dứt che ngăn
Muôn tượng sum la đều rỉ chảy".

Ban đầu Sư trụ tại chùa Thượng Phong, thường dời đến các chùa nổi tiếng, từ sông biện hải triều tuôn sóng vọt. Người học không thể ghé vào được ven bờ ấy.

2/ Truyện Sa-môn Thích Diệu Phổ ở Am Thanh Long thuộc Hoa Đình

Thích Diệu Phổ hiệu là Tánh Không, người ở Hán Xuyên, không biết Sư họ gì. Từ lâu nương tựa Hoàng Long Tử Tâm, thầm được Tâm ấn, phẩm cách cao xa, khí vũ rộng lớn. Vì kính mến Di phong của Thuyền tử nên Sư đến Tú thủy kết am ở rừng Thanh Long, không có nhiều vật dư, chỉ thích thổi ống tiêu sắt để tự vui, ưa thích ngâm vịnh, thường làm thơ "Sơn Cư" rằng:

"Tâm Pháp đều quên còn cách dối
Sắc trần không hai, còn dư trần
Trăm chim không đến xuân lại qua
Không biết ai là người ở am"
Và dạy chúng bằng bài kệ rằng:
"Học Đạo giống như giữ cấm thành
Ngày phòng sáu giặc, đêm tĩnh lặng
Trong quân chủ tướng hay hành lệnh
Chẳng động chiến tranh trị thái bình"

Đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) đời Tống, giặc Từ Minh làm phản. Đạo kinh ô trấn tha hồ giết hại, dân chúng sợ trốn mất. Sư nghe vậy than rằng: " Chúng sanh đồ thán, Ta làm sao cứu?". Bèn mang sách đi thẳng đến chỗ giặc, giặc thấy hùng vĩ khác thường nghi là gian trá, hỏi từ đâu đến. Sư đáp: "Từ Thiền đến". Hỏi: "Đi đến đâu?". Đáp: "Qua chùa Mật ấn". Giặc tức giận định chém. Sư nói: "Nếu quí vị cần đầu thì cứ lấy, sao tức giận làm gì? Tôi chết là hẳn rồi, xong xin được một bữa cơm để gọi là Tống chung". Giặc đem thịt ra, Sư cúng Phật xuất sanh như nghi thức thường lệ nói: "Ai sẽ viết văn để tế ta?". Giặc cười chẳng đáp. Diệu Phổ xin giấy bút viết lớn rằng: "Than ôi! Duy Linh nhọc ta nếu sống thì mắc lỗi lớn, sai ta để thọ thì lỗi của âm dương, thiếu ta để nghèo khó thì ngũ hành bất chánh, khốn đốn ta vì mạng thì ngày giờ không tốt. Chao ôi! Rất lắm! May có Đạo xuất trần, tỏ ngộ được tánh của ta cùng Diệu tâm đó, thì Diệu tâm đó ai cùng gần gũi?

Trên đồng với chân hóa của các Đức Phật, dưới hợp với vô minh của phàm phu, mảy trần chẳng động, vốn tự viên thành. Huyền diệu thay! Huyền diệu thay! Mặt trời mặt trăng không đủ để làm sáng tỏ. Trời đất không đủ lớn lao, rõ rõ ràng ràng không quái không ngại! Hơn sáu mươi năm hòa nhập vào cuộc đời, bốn mươi hai tăng lạp tự tại tiêu dao, gặp người thì vui, thấy Phật chẳng lạy, đáng cười ư? Tiếc thay! Thiếu thời lang phong lưu khắp vẻ sáng ngời, thản nhiên lui tới mặc tình gió xuân, thể dường hư không chẳng bao giờ hoại, vẫn còn thọ hưởng!". Bèn cầm đũa gắp thịt ăn. Bọn giặc cười lớn. Ăn xong Sư nói: "Kiếp số đã gặp ly loạn, Ta là kẻ rất thích sống, bây giờ chính đã phải lúc, xin cho một dao đứt làm hai đoạn". Và hô lớn: "Chém, chém!". Bọn giặc hốt hoảng kinh dị, dập đầu lạy tạ lỗi lầm, sai người bảo vệ đưa Sư ra. Từ đó dân trong lô xá, mọi người lớn nhỏ đều được ân huệ của Sư. Có vị tăng hỏi: "Đã thấy Phật cớ sao chẳng lạy?". Sư bèn tát, hỏi rằng: "Hiểu chăng?". Đáp: "Chẳng hiểu". Lại tát, rồi nói: "Nhà không hai chủ". Mùa đông niên hiệu Thiệu Hưng Sư dự làm một cái bồn lớn, đục lỗ rồi bít lại, viết thư gửi cho Thiền sư Tuyết Bảo trì rằng: "Tôi sắp thủy táng!". Năm Nhâm tuất (1142) Tuyết Bảo trì đến, Sư vẫn còn, bèn làm kệ diễu cợt rằng:

"Ô hay lão tánh không
Cần yếu cho cá ăn
Sao chẳng tìm tánh đi
Chỉ nhọc nói với người?"

Sư cười nói: "Vì đợi Sư huynh đến chứng minh!". Rồi bố cáo khắp xa gần, mọi người nhóm họp. Sư chỉ bày Pháp yếu nói kệ rằng:

"Chết ngồi, chết đứng
Chẳng bằng thủy táng
Một khỏi tốn củi
Hai khỏi đào mồ
Buông tay là đi
Chẳng vui sướng sao?

Vậy ai biết tiếng Hòa-thượng Thuyền Tử Cao Phong khó tiếp nối

Trăm ngàn năm một khúc Ngư phủ ca, ít người xướng kịp"

Bèn xếp chân ngồi trong bồn, miệng thổi ống tiêu sắt, theo nước rút mà xuống, mọi người đều theo đến bờ biển. Sư bỏ đồ bít lỗ, dòng nước xoáy quanh, cả chúng đều nhìn theo dòng nước, một giọt không vào, bèn theo dòng mà an trụ ca rằng:

"Hơn sáu mươi năm về quê cũ

Xóa tan dấu vết diệu khó lường
Chân phong gởi khắp biết âm hưởng
Tiếng tiêu sắt khua động tán trường"

Mọi người nhìn khỏi tầm mắt thấy, vẫn còn nghe tiếng tiêu vang vọng trong khoảng mênh mông. Xa thấy Sư quăng ống tiêu lên giữa hư không mà ẩn mất. Mọi người gào khóc đua nhau họa vẽ hình tượng để phụng thờ, sau đó ba ngày thấy Sư ở trên cát ngồi kiết già như đang còn sống. Kẻ tăng người tục đón rước về lưu lại năm ngày. Khi trà-tỳ Xá lợi lớn như hạt đậu, có hai con hạc lượn vòng giữa hư không đến lúc lửa tàn mới bay đi. Xây tháp thờ tại am Thanh Long.

3/ Truyện Sa-môn Thích Ứng Đoan trụ chùa Pháp Luân ở Đàm Châu

Thích Ứng Đoan con nhà họ Từ ở Nam Xương. Vừa mới sanh mà lông mày dài như hình nghi quắc thước, từ nhỏ đã nhàm chán trần uế, đến tuổi thiếu thời bước vào không môn, nương theo Đại sư Thiện Nguyệt chùa Hóa Độ ở trong Quận được độ làm Đại tăng, đến tham yết ngài Châu Tịnh Văn nhưng chẳng hợp cơ. Bấy giờ Linh Nguyên phân tòa, Vân Cư khấu hợp. Linh Nguyên hơi thêm nhọc đáp, Ứng Đoan tự phụ kiến giải của mình khéo vào kinh luận, bèn biện dẫn cơ ngữ của Mã Tổ Bách Trượng cũng như ý chỉ Kinh Hoa Nghiêm cùng phô bày đối đáp. Linh Nguyên cười nói: "Ông nêu Bách Trượng Mã Tổ hẳn nhiên là sai lầm. Và Tông chỉ của Hoa Nghiêm cùng với sự vui mừng ấy chẳng có quan hệ gì". Ứng Đoan tức giận muốn bỏ đi, nhân lúc từ biệt, vừa vén rèm thì hoát nhiên Đại ngộ, mồ hôi tuôn ướt cả lưng. Linh Nguyên thấy vậy mừng nói: " Ông mới biết tốt xấu!" Mã Tổ, Bách Trượng, Văn-thù Phổ Hiền đâu bị ông làm lụy!". Do đó, tiếng tăm vang khắp bốn phương, bảy chúng khâm phục Đạo hạnh. Khoảng cuối niên hiệu Chính Hòa (1118) Thái sư Trương Tư Thành hư Bách Trượng Kiên mạng khai đường, cử câu thoại: "Có vị tăng hỏi ngài Đại Tùy: Lúc kiếp hỏa cháy bừng, cái ấy hoại hay chẳng hoại?, Đại Tùy đáp:

"Lục hợp khuynh nghiêng từ mặt đến
Tạm mặc áo vải dính bụi trần
Nhân gió thổi lửa vấy việc nhàn
Dẫn được người đi chẳng chịu về
Hoại, chẳng hoại, tùy hay chẳng tùy
Luống đem kiến văn gượng bít chùy
Hồ rộng ba ngàn sáu vạn khoảnh

Nguyệt tại sóng lòng nói với ai"

4/ Truyện Sa-môn Thích Đạo Chấn ở chùa Hoàng Long thuộc phủ Long Hưng

Thích Đạo Chấn hiệu là Sơn Đường, con nhà họ Triệu ở Kim Lăng. Từ tuổi tóc búi trái đào Sư đã nương Thiền sư Giác Ấn Anh làm đồng tử, từ Giác Ấn Anh dời đến chỗ Phổ Chiếu ở đất Tứ được độ, lâu sau đến tham yết Đơn Hà Tử thuần, cùng luận bàn Tông chỉ Tào Động. Đạo Chấn trình kệ rằng:

"Mây trắng che dầy núi lạnh xưa
Cỏ lạ hoa linh sắc phụng hàm
Nửa đêm trời sáng như giữa ngọ
Cỡi bò quay mặt buột áo giấy"

Sau đó nương theo Đại sư Thảo Đường, ngày đêm đọc học kinh tạng, một đêm vẳng nghe tiếng trống tham buổi chiều bèn đi kinh đường, ngẩng đầu thấy trăng, bỗng nhiên Đại ngộ, liền chạy đến Phương trượng, Thảo Đường thấy vậy bèn nói: "Ông đã thấu triệt" bèn ấn chứng cho. Tìm ra ba dời mà đến Bách Trượng, đạo phong hiển bày. Vào năm Kỷ tỵ (1149) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng, có vị Luật sư ở Hoàng Long, các nạp tử tán tử tan đi, chủ sự đến tiền đường, cầu Hoàng đế thừa tuyên kế thừa sách, trước. Đề đạt đến Hồng sư Trương như Oánh, Oánh bảo Sư vì đồ chúng trông mong, mà chủ sự xin gửi thư cảm tạ Hoàng đế. Đạo Chấn trách rằng: "Vương công là người hộ trì Phật Pháp, sao lại có sự cảm tạ? Huống gì ta và ông vốn mê muội bình sanh". Từ đó, chủ Sự hổ thẹn, thối lui, nên Trọng Ôn nói rằng: "Kia giao kết với quyền quí, cậy làm tường vách che chở. Những ai nghe đến chuyện ấy mồ hôi đều tươm ướt mặt. Ôi! Từ niên hiệu Thiệu Hưng về sau, Tôn sư ngôn hạnh tương ưng cùng sương thu tranh cạnh sự trang nghiêm. Nếu bỏ Đạo chấn thì đó là ai ư?

5/ Truyện Sa-môn Thích Pháp Nhất trụ chùa Vạn Niên ở núi Thiên Thai

Thích Pháp Nhất hiệu là Tuyết Sào, tức là huyền tôn của Vương phụ mã Lý Tuân Úc ở quận Tương Dương. Gia đình sinh sống tại huyện Tường phù thuộc Khai phong. Mẹ của Sư mộng thấy một lão tăng đến nhà mà sinh ra Sư, tiếng nói lớn khí chất mạnh mẽ, có tướng Đại nhân. Năm mười bảy tuổi thi Thượng tường, theo ông nội làm quan ở Hoài Nam, muốn làm quan ở đó, nhưng xin bỏ gia nghiệp, theo phụng thờ

Thiền sư Từ Giác có ở Trường lô, ông nội không chấp thuận. Mẹ Sư nói rằng: "Đứa trẻ này đời trước chắc là sa-môn, xin chớ đoạt mất chí khí ấy". Sau đó không lâu, Thiền sư Từ Giác viên tịch, Sư bèn đến đảnh lễ Thiền sư Thông Chiếu Nguyện ở Linh Nham, được cạo tóc theo hầu một năm. Tâm giác mê muội, đạo không lối vào, Sư bèn đến Tương Sơn tham yết Đại sư Viên Ngộ, Pháp Nhất thấy khí thế nên vô cùng kính trọng, vừa lúc Viên Ngộ vâng Thánh chỉ đến trú tại chùa Thiên Ninh, Pháp Nhất cũng đến đó theo hầu mà chẳng khế hội, kế đến chỗ Đại sư Thảo Đường ở Sơ Sơn chỉ nói một lời mà bỗng nhiên thấu suốt đáy nguồn. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ bảy(1137) Tuyền Thú Lưu Ngạn Tu thỉnh Sư đến trụ tại Diên Phước, qua bốn lần dời đến chùa lớn, cuối cùng trú tại Trường lô. Nhân kính mến cảnh đẹp của Thiên thai, sớm tối nghĩ tưởng, từ đó xin được về trụ tại Viện Quán Âm ở Bình Điền là vùng núi non nằm cao trên ráng mây, sáo dài sâu xa, ở thế mà quên bẵng thế tục. Một hôm, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, viết kệ rằng:

"Nay tuổi đà bảy lăm
Vềlàm chủ am tranh
Trân trọng Quán Thế Âm
Rắn bùn nuốt hổ đá"

Rồi vào khám ngồi kiết già từ biệt Đại chúng mà hoá, tháp thờ Sư được xây dựng tại bổn sơn.

6/ Truyện Sa-môn Thích Phổ Giao trụ chùa Thiên Đồng ở phủ Khánh Nguyên

Thích Phổ Giao họ Tất, ở Vạn Linh trong quận. Thuở nhỏ dĩnh ngộ hơn người, chẳng nhiễm vướng bùn nhơ, ghét ồn ào, trong sạch nghiêm khiết như tu sĩ, chưa đến tuổi trưởng thành đã được độ, năm hạ chẳng thiếu. Đầu tiên tham yết Đại Minh, nghe tập Thai giáo. Tình cờ có vị thí chủ phụng tu Bái sám, có người hỏi: "Việc sám hối tội lỗi của sư là tự sám hay là Tha sám? Nếu nói là tự sám thì tội tánh từ đâu đến? Còn nếu Tha sám thì tha tức chẳng phải sư, vậy làm sao mà sám?. Phổ Giao trả lời không được, vô cùng hổ thẹn, bèn tìm đến chỗ ngài Lặc Đàm. Vừa bước chân đến cửa, Lặc Đàm liền mắng đuổi, Phổ Giao suy nghĩ định hỏi, Lặc Đàm liền đánh đuổi đi. Một hôm, Lặc Đàm bỗng nhiên gọi Phổ Giao đến phương trượng nói rằng: "Ta có công án của người xưa, sẽ cho ông thương lượng". Phổ Giao suy nghĩ định nói, Lặc Đàm liền hét, Phổ Giao hoát nhiên đốn ngộ, ngoái đầu lại cười lớn. Lặc Đàm bước xuống giường dây nắm tay Phổ Giao nói: "Ông hiểu được

Phật Pháp ư?”. Phổ Giao liền hét, gạt ra, Lặc Đàm cũng cười lớn. Từ đó nổi tiếng khắp bốn phương, được người học nói theo. Sau trở về quê nhà ở Thiên Đồng, đóng cửa tám năm, chùa Pháp tịc trống vắng, Quận Liêu ban bảo khai Pháp, sợ Phổ Giao trốn đi nên sai sứ hầu ở đạo tràng, nên không thể từ chối. Lúc lên Pháp đường, Sư dạy rằng: “Chao ôi! Lão mặt vàng, Phật Pháp giao phó vương thần, khách vô tình dưới núi, quan sai giết hại, người chẳng biết đáy tâm, vì ta miễn được điều đó. Nếu không được miễn là đem sai lầm đến sai lầm đi!”. Hễ thấy có vị Tăng nào đến thì quát rằng: “Ông là loài lang lật, chưa phải lúc gánh vác, ta đã nói cho ông nghe rồi. Vả lại, Đạo là nói cái gì? Vẫy tay rửa bát, nắm quạt giương cung, Triệu Châu bách thọ tử, Linh Nguyên thấy hoa đào mà không buông qua một bên, Sơn tăng không biết làm sao rảnh rang môi mép để cùng ông đánh dây bìm dây sắn? Sao không nghỉ đi, thôi đi?”. Bỗng cầm gậy đuổi đi. Đến ni6n hiệu Tuyên Hòa thứ sáu (1124) ngày hai mươi tháng ba, Sư tắm rửa xong, lên tòa nói bài kệ rằng:

“Gậy báu gõ không gặp chỗ xuân
Trong cái tiêu tức đặc Di luân
Đêm qua gió động đảnh non lạnh
Sợ dấy bò đất cày mây trắng!”

Nói xong, an nhiên viên tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Tháp thờ Sư được xây dựng tại bổn sơn.

7/ Truyện Sa-môn Thích Đạo Mân ở chùa Viên Thông thuộc Giang Châu

Thích Đạo Mân được vua ban hiệu là Viên Cơ, người đời tôn xưng là Cổ Phật, con nhà họ Tế ở Hưng Hóa. Mẹ Sư nằm mộng thấy nuốt ngọc Ma-ni mà mang thai Sư, sanh đã năm năm, mà chưa biết đi, biết nói. Một hôm, mẹ Sư bồng đến chùa Tây Minh, thấy tôn tượng Đức Phật, Sư vội chạy đến chấp tay làm lễ, xưng niệm “Nam-mô Phật”. Mọi người thấy vậy rất lấy làm lạ. Lớn lên làm quan cho học Đại lương, bèn bỏ nương theo Đại sư Đức Tường chùa Cảnh Đức để xuất gia và được độ. Sư đến tham yết khắp chốn rừng thiền, đều được tiêm nhiễm ý chỉ. Sau gần gũi Thiền sư Triết ở Quy sơn mà không chỗ vào, bèn đến tham yết Lặc Đàm Càn Công, trình bày rõ sở đắc, Lặc Đàm chẳng ấn chứng cho. Một hôm, Lặc Đàm nêu câu thoại Đức Thế Tôn giơ cành hoa sen, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười để hỏi, Sư chẳng khế hội. Theo hầu Lặc Đàm mà đi, đến lúc Lặc Đàm đưa gậy gác lên vai, thở dài hỏi: “Hiểu không?”. Đạo Mân suy nghĩ định đáp, Lặc Đàm liền đánh. Có một lúc

nọ, ngài Lặc Đàm lại cầm một bó củi đưa cho Sư xem, hỏi: "Là vật gì?". Đạo Mân cũng suy nghĩ định đáp, Lặc Đàm liền hét ngay lúc đó Sư đến ngộ huyền chỉ, bèn làm thế giơ cành hoa lên nói: "Vừa rồi định lừa dối Thượng tọa Mân mà không được!". Lặc Đàm bảo: " Hãy nói". Đạo Mân nói: "Phía nam núi mây nổi, phía bắc núi mưa tuôn" rồi đảnh lễ ba lạy. Lặc Đàm gật đầu ấn chứng cho. Về sau Sư mở Pháp hội ở Quán Khê, dời đến Viên Thông để hợp với dự ký của Đạo Tế. Người học đông như sông tuôn về biển. Triều đình nghe được Đạo hạnh của Sư, các quan đến thỉnh, biếu tặng y phục, ban hiệu là Viên Cơ, tôn kính sủng ái. Từ đó xa gần đều khâm phục phong hóa của Sư, lớn nhỏ thảy đượm nhuần ân pháp trạch, không rõ về sau Sư tịch ở đâu.

8/ Truyện Sa-môn Thích Thụy Tiên trụ Viện Từ Thị ở Thiệu Hưng

Thích Thụy Tiên người ở Cối Kê. Thuở nhỏ bị buộc ràng trong lưới trần, trầm mình trong sông ái. Năm hai mươi tự nhiên Sư bỏ nhà, đi thi kinh, được xuất gia, tinh chuyên học tập luật Tạng Đại thừa, Tiểu thừa đến câu "Giới tánh như hư không, người hành trì mê mờ điên đảo "bỗng nhiên tự tỉnh ngộ, nghĩ rằng: "Giới là Pháp thúc liễm thân tâm, sao tự bó buộc ư?". Bèn nghiên cứu giáo nghĩa Thiên thai. Một hôm, xem đến chỗ: "Các Pháp chẳng tự sanh, cũng không từ tha sanh, chẳng cộng, chẳng vô nhân, nên nói là vô sanh", bèn nghi rằng: "Đã chẳng tự lại chẳng tha, chẳng cộng chẳng vô nhân. Vậy rốt ráo do từ đâu mà sanh?". Khen ngợi rằng: "Pháp nhân duyên sanh tuy chiếu dùng không giả tam quán, chẳng quá đè ép hay tân bốc biển tánh, Tâm, Phật, chúng sanh, tên gọi tuy khác nhưng thể đồng là một. Mười cảnh mười thừa, Diệu tâm thành trí. Cảnh chẳng thể suy nghĩ bàn luận, trí chiếu mới sáng tỏ, lời nói chẳng thể đến được". Bèn lại tham yết các vị Ký túc, sau lên núi Đầu tử, gặp Thiền sư Quảng Giám, Thiền sư hỏi: "Từ đâu đến?"-Đáp: "Từ lưỡng triết đông việt đến". Quảng Giám hỏi: "Việc ở Đông việt phải làm sao?". Thụy Tiên đáp: "Tần trông núi cao, xem hồ nước rộng". Quảng Giám hỏi: "Tần trông núi cùng với chính mình là đồng hay khác?". Thụy Tiên đáp: "Lời Phạn tiếng Đường". Quảng Giám nói: "Giống như rừng nghiệp, chỉ đối với rốt cuộc là đồng hay khác?". Thụy Tiên bèn hét, Quảng Giám liền đánh, bỗng có chút tỉnh ngộ, đảnh lễ nói rằng: "Ân lớn khó đáp đền". Về sau, khai Pháp ở Từ thị, Sư thường hỏi chư tăng rằng: "Ba con Lạc đà, hai con què mất một chân, một ngày đi đến muôn dặm, rong ruổi chẳng trước, mà nay thâu

bắt tại núi Ngọc Tuyền, chẳng cho người đương thời loạn châm chước, các ông hướng về nơi nào, mà thấy Thượng toạ Thụy Tiên". Cả chúng không một ai có thể mở lời, cho hợp cơ. Về sau, Sư thị tịch ở bổn sơn.

9/ Truyện Sa-môn Thích Thiên Du ở chùa Vân Nham thuộc phủ Long Hưng

Thích Thiên Du tự lấy hiệu là Điển Ngưu, con nhà họ Trịnh ở Thành đô. Thuở nhỏ theo Nho học, dĩnh ngộ tuấn tú khác thường, đồng bạn đều tôn trọng. Ban đầu thi trường quận, lại thi ở Tử châu, hai nơi đều tiến cử, sợ chẳng dám đảm nhận, bèn đổi tên vượt ải, gặp lúc Vương sơn cốc từ hướng Tây trở về, thấy Thiên Du phong cốt khác phàm, đàm luận siêu trác, mời ngồi cùng thuyền, khuyên đến Lô sơn cạo tóc. Đầu tiên, Sư tham yết Tử tâm nhưng chẳng khế hội, nên nương theo Trạm Đường Chuẩn ở Lặc Đàm. Một hôm, Trạm đường thuyết giảng chung rằng: "Các ông khổ khổ nhọc đến chỗ Thượng tọa Chuẩn tôi tìm hỏi Phật Pháp". Bèn vỗ đầu gối hỏi: "Hiểu chăng? Trên tuyết thêm sương". Lại vỗ đầu gối nói: "Nếu cũng không hiểu, há chẳng thấy Càn phong dạy chúng rằng "Nêu một chẳng được nêu hai, bỏ qua một, chấp rơi vào thứ hai", Thiên Du nghe, thoát nhiên ngộ nhập. Sau ra hoằng hóa trụ ở Vân cái, dời đến Linh Nham, lúc nói Pháp, phần lớn có phong thái của Trạm Đường, thường hòa trung đạo, tụng Mục Ngưu (chăn trâu) rằng:

"Hai sừng chỉ trời
Bốn chân đạp đất
Dắt đứt dây mũi
Chăn rất nhiều phân.

Trương Vô Tận thấy vậy rất kính tiết, nhân trở về Vân Nham, ngang qua Lô sơn, mà dừng nơi hiền chủ, ý chẳng muốn nhận, bèn cố nói rằng: "Lão lão, Đại đại! Chính là Điển Ngưu trong kho chất chăng?" Thiên Du nghe vậy nói kệ rằng:

"Kho chất đêu từng hiểu Điển Ngưu
Chỉ do giá mắc thật khó đền
Tưởng ông bản lãnh không nhiều con
Rốt cùng khó cầm một đầu ấy!"

Cuối cùng bỏ am đến Võ Ninh, đề tấm biển "Điển Ngưu" và suốt đời chẳng ra. Năm gần trăm tuổi mới cáo tịch. Lúc thấy ở Đồ Độc thuộc Kính Sơn thì Sư đã chín mươi ba tuổi.

10/ Truyện Sa-môn Thích Pháp Nhân trụ chùa Giác Hải, phủ Bình Giang

Thích Pháp Nhân con nhà họ Chu ở Cô Tô thuộc Ngu Sơn, thuở nhỏ chìm đắm trần tục, không có ý vượt khỏi buộc ràng. Năm 24 tuổi mới đắp mặc tăng phục, chẳng đến năm năm đã du phương, tham yết Thiền sư Tuệ Nhật Nhã ở Đông Lâm. Tuệ Nhật nêu nhân duyên Linh Vân thấy Hoa đào mà ngộ đạo để hỏi. Pháp Nhân suy nghĩ định đáp Tuệ Nhật nói: "Không đúng, không đúng". Bỗng có chỗ khế hội, trình kệ rằng:

"Đầu non hoa đào nở
Hoa đào từ đâu đến
Linh Vân mới vừa thấy
Quay đầu mua ba đài"

Tuệ Nhật răn rằng: "Tuy cái thấy của ông đã nhỏ nhiệm, nhưgn phải nương vào phương tiện để rõ được Đại Pháp". Từ đó thường trụ tại Lô phụ ba mươi năm, chẳng giao tiếp với người đời, người học ở bốn phương vô cùng kính mến, vượt sông trèo đồi tìm đến lò rèn. Pháp Nhân cũng chẳng từ chối đào luyện, tùy căn cơ mà nói Pháp. Cuối niên hiệu Kiến Viêm (1131) đời Tống, giặc cướp nổi dậy ở Giang Tả, Pháp Nhân bèn thuận dòng đi về phương đông. Nơi biển Giác kẻ tăng người tục nối nhau tìm đến hỏi đạo. Pháp Nhân thường vì chúng dạy rằng: "Các ông phải giữ gìn Định lực, chớ lo sớm tối cầu việc bên ngoài!". Đến tuổi về nhà phóng lãng, tự nhiên xưng là "Ngũ tùng tán nhân".

11/ Truyện Sa-môn Thích Uẩn Năng trụ chùa Trung Nham ở My Châu

Thích Uẩn Năng hiệu là Tuệ Mục, con nhà họ Lã ở trong Quận. Thuở rẻ học theo Nho, nghiên cứu rộng Kinh sử. Năm hai mươi hai tuổi ở thôn lục khảo xét sách vở, tình cờ đến chùa núi, thấy sách Thiền để trên bàn, lấy xem đọc, dường như có sở đắc, bèn bỏ áo mão, làm tăng thọ giới cụ túc, một bình bát vân du. Đầu tiên, tham kiến Thiền sư Bảo Thắng Trừng Phủ, hỏi đáp qua lại chỗ thú hướng rất khác lạ, thẳng đến Kinh Hồ bèn tham yết các vị Vĩnh An Hỷ Chân, Như Triết Đức Sơn Hội, trình độ càng vượt xa, kế đến Đại Quy tham yết Thiền sư Xuân. Xuân, hỏi: "Quê nhà ở đâu?"-Đáp: "Nghe nói ở Tây Xuyên". Xuân nói: "Ở Tây Xuyên có Bồ Tát Phổ Hiền thị hiện phải không?"-Đáp: "Ngày ngày đích thân chiêm ngưỡng từ tướng". Xuân hỏi: "Voi trắng ở đâu?". Uẩn năng nói: Móng ngà đã đủ. Xuân nói: "Hiểu chuyển thân chăng

?".Uẩn Năng cầm toạ cụ nhiễu quanh giường thiền một vòng. Xuân nói: "Không đúng". Uẩn Năng bỏ đi ra. Một hôm, Thiền sư Xuân hỏi một vị tăng: "Hoàng sào qua rồi sau đó có ai thâu được kiếm báu chăng?". Vị tăng ấy giơ nắm tay lên. Xuân nói: "Con dao cắt rau". Vị tăng nói: "Vì sao thọ dụng chẳng cùng". Xuân hét rồi đi ra, kế đến hỏi Uẩn Năng, Uẩn Năng cũng giơ nắm tay. Xuân nói: "Cũng là con dao cắt rau". Uẩn Năng liền đến gần túm ngực áo dựng nói: "Giết được người mới thôi". Thiền sư Xuân cười nói: "Ba mươi năm cưỡi ngựa, hôm nay bị lừa đá". Từ đó tiếng tăm vang dội khắp nơi. Trở lại đất Thục, đầu tiên làm chủ chùa Báo Ân, kế đến trụ ở Trung Nham, ở trong thất thường hỏi Sùng Chân Chiên Đầu rằng: "Thế nào là mặt mắt của ngươi ở trước kiếp Không?". Sùng Chân bỗng nhiên lãnh hội đáp rằng: "Hòa-thượng hãy nói khẽ". Liền trình kệ rằng:

"Muôn năm giữa bể từng đói kém
Ở trong biển lớn thường hết khát
Thuở ấy, khi tìm, tìm chẳng thấy
Ngày nay lúc tránh, tránh không xong".

Uẩn Năng liền được ấn chứng hứa khả, Uẩn Năng trú trì hơn ba mươi năm, nói pháp chẳng cho người ghi chép, đến lúc sắp qua đời viết kệ từ biệt chúng, ngồi thẳng thị tịch. Lúc trà-tỳ, gió dữ bỗng nhiên nổi dậy, khói bay tới đâu đều mưa rơi xá-lợi ở đó, những người Đạo tục cuốc đất cũng lượm nhặt được. Còn quả tim, chiếc lưỡi không bị cháy, nên xây tháp thờ.

Liên quan thử bàn:

Sa-môn Uẩn Năng chẳng qua một lần xem thư lang, vừa thấy sách Thiền liền biết chỗ rơi, há chẳng phải là người tái lại ư? Huống chi ngao du đến cửa các vị Thiền sư, không đâu chẳng chịu khít. Mới tiếp cận Đại Quy liền hiểu chuyển thân. Lợi khí ở Uẩn Năng có thể biết rõ là như thế nào. Đại Quy rất chưa thể, đến lúc hỏi nhân duyên thâu nhận kiếm, đã là tiền tăng thì sao không chỗ vào, mà cúi cuàng hươ xuống. Đến lượt Uẩn Năng thì riêng có một đường thấu suốt trời mây, mới nắm cành cỏ mà làm thổi lông. Đại Quy chẳng khỏi gần gửi vướng víu một lỗ mũi con Ngao. Ông đáng gọi là có cơ dụng lớn lao. Đại Quy khéo làm thầy người, Uẩn Năng cũng chẳng thẹn làm học trò của người. Than ôi! Thầy trò, chủ bạn ở đời vừa thấy nhau mà có phong thái tác lược như vậy, mới không uổng dạo trong biển Pháp. Cả hai đều không để lại ăn năn. Nếu không như thế thì đều là dùi sắt không lỗ, phụ lòng người mặt vàng chẳng ít, hãy cố gắng!

12/ Truyện Sa-môn Thích Tông Hiển trụ chùa Tín Tướng ở phủ Thành Đô

Thích Tông Hiển hiệu là Chánh Giác con nhà họ Vương ở Đồng Xuyên. Thuở thiếu thời, Sư được chọn làm Tiến sĩ có tiếng, thường mỗi buổi sáng múc nước suối làm vui. Đến tối suy nghĩ bèn thấy nước lạnh tự nhiên đầy nhà, muốn múc ra không thể được. Bổng nhiên ngay cảnh trần ấy tự không than rằng: "Đời tôi như lưới rách vậy!". Bèn đến nương tựa Chiếu Giác Bạch Công và được độ. An nhiên một chiếc áo nạp theo chúng thưa hỏi tham cứu. Một hôm, Bạch Công hỏi rằng: "Vòi vọi đứng đảnh non cao, thẩm sâu đi trong đáy bể, làm sao hiểu?". Bổng dưng ngay lời nói ấy, Tông Hiển đốn ngộ đáp rằng: "Đinh sắt hại gót chân". Chiếu Giác lại lấy cây phất trần hỏi: "Vậy cái này lại thế nào?". Tông Hiển mỉm cười rồi đi ra. Khắc phục huyên cần suốt 07 năm, ra đến kinh đô Hoài Xế, đi khắp các chốn tòng lâm. Về già, Sư lên Ngũ Tổ, gặp Hòa-thượng Diễn hỏi: "Chưa biết ải Lệ Tử, khó qua cầu Triệu Châu, vậy thế nào là ải Lệ Tử?". Tổ nói: "Ông còn đứng ngoài cửa!". Tông Hiển đạp tới một bước rồi thối lui. Ngũ Tổ nói: "Rất nhiều thời gian uống trà, ăn cơm, xưa nay cũng có người biết được mùi vị đó". Sáng hôm sau vào thất, Ngũ Tổ thấy Tông Hiển bèn hỏi: "Ông có phải là vị tăng hôm qua hỏi Câu thoại chăng? Ta đã biết chỗ thấy của ông, chỉ chưa qua được ải Bạch Vân". Tông Hiển trân trọng lui ra. Bấy giờ, Viên Ngộ đang làm thị giả, Tông Hiển bèn đem ý ải Bạch Vân hỏi Viên Ngộ, Ngộ nói: "Hiểu lấy ngay đó". Tông Hiển cười nói: "Tôi không phải không hiểu, mà chỉ là chưa am tường. Đợi thấy ông già ấy cùng với lý nầy hiểu làm một". Hôm sau, Ngũ Tổ đến Dã thành, Tông Hiển cùng Viên Ngộ kế đó cũng đến, vừa gặp ở Hưng Hóa, Ngũ Tổ hỏi: "Có nhớ từng ở chỗ nào gặp nhau chăng?". Tông Hiển nói: "Toàn lửa chỉ chờ". Ngũ Tổ xoay qua Viên Ngộ nói: "Gã ấy lắm lời". Sau, đến Lô sơn lại nêu ý sở đắc câu thoại "Vòi vọi đứng đảnh non cao" để hỏi Ngũ Tổ, Tổ nói: "Ta thường đem việc ấy hỏi Tiên sư, Tiên sư cũng có hỏi Hòa thượng Viễn, Hòa thượng Viễn nói: "Mèo có Công mềm huyết, Hổ có Đức dựng thây, chẳng cầu đạt cội nguồn thì không thể đến!". Tông Hiển theo hầu ở đó rất lâu, Tổ cũng rất mến thương, lúc từ biệt trở lại đất Thục, Tổ làm Tiểu Tham, lại dùng kệ tiễn đưa rằng:

"Xa quê hơn bốn mươi năm
Một thời quên ngay tiếng Thục
Thiền nhân trở về Thành Đô
Thì phải nhớ lấy lời Tổ"

Tông Hiển về thì Chiếu Giác Bạch Công vẫn mạnh khoẻ, nên lại theo hầu đó, tiếng tăm vang xa. Đầu tiên, Sư ra hoằng hóa trú tại Trường Tùng, kế đến làm Tự chủ Bảo Phước. Bày rộng là bệ, đào luyện người học khắp bốn phương, nên các bậc long tượng phần nhiều xuất phát từ dưới sự chuyển hóa của Tông Hiển.

13/ Truyện Sa-môn Thích Pháp Thường trụ chùa Báo Ân ở Gia Hưng

Thích Pháp Thường người ở Khai Phong, là con cháu của Thừa tướng Tiết Cư Chánh. Niên hiệu Tuyên Hòa thứ bảy (1125) bèn hiểu được trần ai buộc ràng, nghĩ tưởng cao xa, bèn nương tựa Trường Sa Ích Dương Hoa Nghiêm Thức Công, được cạo bỏ râu tóc, đắp mặc y ruộng phước, người nhìn thấy như Sư tử đầu đàn. Ở thì là Bảo xã, lời không đúng pháp chẳng nói, trái phép chẳng đoái hoài, kính mến sâu sắc Đại thừa, chẳng bác bỏ Tiểu thừa. Một hôm, xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm, mới mở toang nghĩa lý như trời vực, thấu suốt cả biển Pháp. Từ đó, phiêu du Hoài tứ, phóng lãng Hồ tương, sau đến tham yết Đại sư Tuyết Sào chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, mới một lần gặp mà cơ ngữ khế hội, bảo chấp chương Hàn Tiêu, sau đó không lâu Sư được thỉnh làm thủ chúng, vì Tăng nhập thất, rất có phong thái, điềm nhiên xử thế, chẳng trau chuốt mọi duyên. Trong thất chỉ có một chiếc giường thấp nhỏ, ngoài ra không vật dư. Ngày rằm tháng chín năm Canh Tý, nhằm niên hiệu Thiệu Hưng, Sư nói với đại chúng rằng: “Tôi nội trong một tháng sau không còn lưu trú nữa!”. Đến ngày hai mươi mốt tháng mười, Sư viết bài Từ Ngư Phụ ở cửa Thất rằng:

“Việc này Lăng nghiêm thường lộ bày
Hoa đào trăng tuyết giao ánh sáng
Khẽ cười vắng vẻ không muôn xưa
Gió âu nói khác xa
Ngân Hán tung khắp trời
Bướm mộng Nam hoa vừa tung tăng
Lớp lớp ai vượt tràn can hổ
Mà nay quên ngay đường lúc trở lại,
Giang sơn trời chiều
Bờ mắt đưa chim hồng bay đi!”

Viết xong, Sư đến giường xếp chân mà hóa, tháp thờ Sư được đặt ở phía Tây nam cửa chùa.

14/ Truyện Sa-môn Thích Trí Sách ở Kính Sơn thuộc phủ Lâm An

Thích Trí Sách hiệu là Đồ Độc, con nhà họ Trần ở Thiên thai, vừa mới sanh mà Sư thông minh khác xa bọn trẻ, chẳng ưa thích vinh hoa thế tục, trầm tư vắng lặng. Từ nhỏ nương tựa Hộ Quốc Sở Quang được cạo tóc và được trao cho tăng nghi, chỉ một bình bát, an nhiên, nghiên cứu suốt cùng ba tạng. Đầu tiên, Sư đến Quốc Thanh Tịch Thất Quang Công, bỗng nhiên mình có tỉnh. Kế đến qua Minh Châu tham yết Thiền sư Đại Viên ở chùa Vạn Thọ. Đại Viên hỏi: “Từ đâu đến?”-Đáp: “Thiên Thai”. Đại Viên hỏi: “Có thấy Đại Sư Trí Giả chăng?”-Đáp: “Ngay đây cũng không ít”. Đại Viên nói: “Nhân rất ở dưới gót chân ông”-Đáp: “Ngay mặt sai quá”. Đại Viên nói: “Chuộng người chẳng làm cỏ nên lúa không nâng mà đứng thẳng!”. Một hôm, từ biệt cửa Đại Viên, lúc tiễn đưa Đại Viên vỗ vào lưng Trí Sách nói: “Đảo châu báu ở gần, thành này chẳng thật”. Trí Sách kính vâng. Muốn đến Dự Chương tham yết Hòa thượng Điển Ngưu Du, Đạo do Vân cư, gió do tuyết lấp, đường không khách tiến bước, trải qua bốn mươi hai ngày, vào buổi trưa giờ Ngọ, nghe tiếng bảng mà hoát nhiên Đại ngộ. Lúc đến cửa Điển Ngưu. Điển Ngưu riêng chỉ Trí Sách nói: “Ở đâu mà thấy thần, thấy quỷ đến?”-Đáp: “Ở tại Vân Cư, nghe tiếng bảng mà lại”. Điển Ngưu nói: “Vậy là thế nào?”. Trí Sách nói: “Đánh phá hư không, toàn không cương cán”. Điển Ngưu nói: “Việc hướng thiện chưa có”. Trí Sách nói: “Nhà Đông bị tối, nhà Tây mắng nhiếc”. Điển Ngưu nói: “Cao ngất vượt quá Phật Tổ, ngày sau dựng nhà, một con lân đầy đủ”. Về sau, vâng phụng Thánh chỉ trú tại Song Kinh, mở mang rộng lớn Đạo của Điển Ngưu. Người học bốn phương tìm đến rất đông. Lúc sắp thị tịch làm văn để tế, Sư tự ngồi thẳng mà nghe đến chữ: “Còn hưởng”. Bèn mỉm cười. Sau đó, hai ngày Sư tắm gội, thay đổi y phục nhóm chúng nói kệ rằng:

“Bốn đại đã ly tán
Trời thu sương đêm
Nguyệt mây khói tùy ý về
Muôn dặm chuyển sáng ngời”

Rồi an nhiên thị tịch. Xây tháp an táng toàn thân dưới chân núi phía Đông chùa.

1

5/ Truyện Sa-môn Thích Đạo Xu trụ chùa Linh Ẩn ở phủ Lâm An

Thích Đạo Xu hiệu là Lại Am, con nhà họ Từ ở An thuộc Ngô Hưng, thường tham học tại đạo tràng Thiền sư Tuệ, được truyền Tâm ấn, đạo nghiệp ngày một hưng long. Đầu tiên, trú tại Hà sơn, sau dời đến Hoa tạng. Đến đầu niên hiệu Long Hưng (1163) có chiếu dời đến chùa Linh Ẩn. Vua Hiếu Tông đời Tống vời Sư vào Nội điện ban tòa, hỏi rằng: "Yếu chỉ của Thiền đạo, có thể nghe được chăng?". Đạo Xu trả lời: "Việc ấy là chỗ ứng cơ trong công dụng thường ngày của Bệ hạ. Vốn không phân Tri kiến khởi diệt, chia ra Thánh phàm mê muội, lần lượt giữ gìn chánh niệm thì cùng tương ứng với đạo, quên tình bỏ vật thì Nghiệp không thể buộc ràng. Dứt sạch hai bệnh Hôn trầm và trạo cử, tự quên ý hỏi đáp, huống gì ngày nay cái thấy nằm trong Bát-nhã thì việc gì mà chẳng thành kiến?". Hoàng đế Hiếu Tông lấy làm vừa ý gật đầu. Về sau, vì già yếu, nên Sư xin cáo lui về ở tại Vĩnh An của Minh Giáo, tiêu dao thích thú. Thường đề kệ ở trên vách rằng:

"Trong tuyết hoa mai báo tin xuân
Giữa hồ trăng tỏ rọi tinh thần
Năm đến hẳn không điều tốt lại,
Chớ bắt nếp nhà khắp tợ người!"

Tháng tám năm Bính Thân (1176) nhằm niên hiệu Thuần Hy, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, viết kệ rồi thị tịch. Xây tháp tại Vĩnh An.

16/ Truyện Sa-môn Thích Hải Tuệ chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng Kinh

Thích Hải Tuệ người ở Kim Quốc. Thuở nhỏ khôi ngô thông minh, học chẳng nhờ thầy. Văn cáo xứ Lỗ, sách vở đất Trúc, hễ qua mắt thì Sư đều thuộc lòng. Đầu tiên, Sư đến các trường giảng như đến cung rồng, đối với tánh tướng huyền đồ, đều nắm được cốt yếu và hiểu được tinh túy. Do đó, vui Pháp mừng Thiền mà tự no đủ, dấu vết ở Ngũ đài, dao cày giống lửa, đến non cao dựng thất, một chiếc giường an nhiên, như vậy suốt mười lăm năm. Một hôm, Sư than rằng: "Hễ là bậc trượng phu thì phải vì chúng sanh là việc gấp, yếu hèn thì làm sao?". Bèn chống gậy đến Yên Đô, đi khắp các thiền tự tùy duyên giảng nói, bảy chúng nhóm họp. Từ đó, tiếng tăm vang khắp mọi nơi, Hương Đạo thoảng vào cung cấm. Tháng sáu niên hiệu Hoàng Thống thứ ba (1143) đời Kim, Thái tử Anh Điệu xây dựng chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng kinh bên cạnh cung cấm, khi xây xong rất tinh xảo trên đời, đẹp như Thiên cung. Do kính mến đạo hạnh của Sư nên vua ban chiếu thỉnh Sư làm khai sơn đời thứ nhất, nói pháp ban Điệp, độ khắp dân chúng trong nước, đồng

hành có trăm muôn quan thần làm tăng ni. Năm sau (1144) vua ban chiếu đón rước thụy tượng bằng chiên đàn để cúng dường tại lầu Tích Khánh của chùa. Đến niên hiệu Hoàng Thống thứ năm (1145) Ngài Hải Tuệ viên tịch, trà-tỳ thâu nhặt xá-lợi năm mầu nhiều vô số, sáng ngời suốt tận hư không, phô bày mùi hương lạ bay xa cả tuần, Kim chúa (Hy Tông), Giai Hậu, Thái Tử, thân vương trăm quan thiết cúng năm ngày, chia ra năm nơi xây tháp để cúng dường. Tặng huy hiệu "Phật Giác Hựu Quốc Đại Sư". Tháng giêng năm sau (1146) ban chiếu thỉnh Thiền sư Thanh Tuệ trú trì chùa Đại Trữ Khánh, tặng hiệu "Phật Trí Hộ Quốc Đại Sư" ban lên tòa Quốc sư, đặc biệt ban y tăng-già-lê dệt bằng sợi vàng, và bình bát quí lạ cùng các vật báu. Kim chúa, Hậu phi, Thái tử đảnh lễ hai chân, kính dâng Pháp y. Vua nước Chấn Đán cung kính sa-môn, xưa nay chưa từng có như thời ấy.

17/ Truyện Sa-môn Thích Hữu Quyền trụ chùa Hoa Tạng ở Thường Châu

Thích Hữu Quyền hiệu là Y An, con nhà họ Kỳ ở Xương Hóa thuộc Lâm An. Thuở tóc để búi đào đã xuất gia, năm mười bốn tuổi Sư được độ, dốc chỉ siêng năng, cố gắng tham cứu rộng các thứ Điển chương. Năm 18 tuổi biết có chí hướng thượng bèn ra sức tham cầu. Đầu tiên đến tham lễ Ngài Phật Trí Dụ Công chùa Linh Ẩn, bấy giờ Hòa-thượng Vô Am sung chức Đệ nhất tọa. Hữu Quyền vào thất thưa hỏi, Vô Am đem từ gốc vô trụ dựng lập tất cả pháp để hỏi Sư, Sư với thời gian lâu nên có sự tỉnh ngộ đáp rằng: "Trong tối xỏ chỉ qua kim, trong tai ra khí". Vô Am chấp nhận bèn thầm truyền tâm ấn. Đã có sở đắc, tinh tấn càng vững chắc. Một đêm, Sư ngồi thẳng thiền tọa, đến sáng ngày tuy cùng chúng đi dùng cháo mà quên mở bát, vị tăng bên cạnh đưa tay khều, bỗng nhiên đại ngộ, nói kệ rằng:

" Sơn đen Côn lôn nắm cần câu
Buồm xưa cao cột lo nước xiết
Hoa lau trong bóng lộng trăng sáng
Dẫn được rùa mù lên thuyền câu"

Phật Trí càng thêm khen thưởng. Một hôm, Ngài hỏi Sư rằng: "Tâm trùm thái hư, lượng khắp sa giới, lúc ấy thế nào?"-Đáp: "Biển lớn không giữ thây chết". Phật Trí vỗ vào tòa ngồi nói: "Ông này ngày sau sẽ nương vào đó mà chê Phật mắng Tổ". Từ đó, Hữu Quyền rất tự giấu kín tông tích ở giữa vùng Hồ Tương và Giang Triết suốt mười năm, sau đó hoặc nương theo Ứng Am hay Đại Tuệ. Hễ nghe cá các bậc Minh

Nhãn túc đức thì liền đến đảnh lễ tham yết. Vô Am ra hoằng hóa làm chủ một đạo tràng, vời Sư về chia tòa nói pháp. Từ đó tiếng tăm vang khắp các nơi, không bao lâu có lệnh của Hoa Tạng, khai đường dạy rằng:

"Thiền, thiền không a dua, chẳng thiên lệch
Lúc mê cách xa ngàn dặm
Khi ngộ chỉ cạnh bờ môi"

Do đó, có vị tăng hỏi Thạch Sương rằng: "Thế nào là Thiền?". Thạch Sương đáp: "Thợ đúc gạch". Có vị tăng hỏi Mục Châu rằng: "Thế nào là Thiền?". Mục Châu đáp: "Lửa dữ đổ dầu dữ để nấu". Có vị tăng hỏi Thủ Sơn rằng: "Thế nào là Thiền?". Thủ Sơn đáp: "Con khỉ leo lên cây, đuôi liền với đầu". Sư nói: "Đạo không ngang dọc, đứng chỗ trơ trọi, nhưng ba vị Đại lão ấy mà thực hành thì đường trước mở rộng, dụng bỏ ngoài Linh cơ. Nên căn cứ chính phục của nạp tăng mà xem xét tương lai có sự hơn kém. Một người thì như Trương Lương vào trận, một người như Hạng Vũ dụng binh, một người như Khổng Minh liệu giặc. Nếu người biện bạch được thì có thể ngang hàng với Phật Tổ. Tuy như vậy, nhưng bỗng xuất lai nói lời thoại của Trưởng lão có hai cây cọc rồi. Vừa đến nói Đạo, Đạo không ngang dọc, không a dua, không thiên lệch, mà nay lại có chia ra nhiều hơn kém. Vả lại làm sao chỉ đáp, lại giao tất cả mà nắm tay lên núi, đồng dốc sức từ cổ họng xuất khí, tự nhà mình biết". Đến mùa Thu năm Canh Tý (1180) nhằm niên hiệu Thuần Hy, Sư thị hiện bị bệnh nhẹ, viết kệ để lại rồi hóa. Trà-tỳ xong răng và lưỡi không bị cháy và xá-lợi năm mầu nhiều vô số. Xây tháp thờ Sư.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH
(Quyển bảy hết)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH

QUYỂN 8

CHƯƠNG BA: TU TẬP THIỀN ĐỊNH

TRONG PHẦN THỨ 4 CHƯƠNG III

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có sáu vị)

1. Truyện Sa-môn Thích Đức Thăng trụ chùa Vân Cư ở Quân Nam Khương.

Thích Đức Thăng hiệu là Ngoan Am, con nhà họ Hà ở Hán Châu. Thuở nhỏ chìm đắm trong bụi trần, hơi lớn lên mới tỉnh mộng, năm hai mươi tuổi được độ, tâm đặt nơi các trường giảng, đối với ba học bp61n chúng, dùng nghĩa hổ để suy ra, bỗng nhiên chi giải tự hiềm nên phiên nhiên dễ thường, lại đến tham yết Hòa-thượng Văn-thù Đạo xin chỉ bày yếu chỉ quan trọng của Phật Pháp, Hòa-thượng Đạo nói kệ rằng:

"Khiết đan đánh phá trại Ba-tư
Cướp được châu báu trong làng
Khất thực đứng ở ngã tư đường
Trên lưng đeo cái Đãy phong lưu!"

Đức Thăng suy nghĩ định đáp, Hòa-thượng Đạo liền quát rằng: "Chớ lầm". Từ đó Sư lui về tham cứu ba năm mới lãnh hội được ý chỉ trước. Sư vào núi Mân Cổ, lễ hầu Ngài Trúc Am, hỏi rằng: "Quốc sư chưa vượt Thạch môn, ý câu ấy thế nào?". Trúc Am ứng thanh đáp: "Ngôn ngữ nhàn". Đức Thăng ngay lời nói đó được đốn ngộ. Về sau có vị tăng hỏi: "Thế nào là vô vị chân nhân?". Đức Thăng đáp: "Lúc nghe thì giàu sang mà sau thì thấy nghèo hèn". Thích Tuệ Ôn hiệu là La Am, con nhà họ Trịnh, sanh ở Phước châu, cùng với Đức Thăng cùng nương Ngài Trúc Am ở phía đông. Không bao lâu vì việc gì Ngài Trúc Am qua đời nên tự trong lòng chưa an nhiên, lại tham yết Cao Am tổ ngộ Nam Hoa, rõ Thảo Đường, trong các bậc Kỳ Túc, đều được ban lời. Gặp Trúc Am dời đến Mân Càn Nguyên, Tuệ Ôn lại trở về, Tỉnh Am

nói: "Tình sanh thì trí cách, tưởng biến thì thể khác thường, chẳng dùng dừng tù nuôi lớn trí, Đạo đem một câu đến". Tuệ Ôn hốt nhiên đại ngộ, vào trình kệ rằng:

"Bức ra toàn thân là miệng, đâu ngại mắng gió chửi mưa?
Đêm qua thôn trước, hổ dữ giết chết con trùng lớn ở Đại nam"

Trúc Am chấp nhận. Về sau trú tại Lang sơn thuộc Thông châu, Tuệ Ôn cùng Đức Thăng xây dựng Trúc Am thành một nơi dẫn đạo tốt.

2. Truyện ngài Sa-môn Thích Tự Viên trụ chùa Vân Cư ở Nam Khang Quân

Thích Tự Viên hiệu là Phổ Vân con nhà họ Ung ở Miên Châu. Từ kiếp trước vốn có linh căn nên còn tuổi nhỏ đã cắt ái. Tham dục khô như cá thoát lưới, vào vườn Đạo tợ gió vờn ngô đồng. Năm mười chín tuổi, thi Kinh được khen tặng từ điệp. Sau khi xuất gia, trước tiên tham tầm Luật tông, tác phạm chỉ trì đều sáng trong như ngọc, suốt năm năm ròng trầm ngâm trong biển Pháp, sau mới vượt ải đi xuống phương nam tham yết, khắp bốn chúng đều suy tôn là anh tuấn, khấu lễ tất cả các vị tôn túc. Mới đến Long môn, tình cờ rảo bước dưới hành lang, thấy tượng vẽ Người Hồ trên vách, bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ, đến tối bạch cùng ngài Cao Am, Cao Am nêu kệ Pháp Nhãn rằng:

"Đầu đội mão chuột mèo
Nói chẳng cho người hiểu lưng đeo dùi sừng dê
Phải có người dịch ra"

Cao Am liền gắp lửa chỉ bày cho, nói rằng: "Ta dịch cho ông rồi!". Tự Viên ngay lời nói đó đại ngộ, trình kệ rằng:

"Ngôn ngữ nước ngoài chẳng thể cùng
Mây nổi dưới đình cùng lúc thông
Cửa miệng rộng lớn không ngằn mé
Nuốt hết Dương kỳ cỏ gai bồng!"

Cao Am gởi Tự Viên đến hầu Phật Nhãn, Phật Nhãn nói: "Đạo ta truyền về phương rồi".

Thích Thiện Năng cũng là người kế thừa Pháp môn của Cao Am, vốn dòng họ Nghiêm Lăng, không rõ họ tên. Một hôm, Cao Am rao khắp để chọn rau, kế đến Cao Am biết duyên của Thiện Năng đã chín muồi, bỗng ném con mèo vào bụng Thiện Năng, Thiện Năng suy nghĩ để trả lời, bị Cao Am túm ngựa áo xô té, hoát nhiên Đại ngộ, đứng dậy chỉ mỉm cười mà thôi. Trải qua thời gian lâu dài theo hầu Cao Am nên

hương Đức lan xa, kẻ tăng người tục đều khuynh tâm, trời người đều ủng hộ. Sư ra hoằng hóa trú trì chùa Trung tế ở Phước châu. Người đời tôn xưng Tự Viên và Thiện Năng là hai cây cờ Pháp.

3. Truyện Sa-môn Thích Ngạn Sung ở chùa Tịnh Từ phủ Lâm An

Thích Ngạn Sung hiệu là Khẳng Đường, con nhà họ Hàng ở Tiềm Thạnh, khi còn nhỏ tuệ tánh Sư đã sáng ngời, gốc lành sẵn có bên trong, mới sanh mà biết có chí nguyện thoát khỏi sự ràng buộc của trần ai, bèn nương theo Thích Nghĩa Kham ở viện Minh Không, cạo tóc xuất gia, suốt năm hạ học luật, chỉ một bình bát thân hành tìm đến chỗ Ngài Đại Ngu Hoằng Trí, Chánh Đường Đại Viên, sau đó nghe một vị tăng nêu lời Đông Lâm Nhan dạy chúng rằng: “Ta đây không có gì huyền diệu, chỉ có trát gỗ canh sắt cơm đinh, giao cho các ông nhai ăn!”. Ngạn Sung thầm vui mừng thẳng đến tham yết trình bày chỗ thấy biết. Đông Lâm dạy rằng: “Xét theo chỗ thấy của ông chính là bị giam giữ trong hiểu biết”. Ngạn Sung đem tất cả sở đắc từ trước đồng một lúc buông bỏ, chuyên chú nhất tân tinh cần tham cứu. Một hôm, nghe vị tăng bên cạnh nêu: “Lúc Nam Tuyền dạy đạo, người đương thời thấy một gốc hoa này tương tợ như mộng”. Bèn im lặng tự hiểu rằng: “Đánh cỏ chỉ cần rắn làm cho kinh sợ”. Hôm sau vào thất, Đông Lâm hỏi: “Đâu là chỗ của Nham Đầu thầm khải ý ấy?”. Ngạn Sung nói: “Hôm nay đánh bại lão giặc đó”. Đông Lâm nói: “Tánh mạng Đại sư Đạt-ma ở trong tay ông”. Ngạn Sung suy nghĩ định mở miệng, bỗng nhiên bị Đông Lâm cho một thoi vào ngực, liền Đại ngộ, mồ hôi tuôn ướt lưng, cúi đầu nói rằng: “Lâm Tế dạy Hoàng Bá Phật Pháp không nhiều người, đâu phải là lời nói luống dối ư!”. Bèn trình kệ rằng:

“Vì người phải thấu triệt
Giết người phải thấy máu
Đức Sơn cùng Nham Đầu
Muôn dặm một roi sắt”

Đông Lâm rất hài lòng về Ngạn Sung.

4/ Truyện Sa-môn Thích Chân Từ trụ chùa Trí Giả ở Vụ Châu

Thích Chân Từ hiệu là Nguyên Am, con nhà họ Lý ở Đồng Xuyê. Vừa tuổi búi tóc đã kính mến sự không tịch, thích đến cảnh già-lam, khẩn cầu cha mẹ, nương theo Đại sư Viên Đảnh Viện Chánh Pháp ở Thành đô, thọ đầy đủ giới Pháp Đại thừa Tiểu thừa, thanh tịnh như băng

tuyết, tuệ giải tợ mặt nhật chói sáng, ham thích bối văn, đến khắp các trường giảng, nghe giảng "Kinh Viên Giác" đến câu: "Bốn đại đều lìa, nay đây thân vọng sẽ đi về đâu? Nên rốt ráo là vô thể, thật đồng như huyễn hóa". Nhân đó, có sự tỉnh ngộ, làm bài tụng rằng:

"Một hạt ngọc sáng
Nằm ở trong ta
Khều đến, đụng đến
Phát sáng khắp nơi"

Đem trình cùng các giảng sư, không một ai biết được, bèn trở về trình với thầy thọ nghiệp, thầy dùng câu thoại: "Con chó không có Phật tánh" để hỏi, Chân Từ liền đáp: "Trăm ngàn công án không ngoài bài tụng này". Thầy bèn quét rồi đuổi ra. Nhân đó đi về phương Nam đến Lô Phụ, trụ ở Viên Thông. Bấy giờ, Vạn Am vì Tây đường, vì chúng mà nhập thất nêu: Có vị tăng hỏi Vân Môn: "Tung bụi thấy Phật, lúc ấy thế nào?". Vân Môn đáp: "Phật cũng là bụi". Chân Từ nghe hoát nhiên liền quát, đưa tay chỉ ngực nói: "Phật cũng là bụi?". Lại trình bài tụng rằng:

"Tung bụi thấy Phật
Phật cũng là bụi
Hỏi xong đáp xong
Ngay đó xoay mình
Khuyên anh lại cạn một chén rượu
Tìm đến phương tây qua ải Dương, không người xưa!".

Lại làm bài tụng "Trần trần tam-muội rằng:

"Cơm trong bát, nước trong thùng
Riêng báu côn luân chìm đáy đầm
Một mảy bụi, trên mảy bụi mọc núi Diệu Cao
Mắt sáng Ba-tư cười búng ngón tay
Cười búng ngón tay, trên cành san hô gió trong lành thổi"

Vạn Am gật đầu. Từ đó tiếng tăm vang bốn phương, Đạo thấm nhuần các đường, ra hoằng hóa, trú tại chùa Trí Giả. Khuyên dạy dắt dẫn người học là một tay Đại Đồ Long.

5/ Truyện Sa-môn Thích An Vĩnh ở Cổ Sơn thuộc Phước châu

Thích An Vĩnh hiệu là Mộc Am, con nhà họ Ngô ở huyện Mân. Khi sanh ra, Sư đã có Đạo chất, đi đứng trang nghiêm, thân lạnh nhạc ái triền, có tâm cao xa. Năm hai mươi tuổi cạo tóc, nêu cao vật ngoại,

nghe có Đạo Truyền riêng bèn đến tham yết Thiền sư Lại am ở Vân Môn. Lúc nhập thất, Lại Am xoay lại hỏi rằng: "Bất luận hữu ngôn, bất luận vô ngôn, Đức Thế Tôn im lặng hồi lâu, không được hướng về chỗ Đức Thế Tôn hồi lâu, để hội?". Sau đó liền hét, An Vĩnh đột nhiên khế ngộ. "Mọi người chưa được chỗ vào phải được chỗ vào, đã được chỗ vào thì không được quên lão tăng". An Vĩnh nói: "Vì sao nói da mặt dày bao nhiêu, Mộc Am thì chẳng phải như vậy, mọi người chưa được chỗ vào, phải được chỗ vào, đã được chỗ vào, ngay đó phải buông bỏ chỗ vào mới được". Hễ pháp nói ra đều đơn giản rõ ràng như thế. Bấy giờ, có am chủ là An phần, ít cùng An Vĩnh cộng nghiệp ở An Quốc. Sau An Vĩnh đều nương Lại Am mà không khế hội, nên từ biệt đến tham yết ngài Đại Tuệ ở Kính sơn, kế là đến Giang can ở Tiền Đường, chiêm ngưỡng cung khuyết, bỗng nghe Nhai Ty hét Thị Lang đến, hốt nhiên Đại ngộ, nói kệ rằng:

"Bao năm việc ấy mãi ôm hoài
Hỏi khắp các nơi mắt chẳng mở
Can đảm lúc này đều tan nát
Một tiếng trên sông Thị lang đến"

Cuối cùng trở lại Tây thiền. Lại Am đón rước, truyền y tăng-già-lê cho An Vĩnh. Từ đó chẳng phân chỗ ở, sau Mộc Am trụ tại Kiếm môn, giáo hóa trùm khắp lãnh biểu, các người học theo về.

6. Truyện Sa-môn Thích Đàm Mật trụ chùa Tịnh Từ ở phủ Lâm An

Thích Đàm Mật hiệu là Hỗn Nguyên, con nhà họ Lô ở Thiên Tha. Vừa mới sanh ra, Sư đã khôi ngô thông minh dĩnh ngộ khác phàm. Từ thuở nhỏ nhờ âm đức che chở,Sư có chí cao xa. Đầu tiên nương Đại sư Đạo Vinh chùa Tư Phước ở trong ấp Chi, nghiên cứu sâu kinh giáo tiếng Phạn. Năm mười sáu tuổi đầy đủ giới Pháp cụ túc vào hàng Đại tăng, các thứ luật Bộ Đại Thừa, Tiểu thừa đều sáng trong, không tỳ vết, siêng năng tu tập Giáo Quán Thiên thai, đối với tánh Đốn Tiệm, Thiên viên đều có yếu chỉ của Lý Độc, như thấy chỉ tay trong lòng bàn tay. Một hôm, Sư than rằng: "Cái Diệu của Giáo thừa là Vô Đắc mà gọi, chỉ vì chưa lìa Danh ngôn, nên không thể thấy tánh, chẳng bằng mang y theo học "Biệt truyền", nếu có sở kiến thì sung sướng một đời". Nghe Đại Tuệ xướng Đạo ở Kính Sơn, Sư bèn đến tham yết. Lại thưa hỏi các vị Tuyết Sào, Am nguyên, Nhất Thử, nhưng đều không tỉnh phát. Bấy giờ từ đất Mân mà đến chỗ nam Tuyền, đầu thành tham yết Hòa thượng

Giáo Trung Quang, được cử giữ chức Duy Na, nghe Giáo Trung nêu: “Nhân duyên Hương Nghiêm quẳng cục đá vào gốc tre” mà hốt nhiên Đại ngộ và trình kệ. Giáo Trung hỏi vặn những lời huyền diệu chưa thấu triết, đối đáp không dính mắc, bèn phó chúc rằng: “Từ nay về sau ông mới có thể thấy được Đại Tuệ”. Từ đó, vâng giáo, từ biệt đi đến Mai Dương, khắc phục chuyên cần suốt bốn năm, Đại Huệ thường lên Pháp tòa. Sau ra hoằng hóa vâng chiếu trú trì chùa Tịnh Từ, mở mang Đạo của Giáo Trung. Ngoại hộ giúp đỡ thường đầy đủ. Sau khi Sư viên tịch, tháp thờ Sư được xây dựng ở góc Tây bắc bổn sơn.

7. Truyện Sa-môn Thích Hàm Kiệt chùa Thiên Đồng ở Minh Châu

Thích Hàm Kiệt hiệu là Mật Am, con nhà họ Trịnh ở Phước Châu. Mẹ của Sư mộng thấy vị Lão tăng ở Lô sơn vào nhà, bèn sanh ra Sư. Từ nhỏ đã Sư dĩnh ngộ khác người, đến tuổi tráng niên được cạo tóc tấn đàn thọ giới cụ túc, tham vấn khắp các vị Thiện tri thức, cuối cùng đến tham yết Hòa-thượng Ứng Am Hoa ở am Minh Quả thuộc Cù Châu. Một hôm, hỏi rằng: “Thế nào là Chánh Pháp Nhãn?”-Đáp: “Phá bồn cát”. Ứng Am gật đầu hài lòng. Liền nói kệ rằng:

“Câu đại triệt hợp cơ
Đáng tỏ rộng cửa Đảnh
Theo hầu bốn năm nay
Bày hỏi suốt không vết”

Tuy chưa được trao truyền y bát, nhưng khí lực như bao gồm trời đất, nắm lấy chánh pháp nhãn gọi làm phá bồn cát. Về sau Sư ra hoằng hóa trú tại am Ô Cự ở Cù Châu. Kế đến dời tới Hoa tạng ở Tương sơn thuộc Trường phù. Sau đó không lâu, Sư vâng chiếu trụ tại Kính sơn và Linh Ẩn. Lúc thượng đường, Ngưu Đầu nói ngang nói dọc, chẳng biết có quan Lệ Tử hướng thượng, có bọn thùng sơn lủng đáy, Đông Tây không phân biệt, nam bắc chẳng chia phân. Thế nào là quan Lệ Tử hướng thượng khác gì mở mắt thấy nước đái đầy giường. Ta có một chuyển ngữ, chẳng tại hướng thượng, hướng hạ. Ngàn tay Đại Bi sờ tìm chẳng dính mắc. Lão tăng ngày nay hãy bố thí đại chúng đi. Một hồi lâu lại nói: “Đại sư Đạt-ma không đáng môn xỉ”. Thượng đường nắm lấy tích trượng dộng nói: “Lúc mê chỉ mê cái ấy”. Lại dộng một cái nữa nói: “Lúc ngộ chỉ ngộ cái ấy, mê ngộ cả hai đều quên mất, phẩn tảo đắp đầu lại thêm đè nén, chẳng có đông nổi tây lặn, toàn cơ riêng chỗ thoát, nói được một câu thôi. Nếu nói không được lão tăng tự nói đi”. Ném

tích trượng bảo: “Ba mươi năm sau lại nêu: Hòa-thượng Kim Phong dạy chúng rằng: “Lão tăng hai mươi năm trước có tâm lão bà (tâm từ bi), hai mươi năm sau không có tâm lão bà, có vị tăng hỏi:Thế nào là Hòa-thượng có tâm lão bà? Kim Phong đáp: Hỏi phàm đáp phàm, hỏi thánh đáp thánh. Vị tăng lại hỏi: Thế nào là Hòa-thượng không có tâm lão bà? Kim Phong đáp: Hỏi phàm không đáp phàm, hỏi thánh không đáp thánh”. Hàm Kiệt nói: “Nếu lúc bấy giờ ta thấy người khác nói gì thì sẽ nói với họ rằng: “Ông hãy tự nhìn đất đi”. Tự nhiên chẳng lạc vào hang động Thánh phàm ấy”. Lại nêu câu thoại Bà lão đốt am xong, Hàm Kiệt nói: “Công án ấy trong các tòng lâm có nhiều người niêm đề, Lão tăng ngày này rạch nát da mặt, chẳng khỏi đối chúng nạp bại khuyết một trở lên, định cần các phương xem xét rõ ràng”. Bèn gọi chúng lại bảo: “Chỗ ở của Bà lão ấy sâu ẩn, nước chảy không thông, riêng hướng leo lên cây khô tàm hoa, trong núi non lạnh ngắt phát nóng, vị tăng ấy một mình xa chót vót quen vào sóng lớn, rảnh rỗi dứt sạch đầu ngọc sóng, đến đáy tự không một giọt, phải xem xét kỷ lưỡng, tương lai đập gông đánh cùm thì chẳng không. Nếu bảo rằngPhật Pháp hai người đều chưa mộng thấy thì nay Lão tăng cùng ai nêu lên rốt ráo ý quy về đâu?”. Dừng giây lát lại nói:

“Một nắm liễu tơ thâu chẳng được
Quyện khói vin cùng ngọc lan can”

Sư thượng đường, dộng tích trượng nói: “Khắp cả mặt đất gọi làm một câu mang gông đội cùm, chẳng gọi là một câu Nghiệp thức mênh mang, hai đầu đều thấu thoát, đạt được thanh tịnh sạch sẽ sáng loáng. Không thể nắm một Tông của Đạt-ma quét đất mà khắp cùng. Do đó, Đại sư Vân Môn nói rằng: “Khắp trời, khắp đất chẳng mảy may quá hoạn, vẫn là chuyển câu chẳng thấy một Pháp, mới là nửa đề lại phải biết có ở toàn đề”. Hàm Kiệt nói: “Kiếm rơi đã lâu, mới khắc dấu vào thuyền!”. Nắm tích trượng dộng một cái rồi xuống tòa.

8. Truyện Sa-môn Thích Tổ Tiên ở núi Ngọa Long thuộc Quỳ châu

Thích Tổ Tiên tự là Phá Âm, con nhà họ Vương ở Quảng An, xuất gia từ thuở nhỏ, gắng sức tham học tổ đạo, đêm ngủ chẳng yên giấc, chỉ một áo nạp tùy thân, nghe Đại sư Mật Am mở mang tông chỉ Lâm tế, Sư bèn đến tham kiến, Mật Am biết Sư là bậc Đại căn khí nên gia tâm rèn luyện. Một hôm, Mật Am thượng đường dạy chúng, bỗng nhiên có chút tỉnh ngộ. Về sau, Mật Am trú tại Linh Ẩn bảo Sư phân tòa, chợt có vị

Đạo giả hỏi rằng: “Hồ tôn lúc nắm bắt chẳng trụ thì thế nào?”. Sư bảo: “Nắm bắt làm cái gì, như gió thổi nước tự nhiên gợn sóng”. Có vị Tòa chủ giảng Kinh Lăng-nghiêm cầu xin chỉ dạy, Sư nói kệ rằng:

“Kiến còn lìa kiến chẳng thật kiến
Trả hết tám chỗ, chẳng thể trả
Cây trụi mùa thu bày núi trọc
Chẳng biết ai hay Lão Cù-đàm!”

Bấy giờ, có Thạch Điền Pháp Huân đến tham vấn, Sư nêu hỏi câu thoại về “Đức Thế Tôn giơ cành hoa sen, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười”, Pháp Huân đáp rằng:

“Nung gạch đập phá luôn đáy mỏ
Mắt đỏ khua vung đầu củi lửa!”

Sư gật đầu, sau ra hoằng hóa làm đệ tử nối pháp.

9. Truyện Sa-môn Thích Sùng Nhạc trụ chùa Linh Ẩn ở phủ Lâm An

Thích Sùng Nhạc tự là Tùng Nguyên, con nhà họ Ngô ở Long Tuyền thuộc Xử Châu. Vào niên hiệu Long Hưng thứ hai (1165) Sư được độ ở Tịnh xá Bạch Liên ở Tây Hồ thuộc đất Hàng. Tham phương rất lâu, sau đến tham yết Hòa-thượng Mật Am Hàm Kiệt, nghe trong thất hỏi vị tăng câu thoại: “Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật”, Sư bỗng nhiên Đại ngộ đạt được tâm ấn. Nhân Mật Am trở lại Linh Ẩn, bảo Sư trú ở Đệ nhất tọa, sau Sư ra hoằng hóa, đầu tiên trú tại Trừng Chiếu thuộc Bình Giang, kế là đến trú ở Giang Âm, Quang Hiếu, Nhiêu Chi, Tiến Phước, Minh Chi, Hương Sơn. Khánh Nguyên thứ ba (1197) thời vua Ninh Tông, Sư vâng chiếu trú tại Linh Ẩn suốt ba năm, rồi cáo lão xin lui về trụ ở am phía Đông chùa. Đến niên hiệu Gia thái thứ hai (1202) ngày mồng bốn tháng tám, Sư viết thư tay từ biệt các Công khanh, rũ lòng chỉ dạy các người học rằng: “Có Người rất mạnh mẽ, do mang vật quá nặng mà chân bước không nổi”. Lại dạy rằng: “Mở miệng chẳng ở trên đầu lưỡi”. Đem sự việc mở mang Chánh Pháp là điều chính ban chúc cho đệ tử, bèn viết kệ rằng:

“Đến không chỗ đến
Đi chẳng chỗ đi
Liếc chuyển huyền quan
Phật Tổ chẳng lầm”

Rồi Sư ngồi kiết già mà hóa, thọ bảy mươi mốt tuổi, bốn mươi hạ lạp, xây tháp an táng toàn thân Sư tại khu tháp mộ ở phía bắc Cao

Phong, Đệ tử đắc Pháp có Quang Mục ở Hương Sơn và Thiệu Khai ở Vân Cư.

10. Truyện Sa-môn Thích Sư Phạm ở Kính Sơn thuộc phủ Lâm An

Thích Sư Phạm tự là Vô Chuẩn, con nhà họ Ung ở Tử Đồng thuộc đất Thục. Năm lên chín tuổi Sư nương Hòa-thượng Đạo Khâm ở núi Am Bình xuất gia, sách đọc qua mắt liền thuộc lòng. Niên hiệu Thiệu Hy thứ sáu (1195) thời Nam Tống Sư bèn đến chùa Chánh Pháp ở Thành Đô, thưa hỏi Hòa thượng Nhiêu về công phu ngồi thiền. Hòa-thượng Nhiêu hỏi: "Thiền là vật gì? Ngồi là ai?". Sư Phạm từ đó ngày đêm thể nghiệm tham cứu. Một hôm, đi nhà xí, nhân đề khởi câu thoại đầu trước bèn có tỉnh ngộ. Năm sau Sư đến Quảng Triết, tham yết ngài Phật Chiếu ở Dục Vương. Phật Chiếu hỏi: "Ông là người xứ nào?"-Đáp: "Ở Kiếm Châu". Phật Chiếu lại hỏi: "Có mang được kiếm đến chăng?". Sư liền hét. Phật Chiếu cười bảo: "Gã đầu quạ nầy làm loạn!". Sư nghèo vốn không cạo tóc nên mọi người gọi Sư là "Gã đầu quạ". Lúc Phá Am trụ tại Linh Ẩn, Sư theo hầu ở đó, về sau có vị Đạo giả hỏi Phá Am: "Con khỉ nắm bắt chẳng dừng là thế nào?". Phá Am bảo: "Dùng nắm bắt làm gì? Như gió thổi nước tự nhiên nổi sóng". Sư nhân ngay lời nói ấy mà đại ngộ, sau đó không lâu, Sư cùng Nguyệt Thạch Khê Công đi đến Nhạn Đãng ở Thiên Thai. Bấy giờ, Hòa-thượng Tuyết Phong Vân trú tại Thụy Nham lưu giữ Sư để phân tòa. Ban đêm, Sư mộng thấy một vĩ nhân tay cầm một bó cỏ tranh trao cho Sư, qua hôm sau chuyên sứ chùa Thanh Lương ở Minh Châu đến đón rước Sư, mới bước vào viện thấy thần bia ở Già-lam viết là Họ "Mao", Vì người ấy cùng với áo mão giống như thấy trong mộng không khác. Trú tại đó ba năm rồi dời đến Tiêu Sơn, kế nữa là Tuyết Đậu. Sư lại vâng chiếu làm lãnh chủ A-dục Vương, một thời gian lâu nữa lại bổ đến Song Kính. Vua vời Sư vào. Đại nội ở điện Tu Chính, nói Pháp xứng với Thanh chỉ, nên ban tặng y Kim Lan, ban thêm hiệu "Phật giám thiền sư". Sư trú tại Kính Sơn, Điện Vũ ở đó hai lần gặp phải hồi lục, đều hai lần làm mới lại. Lại cách chùa ấy khoảng bốn mươi dặm, có xây dựng một cái thất trăm gian tiếp đãi mây nước, biển ngạch đề là "Vạn niên Chánh tục". Kế nữa ở phía Tây chùa ấy khoảng trăm bước có xây dựng am thất làm nơi quy tàng. Lại xây lầu nhiều tầng, ở phía trên cất giữ Ngự Hàn do triều đình ban tặng. Tổ tiên nhiều đời của Sư sống ở đất Thục, gặp phải biến loạn nên bị tuyệt tự, mới vào trong núi bày cúng lễ tế cầu nối dõi. Sự việc ấy vang đến cung

triều nên ban biển ngạch là "Viên Chiếu" để nói lên sự hiếu tư ấy. Đến năm Mậu Thân (1248) nhằm niên hiệu Thuần Hựu đời Tống, xây dựng thất Minh Nguyệt trên hồ, bên cạnh đề là "Thối canh". Ngày mồng một tháng ba năm đó Sư bị bệnh bèn lên tòa vì chúng dạy rằng: "Sơn tăng tôi đã già lại bệnh, không còn sức lực để cùng các vị bàn nói mọi điều, hôm nay gắng gượng lên đây, sắp theo trước nói chẳng đến đích, tận tình hướng đến các vị xin phủi dũ cho". Bèn đứng dậy, phủi y nói: "Là bao nhiêu?". Rồi trở về phương trượng. Đến ngày rằm nhóm chúng, đích thân viết Di biểu Di thư khoảng mấy mươi lời và cùng khách cười nói, hài hước như bình thường, đến tối viết kệ rằng:

"Khi đến không buộc ràng
Đi cũng rất nhẹ nhàng
Lại cần hỏi đầu mối
Thiên thai có cầu Đá"

Dừng lại giây lát rồi hóa, kim quan để lại đến hai tuần, Di biểu được trình lên triều đình xét biết. Hoàng đế bèn sai Trung sứ Giáng hương tặng gấm lụa. Kính phụng toàn thân xây tháp ở Viên Chiếu.

11. Truyện Sa-môn Thích Đạo Ngộ trụ chùa Phổ Chiếu ở Trịnh Châu

Thích Đạo Ngộ hiệu la Phật Quang, con nhà họ Quan ở Lan Châu thuộc Thiểm Tây. Đạo Ngộ vừa mới ra đời mà răng tóc đều ngọc, có đủ tướng Đại nhân. Năm 16 tuổi cố xin xuất gia mà cha mẹ không cho, bèn tuyệt thực chờ chết, bèn cho vào chùa trong làng xuống tóc. Hai năm sau, tình cờ một hôm Sư vào Thao loan tử điểm mộng thấy vị Phạn tăng, lớn tiếng gọi Giác, bổng nghe tiếng ngựa hý, hốt nhiên đại ngộ, vui mừng chẳng gì hơn, bèn nói kệ rằng:

"Thấy vậy, lưới thấy vậy
Lưới trùm hư không chỉ cái ấy!"

Bèn trở về mách với mẹ rằng: "Con lượm được một vật ở đoạn đường ấy". Bà mẹ hỏi: "Vật gì?". Đạo Ngộ đáp: "Từ vô thỉ đến nay chưa từng thấy!". Bà mẹ nắm tay bảo: "Có gì mừng thế?". Bèn từ tạ muốn đi tham phương, Bà mẹ hỏi: "Con sắp đi đâu?". Đạo Ngộ đáp: "Nước chảy phải ra biển, nhạn bay trên mây trắng". Đầu tiên, ở núi Hùng Nhĩ có Thiền sư Bạch Vân Hải tuy ở chùa đã lâu mà chẳng nuôi một đệ tử. Có người hỏi: "Hòa thượng sao chẳng chọn một người nối Pháp". Hòa-thượng Hải đáp: "Lan hương tú phát riêng xuất từ Tây tần!". Hỏi: "Bao giờ đến?". Hòa-thượng Hải đáp: "Hành cước rồi". Sư

sắp đến, Hòa-thượng Hải bảo thị giả đánh chuông nhóm chúng bảo: “Đệ tử của ta từ phía Tây đến, nhưng chùa này vốn do Quách Tử Nghi xây dựng, nay ai tự đến trú trì, các ông phải đón rước. Sư vừa mới bước vào cửa, Hòa-thượng Hải xa thấy bèn gọi: “Tướng công đến sao tối vậy?”. Đạo Ngộ đến trước mặt thưa: “Dạ vâng”. Hòa-thượng Hải cười lớn, cuối cùng trao cho y pháp bảo nối tiếp Pháp tịch, ngay đó bèn lui ẩn bên cạnh chùa. Trước đó có bọn trộm cướp chiếm đoạt, khiến dân phải nhận chịu tai hoạ do chúng gây ra. Hoặc có người xin Hòa-thượng Hải bắt nó. Hòa-thượng Hải bảo: “Tôi đây không có khả năng làm việc ấy, không lâu nữa Quách Công đến sẽ tự bắt”. Mọi người chẳng hiểu lời nói đó, đến khi Sư mới ở tại chùa ba ngày, bèn dẫn chúng lùng bắt trói hết, phá hủy hang ổ bọn cướp, sắp muốn giết hết thì bọn giặc ai cầu xin tha mạng, Sư ung dung dạy rằng: “Các ngươi cướp bóc của cải làm thương tổn mạng người thật đáng chết. Nay các ngươi xin tha mạng, chẳng nghĩ đến mạng những người kia sao?”. Bọn giặc cướp dập đầu tuôn máu, nguyện xin quay về nương tựa Tam bảo thọ trì giới Pháp, thề chẳng làm trái. Đạo Ngộ bèn nói kệ cho nghe, cạo tóc và mở trói. Từ đó trên đường chẳng có người lượm vật rơi suốt mấy mươi năm. Mọi người mới tin Đạo Ngộ chính thực là Quách Tử Nghi tái sanh.

Đến niên hiệu Đại Định thứ hai mươi bốn (1184) đời Tống, Hòa thượng Hải viên tịch. Đạo Ngộ bèn ra làm chủ ở Phổ Chiếu ở Trịnh Châu. Lại dời đến lầu Tam hương trúc, thường mặc áo trắng cỡi trâu nghé màu vầng, thổi ống tiêu ngắn, đi trong xóm làng và thường nói rằng: “Bảo ta là phàm ư? Từng ở trong Thánh vị mà đế, bảo ta là Thánh ư? Lại đi vào trong Phàm vị. Bảo ta chẳng phải Phàm chẳng phải Thánh ư? Lại hướng trên đảnh Tỳ-lô có hành xứ riêng”. Niên hiệu Thái Hòa thứ năm (1205) Sư kiết hạ tại chùa Đại Khế ở Lâm Thao, giảng Kinh Viên Giác, vì chúng dạy rằng: “Pháp tịch này gần một nửa, ta sắp đi!”. Đến ngày mười hai tháng năm, tiểu tham buổi chiều vì chúng đàm luận Đệ nhất nghĩa Đế, sáng sớm vừa mới dậy, gọi vị tăng thị giả bảo rằng: “Ta đang bệnh hãy tìm thầy thuốc đi”. Thị giả sắp bước ra cửa, Đạo Ngộ đã viên tịch. Phía trên có mây lành năm mầu rũ kết như cái lọng, ánh sáng hồng như mặt trời cao xa khỏa lấp bốn phía, ba ngày chẳng tan. Đạo Ngộ thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi chín tăng lạp. Các đệ tử rước toàn thân xây tháp cúng dường.

Liên hệ thử bàn:

Tôn giả Ca-diếp nghe Na La Vương ba lần tấu nhạc thì ba lần nhảy múa, nếu chẳng phải thói quen của Ca-diếp thì ai ư? Ngày xưa,

Quách Bân Dương hay vì nước nhà diệt giặc cứu giúp dân chúng lầm than, nay là Phật Quang ở chùa vừa mới ba ngày bèn bắt bọn giặc cướp, há chẳng phải thói quen khiến nên vậy ư? Xem Phật Quang mặc áo trắng cỡi trâu nghé mầu vàng và thổi ống tiêu ngắn đi trong xóm làng, tự nói trên đảnh Tỳ-lô có Hành xứ riêng. Đó lại chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

12. Truyện Sa-môn Thích Hiểu Oánh ở La Hồ thuộc Giang Tây

Thích Hiểu Oánh tự là Trọng Ôn, không biết Sư họ gì, từng tham vấn khắp các trường giảng, sớm tỏ rõ Đại sự, bốn chúng đều tôn trọng, đến tuổi già trở về trên La Hồ, đóng cửa quét sạch, chẳng giao tiếp với người đời, chỉ lấy sự thấy nghe lời Đề xướng của các bậc Tôn túc mọi nơi cũng như lời Đàm luận bàn nói Tôn giáo của các bạn hữu trong bình sanh, hoặc thâu thập được ở các văn Bia có các thuyết về Điển mô, đều góp nhặt biên thành sách gọi là "La Hồ dã lục". Những điều ghi chép trong đó đều là lời nói việc làm tốt đẹp của các bậc Mạng thế tông tượng Hiền sĩ Đại phu, cơ phong bén nhạy, thù tạc rộng lớn, khí cách rộng rãi, có thể phụ giúp Tông thừa, dạy bảo hậu học, phát khởi giúp người đạt đến chí thiện. Cho nên người xem chẳng nỡ rời tay.

13. Truyện Sa-môn Thích Thiền Tuệ chùa Thiên Ninh ở Danh Sơn

Thích Thiền Tuệ là người Danh Sơn. Gia đình nhiều đời theo Nho giáo, thường thi chẳng đậu, vào niên hiệu Nguyên Phù (1098-1101) Quận thú Lã do thật bị vị tăng chọc cười, bèn bỏ Nho theo Phật, gắng sức tham học Tổ Đạo được khai ngộ rộng lớn. Ban đầu, ra hoằng hóa trú tại chùa Thiên Ninh trong ấp, ra vào thường cỡi xe đánh ngựa, các bậc Lão túc nói "Vì Phật Pháp quí là khổ hạnh, không nên cỡi xe ngựa". Thiền Tuệ liền dùng kệ đáp rằng:

"Văn Thù cỡi Sư tử
Phổ Hiền ngồi voi chúa
Một vị Phật mới đến
Cỡi ngựa cũng chẳng ngại".

Pháp do Sư nói có cơ phong rất nhạy bén. Có bộ "Ngữ lục" lưu hành ở đời.

14. Truyện Sa-môn Thích Hiển Tung trụ Viện Tuyên Mật ở Ba Xuyên

Thích Hiển Tung con nhà họ Lý ở Đồng Lương thuộc Trùng Khánh thuộc Tây thục. Tham vấn mỏi mệt, Sư ra hoằng hóa, bèn trú tại Viện Tuyên Mật ở Ba Xuyên, ba mươi năm ẩn tích chẳng ra ngoài cổng. Vào niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) Sư nhóm chúng nói kệ rằng:

"Trong tám mươi năm thường sống động
Mở mang trường giảng báu Ma-ni
Không một cái gì cùng thương lượng
Chẳng là sơn tăng thâu sớm quá!"

Nói xong, Sư an nhiên ngồi thị tịch, sau khi trà-tỳ thâu nhặt vô số xá-lợi. Bấy giờ, có Hòa-thượng Tịnh Nghiệp Thạch Chiếu họ Văn, thuở nhỏ làm nghề Đồ tể, có con dê vừa mới sanh hai con nhỏ, sắp giết con dê mẹ, hai con dê con ngậm dao quỳ ở cửa như cầu xin tha mạng cho mẹ. Tịnh Nghiệp cảm thán bèn bỏ nhà xuất gia làm tăng, gắng sức tham học với các bậc long tượng, bỗng nhiên Đại ngộ, làm kệ rằng:

"Hôm qua tâm la-sát
Ngày nay mặt Bồ-tát
La-sát cùng Bồ-tát
Chẳng cách một đường tơ"

15. Truyện Sa-môn Thích Pháp Toàn ở Tĩnh Tề thuộc Bình Giang.

Thích Pháp Toàn tự là Vô Am, họ Trần ở Côn Sơn. Khi mới sanh Sư đã có tính chất vĩ đại không như người phàm. Thuở nhỏ xin cha mẹ xuất gia với Thiền sư Đạo Xuyên, tham thỉnh tinh tấn, chí rõ việc lớn. Một hôm, Sư đến trước điện chùaTĩnh Tế, tình cờ đầu va vào cây cột bỗng đại ngộ. Những người đứng chung quanh thấy vẻ bất động của Sư mà không biết. Từ đó, Sư đi khắp các danh sơn pháp tịch, đạo đức ngày một tăng. Vào niên hiệu Càn Đạo, Sư sắp thị tịch, đại chúng xin Sư để lại kệ, Sư nhắm mắt nhìn xuống. Đại chúng lại thỉnh, Sư bèn cầm bút viết hai chữ Vô Vô, rồi bỏ bút mà hoá. Khi thiên nhục thân Sư được xá-lợi năm mầu, tháp thờ Sư được xây ở núi Kim Đẩu.

16. Truyện Sa-môn Thích Đạo Xung ở Kính Sơn thuộc Lâm An:

Thích Đạo Xung tự là Si Tuyệt, là con nhà họ Trần ở Trường Giang thuộc Vũ Tín. Trước hết Sư tham vấn ngài Diệu Quả Tào Nguyên ở đất Hàng, phát sanh đại ngộ đối với huyền chỉ của

Hoà-thượng. Khi ra hoằng hoá, Sư trụ chùa Thiên Ninh ở Gia Hoà, kế dời đến Tuyết Phong thuộc Tưởng Sơn. Sư vâng chiếu trụ ở Thiên

Đồng thuộc Tư Minh ba năm. Vua ban chiếu bổ Sư về Linh Ẩn. Bấy giờ chùa Pháp Hoa ở Duẫn Kiến thuộc Kinh Triệu đặc biệt tấu thỉnh Sư làm vị khai sơn đời thứ nhất, Sư vâng mạng nhưng chưa đến thì vua Lý Tông đời Tống đã ban sắc cho Sư về chủ trì Song Kính ở Hàng Châu. Sư bảo chúng rằng: " Không đến chùa Pháp Hoa thì bất tín, bằng trái mạng đến Kính Sơn thì bất cung, đã mất cung và mất tín thì lấy gì để làm phép tắc cho học hậu". Sư bèn đến chùa Pháp Hoa khai đường, hơn tháng liền vâng chỉ lên Kính Sơn. Bấy giờ, cả chúng vui mừng hưởng ứng như sấm.

Khi sắp nhật diệt, Sư bèn tự tay viết nguyên do đắc pháp, thượng đường nói pháp từ biệt chúng, vào phương trượng dặn dò hậu sự, đến tối Sư cúng đại chúng luận đạo, sau đó thị tịch, lúc đó là ngày mười lăm tháng ba đời vua Lý Tông năm thứ ba. Sư thọ tám hai tuổi, sáu mốt tăng lạp. Lúc trà-tỳ xá-lợi sáng rực. Các đệ tử chia ra hai nơi xây tháp thờ : một là am Ngọc Chi ở ruộng Xương Bồ của bản sơn, hai là am Ngọc Sơn ở Kim Lăng.

17. Truyện Sa-môn Thích Đức Phú trụ chùa Hưng Thánh ở Bảo Định:

Thích Đức Phú là con nhà họ Tạ, ở huyện Dị thuộc Bảo Định. Năm lêm bảy tuổi Sư đã xin xuất gia. Cha mẹ cảm điều mộng lạ, Sư bèn bỏ nhà đến chùa Hưng Thánh xuất gia thọ giới cụ túc với hoá-thượng Chân Không. Sư gắng sức nghiên cứu đại pháp. Một hôm, đang đi kinh hành chợt đại ngộ, từ đó nổi tiếng khắp tùng lâm. Đầu niên hiệu Hoàng Khánh đời Tống, Hoá-thượng Vạn Sơn Thọ vâng chỉ mở mang giáo pháp, trai hội Thuỷ lục thình Sư khai đường nói pháp. Bảy chúng đều nhóm họp. Sư bèn lên toà nói kệ, bỗng ở trên toà phát ra ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp hư không, hiện các điềm lành, hồi lâu mới biến mất. Triều đình nghe biết việc ấy bèn ban cho Sư danh hiệu Thông Biện Đại sư và y tăng già-lê dệt bằng sợi vàng.

Sau khi Sư thị tịch, có ánh sáng trắng từ tên đảnh đầu Sư chiếu ra soi sáng khắp bốn phía. Trà-tỳ thâu được mấy mươi hạt xá-lợi, xây tháp cúng đường.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI MINH
(QUYỂN TÁM HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 186

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ KHEO NI

SỐ 2063
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2063

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ-KHEO-NI

LỜI TỰA

Phàm tâm chí thanh cao, tiết tháo lạ thường, đâu hẳn do ở Thiên chân, hay chẳng qua là do tấm lòng mến mộ thôi. Nên nói bậc sĩ Hy nhan cũng là hạng người đáng để coi trọng. Hâm mộ người tài cũng là nương vào đức tài giỏi. Đó cũng chỉ vì quen bày cái tốt đẹp phảng phất hương thơm bất tuyệt, vì thế, cầm bút viết lại, nói người mới hay so sự ghi lời, ngỏ hầu lấy đó khuyên răn hậu thế. Nên, tuy muốn quên lời, ắt hẳn không thể được.

Ngày xưa, Đức Thích Tôn Đại Giác ứng hiện ở Ca-tỳ-la-vệ, ánh hào quang của Phật sáng tỏ, khắp Diêm-phù, ba cõi nương về, bốn loài kính ngưỡng. Sự hưng phát của chúng Tỳ-kheo-ni vốn từ Tôn giả Đại Ái Đạo, các vị Đăng địa chứng quả đời đời chẳng dứt, được nêu trong Pháp tạng như mặt trời lơ lững giữa bầu trời. Từ Câu-thi-na dứt bóng, Sa-la Song thọ ẩn vết, trải qua năm tháng tiếp nối ngày càng suy vong. Từ đó, người tin hay hủy báng hoặc mất hoặc còn, âm thanh vi diệu hưng khởi lại phế bỏ, suy vi hỗn loạn. Trong thời tượng pháp, Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiểm là người đầu tiên lưu truyền đến phương Đông, ít năm sau, vài trăm Thạc đức liên tiếp phát huy, Diệu Thiện, Tịnh Khuê, tu hạnh khổ hạnh. Pháp Biện, Tăng Quả rất am hiểu Thiền quán. Đến như Tăng Đoan, Tăng Cơ lập chí kiên định tu hành thanh tịnh. Diệu Tướng, Pháp Toàn hoằng dương xa rộng. Các bậc như vậy thường luôn xuất hiện ở đời, đều là những bậc uyên thâm, có đủ tiếng vàng tiếng ngọc sáng ngời khắp nơi. Thật đáng để noi theo.

Phàm, niên đại đổi thay, thanh quy có khác, nếp đẹp làm khuôn

phép cả ngàn năm. Chí nghiệp chưa vạch ra một phương sách, nỗi nhớ bùi ngùi, bởi năm tháng lâu dài, mới bèn lượm nhặt các bài tụng ở văn bia, rộng tìm khắp các mọi nơi để ghi tập lại. Hoặc hỏi ở những bậc nghe rộng hiểu nhiều, hoặc tham cầu ở những vị cổ lão, thuyên giải lời tựa, đầu đuôi, hầu nương vào đó mà lập truyện. Bắt đầu từ đời nhà Tấn, khoảng trong niên hiệu Thăng Bình (357-362) cho đến đời nhà Lương ở khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520), có đến 65 vị, chẳng chuộng phồn hoa, chuyên sống đời bình dị. Ngỏ hầu những ai mong cầu giải thoát, gắng nghĩ suy đức hạnh ngang bằng mà ít thấy dong sơ, hoặc có để sót, ngưỡng mong các bậc quân tử hiểu rộng thanh nhã nhận cho khuyết thiếu vậy!1

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ-KHEO-NI

Thích Bảo Xướng ở chùa Đại Trang Nghiêm soạn thuật.

QUYỂN 1

Ở ĐỜI ĐÔNG TẤN CÓ 13 VỊ :

1. Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiểm ở chùa Trúc lâm, Lạc dương.
2. Tỳ-kheo-ni An Linh Thủ ở chùa Kiến hiền, Ngụy triệu.
3. Tỳ-kheo-ni Trí Hiền ở chùa Tư châu.
4. Tỳ-kheo-ni Diệu Tướng ở chùa Bắc nhạc, Hoằng nông.
5. Tỳ-kheo-ni Khương Minh Cảm ở chùa Kiến phước.
6. Tỳ-kheo-ni Đàm Bị ở chùa Vĩnh an, Bắc.
7. Tỳ-kheo-ni Tuệ Trạm ở chùa Kiến phước.
8. Tỳ-kheo-ni Tăng Cơ ở chùa Diên hưng.
9. Tỳ-kheo-ni Đạo Hinh ở chùa Đông, thành Lạc dương.
10. Tỳ-kheo-ni Đạo Dung ở chùa Tân lâm
11. Tỳ-kheo-ni Linh Tông ở chùa Tư châu.
12. Tỳ-kheo-ni Chi Diệu Âm ở chùa Giản tỉnh.
13. Tỳ-kheo-ni Đạo Nghi ở chùa Hà hậu.

****

1. Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiểm ở chùa Trúc lâm, Lạc dương.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiểm vốn dòng họ Trọng, tên là Linh Nghi, người ở Bành thành. Thân phụ làm Thái thú ở Võ oai. Tịnh Kiểm từ nhỏ đã ham học, vốn nhà nghèo, nhưng vì quý con gái, nên trao dạy cho cầm kỳ thi họa. Nghe pháp rất tin vui chẳng do dự hỏi thăm bẩm thọ. Về sau, nhân gặp Sa-môn Pháp Thỉ là người thông đạt kinh đạo, vào niên hiệu Kiến Hưng (313-317), đời Tây Tấn, Sa-môn dựng chùa ở cửa phía Tây cung thành, Tịnh Kiểm bèn tìm đến đó. Sa-môn Pháp Thỉ chỉ dạy giáo pháp, Tịnh Kiểm nhân đó đại ngộ, nghĩ tưởng đến lúc trưởng thành sẽ cầu pháp lợi, nên theo Pháp Thỉ mượn đọc kinh sách, liền thấu đạt chỉ

thú. Một ngày nọ, Tịnh Kiểm nói cùng Pháp Thỉ rằng:

- rong kinh có nói Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên nay xin được tế độ!.

Pháp Thỉ bảo:

- Ở Tây Vực, có hai chúng nam nữ, tại xứ này pháp đó vẫn chưa đủ.

Tịnh Kiểm nói:

- Đã gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, sao có pháp khác nhau?

Pháp thỉ dạy:

- Người ngoại quốc nói Ni có năm trăm giới, nên có khác, phải hỏi Hòa thượng.

Hòa thượng dạy:

- Giới pháp của Ni chúng phần lớn tương đồng, song có phần nhỏ khác biệt. Nếu chẳng đắc pháp ấy, ắt chẳng được truyền trao. Tỳ-kheo-ni có mười giới được theo đại Tăng mà thọ nhận. Chỉ vì không có Hòa thượng Ni nên không nơi nương tựa!

Tịnh Kiểm liền cạo đầu xin theo Hòa thượng thế phát xuất gia lãnh thọ mười giới. Cùng đồng chí nguyện ấy, có đến hai mươi bốn người cũng xin thọ lãnh giới pháp. Tại cửa Tây nơi cung thành, có xây dựng chùa Trúc lâm, nhưng vẫn chưa có Ni sư, đã hỏi thăm Tịnh Kiểm thông qua Hòa thượng Thành Đức. Sa-môn Trí Sơn ở Tây Vực, dừng trú ở nước Kế Tân, người rất khoan dung hòa nhã chuyên tập Thiền tụng, vào đời Tấn, khoảng cuối niên hiệu Vĩnh Gia (313), đi đến Trung Hạ (Trung Quốc), phần vệ Tự tư giúp lời hoằng đạo. Bấy giờ người tin sâu Phật pháp còn nông cạn, chẳng biết cầu xin. Đến năm Kiến Vũ thứ nhất (317), thì trở lại nơi nước Kế Tân. Sau đó, Phật Đồ Trừng từ Thiên Trúc trở lại, chỉ bày cho rõ công đức nghiệp báo, tất cả đều bỏ lòng sân hận mà tin theo Phật pháp. Tịnh Kiểm nuôi dưỡng đồ chúng thanh nhã tiết tháo, nói pháp giáo hóa như gió thổi lướt cỏ.

Vào niên hiệu Hàm Khương (335-343) đời Đông Tấn, Sa-môn Tăng Kiến tìm kiếm được bộ Tăng-kỳ-ni Yết-ma và Giới Bổn ở nước Nguyệt Chi mang về. Đến năm Thăng Bình thứ nhất (357) ngày mồng tám tháng hai ở tại thành Lạc dương, thỉnh Sa-môn Đàm-ma Yết-đa; người ngoại quốc, thiết lập giới đàn. Sa-môn Thích Đạo Tràng; người đời Đông Tấn đem kinh Giới Nhân Duyên để đối chất, cho rằng: Pháp đó bất thành. Nhân đó, Tịnh Kiểm... cả thảy bốn người đi thuyền đến sông Tứ, đồng ở giới đàn trên theo Đại tăng để lãnh thọ giới Cụ túc. Nên, trên đất Tấn, Tịnh Kiểm cũng là người đầu tiên trong số Tỳ-kheo-ni. Ngay trong ngày tác pháp Yết-ma, hương lạ thơm lừng, mọi người đều

nghe, ai ai chẳng mừng khen, điều đó làm tăng thêm sự kính ngưỡng, khéo tu giới hạnh, sự tu học càng ngày càng tiến triển tín thí mỗi ngày một đông, tùy theo căn cơ mà giáo hóa, hành tự lợi tự tha. Đến cuối niên hiệu Thăng Bình (362), bỗng nghe hương lạ trước kia và thấy vầng khí đỏ, có một người nữ tay nắm hoa năm sắc từ không trung mà xuống. Tịnh Kiểm thấy thế, vui mừng, nhân bảo đại chúng rằng:

- Khéo giữ gìn hậu sự, tôi nay đi đây!

Rồi chấp tay từ biệt, bay bổng lên không trung, con đường Tịnh Kiểm đi dường như tợ có cầu vồng đi thẳng lên giữa trời. Lúc ấy Tịnh Kiểm vừa tròn bảy mươi tuổi.

2. Tỳ-kheo-ni An Linh Thủ ở chùa Kiến hiền, Ngụy triệu.

Tỳ-kheo-ni An Linh Thủ vốn dòng họ Từ, người xứ Đông hoàn, thân phụ là Xung Sĩ Ngụy Triệu làm ngoại binh bộ. An Linh Thủ từ nhỏ vốn thông minh hiếu học, nói năng tao nhã tươi sáng, tánh tình điềm đạm đoan trang, chẳng thích việc ở đời, thong dong nhàn tịnh. Lấy Phật pháp để tự vui, chẳng mong cầu vẻ đẹp. Thân phụ nói rằng:

- Con nên theo người ngoài, hà cớ phải như vậy?

An Linh Thủ nói:

- Đoan tâm nghiệp đạo, dứt tưởng người ngoài. Chê trách hay khen ngợi chẳng động lòng, liêm chánh tự biết. Sao hẳn phải tam tòng, mới gọi là lễ?

Thân phụ bảo:

- Con muốn độc thiện một mình, sao có thể giúp cha mẹ?

An Linh Thủ nói:

Lập thân hành đạo, mới độ thoát hết thảy, huống gì là song thân?

Xung Sĩ đem việc này đến hỏi Phật Đồ Trừng, Phật Đồ Trừng bảo:

- Ông hãy về nhà chay tịnh ba ngày rồi có thể trở lại đây.

Xung Sĩ y theo đó mà tịnh chay ba ngày. Phật Đồ Trừng dùng xác cỏ Nhân chi cùng với dầu mè xoa vào tay phải của Xung Sĩ, bảo Xung Sĩ hãy quán sát vào đó thì thấy một vị Sa-môn ở trong đại chúng nói pháp, hình trạng tợ như người nữ. Xung Sĩ đem đủ việc ấy thưa cùng Phật Đồ Trừng, Phật Đồ Trừng bảo:

- Đó là thân trước của con gái ông, xuất gia làm lợi ích cho nhân loại, việc thường như thế. Nếu theo chí nguyện đó mới đáng là vinh hạnh cứu giúp lục thân quyến thuộc, khiến ông giàu sang, may ra dứt

trừ được khổ sinh tử trong biển lớn!

Xung Sĩ trở về đồng ý cho An Linh Thủ thế phát xuất gia, theo Phật Đồ Trừng và được đưa đến Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiểm thọ lãnh giới pháp. Dựng lập chùa Kiến hiền, Phật Đồ Trừng đem kéo cắt áo nạp thêu hoa, y bảy điều và tượng tỷ tháo quán của Thạch Lặc để lại trao cho An Linh Thủ. Rộng xem các sách, kinh điển qua mắt bèn thành bài tụng, nghĩ đến uyên thâm, thần soi xa rõ. Một thời, đạo học không ai là không lấy đó làm tông chính. Nhân đó mà người xuất gia có hơn hai trăm vị. Lại tạo dựng năm ngôi chùa, sáu tịnh xá, chẳng sợ cần khổ, đều được tu tập. Thạch Hồ kính trọng An Linh Thủ nên đã cất nhắc tước vị của thân phụ Xung Sĩ lên làm Hoàng môn thị lang, thái thú xứ Thanh Hà.

3. Tỳ-kheo-ni Trí Hiền ở chùa Tư châu.

Tỳ-kheo-ni Trí Hiền vốn dòng họ Triệu, người ở Thường sơn. Thân phụ là Trân Phù Liễu huyện lệnh. Trí Hiền từ nhỏ đã có tiết tháo thanh nhã, chí phách trinh lập. Tuy là người thế tục mà giới hạnh đầy đủ, thần tính ngưng đọng, học xa hiểu rộng, thuần nhiên chẳng tạp. Thái thú Đỗ Bá đốc tín Hoàng Lão, oán ghét Phật giáo, ban lệnh xuống các chùa hẹn ngày đào thải, cách chế xa vời, chẳng phải điều mà người phàm tục làm. Tuổi trẻ lo sợ điều trong gió mà khiếp sợ, chỉ có Trí Hiền là hiên ngang không khiếp sợ, thong dong sống trong tự tại. Nhóm tụ tại nhà, bấn ở ngoài thành đều là các bậc Lão đức, đến ngày giảng thí, ni chúng đoan trang chỉ có Trí Hiền mà thôi. Đỗ Bá trước tiên dùng mọi cách để thử Trí Hiền nhưng không thành. Oai nghi Trí Hiền nhìn thật điềm đạm thanh nhã, ngôn từ ôn hòa, nhã nhặn. Đỗ Bá kín cậy tà tâm, ép buộc Trí Hiền ở riêng, Trí Hiền rõ biết ý định của Đỗ Bá, thề chẳng hủy phạm giới pháp, chẳng tiếc thân mạng, nói lời chống cự. Đỗ Bá tức giận, dùng dao chém vào thân thể Trí Hiền hơn hai mươi nhát. Trí Hiền chết ngất ngã quỵ xuống đất, khi Đỗ Bá bỏ đi Trí Hiền mới tỉnh lại, lúc này Trí Hiền càng thêm tinh tấn, tiết chế ăn uống rau lá kham khổ, Đồ chúng có hơn trăm người, như nước hòa với sữa. Mãi đến lúc Phù Kiên ngụy lập phong văn kính trọng, chế dệt áo ca sa bằng tơ lụa năm màu, suốt ba năm mới hoàn thành, trị giá đến ngàn muôn. Về sau Trí Hiền đến ở chùa Tư châu, hoằng dương chánh pháp mở rộng tín hạnh. Đến niên hiệu Thái Hòa (366-371), Trí Hiền tuổi đã ngoài bảy mươi, tụng kinh Pháp Hoa suốt một ngày đêm một biến. Chỗ Trí Hiền ở, các loài chim tụ tập nương ở, trong những giờ phút kinh hành, chúng thường rượt

đuổi nhau...

4. Tỳ-kheo-ni Diệu Tướng ở chùa Bắc nhạc, Hoằng nông.

Tỳ-kheo-ni Diệu Tướng vốn dòng họ Trương, tên là Bội Hoa, người ở Hoằng nông. Phụ thân vốn nhà tốt đẹp giàu có, Diệu Tướng sớm được học tập kinh huấn. Năm mười lăm tuổi, vừa gặp Thái tử Xá Nhân ở Hoàng phụ đất Bắc, tỏ rõ sự cư tang thất lễ, Diệu Tướng chán ghét đó bèn cầu xin ly tuyệt. Nhân đó xin được xuất gia, thân phụ tùy theo chí nguyện. Diệu Tướng siêng năng tinh cần tu hành chỉ dùng rau lá, đặt tâm nơi tuệ tạng thấu suốt pháp tướng, cư trú tại dưới rừng Bắc Nhạc, phía Tây đồng trống xứ Hoằng Nông, mọi người theo đến rất đông, vui chí với khoáng dã nhàn tịnh, lánh trong cảnh đó trong hơn hai mươi năm, tinh cần khổ hạnh, càng về lâu tiếng tăm càng vang xa. Mỗi lúc nói pháp độ người, thường lo sợ người nghe không tận tường chuyên chí, nên rơi nước mắt mà chỉ dạy rất tận tường. Cho nên những điều Diệu Tướng dạy răn đều hay lợi ích lớn.

Vào niên hiệu Vĩnh Hòa (345-357) đời Đông Tấn, quan Thái thú ở Hoằng nông thỉnh cúng dường trai hội bảy ngày. Đang ngồi trên pháp tòa, có cư sĩ thưa hỏi Phật pháp, nói lời cậy thế chẳng khiêm cung, Diệu Tướng nghiêm nét mặt bảo:

- Ông chẳng phải là người nhìn thấy ngay thẳng. Kiêu mạn cũng chính là khinh lờn ban tể, sao dùng lời vô lễ cẩu xuất nhân gian?

Từ đó, cáo bệnh mà lui. Kẻ tăng người tục thời bấy giờ đều cảm thán khâm phục. Về sau, nằm trên giường bệnh nhiều ngày, song lúc lâm chung dễ dàng vui vẻ, nhìn chúng đệ tử bảo rằng:

- Chớ hỏi thấu cùng sinh hẳn có tử, ngày nay tôi từ biệt vậy!

Nói xong liền thị tịch.

5. Tỳ-kheo-ni Khương Minh Cảm ở chùa Kiến phúc.

Tỳ-kheo-ni Khương Minh Cảm vốn dòng họ Chu, người xứ Cao bình. Ở đời phụng kính kinh Đại pháp, bị giặc tù bắt được, muốn lấy làm vợ, nhận chịu đủ thứ khổ sở, thề chẳng chịu nhục, bị sai xử chăn dê trải suốt mười năm, ôm hoài trở về chuyển thành ốm nặng. Nhưng đường trở lại chẳng do đâu! Thường nghĩ nhớ Tam bảo và mong muốn xuất gia, trên đường bỗng gặp một vị Tỳ-kheo, liền đến cầu xin thọ ngũ giới, nhưng lại được vị ấy đem kinh Quán Thế Âm trao cho, nhân đó mà được tụng tập ngày đêm chẳng ngừng. Nguyện được trở về nhà, xây dựng một bảo tháp năm tầng, không dằn nỗi sự lo nghĩ nên trốn chạy về

phương Đông. Ban đầu chẳng biết đường đi nên lội suốt ngày đêm, vào đến một cánh rừng thấy có một con hổ lang cách đó vài bước, lúc đầu rất lo sợ, thối lùi ý định; tâm muốn vượt đến, bèn theo hổ mà đi, qua hơn mười ngày thì tới được Thanh châu, sắp vào trong thôn thì không thấy hổ nữa. Đến Thanh châu lại bị Minh Bá Liên bắt làm tù nhân. Hỏi lời đến nhà, chồng con đến đón chuộc, người nhà ức chế, chế khí chưa hài lòng khổ thân. Tinh cần suốt ba năm, bèn chuyên dốc tâm thiền hành, giới phẩm không trái phạm. Như có sai phạm chút nhơ liền xin sám hối suốt đêm ngày, cần phải thấy được tướng tốt sau đó mới thôi, hoặc thấy mưa hoa, hoặc nghe âm vang giữa không trung, hoặc đêm mộng thấy điềm lành. Đến tuổi về già, tháo hạnh càng cao vị, con gái ở Giang Bắc muốn kính phụng Sư trở về nhà.

Mùa Xuân năm Vĩnh Hòa thứ tư (349), Minh Cảm cùng với Tuệ Trạm,... cả thảy mười người vượt sông tìm đến quan Tư không Hà Sung. Hà Sung mới một lần gặp liền rất kính trọng. Bấy giờ tại kinh sư chưa có chùa Ni, Hà Sung lấy nhà riêng của mình vì Minh Cảm mà lập chùa, hỏi Minh Cảm nên đặt hiệu là gì? Minh Cảm bảo rằng:

- Đại Tấn bốn bộ ngày nay mới đủ, Đàn việt xây dựng đều là tạo phước lập nghiệp, nên có thể đặt tên chùa là Kiến Phúc.

Hà Sung vâng theo đó. Về sau, lúc gặp phải chút bệnh, liền thị tịch.

6. Tỳ-kheo-ni Đàm Bị ở chùa Vĩnh an.

Tỳ-kheo-ni Đàm Bị vốn dòng họ Đào, người xứ Kiến khương, Đơn dương. Từ thuở thiếu thời đã có tâm tín thành thanh tịnh, nguyện tu chánh pháp, không có anh em, một mình sống với mẹ, cung kính hiếu hạnh phụng thờ mẹ là chính. Đến tuổi gả chồng, liền không chấp thuận, mẫu thân không thể trái ý, bèn đồng ý cho ly tục, Đàm Bị tinh cần giới hạnh, suốt ngày đêm không biếng lười. Tấn Mục Hoàng đế lễ tiếp kính hậu, thường khen ngợi rằng:

- Ở kinh ấp chúng Tỳ-kheo-ni rất đẹp là có chúng của Đàm Bị.

Đến năm Vĩnh Hòa thứ 10 (355) hoàng hậu vì Đàm Bị mà dựng chùa ở Lý Định Âm, đặt hiệu là Vĩnh An (nay là chùa Hà hậu).

Đàm Bị rất khiêm tốn, chưa từng khởi tâm cống cao ngạo mạn, danh dự ngày một vang rộng. Mọi người xa gần tụ hội, đồ chúng đông đến ba trăm vị. Đến năm bảy mươi ba tuổi, nhằm năm Thái Nguyên thứ 21 (397), Đàm Bị viên tịch. Đệ tử là Đàm La hiểu rộng kinh luật, có tài đảm mật, bảo ban tiếp nhậm việc của thầy, lại xây dựng bảo tháp bốn

tầng và giảng đường phòng nhà, tạo hình tượng nằm và khám đường bảy Đức Phật...

7. Tỳ-kheo-ni Tuệ Trạm ở chùa Kiến phước.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Trạm vốn dòng họ Nhậm, người xứ Bành thành. Thần mạo vượt xa tinh tháo đặc thù, tình sâu khoáng đạt, thường hay cứu các loài vật, mặc áo xấu ăn rau lá, vui sống đạm bạc. Thường mang y sơn hành, gặp phải bọn cướp, chúng muốn đâm mũi nhọn vào mình Tuệ Trạm nhưng tay không thể lấn tới. Nhân đó mà bọn chúng cầu xin chiếc y mà Tuệ Trạm đang mang, Tuệ Trạm vui vẻ cười và nói cùng bọn chúng:

- Ý các ông mong cầu rất lớn mà cái được rất ít.

Lại cởi bỏ chiếc y ấy và quần mới bên trong cho bọn chúng. Bọn cướp liền tạ từ và hoàn trả lại Tuệ Trạm. Tuệ Trạm bỏ đó mà đi. Đến năm Kiến Nguyên thứ 2 (344), Tuệ Trạm vượt qua sông, quan Tư không Hà Sung vô cùng sùng kính, có nhã ý mời Tuệ Trạm ở tại chùa Kiến phước.

8. Tỳ-kheo-ni Tăng Cơ ở chùa Diên hưng.

Tỳ-kheo-ni Tăng Cơ vốn dòng họ Minh, người xứ Tế nam. Buộc tóc giữ đạo, chí nguyện xuất gia, mẫu thân không chấp thuận, kín hứa gả chồng, ẩn mật sính lễ, đến ngày nghinh tiếp, cận nữ mới phát hiện, Tăng Cơ liền cự tuyệt ăn uống chẳng màng xuống, bà con đến thỉnh cầu nhưng ý không hề đổi thay. Đến ngày thứ bảy, mẫu thân gọi người con rể, con rể kính tin, thấy vợ sắp chết, bèn nói cùng mẹ vợ rằng:

- Phàm con mỗi người đều có ý chí, không thể cưỡng ép!

Mẫu thân liền theo đó. Tăng Cơ nhân đó xuất gia. Lúc ấy là hai mươi mốt tuổi, bà con nội ngoại đều đến mừng chào an ủi động viên, đua tặng chiếu quý, tranh bày danh cúng. Châu mục cấp kỷ quận thú thân lâm, kẻ tăng người tục thảy đều ngợi khen chưa từng có. Tăng Cơ tịnh trì giới phạm, tinh tấn học tập tu trì kinh điển. Cùng với Tỳ-kheo-ni Đàm Bị danh tiếng lẫy lừng, then chốt tối mật, việc lành bàn giữ, Hoàng đế cũng sùng lễ.

Năm Kiến Nguyên thứ 2 (344) hoàng hậu họ Trữ vì Tăng Cơ mà lập chùa Lý Đô Đình, thông cung trong cảng, đặt hiệu là chùa Diên hưng, Tăng Cơ trú tại đó, đồ chúng có hơn trăm người. Ngay sự việc rõ ràng, kẻ tăng người tục càng thêm kính trọng. Tăng Cơ viên tịch năm 68 tuổi, tức nhằm năm Long An thứ nhất (397).

9. Tỳ-kheo-ni Đạo Hinh ở chùa Đông, thành Lạc dương.

Tỳ-kheo-ni Đạo Hinh vốn dòng họ Dương, người xứ Thái sơn. Tánh tình chuyên cần không ngang ngược. Lúc còn là Sa-di thường vì chúng luôn tụng kinh, năm hai mươi tuổi, trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma,... Sau khi thọ giới cụ túc, nghiên cứu tìm cầu lý vệ, chỉ ăn rau lá, tiết chế khổ hạnh, càng già càng cố gắng, trú tại chùa Đông, thành Lạc Dương, tao nhã hay bàn luận, ý trong sáng rất giỏi Tiểu khẩm. Quý ở Lý thông mà chẳng chuyên từ biện. Đạo học một châu đều lấy tôn chỉ thầy làm chính, Tỳ-kheo-ni giảng kinh; Đạo Hinh chính là vị đầu tiên.

Trong niên hiệu Thái Hòa(366-371), có người nữ tên Dương Linh Biện kính tin Hoàng Lão, chuyên hành phục khí, thời trước, người và vật cũng hay kính thờ. Đến thời Đạo Hinh nói là cùng nhà vua nên thuật ấy đã biến mất. Linh Biện giả kết thân là người cùng họ, cùng qua lại nhưng trong lòng hoài ôm ganh ghét đố kỵ, dò xét để hãm hại. Về sau đem thuốc độc bỏ vào thức ăn của Đạo Hinh, các thầy thuốc dốc lòng chữa trị đều không thuyên giảm. Các đệ tử hỏi do từ đâu mà mắc bệnh. Đạo Hinh đáp rằng:

- Tôi rất tõ biết kẻ chủ mưu, đây đều do nghiệp duyên, các ông không cần hỏi. Giả sử nói mà có lợi, tôi còn chẳng nói, huống hồ chẳng có ích lợi gì!.

Nói xong liền thị tịch.

10. Tỳ-kheo-ni Đạo Dung ở chùa Tân lâm.

Tỳ-kheo-ni Đạo Dung vốn người Lịch dương, trú tại chùa Ô Giang, giới hạnh tinh chuyên cao vọi, khéo chiêm tướng tốt xấu nghịch biết họa phước, người đời rao truyền cho đó là bậc Thánh.

Vào đời Đông Tấn, vua Minh Đế rất tôn trọng kính thờ, vua cho rải hoa dưới tòa để kiểm nghiệm là Thánh hay phàm, quả thật chẳng có hoa nào héo cả. Đến thời vua Giản Văn Đế, đời Đông Tấn, trước vốn phụng thờ Đạo sư Thanh Thủy. Đạo sư ở kinh đô, chỗ của vua Bộc Dương. Thứ đến, trong cung lập Đạo xá, Đạo Dung liền khai dẫn, nhưng chưa thỏa nguyện. Về sau người trong cung mỗi lần vào đạo thất, liền thấy Thần nhân là hình tướng Sa-môn đầy khắp trong thất. Giản Văn Đế nghi đó là do Đạo Dung gây nên, mà chưa thể quyết định. Sau khi lên ngôi, ở điện Thái cực chim quạ đến làm ổ, Giản Văn Đế sai Khúc An Diễn bói thử, Khúc An Diễn nói:

- Ở Tây nam có một vị thầy người nữ có thể trừ diệt yêu quái.

Vua sai sứ đến Ô Giang nghênh đón Đạo Dung, đem sự việc ấy

để hỏi. Đạo Dung bảo:

- Chỉ có chay tịnh bảy ngày thọ trì tám giới, tự sẽ tiêu mất.

Vua liền y theo đó, nhưng nhất tâm chưa đầy bảy ngày, bầy quạ cùng nhau nhóm tụ đến chuyển ổ bay đi. Giản Văn Đế càng thêm kính trọng, liền vì Đạo Dung mà dựng chùa, cung cấp đủ mọi thứ cần dùng. Nhân lấy rừng để đặt hiệu nên gọi là chùa Tân lâm, tức lấy đó để phụng thờ và rất kính phụng chánh pháp. Về sau, trong đời nhà Tấn để tỏ bày lòng kính chuộng Phật pháp đều là do sức lực của Đạo Dung. Mãi đến đời Hiếu Vũ Đế lại càng thêm sự sùng kính.

Trong niên hiệu Thái Nguyên (376-397), bỗng nhiên dứt tuyệt dấu vết, chẳng biết ở đâu. Hiếu Vũ Đế ban sắc an táng y bát của Đạo Dung, nên bên cạnh chùa có phần tháp...

11. Tỳ-kheo-ni Linh Tông ở chùa Tư châu.

Tỳ-kheo-ni Linh Tông vốn giòng họ Mãn, người xứ Cao hồ, Kim hương. Từ nhỏ đã có tín tâm thanh tịnh, trong Hương đãng đều ca ngợi. Gia đình gặp phải tán loạn, bị giặc cướp đuổi bắt, nên quy thành khẩn thiết xưng niệm Tam bảo, tụng phẩm Phổ môn để bạt trừ ngay việc ấy, nhờ nói ác làm mau, cầu kêu oan được thả. Theo đường đi về hướng Nam, đi đến Ký châu, lại bị giặc rượt đuổi theo, liền leo lên cây rừng, chuyên thành khẩn niệm, kẻ đuổi bắt ham nhìn đường khác chẳng ngước mắt nhìn lên nên tìm bắt chẳng được. Linh Tông lại xuống và đi tiếp, chẳng dám xin ăn. Ban đầu không thấy đói, chiều tối, đến một bờ biển lớn, thuyền không qua được. Linh Tông bàng hoàng lo sợ, lại xưng niệm Tam bảo, bỗng thấy một con nai trắng chẳng biết từ đâu lội xuống dòng sông làm cho tất cả đất nổi lên, không có gợn sóng, Linh Tông theo nai mà vượt qua sông, chẳng từng thấm ướt như đi trên đất liền. Nhân đó về tới được nhà liền vào đạo, thành tâm chí thiết, học hạnh tinh cần, rộng xem kinh pháp, nghĩa sâu nhập thần. Vua Hiếu Vũ đế, đời Đông Tấn nghe thế sai đưa thư đi dò hỏi. Về sau trăm họ gặp phải tật bệnh nghèo khổ rất nhiều, Linh Tông dốc hết của cải ban cứu cho nhân gian, chẳng lánh hiểm trở xa xôi, tùy nghi cứu giúp, mọi người mong nhờ rất nhiều. Do chịu đói nhận khổ nên hình hài dung mạo gầy khô.

Năm Linh Tông 75 tuổi, bỗng sáng sớm, gọi các đệ tử đến kể lại giấc mộng trong đêm của mình là thấy một núi lớn gọi là Tu-di, đỉnh cao tuyệt đẹp, lên tiếp cùng trời, vật báu trang nghiêm sáng rỡ mặt nhật, trống pháp gióng trổi, hương khói phảng phất, khiến ta trước kinh ngạc cảnh giác! Liền đó ngay trong thân thể có sự khác thường, tuy

không tướng trạng thống não như hôn mê. Chúng đồng học đạo bảo:

- Đó chính là cảnh cực lạc.

Lời bàn qua tiếng lại chưa dứt, chợt bỗng viên tịch.

12. Tỳ-kheo-ni Chi Diệu Âm ở chùa Giản tỉnh.

Tỳ-kheo-ni Chi Diệu Âm, chưa rõ là người xứ nào, từ nhỏ đã có chí đạo, cư xử kinh hoa, học rộng kinh sách trong ngoài, giỏi làm văn chương.

Hoàng đế Hiếu Vũ đời Đông Tấn, thái phó Cối Kê, Vương Đạo Mãnh khởi... cũng đều kính tin. Mỗi lúc Diệu Âm cùng Hoàng đế và Thái phó cũng như các Học sĩ trong triều đàm luận chúc văn, lời văn tao nhả, là người có tài trí, rất có tiếng tăm. Vào năm Thái Nguyên thứ 10 (386), Thái phó dựng lập chùa Giản Tĩnh, mời Diệu Âm làm chủ, đồ chúng có hơn trăm người. Các thứ tài nghĩa trong ngoài đều được mãn nguyện, cung cấp cúng dường vật thực nhiều vô số kể, giàu có nghiên cả đô ấp. Mọi người cao quý đều tôn thờ, hằng ngày ngoài cửa xe ngựa tới lui có hơn trăm lược.

Vương Thầm là thứ sử Kinh Châu qua đời, Liệt Tông ý muốn dùng Vương Cung để thay vào đó. Bấy giờ, Hoàn Huyền ở tại Giang Lăng là nơi mà Vương Thần tỏa chiết, nghe đến Vương Cung đáng chỗ quen biết xưa cũ nên lại sợ Vương Cung. Ân Trọng Kham bấy giờ là học trò của Vương Cung, Hoàn Huyền biết Ân Trọng Kham tài hèn sức mọn nên cũng dễ chế ngự. Ý muốn được vậy bèn sai sứ nhờ Diệu Âm vì Trọng Kham mà mưu tính. Đã vậy mà Liệt Tông hỏi Diệu Âm kinh Châu khuyết ngoại hỏi rằng:

- Ai là người đáng được thay vào đó?

Diệu Âm đáp:

- Bần đạo là người xuất gia làm sao có thể cùng bàn luận việc thế tục. Nghe trong ngoài bàn luận, mọi người đều bảo không ai qua Ân Trọng Kham, lấy ý ấy mà nghĩ ngợi sâu xa, đó là chỗ kinh sở đáng cần.

Hoàng đế bèn dùng Ân Trọng Kham thay thế Vương Thầm. Quyền thế một triều, uy hành khắp trong ngoài nước...

13. Tỳ-kheo-ni Đạo Nghi ở Chùa Hà hậu.

Tỳ-kheo-ni Đạo Nghi vốn dòng họ Giả, người xứ Lâu phiền; nhạn môn, là người cô của Tuệ Viễn. Chồng là Giải Trực, người đồng quận. Giải Trực tầm dương nên qua đời. Năm hai mươi hai tuổi, Đạo Nghi xả

bỏ tục lụy, đắp mặc pháp y, thông minh mẫn triết, nghe rộng nhớ nhiều, tụng kinh Pháp Hoa, giảng kinh Duy-ma, Tiểu khẩm. Tình nghĩa đạt lý, nhân tâm liễu ngộ, giới hạnh cao vời, thần khí thanh khiết. Nghe ở chốn kinh kỳ, kinh luận thông suốt, giảng tập tương tục, khoảng cuối niên hiệu Thái Nguyên (397) đời Đông Tấn, Đạo Nghi đến kinh đô, trú tại chùa Hà hậu, chuyên tâm vào Luật tạng, nghiên cứu tinh vi, thân giữ thấp hèn, cung kính ở chỗ u tối vẫn không biếng lười, y áo thô xấu, tự gìn giữ tính lượng bình bát, trong sạch chẳng lỗi lầm, kẻ tăng người tục đều đề cao tín ngưỡng. Năm bảy mươi tám tuổi, Đạo Nghi lâm bệnh; song, tự đều trị, giữ tâm càng cố gắng niệm tụng không dứt. Các đệ tử cầu thưa:

- Xin nên ngừng nghĩ hầu mong hao tổn khí!

Đạo Nghi đáp rằng:

- Chẳng phải đều các người đáng nói.

Nói xong bèn tịch.

■

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ-KHEO-NI

QUYỂN 2

ĐỜI TIỀN TỐNG CÓ 23 VỊ

1. Tỳ-kheo-ni Tuệ Quả ở chùa Cảnh phúc.
2. Tỳ-kheo-ni Pháp Thạnh ở chùa Kiến phước.
3. Tỳ-kheo-ni Tuệ Ngọc ở chùa Ngưu mục, Giang lăng.
4. Tỳ-kheo-ni Đạo Quỳnh ở chùa Kiến phước.
5. Tỳ-kheo-ni Đạo Thọ ở chùa Kỳ-hoàn, Giang lăng.
6. Tỳ-kheo-ni Huyền Tảo ở chùa Huyền đài, Ngô thái.
7. Tỳ-kheo-ni Tuệ Quỳnh ở chùa Nam an.
8. Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu ở chùa Trương quốc, Nam bì.
9. Tỳ-kheo-ni Tuệ Mộc ở chùa thôn Trúc dặc, Lương quận.
10. Tỳ-kheo-ni Pháp Thắng ở chùa Nam, Ngô huyện.
11. Tỳ-kheo-ni Tăng Đoan ở chùa Vĩnh an.
12. Tỳ-kheo-ni Quang Tỉnh ở chùa Quảng lăng trung.
13. Tỳ-kheo-ni Thiệu Diệu ở Thục quận.
14. Tỳ-kheo-ni Tăng Quả ở Quảng lăng.
15. Tỳ-kheo-ni Tỉnh Xưng ở chùa Trúc lâm, Đông hương, Sơn dương.
16. Tỳ-kheo-ni Pháp Tướng ở chùa Huyền đài, Ngô thái.
17. Tỳ-kheo-ni Nghiệp Thủ ở chùa Đông thanh viên.
18. Tỳ-kheo-ni Pháp Biện ở chùa Cảnh phúc.
19. Tỳ-kheo-ni Đạo Tống ở chùa Tam tầng, Giang lăng.
20. Tỳ-kheo-ni Tuệ Tuấn ở chùa Trúc viên.
21. Tỳ-kheo-ni Bảo Hiền ở chùa Phổ hiền.
22. Tỳ-kheo-ni Pháp Tinh ở chùa Phổ hiền.
23. Tỳ-kheo-ni Tuệ Diệu ở chùa Vĩnh khương, Thục quận.

****

1. Tỳ-kheo-ni Tuệ Quả ở chùa Cảnh phúc.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Quả vốn giòng họ Phan, người xứ Hoài nam. Thường hành khổ hạnh, không ham mặc gấm lụa, dốc lòng học Tỳ-ni; giới hạnh thanh bạch. Kẻ Tăng người tục khâm phục ham thích, danh tiếng vang xa. Trong đời nhà Tống, thứ sử Thanh châu bắc địa là Truyền Hoằng Nhân nhã lời khen ngợi tánh tình đôn hậu, giàu lòng tôn kính đáng quý trọng.

Năm Vĩnh Sơ thứ 3 (423) (Đàm Tông nói rằng:

- Năm Nguyên Gia thứ 7 (431), chủ chùa là Tỳ-kheo-ni Hoằng An, bắt đầu xây dựng chùa nên mượn khoán thư, vì vậy lúc khởi lập là năm Vĩnh Sơ thứ 3).

Cất nhà ở mặt phía Đông vì dựng lập Tịnh xá, đặt hiệu là chùa Cảnh phúc, Truyền Hoằng Nhân lấy Tuệ Quả làm người mẫu mực, các thứ vật dụng thảy đều đem cúng chư Tăng, mọi công việc dường như đều trôi chảy, mọi người lớn nhỏ thảy vui mừng kính phục. Đến năm Nguyên Gia thứ 6 (430), có vị Sa-môn Cầu-na-bạt-ma từ Tây Vực đến. Tuệ Quả hỏi rằng:

- Ở xứ này (Trung Quốc), chư Ni trước khi thọ giới chưa có bổn sự, nhân đó mà mến đạo. Thành thật có cao lệ, chưa lường về sau, được không khác?

Cầu-na-bạt-ma-đáp:

- Không khác.

Tuệ Quả lại hỏi:

- Đến như luật văn giới sư đắc tội sao không khác?

Đáp:

- Phàm ở chỗ có Ni chúng mà không hai năm học giới, nên gọi là đắc tội vậy.

Lại hỏi:

- Đến ở xứ này, trước khi chưa có Ni giới chẳng phải là cõi Diêm-phù không?

Đáp:

- Trong luật, Phật chế mười vị Tăng được trao truyền giới Cụ túc, ở chỗ biên địa chỉ năm vị Tăng cũng được trao truyền. Chính vì vậy nên có nơi không thể không như pháp!

Lại hỏi:

- Cách bao nhiêu dặm là biên địa?

Đáp:

- Cách ngoài núi biển ngàn dặm và các nơi hiểm nạn cách trở.

Năm Nguyên Gia thứ 9 (433), Tuệ Quả dẫn các đệ tử Tuệ Ý, Tuệ Khải..., cả thảy năm người theo Sa-môn Tăng-già-bạt-ma trùng thọ giới Cụ túc, kính giữ thận trọng phụng trì giới luật như mến giữ.

Năm Nguyên Gia thứ 10 (434), Tuệ Quả viên tịch, hưởng thọ ngoài bảy mươi tuổi, đệ tử Tuệ Khải... đem tiết hạnh truyền đạt đến ngày nay.

2. Tỳ-kheo-ni Pháp Thạnh ở chùa Kiến phước.

Tỳ-kheo-ni Pháp Thạnh vốn dòng họ Niếp, người xứ Thanh hà. Gặp loạn lạc, lánh đến đất Kim lăng họ Triệu. Năm Nguyên Gia thứ 14 (438), Pháp Thạnh xuất gia tại chùa Kiến phúc, tài đức tuệ giải, thông đạt ngộ mẫn, tự cho mình tuổi đã già nên về ở Hoàng ấp. Tuy là Đế đạo long minh mà còn hoài nhớ quê cũ, chỉ tham nuôi huyền tông mới có thể quên đi sự già muộn, bèn đến chùa Đạo tràng, gặp được pháp sư nên thọ giới Bồ-tát. Ngày thì phơi bày trắng đen, đem lại gạn lời lý vị, tạm ẩn một thời gian, thần thức tỏ sáng. Tuy bảo là tuổi già song còn hơn cả tuổi thanh xuân, thường nguyện sinh về An dưỡng. Nói cùng các bạn đồng tu như Đàm Kính, Đàm Ái rằng:

- Tôi lập thân hành đạo chí nguyện đặt tại Tây phương.

Ngày 27 tháng 09 năm Nguyên Gia thứ 16 (440), ở dưới Tháp lạy Phật, nhân mới phát bệnh, liền dốc lòng chuyên tinh, đến ngày 30 đầu đêm gá ngủ, Đức Như Lai từ không trung giáng xuống cùng hai vị Đại sĩ luận đạo Nhị thừa, phút chốc cùng đại chúng cỡi cỏ đạp cây đến thăm bệnh của Pháp Thạnh. Ánh sáng chiếu soi cả chùa đều thấy. Mọi người cùng lại hỏi Pháp Thạnh đó là thứ ánh sáng gì. Pháp Thạnh giải nói đầy đủ. Nói xong bèn viên tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.

Dự chương thái thú Ngô Quận Trương Biện, vốn là chỗ tôn kính, vì vậy mà truyền thuật lại...

3. Tỳ-kheo-ni Tuệ Ngọc ở chùa Ngưu mục, Giang lăng.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Ngọc người xứ Trường an, hạnh nghiệp siêng tu, kinh giới thông suốt, thường du hành giáo hóa đi khắp các ban ấp. Mỗi mỗi đều tùy thuộc có duyên, chẳng trốn lánh nóng lạnh nắng mưa, đến phương Nam trú tại tịnh xá Ngưu Mục, Giang Lăng, trì tụng các kinh Pháp Hoa, Thủ-lăng-nghiêm... trong khoảng một tuần thì thấu đạt liễu nghĩa. Kẻ tăng người tục ở Thiểm Tây thảy đều quy kính Tuệ Ngọc, đọc xem kinh luận chưa từng để phí thời gian.

Tháng 10 năm Nguyên Gia thứ 14 (438), bày trai pháp khổ hạnh

bảy ngày, lập lời thề rằng: "Nếu quả thật trai pháp này có sự cảm ứng thì sau khi xả bỏ báo thân hẳn được thấy Phật". Nguyện nội trong bảy ngày thấy được Quang Minh của Phật, giữa đêm của ngày thứ năm, tại rừng cây ở phía Đông của chùa ánh sáng linh thiêng chiếu rọi rõ rệt, liền chỉ cùng đại chúng biết, mọi người đều mừng vui kính trọng lại càng thêm khâm phục. Pháp Hoằng là chủ chùa về sau ở chỗ có ánh sáng ấy dựng lập Thiền thất. Đầu tiên Tuệ Ngọc ở tại Trường an, tại chùa Thượng thư xứ Tiết thấy ánh sáng màu trắng màu hồng chiếu soi cả hai bên, suốt mười ngày mới tan mất một ít. Về sau có vì Sa-môn ở chùa Lục Trọng, vào ngày mồng tám tháng tư, ở chỗ có ánh sáng ấy được tôn tượng Đức Phật Di-lặc cao một thước...

4. Tỳ-kheo-ni Đạo Quỳnh ở chùa Kiến phước.

Tỳ-kheo-ni Đạo Quỳnh vốn dòng họ Giang, người xứ Đơn dương vậy. Năm hơn mười tuổi, chuyên sâu vào các kinh sử, từ sau khi thành tựu giới pháp lại thông đạt Tam tạng, tinh cầu khổ hạnh.

Trong niên hiệu Thái Nguyên (376-397) đời Đông Tấn, Hoàng hậu quý mến đức hạnh của Đạo Quỳnh, phàm mọi sự tu tạo phước thiện phần nhiều là cúng dường ở chùa ấy (Kiến Phước). Các phụ nữ giàu sang đua nhau tìm đến. Năm Nguyên Gia thứ 8 (432) thời Tiền Tống, tạo các hình tượng lớn an trí ở các nơi như ở chùa Bành Thành 2 pho tượng vàng, trướng tòa đầy đủ, ở chùa Ngõa Quan một pho tượng Đức Di-lặc, bảo cái anh lạc ở chùa Nam Kiến Hưng hai pho tượng vàng và các thứ tạp vật phan lọng, ở chùa Kiến phước tạo một tượng nằm và phòng nhà. Lại tạo lập tượng Đức Phổ Hiền, các vật cúng dường thảy đều tôn nghiêm đẹp đẽ. Đến năm Nguyên Gia thứ 15 (439), tạo pho tượng Phật Vô Lượng Thọ bằng vàng ròng. Ngày 11 tháng 04 năm ấy, từ giữa chặn mày tôn tượng đó phóng ra ánh sáng chiếu soi khắp chùa, sắc vàng ròng, kẻ tăng người tục rao truyền cho nhau cùng đến cung kính, chiêm ngưỡng nhìn thấy uy thần, ai ai cũng đều ca ngợi vui mừng. Lại đem các di vật của Hoàng hậu để lại khai thác ở phía Nam chùa, và cho tạo dựng các thiền phòng...

5. Tỳ-kheo-ni Đạo Thọ ở chùa Kỳ-hoàn, Giang lăng.

Tỳ-kheo-ni Đạo Thọ, chưa rõ là người xứ nào, trong sạch hòa nhã, điềm đạm vắng lặng, giàu lòng khiêm cung hiếu hạnh. Từ nhỏ, thọ trì Ngũ giới chưa từng có sai phạm.

Trong niên hiệu Nguyên Gia (424-454), gặp lúc để tang thân phụ.

Nhân hủy mắc bệnh, tự không đau ngứa, chỉ vàng da gầy ốm còn bộ xương tàn, trải qua mấy năm, các thầy thuốc chữa trị mà không bớt ốm. Nhân đó phát nguyện bệnh được lành hẳn sẽ xuất gia. Sau khi phát lời thệ nguyện, tạm được bình phục, bèn như ý nguyện xả tục, tìm đến chùa Kỳ-hoàn xin xuất gia, luôn cần khổ siêu tuyệt, tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến, thường thấy ánh sáng tốt lành.

Ngày mồng bảy tháng chín năm Nguyên Gia thứ 16 (440) vào nửa đêm, thấy giữa không trung có lọng báu che rủ ở phía trên...

6. Tỳ-kheo-ni Huyền Tảo ở chùa Huyền đài, Ngô thái.

Tỳ-kheo-ni Huyền Tảo vốn dòng họ Lộ, người xứ Ngô quận, con gái của An Tuân (Tuyên Nghiệm ghi rằng: tức là An Tuân).

Huyền Tảo năm hơn mười tuổi, thân mang trọng bệnh, các thứ thuốc tốt đưa đến, bệnh càng ngày càng tăng thêm không giảm. Bấy giờ Thích Pháp Tế ở chùa Huyền đài nói với An Tuân rằng:

–Thật đáng sợ, bệnh này là do nghiệp lực, chẳng phải dùng thuốc mà có thể dứt trừ. Bần đạo căn cứ trong kinh Phật dạy: “Nếu ai gặp phải nguy khổ mà có thể quy y Tam bảo, sám hối cầu nguyện, đều được cứu giúp. Vì vậy ông nên vì con gái ông bỏ hết tà tục, tẩy rửa trần uế, chuyên tâm trì niệm hướng về Tam bảo, hẳn sẽ được lành mạnh.”

An Tuân bèn vâng theo như thế, liền ngay trên nhà, thiết lập trai pháp Quán thế âm, tẩy trừ tâm ý, cùng kính nguyện cầu cứu bệnh, cúi đầu nhất niệm chuyên tâm tương tục, trải qua bảy ngày đêm, đến đầu đêm, bỗng thấy tượng vàng cao hơn thước ba lần xoa vào thân Huyền Tảo từ đầu đến chân, liền cảm thấy bệnh nặng bỗng nhiên lành hẳn.

Từ sự linh nghiệm ấy, Huyền Tảo bèn cầu xin xuất gia ở chùa Huyền đài, siêng năng tinh tấn tụng kinh Pháp Hoa, thọ dùng rau lá, trường trai suốt ba mươi bảy năm. Thường đặt tâm tưởng nguyện cầu sinh về cõi trời Đâu-suất. Năm Nguyện Gia thứ 16 (440) đời Tiền Tống, ra thành đô tạo kinh, không lường được cuối cùng.

7. Tỳ-kheo-ni Tuệ Quỳnh ở chùa Nam an.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Quỳnh vốn dòng họ Chung, người xứ Quảng châu, giữ đạo cao khiết chẳng ăn cá thịt. Năm tám mươi tuổi, chí nghiệp càng tinh cần. Thường mặc áo vải thô xấu, không ham dùng lụa là, là một vị rất chuẩn mực làm kỷ cương nơi chùa viện, kiêm hành giảng thuyết. Vốn từng ở tại chùa Nam an xứ Quảng lăng.

Năm Nguyên Gia thứ 18 (442), Thế tử và Hoàng thái hậu của

Giang Hạ Vương, đời nhà Tống, đem đất cúng dường Tuệ Quỳnh, Tuệ Quỳnh dựng lập chùa, đặt hiệu chùa là Nam Vĩnh An. Đến năm Nguyên Gia thứ 22 (446), Lan Lang Túc Thừa Chi vì dựng lập tháp ngoại quốc. Năm Nguyên Gia thứ 15 (439), Tuệ Quỳnh lại tạo dựng chùa Bồ-đề, điện đường phòng nhà thảy đều trang nghiêm xinh đẹp. Nhân lúc dời đến ở đó nên đem chùa Nam an cúng dường Sa-môn Tuệ Trí. Năm Nguyên Gia thứ 24 (448), Tuệ Quỳnh theo Mãnh Khải đi đến Cối Kê, đất ở đó rất cứng, Tuệ Quỳnh bảo các đệ tử rằng:

- Sau khi ta qua đời không cần phải chôn cất, có thể nhờ người phanh xẻ thân thể để cho chúng sinh ăn dùng.

Đến lúc Tuệ Quỳnh viên tịch, mọi người đều không nỡ mổ xẻ, mới bàn cùng Huyện Cú Dung đem để vào rừng cho chim thú tự đến rỉa ăn. Nhưng trải qua hơn mười ngày vẫn nghiễm nhiên như cũ, nhan sắc chẳng đổi khác, sai người trong thôn đem gạo rải bên cạnh thi thể, chim mổ ăn hết gạo ở chỗ xa, gạo gần sát thi thể vẫn đều còn lại.

Đệ tử là Tuệ Lãng ở thành đô nghe thế, liền nghênh đón về an táng tại chùa Cao Tòa; ở trước sườn núi, trên phần mộ tạo dựng Bảo tháp...

8. Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu ở chùa Trương quốc, Nam bì.

Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu vốn dòng họ Huân, tên là Từ Bi, người xứ An lăng, Bột hải. Từ nhỏ đã có tiết tháo, năm mười bảy tuổi xuất gia, trú tại chùa Trương quốc, Nam Bì, sau theo thầy đến học tại tịnh xá Kiến hy ở Quảng lăng, dốc hết tâm phụng sự đạo pháp, mọi người đều mừng khen, kịp đến lúc Sư Tuệ Kính viên tịch, lo để Khánh điếu mà khổ hạnh tuyệt thực.

Tháng 12 năm Nguyên gia thứ 18 (442) đời Tiền Tống, nhân cảm bệnh lao nhọc tuy rất nặng mà vẫn dốc lòng thâm tín, ban đầu tự chẳng cải đổi, chuyên niệm chí thành khẩn cầu ngày đêm chẳng bỏ, không xuống đất được, ngày ngày thường tinh cần khấu đầu sám hối thời khóa tại trên giường. Tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày ba quyển. Đến giữa tháng hai năm Nguyên Gia thứ 19 (443), bỗng nhiên chết giấc trong chừng bữa ăn, sau sống lại nói:

- Hướng đến phương Tây giữa đường có một ngôi tháp, trong tháp có một vị Tăng ngồi nhắm mắt tư duy, kinh hãi hỏi từ đâu lại, lấy việc ấy đáp. Liền hỏi vị Tăng ấy rằng: Ở đây, cách chùa... ấy bao nhiêu dặm?

Vị Tăng ấy đáp:

- Năm ngàn vạn dặm.

Trên đường có cỏ cây và người đi qua lại, đều không quen biết ai cả, có gió mây cao, không khu gò nghiêm tịnh. Trong ý muốn đi đến phía trước mà vị Tăng ấy không chấp thuận, nhân đó trở về, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Sau đó bảy ngày thì viên tịch, tuổi vừa hai mươi lăm!

9. Tỳ-kheo-ni Tuệ Mộc ở chùa thôn Trúc dặc, Lương quận.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Mộc vốn dòng họ Phó, người xứ Bắc địa. Năm mười một tuổi xuất gia, theo thờ Tuệ Siêu, thọ trì Thập giới, trú tại chùa thôn Trúc dặc, Lương quận. Lúc đầu học Đại phẩm, mỗi ngày tụng hai quyển, kiêm tụng tạp kinh. Mẫu thân của Tuệ Mộc bị bệnh trong miệng không răng nên Tuệ Mộc phải nhai thức ăn để mớm nuôi mẹ, vì miệng bất tịnh nên không được thọ giới Cụ túc. Ngày đêm tinh cần sám hối nghiệp chướng của mình, bỗng thấy giới đàn giữa trời, màu sắc vàng ròng, ngưỡng đầu trông nhìn, ở phía Nam thấy có một người mặc y tuyển, y màu vàng ròng, cách Tuệ Mộc vừa gần vừa xa, nói với Tuệ Mộc rằng:

- Ta đem giới trao cho ngươi đây!

Quay lại nhìn thì không thấy, Tuệ Mộc chẳng đem việc ấy nói cho người khác nghe, nhưng có điều nhiều cảm ứng đều giống như vậy. Anh của Tuệ Mộc nghe muốn được biết mới nói dối với Tuệ Mộc rằng:

- Ngươi làm đạo bấy lâu nay trọn chẳng ích gì, nên có thể để tóc dài ra lại, ta sẽ vì ngươi mà tìm gã chồng.

Tuệ Mộc nghe thế lòng buồn rười rượi, nhân đó thuật lại điều vừa thấy và liền thọ giới Cụ túc. Đêm sắp thọ giới, mộng thấy người khẩu truyền giới bổn. Đến lúc thọ giới xong, lại xem bèn tụng giới bổn.

Trong năm Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tạo tượng mười phương chư Phật và bốn bộ giới bổn cũng như pháp tắc Yết-ma cúng dường khắp bốn phương...

10. Tỳ-kheo-ni Pháp Thắng của chùa Nam, Ngô huyện.

Tỳ-kheo-ni Pháp Thắng, không rõ là người xứ nào, xuất gia từ nhỏ tại chùa Nam, Ngô huyện, khiêm cung kính tin chuyên cần mẫn, mọi người đều biết.

Trong niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, Tư Mã Long ở Hà nội làm thừa tướng Tỳ Lăng, gặp lúc đánh giặc nên chết trận, vợ là người họ Sơn, song thân đều mất sớm, không có con cái, đến tuổi già nua, vào đất Ngô, tìm đến Pháp Thắng. Pháp Thắng tiếp đãi như người thân, sau hơn trăm ngày, bà ta mắc bệnh, bệnh trầm trọng

suốt ba năm. Pháp Thắng vốn không cất chứa tài vật, nhưng vẫn dốc lòng cứu chữa. Chẳng sợ mưa nắng, sau đó bà ta lành bệnh, mọi người càng thêm quý trọng Pháp Thắng. Về sau, Pháp Thắng đi đến kinh thành, tiến tu thiền luật, thông định tuệ, thích sống tĩnh lặng, dạy dỗ quyến thuộc chẳng răn bảo mà thành. Đối với việc làm chẳng mưu cầu lợi riêng, sống nhàn tĩnh chẳng mong cầu danh lợi, ân cần giúp đỡ mọi người, cũng như mọi sinh vật khác.

Lúc tuổi sáu mươi, mắc bệnh một thời gian, tự nói sẽ không lành. Thân thuộc lấy làm lạ, hỏi vì sao? Pháp Thắng đáp:

- Hôm qua thấy hai vị Sa-môn nói biết như vậy.

Chốc lát lại nói:

- Thấy có hai vị Tỳ-kheo chẳng phải là người thấy ở trước, mặc y để bày vai phải, tay mỗi vị nắm một bông hoa, đứng nơi giường bệnh. Sau đó, từ xa thấy một Đức Phật ngồi trên hoa sen, ánh sáng chiếu soi khắp thân tôi.

Từ đó về sau, đêm chẳng buồn ngủ, bảo người trì tụng kinh Pháp Hoa, cho đến đêm sau, hơi thở yếu dần, lại bảo thôi tụng kinh mà vì tôi xưng niệm danh hiệu Đức Phật, cũng tự xưng niệm. Đến lúc bình minh ló dạng, dung mạo chẳng đổi thay, bỗng chốc mà mạng chung.

11. Tỳ-kheo-ni Tăng Đoan ở chùa Vĩnh an.

Tỳ-kheo-ni, người xứ Quảng lăng, gia đình vốn phụng kính Phật. Chị em đều kính tin, thệ nguyện được xuất gia, chẳng chịu lấy chồng, mà nhan sắc xinh đẹp vang khắp xóm làng, trai trẻ nhà giàu đến gạ hỏi, mẹ và anh đã hứa hôn, trước ba ngày đến đón dâu, nửa đêm Tăng Đoan bỏ trốn vào chùa, chủ chùa cho ở một phòng riêng, cung cấp mọi thứ cần dùng và thỉnh cho kinh Quán Thế Âm, chỉ trong hai ngày chuyên trì tụng niệm, mưa lệ cúi đầu, ngày đêm chẳng nghĩ. Qua sau ba ngày, trong lúc đang lễ bái, thấy tôn tượng Phật nói rằng:

- Chồng ngươi mạng sắp chết, ngươi nên tinh cần chớ hoài ưu niệm.

Quả thật, sáng hôm sau, người chồng bị bò hốc chết mất. Nhân đó, mà Tăng Đoan được xuất gia, kiên trì giới cấm, nhiếp tâm nhàn tỉnh tợ như không tợ như không biết nói, kịp đến lúc biện chiết thật là lời gắng gỏi. Tụng kinh Đại Bát-niết-bàn 05 ngày một biến.

Năm Nguyên Gia thứ 05 (429), tìm đến phía Nam Thượng quốc, trú tại chùa Vĩnh an, Lương Ký chúng vụ đều mến thương tiếp đón, mọi người lớn nhỏ vui vẻ mến phục, lâu sau càng kính trọng. Năm Nguyên

Gia thứ 25 (449), Tăng Đoan viên tịch, hưởng thọ hơn bảy mươi tuổi. Các vị đệ tử Phổ Kính, Phổ Yếu đều tu khổ hạnh và tụng kinh Pháp Hoa.

12. Tỳ-kheo-ni Quang Tỉnh ở chùa Trung, Quảng lăng.

Tỳ-kheo-ni Quang Tỉnh, vốn dòng họ Hồ, tên là Đạo Tỳ, người xứ Đông Thiên, Ngô Hưng. Xuất gia từ thuở nhỏ, theo thầy đến chùa Trung, Quảng lăng. Quang Tỉnh tuy nhỏ nhưng rất cố gắng thực hành như người lớn, tập tu Thiền quán, chẳng ăn các vật ngọt béo, lúc sắp thọ Đại giới, dứt tuyệt cơm gạo, chỉ ăn bột tùng cho đến sau khi thọ giới Cụ túc suốt mười lăm năm. Tuy tâm thức sáng tỏ nhưng thể lực suy kém, thường bị cảm suốt cả tháng liền. Sa-môn Thích Pháp Thành vì Quang Tỉnh mà chỉ dạy: "Ăn uống không phải việc lớn của Phật". Nghe vậy, Quang Tỉnh trở lại ăn uống các thức ăn, lại thêm dõng mãnh, siêng học không mệt mỏi. Những người theo học Quán hạnh thường hơn trăm vị.

Năm Nguyên gia thứ 18(442), tháng 05, trong lúc bệnh ốm bảo: "Ta nhàm chán cái khổ của thân này từ lâu xa lại!". Từ đó, dẫn bệnh sám hối chẳng lìa tâm miệng, tình lý rõ ràng, thần khí an nhiên. Đến năm sau (443), uống ăn đều bỏ, chuyên tâm tụng niệm được về cảnh giới Đâu-suất, tâm tâm tương tục không gián đoạn, đến đêm 18 tháng 04, hương lạ tướng khác khắp đầy trong không gian, Quang Tỉnh viên tịch ngay trong đêm ấy.

13. Tỳ-kheo-ni Thiện Diệu ở Quận thục.

Tỳ-kheo-ni Thiện Diệu vốn dòng họ Ân Dương, người xứ Phồn huyện. Xuất gia từ thuở nhỏ, tánh tình nhu hòa, ít sầu hận hay mừng vui, không thích sắm sinh áo tốt đẹp, cũng chẳng ăn thức ăn ngon. Có người em gái chết chồng, không nơi nương tựa, nên dẫn con nhỏ đến ở nhờ trong thất của Thiện Diệu, thường nghe Diệu pháp, tự than thân không gặp Phật. Mỗi một lời nói như vậy, rơi lệ bùi ngùi buồn cảm không thôi, cùng ở chung bốn, năm năm mà chưa từng thấy Thiện Diệu ăn. Người em ấy nấu thức ăn xong, mời Thiện Diệu cùng ăn chung, Thiện Diệu bảo:

- Vừa mới ăn ở chỗ... ấy xong.

Hoặc nói:

- Tứ đại bất hảo, chưa thể ăn!

Như vậy, suốt cả mấy năm, người em rất hổ thẹn, thưa rằng:

- Vô phước, chồng chết lại không có thân thuộc, dẫn con đến

nương tựa chị, có nhiều thứ nhơ loạn, chị thấy vậy mà nhàm chán nên chẳng cùng ăn chung!

Rơi lệ mà nói, nói xong muốn đi chỗ khác. Thiện Diệu nắm tay em mà bảo:

- Em chẳng hiểu ý chị! Chị mang đi ra ngoài để người khác cúng dường, sao phải tự tốn thức ăn trong nhà. Em chỉ nên ở yên tại đây, chị sắp đi xa vậy! Em phải giữ gìn cẩn thận, chớ đi nơi khác!

Người em nghe nói như vậy bèn thôi.

Thiện Diệu tự đánh sợi dệt vải, mua vài hộc dầu, đắp gò đất lớn giữa sân, nói với người em rằng:

- Hãy phỏng tạo công đức thận trọng chớ lấy!

Đến ngày mồng 08 tháng 04, nữa đêm lấy vải tự quấn vào thân và tẩm dầu tự thiêu đốt, lửa đã cháy gần tới đảnh, Thiện Diệu bảo em:

- Gọi vị Duy-na đánh khánh, chị nay xả bỏ thọ mạng đây. Nên đến bảo cùng chư Ni mau lại đây cùng từ biệt!

Chư Ni kinh hãi chạy đến, mạng Thiện Diệu còn chưa dứt tuyệt, nói cùng chư Ni rằng:

- Các vị hãy siêng năng tinh tiến, sinh tử thật sự đáng sợ, phải mong cầu ra khỏi, cẩn thận chớ để lưu chuyển. Tôi bỏ thân như vậy để cúng dường đã hai mươi bảy lần. Nay chỉ một thân này thôi sẽ đắc sơ quả vậy! (Hỏi người ở xứ ấy, hoặc có người bảo là năm Nguyên Gia thứ 17 (441) hoặc thứ 18 (442). Hoặc có người nói ở đời Hiếu Kiến (454-457), hoặc lại có người nói là ở trong đời Đại Minh (457-465), nên ở đây ghi đủ lại như thế này...).

14. Tỳ-kheo-ni Tăng Quả ở Quảng lăng.

Tỳ-kheo-ni Tăng Quả vốn dòng họ Triệu, tên là Pháp Hữu, người xứ Tu võ, cấp quận. Trước đã gieo trồng tín giải, chuyên thuần tự nhiên, ở trong giai đoạn bú mớm chẳng qua ăn giữa bữa, cha mẹ vui mừng sự khác lạ. Đến lúc thành nhân, tâm tuy chuyển đến duyên ngại tham sai. Năm 27 tuổi mới được xuất gia, Tăng Quả phụng thờ Tỳ-kheo-ni Tuệ Thông ở Quảng lăng. Tăng Quả giới hạnh nghiêm minh thiền quán thanh bạch, mỗi lúc nhập định, suốt liền tối sớm, nhiếp thần cảnh tịnh, hình hài như cây khô, những người không hiểu biết thường sinh tâm biết sinh nghi ngờ.

Đến năm Nguyên Gia thứ 06 (430), có thuyền chủ người ngoại quốc tên là Nan-đề, chở Tỳ-kheo-ni từ nước Sư tử lại (Trung Quốc), đến tại đô thành của Tiền Tống trú ở chùa Cảnh phúc, sau đó một thời gian,

hỏi Tăng Quả rằng:

- Ở nước này từ trước đến nay đã từng có Tỳ-kheo-ni ngoại quốc chưa?

Tăng Quả đáp:

- Chưa có.

Lại hỏi:

- Trước đây, Tỳ-kheo-ni thọ giới, từ đâu mà có được hai bộ Đại tăng?

Tăng Quả đáp:

- Chỉ theo Đại Tăng thọ, những người đắc bổn sự, mới là phát khởi thọ giáo. Người khiến sinh tâm ân trọng là phương tiện vậy. Nên như Tôn giả Đại Ái Đạo hành trì Pháp bát kỉnh mà đắc giới, sau đó năm trăm Thích nữ cung thỉnh Đại Ái Đạo làm Hòa thượng. Ở đây cao lệ thế.

Tăng Quả tuy đáp như vậy nhưng tâm vẫn còn có chỗ nghi ngờ. Liền hỏi Tam tạng. Tam tạng cũng giải thích như vậy. Nên lại hỏi rằng:

- Có thể thọ lại được chăng?

Đáp:

- Giới, định, tuệ phẩm từ vi tế đến hiển trước, thọ lại càng tốt.

Đến năm Nguyên Gia thứ 10 (434), Thuyền chủ Nan-đề lại từ nước Sư tử, chở Tỳ-kheo-ni Tiền-tát-la... cả thảy mười một vị đến, cùng chư Ni đến trước đã thông đạt tiếng Tống (Trung Hoa), thỉnh Sa-môn Tăng-già Bạt-ma ở chùa Nam Lân thiết lập Đàn giới. Lần lượt thọ lại hơn ba trăm ba mươi vị Tỳ-kheo-ni.

Năm Nguyên Gia thứ 18 (442), bấy giờ Tăng Đoan 34 tuổi, yên tọa trải qua mấy ngày, vị Duy na cố đến lay động, bảo rằng đã chết, kinh hãi báo cùng Quan chùa, Quan chùa cùng đến xem, thấy Tăng Quả thân lạnh thịt cứng, chỉ còn chuyển nhẹ hơi thở. Khi bắt đầu khiêng đi, Tăng Quả tự mở mắt cười nói tầm thường. Từ đó, người gặp thảy đều kính sợ khâm phục, không biết cuối cùng như thế nào.

15. Tỳ-kheo-ni Tỉnh Xưng ở chùa Trúc lâm, Đông hương, Sơn dương.

Tỳ-kheo-ni Tỉnh Xưng vốn dòng họ Lưu, tên Thắng, người xứ Tiếu, Quận lương. Giới nghiệp tinh chuyên cần khổ, tụng kinh bốn mươi lăm vạn lời. Bên cạnh chùa núi rừng không các huyên tạp, thả tâm thuyền mặc, dứt tuyệt trần lao, có người từng mất bò truy tìm chẳng

thôi. Đêm đến, trông nhìn chùa là một rừng lửa cháy sáng lớn, khi đến nơi thì chẳng thấy gì. Thường có một con hổ theo Tỉnh Xưng tới lui, nếu Tỉnh Xưng tọa thiền thì hổ ngồi đứng chung quanh. Trong chùa, chư Ni nếu có vị nào phạm lỗi mà không sám hối, hổ liền tức giận, sám tội rồi, hổ lại vui vẻ.

Về sau, Tỉnh Xưng xuống núi hành đạo, gặp một người nữ Bắc địa, vội vàng thăm hỏi mừng vui như xưa. Người nữ ấy dòng họ Cừu, tên là Khương, gốc ở Bắc bình. Tánh tình ham thích Phật pháp, nghe Đạo Phú ở Nam quốc khai thác trốn lánh đến xứ này. Nhân đó xin xuất gia, đã đồng khổ tiết, hai người không có vốn liếng lương thực, ăn bột củ truật vừng mè mà thôi, tiếng tăm vang vọng đến đô thành dân Lỗ, người Lỗ cho là Thánh nhân nên từ xa đến tiếp đón hai người, chẳng vui cảnh riêng nên tiếng xấu vết nguy lành ngôn trốn lánh, chúa Lỗ vì thiết bày thức ăn thịnh soạn, tất cả đều đến ăn. Nhân đó mà xem thường không lưu giữ lại, Tỉnh Xưng cùng với Cừu Khương trở về chùa cũ.

Năm chín mươi ba tuổi, Tỉnh Xưng không bệnh mà viên tịch.

16. Tỳ-kheo-ni Pháp Tướng ở chùa Thái Huyền Đài, xứ Ngô.

Tỳ-kheo-ni Pháp Tướng vốn dòng họ Hầu, người xứ Đôn hoàng, tiết tháo thanh tịnh, tài đức anh minh, dốc chí cầu học, chẳng để luống không phế nghiệp, an tình lam lũ, chẳng vì vinh hoa mà thay đổi lòng, lấy chồng họ Phó, gia đình nhiều đạo. Đến lúc phù kiên bại tích, quyến thuộc tan mất, nên xuất gia trì giới, tin hiểu cao sâu. Thường xin bớt áo cơm cúng dường Tỳ-kheo-ni Tuệ Tú, chúng Tăng trong chùa can ngăn:

- Tuệ Tú vốn người quê mùa, nói không ra lời, Phật pháp kinh luật chưa từng để tâm, muốn học Thiền định lại không thầy dạy, bản tánh ngu vụng về chậm chạp. Đó là hạng người ngu hạ. Sao chẳng gieo nhân ở nơi thượng điền mà tu ở hạ phước.

Pháp Tướng đáp:

- Sự hơn kém của ruộng phước chỉ có Thánh nhân mới biết, ta đang là người phàm sao lại bày chuyện lấy bỏ? Gặp có vật tài cứ bố thí cúng dường sao lại quan tâm tác ý ư?

Về sau, Tuệ Tú thiết lập trai pháp thiền tập bảy ngày. Đến ngày thứ ba, đêm đó cùng chúng đồng tọa, chúng dậy hết cả, chỉ mình Tuệ Tú không dậy. Cả chúng đều quán xét Tuệ Tú vững vàng như gỗ đá, lay lắt chẳng động. Hoặc có người cho là đã chết, sau đó ba ngày mới dậy, sau khi dậy bình thường như cũ. Đại chúng lấy làm lạ, mới tỏ ngộ

thấy biết rất sâu xa. Những việc tương tợ như thế của Pháp Tướng, trước sau không chỉ là một. Đến tuổi về già, Pháp Tướng càng thuần hậu. Ngoài chín mươi tuổi, Pháp Tướng mới viên tịch, khoảng cuối niên hiệu Nguyên Gia (454).

17. Tỳ-kheo-ni Nghiệp Thủ ở chùa Thanh Viên, xứ Đông.

Tỳ-kheo-ni Nghiệp Thủ vốn dòng họ Trương, người xứ Bành Thành. Phong nghi cao chỉnh, giới hạnh thanh bạch. Hiểu sâu Đại thừa, khéo giảng diệu lý, thích thiền tụng miên mật chẳng hề lười biếng.

Đời tiền Tống, vua Vũ Đế (420-423) rất kính trọng chẳng khác, vua Văn Đế (424-454), từ thuở nhỏ đã theo thọ tam quy. Nghiệp Thủ trú chùa Vĩnh an, thường xuyên lui tới cúng dường. Năm Nguyên Gia thứ 2 (425), mẹ của Vương Cảnh Thâm, người họ Phạm lấy đất từ đường cũ của Vương Thân cúng dường Nghiệp Thủ để dựng lập chùa viện, đặt tên là chùa Thanh Viên. Đồ chúng tướng đối đông, rất có quy cũ. Phan Quý Phi ngợi khen rằng: "Tỳ-kheo-ni Nghiệp Thủ hoằng dương Phật pháp rất đáng kính trọng. Đến năm Nguyên Gia thứ 15 (439) vì Nghiệp Thủ mà mở rộng chùa ra ở phía Tây, dựng lập điện Phật, lại mở mang ở phía Bắc chùa tạo lập Tăng phòng, cung cấp mọi thứ cần dùng, chùa chiền hưng thịnh. Đại chúng khoảng hai trăm người, pháp sự không dứt. Tuổi tác Nghiệp Thủ càng già mọi người kính ngưỡng càng lớn mạnh. Nhiều lần tự muốn được yên thân tuổi già, đại chúng đều không chấp thuận. Năm chín mươi tuổi, Nghiệp Thủ viên tịch, nhằm năm Đại Minh thứ 06 (463).

Bấy giờ, lại có các Tỳ-kheo-ni Tịnh Ai, Bảo Anh, Pháp Lâm đều có thân thanh khiết tiếng khắp kinh đô phủ huyện. Tịnh Ai từ lâu thường hành thiền tụng, thừa sự rất thỏa đáng, viên tịch năm Thái Thỉ thứ 5 (470). Bảo Anh dựng tháp năm tầng, chuyên cần diệt lý, tinh tấn; chỉ ăn dùng rau lá, viên tịch năm Thái Thỉ thứ 6 (471). Bảo Lâm xem rộng kinh luật, già mà chẳng trễ nãi, viên tịch năm Nguyên Huy thứ nhất (473). Lại có đệ tử là Đàm Dần, kiêm tụng thiền luật, rời bỏ vinh hoa, không quan hệ triều đình phố chợ, viên tịch vào năm Nguyên Huy thứ 6*.

18. Tỳ-kheo-ni Pháp Biện ở chùa Cảnh phúc.

Tỳ-kheo-ni Pháp Biện người xứ Đơn dương, xuất gia từ nhỏ tại chùa Cảnh phúc, là đệ tử của Tỳ-kheo-ni Tuệ Quả. Trung thuần, cẩn trọng, thanh bạch, tao nhã vốn sẵn cần kiệm, mặc áo thô xấu, ăn cơm

với rau, chẳng dùng các thứ cay nồng, tiếng tốt cao nhã sớm vang khắp thành đô đến thôn ấp, thứ sử Dương châu là Lang Da Vương Úc rất sùng bái kính lễ.

Về sau, Pháp Biện đến chùa Đạo Lâm, theo Sa-môn Cương Lương Da-xá, người ngoại quốc thọ học thiền quán, như pháp tu hành, rất tinh thông hiểu sự lý. Mỗi lúc dự chúng, ở nơi pháp tịch thường ngủ mê. Tại trai đường khi mọi người dậy hết nhưng Pháp Biện vẫn còn ngồi, vị Duy Na kinh hãi đến lay động thì tợ như gỗ đá, vội mách bảo nhau cùng đến xem sao, khoảng khắc xuất định, nói năng bình thường, đại chúng rất khâm phục và càng thêm kính trọng. Năm Đại Minh thứ 07 (464), Pháp Biện viên tịch, thọ sáu mươi tuổi.

Trước đó hai ngày, trên chùa Ni Định Lâm, Pháp sư Siêu Biện mộng thấy mộng cung thành trang nghiêm tráng lệ, trang trí rực rỡ, trong đời chẳng có, nam nữ trang sức đầy đủ ở đó, chỉ không thấy có người chủ, bèn hỏi nguyên cớ. Các người đó đáp rằng:

- Tỳ-kheo-ni Pháp Biện ở chùa Cảnh phúc tương lai sẽ sinh đến đây, ngày mai hẳn đến!

Ngày đó, Pháp Biện cảm thấy thớ thịt hơi lạnh run, liền mách bảo cùng đại chúng, tất cả lớn nhỏ đều nhóm họp. Pháp Biện tự nói:

- Có người khác lạ đến chung quanh ta chợt hiện chợt ẩn, như bóng như mây.

Nói xong bèn ngồi mà tịch. Sau đó, lại có các Tỳ-kheo-ni Đạo Chiếu, Tăng Biện cũng vì tinh tấn mà biết đến. Đạo Chiếu vốn dòng họ Dương, người xứ Bắc Địa từ, ăn dùng rau lá; tinh cầu tụng niệm kinh, là chỗ Lâm Hạ Vương thường đến cúng dường.

19. Tỳ-kheo-ni Đạo Tống ở chùa Tam tầng, Giang lăng.

Tỳ-kheo-ni Đạo Tống, không rõ là người xứ nào, trú tại chùa Tam tầng ở Giang lăng. Thuở nhỏ chẳng vì xuất chúng mà giữ lòng, trưởng thành chẳng vì động vật làm nhiễm ô. Với mực Hiền Ngu theo đạo tiếng tăm ít vang lừng nhưng chỗ đạt ngộ rất thâm sâu.

Đêm rằm tháng ba năm Đại Minh thứ 7 (464) đời tiền Tống, tự luyện dầu lửa quấn trán rồi đốt, mắt tai đều hủy hoại, tụng vịnh không thôi, kẻ Tăng người tục đều tán thán ngợi khen, yêu ma đều hãi sợ, khắp nơi nghe thế đều phát tâm Bồ-đề. Chúng sĩ Lưu Kỳ, đời tiền Tống cũng rất sùng bái tôn kính, vì Đạo Tống mà làm kệ ngợi khen...

20. Tỳ-kheo-ni Tuệ Tuấn ở chùa Trúc viên.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Tuấn vốn dòng họ Trần, người xứ Sơn âm, thuở nhỏ thông minh đỉnh ngộ, tinh tấn vượt xa tầm thường. Sáng sớm đốt hương, vận tâm quán tưởng kính lễ đúng thời khóa, trưa thì cơm rau một bữa, chẳng ăn dùng thức ngon béo bùi. Tuy ở tại gia mà như người xuất tục, song thân không thể cắt tóc chí nguyện. Đến tuổi mười bảy mới hứa cho theo đạo, kinh sách trong ngoài chỉ nhìn qua thì tụng được thành bài. Thiền sâu Quán mật không gì chẳng nhập, vắng lặng mà không tranh giành, hòa mục mà có tiết lượng, chơi bạn quen thân chưa từng đùa bởn.

Thái tể Giang hạ Vương Nghĩa Cung, đời tiền Tống rất tôn trọng suy kính, thường cung cấp y dược bốn mùa không thiếu thứ gì. Chẳng cất chứa của cải, tất cả đều xây dựng chùa viện, chùa Trúc viên được thành lập là nhờ công lao của Tuệ Tuấn. Tuệ Tuấn vui với Thiền vị, già mà chẳng suy. Năm Đại Minh thứ 8 (465), Tuệ Tuấn viên tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, an táng tại Phụ sơn. Ngay chùa ấy, có vị Tăng hóa Ni thông mẫn trác tú, tụng niệm kinh luật, ăn dùng rau lá tiết chế khổ hạnh, tiếng tốt ngang đồng như Tuệ Tuấn vậy.

21. Tỳ-kheo-ni Bảo Hiền ở chùa Phổ hiền.

Tỳ-kheo-ni Bảo Hiền vốn dòng họ Trần, người xứ Trần quận. Năm mười sáu tuổi chịu tang thân mẫu, suốt ba năm chẳng ăn ngũ cốc chỉ dùng củ sắn củ ấu để tự nuôi sống, chẳng mặc áo quần bằng tơ lụa, chẳng ngồi trên giường chiếu. Năm mười chín tuổi, xuất gia tại chùa Kiến An. Tháo hạnh tinh tu, rộng thông Thiền luật.

Đời tiền Tống, vua Văn Đế (424-454), rất mến mộ cúng dường y thực. Vua Hiếu Vũ Đế (454-465), cũng rất kính đãi, hàng tháng cung cấp một vạn tiền. Vua Minh Đế (465-473) sau khi lên ngôi, thường tiếp xúc càng thêm sùng kính. Năm Thái Thỉ thứ nhất (465), ban sắc Bảo Hiền làm tự chủ chùa Phổ hiền, hai năm sau (467), lại ban sắc làm Tăng Chính Đô ấp, rất có uy phong, đoán rõ như thần, khéo luận vật lý, quanh co thảy đều rõ hiểu. Giữ tánh cương trực không thể khuynh nhiễu.

Niên hiệu Hưng Bình (314-317) cuối đời Tây Tấn, có Tịnh Kiểm là vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên (ở Trung Hoa), ban đầu thọ giới Cụ túc chỉ theo Đại Tăng. Sau này, Tỳ-kheo-ni Tuệ Quả, Tịnh Âm... ở chùa Cảnh phúc đến hỏi Sa-môn Cầu-na-bạt-ma, Cầu-na-bạt-ma bảo:

–Cõi nước không có hai bộ Đại Tăng, chỉ theo Đại Tăng thọ đắc giới Cụ túc.

Tuệ Quả... về sau lại gặp Tỳ-kheo-ni Tiền Tát La - người ngoại quốc đến. Vào năm Nguyên Gia thứ 11 (435), theo Sa-môn Tăng-già Bạt-ma trùng thọ giới Cụ túc tại giới Đàn chùa Nam Lâm. Như vậy, có thể cho rằng trước đó thọ không đắc giới mà gọi là tăng trưởng giới thiệu vậy. Sau đó những người ưa thích khác lạ, rộng cùng truyền tập điển chế sai lạc. Năm Nguyên Huy thứ 02 (474), pháp sư Luật Dĩnh ở chùa Tấn Hưng khai giảng luật Thập Tụng. Ngày đó có hơn mười vị Ni nhân nghe giảng dạy nên muốn thọ giới lại, Bảo Hiền bèn đến chỗ Đại Tăng mang mệnh lệnh đến giảng tòa, đánh mộc bảng, tuyên bảo cùng chư Ni:

- Không được thọ giới lại. Nếu vị nào tuổi tác chưa đủ thì thầy của vị đó trước phải nhóm chúng sám hối xong, sau đó đến chỗ Đại Tăng. Đại Tăng hứa khả, thỉnh người kiểm xét mới được thọ giới. Nếu có ai chống cự trái lại tức liền tẩn xuất.

Nhân đó, về sau mọi sự kiêu cạnh tạm dứt mất.

Bảo Hiền ở chỗ thanh tịnh giản đơn, tài kiêm sự nghĩa an ủy mọi người nâng đỡ kẻ dưới, trang nghiêm ít muốn, lợi ích cho đời cao như thế. Năm Thăng Minh thứ nhất (477), Bảo Hiền viên tịch, thọ 77 tuổi.

22. Tỳ-kheo-ni Pháp Tịnh ở chùa Phổ hiền.

Tỳ-kheo-ni Pháp Tịnh, người xứ Giang bắc. Năm 20 tuổi gặp loạn nên theo thân phụ trốn tránh đến xứ Mạt lăng. Gia đình vốn theo Phật giáo, pháp tịnh xuất gia từ tuổi nhỏ tại chùa Vĩnh Phúc, giới hạnh thanh khiết, thấu rõ sự lý, trầm tư tinh nghiêm xả thân cứu nghĩa, cùng với Tỳ-kheo-ni Bảo Hiền là đồng bạn cũng thời nổi danh.

Đời nhà Tống, vua Minh Đế (465-473) lấy đó làm lạ. Năm Thái Thỉ thứ nhất (465), ban sắc Pháp Tịnh trú tại chùa Phổ hiền, thường hay tiếp đãi trong cung, giữ lễ như thầy bạn. Năm sau (466), lại ban sắc giữ chức Đô Duy Na ở kinh ấp, ở việc công chính, Pháp Tịnh ứng xử tinh thông, tùy phương cấp dẫn, cảm hóa như xuôi dòng. Chư Ni ở Kinh Sơ cũng như những phụ nữ thông gia, không ai chẳng từ xa viết thư gởi tặng cầu bạn tri thức. Đức hạnh quen đào luyện sửa trị của Pháp Tịnh ai ai cũng biết. Chúng theo cầu học giới hạnh khuôn phép mẫu mực khoảng bảy trăm người.

Năm 65 tuổi, Pháp Tịnh viên tịch, nhằm năm Nguyên Huy thứ nhất (473).

23. Tỳ-kheo-ni Tuệ Diệu ở chùa Vĩnh khương, Thục quận.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Diệu vốn dòng họ Chu, người xứ Tây bình, xuất gia từ thuở nhỏ, thường thệ nguyện thiêu thân để cúng dường Tam bảo. Cuối năm Thái Thỉ (472) nói cùng thứ sử Lưu Lượng, lúc đầu thì Lưu Lượng chấp thuận. Có Triệu Xứ Tư xây phần mộ, họ Vương chấp thuận. Đến rằm tháng giêng, Tuệ Diệu dẫn các đệ tử mang dầu vải đến chỗ phần mộ, sửa soạn chưa xong, Lưu Lượng đưa thư đến nói cùng Chư Ni rằng:

- Nếu Tỳ-kheo-ni Tuệ Diệu thật sự muốn thiêu thân thì cả chùa Vĩnh khương đều mắc trọng tội.

Tuệ Diệu vì bất đắc dĩ nên trở về. Họ Vương vô cùng tức giận bảo:

- Bà Ni cần cầu danh lợi dối bày kỳ đặc.

Kín đút lót người bên trong làm việc vào nữa đêm, trong thành ai cũng biết, Tuệ Duệ bảo:

- Nàng con gái mới lấy chồng chớ lấy sinh lấy phiền não, xả bỏ thân liên quan bên cạnh tôi người đâu biết!

Từ đó trở về lại chùa, bỏ ăn ngũ cốc, uống các dầu thơm. Đến năm Thăng Minh thứ nhất (477), Tuệ Diệu thiêu thân tại chùa, lửa cháy đến mặt, vẫn tụng kinh không ngừng, bảo Chư Ni rằng:

- Lượm nhặt hài cốt của tôi chỉ được hai thăng.

Đến lúc lửa tắt, quả thật y như lời Tuệ Diệu nói.

Trước lúc thiêu thân khoảng một tháng, ngày nọ có vị tăng người nước Hồ, tuổi khoảng hai mươi, hình dung đoan chánh, ở đùi vế có mọc cọng lông dài sáu, bảy tấc rất nhỏ mềm mại, có người hỏi duyên cớ, thì dịch ngữ nói rằng:

- Bởi do từ trước chưa từng che đậy ở đó nên mọc lông như vậy.

Vị tăng ấy nói với Tuệ Diệu rằng:

- Tôi ở nước Ba-la-nại cách đây vài ngày nghe chị muốn xả bỏ báo thân này nên đem bình bạc đến tặng chị.

Tuệ Diệu bèn đảnh lễ nhận lấy, chưa kịp giao nhận bèn vội khước từ. Tuệ Diệu sai người tìm để giữ lại. Song, ra đến cửa thì đã đâu mất. Chư Ni đem bình bạc ấy đừng đầy xá lợi của Tuệ Diệu, chẳng tràn hai hộp...

■

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ-KHEO-NI

QUYỂN 3

ĐỜI NAM TỀ CÓ 15 VỊ

1. Tỳ-kheo-ni Pháp Duyên ở Đông hoàn, Tăng thành.
2. Tỳ-kheo-ni Đàm Triệt ở chùa Nam vĩnh an.
3. Tỳ-kheo-ni Tăng Kính ở chùa Sùng thánh.
4. Tỳ-kheo-ni Tăng Mãnh ở chùa Tề minh, Cổ quan.
5. Tỳ-kheo-ni Diệu Trí ở chùa Hoa nghiêm.
6. Tỳ-kheo-ni Trí Thắng ở chùa Kiến phúc.
7. Tỳ-kheo-ni Tăng Cái ở chùa Thiền cơ.
8. Tỳ-kheo-ni Pháp Toàn ở chùa Đông thanh viên.
9. Tỳ-kheo-ni Tịnh Diệu ở chùa Phổ hiền.
10. Tỳ-kheo-ni Đàm Giản ở chùa Pháp âm.
11. Tỳ-kheo-ni Tịnh Khuê ở chùa Pháp âm.
12. Tỳ-kheo-ni Tuệ Tự ở chùa Tập thiện.
13. Tỳ-kheo-ni Siêu Minh ở chùa Tề minh, tiền Đường.
14. Tỳ-kheo-ni Đàm Dõng ở chùa Pháp âm.
15. Tỳ-kheo-ni Đức Lạc ở chùa Tề hưng, xứ Diệm.

****

1. Tỳ-kheo-ni Pháp Duyên ở Đông hoàn, Tăng thành.

Tỳ-kheo-ni Pháp Duyên vốn dòng họ Du, người xứ Đông Hoàn Tăng Thành. Năm Nguyên Gia thứ 9 (433), đời tiền Tống. Pháp Duyên vừa mười tuổi cùng em là Pháp Thải chín tuổi, chưa biết kinh pháp. Ngày mồng 8 tháng 2 năm đó (433), cả hai chị em không biết đi đâu, ba ngày sau trở về nói đến tịnh độ thiên cung thấy Phật, Phật nhân đó mà chỉ dạy. Đến ngày rằm tháng 9, lại đi mất một tuần mới về, có thể viết được chữ nước ngoài và tụng kinh, nghe người Tây Vực nói đùa, nghe cũng hiểu rõ.

Ngày rằm tháng giêng năm Nguyên Gia thứ 10 (434), lại bỏ đi mất, những người làm ruộng thấy hai chị em nương gió bay bổng giữa trời, song thân lo sợ tế thần cầu phước, trải qua cả tháng mới trở lại, lúc trở về là đã xuất gia, thân mặc pháp phục, nắm tóc đem về, tự nói thấy Phật và các Tỳ-kheo-ni, bảo rằng:

- Người có nhân duyên đời trước nên làm đệ tử ta.

Rồi đưa tay xoa đầu, tóc tự rơi rụng và đặt pháp danh: chị là Pháp Duyên, em là Pháp Thải. Lúc sắp trở về bảo rằng:

- Có thể làm tịnh xá sẽ cho các ngươi trú vậy.

Pháp Duyên... trở về nhà hủy phá thần tòa sửa làm tịnh xá, ngày đêm giảng tụng, đêm đến mỗi người tự có hào quang năm sắc chiếu sáng, nổi trôi trên các dòng hay ở đỉnh núi non có như ngọn đuốc. Từ đó về sau, lời nói tao nhã, âm thanh trong sáng, lên kinh đô phúng tụng không ai sánh bằng. Thứ sử Vĩ Lãng Khổng Mặc đều khuất phục, cung kính cúng dường. Nghe Pháp Duyên giảng nói vô cùng kính phục. Nhân đó mà mọi người đều phụng thờ chánh pháp.

Khoảng trong niên hiệu Kiến Nguyên (479-483), đời Nam Tề, Pháp Duyên viên tịch, thọ năm mươi sáu tuổi.

2. Tỳ-kheo-ni Đàm Triệt ở chùa Nam vĩnh an.

Tỳ-kheo-ni Đàm Triệt, chưa rõ người xứ nào. Từ nhỏ là đệ tử của Tỳ-kheo-ni Phổ Yếu, theo Phổ Yếu trú tại chùa Vĩnh an. Phổ Yếu bảo:

–Chăm lo học giỏi hẳn sẽ có tiếng ở đời.

Đàm Triệt giữ lấy chí khí không kiêu hãnh, học tập siêng năng không ngừng. Yếu nghĩa Phật pháp, đều suốt thấu. Chưa kịp thành giới đã nghiên cứu kinh luận. Sau khi thọ giới Cụ túc, cùng học Luật tạng. Tài năng gánh vác cơ vụ rất khéo giảng nói, phân tích minh bạch rõ ràng, nghiên cứu sâu xa. Chư Ni lớn nhỏ đều trông nhờ, tùy phương ứng hội, tiết tấu lô-gíc. Các phụ nữ từ hàng Ngũ hầu đến Thất quý trở xuống không ai mà chẳng tu kính mến phục.

Năm Vĩnh Minh thứ 2 (483), đời Nam Tề, Đàm Triệt viên tịch, thọ sáu mươi ba tuổi.

3. Tỳ-kheo-ni Tăng Kính ở chùa Sùng thánh.

Tỳ-kheo-ni Tăng Kính vốn dòng họ Lý, người xứ Cối kê, ở ngụ tại đất Mạt lăng. Tăng Kính lúc còn trong bào thai, người nhà thiết lễ hội, thỉnh Sa-môn Tăng siêu ở chùa Ngõa Quan và Tỳ-kheo-ni Đàm

Chi ở chùa Tây, hai vị chỉ vào bụng gọi đứa bé trong bào thai làm đệ tử và người mẹ thay đứa bé gọi hai vị là thầy. Bất luận là nam hay nữ hẳn đều cho xuất gia. Đến ngày sắp sinh, người mẹ mộng thấy Thần nhân bảo rằng:

- Nên kiến lập bát Quan trai pháp tức mạng kinh bắt đầu.

Chư Tăng và tôn tượng chưa thỉnh đến, liền sinh Tăng Kính. Nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Nên đem đến chùa Kiến An, thưa cùng chư Ni cho làm đệ tử.

Năm lên năm, sáu tuổi, Tăng Kính nghe tụng kinh, liền có thể nhớ tụng, đọc kinh vài trăm quyển, diệu giải ngày một sâu xa, chỉ dùng rau lá khắc kỷ thanh phong tạm trước. Mãi đến niên hiệu Nguyên Gia (424-454), đời tiền Tống, Lỗ Quận Khổng Mặc ra trấn Quảng châu, dẫn Tăng Kính đi cùng. Gặp được Tỳ-kheo-ni Tiền Tát La..., người ngoại quốc đang đến kinh đô Triều Tống, đều là phong tiết cao dị, liền xin theo thọ giới, rõ sâu nghĩa lý vô thường, muốn nương thuyền vượt biển tìm cầu thánh tích. Đạo tục cấm cản, phải dừng ở tại Lĩnh nam hơn ba mươi năm. Phong lưu dần đổi, tục dữ cải tâm, có mười ba người xả bỏ vườn nhà cúng dường Tăng Kính, cùng nhau lập chùa ở tại triều đình, đặt hiệu chùa Chúng Tạo. Vua Minh Đế (465-473), đời Tiền Tống nghe thế, từ xa sai người nghênh đón. Đạo tục cùng nhau chia sẻ buồn nhớ. Trở lại kinh đô, Tăng Kính được ban sắc trú tại chùa Sùng thánh, kẻ tăng người tục khâm phục sự tiến dừng của Tăng Kính. Lạc Tuân ở Đơn Dương vì Tăng Kính mà xả bỏ vườn nhà để dựng lập chùa, sau dời đến đó ở. Thời nhà Tề, Văn Tuệ Đế, Văn Tuyên Vương ở Kính lăng đều khâm phục phong thái và đức hạnh của Tăng Kính cúng thí đầy đủ không khuyết thiếu thứ gì.

Ngày mồng ba tháng 2 năm Vĩnh Minh thứ 4 (487), đời Nam Tề, Tăng Kính viên tịch, thọ tám mươi tư tuổi, an táng tại phía Bắc núi Chung sơn. Các Đệ tử tạo lập văn bia, Trung thư thị lang Ngô Hưng Trầm ước chế văn bia tại đó.

4. Tỳ-kheo-ni Tăng Mãnh ở chùa Tề minh, Cổ quan.

Tỳ-kheo-ni Tăng Mãnh vốn dòng họ Sầm, người xứ Nam dương, dời đến trú tại huyện Cổ quan, cho đến thời Tăng Mãnh đã là năm đời. Tằng tổ của Tăng Mãnh theo nhà Tấn giữ chức chánh viên lang dư kháng lệnh. Gia đình vốn thờ kính Hoàng Lão và kính tin tà thần. Tăng Mãnh từ thuở nhỏ đã bùi ngùi, có chí cầu đạo, xa lánh trần tục. Năm mười hai tuổi, thân phụ qua đời, Tăng Mãnh gào khóc đến nỗi thổ

huyết, chết đi sống lại, trọn đủ ba năm, tánh tình bất diệt, từ biệt mẹ xuất gia học đạo. Đạo hạnh đã thanh khiết, sống một cuộc sống nhàn tịnh luôn cung kính nghiêm tinh. Chỉ dùng cơm gạo rau lá thô sơ nên thân còn da bọc lấy xương. Hành Đạo sám hối chưa từng biếng lười. Phô bày lỗi trước, tinh cần khẩn thiết rơi lệ. Hay làm những việc mà người đời khó làm. Thứ sử Ích Châu Ngô Quận là Trương Đại nghe tiếng vang mà kính trọng, mời về làm thầy ở nhà.

Trong niên hiệu Nguyên Huy (473-477), đời tiền Tống, Tỳ-kheo-ni Tịnh Kiền vào đất Ngô, dẫn Tăng Mãnh ra kinh đô, trú tại chùa Kiến phúc, xét qua đại chúng trải suốt đêm ngày, theo đuổi giảng thuyết tâm không mệt nhọc, lắng lòng yên tọa, bình thản khó lường. Đến năm Kiến Nguyên thứ 4 (482), đời Nam Tề, mẫu thân mắc bệnh, Tăng Mãnh bèn xả bỏ nhà Đông để xây dựng chùa, đặt hiệu là chùa Tề minh. Quanh khắp điện vũ trồng đầy cây trúc, trong ngoài trong sạch tợ như như Tiên ở. Đối với người đói thì nhường thức ăn để bố thí, với người rét lạnh thì cởi áo mà bố thí cho. Ở phía Nam chùa thường có người săn bắn, nên chim thú đua nhau bay chạy tìm đến nơi Tăng Mãnh mà chim ưng săn rượt đuổi chỉ cách chừng thước tất. Tăng Mãnh vận dụng thân mình tay chân để ngăn cản chở che, tuy thân thể bị mổ cắn mà các loài thú tìm đến đều được thoát chết. Cùng sống tại đó khoảng vài mươi người, hơn 30 năm chưa từng thấy Tăng Mãnh lộ vẻ tức giận. Đến năm Vĩnh Minh thứ 5 (492), Tăng Mãnh viên tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.

Bấy giờ, lại có Tỳ-kheo-ni Tăng Viện là đệ tử của Tăng Mãnh cũng là người lừng tiếng hiếu kính với thấy hạnh nghiệp cao xa, Tuệ ngộ thâm sâu.

5. Tỳ-kheo-ni Diệu Trí ở chùa Hoa nghiêm.

Tỳ-kheo-ni Diệu Trí vốn dòng họ Tào, người xứ Hà nội. Bản tánh nhu hòa thông mẫn, tấm lòng độ lượng, giữ gìn khuôn phép cấm ngăn như giữ gìn minh châu. Tâm thường siêng năng nhẫn nhục, cùng với mọi vật không trái ngược. Tuy có sự buồn não nhưng hình dáng lúc nào cũng hài hòa. Rũ màn quanh năm, trọn ngày chẳng phiền muộn đến ai. Tinh thông thấu đạt pháp tướng, mọi vật thảy đều làm chủ.

Khi triều Đường mới dựng lập, vua Vũ Đế (483-494), đời nhà Tề ban sắc mời Diệu Trí khai giảng các kinh Thắng-man, Tịnh Danh,... Đến lúc Diệu Trí giảng pháp, nhà vua đã vài lần thân lâm, ban chiếu hỏi vô phương, Diệu Trí liên tiếp phanh chiết mới không để lại ứ đọng, nhà vua thường ca ngợi tốt lành.

Thời nhà Tề, Văn Tuyến Đế ở Cảnh lăng, tại cương giới Chung sơn là nơi nhóm tụ an táng các bậc Danh đức. Đến năm Kiến Vũ thứ 2 (495), Diệu Trí viên tịch, hưởng thọ 64 tuổi, an táng tại chùa Định Lâm. Thị Trung lang da vương luân, đời Nam Tề, có vợ thuộc họ Giang vì Diệu Trí mà dựng lập trụ đá viết khắc ngôn từ ca ngợi, dựng ở bên trái một phần của Diệu Trí.

6. Tỳ-kheo-ni Trí Thắng ở chùa Kiến phúc.

Tỳ-kheo-ni Trí Thắng vốn dòng họ Từ, người xứ Trường An, đến trú tại Cối Kê đã ba đời. Năm lên 6 tuổi, Trí Thắng theo vương mẫu ra thành đô đến chùa Ngõa Quan, thấy Chiêu Đề sửa lớn bảo sức nghiêm Hoa, tự nhiên rơi nước mắc khóc lóc, nhân đó xin xuống tóc, vương mẫu về hỏi, Trí Thắng thuật đủ ý ấy. Vương mẫu cho rằng đang còn nhỏ dại nên chưa chấp thuận. Cuối đời Tiền Tống (....-479), có lắm hoạn nạn, nhân dân bốn phương thất nghiệp, thời sự phân vân, lâu nhiễm nhiều năm.

Năm đến hai mươi tuổi, Trí Thắng mới được xuất gia, trú tại chùa Kiến phước, cần mẫn chuẩn mực đi vào khuôn phép. Thỉnh thọ kinh Đại Niết-bàn, chỉ một lần nghe liền có thể hành trí, về sau nghiên cứu luật tụng, không nhọc công thọ lại, hăng say công việc, tìm tòi tra cứu, tự chế vài mươi quyển Nghĩa sớ, từ đơn giản đến cao siêu, nghĩa ẩn mà lý huyền diệu. Gặp khó khăn chẳng nản lòng, gặp vui sướng không hề giải đãi. Khoảng trong niên hiệu Đại Minh (457-465)*, có một gả nam tử dối trá ôm hoài nhiễm dục, mưu toan tính kế lợi riêng. Trí Thắng khắc ý thâm uyên, khí tháo lập bền, nghiêm nét mặt bảo cùng đại chúng, chúng liền soát lục giao cho quan xét xử. Trí Thắng giữ giới thanh tịnh như gìn giữ minh châu.

Bấy giờ, có Tăng Tông Huyền Thư đệ tử của Pháp sư Đàm Bân ở chùa Trang Nghiêm, cùng hầu giữ điện Phật, khinh thường mạn tạng đến trộm, mới mất Bồ-tát Anh Lạc và bồn tắm bảy báu, bình lọ, y bát của Đàm Bân, các vật ở bên ngoài thất như khánh treo... nên buồn phiền nghỉ giảng, đóng cửa ba ngày. Tri Thắng tuyên cáo cùng bốn bộ chúng nội trong một tuần hẳn sẽ hoàn trả đầy đủ. Đức lớn cảm hóa mọi hành vi cử chỉ như vậy. Thời nhà Tề, Văn Tuệ Đế nghe được tiếng vang nhã ý cung nghênh đón tiếp mời vào cung. Mỗi lần rước vào cung giảng nói các kinh, thì Quan Tư Đồ Kính Lăng; Văn Tuyên Đế càng thêm sùng kính. Trí Thắng chí kiên trinh như vàng phương Nam, tâm ngời sáng tợ tuyết xứ Bắc, khuyên răn Ni chúng thật đủ vật trông. Lệnh chỉ mới bảo

làm chủ chùa, cả thảy đều cung kính như sùng tụng vị Tôn nghiêm. Trí Thắng theo pháp sư Tăng Viễn ở chùa Định Lâm cầu thọ Bồ-tát giới. Bên cạnh pháp tòa thường đặt lò hương, Trí Thắng xông hương, Tăng Viễn đứng đó bảo rằng:

- Chẳng lấy lửa, đã tin tú vậy.

Chỗ để hương chan hòa tỏa khói, mọi người đều ngợi khen sự cung kính trang nghiêm của Trí Thắng hiển bày ứng hiện như vậy.

Khoảng trong niên hiệu Vĩnh Minh (483-494), Trí Thắng thiết lễ trai Tăng nhiếp tâm cầu tưởng, bỗng nghe giữa không trung có tiếng gảy móng tay, liền chấp tay lắng nghe. Trí Thắng thường trú tại chùa, ba mươi năm chưa từng ứng phó trai hội, đặt chân đến nơi giàu sang phú quý. Trí Thắng quý trọng chỗ nhàn tĩnh, nhiếp niệm tư duy, nên tiếng thơm vang xa, Văn Tuệ Đế càng gia tâm cung phụng, ngày tháng đủ đầy, dựng xây phòng nhà, mở mang chùa viện, Đại chúng đông nhiều. Trí Thắng xả bỏ y bát vì bảy vị Hoàng đế trong thời tiền Tống và Nam Tề mà tạo dựng tượng đá ở chùa Nhiếp Sơn.

Đến năm Vĩnh Minh thứ 10 (494), Trí Thắng nằm trên giường bệnh, bỗng thấy xe vàng Vũ ngọc đều đến nghênh đón. Đến ngày mồng 5 tháng 4, bảo các đệ tử rằng:

- Ngày nay, ta qua đời!

Các đệ tử đều khóc lóc, Trí Thắng bèn vạch y bày ngực, giữa ngực có viết thảo chữ "Phật". Thể chữ mới đẹp sắc trắng cùng soi nhuận, đến giữa trưa ngày mồng 08 thì viên tịch, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng tại Chung sơn. Vua Văn Đế cung cấp thuốc than cho Trí Thắng, còn trong lúc tang lễ mọi sự cần dùng đều do các quan lo liệu đầy đủ.

7. Tỳ-kheo-ni Tăng Cái ở chùa Thiền cơ.

Tỳ-kheo-ni Tăng Cái vốn dòng họ Điền, người xứ Quân nhân, nước Triệu. Thân phụ là thái thú Hoằng Lương Thiên Thủy.

Tăng Cái xuất gia từ thuở nhỏ làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Tăng Chí ở chùa Hoa Lâm; Bành thành. Không màng lợi dưỡng dứt bỏ danh dự. Năm Nguyên Huy thứ nhất, sách Lỗ Xâm Châu, nên Tăng Cái cùng bạn đồng học là Pháp Tấn cùng đến phương Nam kinh thất, trú tại chùa Điệu Tướng của chư Ni, rộng nghe kinh luật, sâu cứu chỉ quy, chuyên tu thiền định, ngày không đủ tu đến đêm thâu, nóng lạnh chẳng đổi xiêm y, bốn mùa không thức ăn mới lạ, chỉ dùng một bữa cơm rau giữa trưa mà thôi. Thọ nghiệp ở hai Thiền sư Ẩn Bá. Cả hai vị đều khen ngợi sự tỏ ngộ khác thường của Tăng Cái.

Trong niện hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề, Tăng Cái dời đến trú tại chùa Thiền cơ, muốn xiển dương rộng Quán Đạo, kẻ tăng người tục đến thăm hỏi, ảnh hưởng sự tu, mới riêng lập thiền phòng ở bên trái cạnh chùa, yên lặng trong đó, mỗi lúc ra thì tinh thần sảng khoái không mỏi mệt. Thời nhà Tề, Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương Tú Tử Lương, suốt bốn mùa cung cấp. Tuy tuổi đã già nua mà chí hướng thượng chẳng suy mòn. Trọn ngày thanh hư, suốt đêm chẳng ngủ. Đến năm Vĩnh Minh thứ 11 (494), Tăng Cái viên tịch, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi.

Bấy giờ, lại có Pháp Diên, vốn dòng họ Hứa, người xứ Cao dương, tinh cần có hạnh nghiệp, cũng do từ thiền định mà nổi danh.

8. Tỳ-kheo-ni Pháp Toàn ở chùa Đông thanh viên.

Tỳ-kheo-ni Pháp Toàn vốn dòng họ Đái, người xứ Đơn dương. Đoan trang ưa thích vắng lặng, tinh cần định tuệ. Ban đầu theo Tông Viện xem khắp các kinh, về sau bắt chước hai Thiền sư Bá Ẩn tham cùng thiền quán. Ngày thì nghiên cứu kinh văn, đêm lại xem khắp Diệu Cảnh. Đối với giáo điển Đại thừa đều có thể tuyên giảng, pháp môn bí diệu Tam-muội đều làm thầy khuôn phép. Ăn chỉ rau quả, mặc cốt che hình. Dạy dỗ những điều chưa nghe khuyên răn hậu học. Hàng thính giả tu hành công phu rất đông. Chùa rộng lớn quán xuyến trong ngoài cũng rất khó khăn, nên năm Thái Thỉ thứ 3 (465) thời tiền Tống, Ni chúng họp bàn, muốn phân thành hai chùa, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bảo Anh xin ở phía Đông dựng lập Thiền phòng, lại tạo dựng linh tháp. Từ đó mới phân thành chùa Thanh viên ở phía Đông. Đến năm Thăng Minh thứ 2 (478) thời Tiền Tống, Bảo Anh viên tịch, chúng đã mới phân, người coi sóc chưa tiếp nối, mới mời Pháp Toàn làm chủ chùa. Từ đó, kẻ lớn người nhỏ tất cả đều mến vui, tình cảm sâu đậm như sữa hòa với nước.

Đến năm Long Xương thứ nhất (494) thời Nam Tề, Pháp Toàn viên tịch, hưởng thọ tám mươi ba tuổi. Bấy giờ, ở tại chùa lại có các vị như Tịnh Luyện, Tăng Luật, Tuệ Hình đều là những người ham học lại nổi danh.

9. Tỳ-kheo-ni Tịnh Diệu ở chùa Phổ hiền.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Diệu vốn dòng họ Dương, người xứ Kiến khang. Chí đạo chuyên thành, vui pháp kiều khẩn. Lúc mới thọ giới Cụ túc, Tịnh Diệu theo Tế Viện để thọ học, tinh cần suy tư nghiên tầm áo nghĩa Đại thừa. Sau khi đã được 10 hạ bèn làm vị thầy mẫu mực. Thời nhà Tề,

vua Văn Tuệ Đế, Văn Tuyên Đế ở Cảnh lăng đều kính phục.

Năm Vĩnh Minh thứ 8 (491), vua Cánh Lăng Văn Tuyên Đế thỉnh độ giảng kinh Duy-ma, sau làm chủ chùa hơn hai mươi năm, kẻ lớn người nhỏ sùng phụng như kính thờ cha mẹ, theo làm đệ tử hơn bốn trăm người. Đến năm Vĩnh Minh thứ 10 (493), Tịnh Diệu viên tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.

Bấy giờ, ở tại chùa lại có các vị như Tăng Yếu, Quang Tịnh đều là những bậc học hành nổi tiếng.

10. Tỳ-kheo-ni Đàm Giản ở chùa Pháp âm.

Tỳ-kheo-ni Đàm Giản, vốn dòng họ Trương, người xứ Thanh hà, là đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Tịnh, đến tham học ở Hoài hải, hoằng tuyên chánh pháp, trước người sau mình, ý chí cứu tế rộng lớn.

Năm Kiến Nguyên thứ 4 (483) thời Tam Tề, dựng lập tịnh xá Pháp Âm, chuyên tập thiền tư tịch mặc, thông đạt Tam-muội. Tiếng thơm đức hạnh vang xa, công hoằng hóa ngày một tỏa rộng. Kẻ tăng người tục kính ngưỡng, thạnh tu cúng thí. Bấy giờ có Pháp sư Tuệ Minh mến sâu tịch tĩnh, vốn trú tại chùa Đạo Lâm. Trong niên hiệu Vĩnh Minh (483-494), Văn Tuệ Đế và Văn Tuyên Vương ở Cảnh lăng thường vì tu sửa nghiêm sức, chư Tăng phần nhiều đam mê nghĩa học, giảng nhiều kinh luận, tới lui náo động, nên Tuệ Minh muốn bỏ đó mà đi, Đàm Giản bèn đem chùa đang ở để cúng dường, nhân đó dời đến Bạch Sơn, dựng lập thảo am để che mưa gió, đến giờ đi khất thực để tự nuôi sống, thường hội các tiều phu tạo dựng công đức.

Đến năm Kiến Vũ thứ nhất (494), giữa đêm 18 tháng 2, leo lên đống củi chất sẵn dẫn lửa tự thiêu, xả bỏ thân sinh tử để cúng dường Tam bảo. Mọi người ở gần thôn xóm thấy lửa cháy, đua nhau chạy lại cứu, đến nơi thì Đàm Giản đã viên tịch. Kẻ tăng người tục thương khóc vang tiếng cùng hang núi. Bèn lượm nhặc di cốt còn lại, vì Đàm Giản mà lập phần mộ.

11. Tỳ-kheo-ni Tịnh Khuê ở chùa Pháp âm.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Khuê vốn dòng họ Chu, người xứ Tấn lăng, đến cư ngụ tại huyện Kiến khang đã ba đời. Tịnh Khuê từ nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, nghe một hiểu nhiều. Tánh chẳng ham thích thế tục, sớm nguyện xuất gia, song thân xót thương chẳng trái ý nguyện. Tịnh Khuê làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Tịnh ở chùa Pháp âm, đức hạnh thuần hậu, kinh luật thông rành, Tam thừa thiền một không gì chẳng

thấu đạt. Thần lượng sâu xa, vật chẳng thể dòm tới. Để thân quên mùi vị thường tự khô gầy.

Pháp Tịnh tinh tấn cần mẫn đáng làm khuôn phép cho đời, truyền trao dạy bảo, phần nhiều đã đem lợi ích đến mọi người, đáng để cho đời nương tâm. Pháp Tịnh cùng Tỳ-kheo-ni Đàm Giản đồng ở tại chùa Pháp âm sau dời đến Bạch Sơn nương gá dưới bóng cây, ra công hoằng hóa dần dần rộng lớn. Đến ngày 18 tháng 2 năm Kiến Vũ thứ nhất (494), cùng với Đàm Giản cùng một đêm tự thiêu thân. Kẻ tăng người tục buồn thương đến viếng thăm thảy đều nghẹn ngào. Lượm nhặt xá-lợi, đắp phần mồ dưới gốc cây!

12. Tỳ-kheo-ni Tuệ Tự ở chùa Tập thiện.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Tự vốn dòng họ Chu, người xứ Cao bình; Lư khâu là người nhìn xa trông rộng, nhìn Tuệ Tự như bậc trượng phu chẳng giống gì phụ nữ, mở lời bàn luận rất ngay thẳng, không tránh né. Vừa mới bảy tuổi bàn ăn rau quả; trì trai, chí tiết dũng mãnh.

Năm mười tám tuổi, Tuệ Tự xuất gia tại chùa Tam tầng; Kinh châu, giới nghiệp Cụ túc, Tăng tục đều ngợi khen. Bấy giờ, tại Giang lăng có Tỳ-kheo-ni ẩn ở Tây thổ đức vọng, thấy Tuệ Tự khác thường, bèn mới hợp ý cùng nhau hành đạo, thường cùng trú một Hạ, cùng tập Ban chu, tâm hình cần khổ ngày đêm chẳng ngừng. Trầm Du Chi là thứ sử Tấn sa gạn lọc Tăng Ni, Tuệ Tự bèn lánh nạn tại Hạ Đô, đến sau khi Trầm phá bại lộ mới trở về Tây thổ. Thời nhà Tề, thái úy Đại ty Mã Dự Chương Vương Tiêu Nghi, khoảng cuối năm Thăng Minh (479) thời tiền Tống ra trấn tại kinh Thiểm, thấy Tuệ Tự có đạo hạnh nên đón mời vào nội, cúng dường tứ sự đầy đủ.

Bấy giờ, có thiền sư Huyền Sướng đi dọc theo đất Thục xuống Kinh châu, Tuệ Tự bèn đến thọ học thiền pháp, nghiên cứu tinh diệu. Huyền Sướng mỗi ngày thường ngợi khen Tuệ Tự xưa đã tích tập chẳng cạn. Tuệ Tự đã khéo hiểu Thiền hành, kiêm dùng rau quả gắng sức tiết chế. Vương Phi của Dự Chương bèn nhận làm quyến thuộc, kính tin rất sâu và theo thọ học thiền pháp. Mỗi lần có cúng thí, thọ nhận rồi thường tùy ban trải, chẳng có tích chứa. Ý chí thanh cao, chẳng vì nghiệp sinh mà ôm lòng hoài nghi, Dự Chương Vương muốn trở lại thành đô vì Tuệ Tự mà tạo dựng tinh xá tại phía Đông của Đệ đông điền, đặt hiệu là chùa Phước Điền và cũng thường vào Đệ đông hành đạo.

Năm Vĩnh Minh thứ 9 (492), vua cho mời vào cung, nhưng mỗi lần vào cung thì lại phát bệnh, Tuệ Tự chẳng chịu ăn, nhan sắc tiều tụy, khổ

cầu trở lại chùa. Trở lại chùa rồi liền tự bình phục. Khoảng một tuần thì lại mời vào, sau khi vào rồi biến chuyển như trước, mọi người đều chẳng biết nguyên nhân. Bỗng chốc mà nhà vua băng hà, họa đến liên tiếp. Vua Vũ Đế (483-494) đem giao Đông Điền, gấp dựng chùa Tập thiện, chuyển dời tất cả chư Ni về chùa Tập thiện và đem chùa Phúc Điền riêng an trí Đạo nhân A-lê người ngoại quốc. Từ sau khi dời về chùa Tập thiện, Tuệ Tự chân vài năm chưa trở lại vào Đệ đông. Bấy giờ, trong ngoài đã kính trọng chư Ni ấy, mỗi khuyên tạm đến sau mới vào Đệ nội. Trúc phu nhân muốn thiết lập Thiền trai, đưa thư thưa hỏi trước, Tuệ Tự bảo:

- Rất tốt, bần đạo xấu, nay thưa thật nguyện xin một lần vào Đệ đông cùng chư phu nương từ biệt.

Đã vào trai hội, sau khi trai pháp hoàn tất, tự lấy giấy bút làm thơ rằng:

Người đời hoặc chẳng biết
Gọi ta là Lão Chu
Bỗng mời làm bảy ngày
Thiền trai chẳng được nghỉ.

(Ở sau lại còn có mười chữ nói riêng, nay quên mất!). Làm thơ xong bèn cười nói tiếp người. Chẳng khác ngày thường hay cao ngạo. Nhân hội đủ liền bảo:

- Đây thuở ra chùa mới là vĩnh biệt!

Tuổi già, Tuệ Tự không lại hay vào Đệ lý, bấy giờ trong thân thể rất kiện khương. Ra chùa hơn một tháng, bèn bảo bệnh, mới không có khác so với thường ngày đêm mà qua đời.

Năm Vĩnh Nguyên thứ nhất (499), ngày 20 tháng 11, Tuệ Tự viên tịch, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi. Chu Xá vì Tuệ Tự lập bài tựa tán thán. Bấy giờ lại có Tỳ-kheo-ni Đức Thạnh, Đức hợp chí đồng làm quyến thuộc, hành đạo tập hầu thân nương âm chỉ vậy.

13. Tỳ-kheo-ni Siêu Minh ở chùa Tề minh, Tiền đường.

Tỳ-kheo-ni Siêu Minh vốn dòng họ Phạm, người xứ Tiền đường. Thân phụ thuở thiếu thời làm Quốc tử sinh, gia đình sùng phụng Đại pháp. Siêu Minh thuở nhỏ thông mẫn dĩnh ngộ, có chí hướng thượng, đọc ngũ kinh, khéo hay văn nghĩa. Hình thể đoan trang, trong ngoài đều kính trọng.

Năm hai mươi mốt tuổi, chồng mất nên ở góa, có người ở gần thôn đến cầu sính lễ mà không ưng thuận, nhân đó, xuất gia trú tại chùa Sùng

Ẩn. Thần lý rõ suốt, đạo lý tỏ trong. Nghe ở chùa Bắc Trương tại Ngô huyện có Pháp sư Đàm Chỉnh, đạo hạnh cần khổ, Siêu Minh liền theo đến cầu thọ giới Cụ túc. Về sau, đến trú tại chùa Đồ Sơn nghe Pháp sư Tuệ Cơ giảng dạy các kinh, bèn nghiên cứu nghĩa lý Diệu chỉ. Một lần đã qua tai ghi nhớ như in. Tam Ngô sĩ thứ, trong ngoài đều sùng kính. Tìm trở lại Tiền đường, dời ở chùa Tề minh. Đến năm Kiến Vũ thứ 5 (498), Siêu Minh viên tịch, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ, lại có Tỳ-kheo-ni Pháp Tạng cũng do học hạnh mà vẻ vang rạng ngời.

14. Tỳ-kheo-ni Đàm Dõng ở chùa Pháp âm.

Tỳ-kheo-ni Đàm Dõng là chị ruột của Tỳ-kheo-ni Đàm Giản, là người có tánh cương trực, phán quyết rõ ràng, không nhúng nhường, thường lấy Thiền luật làm chuyên, chẳng vì ăn mặc mà ôm hoài bảo, trú tại tịnh xá Pháp âm, ngộ sâu lý vô thường, thấu rõ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Năm Kiến Vũ thứ nhất (494), cùng Đàm Giản dời đến ở Bạch Sơn. Đến năm Vĩnh Nguyên thứ 3 (501), đêm rằm tháng hai, chất củi tự thiêu đem thân cúng dường. Bấy giờ, những người thấy nghe đều phát đạo tâm, cùng lượm nhặt di cốt để dựng lập phần mộ.

15. Tỳ-kheo-ni Đức Lạc ở chùa Tề hưng, xứ Diệm.

Tỳ-kheo-ni Đức Lạc vốn dòng họ Tôn, người xứ Tỳ lăng. Cao tổ Dục Tấn Dự Châu thứ sử. Đức Lạc vừa mới sinh mà trong miệng đã có hai chiếc răng, đến tuổi trưởng thành, thường ở trong nhà tối, chẳng cần đến đèn đuốc mà có thể thấy rõ tất cả. Nguyện thích lìa tục, song thân mến quý mà chẳng dám cản ngăn.

Đến năm Đức Lạc tám tuổi thì bằng lòng cho xuất gia, chị và em của Đức Lạc đồng thời vào đạo, làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Quang ở Tấn lăng. Sau khi thọ giới Cụ túc, đều đến tham học ở chốn kinh sư, trú tại chùa Nam vĩnh an, dốc chí tinh cầu trọn ngày đêm, nghiêm cùng kinh luật, ngôn đàm Điển nhã. Vua Văn Đế (424-454) thời tiền Tống ngợi khen cho là điều tốt lành. Năm Nguyên Gia thứ 7 (431), có Sa-môn Cầu-na-bạt-ma; người ngoại quốc đến, đại tướng quân, đời tiền Tống dựng lập chùa Vương Quốc, mời đến trú tại đó. Đến năm Nguyên Gia thứ 11 (434), có các vị Tỳ-kheo-ni hơn mười người từ nước Sư Tử đến, lại theo Sa-môn Tăng-già Bạt-ma cầu thọ giới Cụ túc. Đến năm Nguyên Gia thứ 21 (444), ở cùng chùa Ni, có Pháp Tịnh, Đàm Lãm, bị

lây nhiễm Khổng Hy, trước mưu cầu hại người, thân bần cùng phá pháp hủy chùa điện, phòng nhà, chư Ni ly tán, Đức Lạc dời đến ở chùa Đông thanh viên, hỏi thăm tham thiền, cùng nghiên cứu với Diệu Cảnh. Đến lúc Vua Văn Đế băng hà (454), Đức Lạc mới đi về phía Đông đến Cối kê, dừng ở tại tịnh xá Chiếu minh; Bạch sơn xứ Diệm, học chúng nhóm họp, thư thả chỉ dạy, đạo thạnh hành cả vùng Đông Nam.

Năm Vĩnh Minh thứ 5 (488), thời Nam Tề, có Trần Lưu, Nguyễn Kiệm là những kẻ sĩ đốc tín, xả thí nhà ở để xây dựng tịnh xá Tề minh. Đức Lạc rất khuôn phép nên kẻ lớn người nhỏ đều vui mừng kính phục, xa gần đều kính trọng phong thái, mọi người thảy đều nguyện xin nương tựa, đồ chúng hơn hai trăm vị. Đức Lạc chẳng tích chứa của vật cúng thí, hàng năm mở một hội giảng lớn, Tăng Ni chẳng phân hạng đều bình đẳng cúng dường. Đến năm Vĩnh Nguyên thứ 3 (501), Đức Lạc viên tịch, hưởng thọ tám mươi mốt tuổi.

Bấy giờ, tại đất Diệm có Tỳ-kheo-ni Tăng Mậu, vốn dòng họ Vương, người xứ Bành thành, tiết thực đơn sơ, cần khổ làm chuyên, đem các di vật của Đức Lạc do người thân giữ lại, ghi vào nơi tịnh xá Trúc viên này.

■

TRUYỆN CÁC VỊ TỲ-KHEO-NI

QUYỂN 4

Ở THỜI NAM LƯƠNG CÓ 14 VỊ

1. Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú ở chùa Thiền lâm.
2. Tỳ-kheo-ni Tăng Niệm ở chùa Thiền lâm.
3. Tỳ-kheo-ni Đàm Huy ở chùa Trường lạc, Thành đô.
4. Tỳ-kheo-ni Phùng ở chùa Lang trung, Cao xương.
5. Tỳ-kheo-ni Tuệ Thắng ở chùa Nhàn cư.
6. Tỳ-kheo-ni Tịnh Hiền ở chùa Đông thanh viên.
7. Tỳ-kheo-ni Tịnh Uyên ở chùa Trúc viên.
8. Tỳ-kheo-ni Tịnh Hạnh ở chùa Trúc viên.
9. Tỳ-kheo-ni Linh Ngọc ở chùa Nam tấn lăng.
10. Tỳ-kheo-ni Tăng Thuật ở chùa Nhàn cư.
11. Tỳ-kheo-ni Diệu Y ở chùa Tây thanh viên.
12. Tỳ-kheo-ni Tuệ Huy ở chùa Lạc an.
13. Tỳ-kheo-ni Đạo Quý ở chùa Để sơn.
14. Tỳ-kheo-ni Pháp Tuyên ở chùa Chiêu minh, Sơn âm.

****

1. Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú ở chùa Thiền lâm.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú vốn dòng họ Lương, người xứ An định, Ô thị. Tổ tông truyền đời chinh Lỗ Tư Mã, thân phụ ăn lộc ở huyện Long Xuyên Đô Hương Hầu. Tịnh Tú từ thuở nhỏ đã thông duệ, ưa thích làm việc nhân từ. Năm lên bảy tuổi, tự nhiên trì trai, trong nhà thỉnh chư Tăng tụng kinh Đại Bát Niết bàn, nghe xong, Tịnh Tú bèn dứt bỏ thịt cá chỉ ăn rau quả, không dám để cho cha mẹ biết. Trong cơm ăn nếu có cá thịt thì khéo che dấu rồi tự bỏ đi. Tịnh Tú theo Sa-môn khổ luyện; người ngoại quốc học hỏi lãnh thọ ngũ giới, tinh cần phụng trì chẳng từng tái phạm. Lễ bái đọc tụng ngày đêm chẳng nghĩ.

Năm mười hai tuổi, Tịnh Tú bèn xin xuất gia, song thân đều ngăn cấm. Đến lúc tay có thể viết được, thường tự viết kinh. Của cải có ra chỉ sung làm việc công đức, chẳng tạo lập tốt đẹp theo thế tục, chẳng mặc áo tơ lụa, không đắm trước trang sức. Cứ như thế mà suy rộng ra. Đến năm hai mươi chín tuổi, mới được đồng ý làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Nghiệp Thủ ở chùa Thanh Viên. Tịnh Tú hầu thầy hết mực thành kính còn sợ chẳng kịp. Ba nghiệp siêng tu sớm tối không hề giải đãi. Tăng sai chúng lao dịch đều làm trước tiên. Tánh vốn cần cù, gặp việc rất mật thiệp. Thiện thần hộ kính thường giúp đỡ ủng hộ ở chung quanh.

Bấy giờ, có Mã tiên sinh, người đời gọi là Thần nhân. Thấy Tịnh Tú bèn ghi rằng: "Vị Ni này sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất". Tịnh Tú thường cùng ba người đồng ngồi trong điện Phật, bỗng nghe giữa không trung có âm vang như bò rống, hai người kia kinh sợ, chỉ mình Tịnh Tú điềm nhiên. Trở lại phòng lấy đèn, mới bước lên thềm lại nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Chư Ni tránh đường, Thiền sư Tịnh Tú trở về!

Ngày khác, Tịnh Tú lại cùng vài người ngồi trong thiền phòng, có một vị Ni đang lúc ngái ngủ, thấy có một người ở đầu trụ phòng bảo rằng:

- Chớ khinh thường Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú.

Sau đó lại cùng chư Ni đồng ngồi, một vị Ni mới đứng dậy trở về phòng, thấy có một người vỗ tay chỉ bảo:

- Chớ nhiễu phiền Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú.

Tịnh Tú tiến dừng, nghênh tiếp nhưng cũng phải tuân theo khuôn phép.

Tịnh Tú muốn thỉnh Pháp sư Huy giảng luật Thập Tụng chỉ có một ngàn tiền bạc, sợ việc không thành. Đêm đến mộng thấy các giống chim Á; Thước; cù; tước, mỗi loại cỡi xe hiên, lớn nhỏ xứng hình, đồng tiếng kêu vang:

- Chúng ta phải trợ giúp Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú giảng.

Vừa đến kinh dinh có hơn bảy mươi Đàn-việt thiết trai cúng dường các thứ vật lạ. Về sau, lại thỉnh Luật sư Pháp Dĩnh giảng lại luật Thập Tụng, ngày khai đề, nước trong lọ tấm tự nhiên thơm phức. Ngày đó người đến nghe giảng rất đông không còn dư chỗ trống, Tịnh Tú đứng sợ Phạm nên hỏi Luật sư. Luật sư đáp:

- Không Phạm.

Tịnh Tú thấy chư Ni chưa được như pháp mới than rằng:

- Phật pháp chưa vang xa nay lại bị suy đồi. Tự ta sao có thể thâu

nhiếp tất cả!

Liền hành pháp Ma-na-đỏa để tự sám hối lấy. Chúng hội thấy thế, đều cùng nhau trở về suy tư bổ khuyết lỗi lầm, tự hổ thẹn mà cầu xin sám hối.

Năm Nguyên Gia thứ 7 (431), thời tiền Tống, Sa-môn Cầu-na-bạt-ma; người ngoại quốc đến thành đô, là người có khuôn phép thanh cao, Tịnh Tú bèn theo cầu thọ đại giới, mà đồ chúng ở chùa Thanh Viên tâm ý hiểu chẳng đồng, Tịnh Tú liền nghĩ ra ý kiến riêng cho mình, ngoài nghiêm pháp cấm, trong an thiền mặc, ngỏ hầu có thể mảy may xứng hợp tâm ý mình. Ở thời tiền Tống, công chúa Nam Xương và Hoàng Tu Nghi, đến tháng 8 năm Đại Minh thứ 7 (464), cũng cúng tế nên biết chọn đất dựng lập tinh xá, Tịnh Tú vẫn đắp y bố ma, ăn dùng rau lá, thân ôm bình bát đất bùn, sớm tối đều công phu chuyên cần, tạo lập khám tượng, không việc gì chẳng thành tựu. Cùng ở có hơn mười vị đều lấy thiền định làm việc chính. Đến năm Thái Thể thứ 3 (467), vua Minh Đế ban sắc lấy chùa theo chỗ nhóm tập nên đặt tên là chùa Thiền lâm.

Tịnh Tú luôn tay viết chép các kinh, riêng lập Đài kinh an trí trong điện chùa. Hai anh em Bà-già-la Long Vương ngày càng tỏ ra ủng hộ. Các hàng trí thức lui tới ai ai cũng biết. Mỗi lần phụng thỉnh Thánh tăng, thực ra có nhiều điềm lạ. Lại thường bảy ngày cúng dường lễ sám xong rồi nhiếp tâm chú tưởng, liền thấy hai vị Phạn Tăng đưa tay cùng nói; một vị xưng là Di-khư-la và một vì xưng là Tỳ-khư-la. Họ đắp mặc áo màu sắc như quả dâu chín, Tịnh Tú liền lấy y màu nhuộm bùn dường như tất cả đều thấy biết.

Ngày khác lại thỉnh năm trăm vị La-hán ở hồ A-nâu-đạt, năm trăm vị La-hán ở nước Kế Tân. Thỉnh các vị Đại đức ở kinh ấp mở Đại hội hai ngày. Đến ngày thứ hai, lại thấy một vị Phạn Tăng, chúng sinh tâm nghi ngờ đó, nhân liền hỏi, vị ấy đáp:

- Từ nước Kế Tân đến đây đã được một năm, khiến người giữ cửa lại thêm thắc mắc.

Nhiều người đều thấy từ Tống Lâm môn đi ra, mới đi hơn mười bước, bỗng chốc không còn thấy. Tịnh Tú lại từng tắm gội Thánh tăng trong ngoài tịch tĩnh chỉ có âm ba của Hy Tiêu. Các điềm lành khác lạ của Tịnh Tú phần nhiều cũng đều như thế.

Thời nhà Tề, Văn Tuệ Đế và Văn Tuyên Vương ở Cảnh lăng, cùng nhau lễ đãi cúng thí không hề thiếu sót. Tuổi già sức yếu, Tịnh Tú không thể đi lại. Đến đời Nam Lương, năm Thiên Giám thứ 3 (504),

ban sắc thấy nghe đến Nội điện. Đến ngày 17 tháng 6 năm Thiên Giám thứ 5 (506) Tịnh Tú tâm bất an, không thể uống ăn. Qua ngày 19 tháng 6, Pháp sư Tuệ Linh ở chùa Bành Thành mộng thấy cột trụ trong điện Phật nghiêm lệ khác thường, bảo đó là cung trời Đâu-suất và thấy Tịnh Tú ở trong đó. Tuệ Linh bèn dặn dò Tịnh Tú rằng:

- Đã được sinh ở chỗ tốt lành xin hãy ghi nhớ!

Tịnh Tú đáp rằng:

- Pháp sư huynh! Bậc Đại trượng phu, hoằng thông kinh giáo tự ứng biết ở chỗ tốt lành!

Tuệ Linh nghe Tịnh Tú bị bệnh bèn đến thăm, thuật lại sự việc trong mộng. Đến ngày 13 tháng 07, trong thời gian ngắn, Tịnh Tú mộng thấy phan lọng nhạc khí ở phía Tây điện Phật, qua ngày 22, mời chư Tăng cùng biết đến để từ biệt, ngày 27, Tịnh Tú bảo cùng các đệ tử:

- Tôi lên cung trời Đâu-suất!

Nói xong, liền thị tịch, hưởng thọ tám mươi chín tuổi.

2. Tỳ-kheo-ni Tăng Niệm ở chùa Thiền lâm.

Tỳ-kheo-ni Tăng Niệm vốn dòng họ Dương, người xứ Nam thành, Thái sơn. Thân phụ ở Di châu. Tăng Niệm tức là cô ruột của Pháp sư Đàm Duệ ở chùa Chiêu Đề. Khuê chương sớm đơm nở, tài giám soi suốt thấu, từ thuở nhỏ, năm lên mười tuổi, Tăng Niệm được xuất gia làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Hộ. Theo thầy trú tại chùa Thái Hậu. Tăng Niệm giữ gìn trinh tiết khổ tâm, thiền tư tinh mật. Vượt rộng thông nhiều, văn nghĩa đều thông suốt, chỉ ăn dùng rau quả, lễ sám, tuổi già nua lại càng dốc lòng, tụng kinh Pháp Hoa trong một ngày đêm đến bảy biến. Trong đời tiền Tống, vua Văn Đế (424-454) và vua Hiếu Vũ Đế (454-465), thường gia tâm ủng hộ.

Đến năm Vĩnh Minh thứ 10 (494) đời Tam Tề, Tăng Niệm dời đến trú tại chùa Thiền lâm, khuôn phép nhà thiền phát triển lớn mạnh, các học giả tụ hội thành chúng. Quan Tư Đồ Cánh Lăng Vương cúng dường cung cấp tứ sự. Đến năm Thiên Giám thứ 3 (504) đời Nam Lương, Tăng Niệm viên tịch, hưởng thọ chín mươi tuổi, an táng tại nội Lý trung hưng, huyện Mạt lăng.

3. Tỳ-kheo-ni Đàm Huy ở chùa Trường lạc, thành Đô.

Tỳ-kheo-ni Đàm Huy vốn dòng họ Thanh Dương, tên là Bạch Ngọc, người xứ Thành đô. Từ nhỏ, Đàm Huy ưa thích tu đạo mà cha mẹ không chấp thuận.

Năm Nguyên Gia thứ 9 (433) thời tiền Tống, có Thiền sư Cương-lương-da-xá vào đất Thục xiển dương thiền quán. Năm đó, Đàm Huy mười một tuổi, thưa cùng thân mẫu cầu xin được theo Thiền sư thọ học Thiền pháp, thân mẫu bằng lòng. Thiền sư Da-xá mới thấy, khen rằng:

- Người này có chí, khiến nó tu tập!

Bèn giao phó Tỳ-kheo-ni Pháp Dục cùng dạy dỗ. Thân mẫu đã hứa gả Đàm Huy cho Cô Tử. Lúc ra cửa có nói:

- Chẳng dám mong cầu.

Tỳ-kheo-ni Pháp Dục kín sai đón dẫn lại chùa. Đàm Huy tự lập thệ nguyện sâu xa: "Nếu đạo tâm ta không được toại ý, thân ta không màng đến. Ta sẽ dùng lửa tự thiêu đốt vậy!

Thứ sử Chân Pháp Sùng nghe thế, sai sứ đến nghênh đón Đàm Huy. Mọi người đều giúp đỡ và lo lắng. Thỉnh mời chư tăng Ni cùng giải cứu. Pháp Sùng hỏi:

- Ngươi có thể xuất gia được chăng?

Đàm Huy đáp:

- Ước nguyện vi diệu ấy đã phát từ lâu, rất mong cứu giúp!

Pháp Sùng bảo:

- Rất tốt!

Liền sai sứ đến nói cùng cô, cô liền vâng theo sự chỉ bảo.

Đàm Huy theo Tỳ-kheo-ni Pháp Dục xuất gia, năm đó vừa mới mười ba tuổi, theo Pháp Dục học tu quán hạnh. Xét được bẩm thọ, liền ở cuối tòa, bèn nhập định, thấy ở phương Đông có hai luồng ánh sáng; một luồng như mặt nhật màu sắc trắng, một luồng như mặt nguyệt màu sắc xanh. Đàm Huy đang trong định khởi ý niệm rằng: "Sắc trắng tức là đạo Bồ-tát, sắc xanh tức là pháp Thanh văn. Nếu xét như vậy, ta phải làm thế nào cho sắc xanh tiêu mất mà sắc trắng sáng rực hơn". Liền ứng với ý niệm ấy, sắc xanh bèn tiêu diệt, sắc trắng sáng rỡ tràn đầy, kịp đến lúc xả định, đã kể lại cho Tỳ-kheo-ni Pháp Dục nghe. Pháp Dục khéo quán đạo nghe thế rất hoan hỷ ngợi khen: "Lành thay!". Bấy giờ, đồng tòa có hơn bốn mươi vị, không ai chẳng thấy, đều khen ngợi đó là việc rất hy hữu.

Sau đó, người chồng trước kia của Đàm Huy sinh tâm nghi ngờ cho là dối trá, lập tức đến bắt lấy dắt đem về nhà. Khi ấy Đàm Huy mười sáu tuổi, bị tỳ sứ vây quanh giữ chặt, không chịu khuất phục nên bị xâm tổn bức hại. Người chồng không những thế, lại vì Hứa Châu thứ sử thưởng vị, hỏi. Cương-lương-da-xá bảo rằng:

- Người ấy lợi căn, cẩn thận chớ tái phạm đến đó, phải cùng nhà

chồng phân giải.

Từ đó Đàm Huy được thả về. Về sau, trú trong thiền định, Đàm Huy tự hiểu Phật tánh thường trụ, các nghĩa của Đại thừa... đều chẳng do bẩm thọ từ thầy. Bấy giờ, các bậc Danh sư cực lực vấn nạn, song, không ai có đủ khả năng khiến cho Đàm Huy khuất phục. Từ đó, tiếng tăm vang khắp, xa gần mọi người đều quy phục.

Năm Nguyên Gia thứ 19 (443) đời tiền Tống, Lâm Xuyên vương Lâm Nam sung Diên Chi đến trấn, năm đó, Đàm Huy hai mươi mốt tuổi. Năm tháng hơi lâu, nghĩ nhớ thân mẫu chuyển đến, nên xin trở về quê, Đàm Huy đức hạnh đã cao, môn đồ ngày một đông nhiều. Ở tại chợ cầu phía Tây bắc tự dựng tháp miếu, Điện đường hiên chái bỗng chốc mà thành. Lại xây dựng ba ngôi chùa đều là thần tốc, ai cũng thán phục, ngợi khen có thần lực.

Năm Thiên Giám thứ 3 (505) đời Nam Lương, Đàm Huy viên tịch, hưởng thọ tám mươi ba tuổi. Đầu tiên, theo song thân ở Ích châu, thử bỗng nhiên thẳng đến đây, khách đồng hành có khoảng ba mươi người ngồi bắt đầu nhập định, bèn hạ trái cây, bánh nếp đều biến thành trân châu. Thứ sử Lưu Thuân sau thử dẫn qua cũng lại như vậy. Thời nhà Lương, Tuyên Võ Vương thử đưa tặng vật phẩm để Đàm Huy thiết trai hội cúng dường một trăm vị. Vốn nói chẳng ra lâm trung mà tự qua. Đến lúc mới có ba trăm vị Tăng cùng với vương hầu tá sứ gần bốn trăm người. Lúc sắp hành đạo, Đàm Huy sai kẻ tớ mượn người xuống làm thực phẩm. Vậy mà chỉ thấy có hai đệ tử và hai kẻ tớ đặt dâng phẩm vật. Nhà vua lại càng thán phục ngợi khen:

- Không thể nghĩ lường vậy!

Hoặc có người hỏi Đàm Huy rằng:

- Thấy thầy sống và đồ chúng từ trong nhà, mà sao như thần hóa, cớ sao lại như vậy?

Đàm Huy đáp rằng:

- Bần đạo thường tự không cư trử, phải phí dùng để sai khiến năm ba vàng mà thôi. Tùy theo đó, chẳng biết nguyên do là vậy.

Nên những người bàn luận cho rằng Đàm Huy có kho tàng vô tận.

Bấy giờ, lại có Tỳ-kheo-ni Hoa Quang vốn dòng họ Tiên, thiền sâu quán diệu thấu suốt đạo lý, thông cả Tam tạng, nương gần trăm dân, rất hay chúc văn, thuật lời ca tụng Đàm Huy, chỉ có khuôn phép, chẳng trái với phong nhã.

4. Tỳ-kheo-ni Phùng ở chùa Lang trung, Cao xương.

Tỳ-kheo-ni Phùng vốn dòng họ Phùng, người xứ Cao xương, người thời bấy giờ rất kính trọng. Nhân lấy chữ Họ mà đặt hiệu. Năm ba mươi tuổi, Phùng xuất gia tại chùa Lang trung ở Đô cao Xương, hằng ngày chỉ dùng rau quả một bữa, giới hạnh tinh chuyên cần khổ, thiêu 6 ngón tay để cúng dường, ngón nào cũng sát lòng bàn tay. Tụng kinh Đại Bát-niết-bàn liên tiếp ba ngày liền.

Thời bấy giờ có Pháp sư Pháp Tuệ tinh tấn vượt xa mọi người, là một vị Tỳ-kheo-ni làm bậc thầy nương tựa cho cả một nước Cao xương. Về sau, bỗng dưng Phùng vì Pháp Tuệ, nói rằng:

- A-xà-lê chưa tốt, Phùng là Xà-lê Thiện tri thức, Xà-lê có thể qua chùa Kim Hoa ở nước Quy Tư, dưới trướng Trực Nguyệt, sẽ nghe được thắng pháp.

Pháp Tuệ nghe vậy, bèn vâng theo, qua đến chùa ấy thấy được Trực Nguyệt. Trực Nguyệt hoan hỷ đem một thăng rượu bồ đào đưa cho Pháp Tuệ và bảo uống, Pháp Tuệ kinh ngạc bảo:

–Tôi lại tìm cầu thắng pháp, sao lại bảo tôi uống rượu.

Cho rằng rượu là vật phi pháp nên chẳng chịu uống. Trực Nguyệt đẩy lưng bảo đi ra. Pháp Tuệ lui về suy nghĩ: “Ta từ xa lại, chưa thấu đạt ý này, sợ không nên trái!” Liền mau uống, say oái mê muội, không biết lại. Trực Nguyệt bèn đi nơi khác. Pháp Tuệ tỉnh rượu tự biết phạm giới, truy xét rất hổ thẹn, tự đánh thân mình hối trách việc đã làm, muốn tự hại mạng. Nhân đó, tư duy bèn đắc đệ tam quả. Trực Nguyệt trở lại hỏi:

- Đã đắc chăng?

Pháp Tuệ đáp:

- Đắc vậy.

Rồi trở lại Cao xương, chưa đến hai trăm dặm, lúc đầu không có tin tức. Phùng bảo Ni chúng ra nghênh đón từ xa. Những điều biết trước của Phùng đại khái là như vậy. Chư Ni ở Cao xương không ai là không kính phụng tôn xưng làm thầy.

Đến năm Thiên Giám thứ 3 (504) đời Nam Lương, Phùng viên tịch, hưởng thọ chín mươi sáu tuổi.

5. Tỳ-kheo-ni Tuệ Thắng ở chùa Nhàn cư.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Thắng vốn dòng họ Đường, người xứ Bành thành. Thân phụ là Tăng Trí đến ở ngụ tại Kiến khang. Tuệ Thắng từ nhỏ nguyện được xuất gia. Dùng phương cách chánh đáng tự lập hiếm lạ

ở nơi ngôn ngữ, nói hẳn là làm, thân không khinh tháo. Suốt 10 ngày không ra khỏi cửa phòng, những người thấy vậy ai cũng lấy làm lạ.

Năm Nguyên Gia thứ 21 (445), Tuệ Thắng xuất gia, lúc ấy vừa 18 tuổi, làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú, trú tại chùa Thiền lâm. Sau khi thọ giới Cụ túc, giảng kinh Pháp Hoa. Lại theo Tỳ-kheo-ni Tuệ Tự ở chùa Tập thiện học năm pháp thiền quán. Sau đó, lại theo Tư Ẩn ở chùa Thảo Đường, Pháp Dĩnh ở chùa Linh Căn tu đủ các pháp quán hạnh. Tướng lạ chứng được hoài bão riêng, những người thấy liền hỏi đến, Tuệ Thắng đều bảo:

- Tội không khinh trọng, một lúc phát lồ, sám hối khẩn thiết trọn ngày liền đêm.

Các hàng quý tiện đều sùng kính cúng thí đầy đủ.

Đến năm Thiên Giám thứ 4 (505), Tuệ Thắng viên tịch, hưởng thọ tám mươi mốt tuổi, an táng tại núi Bạch bảng.

6. Tỳ-kheo-ni Tịnh Hiền ở chùa Đông thanh viên.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Hiền vốn dòng họ Hoằng, người xứ Vĩnh thế, ở tại chùa Đông thanh viên. Tịnh Hiền có dáng vóc, tài năng thích tu Thiền Định, thấu rõ kinh luật, lời nói đúng với Điển chương, tuy chẳng giảng nói chỉ chuyên ròng nghiên cứu yếu nghĩa.

Đời tiền Tống, vua Văn Đế (424-454) rất kính trọng. Tương Đông Vương thuở còn bé nhỏ, ngủ hay kinh hãi giật mình, bảo nên theo Tỳ-kheo-ni Tịnh Hiền để thọ ba pháp tam quy, nhờ vậy, mới được yên ngủ không còn giật mình nữa, nhà vua càng quý mến, sùng kính thâm hậu khách thân trong ngoài cúng dường đều đến. Đến lúc vua Minh Đế lên ngôi (465-473) lễ đãi càng lớn cung cấp càng trọng hậu, thiết bày trai hội, lập đàn giảng pháp từ ngày này qua ngày khác. Các bậc danh sĩ thời bấy giờ thảy đều tôn kính. Sau đó luận họp các chùa, lãnh đạo hơn mười năm. Đến năm Thiên Giám thứ 4 (405) đời Nam Lương, Tịnh Hiền viên tịch, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi.

Lúc bấy giờ lại có các vị Tuệ Cao, Bảo Ngung đều là những vị rất có tiếng tăm. Tuệ Cao có đức hạnh tọa thiền tụng kinh, cần khổ chăm lo việc chúng. Bảo Ngung giảng kinh Pháp Hoa, thông suốt các quán hạnh.

7. Tỳ-kheo-ni Tịnh Uyên ở chùa Trúc viên.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Uyên vốn dòng họ Thời, người xứ Cự lộc. Thuở nhỏ đã có trí của bậc Thánh nhân. Lúc năm, sáu tuổi thường chơi đắp

cát làm tháp, khắc gỗ làm tượng, đốt hương lễ kính suốt cả ngày. Mỗi khi nghe người nói những gì khó nắm bắt hết lý ấy liền suy ngẫm nghiên cứu. Năm hai mươi tuổi, Tịnh Uyên xuất gia, luyến mộ dưới gối, không ăn chẳng ngủ, chỉ uống nước trì trai, cho đến bảy ngày mọi người ngăn cản chẳng theo. Từ đó về sau chỉ ăn rau lá trường trai, trì giới nhẫn nhục tinh tấn cần khổ, làm việc rất cố gắng. Thầy bạn đều ngợi khen kính trọng, tiếng đồn vang xa. Thời nhà Tề, vua Văn Đế rất cùng khâm phục kính lễ, cúng dường tứ sự, đưa thư chồng chất.

Đến năm Thiên Giám thứ 5 (506), Tịnh Uyên viên tịch, hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi.

8. Tỳ-kheo-ni Tịnh Hạnh ở chùa Trúc viên.

Tỳ-kheo-ni Tịnh Hạnh là em gái thứ 5 của Tỳ-kheo-ni Tịnh Uyên. Tuổi nhỏ mà thần lý thanh tú, biết nhìn xa trông rộng, có lòng cứu giúp người nghèo khó, trong sáng, có ý chí cầu tiến, cử chỉ điều hòa, biết hòa đồng. Đến tuổi thiếu thời từng cùng Thái Mạt Linh, Quách Hợp có vợ là Tang thị là nơi quen biết, Quách Hợp muốn hại vợ mình nên gọi ra đường. Tịnh Hạnh xin anh trai cản ngăn Quách Hợp, Quách Hợp không nghe, Tịnh Hạnh mách riêng cùng Tang thị, Tang thị chẳng tin. Tịnh Hạnh chấp tay, động lòng rơi lệ, từ đó trở lui. Sau một vài ngày, quả thật là Quách Hợp hại Tang thị.

Đến năm mười bảy tuổi, Tịnh Hạnh theo Tỳ-kheo-ni Pháp Thí xuất gia trú tại chùa Trúc viên. Học các kinh luận như Thành Thật, Tỳ-đàm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm. Mỗi lúc thấy sự việc có sự thấu đạt đến chỉ thú liền nghiên cứu kỹ lưỡng, rộng biện vô cùng. Thời nhà Tề, Kính Lăng Văn Tuyên Vương Tú Tử Lương, cúng dường cung kính nồng hậu. Hai Pháp sư Tăng Tông, Bảo Lượng Nhã cũng đến để giảng nói, thính chúng có đến vài trăm người. Tại chùa Ni Quan Độ, pháp sự liên tục. Các bậc tiên đạt thời bấy giờ không ai đủ khả năng làm cho Tịnh Hạnh khuất phục. Về sau, Kính Lăng Vương phân loại học chúng, muốn soạn Tăng Lục, không ai có thể cùng làm bạn với Tịnh Hạnh, sau đó có một vị Ni thông minh đặc đạt, biện bác như thần, Tịnh Hạnh rất thân quen, mọi người cũng cho là Tịnh Tú tái sinh, có thể kết bạn cùng Tịnh Hạnh. Tịnh Hạnh tuổi về già càng tiết chế, ham thích Thiền định, chỉ ăn dùng rau lá cần khổ. Hoàng đế nghe thế vô cùng khen thưởng.

Đến năm Thiên Quán thứ 8 (509) đời Nam Lương, Tịnh Hạnh viên tịch, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng tại Chung sơn.

9. Tỳ-kheo-ni Linh Ngọc ở chùa Nam tấn lăng.

Tỳ-kheo-ni Linh Ngọc vốn dòng họ Thái, người xứ Kiến khang, xuất gia từ lúc thiếu thời ở tại thiền phòng chùa Hà hậu, làm đệ tử của Tỳ-kheo-ni Tịnh Diệu. Tịnh Diệu luật hạnh thuần bạch, sự tu thiền định hơn người. Linh Ngọc lúc thiếu thời hầu thầy lâu dài cung kính chuyên cần chẳng lười nhác. Vừa mới thọ giới Sa-di, oai nghi rất chuẩn mực, đến lúc thọ giới Cụ túc, giới hạnh thanh bạch tợ như sương tuyết. Rộng tìm học ngũ bộ, khéo nghiên cứu tông chỉ sâu mầu, có khả năng truyền thuật.

Đời tiền Tống, Thiệu Lăng Vương Luân Đại Tướng khâm kính, mời làm chủ chùa Nam tấn lăng, Linh Ngọc cố nhường chẳng nhận, Vương Luân không thể làm lay động, đem việc ấy nói cùng Nguyên Huy, Nguyên Huy lại ban sắc phụng thờ không được miễn cưỡng, Linh Ngọc đảm nhận mấy năm, không khoe khoang mà trang trọng, không gắng gỏi mà tôn nghiêm. Đến năm Thiên Giám thứ 8 (509) Linh Ngọc viên tịch, hưởng thọ 76 tuổi.

Bấy giờ, lại có các vị Linh Tuệ, Giới Nhẫn, Tuệ Lực đều là những bậc nổi danh. Linh Tuệ thường giảng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Thắng-man... chuyên cầu an thân, chỉ dùng rau quả, trác tuyệt vượt chúng. Giới nhẫn thông minh ham học, qua mắt chẳng quên. Tuệ Lực hiểu biết tao nhã linh thông, không kiêu ngạo.

10. Tỳ-kheo-ni Tăng Thuật ở chùa Nhàn cư.

Tỳ-kheo-ni Tăng Thuật vốn dòng họ Hoài, người xứ Bành thành. Thân phụ là Tăng Trân đến ở nhờ tại Kiến khang. Tăng Thuật tuy nhỏ mà có chí cầu đạo. Năm lên tám tuổi, chỉ dùng rau quả, đến mười chín tuổi, Tăng Thuật theo Tỳ-kheo-ni Tịnh Tú xuất gia, ở chùa Thiền lâm, bấy giờ là năm Nguyên Gia thứ 24 (448) đời tiền Tống. Tiết hạnh tinh khổ, pháp nghiệm chẳng thiếu. Tăng Thuật chuyên tâm nơi kinh luật, không gì chẳng xem qua. Về sau, chuyên cộng ở thập tụng, văn nghĩa ưu hiệp. Tăng Thuật lại theo hai Pháp sư Ẩn, Bá, cầu học mật quán nghiên cứu các môn Tam-muội. Do đổi chỗ ở là chùa Thiền lâm làm cơ sở chính học Thiền pháp, nên mọi người tới lui nhóm tụ náo động, Tăng Thuật nhân đó mà có ý ẩn cư. Thời nhà Tống, Vương mẫu Lâm Xuyên Trương Quý Tần nghe thế liền lập dựng ngôi chùa, theo quy chế thời bấy giờ nên không được làm. Đến năm Nguyên Huy thứ 2 (474) đời tiền Tống, ngày mồng một tháng 9, Vương mẫu Nhữ Nam Ngô Sung Hoa trình tấu, ban sắc liền tạo dựng, Điện đường phòng nhà hơn năm

mươi gian. Tăng Thuật dẫn những người cùng chí hướng gồm hai mươi vị chuyên lấy thiền tịch làm vui, đặt hiệu chùa là Nhàn Cư. Tăng Thuật động tĩnh đều chân thật, chẳng dấy phù sức.

Cuối đời tiền Tống, Nam Tề (479), đạo đời song tu, vừa thiền vừa tịch, phong trần chẳng nhiễu. Vào đời Nam Tề, Văn Tuệ Đế và Kính Lăng Văn Tuyên Vương rất sùng kính lễ ngộ, có trùng tu một ngôi chùa, quang cảnh đều quang đảng kỳ đặc, cúng dường suốt cả bốn mùa. Đến đời Đại Lương (Nam Lương), mở khai thái bình, thiên hạ có đạo, kẻ Tăng người tục thảy đều kính ngưỡng bốn phương xa gần nhóm tụ mà Tăng Thuật chẳng chứa riêng của cải, có bao nhiêu đều đem cấp giúp tứ chúng, hoặc phóng sinh, cầu xin tạo lập năm tôn trượng bằng vàng thảy đều trang lệ, viết kinh và luật hơn một ngàn quyển. Dùng bằng vải lụa làm thành pho quyển, gáy trục trang sức bằng vật báu, thảy đều trang nghiêm.

Đến năm Thiên Giám thứ 14 đời Nam Lương, Tăng Thuật viên tịch, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi, an táng tại phía Tây bắc Chung sơn.

11. Tỳ-kheo-ni Diệu Y ở chùa Tây thanh viên.

Tỳ-kheo-ni Diệu Y vốn dòng họ Lưu, người xứ Kiến khang. Ở độ tuổi mọc răng sữa mà thần cơ tú phát. Diệu Y xuất gia từ thuở bé trú tại chùa Tây thanh viên. Giới hạnh nghiêm tịnh, thần tình siêu ngộ, có lòng tin bố thí ban cho người nghèo, không gì chẳng thương mến, Nhã Thích đàm thuyết rất khéo nói cười, giảng kinh Đại Niết-bàn, Pháp Hoa, Thập Địa mỗi bộ hơn ba mươi biến. Diễn nói luật Thập Tụng, kinh Tỳ-ni Mẫu, tùy theo căn cơ lợi ích càng nhiều.

Năm Thiên Giám thứ 12 (513), Diệu Y viên tịch, hưởng thọ bảy mươi tuổi.

12. Tỳ-kheo-ni Tuệ Huy ở chùa Lạc an.

Tỳ-kheo-ni Tuệ Huy vốn dòng họ Lộ, người xứ Thanh châu. Năm lên sáu tuổi đã vui thích đạo, cha mẹ không bằng lòng, đến năm mười một tuổi bỏ ăn dùng các thứ mùi vị cay nồng, thanh hư đạm bạc, dáng mạo rõ ràng tao nhã, đọc kinh Đại Niết-bàn, tụng kinh Pháp Hoa. Đến năm mười bảy tuổi, Tuệ Huy theo thân phụ ra thành đô, tinh tấn dõng mãnh, tất cả hành nhân đều không thể kịp. Cha mẹ rất mến thương bèn chấp thuận theo chí nguyện của con.

Năm mười tám tuổi, Tuệ Huy xuất gia ở chùa Lạc an, theo bốn

vị Pháp sư Đàm Ban, Đàm Tế, Nhu, Thứ, nghe luận Thành Thật và kinh Niết bàn... Trong hơn mười năm, tích chứa làm thành rừng nghĩa. Chư Ni khắp kinh đô thôn ấp không ai chẳng đến học hỏi và xin được thọ giáo. Từ đó, Pháp Diên luôn thiết lập, mọi nơi xa gần đều tụ hội, Tuệ Huy giảng pháp không ngừng, thiền tụng không nghỉ. Tâm chánh niệm ngày đêm chẳng ngủ. Các hàng Vương Công quý tiện thảy đều kính trọng, mười phương cúng thí bốn mùa mỗi lúc một đông. Tài vật có được, Diệu Huy đều đem tạo lập kinh tượng, tùy nghi cấp thí gần xa. Bấy giờ, có những người không tiết lộ, trùng tu tiếp nối chùa Lạc an, ngày càng hưng thịnh.

Năm Thiên Giám thứ 13 (514), Tuệ Huy viên tịch, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi, an táng tại sườn núi Thạch đầu. Bấy giờ, lại có Tuệ Âm là người lấy lễ tụng làm việc chính.

13. Tỳ-kheo-ni Đạo Quý ở chùa Để sơn.

Tỳ-kheo-ni Đạo Quý vốn dòng họ Thọ, người xứ Trường an. Thuở nhỏ sạch sẽ, vui vẻ, hòa nhã, thanh bạch, khéo nghiên cứu nghĩa lý, chí chuyên cần nghiêm tịnh, tinh khổ hơn người, thệ nguyện hoằng dương đại hóa, chẳng ăn các thứ cay nồng béo ngon, cứu giúp mọi vật không luyến tiếc, mặc áo vải thô sơ tự đủ. Trì tụng các bộ Thắng-man, Vô Lượng Thọ, ngày đêm chẳng bỏ. Song thân lo nghĩ bảo Đạo Quý hành đạo.

Năm mười bảy tuổi, Đạo Quý xuất gia, đọc xem kinh luật, nghiên cứu văn lý. Chẳng ham thích danh văn, chỉ lấy tấn đạo làm chính nghiệp, quán cảnh nhập định, thiền hành tĩnh tọa không ngừng. Phát nguyện sám hối lỗi quá, lời lẽ ai khẩn thiết tha, khiến người nghe động lòng. Thời nhà Tề, Kính Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương khéo cùng suy kính, vì Đạo Quý mà dựng lập chùa Đảnh Sơn để tụ hội thiền chúng. Thỉnh Đạo Quý làm tri sự, Đạo Quý cố giữ không nhận, thỉnh làm khuôn phép nhà thiền, sau đó mới chấp nhận. Từ đó kết mang dưới rừng, dừng chân suốt đời. Phỏng khiến dồn mây vùi cảnh, nhóm tuyết lấp núi, Đạo Quý vẫn an nhiên tĩnh tọa không từng phiền muộn, được người tin cúng làm phước nghiệp, song, chẳng lấy mảy may để tự lợi nhuận thân mình.

Năm Thiên Giám thứ 15 (516), Đạo Quý viên tịch, hưởng thọ 86 tuổi, an táng tại phía Bắc Chung sơn vậy.

14. Tỳ-kheo-ni Pháp Tuyên ở chùa Chiêu minh, Sơn âm.

Tỳ-kheo-ni Pháp Tuyên vốn dòng họ Vương, người xứ đất Diệm. Thân phụ vốn đạo gá đời sùng phụng chánh pháp. Pháp Tuyên từ bé đã có chí lìa tục. Năm mới bảy tuổi mà đã ăn dùng rau quả tiết chế cần khổ. Năm lên mười tám tuổi, tụng kinh Pháp Hoa thông suốt hiểu rõ chỉ quy, nằm ngồi liền thấy màng lọng trùm che. Chợt nhiên có người đến mưu hỏi sính lễ mà không ưng thuận.

Năm hai mươi bốn tuổi, Pháp Tuyên được cha mẹ dẫn đến Tỳ-kheo-ni Đức Lạc ở chùa Tề minh, tại đất Diệm, cải đổi y phục theo đạo. Liền ngay ngày đó màn lọng tự tiêu, Pháp Tuyên nghiên cứu kinh sách hiểu sâu lý vị. Sau khi thành tựu giới pháp, khắp hương ấp những người trông mong nghĩa đạo, không ai chẳng khâm phục tính chí của Pháp Tuyên, đến cuối đời tiền Tống (479), có Pháp sư Tăng Nhu chu du khắp xứ Đông hạ tuyên giảng kinh luận. Tự Vu Thăng mà đến Vũ huyệt, hoặc lên Linh Ẩn, hoặc qua Cô Tô. Tăng Nhu hứng thú số luận, Tuệ Cơ tinh yếu kinh thư, đều sướng thích cái tinh vi, nghiên cứu cái sâu mầu. Đến khoảng trong niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) đời Nam Tề, Pháp Tuyên lại theo Pháp sư Tuệ Hy học hỏi thọ giáo luật Thập Tụng. Từ chỗ ngày ăn ngon lo chỗ thấy trăng mờ, từ đó, Pháp Tuyên dời đến ở chùa Chiêu minh; Sơn âm, giảng kinh luật, tiếng tăm vang xa. Pháp Tuyên chẳng lập của riêng, đem mọi vật của người cúng thí để trùng tu chùa viện, tạo dựng tinh hoa, tướng trạng tợ như thần công. Pháp Tuyên viết kinh chú tượng thảy đều hoàn bị, ở Ngô Quận có Trương Viên, Dĩnh Xuyên có Sưu Vịnh, Nhữ Nam có Chu Ngung đều là những bậc anh tài lúc bấy giờ, vậy mà, không ai chẳng đích thân tìm đến lễ kính. Ở thời nhà Tề, Ba Lăng Vương tiêu chiếu trụ ra trấn thủ Cối kê, dốc tâm cung kính tiếp đãi nồng hậu. Thời nhà Lương, Hàng Dương Vương Nguyên Giản đến quận thỉnh Pháp Tuyên làm Vương mẫu.

Pháp Tuyên hiện hữu tám mươi ba mùa xuân thu, viên tịch năm Thiên Giám thứ 15 (516) đời Nam Lương.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 186

TRUYỆN THẦN TĂNG

SỐ 2064
(QUYỂN 1 → 9)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2064

TRUYỆN THẦN TĂNG

LỜI TỰA

Do vua Thành Tổ đời nhà Minh Ngự Chế

Thần tăng là những vị có sức Thần thiên biến vạn hóa vượt trội hơn hẳn mọi người. Nhưng đều có truyện rải rác trong kinh điển. Người xem rất mong được khảo cứu nhưng văn từ trong Tam tạng lại rộng lớn mênh mông, khó thể hiểu được, cho nên ở đời phần nhiều không thể biết hết được ý sâu xa và cũng không thể thấu hiểu cặn kẽ nguyên do, vì các vị đó chính là Thần. Nhân đó mà cố gắn góp ghi lại các truyện gom thành chín quyển, để người xem khỏi nhọc công tốn sức tra cứu tìm tòi. Một lần xem qua thì có thể biết tất cả, như vào kho báu thì thấy tất cả tốt đẹp đều có đủ, liền đem khắc bảng in để lưu truyền, bày rõ chứng cứ trong khoảng đất trời, khiến mọi người đều biết đó là Thần tăng, đều ghi đủ chứng cứ. Nên nay đem ghi lời này để ở đầu sách.

Vĩnh Lạc năm thứ 15 (1418), ngày mồng 6 tháng giêng.

****

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 1

1. Ma Đằng:

Thích Ma Đằng, người trung Thiên Trúc, tánh cách phong thái nghĩa khí, thông hiểu các kinh điển Đại, Tiểu thừa, thường lấy việc du hóa làm chính. Đến Thiên Trúc nương vào một nước nhỏ, giảng kinh Kim Quang Minh. Gặp lúc có nước cừu địch xâm lăng, Ma Đằng nghĩ: "Trong kinh nói: Pháp này là chỗ Địa thần ủng hộ, khiến ở được an lạc. Nay giặt dã mới bắt đầu, ta làm sao bỏ mặc?" Mới quyết bỏ thân mạng này, cùng đến khuyên hóa, do đó mà tiếng tăm vang lừng.

Đến niên hiệu Vĩnh Bình (58-76), đời Hậu Hán, vua Minh Đế nằm mộng thấy người vàng bay giữa không trung đến, liền nhóm họp quần thần cùng nhau đoán mộng ấy. Thông nhân Phó Nghị tâu rằng:

- Kẻ bề tôi nghe ở Tây Vực có thần, tên gọi là Phật, mộng của bệ hạ quả là vậy!

Nhà vua cho vậy, liền sai Lang Trung Thái Âm, Tần Cảnh đệ tử Bát Sĩ... đến Thiên Trúc tìm hỏi Phật pháp, Thái Âm... đến đó gặp được Ma Đằng, muốn mời về đất Hán, với ý nguyện hoằng thông Phật pháp, Ma Đằng không sợ gian khổ, mạo hiểm vượt qua Lưu sa đến ở Lạc ấp. Vua Minh Đế rất vui mừng cung kính nghênh tiếp, dựng lập tịnh xá ở ngoài cửa phía Tây thành thỉnh Ma Đằng ở đó. Đất Hán có Sa-môn, từ Ma Đằng là tiếng gọi đầu tiên. Chỉ vì đại pháp mới truyền đến nên chưa có mấy ai quy hướng kính tin, nên lịch sử hiểu biết thâm sâu của Ma Đằng không cũng chưa ghi chép nhiều. Về sau, Ma Đằng viên tịch tại Lạc dương.

Có ghi rằng: "Ma Đằng phiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương, 1 quyển, gian phòng thứ mười bốn là nơi Ma Đằng ở cũng là nơi đầu tiên ngài bế quan trong thạch thất tại Lan đài. Ngày nay là chùa Bạch Mã ngoài cửa Tây ung thành Lạc dương. Lại có tương truyền rằng: "Ở ngoại quốc có vua thường hủy phá các chùa, chỉ có chùa Chiêu Đề chưa kịp phá hủy, ban đêm có con ngựa trắng đi nhiễu quanh tháp kêu tiếng

bi ai, liền đem việc ấy tâu vua. Nhà vua liền cấm việc phá hủy các chùa. Nhân đó, đổi tên Chiêu Đề thành Bạch Mã.

2. Pháp Lan

Trúc Pháp Lan người trung Thiên Trúc, tự nói tụng đọc kinh luận vài vạn chương, là bậc thầy của các học giả ở Thiên Trúc.

Lúc Thái Âm đã đến nước ấy, Trúc Pháp Lan cùng với Ma Đằng đồng kết ước du hóa, cùng Thái Âm đến Trung Hoa, khi đã đến Lạc dương ngài ở cùng với Ma Đằng. Thuở thiếu thời, Pháp Lan đã khéo giỏi Hán ngữ nên các kinh điển được Thái Âm thỉnh ở Tây Vực, phiên dịch cả thảy là năm bộ. Đó là Thập Địa đoạn kết, Phật Bổn Sinh, Pháp Hải Tạng, Phật Bổn Hạnh, và Tứ Thập Nhị Chương. Gặp lúc phải dời đô bởi giặc loạn nên bốn bộ đã bị thất truyền, tại Giang tả chỉ còn kinh Tứ Thập Nhị Chương được lưu giữ đến ngày nay, có thể hơn hai ngàn lời. Các kinh hiện còn tại đất Hán, chỉ có kinh Tứ Thập Nhị Chương là bộ kinh đầu tiên. Thêm nữa, Thái Âm lúc ở tại Tây Vực họa được tôn tượng Đức Phật Thích-ca dựa vào tượng gỗ Chiên-đàn do bốn thầy trò vua Ưu-điền kiến tạo, khi về đến Lạc dương, vua Minh Đế liền sai thợ vẽ đồ vẽ và an trí tại trang đài Thanh lương và phóng to cao lớn trên lăng, tượng cũ xưa nay đã không còn giữ lại.

Lại nữa, xưa kia, Hán Vũ Đế đào hồ Côn minh, thấy dưới đáy có tro đen, đem hỏi Đông Phương Sóc. Đông Phương Sóc bảo:

- Có thể đem hỏi Phạn Nhân ở Tây Vực.

Lúc Pháp Lan đến, mọi người liền tìm tới hỏi. Pháp Lan bảo:

- Thế giới đến đời kiếp tận, động lửa thiêu đốt là tro tàn.

Pháp Lan nói có chứng cớ, mọi người tin rất đông.

Về sau, Pháp Lan viên tịch tại Lạc dương, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi.

3. Thế Cao

An Thanh tự là Thế Cao, là vương tử nước An Tức. Thuở nhỏ, hiếu hạnh song toàn, lại thêm chí nghiệp thông mẫn, khắc ý ham học. Các điển tịch ngoại quốc cũng như Thất Diệu Ngũ hành y phương dị thuật, cho đến tiếng của các loài cầm thú, tất cả đều thông đạt. Từng đi đó đây, thấy bày chim yến, liền nói với chim yến rằng:

- Sẽ có người đưa thức ăn đến.

Trong phút chốc quả thật có điều này, mọi người rất lấy làm lạ. Tiếng thơm tài giỏi khác thường sớm vang cùng Tây Vực. Thế Cao

nhường ngôi vua, xuất gia tu đạo, hiểu rộng kinh tạng, rất tinh thông giáo học A-tỳ-đàm. Đã vậy lại thích du phương, đi khắp các nước.

Năm Kiến Hòa thứ 2 (148) vua Hoàn Đế, đời Đông Hán, Thế Cao đến Trung Hoa, học thông Hoa ngữ, tuyên dịch các kinh, có nhiều thần tích. Thế Cao tự xưng đời trước đã từng xuất gia, có một người bạn đồng học, tánh hay sân hận, được phân việc canh giữ, gặp thí chủ không được ngợi khen, mỗi lúc như vậy liền nổi sân giận. Thế Cao luôn can gián, song vẫn không thay đổi. Như vậy hơn hai mươi năm, Thế Cao mới từ biệt với bạn đồng học, bảo rằng:

- Tôi phải qua Quảng châu để đáp trả hoàn tất việc đời trước. Ông thấu rõ kinh điển, tinh cần chỉ tại vì sau tôi mà tánh nhiều nóng nảy sân hận, sau khi mạng chung sẽ phải nhận chịu thân hình xấu xí. Nếu tôi đắc đạo hẳn sẽ cứu độ." Nói xong, đi đến Quảng châu, gặp phải giặc loạn, trên đường đi gặp một gã thiếu niên, chàng ta vung tay đao, bảo:

- Thật, đã được ngươi vậy!

Thế Cao cười, bảo:

- Ta đời trước mắc nợ nhà ngươi, nay từ xa đến để đền trả đây. Sự phẫn nộ của ngươi là ý của đời trước.

Thế Cao bèn đưa cổ dài ra chịu nhận, sắc mặt không hãi sợ. Gã thiếu niên ấy giết chết Thế Cao. Mọi người nhìn thấy bèn chôn lấp, không ai chẳng kinh hãi sự kỳ dị của Thế Cao.

Sự việc xong rồi, thần thức trở lại sinh Thái tử vua nước An Tức, du hóa khắp Trung Quốc, gặp cuối thời vua Linh Đế (189), đời Đông Hán, Quan Lạc nhiễu loạn, Thế Cao mới chấn tích đến Giang nam, bảo rằng:

- Ta phải qua Lô sơn để độ bạn đồng học ngày xưa.

Đi đến miếu hồ Cung đình. Ở miếu đó xưa có uy linh, các thương buôn cầu đảo, hay phân gió đưa thuyền lên xuống, mỗi không lưu dừng ứ đọng. Thường có vị Khất thần bóng dáng người Tây Trúc, chưa hứa khả bèn lấy, thuyền cập mạn liền lật úp, Thần ấy trở về chỗ cũ. Từ đó, người đi thuyền rất kính sợ, không ai chẳng nép bóng. Thế Cao cùng đoàn hơn ba mươi thuyền hiến dâng muôn sinh cầu phước, Thần mới giáng chúc rằng:

- Thuyền có vị Sa-môn, có thể cùng gọi lên.

Khách đều kinh ngạc, Thần mời Thế Cao vào miếu, Thần nói cùng Thế Cao rằng:

- Tôi xưa kia ở nước ngoài cùng ngài xuất gia tu đạo, ưa thích làm việc bố trí mà tánh có lắm sân hận, ngày nay làm Thần ở miếu Cung

đình, chung quanh trong vòng ngàn dặm đều là chổ tôi cai trị. Vì nhân bố trí nên các thứ trân quý có rất nhiều, mà cũng bởi vì sân mà phải đọa chịu quả báo làm thần như thế này! Nay thấy bạn đồng học buồn vui có thể cùng nói. Mai đây tuổi thọ sẽ hết mà thân hình xú lậu lớn dài, như đến lúc xả bỏ thân mạng này hẳn dơ bẩn sông hồ, nên phải qua ở trong đầm Sơn tây. Sau khi mất thân này lại sợ phải đọa vào địa ngục! Tôi có ngàn xấp lụa và nhiều thứ vật báu, có thể vì lập pháp tạo dựng tháp để khiến được sinh về chỗ an lành.

Thế Cao bảo:

- Tôi từ xa lại để cùng độ, sao chẳng xuất hiện hình?

Thần thưa:

- Hình hài tôi rất xấu xí khác lạ, mọi người hẳn sợ hãi.

Thế Cao chỉ bảo:

- Nên xuất hiện mọi người chẳng quái ngại gì.

Thần từ sau sàng lò đầu ra, mới là một con trăn lớn, không biết đuôi nó ngắn dài, đến bên đầu gối Thế Cao. Thế Cao hướng đến nó, nói tiếng Phạn vài lần, bái tán vài lời. Con trăn buồn rơi lệ như mưa, phút chốc ẩn lại. Thế cao bèn lấy lụa và các vật rồi từ biệt mà đi. Khách thuyền căng buồm, gió thổi nhanh. Con trăn lại xuất hiện thân lên núi mà ngóng nhìn, mọi người đưa tay khoát chào, sau đó mới biệt mất. Trong chốc lác, thuyền đã đến Dự chương, Thế Cao bèn đem các vật ở miếu tạo dựng chùa Đông.

Sau khi Thế Cao đi rồi, thần liền mạng chung. Đến chiều tối có một gã thiếu niên vừa mới đến tức là Thần ở miếu Cung đình, đã được thoát kiếp xấu xí. Từ đó, miếu ấy hết thần và sự linh nghiệm không còn nữa vậy. Sau đó, có người đến trong đầm Sơn tây có một hình hài con trăn chết, đầu đuôi nó dài đến vài dặm. Ngày nay, ở quận Tầm dương có thôn Rắn.

Thế Cao sau đó lại đến Quảng châu, tìm người thiếu niên đã giết hại thân mình kiếp trước. Bấy giờ người thiếu niên đó vẫn còn, Thế Cao đi thẳng vào nhà người đó nói lại sự việc ngày trước đền trả và đầu mối duyên xưa. Vui vẻ cùng nhau, Thế Cao nói rằng:

- Tôi còn dư báo, nay phải qua Cối kê để đền trả cho xong. Mọi người khách ở Quảng châu biết được Thế Cao chẳng phải là người phàm, bỗng nhiên hiểu ý, ăn năn lỗi trước, cùng nhau góp sức cúng dường trọng hậu, rồi theo Thế Cao đi đến hướng Đông. Vừa tới Cối kê, liền vào chợ, gặp lúc trong chợ có người ẩu đả lẫn nhau, đánh lầm vào đầu Thế Cao, tức liền mạng chung.

Mọi người ở Quảng châu đã từng chứng kiến hai lần Thế Cao đền trả quả báo, bèn tinh cần tu tập Phật pháp nói đủ mọi sự duyên, mọi người ở xa gần nghe biết, ai ai cũng đều tán thán là Thần dị.

4. Tăng Hội

Thích Tăng Hội vốn dòng họ Khương, tổ tiên là người nước Khương Cư, nhiều đời đến sống ở Thiên Trúc. Thân phụ của Tăng Hội vì việc buôn bán nên dời đến ở đất Giao chỉ. Năm Tăng Hội hơn mười tuổi, song thân đều qua đời, Thế Cao giữ lòng chịu tang, hiếu mãn, phát chí xuất gia, chuyên cần tu tập. Là người cao nhã, có hiểu biết nhiều lại dốc chí chuyên tâm học hành nên hiểu rõ Tam tạng, xem cùng sáu kinh, Thiên Văn Đồ Vĩ, không gì chẳng biết. Lại thêm khéo văn chương, tài giỏi giảng nói.

Bấy giờ, Tôn Quyền, đời Đông Ngô đã chế định ở Giang tả, mà Phật pháp chưa được lưu hành xứ đó. Năm Xích ô thứ 10 (247), lúc mới đến Kiến nghiệp, Tăng Hội dựng lập am thanh, thiết bày tượng Phật hành đạo. Khi ấy, người nước Ngô vì mới thấy Sa-môn, chỉ thấy hình mà chưa hiểu đạo, nghi là lập dị. Có vị quan tâu rằng:

- Có người Hồ mới đến ở ngụ, tự xưng là Sa-môn, ăn mặc khác thường, vì thế nên tra xét.

Tên Quyền bảo:

- Ngày trước, ở đời Hậu Hán, vua Minh Đế (58-76) mộng thấy Thần xưng hiệu là Phật, đạo mà người ấy tôn thờ há là Di Phong của Phật ư?

Liền mời Tăng Hội đến tra hỏi:

- Đạo ông có gì linh nghiệm?

Tăng Hội đáp:

- Đức Như Lai ẩn dấu đã hơn ngàn năm. Di cốt xá-lợi thần diệu vô cùng. Xưa kia, vua A-dục xây dựng tám mươi bốn ngàn bảo tháp. Phàm tạo lập chùa tháp là để hiển dương chánh pháp của Như Lai.

Tôn Quyền cho là hư dối bèn bảo Tăng Hội rằng:

- Nếu có thể cầu được xá-lợi, ta sẽ vì tạo tháp cúng dường, còn bằng không thì phải y theo luật nước gia hình.

Tăng Hội xin kỳ hạn bảy ngày, rồi nói cùng các đệ tử rằng:

- Sự hưng phế của Phật pháp chỉ tại đây, ngày nay nếu không chí thành về sau hối tiếc cũng không kịp.

Tăng Hội cùng Đệ tử trai tịnh, vào tĩnh thất, lấy một bình đồng đặt trên bàn, xông đất hương trầm, lễ thỉnh. Đã mãn hạn bảy ngày, vẫn

lặng lẽ không gì ứng nghiệm. Tăng Hội lại xin thêm bảy ngày, cũng lại như thế. Tôn Quyền nói:

- Đây chỉ là việc khinh thường hư cuống.

Lúc sắp gia hình, Tăng Hội lại xin thêm bảy ngày nữa. Tôn Quyền lại đặc ân chấp thuận cho. Tăng Hội nói với đồng đạo rằng:

- Khổng Tử nói: "Văn Vương đã băng hà, Định Chế Lễ Nhạc chẳng còn nơi ta ư?" Phép linh đã ứng giáng, chỉ bởi chúng ta không thành cảm, thì cần gì phải mượn phép vua? Chỉ nên nguyện chết làm kỳ hạn."

Đến chiều ngày thứ hai mươi mốt, còn không thấy gì, không ai chẳng lo sợ. Vào khoảng canh năm, bỗng nghe trong bình có tiếng rổn rảng. Tăng Hội đến xem, quả thật đã có xá-lợi. Sáng sớm mai, Tôn Quyền tự tay nắm bình đổ xá-lợi ra chiếc mâm đồng, nơi xá-lợi chạm đến, mâm Đồng liền vỡ vụn. Tôn Quyền kinh ngạc nói:

- Thật là điềm hi hữu!

Tăng Hội bước đến, bảo:

- Sức oai linh của xá-lợi đâu chỉ có phóng ánh sáng mà thôi, cho đến lửa của kiếp thiêu cũng không thể đốt cháy, chày Kim Cang cũng không thể đập nát.

Tôn Quyền bảo đem thử nghiệm. Tăng Hội lại phát lời nguyện rằng: "Mây pháp vừa trùm khắp, chúng sinh mong đượm nhuần, xin lại hiện thần tích để hiển bày oai linh!" Nói xong, Tăng Hội bảo người đặt xá-lợi lên đe sắt, sai một lực sĩ dùng chày sắt đập mạnh, nhưng chày và đe đều hư khuyết mà xá-lợi không hề hư hại gì. Tôn Quyền vô cùng thán phục, liền dựng tháp cúng dường. Vì mới có chùa Phật nên đặt hiệu chùa là Kiến Sơ, và tên của chỗ đất đó là thôn Phật-đà. Từ đó, Phật pháp tại Giang tả rất hưng thạnh.

Sau này, Tôn Hạo lên ngôi (264-280), sử dụng chính sách hà khắc, phá bỏ dâm tế, hủy hoại chùa tháp. Ngày nọ, sai binh lính vào hậu cung sửa sang vườn tược, bỗng nhiên được một tôn tượng vàng cao khoảng vài thước, đem dâng lên Tôn Hạo. Tôn Hạo bảo đem để nơi chỗ bất tịnh, lấy nước nhơ uế rưới lên, cùng với quần thần đùa cười lấy làm vui. Bỗng chốc khắp mình Tôn Hạo sưng lớn, ở chỗ kín đau đớn, kêu la thấu trời. Quan Thái Sư đoán rằng:

- Bởi do xúc phạm đến một vị thần lớn mà sinh vậy.

Tôn Hạo liền sai người đến các miếu Thần cầu phước. Các thể nữ liền nghênh tôn tượng đặt vào trên điện, lấy nước thơm tẩy rửa vài mươi lần, rồi đốt hương sám hối. Tôn Hạo lạy quỳ cuối đầu trên gối, tự

tỏ bày tội lỗi, bỗng chốc đỡ đau. Tôn Hạo sai sứ đến chùa thỉnh Tăng Hội về thuyết pháp.

Tăng Hội liền theo vào cung. Tôn Hạo hỏi về nguyên do của tội phước nghiệp báo, Tăng Hội phân tích giảng giải lời lẽ rất tinh yếu. Tôn Hạo lãnh hội thông suốt nên vô cùng vui vẻ. Nhân đó, Tôn Hạo xin được xem giới pháp của Sa-môn, Tăng Hội cho rằng: “Giới Văn là pháp Kiêm Khen, không thể khinh xuất giảng nói.”, bèn phân một trăm ba mươi bảy điều nguyện trong kinh Bản Nghiệp làm hai trăm năm mươi việc, đi đứng nằm ngồi đều nguyện vì chúng sinh. Tôn Hạo thấy nguyện từ rộng lớn, nên càng tăng thêm ý thiện, cầu xin Tăng Hội trao truyền ngũ giới. Mười ngày sau, bệnh lành hẳn, Tôn Hạo sai người đến tu sửa trang nghiêm chùa Tăng Hội đang ở. Đồng thời ban lệnh mọi người trong tôn thất đều phải kính tín Tam bảo. Tại thời nhà Ngô, Tăng Hội luôn giảng dạy chánh pháp, vì tánh tình của Tôn Hạo rất hung hăng thô tháo, không thể hiểu đươc diệu nghĩa, nên Tăng Hội chỉ dùng các việc báo ứng để khai hóa mà thôi.

Đến năm Thiên Kỷ thứ tư (280), Tôn Hạo đầu hàng nhà Tấn. Tháng 9 năm đó, Tăng Hội ngã bệnh rồi viên tịch. Và năm đó cũng là năm Thái Khang thứ nhất; niên hiệu thứ ba của vua Vũ Đế thuộc đời Tây Tấn.

Khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335), vua Thành Đế, thuộc đời Đông Tấn, Tô Tuấn làm loạn, thiêu đốt ngôi tháp do Tăng Hội đã tạo dựng, sau đó, quan Tư Không Hà Sung trùng tu lại. Bấy giờ, có Bình tây tướng quân Triệu Dụ, ở đời không tin thờ Phật pháp, khinh báng Tam bảo. Một hôm, Triệu Dụ vào chùa nói với các Sa-môn rằng:

- Từ lâu, nghe ở tháp này thường phóng ánh sáng, thật là điều hư dối, chưa thấy không thể tin, nếu hẳn chính mắt thấy thì không gì phải bàn luận.

Nói xong, từ tháp phóng ra luồng ánh sáng năm sắc chiếu soi khắp nơi, Triệu Dụ vô cùng kinh hãi, do đó mà kính tin Tam bảo, xây dựng một ngôi tháp nhỏ ở phía Đông chùa.

Đến niên hiệu Vĩnh Huy (650-656), đời vua Cao Tông nhà Đường, lại thấy Tăng Hội đến đất việt, tự xưng là vị Tăng du phương, nhưng thần khí đặc dị, người thấy phải run sợ, không biết đã chứng đắc nào. Lúc ấy, vị Duy Na ở chùa Vĩnh Hân ra vấn nạn về hành tung rồi mắng chưởi đuổi đi. Vừa bước đến cửa, Tăng Hội xoay lại bảo rằng:

–Tăng Hội chính là Khương Tăng Hội đây. Nếu có thể lưu giữ được chân thể của ta ở đây thì sẽ tạo phước cho chùa Viện của ngươi

đó!

Thoáng chốc, Tăng Hội đứng yên thị tịch, trong dáng vóc hai mắt hơi nhắm lại nhưng nét hào sang vẫn không mất, hai tay đưa lên như vái chào, chân bước như sắp đi. Mọi người bàn luận nếu an táng trong nghĩa địa thì sợ sức người không thể nào di chuyển được Linh thân, xin dời đến thắng địa lập riêng một linh đường để phụng thờ. Mọi người xứ Việt tranh nhau đem hương hoa đèn nến, phan lọng đủ màu, y phục khí vật đến cầu xin, thảy đều thỏa nguyện.

Lúc đầu, Quân đội xứ Việt phần nhiều đóng tại chùa Vĩnh hân, binh lính ăn uống rượu thịt còn vợ của họ thì sinh sản làm ô uế chùa viện, khiến mọi người không chịu nỗi, Tăng Hội hóa hiện hình đến yết kiến Mân Liêm Sứ Lý Nhược Sơ, nói rằng:

- Ngày sau, quân hầu sẽ làm thứ sử xứ Việt, tôi nhờ người hãy dời quân đội đi nơi khác.

Nói xong bèn khoát tay mà đi, liền mất tung tích. Lý Nhược Sơ vừa mừng vừa sợ, ghi nhớ lời nói ấy. Về sau, quả nhiên Nhược Sơ đến xứ Việt. Nhậm chức xong, liền đến lễ bái linh tích mới nhận ra người nói lúc trước chính là vị Tăng này. Lý Nhược Sơ liền ban lệnh triệt thoái quân đội trở về bổn doanh. Lại có một sản phụ lúc sắp sinh mà không đèn dầu, chung quanh không một ánh sáng, bỗng có một vị tăng cầm đuốc từ cửa bước vào. Sáng hôm sau, người chồng vào chùa Vĩnh Hân, nhận ra hình dạng Tăng Hội tức là vị Tăng đã trao cây đuốc để cứu sản phụ đêm qua. Từ đó, dân chúng thường đến cầu sinh con trai, con gái.

Thêm nữa, Tăng Hội từng đến nhà thường dân xin giày cỏ, vì thế đến nay, người dân xứ Việt phần nhiều thường dùng giày cỏ và tràng phan bằng vải dầu để dâng cúng. Nơi nơi, Tăng Hội thường đến nhà người để giáo hóa, không thể thuật lại hết các Linh tích, nên chỉ tôn xưng Tăng Hội là Thiền sư Siêu Hóa.

5. Chu Sĩ Hành

Chu Sĩ Hành người xứ Dĩnh xuyên, xuất gia từ thuở niên thiếu, chuyên học kinh điển, thường giảng kinh đạo hành, cảm thấy văn ý u ẩn hẹp hòi, liền phát chí nguyện đi xa tìm cầu Đại bổn. Đến nước Vu Điền ở phương Tây, được chánh bản bằng Phạm văn. Đến lúc sắp trở về Lạc dương, các học chúng nước đó tấu trình cùng vua rằng:

- Có vị Sa-môn ở đất Hán muốn đem sách của Bà-la-môn để nhiễu loạn kinh điển chánh giáo, nếu không ngăn cấm vị ấy sợ rằng sẽ làm mê muội mọi người ở đất Hán.

Vua nước Vu Điền liền không cho Chu Sĩ Hành mang kinh đi.

Chu Sĩ Hành rất đau xót tâm can, bèn xin lấy lửa thiêu đốt kinh để làm chứng. Nhà vua chấp nhận ý kiến đó, khi ấy, Chu Sĩ Hành chất củi trước điện để thiêu đốt kinh. Đến lúc nhóm lửa, Sĩ Hành phát thệ nguyện rằng: "Nếu như đại pháp cảm ứng, đáng nên lưu truyền đến đất Hán thì kinh sẽ không cháy, như kỳ không hộ mạng vậy."

Nói xong, đưa kinh vào lửa, lửa tắt, mà kinh không tổn hoại một chữ. Đại chúng vô cùng kinh sợ kính phục, đều gọi đó là có sự thần cảm. Và Sĩ Hành được đưa kinh đến Trung Quốc.

Về sau, Chu Sĩ Hành viên tịch tại nước Vu Điền, thọ tám mươi tuổi. Sau khi trà-tỳ lửa đã tắt hết mà thi thể vẫn còn nguyên vẹn, mọi người đều lấy làm kinh lạ, mới cầu nguyện rằng: "Nếu thật đắc đạo, theo pháp nên hủy bại." Chu Sĩ Hành ứng theo lời cầu xin ấy mà vỡ vụn tất cả. Mọi người nhân đó mà lượm nhặt di cốt xây dựng tháp cúng dường.

6. Ha-la-kiệt

Ha-la-kiệt, không rõ là người thuộc dòng họ gì. Xuất gia từ thuở thiếu thời, tụng kinh đến hai trăm vạn lời. Tánh rỗng rang tĩnh lặng, giữ giới thanh tiết, giỏi trù biện, đẹp dung sắc. Thường hành hạnh Đầu-đà, riêng ở một mình trong núi rừng hay đồng nội.

Năm Thái Khang thứ 5 (288), thời vua Vũ Đế, nhà Tây Tấn, Ha-la-kiệt tạm đến Lạc dương. Bấy giờ, gặp lúc dịch bệnh, người chết liên tục, Ha-la-kiệt chú nguyện chữa trị, mười phần lành được tám, chín phần. Đến năm Nguyên Khang thứ 1 (291) đời vua Tuệ Đế cũng thuộc Tây Tấn, mới đi Tây Vực, Ha-la-kiệt dừng ở núi tại một thạch thất, thường luôn tọa thiền. Ở thất đó cách nước rất xa, người thời bấy giờ muốn khai mở khe suối, Ha-la-kiệt bảo rằng:

–Không cần phải cùng khổ nhọc.

Bèn tự đưa chân trái ấn vào vách đá phía Tây của thất, vách đá lõm mất chừng ngón tay. Chân vừa cất khỏi, nước từ trong tuông theo ra, trong mát ngọt thơm, chảy suốt bốn mùa không dứt. Mọi người đều đến lấy dùng được hết sự đói khát, dứt trừ được bệnh tật.

Đến năm Nguyên Khang thứ 8 (298), Ha-la-kiệt đoan nhiên an tọa thị tịch, chúng đệ tử y theo quốc pháp mà cử hành lễ trà-tỳ. Qua nhiều ngày thiêu đốt mà nhục thể vẫn còn ngồi trong lửa trọn không cháy hết, mới xin thỉnh trở về lại tôn trí trong thạch thất.

7. Kỳ-vực

Kỳ-vực vốn người Thiên Trúc. Đi khắp các vùng từ Trung Hoa đến Nhung địch, không có chỗ nhất định, thần kỳ không ai bó buộc được, nhậm tánh thoát tục, hành tích chẳng thường. Người thời bấy giờ ai cũng biết đến.

Kỳ-vực phát xuất từ Thiên Trúc đi đến Phú nam trải qua các bờ biển, ven vượt giao chỉ Quảng châu, đâu đâu cũng có linh dị. Khi đến Tương dương, muốn nhờ chở qua sông, thuyền chủ thấy Kỳ-vực là Phạm Sa-môn ăn mặc tệ lậu nên khinh thường mà không chở. Khi thuyền tới bờ phía Bắc, thì Kỳ-vực cũng đã đi qua trước. Thấy hai con hổ. Hổ vãnh tai quẫy đuôi, Kỳ-vực đưa tay xoa đầu nó, hổ liền bước xuống đường mà đi. Người hai bên bờ thấy vậy đi theo thành đoàn.

Khoảng cuối thời vua Tuệ Đế, (317), nhà Tây Tấn, Kỳ-vực đến Lạc dương. Mọi người đều kính lễ, Kỳ-vực quỳ dài an nhiên, dung nhan chẳng động. Bấy giờ, nói cùng mọi người về sự đổi thay đời trước. Bảo rằng Chi Pháp Uyên là từ trong loài dê mà lại, Trúc Pháp Dữ từ trong loài người mà lại. Lại quở trách các chúng Tăng là ăn mặc y phục hoa lệ không ứng hợp với pháp của người xuất gia. Nhìn thấy cung thành Lạc dương, Kỳ-vực nói rằng:

- Phảng phất tợ như cung trời Đao-lợi, chỉ không đồng ở điểm tự nhiên và nhân sự vậy.

Kỳ-vực nói với Sa-môn Kỳ-xá-mật rằng:

- Người thợ tạo dựng cung thành này là từ trời Đao-lợi đến, khi làm xong liền trở lại trời. Ở nóc nhà, phía dưới ngói nên có một ngàn năm trăm tạo vật.

Mọi người thời bấy giờ đều nói:

–Nghe nói ngày xưa người thợ này quả thật có đem tạo vật đặt ở dưới mái ngói.

Bấy giờ, Hành Dương thái thú Nam Dương Tất Vĩnh Văn ngụ trong chùa Mãn Thủy tại Lạc dương, cả hai chân co quắp không thể đi lại, Kỳ-vực đến thăm, bảo:

- Ông muốn lành bệnh ư? Sao không đem một chén nước sạch và một cành dương liễu?

Kỳ-vực liền lấy nhành Dương phết nước đưa tay về hướng Vĩnh Văn mà chú nguyện, ba lần như vậy. Nhân đó, đưa tay xoa bóp đầu gối Vĩnh Văn rồi bảo đứng dậy. Vĩnh Văn tức thời đứng dậy bước đi như cũ. Cũng tại chùa đó, có vài mươi gốc cây bị khô chết Kỳ-vực hỏi Vĩnh Văn:

- Các cây đó khô chết bao lâu rồi?

Vĩnh Văn nói:

- Đã nhiều năm rồi vậy.

Kỳ-vực liền hướng về các cây chú nguyện như pháp chú nguyện cho Vĩnh Văn vậy. Cây bỗng đâm mầm phát triển đều nhau tươi tốt. Trong mùa nắng nóng, có một người mắc bệnh Hòn sắp chết, Kỳ-vực đem bình bát đặt trên bụng người bệnh, lấy vải trắng phủ kín lên trên, chú nguyện vài ngàn lời, liền có mùi hôi xông khắp trong nhà, người bệnh nói:

- Tôi được sống.

Kỳ-vực sai người lấy vải ra, trong bình bát có như bùn nhơ khoảng vài thăng, hôi không thể đến gần, người bệnh liền lành mạnh.

Đến tại Lạc dương binh lính nhiễu loạn, từ giã trở về Thiên Trúc. Sa-môn thành Lạc dương khoảng vài trăm người, mọi người đều thỉnh mời Kỳ-vực cúng dường ngọ trai, Kỳ-vực đều hứa khả. Sáng hôm sau, ở năm trăm nhà đều có một Kỳ-vực, ban đầu cho rằng Kỳ-vực riêng đến nhà mình, đến cuối cùng nhau thăm hỏi mới biết Kỳ-vực phân thân đến nhà. Trai Phạm xong, các Sa-môn đưa tiễn Kỳ-vực đến thành Hà nam, Kỳ-vực đi thong thả mà mọi người đuổi theo không kịp. Kỳ-vực mới dùng gậy viết trên đất rằng: "Đến đây là từ biệt!" Ngày đó, có người từ Trường an trở lại nói thấy Kỳ-vực ở trong một chùa kia. Về sau, có khách buôn từ Hồ thấp lên nói chiều tối hôm đó gặp Kỳ-vực ở Lưu sa. Tính ra đã hơn chín ngàn dặm.

Sau khi đã trở về Tây Vực, không biết cuối cùng Kỳ-vực như thế nào và đã đi đâu!

8. Pháp Lãng

Thích Khương Pháp Lãng đến học ở Trung sơn. Khoảng niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) đời Tây Tấn cùng với một vị Tỳ-kheo đi đến Tây Vực vào Thiên Trúc, đi qua Lưu sa, hơn ngàn dặm đường, thấy hai bên đường Phật đồ bại hoại, lại không điện đường, có bồng cỏ ngải cao phủ mất. Pháp Lãng,... cùng xuống dừng chân chiêm lễ, thấy có hai vị Tăng, mỗi vị ở một phòng riêng. Trong đó, một vị đang đọc kinh, còn một vị bị bệnh lỵ nhơ uế đầy phòng. Vị đọc kinh hẳn là không trông xem chăm sóc. Pháp Lãng... khởi niệm thương xót vì vị bị bệnh mà nấu cháo nhừ, quét dọn tẩy rửa, đến ngày thứ sáu, người bệnh hơi mỏi mệt, đi ngoài như suối chảy, Pháp Lãng... chăm lo chữa trị. Đêm đó, Pháp Lãng... đều cho rằng người bệnh hẳn không qua khỏi đêm ấy. Đến sáng sớm, qua

thăm người bệnh nhan sắc tươi sáng hẳn ra, bệnh trạng chống lành và tự nhiên các vật nhơ uế trong phòng đều xinh đẹp thơm tho. Pháp Lãng... mới rõ ra rằng đó là bậc đại sĩ đắc đạo dùng để thử người. Người bệnh bảo:

- Vị Tỳ-kheo ở cách phòng bên cạnh là Hòa thượng của tôi, đắc đạo tuệ đã từ lâu, các vị có thể sang đảnh lễ hầu thăm."

Trước đây, Pháp Lãng... rất ghét vị Sa-môn đọc kinh đó bởi không tâm Từ ái, giờ đây nghe vậy rồi bèn liền đảnh lễ sám hối lỗi lầm. Vị Sa-môn đọc kinh bảo rằng:

- Các vị chân thành và đồng chỉ hướng sẽ được nhập đạo. Pháp Lãng đời trước học nghiệp thiển cạn, đời nay chưa thể thành tựu ý nguyện. Còn bạn của Pháp Lãng là Tuệ Nhã đã gieo trồng căn sâu nên ở đời nay sẽ thành đạt ý nguyện.

Nhân đó, mà lưu giữ lại.

Về sau, Pháp Lãng trở lại Trung sơn, làm vị đại Pháp sư, kẻ Tăng người tục vô cùng tôn kính.

9. Phật Đồ Trừng

Phật Đồ Trừng vốn dòng họ Bạch, người xứ Tây Vực, xuất gia từ thuở thiếu thời, trong sạch chân chất chuyên học, tụng kinh vài trăm vạn lời.

Năm Vĩnh Gia thứ 4 (310), đời Tây Tấn, Phật Đồ Trừng đến Lạc dương với chí nguyện hoằng dương đại pháp. Đã giỏi trì niệm thần chú lại có tài năng sai sử quỷ vật. Phật Đồ Trừng dùng dầu mè và các chất mỡ béo bôi xoa lòng bàn tay thì mọi sự việc vài ngàn dặm đều thấy suốt trong lòng bàn tay như đang đối diện, và cũng khiến người trong sạch trai tịnh cùng thấy. Ngài muốn tạo lập chùa tại Lạc dương, nhưng gặp lúc Lưu Diệu cướp đánh Lạc đài; Đế Kinh nhiễu loạn nên chí nguyện lập chùa của Phật Đồ Trừng không thành tựu, mới tiềm ẩn thân ở đồng quê cỏ nội để nhìn xem sự đời biến đổi.

Bấy giờ, Thạch Lặc đóng binh tại Cát pha, chuyên lấy việc giết hại để ra oai, các Sa-môn bị hại rất nhiều, Đồ Trừng khởi niệm thương xót muôn loài, muốn đem đạo để giáo hóa Thạch Lặc, khi đó liền chống gậy đến trước quân lính. Đại tướng của Thạch Lặc là Quách Hắc Lược dâng biểu muốn kính phụng pháp, Đồ Trừng bèn thẳng đến nhà Hắc Lược. Hắc Lược liền theo cầu thọ ngũ giới, kính lễ tôn sùng nguyện làm đệ tử. Sau đó, Hắc Lược theo Thạch Lặc đi đánh chiếm trừng phạt, thường dự biết hơn thua. Thạch Lặc nghi ngờ, hỏi:

- Quả nhân không biết khanh có mưu trí xuất chúng nào mà mỗi lần hành quân đều biết sự việc cát hung như vậy?

Hắc Lược nói:

- Tướng quân tư chất trội vượt khác thường nên được sự hổ trợ từ thần võ u linh. Có vị Sa-môn biết rõ pháp thuật khác thường bảo rằng tướng quân sẽ lấy được khu hạ và tôn làm thầy. Mọi điều tấu trình trước sau của thần đều do vị ấy nói vậy.

Thạch Lặc mừng bảo:

- Thật là trời ban!

Bèn mời Phật Đồ Trừng đến hỏi:

- Phật Đạo có gì linh nghiệm?

Đồ Trừng biết Thạch Lặc không thể thấu hiểu được nghĩa lý sâu mầu, nên chỉ dùng đạo thuật mà giáo hóa. Nhân đó, bảo:

- Chỉ đạo tuy xa nhưng cũng có thể lấy việc gần để chứng minh.

Liền lấy cái chén đựng đầy nước, đốt hương chú nguyện vào đó, phút chốc mọc lên một đóa sen xanh, màu sắc sáng rỡ hoa mắt, Thạch Lặc do đó mà tin phục. Phật đồ Trừng cũng nhân đó mà khuyên can rằng:

- Phàm là bậc quân vương phải nên dùng đức để hóa trị mọi người thì tứ linh sẽ hiển hiện điềm tốt. Còn lấy chính sách tệ ác, đạo đức tiêu mòn, thì sao chổi sẽ hiện trên trời, pháp thường hiển hiện, tai họa theo đó mà hoành hành. Đó là lý thường của xưa nay, là giới sáng của trời người.

Thạch Lặc rất vui mừng với lời răng dạy đó. Phàm mỗi lúc chuẩn bị đánh chiếm nhờ lợi ích đó mà mười phần có được tám, chín phần. Từ đó, người Hồ ở Trung châu đến nguyện phụng Phật. Có mắc bệnh cố tật, ở đời không ai có khả năng chữa trị. Đồ Trừng vì luyện phương thức chữa trị, đúng thời nên chóng lành mạnh.

Thạch Lặc từ Cát pha trở lại Hà bắc đi qua phương đầu. Đên đó có người muốn phá doanh trại, Đồ Trừng nói cùng Hặc Lược rằng:

- Chốc nữa sẽ có giặc đến nên báo cho ông biết.

Quả thật như lời Đồ Trừng nói, do có chuẩn bị nên không thất bại. Thạch Lặc muốn thử Phật Đồ Trừng. Đêm đến, đội mũ trụ, mặc áo giáp nắm. Nhận mà ngồi, sai người đến nói với Đồ Trừng rằng:

- Từ tối đến giờ không biết đại tướng quân ở đâu!

Kẻ sứ mới đến, chưa kịp mở lời, Đồ Trừng hỏi ngược rằng:

- Đang bình an không giặc cướp, cớ sao hồi đêm chuẩn bị nghiêm mật vậy?

Thạch Lặc càng thêm kính trọng Đồ Trừng.

Sau, nhân sự tức giận, Thạch Lặc muốn hại các Sa-môn và muốn làm khổ Đồ Trừng. Đồ Trừng lánh đến nhà Hắc Lược. Trước khi đi, dặn các đệ tử:

- Nếu kẻ sứ của tướng quân đến hỏi ta ở đâu, nên bảo là không biết.

Kẻ sứ đến tìm không thấy Đồ Trừng, bèn trở về báo cùng Thạch Lặc. Thạch Lặc kinh hải, nói:

- Ta có ác ý đối với Thánh nhân, Thánh nhân liền bỏ ta mà đi!

Suốt đêm mà ngủ, nghĩ muốn được thấy Đồ Trừng. Đồ Trừng biết Thạch Lặc có ý hối lỗi, sáng sớm đi đến chỗ Thạch Lặc.

Thạch Lặc hỏi:

- Hôm qua đi đâu?

Đồ Trừng bảo:

- Bởi ông có tâm tức giận, nên hôm qua tạm lánh mặt. Nay ông đã đổi ý, nên mới dám lại đây.

Thạch Lặc cười lớn, bảo:

–Đạo nhân nói lầm rồi!

Hào nước ở thành Tương quốc, bắt nguồn từ phía Tây bắc thành cách xa năm dặm nhỏ tròn như hòn đạn ở dưới đền, nên nước ở đó mau hết. Thạch Lặc hỏi Phật Đồ Trừng:

- Làm sao để dẫn nước?

Đồ Trừng bảo:

- Nay nên bảo Rồng dẫn.

Thạch Lặc tự là Thế Long nên cho rằng Đồ Trừng giễu cợt mình, đáp:

- Chính vì Rồng không có khả năng dẫn nước nên mới hỏi”.

Đồ Trừng bảo:

- Đó là nói chân thật, đâu phải là đùa giỡn. Nguồn nước suối hẳn có Thần rồng ở đó, qua dùng sắc chỉ cáo cầu, hẳn có thể được nước.

Mới cùng đệ tử là Pháp Thủ... vài người đến trên nguồn suối. Chỗ cũ nguồn đó từ lâu đã khô tao vết nứt như lằn bánh xe. Những người đi theo sinh tâm nghi ngờ sợ nước khó được. Đồ Trừng ngồi trên giường dây đốt hương An tức, chú nguyện vài trăm lời, ba ngày như thế, nước ứa rỉ ra dòng nhỏ, có một con rồng nhỏ dài khoảng năm, sáu tất, theo nước mà ra. Các Sa-môn đua nhau lại xem nó, Đồ Trừng bảo:

- Rồng có độc tố chở lại gần trên đó.

Trong khoảnh khắc nước lớn tràn đến khắp cả ao hồ đều đầy. Đồ

Trừng nhàn tọa than rằng:

- Hai ngày nữa sẽ có một tiểu nhân kinh động dưới đây.

Xong Bệ Hiệp người Tương quốc có hai người con đã nhỏ lại kiêu ngạo, khinh chê kẻ tớ là Tiên Tỳ. Kẻ tớ tức giận tìm dao giết chết người em, bắt người anh vào nhà dùng dao trấn áp:

- Nếu người vào nhà tu sẽ ra tay.

Bèn nói với Bệ Hiệp rằng:

- Đưa ta trở về nước, ta sẽ tha sống cho con ngươi, bằng không thì nó sẽ chết.

Ở đó, trong ngoài đều kinh ngạc không ai dám qua xem. Thạch Lặc tự mình qua xem, nói với Bệ Hiệp rằng:

- Đưa kẻ tớ trở về, để an toàn tánh mạng con khanh, đó là việc tốt. Cách thức này một khi nghe qua mới là hậu họa, khanh tạm thả khoan tình. Nước thường có chuyện hiến dâng mạng người để lấy kẻ tớ, kẻ tớ giết con mà chết.

Tiên Tỳ Đoàn Ba công kích Thạch Lặc, bọn chúng đông mạnh, Thạch Lặc lo sợ đến hỏi Đồ Trừng, Đồ Trừng bảo:

- Tiếng linh ở chùa hôm qua kêu rằng. Sáng sớm mai, giờ ăn sáng sẽ bắt được Đoàn Ba.

Thạch Lặc leo lên thành, trông nhìn quân của Đoàn Ba, chẳng thấy đâu là đầu đuôi, đổi sắc mặt, bảo rằng:

- Quân lính đi nghiêng đất, há có thể bắt được Đoàn Ba, Đồ Trừng chỉ nói lời an ủi ta thôi.

Lại sai Quỳ An đến hỏi Đồ Trừng, Đồ Trừng bảo:

- Đã bắt được Đoàn Ba rồi.

Bấy giờ, ở phía Bắc thành phục binh đi ra gặp Đoàn Ba và bắt lấy nó. Đồ Trừng khuyên Thạch Lặc vâng theo, cuối cùng cũng đạt được thành tựu.

Bấy giờ, Lưu Tải đã chết. Em họ của Lưu Tải là Lưu Diệu soán cướp ngôi, xưng là Nguyên Quang Sơ. Năm Quang Sơ thứ 8 (), Lưu Diệu sai em họ là Trung Sơn Vương Nhạc đem binh công kích Thạch Lặc. Thạch Lặc sai con là Thạch Hổ dẫn binh vừa chạy bộ vừa chống cự lại. Đại chiến ở Lạc tây. Lưu Nhạc thất bại giữ lấy đất Thạch lương. Thạch Hổ kiên quyết ngăn đón bắt. Đồ Trừng cùng đệ tử từ chùa Quan đến chùa Trung. Mới vào cửa chùa than rằng: "Lưu Nhạc thật đáng thương!", đệ tử là Pháp Tộ hỏi nguyên cớ. Đồ Trừng bảo:

- Hôm qua, giờ Hợi, Lưu Nhạc đã bị bắt!

Quả thật đúng như lời nói đó.

Năm Quang Sơ thứ 11, Lưu Diệu tự dẫn binh đánh chiếm Lạc Dương. Thạch Lặc muốn tự mình chống cự. Quan liêu tướng tá trong ngoài đều can ngăn. Thạch Lặc đem hỏi Đồ Trừng. Đồ Trừng bảo:

- Tiếng linh tướng luân kêu rằng: Tú Chi giúp đỡ bạo ngược không tôi tớ cùng đường bắt kẻ ngốc là đáng. Tú Chi giúp đỡ bạo ngược không ra, tôi tớ cùng đường như Lưu Diệu đâu có ngôi vị, bắt kẻ ngốc đáng bắt. Với lời đó làm cho quân tức mới bắt được Lưu Diệu.

Bấy giờ, Từ Quang nghe Đồ Trừng nói lời ấy, liền khuyên Thạch Lặc thực hành.

Thạch Lặc để con trưởng là Thạch Hoằng lại, cùng với Đồ Trừng trấn tại Tương quốc, còn tự mình dẫn trung quân vừa chạy bộ vừa chống trả thẳng đến thành Lạc dương. Hai trận mới giao chiến, quân lính Lưu Diệu chạy tán loạn, ngựa của Lưu Diệu đắm chìm trong nước. Thạch Kham Sinh bắt được Lưu Diệu dâng nạp Thạch Lặc. Bấy giờ, Đồ Trừng dùng vật bôi tha vào tay. Xem xét vào đó, thấy đại chúng bắt trói một người, dây tơ đỏ bó thất khủy tay. Nhân đó nói với Thạch Hoằng biết. Ngay thời gian đó là Thạch Kham Sinh bắt đươc Lưu Diệu. Sau khi đã khống chế được Lưu Diệu, Thạch Lặc mới tự xưng Triệu Thiên Vương thực hành việc Hoàng đế. Đổi lại là Nguyên Kiến Bình. Năm đó là năm thứ Hàm Hòa thứ 5(330), đời vua Thành Đế; nhà Đông Tấn.

Từ khi lên ngôi trở về sau, Thạch Lặc càng dốc lòng phụng thờ Đồ Trừng. Đến lúc Thạch Thông phản nghịch. Năm đó, Đồ Trừng khuyên Thạch Lặc rằng:

- Năm nay trong rau hành có sâu, ăn hẳn hại người, nên ban lệnh cho bá tánh không nên ăn rau hành.

Thạch Lặc liền ban bảo khắp nơi mọi người cẩn thận chớ ăn dùng rau hành. Đến tháng 8, quả nhiên Thạch Thông bỏ chạy. Thạch Lặc càng thêm tôn trọng. Mỗi lúc có việc gì là hỏi trước sau mới thực hành, tôn xưng Phật Đồ Trừng là đại Hòa thượng.

Thạch Hổ có người con tên là Thạch Bân. Sau, Thạch Lặc nhận nó làm con. Thạch Lặc mến thương và quý trọng nó. Bỗng nhiên Thạch Bân mắc bệnh dữ mà chết, qua hai ngày, Thạch Lặc bảo rằng:

- Trẫm nghe Quắc Thái tử chết mà biển thước có khả năng cứu sống. Đại Hòa thượng là thần nhân của nước nhà, có thể ban phước cho.

Đồ Trừng dùng nhành dương để chú nguyện, trong phút chốc liền cử động, khoảng thời gian ngắn được bình phục. Do đó, các trẻ con của Thạch Lặc phần nhiều là được nuôi dưỡng ở tại chùa. Mỗi năm, đến

ngày mồng 8 tháng 4, Thạch Lặc đích thân tự đến chùa, vì các con thơ mà phát nguyện làm lễ tắm Phật.

Đến năm Kiến Bình thứ 4 (). Trong tháng tư, bầu trời tĩnh lặng không gió mà một chiếc linh trên tháp bỗng nhiên tự kêu. Đồ Trừng nói cùng đại chúng:

- Tiếng linh nhắc nhở: Nội trong năm nay, nước nhà có đại tang!

Qua tháng 7 năm đó, Thạch Lặc băng hà.

Thái tử Thạch Hoằng tiếp nối ngôi vị. Một thời gian ngắn, Thạch Hổ phế Thạch Hoằng mà tự lập, dời đô đến đất Nghiệp xưng là Kiến Vũ. Thạch Hổ dốc lòng phụng sự Phật Đồ Trừng quý trọng như Thạch Lặc.

Lúc Đồ Trừng dừng ở chùa Trung trong thành Nghiệp, sai đệ tử là Pháp Thường đến Tương quốc ở phương Bắc. Trong khi đó, Pháp Tá cũng là đệ tử của Đồ Trừng từ Tương quốc trở về, hai người gặp nhau và cùng ở lại đêm tại thành Lương cơ. Hợp xe cùng nói chuyện trong đêm, bàn đến Hòa thượng. Đến sáng sớm, đường ai nấy đi, Pháp Tá đến, vừa mới vào hầu Đồ Trừng, Đồ Trừng quay lại cười, bảo:

- Hồi đêm, ông cùng Pháp Thường giao xe nói chuyện của thầy các ông ư? Người xưa có nói: Chẳng gọi là kính, ở chỗ tối tăm mà không sửa đổi. Chẳng gọi là thận trọng, riêng một mình mà không biếng lười. Nơi tối tăm ở riêng một mình là gốc của kính và thận trọng. Các ông không biết ư?

Pháp Tá ngạc nhiên, hổ thẹn sám hối. Từ đó, mọi người trong nước mỗi lúc cùng nhau nói chuyện, thường bảo nhau rằng:

Chỗ khởi ác tâm, Hòa thượng đều đó.

Chỗ ở của Đồ Trừng, không ai dám hướng mặt về phía đó khạt nhổ hay đại tiểu tiện.

Bấy giờ, Thái tử Thạch Thúy có hai người con đang ở tại Tương quốc, Đồ Trừng nói với Thạch Thúy rằng:

- Tiểu A-di-tỷ đang bị bệnh, nên sang đón nó.

Thạch Thúy liền vội đưa tin đến xem sao, quả thật là đã mắc bệnh. Quan thái y Ân Đằng và các đạo sĩ ngoại quốc tự nói có thể chữa trị.

Đồ Trừng bảo cùng đệ tử là Pháp Nha:

- Ngay như Thánh nhân có xuất hiện cũng không thể cứu được bệnh ấy, huống gì những người ấy ư!

Sau ba ngày, quả thật nó chết. Thạch Thúy hoang đảng rượu chè sắp mưu làm phản, bảo cùng Nội Thụ rằng:

- Hòa thượng có Thần thông, ắt sẽ phát hiện được mưu to, sáng mai người lại nên trừ diệt đi.

Đến ngày rằm, Đồ Trừng sắp vào thăm Thạch Hổ, nói cùng đệ tử là Tăng Tuệ rằng:

- Hôm qua Thiên thần gọi ta và bảo: Sáng mai nếu vào khi trở lại chớ qua người, vì như ta có chỗ qua, người phải dừng tan lại.

Đồ Trừng thường vào, hẳn là qua Thạch Thúy, Thạch Thúy biết Đồ Trừng vào cần phải hầu rất khổ.

Đồ Trừng sắp lên Nam đài, Tăng Tuệ dẫn y, Đồ Trừng bảo:

- Việc chẳng được dừng, ngồi chưa an nên đứng dậy.

Thạch Thúy cố giữ lại, song, Đồ Trừng không đồng ý, nên có mưu đồ sai lầm. Trở về chùa, Đồ Trừng than rằng:

- Thái tử làm loạn, sự việc sắp thành, muốn nói khó nói, muốn nhẫn khó nhẫn". Nhân sự việc ấy, Đồ Trừng khuyên ngăn Thạch Hổ, Thạch Hổ vẫn không hiểu gì. Bỗng dưng sự việc phát ra mới tỏ ngộ được lời Đồ Trừng nói.

Sau, Quách Hắc Lược đem binh chinh phạt giặc Khương ở Bắc sơn, Trường an, rơi lạc vào trong Đọa Khương địch. Bấy giờ, Đồ Trừng ngồi tại Đường thượng, đệ tử Pháp Thường đang ở bên cạnh, Đồ Trừng tự nhiên thảm thương đổi sắc mặt, bảo:

- Hắc Lược bị lọt vào lưới địch.

Bảo chúng Tăng chú nguyện, chốc lát lại bảo:

- Nếu tìm hướng Đông nam mà ra thì sẽ sống, còn các hướng khác thì khốn cùng.

Lại chú nguyện tiếp, khoảng thời ngắn lại bảo:

Đã thoát rồi!

Sau hơn một tháng, Quách Hắc Lược trở về, nói:

Bị lạc vào vòng vây của Đọa Khương, theo hướng Đông nam mà chạy. Trong lúc ngựa mỏi mệt, gặp được một người đứng dưới trướng đưa đổi ngựa cho và bảo:

–Tướng công cỡi ngựa này, còn tiểu nhân xin cỡi ngựa của tướng công. Cứu giúp hay không cứu giúp hẳn là tùy mạng.

Hắc Lược có được ngựa đó, nên thoát khỏi. Xét ngày giờ lúc ấy chính là Đồ Trừng chú nguyện.

Ngụy Đại Tư Mã Yên Công Thạch Bân, Thạch Hổ cho đến Mục trấn U châu. Bọn hung hăng nhóm tụ, nhân đó phóng túng bạo ngược. Đồ Trừng khuyên Thạch Hổ rằng:

- Đêm qua, Thiên thần nói phải nhóm gấp ngựa trở về. Đến mùa

thu, đều sẽ bị tan tác.

Thạch Hổ không hiểu lời đó, liền ban lệnh khắp các nơi thâu tóm ngựa đưa về. Mùa thu năm đó, có người dèm pha Thạch Bân đến tai Thạch Hổ. Thạch Hổ liền gọi Thạch Bân đến, đánh ba trăm roi, giết chết mẹ ruột của Thạch Bân vốn dòng họ Tề. Thạch Hổ nắm cung rút tên, tự xem hành phạt Thạch Bân, phạt nhẹ; Thạch Hổ mới trị tay giết năm trăm người, Đồ Trừng can ngăn rằng:

- Tâm không thể thao túng, đã chết thì không thể sống. Lễ không đánh giết thương tổn ân từ. Sao có vị Thiên tử tự tay hành phạt ư?

Thạch Hổ mới dừng đánh.

Sau, quân Tấn đánh chiếm tràn lan, Hoài tứ, Lũng bắc, Ngõa thành đều bị xâm lấn. Ba phương báo gấp, nhân tình nguy hiểm. Thạch Hổ mới sân giận bảo:

- Ta phụng Phật mà đến nỗi giặc ngoài xâm lược. Phật không Thần linh.

Sáng sớm mai, Đồ Trừng vào, Thạch Hổ đem việc đó hỏi Đồ Trừng. Đồ Trừng nhường nhịn bảo Thạch Hổ rằng:

- Đại vương đời trước đã từng làm vị đại thương chủ, thường đến cúng dường ở chùa Kế Tân trong một đại hội có sáu mươi vị La-hán, chính tôi cũng có dự trong hội đó. Bấy giờ có một người đắc đạo nói với tôi vị thượng chủ này sau khi mạng chung sẽ trở lại làm thân gà sau đất vua Tấn. Ngày nay đại vương làm vua há chẳng là phước ư? Còn Cương Trường quân cướp là việc thường của nước nhà. Sao mà lại tức giận phỉ báng Tam bảo? Hồi đêm dấy khởi niệm độc ư?

Thạch Hổ mới tin hiểu, quỳ lạy sám tạ.

Thạch Hổ thường hỏi Đồ Trừng:

- Trong Phật pháp dạy răn không giết hại, trẫm làm chủ thiên hạ, không hình phạt đánh giết thì chẳng biết lấy gì để gạn lọc nghiêm túc trong bờ cõi. Đã trái phạm giới sát sinh, tuy có phụng Phật há được phước ư?

Đồ Trừng bảo:

- Bậc Đế vương phụng thờ Phật phải cung kính tâm tùy thuận, hiển dương Tam bảo, chẳng làm điều bạo ngược không hại người vô tội. Đến như loài hung bạo vô lại, cũng chẳng cải đổi phong hóa. Đối với kẻ có tội không thể không đánh giết, có xấu ác không thể không hình phạt. Song chỉ đánh giết với kẻ đáng đánh giết, chỉ trừng phạt kẻ đáng trừng phạt. Nếu bạo ngược tự ý giết hại kẻ không tội, tuy có dốc hết của cải phụng sự Phật pháp cũng không giải nổi ương họa. Xin bệ hạ hãy khởi

đức từ cùng khắp tất cả, thì Phật giáo sẽ mãi mãi hưng thạnh và vận phước mới lâu dài.

Thạch Hổ tuy không vâng theo tất cả, nhưng lợi ích cũng được không ít.

Các quan thượng thư của Thạch Hổ như Trương Ly, Trương Lương... nhà cửa giàu có, phụng thờ Phật, mỗi nhà tạo dựng một tháp lớn. Đồ Trừng bảo:

- Phụng thờ Phật là nơi thanh tịnh vô dục, tâm thương xót mọi loài. Đàn-việt tuy phụng thờ đại pháp, mà lòng tham chưa dứt, săn bắn vô độ, tích chứa không cùng. Mới chịu tội của đời hiện tại, sao có thể hy vọng được phước báo ư?. Về sau, Trương Ly... đều bị giết chết.

Bấy giờ, thời hạn hán đã lâu, từ tháng giêng đến tháng sáu, Thạch Hổ sai Thái tử đến cửa sông Phủ phía Tây Lâm Chương cầu mưa, nhưng mãi vẫn chưa mưa. Thạch Hổ liền cầu thỉnh Đồ Trừng cứu giúp, ngay khi đó có hai con rồng trắng giáng xuống đền, ngày đó mưa lớn khắp nơi, năm đó được mùa. Bọn Rợ Nhung Mạch trước không biết Phật pháp, nghe Đồ Trừng có thần nghiệm, đường xá xa xôi đều về lễ bái kính phục.

Đồ Trừng thường sai đệ tử đến Tây Vực mua hương, vị đó đã đi rồi, Đồ Trừng nói cùng các đệ tử khác là nhìn ở bàn tay thấy vị đi mua hương... đó bị cướp sắp chết. Nhân đó, đốt hương chú nguyện, từ xa hướng đến cứu độ. Sau, vị đệ tử đó trở về nói:

- Ngày đó tháng đó, ở tại chỗ đó, bị giặc cướp, sắp bị giết, bỗng nghe mùi hương phảng phất, tự nhiên bọn giặc kinh hãi bảo lính cứu đã đến, bỏ chạy đi.

Thạch Hổ tu sửa tháp nhỏ Thừa Lộ Bàn ở Lâm chương, Đồ Trừng bảo:

- Trong thành Lâm chương xưa có tháp của vua A-dục, trong đất có Thừa Lộ Bàn và tượng Phật, phía trên là rừng cây xanh tốt, có thể đào xới để lấy lên.

Bèn vẽ sơ đồ để đưa cho sứ, y theo lời chỉ mà đào lấy, quả thật có được Thừa Lộ Bàn và tượng Phật.

Thạch Hổ mỗi lần muốn đánh phạt nước Yên, Đồ Trừng thường cản ngăn, bảo:

- Nước Yên chưa hết thời vận khó mà chế phục được.

Thạch Hổ thường hành quân bại trận nhiều lần mới tin lời khuyên răn của Đồ Trừng.

Trong Hoàng hà xưa chẳng có con ba ba, bỗng nhiên có được một

con, liền dâng đến Thạch Hổ. Đồ Trừng thấy thế than rằng:

- Hoàn ôn nó vào sông chẳng lâu.

Ôn tự là Nguyên Tử, quả đúng như lời nói.

Bấy giờ, tại huyện Ngụy có một người lưu lạc, chẳng biết là dòng họ gì, thường mặt áo cánh vải gai và mang xiêm vải bố ở trong chợ huyện Ngụy xin ăn. Người thời bấy giờ gọi đó là Ma nhu (áo cánh vải gai). Ăn nói trác việt tương trạng như bệnh cuồng xin được các thứ gạo thóc, chẳng chịu ăn mà tung rải tứ phía, gặp đường lớn, bảo:

- Cho ngựa trời ăn.

Triệu Hưng Thái Thú bắt đưa đến Thạch Hổ. Trước kia, Đồ Trừng nói với Thạch Hổ rằng:

- Ở phía Đông nước nhà cách hai trăm dặm, vào ngày đó tháng đó, sẽ đưa đến một người phi thường. Chớ giết hại người ấy.

Kỳ hạn giả thật đã đến. Thạch Hổ nói chuyện cùng với người đó rất trùng hợp ý với nhau và vị ấy còn chỉ bảo rằng:

- Bệ hạ cuối đời sẽ ở dưới cột trụ của điện hạ!

- Thạch Hổ không hiểu lời nói đó, bảo mọi người thỉnh Phật Đồ Trừng.

Ma Nhu nói với Phật Đồ Trừng rằng:

- Ngày xưa trong hội Nguyên Hòa, lâu đến ngày nay, Dậu Tuất thọ huyền mạng, trải qua hết, cuối cùng cũng có kỳ hạn, vàng lìa nơi giàu sang, bên hoang sơ không thể tôn quý, trừ hết dấu vết hoài mong linh nghiệm.

Đồ Trừng bảo:

- Trời đất cùng vận sao tướng không phải là cây chín cành, nước làm khô không thể dùng làm thuật ư? Dẫu huyền triết tuy ở đời cũng chẳng thể hiểu. Nhưng nền móng đã sụp đổ từ lâu ở Diêm-phù. Lợi nhiễu, nhiễu lắm hoạn, đi lên lớp mây vũ hội như ở khoảng hư du.

Đồ trừng cùng với Ma Nhu giảng luận cả ngày, không ai có thể hiểu được. Có người nghe trộm, nghe được vài lời như thế, cũng như bàn luận sự việc của vài trăm năm trước.

Thạch Hổ dùng ngựa trạm để đưa Ma Nhu trở về huyện cũ, khi đã ra khỏi ngoài thành, liền từ tạ và nói có thể đi bộ, bảo rằng:

- Ta có chỗ qua không tiện, đến tại cầu Hiệp khẩu Ma Nhu đã có ở trên cầu, xét về đi bộ của Ma Nhu tợ như bay vậy.

Thách Hổ thường ngủ ngày, mộng thấy bày dê mang cá từ Đông nam lại, lúc tỉnh giấc liền hỏi Đồ Trừng. Đồ Trừng bảo:

- Đó là điềm bất tường vậy. Tiên Tỳ có tại Trung nguyên ư? Về

sau, quả thật dòng họ Mộ Dung cũng đến đó.

Đồ Trừng cùng với Thạch Hổ lên Trung đường, bỗng nhiên Đồ Trừng kinh ngạc bảo:

- Ở U châu đang có hỏa hoạn.

Liền lấy rượu để rải, giây lát sau người bảo:

- Đã cứu được rồi.

Thạch Hổ sai người đến U châu thử nghiệm, trở về bảo:

- Vào ngày đó lửa ở bốn cửa thành đều bốc cháy từ phía Tây nam nhưng lại có mây đen kéo lại nhóm mưa dập tắc, trong nước mưa phảng phất như có mùi rượu.

Tháng 7 năm Kiến Vũ thứ 14 (), trong thời Thạch Hổ, Thạch Tuyên, Thạch Thao bày mưu cùng giết hại nhau. Bấy giờ, Thạch Tuyên đến chùa, cùng Đồ Trừng ngồi trên Phù đồ, bỗng nhiên linh kêu lên, Đồ Trừng hỏi Thạch Tuyên:

- Có hiểu âm thanh của linh nói gì chăng? Tiếng linh nói: Hồ Trể lạc độ.

Thạch Tuyên đổi sắc mặt nói:

- Vậy là nói sao?

Đồ Trừng nói lãng rằng:

- Lão Hồ làm đạo không thể ở núi, không nói quý trọng đem chiếu mỹ phục, há chẳng phải lạc độ ư?

Thạch Thao đến sau, Đồ Trừng nhìn kỹ giây lâu, Thạch Thao sợ bèn hỏi, Đồ Trừng bảo rằng:

- Quái lạ, ông có máu xấu, nên cũng nhìn kỹ!

Đến tháng tám, Đồ Trừng bảo mười vị đệ tử cùng ăn chay tại thất riêng. Bấy giờ, Đồ Trừng tạm vào Đông các, Thạch Hổ cùng Hoàng hậu họ Đỗ đến thăm hỏi, Đồ Trừng bảo:

- Dưới sườn (hông) có giặc, nội trong mười ngày, từ Tôn tượng Phật này hướng về phía Tây; từ chánh điện này hướng về phía Đông sẽ có đổ máu, cẩn trọng chớ đi về hướng Đông.

Hoàng hậu bảo:

- Hòa thượng già vậy, nơi nào có giặc?

Đồ Trừng bèn dịch nghĩa, bảo:

- Chỗ thọ nhận của sáu tình thảy đều là giặc, lão tự đã già, khiến bọn tuổi trẻ chớ mê lầm.

Nhân tiện dùng ngụ ngôn chẳng đáp lại. Sau đó hai ngày, quả thật Thạch Tuyên sai người giết hại Thạch Thao ngay trong chùa Phật, Thạch Tuyên muốn nhân đó mời Thạch Hổ đến dự tang để mưu đồ đại

nghịch. Thạch Hổ vì trước nhờ Đồ Trừng đã khuyên răn nên được thoát khỏi. Đến lúc sự việc của Thạch Tuyên bại lộ nên bắt được, Đồ Trừng khuyên răn Thạch Hổ:

- Đã là con của bệ hạ, sao lại chồng chất thêm họa? Bệ hạ xả bỏ hận thù mà trải lòng Từ thì còn có thể sống ngoài sáu mươi tuổi, còn quyết giết Thạch Tuyên, thì nó sẽ làm sao chổi xuống quét sạch nghiệp cung vậy.

Thạch Hổ chẳng vâng theo, dùng dùi sắt đâm xuyên cổ Thạch Tuyên, chất củi, khiên để lên trên mà thiêu đốt, bắt các quan thuộc của Thạch Tuyên hơn ba trăm người, đều cắt xé phân chia ném xuống sông Chương. Đồ Trừng bảo đệ tử dẹp bỏ trai pháp tại thất riêng.

Sau, hơn một tháng, có một con yêu mã lông tóc đuôi đều có tướng trang bị thiêu cháy, chạy vào cửa Trung dương ra cửa Hiển dương, Đông Thủ Đông Cung đều không được vào, chạy theo hướng Đông bắc, bỗng chốc không thấy nữa. Đồ Trừng nghe thế, than rằng:

- Tai họa ấy đã đến rồi!

Đến tháng 11, Thạch Hổ thết đãi quần thần trước điện Đại vũ, Đồ Trừng ngâm rằng:

- Điện ư! Điện ư! Cây gai thành rừng, sắp hoại áo người!

Thạch Hổ lật đá dưới điện để xem, quả thật có gai có mọc. Đồ Trừng trở về chùa, nhìn tượng Phật tự bảo: “Buồn hận không được trang nghiêm”. Nói riêng một mình rằng: “Được ba năm ư?”

Tự đáp: “Chẳng đước! Chẳng đước!” Lại nói: “Được hai năm ư? Một năm, trăm ngày, một tháng ư?” Rồi tự đáp “Không được”. Và không nói nữa, trở lại phòng, nói cùng đệ tử Pháp Tợ rằng:

- Năm Mậu Thân (348), họa loạn sắp dấy khởi, năm Kỷ Dậu (349), họ Thạch sẽ bị diệt mất. Ta nên đi trước lúc họa loạn chưa đến.

Bèn sai người đến từ biệt Thạch Hổ rằng:

- Vật lý hẳn đổi đời, thân mạng khó bảo toàn, thân mang đạo soi sáng đổi thay thời kỳ ra đi đã đến. Đã mang đội ơn sâu nặng nên ngược lại tạ từ ngưỡng mong xét biết.

Thạch Hổ buồn thương bảo:

- Nghe Hoàng thượng có bệnh, mới vội bảo người đến cáo chung.

Liền tự ra chùa cung an ủi thăm hỏi, Đồ Trừng nói cùng Thách Hổ:

- Vào ra sinh tử là việc thường của đạo vậy. Tu phận ngắn đã định, chẳng phải chỗ có thể kéo dài ra. Phàm đạo trọng ở hạnh được chu

toàn, khách quý ở điều không biếng nhác. Nếu hạnh nghiệp tiếc tháo không khuyết thiếu thì tuy mất mà vẫn như còn. Trái lại mà được lâu dài thì đó chẳng phải điều ước nguyện. Nay đây ý thật chưa cùng tận, vì nước nhà tâm còn Phật lý, phụng pháp không luận tiếc, tạo lập chùa miếu phùng kính phô hiển nghiêm lệ. Xứng với đức đó vậy nên hưởng phước chỉ. Còn bổ chánh mãnh liệt, xử hình thì lạm, phô bày trái với thánh điển, đen tối ngược với giới pháp, nếu chẳng từ răng thay đổi lo nghĩ ân tuệ cùng với muôn dân thì vận nước sẽ lâu dài và kẻ tăng người tục đều mừng tri ân. Đến lúc mạng tận nhắm mắt lìa đời, không để lại ân hận."

Thạch Hổ buồn khóc nghẹn ngào, biết rằng Đồ Trừng sẽ viên tịch. Liền đục đá xây dựng mộ phần, đến tháng 12 ngày mồng 8, Đồ Trừng viên tịch tại chùa Nghiệp cung, hưởng thọ 117 tuổi. Năm đó nhằm năm Vĩnh Hòa thứ 4 (348), đời vua Mục đế, nhà Đông Tấn. Tất cả quan dân sĩ thứ buồn thương khóc thảm thiết khắp nước. Lễ hạ quan an táng tại Tử mạch phía Tây Lâm chương, tức chỗ mà Thạch Hổ đã tạo lập phần mộ.

Bổng chốc Lương độc tác loạn, năm sau Thạch Hổ băng hà. Nhiễn Mẫn soán diệt dòng họ Thạch đều hết. Mẫn thưa nhỏ tự là gai nô, trước kia Đồ Trừng nói: Cỏ gai thành rừng" cũng chính là đó.

Bên cạnh vú trái của Đồ Trừng từ trước có một lỗ hổng chu vi khoảng năm, sáu phân suốt thông trong ruột. Có lúc ruột già từ trong ra, hoặc dùng bông bít lỗ lại, đến tối đọc sách liền gỡ bông ra thì đó là một cái thất rỗng sáng. Đến ngày trai thì đến bên nước dẫn ruột già ra tẩy rửa, xong rồi đặt trở lại bên trong. Đồ Trừng thân cao tám thước, dáng dấp rất đẹp, giỏi hiểu kinh sâu, bên cạnh đó, tinh thông thế luận. Hằng ngày giảng nói nêu bày chính tông, khiến lời văn trước sau tỏ rõ dễ hiểu. Lại thêm, lòng từ rải khắp quần sinh, cứu giúp nguy khổ. Đương thời, Thạch Lặc, Thạch Hổ hai người hung tàn, bạo ngược, ác hại phi đạo. Nếu không cùng thời có Phật Đồ Trừng thì ai có thể khuyên răn! Chỉ vì trăm họ đôi bên, hằng ngày giao tiếp mà không ai hay biết.

Các vị Phật Điều, Tu-bồ-đề... vài mươi danh Tăng xuất phát từ Thiên Trúc, Khương Cư, chẳng xa vài dặm đường, lội bộ vượt qua Lưu sa tìm đến Đồ Trừng để lãnh thọ giáo huấn. Thích Đạo An ở Phiền miện, Trúc Pháp Nhã ở Trung sơn đều băng sông vượt ải, đến nghe Đồ Trừng giảng đạo. Và thảy đều diệu đạt tinh lý nghiên cứu suốt cùng áo nghĩa. Phật Đồ Trừng tự nói: "Từ chỗ sinh ra cách đất Nghiệp hơn chín dặm, bỏ nhà vào đạo một trăm lẻ chín năm. Rượu chưa từng dính răng,

quá giờ ngọ không ăn, trái giới không hưởng, vô dục vô cầu. Những người thọ học tìm theo thường có vài trăm trước sau khoảng chừng một vạn. Trải qua các châu huyện dựng lập chùa Phật có tám trăm mười ba ngôi". Sự thạnh hành của việc hoằng pháp từ trước chưa ai bằng Đồ Trừng.

Khi Đồ Trừng mới viên tịch, Thạch Hổ đem tích trượng và bình bát của Đồ Trừng liệm theo trong quan. Sau, Nhiễm Mẫn soán ngôi, khai quật mộ phần mở quan ra chỉ thấy bình bát và tích trượng chứ không có thi thể. Có thuyết nói rằng: "Tháng mà Phật Đồ Trừng viên tịch, có người thấy Đồ Trừng ở Lưu sa, Thạch Hổ nghi Đồ Trừng chẳng viên tịch, nhân đó phá mộ mở quan để xem thì chỉ thấy một viên đá. Thạch Hổ bảo:

- Đá tức là trẫm vậy! Đồ Trừng vùi chôn ta mà đi!

Sau đó không lâu, Thạch Hổ qua đời. Sau nữa Mộ Dung Tuyển đến Nghiệp đô, xử Thạch Hổ tại trong cung, bỗng thấy Thạch Hổ cắn vào cánh tay, ý cho rằng Thạch Hổ là quý trọng, mới rộng tìm thấy thi thể của Thạch Hổ ở Đông minh quán, đào bới được thây chết khô cũng chẳng hủy rã, Tuyển Nhẩm đạp lên thây chết, mắng chửi rằng:

- Mày đã chết sao dám khủng bố Thiên tử đang sống? Ngươi làm thành cung điện mà bị con ngươi bày mưu phá hại, huống hồ người khác ư?

Mộ Dung Tuyển đánh roi hủy nhục rồi ném sông Chương, thây xác bắn vào trụ cầu không trôi đi. Tướng nhà Trần là Vương Mãnh mới lượm nhặt mà chôn cất. Đó là điều mà trước kia Ma Nhu đã nói là "Dưới một cột trụ của điện hạ" là vậy. Sau, Tần Phú Kiên Chinh phạt đất Nghiệp, con của Mộ Dung Tuyển làm đại tướng của Phú kiên xây thành Thần Hổ chấp thật chiêm nghiệm trước mộng về Thạch Hổ.

10. Phật Điều

Trúc Phật Điều, chưa rõ là người thuộc giòng tộc nào, phụng thờ Phật Đồ Trừng làm thầy, trú tại chùa Trường sơn nhiều năm, chuyên cần thuần phát chẳng phô bày nói năng. Người thời bấy giờ rất lấy đó làm cao quý.

Tại Trường sơn, trong những người kính trọng Phật pháp, có hai anh em nhà nọ nhà ở cách xa chùa cả trăm dặm. Vợ của người anh bị ốm nặng, chở đến ở cạnh chùa để gần gủi thầy thuốc chữa trị. Người anh đã tôn thờ Trúc Phật Điều làm thầy, nên sáng sớm thường ở trong chùa học hỏi hành đạo. Một ngày nọ, bỗng nhiên, Phật Điều đến nhà

của hai anh em nhà đó, người em hỏi thăm bệnh tật của chị dâu ra làm sao và người anh có được yên ổn chăng. Phật Điều bảo:

- Bệnh chỉ đơn sơ thôi, còn anh của ngươi cũng như thường.

Phật Điều đi rồi, người em cũng đánh ngựa đi tiếp, nói với người anh là hồi sáng sớm, Phật Điều có lại nhà. Người anh kinh ngạc bảo:

- Hòa thượng từ sáng sớm chưa ra khỏi chùa, sao em thấy được tôn dung của người?

Hai anh em tranh cãi nhau, đem hỏi Phật Điều. Phật điều chỉ cười mà không đáp, mọi người đến lấy làm lạ.

Phật điều thương một mình vào rừng sâu một năm hay nửa năm, mang theo vài đấu cơm khô, đến lúc trở về thường còn lại. Có người thử theo Phật Điều vào rừng khoảng vài trăm dặm, chiều tối tuyết phủ xuống, Phật Điều vào trong hang đá trú ẩn qua đêm tại hang cọp, lúc trở về cọp nằm trước cửa hang, Phật Điều nói với cọp:

- Ta chiếm chỗ của ngươi, thật hổ thẹn làm sao!

Cọp bèn cụp tai bỏ xuống núi. Người đi theo thấy vậy rất sợ hãi.

Sau, Phật Điều tự biết ngày sắp viên tịch, mọi người xa gần đều đến, Phật Điều nói với họ rằng:

- Trời đất lâu dài còn có lúc băng hoại, huống gì người vật mà mong cầu trường tồn vĩnh cửu sao? Nếu thường tẩy trừ ba thứ cấu bẩn, chuyên tâm chân tịnh thì thần số tuy trái nghịch nhưng thần hội ắt cũng hợp nhau.

Mọi người đều rơi lệ cố thỉnh cầu, Phật Điều bảo:

- Thân mạng sinh tử ai có thể thỉnh cầu?

Nói xong, Phật Điều trở về phòng, an nhiên tĩnh tọa, dùng y mà phủ lên đầu mà thị tịch. Sau đó vài năm, có tám vị đệ tử tại gia của Phật Điều vào Tây sơn đốn củi, bỗng nhiên thấy Phật Điều ở trên đỉnh núi cao, y phục mới đẹp sáng rỡ, dung nghi vui vẻ, mọi người vừa sợ vừa mừng cúi đầu đảnh lễ, thưa:

- Hòa thượng vẫn còn trụ thế ư?

Phật Điều bảo:

- Ta vẫn thường còn vậy!

Hỏi đủ biết mọi việc cũ chăng, giây lâu mới đi. Tám người đều bỏ công việc trở về nhà, đến nói với những người đồng đạo. Mọi người không biết lấy gì để nghiệm xét, bèn cùng nhau quật tháp mở quan tài, không thấy có thi thể, chỉ có y và giày tại đó thôi.

11. Pháp Tuệ

Trúc Pháp Tuệ vốn người xứ Quan trung, ngay thẳng, có giới hạnh, vào Tung Cao Sơn phụng thờ Phù Đồ Mật làm thầy.

Năm Kiến Nguyên thứ nhất (343), đời vua Khang Đế, nhà Đông Tấn, đến Tương dương, dừng ở tại chùa Dương thúc tử, chẳng thọ biệt thỉnh, thường ngày chuyên đi khất thực. Thường mang theo giường dây, tùy chỗ đường rộng rãi tự bày ra mà ngồi, nếu gặp lúc trời mưa, dùng áo choàng dầu tụ che trùm, đến lúc mưa tạnh, chỉ thấy giường dây, không biết Pháp Tuệ ở đâu, mọi người hỏi thăm chưa dứt lời thì Pháp Tuệ đã có mặt tại giường.

Ngày nọ, Pháp Tuệ nói với đệ tử Pháp Chiếu rằng:

- Ở đời trước, ông bẻ gãy chân con gà, ương báo đó nay đang tìm đến.

Bỗng chốc, Pháp Chiếu bị người đánh, nên chân bèn thành cổ tật. Sau, nói cùng các đệ tử:

- Trong cánh đồng mới, có cụ già sắp qua đời, ta muốn cứu độ ông ta.

Liền đi đến bên bờ ruộng, quả thật thấy một ông già đang dắt trâu cày ruộng. Pháp Tuệ tìm đến bên ông già ấy xin trâu. Ông ta không cho, Pháp Tuệ bước tới trước, tự nắm lấy mũi trâu, ông già hoảng sợ việc làm khác thường đó, bèn hứa cho trâu. Pháp Tuệ vừa dẫn trâu đi vừa chú nguyện, đi bảy bước rồi dẫn trâu trả lại ông ta. Sau đó ít ngày, cụ già ấy qua đời.

Sau, chinh Tây Canh Trỉ cung trấn tại Tương dương, vốn đã không kính phụng chánh pháp, nghe Pháp Tuệ có các sự tích phi thường, càng rất ganh ghét. Pháp Tuệ nói cùng các đệ tử:

- Ta nghiệp xưa của ta đang tìm đến!

Răn khuyên quyến thuộc, phải chuyên cần tu tập phước thiện. Quả thật sau đó hai ngày, Pháp Tuệ bị bắt và hành xử. Pháp Tuệ hưởng thọ năm mươi tám tuổi.

Đến lúc sắp tịch, Pháp Tuệ nói cùng các đệ tử:

- Sau ba ngày ta chết, trời sẽ mưa lớn.

Đến kỳ hạn, quả thật mưa lớn như thác đổ, khắp các cửa thành nước sâu một trượng. Cư dân bị chìm đắm, có nhiều người chết.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 2

12. Thần tăng Đạo An

Thần tăng Thích Đạo An, dòng họ Vệ, người xứ Phù liễu, Thường sơn. Gia đình vốn nhà Nho học. Song thân mất sớm, Đạo An được người anh bên ngoại nuôi dưỡng.

Năm lên bảy tuổi, ngài đọc sách, xem lại có thể tụng thuộc lòng, mọi người trong xóm làng đều ngợi khen khác lạ. Năm mười hai tuổi, ngài xuất gia, thần thánh thông mẫu. Tướng mạo thấp lùn xấu xí, Đạo An không được thầy thương mến. Sau vài năm, ngài trình thưa thầy, cầu xin học kinh, thầy đưa kinh Biện Y, 1 quyển, khoảng năm ngàn lời. Ngài mang kinh vào ruộng, nhân lúc nghĩ ngơi thì xem đọc, chiều tối trở về, đem kinh trả lại thầy và cầu xin đọc kinh khác. Thầy bảo:

- Kinh hôm qua chưa đọc, sao lại cầu xin kinh khác?

Ngài đáp:

- Xin để tối tụng đọc.

Thầy tuy lấy đó làm lạ nhưng còn chưa tin, lại trao cho kinh, 1 quyển, không dưới một vạn lời, ngài mang kinh đi, cũng như trước, đến chiều đem trả lại thầy. Thầy nắm kinh dò, ngài đọc lại không sai sót một chữ, thầy ngài vô cùng kinh ngạc và ngợi khen, kính mến khác thường.

Sau khi thọ giới Cụ túc, ngài được đi học, đến đất Nghiệp, gặp Phật Đồ Trừng, nhân đó, Ngài phụng thờ Phật Đồ Trừng làm thầy. Đến khi cha con dòng họ Thạch sắp nhiễu loạn, ngài cùng với đệ tử là Tuệ Viễn... hơn bốn trăm người vượt qua sông đi về hướng Nam. Đến tối, gặp cơn mưa gió lớn sấm sét vang trời, ngài nương theo ánh chớp sáng mà đi tới trước. Đi gặp được một nhà người, thấy trong cửa có một cây liễu to lớn, khoảng giữa cây liễu treo một cái mũ có thể dung chứa được một hộc. Đạo An bảo gọi:

- Lâm Bá Thăng.

Người chủ kinh hãi chạy ra, quả thật là họ Lâm, tên là Bá Thăng.

Bá Thăng cho đó là Thần nhân, bèn cung nghênh tiếp đãi nồng hậu. Vậy rồi, các đệ tử hỏi:

- Làm sao biết được tên họ người ấy?

Ngài bảo:

- Hai cây thành rừng, mũ dung chứa trăm.

Khi tới Tương dương, lại hoằng dương Phật pháp. Bấy giờ, tại Tương dương, có Tập Tạc Xỉ là người có tài biện luận bèn nhạy vượt xa người thường, là nơi gom góp kiến thức ở đương thời, ông ta trước đã nhẫm xéo, an phận với cao danh. Đến khi nghe Đạo An đến ở, liền đến tu sữa rất tháo vác. Vừa ngồi yên, bèn xưng liền:

- Từ Hải Tập Tạc Xỉ.

Đạo An đáp lại:

Di Thiên Thích Đạo An.

Người thời bấy giờ lấy làm danh đáp.

Đạo An chú giải các kinh, sợ không hợp lý mới phát lời thề rằng:

- Nếu chỗ nói không trái với lý mầu, xin nguyện được thấy điềm tốt lành.

Ngài bèn thấy một đạo nhân đầu bạc lông mi dài, nói với ngài rằng:

- Kinh điển của ngài chú giải rất hợp với đạo lý. Tôi không được vào Niết-bàn, ở tại Tây Vực, sẽ cùng ngài giúp thông.

Đến giờ thì thiết trai thọ thực. Sau, bộ thập tụng luật truyền đến, Tuệ Viễn mới biết vị Hòa thượng gặp trong mộng chính là Tôn giả Tân-đầu-lô.

Sau, đến thời nhà Trần, năm Kiến Nguyên thứ 21 (), ngày 27 tháng giêng, bỗng có một vị Tăng xa lạ, hình trông rất xấu xí, đến chùa xin ở nhờ qua đêm. Vì các phòng trong chùa đều chật hẹp nên để vị đó ở tại giảng đường. Lúc đó, vị Duy na trực chánh điện, ban đêm thấy vị Tăng từ sau cửa song mà ra vào, liền trình cùng Đạo An. Đạo An kinh hãi đứng dậy đảnh lễ thăm hỏi ý. Người lại đây. Vị Tăng đó đáp:

- Cùng vì mà lại!

Ngài nói:

- Tự duy tội sâu nặng há có thể độ thoát?

Đáp:

- Rất có thể thoát vậy!

Ngài thưa hỏi chuyện lai sinh và chỗ sinh sống. Vị Tăng ấy đưa tay khoát rỗng về phía Tây bắc giữa trời, liền thấy mây vén mở, thấy đủ quả báo ở cung trời Đâu-suất diệu thắng. Lại bảo:

- Phải tắm rửa Thánh tăng mới thành quả sở nguyện.

Chỉ bày đủ pháp thức tắm rửa. Sau, ngài thiết bày tháp tắm rửa, thấy khoảng vài mươi đứa trẻ chạy vào chùa, phút chốc chỉ nghe tiếng sử dụng nước tắm rửa trong thất, lâu sau không thấy gì nữa, mở thất ra thì thấy khăn ước nước có sử dụng.

Ngày mồng 8 tháng 2 năm đó, bỗng nhiên ngài bảo chúng rằng:

- Tôi sắp đi đây!

Sau khi thọ trai xong, không bệnh gì mà viên tịch, an táng ngài tại trong chùa Ngã cấp, thành Nội. Năm đó nhằm năm Thái Nguyên thứ 10 (385), đời Đông Tấn.

13. Thần tăng Đàm Du

Trúc Đàm Du, có thuyết gọi là Pháp Du, Ngài người xứ Đôn hoàng. Thuở thiếu thời khổ hạnh tu tập thiền định, sau đi đến Giang tả dừng ở núi Thạch thành, đất Diệm, chuyên hành khất thực, tọa thiền. Ngài từng đến một nhà Cổ độc để khất thực, sau khi chú nguyện xong, bỗng thấy con rết từ trong thức ăn nhảy ra, ngài vẫn an nhiên thọ thực như không gì khác.

Sau, dời đến núi Thỉ phong xích thành, tọa thiền tại một thạch thất, hổ dữ khoản vài mươi con đến ngồi xổm trước mặt, ngài vẫn tụng kinh như cũ. Riêng có một con nằm ngủ, ngài bèn dùng chuỗi như ý gõ vào đầu nó, bảo:

- Sao không nghe kinh?

Chốc lát, cả bày hổ cùng đứng dậy bỏ đi. Trong khoảng khắc lại có bầy rắn xuất hiện, lớn độ mươi viên, nó lần lược qua lại, ngẩn đầu hướng đến ngài, qua hơn nửa ngày, chúng lại bỏ đi.

Sau một ngày nọ, có vị Thần hiện hình đến thưa cùng Pháp Du:

- Pháp sư oai đức tôi đã kính trọng, nay đến dừng ở núi này, đệ tử xin nhường thất để cúng dường ngài.

Pháp Du bảo:

- Bần đạo tìm đến núi, nguyện được cùng tụ hội, cớ sao chẳng chung ở?

Vị thần thưa:

- Đối với đệ tử thì không sao cả. Chỉ nhóm bộ thuộc chưa thấm nhuận Pháp Hoa, cuối cùng khó mà chế ngữ. Những người từ phương xa qua lại hoặc cùng đụng chạm, người và thần khác lạ vì thế nên xin đi.

Ngài bảo:

- Ông vốn là thần gì? Ở đâu đã bao lâu? Nay muốn dời đến xứ

nào?

Vị thần ấy đáp:

- Đệ tử là con của Hạ đế, ở tại núi này hơn hai ngàn năm. Núi Hàn thạch là nơi cậu của đệ tử đang ngự trị, nên xin dời đến đó ở.

Nói rồi, thần lại tìm trở vào trong miếu khuất. Đến ngày từ biệt, thần chấp tay, tặng Pháp Du ba hợp hương thơm, từ đó đánh bao dao, thổi sừng, lước mây mà đi.

Thiên Thai là núi treo cao, ven sườn núi đá lởm chởm đỉnh cao thương thông với trời. Những người già xưa tương truyền rằng: “Tại trên đỉnh có tinh xà tuyệt đẹp, người đắc đạo ở trên đó. Tuy có cầu đá gác qua khe, mà đá nhọn lởm chởm cắt người. Vả lại, rêu xanh trơn nhẫn, từ xưa đến nay chưa ai đến đó được”. Pháp Du đi đến cầu đá, nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Biết ông thực sự dốc chí nhưng nay chưa được vượt qua. Hãy trở về, mười năm sau sẽ tự lại vậy!

Ngài buồn bả đi lui, trên đường ngang qua một thạch thất, bèn vào đó dừng nghỉ. Bỗng chốc sương mù tối sầm kín ngịt, trong thất có tiếng kêu vang, thần sắc của ngài vẫn không đổi khác. Sáng sớm thấy một người mặc áo đen đi lại bảo:

- Đây là chỗ ở của kẻ tớ, không ai đi vắng, trong nhà bèn có tiếng quấy động rất lấy làm thẹn!

Đạo Du bảo:

- Nếu đây là nhà ông, tôi xin trao trả lại.

Vị thần ấy nói:

- Gia đình kẻ tớ đã dời khỏi thất, xin thỉnh ngài nên trú ở.

Trong niên hiệu Thái Nguyên (376-397), đời Đông Tấn, có yêu tinh xuất hiện, vua Hiếu Vũ Đế ban chiếu đi khắp các nước, thỉnh mời những bậc Sa-môn đức hạnh; tinh cầu Phật sự để sám cầu tiễn trừ tai ương. Đạo Du chí thành nguyện cầu cảm cách thần minh, đến sáng sớm ngày thứ 6, thấy có một đứa trẻ mặc áo xanh đến xin sám hối lỗi quá, thỏa rằng:

- Con ngang bướng, làm khổ Pháp sư!

Đêm đó, yêu tinh lui mất.

Khoảng cuối niên hiệu Thái Hòa (), ngài thị tịch ở Sơn thất, nhục thân còn như lúc bình sinh mà khắp thi thể đều đổi màu xanh lục. Sau đó, có người vào núi, lên đỉnh cao, thấy nhục thể ngài vẫn không rã mục.

14. Thần tăng Đàm Đực

Thích Đàm Đực vốn dòng họ Diêu, người xứ Rợ Khương. Năm mười sáu tuổi xuất gia, phụng thờ ngài Đạo An làm thầy, trú tại chùa Đàn khê.

Thời Đông Tấn Quan Trường Sa thái thú Tất Xá Chi ở Giang lăng bỏ gia nghiệp để tạo dựng chùa. Thưa cùng ngài Đạo An xin thỉnh một vị Tăng về hoằng đạo. Ngài Đạo An nói với Đàm Đực:

- Dân chúng ở Kinh sở bắt đầu muốn tạo lập tông sư. Người thành tựu được phong hóa ấy nếu chẳng phải ông thì ai?

Đàm Đực liền chống tích trượng đi tới phương Nam tạo dựng chùa viện. Sau khi đến, giặc Việt phong tủa xâm lăng Hán nam, khắp xứ Giang lăng đều đóng chặt, lánh nạn nên đến Thượng minh. Ở đó, ngài tạo dựng lại chùa chiền, đến lúc giặc cướp không còn, ngài trở lại Giang lăng trùng tu chùa Trường sa.

Với tâm nguyện thành kính cầu thỉnh liền được cảm ứng xá-lợi đựng đầy bình vàng đặt tại trai tòa. Ngài đảnh lễ phát thệ nguyện rằng: “Nếu thật là Kim cang dư âm, xin nguyện tỏa phóng quang minh”. Nửa đêm, có ánh sáng năm sắc từ trong bình phóng ra chiếu soi khắp ngôi nhà. Đại chúng kinh sợ ngợi khen, ai cũng nén lòng trước sự thần biến của ngài.

Sau, vào núi Ba lăng quân chặt cây gỗ, gặp rắn trắng vài mươi con nằm ngang ngăn cản đường đi, Ngài bèn trở về lại chỗ ở, mới nói với thần núi rằng:

- Tôi muốn chặt cây gỗ để xây dựng chùa, mong rằng cùng tu tạo công đức!

Đêm đó, Ngài mộng thấy thần nhân đến bảo rằng:

- Pháp sư vì Tam bảo, phải nên tùy hỷ, chứ đừng khiến những kẻ khác vọng trộm chặt phá.

Sáng sớm lại lên đường rất bình an. Từ đó chặt những cây ven dòng mà đem xuống, trong số đó có những người đi chặt cây không khỏi có kẻ sinh tâm trộm riêng. Khi về đến chùa đem cây gỗ cho Đàm Đực xong rồi, còn các kẻ trộm riêng đều bị quan bắt lấy. Thật cảm kích như vậy.

Ngài thường than: “Ở chùa Tăng chúng đông đủ mà vẫn còn thiếu tôn tượng. Xưa kia, đại đế A-dục tu tạo các tôn tượng thần diệu tốt lành đều ban bố ở khắp mọi nơi, sao ngài không thể không thỉnh cầu đến!” Liền mời đến quả thật thành cảm ứng. Năm Thái Nguyên thứ 19 (394), đời Đông Tấn; nhằm ngày mồng 08 tháng hai năm Giáp Ngọ, bỗng có

một tôn tượng hiện ở Bắc thành, ánh sáng chiếu suốt lên trời. Lúc đó, Tăng chúng chùa Bạch mã đến muốn nghênh đón thỉnh về mà không thể làm cho tượng chuyển động, ngài mới đến đó lễ cầu. Nói với mọi người rằng:

- Đang lúc tôn tượng của đại đế A-dục Vương ban giáng cho chùa Trường sa chúng ta!

Liền bảo ba vị đệ tử cùng bưng thỉnh, quả thật đi trong nhẹ nhàng, thỉnh đón về chùa. Kẻ Tăng người tục đua nhau kéo đến, xe ngựa tấp nập.

Sau Thiền sư Tăng-già Nam-Đà, người nước Kế Tân từ đất Thục xuống, vào chùa lễ bái, thấy trên ánh sáng của tôn tượng có nhữ Phạm, bèn hỏi:

- Đây là tôn tượng của đại đế A-dục vương, đến đây hồi nào vậy?

Người bấy giờ nghe nói như thế mới biết sự hiệu nghiệm của Đàm Đực.

Năm tám mươi hai tuổi, ngài viên tịch, viên quang tôn tượng lặng lẽ biến hóa, chẳng biết đi về phương nào. Kẻ Tăng người tục đều cho rằng đó là sự cảm thông của Đàm Dực vậy.

15. Thần tăng Đàm Thỉ

Thích Đàm Thỉ, người xứ Quang trung. Từ ngày xuất gia trở về sau, có nhiều kỳ tích.

Khoảng cuối niên hiệu Thái Nguyên (397), thời vua Hiếu Vũ Đế, đời Đông Tấn, Ngài mang kinh luật vài mươi bộ đến Liêu Đông tuyên dương hoằng hóa, bày trao truyền thừa giáo pháp, thiết lập quy giới. Đến đầu niên hiệu Nghĩa Hy (405), ngài lại trở về Quang trung, đã ba lần giúp đỡ mọi người. Lòng bàn chân Đàm Thỉ sắc trắng, tuy lội đạp trong bùn nước nhưng chưa từng thấm ướt. Thiên hạ đều tôn xưng ngài là: “Hòa thượng Bạch Túc” (chân trắng).

Bấy giờ, tại Tường an, có Vương Hồ, chú ruột của Vương Hồ đã chết khoảng vài năm, bỗng nhiên thấy hình trở về dẫn Vương Hồ đi khắp các địa ngục và chỉ cho thấy các quả báo. Khi Vương Hồ từ biệt trở về, người chú ấy nói với Vương Hồ rằng: “Đã biết rõ nhân quả như thế, thì phải nên phụng thờ Bạch Túc A Luyện”. Vương Hồ đi hỏi chúng Tăng. Chỉ thấy ngài là người có bàn chân sắc trắng. Nhân đó mà phụng thờ Đàm Thỉ làm thầy.

Đến cuối thời Đông Tấn (420), bọn hung nô nổi dậy hùng hổ đánh

cướp Quang trung, chém giết vô số. Bấy giờ, ngài bị hại mà dao mác không thể làm tổn thương, tiếng kinh lạ đùng đùng vang khắp. Sa-môn Phổ Xá đều bị giết hại. Từ đó, ngài ẩn lánh trong núi Chầm tu hạnh Đầu-đà. Sau đó, Thác Bạt Đào (Thái Vũ Đế (424- 452) đời Bắc ngụy) đánh lấy lại Trường an, bành trướng uy quyền khắp cả Quan trung, Lạc dương. Bấy giờ, có Thôi Hạo ở Bác lăng, thuở thiếu thời theo học tả đạo, khinh ghét Phật giáo, khi đã ở địa vị Ngụy Phụ, Thôi Hạo rất được Thác Bạt Đào tin cậy, mới cùng Đại sư Khấu Khiêm Chi cho rằng: "Hoàng đế dùng đạo Phật hoằng hóa, không ích lợi cho đời mà còn làm thương tổn người và vật, xin hãy phá dẹp đi". Thác Bạt Đào đã bị mê hoặc bởi lời nói đó, đến năm Thái Bình thứ 7 (447), liền tiêu diệt Phật pháp, phân sai quân lính cướp đất chùa viện, tóm bắt Tăng ni, phải bỏ đạo, những ai chạy trốn, đều sai người bắt và đem chém đầu, khắp mọi nơi không còn bóng dáng các vị Sa-môn.

Ngài quyết không lui tới chốn binh đao giặc giã.Đến cuối niên hiệu Thái bình (451), Ngài biết thời vận của Thác Bạt Đào đến lúc tàn rụi. Nhân ngày nguyên hội, ngài chống tích tượng đến cửa quan, có quan Ty tâu rằng: "Có vị Đạo nhân chân trắng từ cửa theo vào". Bạt Đào sai bảo y theo quân pháp mà chém giết, song không thương tổn, vội tấu trình lại cùng Bạt Đào. Bạt Đào tức giận đùng đùng tự tay rút kiếm chém bừa trên thân thể của ngài nhưng vẫn không hề hấn gì, chỉ chỗ lưỡi kiếm chạm thì có vết sẹo như bong đỏ. Bấy giờ, vườn ở phía Bắc có chuồng nuôi hổ dữ, Thác Bạt Đào ban đêm ban tặng cho hổ ăn. Các con hổ dữ nép phục, trọn không dám tới gần, Bạt Đào lại đem Thiên sư Khấu Khiêm Chi đến gần chuồng, hổ liền gầm la.

Từ đó, Thác Bạt Đào mới biết Phật tôn quý cao vời, hoàng lão không thể sánh kịp, liền mời ngài lên điện, đảnh lễ dưới chân ngài, cầu xin sám hối những lỗi lầm trước kia. Ngài vì Bạt Đào giảng giải chánh pháp, biện rõ nhân quả. Bạt Đào sinh lòng hổ thẹn; sợ hãi, bèn chiêu cảm bệnh dịch. Còn Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi hai người cùng lần lượt phát bệnh dữ. Cuối cùng không biết ngài đi về phương nào.

16. Thần tăng Pháp Hiển

Thích Pháp Hiển, vốn dòng họ Cung, người xứ Vỏ dương, Bình dương, có ba người anh đều chết từ thuở còn bé. Thân phụ ngài lo sợ họa ấy ảnh hưởng đến ngài, nên năm lên ba tuổi, bèn độ cho làm Sa-di, sống ở tại nhà vài năm, gặp cơn bệnh nặng muốn chết. Nhân đó liền đưa đến chùa, ngủ qua hai đêm, bệnh liền lành, ngài chẳng chịu về nhà.

Năm lên mười tuổi, gặp chịu tang thân phụ. Chú ruột ngài bảo rằng:

- Mẹ ngài ở góa độc thân, không người kế thừa.

Ép buộc ngài hoàn tục. Ngài nói:

- Vốn chẳng vì có cha mà xuất gia, chính vì muốn xa lìa trần tục nên nhập đạo!

Chú ruột lấy làm phải từ lời nói ấy, bèn thôi. Trong khoảng thời gian ngắn, ngài lại phải chịu tang thân mẫu! Chí tánh ngài vượt trội mọi người, mãng tang xong, ngài liền trở lại chùa.

Ngài cũng từng cùng các bạn đồng học cắt lúa trong đồng ruộng. Bấy giờ, có bọn giặc đói muốn cướp đoạt số lúa thóc đó, các vị Sa-di thảy đều bỏ chạy, chỉ còn một mình pháp hiển còn ở lại. Ngài nói cùng bọn giặc rằng:

- Nếu muốn lấy lúa thóc này thì tùy ý cứ lấy, chỉ vì các ông ngày xưa chẳng bố thí cho nên dẫn đến đói khát như thế. Ngày nay lại cướp đoạt của người, sợ rằng ngày sau càng tệ hại hơn thế nữa! Bần đạo dự biết nên vì các ông mà lo vậy!

Nói xong liền trở lui, bọn giặc bỏ lúa lại mà đi, chúng Tăng thảy đều thán phục.

Đến lúc thọ Đại giới, chí hạnh càng minh mẫn, nghi đắc chỉnh tề. Ngài thường suy tư về kinh luật lẫn lộn khuyết thiếu, nên phát chí nguyện đi tìm cầu. Năm Long An thứ 3 (399), đời Đông Tấn, Ngài cùng các bạn đồng học như Tuệ Cảnh... xuất phát từ Trường an đi Tây Trúc, vượt qua Lưu sa. Trên đường đi đó, thường có gió nóng ác quỷ, gặp nó hẳn là chết. Ngài tùy duyên phó mạng, qua thẳng hiểm nạn đi tới Thông lãnh, mùa Đông mùa Hạ, tuyết thường phủ đầy, có loài rồng dữ nhả độc, gió mưa cát đá. Đường núi nguy hiểm, vách đá dựng đứng cao khoảng bảy ngàn thước, phàm các nơi ngài vượt qua, hơn bảy trăm chỗ. Tiếp theo là núi Tiểu tuyết, gió rét lạnh bốc mạnh, Tuệ Cạnh bị cảm lạnh, không thể đi được nữa, nói cùng Pháp Hiển:

- Tôi sẽ chết mất, bạn nên đến nơi, chớ để mất mạng!

Nói xong bèn thị tịch. Pháp Hiển vỗ về đồng bạn, khóc bảo:

- Vốn ước muốn mà không viên mãn, mạng sống sao đây!"

Ngài lại một mình cố gắng tiến tới đường phía trước, vượt qua núi non nguy hiểm. Trải qua hơn ba mươi nước, gần đến Thiên Trúc, cách thành Vương xá hơn ba mươi dặm, có một ngôi chùa, ngài cố nhắm mắt qua đó. Ngài muốn lên núi Kỳ-xà-quật, chư Tăng chùa đó cản ngăn, bảo:

- Đường đi rất gian nan hiểm trở, có nhiều sư tử đen thường ăn thịt

người, làm sao có thể đi đến?

Ngài bảo:

- Tôi từ xa vượt qua vài vạn dặm, thệ nguyện được Linh thứu, thân mạng vốn đã không thể kỳ hẹn, hơi thở ra khó mong bảo toàn. Đâu có thể giữa mãi sự chí thành đã nhiều năm mà đành phá bỏ ư? Tuy có hiểm nạn, tôi đã quyết thì không còn sợ nữa!

Đại chúng không thể cầm chân ngài được, bèn sai hai vị Tăng đưa đi.

Vào tới núi, trời cũng vừa tối, ngài muốn ở lại qua đêm, hai vị Tăng ấy sợ nguy hiểm, để ngài ở lại mà trở về. Một mình ở lại trong núi, ngài đốt hương lễ bái, ngẩn đầu lên như được cảm tích xưa hiện được Thế Tôn. Đến nửa đêm, có một con sư tử đen đến ngồi trước mặt ngài, lè lưỡi quẩy đuôi. Ngài tụng kinh không dừng nghĩ, nhất tâm niệm Phật, sư tử bèn cúi đầu rủ đuôi nép phục dưới chân ngài. Ngài đưa tay xoa đầu nó, chú nguyện rằng: "Nếu muốn làm tổn hại thì đợi chờ tôi tụng kinh xong, còn như không muốn thì có thể lui!" Một hồi lâu, sư tử mới bỏ đi. Sáng sớm trở về lại, đường đi tối tăm cản trở, chỉ có một đường đi thông suốt, Ngài đi chưa tới một dặm, bỗng gặp một đạo nhân tuổi độ chín mươi, ăn mặc thô sơ mà thần khí tuấn tú cao xa, ngài tuy biết người đó có cốt cách cao nhã mà không rõ là Thần nhân! Sau, lại gặp một vị tăng trẻ, ngài hỏi:

- Đạo nhân tuổi già kia là ai vậy?

Vị tăng ấy đáp:

- Đó là Đầu-đà Ca-diếp đại đệ tử!

Ngài mới hãi hùng buồn giận.

Đến trung Thiên Trúc, ngài thỉnh được luật Ma-ha tăng-kỳ tại chùa Thiên vương; phía Nam bảo tháp vua A-dục tạo dựng ở ấp Ba-kiên-phất Ma-kiệt-đề. Ai thỉnh được các kinh như Tác-bà-đa Luật sao, Tạp A-tỳ-đàm, Tâm Tuyến Kinh, kinh Phương Đẳng, Niết-bàn... Ở lại đó hai năm, ngài lại thỉnh được luật Di-sa-tắc, kinh Trường A-hàm, Tạp A-hàm và Tạp Tạng, đều là những bộ kinh luật tại đất Hán không có.

Sau, nương theo thuyền thương buôn trở về bằng đường biển. Trên thuyền có hơn hai trăm người, gặp mưa bão gió lớn, mọi người đều lo sợ, liền đem các tap vật quăng bỏ, ngài sợ họ quăng bỏ số kinh tượng ấy, nên chỉ nhất tâm xưng niệm hồng danh đức Bồ-tát Quán Thế Âm và quy mạng về chúng Tăng ở đất Hán. Thuyền thuận theo gió mà đi, không bị thương tổn gì, ngài liền thẳng theo hướng Nam về đến chốn kinh đô, tới chùa Đạo tràng cùng Thiền sư Phật-đà Bạt-đà, người ngoại

quốc phiên dịch luật Ma-ha tăng-kỳ, kinh Phương Đẳng, Nê-hoàn, Tạp A-tỳ-đàm Tâm luận có hơn trăm vạn lời.

Ngài đã ấn xuất kinh Đại Niết-bàn, lưu rộng giáo hóa, đều kiến mọi người thấy nghe. Có một nhà nọ, mất họ tên, ở gần cửa Chu Tước, đã nhiều đời phụng thờ chánh pháp, tự tay đã viết một bộ để đọc tụng cúng dường, không chia cách kinh thất và nhà để sách tạp. Sau, gió lửa bỗng nhiên bừng cháy từ xa đến nhà đó, mọi thứ của cải vật dụng đều bị hay hết, chỉ còn bộ kinh Niết-bàn. Đưa bỏ vào lò đốt nướng vẫn không xâm tổn, sắc màu quyển kinh cũng không đổi khác. Khắp chốn kinh đô, rao truyền lẫn nhau, mọi người đều khen ngợi là thần diệu. Ngoài ra, các kinh luật khác còn chưa phiên dịch.

Sau, ngài đến Kinh châu, thị tịch tại chùa Tân, hưởng thọ tám mươi sáu tuổi.

17. Thần tăng Pháp Khoáng.

Thích Pháp Khoáng, vốn dòng họ Cao, người quê ở Hạ bi, đến ngụ ở tại Ngô hung. Song thân mất sớm, ngài kính thờ kế mẫu vong danh hiếu hạnh, đến lúc kế mẫu qua đời, cử hành tang lễ vẹn toàn. Mãn tang, ngài xuất gia phụng thờ Sa-môn Trúc Đàm Ấn làm thầy.

Ngài Đàm Ấn thường bệnh tật trầm kha, ngài bèn phát nguyện suốt bảy ngày đêm chí thành lễ sám. Đến ngày thứ 7, bỗng nhiên có ánh sáng chiếu soi trong phòng ngài Đàm Ấn, ngài cảm thấy như có người đưa tay nâng nhấc, mọi sự thống khổ liền tan biến.

Sau, ngài từ biệt thầy, đi xa tìm cầu kinh yếu, trở về dừng ở chùa Thạch thất tại núi Tiền thanh. Trong thời Đông Tấn, vua Giản Văn Đế (371-373) sai Đường Ấp thái thú Khúc An mang chiếu đi xa tìm hỏi chỗ ngài ở và hỏi để trừ yêu tinh, thỉnh ngài giúp đỡ. Ngài cùng các đệ tử, thiết trai cầu sám, sau một thời gian, tai ương tiêu diệt. Dân chúng ở Đông độ, phần nhiều mắc chướng bệnh dịch, khẩn cầu ngài liền ra tay cứu giúp. Có người thấy quỷ, nói:

- Ngài đi đứng, thường có quỷ thần vài mươi vị theo hộ vệ trước sau.

Người thời bấy giờ đều khen ngợi ngài là bậc phi khác.

Năm Nguyên Hưng thứ 1 (402), đời Đông Tấn, ngài viên tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi hai hạ lạp.

18. Thần tăng Tuệ Viễn

Thích Tuệ Viễn, vốn dòng họ Giã, người xứ Lâu phiền, Nhạn

môn. Tuy ốm yếu mà ham thích học hỏi. Năm mười ba tuổi, ngài theo người cậu, họ Linh cô đến học ở Hứa lạc, nên ít làm các trò. Xem một lược sáu kinh, rất khéo giỏi tư tưởng Trang Lão. Tánh ngài độ lượng khoang dung, phong thái sáng ngời. Tuy các bậc Túc nho anh đạt, ai cũng kính phục sự uyên thâm của ngài.

Năm hai mươi mốt tuổi, ngài muốn qua Giang đông, cùng nhóm họp với Phạm Tuyên Tử. Gặp lúc Thạch Hổ đã chết, khắp Trung nguyên giặc nổi loạn, đường đến phương Nam bị bế tắc, nên chí nguyện của ngài không được viên mãn. Bấy giờ, Sa-môn Thích Đạo An, dựng lập chùa tại Thái hành hằng sơn, hoàng dương xiển dương tượng tháp, tiếng tâm vang khắp. Ngài liền đến đó nương tựa. Vừa gặp mặt, ngài hết lòng cung kính, xứng đáng là bậc thầy của chính mình. Sau, nghe ngài Đạo An giảng kinh Bát-nhã mà ngài hoát nhiên tỏ ngộ, nhân đó cùng với đệ tử ngài Đạo An là Tuệ Trì ném trâm cài tóc xuống, phó mạng thọ nghiệp.

Vào đạo, ngài gắng sức dũa mài, tự nhiên vượt trội hơn người ngài muốn thu nhiếp giềng mối đem đại pháp để mình gánh vác, tinh chuyên tư duy tụng trì tối đến đọc sách. Vốn nghèo khó không buông thả, huynh đệ luôn cung kính, tánh tình trước sau không biếng lười. Có Sa-môn Đàm Dực thường chu cấp phí tổn đèn đuốc, ngài Đạo An nghe thế mừng bảo:

- Đạo sĩ quả thật biết người ấy.

Năm hai mươi bốn tuổi, ngài đến giảng thuyết, khách thường lui tới nghe giảng, cật nạn nghĩa thật tướng. Khi đối đáp qua lại mỗi lúc càng thêm căng thẳng mê muội. Ngài liền đem nghĩa lý của Trang tử làm ví dụ dẫn chứng, nên người mê hoặc được tỏ rõ. Từ đó về sau ngài Đạo An đặc biệt lắng nghe Tuệ Viễn là không phế bỏ sách thế tục. Ngài Đạo An có các vị đệ tử như Pháp Ngộ, Đàm Huy đều là những bậc có phong thái tài giỏi chiếu sáng chí nghiệp thanh tịnh thông mẫn, họ đều nâng dẩy kính phục Tuệ Viễn.

Sau, ngài theo ngài Đạo An về hướng Nam đến Phiền miện. Năm Kiến Nguyên thứ 9, đời Ngụy Tần, tướng Ngụy Tần là Phù Bình đánh chiếm Tương dương, ngài Đạo An bị Chu Tự bắt giữ không thể đi đâu được bèn sai đồ chúng mỗi người tùy chỗ mà lưu trú và được răn dạy đủ mọi điều trọng yếu. Riêng Tuệ Viễn chẳng được một lời, ngài mới quỳ, thưa:

- Riêng mình con không được răn dạy, lẽ nào con không phải là học trò của thầy!

Ngài Đạo An bảo:

- Người được như con, ta đâu còn ngại phải lo.

Từ đó, Tuệ Viễn cùng vài chục người đệ tử thẳng đến Kinh châu, trú tại chùa Thượng minh. Sau, muốn qua núi La phù, khi đến Tầm dương, thấy đỉnh Lô sơn yên tĩnh, có thể tư duy. Đầu tiên, ngài đến trú tại tịnh xá Long tuyền. Ở đó đi lấy nước vốn xa, ngài dùng tích trượng thổ xuống đất, bảo:

- Nếu nơi đây có thể dựng lập nơi dừng nghỉ, nên có một mụn đất mềm để khơi nguồn nước. Nói xong, một dòng nước tung vọt ra rất xa, trở thành một khe suối. Sau đó một thời gian ngắn, tại Tầm dương hạn hán, ngài đến cạnh bờ hồ, đọc tụng kinh Hải Long Vương. Bỗng có một con rắn lớn từ trong hồ nhảy vọt lên không trung, trong khoảnh khắc mưa lớn tràn đầy khắp nơi, nhờ đó mà được mùa màng, nhân đó, gọi tịnh xá Lâm tuyền là chùa Lâm tuyền.

Đào Khản đến trốn ở Quảng châu, ngư nhân ở biển thấy ánh sáng thần, mỗi đêm soi sáng tuyệt đẹp, qua một tuần càng lớn, lấy làm lạ nên tấu trình cùng Đào Khản. Đào Khản đến xem tường tận mới là tôn tượng của vua A-dục, liền nghinh thỉnh đưa về Hàn khê ở Võ xương. Chủ chùa đó là Tăng Trân, Tăng Trân thường qua Hạ Khẩu, đêm đến mộng thấy chùa bị nạn lửa cháy mà riêng ngôi nhà tôn Trí tượng đó có thần rồng vây quanh. Tăng Trân tỉnh giấc, vội trở về chùa, quả thật chùa đã cháy rụi hết riêng chỉ ngôi nhà và tôn tượng vẫn còn đó. Sau, Đào Khản dời trấn, vì oai linh tôn tương, nên phải nghênh thỉnh đi, mười mấy người đưa xe chở đến bờ sông, kịp lúc lên thuyền, thuyền lại chìm đắm, mọi người lo sợ muốn vớt lên trả lại, nhưng không thể nào được.

Đến lúc Tuệ Viễn tạo dựng xong chùa, nhất tâm cầu nguyện phụng hành. Tôn Tượng bỗng nhiên tự nổi, qua lại không bị chướng ngại. Từ đó, ngài dẫn chúng hành đạo, sớm tối không ngừng nghỉ. Phong hóa còn lại của Đức Thích-ca Thế Tôn từ đó trở nên hưng thịnh.

Từ lúc Tuệ Viễn nghiên cứu ở Lô sơn, hơn ba mươi năm chưa ra khỏi núi, dấu vết chẳng nhiễm bụi trần. Mỗi lúc đưa khách tham quan, thường lấy Hổ khê là mốc giới dừng chân. Năm Nghĩa Hy thứ 12 (416), đời Đông Tấn, ngày mồng một tháng tám, Ngài thị tịch, hưởng thọ tám mươi ba tuổi.

19. Thần tăng Cưu-ma-la-thập.

Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ. Ngài người xứ Thiên Trúc, khéo giỏi kinh luật luận hoằng hóa ở Tây Vực. Đến khi ngài đi về

phương Đông, đến nước Quy Tư. Vua nước Quy Tư thiết lập tòa sư tử bằng vàng để dâng cúng dường ngài.

Bấy giờ, Tần Phù Kiên hiệu ở Quan trung, có Tiền Bộ Vương và Quy Tư Vương ở ngoại quốc đều đến triều cống nạp Phù Kiên. Phù Kiên thấy hai vị vua ấy nói với Phù Kiên rằng:

- Ở Tây Vực có nhiều tài sản trân quý, xin viện binh qua đó chiếm định để cầu nội phụ. Đến tháng giêng năm Kiến Nguyên thứ 13 (), Quan thái sử tâu rằng:

- Có vị sao xuất hiện ở nước ngoài, ắt hẳn sẽ có người đại Trí thức đến giúp đỡ Trung Quốc!

Phù Kiên bảo:

- Trẫm nghe ở Tây Vực có Cưu-ma-la-thập, chẳng phải đó sao?

Liền sai sứ đi thỉnh cầu. Đến tháng 5 năm Kiến Nguyên thứ 18, Phù Kiên sai Lã Quan đem bảy vạn binh lính đánh chiếm nước Quy Tư. Lúc sắp khởi binh, Phù Kiên thiết tiệc tiễn đưa Lã Quan ở Kiến chương, bảo rằng:

- Phàm bậc Đế vương ứng mạng trời mà bình trị thiên hạ, lấy tấm lòng thương mến con mà thương mến muôn dân làm gốc, đâu vì lòng tham mà khởi binh đao, chính vì người có lòng mến đạo nên nghĩ vậy. Trẫm nghe ở Tây Vực có Cưu-ma-la-thập hiểu sâu pháp tướng, giỏi về âm dương, làm nơi tông thú cho hoàng hậu học. Trẫm rất lo nghĩ việc đó, làm các bậc hiền triết là của báu lớn của nước nhà. Nếu quy thuận được Quy Tư lập tức đưa ngựa trạm thỉnh mời La-thập về.

Quân lính Lã Quan chưa đến, ngài La-thập nói với vua nước Quy Tư là Bạch Thuần rằng:

- Vận nước đang suy biến sẽ có lính mạnh từ phương Đông tiến lại, nên quy thuận, chớ nên chống cự quân lính bén nhọn ấy.

Bạch Thuần không nghe theo, mà cố đánh trả. Lã Quan phá được Quy Tư, giết hại Bạch Thuần, lập em của Thuần là Bạch Chấn lên làm chủ. Lã Quan đưa La-thập cùng về.

Giữa đường, đóng quân tại dưới núi, tướng sĩ đã nghỉ ngơi. La-thập nói:

- Không thể được. Ở đây hẳn bị nguy khốn, nên dời quân lên gò cao.

Lã Quan không nghe, đêm đó, quả thật mưa lớn ngập lụt lên nhanh nước sâu vài trượng, binh lính chết khoản vài ngàn. Lã Quan rất kính phục điềm lạ đó. La-thập nói với Lã Quan rằng:

- Đây là đất lung vong, không nên dừng ở lâu, phải đi thôi, giữa

đường hẳn có chỗ đất phước lành có thể dừng ở.

Lã Quan liền nghe theo.

Về đến Lương châu, nghe Phù Kiên đã bị Diêu Tránh giết hại, ba quân của Lã Quan lập tức đóng quân tại phía Nam của thành Đại lâm, từ đó Lã Quan trộm xưng là quan ngoại, lấy niên hiệu là Đại An. Tháng giêng năm Đại An thứ 2 (), ở Cô tàng có gió lớn, ngài La-thập nói:

- Đó là gió mang điềm không tốt, sẽ có kẻ gian phản nghịch. Nhưng khỏi phải nhọc, tự nhiên an định.

Bỗng chốc mà Lương Khiêm Bành Hoàng tương kế cùng phản, rồi cùng tự biến mất. Đến năm Long Phi thứ 2 (), thời Lã Quan, Trương Dịch, Lâm Tồng, Lô Thủy Hồ, Trở Cừ Mông Nam và em là Trở Cừ Mông Tấn phản lại, suy tôn Kiến Quan thái thú Đoàn Nghiệp làm thủ lĩnh. Lã Quang sai thứ sử Tần châu, thứ sử Thái Nguyên Lã Toản đem năm vạn binh để đánh giết. Bàn luận thời bấy giờ cho rằng Đoàn Nghiệp... họp nhau như bầy quạ. Lã Tủy có uy lực và thanh thế, hẳn chế định toàn bộ. Lã Quang đem việc đó hỏi La-thập, ngài nói:

- Quan sát hành động ấy chưa thấy Lã Toản có lợi.

Thế rồi, Lã Toản bại hoại tích chứa ở hợp lê. Bỗng nhiên, Quách Nôn lại nổi loạn, Lã Toản giao phó đại quân mà trở về rỗng không, làm cho Quách Nôn bại hoại chỉ được thoát thân!

Quan Trung thư giám của Lã Quang là Trương Tư, văn hàn ôn nhã, Lã Quang rất kính trọng. Trương Tư bị bệnh, Lã Quang tìm cầu khắp cùng để trị liệu. Có đạo nhân La-xoa, là người ngoại quốc nói:

- Có khả năng chữa lành bệnh của Trương Tư!

Lã Quang vui mừng ban tặng rất nồng hậu. Ngài La-thập biết La-xoa hư dối, bảo cùng Trương Tư rằng:

- La-xoa không thể chữa trị lành mà làm thêm phí tổn. Minh vận tuy ẩn, nhưng cũng có thể lấy sự việc này để thử nghiệm.

Bèn lấy tơ ngũ sắc kết thành dây đưa bỏ vào lửa đốt cháy thành tro, cuối cùng ném vào trong nước, nếu tro nổi ra khỏi nước và trở thành sợi dây như cũ thì bệnh không thể lành. Giây lát, quả thật tro nhóm lại và nổi ra thành nguyên hình sợi dây. Vậy là việc chữa trị của La-xoa không hiệu nghiệm. Ít ngày sau, Trương Tư chết. Khoảng thời gian ngắn nữa, Lã Quang băng hà.

Con của Lã Quang là Lã Thiệu nối ngôi, vài ngày sau, con thứ của Lã Quang là Lã Toản giết hại Lã Thiệu mà tự lập, xưng hiệu Nguyên Hàm Ninh. Năm Hàm Ninh thứ 2 (), có một con heo sinh con một thân mình mà ba đầu rồng xuất hiện trong giếng Đông sương, đến trước điện

nằm cuộn tròn. Gần sáng sớm bỏ qua đi, Lã Toản cho đó là điềm lành nên gọi đại điện là Điện Long Trường, bỗng chốc lại có rồng đen bay lên trên cửa cửu cung, bèn gọi là Cửu Long Hưng. Có đứa bé tâu rằng:

- Ngày rồng ẩn lặn mà xuất hiện phiêu du, heo yêu lại hiển hiện quái dị. Rồng là loài âm, vào ra hẳn có lúc, mà nay thường hiện thì ra là tai ương sinh khởi, hẳn là có biến động, kẻ dưới mưu hại người trên. Cần phải tự kiềm chế mình, tu đức để đáp lại ân đức trời ban!

Lã Toản không nghe theo, cùng La-thập đánh cờ cười giỡn. Lúc giết quân cờ, Toản nói:

- Chém đầu Hồ Nô.

Ngài La-thập bảo:

- Không chém được đầu Hồ Nô, Hồ Nô sắp chém được đầu người.

Lời nói đó đều có hàm ý chỉ Lã Toản mà Lã Toản không hiểu như thế nào.

Em của Lã Quang là Lã bảo có người con là Lã Siêu, Lã Siêu thuở nhỏ tự là Hồ Nô. Sau, quả thật Hồ Nô chém đầu Lã Toản và lập anh ruột là Lã Long lên làm chủ. Bấy giờ mọi người mới kiểm nghiệm lời nói của ngài La-thập là đúng.

Ngài La-thập nghĩ mát nhiều năm, cha con họ Lã đã không cho hoằng dương đạo giáo, nên sự tích chứa hiểu biết sâu sắc của ngài không có nơi để tuyên hóa. Còn Phù Kiên cũng đã chết nên chẳng cùng diện kiến! Kịp đến lúc Diêu Trành đánh chiếm được Quan Trung, cũng ôm ấp cao danh rỗng lòng muốn thỉnh. Song, họ Lã cho rằng ngài La-thập tài trí mưu kế có nhiều, sợ sẽ bày mưu cho họ Diêu nên không chấp nhận để ngài vào hướng Đông. Kịp đến lúc Diêu Trành qua đời, con là Diêu Hưng lên nối ngôi, lại sai sứ triệu thỉnh. Tháng 3 năm Hoằng Thỉ thứ 3 (401) có cây Liên lý mọc ở sân miếu, trong vườn Tiêu dao, cây rau hành biến thành cây kỳ chỉ (một loại rau thơm), Diêu Hưng cho là điềm tốt lành, nghĩa là có người tài trí ứng vào. Đến tháng 5, Diêu Hưng sai các vị Thạc Đức ở Lung tây đi đánh phạt Lã Long. Quân của Lã Quang đại bại, qua tháng 9, Lã Long dâng biểu quy hàng, Diêu Hưng mới nghênh thỉnh được ngài La-thập vào quang nội. Ngày 20 tháng 12 năm đó (401), ngài đến Trường an, Diêu Hưng thiết lễ tôn thờ ngài như quốc sư, rất ưu đãi sùng kính.

Ban đầu, Tỳ-kheo Bôi Độ ở Bành Thành nghe ngài La-thập ở Trường an mới than rằng:

- Tôi cùng La-thập cách biệt hơn ba trăm năm, mịt mờ chưa có kỳ

hẹn, đợi chờ có gặp chẳng chi ở đời sau vậy!

Trước lúc viên tịch ít ngày, ngài La-thập tự cảm thấy tứ đại không an, ba phen tư tụng thần chú, bảo các đệ tử người ngoại quốc tụng để tự cứu, chưa đến lúc dốc lực, chuyển sang cảm biết đã nguy ngập. Khi đó, ngài dốc lực cáo biệt cùng Tăng chúng rằng:

- Nhân pháp cùng gặp rất chưa tận tâm mới để lại đời sau, thật xót xa biết nói làm sao! Tự lấy sự ám muội sai lầm sung vào truyền dịch. Phàm các kinh luận đã phiên dịch hơn ba trăm quyển, chỉ có một bộ luật Thập tụng chưa kịp lọc bỏ. Còn đối với chỉ thú hẳn không sai lạc, nguyện sự tuyên dịch truyền lưu hậu thế cùng hoằng thông, nay đối trước chúng Tăng, tôi phát lời thành thật thệ nguyện: Nếu chỗ dịch kinh điển của tôi không sai lầm thì khiến sau khi thiêu đốt nhục thân còn lại chiếc lưỡi không tiêu cháy!

Ngày 20 tháng 8 năm Hoằng Thỉ thứ 11, ngài La-thập viên tịch tại Trường an. Năm đó nhằm năm Nghĩa Hy thứ 5 (409), đời Đông Tấn. Và tại vườn Tiêu dao, y theo pháp ngoại quốc dùng lửa để thiêu đốt nhục thể. Sau khi củi hết lửa tắt, nhục thể rã nát, chỉ còn chiếc lưỡi không tiêu cháy.

20. Thần tăng Pháp An

Thích Pháp An còn có một tên khác là Từ Khâm, chưa rõ là người xứ nào. Ngài là đệ tử của ngài Tuệ Viễn. Giỏi trì giới hạnh, giảng nói các kinh kiêm hành trì thiền định. Khéo khai hóa các hàng phàm phu ngu muội, nhổ trừ tà kiến đưa về đường chánh.

Khoảng niên hiệu Nghĩa Hy (405-419), đời Đông Tấn, tại huyện Tân dương có tai họa do hổ gây ra. Ở huyện đó có đại xã, dưới cây xây dựng miếu thần, dân chúng ở chung quanh khoảng số trăm, gặp nạn hổ hại chết hằng đêm có đến một vài người. Ngài Pháp An thử đến huyện đó, chiều tối vào thôn ấy, dân chúng vì sợ hổ nên sớm đóng cửa ngõ. Ngài bèn đến dưới cây ấy, suốt đêm tọa thiền. Đến gần sáng nghe hổ mang xác người đến ném ở phía Bắc miếu đó. Thấy ngài, hổ vừa mừng vừa sợ, nhảy đến phủ phục trước mặt Ngài. Ngài vì hổ nói pháp trao truyền cấm giới. Hổ quỳ xuống đất không dám lay động, khoảng chốc lát rồi đi. Sáng ngày, người trong thôn đuổi tìm hổ, đến dưới cây, thấy Ngài, mọi người kinh sợ, cho là thần nhân, liền trao truyền khắp cả huyện, tất cả dân chúng thảy đều tôn kính phụng thờ. Và tai nạn về hổ cũng từ đó mà chấm dứt.

Nhân đó, cải đổi miếu thần tạo lập thành chùa. Ruộng vườn chung

quanh, mọi người đều hiến dâng làm của Tăng chúng. Sau, Ngài muốn chủ ý đúc một tôn tượng bằng đồng xanh, khốn nổi hiếm có. Tối đến, ngài mộng thấy một người đến gần trước giường bảo rằng: “Tại dưới đây có chuông đồng.” Tỉnh dậy, ngài liền đào xới lên, quả thật có được hai chuông đồng, nhân đó, ngài lấy đồng xanh để đúc tôn tượng. Sau, ngài đem một chuông đồng hổ trợ ngài Tuệ Viễn cũng để đúc tôn tượng. Còn một chuông, Võ Xương thái thú Hùng vô Hoạn mượn xem, liền giữ lại.

Sau, cuộc đời còn lại của ngài, không biết rõ!

21. Thần tăng Đàm Hoắc

Sa-môn Đàm Hoắc, không biết thuộc dòng họ gì, ở vương quốc Nan lương. Bấy giờ, ngài từ Hà Nam lại, cầm theo một tích trượng bảo người quỳ rồi nói: “Đây là mắt trí tuệ, phụng trì hẳn có thể đắc đạo”. Người thời bấy giờ cho là điều kỳ lạ, hoặc có người đem y phục tặng ngài. Nhận rồi đem quăng bỏ ở bờ sông, ngày sau đem trả lại chủ nhân, y phục không chút nhơ bẩn. Ngài đi bộ tựa như mây gió, nói việc sinh tử sang hèn của người không sai mảy may. Có người đem giấu tích trượng, Ngài liền khóc lớn vài tiếng, nhắm mắt trong giây lát rồi mở mắt lấy lại. Đều là những điều kỳ lạ thần kỳ, không ai có thể suy lường được. Nhân đó mà mọi người phụng thờ Phật pháp rất đông.

Lợi Lộc Cô có người em là Nộc Đàn, giả đặt kỵ xa, quyền nghiên nước Ngụy, nghi kị có lắm gian tặc, ngài nói cùng Nộc Đàn rằng:

- Phải nên tu thiện phụng thờ Phật pháp để làm ngỏ hầu cho đời sau.

Nộc Đàn bảo:

- Cha ông chưa từng kính phụng Phật pháp, nếu nay kính phụng Phật pháp sợ trái với ý chỉ của cha ông. Nếu ngài có thể bảy ngày không ăn mà nhan sắc vẫn như thường, thì đó là phần minh của Phật đạo, kẻ bề tôi đây hẳn sẽ phụng thờ.

Bèn sai người giữ ngài tới bảy ngày, mà ngài không tỏ lộ sắc thái đói khát. Nộc Đàn bảo Sa-môn Trí Hạnh kín mang bánh dâng ngài, ngài vẫn không chịu ăn, Nộc Đàn rất lấy làm kỳ lạ, ngài nói với Nộc Đàn:

- Nếu có thể ngồi yên không làm gì không khởi niệm thiện ác, thì thiên hạ có thể an định, vận phước cháu con sẽ đông đầy, còn như luôn cùng binh giết hại thì họa sẽ lây vạ đến mình.

Nộc Đàn vẫn không hoàn toàn vâng theo.

Sau con gái của Nộc Đàn bệnh nặng, thỉnh ngài cứu chữa. Ngài

bảo:

- Việc sống chết của người tự có định kỳ, các bậc Thánh nhân cũng không thể chuyển họa thành phước. Huống hồ Đàm Hoắc tôi làm sao có thể kéo dài mạng sống được! Sự việc ấy tôi đã biết từ sáng hôm qua.

Nộc Đàn vẫn cố thỉnh nài. Bấy giờ, nơi hậu cung đóng cửa, Ngài bảo:

- Hãy mở gấp cửa sau ra. Mở cửa kịp thì sống, mở không kịp thì chết.

Nộc Đàn bảo người mở cửa. Song mở không kịp nên đành chịu chết.

Sau, binh giặc nổi loạn, không biết ngài ở đâu.

22. Thần tăng Đàm Ung

Thích Đàm Ung, dòng họ Dương, người xứ Quan trung. Thuở thiếu thời làm quan, giữ chức vụ tướng quân của Ngụy Tần. Thân hình cao tám thước hùng võ hơn người. Năm Thái Nguyên thứ 8 (384), theo Phù kiên đánh chiếm phương Nam, bị quân Đông Tấn đánh bại, rút trở về Tường an. Nhân đó, Ngài phát nguyện theo ngài Đạo An cầu xin xuất gia. Sau khi ngài Đạo An viên tịch, ngài lại phụng thờ ngài Tuệ Viễn.

Sau, tạo lập am tranh ở phía Tây nam ở Lô sơn, cùng đệ tử Đàm Quả lắng đọng tư duy cửa thiền. Một ngày nọ, Đàm Quả mộng thấy thần núi đến cầu thọ ngũ giới, Đàm Quả bảo:

–Thầy tôi có ở tại đây, nên đến cầu thọ!

Ít lâu sau, ngài Đàm Ung thấy một người mặc áo đơn đội mũ, dáng vẻ đoan trang thanh nhã, có đi theo khoảng vài mươi người đến xin thọ ngũ giới! Nhân vì Đàm Quả mộng thấy trước đây nên ngài biết đó là thần núi, liền giảng dạy trao quyền giới pháp. Thần đem thìa và đũa ngoại quốc dâng cúng ngài rồi lễ bái từ biệt, bỗng chốc thì không thấy ngài nữa.

Đến ngày ngài Tuệ Viễn sắp tịch, ngài vội chạy về khóc gào nhảy nhụa. Về sau, không biết ngài thế nào.

23. Thần tăng Tăng Lãng

Thích Tăng Lãng, chưa rõ ngài thuộc dòng họ gì. Người xứ Kinh triệu. Thuở thiếu thời, ngài du phương học đạo ở Trường an rồi trở về Quan trung. Ngài chuyên đảm nhận việc giảng thuyết, từng vài người đồng đến cầu thỉnh, đi đến nửa đường, bỗng ngài bảo đồng bạn rằng:

- Y vật của các vị ở chùa dường như có kẻ lấy trộm.

Theo lời ngài nói liền trở về, quả thật có kẻ trộm mất.

Sau, ngài đến cốc Kim dư trong núi Côn lôn, lập riêng tịnh xá, xây dựng phòng thất, trong ngoài phòng nhà hơn vài mươi thước. Do nghe tiếng tăm ngài mà tìm đến hơn trăm người, ngài chuyên tinh giảng dạy, lao nhọc vẫn không mỏi mệt. Vua Tần là Phù Kiên khâm phục kính trọng đức hạnh của ngài, sai sứ đem các vật dâng cúng. Sau, Phù Kiên có lần sa thải Tăng chúng, mới ban chiếu riêng bảo:

- Pháp sư Tăng Lãng hình đức trong sạch như băng sương, học chúng của ngài đều là thanh tú. Nên riêng một núi Côn lôn không liệt trong loại phạt trượng.

Trong cốc, xưa có tai nạn do hổ gây nên, mọi người thường nắm gậy kết đàn mà đi. Từ lúc ngài đến đó ở, thú dữ đều quy phục, kẻ tăng người tục sớm tối đi về đều không trở ngại gì, mọi người bàn bạc khen Thiện vô cùng, nên nay vẫn gọi là Lãng công cốc (hang ông Lãng).

Phàm có người đến, ngài đều biết được số lượng bao nhiêu, trước đó một ngày đã bảo đệ tử sắm sửa đủ các thức ăn uống, số lượng người đến quả thật đúng như ngài nói. Mọi người khen ngợi ngài có trí sáng dự kiến.

Sau, ngài thị tịch tại trong núi hưởng thọ tám mươi lăm tuổi.

24. Thần tăng Phật-đà-da-xá

Phật-đà-da-xá, Hán dịch là Giác Danh. Ngài thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người nước Kế Tân, tổ tiên phụng thờ ngoại đạo. Có một vị Sa-môn đến nhà ngài khất thực, thân phụ ngài tức giận sai người đánh vị Sa-môn ấy. Tự nhiên tay chân co quắp không thể đi lại, mới hỏi thầy đồng bóng. Thầy đồng bóng đáp:

- Vì xúc phạm Hiền nhân nên quỷ thần khiến.

Thân phụ ngài liền thỉnh vị Sa-môn đó lại, chí thành xin sám hối, vài ngày sau lành hẳn. Nhân đó cho phép ngài xuất gia làm đệ tử vị Sa-môn đó.

Bấy giờ, ngài vừa mười ba tuổi, thường theo thầy đi xa, đến một đồng trống, gặp hổ, thầy ngài muốn chạy lánh, ngài nói:

- Con hổ ấy đã no, hẳn không xâm phạm đến người.

Giây lát, hổ bỏ đi, quả nhiên đi tới phía trước thấy vết tích còn lại. Thấy ngài âm thầm lấy làm lạ. Đến năm mười lăm tuổi, ngàu tụng kinh mỗi ngày, và nhớ đến hai, ba vạn lời. Tại chùa ngài ở, mọi người thường chạy theo việc ngoài, phế bỏ sự tụng tập. Có một vị La-hán kính

trọng sự thông mẫn của ngài, thường đi khất thực về cúng dường ngài. Đến năm mười chín tuổi, ngài tụng đọc các kinh điển Đại, Tiểu thừa vài trăm vạn lời. Năm hai mươi bảy tuổi, ngài mới thọ giới Cụ túc.

Sau, ngài đến nước Sa-lặc. Bấy giờ, vua nước đó thường bất an nên thỉnh Tăng thiết cúng trai hội. Thái tử thấy đó mà mừng vui, thỉnh ngài ở lại trong cung để cúng dường. Ngài La-thập đến sau, lại theo ngài thọ học, cùng tôn kính. Sau, ngài La-thập sang nước Quy Tư bị Lã Quang bắt giữ. Ngài Da-xá lưu trú ở nước Sa-lặc hơn mười năm mới về hướng Đông, đến nước Quy Tư, xiển dương Phật pháp rất hưng thạnh. Bấy giờ, ngài La-thập đã ở tại Cô tàng, ngài bèn sai người đến kết giao. Ngài muốn bỏ nước Quy Tư mà mọi người lưu giữ ngài lại ít năm. Sau ngài nói với đệ tử rằng:

- Ta muốn tìm đến La-thập, có thể cải đổi y phục chớ để mọi người biết!

Đệ tử thưa:

- Sáng ra phát hiện ngài đi thì mọi người đuổi theo không khỏi trở lại.

Ngài liền lấy một bát nước trong bỏ thuốc vào trong đó, chú nguyện vài chục lần, đưa cho đệ tử rửa chân. Và ngay đêm đó ngài lập tức lên đường, gần đến sáng sớm, đi được vài trăm dặm, ngài hỏi đệ tử:

- Cảm thấy thế nào?

Đệ tử đáp:

- Chỉ nghe âm hưởng tiếng gió thổi nhanh, đôi mắt đổ lệ.

Ngài lại đưa cho nước đã chú nguyện rửa chân rồi dừng nghỉ. Sáng sớm, mọi người trong nước đuổi tìm thì ngài đã đi quá xa vài vạn dặm không thể đuổi theo kịp.

Ngài đến Cô tàng thì ngài La-thập đã vào Trường an, nghe Diêu Hung ép bức dùng nàng hầu khuyên ngài La-thập làm sự phi pháp, ngài mới than rằng:

- La-thập như tấm lụa sạch đẹp sao có thể khiến đưa vào trong rừng gai gốc ư?

Ngài La-thập nghe ngài đã đến Cô tàng nên khuyên Diệu Hưng đến nghênh đón ngài, Diệu Hưng chưa nhận chịu. Khoảng thời gian sau, Diệu Hưng ban chiếu ngài La-thập phiên dịch kinh tạng. Ngài La-thập bảo:

- Phàm hoàng dương giáo pháp văn nghĩa phải viên thông. Bần đạo tuy tụng thông văn kinh, nhưng vẫn chưa suốt thấu nghĩa lý. Chỉ có ngài Phật-đà-da-xá mới thấu đạt nghĩa lý sâu xa. Nay, đang ở tại Cô

tàng, xin đem chiếu đến thỉnh mời ngài! Một thời thấu suốt cả ba, sau đó mới năm bút, khiến lời vàng chẳng rơi lạc, giữ lấy đức tin cho cả ngàn năm!

Diêu Hưng nghe theo, liền sai sứ đến thỉnh mời ngài, thậm chí tặng nhiều vật rất nồng hậu, ngài Phật-đà-da-xá đều không nhận, mới cười bảo:

- Chiếu lệnh đã ban thì phải nên đi gấp. Đàn-việt ưu đãi kẻ sĩ rất nồng hậu, nhưng khinh mạn thì bần đạo đây chưa dám vâng nghe thánh chỉ.

Kẻ sứ trở về tấu trình lại rõ ràng đầy đủ. Diêu Hưng khen ngài rất mực thận trọng.

Khi ngài đã đến Trường an, Diệu Hưng đích thân ra thăm hỏi, lập riêng một nơi mới vườn Tiêu dao, cúng dường tứ sự, ngài đều không nhận. Đến giờ ăn, ngài giữ phận chỉ một bữa mà thôi.

Đầu tiên, ngài tụng luật Đàm Vô Đức. Ngụy Tư Lộ hiệu Úy Diêu sảng thỉnh ngài truyền dịch và có ý thử ngài, bảo người đọc Khương Tịch Dược mới khoảng năm vạn lời, trải qua một ngày, ngài viết lại thành văn không sai một chữ, mọi người kính phục sức ghi nhớ phi thường của ngài. Năm Hoàng Thỉ thứ 12 (410), ngài phiên dịch luật Tứ Phần gồm 44 quyển và phiên dịch các kinh Trường A-hàm...

Tại Lương châu, Sa-môn Trúc Phật Niệm cũng phiên dịch, gọi là Tần Ngôn, ngài bạo hàm bút thọ. Đến năm Hoằng Thỉ thứ 15(413), giải tỏa được mọi khúc mắc, Diêu Hưng cúng dường ngài vạn xấp vải lụa, ngài đều không nhận. Các vị Sa-môn Đạo Hàm, Trúc Phật Niệm mỗi vị ngàn xấp. Các vị Sa-môn Danh Đức gồm năm trăm người, Diệu Hưng đều cúng dường trọng hậu. Sau, ngài từ biệt trở về ngoại quốc, đến nước Kế Tân, ngài dịch kinh Hư Không Tạng được quyển, ngài bèn gởi các khách buôn đem về cho chư Tăng ở Lương châu.

Cuộc đời ngài về sau thế nào không được biết rõ.

25. Thần tăng Đàm-vô-kiệt

Đàm-vô-kiệt, Hán dịch là Pháp Dõng. Ngài dòng họ Lý, người xứ Hoàng long, U Châu. Thuở nhỏ đã thọ Sa-di, siêng tu khổ hạnh trì giới tụng kinh, ngài rất được chư Tăng kính trọng.

Ngài thường nghe các ngài Pháp Hiển... đích thân đi đến nước Phật, liền có lời thề nguyền quên thân. Năm Vĩnh Sơ thứ 1(420), đời tiền Tống, ngài chiêu tập các vị Sa-môn đồng chí hướng như Tăng Mãnh... cùng mang các thứ phan lọng... đi về phương Tây. Đến nước Hà nam

mới ra biển Tây thuận, vào Lưu sa đến quận Cao xương trải dọc theo các nước Quy Tư; Sa lặc; lên Thông lãnh, vượt núi Tuyết, để đến nước Kế Tân lễ bái bình bát của Đức Phật. Ngài dừng ở đó hơn một năm, học Phạm thư, Phạm ngữ, thỉnh cầu được kinh Quán Thế Âm thọ ký 1 quyển Phạm văn. Sau đó, đi đến hướng Tây bờ sông đến nước Nguyệt chi, lễ bái di cốt tóc của Đức Phật và xem thuyền tự phất thủy. Kế tiếp là đến chùa Thạch lưu ở phía Nam núi Đàn đặc. Chư Tăng ở đó hơn ba trăm vị, học tập Tam thừa, ngài dừng tại chùa đó, thọ giới Cụ túc. Ngài đến trung Thiên Trúc, đường đi rất xa, chỉ mang theo thạch mật làm lương thực, tuy thường trãi trải nguy hiểm gai gốc mà ngài luôn buộc niệm ở kinh Quán Thế Âm đang mang theo, chưa từng giải đãi. Gần đến nước Xá-lệ, giữa đồng trống gặp một đàn voi rừng, ngài liền xưng danh quy mạng với Bồ-tát Quán Thế Âm liền sau đó có sư tử từ trong rừng ra nên đàn voi khiếp sợ bỏ chạy. Sau, vượt qua sông Hằng, lại gặp một đàn bò hoang kêu rống chạy lại, sắp muốn hại người, ngài lại quy mạng như trước, bỗng có chim Thứu lớn bay tới, đàn bò kinh hãi tản mất, ngài được thoát khỏi.

Sau, từ Nam Thiên Trúc, ngài theo thuyền biển về đến Quảng châu, ngài phiên dịch kinh Quán Thế Âm thọ ký, truyền bá khắp chốn kinh đô. Và sau đó không biết ngài thế nào.

26. Thần tăng Phật-đà Bạt-đà-la

Phật-đà Bạt-đà-la, Hán dịch là Giác Hiền. Ngài vốn dòng họ Thích, người nước Ca-duy-la-vệ, là con cháu của Cam Lộ Phạm vương. Từ thuở bé, song thân ngài đã qua đời, ngài theo Tổ Cưu-bà-lợi. Nghe ngài thông mẫn và xót thương sự cô quạnh nên Tổ đón về độ làm Sa-di.

Đến năm mười bảy tuổi, ngài cùng với vài người bạn đồng học, lấy việc tụng tập làm chính. Mọi người đều tụng tập một ngày là hoàn tất. Thầy khen ngài rằng:

- Giác Hiền một ngày chọi với ba mươi người.

Đến lúc thọ giới Cụ túc, ngài lại tu nghiệp tinh cần, học rộng các kinh, thông đạt rất nhiều, ít vì thiền lực mà rạng danh. Ngài thường cùng các bạn đồng học là Tăng-già Đạt-đa, đồng đến nước Kế Tân và cùng ở đó nhiều năm. Đạt-đa tuy phục tài trí mà chưa từng chiêm nghiệm con người của ngài. Sau ở trong thất kín, đóng cửa tọa thiền, bỗng nhiên thấy ngài lại, kinh ngạc hỏi:

- Từ đâu lại?

Ngài đáp:

- Tạm đến cung trời Đâu-suất kính hầu Đức Phật Di-lặc!

Nói xong, ẩn mất. Đạt-đa biết ngài là Thánh nhân. Sau chưa lường được quả vị sâu cạn. Sau thường thấy ngài thần biến, mới đem tâm thần kính cầu hỏi và biết ngài đã chứng quả Bất hoàn. Ngài thường muốn du phương hoằng hóa, xem các phong tục.

Bấy giờ có Sa-môn Trí Nghiêm đi Tây Trúc, đến nước Kế Tân, thấy pháp chúng thanh tịnh mới bùi ngùi xoay về hướng Đông, nói:

- Các đồng bọn của tôi ở Trung Hoa vốn có chí đạo, mà không gặp được chân Thiện tri thức. Do đó, chẳng do đâu mà phát ngộ. Nay xin hỏi chư vị trong Tăng chúng ai có thể đến hoằng hóa ở Đông độ.

Tất cả các chư Tăng đều bảo:

- Phật-đà Bạt-đà-la là người làm được việc đó!

Ngài Trí Nghiêm bèn khẩn thiết thỉnh cầu, ngài Giác Hiền xót thương mà hứa khả. Từ đó, ngài bỏ đồ chúng từ biệt thầy bạn, hành lý lên đường tìm đến phương Đông, suốt ba năm, trải qua đủ thứ nóng lạnh. Vượt qua Thông lãnh. Trên đường đi qua sáu nước, các vị Quốc chủ đều khen ngợi ngài đã hoằng hóa phương xa, họ dốc lòng ngưỡng mộ phụng cúng mọi điều kiện. Đến giao chỉ mới nương thuyền men theo biển mà đi, ngang qua dưới một hòn đảo, ngài đưa tay chỉ vào núi, nói:

- Có thể dừng ở đó!

Chủ thuyền bảo:

- Hành khách tiếc ngày thuận gió khó gặp, không nên dừng.

Đi được hai trăm dặm, bỗng nhiên gió chuyển hướng thổi thuyền ngược trở lại dưới đảo. Mọi người mới rõ ra sự thần dị của ngài, đều rất kính phụng nghe theo sự chỉ bảo tiến hay dừng của ngài; sau, gặp cơn gió thổi thuận hướng, mọi người đều muốn khởi hành, ngài bảo:

- Không nên cho thuyền đi.

Chủ thuyền bèn dừng lại. Còn các thuyền không nghe theo, bỏ đi trước, đồng một lúc đắm chìm. Sau đó, giữa lúc trong đêm tối, ngài bảo các thuyền nên khởi hành, mọi người không chịu nghe theo, ngài tự đứng dậy nhổ neo chỉ một thuyền ngài đi. Bỗng chốc giặc đến, các thuyền còn ở lại đếu bị bắt hại.

Khoảng thời gian sau, đến quận Đông lai, Thanh châu, ngài nghe Cưu-ma-la-thập đang ở Trường an, ngài liền đến đó, ngài La-thập rất vui mừng, cùng nhau luận bàn phát huy sự mầu nhiệm, có được nhiều sự tỏ ngộ ích lợi. Bấy giờ, chúa đất Tần là Diêu Hưng chuyên chí phụng sự

Phật pháp, thiết hội cúng dường hơn ba ngàn vị Tăng. Và thường xuyên tới chốn cung đình lớn chăm lo mọi việc, chỉ một mình ngài giữ sự yên tỉnh chẳng cùng đồng chúng.

Sau ngài nói với đệ tử rằng:

- Hôm qua ta thấy ở quê nhà có năm chiếc thuyền cùng khởi hành.

Vậy rồi, đệ tử ngài rao truyền ra người ngoài, chư Tăng xưa cũ ở Quan trung đều cho là ngài bày điều quái lạ mê hoặc quần chúng. Sa-môn Đạo Hằng... bảo:

- Phật còn không cho nói Pháp sở đắc của mình, Phật-đà Bạt-đà-la nói trước có năm chiếc thuyền sắp đến là hư dối không thật. Vả lại, học trò của ông ta cuồng si tạo ra mọi sự tranh cãi đồng dị, căn cứ giới luật tức có vi phạm, đúng lý không được cọng trú, nên phải thời mà đi chớ được dừng ở.

Ngài bảo:

- Thân tôi nếu trôi dạt tới lui như lục bình rất dễ. Chỉ hận hoài bảo chưa được làm cho phải lẽ, vì vậy mà xót xa!

Từ đó ngài cùng các đệ tử Tuệ Quán... hơn bốn mươi vị đều phát thần chí thong dong ra đi không đổi thay sắc mặt. Các người chân Thiện tri thức đều ca ngợi mến tiếc, kẻ tăng người tục hơn ngàn vị tiễn biệt ngài ra đi. Diêu Hưng nghe ngài đi, buồn bả tức tưởi, mới nói với Đạo Hằng rằng:

- Sa-môn Giác Thuyền cách thuyền cách đạo lại đây muốn hoàn tuyên di giáo, lời bèn chưa nhã, quả thực đáng tức giận. Đâu có thể vì một lời nói sai lầm mà khiến muôn vạn người không được dẫn dắt!

Nhân đó, ban lệnh truy đuổi ngài. Ngài nói với kẻ xứ rằng:

- Thật biết ơn thánh chỉ, xong không dự bị để vâng mạng.

Từ đó, ngài dẫn đạo bạn nửa đêm hướng thẳng đến Lô sơn.

Sa-môn Thích Tuệ Viễn từ lâu đã thầm phục phong thái thanh danh của ngài. Nghe ngài đến, Tuệ Viễn vui mừng nghiêng lộng đón rước như xưa. Tuệ Viễn cho rằng ngài bị tẩm xuất chẳng qua là do môn nhân như hyuền kí có năm chiếc thuyền, chỉ nói vậy đồng ý đối với luật cũng không phạm. Tuệ Viễn bèn bảo đệ tử Đàm Ung gởi thư đến chùa chúa Tần cũng như chư Tăng ở Quang trung để cởi mở việc của ngài. Tuệ Viễn bèn thỉnh ngài giảng dạy các kinh Huyền Số, chí nguyện của ngài là muốn du hóa chứ chẳng ngồi không cầu an. Ngài dừng ở Lô sơn được ít năm lại đi đến Giang lăng ở phía Nam, gặp các thuyền người ngoại quốc. Thế rồi hỏi han, quả thật là năm chiếc thuyền ngài thấy

trước kia vậy. Mọi người khắp nơi tranh nhau tìm đến cúng lễ phụng thờ, tất cả mọi thứ cúng dường, ngài đều không nhận. Ngài giữ phận trì bát khất thực, không phân biệt giàu nghèo.

Bấy giờ, Trần Quận Viên báo làm thái úy trưởng sử của vua Võ Đế (420-423), đời Tiền Tống, Võ Đế đến phương nam đánh phạt Lưu Nghị, Viên Báo theo phụ đến Giang lăng, ngài dẫn đệ tử Tuệ Quán đến Viên Báo khuất thực. Báo vốn không tin nên đãi ngài rất lạnh nhạt, ăn trưa no ngài đã từ biệt ra đi, Viên Báo:

- Tợ như không đủ nên không dừng ở lâu.

Ngài bảo:

- Thí chủ cúng dường mà tâm hạn hẹp nên khiến sự thiết bày đã hết sạch.

Viên Báo liền gọi người chung quanh mang cơm thêm, quả thật là cơm đã hết, Viên Báo vô cùng hổ thẹn. Thế rồi, Báo hỏi Tuệ Quán rằng:

- Sa-môn ấy là người như thế nào?

Tuệ Quán đáp:

- Đức lượng cao xa chẳng phải kẻ phàm có thể suy lường được.

Báo vô cung thán phục sự khác thường, nên tấu trình cùng thái úy. Thái úy xin được cùng diện kiến và rất sùng kính ngài, cúng dường đầy đủ mọi thứ. Bỗng chốc mà thái úy trở về lại kinh đô, thỉnh ngài cùng về an trú tại chùa Đạo tràng.

Năm Nguyên Gia thứ 6 (429), đời tiền Tống, ngài viên tịch, hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi.

27. Thần tăng Đàm Thúy

Thích Đàm Thúy chưa rõ là người xứ nào. Xuất gia từ thuở thiếu thời, ở tại chùa Bạch mã; Hà âm. Ngài chỉ dùng rau quả qua bữa, mặt áo vải thô, tụng kinh Pháp Hoa, thường giải thích ý thú của kinh và cũng là người thường luôn cởi mở cho mọi người. Thường ở trong đêm, bỗng nghe tiếng gõ cửa và thưa rằng:

- Muốn xin thỉnh pháp sư thuyết pháp cho chín tuần!

Ngài không hứa khả; xong, cố thỉnh ngài nên ngài mới đến giảng, và cũng chỉ riêng trong giấc ngủ, đến lúc tỉnh giấc thì thân đã trong đền thờ thần ở hốc núi Bạch Mã cùng với một đệ tử. Từ đó, ngày ngày hai thầy trò kính đáo song giảng. Sau, chư Tăng trong chùa đi ngang qua đền, thấy có hai tòa cao, ngài ngồi phía Bắc, vị đệ tử ngồi phía nam, lại như có tiếng giảng nói và nghe mùi hương thơm kì lạ. Từ đó, kẻ tăng

người tục cùng rao truyền thần dị. Đến khi mãn hạ, thần cúng dường một con ngựa trắng, năm con dê trắng và chín mươi sấp lụa. Ngài trú nguyện xong, từ đó dứt tuyệt.

28. Thần tăng Đăng Sư

Thần tăng Đăng Sư ở chùa Đại lâm, Khuông lư, tụng thông kinh Pháp Hoa, ngày đêm không ngừng nghỉ. Một ngày nọ bỗng thấy giữa không trung có một điện bạc dần dần hạ xuống nơi phòng và biến thành điện vàng, ngài bèn vào trong điện, đứng ngoài kinh thành, cứ như thế trong ba năm. Tứ chúng xa gần trang nghiêm hương hoa theo ngài cầu xin thọ giới. Ngài bảo:

- Ban ngày lắm sự thi tạp, tâm nhiều tán loạn, nên giữa đêm thanh tịnh vắng lặng mà thọ giới.

Đến đêm tối, ngay lúc thuyết giảng giới tướng Tam quy. Khi đó, trong giọng nói của ngài phóng ra luồng ánh sáng chiếu soi khắp đại chúng. Đại chúng thấy ánh sáng, đua nhau lễ bái huyên thuyên ồn náo, ngài liền ngưng giảng và ánh sáng cũng dần dần biến mất. Ngài bảo:

- Vốn muốn trong lúc thọ giới thấy được ánh sáng mà quý vị ồn náo. Ánh sáng là biểu hiện điềm tốt lành của việc thọ giới, chưa phải là chánh duyên đắc giới. Nên lập lại như từ đầu.

Đại chúng im lặng, ngài lại thuyết pháp và phóng ánh sáng, chúng lại ồn náo, nhân đó mà ngài dừng nghỉ. Sáng ngày trở lại, ngài liền từ biệt trở vào núi, chỗ hiện điện vàng hoàn lại như cũ. Một ngày nọ, bỗng nhiên ngài bảo mọi người:

- Nay lên điện vàng không còn trở lại.

Ngay ngày đó, bỗng chốc siêu hóa.

29. Thần tăng Bảo Thông

Ngài Bảo Thông tinh tu phạm hạnh, trường kỳ trí tụng phẩm Đà-la-ni trong kinh Pháp Hoa, hỏi có phần linh dị. Bấy giờ, ở thôn Dương kiều, có gia đình họ Triệu, người vợ bị thần gạ gẫm, nên thỉnh ngài trì chú. Ngài vừa đến nhà ấy, thần liền hiện hình, ngài bảo rằng:

- Phàm là thần ở trong thôn ấp, hợp lý phải nên vun bồi phước đức. Cớ sao trái lại gạ gẫm hại người?

Thần thưa:

- Việc đó không phải do đệ tử làm mà chính do tiểu quỷ thuộc hạ làm.

Liền gọi tiểu quỷ đến trước trách phạt. Nhân đó mà người vợ họ

Triệu được lành bệnh, bèn ca ngâm suốt đêm. Gia đình lại thỉnh cầu ngài, ngài đến xem và trách quỷ tại trước giường bệnh. Ngài bảo:

- Trước ta đã răn trị ngươi không được trở lại. Nếu ngươi không đi, ta sẽ trì tụng thần chú khiến đầu ngươi chia chẻ thành bảy phần như nhánh cây a-lê.

Quỷ liền gục đầu thống thiết cầu xin ngài chớ có trì tụng thần chú. Từ đó, bệnh dứt hẳn và quỷ không còn trở lại nữa.

30. Thần tăng Tuệ Thiệu

Thần tăng Tuệ Thiệu, không biết gốc tích ngài ở đâu. Từ thuở bé thơ, mỗi lúc mẹ mớm cơm có cá thịt ngài liền nhả bỏ, từ đó ngài không ăn các thứ cay nồng. Năm lên 8 tuổi, ngài xuất gia làm Tăng, ngài thông hiểu kinh Pháp Hoa, kiên trì tu khổ hạnh.

Sau, ngài theo thầy là ngài Tăng Yếu trú tại chùa Chiêu đề, Lâm châu. Ngài thường nhớ nghĩ thâm ân chư Phật, phát nguyện muốn xả bỏ thân mạng để báo đáp. Ngài bèn thuê người chặt củi chất cao một trượng ở thạch thất tại Đông sơn, ở giữa mở một cái khám rồi trở về chùa báo cho thầy ngài biết. Thầy ngài cản ngăn. Song, ngài chẳng vâng theo. Từ đó, ngài định ngày đến núi thiết hội Bát Quan Trai, mọi người khắp nơi đều tụ hội về, mây phủ khắp hang núi. Đến đêm tối, ngài tự hành hương, cầm đuốc châm lửa vào củi rồi vào trong khám ngồi tụng phẩm Dược Vương xả thân trong kinh Pháp Hoa, lửa men cháy đến trán vẫn còn nghe tiếng tụng kinh. Đại chúng bỗng thấy một vị sao lớn như Bắc đẩu sa thẳng xuống trong lửa, giây lát sao thăng biến lên giữa trời. Mọi người đều cho rằng "Đó là điềm từ cung trời đến nghênh đón."

Ngài từng nói với các bạn đồng học rằng:

- Nơi chỗ tôi thiêu thân, sẽ mọc lên cây ngô đồng, xin chớ chặt phá nó!

Quả thật sau ba ngày ngài thiêu thân, tại đó có cây ngô đồng mọc, kẻ Tăng người tục đều lấy làm lạ đó.

31. Thần tăng Ngộ Thuyên

Thần tăng Ngộ Thuyên ở đất Thục, ngài hiệu là Giác Hải, có chân tánh sáng suốt.

Có người nhà giàu ở Hạp châu, tên là Trình Di Bá, năm hai mươi chín tuổi, một đêm nọ mộng thấy cha ông ta bảo rằng:

- Nội trong năm nay ông sẽ chết. Nên đến hỏi ngài Giác Hải.

Di Bá mịt mờ chẳng hiểu gì. Một hôm có vị Tăng đoán tướng, tự

hiệu là Giác Hải, Di Bá xin đoán tướng một quẻ, hỏi rằng

- Tôi sống thọ được bao lâu?

Ngài Giác Hải bảo:

- Lão Tăng đều không cầu.

Ngài chỉ tìm kiếm một chén nước, hà hơi vào trong nước, đưa cho Di Bá uống và bảo:

- Đêm nay, có mộng tốt lành, có thể bảo tướng cho ông biết.

Ngay đêm đó, Di Bá mộng thấy đến một quan phủ, ở phía hành lang bên trái, kẻ nam người nữ áo mũ nghiêm chỉnh đều cùng nhau mừng vui, còn ở hành lang bên phải đều là những người bị gông cùm bó buộc, kêu gào khóc lóc nước mắt rơi dầm dề. Bên cạnh có một người bảo Di Bá rằng:

- Ở hành lang bên trái là những người chăm lo tu sửa cầu đường, ở hành lang bên phải là những người thuyền xuyên phá hủy cầu đường. Nếu ngươi muốn cầu phước thọ thì hãy tự chọn lấy.

Di Bá tỉnh giấc mộng, liền phát tâm làm cầu đường trong phạm vi trăm dặm, mỗi mỗi đều tu sửa nghiêm chỉnh. Khi công việc hoàn thành, ngài Giác Hải trở lại bảo:

- Ông làm việc như vậy có thể kéo dài mạng sống được mười năm!

Từ đó, trên mọi nẻo đường, Di Bá đều dốc công tu sửa không hề biết mệt mỏi. Di Bá thọ được chín mươi hai tuổi. Trong gia đình, năm đời đồng chung sống xướng minh hưng thịnh.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 3

32. Thần tăng Đàm-vô-sấm

Thần tăng Đàm-vô-sấm còn gọi là Đàm-ma-sấm. Ngài người nước trung Thiên Trúc. Năm lên sáu tuổi, chịu tang thân phụ, một mình cùng sống với mẹ. Ngài được Sa-môn Đạt-ma-da-xá nhận làm đệ tử, tập học Tiểu thừa. Sau, ngài gặp được Thiền sư Bạch Đầu, bèn thọ học Đại thừa. Năm hai mươi tuổi, ngài tụng các kinh điển Đại thừa lẫn Tiểu thừa hơn hai trăm vạn lần.

Anh của ngài giỏi hay chế ngự điều phục loài voi. Cởi mà giết chết voi lớn tai trắng của nhà vua. Vua tức giận giết chết anh ngài và ban lệnh:

- Kẻ nào dám nhìn nhận kẻ đó thì sẽ giết cả ba họ.

Bà con thân thích không ai dám đến nhìn. Ngài khóc mà đem chôn xác anh ngài. Vua tức giận muốn giết ngài, ngài bảo:

- Nhà vua về pháp luật giết anh tôi, còn tôi vì tình thân thích mà chôn cất. Đều chẳng trái với đại nghĩa, sao lại bị oán giận ư?

Mọi người chung quanh nghe thấy vậy mà đứng tim, còn ngài thần sắc vẫn tự nhiên. Nhà vua thấy ngài có chí khí khác thường, liền lưu giữ lại mà cúng dường.

Ngài thông hiểu chú thuật, phàm hướng việc gì đều có ứng nghiệm, ở Tây Vực đều xưng ngài là đại Chủ sư. Sau, ngài theo nhà vua vào núi, nhà vua khát nước mà tìm không được, ngài mới âm thầm trì chú, nước từ trong khe đá chảy ra. Nhân đó, ngài ca ngợi rằng:

- Do sự cảm ứng âm trạch của Đại vương bèn khiến đá khô sinh ra suối nước!

Các nước chung quanh nghe vậy đều tán thán ân đức của vua. Đến khi mưa thuận gió hòa, trăm họ đều ngợi ca, nhà vua rất vui thích đạo thuật của ngài và càng thêm sủng ái. Thời gian sau, nhà vua đổi ý, tiếp đãi ngài có phần lạnh nhạt. Hơn nữa, ở một nơi lâu ngày nên ngài cũng chán nãn, bèn từ biệt đi đến nước Kế Tân, muốn xiển dương giáo

pháp Đại thừa, song không hợp với quần chúng nước đó. Ngài liền đi thẳng hướng Đông, đến nước Quy Tư, một thời gian sau, ngài lại đến xứ Cô tàng. Dừng ở tại nhà trạm, sợ mất kinh điển nên ngài gối đầu nằm ngủ, có người khuyên ngài để xuống đất, ngài kinh hãi cho là kẻ trộm. Như vậy liên tiếp ba đêm. Bỗng nhiên, ngài nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Kinh điển là kho tàng giải thoát của Đức Như Lai, sao đem để gối đầu nằm?

Ngài mới tạm ngộ nên mới đặt để ở chỗ cao. Đến tối, có kẻ trộm, qua vài lần nâng nhấc, trọn không động đậy. Sáng sớm, ngài mang kinh mà đi chẳng lấy làm nặng nề. Kẻ trộm thấy vậy cho là Thánh nhân, bèn chạy lại lễ bái tạ tội.

Bấy giờ, vua xứ Hà tây là Trở Cừ Mong Tổn chiếm cướp Lương Thổ. Ngài thường bảo Mông Tổn rằng:

- Có vào nơi tụ lạc, hẳn là có nhiều tai dịch.

Mông Tổn không tin, muốn được chính mắt thấy mới là thực nghiệm. Ngài liền dùng pháp thuật khiến Mông Tổn thấy mà khiếp sợ. Ngài bảo:

- Phải nên thanh khiết chí thành thọ trì trai giới trì tụng thần chú để dứt trừ nó đi.

Ngài trì chú ba ngày rồi bảo Mông Tổn rằng:

- Quỷ đã đi.

Bấy giờ trong địa vực có người thấy quỷ, bảo rằng:

- Thấy vài trăm dịch quỷ tuôn chạy thốt nhiên mà chết. Nên trong tụ lạc được an ổn.

Bấy giờ, Ngụy Lỗ Thác Bạt Đào nghe ngài có đạo thuật, sai sứ đến thỉnh đón ngài. Mông Tổn đã phụng thờ ngài lâu ngày nên không nhẫn nở để ngài đi. Sau lại đến nghênh đón, Mông Tổn đã tiếc ngài không ở lại. Lại bởi sự cưỡng bức của Ngụy Lỗ, đến tháng ba năm Nghĩa Hòa thứ ba (433), đời Trở Cừ Mông Tổn, ngài nhân đó xin đến phương Tây tìm lại phần sau của kinh Niết-bàn. Mông Tổn tức giận vì nói ngài muốn đi, mới kín bày mưu hại ngài, dối đem tư lương cung cấp khi đi, tặng các vật báo rất nồng hậu. Gần đến ngày ra đi, ngài rơi nước mắt, nói với mọi người rằng:

- Sấm tôi, nghiệp quả sắp đến, các bậc Thánh cũng không thể cứu vãn! Vì vốn có tâm thệ nguyện đại nghĩa chẳng dung dừng.

Lúc ra đi, quả thật Mông Tổn sai thích khách đón đường hại ngài. Ngài thọ được bốn mươi chín tuổi. Năm đó là năm Nguyên Gia thứ 10

(433), đời tiền Tống. Mọi người xa gần đều than tiếc!

Thế rồi, thường ngày Mông Tổn thấy chung quanh mình có quỷ thần dùng kiếm đánh Mông Tổn. Đến tháng tư, Mông Tổn lâm bệnh nặng mà chết.

33. Thần tăng Bôi Độ

Thần tăng Bôi Độ, không biết tên họ ngài là gì. Ngài thường cỡi chén gỗ để qua sông, mọi người nhân đó mà gọi ngài là Bôi Độ*.

Đầu tiên, ngài ở Kỷ châu, chẳng tu tế hạnh mà thần lực ngài thật trác việt, người đời chẳng thể suy lường nguyên do. Ngài thường ngủ lại tại một nhà nọ ở phương Bắc, trong nhà đó có một tôn tượng bằng vàng, ngài trộm lấy mang đi, chủ nhà biết được bèn đuổi theo, thấy ngài đi thông thả mà cỡi ngựa rượt theo không kịp. Đến sông Mạnh tân, ngài thả chén gỗ nổi trên nước, nương vào đó mà qua sông, không cậy nhờ gió hay bơi chèo mà nhẹ nhàng đi mau như bay. Chốc lát qua tới bờ kia rồi đi đến chốn kinh đô. Lúc ấy ngài khoảng bốn mươi tuổi. Ngài đeo mang lam lũ gần như chẳng vật che thân, nói năng úp mở, mừng giận bất thường. Hoặc đang lúc tiết trời rét lạnh mà gục đầu trong băng tuyết tắm rửa hay mang giày leo lên núi, hoặc đi bộ vào chợ. Chỉ mang theo một bồ cỏ lau, ngoài ra không vật gì khác. Ngài thường đến Sa-môn Pháp Ý ở chùa Diên hiền. Ngài Pháp ý dùng một phòng riêng để tiếp đãi ngài.

Sau, ngài muốn vượt qua sông, ở bờ sông, nói với chủ thuyền. Chủ thuyền bảo không chịu chở ngài đi. Ngài lại bước chân lên chén, ngoảy lườm nhìn, nói vịnh, tự nhiên, chén lướt dòng thẳng đến bờ phía Bắc. Ngài đi về hướng Quảng lăng, gặp nhà Thôn Xá Lý thiết hội Bát quan trai. Trước kia chưa từng quen biết, ngài đi thẳng vào trai đường mà ngồi, đặt để bồ cỏ lau ở giữa sân. Mọi người thấy ngài hình dáng xấu xí, nên không tỏ lòng cung kính. Xá Lý thấy bồ cỏ lau giữa đường muốn dời để bên cạnh bờ tường. Vài người nâng nhấc mà không lay động. Ngài ăn xong, đứng dậy xách bồ cỏ lau mà đi, và cười bảo rằng:

- Tứ Thiên vương nhà Xá Lý.

Đến lúc có một người trông coi nhìn lén trong bồ, thấy có bốn đứa bé cao độ vài tấc, mặt mày đoan chánh, áo quần sạch đẹp, từ đó mới đuổi tìm, song, không biết ngài ở đâu!

Sau đó vài ngày, mới thấy ngài ở ranh giới phía Tây, mông lung ngồi dưới gốc cây. Xá Lý lễ bái thỉnh ngài trở về nhà, thường ngày cúng dường. Ngài không chuyên trì trai giới, uống rượu ăn thịt, đến cả nem

cay, chẳng khác gì người thế tục. Bá tánh cúng dâng hoặc có lúc ngài nhận có lúc không nhận. Tại Bái Quốc có Lưu Hưng Bá làm thứ sử ở Duyên châu, sai sứ đến đón bắt, ngài mang bồ cỏ lại. Hưng Bá sai người nâng thử xem, hơn mười người nhấc không nổi, Hưng Bá tự đến xem chỉ thấy một chiếc áo nạp rách nát và một chén gỗ.

Sau, ngài trở về nhà Xá Lý được hơn hai mươi ngày. Một sáng sớm, bỗng nhiên ngài bảo:

- Ta muốn được chiếc áo ca-sa, đến trưa nay phải làm xong.

Xá Lý liền bảo người may sắm, đến trưa chưa xong. Ngài bảo:

- Ta tạm đi đây!

Đến tối không trở lại. Khắp trong khu vực nghe có mùi hương thơm khác lạ, nghi ngài bày điều quái dị, bèn tìm khắp nơi mà không thấy ngài, sau đó mới thấy chân núi cao ở phía Bắc, trải chiếc áo cà sa rách nát giữa đất, ngài nằm đó mà chết, trước đầu sau chân đều mọc hoa sen rất thơm đẹp, qua một đêm thì héo úa. Cả ấp cùng nhau an táng ngài. Sau đó vài ngày, có người từ hướng bắc đi lại bảo thấy ngài mang bồ cỏ lau đi ở hướng Bành thành, mọi người lại cùng nhau đào xới mở quan tài ra thì giày ủng hiện còn đó.

Đến Bành thành, ngài gặp cư sĩ Hoàng Hân, rất kính tin Phật pháp. Thấy ngài, Hoàng Hân đảnh lễ rồi thỉnh ngài về nhà. Nhà Hoàng Hân rất nghèo chỉ có cơm gạo tẻ mà thôi, ngài chấp nhận vui vẻ ở đó được nửa năm. Bỗng nhiên ngài bảo Hoàng Hân rằng:

- Ông có thể tìm kiếm ba mươi sáu cái bồ cỏ lau, tôi cần dùng đến thứ đó.

Hoàng Hân đáp:

- Lúc này chỉ có khoảng mười cái, nghèo không lấy gì để mua, sợ không có đủ.

Ngài bảo:

- Ông chỉ kiếm tìm trong nhà hẳn là có.

Hoàng Hân liền kiếm tìm khắp nơi, quả thật có được ba mươi sáu cái, đem bày nó giữa sân. Tuy có đủ số đó nhưng phần nhiều bị hư nát. Bỗng chốc, Hoàng Hân lần lượt xem kỹ lại thì đều là mới và nguyên vẹn. Ngài phong kín lại, nhân đó bảo Hoàng Hân mở ra, mới thấy tiền bạch đều đầy, có thể đến trăm vạn. Những người biết được khen rằng:

- Ngài phân thân đến cõi khác, chỗ đáng được cúng thí.

Nên vội cùng nhau đem đến cúng thí Hoàng Hân, Hoàng Hân nhận rồi đều đem làm mọi việc công đức. Trải qua một năm thì ngài từ biệt ra đi. Hoàng Hân lo sắm mọi thứ lương thực. Đến sáng sớm, thấy

lương thực vẫn còn đó mà chẳng biết ngài đã đi đâu.

Sau, ngài đi đến hướng Đông vào Ngô quận, trên đường đi thấy có người câu cá, nhân đó mà đến xin cá. Người đó cho một con cá đói, ngài đưa tay bắt lấy rồi quăng thả vào nước bơi lội mà đi. Lại thấy một người đang chài lưới cá, ngài cũng đến xin cá, người ấy tức giận mắng chửi không cho, ngài mới nhặt hai viên đá ném vào trong nước, bỗng chốc có hai con bò nước đấu đá nhau trong lưới, đến khi lưới rách nát thì không còn thấy bò và ngài cũng ẩn mất. Ngài đến sông Tùng bèn ngửa nón để trên nước, nương đó mà qua bờ, ngài vượt qua Cối kê, Diệm huyện, lên núi Thiên thai. Vài tháng sau ngài trở lại chốn kinh đô.

Thuở thiếu thời, ngài đi ở bất thường. Đàm Việt thỉnh mời nhưng có lúc đến lúc không. Bấy giờ ở Nam châu, có nhà họ Trần giàu có đầy đủ mọi tiện nghi. Ngài đến nhà ông ta, rất được cung kính đón tiếp. Nghe dưới thành đô lại có một vị cũng tên là Bội Đồ, cả năm cha con nhà Họ Trần đều không tin nên kéo nhau xuống Thành đô để xem thử, quả thật có một người hình tướng giống hệt Bôi Độ ở nhà. Trần bày một hộp mật gừng, cùng con dao, hương huân lục, khoan tay... Bôi Độ đều ăn mật gừng đến hết, còn các vật khác vẫn còn y nhiên ở dưới chân. Cả năm người sợ đó là Bôi Độ hiện ở nhà bèn phái hai người ở đó trông xem, còn ba người trở về lại nhà. Bội Đồ ở nhà vẫn như cũ, dưới chân cũng có hương, con dao... chỉ khác là không ăn mật gừng mà thôi. Ngài mới nói nhà họ Trần rằng:

- Con dao bị lụt, có thể mài nó đi.

Hai người kia trở về nhà bảo:

- Bôi Độ kia đã dời đi đến chùa Linh thứu.

Gia đình họ Trần tìm cầu hai bức giấy vàng viết thư, viết không thành chữ, trái hợp đồng ấy, bèn hỏi:

- Thượng nhân viết hợp đồng như thế nào?

Ngài không đáp. Cuối cùng cũng chẳng biết ra sao cả.

Bấy giờ, tại Ngô quận, có Chu Linh Kỳ đi đến Ca ly, lúc trở về, gặp gió thổi thuyền phiêu bạc đến chín ngày, đến một châu nọ, nơi ấy có núi cao lớn, bèn vào núi hái củi. Đi hơn mười dặm, nghe có tiếng khánh và khói hương, khi ấy mọi người cùng nhau xưng niệm Phật lễ bái. Bỗng chốc thấy một ngôi chùa rất trang nghiêm tráng lệ, phần nhiều toàn bằng thất bảo. Lại thấy có hơn mười người bằng đá, mới cùng lễ bái rồi trở lại. Đi khoảng một quãng đường, lại nghe tiếng xướng dẫn, liền dừng lại nhìn xem cũng chỉ là người đá, Linh kỳ..., cùng nhau bảo rằng:

- Đó là Thánh tăng, chúng ta là những kẻ có tội nên không thấy được!

Nhân đó, mọi người cùng nhau chí thành sám hối. Tàn canh mới thấy được người thật. Những vị đó là vì Linh Kỳ... bày các thức ăn. Thức ăn chỉ là rau quả mà mùi vị thơm ngon khác hẳn ở đời. Xong rồi cùng nhau cúi đầu lễ bái. Xin trở về cố hương. Có một vị Tăng bảo:

- Ở đây cách thành đô hơn hai mươi dặm, khiến mọi người chí tâm không lo không mau vậy, nhân đó hỏi Linh Kỳ rằng:

- Có biết đạo nhân Bôi Độ chăng?

Linh Kỳ đáp:

- Rất biết!

Vị Tăng đó chỉ ở vách tường phía Bắc có một cái Hồ treo tích trượng và bình bát, bảo rằng:

- Đó là trú xứ của Bôi Độ.

Và viết thư để trong hòm, lại có một gậy trúc xanh, vị Tăng ấy bảo Linh Kỳ:

- Chỉ cần ném chiếc gậy này vào trong nước trước mui thuyền rồi đóng cửa thuyền mà tĩnh tọa, không cần phải nhọc sức, hẳn khiến mau tới vậy.

Đến lúc từ biệt, lại bảo một vị Sa-di đưa đến trên cổng bảo rằng:

- Đường này chỉ đi bảy dặm là đến thuyền, chẳng cần đi theo đường trước kia nữa.

Quả thật đi về hướng Tây bảy dặm là tới thuyền, đúng như lời chỉ bày. Chỉ nghe thuyền đi trên núi cây cối mọc cao nên không thấy nước. Trải qua ba ngày thì đến hòn đá sông hoài rồi dừng lại, lại cũng không thấy gậy trúc ở đâu. Thuyền vào sông Hoài đến Chu tước, mới thấy Bôi Độ cỡi thuyền la lớn, vỗ vỗ vào thuyền bảo:

- Ngựa, ngựa sao chẳng đi?

Mọi người cũng đều trông thấy. Linh Kỳ cùng với những người trên thuyền đều từ xa kính lễ Bôi Độ. Ngài mới tự xuống thuyền lấy thư và bình bát. Mở thử ra xem, chữ viết không người nào biết. Ngài cười lớn, bảo:

- Muốn gọi ta về ư?

Ngài ném bình bát vào trong mây, rồi lại đón lấy, bảo:

- Bình bát này ta không thấy đã bốn ngàn năm.

Ngài thường xuyên ở chỗ ngài Pháp Ý, chùa Diên hiền, người thời bấy giờ cho rằng bình bát đó là vật hiếm lạ nên đua nhau đến trông xem. Có đứa tớ gái của Canh Thường thường trộm đồ vật mà trao đổi,

tuy tìm khắp mọi nơi mà không bắt được mới hỏi ngài. Ngài bảo:

- Nó đã chết tại trong gò mã bên cạnh bờ sông Kim thành.

Qua xem quả thật đúng như ngài nói. Bấy giờ có Khổng Minh Tử làm Hoàng Môn thị lang, ở nhà bị bệnh lỵ, viết thư đến cầu thỉnh ngài, ngài chú nguyện xong bảo rằng:

- Khó lành khỏi.

Thấy có bốn con quỷ đều bị thương đón chặn Ninh tử, khóc nói:

- Xưa kia Tôn Ân làm loạn, nhà bị quân người phá hoại, cha mẹ và người chú đều bị thống khổ khóc liệt.

Sau, thiết trai thỉnh chư Tăng cúng dường. Trong trai tòa có một vị Tăng khuyên thỉnh mời ngài Bôi Độ. Ngài đến chú nguyện một lần, người bệnh liền lành. Tề Hài kính phục thờ ngài làm thầy. Nhân đó mà viết truyện ký. Từ đó về sau mọi sự thần dị của ngài chẳng thể ghi lại hết. Tháng 9 năm Nguyên Gia thứ 3 (426), đời tiền Tống, ngài từ biệt Tề Hài đi về hướng Đông, để lại một vạn tiền và các vật nhờ Tề Hài làm trai pháp. Từ đó ngài đi mất biệt. Đi đến Xích sơn, thì bà mẹ vợ họ Hồ bị bệnh mà chết. Tề hài liền vì thiết lập trai hội, đồng thời đưa thi hài về an táng ở núi Phú chu, Kiến giang.

Năm Nguyên Gia thứ 04(427), Ngô Hưng Thiệu rất kính tin Phật pháp, lại mắc bệnh thương hàn, không người nào dám thăm, mới buồn khóc xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Bỗng thấy một vị Tăng đến bảo rằng:

- Tôi là đệ tử của ngài Bôi Độ. Người chớ buồn lo, lát nữa ngài sẽ tìm đến thăm!

- Ngài Bôi Độ viên tịch đã lâu, sao lại có thể đến ư?

Đạo nhân đáp:

- Đến đâu khó gì.

Liền sờ vào đầu y và lấy ra một hộp hứa tán cho Hưng Thiệu uống, bệnh liền lành hẳn. Lại có Cổ Tăng Ai ở tại Nam cương, ngày xưa đã từng kính phục thờ Bôi Độ, có đứa con dại mắc bệnh rất nặng, mới nghĩ nhớ ân hận không gặp được ngài để trì niệm thần chú cho. Song, sớm mai bỗng thấy ngài lại nói năng như thường, liền vì niệm chú, người bệnh liền lành.

Đến tháng 3 năm Nguyên Gia thứ 05(428), ngài trở lại nhà Tề Hài, Lã Đạo Tuệ nghe mà kinh ngạc, Đổ Thiêu, Tỳ Thủy, Khâu Hy... cũng thấy và đều kinh hãi, liền đứng dậy lễ bái. Ngài nói với mọi người rằng:

- Năm nay có hung tai lớn, phải siêng tu nghiệp. Đạo nhân Pháp

Ý là người rất có đức, nên đi đến đó tu sửa dựng lập lại chùa xưa để lấy đó mà cầu tiễn tai họa.

Bỗng chốc trên cửa, có một vị Tăng kêu gọi ngài, ngài liền từ biệt mà đi, bảo rằng:

- Bần Đạo phải đến xứ Giao châu, Quảng châu, không trở lại nữa.

Tề hài cùng mọi người lễ bái tiễn đưa rất ân cần. Từ đó, ngài vắng bặt. Khuynh Thế cũng nói lúc ấy có thấy ngài thật.

34. Thần tăng Đàm Đế

Thích Đàm Đế, dòng họ Khương. Tổ tiên ngài vốn người Khương cư. Khoảng thời vua Linh Đế(168-189), Đông Hán, dời đến ở nhờ đất Trung Quốc. Đến cuối thời vua Hiến Đế (190-220), Đông Hán, gặp loạn nên dời đến Ngô Hưng. Thân phụ ngài là Dung, từng làm Ký châu biệt giá. Thân mẫu ngài họ Hoàng, ban ngày nằm ngủ mộng thấy vị Tăng gọi bà là mẹ, gởi một mảy bụi vụn và chai Thiết lũ thư Trấn. Đến lúc tỉnh giấc thấy hai vật ấy hiện còn bên mình, nhân đó mà mang thai, sinh ra ngài.

Năm lên năm tuổi, mẹ ngài đem những thứ đó chỉ cho ngài. Ngài bảo đó là vật của vua Tần tặng cho. Mẹ ngài hỏi:

- Con để nơi nào?

Ngài đáp:

- Không nhớ.

Đến năm mười tuổi, ngài xuất gia. Học chẳng phải theo thầy, ngộ tự thiên phát. Sau, ngài theo thân phụ đến Phiền Đặng, bỗng thấy Sa-môn Tăng Lược ở Quan trung, liền gọi tên ngài Tăng Lược, Tăng Lược bảo:

- Gả đồng tử sao gọi tên Lão Túc ư?

Ngài nói:

- Trước kia đã từng thế, nên bỗng gọi. À, trước kia Sa-di Đàm Đế tôi đã từng vì chúng Tăng đi hái rau bị heo rừng làm tổn thương, bất chợt mà mất tiếng vậy. Tăng Lược từng là đệ tử của Hoằng Giác, vì chúng Tăng đi hái rau bị heo rừng hại tổn thương.

Ban đầu, Tăng Lược không nhớ, mới hỏi cùng thân phụ ngài. Thân phụ ngài nói rõ đầu đuôi, và chỉ bày cho thấy thư Trấn; mãy bụi vụn... Tăng Lược bèn sực ngộ mà khóc, nói rằng:

- Vậy đây quả đúng là tiên sư của tôi, Pháp sư Hoằng Giác. Thầy từng giảng kinh Pháp Hoa cho Diêu Trành, bần đạo là Đô Giảng. Diêu

Trành tặng thầy hai vật, nay hiện còn đây.

Tuy tính lại ngày Pháp sư Hoằng Giác xả bỏ báo thân tức là ngày gởi vật. Và nhớ lại sự việc hái rau, càng thêm bi ngưỡng.

Ngài thích ở chốn suối rừng. Sau, trở về lại Ngô Hưng vào núi cũ Chương côn, nhàn cư uống dùng nước suối hơn hai mươi năm. Đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454), ngài viên tịch tại trong núi, thọ hơn sáu mươi tuổi.

35. Thần tăng Cầu-na-bạt-ma

Cầu-na-bạt-ma, Hán dịch là Công Đức Khải. Ngài vốn giòng Sát đế lợi. Gia tộc đã nhiều đời làm ma cai trị tại nước Kế Tân. Năm mười bốn tuổi ngài thấy rõ căn cơ, thông đạt sâu sắc, nhân ái rộng khắp, kính sùng tài đức chuyên tâm làm lành. Thân mẫu ngài thường muốn ăn thịt các loài dã thú nên bảo ngài làm. Ngài bảo:

- Phàm các loài có sinh mạng không loài nào chẳng ham sống, cắt đứt mạng sống của chúng tức là người bất nhân!

Năm hai mươi tuổi, ngài xuất gia thọ giới, thông suốt chín bộ loại kinh giáo, hiểu rộng khắp (?), tụng kinh hơn trăm vạn lời, thân đạt luật tạng, khéo vào yếu chỉ Thiền tông. Người thời bấy giờ đã tôn xưng ngài là Tam tạng Pháp sư. Đến năm ngài 30 tuổi, đại vương nước Kế Tân băng hà, không có người nối ngôi, mọi người cùng bàn với nhau rằng:

- Cầu-na-bạt-ma là giòng giỏi hoàng gia, thêm nữa ngài có đủ tài trí thông minh, đức hạnh cao trọng, có thể thỉnh ngài hoàn tục để tiếp nối ngôi vị đế vương.

Quần thần khoảng vài trăm vị hai ba lần có thỉnh cầu. Song, ngài không ưng thuận, mới từ biệt thầy trái chúng, gá mình chốn hang cốc, độc thân chốn sơn dã, ẩn dấu nơi dân gian. Sau đó ngài đến nước Xà-bà, trước đó một ngày, hoàng thái hậu nước Xà-bà ban đêm mộng thấy có một đạo sĩ dùng thuyền bay mà tới. Sáng sớm mai quả thật là ngài đến đó. Hoàng thái hậu rất kính trọng dùng lễ thánh nhân mà phụng thờ ngài, đồng thời cầu xin thọ từ ngũ giới. Nhân đó, hoàng thái hậu khuyên nhà vua rằng:

- Do nhân duyên đời trước nay được cùng làm mẹ con. Nay ta đã thọ giới mà con không kính tin Tam bảo, e rằng nhân đời sau hoàn toàn dứt tuyệt từ quả ở đời nay!

Nhà vua vội vã vâng theo lời dạy của hoàng thái hậu, liền phụng mạng thọ giới. Dần dần lâu ngày, chuyên tinh có phần thuần thục. Bỗng có quân lính nước lân cận xâm lấn lãnh thổ, nhà vua bèn thưa cùng ngài

rằng:

- Quân giặc bên ngoài cậy sức mạnh muốn xâm chiếm nước nhà, nếu cùng đánh nhau, hẳn giết hại rất nhiều, còn bằng không chống cự lại thì nguy vong sắp đến. Nay chỉ nương nhờ Tôn sư, chứ chẳng biết suy tính sao cả.

Ngài bảo:

- Quân giặc bạo ngược công kích, ta nên phải bảo vệ giữ gìn. Nhưng chỉ nên bảo vệ và khởi tâm Từ bi, chớ dấy niệm giết hại.

Nhà vua tự thân thống lãnh binh lính phỏng theo đó mà thực hành, cờ trống mới nổi lên, quân giặc tự lui tan. Nhà vua bị vấp phải mũi tên rơi lạc nên bị thương ở chân, ngài liền vì chú nguyện trong nước để tẩy rửa vết thương, qua hai đêm thì bình phục. Sau nhà vua vì ngài mà tạo dựng tinh xá, đích thân nhà vua bào chuốc cây gỗ nên bị thương ở tay chân. Ngài lại vì thế mà chú nguyện điều trị, chỉ khoảng thời gian ngắn bèn bình phục.

Bấy giờ, tại kinh đô (nước Trung Hoa), có vị Sa-môn danh đức như ngài Tuệ Quán, Tuệ Thông... từ xa nghe phong phanh nên muốn được tham kiến bẩm thọ. Tháng 9 năm Nguyên Gia thứ nhất (424), đời tiền Tống, các ngài dâng biểu khải tấu trình vua Văn Đế xin được đón thỉnh Cầu-na-bạt-ma. Nhà vua bèn ban sắc Giao châu thứ sử ra lệnh đưa thuyền đi thỉnh mời, Sa-môn Tuệ Quán... lại bảo các Sa-môn Pháp Trường, Đạo Xung, Đạo Tuyển... đến nước Xà-bà để cầu thỉnh ngài, vua Văn Đế biết ngài đã đến Nam Hải, lúc đó lại ban sắc các Châu quận chuẩn bị phát xuất từ hạ kinh và đường đi là ngang qua Thỉ hưng, dừng nghỉ độ một năm. Tại Thỉ hưng có núi Hổ thị, hình dáng cao vót, đứng trơ trọi, đỉnh núi cao tuyệt, ngài cho rằng hình dáng phảng phất tương tợ núi Kỳ-xà-quật, mới đổi tên là núi Linh Thiếu. Ở ngoài chùa núi lập riêng một Thiền thất, cách chùa vài dặm, không nghe tiếng khách. Mỗi lúc tiếng chùy vang lên là ngài đã đến, hoặc xông mưa không thấm ướt, hoặc lội đạp bùn sình mà không hề dơ, kẻ Tăng người tục thời bấy giờ không ai ai cũng tôn sùng kính trọng. Tại chùa có điện Bảo nguyệt, ở tường phía Bắc điện tự tay ngài đắp họa tượng ngài La Vân và hình Định Quang Nhu Đồng Bố Phát. Sau khi đắp họa hoàn thành, hằng đêm tôn tượng phóng ánh sáng rất lâu mới hết.

Thỉ hưng thái thú Thái Mậu Chi rất kính ngưỡng ngài, lúc Mậu Chi sắp chết, ngài đến thăm và giảng pháp an ủi. Sau, người nhà mộng thấy Mậu Chi tại trong điện cùng chúng Tăng giảng pháp.

Tại núi đó, trước kia tai họa vì hổ rất nhiều. Từ lúc ngài đến ở đó,

ngày qua đêm lại, có khi gặp hổ phải dùng gậy đè đầu để gỡ nạn mà đi. Ngài thường nhập thất tọa thiền nhiều ngày. Chư Tăng trong chùa bảo một vị Sa-di đến hầu ngài. Thấy một con sư tử trắng tựa trụ mà đứng, khắp thất mọc đầy hoa sen xanh, vị Sa-di ấy kinh sợ kêu lớn, mọi người đến xem thì bỗng nhiên không thấy sư tử nữa.

Sau, trước lúc viên tịch, ngài để lại bài văn di chúc bằng kệ tụng gồm 36 ba mươi sáu hàng. Tự nói kệ nhân duyên là đã chứng nhị quả, tự tay ngài phong dán lấy rồi giao cho đệ tử A-sa-la, bảo:

- Sau khi ta tịch, có thể đem bài văn này về trình bày cùng chư Tăng ở Tây Trúc và cũng nên trình bày với chư Tăng ở xứ này. Đến khi viên tịch, ngài ngồi riết già trên giường dây, nhan sắc dáng mạo chẳng đổi khác, tợ như đang nhập định. Tăng tục kéo đến hơn cả ngàn người đều nghe mùi hương thơm phảng phất, và đều thấy một vật hình dạng như rồng rắn dài khoảng một thất xuất hiện bên cạnh nhục thể ngài và bay thẳng lên trời, chẳng thể bảo ban gì. Đại chúng y theo pháp ngoại quốc, cử hành lễ trà-tỳ nhục thể ngài trước giới đàn nam lâm, ngài hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi.

36. Thần tăng Tăng Lượng

Ngài Tăng Lượng, chưa rõ là người ở đâu. Ngài hành trì giới hạnh mà hiển danh. Muốn tạo một tôn tượng có trượng sáu bằng vàng. Nghe nói ở miếu Ngũ tử tư tại Tương châu có nhiều đồ đồng, nghe ngài bảo thứ sử Trương Thiệu cho nhờ mượn một trăm người mạnh khỏe và mười chiếc thuyền lớn. Trương Thiệu nói:

- Ở miếu đó rất linh nghiệm, ai phạm đến hẳn là chết, vả lại người mang giữ gìn, há có thể lấy được ư?

Ngài bảo:

- Nếu quả thật có phước đức thì cùng Đàn-việt cùng làm, còn như có sai trái thì tự thân phải gánh chịu!

Trương Thiệu bèn cung cấp người và thuyền, đi ba ngày đến miếu. Trước miếu có hai cái vạt dung chứa khoảng hơn trăm hộc, trong vạt có rắn lớn dài hơn mười trượng ra ngăn chặn đường. Ngài mới cầm tích trượng chú nguyện vào đó, rắn liền lánh ẩn đi. Bỗng chốc thấy có một người cầm hốt đi ra, bảo:

- Nghe ngài đạo nghiệp rất tùy hỷ!

Khi đó bảo người kéo xe lấy đồng trong miếu. Nhiều đến mười phần chỉ lấy một mà thuyền đã đầy, kịp lúc trở về gặp gió nước rất thuận tiện, nên bọn người mau bảo nhau cùng đuổi bắt không kịp. Về

đến kinh đô, chú đúc tôn tượng đã hoàn thành, chỉ thiếu ánh sáng, vua Văn Đế(424-454) làm vầng hào quang bằng vàng mỏng, an trí tại chùa Bành thành. Khoảng trong niên hiệu Thái Thỉ(465- 472), đời tiền Tống dời tôn tượng đến chùa Tương cung.

37. Thần tăng Đạo Sinh

Thần tăng Trúc Đạo Sinh, vốn dòng họ Ngụy, người xứ Cư lộc. Vừa mới sinh mà ngài đã dĩnh ngộ thông thiết, thân phụ biết ngài chẳng phải người phàm nên vô cùng mến thương mà lấy làm lạ. Sau, gặp Sa-môn Trúc Pháp Thải ngài bèn cải tục quy y. Đến tuổi có chí học hành, ngài liền đến giảng tòa, nói năng nghe nhận, biện hỏi ngôn từ trong trẻo như châu ngọc. Tuy sớm trông mong cầu học mà chư Tăng danh sĩ ở đương thời đều lo khuất nhục cùng lời, chẳng dám đảm nhận răn dạy. Đến năm thọ giới Cụ túc thì tài năng soi sáng ngày càng một sâu đậm.

Đầu tiên, ngài vào Lô sơn ở ẩn bảy năm, thường lấy yếu chỉ của sự nhập đạo Tuệ Giải làm chính, nên ngài nghiên cứu các kinh điển, muôn dặm theo thầy. Chẳng sợ khổ nhọc. Sau, ngài đến Trường an theo ngài La-thập để thọ học, Tăng chúng ở Quan trung cho là Thần ngộ. Ngài trở về trú ở chùa Thanh viên. Vua Vũ Đế (420- 423), vua Văn Đế (424- 454), đời tiền Tống đều rất ngợi khen kính trọng. Sau, vua Vũ Đế thiết cúng trai hội, thỉnh mời Tăng chúng đến dự trai diên, vào trai đường đã quá lâu, đại chúng đều nghi là đã xế chiều. Nhà vua bảo:

- Mới chỉ là buổi trưa.

Ngài nói:

- Mặt trời sáng rực giữa trời, đại vương bảo chỉ mới là trưa, sao được chẳng phải là giữa trưa?

Liền bưng bát thọ thực, khi đó cả chúng đều theo ngài. Không ai chẳng khen ngài là then chốt ở giữa.

Thời bấy giờ, phẩm sau kinh Niết-bàn chưa truyền đến Trung Hoa, ngài nói:

- Hàng Nhất-xiển-đề đều sẽ thành Phật. Chỉ bởi kinh ấy truyền đến chưa đầy đủ hết.

Lúc đó, các vị Sa-môn thiên chấp văn tự, vu khống ngài là tà đạo nên mặc tẩn rồi trục xuất ngài đi, ngài bạch cùng đại chúng, phát lời thệ nguyện rằng:

- Nếu điều tôi giảng nói chẳng hợp với lý kinh thì hay xin hiện thân này chịu phải quả báo xấu ác, còn nếu thật khế hợp với tâm Phật thì nguyện lúc xả bỏ báo thân là đang ngồi trên tòa sư tử.

Nói rồi, ngài liền phất áo vào núi Hổ khâu ở Đất thục, dựng đá làm đồ chúng để giảng kinh Niết-bàn. Đến chỗ nói: "Xiển-đề có Phật tánh", ngài hỏi:

- Như điều tôi giảng nói có khế hợp với tâm Phật chăng?

Tất cả các viên đá đều gục đầu chấp thuận.

Mùa hạ năm đó, sấm sét nổ vang nơi điện Phật chùa Thanh viên, rồng bay lên trời, ánh sáng phản chiếu ở bức tường phía Tây. Nhân đó đổi tên chùa là chùa Long quang.

Người thời bấy giờ ca ngợi rằng:

- Rồng đã bay đi, hẳn ngài Đạo Sinh sẽ hành đạo!

Bỗng chốc mà theo vết Lô sơn tiếu cảnh hang cùng chót vót, chư Tăng trong núi đều cùng nhau kính phục. Sau, đại bản kinh Niết-bàn truyền đến Nam kinh, quả thật có nói:

- Xiển-đề hẳn có Phật tánh.

Giống như điều giảng nói của ngài Đạo Sinh rất tương phù khế hợp. Ngài có được bản kinh đó, liền giảng nói.

Năm Nguyên Gia thứ 11(434), đời tiền Tống, tại Lô sơn, ngài lên pháp tòa giảng kinh Niết-bàn. Đến lúc gần xong, bỗng thấy mảy bụi lẫn lộn tự nhiên rơi vải, ngài đoan tọa, dung mạo nghiêm trang tựa ghế mà tịch.

38. Thần tăng Đàm-ma-mật-đa

Đàm-ma-mật-đa, Hán dịch là Pháp Tú. Ngài người nước Kế Tân. Năm bảy tuổi, thần minh trong sáng, mỗi khi gặp pháp sự, ngài liền vui mừng nhảy nhót. Song thân ngài mến thương mà lấy làm kỳ lạ, bèn cho ngài xuất gia. Tại Kế Tân thời bấy giờ có nhiều bậc Thánh tăng xuất hiện, nên ngài thường gặp minh sư. Ngài thấu suốt các kinh, thâm đạt thiền pháp, các yếu chỉ đạt được đều vô cùng vi diệu sâu mầu. Ngài là người trầm lắng hài hòa có tuệ giải, nghi quỷ rõ ràng đoan chánh. Thuở bình sinh, lông my ngài liền nhau, nên người đời gọi ngài là My Hòa thượng.

Thời niên thiếu, ngài thích du phương, phát chí nguyện tuyên hóa, đi khắp các nước rồi đến Quy Tư. Trước đó một ngày, Quốc vương nước đó mộng thấy có vị thần bảo:

- Có người đại phước đức ngày mai sẽ đến nước này, ông nên cúng dường.

Sáng sớm nhà vua liền ban lệnh cho ngoại ty:

- Nếu có người khác lạ vào cửa ải hẳn phải gấp báo cho ta biết.

Bỗng chốc thì ngài đến. Nhà vua đích thân ra đền bang giao nghênh đón, thỉnh ngài vào cung, nhà vua bèn theo ngài để thọ giới pháp, giữ lễ cung kính cúng dường tứ sự. Ngài tuy an túc mà hay đổi dời chẳng câu nệ bởi lợi dưỡng, ở đó được vài năm, ngài có tâm ý muốn ra đi, Thần lại giáng mộng báo cho nhà vua biết rằng:

- Người phước đức đó sắp bỏ nhà vua đó mà đi!

Vua kính sợ tự nhiên kinh giác. Thế rồi vua tôi cố lưu giữ ngài, mà ngài không chấp thuận. Bèn vượt qua Lưu sa, đi đến Đôn hoàng, nơi địa thế nhàn tĩnh rộng rãi dựng lập tịnh xá, trồng ngàn gốc táo mở vườn rộng trăm mẫu, phòng nhà hồ rừng rất là nghiêm tịnh. Một thời gian sau ngài lại đến Lương châu, dừng trú tại một chùa xưa nơi Công phủ, tu bổ sửa sang lại phòng ngài nhà. Học chúng đông đúc thực hành hiền pháp rất thạnh ngài thường vì Vương kỳ ở Giang hữu có trí muốn hoằng truyền giáo pháp.

Năm Nguyên Gia thứ nhất (424), đời tiền Tống ngài lần lượt đến đất Thục, bỗng chốc mà ra khỏi mỏm núi, dừng trú tại Kinh châu, ở chùa Trường sa tạo dựng thiền các, Kiều Thành khẩn thiết cầu thỉnh xá-lợi. Hơn mười ngày, bèn cảm ứng một viên va chạm vào bình phát ra âm thanh và phóng ánh sáng khắp thất. Môn đồ kẻ Tăng người tục thảy đều tăng tiến dũng mãnh, đồng tâm trí có đến trăm người. Một thời gian sau, ngài lại men theo dòng thẳng hướng Đông đến chốn kinh đô. Ban đầu ngài trú tại chùa Trung hưng. Về sau, ngài dừng nghĩ tại chùa Kỳ-hoàn. Tiếng tăm hoằng đạo của ngài vang khắp liên bang, ngài đến kinh phủ, mọi người nghiên thành lễ kính, từ Tống Văn Viên cho đến hoàng hậu thái tử công chúa thảy đều thiết trai ở quế cung, thỉnh răn tiêu dịch. Kẻ sứ tham hầu mười ngày cùng trông ngóng ở tại chùa Kỳ-hoàn, ngài phiên dịch các bộ kinh thiền; Thiền Pháp Yếu, Phổ Hiền Quán... Ngài thường dùng đạo thiền để giảng dạy truyền trao hoặc ngàn dặm cầu học bổn chúng. Xa gần mọi người đều tôn xưng ngài là Đại Thiền Sư.

Cối kê thái thú Bình Xương Mạnh Khải dốc lòng tin chánh pháp, lấy việc Tam bảo làm việc của chính mình, vốn ưa thích thiền vị, tâm kính cẩn quan trọng. Kịp lúc sang phía hữu sông chiếc, thỉnh ngài cùng đi, đến núi huyện mậu, vì ngài mà dựng lập chùa tháp. Tại phương Đông, xưa cũ có thói quen xu hướng đồng bóng cầu đảo. Đến lúc diệu pháp hoằng hóa, thảy đều bỏ tà quy chánh. Từ Tây đến Đông không lo chẳng phục.

Năm Nguyên Gia thứ 10 (433), đời tiền Tống, ngài trở lại kinh

đô, dừng chân ở chùa dưới Định lâm tại Chung sơn. Ngài vốn thiên tánh lắng động trầm tĩnh thanh nhã, ưa thích sơn thủy. Nhân vì Chung sơn núi lớn mạch suối đẹp nhiều hoa, ngài thường than chùa dưới xây dựng khe suối thấp nghiêng, từ đó chở đất đắp ngang bằng, đo đốc thế núi. Năm Nguyên Gia thứ 12(435) chặt cây phá đá xây dựng chùa trên. Nhân dân sĩ thứ khâm phục phong quang nên phụng cúng chất chồng. Thiền phòng điện vũ xây dựng thành tầng. Từ đó những người muốn lắng lòng từ muôn dặm tìm đến. Phúng tụng túc ung trông dáng vẻ mà thành chuyển hóa. Thiền sư Đạt ở chùa Định lâm là đệ tử thần túc của ngài, xiển dương phong giáo của ngài, tiếng tăm chấn động cả kẻ Tăng người tục. Nên hay tịnh hóa lâu dài mà chẳng đổi, thấy nghiệp mãi tôn sùng mà không thay. Bởi vì di phong của ngài vô cùng mãnh liệt, nên từ Tây Vực cho đến đất Nam, phàm những chỗ đi qua không đâu mà chẳng tạo lập đàn hội, phu diễn giáo pháp.

Xưa kia, lúc đầu, ngài khởi hành đi hoằng hóa là từ nước Kế Tân, có Thần vương Ca-tùy là hộ vệ đưa đường, giữa đường đến nước Quy Tư, thần muốn trở lại nên hiện hình cáo từ ngài, nói rằng:

- Ngài thần lực thông biến, tự tại đi lại mọi nơi. Đến lúc tôi không cùng với ngài đi tới phương Nam!

Nói xong liền thâu ẩn hình dáng, xa theo đến thành đô. Tức nay ở chùa trên có bức tượng đắp họa ở tượng vách, đến ngày nay vẫn còn ứng nghiệm qua thanh cảnh. Những người thanh khiết chí thành cầu phước, không ai chẳng được hưởng như ý nguyện.

Năm Nguyên Gia thứ 19 (442), đời Tiến Tống ngày mồng 6 tháng 7, ngài viên tịch tại chùa trên, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi.

39. Thần tăng Cầu-na Bạt-đà-la

Cầu-na Bạt-đà-la, Hán dịch là Công Đức Hiền, người xứ trung Ấn Độ. Vì ngài học giáo pháp Đại thừa nên thời bấy giờ tôn xưng ngài là Ma-ha diễn. Ngài vốn giòng dõi Bà-la-môn, thời thơ ấu tập học ngữ minh, và các luận, sau gặp được luận A-tỳ-đàm tạp tâm, vừa đọc bèn tỉnh ngộ, mới kính sùng Phật pháp. Gia đình ngài đời thờ phụng ngoại đạo, cấm tuyệt Sa-môn, ngài bèn bỏ nhà trốn đi phương xa tìm thầy học đạo, vứt bỏ trâm cài xuống tóc xuất gia, chuyên chí tinh học kịp đến lúc thọ giới Cụ túc, ngài thông suốt Tam tạng. Ngài đến các nước Sư tử... đếu có trạm dừng, tưa tiễn cúng dường tư lương. Ngài có duyên với phương Đông, theo thuyền nổi trôi giữa biển không một chút gió, đạm khí lặng im, mọi người trên thuyền đều lo sợ. Ngài bảo:

- Nên đồng tâm hiệp lực cầu niệm mười phương chư Phật, xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, đừng lo không cảm ứng!

Rồi ngài mật tụng kinh chú chí thành lễ sám. Bỗng chốc có tin gió bão đến, mây nhóm rưới mưa, cả thuyền đều được cứu giúp.

Thời tiền Tống, thừa tướng Tiêu Vương nghĩa tuyên trấn tại Kinh châu, tạo dựng phòng điện, thỉnh ngài giảng các kinh Hoa Nghiêm... mà ngài tự nghĩ chưa thông, thạo tiếng Trung Hoa nên trong lòng cảm thấy hổ thẹn. Ngài liền sớm tối lễ sám. Thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm cầu xin minh ứng, khi ấy liền mộng thấy có một người mặc áo trắng cầm kiếm vác đầu một người đi lại trước mặt ngài hỏi:

- Cớ sao lo buồn vậy?

Ngài bèn thuật lại đầy đủ sự việc. Vị ấy bảo:

- Không gì phải lo lắm!

Bèn dùng kiếm đổi đầu và thay lại đầu mới, bảo ngúc ngắc xoay chuyển rồi hỏi:

- Có đau không?

Ngài đáp:

- Không đau!

Bỗng nhiên ngài cảm thấy tâm thần vui mừng. Sáng sớm thức dậy ngài nói năng và hiểu nghĩa tiếng Trung Hoa rành mạch. Từ đó ngài giảng nói các kinh.

Đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (459), đời tiền Tống, Tiêu vương thường mộng thấy điềm lạ, đem hỏi ngài, ngài đáp:

- Kinh đô sắp có họa hoạn, chưa đến một năm thì Nguyên Hung có ý đồ tạo phản, đến đầu niên hiệu Hiếu Kiến (454), Tiêu Vương âm mưu nghịch tiết. Ngài lộ vẻ buồn thảm chưa kịp mở lời, Tiêu Vương hỏi ngài về nguyên do. Ngài khẩn thiết can ngăn, mới rơi lệ mà nói rằng:

–Hẳn không mong mỏi gì. Bần đạo chẳng thể đi theo!

Tiêu Vương vì tình hình mọi sự vật nên ép bức ngài cùng đi theo. Tại Long sơn bị bại trận nên thuyền càng trở nên gấp rút, cách bờ càng lúc càng xa, lại bị phân chia hoàn toàn không được cứu giúp, ngài chỉ nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, tay nắm dây cung, gieo mình xuống dòng sông, nước ngang tới đầu gối, dùng gậy chích nước, nước chảy xiết. Thấy một đồng tử từ xa chạy lại đưa tay dẫn đi. Ngài ngoảnh lại nói với đồng tử rằng:

- Ông bé nhỏ làm sao cứu tôi được?

Trong khoảnh khắc hốt hoảng tưởng chừng mới đi hơn mười bước nhưng phút chốc đã lên bờ. Ngài liền cởi áo nạp muốn thưởng cho đồng

tử, quay lại tìm kiếm thì không thấy nữa, khắp mình ngài lông dựng đứng.

Bấy giờ, Vương Hiền mô đóng quân tại Long sơn. Vua Thế Tổ (454-465, đời Tiền Tống) ban lệnh trong quân phải tìm được Ma-ha Diễn, khéo xử lý đưa tin về đài. Bỗng chốc triệu được ngài, liền bảo thuyền lớn đưa ngài về đô. Vua Thế Tổ liền ra diện kiến, vặn hỏi quanh co, bảo:

- Mong ngóng đã nhiều ngày, nay đay có tìm mới cùng gặp.

Ngài bảo:

- Đã nhiễm máu lệ, phận đáng thành tro bụi, nay được tiếp kiến, thật đội ân!

Sắc lệnh hỏi đều chuẩn định ngài là giặc. Ngài bảo rằng:

- Người xuất gia không dự vào việc quân trận, song Trương Xương, Tống Linh Tú... đều là ép bức bần đạo, rõ ràng chẳng có mưu đồ chỉ bởi túc duyên mà gặp việc như thế!

Nhà vua bảo:

- Không gì phải lo.

Ngay ngày đó liền ban sắc ngài trú tại hậu đường, cùng dường các thứ y vật, cung cấp người hầu hạ, kịp đến lúc chùa Trung hưng xây dựng hoàn thành thì ban sắc ngài dời đổi nơi cư trú.

Sau, ở tại biên giới Mạc lăng, phía Tây lầu phụng hoàng, ngài dựng lập ngôi chùa. Thường đến nữa đêm có tiếng gõ cửa kêu gọi, ra xem chẳng thấy có người, chúng Tăng thường thấy ác mộng. Ngài đốt hương chú nguyện rằng:

- Các người túc duyên ở tại đây, nay tôi tạo lập chùa, phàm hạnh đạo lễ sám, thường vì các người. Nếu ở thì phải thiện thần ủng hộ chùa chiền, nếu không thể thì mỗi vị hãy tùy tìm nơi an trú!

Thế rồi kẻ tăng người tục đồng một đêm mộng thấy quỷ thần đông đến hàng ngàn đều khiên vác rời đi, từ đó chúng Tăng trong chùa được an ổn.

Năm Đại Minh hứ 06(463), tiết trời hạn hạn, cầu đảo khắp núi sông nhiều tháng mà chẳng ứng nghiệm. Vua Thế Tổ thỉnh ngài để để cầu mưa hẳn có cảm ứng nếu không được thì chẳng thấy nhau nữa. Ngài nói:

- Nương nhờ Tam bảo và y thiên của bệ hạ để mong cầu ắt hẳn sẽ ba giáng ân trạch. Nếu không thành tựu thì chẳng phải gặp nhau nữa.

Ngài liền đến Bắc hồ điếu đài đốt hương cầu thỉnh, chẳng đoái hoài ăn uống, im lặng tụng kinh, gia trì mật chú, gặp ngày hôm sau, đến

buổi quá trưa, từ phía Tây bắc mây nổi lên, ban đầu chỉ như lọng xe, đến lúc mặt trời xế bóng cành dâu thì gió chấn động, mây ùn kéo lại, liền ngày mưa đổ. Ngài vẫn cầm nắm lò hương chưa từng nghỉ tay. Mỗi lúc ngài thọ thực thì chim muôn bay nhóm nơi tay ngài mổ lấy thức ăn. Đến đời vua Thái Tông (Minh Đế, 465-473, đời tiền Tống), càng cúng dường lễ kính rất mực chí thành.

Tháng giêng năm Thái Thỉ thứ 4 (468), ngài cảm thấy trong thân thể bất an, bèn cùng vua Thái Tông và các công khanh... cáo biệt. Trước lúc viên tịch ba ngày, ngài trì hoảng hồi lâu mà trông ngóng, bảo:

- Thấy hoa trời và Thánh tượng.

Gần trưa thì tịch, ngài hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi.

40. Thần tăng Tuệ Đạt

Thích Tuệ Đạt, vốn dòng họ Lưu, tên là Tất Hòa. Vốn người xứ Định dương Khể Hồ phía Đông bắc ba thành Hàm dương. Đầu tiên, ngài không biết phụng thờ Phật pháp, sau nhân uống rượu mắc bệnh, chết ngất thấy đủ tướng các thứ khổ của chốn địa ngục, nhân đó mà xuất gia làm Tăng, trú tại Quận văn thành.

Đến năm Thái Diên thứ nhất (435), đời vua Thái Vũ Đế; thuộc Bắc Ngụy, ngài du hóa sắp xong, tiện việc trở lại phương Tây, đi đến phía Đông bắc huyện Phan hòa; Lương châu, ngóng trông ngự cốc mà từ xa kính lễ. Mọi người chẳng ai hiểu gì cả, mới hỏi nguyên do. Ngài bảo:

- Núi này sẽ có tôn tượng xuất hiện. Nếu linh tướng viên mãn hoàn bị thì đời an lạc thời vận khương thái, còn như có bị sứt khuyết thì đời loạn lạc dân chúng thống khổ.

Sau đó tám mươi bảy năm, đến đầu niên hiệu Chính quang (520), bỗng trời nổi gió mưa, sấm sét nổ vang chấn động khắp núi, tự nhiên xuất hiện một tượng đá toàn thân trượng tám, hình tướng đoan nghiêm chỉ không có đầu. Bèn leo lên chọn đá bảo thợ chạm trổ một đầu tượng riêng biệt, đem đặt lên rồi bèn rơi xuống. Nhân đó bèn để như vậy. Ngụy Đạo Lăng chờ đợi kiểm nghiệm lời ngài nói vậy. Đến thời Bắc Chu năm thứ nhất (557) thống trị Lương châu, tại một khe suối cách phía Đông thành bảy dặm tự nhiên có phát ra ánh sáng soi chiếu khắp cùng, mọi người trông thấy lấy làm lạ, thì ra đó là đầu tôn tượng, liền thỉnh đến đỉnh núi Nham an, quả thật rất phù hợp, tướng hảo tròn đầy. Kể từ đó nước nhà thái bình. Đến năm Bảo Định thứ nhất (561), đời Bắc Chu, đặt làm chùa Thụy tượng. Các hàng học giả tri thức mới biết sự soi

xét trước của ngài.

Sau, ngài đi đến huyện Tửu tuyền ở Túc châu, viên tịch trong một khe suối cách thành bảy dặm về hướng Tây. Hài cốt ngài đều nát vụng như Quý Tử Đại có thể xuyên thủng. Nay phía Tây thành trong một nơi chùa cổ, tôn tượng đắp vẽ về ngài hiện đang còn.

41. Thần tăng Lặc-na-mạn-đề

Ngài Lặc-na-mạn-đề là Tăng sĩ Thiên Trúc, trú tại chùa Vĩnh ninh ở thành Lạc dương trong triều đại Bắc Ngụy (386-534). Ngài tinh thông ngũ minh khéo biết đạo thuật.

Bấy giờ, mẹ của Tín Châu thứ sử Kỳ là bà Hoài Văn khéo lo nghĩ hiểu biết nhiều, thiên trình lắm nghề, bà có quan hệ với quốc gia xây dựng cung thất khí giới, lợi ích công tư tối ưu một thời. Bà lại ban lệnh tu sửa chùa Vĩnh ninh, thấy ngài có dị thuật, thường đưa tặng cầu nương mong có tiếng tăm, mà ngài xem đó là bình thường, ban đầu không định tiếp nhận. Bà sinh lòng tức giận ngài. Bấy giờ, ở phía Nam Lạc dương tại quán Huyền vũ có một người khách tên Nhu Nhu, xưa đã từng ở với ngài tại Tây Vực trao đổi áo da ngựa. Đến lúc tạo dựng chùa, hai người cùng cười nói vỗ tay, ngày ngày không biếng lười. Bà Hoài Văn đứng bên cạnh nghe nói không hiểu nên đi lại, nói với ngài rằng:

- Đệ tử là người có việc tốt, gần lại cúng dường trông mong ngài ban ý mà toàn chẳng cho một lời. Đó là kẻ Bắc địch lòng thú mặt người, giết hại sinh mạng uống máu ăn thịt sao ngài lại mến chuộng? Bất kỳ lúc nào đối diện, liền thành bỉ thử.

Ngài bảo:

- Nhà ngươi chớ khinh lờn người ấy. Giả sử có đọc muôn quyển sách để dùng việc chưa hẳn hơn được người ấy vậy.

Hoài Văn nói:

- Nếu kẻ ấy có biết thì nên cùng so tài đánh ngựa.

Ngài bảo:

- Ngươi có tài gì ư?

Hoài Văn đáp:

- Khả năng toán thuật bất kể là nhìn núi, trông nước so lường cao sâu, đo bồ, đạp hố, chẳng lẫn lộn thăng hợp.

Ngài cười mà nói:

- Đó là chỉ là trò đùa của trẻ thơ.

Trước sân có một cây táo rất lớn, quả rất nhiều trĩu cành, bấy giờ là đầu tháng bảy đều đã chín mùi. Ngài ngửa mặt nhìn lên cây táo,

bảo:

- Ngươi biết trên cây có bao nhiêu trái táo ư?

Hoài Văn lấy làm lạ, cười bảo:

- Chỗ biết của toán hẳn y cứ câu cổ làm tiêu chuẩn thì thiên văn địa lý cũng có thể suy lường. Cây có thêm bớt có hình tượng gì mà tính ư? Thật là lời nói khinh dối.

Ngài đưa tay chỉ và Nhu Nhu bảo:

- Người này thì biết được điều đó.

Hoài Văn càng tức giận không tin, liền lập khế ước đánh ngựa. Chư Tăng; các bậc lão túc trong chùa đều đến xem, đứng một bên làm chứng. Ngài nói rõ đầy đủ cùng Nhu Nhu rằng:

- Bà Hoài Văn cười mà nhận đó.

Hoài Văn lại yêu cầu rằng:

- Hẳn là phải biết bao nhiêu để kết thành hạt, bao nhiêu bị ứ chết không thành hạt.

Quyết định chấp thuận sẽ xong, Nhu Nhu lấy trong đẩy da ở lưng ra một vật tợ như cái lân ngày nay, xâu chỉ ngũ sắc, chỉ xỏ riêng viên ngọc trắng, dùng nó mà ước tính về cây, hoặc trên hoặc dưới, hoặc bên cạnh hoặc độ nghiêng, kéo chỉ gần nhau xoay quanh hồi lâu rồi hướng về ngài Lặc-na-mạn-đề lay đầu mà cười, thuật lại số tính, mới sai người đập rơi trái thật xuống hết, mọi người đều xem qua. Bởi nghi ngờ nên Hoài Văn vạch ra tự xem kiểm hiệu số lượng trái có thật chăng. Cuối cùng không thiếu không dư. Nhân đó Nhu Nhu được thắng, lấy ngựa mà về.

Mỗi lúc ngài thấy người từ dưới Lạc thành xa đến Thiếu Thất Cao tung chặt lấy củi, tự bảo rằng:

- Mọi người tợ như đất gánh chịu tất cả mọi sự khổ. Ta muốn dùng hai núi gối đầu xuống nước. Đợi người chặt đủ mới hoàn lại như cũ chẳng lấy làm khó. Đây chỉ là số thuật vậy. Chỉ bởi những người không biết mới cho ta là bậc Thánh. Vì vậy mà không dám!

Đến lúc sắp tịch, ngài nói cùng đệ tử rằng:

- Ta chỉ trụ ở đây độ năm ba ngày nữa thôi rồi đi đến một xứ khác, các ông phải nghĩ nhớ tu tập chánh đạo, chớ ôm hoài quyến luyến!

Bèn đóng cửa phòng đến giường mà nằm, đệ tử đứng ở cửa lén nhìn qua lỗ hổng, thấy ngài thân chẳng đặt trên giường mà nằm ngửa lơ lửng giữa khoảng không, vội cùng bảo đồng bạo nhìn xem, bỗng nhiên một vị Tăng ho ra tiếng, ngài nằm lại xuống giường như cũ. Từ xa bảo rằng:

- Ai đang đứng ngoài cửa sao chẳng lại vào?

Vì giường nóng nên ta cố tìm chút mát vậy, các ông chớ lấy làm lạ!

Sau đó vài ngày, ngài thị tịch.

42. Thần tăng Tăng Ý

Thích Tăng Ý, không biết ngài là người ở đâu. Thần lực rất uy nghiêm, mỗi lúc ngài lên tòa giảng nói, liền có hoa trời rải xuống nơi pháp tòa. Trong thời Bắc Ngụy (386-534), ngài trú tại chùa Cốc sơn của Lãng Công ở Thái sơn. Trong chùa có bảy tôn tượng Cao Ly... đều bằng vàng đồng, tôn trí tại pháp đường của chùa, cửa chùa thường mở và chim thú chẳng dám vào. Ngài phụng pháp tự nuôi dưỡng, kiểm thúc tự thân cúng dường. Trước khi viên tịch một đêm có một vị Sa-di qua đời đã lâu hiện hình về lễ bái, nói với ngài rằng:

- Con xa lìa phụng thờ ngài đến nay thường vì Thiên đế Khu Sử vội vàng không rãnh rỗi phế tu đạo nghiệp. Không bao lâu nữa, Thiên đế sẽ thỉnh ngài giảng kinh. Nguyên nhân một lời mà được khỏi hình khổ!

Ngài liền tắm rửa đốt hương đoan tọa trong tỉnh thất, chờ đợi đến thời. Tới lúc đúng kỳ hạn quả thật có vị trời đến chùa vào phòng ngài, áo mũ bằng lông đẹp lạ đặc thù. Chư Tăng lúc đầu thấy thế chỉ cho rằng đó là người giàu sang quý phái ở đời vào núi tham yết, chẳng sinh kinh dị. Đến lúc, cũng ngay ngày ấy, ngài không bệnh mà thị tịch mới biết là linh cảm.

43. Thần tăng Đạo Phong

Thích Đạo Phong, chưa rõ ngài là người thuộc dòng tộc gì, người đời tôn xưng ngài là hàng đắc đạo. Ngài cùng ba người đệ tử sống trong núi cổ; Tương châu, chẳng cầu lợi dưỡng. Các thứ nghệ thuật ở đời, không thứ gì chẳng hiểu.

Đời Nam Tề, vua Cao Đế (479-483), tới lui đất Nghiệp thường qua hỏi thăm ngài, ngài ứng đối chẳng nghĩ ngợi, tùy sự mà nêu bày. Vua từng bảo mang rượu và chưng thịt để trước mặt ngài mời ăn dùng, ngài chẳng từ nhượng cứ ăn no, vua cười lớn cũng chẳng cùng nói với ngài một lời. Sau khi vua lên xa giá đi rồi, ngài bảo đệ tử:

- Vất bỏ vật ở đầu giường!

Và lúc nhấc giường thì thấy chưng thịt vẫn còn đều chẳng như chỗ đã nhai cắn.

Bấy giờ, tại chùa Thạch quật có một vị Tăng tọa thiền, mỗi ngày đến ở phía Tây trông nhìn về đỉnh núi phía Đông có một tượng vàng trượng tám hiển hiện. Vị Tăng đó vui mừng riêng cho đó là thấy được điềm linh nên ngày lễ bái, như vậy có thể trải qua hai tháng. Sau tại trong phòng nằm, bỗng nghe nơi gối có tiếng nói, hỏi vị Tăng đó rằng:

- Trong thiên hạ, ở đâu có Phật. Ông nay thành đạo tức là Phật. Ông phải khéo tạo thân Phật chớ tự khinh thoát.

Vị Tăng đó nghe rồi, bèn khởi trì trọng, nhìn chư Tăng chung quanh còn như cỏ rác. Ở trước đại chúng, đưa tay chỉ vào ngực, bảo:

- Các ông có biết chân Phật chăng? Khám bùn họa tượng nói chẳng ra lời, biết nghĩ làm sao? Các ông thấy được chân Phật mà chẳng biết lễ kính, còn làm bổn mục khinh ta, thảy đều đọa địa ngục A-tỳ.

Thêm nữa, tròng mắt đã đỏ ngầu kêu gọi thất thường. Cả chúng đều biết đó là kinh thiền, kịp trước lúc chưa phát, bèn khiêng đến chỗ ngài Đạo Phong. Ngài bèn đến hỏi:

- Hai tháng trở lại đây, ông thường thấy trên đỉnh núi phía Đông có hiện ra tượng vàng ư?

Vị Tăng ấy đáp:

- Thật có thấy.

Ngài lại hỏi:

- Ông nghe nơi gối có tiếng bảo khiến ông làm Phật ư?

Đáp:

- Thật đúng vậy.

Ngài bảo:

- Đó là gió động làm thất tâm, nếu chẳng sớm trừ, thì hoặc sẽ cuồng tẩu khó mà cấm chế.

Ngài dùng kim châm ba nơi, nhân đó liền chẳng còn phát.

Đến lúc sắp tịch, ngài bảo đệ tử rằng:

- Ta ở tại núi lâu nay, khiến các ông khổ nhọc múc nước hang đá. Nay ra đi không có gì để lại, nên sẽ để lại cho một dòng suối, các ông khỏi phải trèo lên tuột xuống khổ nhọc. Gắng nổ lực siêng tu đạo nghiệp.

Liền ở bên cạnh khám các một thạch vuông bèn có dòng suối huyền, lắng ánh không đầy không giảm, đến nay hiện còn.

44. Thần tăng Tăng Điều

Thích Tăng Điều, ngài dòng họ Tôn, vốn xuất hiện cuối thời Xương lê(?), trú tại Anh đào; Cự lộc. Ngài có tánh độ lượng thuần hòa,

mỗi lần xem qua kinh Phật tự nhiên thấu suốt mọi lý lẽ, ngài xuống tóc làm Sa-di từ tuổi bé thơ. Bây giờ, mỗi lúc nhàn rỗi, đồng bạn ngài thường so lực làm vui, mà ngài thì ốm yếu nên hay bị khinh thường, ngài sinh tâm hổ thẹn. Bèn vào trong điện, đóng cửa ôm chân tên tượng thần Kim Cang mà phát thệ nguyện rằng: "Tôi vì suy nhược nên bị đồng bạn thường khinh thường, nghe ngài có đại năng lực, nên giúp đỡ tôi. Tôi nguyện ôm bưng chân ngài bảy ngày thì ngài sẽ ban cho tôi sức lực. Nếu không ban cho thì chết chứ không thoái chí!" Như vậy, đến ngày thứ 6, lúc sắp mờ sáng, thần Kim Cang hiện hình, tay cầm một bát cân (gân cốt), nói với ngài rằng:

- Này ông nhỏ! Muốn có sức lực phải ăn bát cân này.

Ngài khước từ, tự cho rằng mình giữ trai giới nên không muốn ăn. Thần bèn dùng chày mà khủng bố, ngài sợ mà ăn. Ăn xong, Thần bảo:

- Ông đã có sức lực, song, phải khéo gìn giữ; cố gắng đấy.

Thần ẩn đi thế trời sáng. Ngài trở lại chỗ ở, đồng bạn lại cười đùa khinh thường, ngài bảo:

- Tôi đây đã có sức lực, sợ e các bạn không kham nỗi đó.

Chúng bạn thử dắt cánh tay ngài, gân cốt cứng mạnh khác hẳn mọi người, mới sợ nghi, ngài bảo:

- Các bạn cùng tôi thử sức xem?

Nhân đó, vào trong điện, đạp ngang vách tường mà đi từ Tây tới Đông khoảng vài trăm bước. Lại nhảy cao, đầu đến đòn tay thứ tư, nắm tay nhanh nhẹn; mạnh khỏe lay động mọi vật nghe. Nên chúng bạn đều kính phục.

Chúng Tăng thường trú tại chùa Tung nhạc có đến trăm vị, nước suối chỉ mới vừa đủ dùng, bỗng thấy một phụ nữ mặc áo dơ xấu ôm chổi bỏ ngồi trên thềm cấp nghe chư Tăng tụng kinh, chúng không lường biết đó là thần nhân bèn mắng trách đuổi đi. Phụ nữ trong lòng tức giận, đưa chân đạp lấy dòng suối, nước bèn khô kiệt và thân cũng chẳng hiện. Chúng Tăng đem việc đó báo cùng ngài, ngài gọi:

- Ưu-bà-di!

Gọi ba lần mới hiện ra, ngài bảo:

- Chúng Tăng hành đạo, nên gia tâm ủng hộ!

Phụ nữ đưa chân khêu nơi suối cũ, nước liền vọt ngược lên, chúng Tăng hết lời tán thán.

Sau, ngài đến phía Tây Hoài châu ở núi Vương ốc, tu tập pháp trước, nghe hai con hổ giao đấu với nhau gầm thét cả núi non, ngài đưa tích trượng ra giữa để giải hòa, mỗi con tự tan ra mà đi. Một thời gian

nọ, bỗng có hai quyển kinh Tiên nằm ở đầu giường, ngài tự nói:

- Ta vốn tu theo Phật đạo, đâu bó buộc trong giới hạn trường sinh ư?

Nói xong, trong khoảng khắc tự nhiên kinh biến mất. Sau đó, ngài lại dời đến ở núi Thanh la, thọ nhận sự cúng dường của các người bệnh dịch, thương tín; ngài chẳng sợ nó vỡ mũ lây lan, cam lòng chịu nhận như là vị thuốc. Ngài ngồi lâu đau mỏi nên duỗi chân trước giường, có vị thần nâng đỡ chân trở lại tư thế ngồi kiết già. Nhân đó, mà ngài thường nhập định, mỗi lần lấy bảy ngày làm kì hạn. Nghe có chiếu sắc thỉnh mời, ngài nhất quyết không vâng mạng, khổ cúng đôn đốc dẫn dụ, ngài mới hứa khả. Ngay ngày rũ áo sắp ra cửa núi, bỗng nhiên hai ngọn núi cao chấn động âm vang buồn thảm, rối nhiễu người vật, cầm thú bay chạy như thế suốt ba ngày. Ngài xoay lại bảo:

- Mộ Đạo, hoài nhân xúc chạm mọi loại loại ở đây như thế. Há chẳng ái tình dễ giữ, phóng đãng khó gìn ư!

Mới không ước sự lưu lại gậy roi tại Chương phủ. Lại thường có khách Tăng mang tích trượng mới đến, sắp muốn có được chỗ ở, hỏi ngài về bổn hạ. Ngài đáp:

- Tôi thấy trong đây có ba ngôi Già-lam!

Nói xong liền ẩn. Thế rồi, ngài đào đất làm giếng, quả thật được hai mép cú tai mèo. Thêm nữa, trước hang tọa thiền có một vực thẳm, thấy người khác lạ mình đầy lông lá, dáng mạo như người hồ đặt phủ đốt lửa, nước sắp tuôn vọt lên, bỗng chốc có một con trăn lớn từ trong nước bò ra, muốn vào trong phủ. Ngài đưa chân khều lấy, con trăn bèn trở lại trong nước và người đầy lông lá ấy cũng ẩn mất. Đêm đó, có một vị thần Nam tử lại lễ bái, thưa ngài rằng:

- Đệ tử có các con thơ, hàng năm bị ác thần ăn lấy, các con của đệ tử tiếc mạng chẳng dám đương đầu. Đệ tử nay đã già suy sắm chết, nên tự bày ăn, mong chờ sức lực của ngài để thoát khỏi nạn ấy!

Ngài cầu nước rưới vào đó, bỗng thành sương mây.

Bấy giờ có người dèm pha ngài, nhạo báng bất kính đối với vua Tuyên Đế *. Nhà vua rất tức giận đích thân đến gia hình. Ngài biết được điều đó, từ trước đến giờ chưa bao giờ ngài đến nhà trù, bỗng nhiên không duyên cớ gì mà đến bảo rằng:

–Sáng mai có đại khách đến phải nên sắm dọn nhiều thức ăn để tiếp đãi.

Đêm đó, khoảng canh năm, ngài chuẩn bị sẵn xe bò một mình đến cửa cốc, cách chùa hơn hai mươi dặm. Một mình ngài đứng bên vệ

đường, giây lát sau, nhà vua đến, lấy làm lạ hỏi ngài về duyên cớ. Ngài đáp:

- Sợ thân thể máu thịt làm ô uế chốn Già-lam, nên đến đây đợi hầu bệ hạ!

Văn Đế nói với thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng:

- Người thật như thế, sao có thể phỉ báng ta.

Nhân đó hỏi ngài rằng:

- Trẫm chưa thấy sự khác lạ phi thường của Phật. Vả lại có thể được thấy chăng?

Ngài bảo:

- Đó không phải điều đáng làm của bậc Sa-môn.

Văn đế vẫn cố cưỡng nài, ngài mới tung áo ca-sa xuống đất, Văn Đế bảo vài mươi người nâng nhấc lên mà chẳng thể lay động. Ngài bảo vị Sa-di nhặt lượm lại, vốn chẳng nặng nhọc gì.

Tại Tung dương, người vợ của Đỗ Xương vốn dòng họ Liễu tánh rất tật đố ghét ganh. Có kẻ tớ là Kim Kinh, lúc Đỗ Xương tắm, bảo cắt tóc, Liễu bèn chặt hai tay của Kim Kinh, bỗng nhiên bất cứ việc gì Liễu làm cũng bị loài cáo đâm nọc độc rơi rụng hai tay. Lại có một kẻ tớ tên là Bảo Liên, có tài năng ca hát xướng vịnh, Đỗ Xương mến thương mà ngợi khen tài nghệ của Bảo Liên, Liễu bèn cắt lưỡi của Bảo Liên. Sau, Liễu bị thương bỏng lưỡi cấp sự, vội đến ngài cầu sám hối. Ngài trước đã biết việc đó, bèn nói với Liễu:

- Phàm người có tánh tật đố, trước kia chặt tay kẻ tớ, đã bị hậu quả mất cả hai tay, lại cắt lưỡi kẻ tớ, nay lại sắp bị đứt lưỡi vậy. Phải chí tâm ăn năn lỗi quá mới có thể khỏi được.

Liễu đãnh lễ ai cầu khẩn thiết, qua sau bảy ngày, ngài bảo há miệng rộng ra và chú nguyện vào đó, có hai con rắn từ trong miệng Liễu bò ra dài hơn một thước, ngài liền chú nguyện, rắn bèn rơi xuống đất và lưỡi cũng bình phục lại được.

Ngay giờ ngài viên tịch, hương lạ thoảng khắp chùa, người ngửi nghe sợ thần, thế rồi, định ngày, y theo lời dặn mọi người từ bốn phương đều đổ dồn về núi, người gần vài vạn, hương củi tính đến hàng ngàn. Đúng giữa trưa, dùng lửa để trà-tỳ. Không ai chẳng buồn thương rống khóc, lệ chảy thành dòng. Trong khoảnh khắc lại có chim trắng bồi hồi trên khói, kêu buồn thảm thiết, qua giờ mới bay đi.

45. Thần tăng Bảo Công

Sa-môn Bảo Công, người xứ Tung sơn Cao tế sĩ. Một sáng sớm

theo Lâm Lự đến núi Bạch lộc mãi nhìn cảnh nên lạc đường, mặt trời gần đứng bóng, bỗng nghe có tiếng chuông bèn tìm theo âm vang mà đến, núi cao hiểm trở leo trèo mà lên, mới thấy một ngôi chùa riêng lẻ trong rừng sâu, ba cửa xoay hướng chánh Nam sáng đỏ rực. Trước tiên, ngài đến chỗ cửa, xem biển ngạch đề là chùa Linh ẩn, phía ngoài cửa có năm, sáu con chó, thân hình lớn như bò, lông trắng mỏm đen, nhảy nhót hoặc nằm, đảo mắt lườm nhìn ngài. Ngài sợ, liền trở lui, trong phút chốc, thấy vị Tăng từ ngoài đi lại. Ngài gọi mà vị đó chẳng ứng đáp cũng chẳng quay lui, đi thẳng vào trong cửa, đàn chó cũng vào theo. Lát sau ngài thấy người lần lượt bước vào, cửa nhà bốn phía, cửa phòng đều đóng. Ngài đến giảng đường, chỉ thấy giường sập tòa cao nghiễm nhiên. Ngài vào gốc sáng ở phía Đông nam bước lên tòa, chốc lát bỗng nghe phía Đông có tiếng động, ngửa mặt nhìn lên thì thấy lỗ hỏng như giếng, có các vị đại Tỳ-kheo trước sau theo lỗ hỏng ấy mà bay xuống có đến năm, sáu mươi người, theo thứ lớp ngồi xong họ tự hỏi nhau:

- Hôm nay giờ thọ trai thức ăn từ đâu đến?

Có người nói:

- Dự chương thành đô, Trường an, Lãng hữu, Kế bắc, Lãnh nam, năm xứ Thiên Trúc... xứ nào cũng đến.

Động hơn muôn ngàn dặm. Cuối cùng có một vị Tăng từ không trung mà xuống, mọi người đua nhau hỏi:

- VÌ sao đến chậm vậy?

Vị Tăng đó đáp rằng:

- Ngày nay tại chùa Bỉ ngạn ở phía Đông thành Tương châu, Thiền sư Giám đang giảng hội, mỗi câu đều thụ nghĩa. Có một hậu sinh thông minh tuấn tú khó hỏi, ngôn từ nhạy bén rất là khả quan, tự nhiên lại đến trễ.

Ngài Bảo Công vốn tôn sùng Thiền sư Giám làm hòa thượng, đã nghe lời ấy rồi, muốn cùng được đàm luận. Nhân đó, ngài chỉnh trang y phục, đứng dậy bạch cùng chư tăng rằng:

- Thiền Sư Giám là Hòa thượng của Bảo Công tôi.

Chư Tăng nhìn thẳng về ngài. Trong khoảnh khắc chùa Linh ẩn biến mất. Ngài ngồi một mình dưới gốc cây tạc, không thấy gì cả, chỉ thấy toàn là núi non hang động, chim muông bay liệng náo động ồn ào.

Vừa lúc ngài ra khỏi núi, đem sự việc ấy hỏi Pháp sư Thượng Thống. Ngài Thượng Thống bảo:

- Chùa đó là Pháp sư Phật Đồ Trừng tạo lập trong thời Thạch

Triệu. Năm tháng đã lâu, chỉ có bậc Hiền thánh trú tại đó, chẳng phải chỗ ở của kẻ phàm. Hoặc trầm hoặc ẩn, dời đổi không nhất định. Ngày nay, người vào núi ấy vẫn còn được nghe tiếng chuông.

46. Thần tăng A Ngốc Sư

Thích A Ngốc Sư, không biết ngài xuất thân từ dòng họ nào, quê quán ở đâu. Bấy giờ, trước lúc nhà Chu chưa diệt, ngài đã từng ở Tấn dương chu du ở các quận ấp. Chẳng ở chùa xá, chỉ vào ra trong dân gian. Nói năng lung tung nhưng có chứng cứ. Mỗi lúc ngài đi vào chợ, dân chúng trong làng vây quanh ngài, nhân đó, ngài la lớn, đưa tay chỉ vào ngực bảo:

- Thật thương cho trăm họ các ngươi không chỗ biết. Không hay biết A Ngốc Sư ở Tinh châu!

Mọi người đều lấy đó mà gọi tên ngài.

Sau khi Tề Thần Vũ (?) dời nghiệp đô, lấy đất của binh mã Tấn dương làm cơ sở Vương Nghiệp. Bấy giờ, ngài đến Nghiệp đô. Phàm các việc binh dị quốc gia đại sự chưa nói ra ngoài màn trướng thì ngài trước đã tiếc lộ ngoài dân chúng. Đến cuối năm, sắp đặt trong thành sai người phòng giữ không cho ra vào thường xuyên. Nếu có người phạm tội trái vượt thì đưa đến cửa giam. Thường ngày ở ba cửa thành tại Tinh châu, mỗi nơi đều có một A Ngốc Sư ẩn hiện vào ra, ngăn bắt mà không thể nào được. Sau đó không lâu, có người từ Bắc châu đi lại, nói:

- Ngày mồng 8 tháng 4 A Ngốc Sư chết trong chợ ở quận Nhạn môn, gia đình Quách Hạ đem hương hoa đưa đến thi hài chôn tại ngoài thành.

Có người ở Tinh châu nghe nói thế lấy làm lạ, cười nói:

- Ngày mồng 8 tháng 4 A Ngốc Sư từ cầu sông Phân đi về hướng Đông, một chân mang giầy một chân đi không, nhưng không biết đi vào ngõ tắt phương nào. Mọi người đều thấy như thế. Sao lại nói A Ngốc Sư chết ở Nhạn môn?

Người đó trở lại Bắc châu nói cùng khắp xóm làng, mọi người cùng nhau đào mồ để xem, thì chỉ thấy một chiếc giày mà thôi, sau đó lại trở về Tinh châu. Tề Thần Vũ chẳng tin theo lời đồn đãi, chẳng dứt sự lo động dân chúng, bèn dùng yêu hoặc để trừ giết ngài, bằng cách thấy Sa-môn không có tóc* thì dùng dây móc đầu. Đến ngày hình phạt, dân chúng khắp Châu kéo nhau đến chợ xem. A Ngốc Sư mỉm cười chẳng nói năng gì. Sau sáu, bảy ngày xử hình, có người từ bộ lạc Hà tây đi lại Tinh châu, nói:

- Giữa đường gặp A Ngốc Sư hình trạng vẫn như cũ, chỉ khác là có mang sợi dây thong lòng ở đầu. Kêu gọi mà ngài chẳng ứng đáp, mà đi vội về hướng Tây.

47. Thần tăng Tăng Lạt

Thích Tăng Lạt, ngài dòng họ Lý, người xứ Thượng cốc. Xuất gia năm mười lăm tuổi, đến tham học ở Bắc đại, chuyên tinh thuật tập, đầu tiên ngài đến tạo lập chùa ở núi, sắp bước vào cửa hang, có hổ ngồi ở trước cản đường, ngài mới cầu chúc rằng:

- Ta muốn dựng lập một ngôi chùa, gieo nhân phước lợi khắp cả quần sinh. Nếu đồng ý thì nên vì tránh đường.

Nói xong, hổ liền tránh đi. Đến lúc tạo dựng chùa hoàn thành, ngài trở lại Nghiệp kinh. Đêm đó có thần hiện đến thân mặt y phục màu vàng, vái lạy rồi quỳ xuống thưa:

- Đệ tử là Đái Sơn Hồ. Nhà vua và Tam Cốc đều cúng dường đủ thứ. Xin ngài hãy trở về.

Ngài bảo:

- Ở tại núi lợi ít mà ở kinh đô thì lợi nhiều, bần đạo quán xét căn cơ mà khởi động, mong rằng chớ ngăn dừng ở.

Lại trải qua ít đêm tĩnh lặng, có người đến gõ cửa xưng là vợ của thần núi, thưa với ngài rằng:

- Ban ngày không rảnh nên nay đến tham bái.

Và dâng cúng gạo và một sọt bánh ngọt, đến mà thưa lại rằng:

- Ngài không riêng gì lúc lễ Phật, xin ngài gọi tên của đệ tử.

Ngài bảo:

- Có thể mang bánh trở về, sau nay tôi sẽ xưng tên lúc lễ Phật.

Nhân đó, thông thường lúc lễ Phật, thêm một bái kiêm xướng tên thần. Ngài bảo đệ tử là Đạo Sảng vì thần núi mà tụng kinh Kim Quang Minh. Hơn một tháng sau, hổ đến đánh cắp con chó đi mất, ngài nghe vậy, nói rằng:

- Đâu hẳn là do ông Đạo nhỏ này lười biếng chẳng vì đàn việt mà tụng kinh.

Ngài bèn hỏi xem sao. Quả thật vị ấy đáp rằng:

- Từ ngày mồng một tết đến giờ chỉ tụng kinh Duy-ma.

Ngài liền đốt hương lễ Phật, khẩn cáo rằng:

- Mấy hôm nay tuy tụng kinh khác, song, phước ấy cũng thuộc về Đàn-việt. Nếu có linh giám thì xin thả chó về lại.

Đến sáng sớm thì chó trở về, xem trên đầu chó thì có dấu răng

vấu lấy.

Một ngày nọ, ngài biết thân thể không được khỏe. Ngài đoan tọa trên giường dây, tụng kinh Bát-nhã, hình khí điều hòa trầm lắng. Bèn viên tịch ở chùa núi Hồng cốc, ngài hưởng thọ tám mươi hai tuổi.

48. Thần tăng Huyền Sướng

Thích Huyền Sướng, ngài dòng họ Triệu, người ở Hà tây kim thành. Thuở thiếu thời, gia đình ngài bị giặc Rợ Hồ giết chết, họa sắp đến thân ngài, tên tù trưởng thấy ngài mà dừng tay, bảo:

- Đứa trẻ này mắt chiếu sáng ra bên ngoài hẳn không phải là trẻ con phàm tình.

Nhân đó, ngài được thoát khỏi, mới đến Lương châu, phát tâm xuất gia. Sau đó, giặc thù bạo ngược phá diệt Phật pháp tàn sát Sa-môn, chỉ mình ngài chạy khỏi. Năm Nguyên Gia thứ 22 (445), đời tiền Tống, ngày 17 tháng 5 nhuận, xuất phát từ Bình thành, theo đường Thượng cốc quân đại, thẳng về hướng Đông. Ngài đến Thái hành, trên đường vượt qua U châu ký, ngài chuyển về hướng Nam đi gần tới Mạnh tân. Trên tay ngài chỉ nắm một bó dương chi kèm theo một số lá hành, giặc tù cỡi ngựa đuổi bắt muốn gần tới kịp, ngài mới dùng nhành dương phảy cát, cát tung tóe lên mịt trời, người ngựa bọn giặc không thể tiến lên được. Đến lúc cát lắng dứt, bọn giặc cưỡi ngựa đuổi gần đến sát. Khi ấy ngài lao mình xuống sông, đến ngày mồng một tháng 8 thì ngài tới Dương châu.

Ngài rất thông hiểu kinh luật, thâm nhập thiền yếu, bói điềm tốt xấu, quả thật rất linh nghiệm. Mãi đến gần cuối thời tiền Tống (...-479), ngài lên thuyền đi xa, đến thành đô, ngài dừng ở chùa Đại thạch, tự tay đắp họa mười sáu tượng thần Kim Cang Mật Tích... Năm Thăng Minh thứ 3, năm cuối cùng thời tiền Tống (479), ngài lại đi về phía Tây biên giới ngắm xem Mân Lãnh, thấy núi Tề hậu ở huyện Quảng dương thuộc Bắc bộ quận Mân sơn, ngài liền có ý định chung thân ở đó, nên dựa sườn núi cao kết cỏ làm thảo am. Đệ tử Pháp Kỳ thấy thần nhân mặc áo đơn màu xanh cỡi ngựa đi nhiễu quanh núi một vòng rồi trở lại chỉ chỗ tạo dựng tháp.

Ngày 23 tháng 4 năm Kiến Nguyên thứ nhất (479), đời Nam Tề, dựng lập chùa đã xong, ngài đặt hiệu là Tề Hưng. Sau đó, thái tử Tuệ Sai sử đến nghênh đón ngài, ba phen ban sắc, ngài khước từ không khỏi, nên theo thuyền xuống hướng Đông, giữa đường mắc phải tật dịch, mang bệnh về tới kinh đô, mọi người lo liệu cản ngăn mong đợi,

một thời gian ngắn thì ngài viên tịch, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi.

49. Thần tăng Đàm Siêu

Thích Đàm Siêu, ngài dòng họ Trương, người xứ Thanh hà, thân cao tám thước, dung mạo đoan chánh khả quan, ngài chỉ ăn dùng rau quả, thân mặc áo vải, giữa ngày một bữa mà thôi. Đầu tiên, ngài ở tại chùa Long hoa; thành đô, khoảng cuối niên hiệu Nguyên Gia (...-454), đời tiền Tống, ngài đi về hướng Nam; đến Thỉ hưng, xem khắp núi sông, đêm đến ngủ dưới gốc cây tùng. Các loài hổ không làm tổn thương ngài. Niên hiệu Đại Minh (457-465), đời tiền Tống, ngài trở lại thành đô.

Đến sau khi vua Thái Tổ* lên ngôi (479), ban sắc ngài trú tại Hoằng tán thiền đạo ở Liên đông. Ngài dừng ở đó hai năm, xiển dương đại pháp. Cuối niên hiệu Kiến Nguyên (483), thời Nam Tề, ngài trở lại kinh đô. Bỗng chốc, ngài lại đến tiền đường núi Linh ẩn, ngài nhất định ở đó trong một thời gian dài. Bỗng thấy một người đến đảnh lễ và thưa rằng:

- Đệ tử ở xứ đất vui nước cách đây bảy dặm, vì người ở huyện Phú Dương đục đá dưới chân núi nên hư hại đến nhà của loài rồng. Đầu rồng cùng nhau tức giận, phát lời thề: Suốt ba trăm ngày không phun mưa. Đến nay đã hơn trăm ngày, đất ruộng đều khô cạn hết. Muốn nhờ đạo đức của ngài ban đến hẳn có thể cảm cách mà phun mưa, đượm nhuần cho muôn dân, công đức ấy có chỗ kết quy!

Ngài bèn hứa khả, thần mới biến đi. Ngài đến phương Nam, đi năm ngày đường thì tới núi Xích thành, vì loài rồng mà chú nguyện. Đêm đến, loài rồng hóa làm người đến đảnh lễ ngài. Ngài lại vì nói pháp. Nhân đó, loài rồng cầu xin thọ trì Tam quy. Ngài bảo rồng nên ban giáng phun mưa. Loài rồng nhìn nhau không nói. Đêm đó, báo mộng, nói với ngài rằng:

- Nhân và tức giận mà phát lời thề. Ngài đã dùng Thiện pháp để chỉ dạy cho, chúng con không dám trái mạng.

Ngày mai, qua khỏi giờ trưa sẽ giáng mưa cho đến lúc thấm nhuần đủ cả. Năm đó, nhân dân được mùa rất lớn.

Đến năm Vĩnh Minh thứ 10 (493), đời Nam Tề, ngài viên tịch, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi.

50. Thần tăng Pháp Độ

Ngài Pháp Độ, người xứ Hoàng long. Đầu thời Nam Tề (479), ngài đến Kim lăng. Có cao sĩ ở quận Tề tên là Tăng Thiệu ẩn cư tại

Nhiếp sơn; Lung Tà quan tâm đến ngài, cho là người thanh chân nên lấy tình thầy bạn mà tiếp đãi. Đến lúc Tăng Thiệu qua đời để lại chỗ trên núi cho ngài lập chùa Thê hà. Đầu tiên có vị Đạo sĩ muốn lấy đất chùa làm quán. Vừa đến ở liền chết, sau làm chùa còn có nhiều sự việc rất kinh động. Từ lúc ngài đến ở, bầy yêu quái không đến nữa. Trải qua hơn một năm, bỗng nghe tiếng động của người ngựa trống nhạc, lát sau thấy có người quăng dao nhọn đến nơi ngài, xưng là "cận thượng." Ngài bảo đến phía trước. Cận thượng hình rất đô, vũ vệ cũng đông, kính lễ xong mới thưa ngài rằng:

- Đệ tử làm vua ở núi này đã hơn bảy trăm năm. Thần đạo có pháp, vật chẳng thể được đến nương gá trước sau, bởi không chân trực nên bệnh chết triền miên và đó cũng là vận mạng của kẻ ấy. Pháp sư, bậc có đạo đức, chỗ đáng quy hướng, kính cẩn bỏ xả phụng cấp và nguyện xin thọ trì ngũ giới, kết duyên với tương lai.

Ngài bảo:

- Người và thần khác loài không thể cùng khuất phục. Vả lại, Đàn-việt ăn dùng máu thịt, vật của người đời cúng tế. Đó là điều cấm đầu tiên trong ngũ giới."

Khi đó, Cận Thượng khước từ mà đi. Sáng ngày hôm sau, có người đem đến một vạn tiền và hương đèn... tấu sớ rằng:

- Đệ tử Cận Thượng cúi xin xin phụng cúng.

Đến ngày rằm tháng đó, ngài nhân đó thiết hội, Cận Thượng lại đến cùng chúng lễ bái hành đạo thọ giới mà đi. Thế rồi, người thầy đồng bóng ở miếu Nhiếp sơn mộng thấy thần bảo rằng:

- Ta đã thọ giới ở Pháp sư Pháp Độ. Từ nay về sau, phàm khi cúng tế chớ có giết hại sinh mạng.

Từ đó, trong miếu chỉ dâng cúng cơm rau mà thôi. Ngài thường rải rác để ngủ nơi đất, thấy Cận Thượng từ ngoài đi lại dùng tay xoa vào chân ngài rồi đi, giây lát trở lại mang theo một bình lưu ly trong như nước dùng dâng cúng ngài mùi vị ngọt mà lạnh. Ngài khổ tiết một thời gian mà chứng cảm như vậy.

51. Thần tăng Tuệ Chấn

Thích Tuệ Chấn, không biết ngài là người thuộc dòng tộc gì, trú tại chùa Nguyên môn; Thượng đảng. Ngài trì giới chân xác, tính duyên thiền hành bái sám. Sau gặp nạn quốc gia hủy diệt Tam bảo, ngài ân mang kinh tượng vào ẩn nơi thâm sơn. Gặp giặc muốn giết hại ngài lúc đầu chưa phát hiện được, bỗng nhiên ngài thấy một người hình cao

hơn trượng dáng mạo râu ria, y phục đẹp đẽ cỡi ngựa trắng lông bờm đỏ từ đỉnh núi xuống đến trước mặt ngài, xuống ngựa rồi nói cùng ngài rằng:

- Đêm nay, giặc đến, ngài có thể lánh ẩn.

Ngài đang ẩn dưới sườn núi cao chót vót tuyệt không đường nào đi, nghi đây là thần núi, nên ngài nói rằng:

- Ngày nay, Phật pháp đã bị hủy diệt, bần đạo không đất dung thân, nên đến nương nhờ Đàn-việt. Nay lại có giặc tìm đến, vậy chỉ còn chuốc lấy cái chết chứ chẳng có đường nào để trốn thoát!

Thần bảo:

- Ngài đã từ xa tìm đến nơi đệ tử, đệ tử cũng có thể bảo hộ ngài.

Nói rồi bèn biến mất. Đêm đó, bỗng giáng tuyết lớn dày hơn một trượng, tuyết dày ngăn cách đường nên ngài thoát khỏi nạn giặc. Sáng hôm sau, sương tan mở đường, bọn giặc lại kéo đến, thần bèn mách bảo mọi người trong các thôn dưới núi rằng:

- Bọn giặc muốn giết hại ngài Tuệ Chấn, các ngươi hãy mau đến cùng cứu ngài!

Khi đó mọi người đồng mang khí trượng gậy gộc vào núi, chống đánh bọn giặc. Bọn giặc bèn kinh sợ mà lui tan. Hằng ngày, ngài thường nương nhờ thần lực mà an nghiệp ở chốn núi rừng. Không biết cuối cùng ngài như thế nào.

52. Thần tăng Tăng Quần

Ngài Tăng Quần giữ tiết thanh bần, ăn dùng rau quả trì kinh, ngài trú tại Hoắc sơn thuộc huyện La giang, dựng lập một am tranh cô quạnh giữa biển. Phía trên có chén đá, nước sâu sáu thước, thường có dòng chảy trong mát. Các bậc Lão đức xưa kia tương truyền rằng:

- Đó là chỗ nhà ở của các vị Tiên.

Nhân đó ngài dứt tuyệt không ăn dùng cơm gạo. Giữa am tranh của ngài và chén đá cách nhau một cái khe nhỏ, thường dùng gỗ làm đòn dong, do đó nước chảy từ nơi đó. Đến năm, ngài một trăm bao mươi tuổi, bỗng thấy một con vịt bị gãy cánh đứng ở đầu đòn dong, ngài sắp đưa gậy đánh nó, lại lo nó chuyển động mà có tổn thương. Nhân đó ngài trở lui và bèn không uống nước vài ngày thì viên tịch. Lúc sắp tịch, ngài nói với mọi người chung quanh rằng:

- Tôi thuở nhỏ từng bẻ gãy cánh một con vịt. Nghiệm đó lấy làm quả báo.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 4

53. Thần tăng Tuệ Thông

Thích Tuệ Thông, không biết ngài là người xứ nào. Khoảng trong niên hiệu Nguyên Gia (424-454), đời tiền Tống, thấy ngài ở tại Thọ xuân. Đêm ngủ không nhất định, ngài thường đi trong xóm làng, ngài uống rượu ăn thịt chẳng khác mọi người thế tục. Ngài thường tự xưng là Trịnh Tán Kỵ. Nói việc chưa xảy ra thì một thời gian sau hẳn có chứng nghiệm.

Ở Giang lăng có người tên là Tăng Quy đến buôn bán ở Thọ xuân. Lúc sắp trở về quê, trên đường đi gặp ngài bảo là muốn gởi một ít đồ vật. Bấy giờ, Tăng Quy mang vác nhiều vật nặng, nên cố khước từ, ngài bèn cưỡng đặt lên trên gánh mà Tăng Quy cảm thấy không nặng nề gì. Đi được vài dặm, liền từ biệt đi lối khác, ngài nói với Tăng Quy rằng:

- Tôi có người chị ở Giang lăng là Ni cô Tuệ Tự trú tại chùa Tam tầng. Ông có thể vì tôi mà hỏi giúp và bảo tôi muốn sang thăm!

Nói xong, bỗng nhiên không thấy ngài nữa, ngoảy lại nhìn đồ vật gởi trên gánh thì cũng đã biến mất. Tăng Quy về đến Giang lăng, tìm gặp được Tuệ Tự kể lại sự việc đó.

Tuệ Tự đã không có người em đó và cũng không biết tại sao như vậy, đích thân đến Thọ xuân tìm kiếm Tuệ Thông mà không hề gặp. Sau, ngài tự đến Giang lăng, Ni cô Tuệ Tự đã viên tịch. Ngài vào trong phòng cũ của Ni cô Tuệ Tự thăm hỏi Ủy Tất. Nhân đó, ngài ở lại Giang lăng một thời gian ngắn. Phần mộ người nhà Lộ Do ngài đều biết, thậm chí người chết là dòng họ gì và cả năm tháng qua đời. Mọi người rỉ tai nhau cùng đến hỏi, ngài đều nói như vậy. Hoặc có lúc ngài nêu chỉ bọn trộm cướp, nói về tội trạng của chúng. Từ đó, bọn trộm cướp, từ xa vừa trông thấy ngài liền chạy bạt mạng.

Thêm nữa, tại Giang tân, trên đường đi, gặp một người, bỗng nhiên ngài lấy gậy đánh và bảo rằng:

- Sao chẳng về gấp xem thử nhà ngươi như thế nào?

Người đó về đến nhà, quả thật lửa cháy nhà, mọi vật hết sạch. Đầu niên hiệu Vĩnh Nguyên (499), đời Nam Tề, bỗng nhiên ngài đến Nhâm Dạng là chỗ quen biết để kiếm xin rượu rất gấp, bảo rằng:

–Vì phải đi xa, không còn gặp nhau nữa, vì thế nên từ tạ cùng các thiện tri thức. Đồng thời xin khuyên nên lấy việc tu phước thiện làm đầu.

Uống rượu xong, ngài đến nằm giữa đất bên chân tường, đến xem thì đã chết. Sau đó vài mươi ngày, lại có người thấy ngài trong chợ, vội đến cùng nói chuyện, một hồi lâu thì biến mất.

54. Thần tăng Thiệu Thạc

Ngài Thiệu Thạc người nước Khương Cư, rất thân thiện với ngài Chí Công. Vào ra kinh thành chẳng kể tối sớm, ý muốn tìm đến tức liền đi. Ngài đến Ích châu nói chuyện khôi hài, khiến mọi người cười vui, nhân đó đem điều thiện để khuyên dạy, mọi nhà đều vui vẻ. Đến nhà mà ngài nằm ngủ giữa đất thì trong nhà ấy hẳn có người chết. Còn xin chiếc chiếu nhỏ thì hẳn là có trẻ con qua đời. Người thời bấy giờ đều lấy đó làm lời sấm. Đến ngày mồng tám tháng tư, khi hành hóa ở Thành đô, ngài ở giữa đại chúng làm hình sư tử. Ngày đó, tại huyện Bì triệu cũng nói thấy ngài làm hình sư tử, mới rõ rằng ngài phân thân như vậy.

Thứ sử Tiêu Tuệ Khai và Lưu Mạnh Minh đều chú tâm phụng sự ngài. Mạnh Minh lấy áo của một gã nam tử và hai người thiếp để thử ngài, thưa rằng:

- Xin đem hai người này cung cấp ngài để hầu hạ hai bên có được chăng?

Ngài là người am hảo vận ngữ, bèn nói với Mạnh Minh rằng:

- Thà tự đi khất thực để thanh tịnh an hưởng, chứ không thể cùng với A Phu sống trọn năm tàn.

Sau, bỗng nhiên ngài mặc áo vải đội nón lá đến nhà Mạnh Minh, một thời gian ngắn thì Mạnh Minh qua đời. Trước đó là Mạnh Minh làm trưởng sử. Thẩm Trọng Ngọc đổi cách roi gậy thường khoa nghiêm trọng. Ngài nói với Trọng Ngọc rằng:

- Trời đất khóc gào từ đó mà ra, nếu trừ được cách roi thì được Thứ Sử.

Trọng Ngọc trừ nó. Đến lúc Mạnh Minh qua đời, quả thật Trọng Ngọc là thứ sử Hành Châu.

Tháng 9 năm đó, lúc sắp tịch, ngài nói với Sa-môn Pháp Tấn rằng:

- Xin được để thi hài dưới gốc tùng, nhưng chân phải mang guốc.

Pháp Tấn vâng theo như vậy. Đến lúc ngài tịch rồi, khiêng thi hài ngài để lộ bày, sáng ngày hôm sau đến xem thì không còn thấy. Bỗng chốc có người từ huyện Bì triệu đi lại nói:

- Hôm qua thấy ngài Thiệu Thạc mang một chiếc guốc đi trong chợ, bảo rằng nên vì ta mà nói với Pháp Tấn là Tiểu Nhi khinh thường chỉ làm cho ta một chiếc guốc gỗ.

Ngài Pháp Tấn kinh sợ hỏi đến vị Sa-di. Vị Sa-di ấy đáp:

- Lúc khiêng thi hài bị rơi mất một chiếc guốc, vì đi gấp nên không kịp lượm nhặt.

55. Thần tăng Pháp Nguyện

Ngài Pháp Nguyện vốn dòng họ Chung, tên là Vũ Lộ. Tổ tiên vốn người gốc ở Dĩnh xuyên Trường xã, đến đời ông nội ngài lánh nạn dời đến ở Ngô hưng, Trường thành. Gia đình vốn thờ thần, thân tập cổ vũ, các thứ tạp kỉ ở đời cũng như đoán tướng bói quẻ thi hào, ngài thảy đều thành đạt xảo diệu. Thường lấy kiếng soi mặt và tự bảo:

- Ta không bao lâu nữa sẽ thấy được thiên tử.

Bấy giờ, ngài ra thành đô trú tại Thẩm kiều chuyên hành nghề đoán tướng. Thuở nhỏ, Tông Xác và Thẩm Khánh nhờ ngài đoán tướng. Ngài bảo:

- Tông Xác sẽ làm thứ sử ba châu, còn Thẩm Khánh sẽ ở địa vị cao cùng là tam công.

Trải qua thời gian đoán tướng mọi người, ngài dự ghi những sự việc gần gũi có ứng nghiệm chẳng phải một. Bèn có tiếng đồn tới tai vua Thái Tổ thời Tiền Tống (Vũ Đế, 420-423). Vua Thái tổ đòi ngài đến rồi đem một kẻ tù và một đứa tớ gái có nhan sắc xinh đẹp, cho mặc áo quan, bảo ngài đoán tướng. Ngài chỉ kẻ tù, bảo:

- Ông là người mắc nhiều ách nạn ở cấp dưới hiện bị gông cùm xiềng xích.

Nói với tớ gái rằng:

- Còn ngươi là hạng người hạ tiện mới tạm được miễn ư?

Nhà vua lấy làm lạ liền, ban sắc ngài ở tại Hậu đường để liệu biết mọi bí thuật âm dương. Sau một thời gian ngắn, ngài trình xin xuất gia, ba phen tấu trình mới được nhà vua chấp thuận, ngài bèn đến chùa Định lâm làm đệ tử ngài Tuệ Viễn.

Đến thời Hiếu Vũ Đế (454-465), đời tiền Tống, Tông Xác ra trấn tại Quảng châu, dẫn ngài cùng đi, kính phụng ngài là bậc thầy trao

truyền ngũ giới. Gặp lúc Tiêu Vương phản nghịch, Tông Xác đem sự việc hỏi ngài, ngài bảo:

- Ông lại lầm giết hại người. Năm nay, Thái Bạch phạm nam Đẩu, pháp ứng hẳn giết đại thần. Ông nên mau đổi kế ắt được đại động.

Quả thật đúng như lời ngài nói. Tông Xác dời đến làm thứ sử Dự Châu. Cũng lại dẫn ngài cùng đi. Khi gần Cảnh lăng vương dối bày mọi sự, phơi bày can gián cũng như vậy. Tề Cao Đế phụng thờ ấu chúa, thường có những nỗi lo bất trắc, mỗi lúc như vậy hay đem hỏi ngài. Ngài bảo:

- Sau bảy tháng sẽ yên định.

Quả đúng như lời ngài nói, đến khi Cao Đế lên ngôi (479-483), đời Nam Tề, Cao Đế giữ lễ tôn thờ ngài làm thầy, rồi vua Vũ Đế kế ngôi (483-494) cũng rất mực chí kính.

Đến năm Vĩnh Nguyên thứ nhất (499), đời Nam Tề, ngài viên tịch, thọ tám mươi hai tuổi.

56. Thần tăng Bảo Chí

Ngài Bảo Chí vốn dòng họ Chu, người xứ Kim thành. Đầu tiên, Người vợ của họ Chu nghe tiếng trẻ khóc trong ổ chim ưng, bèn leo lên cây mà được ngài, ẩm về làm con. Lên bảy tuổi, ngài nương theo ngài Tăng Kiệm ở Chung sơn xuất gia tu tập thiền pháp.

Ngài thường qua lại dưới kiếm thủy Hoàn sơn, mặt vuông mà sáng ánh như kiến soi, tay chân đều như móng chim. Ngài dừng ở chùa Đạo lâm tại Giang đông. Đến đầu niên hiệu Thái Thỉ (465), đời tiền Tống, ngài bỗng nhiên rất kỳ lạ, đi ở không nhất định, uống ăn không giờ giấc, để tóc dài vài tấc, thường đi chân không giữa ngã tư đường cũng như trong các ngõ hẻm, tay nắm một tích trượng. Trên đầu tích trượng có treo dao kéo và gương soi, hoặc treo một vài sắp lụa. Niên hiệu Kiến Nguyên (479-483), đời Nam Tề, ngài thường biểu hiện các điều lạ, như vài ngày không ăn cũng không tỏ vẻ đói khát. Cùng mọi người nói năng lúc đầu như khó hiểu, nhưng sau đều thông hiểu. Bấy giờ, các thứ thi phú của ngài nói như sấm kỷ, dân chúng ở Giang đông đều cùng nhau kính thờ. Vua Vũ Đế (483-494), đời Nam Tề, cho ngài là người mê hoặc quần chúng, nên bắt giam tại Kiến khương. Vừa sáng sớm, có người thấy ngài trong chợ, khi trở về kiểm tra trong ngục thì ngài có ở đó. Ngài nói với người cai ngục rằng:

- Ngoài cửa có hai xe chở thức ăn lại, bát vàng đựng đầy cơm, ông có thể đến nhận lấy.

Thế rồi, Thái tử Tề Văn Tuệ và Cánh lăng vương tử Lương đều đưa thức ăn đến dâng tặng ngài, quả thật đúng như lời ngài nói. Kiến Khương bảo Lã Văn Hiển đem việc ấy tấu trình cùng triều đình. Vua Vũ Đế liền nghênh đón ngài vào cung, ban ở nơi hậu đường. Một thời dứt trừ trong yên, ngài cũng theo chúng ra ngoài. Vậy mà trên núi Cảnh dương còn có một Bảo Chí cùng với bảy vị Tăng hội chung, Vũ Đế tức giận sai người đi kiểm tra xem ngài có ở trong cung các không. Sứ thần tấu trình:

- Ngài Bảo Chí đã ra sống ngoài tỉnh từ lâu, vừa mới dùng mực bôi mình.

Bấy giờ, Sa-môn Tăng Chánh Pháp Hiến muốn dâng cúng ngài một chiếc y, sai sứ đến hai chùa Long quang và Kế tân tìm kiếm ngài, mà hai chỗ ấy đều bảo:

- Ngài đã rời khỏi nơi ấy từ hôm qua!

Kẻ sứ lại đến nhà Lệ Hầu Bá là nơi thường lui tới của ngài. Hầu Bá bảo:

- Hôm qua ngài hành đạo tại đây, sáng nay ngủ chưa dậy.

Kẻ sứ trở về nói cùng Pháp Hiến. Mới biết rằng trong một đêm mà ngài phân thân đến ba nơi. Giữa tiết đông giá lạnh, ngài thường để trần vai áo mà đi, Sa-môn Bảo Lượng muốn dâng áo nạp cúng ngài, chưa kịp mở lời, bỗng nhiên ngài đến lấy áo mà đi.

Sau, ngài giúp thần lực cho vua Vũ Đế, đời Nam Tề, khiến thấy Cao Đế (479-483), cha của Vũ Đế, ở dưới địa ngục thường chịu khổ bởi dao búa. Từ đó, Vũ đế vĩnh viễn phá bỏ hình luật bằng dao búa. Vua Vũ Đế lại thường mời ngài đến vườn hoa Lâm. Bỗng nhiên, một hôm, ngài mặc ba lớp áo vải bố đội nón mà đến. Sau đó không lâu, vua Vũ đế băng hà, rồi Thái tử Văn Tuệ cùng Dự Chương Vương cũng kế tiếp qua đời. Niên hiệu Vĩnh Minh (483-494), đời Nam Tề, ngài thường ở tại hậu đường đông cung. Một sáng sớm nọ, từ cửa vào ra, bỗng nhiên ngài bảo:

- Trên cửa cổng huyết dơ áo.

Ngài vén áo chạy qua. Kịp đến lúc Uất Lâm bị hại. Xe chở ra, đến đó, đầu nhà vua rơi máu nơi bậc thềm.

Quan vệ úy thời Nam Tề là Hồ Hài mắc bệnh, đến cầu thỉnh ngài. Ngài chủ sớ rồi bảo ngày mai sẽ khuất, ngày mai trọn không qua, ngày đó Hồ Hài chết chở thi hài về nhà.

Quan thái úy Tư Mã thời Nam Tề là Ân Tề Chi theo Trần Hiển đến trấn Giang châu, lúc đến từ tạ ngài, ngài lấy giấy vẽ một cây lớn,

trên cây có chim. Ngài bảo:

- Lúc nạn cấp nạn có thể leo lên đó.

Sau, Trần Hiển nghịch tiết để Tề Chi trấn tại châu. Đến lúc thất bại, Tề Chi trở về Lô sơn, bị người rượt đuổi sắp kịp, Tề Chi thấy trong rừng có một cây, trên cây có chim đậu như chỗ ngài vẽ, bèn tỏ ngộ mà leo lên, bầy chim vẫn tự nhiên không bay, nên kẻ đuổi theo thấy chim cho là không có người nên bỏ quay lại. Cuối cùng Tề Chi được thoát khỏi. Tề Truân Kỵ Tang Yểu sắp muốn mưu phản, tìm đến chỗ ngài. Ngài thấy từ xa mà vừa chạy vừa la lớn:

- Vi Đài Thánh muốn phản nghịch, chặt đầu mổ bụng.

Sau đó hơn mười ngày sự việc xảy ra, Yểu trở lại chạy đến Chu Phương, bị bắt được, quả thật là chặt đầu mổ bụng.

Thời Nam Lương, Đà Dương Trung Liệt Vương rất kính phục ngài. Bỗng nhiên, ngài bảo tìm gấp Kinh Tử, được rồi bèn đặt trên cửa, chẳng ai biết nguyên do gì, một thời gian ngắn sau, vương ra làm kinh châu thứ sử. Ngài dự định soi xét những việc như thế chẳng phải một.

Ngài thường qua lại nơi chùa Hưng hoàng và Tịnh danh. Đến lúc vua Vũ Đế (502-550), đời Nam Lương lên ngôi. Vũ Đế ban chiếu rằng:

- Hòa thượng Bảo Chí tông tích như trần cấu, thần đạo minh tịch, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể nhận chìm, rắn hổ không thể xâm hại khiến khiếp sợ. Giảng nói Phật lý từ hàng Thanh Văn trở lên, bàn về ẩn luân thì độn ẩn cao siêu. Đâu có thể dùng không tướng tục sĩ thường tình mà bó buộc thúc chế, sao có thể thô bỉ đồng một loạt như thế. Từ nay trở đi, mọi sự đi lại vào ra của ngài, mọi người đều không được cản ngăn cấm kỵ.

Từ đó, ngài thường tới lui chốn cung cấm. Ngài từng ở Đài thành cùng vua Vũ Đế ăn tiệt nem thịt cá, kêu gọi các vương tử đều hầu hạ chung quanh. Ăn xong, Vũ Đế nói:

- Hơn hai mươi năm lại đây, trẫm ăn uống không phân biệt mùi vị. Còn ngài thì thế nào?

Ngài liền nhả ói ra một con cá nhỏ đầy đủ đuôi vảy. Vũ Đế càng thêm kinh lạ. Hiện nay tại Mạc Lăng vẫn còn có nem cá.

Mùa Đông năm Thiên Giám thứ 5 (506), hạn hán, tế cúng cầu mưa khắp nơi mà chưa có mưa. Bỗng nhiên, ngài tấu rằng:

- Bảo Chí tôi mắc bệnh chưa lành, nhờ quan cầu xin sự sống. Nếu chẳng tấu trình quan thì đáng bị tội roi trượng. Xin nên ở điện Hoa quang giảng kinh Thắng-man tạnh mưa.

Vua Vũ Đế liền mời Sa-môn Pháp vân giảng Kinh Thắng Man. Trọn đêm bèn mưa lớn. Ngài lại bảo:

- Phải một bồn nước thêm con dao ở trên.

Bỗng chốc mưa càng lớn nhiều, cao thấp đều thấm đủ.

Tại Dã châu, núi Tiềm rất tuyệt đẹp, dưới chân núi cảnh trí rất xinh. Ngài Bảo Chí và Đạo Nhân Bạch Hạc đều muốn ở đó, năm Thiên Giám thứ 6 (507), hai vị đều tỏ ý với Vũ Đế. Vũ Đế cho rằng hai người đều có linh thông, nên bảo mỗi người tự dùng vật để ghi nhận chỗ đất được đâu thì ở đó. Đạo Nhân nói:

- Tôi sẽ dùng Hạc bay đến dừng ở đâu tức làm dấu ở đó.

Ngài Bảo Chí nói:

- Tôi dựng đứng tích trượng để làm dấu vậy.

Thế rồi, Hạc bay đi trước đến chân núi, sắp dừng lại, bỗng nghe tiếng bay của tích trượng trên không trung, Tích trượng của ngài Bảo Chí dựng đứng sừng sững ở chân núi và Hạc kinh sợ nên dừng đậu ở chỗ khác. Đạo Nhân chẳng vui lòng, nhưng vì không thể nuốt lời nói trước, nên đành chịu mỗi người theo chỗ ghi nhận làm dấu của mình mà tạo dựng am thất.

Có gia đình Trần Chung Lỗ phụng sự ngài Bảo Chí rất thuần kính. Ngài thường vì Chinh Lỗ mà hiện hình thật, ánh sáng rạng ngời như tôn tượng Bồ-tát. Ngài biết thanh danh hiển trước đã hơn 40 năm. Các sĩ nữ cúng dường thờ phụng không thể kể xiết. Nhưng ưa thích sử dụng tiểu tiện tẩy gội râu tóc như hàng tục Tăng mê muội, do đó có người chê trách. Ngài cũng biết trong lòng chúng Tăng có nhiều người chưa dứt bỏ rượu thịt mà chê trách đó, bỗng nhiên ngài bảo:

- Các người cười ta gội đầu bằng nước bùn dơ, vậy sao ngươi ăn đầy các thứ phân dãi?

Từ đó, mọi người khiếp sợ mà khâm phục. Ngày chào đời của Tấn An Vương ..., vua Vũ Đế sai xứ đến hỏi ngài. Ngài chắp tay bảo:

- Hoàng tử ra đời vận may đến, nhưng oan gia cũng lại đồng sinh!

Sau đó, suy tầm lịch số thì Hầu Cảnh cũng sinh đồng ngày tháng năm với Tấn An Vương.

Có vị đại đức Tăng ở chùa Lâm hải; Cối kê thường nghe tại quận hạ Dương châu có Chí Công nói năng điên cuồng, phóng túng tự tại, nên bảo rằng:

- Ấy hẳn là sự dối bày của Hồ Ly

Nên nguyện đến quận hạ tìm chó săn lùng để đuổi bắt. Khi đó,

bằng phương tiện đi thuyền vào biển, hướng cửa bến muốn tiến đến hướng Tây, bỗng nhiên gió lớn xoay đảo, trong ý cho là đang đi về hướng Đông nam suốt năm, sáu ngày. Ban đầu, đến trong một đảo nhỏ trông thấy Bảo tháp vàng rồng, ngàn mây xim đẹp xuất hiện, bèn ven theo mà qua tới một ngôi chùa. Trong đó, phòng viện trang nghiêm hoa cỏ thơm tho, có khoảng năm, sáu vị Tăng tuổi độ ba mươi, dáng vẻ uy dung đắp mặc ca-sa chống trượng nơi cửa, cùng nhau đàm đạo dưới gốc cây. Vị Tăng đó thưa rằng:

- Tôi muốn đi đến thành đô, bị gió dữ cuốn thổi phiêu bạc. Không biết các ngài ở đây là nơi chốn đất nước nào, nay xem thấy bốn bên hoàn toàn là biển, sợ rằng cố hương không còn trông thấy nữa!

Các vị tăng ở đó đáp:

- Ông muốn đến Dương châu tức đến liền. Nay chúng tôi xin nhờ ông gửi một bức thư đến chùa Chung sơn, từ phía Tây đi sang phía Nam đến phòng thứ hai tìm gặp Hoàng Đầu mà giao giúp.

Vị Tăng ấy nhân đó nhắm mắt ngồi vào thuyền, nghe tiếng gió, định mở mắt, như chỗ nói bỗng nhiên đã tới bờ Tây. Vào bến sông rồi đi chừng vài mươi dặm là tới thành đô, tìm đến chùa Chung sơn thăm hỏi, chư Tăng ở đó không có ai tên là Hoàng Đầu, chư Tăng đều nói quanh co bảo rằng:

- Từ phía Tây đi sang phía Nam đến phòng thứ hai tức là phòng của phương trượng đạo nhân.

Ngài Bảo Chí tuy nói là trú tại chùa đó, nhưng thường ở trong tụ lạc dưới thành đô. Trăm ngày chưa chắc có một lần đến đó, phòng thường để trống không. Trong lúc hỏi đáp qua lại, chẳng ai biết ngài Chí Công. Tại nhà trú của chùa có người say mèm ăn xin, mọi người ở đó cho là đã chiều muộn nên không cho thức ăn. Giây lâu, người đó vung văng mắng chưởi. Tăng chúng trong chùa thử sai một vị Sa Di chạy quanh nhà trú kêu lớn hai chữ:

- Hoàng Đầu.

Bỗng nhiên ngài bảo:

- A! Ai gọi tên ta vậy?

Và liền theo vị Sa-di đi đến trong Tăng, ngài nói với vị Tăng ấy rằng:

- Ngươi đã muốn đem chó săn bắt ta, tại sao không lại?

Vị Tăng ấy biết ngài là chẳng phải người thường, bèn đầu thành đảnh lễ sám hối, trao thư cho ngài. Ngài xem thư xong, bảo:

- Phương trượng đạo nhân muốn gọi ta. Không lâu nữa, ta tự trở

về.

Ngài bèn bấm tay, bảo:

- Ngày... tháng... năm là ta đi, tức không còn gặp lại.

Chư Tăng nói cùng chúng ghi rõ ngày tháng đó.

Đến mùa Đông năm Thiên Giám thứ 13 (514), tại hậu đường ở Đài thành, ngài nói với mọi người:

- Bồ-tát sắp đi.

Sau đó chưa được mười ngày, tự nhiên không bệnh mà ngài viên tịch. Thi hài mềm mại thoảng hương thơm, hình mạo xinh đẹp. Lúc sắp tịch, ngài đốt một ngọn đuốc đưa cho Ngô Khánh là người nhà ở hậu các. Ngô Khánh bèn tâu trình cùng nhà vua. Vua Lương Vũ Đế than rằng:

- Đại sư chẳng còn lưu lại! Trao đuốc đem việc hậu sự mà giao phó ta ư?

Nhân đó, Vũ Đế gia tâm thiết lễ, an táng ở đồi Độc long ở Chung sơn. Và ở bên cạnh phần mộ, dựng chùa Khai thiện, ban sắc Lục thùy, chế khắc bài minh tại trong phần mộ. Nhà vua đều khắc chạm văn bia ở cổng chùa, ban truyền di tượng của ngài, ở mọi nơi vẫn còn vậy.

57. Thần tăng Hương Xà-lê

Thần tăng Hương Xà-lê, không biết ngài từ đâu lại, dừng ở chùa núi tại Ích châu Thanh thành. Người thời bấy giờ, cứ mỗi năm vào ngày mồng ba tháng ba đều rủ nhau lên núi thưởng ngọn vui chơi, phần nhiều là mang theo rượu thịt để mua vui. Ngài thường khuyên răn mà họ không bỏ. Sau, một năm nọ, cũng vào dịp ấy, mọi người nhóm tụ như trước, ngài bảo mọi người vượt qua hầm đi vào phương trượng để cùng hưởng vui. Bỗng nhiên, ngài bảo:

- Quý vị Đàn-việt thường tự ăn uống với nhau, chưa từng cùng chung vui với Hương tôi, ngay nay phải cùng chung vui một bữa.

Mọi người đua nhau kính dâng rượu thịt, nhận bao nhiêu, ngài ăn uống hết bấy nhiêu như trút vào lỗ hỏng lớn. Đến chiều, ngài bảo:

- Ta no say quá, nên dìu ta đến hầm.

Bỗng chốc mồ hôi đổ vãi giữa đất, kịp khi tới hầm, ngài há miệng lớn ẩu nhả, thịt chim sẻ từ miệng tuông ra tức liền bay hót, thịt dê từ miệng tuông ra liền chạy nhanh. Rượu thịt lẫn lộn ào ra sắp muốn đầy hầm, cá hộp ngỗng vịt bơi lội đụng nhau. Mọi người đều kinh sợ thán phục, thệ nguyện dứt bỏ nghiệp giết hại. Từ đó về sau, việc mua vui bằng rượu thịt tại trên núi dứt hẳn. Đó là phong đức của ngài Hương

Xà-lê.

Sau, nhân ngài Chí Công gởi thư đến, ngài bèn viên tịch tại chùa. Các đệ tử tạo dựng phần mộ, lúc sắp an táng lấy làm lạ không biết tại sao kim quan nhẹ bổng, bèn mở nắp quan xem thì chỉ thấy ghế và trượng của ngài mà thôi!

58. Thần tăng Đạo Lâm

Ngài Thích Đạo Lâm vốn người ở Sơn âm, Cối kê. Xuất gia từ thuở thiếu thời, ngài rất có giới hạnh, khéo giảng nói các kinh Niết-bàn; Pháp Hoa, thường trì tụng kinh Tịnh Danh. Trương Tự ở nước Ngô luôn kính lễ phụng sự ngài.

Sau, ngài trú tại chùa Lâm tuyền huyện Phú dương, trước kia ở đó thường có quỷ quái, từ lúc ngài đến ở thì tiêu mất. Đệ tử của ngài là Tuệ Thiều làm nhà bị sập đè vùi lấp đầu tới ngực, ngài về cầu nguyện, đến tối, Tuệ Thiều thấy hai đạo nhân người nước Hồ đến kéo đầu ra, sáng sớm thức dậy liền được bình phục. Lúc đó, ngài thiết trai cúng dường Thánh tăng, rải một tấm lụa mới trên sàn, sau khi trai hợi hoàn tất có dấu chân người dài hơn ba thước. Mọi người đều kính phục sự chứng cảm ấy. Và dân chúng ở Phú dương mới bắt đầu lập tòa Thánh tăng để cúng dường trai phạn.

Đến đầu thời Nam Lương (khoảng năm 502), ngài ra trú tại chùa Tề hy. Năm Thiên Giám thứ 18 (519), ngài viên tịch, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

59. Thần tăng Tung Đầu-đà

Pháp sư Tung Đầu-đà ở cách Vụ Châu, Song lâm bốn mươi dặm nơi một ngọn núi cao tạo lập chùa Hương sơn. Đến lúc tạo lập chùa Linh xong, kẻ Tăng người tục dẫn cây ma cây tạc lên trồng khắp chùa. Cây tạc bỗng nhiên gãy ngang và đều ngã nhào, ngài mới nói:

- Có ma quái gì mà khiến như vậy?

Nhân đó, lấy bình bát dựng đầy nước, khuấy quanh cả trong ngoài rồi chú nguyện mà tác lễ, ngài bưng bình bát đi nhiễu quanh chùa khắp một lượt, vậy mà các cây chẳng nhờ công sức người, tự nhiên dựng dậy. Sau, ngài lại đến Lai sơn tạo lập chùa, ngài thường nói:

- Lai sơn có vua mà chẳng lâu. Hương sơn lâu mà chẳng có vua.

Sau, quả thật đúng như lời ngài nói. Không biết cuộc đời của ngài về sau như thế nào!

60. Thần tăng A Chuyên Sư

Thần tăng A Chuyên Sư, không biết ngài là người thuộc dòng tộc gì. Ngài vân du ở Định châu. Bấy giờ ở trong Châu lý nghe người có hội xả trai cúng bao quát cả gia thú và tang lễ. Hoặc ít năm thả chim săn chó săn lùng đuổi mọi chỗ an tập chưa từng chẳng tại. Lúc ấy, đấu tranh huyên thuyên cũng yểm trợ thành bè đảng, như vậy nhiều năm. Sau, vào đêm rằm tháng giêng năm nọ, gặp phải mọi người lớn nhỏ ngồi cùng chung chiếu tụ miệng mắng chưởi, người chủ muốn đánh giết họ, thì bọn chợ đường cứu giải dẫn đi. Sáng sớm, anh em nhà đó tìm bắt, thấy ngài ngồi trên đường bị hư phá vui cười. Ngài bảo với họ:

- Các ngươi lúc này làm sao có thể yểm tàn ta được? Ta bỏ các ngươi mà đi đây.

Kẻ đuổi bắt lại rung gậy muốn đánh, người phía trước lại ngăn ước lấy ngài. Ngài bảo:

- Định yểm tàn ta thì ta đi!

Ngài dùng gậy đánh vào tường và quát lớn. Đoạn tường ngài ngồi, khoảng một đổ, tự nhiên bay bổng khoảng vài mươi nhận. Ngài đưa tay từ tạ cố hương, bảo:

- Hãy sống trong tốt đẹp an lành.

Mọi người trông thấy không ai chẳng lễ bái ăn năn lỗi cũ, phút chốc, sáng ngời mây tan mà diệt mất. Qua một năm sau, tại Trường an, ngài trở lại hình thái như xưa. Từ đó về sau, không biết cuộc đời ngài như thế nào.

61. Thần tăng Đạt-ma

Ngài Bồ-đề Đạt-ma, người xứ Nam Thiên Trúc, thuộc chủng tộc Bà-la-môn. Thần tuệ thông suốt, nghe qua đều liền hiểu ngộ. Chí giữ Đại thừa minh Tâm hư tịch, thông triệt vi số, định học cao thâm.

Đầu niên hiệu Phổ Thông (520), đời vua Vũ Đế; Nam lương, ngài đến Quảng châu. Thứ sử dâng biểu tấu trình lên, vua Vũ Đế sai sứ mang chiếu nghênh đón ngài đến Kim lăng. Đích thân vua Vũ Đế hỏi ngài:

- Từ ngày lên ngôi đến nay, trẫm đã tạo lập chùa viện trải qua mấy lược tiếp Tăng độ chúng số không xiết kể. Vậy có công đức gì?

Ngài đáp:

- Đều không công đức gì cả.

Vũ Đế hỏi:

- Tại sao đều là không công đức gì cả?

Ngài đáp:

- Đó chỉ là tiểu quả của trời, người, thuộc nhân hữu lậu, tuy là có nhưng chẳng phải thật.

Vũ Đế hỏi:

- Vậy thế nào là công đức chân thật?

Ngài đáp:

- Tịnh trí Diệu viên, thể tự không tịch. Công đức như vậy, không thể tìm cầu tại thế gian.

Vũ Đế hỏi:

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

Ngài đáp:

- Khoách nhiên vô thánh.

Vũ Đế hỏi:

- Vậy, người đối diện với trẫm là ai?

Ngài đáp:

- Không biết.

Vua Vũ Đế không tỏ rõ huyền chỉ. Ngài biết căn cơ chưa khế hội. Ngày 19 (?) năm ấy ngài rời bỏ đất Nam lương, bẻ một cành lau làm bè vượt qua sông, đến ngày 23, thẳng hướng Bắc, ngài đến đất Ngụy, tìm tới Lạc ấp, ban đầu, ngài dừng ở tại chùa Thiếu lâm; Trung sơn. Trọn ngày xoay mặt vào tường ngồi suốt chín năm rồi thị tịch tại đó, an táng tại núi Hùng nhĩ. Ngụy Tống Vân vâng phụng sứ đi Tây Vực trở về, gặp ngài tại Thông lãnh, thấy tay ngài xách một chiếc giày còn một chiếc đã mất. Tống Vân hỏi ngài đi đâu. Ngài bảo:

- Đi về Tây Trúc.

Ngài lại bảoTống Vân rằng:

- Chúa nhà ngươi đã băng hà!

Tống Vân nghe thế, hoảng hốt vội từ biệt ngài trở về phương Đông xa để kịp phục mạng thì Hiếu Minh Đế (516-528), đời Bắc Ngụy, quả thật đã băng hà. Đợi đến khi Hiếu Trang Đế tức vị (528), Tống Vân mới tấu trình cụ thể sự việc gặp ngài. Trang Đế bảo quật đao phần mộ, chỉ còn cổ quan tài rỗng không và một chiếc giày hiện còn ở đó.

62. Thần tăng Thông Công

Đạo nhân Thông Công, không biết ngài là người dòng tộc gì, cư xử bất thường, nói năng cuồng dối nhưng lại có ứng nghiệm, ngài thường uống rượu ăn thịt, lui tới trong dân gian.

Hầu Cảnh rất kính tin ngài. Ngày chưa vùi dập Dương châu, vất bỏ vô số đầu cá chết chất đầy ngoài cửa Tây minh, lại nhổ cỏ xanh gai

gốc trồng trong chợ, khi Hầu Cảnh sang sông, trước tiên giết chết một Thánh Đông Phủ nghiêng ngả giữa đường, đem đầu số người chết đó để ngoài cửa Tây minh làm thành Kinh quán. Chợ đông tan rã trở thành hoang vu. Ngài Thông Công nói chuyện được mất đối với Hầu Cảnh không tiện, nên Hầu Cảnh sinh ác ý ghét tức ngài. Lại sợ ngài là người phi thường nên Hầu Cảnh không dám mưu hại, lén sai tiểu tướng Vu Tử Duyệt dẫn bốn võ sĩ đến hầu cận ngài. Hầu Cảnh nói cùng Tử Duyệt:

- Nếu ngài biết đến giết thì chớ nên hại. Còn như không biết thì kín bắt lấy ngài.

Tử Duyệt dẫn bốn người đến, bảo đứng ngoài cửa, riêng một mình Tử Duyệt đi vào thấy ngài đang cởi áo hơ lửa. Ngài hỏi ngược lại Tử Duyệt:

- Ngươi đến giết ta. Ta là người gì? Ngươi dám thì nên liền giết.

Tử Duyệt lễ bái, nói:

- Không dám!

Khi đó, liền vội trở về báo cùng Hầu Cảnh. Hầu Cảnh lễ bái cảm tạ, cuối cùng không dám giết hại ngài. Sau, nhân Hầu Cảnh thỉnh mời ngài, ngài đem thịt đè ướp muối đến dâng Hầu Cảnh, và hỏi: “Có ngon chăng?

Hầu Cảnh nói:

- Quá mặn!

Ngài bảo:

- Không mặn thì thối.

Đến khi Hầu Cảnh chết khoảng vài ngày, người ta dùng năm thạch muối đổ vào trong bụng, đưa thi hài đến chợ Kiến khương, mọi người tranh nhau mổ nem canh ăn đều hết. Về sau, không biết ngài Thông Công đi về hướng nào!

63. Thần tăng Tăng Lâm

Ngài Tăng Lâm vốn người đất Ngô, đức sâu dày hay cảm hóa đến mọi vật.

Trong niên hiệu Đại Đồng (535-546), đời Nam Lương, ngài đến đất Thục. Phía Tây Bắc thành Chương châu cách một trăm bốn mươi dặm có núi Đậu đồ, trên núi có miếu thờ thần, dân chúng ở đó rất sùng kính thường luôn cúng tế, ngài đến an trú tại đó, thiền định nhiều ngày, bỗng nhiên có một con trăn lớn đến quấn quanh trước sàng tòa, ngẩn đầu như vái chào. Ngài vì nó mà truyền trao pháp Tam quy, lãnh thọ xong, trăn bèn bỏ đi. Từ đó an định không xảy ra bất cứ điều gì. Ở phía

Bắc núi đó, trên dòng sông Phổ vốn không có vượn, từ khi ngài đến dừng ở trở lại, bèn có hai con nương vượn ngài mà ở. Có người mới thấy cho rằng nó lội sông mà lại. Về sau, khi ngài ra khỏi cửa núi vượn lại bơi lội qua, như vậy chẳng phải một lần, trải qua năm tháng lâu dài, chúng ấp ủ sản sinh đến vài mươi con, có khi vượn đưa ngài đến cửa Long môn đứng trông đợi ngài về. Sau, ngài lại dừng ở lại trong chùa Cổ xích thủy nham, phòng nhà đều phá hết, chỉ còn lại rừng tùng, ngài bày sàng tòa, có con hổ đến ngồi trước mặt, đưa mắt trông nhìn ngài, ngài mới vì nó nói pháp, giây lâu, hổ đứng dậy bỏ đi. Từ đó về sau, một mình ngài lui tới trong dáng vẻ oai hùng không tránh né ác thú. Ngài thường dùng đức nhân tế độ, nên cảm hóa rất nhiều, cuối cùng, ngài viên tịch ở quận Chương.

64. Thần tăng Tuệ Ước

Thích Tuệ Ước tự là Đức Tố, ngài vốn dòng họ Lâu, người xứ Đông dương ô thương. Đời ông nội ngài làm quan Đông Nam sĩ tộc. Có người bói đoán phần mộ của ông mà bảo rằng:

–Đời sau sẽ có người tu hành khổ hạnh đắc đạo, làm thầy của Đế vương.

Thân mẫu ngài dòng họ Lưu, mộng thấy một người to lớn nắm tượng vàng đưa bảo nuốt lấy, lại thấy ánh sáng sắc tía vây quanh thân, nhân đó mà có thai ngài. Và bà ta cảm thấy tinh thần sảng khoái, nghĩ lý tỏ ngộ, đến ngày hạ sinh ngài, ánh sáng mùi thơm xông khắp cùng, thân ngài trắng như tuyết, người đời nhân đó gọi tên ngài là Linh Sản. Ở tuổi nhi đồng, ngài thường lấy cát tạo làm tháp Phật, chất đá làm tòa cao. Năm lên bảy tuổi, ngài cầu xin vào Đạo. Ngài liền tụng đọc các sách Hiếu Kinh, Luận Ngữ, cho đến sử truyện, xem qua văn ngài đều hiểu ý.

Ở phía Nam nhà ngài, có một vườn cây trái, trẻ nhỏ chung quanh hay đua nhau hái phá, ngài cho đó là tai họa, bèn bỏ tất cả những gì có được, ngài trở về nhà với hai bàn tay không. Dân chúng trong xóm làng lấy việc nuôi tằm làm sự sống, ngài thường luôn bùi ngùi buồn thương. Từ đó, ngài không chịu ươm tơ. Người chú út của ngài ưa vui thích săn bắn, ngài khuyên hóa mà chẳng sửa đổi. Ngài thường than rằng:

- Loài chim bay thú chạy, cách người rất xa. Song tánh thức ham sống sợ chết đâu có khác gì!

Ngài liền đoạn tuyệt các thứ thịt máu tanh hôi, người chú ngài trốn tìm đến ở làng khác, phóng túng vui thú chặn giết, ông ta mộng

thấy sứ giả mặc áo đỏ, tay nắm mâu kích đến bảo rằng:

- Ông suốt ngày sống với sự sát sinh, Bồ-tát chỉ bảo mà không thôi bỏ, bắt lại đến chết.

Ông ta kinh sợ đến nỗi toát mồ hôi, đến sáng sớm bèn phá bỏ tất cả dụng cụ săn bắn, ăn năng hối cải lỗi trước nhưng sai lầm. Ngài lại đến chỗ chú ngài thường săn bắn, thấy các loài mể lộc đến vài mươi con nhảy nhót nương theo thuyền, như có sự quý chuộng cảm tạ ngài. Tại chỗ ở hẹp hôi nên chẳng thường thấy chùa, bỗng nhiên gặp được một vị Tăng, ngài liền thăm hỏi đến sự truyền giáo. Vị đó bèn đưa tay chỉ về hướng Đông, bảo:

- Trong đất Diệm, Phật sự rất thạnh hành.

Sau đó, không thấy vị Tăng ấy nữa, ngài mới ngộ rằng ấy là Thần nhân.

Năm mười hai tuổi, ngài bắt đầu đến đất Diệm tham lễ khắp mọi tháp miếu, tứ ý đi cùng sông núi xa xăm, với tâm trong sáng ngài muốn tham cứu nhiều kinh điển. Năm Thái Thỉ thứ 4 (468), đời tiền Tống, ngài đến chùa Đông sơn ở Thượng ngu, giả từ song thân, xuống tóc xuất gia. Bấy giờ ngài đã mười bảy tuổi, ngài theo hầu Sa-môn Tuệ Tỉnh ở chùa Nam lâm, ngài theo ngài Tuệ Tĩnh đến ở chùa Phạm cư tại đất Diệm. Ngài chuyên cần kính dưỡng thầy suốt mười hai năm. Đến lúc ngài Tuệ Tỉnh viên tịch, ngài lại tận tâm lễ phục tang lễ. Sau khi mãn tang, ngài dứt bỏ dùng gạo cơm, gá mình trên đỉnh non cao, chỉ dùng củ thuật củ tùng để trừ tật bệnh, nhiều năm liền đều có hiệu quả.

Tề thái tể Văn Giản Công Trử Uyên thường thỉnh ngài giảng kinh Tịnh Danh, Thắng-man. Trử Uyên mắc bệnh ngủ ngày, thấy một vị Phạn Tăng bảo:

- Bồ-tát sẽ đến, bỗng nhiên có đạo nhân đến.

Trong chốc lát, ngài đến, liền khiến bệnh liền tiêu dứt và lập tức xin thọ ngũ giới.

Tề cấp sự Trung Lâu Ấu Du, thuở thiếu thời có học thuật, cùng dòng tộc với ngài, mỗi lúc thấy ngài liền đứng dậy kính lễ, ngài bảo:

- Tôi đây là lớp dưới của ông, cớ sao lại cung kính?

Ấu Du nói:

- Bồ-tát xuất thế là bậc thầy của thiên hạ, đâu phải chỉ một mình lão phu kính lễ mà thôi.

Mọi người thời bấy giờ đều không hiểu được ý chỉ đó, chỉ một mình Vương Văn Hiến là hiểu nghĩa thú. Sau, trở về kinh đô ngài trú tại thảo đường. Trong niên hiệu Long Xuân (494), đời Nam Tề, thiếu phó

Thẩm Ước ra trấn nhậm bên ngoài, dẫn ngài cùng đến ở quận, ngài chỉ lấy sự tĩnh mặc, vui với thiền tụng, hương thơm khác lạ ngát thất, thú dữ dần đến bậc thềm, ngài thường vào núi Kim hoa hái kết, hoặc dừng nghỉ dưới khe suối Xích tùng. Có Đạo sĩ Đinh Đức Tỉnh ở quán mộ qua đời. Mọi người truyền rao rằng:

- Chỗ Sơn tinh chết mới cần đại trị dùng rượu cúng tế chỗ ấy, yêu tinh còn dòm ngó khắp cùng.

Trường Sơn Linh, Từ Bá Siêu lập bàn thỉnh ngài dời đến ở, chưa đầy mười ngày mà thần mỵ tiêu dứt. Sau, giữa ban ngày, ngài nằm thấy hai người nữ mặc áo xanh từ trong khe suối ra, đảnh lễ sám hối rằng:

- Do túc chướng sâu nặng nên đọa làm thủy tinh ở đó, ngày đêm thường sinh phiền não.

Ngài liền trao truyền cho tam giới, từ đó tai ương yêu quái dứt tuyệt.

Năm Thiên Giám thứ 18 (519), đời Nam Lương; nhằm ngày mồng tám tháng tư năm Kỷ Hợi, vua Vũ Đế phát tâm hoằng thệ thọ giới Bồ-tát, ngài mới đến điện Đẳng Giác. Từ Hoàng Trử trở xuống cho đến kẻ Tăng người tục sĩ thứ, đều mong được độ thoát. Hàng đệ tử có ghi chép lại gồm bốn mươi tám ngàn người. Đương lúc thọ giới có một con Càn thứu bước qua từng bậc thềm mà lên, tướng trạng như được hưởng thọ thức ăn ngon. Đến lúc thuyết giới xong, sau đó mới bay đi. Lại, đang lúc thuyết giới, có hai con chim Khổng tước, đuổi nó chẳng đi, ngài bảo cho nó đến nghe, dần dần nó tìm đến nơi đàn cuối đầu nghe pháp. Ngài bảo:

- Hai con chim này hẳn muốn trút bỏ báo thân để thọ quả báo khác.

Ngài khuyên nó nên chí thành, lại vì nó mà nói pháp. Tự nhiên, hai con chim cùng xả bỏ báo thân.

Sau, ngài an trú tại một tĩnh thất, có một bà già mang đến vài quyển sách đặt trên án kinh, không nói lời nào mà đi, rồi mang đến một cây khác lạ trồng tại giữa sân và nói:

- Đây là cây Thanh đình.

Ngài bảo:

- Sách này đẹp thật, không đợi phải xem nó, còn như nó xấu cũng chẳng nhọc trông nhìn.

Sau đó bảy ngày, lại thấy một ông già đến xin sách mà đi. Cây ấy lá xanh hoa hồng phù sơ hiện còn. Ngài lại chiêu cảm hoài chim khác thân đỏ môi dài hình như Phỉ Thúy, cùng theo vào ra đậu nghỉ ở cây

ấy.

Năm Đại Thông thứ 4 (?), ngài mộng thấy ngôi nhà cũ vách tường trắng cửa đỏ rực tráng lệ, ngài bèn phát nguyện lập chùa, ban chiếu đề hiệu là Bổn Sinh, lại sắc cải đổi làng đang ở là Trúc Sơn thành làng Trí giả. Tháng tám năm Đại Đồng thứ nhất (535), đời Nam Lương, ngài sai người chặt cành cây ngoài cửa, bảo rằng:

- Kiệu giá sắp đến, chớ nên để ngăn cản đường.

Mọi người chưa suy tính được. Đến ngày mồng sáu tháng chín, ngài ngã bệnh, đầu xoay về hướng Bắc, nghiêng phía phải mà nằm, thần thức ngài vẫn an nhiên không biểu hiện thống khổ, ngài bảo các đệ tử:

- Ta mộng thấy bốn bộ đại chúng cầm nắm tràng phan hoa lọng khắp đầy giữa không trung đến nghênh đón ta lướt mây mà đi. Phước bảo sẽ xong.

Đến ngày 16, sai người nhà là Từ Nghiễm thăm bệnh. Đáp rằng:

- Đêm nay sẽ đi.

Đến canh năm hai xướng, hương lạ thơm ngát thất, chung quanh đều nghiêm túc, ngài mới nói rằng:

- Phàm có sinh ắt có tử, ấy là số thường tự nhiên, phải siêng năng tu tập niệm tuệ, chớ khởi loạn tưởng.

Nói xong, ngài liền chắp tay thệ tịch, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi; sáu mươi ba hạ lạp.

Lúc ngài mới hiện bệnh, thấy một ông già nắm tích trượng lại, và đổi ngày thị tịch, chư Tăng đều bói là Đông Nham của chùa, vua Vũ Đế mới cải táng ở Độc long, ước đoán ông già thấy trước kia thì là ngài Chí Công nên đến cùng nghênh đón. Lại đêm ngài sắp tịch thì có con bò xanh, bỗng nhiên kêu rống rơi lệ thành dòng. Đến ngày an táng, sai sử dẫn đồ Bộ ngũ. Cả chùa đến núi rống khóc rơi lệ không thôi. Lại nữa, khi mới khởi công xây dựng tháp, có hai con hạc trắng liệng quanh phần mộ kêu thương thảm thiết. Sau ba ngày an táng, tự nhiên đi mất.

65. Thần tăng Đàn Đặc Sư

Ngài Đàn Đặc còn có một tên gọi là Tuệ Phong, là Tỳ-kheo, không biết ngài là người xứ nào, ngài uống rượu ăn thịt, nói năng bất thường. Ngài luận nói sự việc sắp đến đều trái nghịch, nhưng sau nghiệm lại đúng với sự việc.

Ngài đến Lương châu, Vũ Văn Trọng Hòa làm thứ sử thỉnh ngài đến Châu nội, xem qua cứu xá một lượt, ngài nói:

- Ý nghĩ sao mà tích chứa ngựa và vật của quan khác?

Trọng Hòa không hiểu ý chỉ đó, tức giận không để ngài ở Lương châu. Sau đó không bao lâu, Trọng Hòa chống cự không chịu thay, Triều Đình bảo Độc Cô Tín bắt lấy, Trọng Hòa thân chết, tất cả của cải đều mất xung vào của quan. Chu Văn đưa thư mời ngài, ngài đến Kỳ Châu, gặp Tề Thần Vũ đến cướp Ngọc Bích, ngài bảo

- Chó đâu có thể đến Long môn.

Thần Vũ quả thật không đến được Long môn đành phải trở lui.

Trước khi Hầu Cảnh chưa tạo phản lại Đông Ngụy, nhặt lượm được một cây gậy, trên đầu gậy khắc chạm hình con Nhĩ hầu, khiến nó mặt thường xoay về hướng Tây, ngày đêm mân mê ngắm nghía nó. Lại tìm cầu được một khúc cung khiên kéo nó. Bỗng chốc mà Hầu Cảnh khải giáng, tầm lại bối phản, mọi người đều lấy đó làm điều lạ.

Đến mùa Xuân năm Đại Thống thứ 17 (552), đời Tây Ngụy, đầu tiên bỗng ngài đội mũ vải, Chu Văn và mọi người kinh sợ hỏi ngài, ngài bảo:

- Ông cũng phải đội và vua cũng phải đội.

Đến tháng ba thì vua Văn Đế, đời Tây Ngụy băng hà. Sau đó, ngài lại dùng mảnh lụa trắng quấn mũ mà đội, mọi người lại hỏi ngài, ngài lại bảo:

- Các ông cũng phải đội và vua cũng phải đội.

Sau đó không lâu thì phu nhân của Quan thừa tướng qua đời. Thêm một lần nữa, ngài lại đội mũ lụa trắng, mọi người lại hỏi. Ngài cũng bảo:

- Các ngươi cũng phải đội, vua cũng phải đội.

Bỗng chốc người con thứ hai của thừa tướng là Vũ Ấp Công qua đời. Những sự kiện như thế ngài biết rất nhiều.

Bỗng nhiên, ngài thị tịch, Chu Văn ban mạng lo lễ an táng.

66. Thần tăng Thực Tướng

Thích Thực Tướng, ngài vốn dòng họ Hác, người xứ Tử đồng phù. Ngài đã từng nhậm chức Ba tây quận Sứ, quan thái thú Trịnh Trinh bảo ngài mang vật hiến cống, đến Dương đô, ngài thấy vua Vũ Đế, thời Nam Lương và các Vương Công sùng kính Phật giáo, nên ngài bèn phát nguyện xuất gia. Trở về đất Thục, ngài quyết thực hiện chí nguyện, quyến thuộc và vợ con đều đồng chí nguyện của ngài cùng một lúc xuống tóc xuất gia. Từ sau khi xuất gia, ngài chuyên tập khổ hạnh, ngày ăn một bữa thường ngồi ít nằm, đặt tâm nói Phật lý, lấy mạng sống làm

kỳ hạn.

Bấy giờ ở quận Nam vẽ, có Đạo nhân Pháp Ái khoe khoang đạo thuật, ngài đến đó xem sao. Đến nửa đêm, Pháp Ái dùng chú lực hiện hình một thần lớn, thân mặc áo đội mũ, dung mạo khôi vĩ, đến nâng giường dây cách đất bốn, năm thước. Ngài trì tụng giới bổn, thần liền vội bỏ chạy, lát sau trở lại nâng giường, cẩn trọng động đến một gốc, ngài lại tụng giới và thần cũng bỏ đi như trước. Sau đó, thần lại đến đứng trước mặt ngài, ngài giữ ý chánh niệm thanh bạch không mảy may lay động, bỗng chốc thần lại bỏ đi. Ở nóc nhà, thần hiện đầu mặt chạm đòn dong, tiếng va chạm rất lớn, ngài cũng không tỏ vẻ lo sợ. Thần thấy không thể làm lay động, bèn lại lễ bái cầu xin sám hối. Đến sáng sớm, ngài nói với Pháp Ái rằng:

- Chỗ quý trọng của ông đó chỉ là tà thuật, chẳng phải là chánh pháp. Ông nên bỏ đi.

Nhân đó, mà ngài đi đường thường ghé nghỉ qua đêm ở đạo quán. Đạo sĩ Hữu Tố nghe thanh danh ngài, sợ ngài giáo hóa đồ chúng quyến thuộc của mình nên chẳng chịu mời đón ngài. Đêm đó, bầy hổ chạy rảo quanh quán viện cùng nhau gầm thét. Các đạo sĩ thâu đêm không an ổn, đến sáng sớm tìm đuổi theo ngài cầu xin thọ giới Bồ-tát. Ngài lại đã từng hành hóa nơi vùng làm nông, thấy người câu cá, ngài đến khuyên răn nên bỏ, người đó không nghe theo lời ngài, ngài liền thóa nhổ vào trong nước, bỗng nhiên có một con rắn lớn ngẩng đầu nhìn quanh bốn phía rồi hướng đến người câu cá. Nhân đó người câu cá liền quy mạng tìm đến ngài cầu xin xuất gia.

Sau, cuối thời Nam Lương (...-557) binh lính nổi loạn, ngài vào núi Thanh thành, nhóm chúng tập nghiệp. Chưa rảnh rỗi kinh qua, ngài bèn thị tịch. Đầu tiên, ngài đặt chân đến chùa Bá lâm ở phía Tây thành Niên châu, chùa viện tạo lập thành tựu. Ở đầu giảng đường, ngài trồng một cây ngô đồng rất xanh tốt. Bỗng nhiên mùa Hạ, không nguyên cớ gì mà lá rơi rụng. Lại nữa, vào sáng sớm, vị Duy Na thỉnh kinh không kêu, mọi người lớn nhỏ đều nghi ngờ điềm lạ, song, chẳng biết được được nguyên nhân. Thượng tọa Tăng cho là có biến động lớn bèn chống tích trượng lánh đi, bỗng chốc có tin báo ngài đã thị tịch, mới biết rằng cây khô chuông câm là ứng hiện điềm trong sáng sớm ngài thị tịch. Đệ tử ngài mạng để lộ nhục thể ngài dưới cây Tùng.

67. Thần tăng Lục Pháp Hòa

Lục Pháp Hòa, không biết ngài là người ở xứ nào. Ngài ẩn cư tại

Giang lăng, Bách lý châu, ngài ăn mặc cư xử một mực, mỗi một cử chỉ đồng như Sa-môn giới hạnh. Các bậc kỳ lão từ nhỏ thấy ngài dung mạo nghi sắc thường an định, mọi người đều kính phục. Hoặc có người cho rằng ngài xuất hiện từ Tung sơn đi khắp mọi nơi xa gần rồi vào kinh châu ở quận Vấn dương. Ngài ở tại núi Tử thạch huyện Cao yếu, vô cớ, tự nhiên ngài bỏ chỗ ở, bỗng chốc có loạn của rợ man giặc Văn Đạo Kỳ, người thời bấy giờ cho rằng ngài dự biết được điềm chưa xảy ra.

Đến lúc Hầu Cảnh mới cho biết đánh phá Nam lương, ngài nói với Nam quận Chu Nguyên Anh rằng:

- Đàn-việt cùng bần đạo đánh Hầu Cảnh.

Nguyên Anh nói:

- Hầu Cảnh vì nước nhà lập công hiệu. Ngài bảo đánh đi nghĩa là sao?

Ngài bảo:

- Chính vì như vậy.

Khi Hầu Cảnh vượt qua sông, ngài đã ở tại núi Thanh khê, Nguyên Anh đến hỏi ngài:

- Nay Hầu Cảnh vây quanh thành, việc ấy thế nào?

Ngài bảo:

- Phàm người hái trái cây phải đợi đến khi chín.

Nguyên Anh cố nằn nì hỏi, ngài bảo:

- Cũng có thể khắc phục cũng không thể khắc phục.

Hầu Cảnh sai tướng Nhậm Ước đánh dẹp Lương Tương Đông vương ở Giang lăng, ngài mới đến Tương đông xin đánh dẹp Nhậm Ước, chiêu tập tám trăm đệ tử người rợ man ở Giang tân, chỉ hai ngày liền phát khởi ở Tương đông. Ngài sai Hồ Tăng giúp thống lãnh hơn ngàn người đồng hành. Ngài leo lên thuyền hạm, cười lớn bảo:

- Vô lượng binh ngựa.

Tại Giang lăng có nhiều miếu Thần là chỗ người đời thường cầu đảo, quân của ngài ra vào không một chứng nghiệm gì, mọi người cho đó là thần, nên đều đi theo. Đến hồ Xích sa cùng đối đầu với Nhậm Ước. Ngài cởi thuyền nhẹ không mang mặc áo dày mũ trụ, ven theo dòng mà xuống, cách quân của Nhậm Ước độ chừng một dặm, ngài trở lại nói với tướng sĩ rằng:

–Hãy lại quan sát ngựa của kia ngủ say bất động, còn ngựa của quân ta rất dõng dước, nên liền công kích đến. Nếu đánh được nó, thề sáng mai sẽ chẳng tổn thương một người khách hay chủ mà đánh bại được quân giặc.

Nhưng có chỗ xấu, phải phóng lửa đốt thuyền mà gió ngược chẳng tiện, ngài liền nắm quạt lông trắng vẫy gió, gió liền xoay trở về hướng quân Nhậm Ước. Mọi người đều thấy binh lính nhà Lương chạy bộ trên sông. Khi đó, vở lỡ lớn đều nhào xuống nước, Nhậm Ước trốn chạy, không biết ở đâu. Ngài bảo:

- Ngày mai vào giờ ngọ, sẽ bắt được nó.

Đến kỳ hạn mà chưa thấy Nhậm Ước, mọi người hỏi ngài. Ngài bảo:

- Trước kia, ta ở tại châu này, trong thời gian nước khô cạn có xây dựng một ngôi chùa. Nói cùng với các Đàn-việt... Đây tuy là làm chùa nhưng kỳ thật là tiêu điểm của giặc. Nay sao không đến tiêu điểm đó mà tìm giặc?

Đúng như lời ngài nói, đến trong nước thấy Nhậm Ước ôm lấy chùa ngưỡng đầu lên để hở lỗ mũi, bèn bắt lấy Nhậm Ước. Nhậm Ước nói:

- Xin được chết trước mặt ngài.

Đưa đến nơi ngài, ngài bảo cùng Nhậm Ước:

- Đàn-việt có chung cùng thì hẳn sẽ không chết mất binh lính. Vả lại, Tương Đông vương có duyên, nhất định không phải lo lắng gì. Về sau, Tương Đông vương sẽ được Đàn-việt giúp sức.

Quả thật, Tương Đông vương tha cho Nhậm Ước mà dùng làm quận thú. Đến khi quân Ngụy vây quanh Giang lăng, Nhậm Ước viện binh giúp lực đánh chiến. Ngài đã bình trị được Nhậm Ước, lại tiến tới thấy Tương Đông vương làm thêm ở Ba lăng, ngài bảo:

- Bần đạo đã trừ bỏ một cánh tay của Hầu Cảnh, Hầu Cảnh sao còn có thể đánh phá. Đàn-việt nên mau bắt lấy.

Và xin trở lui. Ngài nói cùng Tương Đông vương rằng:

- Hầu Cảnh tự nhiên sẽ yên định vậy không có gì phải lo lắng.

Quân giặc Thục sắp kéo đến, ngài xin nên giữ ở Vu hạp để đợi nó. Và dốc hết sức lực binh lính để chuyển đá chấn sông, ba ngày nước nghẽn không chảy, cùng gông sắt, Võ Lăng Vương nhóm tụ quân Thục đến Hạp Khẩu, gặp thế bức bách tiến thoái đều không được. Vương Lâm cùng ngài kinh lược một trận đế tiêu diệt hết.

Quân lính lần lượt trở về tấu trình cùng Đế Vương:

- Có người nói Gia Cát Lượng; Khổng Minh đáng gọi là danh tướng, ta tự thấy như thế, ở bên cạnh thành này có vùi chôn một hộc nỏ tên thốc.

Nhân đó, cắm dấu, bảo người đào bới lên, quả thật đúng như lời

nói.

Lại nữa, ngài từng đến phía Bắc thàng Tương dương, dưới một gốc cây lớn, ngài vẽ ô vuông hai thước giữa đất, bảo đệ tử đào lên có được con rùa lớn mét rưỡi. Ngài dùng gậy gõ vào rùa, bảo:

- Nhà ngươi muốn ra mà không thể được đã vài trăm năm. Nếu không gặp ta thì đâu thấy được mặt trời?

Ngài vì rùa mà trao truyền pháp Tam quy, rồi rùa mới bò vào cỏ.

Đầu tiên, tại núi Bát điệp, có nhiều người mắc bệnh hiểm ác, ngài vì họ mà hái thuốc điều trị, uống không quá ba lần bệnh đều lành hẳn. Họ liền xin làm đệ tử. Trong núi có nhiều trùng độc thú dữ, ngài trao cho nó cấm giới, từ đó không còn cắn chích nọc độc. Tại ngọn núi cao bên cạnh hồ Bạc giang, ngài treo biểu rằng:

- Đây là chỗ phóng sinh.

Các ngư phủ đều không được đánh bắt cá, có người vừa mới đánh bắt được ít con, liền có sấm sét gió lớn nổi lên, người ngồi trên thuyền lo sợ nên liền thả và gió mưa yên định liền. Chiều tối tuy có quân lính chiếm đóng nhưng còn cấm quân lính không được bắt cá, có người lén trộm làm trái, nửa đêm thú dữ đua nhau kéo đến muốn cắn xé kẻ đó hoặc đánh mất neo thuyền.

Có vị đệ tử nhỏ vui đùa, chặt đầu rắn, đi đến nơi ngài, ngài bảo:

- Sao ngươi dám giết hại?

Nhân đó mà ngài chỉ cho thấy, vị đệ tử nhìn thấy đầu rắn cắn mắc nơi trên quần chưa rơi. Ngài bảo đệ tử sám hối, phải vì rắn mà tu tạo công đức. Lại có người dùng dao chặt thử đầu trâu, chỉ chặt một dát thì đầu trâu dứt lìa. Người đó đến chỗ ngài, ngài bảo:

- Ngươi chặt đứt đầu trâu, hẳn nó lấy mạng ngươi rất mau, nếu không tu tạo công đức thì nội trong một tháng quả báo sẽ đến.

Người đó không tin, quả thật ít ngày sau người đó chết.

Ngài lại vì người mà đặt để hướng nhà bói xem phần mộ để tránh họa cầu phước. Ngài từng bảo người ấy rằng:

- Chớ nên buộc ngựa nơi trụ đá.

Người ấy đi đến Hương khúc, bên cạnh cửa có trụ, nên bèn buộc ngựa vào đó. Đi vào trong cửa rồi bỗng nhớ lời ngài răn bảo, vội chạy ra để mở thì ngựa đã ngã lăn chết vậy.

Vua Nguyên Đế (552-555), đời Nam Lương tôn xưng ngài là Đô Đốc, Dĩnh Châu thứ sử Phong Giang Thừa huyện Công. Ngài chẳng xưng thần (Bề tôi), các bản văn khải của ngài trên ấn đỏ đề danh ngài tự xưng là cư sĩ. Sau xưng là Tư đồ. Vua Nguyên Đế nói với Bậc Xạ

Vương Bao rằng:

- Trẫm chưa từng có ý dùng Lạc Pháp Hòa làm Tam công. Người tự xưng, vậy là sao?

Vương Bao nói:

- Ngài Pháp Hòa tự dùng đạo thuật tự ban dung là biết trước.

Vua Nguyên Đế cho rằng công nghiệp của ngài có phần quan trọng, bèn thêm tước Tư đồ; đô đốc thứ sử như cũ. Các bộ khúc đến vài ngàn người đều tự xưng với ngài là đệ tử. Ngài chỉ dùng đạo thuật mà giáo hóa, không dùng pháp luật tù ngục mà hình xử đối với người. Lại bày chỗ hàng buôn bán không lập người trông coi giúp chợ, cách thức thâu giúp không người lãnh nhận. Chỉ đặt một cái củi không khóa lại tại giữa đường, mặt trên mở một lỗ nhỏ để nhận tiền, khách thương buôn bán tùy vật ít nhiều tính theo cổ hạn mà bỏ phiếu vào trong cũi. Người có chức trách cai quản nhận lấy thì tối đến mới mở lấy, điều chỉnh lỗ mục thâu nạp vào kho.

Bình thường, ngài nói như không mở lời, đến lúc luận bàn thì hùng biện không ai bằng, nhưng vẫn còn sót lại âm ba dân tộc man. Ngài giỏi bày thế kích trận, cụ thể là tại Giang hạ, nhóm tụ binh hạm muốn đánh vào Tương dương mà lại vào võ quan, vua Nguyên Đế, Nam Lương sai sứ đến đình chỉ, ngài bảo:

- Bần đạo là người cầu làm Phật, còn không mong cầu chỗ ngồi của Đế Thích Phạm vương, há Khuy Truất ngôi vị của chủ? Chỉ bởi tại thời Đức Phật không vương, bần đạo với chúa thượng có nhân duyên hương hỏa, nay thấy chúa thượng cần phải có sự báo đáp nên cứu viện như thế. Vậy mà, nay lại bị nghi ngờ, ấy là nghiệp định không thể mở giải!

Khi đó, ngài bày cúng các vật thực đủ cả bánh nướng. Đến lúc quân Ngụy dấy binh, ngài từ Dĩnh châu vào Hán khẩu, sắp đến Giang lăng, vua Nguyên Đế sai người đi ngược lại bảo:

- Ở đây tự đủ khả năng phá giặc, ngài nên trấn tại Dĩnh châu chẳng cần nên lo động.

Ngài bèn trở về Dĩnh châu, trát bít cửa thàng mặc áo quần vải bố sắc trắng bịt khăn, dùng dây lớn thất co lưng ngồi trên chiếu cỏ trọn ngày mới cởi ra. Đến lúc được tin vua Nguyên Đế bại trận chết mất, ngài lại lấy hung phục trước đó mặc vào, khóc than thọ điếu. Người xứ Nam Lương vào đất Ngụy quả thật thấy có bánh nướng.

Khi đó, ngài mới bắt đầu ở bách lý châu tạo lập chùa Thọ vương, đã giá điện Phật rồi, ngài lại khắc vào trụ và đòn dong rằng:

- Hơn bốn mươi năm sau, Phật pháp sẽ gặp phải sấm sét bão bùng, chùa này ở nơi u tịch, có thể được thoát nạn.

Kịp đến lúc nhà Ngụy bình trị được kinh châu, tất cả các cung thất đều bị thiêu hủy, quan tổng quản muốn chiếm lấy điện Phật chùa Thọ vương, hiềm nổi gỗ ngắn nên thôi. Sau, nhà Chu hoại diệt Phật pháp, vì chùa này cách xa trần cảnh nên thoát khỏi nạn.

Mùa xuân năm Thiên Bảo thứ 6 (555), đời Bắc Tề, Thanh Hà Vương Nhạc tiến quân đến Lâm giang, ngài đưa cả Dĩnh châu vào nhà Bắc Tề, vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương, Bắc Tề) dùng ngài làm đại đô đốc, mười châu các quân phụng sự Thái úy công, phía Tây nam đại đô đốc năm châu các quân phụng sự Kinh châu thứ sử. An Tương quận công Tống Lỵ sai làm Tán kỵ thường theo hầu Nghi Đồng Tam Ty Tương Châu thứ sử Nghĩa Hưng huyện Công. Tướng của Nam Lương là Hầu Chấn đến bức chiếm Giang hạ, quân của Bắc Tề bỏ thành mà chạy. Ngài cùng với anh em Tống Lỵ vào chầu. Vua Văn Tuyên Đế nghe ngài có đạo thuật kỳ lạ, nên hư tâm tưởng muốn được thấy, bèn cùng đầy đủ Tam công lỗ bộ, đến phía Nam thành cách 12 dặm, nhằng trướng đợi đón ngài. Ngài từ thấy Nghiệp Đô bèn xuống ngựa đi bộ. Tân Thuật nói với ngài:

- Ngài từ xứ xa vạn dặm về thành, chúa thượng đang nóng lòng trông đợi, sao lại bày thuật như thế?

Ngài trên tay bưng lò hương đi bộ từ đường xe đến quán, sáng sớm mai dẫn thấy cấp thông... dầu lạc võng xa, đến cung quyết, thông danh ngài chẳng xưng quan tước, chẳng xưng thần, chỉ tự xưng là Kinh Sơn Cư sĩ. Vua Văn Tuyên Đế sắp đặt ngài và tùng chúng ở điện Chiêu dương. Ban tặng ngài trăm vạn tiền, vạn đoạn vật, đệ nhất giáp, khu đất ruộng trăm khoảng, hai trăm nô tỳ. Tư sinh kế vật xứng vậy. Các nô tỳ được ngài cho miễn hết, bảo rằng:

- Mỗi người nên tùy duyên phận mà đi.

Tiền bạc, ngài ban thí trong một ngày bèn hết sạch, dùng các nhà quan tặng tạo lập thành chùa thờ Phật. Ngài tự sống ở một phòng chẳng khác người thường. Trong vòng ba năm, ngài lại làm thái úy, người đời bấy giờ còn gọi ngài là cư sĩ.

Tự nhiên không bệnh mà ngài nói với đệ tử về ngày ngài tịch. Đến thời hạn, ngài đốt hương lễ bái Phật, rồi ngồi trên giường dây mà thị tịch, mọi người tắm rửa xong, đến lúc sắp tẩm liệm thi hài tự nhiên bé nhỏ lại chỉ ba thước. Vua Văn Tuyên Đế bảo mở nắp quan tài ra xem thì quan rỗng không mà thôi. Ngài viết chỗ ở trên tường vách mà bôi

xóa, đến lúc bóc rơi có đoạn văn viết:

Mười năm Thiên tử đáng chuộng thay,
Trăm ngày Thiên tử nhanh như lửa
Quanh năm Thiên tử đổi thay tòa ...

Lại viết: "Một người mẹ sinh ra ba vị vua, trong đó hai vua chỉ được năm năm."

Có thuyết cho rằng: Lâu Thái Hậu sinh ra ba Thiên Tử (có lẽ ba vị thiên tử là: - Phế Đế (Cao ân, 560-560)

Hiếu Chiêu Đế (Cao Diễn, 560-561)

Vũ Thành Đế (Cao Chạm, 561-565)

Đều là con của Văn Tuyên Đế (Cao dương, 550-560) và bà hoàng hậu dòng họ Lâu (?), thuộc thời Bắc Tề.

Từ Hiếu Chiêu Đế lên ngôi (560) đến Vũ Thành Đế được truyền ngôi (561). Vị chúa sau tổng cộng chỉ có năm năm (561-565).

68. Thần tăng Thượng Viên

Thích Thượng Viên, ngài vốn dòng họ Trần, sau khi xuất gia, ngài chuyên dùng chú thuật cứu giúp mọi vật. Thời nhà Lương (?), Võ Lăng Vương ở trong cung Tiêu kỷ, quỷ quái hay quấy rối, hoặc ca hát, hoặc khóc lóc, phân vân tạp loạn khắp cùng. Lăng Vương mới sai người có tài nghệ giỏi bắn dương cung đón bắn. Quỷ mới hiện hình, liền phóng tên bắn, quỷ bèn từ xa tiếp nhận trở lại ném vào người, suốt một thời gian lâu dài mà không chấm dứt. Nghe ngài trì chú, Lăng Vương thỉnh ngài vào trong cung, các loại quỷ lại đua nhau biến hiện các thứ thân hình rồng rắn, bỗng chốc trên không giữa đất biến hiện lắm thứ quái lạ. Ngài ngồi yên, bảo rằng:

- Này các quỷ nhỏ kia! Cớ sao dám vào trong cung vua? Nếu có khả năng biến hóa thân ta thì có thể biến ra muôn thứ. Chỉ là các ngươi dừng lại nghe ta nói một lời!

Các quỷ bèn chắp tay đứng yên. Ngài bắt đầu phát ra lời: Nam-mô Phật-đà.

Các quỷ đều biến mất ngay lập tức. Từ đó mọi người được yên tỉnh. Vua Vũ Đế (Tiêu Diễn, 502-550), đời Nam Lương nghe thế bèn mời ngài thết tiệc thưởng đãi lớn. Ngài hưởng thọ tám mươi mốt tuổi, viên tịch ở tại Đô thành.

69. Thần tăng Pháp Thông

Thích Pháp Thông, ngài vốn dòng họ Mai, người ở Nam dương,

Tân dã. Năm tám tuổi, ngài xuất gia, Trác nhiên thần tú, tánh ngay thẳng trinh khiết, thân hình như ngọc. Chỉ ăn dùng rau lá sơ sài, không mong cầu cao lương mĩ vị. Nhân đến Tương dương, ở suối Bạch mã, núi Tản cái tạo lập phương trượng, nương vào nơi đó làm nhà mà ở, giữa thung lũng đặt hai cơ sở Lan-nhã xá. Nay những người tuần du núi đó vẫn còn biết những sự kiện này.

Vào thời nhà Lương, (?) Tấn An Vương đến Đô tương ung, thừa lúc gió thổi đến nên lại hỏi. Khi sắp đến thiền thất, cỡi ngựa đi theo, bỗng nhiên vô cớ, ngựa khựng lại thoái lui. An Vương hổ thẹn mà trở về, đêm đó cảm thấy ác mộng. Sau, đi đến một lần nữa, ngựa cũng thoái lui như trước, An Vương mới khiết trai rất mực thành kính mới được đến thấy. Lúc mới đến bên cạnh chùa, chỉ thấy một hang lửa dữ sáng rực, đứng nhìn giây lâu bỗng nhiên thấy lửa biến thành nước, phút chốc, nhìn lại trong nước thấy nhà hiện ra. An Vương đem việc ấy hỏi mới biết lúc đó là ngài đang nhập định Thủy hỏa. Trong nhà nơi tòa ngồi, ở hai đầu giường dây có hai con hổ, An Vương không dám bước đến. Ngài liền đưa tay đè đầu hổ xuống đất bịt hai mắt hổ lại rồi bảo An Vương đến trước, mới được hành lễ. Nhân đó, An Vương báo với ngài là ở nơi đây thường xuyên xảy ra tai nạn vì hổ, cầu xin ngài cứu giúp. Ngài liền nhập định, bỗng chốc có mười bảy con hổ lớn cùng nhau kéo đến, ngài trao truyền cho hổ pháp Tam quy giới, dạy răn chớ can phạm hại đến trăm họ. Ngài lại bảo đệ tử lấy vải y cũ buộc vào nơi cổ hổ. Ngài hẹn sau bảy ngày hãy lại đây. Đến kỳ hạn, An Vương tập chúng thiết trai và các con hổ cũng đến, liền cùng ăn và mở vải ở cổ hổ ra. Từ đó không còn có tai hại gì. Cũng trong ngày đó, ngài dẫn An Vương đến suối Bạch mã, trong suối có con rùa trắng lội đến trong tay ngài để lấy thức ăn. Ngài nói với An Vương rằng:

- Đó là Hùng Long.

Hơn nữa, ở suối Lâm linh có con cá chép năm sắc cũng đến nơi tay ngài lấy thức ăn, ngài bảo:

- Đó là Thư Long.

An Vương cùng với các kẻ sứ đều tán thưởng điều đó, cùng ban thí cho cả hai loại vật đó. Có bạo hung đảng vây quanh khoảng vài mươi người, ban đêm đến muốn cướp trộm vật của người cúng thí, gặp hổ gầm thét ngăn chặn đường đi. Lại có một người lớn đứng dựa ở thiền thất, bên cạnh có cây tùng chỉ cao tới đầu gối, người ấy cầm chày vàng thủ hộ. Cuối cùng đêm cũng qua mau, đến trưa mai mới trở về. An Vương lấy làm quái lạ sự việc từ chiều hôm qua trở lại, mới đem

mọi sự viết thành bài văn, bèn tấu trình triều đình xét biết. Triều đình ban chiếu tạo chùa Thiền cư, ngài không đến ở, mà cho người đến đó ở. Ngài ở tại thiền đường, thường có con nai trắng, chim tước trắng dần dần thuần phục đến nương ở. Ngài đi đứng luôn lấy tâm từ cứu hộ làm đầu. Có lần ngài gặp các người đồ tể trói buộc hơn trăm con heo, ngài ba phen trì tụng Thủ-lăng-nghiêm để cởi mở cho dân chúng, đàn heo đều bỏ chạy xa, các người đồ tể tức giận muốn hành hung, song, cả thảy đều cứng đờ bất động, bèn xoay về lỗi quá sám hối tội lỗi, nhân đó mà bỏ nghiệp sát sinh. Thêm nữa, ngài đến sông Hán, thấy các ngư phủ kéo lưới giăng cá, ngài cũng trì chú như trước, các ngư phủ kéo lưới không được cá, mới lại quy tâm mang lưới không mà trở về.

Tại Kinh châu gặp nạn khổ hạn hán, chùa Trường sa sai Tăng đến chỗ ngài cầu mưa, ngài bảo trở về, thì mưa lớn, nước đầy ngập cả bờ hồ. Tương Đông vương nhân nghe thế, vội xa giá đến cửa núi bày lễ tương sư thỉnh ngài xuống thành đô, nhưng ngài khước từ không chấp nhận. Tương Đông vương mới rủ bỏ cung các tạo lập chùa Thiên cung. Rồi thỉnh đón ngài. Ngài mãi trú trên Ba Hạp Không Tấn Hồng. Tương Đông vương dùng gỗ bách làm chánh điện. Đến lúc cảm ứng phóng ánh sáng hơn mười ngày chẳng hết. Bên cạnh chánh điện, Tương Đông vương lại dựng lập bảo tháp, tăng phòng, giảng đường và dùng các thứ vương thục quý báu làm lộ bàn. Lập chùa Bảo quang, thỉnh ngài đến đó ở. Tương Đông vương thuật nghĩa Bát-nhã, mỗi sáng mai sắp dựng nghĩa, trong chánh điện thì ban đêm phóng ánh sáng chiếu soi đến vài dặm, không cần dùng đến đèn đuốc. Mọi người bàn luận đó là ánh sáng đại Trí tuệ Bát-nhã chiếu soi đến chốn u tối.

Tháng 9 năm Đại Định thứ 5 (561), đời Hậu Lương, ngài bỗng nhiên không bệnh mà ngài thị tịch, ngài đoan tọa như lúc sinh tiền, thân hình mềm mại, trên đỉnh đầu ấm nóng, tay cong lại, hai ngón tay có hương thơm lạ phảng phất không thôi. Ngài hưởng thọ chín mươi hai tuổi.

70. Thần tăng Tăng An

Thích Tăng An, ngài vốn người ở đâu không được rõ, ngài rất tinh chuyên giới nghiệp khổ hạnh, khéo hay tọa thiền giảng giải. Người thời bấy giờ tôn xưng ngài là Bậc Đa năng. Trong thời vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương, 550-560), đời Bắc Tề, ngài đến núi Vương ốc, nhóm chúng khoảng hai mươi người giảng kinh Niết-bàn. Ban đầu mới khai đề, có con chim trĩ mái (thư trĩ) đến bên tòa lắng nghe. Đến giờ chư Tăng thọ

thực thì lại ra ngoài uống ăn, buổi chiều, ngài lên tòa giảng thì chim trĩ lại đúng giờ tìm tới. Ngài giảng chưa hết quyển ba thì tuyệt nhiên chim trĩ không đến nữa, chư Tăng đều lấy làm điều lạ. Ngài bảo:

- Con chim trĩ ngày nay đã sinh trong loài người, không có gì phải lấy làm lạ.

Đến năm Vũ Bình thứ tư (573), đời Bắc Tề, ngài dẫn chúng đến Việt châu hành hạnh Đầu-đà, bỗng nhiên ngài bảo:

- Chim trĩ mái năm xưa ứng sinh tại vùng này.

Đi đến một nhà nọ, từ xa, ngài gọi: "Thư trĩ", có một bé gái chạy ra mừng rỡ như gặp gỡ người quen biết từ xưa, lễ bái hoan hỷ. Cha mẹ của bé gái lấy làm lạ, mới vào thiết trai cúng dường, ngài bảo:

- Cớ sao bé gái này đặt tên là Thư Trĩ?

Đáp:

- Vì thấy bé lúc mới sinh, tóc trên đầu như lông chim trĩ, vì thế nên đặt tên bé là Thư Trĩ.

Ngài cười lớn, thuật lại duyên xưa. Bé gái nghe xong, rơi lệ khóc lóc cầu xin xuất gia. Song thân vui vẻ liền chấp thuận. Ngài nhân đó mà giảng kinh Niết-bàn cho bén gái nghe, bé liền lãnh hội hiểu hết, không một sai lầm sót mất, đến cuối quyển ba thì mịt mờ không hiểu gì nữa.

71. Thần tăng Phó Hoằng

Đại sĩ Phó Hoằng, ngài trú tại chùa Song lâm, huyện Ô thương quận Đông dương, thể quyền ứng đạo, tiếp nối Duy-ma, thời bấy giờ, ngài phân thân thường chuyên tế độ, ngài trú tại chùa Song lâm hoằng đạo giáo hóa, hoặc hiện ánh sáng vàng rồng phóng ra từ trước ngực, hương thơm khác lạ phảng phất từ trong lòng bàn tay. Hoặc hiện thân hình cao lớn hơn một trượng, tay dài quá gối, gót chân dài hai thước, ngón tay dài sáu tất. Hai mắt ngời sáng tỏ rạng như mặt trời mới mọc, sắc mạo đoan trang súc tích, có tướng Đại nhân. Lương Hiếu Vũ* nghe thế, mời ngài đến ở Kiến nghiệp. Ngài mới đến ở chùa Định lâm phía dưới Chung sơn, ngồi dưới bóng cây tùng cao, nằm trên bàn thạch, bốn bên thông suốt, sáu phía rộng thênh thang, hoa trời cam lồ thường rải nơi đất. Tại điện Trùng vân trong vườn Hoa lâm, nhà vua mở hội giảng kinh Bát-nhã, bày một giường tòa cùng với Thiên chỉ đối dương. Đến lúc xe ngọc lên điện mà ngài vẫn an nhiên tại tòa. Hiến Tư Nghị hỏi, ngài bảo:

- Pháp địa bất động, nếu động thì tất cả không an.

Vả lại, ngài biết thời vận nhà Lương sắp hết nên thương xót cứu

hộ binh tai, mới đốt cánh tay làm đốt mang tế xua họa đến.

Đến năm Đại Kiến thứ nhất (569), đời nhà Trần, giữa mùa hạ, ở tại Bổn châu, ngài nghiêng về phía hữu mà nằm, bỗng nhiên thị tịch. Bấy giờ, mặt trời hừng đỏ, thân thể ngài ấm nóng, sắc vẻ tươi vui, dáng hình sáng sạch, có hương thơm thoảng cùng, tay chân co duỗi như thường, mọi người trông thấy, đều tán phục. Liền an trí ngài vào trong khám, trong suốt vài tuần, hương hoa tam tụ. Sau, bỗng nhiên biến mất, mọi người đều chiêm ngưỡng không thấy, bèn gào khóc kính mộ càng sâu xa, tiếng ngất buồn thương nghẹn cả hang núi.

Đầu tiên, ngày ngài còn tại thế, thường vì kinh mục phiền nhiều, mọi người không thể đọc xem hết, mới đến trong núi tạo lập một khám lớn chỉ một cột trụ, có tám mặt, bởi kinh vận hành không trở ngại, nên gọi khám đó là Luân Tạng và ngài có lời nguyện rằng: "Nếu ai lên đến nơi cửa Luân Tạng của tôi thì đời đời kiếp kiếp chẳng mất thân người." Ngài từng khuyên người đời, nếu ai phát tâm Bồ-đề hay đến Luân Tạng thì cũng giống như đã trì tụng các kinh công đức rồi. Ngày nay, trong thiên hạ kiến lập Luân Tạng cũng đều thiết trí tượng Đại sĩ. Trong núi có cây tùng xưa, ngài từng trú tại cây tùng ấy, nguyện độ chúng sinh, dùng búa bặt mà phát lời thề, đến nay vết dấu búa vẫn còn. Ngài đem cơm thừa thí cho hổ ăn quăng vải giữa rừng đều hóa thành đá xanh trắng hổn tạp có thể dùng làm hạt tràng, gọi đó là cơm đá, đến nay hãy còn, những vết tích linh dị, không thể ghi hết.

72. Thần tăng Tuệ Tư

Thích Tuệ Tư, ngài vốn dòng họ Lý, người xứ Võ tân. Thuở thiếu thời, tâm ngài rộng lượng bao dung có tiếng trong xóm làng, ngài thường mộng thấy có vị Phạm Tăng khuyên ngài xuất tục. Ngài thức giấc tỉnh ngộ điềm lành đó, bèn từ thân nhập đạo. Một vài lần, ngài mộng thấy Thần tăng khuyên nên hành trì trai giới. Ngài chỉ ăn mỗi ngày một bữa, không thọ biệt cúng, ngài nương ở nơi một am cốc, có kẻ dã nhân thiêu đốt chỗ ngài ở bèn bị bệnh dịch lệ, cầu khẩn chí thành sám hối, bệnh hoạn tiêu trừ nên được bình phục. Ngài lại mộng thấy vài trăm vị Phạm Tăng thân hình trang phục khắc viền khác lạ lên tòa, bảo ngài rằng:

- Ông trước kia thọ giới luật nghi chẳng phải ưu việt, làm sao có thể khai mở chánh đạo? Nay đã gặp được thánh chúng thanh tịnh nên lại lập đàn, thỉnh cầu sư Tăng bốn mươi hai vị tác pháp Yết-ma.

Sau khi thành tựu giới cụ túc bỗng nhiên ngài đại ngộ mới biết rằng thọ giới trong giấc mộng.

Ngài lại mộng thấy Đức Di-lặc, được Đức Di-lặc nói pháp khai ngộ, nên ngài tạo hai tôn tượng và đều cúng dường. Ngài lại mộng thấy được theo Đức Di-lặc cùng các quyến thuộc đồng hội Pháp hoa. Trong tâm ngài tự suy nghĩ rằng: "Ta ở trong thời mạt pháp của Đức Thích-ca thọ trì kinh Pháp Hoa, nay gặp được Đức Di-lặc Từ Tôn bỗng nhiên khai ngộ." Ngài lại càng tinh tấn. Các điềm linh dị lại chồng chất như trong bình nước thường đầy, cúng dường nghiêm trang hoàn bị như có Thiên đồng đến hầu vệ.

Từ núi Đại tô, ngài dẫn hơn bốn mươi vị Tăng đi đến Nam nhạc. Đã tới nơi rồi, ngài nói với đồ chúng:

- Ta nương náu núi này với kỳ hạn mười năm, từ đó về sau ắt sẽ viễn du.

Ngài nói:

- Ta đời trước từng ở nơi đây nhiếp lãnh đồ chúng.

Leo lên một đỉnh núi thấy có Lâm Tuyền thắng dị, ngài bảo:

- Đó là chùa xưa. Xưa kia ta ở tại đó!

Mọi người đào bới đất lên, quả thật thấy có các thứ khí mảnh vật dụng của Tăng và nền móng điện vũ. Ngài lại chỉ dưới hai tảng đá đào lên nhặt được hài cốt, bèn xây dựng tháp. Nay là tháp Tam sinh. Lại ở phía Đông bờ bên cạnh của Linh nham, xây dựng đài. Ngài vì chúng giảng pháp Bát-nhã. Ngay giữa tim của đại nhạc, nay là chùa Bát-nhã.

Bấy giờ, học chúng khắp cả Nam bắc tụ hội, ngài sợ lo không có nước, bỗng thấy dưới lớp đá nham có ẩm ướt, ngài dùng gậy thọc xuống, quả thật có được khe suối, song, vẫn chưa nhiều nước. Có hai con hổ dẫn ngài lên đỉnh núi, nhảy cẫn giữa đất gầm gừ, nước suối tuông chảy tán loạn, nay là suối Hổ bào. Có người hỏi:

- Sao ngài không xuống núi để giáo hóa chúng sinh mà mãi ngắm nhìn mây nước lững lờ làm gì?

Ngài bảo:

- Ba đời chư Phật, ta đều ngậm nuốt hết trong miệng, làm gì còn có chúng sinh đáng độ ư?"

Tại Giang đông, Phật học rất thạnh môn học nghĩa. Từ lâu ngài đến Nam nhạc thì Định Tuệ đều song hành, Đạo Phong đã thạnh, tiếng tăm vang cùng. Có vị đạo sĩ sinh tâm ganh tỵ muốn hại, kính báo cùng Trần chúa vu khống về ngài là chúng Tăng phương Bắc nhận khoáng nước Tề chặt đẽo trên núi đóng đá dựng yêu. Trần Chúa mới sai sứ lùng đuổi bắt ngài, kẻ sứ vừa đến cầu Đá, bị hai con hổ tức giận và rắn lớn ngăn chặn đường. Kẻ sứ kinh sợ mới lập lời thề rằng:

- Ta được thấy Thiền sư Tuệ Tư thì cứ tưởng như là Phật, nếu ta khởi tâm ác thì tùy ý các ngươi làm hại thương tổn.

Hổ và rắn bèn lui nhường đường. Kẻ sứ đến được thấy ngài, liền đảnh lễ và đem sự việc trình thưa. Trước lúc kẻ sứ chưa đến, ngài thấy một con ông nhỏ đến đốt ngay mặt ngài, bị một con ông lớn cắn giết nuốt ngay trước mặt ngài. Ngài bèn nhập định để quán chiếu, nên biết đó là oan khiên đời trước muốn cùng nhiễu hại. Ngài bảo kẻ sứ rằng:

- Sứ giả nên đi về trước, bần đạo sẽ theo sau.

Bảy ngày sau, ngay nay tích trượng rảo quanh bốn cửa, sứ thần trông coi các cửa đều vào tấu trình ngài vào. Trần Chúa đã kinh dị, đến lúc ngài đến ra mắt, Trần Chúa bèn xuống nghênh đón. Trần Chúa hỏi quần thần:

- Các khanh, thấy vị Tăng này là người như thế nào?

Tâu rằng:

- Tăng bình thường.

Trần Chúa bảo:

- Trẫm thấy ngài đạp hoa báu cởi giữa khoảng không mà đến.

Trần Chúa bèn nghênh đón ngài vào điện và cúng dường. Vị Đạo sĩ kia bởi tội khi dối nên Trần chúa muốn giết, ngài khẩn cầu, nói với Trần Chúa rằng:

- Đây là oan khiên đời trước, mong bệ hạ tha cho.

Trần Chúa bèn ban lệnh đạo sĩ ấy lo cung cấp hầu hạ ngài. Ngài tâu khước từ trở về lại núi. Trần Chúa dùng lễ đặc thù tiễn đưa ngài. Sau đó không lâu, đạo sĩ đó lại vu khống ngài là “Một người bạo tử, là một người bị chó cắn mà chết nên có điềm ông chính như.”

Từ đó, mỗi năm, Trần Chúa ba lần thăm hỏi, sự vinh thạnh chẳng thêm mà thần dị khó thể lường. Ngài đi trong mưa chẳng ướt, lội giữa bùn sình chẳng dơ, hoặc hiện hình lớn nhỏ, hoặc vắng lặng ẩn tàng thân.... Tháng sáu năm đó, trước lúc viên tịch, ngài nói pháp liên tục ngày nay sang ngày khác, đinh ninh tha thiết ha trách, người nghe đến nỗi lạnh tim. Đến ngày 22, giữa chúng bình lặng, ngài thị tịch, ngài Linh Biện khóc gào, ngài mở mắt ra bảo:

- Cớ sao kinh động ta? Kẻ si sống ngoài chánh pháp!

Nói xong, ngài viên tịch.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 5

73. Thần tăng Phổ Minh

Ngài Phổ Minh vốn tên là Pháp Minh, dòng họ Chu, người xứ Cối kê. Thuở thiếu thời, ngài đã có một ít chí khí tiết tháo khác thường. Có vị Tăng đến nhà khất thực, nhân đó khuyên ngài rằng:

- Ông đã có thiện tánh, có thể đến núi Thiên thai xuất gia. Tại đó, có bậc Bồ-tát sơ địa hiện đang thường trú giảng pháp.

Năm Thái Kiến thứ 14 (583), đời nhà Trần, ngài vượt rừng băng suối tìm đến Thiên thai, gặp được Đại sư Trí Giả đang giảng pháp. Ngài Trí giả cười, nói:

- Do nguyện lực xưa kia, nay được cùng gặp.

Ngài theo ngài Trí Giả đến chùa Ngọc tuyền ở Kinh châu. Ngài thường ở bên dòng suối khổ luyện chuyên chú tư duy. Ngài Trí Giả trở lại núi Thiên thai, tạo một đại hồng chung để cúng dường tại núi Thiên thai, kẻ tăng người tục ở Giang lăng tranh nhau cúng dường để đúc chuông. Đương lúc gần rát đồng, có một người mù đến xem, ngài xem xét cơ duyên biết được tướng không thành tựu. Quả thật đúng vậy, khi đập vỡ khuông thì chuông bị phá sứt khuyết. Sau ngài trở về phòng riêng ở tịnh xá Quốc thanh, ở đó cách nước hơi xa, tại đầu phòng một khoảng đất trống thuần toàn đá cứng. Ngài hoài niệm rằng:

- Nếu như ở khoảnh đá này có dòng suối chảy ra thì còn gì khoái hơn bằng ư?

Nói xong, sau vài ngày sau đó, từ trong đá bỗng nhiên có dòng nước tuôn chảy khắp cùng Đông tây chùa Quốc thanh.

Trong khoảng thời nhà Tùy, vua Cao Đế trị vì (581-618), ngài cảm thấy giảng đường nhỏ hẹp nên muốn phá để xây rộng lớn hơn. Ngài cùng thương lượng với Thiền sư Đảnh. Thiền Sư Đảnh khuyên ngài chớ sửa lại. Có Hoạt Châu Đô Đốc Chu Hiếu Tiết từ xa nghe việc đó, nên đem cúng dường gỗ sam làm cột trụ bềnh bồng bằng đường biển đưa đến. Thiền sư Đảnh hướng về Xích thành cảm thấy ngài Phổ

Minh thân cao hơn mười trượng, cao vượt trên rừng tùng. Có khoảng hai mươi người theo phụ giúp nói với Thiền sư Đảnh rằng:

- Huynh chớ khổ công cản ngăn, sự việc ước nguyện ắt sẽ thành tựu!

Thiền sư Đảnh biết đó là Thần Dị, bèn chấp tay đáp rằng:

- Không dám còn can gián, mỗi một đều y theo nhân giả.

Ngày dựng giảng đường cảm động đến Sơn vương, từ sáng sớm ẩn chẩn loáng thoáng, hình trạng tợ như sấm động, xô cây nghiêng cành mở rộng cả trăm bước từ nơi bệ Phật thẳng xuống đến chùa. Đến chiều tối thì hoàn phục lại vết tích y như cũ, âm Ba của đá văng rơi loảng xoảng tựa thế như mới đến.

Ngài lại nguyện cùng kẻ tăng người tục tạo lập điện đường, chú nguyện đúc tôn tượng Đức Tỳ-lô-xá-na, thân ngồi cao trượng sáu bằng vàng đồng. Bấy giờ có một người tự xưng là ở thôn Tào khê đến, đem cúng thí mười một lượng vàng để vào chú tượng. Hỏi đến họ tên thì không chịu nói, người đó lễ bái rồi từ biệt thoái lui. Sau, đi hỏi khắp thôn Tào khê, không ai biết người đó. Lại nữa, thị giả ở cạnh phòng thường nghe trong phòng ngài có tiếng nói chuyện với người khác, nhưng đến xem thì không thấy hình bóng ai khác. Và những tiếng được nghe toàn là khuyên tu thiện.

Thế rồi, hóa duyên sắp mãn, thời gian cũng đến, vào một sáng sớm, ngài gọi các đệ tử đến bảo:

- Phàm thọ mạng của người không thể trường tồn, khuyên cùng các vị nên khéo biết như thế!

Nói xong, ngài tự cởi bỏ chiếc áo mới sạch mà mặc vào chiếc áo cũ rách. Thay đổi mới xong, bỗng nhiên, ngài thị tịch.

74. Thần tăng Huyền Quang

Ngài Huyền Quang, người ở Hùng châu; Hải đông, tuy tuổi trẻ mà ngài đã thông minh đỉnh đạt, ngài đến Hành sơn, được gặp Hòa thượng Tư Đại. Sau, ngài chống tích trượng trở lại Giang nam thuộc bổn quốc, ngài nương thuyền lớn nhờ chở mới rời bờ. Khi đó, mây tơ loạn mắt, nhã nhạc vang giữa không trung ráng tiết cầu vồng. Giữa không trung có tiếng truyền hô rằng:

- Thiên Đế thỉnh mời Thiền sư Huyền Quang ở Hải đông.

Ngài khoanh tay lánh nhường, chỉ thấy một thanh y (kẻ tớ) dẫn đường, bỗng chốc vào cung thánh. Thả nhìn ở đó khác hẳn cung phi ở dân gian, bày thiết vũ vệ không khác gì các loài có vảy có vỏ, xen tạp

cả quỷ thần. Có người bảo:

- Ngày nay Thiên Đế xuống cung Long vương, thỉnh ngài nói pháp môn thân chứng. Bọn chúng tôi ở thủy phủ, mong ngài làm lợi ích!

Ngài đã lên bảo điện, kế đến là lên trên đài cao, tùy như điều mà luận bàn, sơ lược trải qua bảy ngày. Sau đó, Long vương đích thân tiễn biệt ngài. Thuyền lớn cứ bồng bềnh giữa bể khơi không đi, khi ngài bước lên thuyền rồi, mọi người trong thuyền cứ tưởng rằng chỉ mới được nửa ngày, ngài về lại Hùng châu, tại Công sơn dựng tích kết am mới thành Phạm vũ. Về sau, không biết ngài đi đâu!

75. Thần tăng Minh Đạt

Thích Minh Đạt, ngài vốn dòng họ Khương, tổ tiên ngài là người nước Khương Cư. Ngài xuất gia từ tuổi thơ bé, nghiêm trì trai giới, đến năm thọ giới cụ túc thì hạnh nghiệp đã cao xa. Hông ngài chưa đặt dính chiếu, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngoài thì biểu lộ nghi quỷ, trong chứa nhân đạo thọ, thường ôm hoài cứu tế, chuyên hành du hóa.

Khoảng đầu niên hiệu Thiên Giám (502), đời Nam Lương, từ Tây nhung, ngài đến Ích quận, bấy giờ tại Ba lăng, Man Di Cổ Xúy đánh cướp, khắp châu quận chúng binh định kỳ đánh giết. Ngài thương họ sắp phải chịu khổ nạn nên ý chỉ muốn cứu giúp, một mình ngài đến trong giặc leo lên trên thành lũy, an ủi khuyên răn chiêu dẫn chưa quen tình ý. Bỗng chốc, gió mưa úp tới tối mù, sấm sét chấn động nổ vang. Bọn giặc kinh hãi, xót xa ẩn cầu ai thiết. Ngài bèn dạy sắm đủ ngàn ngọn đèn, chí thành cầu nguyện Tam bảo. Sắm tạo lập xong thì trời tối dần dần, tan mưa, núi đầm thông khí, đất trời sáng rạng, hợp nhau trông nhìn lại nước nhà và mọi người đều theo Vương Hóa, các đường giao thông sông bộ qua lại thông thương không cản trở.

Sau, nhân đi thú, giữa đường gặp một người trói buộc con heo con giữa đất, con heo gọi tiếng người:

- Cầu xin thượng chánh cứu tôi!

Ngài liền cởi áo để chuộc lấy nó và thả ra. Ngài thường trong đêm đòi lấy nước rửa chân, đệ tử vâng làm, mà bùn dơ trọn chẳng sạch, lấy nướn nóng để rửa cũng không đi như trước, ngài bèn tự lấy nước dội rửa đi thì chân liền sạch. Ngài bảo đó là cá. Lại cũng chẳng biết từ đâu có.

Đến núi Ngưu đầu ở Tử châu, ngài muốn tạo dựng bảo tháp và tinh xá, không vì đó hỏi gỗ đá mà tìm ngay công thợ. Kẻ Tăng người tục đều lấy làm lạ điều ngài nói. Đến tháng 3, nước khô cạn liền xuống tìm cầu gỗ, mới ở trong nước có được một cây gỗ dài lớn, chính đáng

làm cột trụ chùa, dài ngắn đều hợp độ, thêm dùng vui mừng, ngài bèn kéo lên dựng đứng dậy. Đến giữa tháng tư, sông Phù nước đầy tràn, gỗ trôi về ứ nghẹn cả dòng, tự cặp vào bờ thôn, đều không trôi chảy. Ngài dẫn cả kẻ tăng người tục cùng đến tiếp lấy dựng chất đầy núi, tạo dựng đường vũ giá tháp ba tầng, mọi người xa gần đều hợp lực tu tạo, khiến chẳng quá thời hạn mà tự nhiên thành tựu.

Ngài thường mặc ba y đều là vải bố thô xấu, rách thì liền vá, nóng lạnh chẳng đổi. Có lần, ngài đang nhập định tại thằng sàng, bỗng nhiên nổi lửa, Tăng chúng đến dập tắt, ngài chỉ cảm thấy trong mát. Sa-môn Tăng cứu trước kia bị hoạn tật co quắp đến xin cứu chữa, ngài bèn trao cho tích trượng vào bảo chống đi, chẳng rời tất bóng, thốt nhiên trở lại. Lại nữa, trong lúc cử hành lễ Bồ-tát, ngài ngồi trước chúng, nhân có kẻ trộm khoét tường vào lấy đồ vật đã mang ra ngoài, bèn liền mê loạn phương hướng nên mang trả lại chùa. Ngài bèn khuyên dụ rồi cho đi.

Đến năm Thiên Giám thứ 15 (516), ngài theo Thỉ Hưng Vương trở về lại Kinh châu. Qua mùa Đông tháng chạp, ngài viên tịch tại Giang lăng.

76. Thần tăng Đạo Thuấn

Thích Đạo Thuấn, không biết ngài la người xứ nào. Ở chốn suối rừng thanh vắng Vương đạo tự ẩn. Ngài nói năng thường hay mỉm cười, bàn thuật cao xa. Ngài thường dừng ở núi Dương đầu, Trạch châu, chỗ thần nông định dược, dựng nhà bằng cỏ tranh, ngoài ra không tích chứa gì khác. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngài thường ngồi trọn năm, cảm đến răn chuột đồng ở chung tại giường dây, mỗi loài tự ấp ủ sản sinh, chẳng hề làm não loạn nhau. Lại có hổ đến ngồi quỳ bên cạnh, ngài nhân đó nói pháp. Có người đến dừng ở, ngài bảo hổ đi, hoặc ngài nói với nó rằng:

- Ngày mai có người lại, ngươi khỏi phải đến.

Hổ liền theo lời ngài mà không đến. Các người cung cấp hầu cận ngài ở chung với hổ, thân thiết như chó với người trong nhà, chẳng lo sợ gì. Ngài thường mặc áo nạp thô xấu, chẳng hề chọn lựa, đi chân trần giữa núi rừng hay đồng nội, chẳng hề sớm tối.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581), đời nhà Tùy, bỗng nhiên ngài đến trong tụ lạc nói pháp giáo hóa, dân chúng trong các thôn đều đến thọ pháp. Riêng chẳng vì một người nữ thọ giới, ngài bảo rằng:

- Ngươi sẽ sinh trong loài bò, tướng đó đã hiện, giới không thể cứu ngươi được, nghiệp bất định mới có thể cứu giúp.

Bấy giờ có người không tin, cho rằng ngài mê hoặc quần chúng và mọi người đều có sự nghi ngờ. Ngài muốn quyết dứt mọi mối luận bàn, bảo với mọi người rằng:

- Nếu không tin, hãy thử đạp vào đuôi bò, ảnh nghiệp hẳn sẽ chẳng khởi dậy.

Liền đưa chưng đá ra phía sau quần người nữ giữa khoảng đất trống, bảo:

- Đó là ảnh đuôi bò.

Người nữ ấy y theo lời nói, đứng dậy không được. Bấy giờ, mọi người đều kinh sợ tin nghe và cầu thỉnh ngài:

- Vậy làm sao đoạn trừ nghiệp báo ấy?

Nhà người nữ ấy cất chứa cả vài muôn thạch lúa thóc, do đã sợ nghiệp xấu ác nên đã xả bỏ, ngài đều vì tu tạo phước đức, bảo người nữ ấy sám hối, như vậy nghiệp ác chất chứa tạo tác bấy lâu, thảy đều tiêu hết, ngài nhân đó mà cho thọ giới.

Ngài đến trong các xóm làng có người bị bệnh dịch lệ, thọ nhận sự cúng dường của họ, hoặc thấy có người bị máu mủ ràng rụa chạy tràn, đều đưa miệng mà hút lấy. Tâm tình ngài không khởi niệm ác, hoặc giặt rửa y phục cho người bệnh, hoặc điều trị yên tịnh tâm nghiệp của họ, làm như cho chính tự mình, biểu lộ tình cảm vui vẻ không có gì phiền muộn.

Sau, ngài đến các nơi Lâm Lự Hồng Cốc, phía Bắc đến đình Tấn bàng... các chùa núi ẩn, hợp cả thiền định tinh chuyên. Không biết cuối cùng ngài thế nào!

77. Thần tăng Đạo Tiên

Thích Đạo Tiên, ngài còn có một tên là Tăng Tiên. Vốn người nước Khương Cư. Đầu tiên, ngài lấy việc buôn bán làm nghiệp sống. Sau, ngài gặp được Thiền sư Tăng Đạt vì ngài mà giảng pháp, ngài bèn nhận chìm thuyền báu giữa dòng sông, giả từ vợ con, đến chùa Trúc lâm; Quán khẩu cầu xin xuất gia. Trong ngày xuống tóc, ngài đối trước đại chúng, phát nguyện rằng:

- Nếu không đắc đạo thì không ra khỏi núi này.

Liền vội dứt tuyệt vết trần, lập am nơi đỉnh non cao khúc khuỷu, các bạn đồng học thuyền lần lượt khó khăn. Mỗi lần xem kinh, vừa mới mở quyển, ngài liền thấy Phật tại chỗ ấy, không lúc nào chẳng nghẹn ngào thầm trách:

- Con sao không được gặp Phật mà chỉ được thấy Di Văn!

Song, ngài trội vượt cao vót hơn hẳn, chẳng cùng cầm thú nương náu trong đồng nội. Có người mới đến học hỏi, ngài đều khéo léo dẫn đáp hợp cùng chánh pháp.

Ngài từ lúc mới nhập định, mỗi lúc tọa thiền thường là bốn, năm ngày. Định biết có khách đến ngoài cửa, ngài điềm nhiên liền xả và ra cùng tiếp đón. Nếu không người đến, ngài đoan tọa trong tĩnh thất, vắng lặng như hư không. Có lúc ngài dự báo ngày mai có khách đến, cho đến cả trăm ngàn người đều đúng số lượng như ngài nói; không thiếu không thừa.

Thời Nam Lương, Thỉ Hưng Vương lặng lẽ vén màn Tam Thục, dùng lễ kính ngài dẫn đến Thiểm tây. Đến lúc, Đạo quán sùng mở khăn vải phân lớn; thuộc cùng bái kích rất là khổ tâm, mà ngài vẫn an nhiên như từng không gì khinh thường. Một đêm nọ, các Đạo sĩ bỗng thấy ở sườn núi phía Đông có lửa cháy, sợ rằng lửa trong đồng nội thiêu hại đến ngài, mỗi người vội mang bình nước đến cứu, thấy ngài ngồi ngay ngắn trong lửa dữ chói lọi sáng suốt, đều tán thán ngài là Hỏa Quang Thần Đức. Các Đạo Sĩ Lý Học Tổ... xả bỏ ruộng vườn tạo lập tôn tượng chùa tháp hoàn thành, mọi người xa gần quay về kính tin, trong mười nhà có hết chín nhà. Châu thứ sử Bà Dương Vương khôi cung kính lễ thọ pháp.

Cuối niên hiệu Thiên Giám (520), Thỉ Hưng Vương minh cảm, tạo tượng Tứ Thiên vương ở chùa Long thái, mỗi tháng cứ sáu ngày trai thiết bày tịnh cúng. Sau, ngài phó hội, trên đảnh tượng trí thiên vương tỏa phóng ánh sáng năm sắc. Lò hương ngài đang nắm trong tay, tự nhiên phát lửa.

Xưa kia, trong những tháng ngày vi tiện, thái úy Lục Pháp Hòa từng ở tại núi vài năm cúng dường cung cấp hầu hạ ngài, có vị Tăng tứ ý trách móc:

- Đó là Tam Đài Quý Công, duyên cớ gì mà mắng nhục? Bây giờ không thể lường nhưng về sau là quý!

Quả thật, Pháp Hòa bèn thăng Cổn Phục. Mỗi lúc, ngài bị lao nhọc tật bệnh, thấy có đồng tử mặc áo lụa từ trong nước khe xanh ra, bưng đầy bát diệu dược quỳ mà dâng ngài uống, không bao lâu liền khỏe mạnh.

Ngài sống trong núi hai mươi tám năm, sau đến các tỉnh lạc, đại hành hóa đạo. Bấy giờ gặp lúc hạn hán, trăm họ đều thỉnh cầu, ngài liền đến hang rồng, dùng gậy gõ cửa, gọi vài tiếng:

- Chúng sinh ơi! Sao ham ngủ vậy?

Nói rồi trở lên, bỗng nhiên mây phủ tứ phía, mưa tuông khắp nơi. Dân chúng thấm đượm ân trạch ấy, đếu đến cúng lễ đáp đền, khâm kính như thiên thần. Có pháp sự cần đến xá-lợi, ngài liền vì cầu thỉnh, ứng niệm liền đến như sự mong cầu.

Thời nhà Tùy, Thục Vương Tú trấn tại Môn lạc có nghe đến thanh danh ngài, liền sai sứ đến tìm mời. Ngài đến nhưng không vâng mạng, Thục Vương bỗng nhiên tức giận đổi sắc mặt, đích thân thống lãnh binh trượng đến núi tìm bắt ngài, hẳn nếu cố ý tức là gia hình. Ngài nghe binh lính đến, đều không tỏ ra lo sợ. Ngài lấy y Tăng-già lê đắp vào, đoan tọa niệm Phật. Thục Vương đến chân núi, bỗng nhiên mây mưa tụ tập, bảo tuyết đùng đùng lăn xuống, nước dâng tràn sông khỏa lấp xe cộ, vô phương kế tính, sự việc đã quẩn bách, Thục Vương mới từ xa hướng vọng lễ sám. Nhân đó, trời quang mây tạnh, mưa dứt, đường núi sạch sẽ thênh thang, nên đến được chỗ ngài cư trú. Thục Vương đích thân tận kính, ngài nhân đó nói pháp. Thục Vương lại phát khởi tín tâm, mới thỉnh đón ngài về thành đô, trú tại chùa tĩnh chúng, Thục Vương sùng ngưỡng lễ hậu, cả nước đều tôn kính, tôn xưng hiệu ngài là: Đạo Tiên Xà-lê.

Niên hiệu Khai Hoàng (590-601), ngài trở về chùa núi, đường sá sạch sẽ do thần núi quét dọn trước. Ngài thọ hơn trăm tuổi, ngài đoan tọa mà thị tịch.

78. Thần tăng Pháp An

Ngài Thích Pháp An, dòng họ Bành, người xứ Thuần cô; An định. Xuất gia từ thuở thiếu thời tại tinh xá Cửu lủng, núi Thái bạch. Ngài kính mộ chuyên tu thiền pháp, thường ăn mặc thô sơ chó đến tuổi già.

Niên hiệu Khai Hoàng (590-601) thời nhà Tùy, ngài đến Giang đô lệnh Thông Tấn Vương. Bấy giờ, vì tướng mạo ngài thấp xấu, nói cười khinh cử, chẳng tỏ vẻ thông minh. Ngày mới đến cửa, dụ khiến chẳng đi, thử bày thần thông. Nhà vua nghe vậy mời vào, cũng thấy như cũ, ngài bèn trú tại chùa Tuệ nhật, mỗi lần nhà vua du lý hẳn mang theo tùy tùng và xa giá, khi đến núi Thái, gặp phải khát nước nhìn xem bốn phía thảy đều núi cao, chẳng do đâu mà tìm nước, ngài dùng dao mổ đa dẫn nước đổ xuống để cấp dùng. Nhà vua lúc ấy vô cùng khen ngợi, hỏi ngài đó là thần lực gì. Ngài đáp:

- Đó là sức lực của nhà vua vậy!

Đến lúc ngài theo nhà vua vào sa mạc, đến trong biển bèn gặp phải biến loạn, ngài đều dự liệu lánh khỏi, không tổn hại gì. Sau, ngài

đến chùa Thần thông ở núi Thái, có vị Tăng lại thỉnh bố thí, ngài vì đến đó, tự tay nhà vua viết lên vách chùa để ủng hộ. Lúc đầu cùng nhà vua mới vào hang, thấy một vị Tăng mặc áo xấu cởi con lừa trắng mà lại, nhà vua hỏi ngài:

- Đó là người nào?

Ngài đáp:

- Đó chính là Lãng Công, người sáng lập chùa Thần thông, nên lại đón dẫn.

Đến lúc vào tới trong chùa lại thấy một thần trạng rất vĩ đại, tại trên giảng đường, tay tựa vào mép chim cú tai mèo nhìn xuống mọi người. Nhà vua lại hỏi, ngài lại đáp:

- Đó là thần núi Thái bạch, người từng theo nhà vua.

Từ đó về sau, ngài có rất điều khác lạ không thể ghi chép hết.

Đến năm Khai Hoàng thứ 11 (601), đời nhà Tùy, khắp bốn phương có lắm biến nạn. Ngài không bệnh, tự nhiên viên tịch tại chỗ ngài ở, hưởng thọ chín mươi tám tuổi.

79. Thần tăng Trí Khải

Thích Trí Khải, ngài tự là Đức An, dòng họ Trần, người xứ Dĩnh xuyên. Thân mẫu của ngài dòng họ từ, mộng thấy khói hương năm sắc vầng quanh bào thai, nên muốn phá bỏ. Nghe người nói rằng:

- Do nhân duyên đời trước nương gá đường sinh, phước đức tự có, cớ sao muốn phá bỏ?

lại mộng thấy ngậm nuốt chuột trắng, như vậy hai ba lần, bà lấy làm lạ nên đi bói xem, thầy bói đáp:

- Đó là điềm Bạch Long.

Đến đêm ngài chào đời, trong nhà sáng rực, suốt hai đêm sau, ánh sáng ấy mới hết. Bỗng nhiên có hai vị Tăng đến gõ cửa, bảo:

- Lành thay! đứa trẻ đức trọng hẳn sẽ xuất gia.

Nói xong, liền ẩn mất.

Năm mười tám tuổi, ngài đến chùa Quả nguyện ở Tương châu cầu xin Sa-môn Pháp Tự xuất gia. Một hôm, nhân nói về Thiền môn dùng biểu tâm thanh tịnh, trong khoảnh khắc mỗi mỗi tự nghĩ đến rừng đầm, ngài mộng thấy trên đỉnh núi cao vời muôn trùng, mây rủ nữa bóng mặt nhật, bên cạnh biển cả không bờ sâu lắng, ngài đến bên dưới đó. Lại thấy một vị Tăng vẫy tay duỗi cánh đến sườn núi kỳ kéo ngài lên. Ngài đem mọi điều thấy biết trong mộng nói cùng mọi người. Mọi người đều bảo:

- Đó là núi Thiên thai ở Cối kê, là chỗ các bậc Thánh hiền nương trú. Trước kia có ngài Định Quang, người xứ Thanh châu ở tại núi đó lâu bốn mươi năm, gồm thông định tuệ. Đó là thần nhân.

Sau đó, chưa tới hai năm, ngài dự báo với dân núi rằng:

- Có vị đại Thiện tri thức sắp đến đây, nên trồng đậu làm tương bện cỏ làm chiếu, xây dựng thêm phòng nhà để chuẩn bị tiếp đón."

Ngài đến núi Thiên thai, lên đến núi, được gặp ngài Định Quang liền tỏ bày thường yếu. Ngài Định Quang bảo:

- Đại Thiện tri thức! ngài còn nhớ tôi năm trước đứng trên núi đưa tay vẫy gọi ngài chăng?

Ngài Trí Khải vô cùng ngạc nhiên, biết rõ có thật trong mộng. Lại nghe tiếng chuông vang khắp thung lũng, mọi người đều lấy làm lạ, ngài Định Quang bảo:

- Tiếng chuông là chiêu tập những ai hữu duyên. Các ngươi đã đắc trú.

Ngài bây giờ mới là đang ở thắng địa. Phía Bắc chỗ ở của ngài Định Quang là núi Phật lũng, phía Nam là dòng Loa khê. Ở chốn cao nhàn dễ được tầm chân, đất bằng suốt trong, bồi hồi dừng nghỉ qua đêm. Bỗng chốc thấy ba người chít khăn đen mặc áo khảm, đội sớ thỉnh rằng:

- Ngài có thể trú tại xứ này hành đạo.

Sau, ngài Trí lưu tại ngọn núi Hoa đảnh phía Bắc chùa, hành hạnh Đầu-đà. Gió lớn thổi lay nhổ cây, sấm sét rống động, ly mỵ ngàn đàn một hình trăm trạng, nhổ khạc phun lửa, tiếng kêu hãi hùng khó tả. Ngài mới nén tâm an nhẫn, điềm nhiên tự mất. Lại mắc phải bệnh hoạn, thân tâm thống não như bị lửa đốt. Lại thấy song thân đều qua đời kê đầu trên đầu gối, tỏ bày khốn khổ, ai cầu cứu giúp. Ngài lại y nương pháp. Nhẫn chẳng động như núi, nên khiến hai duyên cương như chiêu cảm đều diệt. Bỗng nhiên đến Tây Vực, có vị Thần tăng bảo rằng:

- Chế phục thắng oán ấy mới là dũng.

Mỗi năm đến mùa Hạ, ngài thường giảng kinh Tịnh Danh, bỗng thấy ba đạo thềm báu từ không trung giáng xuống, có vài mươi vị Phạm Tăng nương thềm mà đến, vào trong giảng đường lễ bái, tay bưng lò hương đi nhiễu quanh ngài ba vòng, lâu sau mới biến mất.

Ngài đến núi Ngọc tuyền, huyện Đang dương dựng lập tinh xá, triều đình sắc cấp biển ngạch chùa đề hiệu là Nhất âm. Chỗ đất đó xưa kia chỉ là hoang vắng nguy hiểm, thần chú rắn bạo. Từ sau khi tạo lập chùa trở lại, an lạc không ưu hoạn. Mùa xuân năm đó trời nắng hạn,

mọi người đều cho là bởi thần tức giận, ngài đến nguồn suối dẫn chúng tụng kinh, liền cảm mây nhóm mưa tuông. Các lời hư cuống tự diệt.

Tấn Vương Tiêu Phi bị bệnh khổ, các thầy thuốc hết phương chữa trị. Tấn Vương sai khai phủ Liễu cố ngôn... mang thư đến cầu thỉnh xin ngài cứu giúp bệnh khổ. Ngài lại dẫn chúng thiết lập trai pháp bảy ngày, hành trì sám pháp kim quang minh. Đến hôm thứ sáu, bỗng có con chim khác lạ bay đến trai đàn, uyển chuyển mà chết, phút chốc lại bay đi. Lại nghe tiếng heo ngâm. Cả chúng đều đưa mắt chăm chú nhìn. Ngài bảo:

- Tướng ấy hiện tức Tiêu Phi sẽ lành bệnh vậy. Chim chết mà sống lại tức biểu thị nắp quan tài mở lại, heo ngâm ra tiếng nói tối tăm tức hiển bày trai phước tương thừa.

Đến ngày hôm sau quả nhiên bệnh tật lành hẳn.

Năm Khai Hoàng thứ 17*, đời nhà Tùy, ngày 24 tháng 11, ngài an nhiên đoan tọa như nhập định mà thị tịch trước tượng đá lớn ở núi Thiên thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi.

80. Thần tăng Trí Khoáng

Thích Trí Khoáng, ngài dòng họ Vương. Đầu tiên, thân mẫu ngài sắp mang thai, mộng thấy tắm giữa dòng sông, có một đồng tử cởi thuyền báu lại lao đầu, liền tỉnh giấc mà có thai ngài. Đến lúc sinh trưởng, ngài thông mẫn mà chuộng thực hành. Cuối thời nhà Lương*, ngài làm tráng sĩ. Sau lìa tục theo đạo học thuật trường sinh, kịp đến lúc gặp được vị cao tăng trao truyền giới pháp làm đệ tử Phật.

Ngài, mỗi lúc đức hạnh vang động đến người tạm bày liền vội tiềm ẩn vết tích. Tại Giang lăng, có gia đình Trương Thuyên hai đời mù mắt, ngài bảo:

- Phần mộ người thân trong nhà ngươi gối đầu trên giếng xưa, dời phần mộ đạp phá thành giếng thì hẳn được khỏi tai ương.

Nhân đó, Trương Thuyên liền làm theo lời ngài nói, người mù bèn thấy đường đi. Và cầu xin ngài xuống tóc xuất gia. Mọi người thảy đều kinh sợ về ngài, ngài thường chặt củi cúng thí chư Tăng, ngài trú nơi không nhàn tĩnh lự.

Ngài lại bảo:

- Trong khe suối có tiếng chuông xưa, nên đã đào bới lên đem treo ở chùa.

Nhân Châu thứ sử cho rằng ngài dối hoặc, bèn đánh lưng trăm gậy rồi thả xuống, ngài không tỏ vẻ thảm khốc, không bị tàn phá thân

hình, liền đưa ra khỏi đài, câu thúc ở Thượng phương. Bảo người có sức mạnh dùng dây xiềng xích dài 8 thước kéo treo lên; đấm gối. Những người đứng xem chung quanh đều cho là nát nhừ. Song, dung mạo ngài đã không nhiễu loạn và thân thịt cũng không vết sẹo gì. Quan cai ngục bảo:

- Thừa lúc cư sĩ hay nhẫn chịu đót khát.

Liền bắt tuyệt thực bảy ngày, nhưng thân sắc ngài vẫn như cũ. Ở ngoài chợ, nơi đường cái, thấy ngài đi lại nhưng xem xét trong ngục thì vẫn còn có, mới tin là ngài phân thân.

Năm Đại Định thứ 3*, ngài xin giày cỏ, bảo là đêm này đi gấp. Đêm đó, đến canh ba, khắp thành bốc lửa, ở bốn cửa, người ra không lọt nên bị chết thiêu đến bảy ngàn người. Ngài ở tại trong ngục dẫn hai trăm kẻ tù an ổn đi bộ mà ra.

Tuổi gần bốn mươi, ngài mới mong xuống tóc, sau khi tấn đàn thọ giới, ngài chuyên tu hạnh Đầu-đà, có rắn ở nghỉ bên cạnh giường nằm, mỗi đêm, ở bốn góc núi có bốn ngọn đèn đồng soi chiếu. Các hàng sĩ tục tụ hội bỗng chốc biến thành chùa hoa. Có người làm thịt vịt mà thiết trai, tối đến thần vịt bảo rằng:

- Cớ sao có sự sát sinh mà sung vào tịnh cúng?

Từ đó liền chấm dứt, mùa Hạ ngài từng qua sông cùng với đồ chúng khoảng vài mươi người ở không được, không muốn đi theo, bờ phía trước có hai con thuyền không có người sắp đến, ngài cười mà cất tiếng gọi nó, thuyền tự cắt dòng tới thẳng, nhân đó mà ngài đưa tất cả qua sông. Ngài căn dặn chớ được loan truyền.

Hơn nữa, ngài đến Hàm dương tạo lập chùa Phật tích, có một con trâu mẹ sinh con trâu nghé mà đầu vẫn núp ẩn đã qua hai hôm, trâu mẹ sắp chết, có vị Tăng đến bảo cùng ngài. Ngài biết mà xót xa, bảo:

- Trâu nghé đó là cư sĩ ở trong chùa, lạm dụng vật của Tăng chúng, nay lại đền trả quả báo. Nó xấu hổ mà không chịu ra khỏi bụng mẹ vậy.

Nhân đó, ngài nắm hương răn trâu nghé rằng:

- Mau phải đến trả quả báo sao lại xấu hổ chẳng chịu sinh ư?

Trâu nghé liền ứng lại lời ngài nên chui ra. Những điều thần dị minh vi của ngài không thể viết chép đầy đủ.

Năm Khai Hoàng thứ 29 (?), ngày 24 tháng 9, ngài thị tịch ở chùa Tứ Vọng Khai Thánh. Ngài tự định biết thời kỳ thị tịch, hương trời phảng phất đầy thất, khắp chùa âm nhạc nổi vang. Ngài xoay về hướng Tây nam mà tịch.

81. Thần tăng Pháp Sung

Thích Pháp Sung, ngài vốn dòng họ Tất, người xứ Cửu giang. Ngài thường tụng kinh Pháp Hoa và đọc kinh Đại Phẩm khó nhớ rõ là bao nhiêu biến, kiêm chuyên tu sửa chùa viện, tính ở trú trì. Cuối cùng ngài trú tại chùa Hóa thành khoảng lưng chừng đảnh Lô sơn. Những vị Phi Tăng chưa từng vọng tạo. Ngài thường khuyên Tăng chúng không nên để người nữ vào chùa. Bởi vì trên thì tổn hại Phật hóa, dưới thì rơi lạc trong lời bịa đặt của người đời. Nhưng ở đời bởi vì có nghiệp sự trọng có những kẻ chẳng vâng theo. Ngài thường than rằng:

- Sinh ra không gặp Phật, ấy là tội duyên của chính mình, chẳng hành trì chánh pháp, thì nghĩa phải sớm diệt. Sao lo ở phương này chẳng kính phụng giới!

Ngài bèn lên đỉnh Hương lô trong núi ấy, tự gieo mình xuống thệ nguyện phân toái thân cốt này để cầu sinh Tịnh độ. Những ở giữa khoảng không bỗng nhiên đầu ngài xoay dựng lại từ từ mà xuống chỗ hang sâu, chẳng tổn hại một mảy lông. Đầu tiên, Tăng chúng trong chùa không ai biết, sau có người lên đỉnh núi, giữa đường nhìn xuống hơn ngàn nhận nghe tiếng người nói, bèn đến mà tìm, mới chính là ngài, thân mạng vẫn còn, miệng tụng niệm như cũ, thỉnh đón ngài trở về chùa. Chư Tăng cảm động nghĩa khí lấy cái chết để can gián của ngài nên đoạn tuyệt người nữ đến chùa. Trải qua sáu năm sau, ngài mới thị tịch, bấy giờ thời tiết đang lúc nắng nóng gay gắt mà nhục thể ngài chẳng hôi thối mà có mùi thơm tợ như dưa chín quá. Lúc đó là cuối niên hiệu Khai Hoàng.

82. Thần tăng Tuệ Khản

Thích Tuệ Khản, ngài vốn người xứ Khúc a, trú tại chùa Đại quy thiện ở Tương châu. Ngài linh thông u hiển, người đời chẳng thể suy lường, mà ngài vô cùng sùng kính tôn tượng phụng thờ như Phật thật. Mỗi lúc ngài thấy tượng đứng, thì chẳng dám liền ngồi. Ngài khuyên người tạo tượng chỉ nên tạo tượng ngồi. Sau, ngài đến Lãnh nam, chuyên tu thiền pháp, thành đạt sự tỏ ngộ. Lúc trú tại Thê hà, ngài thường qua yết kiến Pháp sư Tư. Pháp sư Tư thấy làm lạ giữ lễ tiếp đón ngài. Đến lúc sắp trở về lại núi, Pháp sư Tư thỉnh ngài biểu hiện thần lực, ngài liền từ trong cửa sổ đưa tay duỗi đến trên biển ngạch điện Phật chùa Tề hy. Nhân đó, ngài nói với Pháp sư Tư rằng:

- Người đời chẳng biết xa thấy nhiều nên kinh dị. Vì thế, tôi chẳng thi vi vậy”.

Năm Đại Nghiệp thứ nhất (605), thời nhà Tùy, ngài thị tịch tại chùa Đại quy thiện. Trước ngày viên tịch, ngài đem ba y hoàn lại chúng Tăng, nói:

- Nay tôi xả báo thân này, đồ chúng hãy khéo chung sống!

Nói xong bèn trở vào trong phòng. Đại chúng kinh sợ, mở cửa tìm ngài, mới thấy trong phòng hài cốt trắng tinh trong tư thế ngồi kiết già trên giường, đến lay động thì vang tiếng bong bong tự nhiên chẳng rời rả.

83. Thần tăng Pháp Hỷ

Thích Pháp Hỷ, ngài người xứ Nam hải. Tướng mạo lùn thấp xấu xí yếu đuối. Năm ngài bốn mươi tuổi mà các bậc già lão thông hiểu nhiều điều nói thời họ còn bé thơ đều đã thấy biết ngài hình dáng dung mạo vẫn như nay không khác. Ở Máng diện tương truyền là ngài đã ba trăm tuổi. Và ngài cũng tự nói xưa kia có biết Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, ngài nói về mọi sự trong triều Tấn Tống đều rõ ràng lớp lang như tin hôm trước vậy.

Lúc bình thường, ngài lặng yên không nói, nhưng khi nói thì hàm ý sâu sắc, nên bày tốt xấu như có ảnh hưởng mọi người cũng ít muốn gặp ngài, vì sợ ngài nói thẳng có các ý tai ác ngỗ nghịch.

Trong thời nhà Trần (557-589, thuộc Nam Triều), Mã Tĩnh làm Quảng châu thứ sử, mới lên nhậm chức, ngài đi thẳng vào châu, lại sinh sự vẽ giữa đất hình đầu ngựa, để chỉ bày cho ông ta mà đi. Mã Tĩnh vốn có tiếng là dòng họ có nhiều võ lược, đến nơi đó hành bộ tùng giáp sĩ vài vạn, dùng cờ xí kiếm kích ra oai chiếm mốc giới. Mã Tĩnh xa xỉ quá độ, bị người vu cáo là mưu phản. Nhà vua sai Lâm Nhữ Hầu xét án, tha lợi tài sản, bắt mà chém giết. Đó là chứng minh hiệu nghiệm về việc họa vẽ đầu ngựa giữa đất của ngài.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời nhà Tùy nghe đến ngài, nên mới đến Dương châu, an trú trong cung. Đến lúc trong cung tạo dựng một ngôi nhà vừa mới hoàn tất, bỗng nhiên ngài lên ngôi nhà ấy xem xét rồi kinh hãi chạy xuống bậc thềm, xoay ngược lại bảo:

- Ấy yểm hại ta.

Trong đêm đó tự nhiên trời mưa lớn, ngôi nhà ấy sụp đổ đè chết vài mươi người. Sau, cũng tại trong cung, ngài chạy quanh tìm kiếm đầu dê, vua nghe mà giận ghét, cho là ngài nói cuồng, bảo xiềng xích ngài trong một cái thất. Vài ngày sau, có ba thị vệ thấy ngài bình hảng đi giữa chợ, trở về trình tấu là "Ngài Pháp Hỷ hiện tại ở trong chợ." Vua

liền khiển trách Quang Ty, xem xét lại chỗ cấm chế thì cửa vẫn khóa như cũ. Người giữ cửa cũng bảo:

–Ngài ở trong thất.

Lúc ấy mở cửa vào thất, thấy chiếc y ca-sa phủ trên một tụ cốt trắng, xiềng xích ở trên cổ. Bèn viết văn trạng trình tấu, Dương Đế sai Trưởng Sứ Vương Hằng kiểm nghiệm xem cũng vậy. Dương Đế do đó mới tin ngài là người phi thường, ban lệnh chớ nên kinh động. Đến chiều tối, ngài trở về trong thất, hoặc nói, hoặc cười. Người giữ lại tấu trình, Dương Đế sai Quang ty Sở cởi mở xiềng xích phóng thả tự do ngài ra vào. Sau Dương Đế bị giết hại tại Giang đô, mọi người mới tỏ ngộ kiểm nghiệm việc tìm kiếm đầu dê của ngài.

Có một lúc, trong một ngày, vài mươi nơi thiết trai cúng dường, ngài đều đến dự, mọi nơi đều thấy ngài, thời gian đó, ngài cũng uống rượu ăn thịt. Bỗng chốc, ngài hiện thân có bệnh, nằm trên giường cách chiếu, bảo người đổ chất tro lửa rất nóng ơ dưới giường. Vài ngày sau, ngài viên tịch, tro lửa cháy xém hết nữa thân mình, an táng tại chùa Hương sơn.

Đến năm Đại Nghiệp thứ 4 (608), thời nhà Tùy, ở quận Nam Hải tấu trình là “Ngài Pháp Hỷ hiện đã trở về ở quận”, vua Dương Đế ban sắc quật mở quang tài xem thì không thấy gì cả.

84. Thần tăng Phổ An

Thích Phổ An, ngài vốn dòng họ Quách, người xứ Kinh triệu, Kinh dương. Thuở nhỏ, ngài theo Thiền sư Viên xuất gia, khổ hạnh Đầu-đà. Sau, ngài đến Pháp sư Yết, ngài thông rành Tam tạng, thương chuyên về kinh Hoa Nghiêm, tụng đọc thiền quán tư duy, chuẩn làm phiếu nghỉ.

Trong thời Bắc Chu, Phật pháp bị tiêu diệt ngài ẩn trú tại trong hang Tiện tử ở núi Trung nam. Bấy giờ có trọng chiêu mộ những ai bắt được một vị Tăng thì được thưởng mười đoan vật, có người ứng sự chiêu mộ, đến muốn bắt ngài. Ngài liền an ủy dẫn dụ rằng:

- Ta xem ông có phần nghèo khó, đang muốn cấp giúp đây!

Ngài vì bày cho ăn rồi cùng đến kinh đô, Chu Vũ Đế nói cùng người ấy rằng:

- Luật pháp nước ta đang gấp không cho đạo nhân ở trong dân chúng. Người lại giúp gấp không cho đạo nhân ở trong núi. Nếu người bảo những kẻ đấy đến xứ khác thì được sống. Nên thả người này vào núi chẳng phải kiển hiệu.

Khi đó, ngài an nhiên được trở về. Qua thời nhà Tùy, vua Văn Đế (581-605) lên ngôi, Phật giáo trở lại hưng thạnh, rộng chiêu mộ các vị Tăng còn sống sót ẩn dật, mà an trí chỗ ở. Lúc ấy, chỉ trong một hang Tiện tử có hơn ba mươi vị Tăng ứng đáp chiếu dụ xuất gia đều ra trú ở chùa Quan. Riêng mình ngài vẫn nương chỗ cũ giữ hang Tố lâm. Ngài thường đi trong thôn ấp tụ lạc Hoằng hóa làm lợi ích quần sinh. Cuối cùng có người ở rừng Ngọ hổ đến bên cạnh hai hang hợp khe đục khám làm am thỉnh ngài an trú tại đó. Ngày ngài mới đến, thấy trên khám có tảng đá lớn sợ rơi lấp bít khám, ngài liền niệm rằng:

- Nguyện dời tảng đá này sang nơi khác chớ khiến sụp nát hang khám.

Tảng đá bèn y theo lời nói, xoay lánh nơi khác. Mọi người đều cho là quái lạ. Ngài bảo:

- Đó là thần lực của Hoa Nghiêm!

Như vậy nhưng chưa phải là kỳ lạ.

Ở phía Đông khám bên trái khe tường đá có Sách Đà, tung hoành dọc ngang khắp xóm làng chẳng phải một, lại âm thầm ganh ghét đức hạnh của ngài, thường nghĩ cách giết hại, Sách Đà cùng ba người bạn mang cung cầm nhận, dương tay kéo dây cung muốn phóng tên, mũi tên chẳng lìa khỏi dây và tay trương ra cũng không dừng nghĩ, găng mắt cứng lưỡi đứng yên suốt đêm, tiếng đồn vang động, mọi người xa gần đua nhau kéo đến. Những người trong làng cúi đầu chí thành cầu xin ngài cứu giúp. Ngài bảo:

- Bởi vốn không biết, chứ đâu chẳng phải thần lực của Hoa Nghiêm?

Nếu muốn giải trừ an khiên, chỉ nên sám hối, như lời tôi chỉ dạy mới mong giải thoát.

Lại ở phía Tây khám, thôn Ngụy, có Trương Huy, trước kia vô cùng hung ác, chuyên lấy sự trộm cướp làm nghề sinh sống. Ban đêm đến chỗ ngài lén lấy dầu thắp Phật, một bình đến năm thăng, mang trên lưng mà ra, đã đến cửa viện, bèn hôn mê mất cả tâm tánh, như có sự buộc ràng không thể chuyển động. Bà con ở thôn xóm đều đến vì sám tạ. Ngài bảo:

- Tôi không biết. Đó là bởi thần lực của Hoa Nghiêm! Nói bảo sám hối giúp lấy lại bình dầu. Mọi người làm theo như lời ngài dạy, liền được.

Thêm nữa, ở phía Nam khám, có Trương Khanh, đến trộm tiền trong tay áo ngài, lấy đi về đến trong nhà, tháo không ra, cứng miệng

không nói được, liền tìm đến sám hối rồi theo đường mà trở về.

Có Trình Huy Hóa ở thôn Trình Quách, rất sùng mộ kính tín, thường đến chỗ ngài nghe thọ pháp yếu. Nhân bị bệnh hoạn, thân chết đã trải qua hai đêm, buộc thi hài để nơi đất chuẩn bị nhập liệm. Trước đó, ngài đến huyện Ngạc, trở về giữa đường đi tới chùa Đức hạnh ở phía Tây nam, phía Đông cách thôn Huy Hòa ở đến năm dặm. Từ xa, ngài cứ gọi: "Trình Huy Hòa cớ sao không thấy ngươi đến đón? Gọi luôn không dứt. Có người làm ruộng bảo rằng:

- Huy Hòa chết đã lâu, còn đâu mà đến đón?

Ngài bảo:

- Đó là lời đồn nhảm ta không tin!

Ngài lại đến thôn đó, gắng tiếng gọi lớn. Huy Hòa bèn chuyển động thân mình. Các người thân đang ở bên cạnh cắt bỏ các dây ràng buộc quanh thân. Ngài vào tới trong sân, lại gọi lớn tên Hòa. Huy Hòa liền vùng dậy lăn lóc đến bên ngài. Ngài bảo dẹp bỏ rương hòm, mọi vật vào một cái sọt, ngài dẫn Huy Hòa đến bàn thờ Phật, bảo đi nhiễu quanh, sau đó bình phục lại như cũ, sống thọ thêm hai mươi năm. Sau, mắc phải trọng bệnh, lại đến cầu xin ngài cứu giúp, ngài bảo:

- Thả cho ngươi du đảng, ngoài điều ta xét biết!

Huy Hòa liền qua đời!

Ở phía Bắc hồ Côn minh, tại Thôn bạch, có bà già bị bệnh nằm liệt giường gối mất tiếng đã trăm ngày, đưa tay chỉ đập con trai con gái tỏ ý muốn thấy được ngài. Các người con hiểu được ý mẹ nên thỉnh ngài lại nhà. Người mẹ đang bệnh đã thấy được ngài, thốt nhiên xuống giường nghênh đón, ngài hỏi han rất dắt dậy, bỗng chốc trở nên bình thường như mọi ngày, tật bệnh lành hẳn. Từ đó, thanh danh ngài càng vang dội, khắp thôn ấp tụ lạc đều nhóm hội, thiết lễ lớn âm nhạc hòa vang đi vòng quanh nhà.

Trong thôn Đại Khường, có Điền Di Sinh, nhà không tường vách mà có bốn người con gái, người vợ chỉ mặc tấm vải xấu ngang gối mà thôi, bốn người con gái đều để trần truồng. Người con gái lớn tên là Hoa Nghiêm chỉ có tấm vải thô hai thước, trộm nghĩ muốn bố thí. Ngài dẫn chúng vào thôn, lần lượt đến cửa nhà Di Sinh, thương xót sự bần khổ ấy đến đi qua không ghé vào. Hoa Nghiêm suy nghĩ rằng: "Do ta bần tiện, chưa từng tạo phước, nay lại chẳng tu, tương lai sẽ khổ gấp bội bây giờ." Bèn tìm chung quanh chẳng thấy vật gì, nên ngửa mặt buồn khóc, thấy trên rui nhà một nắm rơm vụng dùng bịt lỗ hỏng, bèn kéo xuống tung rủ nhặt lượm được hơn mười hạt thóc, bóc làm thành gạo, và đem tấm

vải trước, nghĩ dùng tùy hỷ. Bởi thân hình không y phục nên đợi đến đêm tối lăn lóc mà đến chỗ trai hội, đứng xa ném vật vào trong chúng, còn hơn mười hạt gạo riêng dâng nấu cơm. Nhân đó phát nguyện rằng: "Thân nữ bần cùng bởi nghiệp xa xưa tự gieo lấy, nay khốn khổ nghèo khó thực hành bố thí dùng làm hy vọng phước báo tương lai. Và nay đem mười hạt gạo vàng này để vào rồi nấu cơm, hẳn như sự chí thành thì nghiệp bần khổ sẽ hết, đồng thời nguyện rằng cơm nấu trong nồi đều biến thành sắc vàng. Như không ứng cảm, mạng biết làm sao!" Phát lời nguyện xong, gạt lệ mà trở về. Khi ấy, năm thạch gạo trong nồi nấu cơm chin đều biến thành sắc vàng. Đại chúng kinh ngạc tán thán mà chưa biết nguyên nhân nên tìm hiểu nhân duyên. Ngài bảo:

- Đó là do nguyện lực của con gái Điền Di Sinh!

Cả trai hội đều đem mười hộc thóc tìm đến nhà Di Sinh mà giúp đỡ, còn ngài thì đem pháp y mà cho Hoa Nghiêm và đưa vào chùa Kinh.

Trong thôn bên cạnh khám, có người trói buộc ba con heo, sắp giết hại chúng, ngài nghe biết, bèn đến chuộc. Người trong xã sợ không được giết nên đòi tăng tiền đến mười ngàn, ngài bảo:

- Bần đạo hiện tại chỉ có được ba ngàn, đã gấp bội giá gốc cả mười lần, có thể cùng cho bần đạo xin chuộc!

Mọi người đều không chấp nhận lại cùng nhau phẩn hận tranh giành, nhân đó theo xin rượu cùng uống ca múa xoay chuyển rực rỡ khắp cùng, thế rồi cả già trẻ mắt đều hết thấy, bỗng chốc tự ẩn chẳng biết ở đâu. Ngài liền dùng dao tự cắt thịt ở đùi vế, bảo:

- Đây và kia đều là thịt, nhưng heo ăn các loại phẩn uế mà ngươi lại ăn thịt nó. Huống hồ con người ăn cơm gạo, đúng lý là đủ quý.

Mọi người trong xã nghe thấy, một lúc đồng phóng thả. Heo đã được thoát chết, đi nhiễu quanh ngài ba vòng, đưa mũi mõm xúc chạm vào ngài như tỏ sự kính ái. Nên khiến phía Tây nam của ban giao trong vòng năm mươi dặm dứt tuyệt heo gà cho đến ngày nay. Sự cảm phát từ thiện ấy đều là loại này.

Đến năm Đại Nghiệp thứ 5 (609), đời nhà Tùy, ngài thị tịch tại thiền viện tĩnh pháp, hưởng thọ tám mươi tuổi.

85. Thần tăng Đạo Anh

Thích Đạo Anh, ngài dòng họ Trần, người xứ Kỳ thị, Bồ châu. Thuở ấu thơ, ngài theo luật sư Thúc Hưu xuất gia. Ngài đến Tinh châu nương Pháp sư Cự học đạo. Sau, ngài nhập thiền định, hiển bày dị tích.

Niên hiệu Đại Nghiệp (605-617), đời nhà Tùy, ngài thường nhậm Trực ruế, cùng người đời tranh giành đất đai, đấu tranh hoài không dứt, ngài bèn nói với kẻ kia rằng:

- Ta hẳn chết vậy.

Bỗng nhiên, ngài ngã lăn cứng đờ như chết, người đời cùng nhau bình phẩm cho rằng:

- Đạo nhân lắm điều luống dối.

Dùng kim châm chích vào mai, tuy rất đau nhưng ngài vẫn bất động, hơi thở ngừng dứt, sắc da biến đổi sắp muốn trướng phình, bên cạnh có bậc trí giả khiến ngài quy mạng, thề không dám tranh giành nữa, xin ngài sống lại vậy. Vừa dứt lời, ngài ngồi dậy, nói cười như cũ. Lại nữa, ngài đến đầm hồ Long đài, đứng trên bờ, thấy cá bơi lội, ngài bảo:

- Tôi cùng ngươi tranh nhau xem thử ai thắng. Ngươi không kịp ta, ta có thể không kịp ngươi.

Ngài liền cởi áo nhảy xuống nước. Đệ tử ôm giữ áo ngài đứng đợi trải qua mười sáu ngày đêm. Ngài từ trong nước ra, bảo rằng:

- Trong nước chỉ có đất dơ làm lấm bụi ta.

Thêm nữa, đang lúc mùa Đông tuyết trời giá lạnh, băng đóng tuyết rơi, ngài bảo:

- Đây là chỗ yên tỉnh vắng vẻ, sao bị mất ngủ.

Ngài bèn cởi áo nằm ngửa trải qua ba đêm, vừa dậy, liền nói rằng:

- Bấy lâu bị than lửa thiêu hại ta.

Sau, ngài trở lại Bồ châu, trú tại chùa Phổ cứu, ngày thì khuyên chúng Tăng chuyên cần mọi sự, đêm thì trải tòa ngồi kiết già vì nói giảng thiền quán. Bấy giờ, hoặc xử đoán người lao nhọc, ngồi nghe pháp chẳng biết mỏi mệt. Một ngày nọ, đang giảng nói luận khởi tín, bỗng nhiên ngài ním lặng. Đại chúng lấy làm lạ đem xem thì hơi thở ngài đã dứt thân lạnh ngắt, mọi người biết ngài diệt tưởng, liền tự nhậm ý. Trải qua nhiều đêm, ngài mới từ trong định dậy.

Bấy giờ, tại Hà đông, có danh tăng Đạo Tốn Cao Thế là bạn đồng học của ngài, đến khi Đạo Tốn xả bỏ báo thân, ở cách xa ngài một trăm năm mươi dặm, chưa kịp đến báo. Đêm cuối, ngài biết Đạo Tốn đã mạng chung, ngài biết sự cảm thông vi diệu như thế đó.

Đến lúc trước đêm thị tịch, ngài nhóm chúng, bảo rằng:

- Sớm phải thu gọn, ngày mai có nhiều người đến, cần nên chuẩn bị thóc gạo rau quả lương thực.

Cả chúng chẳng ai lường được lời ngài dạy. Và ngài cũng tự điều vận thúc dục rất gấp, đến tối mọi việc đều xong, ngài tìm cầu nước cạo tóc tắm rửa, về lại chỗ ngồi lấy đại y đắp lên mình, bỗng nhiên thâu thần thị tịch.

86. Thần tăng Pháp Tấn

Thích Pháp Tấn, không biết ngài là người thuộc dòng tộc gì. Ngài trú tại chùa Ngọc Nữ, núi Hưởng ứng, huyện Miên trúc, Ích châu làm đệ tử của Thiền sư Huy. Sau, ngài đến Pháp sư Định cầu thọ giới Sa-di, ngài thường chuyên cẩn trọng chí thành cung kính, chỉ hành trì thiền tọa. Ngài thường tọa thiền nơi rừng Trúc sau chùa, có bốn con hổ vây quanh, ngài bảo chớ có tiết lộ sự tướng. Sau ngài dạy Thủy quán, có người đi hái củi, thấy trên giường dây có nước trong sạch, bèn lấy hai viên đá trắng bỏ vào trong nước. Đến chiều tối, ngài trở về chùa, người ấy cảm thấy sau lưng thốn đau, ngài hỏi thì trả lời là có bỏ đá vậy, ngài bảo ngày mai phải vất bỏ đi. Đến sáng sớm, ngài tọa thiền, người ấy trở lại thấy nước trong như lúc đầu, liền nhặt bỏ đá ra, chỗ đau liền hết. Nhân đó chuyên tập thiền định, chẳng ra khỏi núi ấy.

Niên hiệu Khai Hoàng (581-601), đời nhà Tùy, Thục Vương Tú đến Ích châu, bà phi mắc bệnh trong tim bụng, các thầy thuốc chữa trị đều không lành. Có Đạo sĩ Văn Phổ Thiện ở núi Xương long bạch nhai; Miên Châu hay đi trên dao vào trong lửa cháy. Chim ngỗng trời kêu trên núi có hai Đạo sĩ có khả năng gọi bảo quỷ thần, tế chương phù ấn, vào nước không chìm, cùng đến chữa trị đều không hiệu nghiệm, Thục Vương mới sai Trưởng sứ Trương Anh... đến núi thỉnh ra vì bà phi mà chữa trị, báo rằng:

- Tôi sống ở núi đã tám mươi năm, tánh đồng như nước.

Từ từ lại khổ cầu thỉnh mời. Ngài đáp:

- Mạng tận như thế, có thể tự sớm trở về.

Tin đưa về báo lại đầy đủ, Thục Vương sai quan nhân sáu ty đem xe bốn trâu nghé và trăm người tùy tùng đến nghinh thỉnh. Ngài bảo:

- Thục Vương tuy quý hơn nhưng mạng có sở thuộc.

Ngài vẫn giữ chí như lúc đầu. Tin lại đưa về, Thục Vương vô cùng tức giận, đích thân vào núi muốn ra tay xử tội, nhưng khi đã đến núi, vào chùa lễ Phật, thấy ngài thì bất chợt thân đổ mồ hôi, Thục Vương nói:

- Kính thỉnh thiền sư vì phi thiếp mà trị bệnh. Thiền Sư từ bi nguyện xin cứu khổ này!

Ngài đáp:

- Giết hại dê ăn thịt, tâm há chẳng thống khổ ư? Hết thảy chúng sinh đều là con Phật, cớ sao bà phi riêng mến tiếc sự sống của chính mình?

Thục Vương hổ thẹn sám hối, rồi thỉnh ngài xuống núi. Ngài bảo:

- Vương mạng đã quý trọng, không thể không thực hành, song bệ hạ tự đi về trước, Bần Đạo sống chẳng quen nương cởi sẽ có thể đi sau.

Thục Vương thưa:

- Đệ tử đi bộ theo cùng ngài đồng đi.

Ngài bảo:

- Người gia khác với người thế tục, nên bệ hạ cử đi trước, hẳn sẽ cùng đến.

Thục Vương đi suốt hai ngày mới về đến, ngài chỉ đi trong buổi sáng liền tới. Ngài đi qua phòng bà phi, bà phi thấy ngài đổ mồ hôi, nhân đó lành bệnh. Cúng dường ngài năm trăm đoạn vải lụa, cùng các vật áo nạp ca-sa... Ngài bảo Thục Vương và bà phi lấy nước rửa tay, bưng nắm mọi vật mà chú nguyện, đều dùng đưa vào làm cơ nghiệp ở chùa pháp tụ. Và ngài liền từ tạ trở về núi. Thục Vương và bà phi thấy chân ngài đi cách đất khoảng bốn, năm tất.

Năm Đại Nghiệp thứ 13 (617), đời nhà Tùy, ngày mồng tám tháng giêng, ngài thị tịch tại trong núi, rồng ngâm vượn hú suốt ba ngày mới thôi.

87. Thần tăng Tăng Lãng

Thích Tăng Lãng, ngài còn có một tên là Pháp Lãng, ngài dòng họ Hứa, người xứ Nam dương. Hơn hai mươi tuổi, ngài vui thích muốn xuất gia, dự tầm xuống tóc. Ngài nương ở bất định phần nhiều là hay trú tại Ngạc châu. Ngài ăn uống đồng như người đời, bị người thời bấy giờ cùng khinh. Ngài thường nuôi một con khỉ và một con chó, thân hình nó rất lớn đều màu vàng đỏ, chẳng đùa bởn với người khác, chỉ gần quanh ngài, người ngày đêm cùng theo, chưa từng rời bỏ. Đến giờ ăn thì dùng chén gỗ để ăn, ngài ăn no rồi, thức ăn còn thừa đưa cho chúng nó, và cùng đồng ăn trong chén bát của ngài. Ăn xong, con khỉ đem chén đeo mang trên lưng con chó mà đi trước ngài. Như có ai cướp lấy thì nó liền lên tiếng. Ngài để tùy con chó chạy quanh, lược không thường độ.

Khoảng cuối thời nhà Trần, đầu thời nhà Tùy (580-590), ngài đến

ngoài Giang lãnh, ăn mặc thô xấu, oai nghi trác tuyệt tường tự, mang roi gậy đi theo hộ dưỡng sinh mạng. Bấy giờ ngài lại tụng đọc các Kinh, riêng lấy kinh Pháp Hoa làm chí nguyện chính, nhân vì thiếu hơi tiếng ít trong chẳng đầy, ngài mới mỗi một lần ngồi trì tụng đến bảy biến, như vậy, chẳng bao lâu, âm thanh ngài như sấm động. Biết được phước lực đã có sự tiến triển, ngài hẳn lấy số bảy làm kỳ hạn, cho đến bảy mươi, bảy trăm, bảy ngàn, rồi đến bảy vạn. Thanh vận hài hóa điều xướng tùy ý mà khởi tợ như tiếng đàn tranh tiếng sáo tùy phát rõ ràng. Nên lúc ngài tụng kinh, những bên cạnh quán xét xem đều nghe. Môi miệng ngài chẳng động mà chuyển khởi tù trong cổ họng. Xa gần đều thấu rõ, nhân đó mà hiển danh. Nhưng cánh tay, cẳng chân và tay ngài co duỗi tùy ý có như rùa rút ẩn. có lúc như ngài chứa thịt hoặc đến quán rượu cùng mọi người yến ẩm, mà cắn nhai thịt heo chẳng lường từ đâu lại. Nên người đời nói rằng:

- Ngài tăng lãng tụng kinh Pháp Hoa, năm nơi đồng một lúc rúc thịt heo đầy miệng trán.

Những lúc ngài tuần du trên sông, đi ngược dòng nước, ngài chỉ khoanh tay trong thuyền, khỉ và chó đều ngồi bên cạnh, đều không ghé bến nào không có mái chèo, tùy ý mà qua, tuy lướt trên sóng gió nhưng chỉ trong nháy mắt tức liền tới nơi.

Có vị Tỳ-kheo-ni bị quỷ dựa nhập, siêu ngộ huyền giải, biện luận giảng nói kinh pháp, dựa tông giảng dẫn, thính chúng tụ hội, đều chẳng thể lường, không ai chẳng tán thán sự thông minh đạt ngộ của Tỳ-kheo-ni ấy. Ngài nghe vậy, tự bảo:

- Ấy là tà quỷ gia nhập đâu có chánh lý, phải đến kiểm hiệu.

Vào một sáng sớm nọ, khỉ và chó đi đến chùa Ni trước, ngài đi sau, tới nơi, ngài lễ Phật đi nhiễu quanh tháp rồi đến trước giảng đường, vị Ni đó đang còn giảng nói, ngài gắng tiếng quở mắng:

- Tiểu yêu, ta nay đã đến, sao không xuống tòa?

Vị Ni ấy nghe tiếng ngài nói, liền xuống chạy ra đứng trước giảng đường đối diện với ngài từ giờ mão cho đến giờ thân, sững sờ chẳng đổi chỗ, mồ hôi tuông đổ giữa đất, nín lặng chẳng nói năng gì, nghe tuệ giải ấy bỗng nhiên như điếc như ngay, sau trăm ngày mới hồi phục bổn tánh. Ngài giáng hành cảm thông đều cùng loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...-617), đời nhà Tùy, ngài thị tịch.

88. Thần tăng Tuệ Tường

Thích Tuệ Tường, ngài dòng họ Chu. Năm mười lăm tuổi, ngài xuất gia, tu hạnh Đầu-đà thường đi khất thực. Ngài tự nhiên tọa thiền tụng kinh chẳng đồng chúng.

Năm mười chín tuổi, ngài bị nhiễm bệnh, cứu chữa suốt ba tháng chẳng lành. Một đêm nọ, đang yên tọa, ngài tự than rằng:

- Là đại trượng phu muốn dùng thân theo đạo ở trong đời mạt pháp mà phá dẹp phi pháp. Cớ sao chí nguyện ấy chưa đạt mà bệnh hoạn làm khốn khổ!

Đến lúc gần sáng, có một người thân cao hơn một trượng đến nói với ngài rằng:

- Chí nên trì tụng kinh Niết-bàn chớ lo buồn không lành.

Đến sáng sớm, ngài liền phát nguyện trì tụng, ba ngày sau bệnh bèn lành hẳn. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...-617), đời nhà Tùy, giữa mùa Hạ, nhân lúc đang thọ thực, trong miệng có được xá-lợi, ngài không biết, bèn quăng bỏ ra đất, thì liền trở lại trong miệng, cứ như thế đến mấy lần, ngài nghi là chân thân, dùng chày đá đập không vỡ nát. Bèn gióng chuông báo cùng đại chúng, kẻ Tăng người tục đều nhóm tụ, ngài rơi lệ đốt hương nguyện cầu ban giảng uy thần, bỗng chốc, xá-lợi phóng tỏa ánh sáng năm sắc, hương thơm phảng phất khắp thành. Đại chúng thấy điều hy hữu, tự nhiên thân thể ngài mập trắng cao hơn tám thước. Những người đi đường không biết, không ai chẳng lấy làm lạ mà chiêm ngưỡng.

Quan thứ sử Lý Thăng Minh đến chùa, cho là điều lạ, nói cùng các quan rằng:

- Dung mạo da dẻ của Đạo nhân ấy như vậy, có thể một ngày ăn hết con dê.

Nói xong, cảm thấy tay chân rã rời, cỡi ngựa tự mất sự chế phục. Các quan đem sự thật chỉ bảo, Thăng Minh bèn sám tạ nên được hoàn phục. Đại sứ Quyền Mậu đi đến Đặng châu lại sinh quái lạ, Thăng Minh nói rằng:

- Vị đại đức đó là người phi phàm, có nói đủ duyên trước kia.

Quyền Mậu không tin, xin bảy ngày đem thức ăn không ngon để ngài ăn, mà sắc da càng tươi nhuận sáng đẹp. Quyền Mậu hổ thẹn phủ phục sám hối tội không tin trước kia.

Đến lúc sắp tịch, tay ngài bưng kinh, quỳ nói cùng các đệ tử:

- Nay, tôi đi đây, các vị hãy khéo gìn giữ chớ để dứt mất.

Lại cảm dị hương khắp thành. Lúc đó là tháng tám năm Đại Nghiệp cuối cùng (617), đời nhà Tùy, ngài thị tịch, hưởng thọ bảy mươi

tuổi, khí mạng tuy dứt tuyệt mà ngài vẫn quỳ, tay bưng kinh như lúc ban đầu, mọi người xa gần đua nhau đến chiêm ngưỡng sự vượt hẳn bình thường ấy và đều tán thán.

89. Thần tăng Vô Tướng

Thiền sư Vô Tướng ở chùa Tướng trung, Phi châu, ngài không phải là người xứ Ba thục, chẳng biết ngài từ đâu lại. Bỗng nhiên thấy ngài đến chùa Núi theo chúng mà thôi, ngài chẳng khác người thường.

Chùa đó ở thượng lưu Phù châu, phía Bắc dòng sông lớn. Bên cạnh sườn núi có một bia Minh lớn vuông năm thước, chữ lớn như bàn tay, mọi người không ai biết, phía dưới có dấu chân Phật, cách chừng chín thước dài ba thước. Ngài đạp đá như bùn, kẻ Tăng người tục đều kính trọng. Nhân một lúc nọ, ngài qua sông Tề trở về không có thuyền, ngài đưa bình bát bỏ xuống nước và nói:

- Cớ sao ta phải thường ôm lấy ngươi, ngươi có thể tự vượt qua sông vậy.

Ngài bèn lấy lá chuối đặt trên nước và đứng lên trên mà qua sông, bình bát cũng theo sau mà lại, trong khoảng khắc liền tới bờ. Khi đó, có người lượm củi thấy vậy. Ngài cho rằng đã có người hiểu biết về mình bèn từ biệt mà đi. Đồ chúng khổ thiết lưu giữ mà ngài không ở lại. Xuống sông, ngài vào thuyền, mọi người lễ thỉnh chẳng đưa cho sào chống. Ngài nắm lấy mạn thuyền thẳng theo dòng nước, chẳng nhìn lại mà đi. Mọi người liền đuổi theo, song chẳng lường biết ngài ở đâu.

90. Thần tăng Minh Cung

Thích Minh Cung, ngài trú tại chùa Hội thiện ở Trịnh châu. Sức lực của ngài như thần, ngài từng đi trong núi, thấy hổ và heo giao đấu với nhau. Heo gần như chẳng ngang sức, ngài bảo hổ rằng:

- Có thể tha nó đi.

Hổ không chịu. Ngài dùng một tay nắm lấy đầu một tay tóm lấy đuôi ném hổ xuống núi.

Thêm nữa, ngài đem y của chư Tăng để dưới tảng đá. Chư Tăng lấy làm lạ, ngài cười, bưng cột trụ mà lấy y ra. Cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...-617), đời nhà Tùy, giặc nổi dậy bắt cướp, buộc trong chùa làm thịt heo lớn đủ cho vài mươi người ăn. Ngài mời giặc ăn, giặc nhường ngài ăn trước. Ngài mới bày vài mươi chiếc bánh đặt thịt heo vào mà ăn, bỗng chốc ăn hết. Bọn giặc vô cùng kinh phục, ngài với bọn giặc làm Đàn-việt ủng hộ chùa. Bọn giặc chấp nhận. Nên trong thời nhà Tùy

nhà Đường giao quân tranh đấu, tại địa phận đó dứt tuyệt không có giặc tới lui. Đó là do sức lực của ngài.

91. Thần tăng Đàm Tuân

Thích Đàm Tuân, ngài dòng họ Dương, người xứ Hoằng nông, Hoa âm, sau dời nhà đến quận Hà đông. Năm hai mươi hai tuổi, ngài mới xả bỏ việc đời, tham vấn phương xa ẩn cư non cao. Ngài đến chùa Lạc tuyền ở cánh rừng phía Bắc núi Bạch lộc, gặp được Thiền sư Đàm Chuẩn, xin xuống tóc xuất gia. Sau ba mùa Hạ, ngài dời đến ở cốc Lộc thổ tu thiền, vừa gặp lúc suối khô cạn có nước lại nên loài Nai mi đi nhiễu quanh viện. Có được dòng nước trong lành, dần dần loài thú ngày một đến gần bên đường. Chúng Tăng cùng học cùng nhau vui mừng điềm lành ấy.

Có lần nọ, nhân thỉnh pháp tạm qua Vân môn, đi giữa đường gặp phải sương phủ mờ nên lạc mất đường, nhờ thần núi chỉ dẫn mới gặp được đường chính. Có lần kẻ trộm vào trộm rau quả, sắp muốn ra khỏi vườn, bị đàn ong chích nọc độc, ngài nghe vậy bèn đến cứu, với tâm từ đem ra chữa trị mà được toán mạng thừa.

Có người xứ Triệu từ xa đến, ân cần thiết lễ trình bày rằng:

- Nhân bị bệnh chết mà sống lại. Được thấy vua Diêm vương cật vấn tội trạng, đáng để cửa ngục may nhờ Thiền sư Đàm Tuân đến vì xin tha mạng. Diêm vương nhân đó tha cho. Được thoát khỏi nên nay đến lễ tạ!

Ngài đi trên núi gặp hai con hổ giao đấu với nhau thời gian lâu không dứt, ngài bèn nắm tích trượng phân ra, dùng thân ngăn chận, nói rằng:

- Đồng sinh sống trong rừng chầm, tính làm điều đại trái ngược, mong rằng mỗi mỗi hãy tự chia đường.

Hai con hổ cúi đầu vâng mạng, bèn hớp hơn mà phân tán. Ngài thường gặp gấu hổ giao tranh, sự việc đại lược đồng như thế. Và hoặc mở ở nơi bụi cây rậm rạp um tùm, chỉ có vết chân ngài vào mà chim muông chẳng bay loạn, loài thú thấy như ngẫu nhiên.

Mỗi lần ngài nhập định thường lấy bảy ngày làm kỳ hạn. Có con hổ trắng vào phòng bèn làm hang ổ, riêng mình con hổ sống trong tỉnh viện suốt mười năm chẳng ra. Từ khi có dấu vết thiền, người ở đó ít bắt chước làm theo, lúc ban đầu mới gặp, tật bệnh càng đình trệ. Bỗng nhiên có thần quang chiếu rọi hương đèn gió thoảng phất phới, hoặc cảm loài chim khác lạ cổ trắng mình đỏ, nhiễu quanh viện bay liệng

giữa không trung, tiếng kêu bi thương buồn thiết. Khi đến lớn dần, chim đậu nơi nền giảng đường. Từ đó về sau quen nương tựa, không còn sợ hãi người vật. Hoặc đến trên cửa phòng hay vào trong chiếu nằm, kêu buồn càng rất thảm thiết đến nỗi máu xông lên trong mắt. Ngài bèn sang giáo hóa, chim liền bay ra ngoài xoay chuyển giữa không trung, bỗng nhiên liệng đi mất. Lại cảm hổ dữ nhiễu quanh viện, kêu rống buồn thương suốt hai đêm, mây mù phủ tối ba ngày, trời đất kết thảm lại thân, mù lở đá rơi, cây rừng gãy khe suối đều khô... Những ai cảm những linh tướng của ngài vẫn chưa thể ghi chép hết được.

Sau, đến năm Vũ Đức thứ 5 (622), đời tiền Đường, ngài thị tịch. Các vị đệ tử như Tĩnh Hưu, Đạo Nguyện, Tuệ Phương..., cử hành lễ trà-tỳ, nhặc lượm di cốt tạo tháp dựng bia.

92. Thần tăng Trí Mãn

Thích Trí Mãn, ngài dòng họ Giả, không biết là người xứ nào, giới hạnh cao thâm thanh khiết, ngài trú tại chùa An lạc.

Thời nhà Đường, Thái Tông (627-650), khi ở tại Tấn dương cùng với Lưu Văn Tỉnh. Đêm thủ mưu, vua Cao Tổ (618-627), mộng thấy từ trên giường rơi xuống, lại thấy trùng giòi nhóm ăn. Trong ý cho đó là rất xấu ác nên đem hỏi đến ngài. Ngài đáp:

- Đó nên lễ mừng. Phàm trên giường xuống, đó gọi là bệ hạ, đàn giòi rúc tụ nhóm ăn tức là quần sinh cùng nhau ngưỡng một một người mà sống.

Cao Tổ vui mừng với lời nói ấy. Ngài lại bảo:

- Bần đạo cũng có biết về dịch học. Dùng tượng quái để thấy rõ điềm công bằng, căn cứ theo dịch học nói: Tồn tại dưới giường phân như không lỗi mà trước cát sau hung. Đó hẳn là thể đại không thể dùng tiểu, dùng tiểu thì thất bại, dùng đại thì tế giúp. Nên cần làm việc lớn để cứu giúp quần sinh, không qua chẳng thông mới thành!

Cao Tổ đổi sắc mặt, nói:

- Chỉ mong nhờ khéo dụ, chưa dám đáng nhân!

Ngài liếc nhìn Thái Tông, bảo:

- Lang Quân cùng với đại nhân đều hiệp điềm mộng. Đó đáng gọi là làm lại được việc người trước đã làm hỏng, khảo dùng không lỗi. Phàm, lý trời sự người rõ ràng đáng biết, không thể cố chống cự điều trời ban cho vậy. Trời ban cho mà không nhận lấy, hẳn phải chịu lỗi ấy. Không là chẳng thể vậy.

Vua Cao Tổ lễ bái mà cảm tạ rằng:

- Đệ tử sao mong lại phiền ý trinh trọng đinh ninh mà dám chẳng kính vâng!

Về sau, không biết cuộc đời của ngài như thế nào!

93. Thần tăng Trí Hy

Thích Trí Hy, ngài dòng họ Trần, người xứ Dĩnh xuyên. Năm hai mươi tuổi mới được theo nguyện, một lần được phụng gặp liền định thầy trò, luật nghi đầy đủ, bẩm thọ thiền quyết, thân tu tịch định. Ngài thường trú tại Phật lũng tu thiền đạo tràng. Những hành giả ưa thích Tam-muội đều cùng quy ngưỡng. Đến lúc nhàn rỗi yên tọa ngài lại chỉ huy tạo dựng già-lam, điện, đường, phòng nhà, đều nghiêm chỉnh. Chỉ còn kinh đài chưa tạo lập được, ban đầu muốn thuê công. Có đảnh hương lô, núi cao nguy hiểm cây rừng tú dị, nhưng thần kỳ ở đó rất có linh nghiệm, từ xưa trở lại không ai dám ngửa mặt trông nhìn đến ven sườn đỉnh núi huống gì là leo lên lượm củi chặt cây. Lúc ấy, Đại chúng cùng bàn luận với nhau rằng:

- Nay đã tạo lập kinh đài cúng dường Pháp bảo, chỉ chuộng sự tinh hoa đâu có thể khinh suốt vậy mà thôi. Ở trong đảnh núi Hương lô có các thứ cây bách cây sinh rất là tinh khiết ưu việt, có thể cùng lấy để đủ tạo lập cúng dường.

Bàn luận tường tất, rồi đến hỏi ngài, trình bày rõ ràng sự việc như trên. Giây lát lâu, ngài đáp:

- Thần núi giữ gìn mến tiếc, không thể tháo!

Mọi người không dám nói lại một lời nào, mỗi người tự về chổ cũ.

Đêm đó, ngài mộng thấy có người đưa sớ tấu rằng:

- Các thứ cây sinh cây bách trong đảnh núi Hương lô đều có thể xả thí cung cấp để tạo lập kinh đài.

Thời đó, có vị Tăng tên là Pháp Vân muốn vào đảnh núi Hương lô tu hạnh Đầu-đà, ngài can ngăn, bảo:

- Thần núi ấy kiên cường, ông đạo lực còn yếu kém, nếu đến đó ắc không được an, cẩn thận mà qua vậy.

Pháp Vân không nghe theo, bèn đến núi đó, chưa tròn hai đêm, thần núi liền hiện hình đuổi bảo trở về. Pháp Vân tự bày việc ấy mới nhớ lời dạy trước kia của ngài, rất sinh kính ngưỡng.

Có vị đệ tử tên là Đạo Tuyên tụng kinh tại phòng, ngài tự qua gọi, bảo:

- Chiều nay sẽ có vị Tăng đến.

Nói xong, bèn nhìn xuống cửa liền thấy một vị Tăng đắp mặc áo nạp, tay nắm tích trượng, ôm bình bát, hình thần sáng rỡ tài tuấn, có tướng dị thường, từ ngoài đi lại, cách khoảng hơn hai mươi bước mới đi về con đường phía Đông và ẩn mà chẳng hiện. Chỉ trong chốc lát liền nghe ở phía Đông núi có tiếng chuông trống nổi vang chấn động cả hang cốc. Ngài bèn nói:

- Ôi! Gọi ta.

Trước khi viên tịch vài ngày, ngài nói cùng đệ tử:

- Thọ mạng ta không còn bao lâu nữa, nên tạo cho ít nước ấm nóng hương thơm để tắm rửa.

Vừa xong, từ trong núi, các loài cầm thú hình sắc khác lạ thường ngày chẳng từng thấy đều cùng nhau tụ hội bên cạnh phòng, đạp nhảy giữa đất, phóng vọt trên không, buồn thương kêu gào, trãi qua ngày sau mới tan. Bấy giờ là ngày 18 tháng12 năm Trinh Quán thứ nhất (627), thời tiền Đường, vào giờ ngọ, ngài ngồi kiết già ngay thẳng nghiểm nhiên, hơi dứt nhẹ dần như nhập thiền định, nhân đó thị tịch, chẳng còn trở lại. Khi ấy giữa không trung có tiếng đàn sáo, cả chúng đều nghe, lâu sau mới dứt. Để yên như thế trải qua vài ngày mới nhập vào khám đá, nhan sắc vẫn đầy đủ hòa duyệt, tay chân mềm mại chẳng khác gì lúc bình sinh. Ngài hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.

94. Thần tăng Tuệ Chủ

Thích Tuệ Chủ, ngài dòng họ Giả, người huyện Vĩnh quy, Thỉ châu. Lên sáu tuổi, ngài xuất gia làm đệ tử của Pháp sư Bân. Ở tại huyện Hoàng an, ngài tạo dựng bảy ngôi chùa, ở huyện Tử đồng mười ngôi chùa, ở huyện Vũ liên ba ngôi chùa. Năm hai mươi tuổi, muốn thọ giới Cụ túc, ở tại bổn xứ không có người mới vào kinh đô chọn mời tăng đức, ở chùa Cam lồ thọ giới, ngài chỉ nghe Tứ phần luật, còn lại các nghĩa đều thông qua.

Ngài mộng thấy ba ngày ba đêm trời đất tối tăm mịt mù, chúng sinh không có mắt, qua thời gian đó, bỗng nhiên có mắt sáng trở lại sáng sạch. Tỉnh giấc thì mồ hôi đã đổ, trăm ngày sau thì khắp nơi hủy bỏ kinh đạo, mới biết đó là điềm ứng chứng nghiệm. Ngài bèn trở về cố hương tại Nam sơn sống ẩn dật chỉ ăn lá tùng. Có các loài cầm thú khác nhau cùng đồng tụ tập không phát tiếng động. Lại có thần núi đưa phục linh cam tùng hương lại, ngài nhận sự cúng dường đó mà sáu thời hành đạo. Cầm thú đi theo lễ Phật tụng kinh, tợ như thính ngưỡng. Ngài mới vì các loài u hiển cho thọ giới Bồ-tát.

Sau, có bầy My hầu cùng nhau sửa đường. Ngài hỏi:

- Các ngươi tánh tình nóng nảy nhiễu loạn, làm vậy để làm gì?

Đáp rằng:

- Thời ngài khác, ngày nay thời hưng thịnh Phật!

Ngài rất lấy làm lạ lời nói đó, bỗng nhiên lại có điềm lành khác lạ, rồng bay, thú nhóm, hương thơm đầy núi, các loại như thế rất nhiều. Sau, có tám người cầm nắm cung gỗ, ngài rất kinh hãi. Các người đó liền an ủi ngài rằng:

- Thánh giả! Có bậc quân vương xuất thế hiệu là Khai Hoàng*.

Liền cùng xuống núi, đem sự việc tấu trình triều đình, mong dự phận xuất gia.

Niên hiệu Đại Nghiệp (605-617), đời nhà Tùy, vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc ngài về bổn châu trú tại chùa Trúc lâm. Ngài thường xiển dương Tứ phần luật; lấy đó làm việc chính.

Niên hiệu Vũ Đức (618-627), đời tiền Đường, Thể Lăng, Dương, Công Lâm, Ích Châu, vốn ít có tín tâm, đem hơn trăm con lạc đà cùng mọi vật đến Thỉ châu, bảo an trí trong chùa, giảng đường, điện Phật, tăng phòng. Không ai dám chống trái, ngài từ trang trại trở về, thấy mọi thứ uế tạp như thế, liền vào trong phòng lấy tích trượng và ba chiếc y ra, than rằng:

- Sống chết là ngay ngày nay!

Ngài đưa tích trượng chỉ, cả đàn lừa loa đồng một lúc ngã dào như chết. Hai tay ngài mỗi tay nắm một con lạc đà ném xuống dưới hố. Quan dân khắp châu huyện rất kinh hãi nhớ in phong thái của ngài. Lăng Dương rất mừng không một gì lấy làm lạ, viết thư gởi đến ngài: "Đệ tử mắc vài bệnh, chẳng gặp, hại quỷ, may nhờ luật sư phá cho cái đãy xan tham, rất là lợi lớn. Nay gởi mười cây trầm hương và mười đoạn lụa mỏng kính tặng." Sau, trở về kinh đô, bèn theo thọ giới Bồ-tát.

Năm Trinh Quán thứ 3 (629), đời tiền Đường, trong chùa, có Thiền sư Minh, thanh tịnh cao vượt khác chúng, giữa ban ngày ngồi một mình không thấy nửa thân hình, hướng cùng Đại chúng thuật lại rằng:

- Tôi cùng với Luật sư tạo dựng chùa này, hai người đồng một tâm chí, bỗng nhiên mất hết nửa thân hình, Luật sư Tương Bất đi trước.

Tương Bất tức là Thiền sư Minh ấy mất. Bỗng nhiên, đến giờ Ngọ, ngài không bệnh hoạn gì mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi chín tuổi.

95. Thần tăng Minh Tịnh

Thích Minh Tịnh, ngài người xứ Cao mật, xuất gia từ thuở thiếu

thời, chuyên tu thiền định. Sau, đi đến phương nam vượt qua phương Đông đến các núi Thiên thai... Ngài ôm hoài Thiền quán, chẳng tập học thế pháp và thường ăn mặc lam lũ, động chỉ đúng thời. Các bạn đồng tu thiền pháp chưa biết ngưỡng vọng cao xa của ngài đến nỗi gạo thóc trên núi đều hết sạch, hằng ngày ngài đến trong thôn xóm khất thực. Lúc mang trở về gặp bầy hổ đều nhắm mắt há mồm như tưởng đói khát. Ngài bảo:

- Ta kinh hành trong núi đầm đã lâu, gặp các loài hổ hủy lòng đều không sợ hãi. Nay bày liệt bên cạnh đường, hà chẳng là vì cầu ăn?

Ngài bèn dùng thìa xớt cơm vào miệng nó, phần còn lại thì ngài đối mặt với chúng nó mà ăn hết. Ngài bảo:

- Biết các ngươi lại, mà thức ăn ít, ta và các ngươi khác nhau thật chẳng xứng, ta rất lấy làm hổ thẹn!

Ngày hôm sau, ngài đi khất thực, hổ lại đến như trước.

Ngài đã từng gặp năm hạn hán lúa mà đều khô. Các loại dâm từ vọng cầu mời thỉnh, tuy thêm sự khẩn thiết ẩn trắc mà trọn chẳng được gì. Ngài bảo:

- Nên bãi bỏ các thứ cầu đảo tà ngụy, riêng mình tôi có thể cầu nguyện ban giáng.

Ngài bèn kết trai ở trong tĩnh thất bảy ngày, bỗng một sáng sớm mây nhóm mưa tuôn, khắp nơi cao thấp đều ngập tràn, trăm họ được lợi lớn.

Từ mùa Đông năm Trinh Quán thứ 3 (629) đến mùa Hạ năm sau, đời tiền Đường, suốt sáu tháng không có mưa. Vua Thái Tông ban chiếu cúng tế cầu mưa ở các đền miếu khắp mọi nơi sông ngòi non núi. Thời gian đó, trong khắp muôn dặm đều làm cho mọi người lo sợ và toàn không có ứng nghiệm gì. Có Phan Thị Lang, từng trấn nhậm ở mật châu, biết ngài có khả năng chiêu cảm, bèn viết trạng văn tấu trình. Vua Thái Tông liền ban chiếu mời ngài đến ở trong kinh đô để cầu mưa. Ngài bảo:

- Điều cần có là không một tổn phí, chỉ nguyện tỉnh niệm Tam bảo từ bi tế độ tứ sinh. Sau bảy ngày hẳn sẽ ban giáng mưa móc cam lộ.

Ngài bèn đến chùa Trang nghiêm, trú tại một phòng tĩnh lặng thiền quán. Đến ngày thứ bảy, lúc trời sắp sáng, ngài hỏi người giữ gìn rằng:

- Ở phía Tây bắc giữa bầu trời đang ứng có vầng cầu vồng, nên ra xem thử.

Bỗng theo lời ngài ra xem thì có thật. Ngài bảo:

- Mưa đến!

Bỗng chốc mây nhóm tụ, chợt nhiên mưa lác đác, ngày đó đến trưa chiều trong biển cũng đều thông thấm, nên năm đó được mùa. Vua Thái Tông bèn ban sắc độ ba trăm vị Tăng để báo đáp ân đức của ngài. Những điều cảm ứng chứng nghiệm của ngài khó nghĩ nghì quyết tưởng không thể suy lường. Chỉ vì ở tại kinh thành xe cộ ồn náo huyên tạp mà tánh ngài thì không quen như thế, nên xin trở về chùa Nghĩa thắng ở quê hương, sống ở đó tiếp tục sự nghiệp hàng đạo. Cuối cùng không biết ngài còn mất như thế nào.

96. Thần tăng Trí Tảo

Thích Trí Tảo, ngài dòng họ Trương, người xứ Thanh hà. Năm ngài hai mươi tuổi, song thân đều qua đời, tang buồn vừa mới mãn, bèn nhiễm bệnh tật, trải qua nhiều năm tháng, thầy thuốc chạy chữa đều không hiệu nghiệm. Trong một đêm vắng, ngài nương roi gậy với thế mệt nhọc ra giữa sân ngước nhìn ánh trăng mà nằm, chỉ tâm chuyên niệm danh hiệu Bồ-tát Nguyệt Quang, chỉ nguyện đại bi cứu giúp nỗi khổ trầm kha của con. Ngài buộc niệm như thế, trải qua tuần đầu, nửa đêm, ngài bỗng mộng thấy một người hình sắc khác thường từ phương Đông đi đến, nói với ngài rằng:

- Ta nay đến đây vì ngươi mà chữa trị.

Bèn đưa miệng đến thân mình ngài lần lược hút nhổ, như vậy ba đêm liền, nhân vậy mà bệnh được lành. Ngài bèn phát nguyện lìa tục, đến chùa An tỉnh làm đệ tử Pháp sư Tuệ Bằng.

Nghe ngài Trí Giả Đạo hạnh nghi tắc vượt hẳn mọi người, ngài theo thuyền mành bềnh bồng thẳng đến Thiên thai, phủ phục cầu xin thọ đạo. Ngài Trí Giả bảo ngài hành trì Pháp Hoa để sám hối. Đến tuần thứ hai, đầu đêm mới lễ sám xong, đến thiền sáng như muốn an tọa, bèn thấy chín con rồng từ dưới đất vọt lên vượt thẳng giữa không trung. Sáng sớm mai, ngài đem thưa hỏi, ngài Trí Giả bảo:

- Đó là biểu tượng chúng sinh trong chín đường nghe kinh Pháp Hoa, ở đời vị lai sẽ phá trừ vô minh trú địa mà chứng nhập pháp tánh không.

Thời nhà Trần, năm Pháp Đức thứ 4 (?), Vĩnh Dương, Vương Bá Trí làm thâu tiên đô, thỉnh mời ngài Trí Giả đến chỗ trấn nhậm, ngài bèn theo thầy thọ thỉnh, đồng đến núi Cối kê. Sau chín tuần xong pháp sự, ngài từ biệt Vương Bá Trí, về trú tại chùa núi Bảo lâm, hành trì Tam-muội Pháp hoa. Đầu đêm của ngày thứ nhất, như có người đến lay

động cánh cửa, ngài bảo:

- Ngươi là ai mà nửa đêm đến lay cửa?

Liền có tiếng nói to lớn đáp rằng:

- Ta lại trông xem đèn.

Trải qua vài lần hỏi và đáp đều như vậy. Trong chùa đó trước đây có vị đại đức Thiền sư Tuệ Thành ban đêm đều nghe đủ như thế.

Bèn nói với đệ tử rằng:

- Ở trong nhà đó từ trước đến giờ có đại ác quỷ, nay nghe tiếng nói ấy, hẳn là quỷ đến lấy mạng người.

Trời gần sáng, Tuệ Thành đến gõ cửa và gọi ngài. Ngài chưa kịp đáp lời lại thì Tuệ Thành đi nhiễu quanh nhà đó, xướng rằng:

- Khổ thay! Khổ thay! Người ấy xong rồi!...

Ngài liền mở cửa, hỏi ý nói điều gì. Tuệ Thành đáp:

- Ông còn đó ư? Tôi nghĩ rằng đêm hôm qua quỷ đã làm hại ông, nên than như thế.

Qua đêm thứ hai, quỷ vào thẳng trong nhà vác chày vồ đập tường đánh cột khắp cả Đông tây. Trong nhà có sáu cây đèn, ngài tắt hết năm cây chỉ để lại một cây, mà hành đạo. Ngài tọa thiền tụng kinh thản nhiên không khiếp sợ. Trong vòng ba tuần sự việc xảy ra thường như thế. Hành pháp sắp xong, ngài thấy một đồng tử mặc áo xanh, đến khen ngợi:

- Lành thay!

Nói xong bèn không thấy.

Ngài lại nhân có Phật sự nên ra qua đường Cối kê, vào khất thực trong thôn Hiếu hạnh, Huyện diệm, người chủ lầm nấu nấm độc thiết cúng, thọ thực xong ngài thẳng đường trước mà đi. Sau đó người chủ ăn thức ăn còn lại, tất cả đều bị khổ oái ly như chết. Người hàng xóm thấy thế liền mang thuốc tìm đuổi theo ngài, đi hơn mười dặm mới kịp, thấy ngài đi khoan khoái không việc gì. Ngài hỏi:

- Cớ gì mà tìm kiếm ngài?

Người đó trình bày đầy đủ việc trên, ngài cười, đáp:

- Bần đạo không sao, có thể đổ bỏ thuốc đi mà trở về chẳng cần phải đuổi theo.

Năm Trinh Quán thứ 12 (638), đời tiền Đường, ngài thị tịch ở chùa, hưởng thọ tám mươi ba tuổi.

97. Thần tăng Tri Uyển

Sa-môn Tri Uyển ở U châu, ngài khổ công tinh luyện rất có học

thức.

Niên hiệu Đại Nghiệp (605-617), đời nhà Tùy, ngài phát tâm tạo hết kinh tạng bằng cách khắc viết chữ trên đá để phòng bị Pháp diệt. Ngài đã ở tại Tây sơn, U châu đục đá làm thạch thất, mài bốn phía tường dùng để tả kinh. Lại dùng đá riêng từng tấm vuông mài láng viết khắc kinh, cất chứa đầy trong mật thất rồi dùng đá lấp bịt cửa, nấu sắt chảy mà hàn lại. Bấy giờ vua Dương Đế (605-617), đời nhà Tùy đang yên ở Sông trác (xứ Trực Lệ), nội sứ thị lang Tiêu Vũ là em của hoàng hậu, tâm tánh rất kính tin Phật pháp, đem sự việc của ngài nói cùng hoàng hậu. Hoàng hậu bèn cúng dường một ngàn xấp lụa, Tiêu Vũ cúng dường năm trăm xấp lụa. Mọi người từ chốn cung đình cho đến vùng quê nghe thế, cùng đua nhau xả thí cúng dường, nên công việc của ngài được hoàn thành.

Ngài thường vì công thợ đã đông mà kẻ tăng người tục cũng hay tụ hội, nên muốn ở phía trước núi, tạo lập ngôi nhà bằng gỗ để thờ Phật, cũng như trai đường, nhà nghĩ mà nghĩ rằng cây gỗ ngói gạch khó có đủ sợ tốn kém nhiều kinh phí nên chưa thể khởi công. Bỗng một đêm nọ mưa lớn, sấm sét chấn động cả núi. Sáng sớm mai trời đã tạnh, nhìn xuống dưới núi thấy có cả ngàn muôn cây tùng lớn bị nước cuốn trôi tấp bên đường, kẻ Tăng người tục kinh hãi không biết từ đâu lại. Từ đó xa gần mọi người đều thán phục, ngài bèn bảo thợ chọn lọc gỗ đó, còn lại đều phân chia cho thôn ấp. Mọi người trong thôn ấp mừng thẹn mà hổ trợ ngài tạo dựng nhà cửa điện đường, chỉ trong thời gian ngắn thì hoàn thành như chí nguyện của ngài. Ngài khắc kinh trên đá chứa đầy bảy thất.

Đến năm Trinh Quán thứ 13 (639), đời tiền Đường, ngài thị tịch, các vị đệ tử tiếp nối sự nghiệp của ngài.

98. Thần tăng Đại Chí

Ngài Đại Chí dòng họ Cố người ở Cối kê, xuất gia từ thuở bé, phụng thờ ngài Trí Giả làm thầy. Ngài Trí Giả thấy ngài hình thần phóng khoáng cao vượt bình thường, nhân đó mà đặt cho tên là Đại Chí.

Ngài trì tụng kinh Pháp Hoa sách nhiên nhân tĩnh, âm thanh trong suốt, người nghe quên cả mỏi mệt. Sau, ngài trú tại chùa Cam lồ ở Lô sơn hành hạnh Đầu-đà, có lúc ngài lao mình đến loài thú dữ nhưng chúng nó né tránh. Gạo thóc nếu hết thì ngài chỉ ăn dùng bánh trái để kéo dài sự sống mà thôi. Suốt bảy năm, ngài hành trì thiền tụng như

thế không ngừng nghỉ. Về sau, ngài trú trì chùa Phước lâm. Gặp thời gian trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-617), đời nhà Tùy, phá hoại Phật pháp, ngài bùi ngùi vì Đại pháp đang bị tàn khốc, bèn đắp mặc áo hiếu đến trong Phật đường gào khóc thảm thiết cả ba ngày, phát nguyện xả bỏ hình hài để thân minh Phật pháp. Ngài liền đến Đông đô, dâng biểu tấu trình: "Nguyện xin bệ hạ hưng long Tam bảo, bần đạo sẽ đốt cánh tay để báo đáp ân trạch của nước nhà!" Vua Dương Đế chấp thuận. Ngài bèn thiết đại trai hội, thất chúng đều tu hội, ngài tuyệt thực ba ngày leo lên trong một rạp lớn, lấy vải bố quấn cánh tay dùng sáp rát vào như một bó đuốc, ánh sáng chiếu soi khắp cả núi hang lung lay tỏa sáng. Đại chúng thấy ngài hành khổ, đau xót tận tim tủy, mà ngài hình sắc vẫn không đổi thay, hoặc là tụng đọc kinh văn, hoặc là tán thán công đức chư Phật, hoặc vì đại chúng nói pháp..., tiếng tiếng chẳng dứt. Thiêu xong, ngài xuống khỏi rạp, ngồi kiết già nhập định, bảy ngày sau ngài thị tịch.

99. Thần tăng Trí Thông

Ngài Trí Thông trú tại chùa Bạch mã, ở Dương châu. Chuyên tu tập Tam luận. Ngài lại vượt sông qua trú tại chùa An lạc, gặp lúc nhà Tùy mất ngài muốn trở về nhưng không phương kế, bèn ẩn trong cỏ lau ở bờ sông, trù tụng kinh Pháp Hoa, suốt bảy ngày chẳng biết đói, thường có bốn con hổ đi nhiễu quanh ngài. Ngài bảo:

- Ta đã mười ngày không ăn, mạng sống chỉ còn trong hơi thở, các ngươi có thể cứ ăn lấy.

Hổ liền nói tiếng người rằng:

- Từ lúc tạo lập đất trời không có lý ấy.

Bỗng thấy một ông già kẹp dưới nách một chiếc thuyền nhỏ, đi đến bảo:

- Ngài muốn qua sông hãy mau lên thuyền.

Bốn con hổ thấy thế mà rơi lệ. Ngài bảo:

- Giữ nguy nhổ nạn chính ở ngày nay!

Liền cùng bốn con hổ nhanh nhẹn vượt đến bờ nam. Thuyền vừa cập bờ thì ông ấy bỗng nhiên không thấy nữa. Ngài dẫn bốn con hổ đến dừng nghỉ ở phía Tây tháp Thê hà, kinh hành thiền tụng, thề chẳng nằm ngủ. Đại chúng an trú hơn tám mươi người.

Bỗng nhiên như có hung sự, hổ lại gầm thét lớn, do đó mà cảnh giác. Trong niên hiệu Trinh Quán 99 (?), nhân ngày Phật Đản sinh, ngài đốt hương đãnh lễ khắp các thánh tượng rồi trở về tĩnh thất đoan tọa thị

tịch.

100. Thần tăng Thiện Đạo

Pháp Sư Thiện Đạo, ngài người xứ Lâm Chuy. Với tín tâm vào nơi Đại tạng tự tay chọn lấy được quyển kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, ngài bèn chuyên tâm niệm Phật, tu pháp Thập lục diệu quán. Kịp đến khi ngài đến trú tại Lô sơn, đọc xem Di trục của ngài Tuệ Viễn, bỗng nhiên tăng trưởng tư duy. Sau ngài ẩn tích tại Chung nam tu pháp Ban châu Tam-muội vài năm, ngài thấy rõ các báu Hồ ngọc hiện ngay trước mắt.

Ngài lại đến Tấn dương trao cho Thiền sư Đạo Xước kinh Vô Lượng Thọ. Ngài nhập định bảy ngày, Đạo Xước thỉnh ngài quán chiếu về chỗ sinh. Ngài đáp rằng:

- Sư phải sám hối ba tội mới có thể được vãng sinh, đó là:

1. Sư thường an trí tượng Phật dưới diềm cửa sổ mà tự ở chỗ phòng sâu kín.

2. Đang tại trước Phật lễ sám lại thường sai sứ người xuất gia.

3. Đang tại trước tứ phương tăng lễ sám.

Lại nhân đó làm nhà tổn hại sinh mạng côn trùng rất nhiều. Sư phải đối trước hết thảy chúng sinh mà sám hối.

Ngài Đạo Xước tĩnh tọa tư duy những lỗi lầm xưa trước bèn tẩy tâm sám tạ. Thời gian lâu sau, ngài Thiện Đạo xuất định nói cùng Đạo Xước rằng:

- Tội sư đã tiêu diệt. Sau này, lúc có ánh sáng sắc trắng soi chiếu thì đó là tướng vãng sinh.

Ngài Thiện Đạo hoằng hóa tại chốn kinh đô, mọi người quy tụ đông như chợ. Bỗng nhiên, ngài hiện chút bệnh, bèn đóng thất, an nhiên niệm Phật mà thị tịch, có hương thơm khác lạ, tiếng nhạc cõi trời hướng về phía Tây mà ẩn.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 6

101. Thần tăng Pháp Thuận

Thích Pháp Thuận, ngài dòng họ Đỗ, người ở huyện Vạn niên, Ung châu. Bẩm tánh ngài thường luôn nhu hòa. Năm mười tám tuổi, xả tục xuất gia, ngài phụng thờ Thiền sư Tăng Trân ở chùa Nhân thánh, thọ trì định học.

Ngài từng đến Khánh châu hoằng hóa, khuyên người thiết trai hội cúng dường năm trăm vị Tăng. Đến lúc vào trai đường thọ thực, số người lại gấp bội, người chủ cúng dường lo sợ, ngài bảo:

- Không có gì phải sợ. Chỉ nên chuyền khắp chu cấp chớ going cúng dường thì đến cả ngàn vị cũng đều đủ.

Có Trương Hà Giang và Trương Hoằng Sướng, trong nhà chăn nuôi trâu ngựa, tánh vốn tệ ác, mọi người đều mắc hoạn với nhà đó là bán mà không lấy lại được tiền. Ngài bày lời từ thiện thì như có chỗ vâng theo, từ đó về sau không còn xúc chạm ăn mòn nữa.

Ngài từng dẫn chúng lên núi Ly nương náu tịnh tu trong mùa hạ. Ngoài đất có nhiều trùng kiến, không do đâu mà gieo trồng rau quả. Ngài sợ làm tổn hại đến chúng, liến đến ngoài đất như chỉ bày khiến các côn trùng dời nơi cư ngụ. Sau đó không lâu, ra xem lại, như có sự phân tề tự nhiên không còn có côn trùng.

Thời bấy giờ, ngài mắc bệnh phù thủng, máu mủ vỡ chảy ra ngoài. Có người kính trọng mà mổ lấy, hoặc dùng bông để lau, bỗng nhiên bệnh ngài lành hẳn. Số mủ còn lại phát ra mùi hương thơm khó mà sánh được, nơi bông lau chùi còn mang lại mùi thơm chẳng mất. Dân ở Tam nguyên, có Điền-tát-đỏa, từ lúc mới sinh bị mắc bệnh điếc. Lại có Trương Tô cũng bị bệnh câm ngọng, ngài nghe thế, bèn cùng ngài bàn luận và bệnh tình cũng dứt hẳn.

Tại huyện Võ công có vị Tăng bị độc long làm mê hoặc, mọi người dẫn đem đến ngài, ngài bảo khoanh tay ngồi đối diện với ngài. Độc long gá vị Tăng bệnh nói rằng:

- Thiền sư đã lại, nghĩa không ở lâu.

Cực tướng nhọc nhiễu, bỗng nhiên liền cởi mở. Nên mọi người xa gần bị độc chướng dịch lệ ai cũng tìm đến ngài để giải bày mọi khổ não. Ngài không dùng pháp thuật gì cả, chỉ ngồi đối diện với ngài thôi mà mọi bệnh đều lành.

Nhân có Phật sự, ngài đi đến Nam dã, sắp qua sông Hoàng cừ. Nước ở sông ấy đầy tràn, mọi người gắng gỏi mà vượt qua, bờ đá đã cao lại trơn nhẵn, tuy có leo lên nhưng cũng bị rơi lại xuống nước, bỗng nhiên nghĩ liền đến theo đường đất liền mà qua. Kịp đến lúc ngài lên tới bờ thì nước trở lại như cũ, môn nhân chớ thấy mà chẳng lường được sự việc ấy.

Đến năm Trinh Quán thứ 14 (640), đời tiền Đường, ngài không bệnh khổ gì, bỗng nhiên gọi đồ chúng đến mà chúc lụy rằng:

- Hành pháp của đời tôi để lại cần nên tiếp nối trường tồn!

Nói xong, ngài vẫn như thường an tọa thiền định mà thị tịch ở chùa Nghĩa thiện tại Nam giao.

102. Thần tăng Chí Khoan

Thích Chí Khoan, ngài dòng họ Diêu, người xứ Hà đông, Bồ châu. Xem qua các kinh, ngài liền lấy kinh Niết-bàn và Địa luận làm tông chỉ nương tựa.

Tại phòng ngài ở mỗi đêm thường có âm hưởng của áo dày mũ trụ chấn động. Mọi người lén trộm mà nhìn đều thấy thần nhân phi thường đi nhiễu quanh phòng. Bấy giờ ở Xuyên ấp có hổ bạo hành khiến mọi người bị cắt đứt đường đi. Chúng nó hợp đàn cả vài trăm con đi qua thôn xóm thành ấp làm tổn hại người và vật. Trong đàn có con thú chúa, đầu nó rất lớn có đủ năm sắc, rất oai phong điều khiển các con thú khác. Toại châu đô đốc Trương Tốn, từ xa nghe được đức hạnh từ bi của ngài, bèn sai người đến thỉnh mời. Ngài bèn bảo khắp trong châu huyện thiết lập trai pháp hành đạo, mỗi người tự thọ tám giới. Từ đó, không còn bị hổ quấy nhiễu nữa, chẳng biết chúng nó đi về đâu. Người thời bấy giờ cảm kích việc ấy bèn tôn thờ ngài như Thần thánh.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627-...), ngài trở về Bồ tấn, bấy giờ khắp châu quận gặp phải hạn hán, cầu đảo mọi nơi đều không toại nguyện. Cả thảy quan dân mới đến thỉnh mời ngài. Ngài bèn thiết lập đàn tràng, đem thân mình ra tự lập lời thề:

- Nếu chẳng ban giáng mưa móc thì chẳng trở lại phòng nhà.

Ngài phơi hình hai ngày, mây rủ kín khắp nơi, ba ngày về sau,

khắp nơi mưa ngập tràn, dân chúng nhờ đó mà được mùa.

Trước lúc viên tịch, ngài nghiêng về phía hữu mà nằm, gối đầu lên tay phải, bảo cùng môn đồ rằng:

- Sinh tử dài lâu, người có đợi chờ cũng thế. Các ngươi chỉ nên tự quán thân như huyễn, tức không có ái kết tự buộc. Mạng ta cũng dứt, nên dùng hai cái đòn tay một tấm chiếu trúc bó lại mà khiêng đưa, không được theo thế tục phân vân làm điều chẳng ích lợi gì!

Nói xong, ngài liền thị tịch.

103. Thần tăng Thế Du

Thích Thế Du, ngài dòng họ Trần, trú tại Đài châu. Năm Đại Nghiệp thứ 12 (616), đời nhà Tùy, ngài đến chùa Chấn hưởng ở Miên châu theo Pháp sư Luân, cầu xin xuất gia. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa, cần khổ tương tục. Ngài lại vào chùa Tịch trú ở Lợi châu.

Sau, ngài lại vào núi hưởng ứng ở huyện Miên trúc; Ích châu ở riêng một mình nhiều năm. Có bốn con vượn cúng cấp trái cây rừng... để ăn. Có tín sĩ mẫu gia sinh mang có tấm lòng cúng dường, thường vào trong rừng sâu thường đốt hương huân lục trầm thủy... Thế rồi từ núi trở về, đến nửa đường, thấy hai người hình rất sắc xanh dáng mạo ít có ở đời, mỗi người tự nắm hoa sen, mía, khoai, đi lên, bảo rằng:

- Chúng tôi đến cúng cho Thiền sư.

Nhưng ngài ở tại núi trong ba năm chỉ ăn một thạch bảy thăng gạo, thường ngày sáu thời hành đạo, làm bạn với chim muông khỉ vượn. Đầu tiên chỉ có một dòng suối, sau có ba dòng sinh ra ở dưới.

Trong năm Trinh Quán thứ nhất (627), đời tiền Đường, ngài mộng thấy có bốn con rồng đến, vào trong tràng mắt ngài, thế rồi, tỉnh giấc, ngài đại ngộ tông chỉ Tam luận. Ngài đến giảng tòa của Pháp sư Linh Duệ, được nghe ngôn từ nghĩa lý uyển chuyển như tìm lại vết xưa. Ngài lại trở về Miên châu, trú tại chùa Đại thí. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645), đời tiền Đường, ngày mồng tám tháng tư, ngài sang chùa Sùng Lạc, nói rằng “muốn du phương”, có người dụ bảo:

- Chỉ ở chùa này là Các khương.

Nhân đó, ngài liền trở về phòng cũ ở chùa Đại thí, mùi hương thơm lạ phảng phất khắp thất, trong lòng đất ngay dưới tòa của ngài vọt lên ba đồng tiền vàng. Cả chúng theo mùi hương mà biết được từ trong phòng ngài thoảng ra, mới thấy ngài ngồi kiết già trên tòa, tay ngài còn bưng lấy lò hương, bỗng nhiên ngài thị tịch, hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

104. Thần tăng Huyền Trang

Thích Huyền Trang, ngài vốn tên Y, dòng họ Trần, người xứ Câu thị; Lạc châu. Thuở thiếu thời, gặp phải cùng khốc, ngài theo người anh cả là Pháp sư Tiệp trú ở chùa Tịnh độ. Anh ngài trao cho tinh lý gồm thêm các xảo luận. Năm mười một tuổi, ngài tụng kinh Duy-ma, Pháp Hoa... Tại Đông đô thường độ Tăng và cùng Tăng chúng bàn luận kinh điển.

Từ đó, ngài vượt hẳn tự nhiên ngay thẳng chẳng hẹn mà ham muốn hâm mộ đại pháp. Sau, ngài đến Trường an, trú tại chùa Trang nghiêm, lại chẳng phải là ước vọng chính đáng, ngài đi về hướng Tây vượt qua Kiếm các, tới Thục đô, ngài thọ học các kinh luận, nghe qua một lần tức nhớ mãi không quên.

Năm Vũ Đức thứ 5 (622), đời tiền Đường, ngài hai mươi mốt tuổi, vì các học chúng. Ngài phụ giúp Sa-môn Hùng Bá xiển dương Tam luận, thấu đạt văn tướng mà chuyên tụng chú. Người thời bấy giờ tôn xưng ngài là Thần nhân. Sau, ngài lại đi khắp các xứ Kinh châu, Dương châu..., tham vấn các bậc Đạo nhân lân cận. Ngài lại trở về Kinh liễn đến nhiều nơi, biến học Thư Ngữ hành tọa tầm trao chỉ vài ngày là thông suốt và chờ cơ hội đến.

Năm Trinh Quán thứ 3 (629), đời tiền Đường, gặp lúc ban sắc kẻ tăng người tục tùy sự lớn thịnh đi ra mọi nơi. Do đó, ngài được sang Tây Vực thỉnh cầu các Kinh Tượng. Ngài đi đến nước Kế Tân, đường đi hiểm trở, hổ báo cản ngăn không thể vượt qua. Ngài chưa tìm ra phương kế bèn đóng cửa phòng mà ngồi. Đêm đến, mở cửa ra bỗng thấy một vị lão Tăng đầu mặt lở loét, thân thể đầy máu mủ một mình ngồi trên giường, chẳng biết từ đâu lại. Ngài mới lễ bái cần cầu. Vị Tăng đó, từ miệng đọc trao cho ngài một quyển Tâm kinh và bảo ngài trì tụng. Từ đó, bèn được sông núi bình dị, đường sá mở thông, hổ báo ẩn hình, ma quỷ lắng vết. Ngài liền đến nước Nhật, thỉnh cầu các bộ kinh hơn sáu trăm bộ.

Năm Trinh Quán thứ 19 (245), ngài trở về kinh đô, vua Thái Tông ban sắc ngài trú tại chùa Ngọc hoa phiên dịch kinh tạng. Từ thuở bình sinh trở lại, ngài thường nguyện sinh về cung trời Đâu-suất trú xứ của Đức Phật Di-lặc. Đến lúc ngài sang Tây Vực, lại được nghe hai anh em ngài Vô Trước và Thế Thân đều sinh ở cung trời đó, lại thường cầu thỉnh đều có hiển thể. Sau ngài đến chùa Ngọc hoa, trong những lúc nhàn rỗi, khi nào ngài cũng nguyện.

Đến năm Lân Đức thứ nhất (664), đời tiền Đường, ngài bảo các vị

Tăng cùng phiên dịch và môn nhân rằng:

- Phàm các pháp hữu vi đều kết quy về hoại diệt. Hình chất bọt bóng đâu có thể trường tồn! Năm sáu mươi lăm tuổi, tôi sẽ tịch tại chùa Ngọc hoa. Đối với các kinh luận, những ai có nghi gì, nay có thể mau hỏi!

Mọi người nghe thế, lấy làm lạ. Ngài bảo:

- Việc đó hãy tự biết.

Ngài bèn đến điện lễ tạ Phật rồi từ biệt chư Tăng. Thế rồi, ngài mang bệnh, thường thấy hoa sen lớn trắng đẹp hiện lại, lại thấy tướng Phật. Ngài bảo chư Tăng đọc lại danh mục các kinh luận đã phiên dịch. Tổng cộng có bảy mươi ba bộ, một ngàn ba trăm ba mươi quyển, ngài tự ôm lòng mừng vui. Ngài gọi tất cả đệ tử và những vị hữu duyên đều nhóm tụ, ngài bảo:

- Vô thường sắp đến, hãy nhanh cùng gặp!

Ở tại điện Gia thọ, ngài đem tượng cốt bằng hương mộc cây Bồ-đề, đối trước chúng tăng trong chùa Từ quyết và để lại di biểu xong, ngài bèn mặc niệm danh hiệu Đức Di-lặc, nghiêng về phía hữu duỗi xếp hai chân, dùng tay phải gối đầu, tay trái đặt trên đùi vế, bền vững an nhiên bất động, hơi thở ngừng dứt thâu thần thị tịch. Trải qua hai tháng mà sắc mạo vẫn như thường, mới an táng tại gò đồi Bạch lộc.

Trước kia, lúc sắp đi Tây Vực, tại chùa Linh nham, thấy có một cây tùng, ngài đứng giữa sân, đưa tay xoa vuốt các cành tùng, bảo:

- Tôi đi Tây phương cầu thỉnh Phật giáo, người nên lớn mạnh về hướng Tây. nếu ta trở về thì ngược xoay về hướng Đông, khiến cho đệ tử tôi được biết!

Khi ngài đi thì hằng năm cành tùng ấy chỉ về hướng Tây dài lớn độ vài trượng. Một năm nọ, bỗng nhiên tự xoay về hướng Đông, môn nhân đệ tử ngài bảo nhau rằng:

- Đức giáo chủ sắp trở về.

Bèn đến phương Tây để nghênh đón, quả thật là ngài trở về. Đến nay, mọi người đều gọi cây tùng đó là Ma đảnh tùng.

105. Thần tăng Pháp Mẫn

Thích Pháp Mẫn, ngài dòng họ Tôn, người xứ Đơn dương. Năm lên tám tuổi, ngài xuất gia làm đệ tử của Thiền sư Anh, ngài đến Mao sơn, nghe Pháp sư Minh giảng Tam luận, tỏ ngộ được tông chỉ.

Năm Trinh Quán thứ nhất (627), đời tiền Đường, ngài ra khỏi núi, trở về Đơn dương, giảng các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn. Qua năm sau,

Việt châu Điền đô đốc đuổi tìm thỉnh ngài về chùa Nhất âm tiếp tục chuyển vận xe pháp. Đến lúc đại chúng tụ hội, các bậc Sa-môn nghĩa học hơn tám trăm người ở các nơi hơn bảy mươi châu, chư Tăng tại bổn xứ một ngàn hai trăm vị, chư Ni ba trăm vị, còn hàng cư sĩ không thể tính kể.

Đến năm Kinh Quán thứ 19 (645), đời tiền Đường, các hàng sĩ tục ở Cối kê thỉnh ngài đến trú tại Tĩnh lâm giảng kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng sáu, trong lúc đang giảng, có con rắn quấn nửa thân hình trên cổ ngài dài đến bảy thước, nhả ra vàng ròng phóng ánh sáng năm sắc, tới lúc giảng xong mới ẩn. Đến hết mùa Hạ, ngài trở về chùa Nhất âm, ban đêm có hai người mặc áo đỏ đến lễ bái, thưa rằng:

- Pháp sư giảng bốn bộ kinh lớn công đức khó lường. Phải qua phương khác giáo hóa, nên chúng tôi từ phương Đông đến đây nghênh đón Pháp sư.

Đệ tử của ngài vài mươi người đều thấy tướng đó. Đến ngày 17 tháng 8, trước đó suốt ba ngày ba đêm, vô cớ bỗng nhiên tối tăm, vừa đến ngày 23 sắp qua, bỗng nhiên phóng ánh sáng lớn, ban đêm sáng tỏ như ngày. Nhân đó, ngài thị tịch, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Thân ngài cao bảy thước sáu tấc. Đình lại tang lễ bảy ngày, ngoài tháp phóng ánh sáng, giữa đất chấn động có hương lạ bay khắp. Ai cũng sinh tâm ngợi ca và đưa đến an táng tại núi Long an.

106. Thần tăng Tuệ Cừ

Thích Tuệ Cừ, ngài dòng họ Đổng, xuất gia từ thuở thiếu thời tại Tương xuyên. Trong thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, sau đó xoay qua Trần triều thuộc Nam triều, ngài vào Mao sơn, nghe Pháp sư Huyền Bố giảng Tứ Luận, Đại Phẩm, Niết-bàn,... Sau nữa, ngài lại đến chùa Đại lâm ở An châu nghe Pháp sư Viên giảng Thích luận. Phàm chỗ du nhận đều khế hợp sâu mầu.

Ngài lại trở về Hương tử trú tại chùa Quang phước trên đỉnh núi. Vì không thuận duyên nên sắp dời đến chùa khác, ban đêm ngài thấy Thần nhân thân cao một trượng mặc áo bào tía, đến đảnh lễ thưa rằng:

- Phụng thỉnh Pháp sư trú tại xứ này thường giảng kinh giáo Đại thừa, chớ nghĩ về Tiểu thừa. Kinh giáo Tiểu thừa cũng như trên núi cao không có nước không thể làm lợi ích mọi người. Còn kinh giáo Đại thừa tợ như biển lớn. Tại núi này có nhiều Đức Phật xuất thế, một người đọc tụng giảng nói kinh giáo Đại thừa, hay khiến tại chỗ ở các thứ trân báu phát sáng, mọi phẩm vật ẩm thực đều được sung túc, nếu trước đó có

các sự thuộc Tiểu thừa thì thảy đều tiêu mất. Cúi mong ngài hoằng trì chớ có phụ lòng mong ước. Pháp sư cần nước, việc ấy không khó, đến ngày mồng tám tháng sau hẳn sẽ có. Tôi tự sang Kiến nam tại núi Từ mẫu có dòng suối lớn xin một Long vương đến!

Nói xong thì không thấy nữa. Vừa đến đầu đêm mồng bảy tháng sau, có gió lớn thổi gấp từ phía Tây nam lại, sấm sét chấn động mưa tuôn ở phía Bắc chùa dưới miếu Hán cao, cách sau Phật đường trăm bộ, suốt đêm tương tục đến sáng mới dừng. Chỉ thấy một dòng suối trong, thơm mát lại đẹp. Cả chúng đồng được may mắn, kịp chỉ long tuyền tạm bèn khô kiệt.

Trong năm Trinh Quán thứ 23 (649), đời tiền Đường, ngài giảng kinh Niết-bàn. Đêm mồng tám tháng tư, thần núi đến bảo ngài rằng:

- Pháp sư hãy mau xây dựng phòng nhà, không lâu nữa, ngài sẽ sinh về Tây phương. Đến ngày 14 tháng 7, ngài giảng kinh Vu Lan xong, ngài đưa tay bảo:

- Đời nay thường thọ dụng của tín thí, nay đều ban trải khắp. Mọi vật từ một hào trở lên đều xả thế vào thập phương chúng Tăng và những người khốn cùng hành khất cũng như bao loài vật khác.

Nói xong, ngài bèn thị tịch ngay trên Pháp tòa, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi.

107. Thần tăng Phong Can

Ngài Phong Can trú tại chùa Quốc thanh ở Thiên thai. Cắt tóc ngang mày, vải cừu che thân, thân cao hơn bảy thước. Có người mượn hỏi, ngài chỉ trả lời bằng hai chữ Tùy Quyên mà thôi, ngoài ra không lời gì khác. Sớm đi khắp thành kế đến vào trai trù nấu thổi. Ngài từng cỡi hổ đi vào trùng môn, chúng Tăng kinh sợ, miệng xướng đạo ca. Ngài cùng hai vị Thập Đắc và Hàn Sơn Tử rất tương đắc vui vẻ.

Ngài cất bước vân du, vừa lúc quan Diêm Khâu muốn ra trấn thủ Đài Châu, bỗng dưng bị bệnh đầu phong, mời các thầy thuốc chữa trị đều chẳng lành. Tình cờ, ngài đến nhà ông ta, tự bảo là sẽ trị khỏi bệnh ấy. Diêm Khâu nghe mà cầu thỉnh, ngài bèn trì tịnh thủy phun vào, trong khoảng khắc dứt lành. Nhân đó, càng thêm kính ngưỡng, Diêm Khâu hỏi ngài từ đâu đến, ngài bảo:

- Ở tại chùa Quốc thanh, núi Thiên thai.

Lại hỏi:

- Ở đó có các bậc Hiền đạt chăng?

Ngài đáp:

- Hàn Sơn là Văn-thù, Thập Đắc là Phổ Hiền, hai vị đó đang ở đó nên đến mà bái kiến.

Diêm Khâu rất kính tin, ba ngày sau liền đến chùa, hỏi:

- Ở đây từng có Thiền sư Phong Can chăng?

Chư Tăng ở chùa đáp:

- Có.

Hỏi:

- Phòng ngài ở đâu? Hàn Sơn và Thập Đắc là người nào?

Khi đó có Sa-môn Đạo Kiều đáp:

- Phòng cũ của Phong Can tức ở sau kinh tạng. Nay vắng teo không người chỉ có hổ báo, khi đến đó chỉ nghe tiếng gầm gừ. Còn Hàn Sơn và Thập Đắc, hai người hiện đang lao tác trong nhà trù.

Diêm Khâu đến phòng của ngài chỉ thấy dấu vết của hổ báo ngang dọc. Lại hỏi:

- Khi người ở đó thường làm nghề gì?

Đáp:

- Chỉ chuyên việc giả gạo cúng dường cơm cháo cho chúng tăng. Tối đến thì xướng ca phúng tụng không thôi.

Ta thán như thế đến hai ba lần, Diêm Khâu lại đến nhà trù, thấy hai ngài Thập Đắc và Hàn Sơn, liền lễ bái. Hai ngài đứng dậy bỏ chạy bảo:

- Ông Phong Can thật lắm lời, đó là Di-đà mà các người không biết.

Bèn nắm tay dẫn nhau ra Trùng môn không trở vào chùa nữa.

Sau, cuộc đời của ngài Phong Can như thế nào không được biết!

108. Thần tăng Hàn Sơn Tử

Hàn Sơn Tử, người đời gọi ngài là Bần Tử, là kẻ sĩ cuồng phong, không thể diễn đạt được. Ngài ẩn cư tại Thiên Thai phía Tây huyện Thỉ Phong, cách bảy mươi dặm, với danh hiệu là Hàn Ám nhị nham. Ngài thường ở trong núi hang lạnh kín, lấy thiền định làm tông chỉ.

Lúc ngài đến chùa Quốc thanh, ở đó có ngài Thập Đắc, chư Tăng trong chùa cắt cử ngài Thập Đắc coi sóc việc ăn uống ở Trai đường. Thường ngày lượm nhặt các thức ăn rau quả cặn bả của chúng Tăng ăn thừa, chặt đốt tre lớn làm ống bỏ vào trong đó, đợi Hàn Sơn lại mang đi. Hoặc có lúc dưới hàng hiên, ngài đi chậm rãi; có lúc kêu réo hơn người; có lúc nhìn trời chửi mắng, chư Tăng trong chùa nhẫn nhìn không nỗi dùng gậy xua đuổi đi, ngài liền nhào lộn thân vỗ tay cười ha ha rồi bỏ

đi. Có lúc, ngài chỉ mặc chiếc áo cánh, linh lạc, diện mạo khô gầy mỏi mệt, dùng da gỗ hoa làm mũ, mang đôi guốc gỗ lớn. Hoặc có lúc phát ngôn từ có chỗ kết quy, đó là quy về Phật lý.

Đầu tiên, khi Diêm Khâu đến chùa Phỏng hỏi về Hàn sơn, Sa-môn Đạo Kiều trả lời:

- Đó là người mắc bệnh cuồng, vốn cư trú tại chùa Hàn nham, hay ngâm nga từ kệ, nói năng bất thường. Hoặc ẩn tàng hoặc không, trọn chẳng thể biết được. Ông ấy cùng với hành giả Thập Đắc trong chùa này kết bạn tương giao. Những lúc gặp nhau, họ nói năng không thể rõ ràng.

Chư Tăng trong chùa thấy quan thái thú đến lễ bái ngài, kinh lạ, bảo:

- Quan lớn cớ sao lễ bái kẻ phong cuồng ấy?

Hai người cùng nắm tay nhau cười ngạo bước ra khỏi chùa.

Diêm Khâu lại đến Hàn nham dò hỏi và mang theo xiêm y thuốc thang vật thực đến cúng dường, mà ngài lớn lời xướng rằng:

- Giặc ta, giặc lui đi!

Rồi bèn rút mình vào trong núi, bít hang đá lại. Ở trong đó, ngài lại nói:

- Báo cho các ngươi biết, các ngươi mỗi người phải tự mình nỗ lực!

Hang đá đó bít hết, tự nhiên tra tìm không có dấu vết, mới trở về, nói Sa-môn Đạo Kiều tìm lại di vật của ngài, chỉ thấy ở trong rừng, ngài khâu lá viết nên những bài từ bái tụng, cũng như ở ruộng nhà trong thôn, vách tường nhà người, sao chép được hơn hai trăm bài, biên thành một tập. Nhiều người đọc tụng, thậm chí có câu: “Khoảng sân sao có mây trắng ôm phủ đá mờ”...

109. Thần tăng Thập Đắc

Ngài Thập Đắc, là do Thiền sư Phong Can tình cờ đi trên núi đến Xích thành, nghe tiếng đứa trẻ khóc, bèn tìm lại thì thấy đứa trẻ độ vài tuổi. Đầu tiên ngài Phong Can cho rằng đứa trẻ đứng chăn trâu, nhưng vỗ về dò hỏi đầu mối, thì đứa trẻ đáp rằng:

- Không có nhà cửa riêng một mình bị bỏ ở đây.

Ngài Phong Can bèn dẫn đến chùa Quốc thanh, giao cho vị tăng Điển Tòa ở đó và bảo:

- Nếu có người đến nhận thì cứ giao trả lại.

Sau, Sa-môn Linh Dập nhận lấy và bảo ngài coi sóc việc hương

đăng tại trai đường.

Một hôm thấy ngài leo lên trên tòa cùng bàn đối diện với tôn tượng mà ăn. Lại kêu Kiều-trần-như là Tiểu quả Thanh văn! Bên cạnh như không có người nắm đưa cười lớn. Chư Tăng mới xua đuổi ngài, còn ngài Linh Dập thì trình hỏi các bậc Tôn túc, đều bảo chớ để ngài làm việc tại trai đường, lại bảo ngài vào nhà trù lo việc sửa dọn nồi niêu chén bát. Tẩy rửa xong, ngài lắng lại những cặn bã thức ăn còn lại để vào trong một ống tre, ngài Hàn Sơn lại thì mang đi. Thần miếu hộ trì già-lam thường ngày vào nhà trù để ăn, bị chim quạ mổ gắp rơi vãi, ngài dùng gậy đánh vào tượng đất vài ba cái, bảo:

- Ngươi ăn uống còn không thể giữ gìn, vậy làm sao giữ già-lam? Đêm đó, gá mộng cùng khắp chư tăng trong chùa, bảo:

- Thập Đắc đánh tôi!

Sáng sớm chư Tăng kể lại giấc mộng đều giống nhau. Cả chùa đều phân vân, mới biết ngài là người phi thường.

Bấy giờ, Diệp Thân châu huyện quận có lời phú rằng:

- Hiền sĩ ẩn đạo, Bồ-tát ứng thân. Nên dùng cờ tiêu biểu đề hiệu Thập Đắc là Hiền sĩ.

Ngài lại ở ngoài trang trại của chùa để chăn giữ trâu, ngài ca vịnh khắp trời. Đương lúc chúng tăng trong chùa hành lễ Bồ-tát, ngài lùa trâu đến trước pháp đường nơi chúng tăng đang tụ hội, ngài dựa cửa vỗ tay cười lớn, bảo:

- Rần rặc là nhóm đầu.

Khi đó, vị Thủ tòa đang tụng luật quát rằng:

- Kẻ phong cuồng cớ sao ồn náo làm chướng việc thuyết giới vậy?

Ngài bảo:

- Tôi đâu có thả trâu. Đàn trâu này phần nhiều là những người làm tri sự Tăng trong chùa.

Ngài bèn gọi pháp hiệu của các vị Tăng đã tịch, thì đàn trâu mỗi con tự ứng thanh mà qua. Cả chúng đều thảng thốt, suy nghĩ mà cải vãng tu lai. Cảm ân Bồ-tát rủ lòng từ ứng tích độ thoát.

Bấy giờ, Sa-môn Đạo Kiều đang soạn lục văn cú của ngài Hàn Sơn. Thấy nơi vách tường thần miếu Thổ địa của chùa có các bài kệ bài từ của ngài Thập Đắc, bèn đưa vào trong tập văn lục của ngài Hàn Sơn.

110. Thần tăng Pháp Xung

Thích Pháp Xung, ngài tự là Giáo Đôn, dòng họ Lý, người xứ Thành kỷ, Lũng tây. Từ thuở ấu thơ mà cao ngạo xấc láo với người đời. Đến năm hai mươi bốn tuổi, bèn phát tâm xuất gia, ngài nghe giảng kinh Niết-bàn hơn ba mươi biến, lại đến Pháp sư Hạo ở An châu nghe giảng các kinh Đại Phẩm, Tam Luận, Lăng-già... ngài vào núi Võ đô tu tập đạo nghiệp. Năm ba mươi tuổi, ngài đến Ký châu.

Năm Trinh Quán thứ nhất (627), đời tiền Đường, ban sắc hữu tư độ dùng cực hình đối xử, ngài phát nguyện vong thân, bèn liền cắt tóc. Bấy giờ tại núi Dịch dương có nhiều vị Tăng tìm đến lánh nạn, tín thí cung cấp lương thực báo đã cạn dần, ngài bèn đến quan tể tướng trong châu bảo:

- Nếu phải chết, thì xác thân tôi cũng chịu. Chỉ mong cầu cúng thí lương thực cho chúng Tăng thì sẽ hưởng phước lành.

Các quan thái thú châu tể mừng nghĩa khí cao đẹp của ngài, liền cứu giúp cùng khắp, ngài liền phân chia chư Tăng ở hai nơi, mỗi nơi đặt nơi chứa gạo khoảng mười hộc. Trong đó, mỗi nơi, đồ chúng hơn bốn mươi người thuần học kinh giáo Đại thừa đồng thời chuyên tu thiền nghiệp, trải qua một ngày dùng ăn mà gạo vẫn vơi dần. Còn một nơi, cả thảy có năm mươi sáu người, vừa mới qua hai ngày, ăn bịch gạo đã hết sạch. Bởi do chẳng lo tu thiền mà tu theo ngoại học. Ngài bảo:

- Rất lạ, sao vẫn không đủ! Người hay tu hành đạo thì bạch hào đến cung cấp giúp.

Bấy giờ, người lánh nạn càng đông, không có nơi trú ở. Trong núi có hang hổ, ngài đến bảo rằng:

- Nay khách cũng khốn đến đây, có thể được dung chứa chăng?

Hổ liền dẫn nhau đi. Đến lúc ương nạn cởi mở, ngài mới tùy xứ hoằng pháp. Tuy tuyên dương diễn giảng nhiều kinh thuật, nhưng ngài chuyên lấy kinh Lăng-già làm tông chỉ. Trung thư Đỗ Chánh Luân thường đến thưa hỏi xin thọ giáo nơi ngài.

Lúc ấy, Pháp sư Tam tạng Huyền Trang không đồng ý giảng dạy kinh cũ chỉ sử dụng kinh mới phiên dịch. Ngài bảo:

- Ông y cứ kinh cũ mà xuất gia, nếu không chấp thuận hoằng dương kinh cũ, xin ông nên hoàn tục, rồi lại y cứ kinh điển mới phiên dịch. Tôi mới chấp thuận ý ấy của ông.

Ngài Huyền Trang mới nghe theo liền tạm dừng. Ngài cũng bảo thay thế gánh vác hoằng dương kinh điển làm hộ pháp. Những kẻ sĩ cứng cỏi cầm ngự không thể nào sánh kịp. Nên quan Bộc Xạ Vu Chí Ninh nói rằng:

- Pháp sư ấy là Sa-môn Pháp giới Đầu-đà, không thể nào câu thúc ngài.

111. Thần tăng Thông Đạt

Thích Thông Đạt, ngài người xứ Ung châu. Năm ba mươi tuổi, phát tâm xuất gia, ngài dừng ở bất định. Thường uống nước, ăn rau trái, tánh tình thong dong, hoặc cầm bẻ cỏ ngải lá đậu sống chết mà ăn, đến nỗi đào, hạnh, dưa, quả đều ăn sống cả vỏ hạt. Có người hỏi ngài về lý do. Ngài bảo:

- Của tín thí khó bỏ.

Khoảng niên hiệu Trinh Quán trở lại, thường hiển thần dị. Ngài đến nhà người, nếu vui cười thì là điềm tốt, còn buồn thảm tức có điềm xấu. Hoặc cầu xin của cải, hay cầu xin công sức, tùy ngài bảo ít nhiều liền y theo đó mà cúng dường, nếu trái với lời ngài, sau hẳn mất nhiều hơn thế. Có người cỡi lừa đến chùa tham quan, ngài bèn xin con lừa, người ấy tiếc không cho, con lừa ấy bỗng nhiên chết mất. Mọi nhà ở kinh đô dù giàu sang hay nghèo khó đều tôn sùng điều đó. Họa phước chỉ do một lời nói của ngài. Ngài nói bảo dẫn dắt chỉ là lìa chấp trước. Tài lợi có được đều sung vào tạo lập chùa viện.

Đại tướng quân Tiết Vạn Quân, ban đầu nghe là lạ, bèn đến thỉnh đón ngài về nhà cúng dường, hơn một trăm ngày chẳng trái khuôn phép. Bỗng một đêm, ngài đòi thực phẩm để ăn, lúc đầu không cho, nhưng ngài cố khổ cầu không thôi, thì thử cho, ngài liền ăn. Từ đó về sau có phần cải tiến, chuyên bày các biến ứng hành tung có nhiều hẹp tệ, ngài muốn vào bên trong để ngủ. Anh em của Đại tướng quân quá tức giận đánh ngài đến nỗi gần chết. Ngài ngửa mặt bảo rằng:

- Các ngươi đã đánh ta thân thịt đều hủy hoại, máu huyết bất định, nên nấu nước nóng ấm để tẩy rửa đi.

Đợi đến lúc nước sôi sùng sục, ngài cởi áo nhảy vào trong chảo, dường như chỉ là nước lạnh. Những người đứng bên cạnh khiếp sợ vô cùng. Ngài lại đòi thêm lửa. Cả nhà đều kinh sợ, vâng phụng tùy ý ngài thích ngủ đâu thì ngủ.

Ngài từng mắc nợ tiền người hơn trăm quan, sau mới trả xong, nhưng không thấy người để trả, ngài bèn đem tiền đến cửa chùa, dò tìm tung tích, tùy mắc nợ ít nhiều mà đến bù, ngài đi đến cả chợ Tây, mọi người đều dừng ở đó mà ngài thì tìm vẫn không thấy. Đến lúc xem xét lại sự đền bù chẳng mất một đồng. Bấy giờ, gặp lúc gạo thóc khan hiếm, ngài muốn thiết trai hội lớn, mới bảo mọi người trong chùa đưa số

thỉnh mời. Đến sáng sớm, các vị phó trai đến cả vài ngàn, mà tín cúng vắng hoe, chẳng biết dò phỏng nơi nào. Tăng chúng lấy làm xấu hổ. Ngài bảo:

- Người kia hứa dâng cúng, tính chẳng nói vọng.

Gần đến giờ thọ trai, chư Tăng muốn giải tán ra về, bỗng thấy xe cộ đầy đường tải chở các thức ăn đã nấu chín ngon lành đi lại, liền lấy đó thiết trai cúng dường, các thứ thừa lại rất nhiều đều cúng vào kho của chúng Tăng, chẳng giao cho người mang lại. Thọ trai xong, bỗng chốc người và xe đều không thấy nữa.

Về sau, không biết ngài đi về hướng nào.

112. Thần tăng Cảnh Sầm*

Ngài Cảnh Sầm là bậc thầy A-xà-lê trú tại chùa Thiền cư, Tương châu, không rõ ngài là người xứ nào. Ngài ở tại chùa chuyên hành trì thiền niệm, có trí sáng thấy biết trước, mà chùa đó ở trong núi chầm, việc tư cấp vốn ít nên gạo thóc lương thực chẳng được dồi dào.

Thường ngày, ngài mang vò đất vào trong thành xin rượu mà uống, lại xin đầy vò khoảng ba đấu đem theo giữa đường để uống, về đến chùa thì rượu trong vò cùng hết sạch. Ngày mai lại cũng như thế. Ở tại chùa mở trai, ngài mang nồi vào nhà trú xin cháo khoảng chừng ba thăng rồi buộc nồi trên đầu gậy, đi vào trong chúng, ngài dùng gậy đánh vào đầu chư Tăng, từ trên xuống dưới mỗi người một gậy.

Ngày ngày đều như vậy. Mọi người cho rằng ngài là người trác việt phi thường, hoặc nghi ngài đánh như thế tức đã tan mất tai ương, nên chẳng từ nhận chịu. Ngài đem cháo vào phòng, trước cấp dưỡng cho một con chó lông màu đem xám. Và trong chùa, chuột có đến vài ngàn con, mỗi sớm mai tụ họp lại, chó và chuột cùng ăn đầy khắp sân. Kẻ tăng người tục cùng nhìn xem. Có một lúc, mất đi một con chuột, ngài buồn thương không thôi và hẳn cho là chó cắn giết, bèn bảo trách chó, chó liền cắn mang con chuột lại, ngài trông thấy mà áo não, dùng gậy đánh chó, đem xác con chuột đi chôn, ngài buồn thương khóc gào. Chư Tăng trong chùa bị chuột cắn rách y và rương hòm, liền mách ngài. Ngài liền tập họp tất cả đàn chuột lại và bảo mỗi con phải tự gìn giữ lấy. Có một con chuột không chịu gìn giữ. Ngài bảo nó:

- Cớ sao ngươi cắn phá y áo của người?

Rồi dùng gậy đánh nó, nó không dám động.

Ngài nhân vì chùa nghèo khó, bèn tại phía Đông giảng đường dưới suối Bạch mã, trong hồ mời ghi, chỗ này làm kho bếp, chỗ kia làm

kho chứa lương thực... mọi người đều cười. Trải qua đêm, chùa rút đất lồi, liền làm khiến có phần thấm đượm đầy đủ. Ngài lại dư ghi việc lâu xa rằng: “Sau này khoảng sáu mươi năm, sẽ có một người ngu đến phía Nam chùa dựng lập một Trùng các. Nhưng cơ nghiệp chùa không thiếu sự đấu tố tranh tụng, nên không thể ở được. Quả thật, khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656), đời tiền Đường, vừa có người đến dựng lập Trùng các, do đó cùng nhau kiện tụng như lời ngài nói.

113. Thần tăng Tuệ Ngộ

Thích Tuệ Ngộ, không rõ ngài là người thuộc dòng họ gì. Ngài thường ẩn trong núi Thái bạch, trì tụng kinh Hoa Nghiêm, ăn dùng bột củ tùng củ truật. Có một lúc nọ, bỗng thấy một cư sĩ đến nói:

- Xin thỉnh ngài cùng cư sĩ phân thân vào giữa không trung!

Nói ngài ngồi trong đai áo, giữ lấy mà bay đi đến một đạo tràng, thấy có năm trăm vị Tăng khác lạ liệng quanh giữa không trung mà đến. Bỗng nhiên ngài vào đứng cuối hàng, cư sĩ ấy nói:

- Ngài thọ trì kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới chư Phật, sao được ngồi dưới hàng tiểu Thánh?

Liền dẫn ngài lên trước năm trăm vị mà ngồi. Thọ trai xong, vị cư sĩ nói với ngài:

- Sở dĩ thiết trai, trong ý chỉ vì một mình ngài. Tuy có năm trăm vị La-hán đến thọ thực đều lâm thời cùng thỉnh.

Bèn đưa ngài trở về trú xứ cũ. Có sự thật như trong mộng tỉnh giấc vậy. Lúc ấy trong khoảng niên hiệu Vĩnh Huy, thời vua Cao Tông nhà Đường.

114. Thần tăng Pháp Dung

Thích Pháp Dung người dòng họ Vi, người xứ Diên lăng, Nhuận châu. Năm mười chín tuổi ngài vào Mao sơn nương Pháp sư Quỳnh xuống tóc xuất gia. Ngài cầu khổ học đạo.

Năm Trinh Quán thứ 17 (643), đời tiền Đường, ngài đến phía Bắc chùa U thê, núi Ngưu đầu, xuống dưới núi lập riêng một thiền thất bằng cỏ tranh. Ngài đem tư duy trạch pháp, không để luống qua tất bóng. Trong núi có thất đá sâu chừng mười bộ, ngài vào trong đó ngồi, bỗng có thần rắn thân dài hơn trượng, mắt sáng như sao hỏa, ngẩn đầu dương oai, đứng ở cửa thất liền đêm, thấy ngài không dao động nên bèn bỏ đi. Ngài nhân đó mà trú ở cả trăm ngày. Tại núi đó, vốn có nhiều hổ, những người lượm củi bứt cỏ thường bị mất mạng. Từ khi ngài đến ở trở

về sau không còn có trở ngại gì nữa. Lại cảm kích đàn nai nương thất lắng nghe và ẩn núp không có dáng vẻ lo sợ. Có hai con nai lớn đi thẳng vào cùng chư Tăng nghe pháp suốt ba năm mới bỏ đi. Chỗ ngài ở, nền nhà trú, trai đường gần nơi chứa nước đến đó soi nước không thể khảm thềm, ngài mới ngoải đi bồi hồi chỉ về ngọn núi phía Đông bảo:

- Ngày xưa, Hòa thượng Tuệ Viễn chống gậy già yếu khảm kinh tiền. Nếu ở đây có thể ở thì sẽ gặp được suối trong mát tự tràn đầy.

Trải qua một đêm, từ ngọn núi phía Đông bỗng tuôn vọt lên dòng suối, nước trong trắng ngọt đẹp, mùa đông ấm mùa hạ lạnh mát, nên liền soi dẫn lên ngọn núi đưa vào phủ xuyên qua mái hiên.

Đã đến tháng 11 năm Trinh Quán thứ 21 (647), đời tiền Đường, tại dưới núi, ngài giảng kinh Pháp Hoa, lúc đó tuyết phủ trắng đầy thềm, dòng pháp bất tuyệt, ngay trong băng đóng tự nhiên có hai cành hoa, hình trạng như phù dung sáng ngọc đồng màu vàng rồng, trải qua bảy ngày tự nhiên biến mất. Năm Vĩnh Huy thứ 3 (652), đời tiền Đường, trưởng ấp mời ngài ra chùa Kiến sơ giảng kinh Đại Phẩm, Tăng chúng đông đến ngàn vị. Giảng đến phẩm Diệt Tránh, ngài bèn tuôn phóng thiên biện. Do bẻ nghĩa lý, bỗng nhiên đất chuyển động lớn, những người nghe kinh hỏi, chuông khánh hương sàn thảy đều lay động. Nhưng kẻ tăng người tục ở ngoài chùa đều an nhiên không hay biết.

Đến năm Hiển Khánh thứ nhất (656), đời tiền Đường, ty công tiêu Nguyên Thiện hai ba lần mời thỉnh ngài ra trú tại chùa Kiến sơ. Ngài nói cùng chư Tăng rằng:

- Nay, một lần đi, chẳng hẹn ngày trở lại. Đạo lý là quy luật thường niên, từ mà chẳng khỏi!

Ngài bèn ra khỏi cửa núi, cầm thú kêu buồn qua tháng mới thôi, núi khe suối hồ đá văng cát bọt chỉ một lúc lấp đầy. Trước phòng ngài có bốn cây ngô đồng lớn, đang lúc tháng năm tươi tốt, bỗng một sáng mai tự nhiên tàn tạ. Qua năm sau (657), vào ngày 23 tháng giêng nhuận, ngài thị tịch tại chùa Kiến sơn, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi.

115. Thần tăng Trí Cần

Thích Trí Cần, ngài vốn dòng họ Chu. Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605), đời nhà Tùy, nhân nhà ngài ở tại Lợi châu riêng đặt dựng chùa Đại hưng quốc. Thuở thiếu thời ngài ít lấy sự cứu giúp làm tâm, mỗi lúc đối xử với chúng phát ngôn đều thành thật hòa mạc, ngài luôn tin thành dõng mãnh, mọi sự đều được âm thầm giúp đỡ. Đầu tiên, mẹ ngài bị bệnh hoạn, bảo ngài xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế âm.

Trên cây lá trong vườn nhà đều hiện hóa Phật, cả nhà đều thấy, mẹ ngài liền lành bệnh.

Cuối đời nhà Tùy (...-618), các nơi hoang loạn giặc giã nổi dậyy, riêng một mình ngài giữ gìn ngôi chùa đó, giặc không dám chiếm lấn, nên kinh tượng chùa viện không tổn hại một gì. Các chùa khác bị phá diệt nhưng cũng không thể đưa mắt nhìn. Lại một thời nọ, ngài vì phương tiện nên đã mặc y phục thế tục để lánh giặc loạn, bị giặc vây quanh, muốn giết hại, bỗng nhiên ngài nghe giữa không trung có tiếng bảo:

- Ngài nên bỏ y phục thế tục.

Ngài liền cởi bỏ, giặc thấy ngài là vị Sa-môn nên liền đảnh lễ, thỉnh mời về cúng dường cũng được vài tháng.

Sau, ngài đến đất Thục, nghe Pháp sư Hạo Giảng, thính chúng cả ba ngàn vị, Pháp sư Hạo đều giao phó ngài coi sóc, đều được thông suốt. Trong ngoài không xảy ra việc gì, tất cả đều do một mình ngài. Đến đầu đời nhà Đường (618-...), ngài trở về Đặng châu, giảng kinh Duy-ma; Tam luận hơn mười biến. Sau ngài lại ẩn tại Bắc sơn, dựa đứng hơn mười năm. Ba chỗ ngài đã ở, đến nay hiện vẫn còn.

Ngài thường nghe trong thung lũng có tiếng chuông vang vọng, sau đó ngài tìm đến, bỗng thấy một ngôi chùa, uyển chuyển đẹp đẽ lạ thường, ngài bèn vào trong lễ bái, tợ như có người ở. Sau tìm kiếm lại không biết tiếng chuông ấy vọng từ đâu. Thêm nữa, ở trong núi sắp hết lương thực, tại chỗ ngài hành đạo tự nhiên đất nổi, ngài bèn trừ bỏ đi, sáng mai lại nổi lên như vậy. Cứ như thế vài ba lần, sau đó lại có lúa thóc hiện ra. Nhân đó, đào xuống sâu, được hơn hai mươi thạc lúa tẻ, lúa ấy hạt lớn sắc đỏ hơi khác lúa thường.

Bấy giờ, tại Đặng Châu, Phật pháp bị tàn phá, kẻ Tăng người tục cả châu đều vào núi thỉnh mời ngài, nguyện xin ngài ra chủ trì. Ngài nhân cảm mộng mà ra, mộng đó không được rõ tường tận, sau khi mang tượng xuống núi, giữa đường bỗng nhiên tối mịt, không biết đường lối nên không thể đi tới được. Bỗng chốc có hai cây đuốc ánh lửa khác thường soi chiếu giữa đường rất sáng. Nhân đó, thấy được đường đi đến trong thôn, lửa mới tắt. Mọi người trong thôn đều thấy, ai cũng kính phục.

Đến năm Vịnh Huy thứ nhất (650), đời tiền Đường, vì thấy thời sự phiền toái, ngài bèn đóng phòng không ra, lâu đến ba năm, xem đọc kinh thảy đến hai lần. Mỗi lúc ngài đọc thường thấy có thần đến nghe. Đầu đêm, giữa đêm cũng như cuối đêm thường nghe tiếng cười nói khảy móng tay.

Đến tháng 5 năm Hiển Khánh thứ tư (659), đời tiền Đường. Trước lúc thị tịch, có những việc làm tạo công đức chưa châu toàn, sớm tối, ngài lo vun bồi cho toàn tất. Có người hỏi:

- Cớ sao gấp vội như thế?

Ngài đáp:

- Các Pháp vô thường, lẽ nào không dè dặt ư?

Đến ngày rằm, cành lá cây cối trong chùa tự nhiên khô héo đổ gãy, chim muôn kêu buồn khắp nơi trong chùa, chúng Tăng kinh ngạc hỏi nhau, chẳng ai biết nguyên nhân. Qua sáng sớm ngày 16, bỗng nhiên thấy vị thần nghe kinh trước kia đến lễ bái, ngài bảo:

- Chớ nên đảnh lễ.

Mọi người đứng chung quanh không ai thấy. Khi đó, ngài liền cạo tóc, đắp mắc pháp y, ở tại thằng sàng, tay bưng lò hương, kiết già mà ngồi. Ngài bảo các đệ tử:

- Các ông nên thỉnh kinh Đại Phẩm để đọc tụng!

Đến lúc tụng xong phẩm Vãng Sinh ngài bèn chắp tay an tọa thị tịch, để lại vài ngày, nhan sắc nhục thể ngài vẫn như cũ. Thường có hương thơm khác lạ thoảng nghe trong chùa. Ngài hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi.

116. Thần tăng Đạo Tuyên

Thích Đạo Tuyên, ngài dòng họ Tiền, người xứ Đơn đồ. Đầu tiên, thân mẫu ngài mang thai mà mộng thấy ánh nguyệt xuyên suốt qua bào thai. Lại mộng thấy có vị Phạm Tăng nói với bà rằng:

- Bào thai ngươi đang mang chính là luật sư Tăng Hựu thời nhà Lương!

Ngài Tăng Hựu thì thuộc Nam Tề ở xứ Diệm khê, là tăng hộ ở chùa Ẩn nhạc. Ngài Đạo Tuyên theo đó xuất gia.

Đến hai mươi tuổi, ngài nổ lực hộ trì, chuyên tinh khắc niệm, cảm được xá-lợi hiện trong hộp báu, ngài ẩn náu ở Trung nam tại hang Phỏng chưởng. Nước ở chỗ ngài ở là do thần nhân chỉ cho. Đào xuyên đất hơn một thước, dòng suối ấy tuôn vọt lên. Thời bấy giờ chỗ ấy là chùa Bạch tuyền, thú dữ thuần phục thường tới nương tựa, các thứ hoa thơm cỏ lạ mọc lan tràn ra. Đến cuối thời nhà Tùy (...-618), ngài dời đến chùa Phong đức, nhân ngài thường ngồi một mình, thần hộ pháp đến báo rằng:

- Ở thôn Thanh quan có chùa Tịch nghiệp đã cũ, đất ở đó là thế quý báu, nên đạo có thể tập thành.

Nghe lới đoán bói ấy rồi, ngài bèn đốt hương công đức, hành thiền Bát-nhã định. Bấy giờ có đàn rồng đến lễ bái tham yết, vừa nam vừa nữ đều hóa hình người. Có vị Sa-di tán tâm, ngó liết tà vạy, rồng đùng đùng nổi giận sắp tóm lấy, bỗng tìm lại hối quá, nhổ độc vào trong giếng, rồng bày tỏ sự việc như vậy rồi đi. Ngài mới bảo lấp bịt miệng giếng lại, có người lén mở ra xem, thỉnh thoảng khói lại bốc lên.

Xét về thần biến của ngài, như là hoặc đưa một hộp hoa lạ, hình tợ hoa táo, lớn tợ quả du, hương thơm kỳ lạ. Vài năm sau bỗng nhiên lại cúng quả lạ như lý, hạnh, lê, thị, như mùi vị ngon ngọt sắc da thanh khiết khác với thường thấy trong nhân gian. Môn đồ của ngài thường muốn nêu bày việc anh, trước là tiềm thông, dùng định lực để quán căn cơ tùy bệnh mà cho thuốc, đều đồng một loại như vậy.

Ngài đã từng thiết lập một đàn tràng, bỗng nhiên có vị Tăng lông mi rất dài luận bàn biết đạo. Lại có vị Phạm tăng đã chứng Tam quả đến lễ bái đàn, tán thán rằng:

- Từ sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, ma hưng phát trong thời tượng pháp chỉ có một mình Sư Đạo Tuyên.

Mùa Xuân năm Càn Phong thứ 02 (667), đời tiền Đường, thấu rõ trời, người đến cùng ngài nói bàn về luật tướng. Nói về sự ghi chép sao văn lẫn lộn khinh trọng trong nghi đều bởi lỗi của người dịch, chẳng phải tội của ngài. Xin thỉnh ngài cải chính lại. Nên nay bản bản trước thuật của ngài hiện lưu hành đều là bản trùng tu. Lại có người trời nói rằng:

- Ngài đã từng soạn bộ kinh Kỳ Hoàn Đồ tính theo giấy lụa ở dân gian, khoảng trăm quyển.

Niên hiệu Trinh Quán (627-650), đời tiền Đường, ngài từng ẩn tại núi Vân thất ở Thẩm bộ, có người thấy có Thiên Đồng cung cấp hầu hạ hai bên ngài. Ở tại chùa Tây ninh, ban đêm ngài hành đạo chỉ đi chân không, trước thềm có vật phù trì nhưng không quấy nhiễu ai, ngoản nhìn kỹ đó chỉ là gã thiếu niên. Ngài vội hỏi:

- Người nào trong đêm ở tại đây?

Gả thiếu niên đáp:

- Đó là người phi thường, chính là Na Tra con của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Vì muốn hộ pháp nên đến ủng hộ Hòa thượng với thời gian đã lâu vậy.

Ngài bảo:

- Bần đạo tu hành vô sự phiền đến Thái tử. Thái tử có sức oai thần tự tại. Ở Tây Vực có thể làm nên việc Phật, nguyện xin đem đến.

Thái tử nói:

-Tôi có răng Phật bàn tay báu. Từ lâu tuy đầu mắt có thể xả bỏ, thì bây giờ đâu dám chẳng kính dâng?

Bỗng chốc trao, đến cho ngài, ngài giữ gìn trong cầu để cúng dường. Thêm nữa, tại trước thềm sân lại có một vị trời đến bái yết, thưa cùng ngài rằng:

- Luật sư sẽ sinh lên cung trời Đố-sử (Đâu-suất), mang theo một bao đồ vật, nói đó là hương táo lâm.

Sau đó mười tuần, ngài an tọa mà thị tịch, nhằm ngày mồng ba tháng 10, năm Càn Phong thứ 2 (667), đời tiền Đường, ngài hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai tăng lạp.

117. Thần tăng Thiền sư Anh

Thiền sư Anh, ngài trú tại chùa Pháp hải ở Tây kinh. Có một người khác lạ đến yết kiến, nói với ngài rằng:

- Đệ tử biết có trai pháp thủy lục có thể dùng làm lợi ích cho cả kẻ còn người mất. Từ sau khi vua Vũ Đế thời Nam Lượng băng hà (550). Từ đó dần dần bị quên lãng. Nay ở chùa Đại giác có Sa-môn Nghĩa Tế, người xứ Ngô còn cất giữ nghi văn đó. Xin ngài đến thỉnh cầu để ngày rằm tháng sau đúng như pháp mà tu thiết ở chùa Bắc sơn, tạm mở cửa tù dám chẳng tri báo.

Ngài tìm đến Sa-môn Nghĩa Tế thỉnh được Nghi văn đem về, đến ngày đã hạn định lập đàn Tu thiết tại chùa Sơn bắc. Ngày hôm sau, lúc trời mờ tối, Người khác lạ đó lại cùng với khoảng hai mươi người bạn lại đến cảm tạ, nói:

- Đệ tử chính là Trang Tương Vương (249-246 trước Tây Lịch) đời nhà Trần. Lại chỉ những người gần bên cạnh như đây là Phạm Huy Nhương hầu Bạch Khởi Vương Tiễn, Trần Chẩn, Trương Nghi... là các quan thần thời nhà Tần, đều bị bẩn tội nơi tù tối âm phủ, suốt đêm dài tối mịt không thể cứu hộ. Ngày trước vua Vũ Đế thời Nam Lương(502-550) tại chùa Kim sơn, lúc thiết tu trai pháp này, các thần trời Trụ vương thời trước (1099-1066 trước Tây lịch) đều được miễn khỏi tội khổ. Đệ tử lúc bấy giờ cũng tạm dứt khổ, nhưng ngục tình chưa phán quyết nên không được thoát ra. Nay mong nhờ ngài thiết lập trai pháp, đệ tử cùng với đồng bạn và các người trong các nương chư hầu đều nương nhờ đức oai lực, sắp được sinh trong loài người, nhưng sợ sinh vào nước khác thời nên hôm nay cùng đến lễ tạ!

Nói xong thì biến mất.

Từ đó Nghi văn thủy lục lưu bố rộng rãi làm lợi ích cho quần sinh.

118. Thần tăng Khuy Cơ

Thích Khuy Cơ, ngài tự là Hồng Đạo, dòng họ Uất Trì, người xứ Trường an, Kinh triệu. Lúc đầu, thân mẫu của ngài vốn dòng họ Bùi Mộng có vầng nguyệt trong lòng bàn tay bèn ngậm nuốt lấy, tỉnh mộng thì thấy có thai ngài. Kịp đến lúc ngài vừa đầy tháng đã khác hẳn với bao trẻ khác, mới hai năm, ngài tụng tập thần ngộ tinh sáng. Đến năm mười bảy tuổi, ngài được dự phần xuất gia.

Đến lúc vào đạo, ngài vâng phụng sắc làm đệ tử của Pháp sư Huyền Trang. Đầu tiên, ngài trú tại chùa Quảng phước, bỗng vâng phụng sắc chọn lựa những người thông tuệ dĩnh ngộ vào chùa Đại từ ân đích thân phụng thờ ngài Huyền Trang học tập kinh pháp. Sau ngài đến núi Ngũ đài, lên Thái hành, đến Hà tây dừng nghĩ qua đêm trong một ngôi chùa cổ, mộng thấy thân mình đang ở tại giữa lưng chừng núi, nghe dưới núi có tiếng kêu gào thống khổ của vô số người. Mới đầu trong lúc đang mờ tối không nhẫn lắng nghe, ngài rảo bộ lên trên tầng đảnh núi, ở đó thuần là sắc màu là lưu ly, thấy rõ tất cả cõi nước. Ngài ngưỡng mặt trông nhìn về một thành. Trong thành đó, có tiếng bảo:

- Dừng, dừng, ôi, Khuy Cơ! Người chưa hợp đến đây.

Trong chốc lát, có hai Thiên đồng từ trong thành đi ra, hỏi rằng:

- Ông có thấy chúng sinh tội khổ dưới núi chăng?

Ngài đáp:

- Tôi có nghe tiếng mà không thấy hình!

Thiên Đồng bèn đưa ngài một cây kiếm, bảo:

- Hãy mổ bụng sẽ thấy.

Ngài liền tự mổ bụng. Từ trong bụng ngài phóng ra hai nguồn ánh sáng đẹp lạ soi chiếu khắp dưới núi, thấy vô số người chịu khổ. Khi đó, Thiên đồng vào trong thành đem ra hai tờ giấy và bút, hai tay dâng đưa ngài rồi đi. Ngài vô cùng ngạc nhiên. Đến sáng sớm mai, ở tại trong chùa ngài được bộ kinh Di-lặc Thượng Sinh, ngài cho là do ngài Di-lặc hóa hiện, muốn mở rộng tầm nhìn, bèn kéo bút mà viết, đầu bút xá-lợi lớp lớp rạng ngời.

Ngài thường chú tạo tôn tượng Đức Bồ-tát Văn-thù bằng ngọc, và tả kinh Đại Bát-nhã bằng vàng. Tất cả đều được ứng điềm.

Lúc đầu, luật sư Đạo Tuyên xiển dương luật tạng, ứng cảm Thiên trú cúng dường phẩm thực. Đạo Tuyên đãi sơ tặng ngài ba xe vật báu,

không lấy gì lễ mấy. Ngài đến tận nơi để dò xét. Ngày đó quá ngọ mà người trời chẳng mang phẩm thực đến. Đến lúc ngài từ biệt đi rồi, thiên thần mới dáng xuống, ngài Đạo Tuyên trách cớ sao đến trễ, Thiên thần bảo:

- Vừa mới đến, thấy có Bồ-tát Đại thừa. Ở đây, rất trang nghiêm nên chẳng dám tự vào.

Ngài Đạo Thuyên nghe thế mà kinh sợ. Từ đó xa gần càng thêm kính ngưỡng về ngài.

Trước kia, Pháp sư Huyền Trang đích thân suy tìm Du-già Sư Địa Luận; Duy thức tông của ngài Giới Hiền ở Tây Vực, mà ngài Khuy Cơ lãnh thọ hết diệu nghĩa đó. Nên người đời gọi đó là Từ ân giáo.

Đến năm Vĩnh Thuần thứ nhất (682), đời tiền Đường, ngày 13 tháng 11, ngài thị tịch tại chùa Đại từ ân trong viện phiên dịch kinh, hưởng thọ năm mươi mốt tuổi.

119. Thần tăng Hồng Phưởng

Thích Hồng Phưởng, ngài người xứ kinh Triệu, xuất gia từ thuở bé thơ, tu hành chứng đắc đạo quả. Chí nguyện của ngài là đặt để ở Thiền tịch mà cũng chuyên diễn giảng kinh pháp. Đệ tử thường có đến vài trăm vị.

Một ngày nọ, trời vừa mới tối, ngài an tọa một mình, có bốn người đến trước ngài, thưa:

- Ngày nay, quỷ vương Diêm-la nhân vì con gái vừa mới hết bệnh, nên thiết trai cúng dường, xin cung thỉnh ngài phó trai.

Ngài bảo:

- Tôi đây thuộc loài người các ngươi thuộc loài quỷ, làm sao có thể đến được?

Bốn người thưa:

- Xin Pháp sư chấp thuận, đệ tử có thể đưa ngài đến được.

Ngài liền chấp thuận, bốn người đó cỡi ngựa, mỗi người nắm giữ lấy một chân giường của ngài, bèn đi về hướng Bắc, khoảng độ vài trăm dặm. Đến một quả núi, núi đó lại có một cửa màu đỏ, bốn người đó xin ngài nhắm mắt lại, trong khoảng chưa xong bữa ăn, một người nói:

- Xin ngài mở mắt, đã đến vương đình.

Tại đó, cung quyết nhà cửa cao vợi khác thường, các người thị vệ nghiêm sức như chúa ở cõi người. Quỷ vương chỉnh áo mão xuống thềm cấp nghênh đón ngài, thưa rằng:

- Đệ tử có đứa con gái nhỏ bị bệnh từ lâu, nay mới được lành. Vì

muốn tạo ít phước đức nên sắm sinh một trai hội. Vì vậy, xin thỉnh ngài chứng minh cho. Trai pháp hoàn mãn, đệ tử sẽ bảo người hầu đưa ngài trở về, không gì phải lo.

Khi đó, Quỷ vương thỉnh ngài vào trong cung. Tại đó, một trai đàn nghiêm sức hoa lệ. Chư Tăng đến cả muôn vị, Phật tượng rất nhiều, mỗi mỗi sự việc đều giống như ở cõi người. Ngài đưa mắt nhìn lên khoảng không chẳng thấy mặt nhật như dân gian, thuần là âm trạng. Chốc lát, phu nhân của quỷ vương ở sau hậu cung cùng với vài trăm người đồng đảnh lễ bái kiến ngài. Con gái Quỷ vương tuổi độ mười bốn, mười lăm, sắc mạo riêng bệnh. Ngài vì nó mà táng lễ. Nguyện cầu xong, thấy mọi người bưng hơn ngàn mâm ngà thức ăn đến lần lượt thiết bày trước tòa chư Tăng. Ngài đang ở nơi một sàn lớn, thiết bày thức ăn thịnh soạn hương thơm thanh khiết, ngài vừa muốn ăn đó, Quỷ vương liền thưa:

- Ngài dừng giây lát. Đó là thức ăn của quỷ ăn, không dám để lại ngài. Xin ngài chớ dùng.

Thọ trai xong, thức ăn còn thừa vài trăm mâm. Ngài nói Quỷ vương ban tặng cho họ ăn. Quỷ vương nói:

- Thúc giúp đi cho đó.

Các quan bái tạ quay lại nhìn nhau mừng cười, miệng há mở tới hai tai.

Nhân đó, Quỷ vương quỳ, thưa:

- Ngài đã ân ban nhìn lại, không có gì khác để cúng dường, chỉ có năm trăm sấp lụa xin kính dâng ngài. Xin ngài vì cho chúng con thọ giới Bát quan trai.

Ngài bảo:

- Lụa của quỷ tức là giấy. Tôi không dùng đó!

Quỷ vương thưa:

- Chúng con tự có lụa của cõi người để dâng tặng ngài.

Nhân đó, ngài vì họ mà cho thọ giới Bát quan trai. Thọ giới xong, Quỷ vương lại bảo bốn người trước đó y như trước đưa tiễn ngài về. Bỗng nhiên ngài mở mắt là đã về tới chỗ ở. Trời còn chưa sáng. Môn nhân chỉ cho là ngài nhập định, không ngờ chỗ đến, ngài chợt mở mắt, bảo mang đèn đóm soi rọi ở giường, trước mặt có năm trăm sấp lụa nhân ở đó. Các đệ tử thưa hỏi. Ngài liền kể lại sự việc vừa xảy ra. Ngài đã hành thiền vốn cao cả, tiếng tăm giá trị ngày một càng lớn, khuynh đảo đến chỗ Quỷ vương, chỉ thần thức đến đó mà thân hình ngài vẫn bất động.

Sau đó không lâu, một sáng mai ngài đang an tọa, có hai người

trời hình chất xinh đẹp khác thường, đến lễ bái thỉnh mời, thưa rằng:

- Vua trời Phương nam là Đề-đầu-lại-tra xin thỉnh ngài đến cõi trời để cúng dường!

Ngài liền hứa khả. Nhân đó, trải y trời để ngài ngồi, hai người liền nắm y nâng lên mà vọt bay giữ không trung, chỉ trong phút chốc đó đã tới trời nam. Vua trời dẫn cả thị tùng ra quỳ sát đất đảnh lễ, thưa:

- Đạo hạnh của ngài cao xa, các vị trời muốn được thấy ngài giảng tụng. Vì thế nên con kính thỉnh mời ngài.

Và liền thiết lập một tòa cao thỉnh ngài an tọa. Tại đạo tràng đó nghiêm sùng tráng lệ khác hẳn ở cõi người gấp trăm nghìn lần. Người trời thân đều cao lớn và có ánh sáng. Điện đường cây rừng ở đó, thuần là bảy báu, hình thể đều có ánh sáng chói lòa mắt người.

Lúc đầu, ngài mới tới cõi trời, hình chất của ngài còn là loài người, sau khi thấy vua trời thì thân hình ngài cao lớn như người trời. Người trời thiết bày các thức ăn trân quý đều là hương vị tự nhiên nhưng ngon ngọt phi thường. Thọ thực xong, vua trời thỉnh ngài vào cung, lại thiết cúng các thứ, nói bàn cung kính. Các thị vệ ở cung trời cũng như chúng quỷ thần rất đông. Sau đó, bỗng nhiên vua trời nói:

- Đệ tử có công việc cần phải đến cõi trời Tam thập tam để bàn bạc, xin thỉnh ngài ở lại mộ thời gian ngắn!

Lại căn dặn các người chung quanh rằng:

- Ngài muốn đi tham quan đâu đó thì cứ tùy ý ngài. Nhưng chớ để ngài đến nơi hậu viên.

Căn dặn hai ba lần như thế. Sau khi vua trời đi rồi ngài suy nghĩ: “Nơi hậu viên có gì bất lợi mà không muốn ta đến đó ư?” Ngài bèn dò xét nhân lúc không người, lúc đến hậu viên. Khu vườn đó rất lớn có ao, hồ, suối chảy, cây cối, hoa nhạc có khắp mọi nơi, người đời không sao biết được. Đi sâu vào, xa nghe tiếng rên rỉ kêu gào, không nhẫn nghe, ngài liền đi đến đó. Thấy một trụ đồng, đường kính khoảng vài trăm mét, cao ngàn trượng, cột trụ có các lỗ xuyên hai bên thấu suốt, hoặc dùng khóa xích lấy đảnh đầu, hoặc xuyên thủng ngực, có đến vài vạn đầu đều là Dạ-xoa, răng của móng câu, thân lớn gấp bội người trời. Thấy ngài đến, những kẻ đó vội dập đầu nói đang đói khát, thưa rằng:

- Chúng tôi vì ăn thịt người đến bị vua trời xích trói, nay xin ngài thả cho chúng tôi! Nếu chúng tôi được ra khỏi nơi này. Nguyện xin ở nhân gian tìm cầu việc khác để kiếm sống, hẳn không dám làm hại ăn thịt người nữa.

Vì đói khát bức bách nên lúc nói ra lời ấy, trong miệng lửa dữ tuôn

ra. Ngài hỏi bị xích trói đã bao lâu rồi. Hoặc có kẻ đáp:

- Từ thuở Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, tức trải qua đã vài ngàn vạn năm.

Cũng có vài ba người già, nói rất chí thành khẩn thiết, ngài hứa vì họ cởi trói xích. Ngài vội trở lúc, bỗng chốc vua trời đã trở về. Trước tiên là hỏi về việc ngài có đến hậu viên không? Mọi người chung quanh bảo:

- Không!

Vua trời vui vẻ ngồi yên.

Ngài hỏi rằng:

- Tôi đến nơi hậu viên thấy chúng sinh bị xích trói cả vài vạn. Những kẻ đó bị tội gì vậy?

Vua trời bùi ngùi đáp:

- Vậy, quả thật, ngài có đến hậu viên, nhưng lòng từ nhỏ sẽ là giặc của tâm từ lớn! Ngài khỏi cần phải hỏi.

Nhưng ngài vẫn cố hỏi, vua trời đành phải nói:

- Đó là các ác quỷ thường làm hại người. Các trời chẳng thể phòng hộ nổi. Người đời đã bị bọn chúng ăn hết. Chúng nó đều là đại ác quỷ, không thể dùng lý mà đối đãi, nên phải xích trói lấy nó.

Ngài nói:

- Tôi vừa thấy các lão già đó nói rất thành khẩn, chỉ xin trở lại nhân gian tìm cầu vật khác để ăn thôi. Tôi xin ngài tha thứ cho họ. Nếu bọn ấy không còn ăn hại đến người, thì các kẻ còn lại cũng nên tha cho chúng nó.

Vua trời nói:

- Bọn quỷ nói, đâu có thể tin được!

Ngài cố xin, vua trời bèn đưa mắt nhìn chung quanh, rồi ban lệnh mở trói các lão già lại, trong phút chốc họ được giải đến; bọn họ khấu đầu, thưa:

- Nhờ ân ngài đã tha cho, tuổi đã già suy. Nay được đi, hẳn không dám nhiễu hại người nữa.

Vua trời bảo:

- Vì Thiền sư, nên ta thả các ngươi. Nếu còn hại ăn thịt người thì lần này bắt lại hẳn phải chịu khổ chết.

Chúng nó đều nói:

- Dạ! Không dám.

Khi ấy liền thả cho họ đi.

Sau đó không lâu, bỗng thấy trước sân vua trời có vị thần đến, tự

xưng là Thần ở sông ngòi núi Nhạc, mặt giáp mặt sắc vàng, vội vã nói thưa:

- Không biết từ đâu, bỗng có bốn, năm quỷ Dạ-xoa đến nhân gian giết hại ăn thịt người rất nhiều, không thể nào cấm chế nổi. Nên tấu trình cùng vua trời hay!

Vua trời nói với ngài rằng:

- Lời của đệ tử nói như thế nào? Vừa mới nói với ngài là lòng từ nhỏ tức là giặc của tâm từ lớn. Lời bọn quỷ ấy nói không thể tin được.

Và vua trời bảo cùng các thần rằng:

- Hãy gấp bắt chúng nó lại.

Giây lác sau, các thần bắt các quỷ Dạ-xoa đến. Vua trời tức giận phán:

- Cớ sao làm trái lời cầu xin?

Bảo chặt tay chân chúng nó, dùng sợi xích sắt xâu suốt ngực nó, kéo dắt khóa lại. Lúc đó, ngài xin vua trời trở về, vua trời bảo hai người khi trước đưa ngài trở về chùa. Ở chùa đã mất ngài qua mười bốn ngày, mà tại cõi trời chỉ khoảng thời gian ngắn.

Trong thành Xiểm tây, ngài chọn chỗ đất rộng rãi tạo dựng chùa Long quang, lại xây dựng phòng bệnh, thường nuôi dưỡng vài trăm bệnh nhân. Chùa rất nghiêm sùng tráng lệ, kẻ tăng người tục quy tụ như mây nhóm, thì là do Thích Đề-hoàn Nhân thỉnh mời. Một sáng nọ, ngài mới súc miệng, có Dạ-xoa đến trước ngài, trên đầu vai trái trải đệm lông năm sắc, thưa rằng:

- Vua trời Thích-ca muốn thỉnh ngài giảng kinh Đại Niết-bàn.

Ngài im lặng trở về lại tòa. Dạ-xoa giảng thằng sàng đặt lên đùi vế trái, thưa:

- Ngài nhắm mắt lại.

Nhân đó, nâng tay trái lên và bày chân phải ra, thưa:

- Xin ngài mở mắt.

Nhìn xem thì đã tới Thiện pháp đường. Ngài đã đến Thiên đường, ánh sáng cõi trời chói lòa mắt không thể mở được. Thiên đế thưa:

- Ngài nên xưng niệm danh hiệu Đức Di-lặc!

Ngài bèn xưng niệm, khi ấy mở mắt không còn bị chói lòa nữa. Nhưng thân hình ở cõi người nhỏ bé, ngưỡng nhìn thân hình người trời, không thấy cùng khắp, Thiên đế lại thưa:

- Ngài lại nên xưng niệm danh hiệu Đức Phật Di-lặc, thì thân hình sẽ lớn ra.

Y theo lời nói, ngài liền xưng niệm. Vừa niệm ba lần mà thân lớn

gấp ba giống như thân trời, người... Thiên đế cùng các chúng trời kính lễ, thưa ngài rằng:

- Đệ tử chúng con nghe ngài giỏi khéo giảng nói kinh Đại Niết-bàn đã lâu ngày rồi vậy. Nay các trời khâm phục kính ngưỡng thiết lập đạo tràng. Nhân đó, kính thỉnh Đại sư giảng kinh cho chúng con được nghe nhận.

Ngài bảo:

- Việc giảng kinh quả thật không khổ nhọc, nhưng trong phòng bệnh của tôi có cả vài trăm bệnh nhân cậy nhờ tôi bảo ban mạng sống. Tôi thường hành khất thực để cung cấp cho họ. Nay nếu ở lại để giảng kinh, thì ở cõi người trải qua năm tháng lâu dài sợ rằng các nhân đói chết. Nay tôi nên xin khước từ!

Thiên đế nói:

- Đạo tràng đã lập thành, ước nguyện ấy đã từ lâu. Nhân vậy kính thỉnh Đại sư chớ khước từ!

Ngài không thể từ chối bỗng giữa không trung có người trời lớn, thân lại lớn gấp bội người trời, Thiên đế đứng dậy kính ngưỡng nghênh đón. Người trời lớn ấy nói rằng:

- Đại Phạm Thiên vương có ban sắc, người trời đã đi.

Thiên đế bùi ngùi nói:

- Vốn muốn lưu giữ ngài ở lại giảng kinh nay Phạm thiên có ban sắc không hứa khả, nhưng ngài đã đến nên không thể tạm mở kinh quyển giảng sơ qua tông chỉ khiến người trời tin họ?

Ngài liền hứa khả.

Khi ấy thiết bày các thức ăn, đồ chứa đựng thức ăn đều bằng bảy báu. Mùi vị của các thức ăn uống đều là tinh diệu gấp bội bình thường. Ngài thọ thực rồi, khắp các lỗ chân lông trong thân đều phóng ánh sáng khác lạ. Ngay trong lỗ chân lông thảy đều thấy các vật, ngài mới hiểu rằng thân của người trời quả thật rất thắng diệu. Sau khi thọ thực, các trời thiết bày một tòa cao bằng vàng, dùng y trời trải trên. Ngài lên trên tòa an tọa. Trong Thiện pháp đường, có đến vài trăm ngàn vạn vị trời, cũng như Tứ Thiên vương dắt dẫn đồ chúng cùng đến nghe pháp. Chung quanh dưới thềm thì có Long vương, Dạ-xoa, các quỷ, các Thần, người và phi nhân... đều chấp tay lắng nghe. Nhân đó ngài khai kinh Niết-bàn, đầu giảng mới hơn một trang, ngôn từ điển xướng đủ nêu bày tông chỉ. Thiên đế tán thán công đức vô cùng. Khai kinh vừa xong, Thiên đế lại bảo Dạ-xoa trước kia đưa tiễn ngài trở về lại chùa. Các đệ tử đã bị vắng ngài hai mươi bảy ngày.

120. Thần tăng Hòa thượng Hoa Nghiêm

Hòa thượng Hoa Nghiêm học ở Tổ sư Thần Tú, phái Thiền tông gọi đó là Bắc Tổ. Ngài thường trú tại chùa Thiên quang ở thành Lạc dương, đệ tử ngài hơn ba trăm vị. Mỗi ngày vào trai đường thọ thực, Hòa thượng, đều trang nghiêm, bình bát đầy đủ.

Ngài có một vị đệ tử có hạ lạp và đạo nghiệp cao vượt so với đồng bạn, nhưng tánh thường phiền muộn hẹp hòi, nóng nảy, lúc ấy nhân vì bị bệnh nên chẳng theo chúng phó trai. Có một vị Sa-di chưa có bình bát, đến vị Tăng đó đảnh lễ, thưa rằng:

- Con muốn đến trai trường nhưng chưa có bình bát, thầy có thể cho con mượn tạm, sáng mai sẽ hoàn trả.

Vị Tăng ấy không cho bảo:

- Bình bát ta thọ trì đã vài chục năm, cho ông hẳn sợ hư tổn nó.

Vị Sa-di khẩn thiết thưa:

- Con chỉ thỉnh đến trai trường trong khoảng thời gian thọ thực, xong rồi thỉnh trả lại sao lại hư hoại?

Nói như vậy đến hai ba lần, vị Tăng ấy mới cho mượn, bảo rằng:

- Tôi quý mến bình bát như mạng sống của tôi, như có sự tổ hại tức đồng giết tôi vậy.

Vị Sa-di đó thỉnh mượn được bình bát, hai tay bưng lấy trong lo sợ. Thọ thực xong, vị Tăng ấy đã thúc giục, vị Sa-di bưng bình bát xuống khỏi trai đường, không để ý nền gạch bị hư phá, nên bước xéo gót vấp ngã, bình bát bể vở. Chốc lát vị Tăng ấy lại thôi thúc. Lo sợ quá, nên vị Sa-di đó đến chỗ vị Tăng ấy tác lễ vâng chịu lỗi lầm và lạy cả trăm ngàn lạy, vị Tăng ấy la lớn tiếng:

- Ông đã giết tôi rồi!

Tức giận mắng nhiếc rất thậm tệ. Nhân đó, bệnh càng trầm trọng chỉ một đêm thì tịch.

Sau đó một thời gian, ngài đang trú tại chùa Sơn nhạc trên núi chúng có hơn trăm đệ tử, ngài giảng kinh Hoa Nghiêm. Vị Sa-di đó cũng có mặt trong hội chúng. Bỗng nhiên nghe trong hang núi như có tiếng gió mưa, ngài bèn gọi vị Sa-di ấy, đứng sau lưng ngài. Trong chốc lát thấy một con rắn lớn dài khoảng bảy, tám trượng, lớn khoảng bốn, năm vi hướng thẳng vào chùa, ánh mắt tức giận há mồm. Mọi người đều muốn bỏ chạy, ngài bảo không được giao động. Con rắn dần đến nơi giảng đường lên bậc thềm đưa mắt liếc nhìn như có sự mong cầu. Ngài dùng tích trượng ngăn bảo dừng lại. Con rắn muốn đến nơi tòa bèn cúi đầu nhắm mắt, ngài răn bảo nó, dùng gậy gõ vào đầu rắn, bảo:

- Đã rõ được hạnh nghiệp, nay phải hồi hướng về Tam bảo!

Ngài bảo chúng Tăng vì con rắn mà cùng nhau niệm Phật, trao cho nó pháp Tam quy ngũ giới, con rắn bèn uyển chuyển bỏ đi.

Lúc đó, đệ tử của vị Tăng đã tịch trước kia cũng có mặt ở đó, ngài gọi tới bảo:

- Con rắn này chính là thầy của ông, tu hành nhiều năm nay đã chứng quả vị. Chỉ vì lúc lâm chung tiếc cái bình bát mà tức giận vị Sa-di ấy, bèn thọ nghiệp làm thân rắn, sở dĩ đến đây là muốn giết hại vị Sa-di ấy. Nếu lại còn sát hại tức sẽ đọa vào đại địa ngục không kỳ hạn thoát ra, may nhờ ta ngăn cản và cho thọ giới cấm. Nay xả bỏ thân rắn ấy, ông nên đến tìm xem.

Vị đệ tử đó vâng mạng mà ra. Chỗ con rắn đi qua, cây cỏ đều mở rạp như đường xe đi. Đi khoảng mười bốn, mười lăm dặm đến một cái hang sâu, con rắn tự đập đầu vào đá mà chết. Vị đệ tử đó trở về bạch lại cùng ngài, ngài bảo:

- Rắn đó nay đã thọ sinh tại nhà Bùi Lang Trung làm thân người nữ, cũng rất thông tuệ, năm mười tám tuổi sẽ qua đời, liền thọ nghiệp thân người nam. Sau đó xuất gia tu đạo. Bùi Lang trung tức là môn đồ của ta. Ông có thể vì ta mà vào thành dò xét hỏi thăm nó. Người nữ đó hiện nay muốn sinh con nhưng rất khó khăn, ông tiện thể cứu hộ nó.

Bấy giờ, Bùi Khoan làm binh bộ Lang Trung, tức là môn nhân của ngài. Vị đệ tử đó vâng mạng vào thành, xa chỉ đến nhà Bùi Khoan. Gặp lúc Bùi Khoan xin nghỉ ở nhà, nên cho người báo rằng:

- Hòa thượng Hoa Nghiêm chuyển lời thăm hỏi.

Bùi Khoan bước ra, thấy thần sắc rất lo âu, vị Tăng đó hỏi về nguyên nhân, Bùi Khoan nói:

- Người vợ muốn sinh đã sáu bảy ngày, đèn đuốc giữ luôn rất là nguy khốn vậy.

Vị Tăng bảo:

- Tôi có thể giúp đỡ.

Liền sai bảo ở ngoài cửa nhà nên thiết bày giường chiếu sạch sẽ, vị Tăng đó đốt hương đánh khánh. Xưng gọi pháp hiệu Hòa thượng ba lần. Phu nhân của Bùi Khoan an nhiên mà sinh một bé gái, sau, đến mười tám tuổi, quả thật bé gái ấy qua đời.

121. Thần tăng Thanh Hư

Thiên Thanh hư, ngài dòng họ Đường, người xứ Tử châu. Lập tánh cương quyết, tài giỏi thông suốt khó bì, bỗng nhiên hồi tâm, tụng lớn

kinh Kim Cang Bát-nhã, ba nghiệp đều không biếng lười. Ngài thường ở nơi núi rừng trì tụng, có bảy con nai thuần nhiễu quanh như nghiêng mình lắng nghe, ngài dứt tiếng thì nó đi, lại có người ở gần bị lửa thiêu chết thành tro tàn, chỉ có ngài lửa dữ bay qua nhưng không thiêu cháy được.

Năm Trường An thứ hai (702) đời tiền Đường, một mình ngài đi đến nơi tự viện thuộc phương Bắc phái trên chùa Ngộ chân, Lam điền. Trước kia tại đó không có suối giếng, sức người không xoay kịp, phải đi lấy nước ở khe suối, kéo bình gánh hủ vận chuyển đến rất cực nhọc. Đại sư Pháp Tạng ở chùa Hoa nghiêm nghe tiếng ngài trì kinh có linh nghiệm, mới thỉnh ngài đến cầu tìm suối nước, ngài bèn vào trong điện các Di-lặc, đốt hương trì niệm liên tục đến sáng thứ ba, bỗng nhiên trong tâm dường như trong lòng núi ở phía Tây bắc dùng dao khoét đất, nước từ đó mà phun ra, ngài ghi nhớ kỹ nơi đó, bèn đến đó xới đào, quả thật có được dòng suối mát ngọt, sử dụng không khô thiếu.

Đến năm Trường An thứ tư (704) ngài đến kiết hạ tại chùa Thiếu lâm. Trên đỉnh núi có một cái thất thờ Phật rất rộng rãi, không ai dám đến đó, người ta cho rằng đó là nhà của quỷ thần ở. Có một vị Luật sư cậy mình có giới hạnh, ban đêm đến đó, trì tụng luật, thấy một người lớn dùng nêu đâm vào mình, rất đau đớn liền xuống núi rụt lại dứt hơi. Lại có một vị Sa-môn chuyên trì chú: "Hỏa Đầu Kim Cang" là bậc đáng tôn trọng. Mọi người nói với vị ấy rằng:

- Năng lực trì chú của ngài không ai bằng vậy có thể trú lại nơi đó qua đêm được chăng?

Đáp:

- Đó có gì đáng sợ.

Khi ấy bèn mang hương lữa đến an tọa trì chú, chỉ trong chốc lát, Thần hiện ra dùng tay nắm lấy chân quăng xuống dưới, suốt bảy ngày vị Tăng đó không nói được tinh thần hôn mê đảo loạn. Ngài nghe vậy bảo rằng:

- Loài quỷ vật hạng dưới dám vậy ư?

Liền đến đó, như thường trì tụng kinh, nữa đêm nghe trong thất tợ như có tiếng rất dữ mạnh, ngài liền trì niệm thần chú "Thập Nhất Điện Quan Âm", lại nghe trong thất dương như có hai con trâu đang đấu nhau, tượng Phật thảy đều lay động. Trì chú đã mất hiệu nghiệm, ngài lại trì tụng bản kinh Nhất Khế, lần lượt yên tịnh, từ đó người ở không gặp phải tai hoạn gì. Thần liền dời đi chỗ khác.

Năm Thần Long thứ hai (706) đời tiền Đường, vua Trung Tôn

ban sắc chiếu chỉ thỉnh ngài vào nội cung cầu mưa, hai mươi bảy ngày sau có tuyết, nhà vua cho rằng: “Chưa cứu giúp đủ với sự mong ước của đương thời”, bèn thỉnh ngài đến chùa đến chùa lại tiếp tục thỉnh cầu, ngài bèn ở trong điện Phật tinh thành cầu đảo và luyện nhất chỉ, mới đến một đêm mà mưa đủ cả ngàn dặm, chỉ hoàn phục như cũ mới gặp nước lớn, phòng nhà trong đều thấp xuống chìm ngập, chỉ riêng ở viện đó không khổ như không bị chẩn mất. Phàm mọi sự linh nghiệm dị thường của ngài đều là như vậy.

122. Thần tăng Kim Sư

Sa-môn Kim Sư, ngài người xứ Tân la. Lúc ngài ở tại Huy dương, nói lục sự tham quân Phòng Uyển rằng:

- Thái thú Bùi Khoan sẽ đổi.

Phòng Uyển hỏi:

- Bao giờ?

Ngài bảo:

- Sáng mai sắc thư hẳn sẽ đến và sẽ gặp ông ở gốc Tây nam quận.

Phòng Uyển chuyên hầu chờ đợi. Hôm sau trước giờ ngọ, Dịch Sứ mang hai bức điện văn đến. Chẳng là Phòng Uyển cho là xằng bậy vậy. Đến giờ Ngọ, lại có Dịch Sứ đưa đến một bức điệp văn, nói:

- Bùi Khoan đổi làm An lục biệt giá.

Phòng Uyển đích thân nghênh đón vị Tăng kinh sư, thân lại tự đi. Quả thật đến gốc Tây nam quận cùng gặp Bùi Khoan. Bèn liền gọi hỏi ngài, ngài bảo:

- Quan chức tuy đổi, nhưng quan phục chẳng đổi, mà các con cháu ngoại, rễ của ông mỗi người đều phải phân tán.

Sau khi sắc chiếu ban đến, trừ biệt giá, áo bào tím giây thao buộc ấn vẫn còn, bọn con cháu ngoại, rễ mỗi người đều đi mỗi nơi.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 7

123. Thần tăng Tuệ An

Thích Tuệ An, ngài dòng họ Vệ, người xứ Chu giang, Kinh châu. Dung mạo ngài đoan trang thanh nhã, mắt xanh da biếc, tu tập các pháp môn không gì không thông suốt.

Trong niên hiệu Đại Nghiệp (605 – 617) đời nhà Tùy, ngài mở rộng cứu giúp lớn, tìm nhóm các hàng phu đinh. Bao kẻ đói chết đều cùng nhau trông mong. Ngài lần lượt khất xin nhiều bát thức ăn để cứu giúp người bệnh thiếu thốn ấy, còn thừa mới giúp cho đồ chúng.

Đến năm Lân Đức thứ nhất (664) đời tiền Đường, ngài đến núi Chung nam dừng ở bên vách đá. Bấy giờ chung quanh cao ngyên thung lũng, sớm bị sương làm hư hại lúa mạ, riêng chỗ ngài ở không bị. Tháng tư năm Thánh lịch thứ hai (698) đời tiền Đường, bảo môn nhân học chúng rằng:

- Mỗi người hãy trở về đóng cửa phòng nhà.

Đến canh ba có Thần đến, hỗ vệ nghiêm chỉnh hòa cùng linh kiếm, gió mưa đều có. Thần ấy đi nhiễu quanh viện mấy lượt. Thần lại lễ bái mà đi. Có người hỏi về nguyên cớ. Ngài bảo:

- Lúc ta ở núi Trung thần đến đó đều thọ giới Bồ-tát.

Thiên Hậu* thường hỏi ngài về tuổi tác, ngài đáp:

- Không ghi nhớ.

Vũ Hậu hỏi:

- Tại sao không nhớ.

Ngài bảo:

- Thân sinh tử như vòng tròn! Không khởi đầu và điểm cùng tận, lấy gì mà nhớ? Thêm nữa tâm này xuôi chảy không gián cách ở giữa, thấy giọt nước khởi diệt cũng là vọng tưởng vậy. Từ sơ thích cho đến tướng Động diệt cũng chỉ như thế, làm sao năm tháng có thể ghi nhớ ư?

Vũ Hậu dập đầu bái lễ. Nghe chỗ ngài ở thiếu giếng nước, ban

săn người đến đục đá đào giếng, ngài bảo:

- Dưới đây có xích tường cẩn thận tổn hại đến vật, gần đến suối thấy tôm sắc vàng khuấy động trong đất bùn, hợp với sự huyền ký của ngài vậy. Vũ Hậu càng thêm khâm phục kính trọng ngài.

Đến mùng ba tháng ba năm Cảnh Long thứ ba (710) đời tiền Đường, ngài căn dặn môn nhân rằng:

- Ta sắp tịch đây, nên đêm nhục thể vào để trong rừng, đợi lửa chất phát tự thiêu đốt cháy, chớ trái ước nguyện của ta.

Bổng chốc có Hòa thượng Vạn Hồi lại, thấy ngài càn rở chấp tay bàn luận phút chốc. Thị giả đứng hầu bên cạnh, nghiêng tai lăng nghe đều không hiểu biết gì. Đến ngày mồng tám, ngài đóng cửa phòng, xếp mình lại mà tịch, hưởng thọ một trăm ba mươi tuổi.

124. Thần tăng Tăng-già

Đại Sư Tăng-già vốn người Tây Vực, ngài dòng họ Hà. Đầu niên hiệu Long Sóc (661) đời tiền Đường, ngài đến Trung Quốc thuộc danh ở chùa Long hưng, Sở châu. Từ đó mới phát thần dị.

Đầu tiên ngài dẫn đệ tử Tuệ Nghiễm đến huyện Lâm hoài, Tử châu, tại phường Tín nghĩa xin đất đóng nêu, lúc sắp xây dựng chùa, ở dưới cột nêu đào được bia ký chùa cổ Hương tích và một pho tượng bằng vàng, trên đầu tượng có đề chữ “Phổ Chiếu Vương Phật”, dân chúng ở đó vô cùng thán dị, bảo rằng:

- Mắt trời biết trước, chúng tôi làm sao không cúng thí?

Từ đó, đua nhau cầu xin cúng thí, ngài từng trụ ở nhà Hạ Bạt, tự nhiên hóa hiện thân lớn, sàng giường mỗi bề đến ba thước, không người nào mà không kinh ngạc, kế đến hóa hiện tôn tượng Quán Thế Âm Bồ-tát mười một mặt, cả dòng tộc gia đình đều vui mừng gấp bội càng tăng sự tin tưởng kính trọng, liền cải gia vi tự. Từ đó viết tích kỳ dị biến hiện chẳng phải một. Ban đầu, ngài đến hành hóa ở Giang biểu, dừng lại ở chùa Linh quang; Gia hòa. Đó là vùng đất nhiều sông ngòi ao hồ, người dân đắp hồ bắt cá, săn bắn giao ngọ để mưu sinh, ngài đôn đốc khuyên răn, không nên tạo nghiệp giết hại những con vật ấy, nên dứt bỏ nhưng việc ác để nhằm mưu kế sinh nhai ấy. Nhân đó mà có nhiều người xé lưới bẻ câu, ngài tạm nhàn rổi mà yên nghỉ, thấy Thần mách bảo rằng:

- Trời quá nắng hạn, lúa non của dân chúng đều chết, thân sao chứa lại, ghét rồng?

Ngài bảo:

- Vậy thì làm sao?

Thần hỏi:

- Như đêm nay đưa ngón tay hỏng ra ngoài cửa, xem nó thế nào.

Ngài bèn y theo làm. Đêm đó sét đánh khác thường, thật rõ thấy có mạch chỉ màu đỏ rất nhỏ, ngài tự bảo:

- Ta vô duyên với vùng đất này.

Bèn đến Tấn dương.

Thấy chùa Quốc tướng bị hoang phế, ngài để lại chiếc y trên đòn dong chánh điện mà đi. Sau đó, có người nghe mùi hương lạ phảng phất. Ngài dự ký ở đó rằng:

- Chùa ấy sẽ có Nhân vương trùng hưng lại.

Hơn ba mươi năm sau, quả thật có vị Tăng, người dòng họ Toàn làm thí chủ. Trong niên hiệu Thông Thiên Vạn Tuế (697–698) đời Võ Tắc Thiên, ở lại Sơn dương giữa chúng đông. Ngài biết trước có kẻ hiềm tật ganh ghét ngài. Kẻ đó xướng lời rằng:

- Tôi có năm mươi vạn tiền, kính dâng hổ trợ tu đạo công đức.

Ngài đứng trên bờ sông Hoài, kêu gọi một chiếc thuyền, bảo:

- Ngươi có của cải cúng thí, ta sẽ khoan tha ngục tù, vật ngươi đang tải chở sẽ được nhẹ nhàng.

Kẻ trộm nghe lời nói ấy đều xả thí hết. Do đó mà điện Phật dựng lập sớm hoàn tất, không bao lâu sau, kẻ trôm bai lộ bị bắt giam trong ngục ở huyện Dương tử, ngài cỡi mây xuống ủy dụ nói không đến nổi phải chịu khổ. Quả thật không qua ngày ấy có văn bản tha cho nữa tội chết vậy.

Xưa kia, tại Trường an, phụ mã đô úy Võ An bị bệnh, ngài dùng lọ nước tắm phun rãy vào mình nên được lành. Tiếng tăm chấn động khắp trời. Sau đó. Những người mắc bệnh tật đến ngài, ngài bèn dùng nhánh dương đề phẩy nước, hoặc bảo tẩy rửa sư tử đá mà lành. Hoặc ném bình nước, hoặc bảo sám tạ lỗi quá. Linh nghiệm chẳng phải là hư bày, Phước chẳng luống mất, ngài dứt trừ tai ương thân bệnh cho kẻ kia thì cầu xin ngựa, cảnh giác phong ách thì đòi quạt, hoặc nhận tiền của kẻ trộm cướp, hoặc cấn chặt cây cỏ đen, hoặc tìm giếng của La-hán, hoặc tỏ rõ sự chìm ngập của họ Bùi, hoặc dự biết có tuyết lớn, hoặc cứu hạn hay mưa. Thần biến vô phương, chẳng thể lường thường độ.

Năm Cảnh Long thứ hai (708) đời tiền Đường, vua Trung Tông sai sứ nghênh đón vào nội đạo tràng, tôn làm Quốc sư. Ngài ra trú tại chùa Tiền phước, thường ở riêng trong một cái thất. Trên đảnh đầu ngài có lỗ huyệt, thường dùng bông bít lại, ban đêm gở tấm bông, hương

thơm từ trong lỗ huyệt trên đảnh phát ra, khắp phòng mùi hương khác thường, đến sáng hương thơm tụ lại ở trong lỗ huyệt, lại dùng bông bít lại, ngài thường rửa chân, mọi người lấy nước đó để uống thì bệnh vốn có lâu ngày đều lành. Một ngày nọ, vua Trung Tông ở tại nội điện nói với ngài rằng:

- Khắp kinh đô cho đến thôn ấp không có một giọt nước mưa đã vài tháng, xin ngài mở lòng từ bi cởi mở sự lo toan của trẫm!

Ngài bèn dùng bình nước ra phù rải, bỗng chốc âm u mây nhóm mưa tuông. Vua Trung Tôn rất vui mừng, ban chiếu sắc tăng biển ngạch chùa ngài ở đặt hiệu là chùa Lâm hoài. Ngài xin lấy hiệu chùa là Phổ chiếu vương, vì muốn y theo chữ trên tượng vàng. Vua Trung Tôn cho rằng chữ Chiếu là húy miếu Thiên hậu (Vũ Tắc Thiên), mới đổi là chùa Phổ quang vương. Đích thân nhà vua ngự đề biển ngạch để ban tặng.

Đến ngày mùng hai tháng ba năm Cảnh Long thứ tư (710), ngài an nhiên đoan tọa thị tịch tại chùa Tiến phước, Trường An. Vua Trung Tôn lệnh xây Tháp tại chùa Tiến Phước, sơn thếp thân để cúng dường, bỗng nhiên gió lớn thổi xào xạc, mùi hôi tràn khắp, vua Trung Tôn hỏi mọi người:

- Đó là điềm gì?

Quan cận thần tấu rằng:

- Đại sư Tăng-già hóa duyên tại Lâm hoài, e rằng ngài muốn trở về xứ đó, nên hiện biến dị ấy.

Vua Trung Tôn yên lặng bằng lòng. Mùi hôi ấy liền dứt, chỉ trong mùi hương lạ ngạt ngào bốc tỏa. Đến tháng năm năm đó đưa nhục thể ngài đến Lâm hoài dựng tháp cúng dường. Tháp đó hiện nay vẫn còn.

Sau, vua Trung Tôn hỏi Hòa thượng Vạn Hồi:

- Đại sư Tăng-già là người gì?

Ngài Vạn Hồi đáp:

- Đó là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa nói: "Người đáng dùng các thứ thân hình Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni... được độ thoát, Bồ-tát liền vì hiện ra mà nói pháp.

Tức là điều này. Trước kia, lúc ngài Tăng-già đến Trường an, ngài Vạn Hồi đến tham lễ yết kiến rất cung kính. Ngài vỗ vào đầu Vạn Hồi bảo:

- Này ông nhỏ! Cớ sao lưu ở lâu thế? Có thể đi đi!

Sau khi ngài thị tich chưa được vài tháng thì ngài Vạn Hồi cũng viên tịch.

125. Thần tăng Tuệ An

Thích Tuệ An, không rõ ngài là người ở đâu, ngài nói năng phần nhiều đầy đủ các thuật ưu việt. Bấy giờ, Đường Hưu Canh đã lập công, giàu sang không ai bằng. Một ngày nọ, bỗng nhiên ngài đến nói với Hưu Cảnh rằng:

- Tướng quốc sắp có họa lớn. Và cũng không cách xa đến vài tháng, nhưng có thể khử trừ được!

Hưu Cảnh rất lo sợ, liền lễ bái thưa hỏi ngài, ngài bảo:

- Tôi không có thuật gì khác, chỉ bày cùng tướng quốc một kế sách, mong rằng tướng quốc nghe cho!

Hưu Cảnh nói:

- Xin ngài dạy cho con!

Ngài bảo:

- Thiên hạ quận thú chẳng phải là do tướng quốc bảo ban đó ư!

Hưu Cảnh đáp:

- Đúng vậy.

Ngài bảo:

- Tướng quốc nên đến quan thấp hèn hỏi một người nhà nghèo khó đói lạnh có người tài giỏi chọn làm tào châu thứ sử. Người đó rất cảm ân của tướng quốc mà có thể chỉ vẻ. Đã tìm được nên báo lại cùng ta. Hưu Cảnh vừa mừng vừa tạ, bèn hỏi ở bạn thân tìm được Trương Quân, nhà rất nghèo. Làm quan thấp hèn ở kinh, ngay ngày đó liền bái yết ca ngợi là Thiên đoại phu. Lại chỉ trong mười ngày dùng làm Tào châu thứ sử. Thế rồi, vời đến ngài thưa rằng:

- Đã theo kế lược của Đại sư và tìm được trương quân. Thế thì có thể chỉ dạy thế nào?

Ngài bảo:

- Trương quân lúc vào quận, nên tìm kiếm hai con chó cao vài thước mà tài giỏi. Trương quân mang ân đặt chỉ của Đường Hưu Cảnh, nhưng lại chẳng hiểu được ý ấy. Đến lúc sắp vào trong quận, tới cáo từ Hưu Cảnh, Hưu Cảnh bảo:

- Nghe nói quý quận khéo giỏi luyện chó, tôi muốn xin được hai con có khả năng tài giỏi phi thường.

Trương quân nói:

- Kính cẩn vâng lời chỉ bảo.

Đến quận được vài ngày, liền mời các vị quận lai đến và nói với họ rằng:

- Tôi nhận ân sân của đại thừa tướng Đường Hưu Cảnh. Nay

Đường Công cần kiếm hai con chó tài giỏi. Vậy các vị có thể kiếm được chăng?

Có một quan lại nói trước rằng:

- Ở nhà tôi có nuôi được một con, tướng mạo khác thường nguyện xin hiến tặng.

Trương Quan rất mừng, liền nhận lấy, khi đã đến thấy con chó ấy cao đến vài thước, tài giỏi khác thường mà lại đã được nuôi thuần phục. Trương Quân nói:

- Tướng quốc cần đến hai con như thế, giờ biết làm sao?

Quan lại thưa rằng:

- Trong quận đây chỉ có một con này, ngoài ra đều là bình thường cả. Nhưng ở phía Nam quận cách hơn mười dặm tại thôn đó, nhà có nuôi một con, mà người đó rất mến tiếc nó. Nếu quan lớn không đích thân đến đó thì không có cách gì lấy được.

Trương Quân liền bảo chuẩn bị xa giá, mang nhiều vật nòng hậu mà đến hỏi, quả thật có được, tướng trạng của con chó ấy cùng với con chó quan lại hiến tặng trước không khác, mà bộ diện sắc thần tinh xảo hơn. Trương Quân rất mừng, liền mời vị quan lại thân thiết và đem con chó đến hiến tặng, Hưu Cảnh rất vui mừng và rất lấy làm lạ về tướng mạo ấy, cho rằng điều chưa từng thấy. Bèn thỉnh mời ngài đến xét xem, ngài bảo:

- Thật khó nuôi dưỡng nó! Tướng Quân thoát khỏi đại họa là do nhờ hai con chó này đây.

Sau hơn mười ngày, ngài lại đến bảo Hưu Cảnh rằng:

- Sự tình sẽ xảy ra trong đêm nay, xin tướng quân nghiêm chỉnh phòng bị, Hưu Cảnh bèn lưu giữ ngài dừng nghỉ ở nhà người em. Hôm đó Hưu Cảnh ngồi tại trước hiên nhà, bảo thị vệ hơn mười người cầm nhắm cung tên đứng quanh các gốc giường. Hưu Cảnh cùng ngồi tại một giường. Đến nửa đêm, ngài cười, bảo:

- Họa của tướng quân đã khỏi, chúng ta có thể đi ngủ được!

Hưu Cảnh rất mừng mà lễ tạ, bèn cùng các thị vệ và ngài cùng đi ngủ. Đến sáng sớm ngài gọi Hưu Cảnh:

- Nên thức dậy!

Hưu Cảnh liền dậy, nói với ngài:

- Họa thật đã khỏi, nhưng hai con chó dùng để làm gì?

Ngài bảo:

- Chúng ta đều nên đến xem thử sao?

Bèn cùng hưu Cảnh đều tìm theo dấu vết, đến trong khu vườn sau,

thấy một người ngã lăn giữa đất mà chết, thấy ở cổ người đó có vấy máu bởi bị loài vật cắn, lại thấy hai con chó đang ngồi dưới một gốc cây lớn, ngước mắt nhìn lên thì thấy một người trạc áo núp trên cây. Hưu Cảnh kinh hãi mà hỏi người đó rằng:

- Ngươi là ai?

Người đó khóc, chỉ người đã chết bảo:

- Tôi và kẻ đó đều là giặc, đêm hôm qua cùng đến và sắp muốn vào hại tướng quân, bởi gặp hai con chó vay quanh và sủa. Kẻ đó bị chó cắn mà chết. Còn tôi sợ quá nên nép mình ở đây. Hai con chó nhìn thấy nên ngồi xổm dưới gốc cây. Tôi đợi nó đi nơi khác thì sẽ chạy trốn, nhưng mãi đến sáng, chó chẳng chịu đi, nay tức phải chịu chết.

Hưu Cảnh bèn gọi thị vệ bắt trói kẻ đó lại, ngài bảo:

- Tội ấy thật là đáng chết, nhưng không phải do chính tâm nó. Bởi vì nó chỉ thọ chế ở người khác mà thôi. Xin nên tha cho nó!

Hưu Cảnh bảo mở trói, kẻ giặc đó lay khóc mà đi. Hưu Cảnh cảm tạ ngài mà thưa rằng:

- May nhờ có ngài! Không thì con đã chết bởi hai người ấy.

Ngài bảo:

- Đó là phước của tướng quốc, chứ đâu phải tôi có thể làm được đâu!

Hưu Cảnh có người em là Lư Chẩn ở tại Kinh môn. Có một thuật sĩ bảo rằng:

- Ông sắp có tai họa, phải tìm cầu một người hiền thiện khử trừ mới có thể qua.

Lư Chẩn vốn có biết ngài, nên viết thư gởi đến Hưu Cảnh, nhờ Cảnh thỉnh mời, ngài liền đưa cho Hưu Cảnh một bức thư, bảo:

- Sự tình như trong thư.

Lúc thư đưa tới Kinh châu thì Lư Chẩn đã chết, người nhà Lư Chẩn mở thư xem, chỉ một tờ giấy không văn tự gì. Hưu Cảnh càng lấy làm lạ. Sau đó vài năm, ngài bỏ đi nhưng không biết đi về đâu.

126. Thần tăng Tú Sư

Sa-môn Tú Sư, vốn dòng họ Lý, người xứ Trần lưu, Biện châu, hành thiền tinh khổ. Đầu tiên ngài đến Kinh châu, sau dời đến chùa Thiên cung ở Lạc đô. Vũ Hậu (Vũ Tắc thiên 690–705) rất kính trọng ngài, ngài thường biết những việc sắp xảy ra nên ứng xử rất chân toàn.

Trong niên hiệu Trường An (701–705) đời tiền Đường, ngài vào kinh đô, trú tại chùa Tư thánh. Một hôm, tự nhiên ngài bảo các đệ tử tất

hết đèn trong thiền viện, đệ tử chỉ để lại một cái đèn lớn, ngài cũng bảo tắt luôn. Nhân đó, ngài nói về tai nạn của lửa không thể lường hết. Có chùa bất cẩn đèn đuốc nên điện Phật bị tai họa, lại có chùa lầu chuông gặp phải lửa hại, lại có một chùa Kinh tạng bị lửa thiêu nướng. Rất đáng tiếc, chúng Tăng trong chùa đều không biết được ý ngài vừa nói. Đến đêm tối mất lửa, quả nhiên điện Phật, lầu chuông và kinh tạng ba cơ sở bị lửa đốt hại.

Thời tiền Đường, lúc Huyền Tông đang chấn phiên, thường cùng các Vương tử đến lễ bái ngài, cúng dường ngài một ống sáo. Sau khi Huyền Tông đi rồi, ngài bảo phải cẩn thận giữ lấy nó, sau, có lúc cần hẳn dâng lên.

Năm một trăm tuổi, ngài thị tịch tại chùa Tư thánh, an táng tại núi Long môn, kẻ Tăng người tục đua nhau tìm đến vài ngàn người. Yên quốc Trương Thuyết viết văn bia dựng ở tháp ngài.

127. Thần tăng Vạn Hồi

Sa-môn Vạn Hồi người xứ Văn hương, vốn dòng họ Trương. Thân mẫu ngài trước kia cầu nguyện ở tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, nhân đó mang thai ngài. Sau khi ngài đã chào đời rất ngu dốt; lên tám, chín tuổi mới biết nói. Song thân ngài dùng thịt lợn con chó con nuôi dưỡng ngài. Đến lúc trưởng thành, thân phụ bảo ngài cày ruộng, ngài cày thẳng tới một đường không quay lại, miệng chỉ thường nói "Bình đẳng." Nhân đó cày một gò dài vài mươi dặm, gặp phải ngòi hầm, bị cản trở ngài mới dừng lại. Thân phụ ngài tức giận bèn đánh. Ngài bảo:

- Cày chúng tất cả chớ sau lại phân biệt đây kia?

Thân phụ mới thôi đánh, nhưng không cho ngài cày nữa.

Anh trai ngài đi lính ở An tây, vắng bặt tâm tính, song thân ngài cho rằng đã chết, ngày đêm khóc buồn rầu lo nghỉ không thôi. Ngài nhìn song thân vô cùng cảm thông, bèn quỳ mà nói rằng:

- Khóc lóc há chẳng phải làm cho anh con ưu phiền?

Song thân ngài vừa tin vừa nghi, hỏi:

- Vậy phải làm sao?

Ngài bảo:

- Nghĩ rõ anh con đang cần là y phục và lương thực, xin đều chuẩn bị, con sắp đi thăm anh đây.

Bỗng một sáng sớm mai, ngài mang các thứ đã chuẩn bị mà đi, chiều tối thì trở về lại nhà, nói cùng song thân rằng:

- Anh vẫn mạnh khỏe tốt lành.

Đưa thư ra xem mới thật là dấu bút của người anh, cả nhà đều lấy làm lạ. Hoằng Nông đến Tây an, bởi xa hơn vạn dặm, vì ngài đi vạn dặm và trở về nên gọi tên ngài là Vạn Hồi.

Trước kia Pháp sư Huyền Trang đến nước Phật thỉnh cầu kinh pháp, thấy trong khảm Phật có ghi: "Bồ-tát Vạn Hồi giáng đến đất văn hương để giáo hóa." Ngài Huyền Trang vội cỡi ngựa đến Văn hương, hỏi ở đó có Vạn Hồi không, bảo kêu gọi Vạn Hồi, ngài đến, ngài Huyền Trang liền đảnh lễ, để lại cúng dường ba y, Bình bát rồi đi. Sau, Thiên đế đi tìm thỉnh ngài vào trong cung và bàn nói mọi sự rất có ứng nghiệm. Bấy giờ, có Trương Dị Chi làm lớn một ngôi nhà thứ hai, ngài từng chỉ ngôi nhà đó bảo:

- Tướng tác.

Mọi người không ai hiểu ngài muốn nói gì. Đến lúc Trương Dị Chi chiếm lấy ngôi nhà đó làm tướng tác giam.

Ngài thường nói với Vĩ Thứ Nhân và công chúa An Lạc rằng:

- Tam lang sẽ lấy đầu ngươi.

Vĩ Thứ Nhân cho rằng: "Trung Tôn là con thứ ba", sợ rằng Trung Tôn sinh biến nên thuốc độc nó, mà không biết rằng do Huyền Tông giết. Thời Thiên Hậu (690–705) trị vì, các quan lại tàn khóc làm những chuyện đặt điều, nên các quan có phần cao trọng sáng suốt ngày một từ biệt vợ con. Bấy giờ Thôi Nhật Dụng, Võ Bình Nhất Tống đến hỏi Thẩm Thuyên Kỳ, Sầm Hỳ, Tiết Tắc, mọi người thấy ngài đều nghiêm túc trịnh trọng thăm hỏi. Các người ấy nói rằng:

- Tất cả chúng tôi đều muốn Thánh Nhân nói cho một lời để định tốt xấu!

Ngài vỗ vai Thẩm Thuyên Kỳ bảo:

- Ông thật là giỏi.

Thẩm Thuyên Kỳ vui mừng không gì hơn nói:

- Thánh nhân thọ ký cho ta, các đệ tử không thể tranh đua. Ngài lại nói với Võ Bình rằng:

- Cho ông lấy tên là Phật Đồng, sẽ không còn gì phải lo ngại.

Trong ánh mắt của Sầm Hy, Tiết Tắc có ẩn điều bất thiện, Sầm dùng ngựa lánh đi. Ngài đưa mắt nhìn Tiết Tắc bảo:

- Đó là chồn cáo. Nói thế đâu đủ sợ.

Ngài lại quay lại bảo:

- Ngươi cũng không bị giết cùng với Hy Tắc.

Mọi người càng thêm quý trọng.

Lúc Huyền Tông đang còn ẩn náu cùng với môn nhân như Trương

Vĩ... đồng đến bái yết, ngài thấy tướng quá ư bẩn thỉu quấy nhiễu, bèn dùng gậy sơn gọi mà đuổi đi, những người đồng đến đều bị xua đuổi. Lúc Duệ Đế vào, ngài trở lại cài then cửa phòng, vỗ vai Duệ Đế bảo:

- Năm mươi năm thái bình, Thiên tử hãy tự vui mừng! Sau đó không biết thế nào.

Trương Vĩ... đứng ngoài cửa nghe rõ ràng lời đó, nên khuynh tâm phò tá, năm mươi năm sau là chỉ họa của Lộc sơn.

Lúc Duệ Tông đang ở Phiên để, hoặc là du hành trong dân gian, nghe rõ ràng lời đó, nên dốc lòng phò tá, năm mươi năm sau là chỉ họa của Lộc sơn.

Lúc Duệ Tông đang ở Phiên để, hoặc là du hành trong dân gian, ngài đi trong tụ lạc, hoặc đi giữa đường cái, lớn tiếng gọi: "Thiên tử đến.", hoặc " Thánh nhân đến." Các xứ đô kính tin vốn có sẵn từ trước, Duệ Tông không sao bồi hồi xúc động.

Thái tử Tuệ Trang là con thứ hai của Duệ Tông. Lúc đầu Võ Tắc Thiên đem đến hỏi ngài, ngài bảo:

- Đứa trẻ này là do Đại Thọ Tịnh ở Tây Vực nuôi dưỡng nó, nên làm anh em về sau sinh thân vương, hình nghi khảm vĩ rất khéo việc ăn uống.

Niên hiệu Cảnh Long (707–710) đời tiền Đường ngài thường luôn ra vào. Các hàng sĩ thứ quý tiện tranh nhau vào lễ bái. Ngài mặc áo bào bằng gấm, hoặc cười, la mắng hoặc đánh trống, nhưng sau tùy việc mà ứng nghiệm.

Công chúa Thái Bình vì ngài tạo dựng một căn nhà ở bên phải ngôi nhà của công chúa. Trong niên hiệu Cảnh Vân (710–712) đời tiền Đường, ngài thị tịch tại ngôi nhà đó.

Trước lúc thị tịch, ngài gọi lớn, bảo tìm cầu nước vốn từ dòng sông, đệ tử đồng bạn tìm kiếm đều không có, ngài bảo:

- Trước mặt nhà là nước sông đó!

Bèn đào dưới bậc thềm, nước sông tự nhiên tuôn vọt. Uống nước xong ngài liền thị tịch. Nước giếng nơi đó đến nay vẫn mát ngọt.

128. Thần tăng Xử Tịch

Thích Xử Tịch, ngài dòng họ Chu, người ở xứ Thục, ngài phụng thờ Thiền sư Bảo Tu, bình dị không tham cầu, không tranh giành mọi vật, thanh nhã, thông suốt sâu mầu. Thiên Hậu (Vũ Tắc Thiên 690–705) nghe thế, ban chiếu thỉnh ngài vào cung ban tặng áo nạp y Tăng-già-lê. Ngài xin từ tạ trở về núi, trải qua bốn mươi năm, chân không in

dấu trong các tụ lạc. Ngài ngồi trên chiếc giường theo kiểu người Hồ, điềm nhiên yên lặng không ngủ, thường có hổ ngồi dưới tòa như vật nuôi trong nhà. Dân chúng kính trọng, những người học đạo đua nhau tìm đến đông đúc. Do vậy có những điều rất lạ. Như Đại sư Vô Tướng từ nước Tân La đến tham yết Thiền sư, ngài dự biết, răn bảo đồ chúng:

- Ngày mai sẽ có khách Tăng từ nước khác đến, nên quét dọn sạch sẽ để tiếp đãi.

Quả thật, sáng mai ngài Vô Tướng từ Hải đông tới.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713) đời tiền Đường. Tân Trừ Thái Thú Vương Diệp lên nhận chức, xử phân trong địa phận ứng thị, các vị Sa-môn tìm đến chúc mừng, duy chỉ có mình ngài từ lâu chẳng xuống núi. Có người khuyên ngài nên đến tham yết để tránh sự nghiêm ngặt. Ngài nói với đệ tử:

- Ngươi tuy xuất gia, còn chưa biết nghiệp. Ta chưa chết thì Vương Diệp làm sao như ta được?

Lúc Vương Diệp lên nhậm chức quan tước mới ba ngày, các vị Sa-môn đều đến, có người bảo:

- Sa-môn Xử Tịch khi tới phiên hầu chẳng đến chúc mừng.

Vương Diệp có phần tức giận. Khi chư Tăng lên sảnh đường an tọa rồi đem mở đầu mối giận, hỏi nguyên do mà ngài lại không đến. Bỗng nhiên sắc mặt bừng bừng, chư Tăng đều run sợ, bỗng chốc Vương Diệp bỗng ngã lăn xuống đất, mọi người khiêng về nhà đến bàn làm việc, sau bức chắn như có tiếng đánh tát vào má, chốc lát thì Vương Diệp dứt hơi thở qua đời.

Đến năm tám mươi bảy tuổi, ngài thị tịch, đến nay vẫn tôn sùng kính ngưỡng.

129. Thần tăng Nguyên Khuê

Thích Nguyên Khuê, ngài dòng họ Lý, nười xứ Y khuyết. Tỏ ngộ được Thiền sư ở chùa Thiếu lâm, ngài rất thông tam yếu, thâm nhập huyền vi, bèn chọn nơi bàng ổ làm nhà tranh ở trong ngục. Nói với người học trò của mình là Nhân Tố rằng:

- Ta mới vào chùa Đông nham, sau khi Ta tịch ngươi hãy nên xây tháp an táng hài cốt ta ở chốn này.

Ngài xuống Nham A an nhiên tạo thiền.

Bấy giờ, có người đội mũ cao mặc quần xếp gấp, bộ khúc lắm nhiều, tự xưng là đến tham yết Đại sư. Ngài thấy người ấy dáng dấp cao lớn sáng suốt khác thường, bèn gọi:

- Lành thay! Nhân giả! Có việc gì đến đây?

Người ấy bảo:

- Ngài sao biết tôi ư?

Ngài bảo:

- Tôi thấy Phật và chúng sinh đều bình đẳng, là một, đâu có khởi thức phân biệt.

Người ấy bảo:

- Ta là Thần núi đây. Ta có thể tạo tác mọi sự lợi hại sống chết đối với mọi người. Ngài đâu có thể xem tôi với mọi người đồng là như một ư?

Ngài bảo:

- Ông có thể tạo tác mọi việc sống chết đối với mọi người. Còn ta vốn bất sinh, ngươi làm sao có thể làm ta chết được? Ta xem thân hình cùng với hư không đều là bình đẳng, xem ta và ngươi cùng đều bình đẳng. Ngươi có thể hủy hoại hư không cùng với ngươi chăng? Giả sử ngươi có thể hủy hoại hư không cùng với ngươi. Ta đây đã không sinh không diệt. Ngươi còn chưa được như thế làm sao có thể tạo tác mọi sự sống chết đối với ta ư?

Thần cúi đầu lạy nói rằng:

- Tôi cũng là thông minh chánh trực so với các Thần khác, nhưng đâu biết trí tuệ biện tài của ngài rộng lớn như thế. Xin ngài trao truyền cho con chánh giới. Nay con độ đời trợ giúp oai phúc ấy.

Ngài bảo:

- Thần đã khất cầu giới tức là đã đắc giới. Vì sao? Ngoài giới không có giới thì đâu là giới?

Thần nói:

- Với lý ấy, con nghe hơi mịt mờ mông lung. Chỉ xin cầu ngài trao truyền giới cho con. Con nay là đệ tử của ngài!

Ngài khước từ không được, bèn bày tòa đốt hương, cầm lò ở chánh án, bảo:

- Trao truyền ngũ giới cho ông, ông có thể tự hành trì.

Và ngài xoay về Thần bảo:

- Được hay không được tức liền nên đáp!

Thần nói:

- Rửa tay lắng nghe, tâm rỗng xin nhận sự chỉ giáo!

Ngài bảo:

- Ông có thể giữ được việc không dâm dục ư?

Thần đáp:

- Con có lấy vợ.

Ngài bảo:

- Không phải vậy đây có nghĩa là không có lưới dục.

Thần đáp:

- Có thể được.

Ngài bảo:

- Ông có thể giữ không trộm cướp?

Thần đáp:

- Tôi đâu thiếu gì sao có chuyện trộm cướp ư?

Ngài bảo:

- Không phải thế. Đây có nghĩa là hưởng mà quá phước, chẳng cúng mà họa thiện vậy!

Thần đáp:

- Có thể được.

Ngài bảo:

- Ông có thể giữ không giết hại?

Thần bảo:

- Có quyền nắm trong tay sao bảo không giết hại được?

Ngài bảo:

- Không phải thế. Đây có nghĩa là có sự lạm dụng lầm lẫn nghi ngờ hỗn tạp.

Thần đáp:

- Có thể được.

Ngài bảo:

- Ông có thể giữ sự không hư dối chăng?

Thần bảo:

- Tôi vấn chánh trực sao có thể hư dối được?

Ngài bảo:

- Không phải thế. Đây có nghĩa là trước sau chăng hợp với lòng trời.

Thần đáp:

- Có thể được.

Ngài bảo:

- Ông có thể giữ sự chẳng gặp phải rượu chè say sưa hư bại chăng?

Thần đáp:

- Có thể được.

Ngài bảo:

- Trên đây là giới của chư Phật cấm chế.

Ngài lại bảo:

- Dùng hữu tâm để phục trì mà không có tâm câu chấp, dùng hữu tâm vì mọi vật mà không có tâm suy tưởng tự thân. Nếu được như vậy thì trước lúc trời đất chưa sinh chẳng làm tĩnh, sau khi trời đất diệt chẳng là lão. Chọn ngày biến hóa mà chẳng lấy làm động. Vắng lặng mà chẳng lấy làm thể. Tỏ ngộ được như vậy thì tuy có lấy vợ cũng chẳng phải là vợ, tuy có hưởng thụ cũng chẳng phải là lấy, tuy có nắm cầm cũng chăng phải quyền uy, tuy có tạo tác cũng chẳng nên vậy, tuy có say cũng chẳng phải hôn mê vậy. Nếu vô tâm đối với vạn vật thì tuy có lưới dục cũng chẳng là dâm, phước hóa họa thiện chẳng phải là trộm, lạm lầm hỗn nghi chẳng phải là sát hại, trước sau đối với trời cũng chẳng phải là vọng, hôn mê hoang đảng đảo điên cũng chẳng phải là say. Đó gọi là vô tâm, vô tâm thì vô giới, vô giới thì vô tâm. Không Phật, không chúng sinh, không ngươi và không ta, không ta và không ngươi, vậy ai có thể giữ giới ư?

Thần nói:

- Thần thông của tôi sau Phật một bậc.

Ngài bảo:

- Thần thông của ông, năm cú có thể được, năm cú không thể được. Phật thì mười cái được bảy còn ba không?

Thần khiếp sợ, liền trải chiếu quỳ dài rất cung kính thưa:

- Tôi có thể nghe được chăng?

Ngài bảo:

- Ông có thể xoay Thượng đế từ trời Đông hướng mặt đến thất diệu ở trời Tây chăng?

Thần đáp:

- Không thể được.

Ngài lại hỏi:

- Ngươi có thể chiếm đoạt Địa kỳ dung thông năm núi và kết cả bốn biển chăng?

Thần đáp:

- Không thể được.

Ngài bảo:

- Đó là năm sự không thể được.

Ngài lại bảo:

- Phật có thể không tất cả tướng thành trí muôn pháp, mà không thể tức diệt định nghiệp. Phật có thể biết mọi việc trong muôn ức kiếp

của các loài tánh mà không thể hóa độ dẫn đạo đối với lẽ vô duyên. Phật có thể cứu độ vô lượng hữu tình mà không thể cùng tận chúng sinh giới. Đó là ba điều không thể được của Phật. Vậy Định nghiệp cũng chẳng là lao ngục lâu dài, vô duyên cũng có nghĩa là nhất kỳ và chúng sanh giới vốn không tăng giảm. Phơi bày không một người hay làm chủ hữu pháp. Hữu pháp vô chủ, đó gọi là vô pháp. Vô pháp vô chủ nghĩa là vô tâm. Như ta nay giải nghĩa về Phật cũng chẳng phải là Thần thông, mà chỉ có thể dùng vô tâm để thông đạt hết thảy các pháp. Đó là điều thầm hiện trước đây. Nếu hữu tâm hữu tác, hẳn không thể cùng khắp được.

Thần núi thưa:

- Con thật có thiển cận ám muội, chưa từng được nghe nghĩa Không. Xin ngài trao truyền giới cho con, con sẽ phụng hành. Trọn không nghiệp nhân gì có thể bó buộc trong cõi trần. Con xin nguyện báo đáp ân từ đức!

Ngài bảo:

- Ta quán nói thân không vật, quán khắp vô thường rỗng không hiển lộ vậy, đâu có ham muốn gì?

Thần thưa:

–Ngài hẳn ban bảo cho con làm việc thế gian. Mở mang thần công bé bỏng nơi con, khiến năm hạng người: Đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm, không cótín tâm ắt có tín tâm nhìn thấy vết thần của con mà biết được có Phật, có Thần, có người có khả năng, có người không có khả năng, có tự nhiên và có chẳng phải tự nhiên.

Ngài bảo:

- Không làm vậy! Không làm thế!

Thần nói:

- Phật cũng sai bảo thần hộ trì Phật pháp, sao ngài lại hủy phá lời Phật ư? Tùy ý ngài rủ lòng răn dạy!

Bất đắc dĩ mà ngài nói rằng:

- Chướng ngại ở chùa Đông nham là rậm rạp mà không cây cối. Tại Bắc tụ có cây ổi mà chẳng ngăn chắn ưng che. Ông sau này có thể trồng trọt cây cối ở Đông nham ư?

Thần đáp:

- Con đã nghe sự chỉ dạy của ngài vậy!

Thần lại nói tiếp:

- Trong đêm tối, hẳn con sẽ lay động bày gió mưa chấn động liên tục, xin ngài chớ hải sợ!

Thần liền đảnh lễ mà khước từ. Ngài tiễn đưa Thần ra cửa mà quán sát, thấy nghi vệ như hình tượng của Vương giả.

Đêm đó quả thật có gió bão, sấm sét vang rền may mưa chấn động. Nóc nhà trang vũ lớn cao ngấp nghễnh dáng đá sắp đổ nát. Các vị Tăng định tĩnh vẫn động lòng, tiếng chim kêu trong đêm như cuồng dại, cùng nhau đấp đá loảng soảng, mọi vật chẳng an chỗ... Ngài mới bảo chúng Tăng rằng:

- Không nên khiếp sợ! Không nên khiếp sợ thần núi cùng với Ta đã bàn tính!

Đến sáng sớm mai, trời đã tạnh mưa, thì các thứ cây tùng cây ở núi phía Bắc đều dời đến đỉnh núi phía Đông trồng tỉa ngay hàng thẳng lối rậm rạp.

Ngài bảo cùng đệ tử rằng:

- Sau khi ta tịch chớ cho người ngoài biết, nếu vì lở miệng, thật là người hại ta!

Năm Khai Nguyên thứ tư (716) đời tiền Đường, ngài thị tịch, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

130. Thần tăng Thông Huyền

Ngài Thông Huyền dòng họ Lý, người xứ Đông Bắc Thái Nguyên. Những lúc ngài làm việc chẳng thể sánh bì. Thân ngài cao hơn bảy thước, dung mạo màu đỏ tía lông mi dài quá mắt, râu mép tóc mai như họa vẽ, tóc màu xanh mà xoắn ốc, môi đỏ nhuận, răng kín khít, mang da cây gỗ hoa, áo mão thuần vải bố lớn, may vá tự chế, lưng không thất đai, chân chẳng giày dép nhẹ. Tuy giữa mùa đông lạnh nhưng không bị bệnh hoạn tay chân nức nẻ, mùa Hạ nắng gắt không cấu bẩn hay mồ hôi xâm bám. Ngài rất phóng khoáng tự tại chẳng bị gì bó buộc. Song, thông bác cổ kim cho đến Nho thích, mỗi lúc phát ngôn từ khí như chuông lớn khua động. Ngài luôn chú tâm về Hoa Tạng, chưa từng ngủ yên.

Mùa Xuân năm Khai Nguyên thứ bảy (716) đời tiền Đường, ngài mang kinh Hoa Nghiêm, bản Tân dịch, kéo lê gậy trúc từ Định Tương đến nhà Cao Sơn Nô ở thôn Đại hiền, Hương Đồng Dĩnh, thuộc phái Tây nam của Huyện vu, Tinh bộ, ngài dừng nghỉ trong một phòng bên cạnh, tạo luận diễn xướng kinh Hoa Nghiêm. Suốt ba năm ngài không bước ra cửa sân. Cao Sơn Nô và mọi người chung quanh lân cận trong thôn lấy làm lạ mà chẳng thể lường biết. Mỗi ngày, ngài chỉ ăn mười quả táo và một cái bánh lá bách, ngoài ra không cần gì thêm. Sau, ngài lại dời đến Nam cốc ở nhà họ Mã bên cạnh một ngôi nhà thời xưa, làm

một ngôi nhà bằng đất nhỏ, ngài yên nghỉ ở đó. Gia đình họ Cao vẫn thường dân cúng táo và bánh. Ngài cũng thường mang bản kinh luận, của ngài viết đến Hàn Thị Trang. Giữa đường gặp một con hổ, ngài đưa tay vỗ vào lưng nó. Vì thế mà nó mang kinh luận phụ giúp ngài chuyển tải đến trong một cái khám bằng đất. Hổ chuôi tai đi trước. Tại xứ đó không có suối để lấy nước dùng. Gặp một trận bão, mưa gió nhổ trốc gốc một cây tùng già kéo vất cả trăm thước, ngoài ra đều trở thành hồ, sâu chừng một trượng, nước ở đó có mùi vị ngạt thơm. Đến nay gọi là suối Trưởng giả. Dân chúng ở trong thôn phần nhiều bị nắng hạn, ngài luôn đến cầu mưa, rất có ứng nghiệm.

Trong thời gian ngài viết luận, trong thất không có dầu đèn. Mỗi đêm, đến lúc ngài nắm bút thì từ hai gốc khóe miệng phóng ra luồn ánh sáng màu trắng dài hơn thước sáng rực soi chiếu thường luôn như thế. Từ khi ngài đến trong Khám đất, bỗng chốc có hai người con giái nhan sắc xinh đẹp thanh nhã, thường ngày mang một hộp thức ăn đến trước Khám sắp bày thức ăn rồi lấy đồ mà đi. Trải qua năm năm như vậy. Đến như các thứ giấy mực thảy đều cúng tặng không thiếu. Đến lúc ngài viết hoàn tất các Luận, tự nhiên không hiện đến nữa. Ngài tạo luận được bốn mươi quyển, bao quát văn nghĩa cả thảy cả thảy tám mươi quyển kinh, kế đến là bộ Quyết nghi luận bốn quyển.

Ngày nọ, dân chúng trong thôn nhóm họp để lấy nước uống dùng, ngài đến nói với mọi người rằng:

- Các ngươi khéo ở sống vui vẻ, nay tôi đi đây!

Mọi người kinh ngạc hỏi ngài đi đâu, ngài bảo:

- Tôi xả báo thân này!

Mọi người đều buồn khóc luyến mộ đưa người đến khám đất. Ngài bảo:

- Đi ở thường!

Mọi người xuống núi trở về nhà mình. Từ đó mây nhóm tụ tối tăm. Đến giờ Tý, ngài an nhiên thị tịch trong khám. Ánh sáng sắc trắng từ trên đảnh đầu ngài phóng ra xuyên suốt giữa không trung. Hôm đó là ngày 28 tháng 3 năm Khai Nguyên thứ 18 (730) đời tiền Đường, ngài hưởng thọ chín mươi sáu tuổi.

Đến sáng sớm mai, có vài người lên núi, thấy trong khám đất đó có rắn hổ rất nhiều, chẳng thể bước tới, bèn cùng nhau khởi cáo, rắn hổ liền tản mác. Kẻ lớn người nhỏ đều tìm đến vô cùng xúc động, kết kiệu nghinh thỉnh nhục thể ngài đến phía Bắc núi Thái, dùng gạch đá xây dựng bảo tháp mà an táng. Trong ngày cử hành lễ an táng có hai con nai

đón, một đôi hạc trắng và nhiều loài chim thú khác tụ hội trong tướng trạng buồn thương và quyến luyến.

131. Thần tăng Nhất Hạnh

Thích Nhất Hạnh, ngài dòng họ Trương, người xứ Cự lộc, vốn tên là Toại, tuy tuổi nhỏ mà ngài chẳng như cùng trang lứa, mà thông tuệ minh lợi có phong thái của người già. Đọc sách chỉ qua một lần không phải đọc lại là đã thuộc lòng, ngài phụng thờ Thiền sư Phổ Tịch, được xuất gia xuống tóc tại Trung sơn.

Ngài từng thiết trai tại chùa, Tăng chúng và Sa-môn ở chung quanh trong vòng vài trăm dặm đều đúng như thời hạn mà đến. Vả lại, vừa mới đến vài người, bấy giờ có ngài Lư Hồng đạo cao học rộng, ẩn cư tại Trung sơn, nhân đó thỉnh ngài viết bài văn tán thánh trai hội đó. Đến ngày đó, ngài Lư Hồng mang bài văn tới chùa và trao đặt trên bàn án. Chung phạm đã làm, ngài Lư Hồng nói với ngài Phổ tịch rằng:

- Bài văn tôi viết có tới vài ngàn từ, huống gì trong đó chữ hẹp mà lời mắc mỏ, bởi thế cần chọn người thông ngộ trong chúng Tăng, Hồng tôi sẽ đích thân trao truyền cho.

Ngài Phổ Tịch mới gọi ngài. Đến nơi, ngài bày giấy ra, mỉm cười xem qua một lượt rồi đặt lên Án, ngài Lư Hồng khinh ngài sơ thoát lấy làm lạ. Bỗng chốc, chư Tăng đã tụ hội trong trai đường, ngài đẩy tay áo mà đến, cất giấu bài văn, chỉ đọc trầm, nhưng dò xét chẳng quên sót một từ. Ngài Lư Hồng kinh ngạc giây lâu rồi nói với ngài Phổ Tịch rằng:

- Với Nhất hạnh thì khả năng của ngài Phổ Tịch không thể dạy bảo dẫn dắt nỗi, nên để cho được du phương tham học.

Ngài nhân cúng Đại điển, từ đó tìm hỏi thầy lành chẳng quản xa vài ngàn dặm. Ngài từng đến chùa Quốc thanh ở núi Thiên thai, thấy một viện sở có vài mươi gốc tùng già, trước cửa có dòng nước chảy. Ngài đến đứng ở chấn cửa, lắng nghe trong viện có tiếng chư Tăng tại giữa sân đang biện bày toán số, âm thanh... Thế rồi nói học trò rằng:

- Ngày nay sẽ có đệ tử đến cầu ta về toán pháp, đã đến cửa, sao không người dẫn đến?

Liền trừ một toán, lai bảo rằng:

- Dòng nước trước cửa chảy theo dòng về hướng Tây, đệ tử nên đến!

Ngài vâng theo lời mà vào, cúi đầu cầu thỉnh pháp thế được trao truyền đạo thuật, và dòng nước chảy trước cửa lại chảy về hướng Đông.

Từ đó, tiếng tăm ngài vang vọng khắp gần xa.

Vua Huyền Tông (712–756) đời tiền Đường nghe thế mời gọi ngài vào trong cung, hỏi:

- Khanh có tài năng gì?

Ngài đáp:

- Khéo xem qua liền ghi nhớ.

Nhân đó, vua Huyền Tông vời ngài đến bên sân, đem sách vở của mọi người trong cung để bày đó. Đọc qua một lượt rồi cất bản văn, ngài ghi nhớ chính chắn như vốn chỗ tập đọc, sau khi đọc vài bức, bất chợt vua Huyền Tông bước xuống khỏi giường đảnh lễ ngài, tôn xưng là Thánh nhân. Khen ngợi giây lâu mới chiếu đối không thường. Ngài chiêm đoán mọi sự họa phước như chỉ vật trong lòng bàn tay, nói rất nhiều điều bổ ích. Hình Hòa Khát nói với Doãn Ân rằng:

- Nhất Hạnh! Ngài quả thật là Thánh nhân. Thời nhà Hán, có Lạc Họa Hoành tạo lịch Đại diễn, nói sau tám trăm năm sẽ có sai một ngày, thì có bậc Thánh nhân chế định lại và Nhất Hạnh tạo lịch Đại diễn sửa lại sai lầm đó. Vậy lời nói của Lạc Họa Hoành đáng tin cậy.

Ngài từng đến Đạo sĩ Doãn Sùng, mượn Dương Hùng Thái Huyền kinh, vài ngày sau bèn đem sách trả lại. Doãn Sùng bảo:

- Sách ấy ý chỉ sâu xa, tôi tìm đọc đã nhiều năm còn chưa hiểu. Ông thử mượn nghiên cứu sao vội trả?

Ngài bảo:

- Tôi hiểu rốt ráo nghĩa ý trong ấy.

Nhân đó ngài soạn thuật Đại Diễn Huyền Đồ và Nghĩa Quyết một quyển đưa đến cho Doãn Sùng, Doãn Sùng ngợi khen và khâm phục, nói với mọi người rằng:

- Nhất Hạnh là Nhan Tử tái sinh!

Thuở bé thơ nhà ngài nghèo khổ, bên cạnh nhà có Vương Mỗ trước sau đã giúp đỡ ngài khoảng vài chục ngàn, ngài thường nghỉ cách báo đáp ân nghĩa đó. Trong niên hiệu Khai Nguyên (713–742) đời tiền Đường, ngài thừa cơ hội sự kính ngộ của vua Huyền Tông nên nói gì cũng được, gặp lúc con của Vương Mỗ tội giết người, bị giam tù chưa đủ, Vương Mỗ đến xin ngài cầu cứu, ngài bảo:

- Người cần vàng bạc, tôi hẳng đáp đền gấp bội mười lần, còn quân thượng nắm giữ luật pháp khó thể cầu xin, biết làm sao!

Vương Mỗ nắm tay sĩ mắng ngài, bảo rằng:

- Đâu dùng được gì ở sự hiểu biết của vị Tăng này?

Ngài từ đó mà tạ biệt chọn chẳng nhìn lui. Trong tâm ngài tính

ở chùa Hồn thiên, lao công phục dịch có đến vài trăm người, liền sai người đem vào đó một cái chum lớn để trong thất ngài để rỗng không, chọn hai kẻ tớ thường ở, trao cho nó cái đãi vải bố, bảo rằng:

- Tại hướng đó, góc đó có một cái vườn hoang phế, hai người lẫn trốn vào đó, dò xét từ buổi trưa giờ Ngọ cho đến chiều tối, sẽ có loài vật vào nó thuộc số bảy thì bắt lấy cả, nếu mất một thì bị đánh gậy đánh.

Hai người theo lời ngài chỉ dẫn mà đi. Đến sau giờ Dậu, quả thật có bầy lợn tìm tới và đều bắt gọn đem về, ngài rất vui mừng, bảo thả vào trong chum, dùng nắp gỗ đậy lại và lấy bùn sình bồi trét lại, dùng mực đỏ viết vài mươi chữ Phạn. Bọn tớ ấy đều chẳng biết.

Sáng sớm mai, Trung Sứ gõ cửa, vội vời đến điện, đích thân vua Huyền Tông ra nghênh đón hỏi. Thái Sứ tâu:

- Đêm qua sao Bắc đẩu không hiện đó là điềm gì? Ngài có phương pháp gì để cầu đảo chăng?

Ngài bảo:

- Từ sau thời nhà Nguỵ mất đi sự huyền hoặc đến nay Đế Xa chẳng hiện, xưa vốn không như vậy. Đó là trời cảnh tỉnh lớn đối với bệ hạ, sẽ không có được cái hàng thất phu phụ thì sương rơi quanh và nắng hạn. Chỉ có đức lớn mới cảm kích và có thể thoái xả. Sự thực có sự cảm kích ấy là ở chỗ chôn vùi trói buộc. Hàng Thích tử vì sân tâm mà phá hoại tất cả công đức Thánh thiện, do Tâm từ mà hàng phục tất cả quân ma. Theo sự thấy biết vụn vặt của hạ thần không gì hơn đại xá cho thiên hạ.

Vua Huyền Tọng bèn vâng theo đó, quan thái sử lại tâu:

- Trong chùm sao Bắc đẩu đã hiện lên một ngôi, sau bảy ngày thì sẽ hoàn toàn đầy đủ.

Nhà vua cũng thường bảo ngài về vận nước được bao lâu và có để lại gì khó khăn không ngài bảo:

- Xe loan đi đến muôn dặm, xã tắc chung cùng ở cát.

Nhà vua kinh hãi hỏi nguyên do, ngài không đáp, ngài dùng một hộp bằng vàng nhỏ dâng vua rồi cáo từ, ngài bảo đi đến vạn dặm hãy mở ra xem. Một ngày nọ, nhà vua mở hộp xem, kịp đến lúc Lộc sơn dấy loạn, xa giá rảo chơi thành đô, đến cầu Vạn lý tự nhiên tỏ ngộ. Sau đó không lâu thì trở về. Vua Chiêu Tông (889 - 904) lúc đầu được phong là Cát vương. Đời tiền Đường đến thời vua Chiêu tông là sắp bại hoại nên ngài trước nói là chung cùng với cát.

Cuối niên hiệu Khai Nguyên (...- 742) đời thời tiền Đường có Bùi Khoan chấp chính tại Hà nam. Bùi Khoan rất kính tin Phật pháp, dốc

lòng phụng sự Thiền sư Phổ Tịch, sớm tối thường lui tới. Một ngày nọ Bùi Khoan tới, ngài Phổ Tịch bảo:

- Có việc nhỏ chưa rảnh để nói cùng ông. Vả lại thôi xin đợi dùng nghỉ!

Bùi Khoan mới lặng đứng yên ở nhà trống, thấy ngài Phổ Tịch chùi dọn chánh đường rồi đốt hương an tọa, ngài ngồi chưa bao lâu, bỗng nghe tiếng gõ cửa liên tiếp bảo:

- Thiên sư Nhất Hạnh, Hòa thượng đến!

Ngài Nhất Hạnh bước vào đến chỗ ngài Phổ Tịch, đảnh lễ. Đảnh lễ xong, kề tai nói nhỏ, dáng vẻ rất cung kính cẩn trọng. Ngài Phổ Tịch chỉ gật đầu bảo:

- Gì chẳng được!

Nói xong rồi đảnh lễ, đảnh lễ rồi lại nói, như vậy đến ba lần, ngài Phổ Tịch chỉ bảo:

- Gì chẳng được!

Ngài Nhất Hạnh nói rồi, bước xuống cấp thềm vào phía Nam đường tự đóng cửa phòng thị tịch, ngài Phổ Tịch mới từ từ bảo đệ tử, sai đánh chuông khánh báo cùng chúng biết rằng:

- Hòa thượng Nhất Hạnh đã diệt độ.

Mọi người vội chạy đến xem, qua thật đúng như lời nói ấy, ngài đã viên tịch. Sau đó, Bùi Khoan vận mặc tang phục, ngày an táng đi bộ ra thành tiễn đưa.

Ngài hưởng thọ bốn mươi lăm tuổi, vua Huyền Tông buồn khóc rất thảm thiết, bãi triều ba ngày, lưu để nhục thể ngài trong khám hai mươi mốt ngày, dung mạo vẫn như lúc sinh tiền. Nhà vua đích than ngự chế văn bia viết vào đá, xuất kho năm trăm vạn tiền xây dựng tháp gò Đồng nhân, đề thụy hiệu là Đại Tuệ Thiền sư

132. Thiền Sư Vô Úy

Ngài Tam tạng Pháp sư Vô Úy vốn người Thiên Trúc, ngài thoái vị xuất gia học đạo, đạo đức danh xưng đứng đầu ở Thiên Trúc, giảng pháp có nhiều dị tướng.

Trước tiên, ngài từ Thiên Trúc đến, các quan dẫn ngài đến yết kiến vua Huyền Tông (712–756) đời tiền Đường, vua Huyền Tông vừa thấy ngài liền kính tin, nhân đó thưa rằng:

- Ngài từ xa đến chắc là rất mệt, vậy muốn nghỉ ở đâu?

Ngài bước đến bảo:

- Lúc ở Thiên Trúc, thần thường nghe nước Đại Đường ở chùa Tây

minh có Luật sư Đạo Tuyên là bậc trì luật đệ nhất, nên xin được đến đó để nương tựa. Vua Huyền Tông liền chấp thuận theo.

Luật sư Đạo Tuyên nghiêm trì giới luật rất nghiêm minh, khổ phần tu tính khiết, mà ngài thì uống rượu thịt, nói năng thô kệt, thường luôn say sưa ồn náo, đến nỗi làm dơ bẩn cả đệm chiếu, nên ngài Đạo Tuyên rất khó nhẫn chịu. Một hôm, ngài Đạo Tuyên vỗ đánh con rận rớt xuống đất, ngài nửa say nửa tỉnh luôn miệng bảo:

- Luật sư! Luật sư đánh chết Phật tử ư?

Ngài Đạo Tuyên mới biết ngài là người khác thường, bèn chỉnh trang y phục đảnh lễ, cung phụng như bậc thầy.

Lúc đầu ở Lạc thành, có một con rắn lớn cao hơn một trượng dài cả trăm thước, hình dáng rất khác lạ, chiếm cứ nhiễu quanh dưới núi, dân chúng ở Lạc thành đều thấy, ngài bảo rằng:

- Con rắn này muốn tháo ngòi nước chứa ở Lạc thành.

Liền nói nghĩa trong sách Phật. Đến đêm đó, con rắn cỡi mây sương mà lại, hình dạng như nghiêng mình lắng nghe. Ngài trách nó rằng:

- Ngươi là loài rắn, nên ở trong rừng sâu để yên ổn, cớ sao lại muốn nhả độc trong đời ư? Hãy mau đi đi, chớ gây tai họa cho mọi người!

Rắn nghe thế, tỏ ra hổ thẹn, liền cúi đầu xuống đất, lát sau thì chết. Sau đó, An Lộc Sơn phá hủy hết Tông miếu, quả thật đúng như lời ngài nói.

Tháng bảy năm Khai Nguyên thứ 10 (722) đời tiền Đường, đang lúc nắng hạn, vua Huyền Tông sai sứ mang chiếu đến thỉnh ngài cầu mưa, ngài bưng một bát nước đầy, dùng con dao nhỏ khuấy động, tụng chú vài biến, liền có loài vật hình như nòng nọc ở trong bát ngoảnh đầu lên mặt nước, ngài chú nguyện sai khiến nó được, có luồng khí màu trắng từ trong bát tuôn vọt lên, ngài nói với kẻ sứ mang chiếu đến rằng:

- Hãy về gấp, mưa sắp ập đến.

Kẻ sứ liền vội bước ra, chỉ trong khoảnh khắc gió thổi, sấm sét nổ vang chấn động, Kẻ sứ bước vào trình tấu thì áo mão đã thấm ướt, mưa liền nhiều ngày mới dứt. Lại cũng đã từng bị mưa gió thời tiết làm hư hoại nên vua Huyền Tông lại ban chiếu thỉnh ngài làm ngưng dứt, ngài nắn đất bùn làm hình năm bà già rồi nhìn thẳng vào đó quát mắng bằng tiếng Phạm, tức khắc liền tạnh mưa.

Ngài từng qua Long hà, dùng một con Thác đà mang chở kinh,

chìm trong nước, ngài sợ mất kinh vội theo đó vào trong dòng nước. Khi đó, Long vương thỉnh mời ngài đến Long cung giảng kinh, ngài dừng ở lại ba đêm mới ra. Các kinh sách mang theo chẳng ướt một chữ. Những sự kiện thần dị của ngài phần nhiều đại loại như thế.

133. Thần tăng Kim Cang Trí

Ngài Kim Cang Trí vốn tên tiếng Phạm là Bạt-nhật-la Bồ-đề, người nước Ma-lại-da thuộc Nam Ấn Độ. Vừa mới vài tuổi, hằng ngày ngài đã đọc tụng đến vạn lời, mắt xem qua, tâm ghi nhớ trọn đời không quên, năm lên mười sáu tuổi, tỏ ngộ được lý Phật, ngài bèn xa bỏ thế tục mà xuất gia theo thầy đi khắp các nước.

Niên hiệu Khai Nguyên (713–742) đời tiền Đường, ngài đến Quảng phủ, sau xa giá đến Lạc dương. Từ tháng giêng đến tháng năm năm đó, trời hạn hán không mưa. Mọi người cầu đảo khắp các núi non sông rạch đều không ứng nghiệm gì, nhà vua mới ban chiếu thỉnh ngài kết đàn cầu mưa. Khi đó, ngài dùng móc câu Bất không, y pháp Bồ-tát lập đàn ngay chỗ ở, sâu bốn khủy tay, đích thân họa vẽ tôn tượng Bồ-tát Thất-câu-chi, lập kỳ hạn khai quang minh nhật định tùy mưa. Vua Huyền Tông bảo Thiền sư Nhất Hạnh cẩn trọng kính hầu. Đến ngày thứ bảy, hơi nóng bừng bừng trời không ván mờ, sau giờ Ngọ mới khai điểm mày mắt, gió từ phía Tây gió nổi dậy, thổi lật ngoái tấm, cây cối đổ ngã, mấy tụ phát mưa, xa gần đều kinh hãi. Ở tại chỗ đất mà Kết đàn xuyên thủng cả mái nhà, nước tuôn mạnh xuống đạo tràng. Chất Minh kinh sư nhất thứ đều nói là: "Ngài được một con Rồng xuyên thủng mái nhà mà bay đi." Ngày ấy, mọi người đến xem rất đông.

Lúc đầu công chúa thứ hai mươi lăm của vua Huyền Tông, rất được bổng lộc và sự mến thương của nhà vua, mắc bệnh từ lâu mà không cứu chữa được, bèn dời đến nằm ở ngoại quán Hàm nghi, nhắm mắt không nói đã trải qua mười ngày, vua có ban sắc thỉnh ngài trao truyền giới pháp cho công chúa, bởi nghĩ liệu công chúa ắt qua đời nên làm như vậy. Ngài đến đó chọn lấy hai bé gái độ bảy tuổi ở trong cung, dùng phấn tô vẽ mặt mày, bảo nằm giữa đất, sai Ngưu tiên đồng viết một bức sắc đem đốt ở chỗ khác, ngài dùng mật ngữ chú nguyện, hai đứa bé tự nhiên đọc được không sót một lời. Ngài nhập Tam-ma-địa, dùng lực bất tư nghì khiến hai đứa bé mang sắc đến Diêm-ma vương. Chỉ trong khoảng bữa ăn, vua Diêm-ma sai công chúa mất bảo mẫu họ Lưu hộ đưa hồn công chúa theo hai đứa bé đến. Khi đó, công chúa bật người ngồi dậy mở mắt, nói năng như thường. Vua Huyền Tông nghe

vậy, chẳng đợi trương vệ, vội đi thẳng đến ngoại quán, công chúa tâu rằng:

- Minh số khó đổi, nay vua Diêm-ma sai hồi phục kính cẩn chiêm ngưỡng dung nhan Thánh thượng mà thôi, có thể chỉ đến nửa ngày, sau đó đi khỏi.

Từ đó nhà vua càng thêm quy hướng kính ngưỡng về ngài.

Võ Quý Phi rất mến quý Lục cang, đem cúng dân vật báu, ngài khuyên Quý phi hãy gấp tạo tượng Bồ-tát Kim Cang thọ mạng. Lại khuyên Hà Đông quận vương nên họa vẽ tượng ở trong tháp Tỳ-bà-giá-na. Ngài nói cùng môn nhân rằng:

- Thọ mạng hai người ấy không được lâu dài.

Chỉ trong vài tháng, quả thật đúng như lời ngài nói.

Đến ngày mười sáu tháng năm Nhâm Thân, tức năm Khai Nguyên thứ 20 (732) đời tiền Đường, đang ở chùa Quảng khước tại Lạc dương, ngài bảo môn nhân rằng:

- Đến lúc trăng sáng tỏ tròn đấy là ta sẽ đi.

Ngài đến đảnh lễ Tôn Tượng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, đi nhiễu quanh bảy vòng rồi trở về bổn viện, đốt hương đảnh lễ phát nguyện, trên đảnh đầu ngài đội kinh điển mà giáo pháp mới dịch, phó chúc xong, ngài lặng lẽ thị tịch.

134. Thần tăng Giám Nguyên

Thích Giám Nguyên, không biết ngài là người ở đâu, đức hạnh soi sáng rõ ràng. Sau, ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, hiệu là Thắng Tập. Hằng ngày cúng dường cơm cháo cho cả ngàn vị, mà gạo thốc trong bịch đệm chỉ khoảng vài trăm hộc, song lấy không hết. Từ mùa Hạ sang mùa Thu, chưa từng báo hết, ngài có sự minh cảm như thế. Về sau lại có nhiều điều ứng nghiệm, có Thiền sư Tuệ Quán thấy hơn ba trăm vị Tăng nắm đèn hoa lướt giữa không trung mà đến, lần lượt như dòng sao chảy.

Niên hiệu Khai Nguyên (713–742) đời tiền Đường, Thôi Ký Công thăm dò nghi ngài yêu quặc, đích thân tự vào núi dừng ở qua đêm, dự cấm quanh bốn phía núi ngoài ba mươi dặm đều không có ánh lửa. Đến đêm thứ ba có hơn trăm ngàn ngọn đèn tỏa ánh áng sắc hồng cao hơn ngàn thước, Ký Công thốt nhiên đảnh lễ ngợi ca chưa từng có. Bấy giờ, giữa khoảng các cây tùng hiện ra hai cánh tay mà sắc vàng rồng dài độ bảy thước. Có hai vị Bồ-tát phóng sáng các sắc màu vàng trắng... sau đó, trên cây bách ở trước sân hiện lên một ngọn đèn sáng tỏ như ban

ngày, chung quanh đều trang bày pha lê, phía dưới núi trong vòng ba dặm, các viên ngọc báu trọn độ một trượng lấp lánh thật đáng thích. Ở cửa núi Tây lãnh hiện trên cầu vồng lớn, trên cầu có các vị Phạm Tăng già có trẻ có, lại xuất hiện hai ngọn đuốc lớn soi sáng giữa không trung, phía dưới có bốn vị Bồ-tát hai đôi đối lập nhau phóng ánh sáng soi suốt tự thân cao đến bảy tám mươi thước. Lại thấy ở sau rừng tùng lớn, bỗng nhiên có biển nghạch chùa viết theo lối chữ triện hai chữ Tam Tuệ. Thêm nữa, phía dưới ngọn đèn rủ hai dãi vải lụa. Ở phía Đông lâm nửa đêm xuất hiện ra núi vàng, bấy giờ đang là tháng năm, vòng bạc màu nhăng đèn bên cạnh bảo tháp ngài Ngộ Đạt Quốc sư. Có Vĩ Nam Khương Cao mỗi ba tháng đến chùa thiết Đại trai hội cúng dường ba trăm vị Bồ-tát, ngài quả thật là Bồ-tát hiện tướng thân.

135. Thần tăng Nghĩa Phước

Sa-môn Nghĩa Phước, ngài người xứ Thượng đảng, phạm hạnh tinh tu, tướng đảo đoan nghiêm thanh khiết. Các hàng quan thần dân thứ đều rất quy ngưỡng. Ngài từng theo xa giá đến Đông đô, mọi người ở các quận huyện khi thấy ngài đi ngang qua đều nghiêng mình quy hướng, các nhà Đàn-việt thí chủ giàu có ngàn vạn đều giao phó mà đi.

Bỗng một sáng sớm, ngài gọi học chúng lại bảo là sắp thị tịch. Các quan thần binh bộ thị lang Trương Quân, trung thư thị lang Nghiêm Đĩnh Chi, hình bộ thị lang Phòng Quan, lễ bộ thị lang Vĩ Thiệp theo lệ thường đến tham yết. Ngày đó ngài cũng cho biết, ngài thăng tòa vì tất cả môn đồ mà nói pháp, ta sắp tịch nên nay quyết định từ biệt!

Trong giây lâu, Trương Quân nói với Phòng Quan rằng:

- Năm xưa, từ ngày ăn kim đơn đến nay chưa từng bất an.

Nói xong Trương Quân bèn lẫn trốn đi. Ngài nói cùng Phòng Quan rằng:

- Ta cùng với Trương Quân đi có vài năm, ông ấy có các lỗi khác thường, danh tiết đều khuyết thiếu. Từ trước đến nay nếu trọn pháp hội, thì đủ để miễn nạn, tiếc thay!

Rồi ngài bèn nắm tay Phòng Quan, bảo:

- Hẳn sẽ là Trung Hưng danh thần, ông nên cố gắng đó!

Nói xong, ngài liền thị tịch.

Lúc An Lộc Sơn tạo loạn, Trương Quân vùi lấp sân giặc trao thừa ngụy thụ, con Phòng Quan phò tá hai triều cuối cùng lập nên đại tiết.

136. Thần tăng Chân Biểu

Ngài Chân Biểu vốn người xứ Bách tế, nhà ở Kim sơn, đời đời

theo nghề săn bắn. Sau, ngài vào núi sâu dùng dao cắt tóc, cần khổ sám hối, đem thân mình đập xuống đất, chì cầu giới pháp, lập nghiệp mong cầu Bồ-tát Di-lặc trao cho mình giới pháp. Đêm ngày hạ thủ công phu, đi nhiễu quanh khấu đầu vào một chiếc cốc, tâm niệm tương tục, trải qua bảy đêm, đến sáng sớm thấy Bồ-tát Địa Tạng, tay cầm gậy vàng, vì ngài khuyên hóa giáo phát giới duyên tác thọ tiền phương tiện. Cảm ứng được điềm ứng ấy, ngài càng dũng mãnh hơn trước. Đến hết ngày thứ mười bốn, có một con quỷ lớn hiện tướng đáng sợ, xô đẩy ngài rơi xuống dưới núi, nhưng thân mình không thương tổn gì, ngài lăn lóc bò lên trên một đàn đá, lại thêm nhiều tướng ma hiện, thôi dứt trăm ngàn manh mối. Đến gần sáng ngày thứ hai mươi mốt, có tiếng chim Cát tường hát lời nói:

- Bồ-tát đến!

Ngài bỗng thấy mây trắng dường như dần dần lẫn lộn, không còn có cao thấp, núi sông đều bằng đầy, toàn thành thế giới màu bạc. Thiên chủ cung trời Đâu-suất suốt quanh tự tại, nghi vệ sánh nhau vây cùng đàn đá, gió hương mưa hoa cùng lúc hòa reo. Bỗng chốc Đức Di-lặc Từ Thị từ từ bước đến chỗ đàn, đưa tay xoa đảnh đầu ngài, bảo rằng:

- Lành thay, Đại trượng phu! Cầu giới như thế. Đến lần thứ hai, đến lần thứ ba, sống mê khác rõ, tay đẩy mà khước từ. Song, tâm ngươi chọn chẳng thoái!

Ngài Di-lặc vì đó mà trao truyền pháp, thân tâm ngài hòa duyệt như đang trú tại Đệ tam thiền, Ý thức và Lạc căn tương ưng. Bốn vạn hai ngàn dòng sông phước thường lưu chảy khắp tất cả các thứ công đức. Bỗng nhiên phát sáng Thiên nhãn, Đức Di-lặc Từ Thị đích thân trao cho ba pháp y và bình bát, lại ban tặng ngài tên gọi là “Chân Biểu.” Và dưới gối chân Đức Từ Thị lưu xuất ra hai vật, không phải mà cũng chẳng phải ngọc, dùng chế làm thể kiểm, một cái đề là “Bát giả” và một cái đề là “Cửu giả” mỗi cái chỉ có hai chữ. Đức Di-lặc trao cho ngài và bảo:

- Nếu người cầu giới, trước phải sám hối, tội phước thì trì phạm tánh. Lại thêm một trăm lẻ tám cái thẻ, trên thể ghi danh mục một trăm lẻ tám phiền não, Đức Như Lai rắn dạy mọi người là hoặc ba mươi ngày hay bốn mươi ngày hay hai mươi mốt ngày, hành trì sám hối, rất mực tinh tấn, đến lúc mãn hạn, đem hai cái thẻ kiểm trước ra tham hợp với một trăm lẻ tám thẻ, đối trước Phật nhìn giữa không trung mà ném thẻ đó rơi xuống đất, dùng để kiểm tướng nó diệt tội hay không diệt tội. Nếu một trăm lẻ tám thẻ đó bay vòng quanh bên gốc, chỉ có hai cái

thẻ tám, chín (Bát–Cửu giả) sừng sững đứng giữa tim đàn, tức là đắc Thượng thượng phẩm giới. Nếu các thẻ tuy văng xa mà lại có vài thẻ xúc chạm cùng với hai thẻ tám chín, thì nên nhón lấy xem nó là tên phiền não gì, tức khiến người nên sám hối. Chính lúc đem các thẻ có tên phiền não sám hối lại ấy hợp cùng hai thẻ tám, chín để ném các thẻ phiền não, nó văng đi mất gọi là Trung phẩm giới. Nếu các thẻ phiền não đó vùi lấp hai thẻ tám, chín, thì tội chẳng diệt và chẳng đắc giới. Nếu lại thêm một lần thiết Đàn sám hối nữa trải qua chín chục ngày thì đắc Hạ phẩm giới.

Đức Di-lặc Từ Thị lại răn dạy ngài rằng:

- Bát giả–tám tức là Tân Huân và Cửu giả–chín tức là bổn hữu.

Chúc lụy xong, Đại trượng đã trở lui, núi sông mây tạnh.

Từ đó, ngài mang y trời, ôm bình bát trời, giống như vị Tỳ-kheo năm hạ, vì đạo quên mình mà xuống núi hằng hóa. Cây rừng rủ che đường, rất khác lạ không riêng có khe hang cao thấp, chim bay thú manh thuần phục đi trước. Lai nghe giữa không trung có tiếng xướng bảo mọi người trong thôn ấp tụ lạc lại rằng:

- Bồ-tát xuống núi, sao chẳng nghênh đón ngài?

Mọi nười nam nữ trải tóc lấp bùn sình, cởi áo phủ đường, dùng các thứ dạ len lông đệm nối tiếp gót chân. Đệm đẹp nhiều hoa che lấp hầm hố, ngài cảm nhân tình cảm sâu đậm ấy nên từng bước đi qua để san sẻ những tấm lòng ấy. Có một người nữ bay nữa tấm bạch điệp trải ngay giữa đường, bỗng nhiên ngài có sắc thái rất kinh sợ, lánh bước mà đi. Người nữ lấy làm lạ cho rằng ngài không bình đẳng, ngài bảo:

- Tôi không có tâm từ chẳng bình đẳng đâu! Chỉ vừa thấy ngay tấm bạch điệp đều là lợn con, tôi ngại tổn thương chúng sinh nên tránh sự lầm phạm ấy.

Bình sinh nhà người nữ đó làm nghề giết hại, buôn bán nên cô mới có tấm bố ấy. Từ đó về sau, thường có hai con hổ đi theo hai bên ngài, ngài nói với nó rằng:

- Tôi không vào thành quách, các ngươi có thể dẫn đường, đến nơi có thể tu hành thì mới hoảng bộ mà đi.

Đi chừng ba mươi dặm, đến một sườn núi, hai con hổ quỳ dài hướng tới trước, khi đó, ngài treo bát lên cành cây, trải cỏ làm tòa an tọa. Các tín sĩ khắp nơi tự đến cùng xây dựng một ngôi già-lam đặt hiệu là chùa Kim sơn.

137. Thần tăng Minh Đạt

Sa-môn Thích Minh Đạt, không biết ngài từ đâu đến, ngài trú tại ngôi chùa cổ Vạn hồi ở huyện Văn hương.

Khách qua lại thường đến tham yết ngài để hỏi mọi sự tốt xấu, ngài không đáp, mọi người chỉ thấy được chỉ thú của ngài mà thôi. Có người đến tham yết, hỏi ngài rằng:

- Tôi muốn lên kinh đô để thăm người thân, không biết người thân của tôi hiện có bình an không?

Ngài trao cho một cành trúc. Đến kinh đô, thì người thân của người đó đã qua đời.

Lại có người đến hỏi ngài, ngài đem con ngựa nhà chùa trao cho bảo cỡi lấy nó rong ruổi khắp Nam bắc, xong rồi buộc nó lại. Người đó kinh đô trao cho Phán quan, cỡi ngựa đi khắp nơi. Lại có người đến tham yết ngài, ngài dùng cây gậy đang nắm trong tay vẽ xuống đất làm thành ụ gò cao rồi dùng gậy đánh xuống ụ đất ấy. Nhân đó, đất lõm thành hình cái cối. Người ấy không hiểu gì, đi đến kinh đô thì sau lưng nổi ung nhọt sưng đau, cắt bỏ nó đi máu chảy tới đất.

Lý Lâm Phụ làm hoàng môn thị lang, Hồ Tùng từ phương Tây trở về đến tham yết ngài, ngài đeo thêm cái cân lên vai ông ta. Lâm Phụ về đến kinh đô thì làm tướng. Có Lý Ung Môn làm hồ thành lệnh, ngài bỗng nhiên xin lấy con ngựa nhỏ của ông ta, Ung Môn không cho, sau đó một ngày khi ông cỡi ngựa đi ra, ngựa còn ở trong sân, người đứng ở cửa chùa té xuống ngựa mà chết. Các thứ tương tợ như thế rất nhiều.

Ngài thường đứng ở cửa chùa nhìn về hướng Bắc, nói rằng:

- Trong sông này binh mã sao lắm thế!

Lại than dài rằng:

–Trong đây xuất xứ toàn quân đội.

Kịp đến lúc Ca Dã Hàn ưng binh ở ải chương chống cự nghịch Hồ, dưới ải Văn hương hết thảy đều là chiến trường.

138. Thần tăng Pháp Tú

Thích Pháp Tú, chưa rõ ngài là người xứ nào, ngài đến trú tại kinh đô, khi ngài đến Hàm hạo khuyên dẫn mọi người làm việc thiện, cho đến tuổi già, bận rộn ngài không có thời gian nghỉ ngơi.

Cuối niên hiệu Khai Nguyên (...–742) đời tiền Đường, vua Huyền Tông mộng thấy có người bảo rằng:

- Đem năm trăm khăn tay và năm trăm chiếc áo ca-sa đến chùa Hồi hướng để cúng thí.

Đến lúc tỉnh giấc hỏi mọi người chung quanh, đều bảo không biết

chùa Hồi hướng. Nhà Vua mới tìm đến dò hỏi các bậc Sa-môn đạo cao, ngài liền bảo:

- Tôi biết chỗ chùa Hồi hướng.

Nhà vua hỏi ngài cần bao nhiêu người cùng đi. Ngài đáp:

- Chỉ cần được mang các vật đi và một cân danh hương là đủ.

Nhà vua bèn trao cho ngài, ngài đi vào Trung nam, trải qua hai ngày, đến chỗ núi hiểm hóc sâu thẳm đều không thấy gì. Bỗng nhiên gặp một con lăn bằng đá, ngài kinh ngạc bảo:

- Ở đây không có người đến thì làm gì có vật này.

Khi ấy ngài lên đó, đốt hương đang mang theo, lễ bái chúc tụng ai cầu khẩn thiết từ buổi trưa giờ Ngọ cho đến tối. Giây lát từ trong hang sương mù tỏa ra xa xa không được rõ, gần lại thì dần tan. Ở giữa lưng chừng núi có cột trụ màu đỏ vách tường phấn bóng lộ như họa, chỉ trong khoảnh khắc dường như rõ hẳn. Thấy một ngôi chùa như tại giữa mây, ba cửa ngạch lớn. Đến xem kỹ thì chính là chùa Hồi hướng. Ngài rất mừng, liền đến đó. Bấy giờ đã là hoàng hôn, nghe tiếng chuông và tiếng lễ Phật. Có người đứng ở cửa hỏi ngài từ đâu đến, liền dẫn vào, thấy một vị Lão tăng bảo rằng:

- Đại vương ở thời Đại Đường vạn phước, ban bảo người đi theo qua các phòng ban rải khăn tay..., chỉ thừa lại một phần. Có một phòng chỉ có giường trống chẳng có người, có một bộ y phục tòa chiếu, tợ như để chỗ cho người đến, liền đi qua thấy vị Lão tăng. Vị Tăng bảo:

- Qua canh sẽ lại.

Ngài muốn trở lại để trao khăn tay nhưng lại là một phòng rỗng không, giường và người đều không có, ngài bèn đi lui nói cùng vị Lão tăng. Lão Tăng cười bảo:

- Ngài ngồi.

Rồi xoay lại bảo thị giả rằng:

- Đi đến phòng kia lấy chỉ bát lại.

Vị thị giả đem đến là chỉ bát bằng ngọc, Lão tăng bảo ngài:

- Ông có thấy vị Phạm tăng kia chăng?

Ngài đáp:

Có thấy.

Lão tăng bảo:

- Vị đó thay chủ của ông. Trong nước nhà sắp có biến loạn, người chết vô số, đó gọi là vua Ma diệt. Ngôi thất kia là phòng của chủ ông vậy. Chủ của ông ở tại chùa vì ưa thích thổi chỉ bát, nên biến khí ở nhân gian. Ở đây thường làm như thế. Nay hạn cũng đã mãn, nên phải khước

về.

Sáng ngày mai dẫn đến trai đường thọ thực, xong rồi bảo:

- Ông nên trở về và có thể đem chỉ bát này trả lại cho chủ của ông và áo ca-sa khăn tay, bảo tự giữ lấy!

Ngài vái lạy rồi trở lui, có một Đồng tử đưa tiễn ngài đi ra chỉ mới vài bước lại thấy mây sương khắp bốn phía. Đến lúc tan hết thì không còn thấy chùa nữa.

Ngài mang khăn tay, áo ca-sa, chỉ bát... về kính dâng lại vua Huyền Tông và đem tất cả những gì thấy biết thuật lại từ đầu đến cuối. Vua Huyền Tông rất cảm kích vui mừng, nắm lấy chỉ bát mà thổi, y nhiên như chỗ trước kia chấn ngụ vậy. Sau hơn mười năm có họa của Lộc Sơn, chỗ thấy vị Phạm Tăng tức là Lộc Sơn, ngài cảm chỗ gặp nên càng tinh tấn gấp bội thiết tha. Không biết cuối cùng ngài thế nào.

139. Thần tăng Lãn Tàn

Sa-môn Lãn Tàn, khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) đời tiền Đường, ngài đến chùa Hành nhạc chấp lao phục dịch chư Tăng. Mỗi lúc chúng Tăng thọ thực xong, ngài lượm nhặt lấy các thức ăn thừa mà ăn. Bởi tánh lười biếng nên hay ăn vật dư thừa nên gọi là Lãn Tàn. Ban ngày ngài chuyên lo công việc trong mật thất, tối lại nằm ngũ với đàn trâu, thường không tỏ vẻ mệt mõi, như vậy suốt hai năm.

Bấy giờ có Nghiệp Hầu Lý Sa ở trong chùa đọc sách, đến xem ngài quả thật là phi phàm, nghe ngài trong đêm xướng tụng lời kinh âm vang thấu suốt núi rừng, Lý Sa có biết được âm thanh rõ ngộ được mừng buồn cho rằng:

- Tiếng ngài tụng kinh trước buồn thảm mà sau thì vui vẻ, hẳn là người biến khí rơi đọa, thời sắp đi.

Nên trong đêm Lý Sa Lẫn đến tham yết, trông vào cửa chiếu thông danh mà lạy. Ngài tức giận mắng lớn, ngửa lên mặt giữa trời mắng rằng:

- Đó là sắp hại ta.

Lý Sa càng thêm cẩn tụng cung kính, chỉ lạy mà thôi, ngài khêu lấy phẩn trâu trong lửa ra, ăn khoai hồi lâu mới bảo:

- Có thể lấy chiếu mà trải đất.

Và đem nửa phần khoai ăn còn thừa trao cho Lý Sa. Lý Sa nhận lấy ăn hết rồi từ tạ. Ngài nói cùng Lý Sa rằng:

- Cẩn thận chớ lắm lời, hẳng nhận lãnh mười năm làm tể tướng!

Lý Sa bái lạy mà lui về.

Ở đó một tháng thì Tứ Sử Thái Nhạc sửa chữa đường rất nghiêm chỉnh, bỗng trong một đêm gió thổi, sấm nổ chấn động làm sụp đổ một ngọn núi, bởi thế nên bậc thềm đường lên núi bị tảng đá lớn làm cản trở liền dùng mười con trâu lấy dây buộc lại để kéo đi, lại dùng vài trăm người cổ vũ mạnh mẽ để đẩy đi, sức lực của vật đã cạn kiệt mà tản đá càng kiên cố, không còn con đường nào khác để tiếp tục công việc tu sửa đường đi. Ngài bảo rằng:

- Chẳng cần nhờ vã đến sức người để ta thử trừ nó đi.

Mọi người đều cười lớn, cho ngài là người điên cuồng. Ngài bảo:

- Đâu đã thấy mà cười, thử đã mới có thể biết!

Chư Tăng trong chùa cười mà chấp thuận để ngài làm, ngài bèn đạp đá lay động rồi bỗng nhiên chuyển quanh mà lăn xuống, tiếng va chạm như sấm chấn động. Đường núi đã mở thông, chư Tăng trong chùa đều chí thiết bái lạy ngài, khắp cả một quận đều tôn xưng ngài là bậc Chí thánh, Thới Sử kính phụng ngài như thần. Ngài lặng yên mà ý muốn ra đi, phía ngoài chùa tự nhiên hổ báo tụ họp thành bầy, hằng ngày có sự sát hại thương tổn không gì có thể cấm ngăn, ngài bảo:

- Đưa cho ta cái giỏ, ta sẽ vì các ngươi mà đuổi bỏ nó đi.

Mọi người đều nói:

- Đá lớn còn có thể đẩy ngăn, hổ báo sẽ dễ chế ngự.

Bèn trao cho ngài cây gai thẳng và đều men theo và quán xét, vừa mới ra cửa, thấy một con hổ ngậm lấy mà đi, ngài đi thì dấu vết của hổ báo cũng mất theo.

Về sau quả thật Lý Sa làm tướng đến mười năm.

140. Thần tăng Người Xứ Tây Vức

Sa-môn người nước Tây Vực không nhớ rõ tên và chưa rõ ngài là người xứ nào ở Ấn Độ, diện mạo của ngài rất xấu xí, sắc da như người xứ Càn Đà, mặc y phục man điều, chân đi giầy da, kéo lê tích trượng bằng sắc.

Ngài đến hoằng hóa ở kinh điển, đương lúc Vĩ Cao chào đời, vừa mới ba ngày mà trong gia đình có thỉnh mời chư Tăng thiết trai cúng dường, ngài là vị Tăng không mời mà tự đến, trong nhà họ Vĩ, từ thằng nhỏ cho đến người lớn thảy đều tức giận, đem chiếc chiếu rách trải giữa sân cho ngài. Sau khi thọ trai xong, nhà họ Vĩ bảo bà vú nuôi bồng ẩm đứa bé tức Vĩ Cao ra, thỉnh cầu chư Tăng chú nguyện cầu cho nó được thọ. Bỗng nhiên ngài bước lên thềm cấp, nói với đứa bé rằng:

–Xa cách từ lâu không thấy tăm dạng!

Đứa bé dường như rất vui mừng, mọi người đều lấy làm lạ. Có một người lớn t rong nhà họ Vĩ bảo:

- Đứa bé này vừa mới sinh ba ngày, cớ sao ngài bảo là xa cách từ lâu?

Ngài bảo:

- Việc ấy không phải là chỗ biết của thí chủ đâu.

Mọi người trong nhà họ Vĩ cố nài nỉ hỏi, ngài mới nói rằng:

- Đứa trẻ này là hậu thân của Gia cát Võ Hầu. Võ Hầu ở cuối đời Đông Hán làm thừa tướng đất Thục. Người dân đất Thục thọ nhận sự ban tặng của Võ Hầu rất lâu. Nay sinh ra ở đời hẳn sẽ làm thục môn Soái và thọ nhận phước của người xứ Thục, ta năm xưa ở tại Kiếm môn cùng với đứa bé này là bạn thân thiện. Nay nghe ra đời ở nhà họ Vĩ, nên chẳng vì xa xôi mà lại đến thăm.

Người nhà họ Vĩ lấy làm lạ lời nói đó, nhân đó, lấy chữ Võ Hầu mà đặt tên tự cho đứa bé.

Sau này, Vĩ Cao tuy từ thiếu thời đã là Kim Ngô thống lãnh Kiến nam quân nhiều năm rồi dời đổi làm thái úy kiêm trung thư lệnh, ở tại Thục môn mười tám năm. Quả thật khế hợp như lời của ngài nói.

141. Thần tăng Bổn Tịnh

Thích Bổn Tịnh, chưa rõ ngài là người ở đâu. Đạo khí cao kháng, nghe nói tại Mân lãnh có nhiều vị tri thức thiền Tông nên tìm đến tham yết. Lại nghe ở núi Hoắc đồng, Trường khê có nhiều động phủ Thần tiên, nhưng trong núi không dung chứa người phàm tục, ngài mới vào núi kết cỏ tranh làm thất, bên cạnh thất có hang đá của rồng độc. Con rồng ấy thường giả dạng mà ra, biến hiện chẳng thường, ngài bèn gọi nó lại nuôi dạy cho thuần. Lại có các con hổ mạnh dữ, ngang dọc giữa đường làm hại, các người lượm củi chẳng dám vào sâu, ngài đưa tay vỗ lên đầu hổ răn dạy đinh minh, hổ liền chuôi tai mà đi. Có lần, giữa đêm thanh vắng, có chín người đều đội mũ quấn khăn vén tóc, áo quần xếp lớp đến xin nương ngủ qua đêm. Ngài đều chấp thuận vào ở trong am thất. Đến sáng mai, cáo từ, đều hóa thành chim Hạc kêu hót giữa không trung mà đi. Không biết cuộc đời của ngài cuối cùng như thế nào.

142. Thần tăng Hoài Ngọc

Thích Hoài Ngọc, ngài dòng họ Cao, người xứ Đơn khưu, ngài giữ gìn luật pháp, danh tiết cao vời, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngồi hoài nên chấy rận tự ý sản sinh, ngài chỉ mặc một áo vải, hành trì pháp sám

hối. Thời khóa ước định mỗi ngày xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà mỗi ngày năm vạn biến, tụng kinh Di-đà suốt ba mươi vạn quyển. Này hôm sau bỗng nhiên thấy Thánh tượng Tây phương nhiều đến vô số. Có người cầm đài bạc màu trắng từ cửa sổ mà vào. Ngài bảo:

- Tôi đáng được đài vàng.

Đài bạc liền lui ra. Ngài càng chí thành gấp bội. Sau, tự nhiên giữa không trung có tiếng báo rằng:

- Trên đầu đã có ánh sáng soi chiếu, thỉnh ngài kiết già kết ấn Phật A-di-đà.

Khi đó, ánh sáng soi chiếu khắp thất. Ngài đưa tay hạn chế người thoái lui, bảo rằng:

- Chớ nên xúc phạm đến ánh sáng ấy.

Vài ngày sau, lại có sánh sáng bạch hào hiện, Thánh chúng đông đầy giữa không gian, ngài bảo:

- Nếu nghe được mùi hương khác lạ tức là hiện báo của tôi sắp hết.

Bỗng chốc có hơi thơm đầy giữa không trung và khắp cùng Thánh chúng. Thấy Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí thân sắc màu vàng cùng ngự trên đài Kim Cang đến nghênh đón. Ngài mỉm cười an nhiên thị tịch.

143. Thần Tằng Vô Tướng

Thích Vô Tướng, ngài là người con thứ ba của vua nước Tân La, vua Huyền Tông vời thỉnh ngài ở chùa Thiền định, hiệu là Vô tướng, ngài vào trong khe sâu dưới hang núi tọa thiền. Có hai con trâu màu đen húc nhau phía dưới tòa, gần sát thân rất nguy cấp, lông tay rơi rụng trong tay áo, nó lạnh như băng sờ mó đến trong bụng, ngài vẫn bình thảng không giao động.

Mỗi lần nhập định, phần nhiều là năm ngày một lượt, bỗng từ trong tuyết sâu có hai con thú dữ lại, ngài tự tẩy rửa lau chùi chỗ mình nằm trước nó, phát nguyện đem thân thí cho nó ăn, hai con thú ngửi quanh một vòng từ đầu đến chân rồi bỏ đi. Thường thường trong đêm ở dưới giường ngồi có lượm nhặt được râu lông của hổ. Thế rồi, ngài sống trong núi rừng khá lâu, nên áo rách nát, tóc dài ra, các người thợ săn nghi là thú lạ, muốn dương cung bắn, rồi lại dừng thôi. Ngài lại dựng lập tinh xá ở chỗ mồ loạn, thành đô. Huyện lệnh Dương nghi ngài huyễn hoặc mới tìm đến, bảo hơn hai mươi lính bắt dắt ngài về, bọn lính đi gần tới ngài thì thân đều run sợ tâm thần bấn loạn, bỗng chốc gió lớn nổi

dậy, cát đá tung bay thẳng vào quan sảnh, thổi rèm quấn màn. Dương Dực khấu đầu bái phục, gằn thở không dám nói. Sám lễ xong, gió liền ngừng hẳn, bèn cung kính đưa ngài trở về chỗ cũ. Cùng đến thành đô, bỗng có một lực sĩ nói là bỏ sức chặt củi cúng dường nhà trù chư Tăng sử dụng. Bấy giờ, em của ngài là vị Tân Vương ở Tân La, sợ người ấy trở về nước mình hẳn khốn nguy ách nạn, nên sai thích khách đến giết trừ đi. Ngài đã thầm biết điều đó, bèn bảo rằng:

- Này thiền giả tạm ở lại đây, ta nói là tối nay có khách nói là đất nướng!

Ngài lại bảo:

- Chớ làm tổn thương đến Phật tử!

Đến tối, kẻ thích khách cầm dao cặp chiếu đến bên cạnh tòa tọa thiền, vừa mon men đến gần, liền cảm thấy tợ như từ trên tường vách có vật rơi xuống, bèn nhảy dậy vung dao, cự hồ thân đều văng rơi giữa đất, cảm thấy sau cửa có một cái hầm lớn muốn bị kéo đến đó chôn lấp đi, dùng đất bôi xóa các dấu vết rồi bỏ đi. Đến sáng mai, ngài gọi người chặt củi đến mà cảm tạ thì lại không thấy.

Ngài chỉ ngôi tháp ở trước cây bách và nói rằng:

- Cây bách và tháp ấy đồng thời với nhau, nhưng ngôi tháp ấy sẽ bị hủy diệt.

Đến trong những năm thuộc niên hiệu Hội Xương (841–847) đời tiền Đường, phá hủy chánh đường lúc với ngôi Tháp ấy. Ngài lại nói:

- Trước chùa có hai cái hồ nhỏ, hồ bên trái là canh, hồ bên phải là cơm. Những lúc ít có trai hội thì khơi đào nó lên, quả nhiên có người đến thiết trai cúng dường. Các sự thần diệu của ngài hầu như đều như vậy.

Đến năm Trí Đức thứ nhất (756)thời Tiền Đường, ngài viên tịch, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi.

144. Thần tăng Tung Nhạc

Hòa thượng Tung Nhạc đập phá Táo thần ẩn cư, ngài ở ẩn tại núi Tung, trong núi có ngôi miếu rất linh, chỉ an trí một tượng Thần Táo, cúng tế không ngày nào ngơi nghỉ, ngài đến miếu ấy, dùng gậy đập tượng Thần táo, bảo:

- Đồ đất ngói hợp thành, Thánh từ đâu lại. Linh từ đâu khởi?

Lại động xuống ba cái, tượng Thần Táo nghiêng ngã rơi rớt. Bỗng chốc có người mặc áo xanh thiết lễ kính bái trước ngài thưa rằng:

- Con vốn là Thần táo đây, từ lâu nhận chịu nghiệp báo, may nhờ

ngài nói pháp vô sinh mà thoát được kiếp này. Vì vậy, nay con đến lễ tạ.

Nói rồi bèn lễ bái mà đi. Giây lát sau đồ chúng hỏi ngài:

- Thần táo được ý chỉ kinh gì mà bèn được sinh lên cõi trời?

Ngài bảo:

–Ta chỉ hướng Thần táo mà nói là chỉ có bùn đất nói gạch hợp thành, riêng không đạo lý gì khác.

Mọi người im lặng không nói. Giây lâu ngài bảo:

- Hiểu chăng?

Chúng nói:

- Không hiểu!

Ngài bảo:

- Tánh bổn hữu là gì mà không hiểu?

Chúng Tăng bèn cùng nhau lễ bái. Ngài bảo:

- Phá ấy, đọa vậy!

Khi ấy, cả đại chúng tỏ ngộ được huyền chỉ.

145. Thần tăng Nghi Quang

Thiền sư Nghi Quang, ngài trú tại chùa Thanh long. Hạnh nghiệp rất cao. Nhà triều sĩ có tang người vợ nên thỉnh ngài đến nhà thiết trai cúng dường tu phước. Ngài đến nhà đó ở lại vài ngày, dừng nghỉ ở trước phòng nhà, trong nhà thiết bày lễ cúng dường. Có tục lệ, mỗi lúc trong nhà có người qua đời, thì đến thầy bói hộ đồng. Thầy đồng bảo:

- Người ấy chết phạm phải ngày sát, ắt gây tai họa, những người trong nhà tốt nhất phải tránh ra ngoài.

Đêm đó cả nhà triều sĩ đều ra ngoài phía Bắc cửa, lẫn trốn đi không báo với ngài. Ngài chỉ ở trước phòng nhà dưới ánh đèn sáng tụng đọc kinh văn, đệ tử ngài cả thảy có mười một người theo hầu. Đến gần nửa đêm, nghe trong nhà có tiếng người dậy lấy y phục mở cửa, có một người phụ nữ bước ra, đi đến nhà trù thổi lửa nấu nước làm thức ăn, ngài chỉ cho là người trong nhà không biết ấy là điều lạ. Đến lúc gần sáng, Người phụ nữ ấy bưng mâm thức ăn đến trước ngài, còn mang áo mặt để chân trần, bái lạy thưa:

- Nhọc phiền ngài giáng lâm, nay người trong nhà đều ra ngoài hết, sợ cúng dường cháo không đúng thời, nên đệ tử cố dậy để sắm sửa.

Ngài biết đó là người chết, liền nhận sự biếu cúng ấy mà cầu chúc, chúc chưa xong, nghe có tiếng mở cửa phòng nhà ở phía Bắc,

người phụ nữ vội nói:

- Các con của con đến vậy!

Nhân đó vội chạy vào trong nhà, thì ngài nghe có tiếng khóc. Khóc xong, người nhà ra tham yết, hỏi ngài có an không, thấy cháo trong mâm, bèn hỏi ngài rằng:

- Chúng con trong đêm qua thật là trốn lánh ương họa, vậy ai sắm sửa cháo này vậy?

Ngài chỉ cười không đáp. Đứa tớ trong nhà kinh sợ bảo:

- Người chết đêm qua nằm ngang, tay còn dính bùn, chân vấy bùn dơ, ấy là cổ sao?

Ngài mới chỉ cháo ấy là do người chết nấu vậy. Cả nhà thảy đều thất kinh.

146. Thần tăng Tuệ Nhân

Ngài Tuệ Nhân thông suốt Tam luận và các bộ kinh Pháp Hoa, Kim Cang, ngài thường về giảng nói.

Niên hiệu Trí Đức (756–758) đời tiền Đường, vào một chiều hoàng hôn, có người vào cửa phòng ngài nói:

- Đại Vương kính thỉnh Pháp sư!

Nhân đó ngài liền ngã lăn ra chết, chỉ ở tim và trên đỉnh đầu còn nóng ấm, bảy ngày sau sống lại, ngài kể:

- Theo kẻ sứ đi đến một thành, thành ấy rất rộng lớn tráng lệ, vào thấy nhà vua có vài trăm người tùy tùng, từ dưới Điện ra ngoài cửa các, bái lại thưa rằng: “Đệ tử bất hạnh, làm chư danh lục ở đời kiêm việc tụ tội, thường kham khổ, nghe nói ở trên cõi người, ngài thường giảng kinh Kim Cang, mong ngài vì chúng con mà thuyết diễn!”. Khi ấy ngài thăng tòa, giảng kinh xong, nhà vua cúng dường ngài ba trăm xấp lụa, bèn bảo kẻ sứ đưa về. Kế đến thấy có một giảng đường, trong đó có hơn trăm vị Tăng, lúc đầu thì cùng nhau đàm luận, rất giữ lễ pháp, chỉ khoảng khắc thì lại tranh cãi, khi ấy trên tay của mỗi vị móng tay bằng sắt mọc dài ra họ cấu cào lẫn nhau, máu thịt đổ rơi giữa đất. Có lính lớn đầu trâu dùng lửa thiêu đốt các vị Tăng đều cháy thành tro bụi. Phút chốc thì hoàn phục thân hình như cũ.” Nhân đó mà kinh sợ khước từ sống lai, tự nhiên tuôn đạp mà dậy, số lụa đã có ở hòm, kiểm lại đúng như số nói trước. Ngài bèn lấy đó bố thí tu tạo phước đức. Từ đó, ngài trọn không còn giảng nói, chỉ thường trì kinh mà thôi.

147. Thần tăng Phổ Mãn

Sa-môn Phỗ Mãn, ngài thường tùy hỷ, chẳng câu nệ Tăng tướng, hoặc ca hát, hoặc cười nói, chẳng hiểu ý chỉ ngài thế nào. Nhưng lời nói việc làm cua ngài thường có ứng nghiệm, nên người thời bấy giờ tiếp đãi ngài như ngài Vạn Hồi. Sau, tại trong một ngôi nhà thờ Phật, ngài đề thơ được vài thiên rồi tịch. Trong đó, ngài ghi rằng:

Nước này liền nước kinh
Hai châu huyết đầy sông
Trâu xanh đến hổ đỏ
Gọi niên hiệu Thái bình.

Thơ ngài để, người sau chẳng hiểu gì cả. Kịp đến lúc giặc Thử dấy binh, mọi người mới tỏ rõ. Nước Thử là chỉ cho chữ cho chữ Thử. Nước Kinh, tức binh giặc dấy kởi từ Châu kinh. Hai Châu tức là chỉ cho "Thử" và "Thao". Trâu xanh tức chỉ năm Hưng Nguyên thứ hai là năm Ất Sửu (785) Ất thuộc Mộc, Sửu tức là trâu. Năm sau, đổi niên hiệu là Trinh Nguyên, tức năm Bính Dần (786) Bính thuộc Hỏa, Dần tức là Hổ. Đến đó thì giặc đã lắng yên bình trị, nên nói là Trâu xanh đến Hổ đỏ, lại gọi năm thái bình.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 8

148. Thần tăng Địa Tạng

Thích Địa Tang, ngài dòng họ Kim, thuộc giòng dõi của Quốc vương nước Tân La. Tâm ngài hiền từ mà dáng mạo xấu ác, ngài thông minh dĩnh đạt. Đến lúc ngài xuống tóc xuất gia, bèn vượt biển du hành, chấn tích tham phương. Đến Trì dương thấy núi Cửu tử, lòng ngài rất vui thích ở đó, bèn trèo lên trên đỉnh mà dừng ở, ngài từng bị nọc độc của rắn rít, nhưng vẫn an nhiên đoan tọa không khởi niệm gì. Bỗng chốc có người phụ nữ đẹp đến lễ bái kính dâng thức ăn và thuốc chữa trị, thưa rằng:

- Con vì thơ dại không biết nay xin nguyện lưu xuất dòng suối để bù đấp lại lỗi lầm ấy.

Nói xong bèn không thấy nữa. Nhìn xem chung quanh tòa thì nước tuôn chảy tràn trề. Người thời bấy giờ gọi đó là Thần Núi Cửu Tử vì ngài mà khơi tuôn dòng suối để giúp ích cho mọi người.

Trong năm Chí Đức thứ nhất (756) đời tiền Đường có Gia Cát Tiết dẫn thân phụ từ chân núi lên cao đến chỗ cùng tột không có người, chỉ một mình ngài an nhiên nhắm mắt ngồi trong thạch thất. Trong Thất đó có chiếc đãnh gảy chân, trong đãnh có đất màu trắng hòa cùng một ít gạo rang mà ăn. Các lão già đều kinh hãi tán thán rằng:

- Hòa thượng khổ hạnh như thế. Bọn chúng ta có lỗi phơi bày dưới núi.

Bèn cùng nhau tạo dựng một thiền viện, không bao lâu đã thành một đại Già-lam. Trong nước nghe thế bèn cùng nhau vượt biển tìm đến. Đồ chúng rất đông, không lấy gì để chu cấp quanh năm. Ngài bèn phá đá, được đất sắc màu trắng sạch, không có sạn, chỉ như bột gạo, mà cung cấp cho chúng ăn. Đại chúng thỉnh ngài giảng pháp đề trấn tỉnh tinh thần, chứ không vì cầu ăn để nuôi mạng sống. Nam phương gọi đó là chúng khô cảo, mọi người đều tín ngưỡng tôn sùng. Ở bên cạnh Long đàm có hòn núi Mai bạch thiện, lấy nó không hết.

Một ngày nọ, bỗng nhiên ngài gọi chúng vào để cáo biệt. Chẳng biết vụt qua, chỉ nghe đá rơi hang núi gõ vào chuông vèo vèo, ngài ngồi kiết già mà thị tịch, hưởng thọ chín mươi chín tuổi. An trí nhục thể ngài trong cái hòm, ba năm sau mở ra thỉnh đi nhập tháp, dáng mạo nhan sắc vẫn như lúc sinh tiền, lúc nâng lên cốt tiết như dính liền với vàng xiềng xích.

149. Thần tăng Giám Châu

Sa-môn Giám Chân, ngài dòng họ Thuần Vu, người huyện Giang dương, Quảng lang. Thuở nhỏ, ngài theo thân phụ đến chùa Đại vân, thấy tôn tượng Phật mà cảm động tâm niệm xa xưa, nhân đó, ngài xin phép thân phụ được xuất gia. Thân phụ ngài lấy làm lạ với ý chí ấy, liền hứa thuận. Sau, ngài đứng đầu làm Tông chủ ở một phương.

Bấy giờ, có các vị Sa-môn Vinh Duệ, Khổ Chiếu... ở nước Nhật Bản, từ phương Đông đến thỉnh bởi kính mộ chánh pháp, ngài hưa sẽ sang, bèn mua thuyền, từ Quảng lăng, mang chở kinh Luật Pháp lìa bờ đến Việt châu dừng bến nghỉ lại Phong sơn. Đến tối, ngài mộng thấy rất khác thường, vừa mới ra bể cả, gặp phải sóng gió dữ dội, người trên thuyền nghoảnh nhìn lại thấy sự ngập chìm, có người ném bỏ cây gỗ Tiên hương, bỗng nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Chớ nên vất bỏ.

Khi ấy thấy đầu đuôi nối liền nhau mỗi thứ có thần đem áo giáp lớn tháo trượng, bỗng chốc gió ngừng, thuyền trôi vào biển rắn. Loài rắn ở đó dài hơn ba trượng sắc màu gấm hoa. Sau, lại trôi vào biển cá, cá ở đó thân dài hơn cả thước, bay nhảy đầy giữa không trung. Kế nữa, đến một bể cả, toàn là chim bay nhóm tụ đậu trên lưng thuyền đè nặng dường như muốn chìm. Khi xa khỏi biển chim thì thiếu nước, trong chốc lát ghé vào một đảo nhỏ, ở đó có hồ nước sâu lắng trong, mọi người uống cảm thấy mát ngọt. Rồi cùng nhau tới được nước Nhật Bản. Nhà vua nước đó vui mừng nghênh đón ngài vào thành, thỉnh ngài an nghỉ trong một ngôi chùa lớn, tôn xưng là đại Hòa thượng.

Đến năm Quảng Đức thứ nhất (763) dưới thời vua Đại Tông, nhà Đường, không bệnh tật gì, tự nhiên ngài từ biệt chúng mà an tọa thị tịch, thân chẳng nghiêng ngửa mục rả, đến nay nhục thân ấy chẳng dùng chất hóa học để sơn phết. Bấy giờ, nhà vua và các nhà giàu sang các hàng tín sĩ ở nước Nhật Bản dùng các thứ hương báu thoa phết vào nhục thân ngài.

150. Thần tăng Vô Lậu

Thích Vô Lậu, ngài dòng họ Kim, là con thứ của Quốc vương nước Tân La. Thuở thiếu thời, ngài đi thuyền biển tới Trung Hoa, ngài lại muốn đến thăm xứ Ấn Độ, lễ bái tám vượt ngôi tháp thờ Đức Phật. Băng qua bãi sa mạc, vượt đến phía Tây nước Vu Điền, tới Thông lãnh vào trong một đại Già-lam. Các vị Tỳ-kheo ở đó không sao biết ngài là một vị Tăng, nên hỏi ngài về ý muốn vượt xa, sao chưa có kỳ tiết mà đến Thiên Trúc, có một vị Tăng bảo ngài:

- Trước chưa biết danh nên chưa thể đi liền, ở đây có hồ có rồng độc, nên đến giáo hóa, như có linh nghiệm, mới có thể đi được.

Ngài theo lời yêu cầu ấy, bèn lên bờ hồ. Ở đó chỉ thấy một chiếc giường của người Hồ, ngài bèn ngồi lên đó. Đến đêm, bỗng nhiên sấm sét đùng đùng, quái vật nhả khí, bồng bột các thứ biến hiện huyền diệu không thường, ngài mở mắt không giao động, giây lâu, có một con rắn lớn cất đầu tới gối chân ngài. Ngài thương xót, trao cho nó thọ pháp Tam quy rồi nó bỏ đi. Sau, lại hiện hình một người già đến bái tạ, thưa rằng:

- May nhờ ngài độ thoát, kiếp này không con sống lâu, ba ngày sau con sẽ xả bỏ loài vi vảy, nương đây được sinh về cõi tốt lành. Từ đây xoay về hướng Nam, có một tảng đá, đó là nơi đệ tử xả bỏ thân hình. Cũng mong ngài có thể dự tầm di cốt.

Ngài im lặng chấp thuận. Lại nói rằng:

- Hẳn phải nguyện đến Thiên Trúc ở đây có Thánh tướng Bồ-tát Quán Thế Âm, cầu nguyện hẳn thành tựu không hư đối. Nên ngài có thể khấn cầu đó, có được điềm tốt lành thì ngài có thể đi, chớ nên nghi ngại!

Ngài bèn đứng trước Thánh tượng nhập đại Thiền định, như vậy trải qua bốn mươi chín ngày, thân mắc bệnh phù thủng, chung quanh có đàn chuột còn rút rỉa, cẳng chân trái nhiễu nước sắc vàng, mủ chảy tràn ra nhiều chén mới lành. Mãn hạn ngài có được ứng điềm. Chư Tăng nói với ngài rằng:

- Xét thấy sư Vô Lậu hợp duyên ở đất Đại Đường, định tâm hóa vật nhiều lợi ích, mỏi chân du phương chẳng để tâm, không thể cưỡng hóa. Sư có biết vậy chăng?

Trong tâm ý ngài cho đó là lời nói của Thánh hiền hẳn không phải nói rỗng, nên bèn khước từ. Lúc sắp lên đường, chư Tăng lại nói với ngài rằng:

- Gặp Lan tức dừng ở.

Trên đường trở về có ngọn núi tên Lan, nhớ lại lời nói trước, ngài bèn vào đó, có hang Bạch thảo, ngài liền kết cỏ tranh làm am mà nương náu, không sao an ổn vì sứ binh loạn. Vua Túc Tông (758–763), đời tiền Đường huấn binh Linh Vu, thường mộng thấy có người sắc da vàng ròng xưng danh hiệu Đức Phật Bảo Thắng ở trước cổ xe, sang ngày đem việc trong mộng hỏi các cận thần. Có người trả lời rằng:

- Có vị Sa-môn hành tích khác thường cư trú ở trong núi này, thường trì tụng danh hiệu Phật.

Túc Tông bèn dời đến và đích thân trông thấy, nói rằng:

- Thật là người đã thấy trong mộng!

Đến lúc thỉnh ngài về an trú tại chùa trong nội để cúng dường, qua nhiều lần dâng biểu chương xin trở về chỗ ẩn cũ. Song tâm ý nhà vua rất quý trọng ngài, nên ba cho ngài được toại ngyện trở về núi, bỗng nhiên ngài bảo là sắp viên tịch, một ngày nọ, bỗng ở trong cửa phía phải đóng lại, ở trên hóa thành hai chân, thân hình cách đất cả vài thước. Tên lính canh cửa thấy vậy báo trình vua Túc Tông nương kiệu bộ đích thân đến chỗ đó, thấy có di biểu của ngài xin được trở về an táng dưới chân núi mà ngài ẩn cư trước kia. Vua Túc Tông liền chấp thuận ý theo, bèn sai Trung sứ giám hộ dẫn đường tiễn đưa.

Trước kia, ngài hoằng hóa phần nhiều là ở huyện Hoài viễn, nhân đó thiết lập một dinh sở gọi là hạ viện dưa tang đến đó, thần tòa không thể nâng cử liền, mọi người bàn luận dời vào lập ngôi nhà riêng để an trí. Đến nay, chân thể của ngài vẫn đoan niên không biến hoại.

151. Thần tăng Bất Không

Thích Bất Không, ngài vốn tên tiếng Phạm là A-mục-khư-bạt-chiếc-la, Hán dịch là Bất Không Kim Cang và chỉ xưng gọi đơn giản là Bất Không. Ngài vốn giòng dõi Bà-la-môn ở Bắc Ấn Độ, từ thuở bé thơ đã xa cách trời Ấn, theo người chú ruột Quán quan ở nước phương Đông, năm lên mười lăm tuổi, ngài phụng thờ ngài Kim Cang Tam tạng.

Ban đầu, ngài Kim Cang dùng các bộ Tất-đàm chương và thanh Minh Luận bằng bản Phạm chỉ dạy cho ngài, chỉ trong vòng mười hai ngày, ngài đều thông suốt. Sau, ngài cùng các đệ tử Xá Quang, Tuệ Biện... cả thảy ba mươi bảy người, từ Côn lôn, lên thuyền lìa biển Nam, đến biên giới nước Ha Lăng, gặp phải gió lớn, mọi người thương buôn lo sợ, mỗi tự hành trì theo Pháp của nước mình mà cầu đảo. Song, đều không ứng nghiệm. Họ lạy dài ai cầu khổ thiết, nguyện xin sự cứu hộ, các vị như Tuệ Biện... khóc oà, ngài bảo:

- Nay, tôi có pháp này, các ngươi chớ nên sầu lo!

Ngài liền dùng tay phải cầm lấy năm cổ Bồ-đề Tâm xử, tay trái năm lấy bản kinh Bát-nhã Phật Mẫu, tác pháp trì tụng kinh Đại Tùy Cầu một biến, tức thời gió dứt biển lặng. Lại gặp một con cá Kình lớn từ biển cả vọt lên, phun sóng cao như núi, nguy khốn hơn cả họa trước, các người thương buôn đều đành lòng phó mạng. Ngài lại tác Pháp như trước, bảo ngài Tuệ Biện trì tụng kinh Ta-kiệt-la Vương, dần dần các nạn lùi lại rồi đều chấm dứt. Thế rồi, tới được nước Sư Tử, Quốc vương nước ấy sai sứ nghênh đón ngài, cúng dường đủ thứ. Một ngày nọ, nhà vua mua vui bày trò điều phục voi dữ, mọi người đều leo lên chỗ cao để trông nhìn không ai dám đến gần, ngài đứng giữa ngã tư đường, miệng niệm tụng, tay bắt quyết ấn, tâm trú trong định. Vài con voi điên vội đều khều đá nơi chân. Cả nước đều lấy làm lạ. Tiếp đến ngài đi hết năm xứ Ấn độ, thường hiển hiện các điềm tốt lành.

Đến năm Thiên Bảo thứ năm (746) đời tiền Đường, ngài trở lại kinh đô nước Trung Hoa. Cuối mùa Hạ năm đó, trời nắng hạn gay gắt, vua Huyền Tông ban chiếu thỉnh ngài cầu mưa. Trong lời chế văn viết rằng:

- Thời gian không được lâu dài và mưa không nên quá lớn.

Ngài tấu trình nên lập đàn Khổng tước vương chưa đầy ba ngày mà mưa đã thấm khắp, nhà vua rất vui mừng. Sau, nhân có một ngày, gió lớn nổi dậy, Huyền Tông lại ban chiếu thỉnh ngài cầu dứt, ngài thỉnh một cái bình bạc, tác pháp gia trì, bỗng chốc đều yên tĩnh. Bỗng nhiên con ngỗng trong hồ nghiêng bình, gió lớn lại nổi dậy mạnh dữ hơn trước, vua Huyền Tông lại ban sắc thỉnh ngài cầu ngừng dứt, tùy ngừng nghỉ, tùy hiệu nghiệm, nên vua Huyền Tông ban tặng ngài với hiệu là "Trì Tạng".

Đến năm Thiên Bảo thứ tám (749) vua Huyền Tông chấp thuận sự cầu xin trở về bổn quốc của ngài, ngài nương ngựa trạm năm đôi cỡi đến quận Nam hải, lại có chiếc sắc lưu giữ ngài lại. Đầu niên hiệu Trí Đức (756) đời tiền Đường, loan giá dừng ở Linh vũ, tiếng tăm vang khắp. Ngài thường kính phụng dâng biểu an trú bình thường. Vua Túc Tông (756–763) thường kín sai sứ đến cầu thỉnh pháp bí mật, gần đến ngày lấy lại kinh đô để tạo lập lại chính sự, mọi việc đều như điều đã định liệu. Cuối niên hiệu Thượng Nguyên (762) vua Túc Tông chẳng được yên, ngài dùng chân ngôn: Đại Tùy Cầu, để dứt trừ bảy lỗi, qua ngày hôm sau liền khỏi, nhà vua càng thêm kinh lễ khác thường.

Vua Túc Tông băng hà, vua Đại Tông lên ngôi kế vị, kính trọng

sùng mộ ngài càng thêm nồng hậu. Nhân vì ở kinh đô từ mùa Xuân đến mùa Hạ không có mưa, nhà Vua ban chiếu thỉnh ngài cầu mưa. Và nếu như chỉ trong ba ngày mà có mưa thì đó là pháp lực của Hòa thượng. còn qua sau ba ngày mới mưa thì không phải là pháp lực vậy. Ngài vâng nhận sắc chỉ lập đàn, đến ngày thứ hai có mưa lớn, bảo là đã đủ.

Lại một năm nắng hạn gay gắt. kinh triệu Y Tiên Hân đến chùa thỉnh ngài vì kết đàn cầu mưa, ngài bào đệ tử lấy vỏ cây hoa chỉ hơn một thước, họa vẽ hình con rồng nhỏ lên trên, lấy một bát hương thau nước đặt ở trước, chuyển thổi, chấn lưỡi, gọi sứ chú nguyện, chỉ trong khoảng bữa ăn, xong rồi đem con rồng vẽ ấy trao cho Tiên Hân, bảo rằng:

- Nên đem rồng vẽ này ném vào trong khúc sông, ném xong phải kịp gấp trở về, không thì mạo hiểm bởi gió mưa!

Tiên Hân y theo lời ngài chỉ bảo mà ném vào sông. Vụt chốc có con rồng trắng dài hơn thước, vùng vẫy từ nước tuôn nhảy lên, chỉ chốc lát mà rồng dài vài trượng, tướng trạng như kéo tơ, bỗng nhiên phô bày đầy trời. Tiên Hân vội đánh ngựa chạy chưa được vài mươi thước, mây vật động mờ, mưa bảo tuôn xuống. Về đến Lý Vĩnh Sùng, nước ở trong Đệ Cù đã ngập lớn.

Niên hiệu Vĩnh Thái (765–766) đời tiền Đường, ngài tắm gội bằng nước hương, gối đầu về hướng Đông mà nằm, xoay mặt chiêm lễ hướng về cung quyết dùng Đại Ấn Thân trong định mà thị tịch. Sau khi trà-tỳ xong lửa tắt, thâu lượm xá-lợi vài trăm viên, cốt đảnh đầu không cháy, ở trong có một viên xá-lợi nửa ẩn nửa hiện. Vua Đại Tông ban sắc tại bổn viện dựng một bảo tháp riêng để phụng thờ.

Trước kia, vua Huyền Tông mời Thuật sĩ La Công Viễn cùng đấu pháp ở tại Tiện điện, La Công Viễn thường đưa tay xoay về trái để gãi lưng, ngài bảo:

- Giá mượn Tôn sư như ý.

Bấy giờ ở trên điện có một hoa đá, ngài khua đánh nát như ý trước, La Công Viễn hai ba lần muốn lấy như ý mà không được. Y vua Huyền Tông muốn đứng dậy lấy, ngài bảo:

- Hoàng thượng chớ đứng dậy.

Ngài liền đưa tay chỉ cho La Công Viễn, thì như ý hoàn phục như cũ ở trong tay.

Lại nữa, ở phía Bắc núi Mang có một con rắn lớn, những người lượm củi thấy nó ngẩn đầu nơi gò đồi, ban đêm thường hấp sương khí. Thấy ngài vào, con rắn nói với ngài rằng:

- Đệ tử chịu phải ác báo, Hòa thượng làm thế nào để được độ? Và muốn vượt sông nước đến thành Lạc Dương để khoái hưởng sự hoài mong.

Ngài vì con rắn mà lãnh thọ các pháp quy giới, nói cho biết rõ nhân quả. Lại dạy thêm rằng:

- Ngươi vì sân tâm nên thọ quả báo như vậy. Đã thế sao lại còn phẩn hận, sức ta làm sao làm được? Phải như lời của thầy ta dạy bảo thì thân này chắc chắn sẽ xả bỏ được!

Về sau, có người lượm củi thấy rắn chết dưới khe suối, mùi hôi lan tỏa cả ngàn dặm.

Lại có một ngày mưa gió liên tục, ở trong phường chợ có những người trôi dạt hoặc đắm chìm, cay cối thì gãy ngã. Dân chúng vội thỉnh ngài cầu ngừng mưa, ngài ở trong sân chùa, nắn đất bùn làm hình năm sáu bà lão thả trôi trong dòng nước dùng tiếng Phạn mà thóa mạ nó, chỉ trong khoảnh khắc trời lại ngừng tạnh gió mưa.

Ngài từng ở Tây Thiên đại thạch khương tam quốc, binh lính vây quanh phía Tây vương phủ, nhà vua ban chiếu thỉnh ngài vào, đích thân nhà vua đến đạo tràng, ngài cầm nắm lò hương trì tụng mật ngữ Nhân vương mười bốn biến. Nhà vua thấy lính thần cả năm trăm người đến dưới sân điện, nên kinh ngạc thưa hỏi ngài, ngài bảo:

- Con của Tỳ Sa-môn Thiên vương thống lãnh binh lính đến cứu An tây, hãy nên dọn bày thức ăn gấp để phát khiển.

Đến ngày hai mươi tháng tư, quả thật có lời tấu rằng:

- Ngày mười một tháng hai ở phía Đông bắc thành cách ba mươi dặm, giữa khoảng sương mây thấy có lính thần lớn mạnh, trống nhạc đánh thổi rân trời, núi đất chấn động sụp đổ. Phiên bộ kinh hãi bỏ chạy tán loạn.

Trong doanh trại có một con chuột sắc màu vàng ròng gặp dấm cung tên dây đều đứt hết. Ở cửa lầu phía Bắc thành có tôn tượng Quanh Minh Thiên vương, tức giận trông nhìn lính soái Phiên bộ tuông chạy. Nhà vua xem xét rồi tấu trình cảm tạ ngài. Nhân đó, ban sắc các đường thành trên lầu cửu, an trí tôn tượng Thiên vương bắt đầu từ đó.

152. Thần tăng Đạo Chiêu

Sa-môn Đạo Chiêu, ngài tự xưng là người xứ Hàng châu, vốn dòng họ Khương. Thuở thiếu thời bị bệnh nên không được thông suốt, nói rằng:

- Đến Minh ty thấy việc Thiện ác báo ứng nên bèn phát nguyện

xuất gia.

Ngài trú tại núi Thái hành bốn chục năm, giới hạnh rất tinh nghiêm khổ thiết.

Ngài thường nói việc sắp xảy ra của người đời, ban đầu như mờ ẩn nhưng sau thì rõ ràng ứng nghiệm. Có hai người khách đến, một người xưng là Diêu mạc, nêu rõ kinh, một người xưng là Trương Thị, dùng tư âm, ngài bảo Trương Thị rằng:

- Ông trao quan Tứ Chính phải thận trọng không nên ăn lộc của Phạm Dương. Ngày mùng tám tháng tư mà mắc bệnh thì sẽ không cứu được.

Kế đến, ngài nói với Diêu Mạc rằng:

- Ông không có lợi Trâm hất, nếu tòng quân thì sẽ ba mươi năm không thiếu, như có bệnh chớ bảo người Hồ trị liệu.

Năm đó, Trương Quan ở tại quận Tương, sau nhiều lần chọn lọc, thường cầu đến Nam châu, cũng đều như thế, sau lại tuyển chọn, quả thật được trao chức... Châu Lư thị huyện lệnh, đến nhậm chức mới hai ngày thì qua đời. Ngày mất đúng là ngày mồng tám tháng tư. Và sau đó mới biết rõ Phạm Dương chính là Lư Thị Vọng. Còn Diêu Mạc cử chẳng đệ tòng biết ở Dung châu gá danh quân thú ba mươi năm, nhiều lần chuyển đổi chức, sau lấy vợ cũng chỉ cầu sự giúp đỡ. Khi bị bệnh nên uống thuốc của Hoàng Thị chính là kẻ nô tỳ của động chủ thả ra vốn là người nữ họ Hồ.

153. Thần tăng Huyền Tông

Thích Huyền Tông, ngài dòng họ Ngô, người xứ Vĩnh Gia. Thuở thiếu thời, ngài đã xuất trần, khí đạt khoan dụ ở tại viện Bảo thọ, núi Vinh định trong bổn bộ, nương ngài Thường Tĩnh tôn xưng làm thầy. Sau khi đắc giới, ngài bèn du phương tham học. Đến Giang lăng, tham yết Thiền sư Lãng, để hiểu rõ mối nghi ngờ, ngài lại chống tích trượng đến phương khác. Thấy xứ Tử Kim trong lòng vui vẻ, ngài bèn lưu lại tại đó hành trì thiền quán. Núi ấy trước kia có nhiều hổ dữ, hoặc giết người đi buôn, hoặc tổn thương kẻ lượm củi. Từ khi ngài đến dừng ở đó, thì âm ba gầm gừ dường như mất hết. Người vào núi không còn phải lo sợ nữa. Một ngày nọ những người tham học thiền pháp tụ hội, thấy một người già đến trước tòa của ngài, quỳ lạy kính cẩn, ngài hỏi:

- Ông là người gì?

Đáp:

- Tôi vốn là hổ ở trong núi này, ăn nuốt chúng sinh, nhân Đại sư

đến giáo hóa ở đây, âm thầm hồi phục tâm tôi, nên được thoát nghiệp thân hổ đã sinh lên cõi trời, nên lại đây báo tạ.

Trong khoảnh khắc không còn thấy người già nữa.

Năm Đại Lịch thứ 2 (767) đời tiền Đường, ngài phó chúc từ biệt môn đồ, bỗng chốc an nhiên thị tịch, hưởng thọ tám mươi sáu tuổi. Trong hai tháng cử hành lễ nhập tháp và lập văn bia phụng thờ, nay vẫn còn.

154. Thần tăng Tuệ Trung

Thích Tuệ Trung, ngài dòng họ Vương, người xứ Thượng nguyên, Nhuận châu. Ban đầu, thân mẫu mang thai ngài, bỗng gặp một vị Tăng khác lạ bảo rằng:

- Bà hẳn sinh quý tử và sẽ làm thầy của trời, người!

Từ sau khi sinh ra, nuôi dưỡng trở lại, ngài chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng. Có tướng người già khác thường, bẩm tánh đôn hậu, năm hai mươi ba tuổi, ngài đem tất cả sự nghiệp để cứu giúp. Năm đó tức năm Thần Long thứ nhất (705) đời tiền Đường, ngài bèn đến chùa Trang nghiêm, nghe ở núi Ngưu đầu có Thiền sư Oai, ngài liền tìm đến núi tham yết. Thiền sư Oai thấy ngài, liền bảo:

- Chủ núi đã đến!

Nhân đó vì ngài mà giảng pháp, ngài thường sớm tối tinh cần, hành hạnh Đầu-đà, ở nơi rừng đầm, uống nước suối, nằm chiếu cỏ, ăn ngày một bữa suốt thời gian dài, thường dùng một cái chỏ cho các thứ vào nấu, dùng xong treo móc trên cành cây, rồi ngồi trên giường dây trọn ngày như chiếc ghế, y phục chẳng thay đổi, nóng lạnh chỉ có một áo nạp. Suốt bốn mươi năm bèn hiển hiện linh ứng. Châu mục Minh Hiền từng đến núi tham lễ yết kiến. Lại thỉnh ngài đến quận thí pháp giáo hóa kẻ Tăng người tục.

Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) ngài đến trú tại chùa Trang nghiêm, ngài cho rằng:

- Trong thời nhà Lương xưa kia chùa Trang nghiêm rất thạnh, nay trải qua năm tháng đã phai mờ nên muốn tu sửa lại.

Bèn ở phía Đông điện, ngài phỏng nghĩ tạo dựng một ngôi Pháp Đường. Tại đó có cây cổ thọ, trên đỉnh có ổ chim Thước, các người làm công thợ muốn chặt đốn, ngài bảo:

- Hãy dừng đã, đợi chim Thước dời đi mới nên chặt!

Nhân đó ngài đến nơi gốc cây cầu chúc rằng:

- Chỗ đất này tạo dựng Pháp đường, nên mau dời đi chỗ khác!

Nói xong, chim Thước ấy liền chuyển sang ở cây khác, kẻ Tăng người tục thấy thế thảy đều thán phục. Thêm nữa, đổ móng chưa quyết định chỗ dựng lập, bỗng nhiên có hai vị Thần nhân chỉ cho địa điểm, nhân đó mới quyết định. Tuy cấp không phế, thần khoáng chẳng nhiểu. Đạo bạn bốn phương nương nhau ngày một kéo đến đông nhiều.

Năm Đại Lịch thứ ba (768) đời tiền Đường, trước thạch thất ở cửa núi có treo dãi áo của ngài, đến tháng nhất trong mùa Hạ năm đó bỗng nhiên khô rụi, Linh Chi Tiên khuân không sinh tự nhiên mọc lại. Đến tháng chín, ngài đang giảng Pháp trên tòa cao, vô cớ nước tuôn chảy chung quanh tòa. Đến ngày rằm tháng sáu năm sau (769) nhóm chúng bố tát. Chiều tối, ngài bảo thị giả cạo tóc rồi tắm rửa thân mình. Đêm đó mây lành phủ khắp chùa, nhạc trời vang vọng giữa không trung, tới sáng sớm ngày mười sáu, ngài an nhiên đoan tọa thị tịch. Khi ấy, gió mưa chấn động, cây cối đổ ngã, chim thú trong núi kêu tiếng buồn thương, khắp trong xó rừng trong hóc núi, vang rền tiếng khóc gào vài ngày mới thôi dứt, ngài hưởng thọ tám mươi bảy tuổi.

155. Thần tăng Sùng Tuệ

Thích Sùng Tuệ, ngài dòng họ Chương, người xứ Hàng châu, từ tuổi bé thơ, ngài đến núi lễ kinh làm đệ tử Thiền sư Quốc Nhất. Lại phát thệ nguyện nên trốn đến chùa Lạc vân ẩn giấu vết tích. Trong một thời gian có vị Thần đến nói với ngài rằng:

- Sư hành trì Phật đảnh mà tóm kết hai chữ Sa-ha, khiến mật ngữ không được viên mãn. Sa-ha có nghĩa là thành tựu. Nay tại kinh thất, Phật pháp bị ngoại đạo lăng nhục chèn ép, nguy ách ấy tợ như ngăn cấm cờ đầu, đang chờ đợi Sư giải cứu đó.

Ngài bèn rảo bước đến trình Tây thượng.

Năm Đại Lịch thứ ba (768) đời tiền Đường, Thái thanh cung Đạo sĩ Sử Hoa trình tấu triều đình, xin cùng các bậc danh Tăng nổi tiếng ở đương thời trong nhà Phật so tài Phật lực và Đạo pháp xem thử ai hơn ai kém. Bởi thời bấy giờ, vua Đại tông khâm phục kính ngưỡng Phật giáo, nên hàng dị đạo tức giận sự thiên trạng ấy mà sinh tâm cầu thỉnh như thế. Ở Đông minh quán, tại trước đàn giá đao thành tầng ấp, Đạo sĩ Sử Hoa dẫm bước lên đi trên từng cấp như bình thường. Bấy giờ, chư Tăng cùng nhau đưa đẩy không ai dám bước lên, ngài nghe thế đến tham yết cùng khai phủ Ngư Triều Tư, Ngư Triều Tư tấu trình xin dựng rộng tầng cấp giá mũi nhận nhọn như sương tuyết tại chùa Chương tín, cao đến trăm thước, tầng cấp ở Đông Minh Quán rất thấp và bé nhỏ. Bấy giờ cả

triều đình Công Quý, cho đến dân chúng ở chợ phường đều cùng nhau chen chân kề vai mà trông ngóng, ngài đi chân không, lên cấp xuống tầng như trên đường bằng phẳng, không biểu lộ khó khăn gì, lại đạp lên trên lữa dữ, đưa tay thử vào dầu sôi nóng, ăn lá sắt mà gọi là bánh bột, cắn đinh sài bảo là giòn ngọt... Đạo sĩ Sử Hoa khiếp sợ, xấu hổ kinh hoàng, che tay áo màt rốn lui. Khi đó mọi người khảy móng tay tán thán tiếng vang như sấm nổ. Vua Đại Tông sai Trung Quan cùng Đình Ngọc tuyên ủy hai ba lần, bèn mang tặng một bức tử bào phương.

156. Thần tăng Linh Thản

Thích Linh Thản, ngài dòng họ Vũ, người xứ Văn thủy, Thái nguyên, là cháu chắc của thái hậu Võ Tắc Thiên. Thân phụ ngài là Tuyên lạc dương lệnh, thân mẫu ngài dòng họ Hạ Hầu. Ban đầu, lúc mang thai ngài, thân mẫu ngài mộng thấy vị Thần tăng trao cho gươm báu trong ngoài đều sáng ngời, và bảo rằng:

- Tôi gởi người vật này, khéo giữ gìn đó. Đến lúc ngài trưởng thành, đến tham yết Thiền sư Thần Hội.

Năm Đại Lịch thứ tám (773) đời tiền Đường, ngài hành hóa lên Lương Viên, bấy giờ Tướng Quốc Điền Công Thần Công men theo bên vệ cúng dường, đến Duy dương lục hợp ngài mới than Đại pháp khóc liệt, bổng nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng:

- Mở tâm địa tức thấy Bồ-tát như tượng Văn-thù nói trao cho ngươi ấn nghiệm.

Trên đảnh đầu, dùng tay mà đè xuống, bỗng xem thấy có sẹo bốn ngón tay đỏ bừng, dấu ấn đó thường hiện.

Ngài lại dừng ở núi vàng tại Nhuận châu, phía Bắc núi đó có hang rồng, thường nhả khí độc như mây, những người ở gần phần nhiều mắc bệnh hoặc đến nổi chết, ngài đến đó ở, mây độc liền mất dấu. Ngài lại dựng am ở Giang âm, Định sơn, bỗng có tiếng tán thán, đến xem thì là hai con rùa màu trắng, ngài vì nó mà cho thọ Tam quy. Lại thấy hai con rắn sắc trắng thân lớn dài đến vài trượng, ngài cũng vì nó mà cho thọ giới, sám hối. Cứ như thế, ngài lại đi đến đất Thục dựng lập một A-lan-nhã, có ba bậc trượng phu mặc áo kim tử từ từ đi bộ đến xưng tán đạo tràng.

Đến năm Nguyên Hòa thứ 5 (810) đời tiền Đường ngài trú tại chùa Hoa lâm. Trong đất chùa có phần mộ đại tướng quân Trương Liêu, chư Tăng trong chùa hay bị quỷ vật hoặc loạn, ngài đến chùa thì không thấy gì. Lại ở tại Dương châu, dân chúng thường bị Sơn yêu mộc quái

làm mê hoặc, ngài đều ngăn cấm cả. Đến năm Nguyên Hòa thứ mười (815), bỗng nhiên có hai người Hồ tự xưng là ở nước Quy Tư lại, ở nước đó không có người hoằng giáo nên từ xa đến thỉnh ngài phu diễn. Đến ngày mười ba tháng năm sau (816), ngài báo cùng chúng Tăng biết là ngài sắp đap lại sự thỉnh cầu ở phương xa. Đến ngày mồng tám tháng chín, ngài thị tịch, hưởng thọ một trăm lẻ tám tuổi, tám mươi bốn Tăng lạp.

157. Thần tăng Tuệ Văn

Thích Tuệ Văn, ngài người xứ Tín an, ngài thường khuyên dạy Đàn-việt tu tạo phước nghiệp là hơn cả, ngài từng ở tại ??? Giang, chú đúc tôn tượng kim thân cao trượng tám. Cả châu chưa ai đoán định được đồng từ đâu đến. Ngài bảo:

- Đợi đại thí chủ.

Bỗng nhiên có hai vợ chồng người nọ từ huyện Thanh khê mang tấm kiếng vốn liếng lúc lấy chồng đến thí xả, ngài vì họ lập nguyện cầu chúc rằng:

- Tấm kiếng này bỏ vào khuôn đúc, nếu sẽ nằm ngay trước tim Phật, đó mới là sự phát tâm rất mực chí thành của hai vợ chồng.

Khi phá vỡ khuôn lộ bày tôn tượng thì tấm kiếng nằm ngay trước tim Phật.

Ngài từng đến Dự chương khuyên hóa, được vài giậu vàng rồng, bỗng chốc gặp giặc muốn cướp lấy. Sự việc nguy cấp, ngài bèn xuống nước bảo:

- Lo mất phước điền quân tử, xin tự lặn lọc lấy.

Ngài đi rồi, bọn giặc bèn xuống nước tìm kiếm mà không được. Kịp đến lúc ngài về tới châu thì số vàng ấy đã âm thầm nằm ở viện. Bấy giờ đường núi có loài hổ báo, ngài gặp nó, bèn dùng gậy gõ lên đầu, bảo:

- Các ngươi chớ hại đến người, ta tạo công đức, cớ sao không kết duyên?

Ngày hôm sau, hổ ngậm con heo rừng đến để trước mặt ngài rồi chuôi đuôi mà đi. Phàm ngài muốn làm mọi việc đều thành, mọi người quy hướng như dòng nước chảy, có làm sự khác lạ.

158. Thần tăng Nan-đà

Thích Nan-đà, vốn là tiếng Phạm, Hán dịch là Hỷ, không rõ ngài thuộc dòng tộc gì, người ở nước nào, ngài là người lạ lùng khác thường,

cung kính có, khinh mạn có, bất định.

Niên hiệu Kiến Trung (780–784) đời tiền Đường, không thể nào đến đất Mân thục, Trương Nguỵ Công mời rước ngài đến Thành đô, ngài tự nói:

- Ta đắc pháp Như huyễn Tam-muội, vào được trong nước lửa xuyên qua cả vàng đá, biến hiện không cùng.

Ban đầu mới đến đất Thục, ngài đi cùng ba cô Ni trẻ tuổi, hoặc có lúc say sưa hát cuồng, tướng lính sắp cấm đoán, kịp lúc ngài đến, lại nói:

- Ta gởi vết ở tạng môn riêng có dược thuật.

Nhân đó, chỉ ba cô Ni, bảo đó là những người khéo tài ca nhạc, tướng lính trở lại kính ngưỡng, bèn quyến luyến không nở dứt đi. Bày tiệc rượu thịt, ban đêm nhóm tụ khách lại chung cùng ngài uống quá lắm. Kịp lúc ba cô Ni đến ngồi, mọi người đưa mắt trông nhìn, tỏ vẻ tuyệt đời, uống sắp hết, ngài bảo cô Ni rằng:

- Có thể làm, sở đạp khúc ta.

Nhân đó, từ từ đến cùng đội múa kéo bày hồi tuyết, nhanh chóng chạy đến xoa mài mu chân lại là nghề nghiệp tuyệt luân. Giây lâu, khúc nhạc đã mà đội mà múa vũ chưa dừng. Ngài hét:

- Phụ nữ phong ư?

Bỗng đứng dậy bắt lấy tướng lính, cầm dao dọa, mọi người cho rằng ngài cuồng say nên kinh hãi bỏ chạy, ngài bèn đặt dao chặt vào lưng, ngã chết giữa đất, máu me lai láng cả vài thước. Tướng lính khiếp sợ, bảo mọi người chung quanh bắt trói ngài lại. Ngài cười, bảo:

- Không sao!

Từ từ cử cô Ni ba cây gậy mà chống đỡ, máu huyết đó là rượu.

Ngài lại từng đang trong cuộc hội uống rượu, bảo người chặt đứt đầu mình, đỉnh tai vào trụ cột mà không chảy máu. Thân ngồi trên chiếu, rượu mang đến thì chốc vào dưới cổ trong vết sẹo, mặt đỏ bừng mà ca hát, tay lại tự để tiết. Tiệc bãi thì tự đứng dậy lấy đầu gắn liền lại như lúc đầu không vết sẹo gì cả.

Ngài thường nói việc hung suy của người đời, đều như là câu đố, sự việc qua rồi mới hiểu. Tại Thành đô, bá tánh phát tâm cúng dường vài ngày, ngài không muốn ở lại. Song, mọi người đóng cửa ải cố lưu giữ ngài. Nhân đó ngài chạy vào vách tường rồi trám bịt lại. Mọi người dẫn nhau vội tìm vào thì chỉ sót lại góc áo ca-sa, trong khoảnh khoắc cũng không còn thấy nữa. Ngày hôm sau, trên tường vách có bức họa hình của ngài, tướng tương tự như sắc màu nhật nguyệt, dần dần mờ tản

đến bảy ngày giữa không có dấu vết đen, qua ngày thứ tám, vết đen cung biến mất. Ngài đã ở lại Bành châu. Về sau, không biết ngài như thế nào.

159. Thần tăng Hòa Hòa

Ngài Hòa Hòa, không rõ là người thuộc dòng tộc gì, ngài là một vị Tăng có vẻ cuồng loạn, phát ngôn có nhiều điều trúng, nên người thời ấy gọi ngài là Thánh.

Có công chúa nước Việt là vợ cả của vinh dương Trịnh Vạn Quân, đã vài năm mà không có con, Vạn Quân đến cầu thỉnh, thưa ngài rằng:

- Tôi không người nối dõi, muốn xin có được một đứa con. Chỉ có ngài là ban ân, có được chăng?

Ngài bảo:

- Mang đến cho ta ba trăm xấp lụa, công chúa sẽ sinh hạ hai trai.

Vạn Quân y theo lời ngài dạy mà cúng thí, ngài đem lụa đến chùa nói tu tạo công đức và nói với Vạn Quân rằng:

- Công chúa có thai. Ta bảo hai người trời xuống làm con công chúa.

Ngài lại nói:

- Công chúa bụng nhỏ có thể cùng lúc mang hai trai chăng? Ta sẽ khiến nó cùng một năm nhưng mà đứa trước đứa sau vậy!

Công chúa liền mang thai, đầu năm và cuối năm mỗi lần sinh một người con. Đứa lớn đặt tên là Tiền Diệu, đứa bé đặt tên là Hối Minh, đếu xinh đẹp đủ tướng trượng phu, hiểu biết thông bác.

160. Thần tăng Nghĩa Sư

Thích Nghĩa Sư, không biết ngài là người xứ nào. Tướng tạnh như phong cuồng, nói năng đảo loạn.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời tiền Đường, ngài qua lại Ngô Uyển làm kẻ ăn xin, mọi việc phần nhiều biết trước. Người thời bấy giờ rất nghi ngờ ngài. Trong chợ quán có vài gian nhà của bá tánh, ngài nắm lấy búa phát tề mái hiên, ngăn cấm vẫn không dừng. Trong đó có số người biết ngài là Thần dị, bèn kính lễ mà thưa ngài rằng:

- Đệ tử nương giá sinh sống ở đây, xin ngài chớ hủy hoại nhà con!

Ngài xoay lại bảo:

- Ngươi tiếc ư?

Rồi ném búa, bỏ đi. Đêm đó, trong chợ bỗng nhiên lửa kéo dài

cháy lan, chỉ có vài gian nhà ngài cắt phá mái hiên còn lại.

Trong chùa, bất kể mùa Đông hay mùa Hạ, ngài thường phế bỏ tích chứa các thứ pha, lọng, tượng Phật... bằng gỗ, dùng thay cho than củi. Lại ở trong lò lửa, ngài nướng cá Lý, mà phần nhiều nó tuôn nhảy trong tro bụi càng luông tuồng, ngài vỗ tay cười lớn nói cười đủ bảy sọt mà ăn, mặt mày nhơ bẩn mà không rửa thì liền có mưa phủ. Dân chúng đất Ngô cho là chiêm hầu.

Đến lúc sắp tịch, ngài uống vài mươi hộc nước hòa với bụi tro, nèn niệm Phật mà ngồi, các hàng Sĩ thứ cùng đến trông xem, mãn bảy ngày thì ngài thị tịch. Khi đó, đang lúc nắng nóng gay gắt, mà nhan sắc không biến đổi, các chi vẫn không thương tổn, bá tánh nghinh thỉnh ra ngoài bang giao mà trà-tỳ.

161. Thần tăng Đại Bệnh

Thích Đại Bệnh, ngài dòng họ Trần, người xứ Thiên thai. Trong buổi sáng ngài chào đời có ánh sáng tốt lành soi chiếu khắp nhà, mọi người trong thôn xóm vô cùng kinh dị. Năm lên bảy tuổi, ngài chịu tang thân phụ, buồn hủy diệt tánh, ngài bèn xin phép thân mẫu cho xuất gia, mẹ ngài vừa mới bày điều khó khăn mà cản trở, ngài liền chặt một ngón tay. Bà con thân thích đôn đốc khuyên hóa riêng thân mẫu ngài và liền đưa ngài đến chùa Quốc thanh. Sau khi đã đăng đàn thọ giới viên mãn, ngài bèn phát chí nguyện tham phương du quán.

Ban đầu, ngài đến dừng ở tại Đông kinh, kế tiếp, ngài đến Hà dương vì dân chúng cứu giúp nắng hạn. Ngài căn cứ theo kinh điển mà học vẽ tượng tám Long vương, thiết lập đạo tràng, khải chúc xong, ngài ném tất cả xuống sông, mọi người đều thấy các tượng họa vẽ hoặc lặng chìm hoặc nhảy vọt khác nhau. Bỗng chốc mây nổi lờ mờ cả tấc, sấm sét tuôn mưa ngoài ngàn dặm đều báo đã đủ. Từ đó, mọi người hướng tâm nương tựa về ngài rất nhiều. Trước kia, khoảng ba thành phần nhiều hay bị gió bão mưa đá, tổn hại lúa mạ non trên tường thành, mọi người cho đó là do rồng độc làm hại. Ngài vì thế, trì tụng mật ngữ, sau trải qua nhiều năm tương tự đều không còn tai hoạn ấy, mọi người cùng nhau tạo lập Đường vũ như sinh từ.

Năm Đại Lịch thứ nhất (766), đời tiền Đường, ngài leo lên Thái hành, tham quan núi Hoắc, bèn vào chỗ sâu xa dựng lập am tranh mà ở. Có kẻ trộm chén bát của ngài, bỗng chốc bị hai con hổ ngăn chặn đường, gặp được ngài, kẻ trộm liền cúi đầu tỏ bày hối quá, ngài ủy dụ xong, nhân đó đưa tay xoa đầu hổ, nhiều lần ngài đã nhiếp phục thú dữ

như thế. Trong núi đó, có miếu thần, có lúc bị truyền bệnh sâu độc dưới bẹn háng. Ngài vào miếu khuyên thần thọ trì quy giới, dứt tuyệt sự nấu nướng sinh lao. Tượng đá thần miếu luôn luôn gật đầu vâng mạng theo sự khuyên dạy của ngài. Do đó, Đàn-việt tín thí kề vai chen chân tìm đến. Có người bỏ chất độc vào trong rượu rồi đút lót người nữ nghèo khổ mang đến cúng thí ngài. Ngài đã dự biết trước. người nữ mang đến thưa rằng:

- Nhà con ủ rượu thấy men tốt lành, nên chiết lấy đem đến cúng dâng Hòa thượng để cầu phước, huống gì Phật chẳng trái ngược ý nguyện của chúng sinh!

Ngài bảo:

- Ngươi cũng là Phật.

Người nữ khốn khổ ấy sợ lại phải uống, nên đem tình thật mà tỏ bày. Ngài bưng lấy chén nếm thử, bỗng chốc hơi rượu bốc cùng hai cẳng chân, đất vì thế mà phân biệt. Mọi người nghe vậy đều kinh lạ. Và rượu được cúng dường từ đó. Tại sông phần ẩm thấp xứ Hà tây, có người mắc bệnh, ngài chỉ cấp cho nước sạch, người đó uống vào, bệnh lành hẳn.

Khoảng niện hiệu Trinh Nguyên (785-805), đời tiền Đường, ngài an nhiên ngồi kiết già mà thị tịch.

162. Thần tăng Quảng Lăng Đại Sư

Ngài là một vị khách Tăng lãng quên tên ở Quảng lăng, tự gọi là Đại sư, mọi người ở Quảng lăng nhân đó dùng hai chữ Đại sư mà kêu gọi ngài. Dung mạo của ngài rất là xấu xí, ưa thích ăn uống rượu thịt, thường mặc áo vải thưa lông cừu, mùa nắng nóng vẫn không cởi ra. Các loài rệp kiến nhỏ bé thường tụ nương náu. Ngài đến ở nhờ tại chùa Hiếu cảm, riêng trong một căn phòng, thường đêm đóng cửa mà ngủ, khinh suất là thường.

Ngài sống với tánh cuồng điên trái ngược, ưa thích giết hại chó, heo nái, thường ngày cùng đấu ẩu với tiếu niên ở Quảng lăng, hoặc say nằm bên vệ đường. Dân chúng ở Quảng lăng do vậy mà chán ghét ngài. Có một gã thiếu niên cậy ỷ sức lực, có ngày, thiếu niên ấy cùng đánh cờ với người, ngài tức giận, dùng tay đập nát hết quân cờ. Gả thiếu niên ấy cười bảo:

- Con nít lần thần sao dám trái ngược với tráng sĩ?

Ngài lại mắng nhục, thóa nhổ lên mặt nó. Khi đó, ngài cùng gả thiếu niên ấy đánh đấu, người xem có đến vài ngàn. Cuối cùng gả thiếu

niên ấy không thắng được ngài bèn trốn đi. Từ đó, dân chúng Quảng lăng cho rằng ngài có sức thần. Ngài cũng tự phụ sức lực đó, thường luôn vào trong chợ cướp bóc vàng tiền y vật, mọi người ở đều sợ dũng khí của ngài nên không ai dám chống cự lại.

Sau, có một vị lão Tăng kêu gọi ngài đến mà bảo rằng:

- Phàm người xuất gia làm Tăng phải nên Từ tâm vâng phụng giáo giới, cớ sao lại ăn uống rượu thịt giết hại chó heo, cướp bóc tiền vật của người trong chợ, lại cùng bọn thiếu niên đánh đấu. Vậy đâu là đạo lý của kẻ Tăng?

Một sáng sớm, quan lại bắt đem ngài đến cửa quan mắng nhục rằng:

- Ông chẳng xấu hổ với trời ư?

Ngài tức giận quát mắng lại:

Bọn ve ruồi ham thích mùi tanh hôi, sao có thể biết được tâm của Rồng hạc ư? Nhưng mà, ta nói cũng chẳng phải chỗ ngươi biết vậy. Vả lại, ta bên trong thanh tịnh mà hỗn tạp bên ngoài, đâu như các ông hẹp hòi không độ lượng ư?.

Lão Tăng cuối cùng không thể chiết phục lời ngài.

Sau, một ngày nọ, ngài từ đâu bên ngoài trở về chùa, vào phòng đóng cửa. Qua lỗ hỏng có người trông nhìn vào, thấy ngài ngồi trên chiếu, có ánh sáng kì lạ từ chân mây phóng ra soi chiếu khắp cùng cả Thất, người trông xem thấy kì lạ báo cùng chư Tăng cùng lại trông xem ánh sáng ở chân mày của ngài. Cùng chỉ mà nói rằng:

–Tôi nghe giữa chân mày của Phật có bạch hào tướng quang, nay ngài cũng có như thế tức quả thật là Phật vậy.

Liền cùng nhau kéo đến lễ bái. Đến sáng sớm hôm sau, chư Tăng đều nhóm tụ nơi sân, đợi hầu tham yết ngài, tới lúc mở cửa thì ngài đã thi tịch. Mọi người lại càng kinh lạ sự việc ấy, nhân đó tôn xưng ngài là Đại sư Phật.

163. Thần tăng Linh Mặc

Thích Linh Mặc, ngài dòng họ Tuyên, người xứ Tỳ lăng. Ban đầu, ngài đến Dự chương tham yết Đại sư Mã... nhân đó, ngài ở lại đạo tràng Bạch sa, trải qua hai năm, Hổ dữ quen thuần, sinh con gần bên cạnh rừng, tùy ý nương náu. Sau ngài lại trú tại Đông đạo tràng, đất hẹp người hiếm. Thần núi mỗi đêm làm chấn động sấm sét mưa bão. Sườn núi cao dốc đều sụp đổ, vứt bỏ cây lớn đến sát bên cạnh am. Cành cây xen quấn lẫn nhau, các loài cỏ mao Thiêm, gây không ít tổn hại. Mọi

người xa gần nghe thế, đều lại trông xem ca ngợi. Sau, ngài đến núi Đông bạch, bỗng nhiên trúng độc mà không tìm cầu thầy thuốc chữa trị, đóng cửa yên tọa, sau đó không lâu chất độc hòa thành mồ hôi nhỏ đổ mới bình phục lại.

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa (806-...), đời tiền Đường, trời nắng hạn lâu ngày, dân chúng đều khiếp sợ, ngài men theo khe suối, thấy một con yêu Thanh xà ngẩn đầu trừng mắt như nhìn người đi lại không giao động. Ngài quát la nó rằng:

- Thiên hạ khô khát, lúa mạ đều chết, sao ngươi không làm mưa để cứu dân chúng?

Đến đêm đó quả thật có mưa lớn, khắp nơi đều bảo đã đủ, dân chúng mong đợi ân ngài ban tặng như thế.

Sau đó, ngài tắm rửa rồi đốt hương, đoan tọa trên thằng sàn mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi mốt pháp lạp.

164. Thần tăng Trừng Quán

Thích Trừng Quán, ngài dòng họ Hạ hầu, người xứ Sơn âm, Việt châu. Năm vừa mới mười một tuổi ngài nương theo Thiền sư Bái ở chùa Bảo lâm mà xuất gia, trì tụng kinh Pháp Hoa. Năm mười bốn tuổi, ngài gặp ân được độ, bèn nương ở chùa ấy.

Ngài thông minh siêu tuyệt, không thể đem việc thường của người xuất gia để bó buộc ngài. Sau, lúc sắp soạn sở giải kinh Hoa Nghiêm, trong lúc ngủ mộng thấy một người vàng, đang đứng tên đỉnh đưa tay đón lấy, không thể nào nắm bắt được, tỉnh giấc, mồ hôi tuông chảy, tự mừng, ánh sáng chiếu soi khắp cùng.

Ngài khởi sự từ tháng giêng năm Hưng Nguyên thứ nhất (784) đến tháng 12 năm Trinh Nguyên thứ 3 (787), đời tiền Đường là hoàn thành xong sở nguyện, cả thảy hai mươi quyển, ngài liền thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng để lạc thành bộ sớ giải ấy. Bấy giờ, ở trước giảng đường, trong hồ mọc lên một hoa sen năm cánh hiệp hoan, đều có ba đốt, mọi người trông thấy đều thán phục. Ngài thường lo nghĩ đến việc trao truyền phú chúc, bỗng một đêm nọ, mộng thấy thân hóa thành rồng, đầu ngẩn cao đến năm đài, đuôi cuộn tới Bắc sơn, ép tháp ngọc bích rãi rác, râu vẫy sáng ánh như mặt nhật, bỗng chốc rắn bò ngoằn ngèo hóa làm hàng ngàn con rồng nhỏ vọt nhảy thanh minh phân tán mà đi. Chuộng lấy cảnh tượng ấy, giáo pháp phân phái lưu bổ vậy. Ngài bèn đến trú tại chùa Thê nham ở trong núi Trung điều. Trong chùa ấy có một thiền khách cuộn lông mày, cắt tóc, tự là "si nhân", mặc áo vải

thô ngắn, tay cầm cây roi dài, cuồng hát nói tạp. Phàm những gì mà si nhân chỉ trích bài bác phần nhiều có ứng nghiệm. Trước lúc, ngài (Từng Quán) chưa đến đó, si nhân thúc dục Tăng chúng trong chùa lo quét dọn, bảo rằng:

- Không bao lâu nữa, có vị Bồ-tát đến sứ này.

Niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), đời tiền Đường, ngài thị tịch, hưởng thọ trên bảy mươi tuổi.

165. Thần tăng Ẩn Phong

Thích Ẩn Phong, người dòng họ Đặng, xứ Thiệu võ, Kiến châu. Từ thuở thơ bé, ngài như ngu cuồng không vâng lời song thân, mà xuất gia thọ pháp.

Niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), đời tiền Đường, ngài nói đi đến núi Ngũ đài. Giữa đường đi ra Hoài tây, trông thấy Ngô Nguyên Tế cậy binh lính chống cự Vương mạng. Quan quân cùng giặc giao đánh lẫn nhau chưa quyết định hơn thua. Ngài bảo:

- Ta phải đến giải trừ sự giết hại này.

Bèn nắm lấy tích trượng, bay mình giữa không trung từ từ mà đi, quanh qua giữa ra quân trận. Chiến sĩ mọi người đều thấy vị Tăng bay vọt, bất giác rút mác hộp giao.

Thế rồi, ngài đi khắp các linh tích, bỗng nhiên đến trước hang Kim cang xoay người mà tịch, sừng sững thẳng đứng như trồng. Mọi người thời bấy giờ bàn với nhau đào một linh huyệt trước rồi sẽ khiêng đến để thiêu, song nhục thân ngài cao vút cứng định như núi, hợp lực vẫn không lay động, mọi người xa gần đến chiêm ngưỡng kinh hãi thán phục. Ngài có một người em gái xuất gia làm cô ni. Cô đến Ngũ đài trừng mắt quát rằng:

- Lão huynh ngày trước chẳng tuân theo pháp luật, nay chết lại huyền hoặc mọi người. Bây giờ mọi người đã biết. Em tuy cùng cốt nhục, đâu dám sai lầm, xin lão huynh nên theo độ!

Bèn đưa tay đẩy nhẹ, tự nhiên ngã nằm, rồi cử hành lễ trà-tỳ, thâu lượm xá-lợi nhập tháp, đề hiệu là Đặng Ẩn Phong. Để lại một bài tụng rằng:

Độc Huyền Cầm, gãy tiếng vì anh
Tùng Bách đông lạnh mãi thường xanh
Vàng quặng hòa chung, tánh tự khác
Tùy ý cùng anh thử lấy xem!

166. Thần tăng Viên Quán

Thích Viên Quán, không biết ngài là người xứ nào, ngài cư trú tại Lạc đô, bản tánh sơ sài đơn giản.

Bấy giờ, ngài cùng Lý Nguyên kết bạn quên mình cùng nương tựa tại chùa Tuệ lâm, chỉ thường ngày cung cấp vật dụng, theo chúng Tăng ẩm thực mà thôi, như vậy suốt ba năm. Một ngày nọ, bỗng nhiên Lý Nguyên hẹn cùng ngài đi đến thành Thục thanh, núi Nga my... vào các hang động tìm cây thuốc. Ngài muốn đi đến Trường an theo đường Gia cốc, còn Lý Nguyên muốn từ Kinh châu vào Hạp châu, phân tranh hai đường suốt nữa năm mà chưa quyết định, Lý Nguyên nói rằng:

- Tôi đã chẳng thờ Vương hầu, hạnh chẳng muốn.

Ngài bảo:

- Hạnh vô cố, hẳn xin theo lời bạn!

Bèn từ Kinh châu lên Hạp châu, đi đến Nam Phổ, ghé thuyền. Thấy vài người phụ nữ điều đạt quần gấm, mang bình mà múc nước, ngài cúi đầu khóc, bảo:

- Tôi không muốn đi qua nơi này, sợ thấy phụ nữ ấy!

Lý Nguyên hỏi về nguyên cớ, ngài nói rằng:

- Người phụ nữ đang mang thai đó, người giáng họ vương, là chỗ tôi gá thân. Đã trải qua ba năm mà chưa sinh nở, chỉ vì tôi chưa lại. Nay đã thấy vậy, mạng có chỗ tựa. Trong đạo Phật gọi đó là tuần hoàn. Xin bạn hãy dùng phá chủ khiến người ấy giáng sinh, vả lại, xuôi thuyền trở về thì đem thân xác tôi vùi chôn trong hang núi. Người nhà phụ nữ ấy khi tắm rửa cho đứa bé cũng mang bạn nên đến viếng thăm, nếu cùng xoay lại mỉm cười tức là còn biết về bạn vậy. Sau hai mươi năm, vào đêm trăng sáng giữa mùa thu, riêng ở ngoài chùa Thiên trú tại tiền Đường, đó là kì hạn gặp lại bạn!

Lý Nguyên hối hận một chuyến đi ấy, bèn gọi người phụ nữ mang thai ấy đến nói rõ sự việc này. Người phụ nữ ấy vui mừng nhảy nhót trở về. Chỉ trong khoảng khắc, Lý Nguyên đi sang trao cho phù thủy. Còn ngài thề tắm rửa mà tịch! Người phụ nữ ấy sinh một bé trai, ba ngày sau Lý Nguyên sang thăm xem, quả nhiên vừa mới đến, đứa bé liền mỉn cười. Ngày sau, Lý Nguyên trở thuyền xoay về chùa Tuệ lâm, dò hỏi các đệ tử mới biết là đã an táng nhục thân ngài rồi.

Lý Nguyên thường nghĩ nhớ ước hẹn đến Hàn châu. Đến kỳ hạn thì đến chùa Thiên trúc. Đêm đó trăng sáng tỏ, bỗng nghe bên bờ giếng cát hồng có tiếng mục đồng ca hát khúc nhạc Trúc chi, đang cỡi trâu gõ sừng, trên đầu lọn hai búi tóc, mặc áo ngắn, từ từ đi đến trước chùa

trông xem. Lý Nguyên chạy lại bái chào, hỏi:

- Quan Công mạnh khỏe chăng?

Mục Đồng đáp lại:

- Lý Công kẻ sĩ thật tin! Tôi cùng bạn khác đường, cẩn thận xin chớ cùng gần. Bạn bận bịu duyên trần chưa hết, chỉ nên chuyên cần tu trì, không sa đọa tức bèn cùng gặp nhau.

Lý Nguyên chẳng do đâu để nói năng rõ lời, chỉ trông nhìn mà rơi nước mắt. Mục đồng (Hậu thân của ngài Viên Quán) lại tiếp tục ca hát khúc Trúc chi trước mà đi. Ngôn từ tha thiết, âm điệu cao vời! Không biết cuối cùng như thế nào.

167. Thần tăng Trí Biện

Thích Trí Biện, không rõ ngài là người xứ nào. Thuở nhỏ đã anh minh tuấn tú, đến lúc trưởng thành lại chuyên cần tập học Phạm ngữ. Ngài mang hòm sách đi khắp các danh sơn, đến chùa Hoành nhạc dừng nghỉ hơn một tháng, thường ở chùa Nhàn trai, riêng tự tìm dịch giải nghĩa sớ. Lại tự trách lầm lỗi của mình rằng:

- Chỗ giải nghĩa lý chẳng trái ý?

Ngài đang trầm tư suy nghĩ, bỗng nhiên ngẩn đầu, thấy một vị lão Tăng chống tích trượng vào, bảo rằng:

- Sư tụng đọc kinh gì? Luận cùng nghĩa lý gì?

Ngài nghi vị lão Tăng ấy là bậc khác thường, bèn tự thuật lại bổn duyên, nhân đó lại thêm sự hối trách. Lại nói rằng:

- Mong hiền đạt chỉ nam, xin cam tâm nhận lãnh, khóa miệng cứng lưỡi, không còn trở lại mở bày diễn giảng!

Lão Tăng cười, bảo:

- Sự hiểu biết của sư rộng rãi, há không biết nghĩa ấy? Các bậc Đại thánh còn không thể cứu độ người vô duyên, huống gì là người sơ tâm ư? Sư chỉ vì vô duyên với chúng sinh vậy!

Ngài hỏi:

- Há trọn đời này như vậy hay sao?

Vị Tăng ấy nói:

- Tôi thử vì Sư mà kết duyên!

Bèn hỏi ngài rằng:

- Nay, sư hiện có được bao nhiêu tiền của lương thực?

Ngài nói:

- Từ Nam đến Bắc, rách cả quần bọc chân. Đã trải qua vạn dặm, các vật mang theo đều hết sạch. Hiện tại chỉ đang thọ trì pháp y cửu

điều mà thôi!

Lão Tăng bảo:

- Vậy được rồi, hẳn nên đem bán hoặc đổi lấy trị giá rồi đều sắm các vật cháo nhừ, bánh bột, dầu ăn... Ngài bèn y theo lời dạy mà làm, ước chừng đủ hai mươi người ăn, rồi cùng lão Tăng đến trong đồng trống, rải nhặt bột bánh, đốt hương, ngài quỳ dái, cầu chúc rằng:

- Ngày nay những ai thọ thực vật tôi cúng thí, nguyện ở đời sau cùng tôi làm pháp thuộc. Tôi sẽ chỉ dạy, được đến Bồ-đề!

Ngài nói xong, bỗng nhiên chim quạ bay xà tán loạn xuống mổ lượm trên đất, các loài ếch, kiến, ve, chấy rận chẳng biết số lượng đến là bao nhiêu ...

Lão Tăng bảo:

- Hai mươi năm sau, Sư mới có thể trở về khai mở giảng tịch, nay nên đi lại đó đây khắp mọi nơi, chưa nên giảng nói!

Nói xong bèn bỏ đi.

Từ đó, ngài chuyên cần miệt mài cùng sách đèn, nghĩ vị thấm đượm cành nhiều, chỉ nguyện vẫn ôm hoài truyền giáo. Đến hai mươi năm, ngài khước bỏ, trở về Hà bắc, mở mang hoằng hóa thạch hành trong Nghiệp đô. Chúng đông đến số ngàn người đều là độ tuổi dưới hai mươi còn người già chỉ vài ba người thôi.

168. Thần tăng Tố Công

Hòa thượng Tố, ngài ở chùa Hưng thiện tại Trường an. Trong sân viện có bốn cây ngô đồng xanh tốt, đều do chính tay ngài trồng. Trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), đời tiền Đường, các quang thần khanh tướng phần nhiều hay đến viện ấy. Vào mùa hạ, các cây ngô đồng nhỏ mồ hôi dơ áo người tợ như dầu mỡ, không thể tẩy giặt, chiêu quốc Trịnh Tướng đã cùng với Thừa Lang và vài người khác tránh nắng, ghét cái mồ hôi làm dơ bẩn đó, nên nói với ngài rằng:

- Đệ tử xin Hòa thượng cho chặt các cây ngô đồng này và mỗi nơi trồng lại một cây tùng.

Đến chiều ngài đi dạo, đến bên cạnh cầu chúc các cây ngô đồng rằng:

- Ta gieo trồng các ngươi đã hơn hai mươi năm, chỉ vì các ngươi mà mồ hôi dơ bẩn nên mọi người không ưa thích, năm tới nếu còn có mồ hôi. Ta hẳn chặt các ngươi mà làm củi vậy.

Từ đó về sau các cây ngô đồng không còn đổ mồ hôi nữa.

Ngài không bao giờ ra khỏi viện, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa

đến ba vạn bảy ngàn bộ, ban đêm thường có con Hạc (tợ như con chó) đến nghe kinh. đến lúc thọ trai thì có chim quạ sà vào lòng bàn tay ngài lấy thức ăn.

Đầu niên hiệu Trường Khánh (821-...) đời tiền Đường, có Sa-môn Huyền U đề thơ kệ tại viện ấy rằng:

Ba mươi năm tụng trì Diệu pháp
Nửa đời chẳng dẫm mấy trần dơ.

Người thời bấy giờ lấy đó làm những câu hay đẹp.

169. Thần tăng Hoằng Đạo

Thích Hoằng Đạo không biêt ngài là người xứ nào, ngài trú tại chùa Thiên phước. Mọi người nói ban ngày đóng cửa để ngủ, đêm thì trông coi việc ở âm phủ. Mười sự khẩn cầu thì hết tám, chín sự cự tuyệt.

Bấy giờ, Hà Trung Thiếu y Trịnh Phục lễ, ban đầu ứng thi Tiến sĩ mười lần cất nhắc chẳng đậu, mới cho là khó khăn nên tức giận hãi hùng, bèn chọn ngày thiết trai tắm gội mong hầu. Bất giác rất tỏ vẽ hòa nhã, thủ bảo:

- Ta chưa từng quên giờ thẩm đối với người, nay người tài giỏi lại tán thán ôm chất củi. Vả lại từ lâu không thể nhẫn. Gắng nên tiến thủ, trọn thành mỹ danh. Nhưng sự việc ấy rất lạ thường nên không thể vậy. Trịnh bái xin ước mong ấy.

Ngài bảo:

- Ước mong của ông phải hội đủ bốn sự kiện sau đó mới toại chí. Trong bốn kiện mà thiếu một thì trở lại mang oan. Như vậy tức là trong cốt nhục phải tương tục tiếp nối ba bảng yết thị, trước ba bảng còn khó như thang cấp lên trời, sau ba bảng thì dễ như trở tay.

Trịnh ngạc nhiên trông nhìn mà không thể hiểu, thì lại bái xin danh mục của bốn sự kiện. Ngài chần chù giây lâu rồi bảo:

- Phải cẩn thận, chớ nói với mọi người về vấn đề thành danh của ông có bốn sự kiện, cũng có thể lấy làm lạ.

1. Phải lúc quốc gia cải đổi niên hiệu qua năm thứ hai.
2. Lễ bộ Thị Lang phải trở lại trong việc xem tiến cử.
3. Phải là người thứ hai thuộc dòng họ Trương.
4. Đầu năm đó phải có Quách Bất Lang.

Trong bốn sự kiện mà khuyết một thì công thiếu một sọt. Như thế tức Hiền đệ, cháu chất ba bảng yết thị nhất định phải y như vậy.

Trịnh tuy rất nghi lời nói ấy, nhưng chỉ tỏ vẽ bực bội không vui, vì

cho là không còn có hi vọng gì nữa, ben kính lễ bái tạ mà lui.

Năm Trường Khánh thứ 2 (822) đời tiền Đường, có người nói tên họ ở Chu Văn, Trịnh cho đó chẳng phải là người trở lại trông coi việc tiến cử, trong ý rất nghi ngờ, quả thật không đỗ đạt. Cho đến lúc cải đổi niên lịch năm thứ 2(826), mới đề xướng Dương Công trở lại Ty văn Bính. Trịnh riêng tự mừng sự việc ấy, nhưng chưa dám tiết lộ một lời, qua mùa Xuân năm sau, quả thật là đỗ đạt. Và người thứ hai dòng họ Trương tên là Tri. Thật là đồng năm đó Quách Bát Lang danh tiếng lừng lẫy. Trịnh lấy làm kỳ lạ, than thời gian lâu dài. Nhân đó ghi sao vào sách nhỏ. Riêng tự cho rằng:

- Ngài nói ba bảng yết thị nhất định phải như vậy. Một đây đã khác lạ, có thể dẫn đến thứ hai, thứ ba chăng?

Kế đến, nhân Thượng thư Hữu Thừa húy là Hiến ứng cử trong năm Thái Hòa thứ hai (828) đều có sổ sách danh dự ghi đầy đủ. Về chủ Văn chẳng trở lại trông coi việc tiến cử, nên ngày thi quả thật có sự giúp đỡ khắp cùng. từ đó ứng đến năm Thái Hòa thứ 9 (836) cử bại ở Thùy Thành. Cho đến lúc đổi niên hiệu Khai Thành năm thứ 2 (837), Cao khai trở lại Ty Văn Bính Hữu Hạt. Trịnh riêng lấy làm lạ việc ấy, quả thật năm sau đỗ đạt cao. Người thứ hai tên dòng họ Trương tên là Đường, đồng năm đó Quách Bát Lang tên là Thực, nhân đó lại phụ ở cuối sách nhỏ. Ba bảng yết thị tuy khuyết một, hai bảng vả lại không ít sai. Tại trong khúc môn, riêng tự nói rằng “Há ấy vậy ư”.

Bấy giờ, không biết ngài đã đi đến xứ nào. Năm sau, nhân phụ Mã đô úy cảnh ứng cử, bấy giờ danh dự càng chuyển hợp. Đến khi đổi niên hiệu Hội Xương năm thứ 2 (842), lễ bộ liễu thị lang Hoàn trở lại ty Văn Bính, đô úy đỗ đầu Trạng nguyên, người thứ hai dòng họ Trương, tên là kinh. tật điều nói của ngài không sai.

170. Thần tăng Thanh Công

Thích Thanh Công, không biết ngài là người xứ nào, trú tại góc eo của Ba sơn. Ngài thường im lặng không nói, bỗng nhiên mà nói thì lúc nào cũng trúng.

Bấy giờ ở Tây xuyên, Tiết soái đoàn Văn Xương phụ ngạc làm làm Chi giang Tể tướng, sau nhận làm đốc trách ở Giang lăng. Thuở thiếu thời Văn xương khéo tiếp nối văn chương, lúc trưởng thành tự chử cung khốn khổ nơi bụi đất. Khách đến thành đô thăm hỏi Vĩ Nam Khang Cao, Cao cùng tấu Thích họa, đạo không được lưu hành rộng. Thường vì sự nghiệp mà tự phụ, những người cùng đi đều là các kẻ sĩ cao minh bèn

bỏ phủ của Nam Khang. Kim Ngô tướng quân Bùi Bân đến trấn Lương xuyên, vời làm tùng sự, chuyển mượn đình bình phẩm Bùi Công phủ xong, Bùi Công từ phủ đi, nghe ngoài có các sự kỳ đặc bèn sang cầu dừng ở qua đêm, xin biết được mọi việc đã qua trước kia. Từ đầu đêm cho đến sáng sớm, ngài không nói một lời bỗng nhiên hỏi:

- Khoảng giữa rất thạnh cờ rủ xuống mà đến là ai?

Bùi Công đáp:

- Há chẳng phải là Cao Sùng Văn?

Ngài bảo:

- Không phải, nói lại đi!

Bùi Công đáp:

- Đại Tông Văn là Vũ Hoàng Môn.

Ngài bảo:

- Đoàn thập cửu Lang Phi Nhật tức là người ấy. Rất thạnh, rất thạnh.

Bùi công tìm chứng cứ đó, bèn nói:

- Hại Phong hư dối, A sư chẳng biết.

Nhân đó cười mà lớn. Do vậy càng thêm tự phụ.

Hộ bộ viên ngoại Vĩ Xử Hậu ra nhậm khai châu Thứ Sử, bấy giờ đoàn Văn Xương nhận việc đô quan viên ngoại Phản Cổ Thiết án công đưa ra Đô môn. Vĩ Xử Hậu vốn thân tín Phật giáo, thừa lúc đến Hộc Minh thăm hỏi trước. Ngài vui mừng đón tiếp Xử Hậu. Xử Hậu nhân đó hỏi về thời gian trở lại. Ngài bảo:

- Một năm rưỡi, một năm rưỡi!

Lại hỏi:

- Cuối cùng dừng nghỉ ở chỗ nào?

Ngài đáp:

- Tể tướng phải là Giang biên đắc?

Lại hỏi:

- Cuối cùng dừng nghỉ ở xứ nào?

Ngài không đáp. Lại hỏi:

Đoàn thập cửu lang thế nào?

Ngài bảo:

- Đã nói rồi, gần đấy, gần đấy.

Kịp đến lúc Vĩ Xử Hậu trở về triều chính lại nói điều nghiệm về một năm rưỡi.

Đầu niên hiệu Trường Khánh (821-...) đời tiền Đường, đoàn Văn Xương tự cùng vị tiết chế Tây Xuyên, quả phù hợp lời nói của ngài. Vĩ

Xử Hậu chỉ không hiểu Giang Biên đắc làm Tể tướng, nên rộng cầu hỏi các bậc trí giả giải chỉ, hoặc có người nương tựa chứng nghĩa cho rằng Vĩ Xử Hậu hẳn từ Chiết tây, Hạ khẩu mà vào bái.

Kịp đến lúc Văn Tông Hoàng đế lên ngôi (826-836), Tự Giang để thủ mạng Vĩ Xử Hậu làm tướng, đến đó mới chứng nghiệm, cùng Châu Bình Công Đồng sai sứ đi sửa bảo tháp của thanh công, nhân khắc bia đá ghi lại việc ấy, liền lấy giấy viết ghi lại hai câu thơ:

Hoa lê mới nở, đầu hoa hạnh
Phương Nam điện ấp mừng có thừa.

Tông nho vội khảo cứu đó, ngài chỉ nói là:

- Hại Phong A sư lấy câu kế.

Tháng hai năm sau trừ kiểm hiệu, Hữu Bộc Xạ Trịnh Dư Khánh thay tước vị đó.

171. Thần Tăng Duy Anh

Sa-môn Duy Anh không rõ là người xứ nào, đã hay khéo thanh sắc lại hay biêt thuật số. Sĩ nhân Lục Vân Ngô ứng cử tiến sĩ, tại kinh đô thường qua lại. Mỗi lúc ngài thường nói về các việc nhỏ, không điều gì chẳng ứng nghiệm.

Mùa Xuân năm Bảo Lịch thứ hai (826), đời tiền Đường, Tân Ngô muốn ngừng thi cử để trở về đất Ngô, bảo cùng ngài để thực hành kế sách. Ngài giữ lại một đêm sáng sớm mai ngài bảo với Tân Ngô rằng:

- Năm sau ông sẽ thành danh, chẳng cần phải trở về, chỉ lấy Kinh Triệu tiến đưa, hẳn ở thứ bậc cao.

Tân Ngô nói:

- Tôi từng ba lần đến kinh Triệu chưa bao giờ được vị. Việc năm nay cảm thấy rất khó!

Ngài bảo:

- Không hẳn vậy, việc thành danh của ông hẳn do từ Kinh Triệu tiến đưa, những xứ khác không thể được. Đến ngày mồng sáu tháng bảy, nếu ăn loài thủy tộc thì đỗ đạt và ở thứ bậc đặc thù.

Tân Ngô bèn viết lên khung cửa sổ Tấn Xương Lý để hằng ngày trông xét. Vài tháng sau, nhân đến cửa Bắc tĩnh cung thăm quan Nhất lang. Vừa gặp Triều khách bèn trở về dừng nghỉ qua đêm ở nhà người cháu là Nhân Lễ. Vừa mới vào, Văn Lễ mừng đón nói:

- Nhân có người mới cho cặp cá Lý, bèn muốn nấu đãi ông.

Tân Ngô vốn ưa thích cá, chỉ bảo làm canh thôi và người nhà bưng lên đều ăn hết.

Ngày hôm sau nhân nhìn lên khung cửa thì thấy ghi là ngày mồng sáu tháng bảy. Vội xa giá tìm đến ngài, bày chuyện lừa dối nói rằng:

- Sắp đến Bồ quan nên đến từ biệt.

Ngài bảo:

- Đã ăn loài thủy tộc rồi, còn đi Bồ quan làm gì.

Tân Ngô bèn tin tưởng sâu đậm thêm. Nhân lấy kinh triệu phủ, quả nhiên được cấp bậc đặc thù. Năm sau vào thi tuyển hoàn tất, lại đến hỏi ngài. Ngài bảo:

- Ông đã có tên trong sổ thi đậu rất cao, đang ở tại hạng ngoài mười lăm người trạng nguyên dòng họ Lý tên Cáp Dục Cước. Bấy giờ có quảng văn sinh Chu Cầu. Khi bàn luận đáng đỗ đạt, Quan Giám Ty đưa tên chưa đăng khoa. Tân Ngô nhân đó hỏi:

- Người ấy không phải là dòng họ Chu ư?

Ngài bảo:

- Trong ba mươi ba người không có ai là dòng họ Chu. Đến ngày 24 tháng giêng, Tân Ngô nói đến Tùng phủ. Phủ chỉ cho bảng thạch chúc mừng viết ở vách tường. Hơn tháng sau treo bảng, thì người đỗ đầu trạng nguyên là Lý cáp, tên của Tân Ngô ở thứ 16, tức ba mươi người. Ngài lại nói với Tân Ngô rằng:

- Sau khi ông thành đạt danh vọng, sẽ ăn lộc thuộc phần ở Ngô việt, có một việc rất nhanh chóng.

Sau, Tân Ngô đến làm việc tại xứ Việt, được nửa năm thì đột nhiên qua đời.

172. Thần tăng Văn Sảng

Thích Văn Sảng, không biết ngài là người xứ nào, sớm mở giải bụi trần phá bỏ lưới ái, theo thầy học đạo. Tự nhiên chẳng ngủ, những lúc mỏi mệt khốn cùng chỉ ngồi kiết già. Sau riêng một mình, ngài đến dừng ở tại Khâu Lũng, gặp lúc mưa dầm cả tuần, bên cạnh không người hầu hạ. Có một con rắn vào cuộn nằm trong tay ngài. Bấy giờ có người thỉnh ngài để thiết trai cúng dường, người ấy lấy làm lạ đã đến giờ mà người không tới, bèn lại sang cầu thỉnh. Thấy con rắn nên kinh hãi la thất thanh, con rắn mới từ từ bò xuống. Người ấy cố thỉnh ngài sang thọ thực, nhưng ngài khước từ cho rằng đã quá giờ trưa nên không ăn. Ngày hôm sau, có con chó sói nhe răng há mồm, nhảy cắn đôi ba lần như muốn nhai cắn. Ngài thương nó đói khát, lại tự suy nghĩ rằng:

- Hình hài ta là một đãy dơ uế không nên lẫn tiếc, ta sẽ thí xả cho ngươi một bữa ăn, cầu nguyện sớm được thành tựu thân hình kiên cố,

còn ngươi thọ nhận sự cúng thí của ta đồng được trở về thiện hội.

Bỗng chốc, con chó sói chuôi tai mà đi. Đến ngày ngài thị tịch, giữa không trung có tiếng chung khánh giao hòa lẫn nhau, kéo dài một thời gian lâu mới dứt.

173. Thần tăng Giám Không

Thích Giám Không, ngài dòng họ Tề, người xứ Ngô quận, thuở thiếu thời ít nghèo khổ, tuy siêng năng học tập mà ít ghi nhớ. Đến lúc tráng niên, thường luôn khốn khổ, ngài đi khắp các xứ Ngô việt và tuổi đã bốn mươi lăm.

Niên hiệu Nguyên Hòa (806-...)thời tiền Đường, gặp lúc tiền Đường hoang sơ thiếu thốn, ngài bèn nghĩ đến chùa Thiên trúc cầu xin thọ thực. Vừa đến phía Tây chùa Cô sơn, đói quá không thể đi tới nữa, bèn dựa bên dòng tuyết, buồn khóc rên rĩ mới vài lời, bỗng có một vị Phạm tăng cũng ghé vào bên dòng mà ngồi, ngoái nhìn ngài cười bảo rằng:

- Pháp sư tú tài trải qua vị ngon nào chưa?

Ngài đáp:

- Trải qua vị ngon thì có, nhưng tiếng gọi Pháp sư nghe sao trái ngược sai lầm quá.

Vị Phạm Tăng bảo:

- Ngài không nhớ giảng kinh Pháp hoa ở chùa Đồng đức?

Ngài nói:

- Đời nay tôi đã bốn mươi lăm tuổi, chỉ vòng quanh xứ Ngô sở, chưa từng ngẫm đến kinh khẩu, sao lại nói ở Lạc trung ư?

Phạm Tăng bảo:

- Ngài đang bị lửa đói thiêu đốt chưa rảnh để nhớ lại việc xưa.

Bèn lấy từ trong đẫy ra một quả táo lớn bằng nắm tay, bảo:

- Quả này trồng ở xứ đất nước tôi, vậy ngài ăn nó, nếu bậc thượng trí thì biết được mọi sự ở quá khứ và tương lai. còn kẻ hạ trí thì chỉ biết việc trước mắt mà thôi.

Người quá đói, bèn ăn quả táo, vốc nước suối mà uống, bỗng nghiêng mình nằm trên phiến đá mà ngủ, khoảnh khắc tỉnh giấc nhớ lại việc giảng kinh ở chùa Đồng đức như là mới ngày hôm qua. nhân đó càng thêm gào khóc hỏi vị Phạm Tăng rằng:

- Hòa thượng Chấn hiện tại ở đâu?

Đáp:

- Ngài chuyên tính chưa đến, lại là Sa-môn đất Thục, nay thì đoạn

tuyệt phan duyên vậy.

Lại hỏi:

- Pháp sư ngộ ở đâu?

Đáp:

- Há không nhớ đùa phát đại nguyện tại trước tượng đá ở Hương sơn sao?

Nếu chẳng chứng Vô thượng Bồ-đề, hẳn nguyện làm quỷ thần hùng dũng. Hôm qua, nghe đã đạt được đại tướng quân. Năm người mây nước thời bấy giờ, nay chỉ một mình tôi được người giải thoát,

Riêng ông là kẻ sĩ đói lạnh. Người khóc bảo:

- Tôi bốn mươi năm nay.

Mỗi ngày chỉ ăn một bữa, hơn ba mươi năm chỉ mặc một chiếc áo vải thô mọi việc phù phiếm ở thế gian đều quyết dứt tuyệt cội nguồn, cớ sao cầu mong phước không hoàn bị ư? Mãi bị đói lạnh! Vị Phạm bảo:

- Do ngài ngồi trên tòa sư tử, rộng giảng lắm điều lạ lùng khiến những người học sinh tâm nghi hoặc. Giới châu từng khuyết mẻ, mùi tanh hôi còn sót lại, tiếng hỗn độn, âm hưởng trong trọn không có được, hình cong bóng vẹo, báo ứng hẳn nhiều.

Ngài hỏi:

- Vậy làm sao giờ?

Vị Phạm tăng bảo:

- Sự việc đời nay thì tôi không cùng tính, song việc đời khác thì cũng cảnh tỉnh với ông.

Bèn dò tìm trong bình bát lấy ra một gương soi, trước mặt sau lưng thảy đều sáng suốt, nói với ngài rằng:

- Cần biết được phần sang hèn tu sửa trong thời hạn dài ngắn. Phật pháp hưng tán, đạo tu thạnh hay suy, nên xem qua gương này.

Ngài soi nhìn giây lâu rồi cảm tạ rằng:

- Mọi việc báo ứng với lý thạnh suy, chỉ biết như thế vậy.

Vị Phạm tăng nhận lấy lại gương bỏ vào trong đấy, bèn mang mà đi. Đi chừng mười bước liền không thấy đâu nữa.

Đêm đó, ngài vào chùa Linh ẩn cầu xin xuất gia, thọ giới cụ túc. Sau, ngài đi khắp các danh sơn, càng cao tiết khí khổ hạnh. đầu niên hiệu Thái hòa (827-...) đời tiền Đường, ngài đến Lạc dương. Tại Long môn chùa Thiên trúc gặp Liễu Trình người ở Hà đông bèn cùng tỏ bày nguyên do ấy. Liễu Trình nghe điều ngài nói đều là khác thường, vả lại rất khác lạ. Ngài bảo:

- Đời này tôi sống được bảy mươi bảy tuổi, ba mươi hai hạ lạp, như

vậy là còn mang bình bát khất thực ở đời chín nữa. Ngày tôi xả bỏ báo thân là lúc Phật pháp suy khốn.

Liễu Trình hỏi vặn lại, ngài im lặng không đáp bèn đòi mượn bút nghiên đề vài hàng lên phía Bắc tường kinh tạng mà đi. Ngài biết rằng:

- Hưng dấy một hạt cát, suy bại như số cát sông Hằng, thỏ mà giăng lưới, chó mà đuổi bắt, trâu hổ đấu nhau cùng sừng răng, Hoa đàm báu trọn không thể phá diệt hoa ấy.

174. Thần tăng Vô Trước

Thiền sư Vô Trước Văn Hỷ vào núi Ngũ đài mong cầu được thấy Bồ-tát Văn-thù bỗng thấy ông núi. Ngài ghi lại rằng:

- Nguyện muốn được thấy Đại sĩ Văn-thù.

Ông núi nói:

- Đại sĩ chưa thể thấy được. Ông đã ăn cơm chưa?

Ngài đáp:

- Chưa.

Ông núi bèn dẫn vào trong một ngôi chùa đến trong nhà bảo ngài ngồi. Có một đồng tử bưng dâng một cái chén bằng đồi mồi, vật đựng trong chén tợ như Tô lạc, ngài uống vào, cảm thấy tâm thần trong lắng sáng suốt. Ông núi bảo:

- Ở phương Nam, Phật pháp hiện tại như thế nào?

Ngài đáp:

- Các Tỳ-kheo trong thời mạt pháp ít phụng trì giới luật.

Lại hỏi:

- Chúng Tăng có được bao nhiêu?

Ngài đáp:

- Khoảng ba trăm đến năm trăm vị.

Ngài lại hỏi:

- Ở đây Phật pháp hiện nay như thế nào?

Ông núi đáp:

- Rồng rắn hỗn tạp, Thánh phám đồng ở với nhau.

Ngài lại hỏi:

- Chúng được bao nhiêu?

Ông núi đáp:

- Trước ba ba sau cũng ba ba.

Bèn cùng nhau bàn luận đến chiều, ông núi bảo đồng tử dẫn đưa ngài ra. Đi chưa bao xa, ngài xót thương tỏ ngộ ông núi tức là Bồ-tát

Văn-thù, không thể trông thấy lại được, bèn cuối đầu bái chào đồng tử xin một lời từ biệt. Đồng tử nói:

- Vô cấu vô nhiễm tức là chân thường.

Nói xong, đồng tử và ngôi chùa đều ẩn mất, chỉ còn thấy Bồ-tát Văn-thù cỡi con sư tử lông vàng qua lại trong ráng mây năm sắc rồi tự nhiên mây trắng phủ khắp không còn thấy nữa.

175. Thần tăng Tri Huyền

Ngài Tri Huyền, Ngộ Đạt quốc sư tình cờ gặp một vị Tăng ở tại chốn kinh đô. Bấy giờ, vị Tăng ấy mắc bệnh Ca-la-ma. Mọi người không biết ấy là Thần dị nên đều nhàm gớm, chỉ mình ngài chăm sóc hầu hạ không tỏ vẻ mệt mỏi. Sau, đến lúc từ biệt, vị Tăng ấy nói với ngài rằng:

- Ông sau này gặp nạn, nên đến núi Trà lũng, Bành thành, Tây thục để cùng gặp, nơi có hai cây tùng làm dấu.

Sau đó, ngài trở lại chùa An quốc, vua ý Tông thời tiền Đường đích thân đến nơi Pháp tịnh nghe ngài giảng pháp ban tặng ngài một Pháp tòa bằng gỗ trầm hương, ân sủng sâu đậm. Bỗng nhiên trên đầu gối ngài sinh ra mụt nhọt mặt người có đủ mắt mày răng miệng, mỗi lúc đút thức ăn thì mở miệng nuốt lấy như người thật không khác. tìm cầu các danh y trị liệu song không hiệu nghiệm gì. Nhân đó, nhớ lại lời nói năm xưa, ngài bèn vào núi cùng tìm thấy hai cây tùng ở giữa khoảng mây khói, ngài tin điều ước hẹn không sai, liền đi đến đó, thấy chùa Phật sáng ngời nghiêm lệ, vị Tăng trước kia đang đứng ở cửa, ngoái trông tiếp đón ngài rất vui vẻ. Trời đã sẫm tối, nên dừng ở qua đêm, ngài đem tất cả nỗi thống khổ nói cùng vị Tăng ấy. Vị Tăng ấy bảo:

- Không thương hại gì. Tại núi này có dòng suối, sáng sớm mai ra tẩy rửa hẳn sẽ lành.

Đến sáng, có đồng tử dẫn người đến chỗ suối, vừa mới vốc nước, bỗng nhiên mụt nhọt nói tiếng người, bảo rằng:

- Xin khoan tẩy rửa. Ngài đã từng đọc bộ Tây hán thư chưa?

Ngài đáp:

- Đã từng đọc.

Mụt nhọt lại hỏi:

- Đã từng đọc sao không biết Viên án giết Triệu Thố ư?

Ngài chính là Viên án, tôi đây tức là Triệu thố. Triệu thố bị chém ở phía Đông chợ. Nỗi oan ấy biết làm sao ư? đã nhiều đời, tôi cố tìm ngài để báo thù, mà ngài đã mười đời xuất gia làm Tăng, giới luật tinh

nghiêm, nên tôi không tiện báo thù. Nay ngài thọ dụng sự ban tặng quá sức xa xỉ. Tâm danh lợi mong khởi, nên tôi mới có thể đến hại may nhờ Tôn giả Ca-nặc-ca dùng nước pháp Tam-muội để tẩy rửa cho tôi, từ đây không còn phải bị oan nữa. Khi ấy, tâm thần ngài không trú tại thể vội vốc nước để tẩy rửa đi, nỗi đau nhức thấu cả cốt tủy, ngài ngất đi rồi sống lại, mụt nhọt ất cũng liền lành hẳn. Ngoáy đầu nhìn lại thì chùa Vũ tự nhiên không thấy, nhân đó, ngài dựng am tranh tại đó rồi biến thành ngôi Đại tự.

Ngài cảm sự kỳ dị ấy nghĩ rằng oan khiêng nhiều kiếp, nếu không gặp được Thánh hiền thì chẳng do đâu mà được cởi mở. Nhân đó thuật lại sáu văn ba quyển. Bởi lấy nghĩa dùng nước Tam-muội để tẩy rửa oan nghiệp nên gọi là Thủy Sám.

■

TRUYỆN THẦN TĂNG

QUYỂN 9

176. Thần tăng Kim Cang Tiên

Sa-môn Kim Cang Tiên, ngài người xứ Tây Vực. Ngài đến trú tại chùa Hạp sơn xa vắng, rất tài giỏi Phạm âm, khảy lưỡi, lạy động tích trượng vào các vật, không vật gì chẳng ứng nghiệm. Ngài khéo giam tà ủy mỵ, bó buộc muỗi lần, động tích trượng một tiếng với nhóm sấm sét chấn động.

Một ngày nọ, tại chùa Hạp sơn có Lý phác mang búa chặt đốn cây lớn để xẻ làm thuyền. Bỗng nhiên lên núi thấy một tảng đá lớn, trên mặt có một lỗ hang, thấy một con nhện rất lớn, chân rộng hơn cả trượng, có bốn con rắn quấn cỏ lấp hang ấy mà đi. Bỗng chốc nghe trong rừng cây có tiếng rống mạnh dữ, các người thợ lo sợ nương theo cây mà xem xét, quả nhiên thấy con rắn Hổ chỉ cầu, lớn đến vài mươi trượng cong vây quanh hang nhện. Đầu của nó khắp cả Đông tây, bỗng nhiên đầu ở phía Tây nhảy cẩng lên hút nhiều cỏ trong hang ấy mà bay ra nhả đổ ra ngoài hết, sau đó lại đầu phía Đông họa mắt nó há mồm lớn, hút lấy con nhện. Con nhện theo ra, dùng chân bắt lấy miệng hang, ép chất độc đó cháy như lửa thiêu đốt cổ họng và khử trừ mặt của rắn hổ, rắn hổ lờ đờ rồi sống lại, ngẩn đầu hút lấy, nhện không thấy lại càng sửa độc hại rắn. Rắn bèn lật đá mà chết. Con nhện men theo đó nếm thử ruột của rắn hổ. Bên trong gãy mất hai chiếc răng đều kéo ra theo tơ mà bỏ vào trong túi, nhảy đạp ra khỏi hang mà đi.

Lý Phác ngờ lạ trở về lại chùa Lạp sơn nói lại cùng ngài. Ngài bèn cầu Lý Phác chỉ nghiệm ở hang rồi lắc vòng tích trượng mà chú nguyện. Con nhện liền ra trước mặt ngài nghiêm chỉnh như Thần thánh. Đến lúc ngài đưa tích trượng xúc chạm đến nó, con nhện bèn ngã chết bên cạnh hang. Đến tối, ngài mộng thấy một ông già bưng xấp lụa đến trước mặt ngài, thưa rằng:

- Tôi là con nhện đây, lại hay dệt được lụa này.

Kính lạy ngài và nói tiếp:

- Nguyện muốn làm y phước điền.

Nói xong bèn biến mất. Ngài tỉnh giấc thì xấp vải đã ở bên cạnh mình, nó tinh diệu kỹ xảo khác hẳn sợi tơ của người thường làm. Ngài dùng đó để may y, bụi dơ không dính bám.

Sau vài năm ngài muốn sang Phiên ngung rồi lên thuyền vượt biển trở về Thiên Trúc và ở tại bờ đầm Kim tỏa nơi Hạp sơn, chấn động tích trượng hô lớn mà chú nguyện vào nước, bỗng chốc nước mở thấy tới đáy, ngài dùng bình tắm trương ra, trong bùn có một con cá thu dài độ ba tấc nhảy vào trong bình. Ngài nói cùng chúng Tăng rằng:

- Đây là rồng. Tôi sắp đến cửa biển lấy thuốc nấu làm cao xoa chân thì được qua biển như đi trên đất bằng phẳng. Đêm đó có một người già mặc áo trắng mang khạp chuyển quang đến chùa, có người nhà truyền kinh nói rằng:

- Biết ngài ưa thích rượu, trong khạp này một bên để rượu ngon, một bên để rượu nồng độc. Khạp ấy là của vua Tuệ đế từng dùng với đam ngưu tướng quân, nay có trăm lượng vàng rồng phụng dâng ông hãy vì mang rượu độc này đưa đến vị Tăng ấy, vị Tăng ấy không sao lấy con ta làm cao, hận ấy thống đau suốt cả cốt tủy, chỉ vì không biết tính làm sao.

Truyền kinh mừng nhận lấy vàng và rượu, được phép của chuyển quan đi đến chỗ ngài. Ngài bưng lấy chén muốn đưa vào miệng, bỗng nhiên có đứa bé độ vài tuổi nhảy ra đến tay che bịt lại, bảo rằng:

- Rượu ấy là chỗ rồng tương lai làm độc hại ngài đó.

Ngài kinh hãi hỏi truyền kinh. Truyền kinh bèn không dám che dấu. Ngài mới hỏi đến bé rằng:

- Ngươi là người gì mà lại cứu giúp vậy?

Đứa bé đáp:

- Con là nhện năm xưa đây. Nay đã lìa khỏi ác nghiệp mà thác sinh làm người đã được bảy năm. Hồn tôi có phần linh hiển so với người thường, biết ngài có nạn nên xuất hồn bay đến để cứu hộ.

Nói xong liền ẩn mất. Chúng Tăng nghe nói vậy rồi thì đều cùng nhau lễ bái, cầu xin ngài thả con rồng ấy. Ngài bất đắc dĩ bèn tha cho nó. Sau đó, quả thật ngài nương thuyền trở về Thiên Trúc.

177. Thần tăng Hoài Tín

Thích Hoài Tín, ngài ở tận Quảng lăng, không có kỳ tích gì đặc biệt. Năm Hội Xương thứ 3 (843), đời tiền Đường, vua Vũ Tông vì Triệu Quy Chân bài hủy Phật giáo, muốn tiêu diệt giáo pháp. Ở Hoài nam có

từ khách Lưu Ẩn Chi bạc du Tứ minh. Trong đêm thuyền ghé nghỉ mộng thấy như đang trôi nổi giữa biển. Xoay đầu nhìn lại thấy một ngôi tháp ở Đông đô. Đó là tháp ở chùa Tây linh, Hoài nam. Tháp đó cao vút không ít so với tháp Vĩnh ninh của Hồ Thái Hậu. Ở tầng thứ ba của tháp, thấy Tín Bằng Lăng cùng Ẩn Chi giao đàm, Thả nói:

- Tạm đưa tháp qua Đông hải, khoảng một tuần thì hoàn trả lại.

Vài ngày sau, Ẩn Chi trở về Dương châu liền đến tham yết ngài. Ngài hỏi:

- Có nhớ lúc gặp nhau trên biển chăng?

Ẩn Chi hoát nhiên tỉnh ngộ. Sau đó vài ngày, lửa trời thiêu đốt tháp cháy rụi hết, mưa trắng nghiêng tưới mát. Bên cạnh có ngôi nhà cỏ tranh không tổn hại gì. Do đó mà quán xét, mọi người ở Đông hải đều có thấy tháp Vĩnh ninh.

178. Thần tăng Trí Quảng

Thích Trí Quảng, ngài dòng họ Thôi, không biết là người ở xứ nào, oai đức hoàn bị, căn đạo bền bỉ, hóa hành rộng lớn thanh nhã, đặc hiển kỳ tích. Phàm trăm loại bệnh nhân tìm đến ngài, thì ngài hoặc dùng phiến trúc hay gậy chỉ vào chỗ đau, đánh một cái, tức khắc không bệnh gì cũng lành. Hoặc người bị co quắp liền khỏi, người quê liền chạy đi được. Từ đó về sau càng thêm thần nghiệm. Khi gặp người bệnh thì hoặc đánh hoặc quát mắng liền khỏi. Hoặc bảo đốt giấy tiền nhặc tán để uống. Hoặc gặp người bệnh rất thống não, vấn giấy thấm nước dán vào cũng lành. Ngài từng ẩn độn dưới sông ngòi hồ chủ nguyện nuôi dưỡng cá, trải qua một đêm thì cá ấy lớn dài vài thước trở lên. Có đến ức vạn con đều nổi lên trên mặt nước mà chết, nhờ nép theo dòng nước mà cả mười ngàn con cá sinh lên cung trời Đao-lợi.

Đầu niên hiệu Hàm Thông, thời tiền Đường, ngài đến núi Cửu tòa, bỗng gặp một con trăn lớn đến nuốt chẩn người, ngài quăng tích trượng bay lại làm trụ chống ngăn miệng nó rồi ngài ngồi trong miệng nó kiết già nhập định. Thần đến xin tạ tội ngài chẳng đoái hoài, đến lúc ngài xuất định thì con trăn đã hóa thành đá. Kế tiếp sấm sét chấn động mưa lớn làm cát xoáy trào thành đất, Sơn thần dời núi tám phương đều râm mát chiếu sáng lại. Đến năm Càn Phù thứ 3 (876) ngài thị tịch.

179. Thần tăng Tùng Gián

Thích Tùng Gián, ngài dòng họ Trương, người xứ Nam dương, theo đến ở Quảng lăng, làm họ Thổ trước. Ngài thân cao tám thước,

mắt mày kỳ khôi, qua khỏi độ tuổi tráng niên, bỗng nhiên ngộ chân lý, bèn xả bỏ vợ con cắt tóc xuất gia. Từ đó tinh nghiên thiền quán tâm cảnh rõ ràng, chưa đến mười năm mà các bậc Tuệ đức lão thành thảy đều kính phục. Đến lúc ngài đến kinh đô Lạc dương, dừng ở tại chùa kinh ái, với tuổi tác đức hạnh của ngài đều đã trở thành nơi quy hướng của cả tăng sĩ lẫn đạo sĩ. Mỗi lần phó trai ứng cúng, ngài đến đối diện tôn giả Tân-đầu-lô mà thọ trai. Ngài được cả trời người kính phục khâm phục như thế.

Vua Võ Tông (841-860) đời tiền Đường kế thừa vương vị đổi niên hiệu Hội Xương (841-...), mến mộ hình nghi ngự phượng tham hạt, lạnh nhạt với giáo nghĩa điểm hắc giáng long, bèn phá hủy tất cả tháp miếu khắp trong nước nhà, buộc các hàng Sa-môn hoàn tục. Ban đầu, ngài bèn mặc áo thô gai chít khăn mỏ quạ tiềm ẩn nơi dòng suối của Hoàng Phủ Mai hành riêng biệt nghiệp. Sau ngài lên sườn núi giữa cây cao sầm uất mài bằng mặt đá lớn. Những ngày mùa hạ, ngài thường nhập định ở trong hoặc chuyên việc vá may nhỏ nhiệm. Bỗng một ngày nọ, mây đổ mưa tuôn sấm chớp nổ vang bên cạnh đá mọi người chạy vào trong rừng, ngài vẫn điềm nhiên ngồi kiết già như không nghe biết gì mọi người đến hỏi ngài từ từ bảo:

- Ổ súc sinh mà thôi.

Đến đầu niên hiệu Đại Trung (860), vua Tuyên Tông (860-874) đời tiền Đường, phục hưng Phật giáo, ngài trở về Đông đô ở chỗ cũ. Các người con của ngài từ Quảng lăng tìm đến hầu thăm, gặp ngài ở ngay cửa huyện, do oai nghi dung mạo nghiêm trang nên không nhận biết ra ngài. Mới lễ bái và hỏi chỗ ngài ở, ngài chỉ và bảo:

- Ở gần đầu đông. Các người con đi rồi ngài liền đóng cửa không bước ra, vì ngài đã cắt tiệt lưới dây luyến ái.

Trong tháng năm năm Bính Tuất (866) thuộc niên hiệu Hàm Thông (860-874), bỗng nhiên ngài đến khắp các nhà tín chủ và đều bảo rằng:

- Hãy khéo tu phước nghiệp, đầu mùa thu năm nay bần đạo sẽ đi xa nên nay đến cúng từ biệt.

Đến ngày rằm tháng bảy, đang lúc sáng sớm ngài tẩy rửa tay chân, đốt hương xưng niệm danh hiệu Đức Từ Thị Như Lai, nghiêng phía hữu mà nằm, gọi các vị đệ tử như Huyền Chương... vào răn dạy:

- Sinh làm người khó được, các đường xấu ác dễ trầm luân chỉ có quy mạng Thích Tôn gắng tinh tu phạm hạnh, thắng hội Long hoa sẽ cùng gặp lại. Đời này đã đến bờ bến, nên cùng từ biệt các ông.

Ngày đó, ngài không bệnh tật gì, an nhiên thị tịch hưởng thọ hơn tám mươi tuổi.

Các đệ tử Huyền Chương... vâng phụng di chỉ đưa nhục thể ngài vào rừng Thi-đà ngoài cửa Kiến xuân cấp thí cho các loài chim thú. Ba ngày sau trở lại xem dung mạo ngài vẫn như lúc sống, không vật gì dám lại gần, bèn lại dùng bột bánh rải lên. Trải qua một đêm thì có vết chân của chồn chó và chỉ ăn bột bánh, da dẻ ngài vẫn y nguyên. Khi đó mới theo pháp ở Thiên Trúc cử hành lễ trà-tỳ, song thu nhặt hài cốt còn lại xây dựng một ngôi tháp màu trắng ở bên cạnh đường đi, quanh năm dâng cúng hương hoa.

180. Thần tăng Phổ Văn

Thích Phổ Văn, ngài là con thứ ba của Huy Tông đời tiền Đường. Ngài sinh ra mà có tướng cát tường, mặt mày phong cốt thanh chân như họa vẽ, tánh không ưa thích cay nồng. Vua Huy Tông rất mến yêu nhưng ngài không có ý sửa trị việc đời, vua tính trăm kế ung đúc luyện đạo mà không xoay chuyển.

Đến năm Trung Hòa thứ nhất (881), thiên hạ tạo loạn vua Huy Tông chạy đến đất Thục, các hàng thân vương tôn thất thảy đều trốn mất, ngài bèn cắt tóc vượt tìm đến tham yết Thạch Sương gia. Thạch Sương gia tiếp đón vô cùng thán phục, nói với ngài rằng:

- Ông nương nguyện lực sinh trong nhà vua chúa lại thoát thân theo ta, thật là hoa sen trong lửa. Tối đến ngài vào thất hỏi Tổ sư về việc biệt truyền, Thạch Sương gia bảo rằng:

- Đợi điểm đầu núi tức sẽ nói cùng ông.

Ngài nhân đó khế ngộ nương tựa vài năm mới xin tham quan khắp các danh sơn. Thạch Sương gia bảo:

- Gặp càn thì dừng, gặp trần thì ở.

Từ đó ngài đi xa qua Chiêu Võ đến đại Càn, xa trông thấy đỉnh núi quả nhiên thanh tú bèn hỏi một cụ già rằng:

- Tại đó có người ở chăng.

Cụ già bảo:

- Có Trần Tự bấy lâu nay ẩn cư tại đó.

Nhân đó ngài ngộ được lời của thầy liền phát cỏ đi đến chân núi. Trần tự chỉ một lần gặp liền chia tòa ngài cùng ngồi. Nhân sinh ra quả để trồng nguyện cầu đấu hộc. Trần tự bảo:

–Đâu có đấu hộc, chỉ do một hộp, ngài bèn vào núi phá vỡ đất gieo trồng. Sau, mọi người ở cửa hang cùng nói với nhau rằng:

- Ngày trước có vị Tăng vào núi đến nay chẳng ra hẳn là bị hổ ăn thịt rồi.

Bèn cùng nhau vào xem xét thấy một mái nhà tranh với vài hành giả, chỉ một tiếng hô trăm tiếng vâng dạ mà chung quang sườn núi rau quả xanh bít. Bởi cày trồng rau là do thần núi gieo rắc, hành giả là hổ. Trần tự biết sự ưu việt của ngài bèn nói:

- Tôi ở đây thường bị nhiều nỗi khổ bởi ác thú độc trùng, ngài lại thì đều lặn hết. Đạo đức của ngài tôi không thể kịp, duyên tôi gieo trồng ấy thuộc về ngài.

Thế rồi tiếng tăm đạo đức vang xa, các hàng kẻ tăng người tục cùng nhau tụ hội, bèn trở thành một ngôi chùa lớn.

Bỗng nhiên có một ông già đến quỳ lạy cầu xin rằng:

- Tôi là thuộc loài rồng, nhà ở tại núi này để lo việc cấp mưa. Do không chuyên chú nên bị trời trách phạt tôi chết. Xin ngài ban ân cứu hộ.

Ngài bảo:

- Ông đắc tội với thượng đế, ta làm sao có thể dốc lực. Tuy nhiên ông có thể cải đổi thân hình khác mà lại thì có thể.

Bỗng chốc ông già hóa làm con rắn nhỏ, ngài dùng tích trượng dẫn vào Tịnh bình. Giây lâu sau, sấm gió cấp xốc giường ngồi, núi non lay động. Ngài vẫn an nhiên ngồi đến sáng, trời trong mưa tạnh, con rắn từ trong bình bò ra, lát sau hiện lại hình ông già đến cảm tạ, thưa rằng:

- Nếu không nhờ pháp lực của ngài thì máu thịt tanh hôi khắp cả vùng đất này. Không biết lấy gì để đáp đền ân đức, nay trong núi này vốn không có nước biết lấy gì để an ổn chúng Tăng, tôi sẽ dẫn nước đến kính dâng ngài và cả đạo tràng vậy.

Liền ở trên hang cao cùng nguồn, mổ thành hang đá nước suối tuôn trào trong veo, lúc đầu chỉ là dòng nhỏ sau tràn lớn bèn thành hồ. Nay ở lưng chừng núi còn gọi là Long hồ, tức phát xuất từ đó. Lúc đông lạnh không đóng băng, giữa nắng nóng chẳng khô kiệt. Dòng nước ấy tuôn chảy bốn hướng tưới tẩm cho vài trăm khoảng ruộng, cả nước bèn cho là thành nhân, bèn tạo dựng nhà thờ ở trên quanh năm hưởng sự cúng tế. Nay gặp tiết thượng nguyên là ngày hạ sinh của ngài, rồng hẳn đến chầu tạ có ứng hiện mây khí tốt lành.

Ở bên phải của viện, cách mười lăm dặm có miếu của tùy nghĩa Ninh Âu Dương thái thú, tức nay là Phước Thiện vương. Miếu đó dựng lập đến nay là đã hơn hai trăm bảy mươi năm. Vị thần thờ ở đó rất linh hiển, ban giáng họa phước khắp cả nước này. Dân chúng kinh sợ cúng

tế muôn sinh không này trống. Ngài thấy vậy mà xót thương. Một ngày nọ, ngài cầm roi gậy đến dưới đền thờ nói kệ thấy ý, lại ban cho lời ước hẹn rằng:

- Nếu có thể ăn chay trì giới không giết hại, thì cò thể gần gũi.

Đêm đó trong thôn xóm có ông già mộng thấy thần bảo rằng:

- Ngày nay ta thọ giới pháp của Thiền sư, không còn hưởng dụng máu huyết nữa. Nên cúng tế ta như cúng dường các vị Tỳ-kheo là đủ.

Việc cải đổi cúng tế máu thịt thay vì chay tịnh từ đó đến nay vẫn tuân theo như thế, người thần đều an. Thần hiển linh dị hộ độ trì núi ấy, người nói rằng:

- Ngài đã cùng với thần dùng đạo lực để so kém hơn thấp. Bên cạnh miếu có cây tùng lớn vóc dáng xen trời, ngài đưa tay đè xuống quét đất ba vòng, mà Thần chỉ quét đất hai vòng, bèn khuất phục mà theo ngài.

Một ngày nọ, ngài nhóm họp đồ chúng, bảo rằng:

- Ta sắp đến nơi khác, mọi việc tại viện đều giao phó cho hai vị Thông, Giáo.

Bèn nói kệ rằng:

Ta lánh đời khó cầu xuất gia
Thầy tổ chỉ bày chỗ nghỉ thôi
Ba mươi năm rừng sâu nhân chúng
Đời người chẳng muốn xem thường giao
Ngày nay tỏ rõ nói cùng cả
Ta nháy mắt thời đều lắng nghe.

Chúng tăng trong chùa buồn thương cố thỉnh vì Phật pháp mà trụ lại ở đời. Ngài bảo:

- Các ngươi há không biết ý chỉ của Tổ sư Đạt-ma mang một chiếc giầy trở về trời Tây, khắp hóa toàn thân thoát bỏ? Cố sao lấy sự khứ lai sinh diệt mà trông nhìn ta.

Thế rồi ngài cỡi hổ lúc sáng sớm đến Tín châu ứng cúng. Đến đó, vào trong phòng Tăng nhóm tập trai cúng dường. Ngài đến vị trưởng giả lại xin thêm một phần cho hàng giả, ông trưởng giả bảo rằng ngài đến một mình nên không chấp thuận sự cầu xin của ngài, bèn tìm một chén nước phun và gậy hóa thành hổ cỡi cao mà đi đến chùa Khai nguyên mà Tăng chúng ở hồ Long hồ đến đó tìm ngài, ngài phú chúc rằng:

- Ta không trở về trong núi, ở đó đã có Thiền sư Thông rồi.

Nên tại chùa Long hồ không có tháp của Tổ sư Khai Sơn, chỉ có ngài cỡi hổ. Đó là chứng tích xưa nay.

Lại có Thiền sư Thủy Chiếu tự tả chân tượng của ngài, đến nay vẫn còn, ban sắc Thụy hiệu là Viên Giác Thiền sư. Phàm những ai cầu đảo gì đều cảm ứng như hưởng. Và trước viện có cây sam nơi tòa ngài ngồi, đến thời gian này thường trổ hoa lạ.

181. Thần tăng Hoài Tuấn

Thích Hoài Tuấn không biết ngài là người xứ nào, vừa quả quyết mà lại ngông cuồng. Ngài ngược biết mọi việc ở tương lai và nó ứng cảm như thần.

Khoảng niên hiệu Càn Ninh (894-898) đời tiền Đường, chẳng rõ từ đâu, ngài đến Ba đông, ngài lại có tài năng tự nhiên về bút Pháp viết chữ thảo, hoặc trên vách tường Chùa quán, tiệm, chợ viết lên những lời trong kinh Phật, những bài pháp của đạo giáo, cho đến những ngôn từ thi ca quê kịch thô bỉ, không lời nào mà ngọn bút của ngài không viết được. Đồng thời ngài chỉ nói A Duy mà thôi. Dân chúng trong làng cho là Thần thánh nên tiếp đãi. Thứ sử Vu Công lo sợ đó là cuồng hoặc chúng, bèn bắt giam tù ngục cật vấn nạn ngài, ngài liền cùng thi từ nói rõ tình trạng, từ ý toàn tại Đông tây của Mân xuyên, chương cú hay đẹp. Tướng châu lấy làm kì dị mà thả ngài ra. Ngài lại nói rõ ý chỉ đó là nghe ở trong biển, nghe làm cái chén để vượt qua dòng sông. Lữ hành trải qua chỉ một chiếc thuyền mà đến tham yết. Ngài biện rõ mọi chuyện cát hung trên dưới đỉnh núi, mọi chuyện lận đận của việc buôn bán kinh cầu, các người khách đến khẩn cầu, ngài chỉ viết năm, ba hàng trọn không nói rõ mà sau mọi việc xảy ra có nhiều ứng nghiệm.

Bấy giờ, kinh Nam đại Hiệu Chu Sùng Tân đến tham yết ngài, ngài viết thư rằng:

- Giao phó Hoành đô khám xét ngươi.

Sau Sùng Tân vào triều cống nhân vương Sủy Nam dò xét, bèn bị bắt trói tại Nam Phủ, cuối cùng bị giết chết. Áp Nha Tôn đạo năng đến thăm ngài, ngài viết chữ giao phó chùa Trúc lâm. Năm đó vật vã, xây mồ an tán ở nền chùa Trúc lâm cổ xưa. Hoàng Phủ Huyễn Tri Châu, ngài mới họa vẽ một người mang cùm bên cạnh có một người nữ, tầm lấy vợ ở nhà người, người nữ sai tố tụng bèn bị giam cầm thân vào phủ vậy. Có Mục Chiên Tự, thuộc chủng tộc Ba tư, thuở thơ ấu rất ham thích dược thuật, theo phụ thân đến tham yết ngài, ngài họa vẽ một vị đạo sĩ cỡi mây, nâng giất một bầu hồ, viết rằng: “Chỉ huy sứ Cao Mỗ Điệp Nha, nâng đẩy mục sinh sau dùng y thuật có hiệu nghiệm. Nam bình vương Cao Tùng Hổi sai Sử Mục Chiêu Tự bỏ đạo theo Nho, giản nhiếp

phủ Nha, nâng đẩy Thuộc Vương Súy đánh kinh Châu, ngài viết thơ đưa dâng Nam Bình Vương rằng:

Dấu ngựa dần vào lối Dương châu
Thân quyến phải nên rửa mắt nhìn.

Năm đó dòng họ Cao dốc lòng thành thật ở Hoài nam, bèn mở vòng vây lớn. Ngoài ra những vết tích kỳ lạ phần nhiều cùng loại như thế.

Bỗng một ngày nọ, ở trước sân, ngài viết trên ngọn lá chuối rằng:

- Ngày nay đã trả nghiệp oan trái.

Khắp châu huyện lại không dò xét đến cùng, mọi người qua lại thấy kỳ lạ, không ai chẳng để ý, bỗng có một người đến giết hại ngài, thân đầu lìa nhau. Quan thứ sử vì thế lo việc cử hành lễ trà-tỳ./.

182. Thần tăng Tân Thất Sư

Tân Thất Sư, ngài người xứ Thiểm tây, Tân là họ của ngài. Từ bé thơ, ngài rất cẩn trọng nghiêm túc, chưa từng làm việc gì cẩu thả khinh thường. Song thân ngài đều lấy làm lạ mà vô cùng thương mến. Năm lên mười tuổi, ngài rất ham thích Phật pháp, thường ngày xem đọc sách Phật, lại có khả năng tự học thông Phạm ngữ chẳng do thầy dạy dỗ.

Sau, thân phụ ngài làm Thiểm tây quận thú, trước là ở phía Nam quận có làm bảy cái lò nung ngói. Kịp đến lúc thân phụ ngài qua đời, ngài thương buồn sinh hư hỏng. Một ngày nọ phát cuồng bỏ chạy trốn. Có thằng bé trong nhà men theo vết chân ngài mà sang phía Nam quận, thấy ngài an nhiên đoan tọa trong một cái lò nung ngói, từ thân ngài có ánh sáng khác lạ tỏa chiếu nhưng luyện sắc màu vàng ráng. Thằng bé ấy vô cùng kinh ngạc, kế tiếp đến một lò khác, lại thấy ngài an tọa trong đó, suốt cả bảy lò đều có bảy ngài an nhiên đoan tọa ở trong. Do đó, dân chúng ở Thiểm tây gọi ngài là Tân Thất Sư*.

183. Thần tăng Đạo Giản

Thiền sư Đạo Giản, ngài trú tại Thất của Tiên Vân Cư từ lâu và là bậc đệ nhất tòa trong môn đường. Vừa lúc Tiên Vân Cư sắp thị tịch, vị chủ Sư thỉnh hỏi Thiền sư Nam có thể tiếp nối sự nghiệp chăng? Tiên Vân Cư bảo:

- Trong môn đường có đạo giản!

Ý của vị chư sư cho là khiến ngài lựa chọn người xứng đáng, nên nói thêm:

- Vị đệ nhị tòa cũng được.

Vả lại sắm sửa đủ lể để cầu thỉnh, nếu ngài khiêm nhường từ chối thì kiên quyết thỉnh vị Đệ nhị tào. ngài đã kính vân phụ thọ ký lược chẳng miễn từ, liền tự cù đạo cụ vào phương trượng, nhiếp chúng, giảng phát, các vụ chủ sự..., chẳng thỏa lòng ước muốn ban đầu, nên không tuân theo quy thức. Ngài thấy rõ tình trạng như thế, bèn trốn bỏ đi. Đêm đó thần cây An lạc gào khóc. Đến sáng sớm, vị chư sư...cả thảy Đại chúng vội chạy đến trang trại trồng lúa, sám hối lỗi quá, ai cầu thỉnh ngài trở về bổn viện. Đại chúng liên tiêp nghe giữa không trung có tiếng xướng tụng là:

- Hòa thượng xin hãy trở lại!

184. Thần tăng Khế Thử

Thích Khế Thử, không rõ ngài là dòng tộc gì. Có thuyết nói ngài có thuyết nói Tây ninh, Thân hình ốm yếu, tráng dẹp bụng lớn, nói năng chẳng thường ngủ nằm tùy chỗ. Ngài thương dùng gậy mang đẫy vải vào đất Ly (nước Lỗ), đến các quán chợ, thấy vật thì xin, đến chỗ tương giấm cá muối, liền nhận lấy bỏ vào miệng, phần ít thì bỏ vào đây, nên ngài có tên gọi là Trường Đinh Tử Bố Đại Sự.

Vậy ngài thường nằm trong tuyết mà trên thân không có tuyết. Mọi người lấy đó làm kỳ lạ. Ngài lại thường đến chỗ người thì mếu máo cầu xin, đến quán tiệm thì báu vật. Trong túi đẫy lúc nào cũng có một vật đầy đủ cung cấp thân. Ngài chỉ bày mọi sự tất xấu của người thảy dều hiện tướng bày điềm. Như trời nắng hạn thì ngài kéo cao guốc gỗ vào chợ hay lên trên cầu dựng đầu gối mà ngủ, trời mưa lớn thì mang giày cỏ vào chỗ ẩm thấp, mọi người lấy đó mà nghiệm biết.

Khoảng niên hiệu Thiên Phục (901-904), đời tiền Đường, ngài thị tịch tại làng Phụng xuyên, dân chúng trong làng xóm cùng nhau làm lễ an táng. Sau, ở những châu huyện khác lại thấy ngài cũng mang đảy vải mà đi. Ở vùng Giáng chiết có nhiều người đắp họa hình tượng ngài.

185. Thần tăng A Túc

Ngài A Túc, không biết từ đâu lại, bản chất như ngu si dơ bẩn, tinh thần chẳng có gì tỏ ra mẫn tuệ. Bấy giờ, phàm nói điều gì thảy đều là biết trước, tuy sống bất định nhưng thường cư ngụ tại Văn hương. Mông lung qua lại tranh đường yết lễ. Ở núi non Đàn thệ từng chẳng đoái hoài. Mọi người hoặc lo hoặc bệnh, mà nhận được phương hướng của ngài thì ứng nghiệm mau như thần tốc.

Bấy giờ, tại Thiểm châu có một nhà giáo có tên là Trương Trăn, của cải chất chứa cả ngàn vạn, chỉ có được một đứa con trai độ mười bảy tuổi, từ thuở mới sinh đã ngu dốt lẩn thẩn, tay chân co quắp, nói năng lúng túng, chỉ ưa thích ăn uống, miệng như khe suối lỗ hỏng, cha mẹ vô cùng mến thương, hết phương cấp dưỡng, tìm thầy cầu thuốc, xa chẳng ngàn dặm. Suốt mười mấy năm, sau đó gia nghiệp gần hết sạch. Có người bảo rằng:

- Ngài A Túc là bậc Hiền thánh là chư Phật hiện ở đời, sao chẳng đến khẩn cầu, may thay dứt trừ bệnh ấy?

Trương Trăn cùng với vợ tìm đến Văn hương, khấn đầu rơi lệ khẩn cầu ngài cứu giúp. Giây lâu, ngài nói cùng Trương Trăn:

- Oan nghiệp nhà ngươi chưa hết, còn phải cả mười năm. Ta thương xót nhà ngươi kính cẩn chí thành nên dứt trừ cho.

Liền bảo chọn ngày đến trên dòng sông, thiết đặt trai hội rất lớn, mời chúng đông nhiều để xem độ thoát. Và bảo ngày đó cũng đem người con trai ấy đến đạo tràng.

Mọi người thời bấy giờ gọi đó là thần thông mà người đến xem như bức tường chắn đứng trong tư thế kính cẩn. Ngài bảo ba, bốn người mạnh mẽ, kéo đứa con ấy ném xuống dưới dòng sông. Trương Trăn cùng mọi người cả hội chẳng ai lường biết việc làm của ngài. Ngài xoay lại nói với Trương Trăn rằng:

- Ta vì nhà ngươi mà trừ tai họa.

Giây lâu, đứa con ấy từ dưới dòng, cách ngoài mười bước nổi lên đứng trên mặt nước, chỏ tay nói với cha mẹ nó rằng:

- Ta cùng nhà ngươi có duyên nghiệp cừu oán từ nhiều đời trước. May gặp được Thánh giả vội cởi mở cho. Không vậy thì ngày kết thúc hẳn chưa đến.

Nó đứng thẳng thân hô cao, đều chẳng ngu si, bỗng chốc trầm mình xuống nước, không biết đi đâu.

186. Thần tăng Duy Tỉnh

Thích Duy Tỉnh, ngài người xứ Ngô môn. Năm ba mươi tuổi, vào chùa Quốc ninh, đi rảo các phòng tăng, xướng rằng:

- Cần người xuất gia xin lưu lại.

Xuống đến viện kinh Tạng, thấy đại đức Tuệ Chánh là bậc Xà-lê của hai chúng, ngài liền quỳ lạy thành khẩn xin dung nạp chấp trì. Ngài Tuệ Chánh chấp thuận cho xuống tóc thay đổi pháp phục, đến Thiên thai thọ giới Cụ túc.

Ngài từng đến chùa Thiền lâm dùng cháo lúc sáng sớm mà có nhiều hổ báo theo sau ngài đến cửa chùa, hổ ngồi giữa đất như dò xét chờ hầu, ngài ra thì lại đi theo. Trời sáng tỏ thấy dấu vết rất nhiều, ngài sợ mọi người biết nên dùng bừa xóa tan dấu chân hổ, bỗng dưng sau lưng ngài bị mụt nhọt sưng, nằm ngủ đau nhứt, có phấn chim chậm bôi vào vết thẹo nên chẳng bao lâu thì lành hẳn. Ngài lại tính liệu thời tiết băng tuyết nên chuẩn bị gạo thóc nửa đấu, mỗi ngày dùng xoang bỏ thêm rau vào nấu ăn. Ngài để gạo thóc vùi vào trong đất, quá thời kỳ dùng mà gạo vẫn thường đầy chẳng hết. Ngài bèn đắp nó lại mà nói rằng:

- Ta bị vật này biết, thật phi lý.

Hơn bảy mươi tuổi, ngài mới thị tịch.

187. Thần tăng Tề Châu Tăng

Sử Luận lúc ở tại Tề châu, đi săn thú, đến biên giới một huyện nọ vào dừng nghỉ trong một An nhã, cảm nghe có mùi thơm của đào khác thường, bèn hỏi vị Tăng ở đó. Ngài không kịp dấu bèn nói:

- Gần đây có người cúng thí cho hai quả.

Nhân đó, ngài đến Án kinh lấy ra dâng tặng sử luận. Đang lúc đói bụng, nên Sử Luận ăn hết, hạt nó lớn như trứng gà. Tiện đó Sử Luận hỏi về nguồn gốc của quả đào. Ngài cười bảo:

–Nảy giờ thật là nói bậy. Giống Đào này cách đây hơn mười dặm, đang đi trên đường nguy hiểm, bần đạo gặp một vị hành cước thấy nó, cảm thấy khác lạ, nhân đó bèn lấy vài quả.

Sử Luận nói:

- Xin bỏ kỵ, theo cùng Hòa thượng đồng đi.

Ngài bất đắc dĩ mà dẫn Sử Luận ra đi hướng Bắc chống gậy đi trong hoang mạc trải qua năm dặm, đến một dòng nước, ngài bảo:

- Sợ rằng trung thừa không thể vượt qua đây!

Sử Luận quyết chí vượt qua, bèn y theo ngài cởi áo chở nó nổi vượt qua bờ bên kia. Lại đi về phía Tây bắc, vượt qua thêm hai dòng nước, leo lên núi vượt qua khe suối vài dặm, đến một chỗ có dòng suối dữ dội, đá nước quái lạ chẳng phải cảnh ở cõi người. Ở đó có vài trăm cây đào, cành nhánh xà quét đất, cao độ vài ba thước, mùi thơm của đào ác cả mùi hôi. Sử Luận cùng ngài mỗi người ăn một ngọn lá mà bụng đã no vậy. Sử Luận cỡi áo muốn dùng hết sức lực để lấy. Ngài bảo:

–Đây là cảnh linh không thể lấy nhiều, bần đạo thường nghe các bậc trưởng lão nói ngày xưa có người cũng từng đến đây. Ôm láy năm,

sáu quả bèn mê lại không ra được.

Sử Luận cũng nghi ngài là bậc phi thường, nên chỉ lấy hai quả mà trở về. Ngài tha thiết răn dặn Sử Luận chớ nói với mọi người. Sử Luận về đến Châu, sai sứ đến với ngài thì ngài đã thị tịch.

188. Thần tăng Hiện Tử

Sự tích Hòa thượng Hiện Tử ở Kinh tiệu rất là đặc biệt, ngài cư trú không nơi nào nhất định, tự ẩn tâm ở động sơn, hỗn tục tại Mân xuyên, chẳng tích chứa các thứ đạo cụ, chẳng vâng giữ luật nghi, dù mùa Đông hay mùa Hạ cũng chỉ biết tiếp nạp. Thường ngày, ngài ven theo bờ sông, bắt nhặt tôm, hến ăn cho no bụng, chiều tối đến dừng nghĩ trong đống tiền giấy ở miếu Bạch mã, Đông sơn. Từ đo dân chúng gọi ngài là Hiện Tử*.

Thần sư Tĩnh ở chùa Hoa Nghiêm nghe vậy, muốn quyết rõ là giả hay thật. Đầu tiên tìm ẩn vào trong đống tiền giấy. Đến đêm khuya thì ngài trở về, Thiền sư Tĩnh nắm lấy trụ hỏi:

- Thế nào là ý nghĩa của Tổ sư Đạt-ma từ Tây Trúc lại?

Ngài vội đáp:

- Mâm đài rượu trước Thần.

Thiền sư Tĩnh buông tay ra, bảo:

- Chẳng dối cùng ta đồng căn sinh. Sau, Thiền sư Tĩnh đáp lại chiếu mời của vua Trang Tông (923–926), đời hậu Đường, vào Trường an, thì ngài đã đến trước đó. Mỗi ngày ca xướng tự vỗ, cho đến giã vờ cuồng ngông. Ngài đi lại trên bùn tuyết, đều không có dấu vết sau đó, không biết ngài thế nào.

189. Thần tăng Khấu Băng Cổ Phật

Ngài Thấu Băng Tháo Quan Cổ Phật, ban đầu đến tham yết ngài Tuyết Phong. Ngài Tuyết Phong bảo:

- Ngày sau ông hẳn làm thầy của bậc Đế vương.

Sau, ngài từ Nga hồ trở về Ôn lãnh, lập am ở trên đỉnh núi Tướng quân, có hai con hổ theo hầu bên cạnh, có thần nhân hiến cúng đấy dựng lập viện Thụy nham, các học giả đua nhau nhóm tụ. Ngài thường nói cùng chúng Tăng rằng:

- Ngày xưa, các bậc Thánh hiền tu hành phải cậy nhờ tiết chế khổ hạnh. Tôi nay mùa Hạ thì chỉ một chiếc áo bông, mùa Đông gõ băng mà tắm, nên người đời gọi tôi là Khấu Băng Cổ Phật!

Sau, ngài trú tại Linh diệu.

Đến năm Thiên thánh thứ 3 (928), ngài đáp lại lời mời của Môn vương (Môn Tông, Lý tự Nguyên, đời hậu Đường) mà đến ở trong nội đường. Mân Vương Kính bái thưa rằng:

- Cảm ơn ngài từ xa giáng lâm.

Và ban tặng trà vật. Tiếp đó, ngài giất chiếc đẩy, hỏi:

- Đại vương biết cái gì chăng?

Đáp:

- Không biết.

Ngài bảo:

- Nhân vương pháp vương mỗi tự chiếu rõ.

Ngài dừng ở khoảng mười ngày, lấy cớ có bệnh nên cáo từ.

Đến ngày mồng hai tháng chạp, ngài tắm rửa rồi lên Pháp đường bảo cùng chúng Tăng mà thị tịch. Nhà vua cùng với kẻ Tăng người tục sắm đủ củi hương cử hành lễ trà-tỳ. Ánh sáng chiếu tốt lành chiếu soi khắp cả núi, thâu nhặt xá-lợi, xây dựng bảo tháp ngay giữa viện Thụy nham để cúng dường, ban sắc thụy hiệu là Diệu ứng pháp uy từ tế thiền sư. Từ đó đến nay, mọi người xa gần đến cầu đảo gì đều được cảm ứng linh dị chẳng phải một lần.

190. Thần tăng Toàn Tể

Thích Toàn Tể, ngài dòng họ Trầm, người xứ Tiền đường. Thời gian còn tấm bé bồng ẵm, ngài đã chẳng vui thích cá thịt tanh nồng. Thân mẫu ngài nhiều lần phô bày việc thiện, nên khuyên ngài đến Đại sư Pháp Tế ở Kinh sơn, cầu xin xuống tóc xuất gia. Kịp đến lúc ngài tu pháp Thiền quán, dong dõng cao kính, chẳng xen tạp phong trần. Ngài kính mộ mười hai pháp hạnh Đầu-đà dùng để tự tiết chế trong công hạnh tu hành. Ngạn ngữ nói rằng:

- Chủ Đạo ấy.

Đến lúc du phương tham vấn, ngài được Thiền sư Thạch Sương ẩn chứng thầm gia hộ bảo nhận. Ngài vào núi Thiên thai nơi đỉnh núi u tối để giữ trọn ý chí.

Y Nham và Hàn Sơn Tử ẩn cư nơi ngọn núi cao vót đối diện. Tại đó đều có lắm thứ ly mỵ mộc quái tụ tập thành đàn. Tại chỗ ngài ở, hơn hai mươi năm, tiếng chim xấu ác bặt dứt, Sơn Tinh nhường hang. Các đường lối vào ra kinh hành, quỷ thần tự lo tu sửa, hoặc đứng hầu bên cạnh, hoặc thay lấy nước suối, hoặc cúng dường rau quả. Không lúc nào mọi người thấy nghe ngài nói một lời nào. Sau, ngài thị tịch tại viện Trấn quốc.

191. Thần tăng Diên Thọ

Sa-môn Diên Thọ, tự là Xung Huyền. Ở độ tuổi bé thơ, ngài tụng đọc kinh Pháp Hoa, nhìn suất một lược năm hàng, qua sáu tuần thì hoàn tất.

Ngài đến Thiền sư Thúy Nham ở Tứ minh cầu xin xuất gia, ngài thường mặc áo chẳng bông tơ thêu thùa, ăn không thức vị sang trọng. Ngài lại đến tham yết Quốc sư Thiều, bèn được tỏ rõ tâm yếu. Quốc sư Thiều từng nói cùng ngài rằng:

- Ông có duyên với Nguyên Súy, ngày sau hẳn làm được Phật sự lớn. Tiếc rằng ta không còn kịp thấy điều đó!

Đầu tiên ngài đến trú tại Thiên thai chỗ đỉnh núi của ngài trí giả, suốt chín tuần thực tập thiền định, có làm chim yến nhỏ vào làm ổ trong vạt áo. Sau, ngài đến chùa Quốc thanh hành trì sám pháp "Pháp Hoa." Ban đêm, thấy Thần nhân mang kích đi vào, ngài quở trách Thần rằng:

- Có sao tự tiện vào đây như thế?

Thần đáp:

- Từ lâu tích chứa thiện nghiệp mới được vào tới đây!

Nửa đêm, ngài đi nhiễu quanh tượng, thấy Bồ-tát Phổ Hiền phía trước, trong tay nắm cành hoa sen. Ngài liền lên đỉnh núi của ngài Trí giả, làm hai phương án: Một là suốt một đời tu tập thiền định; hai là tụng kinh Vạn Thiện trang nghiêm tịnh độ. Rồi âm thầm chuyên tâm cầu khẩn bèn được tụng kinh Vạn Thiện, cho đến bảy lược như thế. Từ đó, ngài một lòng chuyên tu tịnh nghiệp, chấn tích đến đỉnh Kim hoa thiên trụ, tụng kinh suốt ba năm. Trong lúc thiền quán, ngài được Bồ-tát Quan Thế Âm rưới nước Cam lồ vào trong miệng ngài, bèn được thành tựu Biện tài. Ban đầu, ngài diễn giảng Pháp tại Tuyết đậu.

Đến năm Kiến Long thứ nhất (960), đời Bắc Tống, Trung ý Vương thỉnh ngài đến trú tại chùa Linh ẩn. Năm sau, ngài dời sang chùa Vĩnh minh, thời khóa hằng ngày có đến một trăm lẻ tám sự việc, ngài chưa từng tạm phế bỏ. Các hàng học giả đến tham vấn, ngài lấy việc "Chỉ tâm làm tông, chứng ngộ mới thôi." Chiều tối ngài đến một ngọn núi riêng để hành đạo niệm Phật, mọi người bên cạnh phòng nghe tiếng loa bối nhạc trời. Trung ý Vương tán thán rằng: "Từ xưa, những người cầu sinh Tây phương chưa có ai chuyên tâm công phu như vậy!

Bèn vì ngài mà dựng lập bảo điện Tây phương hương nghiêm để thành tựu chí nguyện của ngài. Ngài trú tại chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, đệ tử có đến một ngàn bảy trăm vị, ngài từng cùng chúng Tăng

thọ giới Bồ-tát. Ban đêm cúng thí cho quỷ ăn, ban ngày phóng thả sinh mạng, thảy đều hồi hướng Trang nghiêm tịnh độ. Người thời bấy giờ gọi ngài là Từ Thị hạ sinh.

Đến năm Khai Bảo thứ 8 (976), đời Bắc Tống, vào lúc sáng sớm ngày 26 tháng 2, ngài dậy đốt hương, bảo cùng Tăng chúng rồi ngồi kiết già mà thị tịch.

192. Thần tăng Toàn Thanh

Thích Toàn Thanh, ngài người đất Việt, ngài thành tựu pháp mật tạng cấm chú, hay yểm hặc quỷ thần.

Bấy giờ có người phụ nữ trong nhà Thị Tăng Vương bị mắc bệnh tà khí, nói năng ngông cuồng ngược ngạo, hoặc khóc hoặc cười bất thường, như vậy cả vài năm, trong nhà mời ngài trị liệu. Ngài bèn bện cỏ làm hình người cao lớn hơn một thước, dùng lụa năm màu làm áo mặc, an trí ở tại đàn tràng. Ngài gia trì chú giây lâu, người phụ nữ nói:

- Xin tha mạng!

Ngài bèn ghi dặn rõ rằng:

- Khoảng đến ngày xuân năm đến, ở trước Võ Từ sẽ cùng phụ giúp cho. Như sư Không bị giết hại thì thả nó đi xa.

Ngài dùng một cái phểu, lấy roi đánh đuổi cỏ, linh nhập vào trong phểu, mà có tiếng u u như hươu kêu, phong bít miệng lại, dùng bùn đất làm dấu 6 chữ ất, dùng mực đỏ viết phù ấn lên trên rồi đem chôn dưới rừng cây dâu. Ngài răn bảo người nhà không được đá đụng đến. Người phụ nữ ấy bệnh liền lành hẳn.

Trải qua năm năm sau, gặp lúc Lưu Hán Công cùng Đổng Xương, tuy cách dòng sông mà cùng trì hãm Việt Thành. Có người cho đó là giáo tạng, bèn đào bới đập vỡ cái phểu, thấy một con quạ nhô đầu ra, bỗng nhiên bay lên đậu ở trên cành cây dâu mà nói tiếng người rằng:

- Ngày nay mới thấy được ánh sáng mặt trời!

Lúc ấy, ngài đã thị tịch rồi.

193. Thần tăng Tự Tân

Thích Tự Tân, ngài dòng họ Tôn, người xứ Lâm truy. Ngài tự tìm minh sư, chưa từng lười biếng phế bỏ. Nghe Thiền sư ứng hoằng hóa ở Chung lăng, bèn đến tham vấn, theo trưởng lão Vân Cư qua lại chốn tích ẩn cư trong núi Quảng đức. Vừa lúc Lưỡng Triết Văn Mục Vương thuộc dòng họ Tiền, dẫn sứ sĩ thân chinh uyển lăng, vào nơi chùa núi Quảng đức. Chư Tăng đều chạy trốn, chỉ một mình ngài vẫn an nhiên.

Mục Vương hỏi:

- Tại sao ngài không trốn lánh?

Ngài bảo:

- Các phía Đông, Tây thảy đều là giặc, bảo lão Tăng trốn lánh ở xứ nào?

Mục Vương kinh hãi sự bươi móc thẳng thắn của ngài, bèn xoay mác trở về, thấy Võ Túc Vương hỏi đến, thì nói không thể khuất phục mà càng thêm cao hạnh. Bèn tạo lập viện Ứng Thụy để ngài an trú, đề xưng hiệu là Quảng Hiện Đại Sư.

Ban đầu, ngài thường vào núi Tuyên thành hái cây thuốc, đi xuyên qua một hang động sâu. Lúc đầu thì mờ tối, dần dần thấy được mặt nhật rõ ràng, đi chỉ vài dặm, bên cạnh động có một hang riêng, có khe nước chảy bồng bềnh. Nơi góc cong dưới một cây Tùng lớn có một thảo am, ở đó có một vị Tăng, lông mày trắng như tuyết, đang ôm che áo nạp toạ thiền. Bên cạnh có một chiếc khánh và đồ lửa, ngài đánh khánh, vị tăng bèn mở mắt, kinh hãi bảo:

- Y! Sư có duyên sự gì mà đến đây?

Bèn bày hành chỉ và mời ngồi, lấy đá đánh lửa nấu nước trà, hương vị rất dễ mến. Trời sắp tối, vị Tăng ấy nhường am để ngài dừng nghỉ qua đêm, ngài ngoảy nhìn vị Tăng leo lên trên chóp cây tùng vào trong ổ chim lớn. Nghe tiếng tụng niệm kinh Pháp Hoa tiếng rất trong trẻo, giây lát lại nghe tiếng than trách rằng:

- Chủng loại súc sinh lông cánh này sao khổ sợ loài người khủng bố. Hãy mau trở về rừng rậm, không nên ra ngoài kêu la!.

Ngài lén nhìn thì thấy hổ báo chuôi tai mà đi. Đến sáng sớm hôm sau, ngài nói với vị tăng ấy rằng:

- Xin nguyện được ở đây lo việc hầu hạ khăn giày của ngài!

Vị Tăng ấy bảo:

- Từ đây trăm ngày cỏ cây bốn bề đều khô tuyệt không có khói lửa như ở cõi người, chẳng phải chỗ ngài dừng ở!

Lại hỏi ngài rằng:

- Có đói chăng?

Rồi cùng dẫn đến bên bờ khe suối, có lúa hơn cả trăm bông, nhặt lấy hạt gạo và lựa ba hạt kê vàng, chọn hái ít rau ở đồng trống để chung lại nấu mà ăn. Sau đó bảo ngài trở về, đưa ra đến cửa Động, vị Tăng ấy bảo:

- Sự gặp gỡ này chẳng phải là ngẫu nhiên! Với các thứ ăn uống rau cháo nước trà, bình sinh ngài chẳng thiếu.

Ngài bèn tuân theo đường trở về bổn viện, thì thời gian đã trải qua hơn một tháng trời. Ngài bảo những người cùng đồng hảo tâm trở lại tìm thì dấu vết hang động đều mất dạng không còn.

Sau, tại Triết trung, thỉnh ngài làm chủ chùa Bảo tháp. Trong niên hiệu Thiên Phước (943-944), đời Hậu Tấn, Ngũ Đại, ngài thị tịch tại chùa Bảo tháp, hưởng thọ hơn tám mươi tuổi. Đến nay di ảnh của ngài, trong một viện nhỏ trước Vịnh Lãnh Thủy hiện đang còn.

194. Thần tăng Pháp Bổn

Thích Pháp Bổn, không biết ngài là người ở xứ nào, ngài thuần long giữ pháp, đi đứng tường tự, nói năng có lắm điều lạ lùng cảm kích.

Trong niên hiệu Thiên Phước (943-944), đời Hậu Tấn, Ngũ Đại, ngài đến Thiền viện Tương Châu, cúng một vị Tăng đồng qua mùa Hạ, sớm tối cùng ở một nơi, tâm địa giống nhau. Ngài nói với vị Tăng ấy rằng:

- Bần đạo trụ trì chùa Trúc lâm ở trong núi thuộc phía Tây Tương châu. Tại trước chùa có một trụ đá. Ngày sau, lúc nhàn rỗi xin thỉnh ngài đến thăm.

Vị Tăng ấy tung niệm lời ấy. Nhân sang đó tìm thăm, kịp đến trong thôn dưới chân núi, vị Tăng ấy vào dừng nghỉ qua đêm trong một Lan-nhã hỏi chư Tăng ở đó rằng:

- Ở đây cách chùa Trúc lâm khoảng bao xa?

Vị Tăng ở đó đưa tay chỉ vào bên cạnh đỉnh núi trơ trọi, bảo:

- Chùa Trúc lâm ở phía ấy. Các bậc lão túc ngày xưa tương truyền với nhau rằng: Đó là chỗ xưa kia các vị thánh hiền an trú. Nay chỉ còn có tên gọi mà thôi các phòng viện không còn nữa!

Vị Tăng ấy liền nghi ngờ, đợi đến sáng liền đi. Đã đến trong rừng trúc rậm, quả thật thấy có một trụ đá, song mịt mờ chẳng rõ biết ven bờ. Đương lúc trước kia sắp từ biệt ngài có bảo rằng:

- Chỉ gõ vào trụ đá thì sẽ thấy người ra đón.

Vị Tăng ấy liền dùng cành cây nhỏ gõ vào trụ đá vài tiếng, tự nhiên gió mây bốn bề nổi dậy, trong khoảng một thước chẳng thể nhìn thấy. Bỗng chốc mắt tai mở bừng, thấy lâu đài cao vút, thân mình đứng rụt lại dưới Tam môn. Ngài từ trong đi ra, thấy được rất vui mừng, hỏi việc xưa ở trong Nam, ngài bèn dẫn vị Tăng ấy đi qua mấy lớp cửa lên trên điện kính tham yết các bậc Tôn túc. Vị Tôn túc ấy hỏi về nguyên do. Ngài đáp:

- Năm trước tại Tương châu cùng vị Tăng ấy sống qua mùa Hạ, có hẹn cùng đến đây thăm, nên đến Sơn môn.

Vị Tôn túc ấy bảo:

- Sau khi trai phạn xong thì xin mời ra, ở đây không có tòa vị.

Thọ trai xong, ngài đưa vị Tăng ấy đến Tam môn thì cùng nhau từ biệt. Thế rồi trời đất mịt mờ, vị Tăng ấy chẳng biết đi đến đâu, trong khoảnh khắc thì đã đến trong rừng trúc đứng bên cạnh trụ đá. Ngoài ra chẳng thấy gì nữa cả.

Vị Tăng ấy liền biết các bậc Thánh hiền ở trong cõi đời ẩn hiện khó lường, kim yếu của Đức Như Lai riêng hay hóa hiện.

195. Thần tăng Điểm Điểm

Sư Điểm Điểm, không biết ngài là người ở xứ nào. Tuy cắt tóc nhuộm y mà thường như phong cuồng. Có ai mời ngài trai thực, chẳng xen lẫn rượu thịt. Mỗi ngày lúc trời sắp tối, ngài liền mua giấy gai màu vàng màu trắng và bút mực bỏ vào tay áo rồi trở về thất chỗ ngài ở. Tuy có cửa ngoài mà không tường vách ở bốn phía, sau khi vào liền đóng cánh cửa người không thể đến được. Có vị Tăng trẻ nhỏ ở gần men theo vết chân ngài mà dò xét. Thấy ngài cầm đèn ngông ngáo, bày giấy bút ra trước mặt, quở trách viết lớn. Chẳng hiểu ngài viết loại văn tự gì, thường thường chỉ giây lát, như quyết đoán đặt để. Giây lâu, từ giữa khoảng tối sáng nhìn kĩ vào đó trong nhấp nháy như có người ngan ngát, hình trạng như Tào Sử, áo xiêm đều chẳng phải như phục sức của người đời. Người trông nhìn kinh sợ mà thoái lui. Hỏi ngài về nguyên cớ thì ngài tức giận mà chẳng đáp. Ngài sống ở đó vài năm. Dân chúng đều cho ngài là Thần dị. Sau, không biết ngài thế nào.

196. Thần tăng Hạnh Tuân

Thích Hạnh Tuân, ngài là con thứ hai của Mân Vương, thuộc dòng họ Vương ở Phước châu.

Niên hiệu Khai Vận (944-947), đời Hậu Tấn, Ngũ Đại, dáng mạo ngài như người hơn bảy mươi tuổi, nhưng sức lực chẳng suy kém. Có người hỏi về tuổi tác, ngài chỉ im lặng. Ngài đến Lãng trung trú tại Thiền viện Quang Quốc. Đồ chúng trong viện đều dựa trên pháp luật mà chung sống, mọi người ngại lo ngài không có khả năng kham nhận. Có người nhà Họ Lý Thiết trai cúng dường, lần lượt ăn uống, bỗng nhiên ngài sầm sập chạy ra cửa, kêu gọi đứt khoản, như có điều oán trách, ngài bảo với người họ Lý rằng:

- Đêm nay có nạn lửa cháy từ phía Đông Nam đến suốt cả Tây Bắc. Mọi người ở gần chung quanh đều nên bảo họ lo dự phòng.

Quả nhiên đêm đó lửa bốc cháy hết không sót lại vật gì. Mọi người hỏi ngài về nguyên do. Ngài bảo:

- Hôm qua có một người nữ mặc áo màu hồng cầm đuốc ngang qua, ta đây ân hận là đuổi theo mà không kịp!

Thêm nữa, ngài đến nhà Triệu Pháp Tào, chỉ dưới gốc cây đào và bảo:

- Ở dưới đó có tiền.

Nhưng không nói số lượng là bao nhiêu. Triệu Pháp Tào liền kêu người đến phá xem, vừa mới xúc đất bày cái mai thì có khách đến, vì các đứa trẻ trong nhà mà lấy cho. Hàn huyên trong chốc lát, cả thảy đều biến thành bình xanh.

Hoặc ngài đi qua gõ mã phần mộ của người thì biết rõ mọi sự cát hung của nhà người ấy. Đến như lúc thấy nghe tiếng gió nhạc hay chim thú, ngài dự báo tai họa, sau hẳn y như lời ngài nói. Nên khắp nơi châu huyện thôn xóm xa gần đều lấy lời dự báo của ngài dùng làm thực khẩu.

Sau, ngài thị tịch tại núi Ngọc tấn an, chư Tăng chung cùng cử hành lễ trà-tỳ.

197. Thần tăng Tăng Giam

Thích Tăng Giam, ngài dòng họ Vương, người xứ Kinh triệu, thường trú tại chùa Tịnh chúng. Râu tóc ngài bạc trắng mà sắc mặt hồng hào tươi nhuận. Mọi người chẳng lường biết được sự tình giả thật của ngài.

Bấy ,giờ có Hoa dương Tiến sĩ Vương Sử Hậu ở Ngụy Thục chẳng đỗ đạt, đi vào chùa với dung mạo buồn tẻ. Tại giữa vườn Tùng Trúc gặp được ngài, ngài bảo:

- Há chẳng là Vương Xử Hậu ư?

Xử Hậu kinh ngạc hỏi:

Chưa từng cùng gặp sao vội kêu tên ư!

Ngài bảo:

- Ngẫu nhiên!

Trong tâm Xử Hậu biết ngài là bậc Kỳ đặc, bèn hỏi rằng:

- Hòa thượng! Dấu vết tự thân của tôi như thế nào ư?.

Ngài bảo:

- Việc tương lai của ông cùng lắm là ở năm sau. Song việc hiện

nay và ngày sau nên biết vậy.

Ý nói là Thục sắp mất, dặn bảo chớ nên tiết lộ. Một ngày nọ, ngài đến kệ sách nhón lấy một quyển đọc xem thì ra các bản Phú cảo (bản thảo văn thơ) của Xử Hậu góp nhặt tích tập. Ngài bảo:

- Xem thử là thật hay hư. Thật chẳng phải tác văn của ông dưới ánh đèn, sao lắm luống dối thế?

Ngài bèn dò tìm mang trong tay áo mà chỉ bảo:

- Đây há chẳng phải là thật bản của Trình Thí ư?

Xử Hậu kinh sợ chẳng ngớt, bèn nói:

- Kẻ hèn tôi sau gặp thêm nhuận sắc, dùng làm chắp vá thêm dưới ánh đèn, thật có lỗi quá vội vàng hấp tấp! ngài từ đâu có được bản ấy vậy?

Ngài bảo:

- Không phải chỉ một bài, mà những gì trong đời ông làm ra thảy đều tích trữ lại cả.

Ngày hôm sau, thăm hỏi rồi ngài dẫn Xử Hậu vào chùa, đến bái yết bàn thờ của Thái Úy Bân Công Đỗ Tông. Đang ngồi dưới hiên nhà phía Tây, bỗng nhiên có vài quan lại ăn mặc sắc phục lẫn lộn từ trong đường củ tiếp nối nhau đi ra, bước xuống tầng cấp bái lại. Ngài bảo:

- Tân Quan ở tại đây, nên vào trong sâu để tham kiến!

Xử Hậu kinh sợ mà làm. Ngài bảo:

- Những người ấy sắp làm các kẻ sai sử của ông, có gì phải sợ ư? Đâu biết Thái Sơn cử ông làm Tư mạng chăng? Bèn dùng nợ củ trang đồ chưa đáp chỉ trước, xin đợi thành đạt, sau ắc thi hành.

Ngài lại dò xét sở bộ của Quan Lục thấy một bản nhân số mùa xuân năm tới đã định, bảo rằng:

- Ông cũng có dự phần trong đó. Đây mới là âm chú Dương Thụ vậy. Xét tên người đời ghi vào u lục. Ấy mới là Dương chú Âm thụ vậy.

Xử Hậu chấn động kinh hãi. Chẳng biết lường xét thế nào, chỉ xin hỏi họ tên của những người đỗ đạt ở mùa Xuân năm tới. Ngài bảo lấy giấy bút, viết một đoạn thơ ngắn rồi phong kín lại, đưa cho Xử Hậu, căn dặn phải nghiêm mật cất giấu, nếu để tiết lộ thì họa đến chẳng kịp trở chân.

Đến ngày Xuân, sau kì thi đã bãi, ngài đến nhà Xử Hậu, để lại chiếc thẻ ghi rằng:

- Không lâu nữa tôi sẽ trở về Tệ Lư, không còn gặp lại nữa!

Sau đó, Xử Hậu đến chùa tìm kiếm ngài, thì ngài đã đến nơi khác,

bèn bóc thư ra xem, ngài chỉ viết bốn câu:

Chu thành cùng thành
Vương thù hai tên
Cùng ở một nơi
Hành trình trăm ngày.

Kịp đến lúc bảng vàng được công bố thì có tám tiến sĩ, trong đó, Vương Thân Ngôn và Vương Xử Hậu là hai người họ Vương, cùng ở một nơi, song chán sự "hành trình trăm ngày" Xử hậu chỉ quen lờn đồng niên, thết bày tiệc rượu, vui theo tánh đến cùng cực, hoang loạn phát lớn, đêm đó bèn chết mất. Năm tháng đều mộng thấy Xử Hậu mặc áo bào lam cầm hất xua điện mà đi. Xét nghiệm về vinh danh của Xử Hậu chỉ được một trăm hai mươi ngày. Rõ ràng năm sinh của ngài là khoảng đầu niên hiệu Thái Hòa (827), đời vua Văn Tông, thành danh trong năm Đại trung (847), đời vua Tuyên Tông; đều thuộc thời tiền Đường. Vương Xử Hậu gặp ngài đã hơn một trăm ba mươi năm.

198. Thần tăng Trí Huy

Thích Trí Huy, ngài dòng họ Cao, người xứ Hàm tần. Từ tuổi bé thơ, ngài đến tịnh xá ở cũng xem là như chính nhà mình. Thiền sư Khuê Phong Ôn lấy mà làm lạ bèn cho xuống tóc. Đến năm hai mươi tuổi, ngài thọ giới Cụ túc.

Ngài theo phụng thờ Thiền sư Cao An Bạch Thủy Bổn nhân suốt mười năm, sau đó trở về Lạc kinh. Ngài thích cảnh núi sông xin đẹp ở Trung Than nên dựng thất tại đó để ở, hiệu là: Ôn Thất Viện thường ngày chuyên làm việc thí nước cấp thuốc, mọi người đều chẳng biết đến chỗ sâu cạn của ngài.

Năm Khai Bình thứ 5 (911), đời Hậu Lương, Ngũ Đại, bỗng nhiên ngài muốn lên núi Khai phong, vội vã đi vào trong sâu, ngồi trên khoảng thạch nham như chỗ từng ngủ. Ngài ngoảy nhìn thấy y ma nạp, chuỗi hạt,... đồng, áo choàng đi mưa, nón lá, cất giấu trong vách đá. Ngài đụng chạm đến, thảy đều hư hoại. Ngài gom mắt giây lâu rồi bảo:

- Đây là các thứ đạo cụ của tôi trong đời trước.

Nhân đó, ngài bèn đến chỗ ấy tạo dựng chùa viện để báo đáp tâm nguyện xưa kia. Vừa mới phát cỏ thì có mây lành tỏa khắp cả ngọn núi, nên ngài bèn đặt tên là "Trung Vân." Hổ báo dẫn nhau bỏ đi, có ao rồng rất hiểm ác, không thể xâm phạm, ngài đích thân đúc thúc những người làm lấp để làm đường đi, rồng vì thế mà dời đến chỗ khác, chỉ thấy mây sấm kéo đi theo. Vua Minh Tông (926-934), đời hậu Đường;

Ngũ Đại nghe thế mà ngợi khen, liền ban tặng biển ngạch là Trường Hưng. Ngài trụ trì tại đó hơn bốn mươi năm.

Tiết Độ Sứ Vương Ngạn Siêu, thời bé nhỏ thường theo ngài chu du, muốn làm Sa-môn. Ngài chăm chú quán xét kỹ càng rồi bảo:

- Ông duyên đời còn sâu nặng, cần nên ủng hộ cho ta.

Sau, Vương Ngạn Siêu quả thật ra trấn nhậm ở Vĩnh hưng, tự thân kính lễ làm đệ tử của ngài.

Mùa hạ năm Hiển Đức thứ 3 (956), đời Hậu Chu, Ngũ Đại, ngài đến Vĩnh hưng, từ biệt Ngạn Siêu và căn dặn nên hộ trì chánh pháp. Vương Ngạn Siêu khóc, bảo:

- Lẽ nào ngài đành lòng bỏ đệ tử ư?

Ngài cười bảo:

- Xưa kia, hơn ngàn năm đã một lần từ biệt vậy.

Đến ngày 24 tháng 7, ngài viết một bài kệ rồi ngồi kiết già thị tịch, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi bốn hạ lạp.

Lúc ban đầu, khi ngài ở tại Trung than, có vị Tỳ-kheo mắc bệnh, Tăng chúng đều gớm nhờm bỏ bê. Vị Tỳ-kheo ấy buồn nói với ngài:

- Tôi bởi nghiệp đời trước nên mắc bệnh bạch lại, sư có thể giúp tôi tắm rửa tẩy trừ ư!

Ngài vì vị Tỳ-kheo ấy mà chữa trị, không tỏ vẻ khó khăn. Chợt nhiên có ánh sáng thần có hương thơm khác lạ, ngài vừa mới ngờ lạ, bỗng không thấy vị Tỳ-kheo ấy nữa, nhìn lại đó ung nhọt cũng đều có mùi hương khác lạ.

199. Thần tăng Cốc Tuyền

Thích Cốc Tuyền, chưa rõ ngài thuộc dòng họ gì, ngài là người xứ Tuyền nam. Thuở nhỏ, ngài thông mẫn nhẫn chịu mọi thứ ô uế, nói năng lớn tiếng chẳng tránh thế tục ghét ganh, ngài bỏ mà xuất gia làm Sa-môn, theo giới luật tùy tâm mà hành.

Ngài đến phía Bắc sông Phần tham yết Thiền sư Chiêu. Thiền sư Chiêu gặp ngài lấy làm lạ, ngài âm thầm được nhận ký biệt. Trở về phương Nam, ngài phóng lãng trong vùng sông Tương. Nghe ngài Từ Minh đang giảng đạo, ngài tự bảo ta nên đến dò xét mà hậu cận. Ngài Từ Minh hỏi rằng:

- Mây trắng ngang miệng hang, đạo nhân từ đâu lại?

Ngài ngoảy nhìn xung quanh, nói:

- Tối lại lửa ở đâu, đất ru mộ người xưa.

Ngài liền làm tiếng hổ gầm gừ. Ngài Từ Minh nắm lấy tọa cụ

phẩy quẳng, ngài liền tiếp nhận đứng đẩy thẳng trên giường dây, ngài Từ Minh cũng làm tiếng hổ gầm gừ, ngài bèn cười lớn. Tại trong núi có các ao nơi rồng độc tàng ẩn, chỉ cần chiếc lá rơi xúc chạm đến sóng nước thì mưa gió sấm sét liền ngay, mọi người đi ngang qua đó không dám thở ra hơi, ngài với ngài Từ Minh chiều tối trở về, bấy giờ đang tiết trời thu nắng nóng. Ngài Từ Minh nắm lấy áo, bảo:

- Có thể cùng tắm cho mát.

Ngài Từ Minh kéo tay đi qua. Khi đó, ngài liền cởi bỏ y áo, nhảy vào trong sấm sét theo đó mà đi, có múi tanh thối cuốn thổi trong gió mưa, cây rừng lay động. Ngài Từ Minh ngồi xoạt trong cỏ, trong ý cho rằng ngài đã chết. Bỗng chốc tạnh mưa, chợt nhiên ngài dẫn cổ ra ngoài lán sóng, bảo:

- Họa!

Sau, ngài lên chùa Linh phong ở đỉnh Hành nhạc, trú tại ngọn núi Lại toản, ngài lại dời đến trú tại Ba tiêu. Lúc sắp dời đến ở tại Bảo chân, ngài viết chữ lớn trên tường vách rằng: "Ta ở tại am tối Ba tiêu này chiếm đống mây ụ, quanh co cảnh lạ chưa có dịp trông nhìn, chỉ thấy được ba bốn gốc tùng thấp lơ thơ. Mùa lạnh đến, đất cây khô cằn, đói ăn củ khoai nước lớn màu tía, mà nay bỏ lại ra đi, chẳng biết ai là người đến ở!"

Ngài ở tại am Bảo chân là chỗ nguy hiểm sâu cùng của sông Tương, Hành nhạc, ban đêm ngồi dưới ngọn Chúc dung, có con trăn lớn đến cuộn nhiểu quanh, ngài cởi áo đai buộc vào eo bụng nó, đến nửa đêm bèn không thấy nữa, sáng ngày mai, ngài chống gậy cầm roi đi quanh núi để tìm thì áo đai vắt ngang trên cây tùng khô, bởi vì cây tùng ấy chính là yêu quái.

Thêm nữa, từ sau động, ngài mang vác tượng đá cỡ vài trăm cân đến để ở Nam đài. Chúng Tăng kinh hãi chẳng biết tại sao tượng đến đó, và chúng Tăng ở sau động cũng không biết cớ sao tượng ra đi? Bèn truyền miệng với nhau là La-hán bay lại.

Ngài thường qua huyện Hành sơn, thấy kẻ đồ tể mổ thịt, đến đứng bên cạnh tỏ vẻ đáng thương, đưa tay chỉ vào thịt rồi lại chỉ vào miệng. Người mổ thịt hỏi:

- Ông câm ư?

Ngài liền gật đầu, kẻ đồ tể thương tình mà cắt thái cho một miếng lớn bỏ vào trong bồn. Cả chợ mọi người đều cười lớn, mà ngài vẫn tự nhiên.

Ngài tịch ngày mồng 6 tháng 6 năm Gia Hựu thứ 15 (niên hiệu

Gia Hựu trong thời bắc Tống chỉ có tám năm (1056-1064)), thọ chín mươi hai tuổi, sáu mươi bốn Hạ Lạp. Dân chúng huyện Xâm Lập Tháp, đến nay vẫn còn phụng thờ.

200. Thần tăng Khoáng Sư

Ngài Khoáng Sư là con út của Hải Đàm Thú. Từ bảy, tám tuổi, ngài đã không ưa cá thịt, chỉ thích rau cỏ đồng nội. Mỗi lúc thấy trong nhà bếp nấu nướng các loài lông vảy, ngài đưa tay bốc lấy cát bụi ném vào nồi chảo. Quý điểm chẳng ăn. Ngài tự nói:

- Tháp ở chùa Khai nguyên trong thời nhà Tùy trước kia do người tạo dựng.

Có nhiều sự việc ngài nói, lúc đầu như không rõ nhưng sao đều khế hợp. Tiện xin xuất gia, nhân đó đắp mặc pháp phục. Trên đỉnh đầu có mùi hương thơm, như xông đất trầm thủy, Chiên-đàn. Người thời bấy giờ gọi ngài là Thánh tăng.

Thị ngự sử Hoàng Phủ Chính thỉnh ngài vào phủ thự nhân đó đãi tiệc làm cả hàng trăm cân thịt mà chỉ một thức ăn chay, mâm bàn bày la liệt xen tạp trước mặt, bởi trong ý muốn kiểm nghiệm về ngài là phàm hay Thánh. Ngài vào ngồi trong chiếu chỉ nhón lấy thức chay tịnh mà ăn, ngoài ra thảy đều phảy tay phớt qua. Hoàng Phủ Bộ Khúc, mỗi mỗi đều kinh sợ tán thán.

Ngài tự nói chỉ sống đến năm mươi ba tuổi là sẽ quy diệt. Quả thật đến đó ngài thị tịch.

201. Thần tăng Chí Ngôn

Sa-môn Chí Ngôn, ngài tự nói là vốn dòng họ Hứa, người xứ Thọ Xuân. Ngài xuống tóc xuất gia tại viện Thất-câu-chi, chùa Cảnh đức ở Đông kinh, phụng thờ ngài Thanh Toại làm thầy. Ngài Thanh Toại thấy ngài xưa nay tướng mạo khác thường, mắt trong nhìn thẳng chẳng nhấp nháy, trong tâm lấy làm lạ nên trao truyền cho thọ giới Cụ túc. Song, cử chỉ của ngài hiên ngang tự đắc, nói năng vô độ. Ngài hay đi trong xóm chợ, vén quần bước nhanh, cử chỉ họa không, chẳng hề đứng yên lâu. Bấy giờ, ngài hay đi theo những người buôn rượu bán thịt, ăn uống chẳng hề lựa chọn. Mọi người cho ngài là người cuồng. Riêng mình ngài Thanh Toại bảo:

- Ngài khác người thường.

Có người muốn thiết trai cúng dường thì ngài đã biết trước mà đến. Tại Ôn Châu, có Lâm Trọng Phương từ nhà ông ta mang y ma nạp

đến để hiến dâng, thuyền vừa cập bến, ngài đã vội lại lấy đi.

Vua Nhân tông (1023-1064), đời Bắc Tống mỗi lúc mời ngài vào cung cấm. Ngài đến liền lên tòa ngồi kiết già, thọ trai xong vội đi ra, chưa lúc nào vái chào. Ngài bói âm nghĩ lỗi múa bút viết chữ rất nhanh, ban đầu không thể hiểu gì nhưng sau có lắm ứng nghiệm. Vua Nhân Tông tuổi tác già nua, mà chưa lập người kế vị. Kín sai nội thị đến hỏi ngài, ngài nắm bút chỉ viết mười một chữ Lang. Mọi người chẳng hiểu ngài muốn nói điều gì. Sau, Anh Tông làm Bộc vương là con thứ mười một vào kế vị mọi người mới tỏ ngộ.

Tại viện Phổ tịnh cấp thí nước tắm, chỉ mới đầu đêm chảy hết cả, cửa chưa mở, chỉ mới nghinh thỉnh Phật lại, mà trong nhà tắm nghe có tiếng người, đến xem thì ra ngài đang ở đó. Tại đó thiết trai bày cúng có đủ thứ nem chả. Ngài đều ăn cả, xong rồi đi ra dòng nước cái mửa ra hóa thành bày cá tươi bơi lội mà đi. Có khách đi biển gặp gió sắp chìm đắm, thấy có vị Tăng vội dẫn thuyền đến cứu giúp. Người khách đi biển ấy tới dưới thành đô, gặp ngài. Bỗng nhiên ngài nói với người ấy rằng:

- Nếu không có ta thì nhà ngươi biết làm sao?

Người khách ấy nhớ kĩ lại dáng mạo, ngài chính thực là người dẫn thuyền đến cứu giúp mình.

Đến lúc tịch, ngài làm một bài tụng không ai hiểu gì cả. Thế rồi ngài bảo:

- Ta từ xưa lại thành tựu trốn lánh nhiều đất nước, nay đến nước Nam.

Vua Nhân Tông sai nội thị dựa hình thật để đắp họa tôn tượng của ngài, an trú trong chùa. Đề bảng yết thị là "Hiển Hóa Thiền sư." Sau, có các thiện nam tín nữ đến lễ bái, trông nhìn bức biển ngạch bóng ngời như có ánh sáng, bèn đến xem thì được xá-lợi.

202. Thần tăng Tông Bổn

Thích Viên Chiếu húy là Tông Bổn, ngài ra đời trong nhà dòng họ Quản, người xứ Thường châu, Vô tích. Ngài tánh tình chất trực, ít duyên tiết, dung mạo đầy đặn to lớn, nói năng không rườm rà.

Năm mười chín tuổi, ngài theo phụng thờ Thiền sư Đạo Thăng ở Vĩnh an, Thừa thiên, Tô châu. Lúc ngài trú tại Thụy quang dân chúng ở đó có người làm nghề giết trâu. Trâu tuông chạy tới nói với ngài như tự than trách, ngài bèn mua và nuôi lấy nó. Lúc ngài trú tại Tịnh từ, năm đó nắng hạn, hồ giếng đều khô kiệt, ở góc phía Tây chùa có một dòng suối tuôn chảy, có một con cá Kim man, nhân đó khơi đào làm giếng và

thả con cá vào đó, Tăng chúng trong chùa hơn cả ngàn người cung cấp chẳng thiếu.

Tại nhà họ Trương có người con gái bị chết, về báo mộng cho người mẹ, bảo rằng:

- Con vì tội nghiệp nên làm thân rắn.

Người mẹ thấy con rắn dưới quan tài bèn bắt đem đến chỗ ngài, ngài bèn vì rắn mà giảng pháp và bảo đem về để lại chỗ củ. Bỗng chốc lại có con ve màu đen bay liệng quanh quan tài mà con rắn thì không còn thấy nữa. Người mẹ liền cầu chúc rằng:

- Nếu thật là con gái của ta, nên vào trong lồng, ta sẽ đem ngươi đến chùa Tịnh từ.

Con ve liền theo như lời cầu chúc, ngài lại vì nó nói pháp. Đêm ấy, người mẹ nằm mộng thấy con gái bảo:

- Hai quả báo đều đã được giải thoát.

Các thứ hiển hóa của ngài phần nhiều như thế.

Đến năm Nguyên Phù thứ 2 (1099), đời Bắc Tống, nhằm ngày Giáp Tý tháng 12, lúc gần thị tịch, ngài tắm rửa rồi nằm. Các đệ tử Hoàn Ứng... cầu thỉnh rằng:

- Hòa thượng giáo hóa khắp thiên hạ, ngày nay không thể chẳng để lại kệ.

Ngài gượng dậy ngồi yên, bảo lấy giấy bút viết lớn năm chữ: "Hậu sự giao giữ vinh" quẳng bút quả quyết nằm như ngũ rồi say, đến lay động thì ngài đã tịch. Các đệ tử xây tháp cúng dường toàn thân tại chùa Linh nham, ngài hưởng thọ tám mươi tuổi, năm mươi hai hạ lạp.

203. Thần tăng Ngộ Tân

Thích Ngộ Tân, ngài vốn dòng họ Vương, người xứ Khúc giang, Thiều châu. Dáng mạo phương phi mặt đen, hình trạng như Phạm Tăng. Ngài nương ở viện Phật-đà, xuống tóc xuất gia, do khí tiết xuất chúng biểu lộ khuôn mặt chiếc phục người đời.

Đầu tiên, ngài trú tại Linh nham, thế rồi đến Thúy nham. Xưa kia tại đó có Dâm từ, dân chúng trong vùng cầu cúng rượu thịt, ô uế không ngày nào ngừng nghỉ. Ngài khuyên vị tri sự nên phá hủy đi. Vị Tri sự khước từ cho rằng không dám rước lấy họa. Ngài tức giận bảo:

- Nếu như có tai họa, tôi đây sẽ gánh chịu.

Đích thân ngài phá hủy. Bỗng chốc có con trăn lớn cuộn mình nằm ở trong, đưa đầu ra làm bộ dạng như muốn ăn nuốt, ngài quát mắng nó trốn đi. Rồi ngủ yên không điều gì xảy ra.

Sau đó không lâu, ngài lại lãnh chúng ở Linh nham tạo dựng kinh tạng. Có thái sử hoàng công Đình Kiên vì làm bài ký. Lại có sự nghiệp vì mộ người thân mà tạc đục ghi chép âm vào bia văn, ngài tức giận bảo:

- Lấn hiếp chẳng lánh họa như thế ư.

Nói chưa dứt lời bỗng có ánh sáng linh hiển soi chiếu lật tốc nhà, sấm sét đánh từ cửa vào, bẻ gãy phân nát tấm bia, trong nhìn lại thì đã cháy rụi, mà Tạng ký vẫn an nhiên không tổn hại gì.

Đến lúc về già, ngài trở về trú tại Hoàng long, học giả đua nhau nhóm tụ, ngài cáo bệnh rút lui về trú tại Hối đường. Đến năm Chính Hòa thứ năm (1115), đời Bắc Tống, ngày rằm tháng chạp, ngài an nhiên thị tịch. Cáo phó khắp nơi, các hàng đệ tử vì thế khóc gào rơi lệ, cử hành lễ trà-tỳ, thâu nhặc xá-lợi năm sắc.

Ngài trụ thế bảy mươi hai năm, bốn mươi hai Hạ Lạp, bảo tháp dựng lập tại sau Hối đường.

204. Thần tăng Tịnh Phạn

Sa-môn Tịnh Phạn, ngài vốn dòng họ Đát, người xứ Gia hòa. Thân mẫu ngài nằm mộng thấy ánh sáng soi chiếu khắp nhà, có vị thần nhân tợ như Phật, nhân đó mà mang thai ngài. Sau khi sinh ngài, nuôi nấng đến năm mười tuổi, ngài nương tựa chùa Thắng quả xuống tóc xuất gia, ngài theo hai vị Pháp sư Trạm, Khiêm thọ học giáo pháp và được các ngài tận tình truyền trao.

Ban đầu, ngài trú tại viện Vô lượng thọ, giảng kinh Pháp Hoa qua hơn mười lần. Trong niên hiệu Đại quán (1107-1111), đời Bắc Tống, ngài cùng hai mươi bảy vị Tăng kết hội tu sám pháp "Pháp Hoa." Mỗi kỳ phương tiện chánh tu, trong hai mươi tám ngày thiết lập ba hội. Tin cầu kính cẩn tiên cảm thông đến Đức Bồ-tát Phổ Hiền nên được thọ pháp Yết-ma, gọi tên Tỳ-kheo Tịnh Phạn, âm thanh như động chuông. Bấy giờ, Tể Vương Công ở Trường châu huyện đích thân đến xem xét việc đó và đề bia đá làm văn kỷ.

Ngài lại mộng thấy có người mặc áo màu vàng thỉnh đến Minh phủ thấy được Minh vương, bảo người kiểm tra sổ bộ rồi bảo:

- Tỳ-kheo Tịnh Phạn đã trải qua nhiều kiếp giảng kinh Pháp Hoa!

Rồi sai sứ đưa ngài trở về. Một ngày nọ, đang lúc thiền quán cả chúng đều thấy có Thần nhân mặc áo giáp sắc quỳ trước mặt ngài. Lại ở chỗ khác, trong lúc sám nguyện cầu Vi-đà Thiên tướng điểm kiểm,

trong đại chúng có người giới pháp không được nghiêm tịnh, trước do dự định, sau quả thật sám pháp không chu toàn. Bấy giờ có Cô tô Thư ứng công có kẻ tớ bị vua nhiễu não, nên thỉnh ngài trao truyền giới pháp, yêu ma ấy liền biến diệt. Có người dòng họ Cát thỉnh ngài thí giới để cúng tiễn cho chồng, thì thấy người chồng đi nhiễu quanh ngài ba vòng mà đi.

Đãi Chế Giả Công thấy ngài hành đạo liền giúp làm Quản nội Pháp chủ, ngài trụ trì tại đó hơn mười năm. Sau khi ngài thị tịch, hành lễ trà-tỳ có xá-lợi năm sắc.

205. Thần tăng Đạo Long

Sa-môn Đạo Long ở Vụ châu, ngài vân du khắp mọi nơi rồi đến ở ngụ tại chùa Năng nhân, Giang châu. Bởi vì không thường nên chỉ gọi là Hòa thượng Phong.

Năm Thiệu Hưng thứ nhất (1131), đời Nam Tống, ngài đến hoằng hóa ở Thụy xương, dừng nghỉ qua đêm tại chùa Thiên hoa. Đêm đó có một gã nam tử đến cúi khóc thưa rằng:

- Đệ tử bất hạnh, lúc sinh tiền tạo nhiều nghiệp ác, hiện tại bị đọa làm thân trâu, có một cái đuôi mọc ở trên đầu, hình trạng xấu xí khác lạ. Xin ngài từ bi vì con mà sám hối để giải thoát nỗi khổ này!

Sáng hôm sau, ngài đến nhà họ Thang ở Nhược sơn. Mọi người trong nhà đều chạy ra đảnh lễ ngài, thưa rằng:

- Hôm qua con trâu mẹ sinh một con nghé rất quái lạ, đuôi mọc ở trên đầu. Sợ rằng, nhà chúng con cùng khốn nên sinh ra tai ương. Xin Hòa thượng xét suốt nhân duyên để tẩy trừ nghiệp trái xưa kia!

Phút chốc, trong nhà dẫn con trâu nghé đến trước ngài. Nó lắc đầu vẫy đuôi, hình trạng như khẩn cầu tha thiết. Ngài quát rằng:

- Ngươi, ngày trước tạo nghiệp, nay khó trốn thoát, tuy phải nhận chịu hình hài ấy nhưng bổn tánh đâu khác. Há không nghe Hòa thượng Quy Sơn dạy chúng rằng: Trong có âm hương trong tàng có căn." Nếu ngươi thấu hiểu được như thế tức thấy linh quang chiếu suốt mười phương, chư Phật và chúng sinh vốn đồng mật thể. Nếu chưa được vậy ta sẽ vì ngươi nói kệ.

Trâu nghé nhận lời dự ký xong bèn theo ngài trở về chùa, có đến hàng ngàn người trông xem. Trâu nghé thấy người nên cúi đầu mà không ăn, biểu lộ trạng thái như xấu hổ. Đến đêm 30 tết, bỗng nhiên nó chết, ngài mộng thấy nó đến tạ ân, bèn dẫn chúng nhóm lửa mà thiêu đốt.

206. Thần tăng Linh Chi

Luật sư Linh Chi, ngài là người trùng tạo Minh châu, Ngũ đài giới đàn thành, có một ông già thần khí cao vời, mày tóc bạc trắng, đi đến thưa rằng:

- Đệ tử có ba viên ngọc xin kính dâng chúc mừng đàn thành.

Nói xong, bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Nhân đó, ngài đặt ba viên ngọc vào giữa đàn, luôn hiện tướng ánh sáng.

Sau đó, vị đàn chủ cùng Thập sư khai đại giới pháp, trải qua hai ngày đến nửa đêm, có một vị Tăng đăng đàn, bỗng thấy ánh sánh viên ngọc chiếu suốt bên ngoài, bên trong hiển hiện Thiện Tài Đồng tử. Vị Tăng ấy mới kinh hãi kêu chúng đồng dậy chiêm ngưỡng và thảy đều kính lễ. Từ đó, mỗi đêm Tăng chúng càng tỏ vẻ kiền thành khẩn thiết. Và chỗ hiện của viên ngọc, hoặc là Đức Phật thân sắc vàng ròng, hoặc là Bồ-tát Quán Thế Âm thân tướng sáu tay, hoặc là trúc xanh liễu biếc, hoặc là gỗ đá kì lạ, hoặc chim Ca-lăng-tần-già bay múa chung quanh, hoặc là Trưởng giả nguyệt cái, hoặc là rồng thần dâng cúng châu ngọc... thần biến chẳng phải một. Mọi người thấy nghe đều cho là hiếm có.

207. Thần tăng Thường La-hán

Sa-môn Thường La-hán ở Gia châu, người khác lạ vậy. Ngài thích khuyên người thiết trai hội cúng dường các vị La-hán, nên có được tên gọi như thế.

Có bà già họ Dương thích ăn thịt gà, lúc bình sinh giết hại không biết mấy trăm ngàn con gà. Sau khi bà qua đời, người nhà làm sáu bảy trai hội cúng tế Hoàng Lục. Vị đạo sĩ vừa mới bái chương, bỗng nhiên ngài đến, bảo cùng con bà già ấy rằng:

- Ta sẽ vì các ngươi mà sám hối.

Người nhà họ Dương vui mừng thiết tòa thỉnh mời ngài vào. Ngài ngoảy nhìn đứa tớ trong nhà và bảo:

- Ngươi đi đến nhà thứ... ở phía Đông ngã tư, mua một con gà mái lông hoa đốm về đây.

Đứa tớ vâng lời tìm mua được đem về, ngài bảo giết để làm cỗ. Người nhà họ Dương khóc, thưa rằng:

- Tôn giả đến đây mà chẳng có chút gì mến tiếc. Ngày nay bày sự cúng tế, cả nhà trong ngoài từ lâu đã dứt bỏ soạn cỗ tanh nồng. Xin ngài vì thương giúp cho gia đình.

Ngài không hứa khả mà hẳn muốn nấu lấy. Các thức ăn đã nấu chín, thiết đặt tại bàn, ngài ngồi xoạt chân, xé thịt chia đầy mâm và

an trí trên chân cửu vị, rồi ăn lấy số còn thừa. Sau khi cúng trai xong, ngài chẳng vái chào mà đi. Đêm đó, người nhà bán gà và trong nhà họ Dương đều mộng thấy bà già đến tạ ân, nói rằng:

- Lúc sinh tiền tạo các tội nghiệp, bị trách phạt làm gà, may nhờ sự ban ân của La-hán sám tạ, nên nay được giải thoát. Từ đó, mọi người trong quận huyện làm việc Phật cầu tiến cúng người mất, thường mong cầu ngài lại để vì trợ giúp cho Minh đồ.

Đến cuối niên hiệu Thiệu Hưng (...-1163), đời Nam Tống, ngài thị tịch. Nhục thân để lâu ngày mà chẳng rã hoại.

208. Thần tăng Đảm Ba

Quốc sư Đảm Ba, ngài còn có tên gọi là Công Gia. Người xứ Cam-lợi-tây-phiên-đột-cam-tư-đát-ma. Thuở nhỏ, ngài theo ngài Đạt-ma Thất-lợi người xứ Tây Thiên Trúc truyền trao tập học Phạm bỉ và thành tựu được pháp yếu đó.

Trong niên hiệu Trung Thống (1260-1264), đời vua Thế tổ, nhà Nguyên, Bát-tư-ba bậc thầy của vua tiến cử ngài. Bấy giờ nhà vua đang lo nắng hạn dữ dội, vua Thế Tổ bảo ngài lập đàn cầu mưa. Ngài đã từng chú nguyện trong thức ăn rồi quăng ném xuống ao rồng, trong khoảng khắc có hoa trái khác lạ xuất hiện trên mặt sóng nước, nhặt lấy đem dâng lên vua. Vua Thế Tổ rất vui mừng.

Xu Mật phó sứ Nguyệt đích mê thất trấn nhậm ở Triều, mà người vợ mắc bệnh kì lạ, ngài dùng pháp trì Sổ Châu Gia Trì vào thân bà ấy liền lành hẳn. Ngài thường vì Nguyệt Đích mê thất nói các điềm mộng khác lạ. Kịp đến lúc trở lại Triều kỳ sau đều có ứng nghiệm.

Trong niên hiệu Nguyên Trinh (1295-1297), đời nhà Nguyên, Hải Đô chiếm phạm biên giới Tây Phiên, vua Thành Tông bảo ngài cầu đảo thần Ma-ha Cát Thích. Thế mà ngài nhanh đưa thư quả thật đến. Ngài lại vì vua Thành Tông cầu đảo bệnh rất nhanh lành. Nhà vua ban tặng ngài rất nồng hậu. Lại ban chiếu phân làm ngự tiền hiệu úy vì đó mà dẫn theo. Vua Thành Tông đi tuần ở phương Bắc, bảo ngài dùng xa giá cỡi voi dẫn trước. Đi qua Vân châu, ngài nói cùng các đệ tử rằng:

- Tại xứ này có linh quái khủng bố kinh hãi nương theo kiệu giá, phải nên mật trì thần chú để yểm trừ nó đi.

Sau đó không lâu, gió mưa lớn đến, mọi người đều kinh sợ, chỉ có màn điện không sao. Nhà vua lại ban tặng ngài một cái chén khảm ngọc.

Mùa Hạ năm Đại Đức thứ bảy (1303), đời nhà Nguyên, ngài thị

tịch. Đến khoảng niện hiệu Hoàng Khánh (1312-1314), đời nhà Nguyên, vua Nhân Tông truy tặng thụy hiệu Đại Giác Phổ Tuệ Quảng Chiếu Vô Thượng Đảm Ba Đế Sư.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 186

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG

SỐ 2062
(QUYỂN 1 → 2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2065

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG

Sa-môn Giáo học được ban tặng y tía là Thích Giác Huấn, trụ trì chùa Linh Thông, núi Ngũ Quan thuộc Kinh bắc vâng chiếu tuyên soạn.

LỜI TỰA

Luận rằng: Giáo lý của Phật-đà, tánh tướng thường trú, Bi nguyện sâu rộng, cùng khắp ba đời, khắp mười phương, đượm nhuần như sương móc, vang rền như sấm sét. Không đi mà đến, chẳng gấp mà nhanh. Năm mắt không thể thấy được tôn dung, Bốn biện chẳng thể bàn hình trạng. Về mặt thể thì không đến không đi, về mặt Dụng thì có sanh, có diệt. Nên Đức Thích-ca Như lai của ta từ cung trời Đâu-suất nương lầu gác chiên đàn, gá thai Hoàng hậu Ma-da, ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Dần-thời Chu Chiêu Vương, sanh ra từ hông phải, đản sanh tại cung vua Tịnh Phạn. Đêm đó, hơi sáng năm mầu vào suốt đại vi, cùng thông khắp phương tây. Vua Chiêu Vương hỏi Thái sử Tô Do, Tô Do đáp:“ Có bậc Đại Thánh đản sanh ở phương Tây”. Chiêu Vương hỏi:“Có lợi hay hại?” Tô Do đáp:“Lúc này không sao, nhưng ngàn năm sau, Thanh giáo sẽ truyền khắp xứ này (= Trung Hoa). Ban đầu, Thái tử sống ở trong cung cũng như người thế tục. Ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Thân, năm thứ bốn mươi hai Thái Tử vừa tròn ba mươi tuổi, vượt thành xuất gia, ngồi dưới gôc cây thành tựu Đạo Quả, nói pháp lợi sanh. Như hoa Ưu-đàm qua nhiều kiếp mới xuất hiện một lần. Đầu tiên, Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, kế đến nói các pháp Tiểu thừa, rồi nói kinh Bát-nhã, giải thâm mật, Pháp Hoa, Niết-bàn v.v.., tùy cơ trùm

khắp, theo vật mà vuông tròn. Tợ như một luồng gió thoảng mà muôn lỗ đều kêu, một bóng trăng lẻ loi mà ngàn sông đều hiện. Suốt bốn mươi chín năm cứu giúp chúng sanh. Đó là chỗ mà Liệt tử gọi là:"Ở Tây Phương có bậc Đại Thánh" vậy. Bấy giờ Văn-thù; và Mục-liên là hóa nhân cũng noi theo đến Chấn Đán. Năm bảy mươi chín tuổi, Đức Phật nhập Niết-bàn tại Quỳnh Lâm vào ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Thân ( )- thời vua Mục Vương. Hôm đó mười hai lần cầu vồng suốt đêm không tan. Mục Vương hỏi Thái Sư Hỗ-đa, Hỗ-đa đáp:" Ở phương tây có Bậc Đại Thánh mới diệt độ!"

Từ đó, Tôn giả A-nan v.v... kết tập lời vàng, ghi trên đá bối Diệp. Kinh luật luận, giới định tuệ, bắt đầu lưu hành, nhưng thuyết hoa tạp thường hằng, ẩn vào cung rồng, tà tông thịnh hành, dị Bộ phát triển. Đã vậy nên, Mã Minh dựng cao sanh trội, cho đến Trần Na, Hộ Pháp người xướng kẻ hòa. Dẹp tà hiển chánh, diễn nghĩa bày tông, ban rải khắp vùng Tây Vực, sẽ có đợi chờ mà truyền sang Đông độ vậy. Sau Phật diệt độ một trăm mười sáu năm, tại Đông Ấn-độ, có vua A-dục, thâu nhặt xá-lợi Phật. Sai sứ quỷ binh xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp báu khắp cõi Diêm-phù-đề. Bấy giờ là năm Đinh Mùi thời vua Chu Kính Vương, năm thứ hai mươi sáu. Tháp báu được xây khắp cùng mọi nơi, trải qua hai mươi hai đời vua, đến thời Tần Thuỷ Hoàng năm thứ ba mươi bốn (212 TCN) thiêu đốt sách vở, các tháp báu của vua A-dục do vậy mà ẩn mất.

Bấy giờ, có Sa-môn Lợi Phương cùng mười tám vị hiền giả mang kinh Phật đến hoằng hóa ở Hàm Dương, Tần thỉ Hoàng chẳng những không theo mà còn bắt giam họ. Đến tối có người bằng Kim Cương phá ngục, dẫn các vị ấy đi, vì có duyên chưa chín muồi. Đến thời Hậu Hán, năm Vĩnh Bình thứ mười hai (70), hai Tôn-giả Ma-đằng và Trúc Pháp Lan đến đất Hán. Mây lành rãi khắp chín châu, mưa rưới khắp cùng bốn biển. Nhưng theo truyện"Hoắc Khử Bệnh" nói rằng:"Được nghỉ Đồ Vương cúng tế người vàng thì tượng thiết bày tợ như trước vào nơi sa mạc vậy. Lại nữa, vào thời vua Ai Đế đời Tiền Hán (06-01 TCN), Tần cảnh đi sứ nước Nguyệt-chi lại truyền kinh giáo Phật-đà. Vậy mới biết rằng trong thời Tiền Hán đã có lưu hành. Đến đời vua Minh Đế thứ sáu mươi ba (58-76 SCN) thời Hậu Hán mới cảm mộng người vàng.

Còn như ở Hải Đông ta đây, thì trong thời Giải Vị Lưu Vương ở Cao-cú-ly, Thích Thuận Đạo đến thành Bình Nhưỡng, kế đến, có Ma-la-nan-đà từ Đất Tần đến nước Bách Tế, thì vào đời vua Chẩm Lưu. Về sau, ở Tân-la, đời vua Pháp Hưng thứ hai mươi ba, tương đương với niên

hiệu Đại Thông thứ nhất (527) ngày mười một tháng ba năm Đinh Mùi, A Đạo đến dừng chân ở huyện Nhất Thiện, nhân đó ẩn cư tại nhà tín sĩ Mao Lễ, gặp sứ giả Đất Ngô, A Đạo chỉ bày cho cách châm đốt hương, nhân đô mời đến vương cung, nhưgn giáo điển Phật-đà chưa mở mang. Xá nhân Yếm Độc một lòng trong mặt nhất định xua tan mối nghi của người trong nước. “Ôi Vi Diệu theo phu tử, ta phải theo giáo điển nào!”. Từ đó các lớp người như Viên Quang, Từ Tạng đến phương Tây truyền pháp. Trên dưới kính tin, trong ngoài vâng làm, trước hô sau ứng, ngày tháng càng tăng, nên làm cho Tam Hàn cùng với Thánh Tổ Vi Cựu Đảnh ta rất tôn kính Phật Giáo.

Phàm, chế sử dụng nhiều về Phật Giáo, Quân Vương giữ văn nối thể, truyền bá nên chẳng mất, chỉ có bốn đời Thái Tổ, Quốc Sư Đại Giác, vào tháng tư năm Ất Sửu thời Tuyên Vương năm thứ ba, nương thuyền biển đi cầu Pháp, ở phương Đông đến Vu Dương, dẫn trăm dòng từ năm Phái Đại Tiểu Thỉ chung Đốn Viên. Mỗi đạt được nơi chốn. Như vậy cội nguồn phát xuất từ thời nhà Chu, dòng phái phát ra từ thời nhà Hán, lớn mạnh ở thời nhà Tấn, nhà Ngụy, lan tràn vào thời nhà Tùy, nhà Đường, sóng gió ở thời nhà Tống. Mà sâu động là ở tại Hải Đông.

Tóm lại, từ khi Phật nhập Niết-bàn cho đến năm Ất Hợi này (1215) đã là hai ngàn một trăm sáu mươi bốn năm, sau Phật Niết-bàn một ngàn không trăm mười bốn năm, truyền vào Trung Hoa, từ thời Hậu Hán đến nay là một ngàn một trăm năm mươi mốt năm. Từ Ngài Thuận Đạo đến xứ Cao-ly đến nay là tám trăm bốn mươi bốn năm. Vả lại, Đạo chẳng thể tự mở rộng mà được mở rộng là do con người, nên viết thiên lời tựa này (= lưu thông) để chỉ bày cho người học đời sau. Xét theo truyện các bậc Cao Tăng ở ba đời Lương, Đường, Tống đều có phiên dịch kinh điển. Bởi vì bổn triều ta (= ở Hải Đông) không có việc phiên dịch nên không có khoa ấy vậy ./.

* Hải Đông: theo một vài bộ tự điển thì Hải Đông chỉ cho Triều-tiên, nhưng xem toàn bộ truyện thì không thể liên quan đến Triều-tiên, nên ở đây để nguyên chữ Hải Đông theo bản gốc.

** Trong đây có một số niên hiệu không chú thích được bởi tính đi tính lại không phù hợp thời gian với lịch sử phổ thông, nên đành để trống.

*** Trong lúc chuyển ngữ có đảo ngược Tiêu Đề và sự sắp xếp so với bản gốc. Điển hình như hai chữ “Lưu thông” sẽ viết là “Mục lục” và thay vào đó bằng từ “Lời tựa”. Và rất sai sót ở bộ truyện này là tôi không chú thích được năm tháng bởi niên biểu lịch sử ở tôi có phần bị hạn hẹp.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG

QUYỂN 1

MỤC LỤC

****

1-Thích Thuận Đạo.

Thích Thuận Đạo, không biết là người xứ nào. Đức cao hơn người, từ nhẫn cứu giúp chúng sanh, chí nguyện hoằng tuyên, đi khắp Trung Hoa, bỏ nhà theo đạo, dạy người không mệt mỏi.

Cú-cao-ly đời thứ mười bảy vào tháng sáu mùa Hạ; Giải Vị Lưu Vương (hoặc gọi là Tiểu Thú Lâm Vương), năm thứ hai; vua Phù Kiên nhà Tần phái sư cùng Phù Đồ Thuận Đạo đưa tặng tượng Phật, kinh văn. Bấy giờ, vua quan dùng lễ hội ngộ, đón rước đến Tỉnh môn. Đầu thành kính tin, cảm mừng lưu hành. Tìm sai sứ trở lại cảm tạ dâng cống vật mới.

Có thuyết nói:“Thuận Đạo từ nhà Đông Tấn đến”. Bắt đầu truyền bá Phật Pháp thì đời Tần hay đời Tấn chẳng được rõ ràng đâu là đúng, đâu là sai.

Thích Thuận Đạo đã đến nước khác, truyền Đèn từ của tây Vức, treo mặt trời trí tuệ ở Đông Di, chỉ bày Nhân quả, lấy họa phước dẫn dụ, Hương thơm đượm móc, dần thấm thành khí. Nhưng thế chất Dân

thuần chẳng biết vì sao xét Đó. Thích Thuận Đạo tuy chứa sâu hiểu rộng, chưa nhiều tuyên sướng. Từ Tôn giả Ma-đằng vào thời Hậu Hán đến nay hơn hai trăm năm. Sau đó bốn năm, Thần tăng A Đạo lại đến từ đất Ngụy (còn văn cổ), mới xây dựng chùa Tỉnh Môn để an trí Thích Thuận Đạo ở đó. Lời ghi rằng:"Lấy Tỉnh Môn làm chùa", nay là chùa Hưng Quốc. Về sau viết lầm là "Tiếu Môn". Lại sáng lập chùa Y-phất-lan để an trí Thích A Đạo. Xưa kia ghi là chùa Hưng Phước. Đó là khởi đầu của Phật Giáo Hải Đông.

Tiếc thay! Người như thế! Đức như thế! Nên viết trên trúc, lụa để tuyên dương thành tích tốt đẹp. Văn từ ấy chẳng ít thấy đón sơ. Vì sao? Vì người sứ ở thế gian tại phương tây, chẳng nhục Quân mạng, hẳn hầu bậc hiền mà có khả năng như thế, thì riêng đến nước khác mới thực hành những việc lớn chưa từng có. Nếu như Thích Thuận Đạo chẳng có trí tuệ lớn có mưu lược lớn, có năng lực thần thông, không thể suy nghĩ bàn luận thì Thích Thuận Đạo làm sao có thể thực hành được ư? Do đó mà biết rằng Thuận Đạo là người khác thường. Đó cũng là thuộc dòng Trúc Pháp Lan, Khương Tăng Hội vậy! .

2-Thích Vong Danh

Thích Vong Danh người ở xứ Cú-cao-ly, Chí Đạo Nương nhân, giữ chân, ý cứ Đức. Người không biết mình mà mình không buồn giận. Khảo chung tại Nội, ở tại nước chắc chắn nghe, mưa móc rải ban có dư, Quyết vang bên xa. Từ thời nhà Tấn, Pháp sư Chi-độn, để lại thư viết rằng:"Thượng Tọa Trúc-pháp thâm là đệ tử của Lưu Công ở Trung Châu, thể tánh trong trắng cao vời, đời đạo kết thắc, thường ở tại Kinh ấp, giữ gìn giềng mối giáo Pháp, trong ngoài đều giúp đủ. Đó là bậc thầy mở mang Đạo vậy". Pháp sư Chi-độn ở trong triều rất được trọng vọng, vậy mà cùng gởi lời giao hảo, hẳn là bậc hoằng tài rộng lớn, huống gì kẻ sĩ nước ngoài. Nếu kẻ ấy không hơn người thì sao có thể báo như thế ư? Vả lại, Phật giáo đã từ thời nhà Tấn lưu truyền đến Hải Đôn thì khoảng thời gian nhà Tống, nhà Tề nên có những người tài giỏi cùng thời phấn phát, mà không sách vở ghi chép lại. Đáng buồn thay! Nhưng sau này, Chu Linh Kỳ là người đời Tống đi sứ từ Cao-ly, trở về Thất Tế ở Châu Thượng, được Bình bát của Bôi Độ. Lại nữa, thời nhà Tề, tại Cao-ly chưa hiểu thấu đạt đạt được việc Đức Phật đản sanh, nên đem hỏi Cao tăng Pháp Thượng, Pháp Thượng lấy Điềm lành của Chu Chiêu Vương để đáp, thì bậc cao nhân liệt sĩ tây cười ở Trung Quốc, người hỏi lấy cương yếu hẳn không ít vậy. Đương thời không có quan

tốt bèn giăng tơ và quyết bắt đầu là hận vậy.

Khen ngợi rằng:

Người xưa Tam Hàn đảnh cao, mở nước xưng vương, âm thanh ánh sáng Đức Phật không có điềm lành ấy. Đến lúc cảm ứng Đạo giao thì các bậc Hiền Đức bèn lại, để đến cơ khấu, trong sách Dịch nói rằng:"Có cảm chắc chắn có thông, Thiên hạ hẳn thế". Thích Thuận Đạo có như thế ấy. Ban đầu tôi mới đến chỗ gọi là Hưng Quốc Hưng Phước, nhân chỉ có nói văn ghi sự, song không có duyên để phát đó. Nay sai lầm vâng thừa cảnh mạng, mới đem Thích Thuận Đạo làm truyện đầu tiên v.v... vậy (Bài ca ngợi này phải để sau truyện Thích Thuận Đạo-truyện thứ nhất ở trên) ./..

3-Thích Nghĩa Uyên.

Thích Nghĩa Uyên người xứ Cú-cao-ly, thế hệ nhân duyên đều không nghe. Từ lệ cắt tóc nhuộm áo, khéo giữ luật Nghi, tuệ giải sâu xa, thấy nghe rộng rãi, đạt được huyền chỉ Nho gia. Là một thời mà Đạo tục đều quy hướng, tánh ưa thích truyền pháp, ý ham muốn tuyên giảng rộng. Đem Pháp Bảo vô thượng làm cho sáng ngời thật khó, chưa rõ được nguyên nhân. Nghe ở thời tiền Tề, Sa-môn Pháp Thượng ở chùa Định Quốc là bậc Núi Giới biển tuệ, vật trang nghiêm, người là khuôn phép, trải suốt thời nhà Tề giữ chức Đô Thống, Tăng Ni hiện có trên dưới hai trăm muôn người, mà Pháp Thượng làm giềng mối gần bốn mươi năm. Đương thời Văn Tuyên Đế rất thạnh hành để mở mang kinh điển Phật Giáo, trong ngoài đều mở rộng, kẻ tăng người tục đều vâng theo. Cảnh hạnh đã ngời sáng, âm hưởng cũng vang xa.

Bấy giờ, Đại thừa tướng Vương Cao Đức ở Cú-cao-ly có tâm chánh tín sâu xa, sùng trọng Đại thừa, muốn đem luồng gió Phật Giáo thổi trùm khắp Hải Khúc, mà chẳng lường được duyên do đầu cuối. Phật Giáo từ phương Tây truyền đến phương Đông vào khoảng năm nào, thời nào, thời vua nào v.v... Nên phân biệt ghi rõ từng sự, từng điều. Bên bảo Thích Nghĩa Uyên nương thuyền đi đến đất Nghiệp hỏi điều chưa nghe biết. Đại khái là:"Đức Phật Thích-ca từ khi nhập Niết-bàn đến nay đã bao nhiêu năm?, Lại, từ Thiên Trúc trải bao nhiêu năm mới truyền đến đất Hán? Đầu tiên truyền đến vào đời vua nào? Niên hiệu là gì? Trong thời nhà Tề, nhà Trần, ai là người đứng đầu trong Phật Pháp? Đến nay đã trải qua bao nhiêu năm tháng; đời Vua? Cúi xin giải thích rõ ràng cho! Lại nữa, các bản luận như Thập Địa, Trí Độ, Địa Trì, Kim Cương bát-nhã v.v... do ai trước tác soạn thuật. Duyên khởi các Điềm lành linh

ứng nguyên do có truyện ký chăng? Xin kính cẩn ghi chép thưa hỏi, xin rũ lòng xé tan lưới nghi cho!".

Pháp Thượng đáp rằng: Đức Phật Đản sanh năm Giáp Dần, thời cơ Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn ( ). Năm mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Bấy giờ, là năm Quý Mùi, thời vua Chu Mục Vương năm thứ hai mươi bốn ( ), Vua nghe ở phương Tây có Hóa Nhân xuất hiện bèn tìm đến phương Tây, đến rồi không trở lại. Lấy đó làm nghiệm chứng. Đức Phật trụ thế bốn mươi chín năm, từ khi nhập Niế-bàn đến nay là năm Bính Thân niên hiệu Vũ Bình thứ bảy đời Tề (576), là đã một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm năm. Vào niên hiệu Vũ Bình (58-76) đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, kinh pháp Phật Giáo mới bắt đầu truyền đến Trung Hoa, trải qua các triều Đại Ngụy, Tấn cùng nhau truyền trì, đến thời Ngô Tôn Quyền, khoảng niên hiệu Xích Ô (238-251), Khương Tăng Hội đi đến đất Ngô mới mở rộng giáo pháp. Luận Địa trì, do Tỳ-kheo A-tăng-già học được bản nầy với Bồ-tát Di-lặc, khoảng niên hiệu Long An (397-402) thời Vua An Đế đời Tấn, pháp sư Đàm-ma-sấm ở tại Cô Tang vì Hà Tây Vương là Thơ cừ mông Tốn mà phiên dịch. Các luận Đại thừa là do Bồ-tát Long Thọ soạn, cũng khoảng niên hiệu Long An, đời Tấn, Pháp Sư Cưu-ma-la-thập đến Trường an, vì Diêu Hưng mà phiên dịch. Các Luận Thập Địa, Luận Kim Cương bát-nhã là do Thế Thân (=bà tẩu bàn đậu = Varubandhu) em ruột Ngài Vô-trước (A-tăng-gGià = Tăng-khư = Asănga) soạn. Đến thời Đông Ngụy, thời Vua Tuyên Vũ Đế (500-516), Pháp sư Bồ-đề Lưu-chi mới phiên dịch. Pháp Thượng trả lời chứng minh chỉ rõ, nhân duyên rất rộng lớn, nay chỉ nêu cốt yếu, Nghĩa Uyên Khâm phục ứng khéo khuyến dụ, thấu suốt chỗ sâu xa, biện luận cao siêu không cùng, nghiên cứu liên tục, những nghi ngờ nhiều ngày bỗng nhiên tan biến như băng tiêu. Nay đây diệu Nghĩa sáng như ráng chiều, Tây nương mặt trời trí tuệ, đông rót nguồn pháp. Hy vọng treo vàng không khắc, truyền các thứ Ngọc không cũ mục. Đó, chỗ gọi là bờ bến của bể khổ, rường cột của Pháp môn, ấy chỉ có thầy ta thôi.

Thích Nghĩa Uyên bèn trở về nước, khen ngợi bậc có trí tuệ rộng lớn, dẫn dắt các chúng sanh mê muội, nghĩa suốt xưa nay, tiếng tài giỏi nương nhờ rất lắm, tự chẳng phải thiên chất hỏa phát, thế đạo giúp nhau, sao có thể đến cùng cực thế ư? Sử không ghi lại sự việc về sau của Nghĩa Uyên nên không viết được!

Khen rằng:

Ngày tháng năm Phật xuất thế, Truyền ký đều nêu bày, Lý Khó

nhất định. Nhưng Nghĩa Uyên gần gũi lãnh thọ từ Pháp Thượng khẩu truyền mà được, mới cùng với Luận Biện Chánh của Pháp Lâm đời Đường chỗ căn cứ như hợp phù tiết. Nên lấy đó làm Kim Chỉ Nam. Nhưng các bậc Cự Nho như Ngô Thế Văn trích dẫn văn xưa riêng mở Dị Luận, còn như hỏi đáp, tuy từ chỉ phiền lệ cũng chẳng đáng nương tựa vậy!

4-Thích Đàm Thỉ.

Thích Đàm Thỉ người xứ Quan Trung, Từ lúc xuất gia có nhiều sự tích lạ, chân trắng ở mặt, tuy bước đi trong bùn nhưng không hề thấm ướt, nên thiên hạ đều gọi là Hòa-thượng Bạch Túc. Khoảng cuối niên hiệu Thái Nguyên (376-397)-thời Đông Tấn, Đàm Thỉ mang kinh luật mấy mươi bộ đến mở mang ở xứ Liêu Đông, thừa cơ tuyên hóa, bày trao ba thừa, để lập ra Quy giới. Trong Lương Cao Tăng Truyện cho rằng Đàm Thỉ là người đầu tiên khai pháp tại Cao-cú-ly.

Bấy giờ là thời Khai Độ Vương năm thứ năm, vua Nại Vật năm thứ bốn mươi mốt, nước Tân-la, vua A-tân năm thứ năm người Bách Tế, mà Tần Phù Kiên đưa tặng kinh tượng sau hai mươi lăm năm. Bốn năm sau, Pháp Hiển đi về phía Tây đến Thiên-trúc. Hai năm sau, La-thập đến Trường An, Pháp Sư Huyền Cao lại đến. Khoảng đầu niên hiệu Nghĩa Hy (405)-đời Đông Tấn, Đàm Thỉ trở lại Quan Trung, xướng đạo Tam Phụ. Chú ruột của Vương Hồ-người xứ Trường An, chết đã mấy năm, một ngày nọ, Vương Hồ mộng thấy hiện hình về dẫn Vương Hồ đi xem khắp các Địa Ngục, chỉ bày các thứ quả báo. Vương Hồ từ biệt rồi trở về kể lại. Người chú bảo Vương Hồ rằng:“ Đã biết nhân quả như thế, thì cần phải phụng thờ Bạch Túc A luyện để tu nghiệp lành! Vương Hồ kính vâng, tỉnh rồi hỏi khắp chúng Tăng, chỉ thấy Đàm Thỉ là chân trắng ở mặt, do đó nên kính thờ Đàm Thỉ.

Đến cuối thời Đông Tấn (420), Hung nô nổi dậy đùng đùng đánh lấy Quan Trung, chém giết vô số, Đàm Thỉ cũng bị hại, Dao chẳng thể làm thương tổn, Sa-môn Phổ Xá thảy đều chẳng giết mà lẩn trốn trong núi, tu mật hạnh đầu-đà. Sau đó không lâu, Thác-Bạt-Đào (=thái Vũ Đế-424-452 thời Bắc Ngụy) đánh lấy lại Trường An, bành trướng uy quyền cả Quan Trung, lạc Dương. Bấy giờ, Truyền Lăng Thôi Hạo, lúc còn trẻ có tu theo Tả Đạo, ganh ghét Phật Giáo. Ở địa vị Ngụy Phụ, là chỗ thâm tín của Thác Bạt Đào, Thôi Hạo mới cùng với Thiên Sư khấu khiêm chi nói cùng với Thác-Bạt-Đào là Phật Giáo không ích lợi gì cho đời, người vật đều bị tổn hại, khuyên nên dẹp bỏ đi. Thách Bạt Đào lầm

mê lời ấy, đến niên hiệu Thái Bình Chân Quân thứ bảy (447)-thời Bắc Ngụy, bèn dẹp bỏ Phật Pháp, phân sai quân lính đốt cướp chùa xã, bắt buộc tăng Ni trong nước buộc phải bỏ đạo. Trong đó, những người nào chạy chốn thì bị đuổi bắt chém bêu đầu. Khắp trong nước không còn vị Sa-môn nào. Bấy giờ, Pháp sư Huyền Cao v.v... đều bị hại, có nói ở bổn truyện.

Đàm Thỉ đóng cửa dứt chặt, ở chốn binh giặc không thể đến, nương ẩn nhìn đời, đến cuối niên hiệu Thái Bình Chân Quân (451), Đàm Thỉ tính biết Thác Bạt Đào sắp đến lúc tàn rụi, bèn ở ngày bắt đầu gặp gỡ, tay nắm gậy vàng đi đến cửa cung, có Quan tư tâu rằng:" có đạo nhân Bạch Túc từ cửa Quan đi vào, hình nghi rất quái lạ". Thác Bạt Đào nghe thế rồi bèn sai quân lính hùng mạnh đến đánh chém Đàm Thỉ, nhưng không thương tổn gì, Thác Bạt Đào rất tức giận, tự lấy kiếm bén nhọn bồi chém, chỉ ở chỗ lưỡi khiếm chạm vào có vết sẹo như bông đỏ, ngoài ra thân thể không có vết gì khác. Lúc ấy, tại khu vườn ở phía bắc có chuồng nuôi Hổ dữ, Thác Bạt Đào nghiệm thử bảo đem Đàm Thỉ ban tặng cho Hổ, Hổ đều nép phục, không hề dám lại gần. Thác Bạt Đào lại thử bảo Thiên sư Khấu Khiêm Chi đến gần chuồng Hổ, Hổ liền gầm rống như muốn chụp bắt ăn.

Từ đó, Thác-Bạt-Đào mới biết uy thần của Phật giáo, Hoàng Lão chẳng thể sánh bằng. Liền kính mời Đàm Thỉ lên điện, đảnh lễ dưới chân, hối trách lỗi lầm cũ, Đàm Thỉ nói cho nghe nhân quả báo ứng không sai, chỉ tay mở bày, lượt hiện thần dị, Thác-Bạt-Đào sanh tâm xấu hổ lo sợ, sửa đổi mọi hành động, nhưng mà họa ác đã chứa nhóm chín muồi nên chiêu cảm bệnh dịch. Và Thôi Hạo, Khấu Khiêm Chi cũng phát bệnh nguy hiểm, lúc sắp vào cửa chết, Thác Bạt Đào nói Họa do kia tạo tội nên không thể ân xá, nhân đó bảo giết gấp hai tên ấy (Khấu Nghiêm Chi và Thôi Hạo). Đồng thời ra lệnh trong nước khôi phục lại Trúc giáo (=Phật giáo). Tiếng chuông chùa lại vang xa. Đã vậy mà, cháu là bậc tuấn triết nối ngôi, răn dè tha thiết, đau đáu xét soi, mở rộng phong hóa chánh chân, chế độ Bảo diệp lớn mạnh. Về sau, không biết Đàm Thỉ đi về phương nào?

Khen rằng:

Lửa dữ nơi sườn núi, Đá ngọc đều cháy tiêu, sương lạnh đồng cỏ nội, Tiêu Lan đều úa tàn. Sự gian nan hiểm trở của Đàm Thỉ, thật đáng nguy thay! Tuy chặt cây bới vết, cũng chẳng đáng sánh, nhưng tùy thời ẩn hiện, như sự vén khai của non xanh mây trắng. Gặp hại thường đầy, tợ hơi khí thoảng của Đầm bích trăng soi. Quên thân cứu vớt kẻ đắm

chìm, Đạo nhờ đó mà hưng thạnh, Bồ-tát Hộ Pháp, chính đáng như thế. Đàm Thỉ vừa đến tang vực, vén màn người mù, cũng nương nguyện xưa mà đến ấy ư?

5. Thích Ma-la-nan-đà

Thích Ma-la-nan-đà là vị tăng người Hồ, thần dị cảm thông, chẳng lường được địa vị vị, ước chí du phương, không vướng mắc nơi nào. Xét theo bản ghi xưa thì Ma-la-nan-đà vốn từ trời Tây đến Trung quốc. Cậy tài truyền thân, chưng khói mời bạn, cỡi nguy nương hiểm, trải qua gian nan, có duyên thì theo, không nơi xa nào chẳng đến.

Bấy giờ là đời vua Bách-tế đời thứ mười bốn, Chẩm Lưu Vương lên ngôi vào tháng chín năm thứ chín, từ đất Tấn mà đến, Chẩm Lưu Vương ra ngoại ô đón rước mời vào cung, kính thờ cúng dường, bẩm thọ sự chỉ dạy của Ma-la-nan-đà. Trên ưa mến, dưới cảm hóa, mở mang Phật sự, cùng ca ngợi vâng làm, như đặt trạm mà truyền mạng. Đến mùa xuân năm thứ hai, xây dựng chùa tại Hán Sơn, độ mười vị tăng, và tôn xưng Ma-la-nan-đà là Pháp sư vậy. Do đó, Bách-tế kế đến Cao-ly, nhân đó mà hưng khởi Phật giáo. Ngược dòng lịch sử từ lúc tôn giả Ma-đằng đến Trung hoa vào thời Hậu hán, cách nay khoảng chừng hai trăm tám mươi năm, có bậc Kỳ lão ghi rằng: “Thỉ tổ của câu Cú-cao-ly là Chu Mông lấy vợ là con gái xứ Cao Ly, sanh được hai người con, gọi là lánh dòng ân tổ. Hai người cùng chí hướng, đi về hướng nam đến Hán sơn mở nước, nay là Quảng Châu. Vốn đem theo trăm nhà vượt sông nên gọi là Bách-tế. Sau đó ở quận Phù Dư thuộc Công Châu, trước sau lần lượt lập Đô thành. Tronh biển ở góc Đông Nam Tam Hàn có nước Uỷ, tức là nước Nhật Bổn. Phía Đông bắc nước Ủy có nước Mao Nhân, phía Đông bắc nước Ủy lại có nước Văn Thân, từ phía Đông nước đó cách hơn hai ngàn dặm có nước Đại Hán, từ nước đó trở về hướng Đông cách hai muôn dặm có nước Phù Tang. Ở thời nhà Tống có năm vị tăng từ Thiên Trúc du hành đến đó, đầu tiên hành hóa Phật pháp tại Hải trung, chỉ có chư tăng nước Nhật Bổn qua đêm vượt biển mà đến, ngoài ra đều không rõ. Phàm Tam Hàn tức là Mã Hàn, Biện Hàn và Thần Hàn. Trong kinh Bảo Tạng nói: “Ở phía Đông bắc có nước Chấn Đán, có chỗ gọi là Chi-na, Hán dịch là Đa Tư Duy (=suy nghĩ nhiều), có nghĩa là người ở nước ấy suy nghĩ đến trăm điều, tức là nước Đại Đường (=Trung Quốc) vậy”. Nhưng Tam Hàn lại là bờ ranh phía Đông bắc cõi Diêm-phù-đề ở phía Nam, chẳng phải là hải đảo. Sau Phật nhập Niết-bàn hơn sáu trăm năm mới bắt đầu xây dựng, ở giữa có núi Thánh

trụ, tên là Thất Lê Mẫu Đát Lê (Đời Đường dịch là núi Tam Ấn), ngọn cao chót vót, cung điện thờ Bồ-tát Quán Thế Âm tại trên đảnh núi ấy, tức là núi Nguyệt. Các Thánh ở xứ đó không dễ ghi cho hết vậy, nhưng Bách-tế chính là Mã Hàn vậy. Trong "Tống Cao tăng truyện" chép: "Nan-đà chứng đắc Tam-muội Như Huyễn, xuống nước không bị ướt, nhảy lửa không bị cháy, có khả năng biến đá thành vàng, hóa hiện vô cùng". Bấy giờ, đang là niên hiệu Kiến trung (?) niên đại trái nhau chứ không giống, sợ rằng chẳng phải dấu vết của một người vậy.

Khen rằng:

Lưu Dân ở đời, tánh nhiều trái ngược, lệnh vua có khi chẳng vâng, Quốc lệnh có chỗ chẳng thuận, một mai nghe điều chưa từng nghe, thấy điều việc được thấy, tức thay đổi sang điềm lành, thật tu mặt trong, để thuận cơ nghi nên vậy. Truyền chỗ gọi nói ra lời thánh thiện, thì ngoài ngàn dặm hẳn ứng đó, há chẳng vậy ư? Nhưng Đạo nhiếp cơ duyên thì phải nương thời, nên việc bằng một nửa người xưa, công chắc chắn là gấp bội.

6. Thích A Đạo

Thích A Đạo có chỗ cho rằng vốn là người Thiên Trúc, có chỗ cho rằng từ xứ Ngô đến, có thuyết lại cho rằng từ Cao-cú-ly đến đất Ngụy, mới trở về Tân-la, chưa biết ai đúng. A Đạo phong đặc biệt khác thường, thần biến lạ lùng, thường lấy việc hành hóa làm chính. Mỗi lúc khai giảng, trời mưa hoa báu.

Đầu tiên, tại Tân-la, vào thời Nột-kỳ Vương có Hắc Hồ Tử từ Cú-cao-ly đến quận Nhất Thiện, tuyên hóa có duyên, nên Mao Lễ người ở quận ấy làm hang thất trong nhà để Hắc Hồ Tử an nghỉ. Lúc đó, Lương (?) sai sứ ban tặng y phục cùng hương vật, Vua tôi không biết tên Hương và cách thức sử dụng, mới sai Trung sử mang hương hỏi khắp trong ngoài. Hắc Hồ Tử thấy thế, bèn nói tên Hương và bảo: "Đốt hương này thì hơi hương thơm phức, do đó thấu đạt tới thần linh. Gọi là Thần thánh, chẳng gì hơn Tam Bảo, tức là: Phật-đà, Đạt Ma và Tăng già. Nếu đốt hương ấy mà phát nguyện thì chắc chắn có linh ứng". Bấy giờ, con gái nhà Vua bị bệnh nặng, Vua bảo Hắc Hồ Tử đốt hương tỏ bày thệ nguyện, bệnh liền được lành. Nhà Vua rất vui mừng, ban tặng rất nồng hậu. Hắc Hồ Tử ra khỏi cung, thấy Mao Lễ, bèn tặng các vật có được cho Mao Lễ để báo đáp ân đức ấy. Nhân đó nói rằng: "Tôi có chỗ về, xin từ tạ". Bỗng chốc không biết Hắc Hồ Tử đi đâu!

Đến thời Tỳ Xử Vương, có Hòa-thượng A Đạo cùng với ba người

hầu cùng đến nghỉ tại nhà Mao Lễ, nghi biểu dường như Hắc Hồ Tử, ở đó vài năm không bệnh mà tự nhiên qua đời, còn ba người hầu ở lại đọc tụng kinh luật. Qua đêm có người tín nhận vâng làm vậy. Nhưng xét theo xưa ghi: "Vào ngày mười một tháng ba niên hiệu Đại Thông thứ nhất (527), A Đạo đến quận Nhất Thiện, trời đất rung chuyển, A Đạo tay trái nắm tích trượng có khoen vàng, tay phải ôm bát ứng khí bằng ngọc, thân mặc áo nạp, miệng tụng Hoa thuyên, đầu tiên đến nhà Tín sĩ Mao Lễ. Mao Lễ bước ra nhìn thấy, kinh ngạc nói rằng: "Ngày trước có vị tăng người xứ Cao-ly đến nước ta, Vua tôi lấy làm lạ, cho là điều không tốt lành, cùng bàn nhau để giết vị đó. Lại có Tỳ-kheo diệt Cấu Tỳ lại đến, cũng bị giết hại như trước. Ông muốn cầu gì mà đến đây? Nên mau vào cửa kẻo người chung quanh thấy được". Rồi dẫn đến an nghỉ nơi nhà kín, sửa soạn các vật cúng dường không nghỉ, ngay lúc ấy có sứ nhà Ngô đem ngũ hương dâng tặng vua Nguyên Tông, nhà Vua không biết cách dùng, hỏi khắp trong nước, sứ giả bèn đến hỏi Pháp sư, A Đạo bảo lấy lửa đốt xông cúng Phật. Về sau Nhà Vua vời Pháp sư đến kinh đô, Vua bảo Pháp sư (=A Đạo) ra mắt các sứ thần, các sứ lễ bái và thưa rằng: "Cao tăng ở biên giới nước này sao chẳng xa". Và nhân đó, nhà Vua biết được Phật và chư tăng là bậc đáng kính, bèn ban sắc cho phép lưu hành".

Lại theo "Cao đắc tương thi sử" ghi rằng: "Lương thị (?) sai sứ bảo rằng: Nguyên Biểu biếu tặng Trầm đàn và Kinh tượng, không biết để làm gì, bèn hỏi khắp bốn phương, đến lúc gặp A Đạo chỉ cho phương pháp sử dụng". Cùng chú thích rằng: "A Đạo lại gặp nạn bị giết hại, nhưng nhờ có thần thông nên không chết mà ẩn cư tại nhà Mao Lễ". Vậy thì sứ của nhà Lương hay nhà Ngô, chẳng biết ai đúng?

Lại nữa, vết tích của A Đạo phần nhiều giống như Hắc Hồ Tử, vì sao? Vì từ niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) đến năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Thông thứ nhất (527), có hơn bốn trăm mười năm, Cú-cao-ly Hưng Pháp đã hơn một trăm năm mươi năm và Bách-tế đã thực hành hơn một trăm bốn mươi năm. Nếu theo "Phát Dần Lượng thù dị truyện" ghi rằng: "Cha của Sư là Quật-ma người nước Ngụy, mẹ là Cao Đạo Ninh, người Cao-ly. Quật Ma vâng lệnh vua đi sứ Cao-ly, tư thông rồi trở về đất Ngụy, Đạo Ninh nhân đó mà có thai. Đến lúc A Đạo ra đời, đã dồn nén năm năm nên có dị tướng. Người mẹ bảo rằng: "Con riêng có Thần giúp, bằng như làm tăng". A Đạo vâng theo lời dạy, liền ngay ngày ấy cạo tóc, năm mười sáu tuổi vào đất Ngụy, ra mắt Tỉnh-Quật-Ma, bèn đưa đến Hòa thượng Huyền Chương. Năm mười chín tuổi xuất gia rồi

trở về ở với mẹ. Mẹ dạy rằng: "Nước này cơ duyên chưa thuần thục, khó hành Phật Pháp, chỉ có xứ Tân-la kia, nay tuy chưa có Thanh giáo, nhưng sau này hơn ba mươi tháng có Hộ Pháp Minh Vương ngự vũ sẽ làm phát triển Phật sự. Thêm nữa, ở kinh đô nước ấy có bảy nơi Pháp trú:

1/ Rừng Kim Kiều Thiên cảnh (nay là chùa Hưng Luân)
2/ Tam Xuyên Kỳ (nay là chùa Vĩnh Hưng)
3/ Long Cung Nam (nay là chùa Hoàng Long)
4/ Long Cung Bắc (nay là chùa Phân Hoàng)
5/ Rừng Thần Du (nay là chùa Thiên Vương)
6/ Sa-Xuyên-Vĩ (nay là chùa Linh Diệu)
7/ Tế Thỉnh Điền (nay là chùa Đàm Nghiêm).

Ở các chỗ ấy, Phật Pháp bất diệt, thời tiền kiếp là thành cũ của chùa Viện vậy. Ngươi nên trở về xứ ấy, đầu tiên trao truyền Huyền chỉ, làm thỉ tổ phù đồ hà chẳng tốt lắm ư?".

A Đạo vâng lời dạy con, đi ra biên cương đến cư ngụ tại làng quyết tây (nay là chùa Trang Nghiêm) của vua Tân-la. Bấy giờ, vua vị Trâu lên ngôi đã hai năm ( )- vào năm Quí Mùi. A Đạo cầu xin thực hành Trúc giáo (=Phật giáo). Vì từ trước đến nay chưa từng thấy nên lấy làm quái lạ. Đến lúc có kẻ sắp muốn giết hại nên lui về ở ẩn tại nhà Mao Lễ thuộc làng Trụ, nay là Thiện châu. Lánh hại ba năm, đến lúc Công chúa Thành Quốc mắc bệnh không lành, sai sứ đi khắp bốn phương, tìm cầu người có khả năng điều trị. A Đạo treo bảng để vào cung, để chữa bệnh cho Công chúa. Nhà Vua rất vui mừng hỏi A Đạo cầu mong điều gì? A Đạo thưa rằng: "Chỉ xin xây chùa ở núi Thiên Cảnh là thỏa nguyện của tôi vậy". Nhà Vua chấp thuận, nhưng vì tư chất người dân ở đời ngu dốt không thể quy hướng, nên bèn lấy nhà trắng làm chùa. Sau đó bảy năm mới có người muốn làm tăng đến nương thọ Pháp. Em gái của Mao Lễ tên là Lại thị cũng xuất gia làm ni, bèn ở Tam Xuyên Kỳ xây chùa đặt tên là Vĩnh Hưng, để nương ở tại đó.

Sau khi vị vua Trâu băng, vị vua nối ngôi cũng chẳng kính tin Phật giáo, muốn dẹp bỏ, A Đạo bèn trở về làng tục, tự xây mộ rồi vào trong đó, đóng cửa thị tịch, vì vậy mà Thánh giáo không được lưu hành tại xứ ấy. Sau đó hơn hai trăm năm, Nguyên Tông Quả làm hưng khởi tượng giáo, đều như lời Đạo Ninh nói. Từ Vị vua Trâu cho đến vua Pháp Hưng tất cả là mười một đời Vua. Niên đại của A Đạo xuất hiện trước sau có sự sai lầm như thế, đều là do cổ văn không thể lấy bỏ. Nhưng nếu ở thời Vị Trâu đã có lợi ích của sự mở mang thì rõ ràng cùng đồng thời với

Thuận Đạo. Bởi vì khoảng giữa thời gian ấy bị phế bỏ, đến niên hiệu Đại Thông thời Nam Lương mới hưng thịnh trở lại, nên đều xuất hiện Hắc Hồ Tử, Nguyên Biểu.v.v . . . Bắt đầu xem xét.

Khen rằng:

Từ tượng giáo dần truyền về phương Đông, kẻ tin người hủy xen nhau, xe Quyền mở sáng, đời có người ấy như A Đạo, Hắc Hồ Tử đều đem Pháp thân vô tướng mà ẩn hiện tự tại, hoặc trước hoặc sau, tợ như vừa đồng vừa dị, như bắt gió buộc ảnh, không thể nắm bắt dấu vết mà định. Chỉ có trước thử xem sau mới thực hành, ban đầu trốn hại mà cuối cùng thì thành công thì như Lợi Phương ở đời Tần, Ma Đằng ở thời Hán cũng không có thêm gì. Kinh Dịch nói: "Tàng khí chờ thời". Đó là nói A Đạo vậy.

7. Thích Pháp Không

Thích Pháp Không tức là vua Pháp Hưng đời thứ hai mươi ba ở Tân-la, tên là Nguyên Tông, vua Trí Chứng vốn là mẹ con với phu nhân Diên Đế. Vua thân cao bảy thước, khoan hậu thương người, là thần là thánh, tin rõ triệu dân, vừa mới ba năm mà rồng hiện dưới giếng Dương, bốn năm mới đặt binh bộ, bảy năm ban bố luật lệnh, bắt đầu chế ra phẩm trật của trăm quan chu tử. Từ ngày lên ngôi về sau, thường muốn làm cho Phật pháp hưng thạnh, bọn bầy tôi ồn ào miệng lưỡi. Vua thật khó thực hiện việc đó, nhưng nhớ nghĩ chí nguyện của A Đạo mới vời các quan đến bảo rằng: "Thánh tổ là Vị vua Trâu cùng với Hòa-thượng A Đạo đã mở cho việc mở mang Phật giáo, công lớn chưa thành tựu mà đã băng, Năng nhân diệu hóa, bị ngăn cấm không được thực hành, Trẫm rất đau xót!". Phải xây dựng chùa miếu thật lớn, trùng hưng tượng giáo, khôi phục theo nếp của Tiên Vương, ý các khanh nghĩ sao?".

Các Quan Đại Thần.v.v. . . cùng đến tham yết, cản ngăn rằng: "Những năm gần đây nước nhà không lên, dân chúng chẳng an, lại thêm quân giặc các nước bên cạnh đang xân lấn biên giới, binh lính chưa được nghỉ ngơi, dân chúng lao dịch đâu rảnh mà xây dựng nhà vô dụng ư?".

Nhà Vua rất buồn bực vì các quan chung quanh không ai tin, bèn than rằng: "Bởi do Quả nhân không có đức, đội chịu báu lớn, Âm dương không rõ, lê dân chẳng an, nên các quan chống nghịch chẳng vâng theo. Ai có khả năng đem thuật của Pháp mầu để dắt dẫn người mê ư?". Giây lâu không người trả lời. Đến năm thứ mười sáu, bèn có Nội sứ xá nhân là Phác Yêm Độc (Có chỗ gọi là Dị Thứ Đốn, hay là Cư Thứ Đốn) mới

hai mươi sáu tuổi, chẳng phải người ngay thẳng, người đem tâm lấp vực sâu, phấn chấn dõng khí khi thấy việc nghĩa, muốn giúp nguyện lớn, thầm tâu với Vua rằng: "Nếu Bệ hạ muốn làm cho Phật pháp hưng thạnh, thần xin giả vờ truyền lệnh vua đến quan Hữu Ty rằng "Nhà vua muốn tạo lập Phật sự" như vậy thì các bầy tôi chắc chắn can ngăn. Ngay khi ấy, Bệ hạ nên ban sắc rằng: "Trẫm không có ra lệnh ấy, kẻ nào kiêu mạn vậy ư?" và các vị quan ấy sẽ hạch tội thần. Nếu có thể làm được như thế thì những người kia chắc chắn sẽ phục vậy". Nhà Vua bảo: "Bọn ấy đã ngu dốt ngạo mạn, dẫu trẫm có giết khanh, họ cũng đâu có phục!". Xá nhân Yếm Độc thưa: "Giáo lý của bậc Đại Thánh, thiên thần đều kính vâng, nếu chém đầu tiểu thần thì sẽ có sự thay đổi của trời đất. Và nếu quả thật có sự biến đổi thì ai còn dám trái ngạo ư?". Nhà Vua bảo: "Vốn muốn muốn làm lợi lớn, trừ dứt các hại, phản giặc trung thần có thể không thương tổn ư?". Xá nhân Yếm Độc thưa: "Giết thân để thành nghĩa nhân, ấy là tiết tháo lớn của bề tôi, huống gì mặt trời thường soi sáng, vận mệnh Hoàng thượng càng vững bền, một ngày nhắm mắt qua đời giống như sống một năm!". Nhà Vua khen thưởng rằng: "Khanh là người mặc áo mà tâm nghĩ đến gấm thêu!". Bèn cùng với Xá nhân Yếm Độc kết thệ nguyện lớn.

Yếm Độc bèn tuyên truyền rằng: "Sáng lập chùa ở núi Thiên cảnh, những người điều hành công việc hãy kính vâng sắc lệnh hưng công". Các quan từ xa liền nhóm mặt, vội cản ngăn. Nhà Vua bảo: "Trẫm không ban ra lệnh ấy". Yếm Độc tâu rằng: "Thần cố làm như thế, nếu thực hành Pháp ấy thì cả nước được an vui thái bình?". Khi đó các quan đều hỏi, và nói thêm rằng: "Ngày nay thấy tăng đồ là những trẻ con hủy phục, bàn luận khác lạ, quỷ quyệt, chẳng phải Thường đạo. Nếu bỗng dưng theo nó, sợ rằng sau này sẽ có ăn năn hối tiếc, chúng thần tôi thà chấp nhận tội chết chứ không dám kính vâng chiếu lệnh". Yếm Độc phấn chấn bảo rằng: "Lời nói của các quan ngày nay là không đúng, hễ có người phi thường, thì sau này sẽ có việc phi thường. Tôi nghe Phật giáo sâu xa, nên không thể không thực hành. Vả lại loài chim yến, chim sẻ làm sao biết được chí khí của chim Hồng chim Hộc ư?". Nhà Vua bảo: "Lời của các khanh vững chắc không thể phá, còn Yếm Độc thì nói khác, không thể theo hai đường". Bèn sai sứ đem ra giết.

Yếm Độc khấn cáo giữa trời thề rằng: "Con vì Chánh pháp mà phải chịu tội hình, ngõ hầu làm cho việc nghĩa lợi được hưng thịnh. Nếu Phật có linh thiêng thì khi con chết sẽ xảy ra việc khác lạ". Đến lúc chém, đầu của Yếm Độc bay đến rơi ở đảnh núi Kim Cương, sữa trắng

ở chỗ chém tuôn vọt lên cao mấy mươi trượng, mặt trời bỗng nhiên tối tăm, trời mưa hoa báu, mặt đất rung chuyển. Vua tôi thứ dân thảy đều trên thì sợ lo trời biến đổi, dưới thì động lòng xót thương. Xá Nhân Yếm Độc vì quý trọng Pháp mà bỏ thân mạng, bèn cùng nhau cất tiếng khóc, sau đó phụng nghinh Di thể về an táng tại đảnh núi Kim Cương và kính lễ vậy.

Khi ấy, các quan cùng lập lời thề rằng: "Từ nay về sau, xin kính thờ Phật, quy y Tăng, có ai thay đổi lời thề này thì minh thần xử chết kẻ đó". Quân tử bảo: "Đại thánh ứng vận đã một ngàn một trăm năm năm, Đức Nhơn phát khởi ở tốt đẹp, Đức Nghĩa sanh ra nơi điềm lành. Không ai chẳng ứng nơi trời đất, thường hằng như mặt trời mặt trăng, chuyển động cả quỷ thần, huống gì ở con người ư?. Phàm người có lòng tự tin đối với Đạo thì trời đất không thể không ứng vậy. Công quý ở thành thì nghiệp quý ở rộng lớn vậy. Nên nếu có nương nhờ thì chuyển núi Thái đặt để trên đầu lông chim Hồng. Hùng tráng thay! Được cái chết như thế! Năm đó nhà Vua hạ lệnh cấm sát sanh (đây là căn cứ theo quốc sử và các truyện xưa, thương lượng mà thuật vậy)

Đến năm thứ hai mươi mốt, chặt cây trong rừng Thiên cảnh, muốn xây dựng Tịnh xá, quét đất thấy được trụ nền khám đá và tầng cấp. Quả là nền cũ của Chiêu Đề ngày trước. Các cây dùng làn rường cột đều lấy tại rừng ấy. Đến ngày thợ bảo đã hoàn tất, nhà Vua bèn nhường ngôi vị, xuất gia làm tăng, đổi tên là Pháp Không. Chỉ nhớ nghĩ ba y bình bát, chí hành cao xa, Trí bi đối với tất cả. Nhân đó, đặt tên chùa là "Chùa Đại Vương Hưng Luân". Vì là chỗ ở của Đại Vương. Đây là ngôi chùa được xây dựng đầu tiên ở Tân-la. Vương phi cũng kính thờ Phật làm Tỳ-kheo-ni, trụ chùa Vĩnh Hưng. Từ đó mở lớn Đại sự. Thụy hiệu của Vua là Pháp Hưng, chẳng phải luống đặt tên đẹp. Về sau mỗi năm đến ngày húy kỵ của Yếm Độc đều lập hội ở chùa Hưng Luân để tưởng nhớ sự việc xa xưa ấy.

Đến thời Đại Vương Tông, Quan tể phụ Kim Lương mưu tin hướng cho phương Tây, cho hai người con gái tên Hoa Bảo và Liên Bảo làm người giúp việc ở chùa ấy, lại bị nghịch thần Mao Xích đồng loại sung tiện, nên hai thứ đồng thiếc đến nay vẫn làm việc nặng nhọc.

Tôi đến đông đô, lên đỉnh núi Kim Cương, thấy trên một ngôi mộ có một tấm Bia ngắn, bùi ngùi không thể tự kiềm chế được. Ngày ấy mọi người ở miền núi rừng tụ hội lại mà ăn, hỏi về nguyên cớ, mới biết là ngày giỗ của Xá Nhân Yếm Độc. Có thể nói là ra đi đến nay đã lâu, nhớ nghĩ như vậy thật sâu xa. Lại xét xem văn bia của Hòa-thượng A

Đạo thì vua Pháp Hưng có pháp danh là Pháp Vân và tự là Pháp Không. Nhưng nay căn cứ theo Quốc sử và những truyện khác thì chia làm hai truyện, những ai ưa thích tìm hiểu về xưa, xin xét rõ ràng vậy.

Khen rằng:

Đại khái Vua tôi cả nước cùng nêu việc, có thể cùng giữ thành, chưa thể cùng lo trước. Thêm nữa có lúc lợi và bất lợi, tin và không tin buộc ràng vậy. Cho nên vua Nguyên Tông tuy muốn làm cho Phật Pháp hưng thạnh, cũng khó sáng sớm ban lệnh mà chiều tối thi hành, nhưng nhờ năng lực Bổn nguyện, ngôi vì sùng cao, lại giúp hiền thần mở lệ, có năng lực đem lợi ích tốt lành cho dân chúng. Cuối cùng cũng đồng với bậc Hảo hán thông minh ngồi chung xe cùng chạy. Kỳ vĩ thế ư! Lấy ở thời gian nào mà nói? Đem Lương Võ Đế mà sánh đó thì chẳng phải. Kia vì nhân chủ là người giúp việc ở chùa Đại Đồng, Đế nghiệp sụp đổ, còn Pháp Không đã cố nhường lại vì hẳn đã có người nối tiếp, tự dẫn làm Sa-môn. Sao có ở ta ư! Còn Yếm Độc thì trong kinh gọi là khác thân mà đồng thể với Vua Tỳ-kheo vậy. Nếu tay quét sạch mây mê, phát sáng mặt trời tuệ vào tánh không, kẹp đó mà bay đi thì chỉ do năng lực của Yếm Độc vậy.

8. Thích Pháp Vân

Thích Pháp Vân tên là Công Lăng Tông, thụy là Chân Hưng, là em của vua Pháp Hưng, là con của vua Cát Văn. Mẹ họ Kim, sanh ra được bảy tuổi liền lên ngôi, tánh khoan dung nhân từ, kính thờ sùng tín, nghe việc lành như kinh sợ, dứt bỏ việc ác là gốc. Năm Sư lên bảy thì chùa Hưng Luân hoàn thành, cho phép mọi người xuất gia làm tăng ni. Đến năm thứ tám, vua bảo Đại A Xan thất phu.v.v. . . rộng nhóm họp văn sĩ tu soạn Quốc sử, đến năm thứ mười, Lương sai sứ cùng học tăng Giác Đức đưa tặng xá-lợi Phật. Vua sai các quan đón rước đường chùa Hưng Luân. Đến năm thứ mười bốn, vua ban lệnh cho quan Hữu ti xây dựng cung mới ở phía đông thành Nguyệt Hoàng Long được đất đó, Vua nghi ngờ nên đổi thành chùa Phật, đặt tên là “chùa Hoàng Long”. Đến năm thứ hai mươi sáu, Trần sai sứ là Lưu Tư và vị tăng tên Minh Quán đem tặng kinh luận hơn bảy trăm quyển. Qua năm thứ hai mươi bảy hai ngôi chùa Kỳ Viên và Thật Tế xây dựng hoàn thành và chùa Hoàng Long cũng hoàn thành. Đến tháng mười năm thứ ba mươi hai, vì các binh lính đánh trận mà chết nên thiết hội bát quan trai ở ngoài chùa suốt bảy ngày mới chấm dứt. Năm thứ ba mươi lăm đúc pho tượng cao một trượng sáu ở chùa Hoàng Long, có chỗ cho rằng thuyền của Vua A-dục

chở vàng ròng đến Ty Phổ, chuyển vào mà đúc thành, nói trong truyện Từ Tạng. Đến năm thứ ba mươi sáu, tôn tượng cao trượng sáu rơi lệ chảy đến gót chân. Năm thứ ba mươi bảy mới thờ Nguyên Hoa làm Tiên lang. Ban đầu Vua tôi đều bệnh, không cho người biết, muốn nhóm họp các quan để đi xem hành nghi của Họ, nêu mà không dùng đó, bèn chọn hai người con gái đẹp tên là Nam Mô và Tuấn Trinh, nhóm tụ hơn ba trăm người, hai người nữ cùng nhau tranh gian, Tuấn Trinh dẫn Nam Mô bắt ép uống rượu say rồi xô xuống sông giết chết, mọi người mất hòa khí bèn tan bãi. Sau đó chọn một người nam dáng mạo khôi ngô, tô điểm trang sức cho đó, phụng làm Hoa Lang, đồ chúng cùng nhóm họp, hoặc cùng mài soi Đạo nghĩa, hoặc lấy ca nhạc để chung vui, hoặc dạo chơi sơn thủy, không nơi xa nào chẳng đến. Nhân đó rõ được sự tà chánh của con người, bèn chọn người hiền lành mà tiến vào triều. Nên trong "Kim đại vấn thế ký" ghi rằng: "Hiền tá trung thần từ đó mà kết đơm bông trái, tướng tốt mạnh sắp chết nhờ đó được sống". Trong lời tựa văn bia của Loan Lang, Thôi Trí Viễn ghi rằng: "Nước nhà có Đạo huyền diệu, gọi là "Phong lưu", thật bao gồm cả Tam giáo, hóa độ chúng sanh. Vả lại, như vào thì hiếu ở nhà, ra thì trung với nước. Đó là yếu chỉ của Lỗ Tư Khấu. Sống với việc vô vi, thực hành Đạo giáo bất ngôn, đó là Tông chỉ của Chu Trụ Sử. Không làm các việc ác, siêng tu mọi điều lành. Đó là sự chỉ dạy của Thái tử ở Tây trúc". Thêm nữa, "Đường lệnh cô trừng, Tân La quốc ký" chép: "Chọn người đẹp con em quý nhân để tô điểm trang sức, cung phụng họ, đặt tên là Hoa Lang. Mọi người trong nước đều tôn thờ, đó là phương tiện giáo hóa của nhà Vua. Từ Nguyên Lang đến cuối thời La-mạt, gồm hơn hai trăm người, trong đó có bốn vị Tiên rất hiền. Vả lại như Thế ký chép: "Nhà Vua tuổi còn bé đã lên ngôi, nhất tâm thờ Phật, đến năm cuối, xuống tóc làm phù-đồ, đắp mặc Pháp phục, tự lấy hiệu là Pháp Vân, thọ trì giới cấm, ba nghiệp thanh tịnh, cho đến lúc qua đời. Đến lúc an táng, người trong nước giữ lễ cung phụng, đến an táng ở bắc phong của chùa Ai Công".

Năm đó, Pháp sư An Hàm đến từ xứ Tùy, đến truyện ngài An Hàm sẽ nói rõ.

Khen rằng:

Phong tục đối với người thật lớn thay! Vua chúa muốn dời đổi ở ngay đương thời như nước đổ xuống, nhào lộn như vậy, ai có thể ngăn cản ư. Đầu tiên Chân Hưng đã tôn thờ Tượng giáo, bày Hoa Lang để ngoạn du, người trong nước vui mừng bắt chước theo, như rão bước trong kho báu, như bước lên Xuân Đài. Cốt yếu quay về ở chỗ đổi thiện theo

nghĩa, dần dần đến với Đại Đạo mà thôi. Kia! Thời nhà Hán, Vua Ai Đế nhọc về sắc mà yêu, nên ban cố nói rằng: “Mềm mỏng nhẹ nhàng làm nghiêng đổ ý người, chẳng riêng gì bọn nữ nhân, bởi cũng có Nam sắc vậy. Bình luận việc đó không thể cùng một ngày mà nói hết được.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG
(QUYỂN 1 HẾT)

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG

QUYỂN 2

MỤC LỤC

****

1. Thích Giác Đức:

Thích Giác Đức người Tân-la, thông minh hiểu rộng, phàm thánh chẳng thể lường được. Ở Tân-la đã phụng hành Phật giáo, người người tranh nhau quy y tăng. Giác Đức dùng đạt trí biết đời đã đến lúc có thể giáo hóa, nên bảo rằng: "Đổi Kiều cải trang thì ra khỏi hang, học đạo cốt là tìm thầy, nếu yên đêm mà ở, đợi đến đêm mà đi, chẳng phải bổn ý bỏ Ân của Thích tử". Bèn nương thuyền vào đất Lương, là người đầu tiên cầu pháp, chỉ tiếc không rõ là đời thứ mấy và năm nào! Đó là người đầu tiên ở Tân-la đi cầu học.

Giác Đức trải qua một thời gian phụng thờ Minh sư, lãnh nhận mọi điều giảng dạy, như trừ được bệnh màng mắt, tợ dứt được khăng khăng, có thỉ có chung, không buông lung, không biếng nhác, đức hạnh cao xa, trông đạo càng lớn. Đem của báu lượm nhặt được, chẳng chỉ tự mình dùng, khi trở về nước xưa đem cứu giúp những người nghèo khó,đến năm thứ mười, đời vua Chân Hưng, Giác Đức cùng với sứ Lương mang

xá-lợi Phật về đến đô thành cũ, nhà Vua vội bảo quan Hữu ti liền sai trăm quan đầy đủ lễ nghi ra đón rước ở trước đường chùa Hưng Luân. Đó cũng là lần đầu tiên đón rước xá-lợi. Xưa kia, Khương Tăng Hội đến đất Ngô, bày cầu bảy ngày mới có được Thần nghiệm. Nay đây, Giác Đức ngay lúc nhân Chúa đã tin, tùy theo nước lớn quí trọng sứ thần nên đến bổn quốc, thật là không khó nhọc gì cả! Lại đem nước Pháp rưới khắp bể trong, khiến cho những kẻ biếng lười lập chí đều ôm hoài chí nguyện muốn qua. Công đức lợi ích ấy còn có gì hơn Đạo ư?

Về sau, đến năm thứ hai mươi sáu, nhà Trần sai sứ Lưu Ân cùng du học tăng Minh Quán mang tặng kinh luận Phật giáo, hơn hai ngàn bảy trăm quyển. Đầu tiên tại Tân-la, Pháp hóa mới bày, kinh tượng phần nhiều bị thiếu thốn. Sau nầy mới đầy đủ khắp cùng. Hai vị Giác Đức và Minh Quán mất ở đâu đều không rõ.

2. Thích Trí Minh

Thích Trí Minh người Tân-la, thần giải siêu ngộ, đi đứng hợp độ, trong chứa mật hạnh, khen ngợi đức hạnh người khác, kéo hướng về mình, buông xả với người, nghiêm khắc lại chính mình, mọi cử chỉ hành động đáng chiêm ngưỡng, từ khi Phật giáo lưu truyền, ở Hải Đông, trong giai đoạn Quyền dư, chưa từng có đại tập, chỉ do các vị tài giỏi hăng hái bắt tay vào làm, hoặc tự ngộ vì thích hay, hoặc xa cầu mà ban giá. Thầy thuốc cũ hợp với thầy thuốc cũ, Tà chánh mới phân chia, quan cũ bảo cùng quan mới, thầy trò truyền trao nhau. Bấy giờ từ phương tây đến Trung quốc, tham cầu đầy đủ rồi trở lại, nối gót mà khởi dậy. Trí Minh đem tài năng giúp đời.

Đến tháng bảy mùa Thu năm thứ bảy- thời vua Chân Bình, Trí Minh hỏi Tân Lợi để đến nhà Tần cầu Pháp, vân du khắp biển cả và đất liền, trôi dạt khắp đông tây, nếu nơi nào có Đạo có tiếng tăm, đều bèn dò hỏi mà tìm đến, như gỗ theo giây mực, như vàng thành vật dụng, tự nhiên thẳng một đường mà đi. Bổng vậy mà đã mười năm, học đã nắm bắt được cốt tủy, trong lòng tha thiết muốn truyền đăng. Đến tháng chín năm thứ hai mươi bốn-thời vua Chân Bình, Sư theo sứ triều đình trở về nước. Nhà Vua rất khâm phục ngưỡng mộ, suy trọng giới luật, khen là Đại đức để khuyên những ai mới lại. Sư nhạc đứng cao, . . . lượng bao hàm bể khơi, dùng tăng tuệ chiếu soi, dùng gió Đức để lay động, kẻ tăng người tục là răn là dạy, sau thêm đức lớn, tươi tốt nơi Lăng trật, không biết cuối cùng như thế nào.

Đầu tiên, Sư đến nhà Trần năm năm, Pháp sư Viên Quang đến

nhà Trần tám năm, Đàm Dục đến nhà Trần bảy năm, theo vào chầu sứ Tuệ văn đều trở về. Sư cùng với Trí Minh đều là những bậc cao đức nổi tiếng, là những người tài giỏi tốt đẹp ở đương thời. Cố nhiên chẳng cùng những người trên kẻ dưới vậy.

Khen rằng:

Quý Trác xem nhạc ở nhà Chu, Trọng Ni hỏi Lễ với Lão Đam, chẳng phải mới học, cũng có chủ ý vậy, Giác Đức, Trí Minh.v.v... qua lại nước lớn học hỏi Đạo lý mà trở về, đó cũng là khác loại mà đồng về vậy ư?

3. Thích Viên Quang

Thích Viên Quang họ Bệ, có chỗ nói họ Phúc, người xứ Tân-la vương kinh. Năm mười ba tuổi xuống tóc làm tăng, thần khí khôi ngô, trí tuệ hiểu biết hơn mọi người. Năm ba mươi tuổi về ẩn cư tại núi Tam Kỳ, chẳng ra khỏi động. Có một vị Tỳ-kheo lại gần chỗ đó cất A-lan Nhã (=am thất) tu đạo. Đêm đến, Viên Quang ngồi tụng niệm, có vị Thần gọi bảo: "Người tu hành tuy nhiều nhưng không ai hơn Pháp sư cả. Ngày nay, vị Tỳ-kheo kia tu về chú thuật, chỉ gây phiền nhiễu tịnh niệm của ngươi và chướng ngãi đường tôi đi vậy, không được gì cả. Mỗi lúc đi ngang qua là bấy nhiêu lần sanh khởi tâm ác, xin Pháp sư khuyên nhủ cho dời đi nơi khác, nếu không cứ ở mãi, sẽ có hoạn nạn vậy". Sáng hôm sau, Viên Quang qua mách bảo vị tăng ấy rằng: "Nên dời chỗ ở để lánh nạn, bằng không sẽ có điều bất lợi". Vị tăng ấy đáp: "Chí hạnh thì ma chướng ngại, cớ sao lo sợ yêu quỷ mà nói vậy". Đêm ấy vị thần ấy đến hỏi, vị tăng ấy đáp: "Viên Quang sợ ông ta tức giận". Và nói dối là "Chưa nói tới tai chứ đâu dám không nghe theo!". Vị thần bảo: "Tôi đều đã rõ tình thế đó, vả lại có thể điềm nhiên để ở mà nhìn đó!". Đến nửa đêm, có tiếng động như sấm nổ, Lê Minh liền đếm xem, có núi đổ đè lấp am thất. Vị thần ấy đến làm chứng bảo: "Tôi sống ở đây mấy ngàn năm, oai biến rất mạnh, như thế đâu đáng quái lạ". Nhân đó Thần khuyên dụ rằng: "Nay sư (ViênQuang) tuy có tự lợi, mà thiếu lợi tha, sao chẳng vào triều để sóng Pháp phủ cùng lớp hậu học?". Viên Quang bảo: "Học Đạo ở Trung Hoa, để làm vững chắc sở nguyện, còn tại chốn đất biển xa xôi cách trở, chẳng thể tự thấu đạt!". Khi đó, thần dụ dỗ việc Tây du, Viên Quang bèn đến đất nhà Trần, đi khắp các trường giảng, lãnh thọ lời hay, truyền bẩm các bộ Thành thật, Niết bàn, Tam tạng số luận, bèn đến Hổ khâu của đất Ngô, nhiếp tưởng trời xanh. Nhân tiện có tín sĩ mời, bèn giảng Luận Thành Thật, mong

được lợi ích, tiếp nhau như Lân, gặp lính nhà Tùy đến Dương Đô, chủ tướng trông thấy tháp bị lửa bốc cháy, cùng nhau đến cứu, chỉ thấyViên Quang bị trói ở trước tháp, nếu không có cáo trạng thì mở trói cho. Khai Hoàng nghe nhiếp luận, bắt đầu hưng phát, kính mang văn ngôn, đến tuyên dự ở Kinh cao, chứa nghiệp đã tinh, nói ở đông hải phải tiếp nối, Bổn triều tấu lên, có sắc lệnh thả cho trở về. Đến năm Canh Thân, đời vua Chân Bình thứ hai mươi hai, nhà Tùy hỏi sứ Nại-ma các phụ đại xá Hoành xuyên trở về nước. Bổng chốc thấy trong biển có Dị nhân xuất hiện lễ bái cầu xin rằng: "Nguyện xin Sư (Viên Quang) vì tôi mà sáng lập chùa, thường giảng kinh Pháp, khiến đệ tử được quả báo tốt đẹp". Viên Quang gật đầu chấp thuận, Viên Quang qua lại nhiều lần, già trẻ đều mừng vui, nhà Vua cũng đích thân cung kính như đối với Phật. Viên Quang bèn đến núi Tam Kỳ-chỗ ở xưa.

Nửa đêm, vị Thần ấy lại thăm hỏi việc qua lại thế nào. Viên Quang cảm tạ rằng: "Nhờ ân Ngươi giúp hộ trăm việc đều hài lòng mãn nguyện". Thần bảo: "Tôi cố nhiên là chẳng lìa nâng đỡ, vả lại sư cùng Hải Long kết ước nguyện xây chùa, Hải Long ấy nay cũng đều đến". Viên Quang hỏi Hải Long rằng: "Nơi nào có thể làm được?". Thần bảo: "Đến phía bắc núi Vân Môn, chỗ có bầy chim Thước mổ đất, chính là chỗ ấy vậy". Sáng sớm, Viên Quang cùng Thần Long đều trở về, quả thật thấy đất ấy, liền đào lên thấy có ngôi tháp đá hiện còn, bèn sáng lập ngôi chùa đặt biển hiệu là "Vân Môn" và trú tại đó. Thần lại chẳng bỏ mà âm thầm hộ vệ. Một ngày nọ, Thần báo rằng: "Kỳ hạn của tôi không lâu nữa, xin được thọ giới Bồ-tát để làm vốn liếng qua lại lâu dài". Viên Quang bèn trao cho giới bồ-tát, nhân đó kết thề đời đời độ nhau. Viên Quang lại hỏi: "Thân tướng của Thần có thể thấy được chăng?". Thần đáp: "Sư hãy đợi đến sáng nhìn về phương Đông có cánh tay lớn xuyên qua mây tiếp giáp với trời". Thần hỏi: "Sư thấy tay tôi chăng? Tuy có sức thần như thế, nhưng không khỏi bị vô thường chi phối, sẽ vào ngày ấy tôi sẽ chết tại chỗ ấy, xin đến từ biệt". Viên Quang nhân tiện hẹn đến xem, thấy một con chồn đen hơi thất thểu tiếng kêu rồi chết, tức vị thần ấy.

Có con rồng cái ở phía Tây biển thường theo nghe giảng, gặp năm đại hạn, Viên Quang hỏi: "Ngươi có mong mưa trong phạm vi cảnh giới của mình chăng?". Long nữ đáp: "Thượng đế không cho phép, nếu tôi làm mưa đại thì sẽ mắc tội với trời và không nơi để cầu cứu". Viên Quang bảo: "Với khả năng của ta chắc chắn có thể khỏi!". Bổng chốc khắp cả Nam sơn triều tề, sùng triều đều mưa, bấy giờ sấm trời nổ vang,

liền định trách phạt. Long nữ bảogấp, Viên Quang giấu Long nữ dưới tòa giảng Kinh, sứ trời đến bảo rằng: "Tôi vâng lệnh Thượng đế, sư làm cho kẻ chạy trốn, chủ bắt không được, thành mạng làm sao?". Viên Quang chỉ cây lê ngoài sân, bảo: "Kẻ ấy biến thành cây kia, ngươi nên đánh nó đi". Sứ trời bèn đánh cây lê rồi bỏ đi, Long nữ mới ra tạ lễ, lấy cây gỗ chặt đã chịu phạt, đưa tay vỗ xoa nó, cây bèn sống lại.

Đời vua Chân Bình thứ ba mươi, vua sợ Cú Cao-ly thường xâm lấn biên cương, muốn xin binh lính nhà Tùy để đánh dẹp nước địch, bảo sư viên Quang sửa biểu xin binh. Viên Quang bảo: "Cầu tự mình còn mà giết hại kẻ khác, đó chẳng phải hạnh của Sa-môn. Nhưng Bần đạo sống trên đất của Đại Vương, tổn phí cơm áo của Đại Vương, chẳng dám không vâng theo!". Bèn thuật biểu để tấu trình. Viên Quang tánh luôn hư nhàn, tình lắm trầm ái, nói thường mỉm cười, không dáng vẻ giận, làm then chốt viết biểu khải, đều xuất phát từ đáy lòng, cả nước đều kính vâng, giao phó dùng cách sửa trị, nương cơ giáo hóa, để lại khuôn phép cho đời sau.

Đến năm thứ ba mươi lăm, chùa Hoàng Long lập Pháp hội trăm tòa, thỉnh mời chư tăng giảng kinh, Viên Quang làm bậc thượng thủ, thường ở nhờ tại chùa Gia tất, giảng nói kinh pháp tại Sa Lương Bộ, có Quý Sơn, Đới Đảnh, đến cửa vén áo, thưa rằng: "Kẻ phàm tục chúng tôi ngu muội, không có sự hiểu biết, xin sư ban cho một lời để làm điều răn trọn đời". Viên Quang bảo: "Có giới Bồ-tát, trong đó riêng có mười điều, nhưng sợ các vị không thể thực hành. Nay có năm giới của thế tục:-01/ là lấy lòng trung để thờ Vua-02/ là lấy tâm hiếu để thờ cha mẹ-03/ là lấy đức tín để kết giao với bạn bè-04/ là lấy chí khí không thối lui mà vào trận chiến và 05/ làsát sanh phải có sự lựa chọn. Từng ấy điều thực hành không sai sót". Quý Sơn thưa: "Các điều ấy thì đã vâng mạng, chỉ không hiểu điều sát sanh phải có sự lựa chọn là thế nào". Viên Quang bảo: "Các tháng mùa xuân, mùa hạ và sáu ngày trai không được giết hại, đó là lựa chọn về thời gian, không giết các loài vật được nuôi như bò ngựa gà chó, không giết những con vật nhỏ, tức loài mà thịt nó không đủ một bữa ăn, đó là lựa chọn về vật. Hơn thế nữa, tuy có chỗ dùng nhưng không cầu giết hại nhiều. Trên đây có thể gọi là thiện giới của thế tục". Quý Sơn.v.v. . . giữ gìn mà chẳng sa đọa. Về sau, Quốc Vương bị bịnh, thầy thuốc chữa trị không dứt, thỉnh Viên Quang nói Pháp, vào cung an trí, hoặc giảng hoặc nói, nhà Vua thành tâm kính tin, đầu hôm thấy Viên Quang làm thủ lãnh, sắc vàng như vầng mặt trời, mọi người trong cung đều thấy, Vua vội đứng dậy bắt chước, Viên

Quang Pháp lạp đã cao, ngồi xe vào cung, y phục thuốc thang đều là do Vua tự tay làm, hy vọng chuyên cầu phước. Mọi vật người cúng thí, Viên Quang đều sung vào việc làm chùa. Ngoài ra chỉ còn lại y bát, lấy đó mà mở mang chánh pháp, dẫn dụ kẻ tăng người tục.

Khi sắp lâm chung, Vua gần gũi an ủi, Viên Quang để lại Di pháp, cứu giúp dân chúng vì nói các điềm lành. Đến niên hiệu Kiến Phước thứ năm mươi tám, chẳng quá dự đoán bảy ngày, dặn dò tha thiết, ngồi ngay thẳng thị tịch tại chỗ ở. Lúc ấy, ở phía Đông bắc chùa Hoàng Long, giữa không trung âm nhạc rền vang, mùi hương lạ xông đầy viện, cả nước vui buồn chan hòa, tang lễ đầy đủ, đồng như lễ an táng vua. Viên Quang thọ chín mươi chín tuổi, năm đó nhằm niên hiệu Trinh quán thứ tư (631).

Sau đó có một thai nhi bị chết, nghe truyền rằng đem chôn người bên cạnh mộ người có đức thì con cháu không tuyệt tự, bèn lén giấu chôn. Ngày đó, sét đánh thai nhi văng ra khỏi mộ, ngày nay tháp báu thờ Viên Quang vẫn còn tại núi Tam kỳ.

Viên Quang có người đệ tử Viên An cũng người Tân-la, có cơ phong bén nhạy duệ, tánh ít thích lịch lãm, thích chốn vắng lặng, bèn đi đến phương bắc, rảo khắp chín châu, đông quán chẳng nại, lại đến tây Yên bắc Ngụy, sau đó lần lượt đến đế kinh, thông hiểu phong tục các nơi, tìm các kinh luận, nắm lấy đại cương, suốt thông ý chỉ nhỏ nhiệm, vết cao rõ trần, vì Đạo vốn có nghe, đắc tiến túc vũ, mời trụ chùa Thanh lương ở Lam điền, cúng dường tứ sự. Không biết Sư tịch ở đâu.

Khen rằng:

Xưa kia, Tuệ Viễn chẳng bỏ sách thế tục, những lúc giảng dụ, thường dẫn Lão Trang liên loại, có khả năng giúp người tỏ ngộ huyền chỉ. Như Tiên sư Viên Quang bàn luận giới của thế tục, bởi học thông trong ngoài, bắt chước tùy cơ nói Pháp. Nhưng sát sanh có sự lựa chọn là phàm lìa bỏ ba mặt nước nóng, lưới võng, nghĩa là Trọng Ni bắn mà chẳng bắn lúc ban đêm. Lại nữa,Viên Quang động đến Thiên Thần, lại Thiên sứ thì đạo lực cố nhiên có thể biết.

4. Thích An Hàm

Thích An Hàm họ Kim, cháu của Thi phú Y San. Vừa mới sanh đã giác ngộ, tánh lượng xung hư, cương quuyết sâu sắc, chẳng cùng ngằn mé, thường lãng chí đi các nơi, xem xét phong tục, tập quán riêng tư. Niên hiệu Chân Bình thứ hai mươi hai, ước hẹn kết bạn cùng Cao tăng Tuệ Tú, định nương cây xà nổi bơi qua bến phổ, vượt qua dưới đảo, bổng gặp sóng gió, trôi dạt về bờ này. Năm sau, có chiếu chỉ chọn người

có khả năng trở thành Pháp khí, bèn vào triều học hỏi, nên bảo Pháp sư nên thực hành đầy đủ. Mới cùng dò hỏi Quốc sứ cùng thuyền vượt biển, xa đến Thiên đình. Thiên Vương dẫn thấy, ý vua rất vui, ban sắc đến ở tại chùa Đại Hưng Thánh. Khoảng chừng một tháng, hiểu rõ huyền chỉ, từ đó Hiệp sơn tiên chưởng đường dài mười trạm, ngay trưa hôm ấy trở về, ai nghe tiếng trống tối, cung Tần lãnh đế đất xa xôi ngàn dặm, tức sao sáng vội lên xuống, đâu đợi chuông sớm. Bí pháp mười thừa, chân văn huyền nghĩa, chỉ trong năm năm, đều xem cùng hết. Đến năm thứ hai mươi bảy, An Hàm bèn cùng Sa-môn Tỳ-ma-chân-đế, sa-môn Nông Gia Đà.v.v. . . người nước Vu-điền đều đến nơi đây, Hồ Tăng Tây vức thẳng đến Kê Lâm, bởi tự đó vậy.

Trong truyện "Nghĩa Tương" do Thôi Trí Viễn soạn có chép: "Năm ấy Pháp sư An Hoằng là bậc Thánh ở phương đông cùng với hai vị Tam tạng pháp sư ở Tây vức, hai vị người Hán đến từ nhà Đường". Lại chú thích rằng: "Pháp sư Tỳ-ma-la-chân-đế bốn mươi bốn tuổi và Pháp sư Nông-già-đà bốn mươi sáu tuổi là hai vị ở nước Ô-trành thuộc bắc Thiên Trúc. Pháp sư Phật-đà-tăng-già bốn mươi sáu tuổi người nước Ma-đậu-la, đi qua năm mươi hai nước mới đến đất Hán bèn tìm đến phương Đông, trú tại chùa Hoàng Long, dịch Kinh"Chiên Đàn Hương Hỏa Tinh Quang Diệu Nữ", vị tăng trong làng là Đàm Hòa ghi chép. Sau đó không lâu vị tăng người Hán dâng biểu xin trở về Trung Quốc, nhà Vua chấp thuận và đưa tiễn", cho nên hình như An Hoằng là Hòa-thượng vậy. Lại xét theo "Tân la bổn ký" thì đời vua Chân Hưng Vương thứ hai mươi bảy, An Hoằng đến đất Trần cầu Pháp, cùng với vị tăng Ấn-độ là Tỳ-ma-la.v.v. . . hai vị trở về, dâng lên các Kinh Lăng-già, Thắng-man và xá lợi Phật. Từ cuối niên hiệu Chân Hưng đến năm Chân Bình Kiến Phước cách nhau khoảng năm mươi năm, trước khi ba tạng đến lại như vậy. Hoặc sợ rằng An Hàm, An Hoằng thật là hai người? Nhưng chỗ ấy cùng với Tam Tạng chẳng khác, mà khuyết danh chẳng khác. Nay hiệp lại mà lập truyện. Lại chưa rõ vị Tam Tạng Pháp sư ở Tây vực ra đi hay ở lại, cuối cùng như thế nào? Hòa-thượng trở về nước, về sau soạn sấm thư một quyển, chữ in ly hợp, vì đó nên ít lường xét, tông mê u ẩn, người tìm cầu lý giải khó nghiên cứu. Như nói: "Chim cú tai mèo (văn bia mà mờ không rõ) tan". Lại nói rằng: "Nữ chúa thứ nhất an táng trên tầng trời Đao-lợi, cho đến ngàn dặm chiến quân bị thất bại, thành của chùa Tứ Thiên Vương. Năm vua tử trở về quê cũ là năm Đại quân Thạnh Minh". Đều là lời huyền dự ký dường như mắt thấy, rõ ràng không sai sót. Đến ngày hai mươi ba tháng chín đời vua Thiện Đức

Vương năm thứ mười, An Hàm thị tịch ở đạo tràng vạn Thiện, thọ sáu mươi hai tuổi, cũng tháng đó hương sứ theo Hán mà gặp gỡ Pháp sư, trải tòa trên sóng biếc, an nhiên đi về phía Tây. Thật như cái gọi là nhảy vọt giữa không trung, rảo bước thềm bậc, ngồi trên nước, đi trên đất.

Hàn Lâm Tiết Mỗ vâng chiếu soạn văn bia, trong đó bài Minh viết rằng:

"Hậu táng Đao lợi
Dựng chùa Thiên Vương
Lạ chim kêu đêm
Bọn lính sớm chết
Vương tử qua ải vào triều
Thánh nhan năm năm,
Tuổi ngoài ba mươi mà trở lại.
Nổi trôi xoay lăn
Kia ta đâu khỏi?
Năm sáu hai tuổi
Tịch chùa Vạn Thiện
Sứ về đường biển
Sư cũng cùng gặp
Ngồi ngay trên nước
Thẳng hướng về Tây"

(Văn bia rêu phủ mất mười chữ, mất bốn-năm chữ, lượt lấy có thể xem phỏng lấy thành văn)

Bởi chẳng đợi kia

Cũng phảng phất dấu vết còn để lại vậy.

Khen rằng:

Sức thần thông giải thoát của sư (An Hàm) đi ở tự tại, là việc an nhàn của Đại Bồ-tát, đâu cho bút lưỡi xen vào? Nhưng vào triều mới cùng Tam Tạng pháp sư-người tây vực, tay phân phối nguồn chân, thổi loa pháp, mưa xuống mưa pháp, sông đượm góc biển, thật là chữ bậc Thánh mở mang Phật pháp. Chữ viết qua ba lần thì chữ ô viết thành chữ yêu, rồi viết thành chữ Mã. Tôi nghi ngờ hai chữ "Hàm, Hoằng "cũng có thể viết lầm như thế.

5. Thích A Ly Da Bạt Ma

Thích A Ly-Da-Bạt-Ma thần trí riêng ngộ, hình mạo khác thường, ban đầu từ Tân-la đến Trung quốc, tìm thầy tham học, không chỗ xa nào chẳng tìm đến, nhìn nghĩ hang hóc tối tăm, leo lên tận các tầng

trời, chẳng phải chỉ có khuôn phép của đương thời, mà cũng muốn đào luuyện bến bờ cho đời sau. Chí tha thiết dạo xem, chẳng sợ đi xa, bèn đến cầu pháp tận chốn Tây trúc, mới đến tận nơi xa xôi Thông lãnh, sưu tầm mọi thứ khác lạ ưu việt, trải qua chiêm ngưỡng các Thánh tích, nguyện xưa đã thỏa mãn, khi ấy lương thực cũng đã hết, mới dừng ở tại chùa Na-lan-đà, sau đó không lâu thì thị tịch.

Thời bấy giờ, có vị cao tăng Chuyên nghiệp trụ chùa Bồ-đề, các vị Huyền Khác, Huyền Chiếu đến chùa Đại Giác. Đó là bốn vị sống trong niên hiệu Trinh Quán (627-650), có công hạnh như thế. Cùng gieo trồng nhân tốt, bèn gặt hái dòng giống họ Thích, xa tạ nơi cũ, đến thấy phong tục Tây Trúc, tốt lành danh dự khắp cả đông tây, rõ vui lớn nơi võng cực, chẳng phải hạng thượng bối có đại tâm thì làm sao họ có thể tham dự được như thế ư? Nếu xét theo về niên phả thì dường như cùng với Tam Tạng pháp sư Huyền Trang đồng phát xuất từ Tây quốc, chỉ không biết vào đời thứ mấy và năm nào mà thôi.

6. Thích Tuệ Nghiệp

Thích Tuệ Nghiệp tài trí sâu xa, khí lượng bất đọng, dung nghi cao vời, phong cách ngay thẳng, thẳng lời riêng nhường, vừa mới đến Trung Hoa, khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) qua đến Tây vực. Vượt qua sa mạc rộng lớn, trèo lên hiểm nguy của núi Tuyết. Mỗi lúc mặt trời vừa tỏ dạng liền ẩn núp trong rừng thâm u, đợi đến lúc trăng soi nửa đêm mới ra ngoài, coi thường mạng sống, chết vì Phật pháp, chí nguyện tha thiết tuyên dương, bèn đến chùa Bồ-đề, chiêm ngưỡng đảnh lễ các Thánh tích, lại đến chùa Na-lan-đà, gởi vết dừng ở đó lâu, xin đọc Kinh Tịnh Danh, nhân đó kiểm nghiệm lại bản dịch đời Đường, thấu hiểu sâu sa xuyên suốt. Trong "Lương Luận hạ ký" chép: Dưới cội Phật xỉ, vị tăng người Tân-la là Tuệ Nghiệp có viết ký truyện rằng: "Tuệ Nghiệp thị tịch tại chùa ấy, bấy giờ hơn sáu mươi tuổi". Phàm các sách Tuệ Nghiệp chép bằng tiếng Phạn đều để tại chùa Na-lan-đà cả.

7. Thích Tuệ Luân

Thích Tuệ Luân người xứ Tân-la, tiếng Phạn là Bát-nhã-bạt-ma (đời Đường dịch là Tuệ Giáp), xuất gia tại quê nhà, tâm gá nơi cảnh Thánh, theo thuyền buôn đến đất Mân, Việt, lặn lội để tới Trường An, chịu đựng đủ mọi thứ nóng lạnh, mọi thứ gian nguy. Vâng sắc theo Pháp sư Huyền Chiếu làm người hầu đi Tây Trúc, bay qua thềm thang gác trên nguy hiểm, khi đã đến Tây Trúc, liền tham lễ khắp cùng các kỳ

tích, đến ngụ tại chùa Tín giả của nước Yêm-ma-la-ba, trụ đến mười năm, ở gần phía Đông là xứ Kiền-Đà-la có chùa Sơn Trà, sản phẩm hóa vật rất dồi dào, cúng dường các bữa ăn. Ngoài ra chẳng có thêm gì. Ở phương bắc các vị tăng Ấn-độ qua lại, đều trú tại chùa ấy, các vị tài giỏi nhóm họp, mỗi vị đều tu theo pháp môn, Tuệ Luân đã giỏi tiếng Phạn lại hiểu rộng Câu-xá, ngày đến vẫn còn, gần bốn mươi tuổi, đầy đủ như trong truyện cao tăng Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh cầu pháp.

8. Thích Huyền Khác

Thích Huyền Khác người Tân-la, tánh cao vời cứng cỏi, có tri kiến hoàn toàn, tánh vui thích giảng nói, phó cảm tùy cơ duyên. Người thời bấy giờ chỉ như phù dung trong lửa. Huyền Khác thường than là thọ sanh chốn biên địa, chưa thấy được Trung Hoa, nghe nếp sống mà mừng vui, Đạo chân chất mới tới, mắt quỳnh ở đông kỳ, bèn ngậm cười Tây, tâm hổ thẹn giữa ban ngày, chí muốn tham yết qua, sánh như trăng đi, nửa đêm nhận vận mà chuyển, hoặc tầng lớp chất chồng bốn hợp, đường chim bay ngang mây, hoặc liền băng ngàn dặm, gió thổi mây ngàn. Bèn cùng pháp sư Huyền Chiếu nương nhau tìm đến chùa Đại Giác ở trời Tây, đi khắp đường sáng rực, thường rảo xứ không ảnh. Vác hòm sách nghiên cứu tinh tường, giũa ngọc thành vật dụng, tuổi quá già mà không lẫn mê, bị bệnh nên thị tịch.

Huyền Chiếu cũng là bậc cao sĩ Tân-la cùng với Huyền Khác đồng liệu trước sau một Đạo, không rõ thị tịch ở đâu! Lại có hai vị tăng cũng người xứ Tân-la, không rõ tên gì, cũng phát xuất từ Trường An, nổi trôi trên thuyền, đến nước Thất-lợi-Phật-thệ, gặp phải bị bệnh mà thị tịch.

9. Thích Huyền Du

Thích Huyền Du người xứ Cú-Cao-ly, tánh tình hư dung, bẩm chất ôn nhã, ý muốn tự lợi lợi tha, chí quý trọng cầu học hỏi, nương chèn ngoi dòng, xét nhà tăm tối. Đến Trung Hoa vào đời Đường, kính lễ phụng thờ Thiền sư Tăng Triết, vén áo bẩm thọ huyền chỉ. Tăng Triết kính mến Thánh tích, nương thuyền đi đến Tây vức, hóa độ tùy duyên, đi đảnh lễ lược quanh, trở về đường Đông Ấn. Huyền Du thường theo phụ phượng, nhân ở lại đó, đuốc tuệ sớm tỏ, cây thiền mau tốt tươi, cùng bờ đầy lượng, lúc đi rỗng không, trở về đầy vật báu. Thật là rường cột của nhà Phật, lãnh tụ của tăng đồ, đã vậy mà thuyền bè ẩn dời, thương đổi chất của gò hang, ở nơi dễ thoát, bùi ngùi đời người khó thường còn,

củi hết lửa tắt, đâu tìm lại được! Pháp sư Tam Tạng Nghĩa Tịnh mừng Huyền Du tuổi nhỏ mà kính mến giáo pháp với tâm bền bỉ, đã Kiền thành ở Đông hạ, lại cầu học nơi trời Tây, chỉ lại thần châu làm vật ngâm giữ. Truyền mười pháp mà mở mang giáo pháp, rốt cùng ngàn năm mà chẳng là năm. Tuy bỏ thân ở xứ khác, chưa trở về nơi cũ, công của những người ấy lỗi lạc như vậy, sao chẳng nêu danh trên lụa trúc để chỉ bày cho tương lai! Bèn soạn bộ “Cầu pháp Cao Tăng truyện” Tôi tình cờ xem Đại Tạng đọc đến ở đây, chí rất kính mến, bèn lượm nhặt gom góp mà viết vậy.

10. Thích Huyền Đại Phạm

Thích Huyền Đại Phạm người xứ Tân-la pháp danh là Tát-bà-thận-thệ-đề-bà (đời Đường dịch là “Nhất thiết trí thiên”), tuổi nhỏ mà thâm trầm, có tướng Đại nhân, chẳng ăn các thứ cay nồng. Thường nương thuyền đến Trung Hoa vào đời Đường, học vấn chẳng phải thường. Khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Vua Cao Tông, bèn đến trung Ấn Độ, lễ cây Bồ-đề, như sư tử đi, chẳng có bạn, quất roi vàng ở năm tầng lầu, trông thềm báu của Tam giáo, Huyền Đại Phạm kính mến xa xăm trải qua nhiều thứ phong thổ gian nguy, cũng chưa thể dẫn hết, bèn đến chùa Đại Giác, treo tích trượng, nghiệm rõ kinh luận, biết các phong tục địa phương. Về sau trở lại Trung Hoa giảng nói, giáo hoá, sự u huyền rõ ràng, cao vợi thay thành công ấy!

Khen rằng:

Số người như trên xa rời thanh khiếu, đến xứ Trung Hoa, truy tìm dấu vết xa mờ của Pháp Hiển, Huyền Trang, qua lại tuyệt vực xem như trong hang cùng ngõ hẻm, so sánh vâng sứ đồng loại như Trương Khiên Tô Vũ.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG Ở HẢI ĐÔNG
(QUYỂN HAI HẾT)
(TRỌN BỘ)

■